MỤC LỤC
T047 NIẾT BÀN 1

SỐ 374 3

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN 3

QUYỂN I 3

PHẨM 1: THỌ MẠNG 1 3

QUYỂN II 38

PHẨM 1: THỌ MẠNG 2 38

QUYỂN III 83

PHẨM 1: THỌ MẠNG 3 83

PHẨM 2: KIM CANG THÂN 107

PHẨM 3: DANH TỰ CÔNG ĐỨC 119

QUYỂN IV 122

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 1 122

QUYỂN V 151

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 2 151

QUYỂN VI 187

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 3 187

QUYỂN VII 221

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 4 221

QUYỂN VIII 256

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 5 256

QUYỂN IX 296

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 6 296

QUYỂN X 222

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 7 222

PHẨM 5: NHỮNG ĐIỀU ĐẠI CHÚNG HỎI PHẬT 230

QUYỂN XI 260

PHẨM 6: HIỆN BỆNH 260

PHẨM 7: THÁNH HẠNH 1 281

QUYỂN XII 262

PHẨM 7: THÁNH HẠNH 2 262

QUYỂN XIII 298

PHẨM 7: THÁNH HẠNH 3 298

QUYỂN XIV 330

PHẨM 7: THÁNH HẠNH 4 330

QUYỂN XV 362

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 1 362

QUYỂN XVI 396

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 2 396

QUYỂN XVII 428

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 3 428

QUYỂN XVIII 459

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 4 459

QUYỂN XIX 494

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 5 494

QUYỂN XX 533

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 6 533

PHẨM 9: ANH NHI HẠNH 564

QUYỂN XXI 568

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C.Q. ĐỨC VƯƠNG 1 568

QUYỂN XXII 607

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 2 607

QUYỂN XXIII 636

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 3 636

QUYỂN XXIV 667

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 4 667

QUYỂN XXV 701

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 5 701

QUYỂN XXVI 741

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 6 741

QUYỂN XXVII 767

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 1 767

QUYỂN XXVIII 803

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 2 803

QUYỂN XXIX 843

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 3 843

QUYỂN XXX 878

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 4 878

QUYỂN XXXI 913

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 5 913

QUYỂN XXXII 951

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 6 951

QUYỂN XXXIII 989

PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 1 989
QUYỂN XXXIV 1016
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 2 1016
QUYỂN XXXV 1041
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 3 1041
QUYỂN XXXVI 1074
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 4 1074
QUYỂN XXXVII 1111
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 5 1111
QUYỂN XXXVIII 1143
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 6 1143
QUYỂN XXXIX 1169
PHẨM 13: KIỀU TRẦN NHƯ 1 1169
QUYỂN XXXX 1214
PHẨM 13: KIỀU TRẦN NHƯ 2 1214

❑

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 47

BỘ NIẾT BÀN
1
SỐ 374

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 374

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng
Pháp sư Đàm Vô Sấm.

QUYỂN I

PHẨM 1: THỌ MẠNG 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật cùng với tám mươi ức trăm ngàn Đại Tỳ-kheo ở rừng Ta-la song thọ bên sông A-lợi-la-bạt-đề, vùng đất của dòng Lực sĩ thuộc thành Câu-thi-na.

Hôm ấy nhằm ngày rằm tháng hai, lúc sắp nhập Niết-bàn, Đức Thế Tôn dùng thần lực phát ra âm thanh lớn, vang khắp các nơi, thấu đến trời Hữu đảnh, tùy theo ngôn ngữ của mỗi loài, bảo khắp chúng sinh: “Đức Phật Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri, thương yêu chúng sinh, che chở chúng sinh, bình đẳng xem các chúng sinh y như La-hầu-la, là nhà cửa, phòng ốc để chúng sinh về nương tựa. Hôm nay, Đại Giác Thế Tôn sắp vào Niết-bàn. Tất cả chúng sinh nếu ai còn có điều gì nghi ngờ thì nên thưa hỏi. Đây là lần thưa hỏi cuối cùng”.

Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, từ trên mặt của Như Lai phóng ra các thứ ánh sáng có đủ màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng và các ánh sáng như mã não, pha lê, chiếu sáng ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến chiếu sáng khắp mười phương. Chúng sinh ở trong sáu đường gặp được ánh sáng này thì phiền não tội cấu đều được dứt sạch.

Các chúng sinh ấy thấy nghe việc này vô cùng lo rầu, đồng thời cất tiếng kêu gào than khóc: “Than ôi! Còn đâu nữa Đấng từ phụ! Đau đớn lắm thay! Khổ não lắm thay!”.

Họ dùng tay vò đầu, đấm ngực, kêu gào. Có người thân thể run rẩy, nức nở nghẹn ngào. Bấy giờ, đại địa, núi non, biển cả thảy đều chấn động. Chúng sinh cùng bảo nhau: “Ta gắng dằn lòng, chớ quá đau buồn, phải mau đi đến vùng đất của dòng họ Lực sĩ ở thành Câu-thi-na, tới chỗ Đức Như Lai cung kính đảnh lễ thưa thỉnh Ngài chớ vào Niết-bàn mà trụ ở đời một kiếp hay non một kiếp nữa”.

Rồi họ nắm tay than thở: “Thế gian trống rỗng! Chúng sinh hết phước, cõi đời thêm nhiều nghiệp ác! Đức Phật Như Lai không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn. Các ông hãy đi nhanh lên, hãy đi nhanh lên!”. Lại nói: “Thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng! Từ nay chúng ta không ai cứu hộ, không chỗ tôn thờ, côi cút nghèo cùng. Một mai không còn Đấng Thế Tôn Vô Thượng, nếu có điều gì nghi ngờ thì biết hỏi ai đây?”.

Bấy giờ, có vô lượng đại đệ tử như là: Tôn giả Đại Ca-chiên- diên, Tôn giả Bạc-câu-la, Tôn giả Ưu-ba-nan-đà v.v… các vị Đại Tỳ- kheo đó gặp ánh sáng của Phật, thân thể run rẩy, rúng động, cho đến chấn động mạnh, không còn tự chủ, tâm tưởng mê loạn, hoảng hốt kêu la, biểu lộ đủ loại khổ não như thế.

Lại có tám mươi trăm ngàn Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, tâm được tự tại, việc cần làm đã làm xong, xa lìa các phiền não, điều phục các căn, như đại Long vương có oai đức lớn, thành tựu không tuệ, đạt được tự lợi như cây chiên-đàn giữa rừng chiên-đàn, như sư tử chúa trong bầy sư tử. Họ thành tựu vô lượng công đức như thế, tất cả đều là đệ tử chân chánh của Phật. Sáng sớm hôm ấy, lúc mặt trời mới mọc, các vị thức dậy, ra khỏi chỗ ở, đang nhâm nhành dương, gặp ánh sáng Phật, nên hối thúc nhau: “Các vị súc miệng, rửa tay nhanh lên!”. Nói rồi, rùng mình, rợn cả người, toàn thân đỏ rần như hoa Ba-la-xa, nước mắt tuôn trào, quá đỗi đau buồn, nhưng vì muốn tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh, vì muốn thành tựu hạnh không đệ nhất của Đại thừa, vì muốn hiển bày phương tiện mật giáo của Đức Như Lai, vì để giáo pháp không bị đoạn mất, và cũng muốn làm nhân duyên giáo hóa chúng sinh, nên họ vội đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, chắp tay cung kính, lui ngồi một bên.

Lại có người nữ Câu-đà-la, Tỳ-kheo-ni Thiện Hiền, Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-nan-đà, Tỳ-kheo-ni Hải Ý cùng sáu mươi ức Tỳ-kheo-ni khác, tất cả đều là bậc Đại A-la-hán, các lậu đã sạch, tâm được tự tại, việc làm đã xong, lìa các phiền não, điều phục các căn, giống như rồng lớn, có oai đức lớn, thành tựu không tuệ. Cũng vào sáng sớm hôm ấy, lúc mặt trời vừa mọc, họ đều rùng mình, rợn cả người, toàn thân đỏ rần như hoa Ba-la-xa, ai nấy đều rơi lệ quá đỗi đau buồn, nhưng vì muốn làm lợi ích an lạc cho chúng sinh, vì muốn thành tựu hạnh không đệ nhất của Đại thừa, cũng muốn hiển bày phương tiện mật giáo của Đức Như Lai, vì để cho giáo pháp của Đức Thế Tôn không bị đoạn mất, vì nhân duyên giáo hóa chúng sinh, nên họ vội đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, chắp tay cung kính, lui ngồi một bên. Trong chúng Tỳ-kheo-ni, lại có các vị Tỳ-kheo-ni Bồ-tát đều là bậc Long tượng ở trong loài người, ở ngôi Thập địa, an trụ bất động, vì hóa độ chúng sinh nên hiện thọ thân nữ nhưng thường tu tập bốn tâm vô lượng, thần lực tự tại, có khả năng hóa làm Phật.

Lại có hằng sa Đại Bồ-tát là bậc Long tượng ở trong loài người, ở ngôi Thập địa, an trụ bất động, phương tiện hiện thân. Danh hiệu của các vị ấy là Bồ-tát Hải Đức, Bồ-tát Vô Tận Ý v.v … các vị Đại Bồ-tát ấy là bậc thượng thủ. Tâm của họ đều kính trọng Đại thừa, an trụ Đại thừa, thấu suốt Đại thừa, ưa thích Đại thừa, gìn giữ Đại thừa, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, các vị phát thệ nguyện, người chưa được độ làm cho được độ. Trải qua vô số kiếp trong đời quá khứ, các vị tu trì tịnh giới, khéo đem những việc mình đã hành trì, giải bày cho người chưa được thông hiểu, nối dòng Tam bảo khiến chẳng đoạn dứt, trong đời vị lai sẽ chuyển pháp luân, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm, thành tựu vô lượng công đức như vậy, bình đẳng xem các chúng sinh như con một.

Cũng vào sáng sớm hôm ấy, lúc mặt trời vừa ló dạng, các Đại Bồ-tát ấy rùng mình, rợn cả người, toàn thân đỏ rần như hoa Ba-la-xa, ai nấy đều rơi lệ, quá đỗi đau buồn, nhưng vì muốn thành tựu hạnh không đệ nhất của Đại thừa, hiển bày phương tiện mật giáo của Đức Như Lai, vì để cho giáo pháp của Đức Thế Tôn không bị đứt đoạn, vì nhân duyên giáo hóa chúng sinh, nên họ vội đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, chắp tay cung kính, lui ngồi một bên.

Lại có hai hằng hà sa Ưu-bà-tắc thọ trì năm giới, đầy đủ oai nghi. Tên các vị ấy là Ưu-bà-tắc Oai Đức Vô Cấu Xưng Vương, Ưu-bà-tắc Thiện Đức… đều là những bậc thượng thủ, rất thích quán sát pháp môn đối trị. Đó là khổ – lạc, thường – vô thường, tịnh – bất tịnh, ngã – vô ngã, thật – phi thật, quy y – phi quy y, chúng sinh – phi chúng sinh, hằng – phi hằng, an – bất an, vi – vô vi, đoạn – bất đoạn, Niết-bàn – phi Niết-bàn, tăng thượng – phi tăng thượng. Họ thường ưa quán sát các pháp môn đối trị như thế, cũng thích nghe pháp Đại thừa vô thượng, nghe rồi có thể giảng nói cho những người khác, khéo trì tịnh giới, khát ngưỡng Đại thừa, đã tự làm đầy đủ. Lại có thể làm cho những người khát ngưỡng khác được đầy đủ, có thể khéo thâu giữ, trí tuệ vô thượng, ưa thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa, có thể khéo tùy thuận tất cả thế gian, độ cho những người chưa được độ, giải thoát cho những người chưa được giải thoát, nối dòng Tam bảo, không để đứt mất, trong đời vị lai sẽ chuyển pháp luân, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm, tâm luôn hưởng hương vị giới hạnh thanh tịnh sâu xa. Tất cả đều có thể thành tựu công đức như vậy, đối với chúng sinh khởi tâm đại bi xem như con một, bình đẳng không hai. Cũng vào sáng sớm hôm ấy, lúc mặt trời mới mọc, vì muốn làm lễ trà tì thân Phật, nên mọi người đem theo vạn bó gỗ thơm, chiên-đàn trầm thủy, ngưu đầu chiên- đàn, thiên mộc hương v.v … hoa văn gắn trên mỗi loại gỗ thơm ấy đều có bảy báu, ánh sáng vi diệu, giống như bức tranh đủ sắc màu rực rỡ, nhờ thần lực Phật nên có đủ màu xanh, vàng, đỏ, trắng vi diệu như thế, làm cho chúng sinh đều thích ngắm nhìn, các gỗ thơm ấy đều ướp dầu thơm, uất kim, trầm thủy, giao hương, dùng các hoa sen: xanh, vàng, đỏ, trắng rải lên để trang nghiêm. Trên gỗ thơm ấy, treo cờ năm màu, mịn màng đẹp đẽ, giống như y trời, y Kiêu-xa-na, tơ lụa Sô-ma; dùng các xe báu chở gỗ thơm. Các xe báu ấy phát ra đủ loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng. Càng xe, tăm xe đều được gắn bảy báu, mỗi xe lại dùng bốn con ngựa kéo, các ngựa tốt này chạy nhanh như gió.

Trước mỗi xe cắm năm mươi cờ đẹp bảy báu, ở trên được bao phủ bằng lưới vàng ròng, mỗi xe báu lại có năm mươi lọng báu vi diệu. Trên mỗi xe rủ xuống các vòng hoa như hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng. Hoa sen ấy, vàng ròng làm cánh, kim cương làm đài, trong đài hoa có các loài ong đen vui vẻ quây quần, thọ hưởng an lạc và phát ra âm thanh vi diệu, đó là âm vô thường, khổ, không, vô ngã. Những âm thanh ấy nói về việc hành đạo trước đây của Bồ-tát. Lại có đủ các thứ ca vũ, kỹ nhạc, tiếng đàn tranh, ống sáo, không hầu, ống tiêu, đàn sắt và trống. Trong tiếng âm nhạc đó lại phát ra tiếng: “Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng!”. Trước mỗi xe có Ưu-bà-tắc bưng hương án bằng bốn báu. Trên hương án có đủ các loại hoa sen: xanh, vàng, đỏ, trắng, được xông bằng các hương uất kim và các loại hương vi diệu nhất. Các Ưu-bà-tắc vì muốn cúng dường Đức Phật và chư Tăng nên sắm sửa đủ các món ăn được nấu chín bằng củi chiên- đàn, trầm thủy, nước tám công đức. Thức ăn thơm ngon có đủ sáu mùi vị: đắng, chua, ngọt, cay, mặn, lạt, và có đủ ba tính chất mềm dẻo, tinh khiết, như pháp. Họ tạo đủ các việc trang nghiêm như vậy. Các Ưu-bà- tắc đến rừng Ta-la song thọ, vùng đất của dòng Lực sĩ, lại dùng cát vàng rải khắp trên đất, dùng y Ca-lăng-già, y Khâm-bà-la và y tơ lụa phủ lên trên cát, chu vi đến mười hai do-tuần và thiết trí tòa sư tử bảy báu cúng dường Đức Phật và chư Tăng. Tòa ấy cao như núi Tu-di. Trên các tòa có cờ báu, các chuỗi anh lạc rủ xuống. Trên các cây Ta-la đều treo các loại phướn lọng xinh đẹp, dùng các loại hương hảo hạng thoa vào thân cây, dùng các loại hoa rải giữa các cây Ta-la. Các vị Ưu-bà- tắc suy nghĩ: “Tất cả chúng sinh nếu có thiếu thứ gì thì cho thứ ấy, như cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần đầu cho đầu, cần mắt cho mắt, bất luận cần thứ gì đều cho thứ ấy. Khi bố thí như vậy, họ xa lìa tâm tham dục, sân hận, xấu xa, độc hại, chẳng nghĩ đến sự tham cầu phước lạc thế gian, chỉ mong cầu quả Bồ-đề thanh tịnh vô thượng”. Các vị Ưu-bà-tắc đó đều đã an trú nơi đạo Bồ-đề. Họ lại nghĩ: “Hôm nay, Đức Như Lai nhận thức ăn của chúng ta rồi sẽ nhập Niết-bàn”. Nghĩ rồi, toàn thân nổi gai ốc, đỏ rần như hoa Ba-la-xa, vô cùng khổ não, rơi lệ đầm đìa. Họ đem đủ đồ cúng dường chở trên xe báu, nào là gỗ thơm, cờ phướn, lọng báu, thức ăn, vội vã đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, đem các phẩm vật cúng dường dâng lên Đức Phật rồi đi quanh trăm ngàn vòng, cất tiếng khóc than vang động đất trời, đấm ngực kêu gào, lệ đổ như mưa, cùng nhau than thở: “Chư vị ơi! Khổ quá! Thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng!”. Rồi mọp thân trước Như Lai thưa: “Cúi xin Thế Tôn thương xót nhận bữa cúng dường cuối cùng này của chúng con”. Đức Thế Tôn biết thời, im lặng không thọ nhận. Họ thưa thỉnh ba lần như vậy, Đức Như Lai vẫn không thọ nhận. Vì không thành tựu điều mong ước, nên trong lòng buồn khổ, họ đứng im lặng. Giống như người cha có đứa con một bỗng nhiên lâm bệnh mà chết, ông đem thi hài bỏ ngoài bãi tha ma, xong trở về buồn bã, sầu lo, khổ não. Các Ưu-bà-tắc sầu lo, khổ não cũng như vậy. Họ đem vật cúng dường để ở một chỗ, rồi lui ngồi một bên, im lặng.

Lại có ba hằng sa Ưu-bà-di thọ trì năm giới, đầy đủ oai nghi. Trong số ấy có tám vạn bốn ngàn vị thượng thủ như Ưu-bà-di Thọ Đức, Ưu-bà-di Đức Man, Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư v.v … đều là những vị có thể đảm nhận việc hộ trì chánh pháp. Vì muốn cứu độ vô lượng trăm ngàn chúng sinh nên họ hiện thọ thân nữ, chê pháp tại gia, xem thân mình như bốn con rắn độc, thân này là thức ăn của vô số vi trùng, thân này là nhơ uế bị ràng buộc trong ngục tham dục, thân này đáng ghét giống như con chó chết, thân này có chín lỗ thường bài tiết các thứ nhơ nhớp, thân này như thành quách chứa máu, thịt, gân, xương, có một lớp da bao bọc bên ngoài, tay chân là gậy gộc để chống địch, đôi mắt là hai lỗ châu mai, đầu là cung điện, chỗ ở của tâm vương. Bốn La-sát gian tham, dâm dục, sân hận, ngu si ở trong đó. Thành quách thân như thế là cái mà chư Phật Thế Tôn đã xả bỏ nhưng hàng phàm phu ngu muội thì thường đắm trước. Thân này không bền chắc giống như cỏ lau, cỏ y lan, bọt nước, cây chuối. Thân này vô thường, niệm niệm không dừng như ánh chớp, như nước chảy xiết, như huyễn hóa, như sóng nước, như vẽ trên nước, vẽ đến đâu nước liền hợp lại. Thân này dễ tan hoại như cây lớn bên bờ sông bị lở. Thân này không bao lâu nữa sẽ là thức ăn của loài chồn, sói, quạ, kên kên, diều hâu, chó đói. Người có trí nào mà lại thích thân này. Có thể đem nước biển lớn chứa hết trong dấu chân trâu, chứ không thể nói hết sự vô thường, bất tịnh, hôi thối của thân này. Có thể đem quả địa cầu vò nhỏ bằng trái táo, bằng hạt đình lịch cho đến nhỏ bằng hạt bụi chứ không thể nói hết những tội lỗi, tai họa của thân này. Thế nên phải vứt bỏ thân này như nhổ bỏ nước dãi. Vì lý do này, các Ưu-bà-di thường tu tập các pháp không, vô tướng, vô nguyện, ưa thích học hỏi thọ trì kinh điển Đại thừa, nghe xong có thể giảng nói cho người khác để hộ trì bổn nguyện, chê thân nữ không bền chắc, thật đáng nhàm chán, tâm thường tu tập chánh quán như vậy, diệt trừ sinh tử không còn luân hồi, khát ngưỡng Đại thừa, đã tự làm đầy đủ, lại có khả năng làm cho người khát ngưỡng khác cũng được đầy đủ, rất thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa. Tuy hiện thân nữ nhưng thật ra là Bồ- tát, có khả năng tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, giải thoát cho người chưa được giải thoát, nối dòng Tam bảo, không để đoạn mất, vào đời vị lai sẽ chuyển pháp luân, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm, kiên trì giữ gìn giới cấm. Các vị Ưu-bà-di đã thành tựu công đức như vậy, đối với chúng sinh sinh lòng đại bi, xem như con một, bình đẳng không hai. Cũng vào sáng sớm hôm ấy, lúc mặt trời vừa ló dạng, họ bảo nhau: “Hôm nay, chúng ta nên đến rừng Ta-la song thọ”. Phẩm vật cúng dường mà họ đã sắm sửa nhiều hơn những người trước gấp bội, họ đều mang đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, thưa: “Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con sắm sửa các phẩm vật cúng dường Phật và chư Tăng. Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót thọ nhận”. Đức Phật im lặng không nhận lời. Các Ưu-bà-di không thành tựu điều mong ước, trong lòng buồn rầu, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, có bốn hằng sa nam, nữ, lớn, nhỏ, vợ con quyến thuộc Ly-xa ở thành Tỳ-da-ly và những quyến thuộc các vua ở cõi Diêm- phù-đề, vì mong cầu pháp nên khéo tu giới hạnh, đầy đủ oai nghi, hàng phục các học phái khác phá hoại chánh pháp. Họ cùng bảo nhau: “Chúng ta nên đem kho vàng, bạc ra bố thí làm cho tạng chánh pháp thâm diệu, ngọt ngào vô tận, trụ mãi ở đời. Nguyện cho chúng ta thường được tu học, nếu người nào hủy báng chánh pháp thì sẽ bị cắt lưỡi”. Lại nguyện: “Nếu có người xuất gia phá hủy giới cấm, ta sẽ bắt họ ngừng lại và khiến hoàn tục, còn người ưa thích hộ trì chánh pháp ta sẽ kính trọng như phụng thờ cha mẹ. Nếu có chúng Tăng có thể tu chánh pháp thì ta sẽ tùy hỷ khiến được thế lực, thường muốn thích nghe kinh điển Đại thừa, nghe rồi có khả năng giảng nói rộng rãi cho người khác đều được thành tựu công đức như vậy”. Tên các vị ấy là: Ly-xa tử Tịnh Vô Cấu Tạng, Ly-xa tử Tịnh Bất Phóng Dật, Ly-xa tử

Hằng Thủy Vô Cấu Tịnh Đức. Họ cùng bảo nhau: “Các vị! Chúng ta hãy nhanh chóng sắm sửa đầy đủ các phẩm vật cúng dường đem đến chỗ Đức Phật”. Mỗi Ly-xa đều trang bị tám vạn bốn ngàn voi lớn, tám vạn bốn ngàn xe báu bốn ngựa, tám vạn bốn ngàn bảo châu minh nguyệt, củi bó thiên mộc, chiên-đàn trầm thủy, mỗi loại như vậy có đến tám vạn bốn ngàn. Trước mỗi xe voi có cờ phướn, lọng báu; lọng báu nhỏ nhất che khắp một do-tuần, phướn báu ngắn nhất cũng dài đến ba mươi hai do-tuần, cờ báu thấp nhất cũng cao cả trăm do-tuần. Họ đem đủ các thứ cúng dường như thế đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, đi trăm ngàn vòng rồi thưa: “Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con sắm các phẩm vật cúng dường Thế Tôn và chúng Tăng. Cúi xin Ngài thương xót thọ nhận”. Đức Như Lai im lặng không nhận. Vì không thành tựu điều mong ước nên các Ly-xa âu sầu buồn bã. Nhờ thần lực Phật nên họ im lặng trụ giữa hư không, cách mặt đất bảy cây Đa-la. Bấy giờ, có năm hằng hà sa đại thần Trưởng giả đều kính trọng Đại thừa. Nếu có những học phái nào khác hủy báng chánh pháp thì họ dùng thần lực hàng phục, giống như những trận mưa đá làm gãy cỏ cây. Tên các vị ấy là Trưởng giả Nhật Quang, Trưởng giả Hộ Thế, Trưởng giả Hộ Pháp… đều là bậc thượng thủ.

Phẩm vật mà họ đã sắm sửa cúng dường gấp năm lần các vị trước. Họ cùng nhau đi đến rừng Ta-la song thọ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh trăm ngàn vòng rồi thưa: “Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con sắm sửa đủ các phẩm vật cúng dường Phật và chúng Tăng. Cúi xin Thế Tôn thương xót thọ nhận”. Đức Phật im lặng không nhận. Các vị Trưởng giả vì không thành tựu điều mong ước, họ âu sầu buồn bã. Nhờ thần lực Phật nên họ im lặng trụ giữa hư không, cách mặt đất bảy cây Đa-la. Bấy giờ, lại có vua thành Tỳ-da-ly cùng với phu nhân và quyến thuộc ở hậu cung cùng các vua cõi Diêm-phù-đề, trừ vua A-xà-thế và dân chúng trong xóm làng, thành ấp. Các vị vua ấy tên là Nguyệt Vô Cấu… họ đều chuẩn bị bốn loại binh muốn đến chỗ Đức Phật, mỗi vị vua đều có một trăm tám mươi vạn ức dân chúng, quyến thuộc. Các xe binh ấy đều dùng voi, ngựa kéo; voi có sáu ngà, ngựa chạy nhanh như gió. Họ sắm sửa các phẩm vật cúng dường gấp sáu lần những người trước. Trong số các lọng báu, cái nhỏ nhất cũng rộng tám do-tuần, phướn ngắn nhất là mười sáu do-tuần, cờ báu thấp nhất là ba mươi do-tuần. Các nhà vua này đều an trú trong chánh pháp, khinh chê tà pháp, kính trọng Đại thừa, rất thích Đại thừa, thương yêu chúng sinh như con một. Mùi thơm của đồ ăn thức uống mà họ mang theo lan tỏa khắp bốn do-tuần. Cũng vào sáng sớm hôm ấy, lúc mặt trời vừa mới mọc, họ đem đầy đủ phẩm vật thượng hạng đến chỗ Đức Phật nơi rừng Ta-la, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con sắm sửa phẩm vật dâng lên cúng dường Phật và chư Tăng. Cúi xin Thế Tôn thương xót thọ nhận bữa cúng dường cuối cùng này của chúng con”. Đức Như Lai biết thời, cũng không nhận. Các vua không thành tựu điều mong ước, lòng rất buồn rầu, lui ngồi một bên.

Lại có bảy hằng hà sa phu nhân của các vua chỉ trừ phu nhân vua A-xà-thế, vì muốn độ chúng sinh nên hiện thọ thân nữ, tâm thường quán thân hành, dùng pháp không, vô tướng, vô nguyện để huân tu tâm mình. Tên các vị ấy là: Phu nhân Tam Giới Diệu, phu nhân Ái Đức v.v

… các vị phu nhân ấy đều an trú trong chánh pháp, tu hành giới cấm, đầy đủ oai nghi, thương yêu chúng sinh như con một. Họ cùng bảo nhau: “Bây giờ mau đến chỗ Thế Tôn!”. Các vị phu nhân ấy sắm đủ các phẩm vật cúng dường gấp bảy lần những người trước, gồm có: hương hoa, cờ báu, tơ lụa, lọng phướn, thức ăn hảo hạng; lọng báu nhỏ nhất cũng rộng khắp mười sáu do-tuần, phướn ngắn nhất cũng đến ba mươi sáu do-tuần, cờ báu thấp nhất cũng đến sáu mươi tám do-tuần, mùi thơm của thức ăn bay khắp tám do-tuần. Họ đem đủ phẩm vật cúng dường như thế đến chỗ Như Lai, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, rồi thưa: "Bạch Thế Tôn! Chúng con sắm đủ phẩm vật cúng dường Phật và chư Tăng, cúi xin Ngài thương xót nhận bữa cúng dường cuối cùng này của chúng con". Như Lai biết thời, im lặng không nhận. Khi ấy các phu nhân không thành tựu điều mong ước, lòng rất buồn rầu, bức tóc, đấm ngực, khóc lớn, giống như mới chôn đứa con yêu quý của mình, rồi im lặng lui đứng một bên.

Bấy giờ, lại có tám hằng hà sa Thiên nữ mà trong đó Thiên nữ Quảng Mục là thượng thủ, bảo: "Này các chị! Hãy nhìn xem kìa! Các đại chúng kia sắm đủ phẩm vật thượng diệu cúng dường Phật và chư Tăng. Chúng ta cũng nên sắm đủ phẩm vật thượng diệu như thế để cúng dường Như Lai. Sau khi thọ nhận, Như Lai sẽ vào Niết-bàn. Này các chị! Chư Phật Như Lai rất khó xuất hiện ở đời, được cúng dường lần cu ối cùng cũng khó gấp bội lần. Nếu Phật nhập diệt rồi thì thế gian này trống rỗng". Các Thiên nữ này ưa thích Đại thừa, muốn nghe Đại thừa, nghe rồi có thể giảng nói rộng cho mọi người, khát ngưỡng Đại thừa, đã tự làm đầy đủ, lại có khả năng làm cho người khát ngưỡng khác cũng được đầy đủ, giữ gìn Đại thừa. Nếu có các học thuyết khác ganh ghét Đại thừa thì họ có khả năng bẻ gãy như trận mưa đá làm gãy cỏ cây, giữ gìn giới hạnh, oai nghi đầy đủ, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, giải thoát cho người chưa được giải thoát, ở đời vị lai sẽ chuyển pháp luân, nối dòng Tam bảo, làm cho không đoạn tuyệt, tu học Đại thừa, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm. Các Thiên nữ thành tựu vô lượng công đức như vậy, bình đẳng thương yêu chúng sinh như con một. Cũng vào sáng hôm ấy, lúc mặt trời mới mọc, các Thiên nữ đem các thứ gỗ thơm cõi trời nhiều gấp bội lần gỗ thơm ở nhân gian, hương thơm gỗ ấy có khả năng làm tan sạch các mùi hôi hám, nhơ uế trong thế gian, cùng với xe trắng, lọng trắng, xe đóng bốn ngựa trắng. Trên mỗi xe đều có căng màn trắng, xung quanh màn ấy treo các chuông vàng, đem các loại hương hoa, cờ phướn, lọng báu, thức ăn thượng hạng, đủ các thứ kỹ nhạc, trải tòa sư tử; bốn chân tòa ấy chỉ thuần màu lưu ly xanh biếc. Sau mỗi tòa ấy đều có giường dây bằng bảy báu. Trước mỗi tòa lại có các ghế bằng vàng, lại dùng bảy báu làm trụ đèn, các thứ châu báu dùng làm ánh sáng của đèn, các hoa trời đẹp rải khắp mặt đất. Các Thiên nữ sắp đặt phẩm vật cúng dường xong, lòng rất đau buồn, thương cảm rơi lệ, vô cùng khổ não, vì lợi ích an vui của chúng sinh, vì thành tựu hạnh không đệ nhất của Đại thừa, vì để hiển bày phương tiện mật giáo của Đức Như Lai, cũng vì làm cho giáo pháp của Đức Phật không bị đoạn tuyệt, nên họ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, rồi thưa: “Bạch Thế Tôn! Xin Ngài thương xót chúng con mà thọ nhận bữa cúng dường cuối cùng này”. Đức Như Lai biết thời, im lặng không nhận. Các Thiên nữ không thành tựu điều mong ước, lòng rất buồn khổ, lui về một bên ngồi im lặng.

Bấy giờ, lại có chín hằng hà sa các Long vương ở bốn phương, mà trong đó đứng đầu là Long vương Hòa-tu-cát, Long vương Nan-đà, Long vương Bà-nan-đà. Cũng vào sáng sớm hôm ấy, lúc mặt trời mới mọc, các Long vương sắm đủ các phẩm vật cúng dường gấp bội lần hàng trời, người, đem đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, rồi thưa: “Bạch Thế Tôn! Xin Ngài thương xót nhận bữa ăn cuối cùng này của chúng con”. Đức Như Lai biết thời im lặng không nhận. Các Long vương không thành tựu điều mong ước, lòng rất buồn khổ, lui ngồi một bên.

Lại có mười hằng hà sa vua loài quỷ thần, mà trong đó vua Tỳ- sa-môn làm thượng thủ. Chúng bảo nhau: “Này chư vị! Hôm nay chúng ta mau đến chỗ Như Lai!”. Họ sắm đủ các phẩm vật cúng dường gấp bội lần các Long vương, rồi đem đến chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, rồi thưa: “Cúi xin Như

Lai thương xót nhận bữa cúng dường này của chúng con". Đức Như Lai biết thời, im lặng không nhận. Loài quỷ thần không thành tựu điều mong ước, lòng rất buồn rầu, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, lại có hai mươi hằng hà sa vua Kim sí điểu, vua Hàng Oán Điểu làm thượng thủ.

Lại có ba mươi hằng hà sa vua Càn-thát-bà, vua Na-la-đạt làm thượng thủ.

Lại có bốn mươi hằng hà sa vua Khẩn-na-la, vua Thiện Kiến làm thượng thủ.

Lại có năm mươi hằng hà sa vua Ma-hầu-la-già, vua Đại Thiện Kiến làm thượng thủ.

Lại có sáu mươi hằng hà sa vua A-tu-la, vua Viêm-bà-lợi làm thượng thủ.

Lại có bảy mươi hằng hà sa vua Đà-na-bà, vua Vô Cấu, Hà Thủy, vua Bạt-đề-đạt-đa làm thượng thủ.

Lại có tám mươi hằng hà sa vua La-sát, vua Khả Úy làm thượng thủ. Các vị vua ấy đã xa lìa tâm ác, không ăn thịt người, đối với sự oán ghét sinh tâm từ bi, thân hình họ rất xấu xí nhưng nhờ thần lực của Phật nên đều được đẹp đẽ.

Lại có chín mươi hằng hà sa vua Thần rừng cây, vua Lạc Hương

làm thượng thủ.

Lại có ngàn hằng hà sa vua Trì Chú, vua Đại Huyễn Trì Chú làm thượng thủ.

Lại có một ức hằng hà sa Quỷ mị tham sắc, vua Thiện Kiến làm thượng thủ.

Lại có trăm ức hằng hà sa chư Thiên, dâm nữ, Lam-bà, Uất-bà- thi, Đế-lệ-triêm, Tỳ-xá-khư làm thượng thủ.

Lại có ngàn ức hằng hà sa các vua quỷ, vua Bạch Thấp làm thượng thủ.

Lại có ngàn ức hằng hà sa các Thiên tử và các Thiên vương, Tứ thiên vương.

Lại có mười vạn ức hằng hà sa thần gió bốn phương, thổi qua các cây đúng thời hay phi thời hoa đều bay khắp rừng Ta-la.

Lại có mười vạn ức hằng hà sa thần mây, thần mưa đều nghĩ: "Như Lai nhập Niết-bàn, khi hỏa thiêu thân Ngài thì chúng ta sẽ đổ mưa xuống để dập tắt lửa. Đại chúng nóng bức phiền muộn, thì ta sẽ làm cho họ được mát mẻ".

Lại có hai mươi hằng hà sa Tượng vương, Tượng vương Đại Hương, Tượng vương La-hầu, Tượng vương Kim Sắc, Tượng vương Cam Vị, Tượng vương Cám Nhãn, Tượng vương Dục Hương làm thượng thủ. Chúng đều kính trọng Đại thừa, ưa thích Đại thừa, biết Phật không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn, nên chúng nhổ lấy vô lượng vô biên hoa sen đẹp đem đến chỗ Phật, đảnh lễ nơi chân Ngài, rồi lui đứng một bên.

Lại có hai mươi hằng hà sa vua Sư tử, vua Sư

Tử Hống làm thượng thủ, ban cho cả chúng sinh sự không sợ hãi, đem hoa quả đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Ngài, rồi lui đứng một bên.

Lại có hai mươi hằng hà sa các vua chim như le le, nhạn, uyên ương, chim sẻ và các loài chim như chim Càn-thát-bà, chim Ca-lan-đà, chim Cù dục, chim Anh vũ, chim Câu-xí-la, chim Bà-hi-già, chim Ca- lăng-tần-già, chim Kỳ-bà-kỳ-bà… các loài chim như vậy đều đem hoa quả như vậy đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài, rồi bay đậu một bên.

Lại có hai mươi hằng hà sa trâu, bò, dê đều đi đến chỗ Phật, tiết ra sữa thơm vi diệu chảy đầy ngòi rạch hầm hố của thành Câu-thi-na, màu sắc, hương thơm, vị ngon đều đầy đủ. Làm việc ấy rồi, lui đứng một bên.

Lại có hai mươi hằng hà sa các người thần tiên trong bốn thiên hạ, tiên Nhẫn nhục làm thượng thủ, đem hương hoa quả ngọt đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng rồi thưa: “Bạch Thế Tôn! Xin Ngài thương xót nhận bữa cúng dường cuối cùng này của chúng con”. Như Lai biết thời, im lặng không nhận. Các vị tiên không thành tựu điều mong ước, trong lòng buồn khổ, lui đứng một bên.

Lại có các ong chúa trong cõi Diêm-phù-đề, ong chúa Diệu âm làm thượng thủ. Chúng đem đủ các loại hoa đến chỗ Đức Phật, cúi đầu lễ dưới chân Ngài, bay quanh một vòng rồi lui đậu một bên.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trong cõi Diêm-phù-đề đều tập hợp, chỉ trừ hai chúng của Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan.

Lại có vô lượng vô số hằng hà sa các núi trong cõi Diêm-phù-đề và cả thế giới, núi chúa Tu-di làm thượng thủ. Các núi này trang nghiêm, rừng rậm um tùm, cây cối tươi tốt, cành nhánh đan xen, che ánh sáng mặt trời. Khắp nơi có đủ các loài hoa đẹp. Suối rồng phun nước trong veo, thơm mát. Chư Thiên, Thần, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu- la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, thần tiên chú thuật, hòa tấu âm nhạc. Các chúng như thế đầy khắp trong ấy. Các thần núi cũng đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Ngài, rồi lui đứng một bên.

Lại có vô số hằng hà sa thần bốn biển lớn và các thần sông, có oai đức lớn, đầy đủ thần túc lớn, sắm đủ phẩm vật cúng dường gấp bội những người trước. Ánh sáng nơi các vị thần, ánh sáng đèn kỹ nhạc làm lu mờ ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đem hoa Chiêm-bà rải trên dòng sông Hy-liên rồi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Ngài, lui đứng một bên.

Bấy giờ, rừng cây Ta-la ở thành Câu-thi-na biến thành màu trắng giống như hạc trắng. Ở giữa hư không tự nhiên có nhà gác bằng bảy báu, điêu khắc chạm trổ hoa văn phân minh. Lan can xung quanh được trang trí bằng các thứ báu. Ở dưới giảng đường có nhiều dòng suối, ao tắm, các hoa sen đẹp nhất mọc đầy ở trong đó. Cũng giống như châu Uất-đơn-việt ở phương Bắc, như vườn Hoan hỷ ở cõi trời Đao-lợi. Bấy giờ, trong rừng Ta-la song thọ, đủ các thứ trang nghiêm rất vừa ý. Cũng vậy, chư Thiên, loài người, A-tu-la đều thấy tướng Như Lai Niết-bàn, họ đều buồn bã không vui.

Bấy giờ, Tứ thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân cùng nói: “Các ông xem trời, người, A-tu-la sắm sửa nhiều phẩm vật để cúng dường Đức Phật lần cuối cùng, chúng ta cũng nên cúng dường như vậy. Nếu chúng ta được cúng dường lần cuối cùng này thì sẽ thành tựu Bố thí Ba- la-mật đầy đủ không khó”.

Khi ấy, Tứ thiên vương sắm sửa phẩm vật cúng dường gấp bội những người trước. Họ đem hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha-mạn-đà-la, hoa Già-chỉ-lâu-già, hoa Ma-ha-già-chỉ-lâu-già, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma- ha-mạn-thù-sa, hoa Tán-đa-ni-ca, hoa Ma-ha-tán-đa-ni-ca, hoa Ái lạc, hoa Đại ái lạc, hoa Phổ hiền, hoa Đại phổ hiền, hoa Thời, hoa Đại thời, hoa Hương thành, hoa Đại hương thành, hoa Hoan hỷ, hoa Đại hoan hỷ, hoa Phát dục, hoa Đại phát dục, hoa Hương túy, hoa Đại hương túy, hoa Phổ hương, hoa Đại phổ hương, hoa Thiên kim diệp, hoa Long hoa, hoa Ba-lợi-chất-đa, hoa Câu-tỳ-la cùng đủ các thứ thức ăn ngon nhất đến cúi đầu lễ dưới chân Phật, ánh sáng của những vị này làm lu mờ ánh sáng mặt trăng. Họ đem đủ những phẩm vật như vậy cúng dường Đức Phật. Như Lai biết thời, im lặng không nhận. Không thành tựu điều mong ước, chư Thiên buồn rầu khổ não, lui đứng một bên.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân cùng chư Thiên cõi trời Tam thập tam sắm sửa đầy đủ phẩm vật cúng dường gấp bội những người trước và các thứ hoa mang theo cũng như trên, hương thơm ngào ngạt vô cùng hấp dẫn. Họ cũng mang cả nhà lớn, nhà nhỏ đến, cúi đầu lễ dưới chân Phật, thưa: "Bạch Thế Tôn! Chúng con rất ưa thích ủng hộ Đại thừa. Xin Ngài thương xót nhận thức ăn của chúng con". Đức Phật biết thời, im lặng không nhận. Các trời Đế thích không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, lui đứng một bên. Cho đến Lục dục thiên (sáu cõi trời ở Dục giới) sắm sửa phẩm vật cúng dường còn nhiều hơn những người trước, có cả cờ phướn, lọng báu; lọng báu nhỏ nhất che khắp bốn cõi thiên hạ, phướn ngắn nhất cũng cao đến cõi trời Tự tại, gió nhẹ thổi làm phướn phát ra âm thanh vi diệu. Họ cũng mang theo những thức ăn ngon, đến cúi đầu lễ dưới chân Phật, thưa: “Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai thương xót nhận bữa cúng dường cuối cùng này của chúng con”. Như Lai biết thời, im lặng không nhận. Chư Thiên không thành tựu điều mong ước nên rất buồn rầu, lui đứng một bên. Trên cõi trời Hữu đảnh cùng các Phạm chúng khác cũng đều tập hợp. Khi ấy, Phạm thiên vương và các Phạm chúng khác thân phát ra ánh sáng, sáng khắp bốn cõi thiên hạ, làm cho ánh sáng trời người, mặt trăng, mặt trời ở cõi Dục lu mờ. Họ cầm theo các loại cờ lụa, phướn, ngắn nhất cũng treo từ cung điện Phạm thiên đến rừng cây Ta-la. Họ đến cúi đầu lễ dưới chân Phật, thưa: “Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai thương xót nhận bữa cúng dường cuối cùng này của chúng con”. Như Lai biết thời, im lặng không nhận. Các Phạm thiên không thành tựu điều mong ước, buồn rầu lui đứng một bên.

Bấy giờ, vua A-tu-la, Tỳ-ma-chất-đa cùng vô lượng đại quyến thuộc A-tu-la, ánh sáng nơi thân các vị ấy hơn cả Phạm thiên, đem theo các loại cờ tơ lụa, phướn, lọng báu; lọng nhỏ nhất che khắp cả ngàn thế giới. Họ cũng mang theo thức ăn ngon thượng hạng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Ngài, thưa: “Cúi xin Như Lai thương xót nhận bữa cúng dường cuối cùng này của chúng con”. Đức Phật biết thời, im lặng không nhận.

Các A-tu-la không thành tựu các điều mong ước, buồn rầu lui đứng một bên.

Lúc ấy, Ma vương Ba-tuần ở cõi Dục cùng vô lượng, vô số, vô biên chúng quyến thuộc, chư Thiên, thể nữ mở cửa địa ngục, rưới nước mát mẻ, nhân đó bảo: “Hôm nay các ngươi không phải làm gì, chỉ nên chuyên nhớ nghĩ đến Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, tạo sự tùy hỷ cúng dường sau cùng. Các ngươi sẽ được sự an ổn lâu dài”. Lúc đó, ma Ba-tuần ở trong địa ngục bỏ hết đao kiếm, vô lượng các thứ độc hại, rưới mưa dập tắt ngọn lửa hừng hực. Nhờ thần lực của Phật khiến các quyến thuộc của Ma vương Ba-tuần phát được tâm như thế, khiến cho họ đều bỏ đao kiếm, cung nỏ, gậy, giáp, mâu, giáo, móc câu dài, dùi sắt, búa, lưới dây. Phẩm vật mà họ đem cúng dường nhiều hơn gấp bội các hàng trời, người. Loại lọng nhỏ nhất cũng che khắp cả trung thiên thế giới. Họ đến cúi đầu lễ nơi chân Phật, thưa: “Nay chúng con ưa thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa. Bạch Thế Tôn! Nếu có người nam, người nữ nào vì sự cúng dường, vì sợ hãi, vì dối người, vì tài lợi, vì theo người khác thọ pháp Đại thừa, hoặc thực, hoặc giả, chúng con sẽ vì người đó dứt trừ sự sợ hãi cho họ, nói chú: Sá chỉ, trá trá la sá chỉ, lô ha lệ, ma ha lô ha lệ, a la già la đa la sa ha.

Chú này khiến cho người loạn tâm, người lo sợ, người thuyết pháp, người không dứt đoạn chánh pháp, người hàng phục ngoại đạo, giữ gìn thân mình, bảo vệ chánh pháp, bảo hộ Đại thừa. Nếu hay trì chú này thì không sợ voi dữ, hoặc đến đồng trống, ao sâu, chỗ hiểm trở, không sinh sợ hãi, không gặp các nạn nước, lửa, sư tử, hổ lang, giặc cướp, vua, quan. Bạch Thế Tôn! Nếu có người trì chú này thì trừ được những sự lo sợ như vậy. Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ bảo vệ người này như con rùa bảo vệ sáu chi. Bạch Thế Tôn! Chúng con nay không vì dua nịnh mà nói chú này. Chúng con sẽ đem sự giàu có, lợi ích, thế lực đến cho những người trì chú này. Cúi xin Đức Như Lai thương xót nhận bữa cúng dường cuối cùng này của chúng con”.

Lúc ấy Đức Phật bảo ma Ba-tuần:

–Ta không nhận thức ăn của ngươi cúng dường nhưng đã nhận thần chú mà ngươi đã nói, vì để đem lại sự lợi ích an lạc cho chúng sinh và bốn bộ chúng.

Phật nói như vậy rồi im lặng không nhận. Thưa thỉnh ba lần như vậy Phật đều không nhận, ma Ba-tuần không được toại nguyện, buồn rầu lui đứng một bên.

Khi ấy, Thiên vương Đại Tự Tại cùng vô lượng vô biên quyến thuộc và chư Thiên sắm sửa phẩm vật cúng dường hơn hẳn phẩm vật cúng dường của Phạm thiên, Đế thích, Hộ thế Tứ thiên vương, trời, người, bát bộ và loài phi nhân. Phẩm vật cúng dường của Phạm thiên, Đế thích giống như giọt mực trở thành lu mờ bên cạnh ngọc kha. Loại lọng báu nhỏ nhất có thể che khắp tam thiên đại thiên thế giới. Họ đem phẩm vật cúng dường như vậy đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Ngài, đi quanh vô số vòng, thưa: “Bạch Thế Tôn! Phẩm vật cúng dường ít ỏi của chúng con giống như con muỗi. Sự cúng dường của chúng con giống như có người đem một vốc nước đổ vào biển lớn, thắp một cây đèn nhỏ giúp thêm ánh sáng cho cả trăm ngàn mặt trời, thêm một cành hoa cho vườn hoa tươi tốt vào những tháng xuân hạ, dùng một hạt đình lịch thêm lớn cho núi Tu-di, thì đâu có làm cho biển lớn thêm, mặt trời sáng hơn, vườn hoa đẹp thêm ra, núi Tu-di lớn hơn được. Bạch Thế Tôn! Phẩm vật cúng dường nhỏ nhoi của chúng con hôm nay cũng vậy. Nếu đem các thứ hương hoa, kỹ nhạc, phướn, lọng khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường Như Lai thì còn chưa nói là đủ. Vì sao? Vì Đức Như Lai đã vì chúng sinh thường ở trong các đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu nhiều khổ não. Do vậy Thế Tôn nên thương xót thọ nhận sự cúng dường của chúng con”.

Khi ấy, ở phương Đông cách cõi này vô lượng vô số, hằng hà sa số vi trần thế giới, có cõi Phật tên là Ý Lạc Mỹ Âm, Đức Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Bấy giờ, Đức Phật ấy bảo vị đệ tử lớn nhất là Bồ-tát Vô Biên Thân: "Này thiện nam! Ông nên đến chỗ thế giới Ta-bà ở phương Tây, cõi đó có Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật ấy không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Ông nên đem cơm thơm, loại thức ăn thơm ngon của cõi này, ăn thức ăn này thì được an ổn, đến cúng dường Đức Phật đó. Thế Tôn dùng rồi sẽ nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Khi đến đó, nên cung kính đảnh lễ thưa hỏi những điều còn nghi ngờ". Khi ấy, Đại Bồ-tát Vô Biên Thân nghe lời Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng, rồi cùng với vô lượng vô số Bồ-tát từ cõi nước ấy đi đến thế giới Ta-bà này. Ngay lúc ấy, đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách. Khi ấy, ở trong chúng hội Phạm vương, Đế thích, Tứ thiên, Ma vương Ba-tuần, Ma-hê-thủ-la, đại chúng này thấy mặt đất chấn động, toàn thân rùng mình, cổ họng khô đắng, kinh hãi run rẩy, những sự ham muốn tiêu tan, thấy mình không còn ánh sáng, mất hết oai đức. Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy bảo đại chúng: "Các thiện nam! Các ông chớ sợ! Chớ sợ! Vì sao? Vì cách đây về phương Đông có vô lượng vô số a-tăng-kỳ vi trần thế giới, có thế giới tên là Ý Lạc Mỹ Âm, Đức Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, đầy đủ mười tôn hiệu. Đức Phật ấy có Bồ-tát tên là Vô Biên Thân cùng vô lượng Bồ-tát đến đây để cúng dường Đức Phật, do sức oai đức của Bồ-tát ấy làm cho ánh sáng nơi thân các ông biến mất. Do vậy các ông nên sinh vui mừng, chớ sợ hãi". Bấy giờ, mọi người từ xa nhìn thấy đại chúng của Đức Phật kia như thấy mình trong gương sáng. Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi lại bảo đại chúng: "Nay các ông thấy đại chúng của Đức Phật kia như thấy đại chúng của Đức Phật này. Do thần lực của Phật sẽ thấy được vô lượng chư Phật ở chín phương cũng như vậy". Khi ấy, đại chúng cùng nhau nói: "Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng! Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn". Bấy giờ, tất cả đại chúng đều thấy Bồ-tát Vô Biên Thân và quyến thuộc, từ mỗi lỗ chân lông nơi thân của Bồ-tát này đều hiện ra một hoa sen lớn, mỗi hoa sen có bảy vạn tám ngàn thành ấp cao rộng, bằng phẳng như thành Tỳ-da-ly, tường vách, thông hào khảm bảy báu, bảy lớp Đa-la báu bao bọc xung quanh, dân chúng giàu có, an ổn thịnh vượng. Vàng Kim-phù-đàn dùng làm thành lũy, mỗi mỗi thành lũy có nhiều rừng cây hoa quả bằng bảy báu tươi tốt, gió nhẹ thổi lay động phát ra âm thanh vi diệu, hòa nhã giống như nhạc trời. Dân chúng trong thành nghe âm thanh ấy, liền thọ nhận sự vui sướng thượng diệu. Các ao tràn đầy nước trong mát, mùi thơm tinh khiết, thanh tịnh như ngọc lưu ly. Trong ao nước có thuyền bảy báu để mọi người dạo chơi tắm rửa. Họ cùng nhau vui vẻ an lạc vô cùng. Lại có vô lượng hoa sen đủ màu như hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng; các hoa sen đó cao lớn giống như bánh xe. Trên bờ ao có nhiều vườn rừng, trong mỗi mỗi khu vườn có năm ao hồ, trong các hồ đó có nhiều hoa sen: xanh, vàng, đỏ, trắng, các hoa sen cao lớn như bánh xe, mùi thơm ngào ngạt, rất quyến rũ. Nước hồ trong sạch phẳng lặng như tờ, có vịt trời, chim ưng, uyên ương bơi lội trong đó. Trong vườn đều có các cung điện nhà cửa báu, mỗi một cung điện ngang dọc bằng nhau cả bốn do-tuần, tường vách được làm bằng bốn báu, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, lan can bao quanh bằng vàng ròng, ngọc mai khôi làm đất, cát vàng trải lên trên. Trong cung điện nhà cửa đó có nhiều dòng suối, ao tắm bằng bảy báu. Trên mỗi ao đều có mười bậc thềm làm bằng vàng ròng, vàng Kim-phù-đàn làm cây chuối giống như vườn Hoan hỷ của trời Đao-lợi. Mỗi mỗi thành này có tám vạn bốn ngàn nhân vương, mỗi vị vua có vô lượng phu nhân và thể nữ, cùng nhau vui vẻ thọ hưởng an lạc, dân chúng thành khác cũng lại như vậy. Các chúng sinh ở trong mọi trú xứ cùng nhau sống vui vẻ, chúng sinh không nghe tên thứ khác, toàn chỉ nghe âm thanh Đại thừa vô thượng. Trong mỗi hoa sen ấy đều có tòa sư tử, bốn chân tòa làm bằng ngọc lưu ly xanh biếc, trên tòa được trải bằng y lụa mềm dịu, y lụa đẹp đó trải rộng hơn ba cõi, trên mỗi một tòa một vị vua ngồi, dùng pháp Đại thừa giáo hóa chúng sinh. Hoặc có chúng sinh biên chép, thọ trì, đọc tụng y như lời dạy mà tu hành và lưu truyền kinh điển Đại thừa như vậy. Bấy giờ, Bồ-tát Vô Biên Thân làm an ổn vô lượng chúng sinh như thế rồi, đối với tự thân họ, khiến xả bỏ sự vui ở đời, họ đều than: “Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng! Đức Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn”. Bấy giờ, Bồ-tát Vô Biên Thân và vô lượng Bồ-tát vây quanh thị hiện sức thần thông như vậy rồi, mang đến vô lượng các phẩm vật cúng dường và thức ăn uống thơm ngon tuyệt diệu mà người nào nghe mùi thơm của thức ăn này thì các phiền não đều tiêu diệt. Do nhờ sức thần thông của Bồ-tát, tất cả đại chúng đều thấy thân lớn vô lượng, vô biên đồng như hư không của Bồ-tát Vô Biên Thân biến hóa như thế. Chỉ trừ Đức Phật còn không ai có thể thấy được giới hạn thân của Bồ-tát ấy. Lúc đó, Bồ-tát Vô Biên Thân cùng quyến thuộc bày biện đồ cúng dường gấp bội những người trước, đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, chắp tay cung kính thưa: “Bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài thương xót thọ nhận thức ăn của chúng con”. Đức Phật biết thời, im lặng không nhận. Thưa thỉnh ba lần như vậy, Đức Phật cũng không nhận. Bấy giờ, Bồ-tát Vô Biên Thân và quyến thuộc lui đứng một bên. Thế giới của chư Phật ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng có vô lượng Bồ-tát Vô Biên Thân, đem phẩm vật cúng dường nhiều gấp bội những người trước, đi đến chỗ Đức Phật… cho đến lui đứng một bên, cũng như vậy.

Bấy giờ, nơi rừng Ta-la, chỗ đất phước an lành, ngang dọc ba mươi hai do-tuần, đại chúng đông đúc, không còn chỗ chen chân. Lúc ấy, chỗ ngồi của Bồ-tát Vô Biên Thân và quyến thuộc ở bốn phương như đầu dùi hoặc như mũi kim, như vi trần, các Đại Bồ-tát ở các cõi Phật nhiều như số vi trần khắp cả mười phương đều tập hợp và tất cả đại chúng ở cõi Diêm-phù-đề cũng đến, chỉ trừ hai chúng của Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan, vua A-xà-thế và các quyến thuộc, còn cho đến các loài rắn độc, loài chỉ nhìn là có thể chết người, bọ hung, mối mọt và mười sáu loài tạo nghiệp ác, tất cả đều tập hợp.

Thần Đà-na-bà và A-tu-la v.v… đều bỏ niệm ác, sinh tâm từ xem nhau như cha như mẹ, như chị như em. Bấy giờ, chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới sinh tâm từ, hướng vào nhau cũng lại như vậy, trừ Nhất-xiển-đề. Lúc này, tam thiên đại thiên thế giới nhờ thần lực của Phật nên đất đều mềm mại, không còn gò nổng, đất đá, sỏi cát, gai góc, cỏ độc, các báu trang nghiêm giống như cõi Cực lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương. Lúc đó, đại chúng thấy rõ thế giới chư Phật như số vi trần ở mười phương, giống như thấy mình trong gương sáng, thấy quốc độ chư Phật cũng lại như vậy.

Bấy giờ, từ mặt Đức Như Lai phát ra ánh sáng năm màu, ánh sáng đó vi diệu che cả đại chúng khiến ánh sáng nơi thân họ biến mất, xong rồi thâu vào miệng. Lúc ấy, chư Thiên, loài người và các chúng hội A-tu-la thấy ánh sáng trở vào miệng của Phật, rất lo sợ, rợn cả người, lại nói: "Ánh sáng của Đức Phật đã phóng ra rồi thâu lại, chẳng phải là không có lý do, chắc chắn việc làm ở mười phương đã xong. Đây là tướng Niết-bàn sau cùng. Sao mà khổ thế! Sao mà khổ thế! Sao mà Thế Tôn sớm xả bỏ bốn tâm vô lượng, không còn thọ nhận sự cúng dường của hàng trời người!

Ánh sáng mặt trời Thánh tuệ từ nay lặn mất! Thuyền pháp vô thượng từ nay chìm nghỉm. Than ôi đau đớn thay! Thế gian khổ lớn!”. Họ đưa tay đấm ngực, gào khóc thảm thương, tứ chi rả rời không thể đứng vững, lỗ chân lông trên thân rướm máu thấm ướt mặt đất.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN II

PHẨM 1: THỌ MẠNG 2

Bấy giờ, trong chúng hội có Ưu-bà-tắc Thuần-đà, là một thợ giỏi ở thành Câu-thi-na, cùng mười lăm người bạn đồng nghiệp, vì muốn thế gian được quả lành, từ chỗ ngồi vội vàng đứng dậy, trịch áo vai phải, gối phải quỳ xuống, chắp tay hướng về Phật, nước mắt ràn rụa, đảnh lễ dưới chân Phật, thưa:

–Kính xin Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng thương xót thọ nhận bữa cúng dường cuối cùng này của chúng con, để độ thoát vô lượng chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Từ nay chúng con không còn có chủ, không người thân thích, không ai cứu giúp, không ai hộ trì, không chỗ quay về, không nơi hướng đến, khốn khổ bần cùng, muốn cầu phước báo tương lai. Nguyện xin Ngài thương xót thọ nhận sự cúng dường đơn sơ của chúng con, rồi mới vào Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ- xá hoặc Thủ-đà-la, vì nghèo khổ phải đi xa đến nước khác, ra sức làm nghề nông, có được con bò cày giỏi, ruộng tốt bằng phẳng, không bị đất cát, đất phèn, cỏ dữ, gốc cây… chỉ còn mong trời mưa. Con bò cày giỏi dụ cho bảy nghiệp của thân và miệng, ruộng tốt bằng phẳng dụ cho trí tuệ, trừ khử ruộng cát, ruộng phèn, cỏ dữ, gốc cây, dụ cho diệt trừ phiền não.

Bạch Thế Tôn! Chúng con đã có bò cày giỏi, ruộng tốt, đã trừ khử gốc cây, chỉ mong Đức Như Lai rưới mưa pháp cam lồ. Bốn giai cấp nghèo khổ chính là thân chúng con nghèo khổ. Nghèo khổ đây là đối với tài sản quý báu của pháp vô thượng, kính xin Thế Tôn thương xót chấm dứt sự bần cùng khốn khổ của chúng con và cứu giúp vô số chúng sinh khổ não. Vật thực tuy ít ỏi, nhưng chúng con mong được cúng dường đầy đủ cho Đức Như Lai và đại chúng. Hôm nay, chúng con không còn có chủ, không người thân thích, không nơi quay về, xin Ngài rủ lòng thương chúng con như thương La-hầu-la.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, bậc Nhất thiết chủng trí, Điều ngự Vô thượng bảo Thuần-đà:

–Lành thay! Lành thay! Ta sẽ chấm dứt sự nghèo khổ cho ông, rưới mưa pháp vô thượng xuống ruộng thân của ông, làm cho nảy sinh mầm pháp. Ông muốn cầu nơi Ta thọ mạng, sắc đẹp, sức mạnh, an lạc, vô ngại biện tài, Ta sẽ cho ông thọ mạng, sắc đẹp, sức mạnh, an lạc, vô ngại biện tài. Vì sao? Này Thuần-đà! Có hai trường hợp cúng dường thức ăn quả báo giống nhau. Một là cúng dường cho người nhận rồi chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hai là cúng dường cho người nhận rồi nhập Niết-bàn. Hôm nay, Ta nhận bữa cúng dường cuối cùng này của ông, khiến ông đầy đủ Bố thí Ba-la-mật.

Bấy giờ, Thuần-đà thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, có hai trường hợp cúng dường thức ăn được quả báo giống nhau. Nghĩa này không như vậy. Vì sao? Vì vị thọ thí trước phiền não chưa hết, chưa thành tựu Nhất thiết chủng trí, cũng chưa thể khiến cho chúng sinh đầy đủ Bố thí Ba-la-mật. Vị thọ thí sau đã đoạn hết phiền não, đã thành tựu Nhất thiết chủng trí và có thể khiến cho chúng sinh đầy đủ Bố thí Ba-la-mật. Vị thọ thí trước chỉ là chúng sinh, vị thọ thí sau là bậc Thế Tôn. Vị thọ thí trước chỉ là thân tạp thực, thân phiền não, thân hậu biên, thân vô thường; vị thọ thí sau thân không còn phiền não, thân kim cương, thân pháp, thân thường, thân vô biên. Như vậy, sao lại nói hai trường hợp cúng dường ấy quả báo giống nhau? Vị thọ thí trước chưa đầy đủ Bố thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật, chỉ có nhục nhãn chưa được Phật nhãn cho đến Tuệ nhãn. Vị thọ thí sau đã đầy đủ Bố thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật, đầy đủ Phật nhãn cho đến Tuệ nhãn, vậy sao lại nói hai trường hợp cúng dường có quả báo giống nhau?

Bạch Thế Tôn! Vị thọ thí trước, thức ăn vào bụng tiêu hóa, được sống, có sắc đẹp, sức mạnh, an lạc, vô ngại biện tài; vị thọ thí sau không ăn, không tiêu hóa, không có năm việc như trên. Sao lại nói hai trường hợp cúng dường có quả báo giống nhau?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Từ vô lượng vô biên vô số kiếp, Như Lai đã không còn thân ăn uống, thân phiền não, thân hậu biên, thân thường, thân pháp, thân kim cương.

Này thiện nam! Người chưa thấy Phật tánh gọi là thân phiền não, thân tạp thực, thân hậu biên. Bấy giờ, Bồ-tát thọ nhận ăn uống xong, vào Tam-muội kim cang, thức ăn này tiêu hóa xong, liền thấy Phật tánh, chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên Ta nói hai trường hợp cúng dường quả báo giống nhau. Lúc ấy, Bồ-tát phá trừ bốn ma, bây giờ nhập Niết-bàn cũng phá trừ bốn ma, cho nên Ta nói hai trường hợp cúng dường đó quả báo giống nhau.

Bấy giờ, Bồ-tát tuy đã thông đạt Mười hai bộ loại kinh văn nhưng không nói, bây giờ nhập Niết-bàn mới vì chúng sinh phân biệt diễn bày rộng rãi, cho nên Ta nói hai trường hợp cúng dường đó quả báo giống nhau.

Này thiện nam! Từ vô lượng vô số kiếp, thân Như Lai đã không nhận sự ăn uống. Vì để giảng nói cho các Thanh văn nên trước có nhận bát cháo sữa của hai cô gái chăn bò Nan-đà và Nan-đà-ba-la dâng cúng, sau đó chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng Ta thực sự không ăn. Hôm nay, vì chúng hội này, Ta nhận bữa cúng dường cuối cùng của ông, cũng thật sự không ăn.

Lúc ấy, nghe Phật - Thế Tôn vì chúng hội nhận sự cúng dường cuối cùng của Thuần-đà, đại chúng rất đỗi vui mừng, đồng thanh khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Thuần-đà, thật hiếm có! Hôm nay, ông đã làm một việc rất xứng đáng với tên của mình. Thuần-đà có nghĩa là “Diệu Nghĩa”, ông đã làm nên việc có ý nghĩa lớn như thế. Vì vậy, y theo sự thật và ý nghĩa mà đặt tên, nên gọi là Thuần-đà. Đời này ông được tiếng khen và lợi ích lớn, đức nguyện đầy đủ.

Thật kỳ diệu thay, Thuần-đà! Ông sinh ra trong đời được lợi ích vô thượng, khó có.

Lành thay, Thuần-đà! Như hoa Ưu-đàm hiếm có ở thế gian, Đức Phật ra đời cũng rất khó, gặp Phật phát sinh lòng tin, nghe pháp cũng rất khó. Cúng dường bữa cuối cùng khi Phật sắp nhập Niết-bàn, có thể làm hoàn thành việc này lại càng khó hơn.

Kính lễ Thuần-đà! Kính lễ Thuần-đà! Nay ông đã đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, giống như ánh trăng rằm mùa thu, trong sáng tròn đầy không bị mây che, tất cả chúng sinh đều được chiêm ngưỡng, ông cũng như thế, được chúng tôi chiêm ngưỡng. Phật đã nhận bữa cúng dường cuối cùng của ông, làm cho ông đầy đủ Bố thí Ba-la-mật. Kính lễ Thuần-đà! Ông giống như mặt trăng tròn đầy, tất cả chúng sinh đều chiêm ngưỡng.

Kính lễ Thuần-đà! Tuy thọ thân người nhưng tâm như Phật. Thuần-đà! Hôm nay ông thật sự là con Phật, giống như La-hầu-la không khác.

Khi ấy, đại chúng nói kệ:

Ông tuy sinh làm người
Nhưng vượt trời thứ sáu
Chúng tôi, tất cả chúng
Nay cúi đầu kính thỉnh.
Bậc tối thắng loài người
Nay sắp nhập Niết-bàn
Xin ông thương chúng tôi
Kính mong mau thỉnh Phật.
Ở lâu nơi thế gian
Lợi ích vô lượng chúng
Nói pháp bậc trí khen
Là cam lồ vô thượng.
Nếu ông không thỉnh
Phật Mạng chúng tôi bất toàn

Xin ông vì chúng tôi
Kính thỉnh Đức Điều Ngự.

Bấy giờ, Thuần-đà vui mừng hớn hở, giống như người có cha mẹ chết đi bỗng nhiên sống lại, đảnh lễ nơi chân Phật, nói kệ:

Vui thay được lợi mình
Khéo được thọ thân người
Diệt trừ tham, sân, si
Thoát hẳn ba đường ác.
Vui thay được lợi mình
Gặp được kho vàng, báu
Gặp gỡ Đức Điều Ngự
Không sợ đọa súc sinh.
Phật như hoa Ưu-đàm
Khó gặp được, kính tin
Gặp rồi trồng căn lành
Dứt hẳn khổ ngạ quỷ.
Lại cũng hay giảm bớt
Chủng loại A-tu-la
Phật ra đời khó hơn
Hạt cải ghim đầu kim.
Ta dùng pháp bố thí
Độ sinh tử trời, người
Phật không nhiễm việc đời
Như hoa sen trong nước.
Khéo dứt giống Hữu đảnh
Thoát hẳn dòng sinh tử

Sinh làm người là khó
Gặp đời có Phật khó.
Giống như trong biển lớn
Rùa mù gặp bộng cây
Nay con dâng thực phẩm
Mong được phước vô thượng.
Phá phiền não kiết sử
Tất cả đều tiêu tan
Nay con ở nơi đây
Không cầu thân trời, người.
Giả sử được thân ấy
Lòng cũng không ham thích
Được Phật nhận cúng dường
Con vui sướng không lường.
Khác nào hoa Y lan
Ngát mùi hương chiên-đàn
Thân con, hoa Y lan
Thế Tôn nhận cúng dường.
Như tỏa hương chiên-đàn
Vì vậy con vui mừng
Nay con được hiện báo
Chỗ tối thắng thượng diệu.
Đế thích cùng Phạm thiên
Đều đến cúng dường con
Tất cả các thế gian
Đều sinh lòng buồn khổ.
Vì biết Phật Thế Tôn

Sắp vào đại Niết-bàn
Đồng cất tiếng xướng to:
–Thế gian không còn Phật.
Xin đừng bỏ chúng sinh
Nên xem như con một
Như Lai ở trong chúng
Diễn nói pháp vô thượng.
Như núi báu Tu-di
Sừng sững giữa biển cả
Trí Phật khéo dứt được
Tối vô minh của con.
Giống như giữa hư không
Nổi mây được mát mẻ
Như Lai khéo dứt trừ
Tất cả các phiền não.
Như khi mặt trời mọc
Tan mây, sáng khắp nơi
Các loài chúng sinh đây
Khóc than sưng mặt mày.
Đều bị dòng sinh tử
Cuốn trôi rất khốn khổ
Vì vậy xin Thế Tôn
Tăng niềm tin chúng sinh
Vì dứt khổ sinh tử
Ở lâu nơi thế gian.

Phật bảo Thuần-đà:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông nói. Phật ra đời là khó như hoa Ưu-đàm, gặp Phật phát sinh lòng tin cũng là khó, cúng dường bữa cuối cùng khi Phật sắp Niết-bàn cho được viên mãn lại càng khó hơn. Này Thuần-đà! Ông chớ buồn khổ, hãy nên vui mừng, thấy mình hạnh phúc, được cúng dường Như Lai lần cuối cùng, thành tựu đầy đủ Bố thí Ba-la-mật. Ông đừng nên xin Ta trụ lâu ở đời. Ông hãy quán sát cảnh giới của chư Phật đều là vô thường. Tánh, tướng của các hành đều như vậy.

Vì Thuần-đà, Đức Phật nói kệ:

Tất cả các thế gian
Có sinh thì có tử
Thọ mạng tuy vô lượng
Có lúc phải kết thúc.
Có thịnh ắt có suy
Sum họp ắt chia lìa
Tuổi trẻ chẳng dừng lâu
Khỏe mạnh rồi cũng bệnh.
Thần chết nuốt mạng người
Không pháp nào còn mãi
Bậc vua chúa tự tại
Thế lực không ai bằng.
Tất cả đều thay đổi
Mạng sống cũng như vậy
Khổ quay không giới hạn
Xoay chuyển không ngừng nghỉ.

Ba cõi đều vô thường
Các cõi chẳng gì vui
Tánh, tướng của các pháp
Tất cả đều rỗng không.
Pháp sinh diệt dời đổi
Luôn có những lo buồn
Sợ hãi các tội ác
Già, bệnh, chết, buồn rầu.
Các khổ ấy vô biên
Hư rã, oán lấn lướt
Bị phiền não trói buộc
Giống như tằm trong kén.
Là người có trí tuệ
Sao lại thích điều này
Thân này chứa các khổ
Tất cả đều chẳng sạch.
Trói buộc và ung nhọt
Vô nghĩa từ căn bản
Trên đến thân chư Thiên
Đều phải chịu như thế.
Các dục đều vô thường
Nên Ta chẳng tham đắm
Lìa dục khéo tư duy
Chứng đạt pháp chân thật.
Hoàn toàn dứt các hữu
Hôm nay vào Niết-bàn
Ta đã đến bờ kia

Đã thoát hẳn các khổ.
Cho nên ngày hôm nay
Nhận toàn vui thượng diệu
Nhờ các nhân duyên này
Chứng quả vị chân thật.
Dứt hẳn các trói buộc
Ngày nay vào Niết-bàn
Ta không già, bệnh, chết
Tuổi thọ không thể hết.
Nay Ta vào Niết-bàn
Ví như lửa lớn tắt
Thuần-đà, ông không nên
Suy nghĩ nghĩa Như Lai.
Nên quán tánh Như Lai
Giống như núi Tu-di
Nay Ta vào Niết-bàn
Thọ niềm vui bậc nhất
Pháp chư Phật như vậy
Các ông đừng khóc lóc.

Bấy giờ, Thuần-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng thế! Đúng thế! Đúng như lời Phật dạy, trí tuệ của con nhỏ hẹp, nông cạn giống như muỗi mòng, làm sao có thể tư duy ý nghĩa sâu xa của Niết-bàn Như Lai. Bạch Thế Tôn! Hôm nay con đã đoạn trừ các kiết sử của phiền não, sánh cùng hàng với các Đại Bồ-tát Long tượng như Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi.

Bạch Thế Tôn! Giống như người nhỏ tuổi mới xuất gia, tuy chưa thọ giới Cụ túc nhưng cũng thuộc hàng chúng Tăng. Con cũng như vậy, nhờ năng lực thần thông của Phật và Bồ-tát mà được ở trong hàng Đại Bồ-tát. Thế nên, hôm nay con muốn Đức Như Lai ở lâu nơi đời, đừng nhập Niết-bàn. Giống như người đói lâu ngày không bao giờ ói, cúi xin Thế Tôn ở lâu với đời, đừng nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi bảo Thuần-đà:

–Này Thuần-đà! Ông đừng nói muốn Đức Như Lai ở mãi trên đời như thế không nhập Niết-bàn, như người đói lâu ngày không bao giờ ói. Ông hãy quán sát tánh tướng của các hành, quán sát như vậy đầy đủ Tam-muội không, muốn cầu chánh pháp nên học như vậy.

Thuần-đà hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai là bậc tối tôn tối thắng trong hàng trời, người. Đức Như Lai như vậy cũng là hành sao? Nếu là hành thì cũng là pháp sinh diệt. Ví như bọt nước thoạt nổi thoạt tan, qua lại xoay vần giống như bánh xe, tất cả các hành cũng như thế. Tôi nghe chư Thiên tuổi thọ rất lâu dài, Đức Như Lai là bậc tôn quý hơn cả chư Thiên sao tuổi thọ lại ngắn ngủi chưa đầy trăm năm? Như người chủ làng xóm, có thế lực tự tại, dùng thế lực tự tại đó có thể khống chế người khác. Về sau, vì hết phước, người chủ ấy nghèo hèn, bị người khác khinh miệt và sai khiến. Vì sao? Vì mất thế lực. Thế Tôn cũng như vậy, nếu đồng với các hành thì không thể được tôn xưng là bậc Thiên Trung Thiên. Vì sao? Vì các hành là pháp sinh tử, vì vậy thưa Bồ-tát Văn-thù, chớ quán sát Như Lai đồng với các hành.

Lại nữa, thưa Bồ-tát Văn-thù! Bồ-tát có biết hay không biết mà lại nói Đức Như Lai đồng với các hành. Nếu Đức Như Lai đồng với các hành thì sẽ không được tôn xưng là Đấng Pháp Vương Tự Tại, là bậc Thiên Trung Thiên. Ví như nhà vua có vị đại lực sĩ, sức mạnh địch lại ngàn người, không ai có thể đánh bại được, cho nên gọi người này là "một người địch ngàn người". Vua rất yêu mến nên dĩ nhiên là ban thưởng chức tước, bổng lộc cho vị lực sĩ này. Cho dù được gọi là người "một người địch ngàn người" nhưng sức mạnh của người này chưa chắc địch nổi ngàn người, chỉ vì khéo léo dùng tài năng để có thể thắng được ngàn người nên gọi là "một người địch ngàn người". Đức Như Lai cũng vậy, hàng phục ma phiền não, ma năm ấm, ma trời, ma chết. Vì vậy Đức Như Lai được tôn xưng là bậc tôn quý trong ba cõi. Như lực sĩ kia một mình địch nổi ngàn người, do nhân duyên thành tựu đầy đủ vô lượng các loại công đức chân thật, cho nên tôn xưng là bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát không nên suy nghĩ pháp của Như Lai giống với các hành. Ví như ông Trưởng giả giàu có sinh con trai, thầy tướng số xem đứa trẻ có tướng chết yểu. Cha mẹ nghe rồi, biết nó không thể gánh vác việc nối dõi, nên không thương yêu, xem như cỏ rác. Vả lại, người chết yểu thì không được Sa-môn, Bà-la-môn, già, trẻ, gái, trai tôn trọng. Nếu Đức Như Lai đồng với các hành, thì cũng không được tất cả hàng trời người, chúng sinh trong thế gian tôn trọng, pháp chân thật không thay đổi mà Như Lai đã thuyết giảng cũng không ai tin nhận. Vì thế, thưa Bồ-tát Văn-thù! Bồ-tát không nên nói Như Lai đồng với các hành.

Lại nữa, thưa Bồ-tát Văn-thù! Ví như cô gái nghèo không có nhà cửa, không ai giúp đỡ, lại bị bệnh, đói khát giày vò, lang thang xin ăn, dừng chân ở nhà trọ, sinh nhờ một đứa con, chủ nhà trọ đuổi đi. Sinh con chưa được bao lâu, cô gái ấy bồng con đi đến nước khác, giữa đường gặp mưa to gió lớn, rét mướt, đắng cay đều nếm trải, lại bị muỗi mòng, ruồi ong, trùng độc bâu cắn. Vượt sông Hằng, cô gái ấy ôm con lội qua, nước chảy cuồn cuộn nhưng không buông đứa con, nên cả hai mẹ con đều bị chết đuối. Cô gái ấy nhờ công đức thương yêu con nên sau khi chết, được sinh lên Phạm thiên.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam nào muốn hộ trì chánh pháp, chớ nói Như Lai giống với các hành hay không giống với các hành, mà chỉ nên tự trách mình ngu si, không có mắt tuệ, chánh pháp của Như Lai không thể nghĩ bàn. Vì vậy, không nên nói Như Lai nhất định là hữu vi hay vô vi. Người chánh kiến nên nói Như Lai nhất định là vô vi. Vì sao? Đức Như Lai vì chúng sinh mà phát sinh pháp thiện, phát sinh thương xót. Như cô gái nghèo kia vượt sông Hằng, vì thương con nên bỏ thân mạng. Thiện nam, hộ pháp Bồ-tát cũng nên như thế, thà bỏ thân mạng chứ không nói Như Lai giống với pháp hữu vi, mà phải nói Như Lai giống với pháp vô vi. Vì nói Như Lai giống với pháp vô vi, nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như cô gái kia được sinh lên Phạm thiên. Vì sao? Vì hộ trì chánh pháp. Thế nào là hộ trì chánh pháp? Nghĩa là nói Như Lai giống với pháp vô vi. Người nói như thế tuy không cầu giải thoát mà giải thoát tự đến, như cô gái nghèo không cầu sinh lên Phạm thiên mà cõi Phạm thiên tự nhiên đến.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như người đi xa, giữa đường mệt mỏi, nghỉ nhờ nhà người khác. Trong khi ngủ, ngôi nhà ấy bỗng nhiên bốc cháy, người ấy liền bừng tỉnh, sợ hãi tự nghĩ: “Hôm nay chắc chắn ta chết mất”. Vì sợ xấu hổ nên lấy áo choàng vào mình, sau khi chết được sinh lên trời Đao-lợi. Sau đó, tám mươi đời đều làm vua cõi trời Đại Phạm, trăm ngàn đời sinh vào loài người làm vua Chuyển luân, người này không bị đọa vào ba đường ác, lần lượt thường sinh vào nơi an lạc.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì duyên cớ ấy, người nào có sự hổ thẹn thì không nên xem Phật giống với các hành.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ngoại đạo, tà kiến nói Như Lai đồng với pháp hữu vi. Tỳ-kheo trì giới không nên đối với Như Lai phát sinh tưởng hữu vi như vậy. Nếu nói Như Lai là hữu vi tức là vọng ngữ, nên biết người này sau khi chết bị đọa vào địa ngục, ở mãi trong đó như nhà của mình.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai thật sự là pháp vô vi, không nên nói là pháp hữu vi. Hôm nay, Ngài ở trong sinh tử nên bỏ vô trí mà cầu chánh trí, nên biết Như Lai là pháp vô vi. Nếu có thể quán sát Như Lai như vậy, sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, mau chóng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi khen Thuần-đà:

–Lành thay! Lành thay! Hôm nay, ông đã tạo được nhân duyên sống lâu, có thể biết Đức Như

Lai là pháp thường trụ, pháp không biến đổi, pháp vô vi. Như thế là ông đã khéo léo phủ nhận Như Lai có tướng hữu vi. Như người ở trong ngôi nhà cháy kia, vì biết hổ thẹn nên lấy áo che thân, nhờ tâm thiện này mà sinh lên cõi trời Đao-lợi, lại làm vua ở cõi trời Đại Phạm, làm vua Chuyển luân, không bị đọa vào đường ác, thường hưởng an lạc. Ông cũng như vậy, do khéo léo phủ nhận Như Lai có tướng hữu vi, nên chắc chắn đời sau được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười tám pháp bất cộng, sống lâu vô lượng, không ở trong sinh tử, thường thọ hưởng an lạc, không bao lâu sẽ thành tựu bậc Ứng Chánh Biến Tri.

Này Thuần-đà! Ta cùng với ông đều phủ nhận Như Lai có tướng hữu vi. Thôi, hãy để việc vô vi và hữu vi lại, lát nữa Như Lai sẽ nói rõ. Ông nên mau chóng cúng dường thức ăn cho đúng lúc, cúng dường như vậy là tối thắng nhất trong các pháp cúng dường. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ- kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đi xa mệt mỏi thì nên sắm lễ vật thanh tịnh cúng dường đúng lúc, cúng dường mau chóng cho họ như thế chính là đầy đủ hạt giống căn bản Bố thí Ba-la-mật.

Này Thuần-đà! Nếu cúng dường Phật và chư Tăng bữa cuối cùng, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc đủ hoặc thiếu, thì phải mau chóng và kịp thời, đã đến lúc Như Lai nhập Niết-bàn.

Thuần-đà thưa:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Vì sao Bồ-tát vì tham thức ăn này mà nói nhiều ít, đủ thiếu, bảo con cúng dường đúng lúc.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ngày xưa Đức Như Lai với sáu năm tu khổ hạnh còn tự tại chịu được, huống hồ là một khoảnh khắc hôm nay.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát thật cho rằng Đức Như Lai Chánh Đẳng Giác thọ nhận thức ăn này sao? Nhưng con biết chắc thân Như Lai là pháp thân, chẳng phải là thân ăn uống.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng thế! Đúng thế! Như Thuần-đà nói. Lành thay Thuần-đà!

Ông đã thành tựu trí lớn vi diệu, khéo thâm nhập kinh điển Đại thừa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thuần-đà:

–Ông nói Như Lai là bậc vô vi, thân của Như Lai là thân trường thọ, nếu hiểu biết như thế thì Đức Phật rất vui lòng.

Thuần-đà thưa:

–Đức Như Lai chẳng những hài lòng riêng đối với con mà còn hài lòng đối với tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đối với ông, đối với ta và tất cả chúng sinh, Đức Như Lai đều hài lòng.

Thuần-đà thưa:

–Bồ-tát không nên nói Đức Như Lai hài lòng.

Nếu nói hài lòng tức là tưởng điên đảo, nếu có tưởng điên đảo chính là có sinh tử, có sinh tử tức là có pháp hữu vi. Cho nên, thưa Bồ-tát Văn-thù! Đừng nên nói Như Lai là hữu vi. Nếu nói Như Lai là hữu vi thì con và Bồ-tát đều hành điên đảo.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai không có tưởng nhớ. Nếu có tưởng nhớ thì như bò mẹ tưởng nhớ đến con, dẫu là đói khát đi tìm nước, cỏ, hoặc đủ, hoặc chưa đủ cũng vội vã quay về. Chư Phật Thế Tôn không nhớ nghĩ như thế, bình đẳng xem tất cả chúng sinh như La-hầu-la. Nghĩ như vậy, tức là cảnh giới trí tuệ của chư Phật.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ví như quốc vương ngự trên xe tứ mã, mà muốn cho xe lừa đuổi kịp xe ấy là việc không thể xảy ra. Con và Bồ-tát cũng như vậy, muốn biết cùng tận sự thâm diệu, bí mật, vi diệu của Như Lai cũng không thể được.

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như chim cánh vàng bay vọt lên hư không vô lượng do-tuần, nhìn xuống biển cả thấy rõ những loài thủy tộc như loài cá, ba ba, giải, đà, rùa, rồng và thấy bóng của mình rõ ràng như mình ở trước gương sáng, thấy tất cả cảnh vật. Phàm phu trí nhỏ không thể suy lường được sự thấy trên. Con và Bồ-tát cũng như vậy, không thể suy lường trí tuệ của Như Lai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thuần-đà:

–Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói, ta đối với việc này chẳng phải là không thấu đạt nhưng chỉ muốn dùng các việc của Bồ-tát để thử ông.

Bấy giờ, từ trên mặt Đức Thế Tôn phóng ra đủ loại ánh sáng. Ánh sáng ấy chiếu sáng thân Bồ-tát Văn-thù. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tiếp xúc ánh sáng này rồi, liền biết việc ấy, bảo Thuần-đà:

–Hôm nay, Đức Như Lai hiện tướng điềm lành, không bao lâu nữa chắc chắn sẽ nhập Niết-bàn. Trước tiên ông hãy thiết lễ cúng dường bữa ăn cuối cùng, đúng lúc dâng cúng Phật và chúng Tăng. Thuần-đà nên biết! Đức Như Lai phóng ra đủ loại ánh sáng như thế, chẳng phải là không có nhân duyên.

Thuần-đà nghe rồi, lặng người ngồi yên. Phật bảo Thuần-đà:

–Bây giờ đã đến lúc ông dâng thực phẩm cúng dường Phật và chúng Tăng, Như Lai sắp nhập Niết-bàn. Đức Phật lập lại như thế đến lần thứ ba.

Bấy giờ, Thuần-đà nghe Đức Phật dạy rồi, cất tiếng kêu khóc bi thương, nghẹn ngào nói:

–Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng! Ông lại thưa với đại chúng:

–Hôm nay, chúng ta phải cùng nhau đảnh lễ sát đất, đồng thanh cầu xin Đức Phật đừng nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông đừng nên khóc lóc khiến cho tâm bị tổn hại. Phải quán sát thân này giống như cây chuối, như sóng nước lúc trời nắng, như bọt nước, như huyễn hóa, như ảo thành, như tia chớp, như vẽ trên nước, như người tù sắp chết, như trái chín muồi, như thịt cắt khúc, như bức dệt đã hết khổ, như chày giã lên xuống. Phải quán các hành như thức ăn có lẫn chất độc, pháp hữu vi có nhiều tai họa.

Khi ấy, Thuần-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai không muốn ở lâu nơi thế gian, làm sao mà con không khóc được! Khổ thay! Khổ thay! Thế gian sẽ trống rỗng! Cúi xin Thế Tôn thương xót chúng con và tất cả chúng sinh, ở lâu nơi thế gian, đừng nhập Niết-bàn.

Phật bảo Thuần-đà:

–Ông chẳng nên nói là hãy thương xót ông mà ở lâu nơi thế gian.

Ta vì thương xót ông và tất cả chúng sinh nên hôm nay mới nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì pháp của chư Phật là như vậy. Pháp hữu vi cũng như thế, nên chư Phật nói kệ:

Các pháp hữu vi

Tánh chúng vô thường Sinh rồi chẳng trụ Tịch diệt là vui.

Này Thuần-đà! Ông nên quán sát tất cả các hành là pháp tạp nhiễm, vô ngã, vô thường, chẳng trụ, thân này có vô số lỗi lầm, hoạn nạn, giống như bọt nước. Vì thế, hôm nay ông không nên khóc lóc.

Bấy giờ, Thuần-đà lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Thật đúng như lời Ngài dạy. Tuy biết Như Lai thị hiện phương tiện vào Niết-bàn, nhưng con không thể không buồn rầu. Tuy nhiên tự suy nghĩ lại thì cảm thấy rất vui mừng.

Phật khen Thuần-đà:

–Lành thay! Lành thay! Ông có thể biết Như Lai thị hiện giống như chúng sinh, thị hiện phương tiện vào Niết-bàn. Này Thuần-đà! Ông hãy lắng nghe, như vào mùa xuân chim Bà-la-bà đều tụ tập nơi ao A-nậu-đạt (Vô nhiệt não), chư Phật cũng vậy, đều đến chỗ ấy. Này Thuần-đà! Ông chớ nên suy nghĩ chư Phật là trường thọ hay đoản thọ. Tất cả các pháp đều là tướng huyễn hóa, Như Lai ở trong đó dùng sức phương tiện không hề đắm nhiễm. Vì sao? Vì pháp của chư Phật là như vậy. Này Thuần-đà! Nay Như Lai nhận sự cúng dường của ông, là vì muốn cho ông vượt qua được dòng sinh tử trong các hữu. Nếu các hàng trời, người nào cúng dường cho Như Lai bữa cuối cùng như đây, thì đều được quả báo bất động, luôn được an vui. Vì sao? Vì Như Lai là ruộng phước tốt lành của chúng sinh. Nếu ông muốn vì chúng sinh mà làm ruộng phước thì hãy mau bày biện phẩm vật cúng dường, không nên chậm trễ.

Bấy giờ, Thuần-đà vì muốn cho các chúng sinh được độ thoát nên cúi đầu nuốt lệ, thưa:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Nếu khi con có thể làm được ruộng phước thì con sẽ biết rõ Như Lai vào Niết-bàn hay không vào Niết-bàn. Hôm nay, trí tuệ của chúng con và hàng Thanh văn, Duyên giác giống như con muỗi, con kiến, thật không thể suy lường được Đức Như Lai vào Niết-bàn hay chẳng vào.

Bấy giờ, Thuần-đà cùng quyến thuộc buồn rầu khóc lóc đi quanh Đức Như Lai, đốt hương, rải hoa, hết lòng cung kính cúng dường Đức Phật, rồi cùng với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rời chỗ ngồi đi sắm sửa thực phẩm. Lúc hai vị đi chưa được bao lâu, mặt đất chấn động sáu cách, cho đến cõi Phạm thiên cũng lại như vậy. Mặt đất chấn động có hai cách: hoặc là địa động hoặc là đại địa động; có chấn động nhỏ gọi là địa động, chấn động lớn gọi là đại địa động; có tiếng động nhỏ gọi là địa động, có tiếng động lớn gọi là đại địa động; chỉ có mặt đất chấn động thì gọi là địa động, tất cả núi, sông, cây cối và nước trong biển cả đều chấn động gọi là đại địa động; chấn động một chiều gọi là địa động, chấn động xoay chiều gọi là đại địa động; chỉ có chấn động gọi là địa động, khi chấn động làm cho tâm chúng sinh cũng bị chấn động gọi là đại địa động; khi Bồ-tát mới từ cung trời Đâu-suất giáng thần xuống cõi Diêm-phù-đề gọi là đại địa động, từ khi mới đản sinh, xuất gia, chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển pháp luân và vào Niết-bàn gọi là đại địa động. Hôm nay, Như Lai sắp nhập Niết-bàn nên mặt đất chấn động mạnh như vậy.

Lúc ấy, các hàng trời, rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, chẳng phải người nghe lời ấy rồi, rợn cả người, đồng thanh khóc thương, nói kệ:

Cúi đầu lạy Thế Tôn
Chúng con xin cung thỉnh
Nếu Phật bỏ chúng con
Tuyệt không ai cứu giúp.
Đức Phật vào Niết-bàn
Chúng con chìm biển khổ
Rất sầu lo, đau buồn
Như trâu nghé mất mẹ.
Bần cùng không ai giúp
Như người bệnh ngặt nghèo
Không lương y chăm sóc
Ăn đồ không nên ăn.
Chúng sinh bệnh phiền não

Thường bị kiến chấp hại
Xa lìa Đấng Y vương
Ăn uống thuốc tà độc.
Vì vậy xin Thế Tôn
Chẳng nên hiện xả ly
Như nước không có vua
Dân chúng bị đói khát.
Chúng con cũng như vậy
Mất bóng mát, pháp vị
Nay nghe Phật Niết-bàn
Lòng chúng con rối loạn.
Như mặt đất chấn động
Quên hết các phương hướng
Thế Tôn vào Niết-bàn
Mặt trời Phật rụng xuống.
Nước pháp đều khô cạn
Chúng con chắc sẽ chết
Như Lai vào Niết-bàn
Chúng sinh rất khổ não.
Như con ông Trưởng giả
Vừa mất cha lẫn mẹ
Đức Phật vào Niết-bàn
Sẽ không trở lại nữa.
Chúng con và chúng sinh
Đều không ai cứu giúp
Thế Tôn vào Niết-bàn
Cho đến loài súc sinh.

Tất cả đều lo sợ
Khổ não đốt tâm can
Chúng con ngày hôm nay
Làm sao không buồn khổ.
Như Lai hiện xả thân
Giống như bỏ đàm dãi
Như mặt trời mới mọc
Ánh sáng chiếu rực rỡ.
Đã có thể tự soi
Lại trừ hết tăm tối
Ánh sáng, thần thông
Phật Trừ khổ não chúng con
Phật ở trong đại chúng
Lớn như núi Tu-di.

Bạch Thế Tôn! Ví như vị quốc vương sinh dưỡng các con, tướng mạo đẹp đẽ, vua rất yêu mến, trước dạy cho tài nghệ đều được thông suốt, sau đó đem giao cho đao phủ bảo giết. Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con là con của Đấng Pháp Vương, cúi xin Như Lai dạy bảo để chúng con đầy đủ chánh kiến, xin đừng bỏ chúng con. Nếu Phật bỏ chúng con thì chúng con khác nào như các vương tử kia. Ngưỡng mong Phật ở lâu nơi đời, đừng vào Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Ví như có người học giỏi các bộ luận, rồi lại sợ hãi đối với các bộ luận ấy. Như Lai cũng vậy, thông đạt các pháp mà lại sợ hãi đối với các pháp. Nếu Như Lai ở lâu nơi đời, giảng pháp cam lồ cho tất cả đều được thấm nhuần đầy đủ, các chúng sinh như vậy không còn sợ bị đọa vào địa ngục. Bạch Thế Tôn! Ví như có người mới học làm nghề, bị quan bắt giam vào ngục. Có người hỏi: “Ở trong đó như thế nào?”. Người ấy đáp: “Tôi đang vô cùng buồn khổ, phải chi được thả ra thì tôi sung sướng biết mấy”. Thế Tôn cũng vậy, Ngài vì chúng con mà tu hành khổ hạnh, ngày nay chúng con còn chưa được thoát khổ não sinh tử thì sao Như Lai lại an vui được. Bạch Thế Tôn! Ví như Y vương hiểu rành các phương thuốc, chỉ dạy riêng bí mật nghề nghiệp cho con của mình, mà không dạy cho những người học trò khác. Như Lai cũng vậy, chỉ đem pháp tạng bí mật sâu xa mầu nhiệm dạy riêng cho Bồ-tát Văn-thù mà bỏ lơ chúng con, chẳng thấy đoái hoài, thương xót. Xin Như Lai đối với pháp chẳng nên keo kiệt, đừng như Y vương kia chỉ thiên vị dạy cho con của mình mà không dạy cho các học trò khác. Người thầy thuốc ấy sở dĩ không dạy khắp cho các học trò, vì lòng còn phân biệt hơn, thua nên mới tiếc rẻ phương thuốc bí truyền. Tấm lòng Như Lai hoàn toàn không còn chuyện hơn, thua, sao Ngài lại không dạy cho tất cả chúng con. Cúi xin Như Lai ở lâu nơi đời, đừng vào Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Ví như những người già, trẻ, bệnh khổ, không biết đường an lành, mà đi nơi đường nguy hiểm, gian nan, chịu nhiều khổ não. Có người khác thấy vậy thương xót bèn chỉ cho con đường tốt, bằng phẳng. Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng như vậy, người trẻ dụ cho những người chưa tăng trưởng pháp thân, người già dụ cho người phiền não còn sâu nặng, người bệnh dụ cho người chưa thoát khỏi sinh tử, con đường nguy hiểm dụ cho hai mươi lăm Hữu. Cúi xin Thế Tôn chỉ cho chúng con con đường chân chánh cam lồ, ở lâu nơi đời đừng vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo! Chớ khóc lóc buồn rầu giống như hàng phàm phu, trời, người, hãy siêng năng tinh tấn, giữ tâm chánh niệm.

Hàng trời, người, A-tu-la v.v… nghe lời Phật dạy, không khóc lóc nữa, giống như có người đưa đám tang con xong không còn khóc lóc.

Bấy giờ, Đức Như Lai vì đại chúng nói kệ:

Các ông phải sáng suốt
Không nên quá sầu khổ
Pháp chư Phật đều vậy
Vì thế nên im lặng.
Ưa hạnh không buông lung
Giữ tâm luôn chánh niệm
Xa lìa các phi pháp
Yên lòng được vui vẻ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Nếu có gì nghi ngờ thì bây giờ hãy thưa hỏi hết đi, đối với các pháp không, chẳng phải không; thường, vô thường; khổ, không khổ; nương tựa, chẳng nương tựa; đi, chẳng phải đi; quay về, chẳng phải quay về; thường hằng, chẳng phải thường hằng; hoặc đoạn, thường; chúng sinh, chẳng phải chúng sinh; hoặc có, không; hoặc thật, giả; hoặc chân, chẳng chân; hoặc diệt, chẳng diệt; bí mật, không bí mật; hoặc hai, không hai… có nghi ngờ gì, nay nên thưa hỏi. Như Lai sẽ tùy thuận, dứt trừ điều nghi ngờ cho các ông. Rồi trước sẽ nói cho các ông pháp cam lồ giải thoát, sau đó mới vào Niết-bàn.

Này các Tỳ-kheo! Phật ra đời là khó, được thân người là khó, được gặp Phật phát sinh niềm tin là khó, nhẫn được những điều khó nhẫn cũng là khó, thành tựu giới cấm trọn vẹn không khiếm khuyết, đắc quả A-la-hán lại càng khó hơn, như tìm hoa Ưu-đàm trong cát vàng. Này các Tỳ-kheo! Xa lìa tám nạn, được làm thân người là khó. Các ông đã gặp được Như Lai đừng để trôi qua vô ích. Ngày xưa, Như Lai tu hành nhiều khổ hạnh, nay mới được phương tiện vô thượng như vậy. Trong vô lượng kiếp vì các ông mà Ta xả bỏ thân mạng, chân tay, đầu mắt, tủy não… Vì thế, các ông chớ nên buông lung. Này các Tỳ- kheo! Làm thế nào để trang nghiêm thành báu chánh pháp, đầy đủ vô số châu báu công đức? Dùng giới, định, tuệ làm tường vách, thông hào. Các ông nay đã gặp thành báu pháp Phật, đừng nên lượm những đồ vật chẳng có giá trị gì. Giống như người thương chủ gặp được thành châu báu mà chỉ lấy ngói gạch đem về nhà, các ông cũng vậy, đã gặp được thành báu pháp Phật mà chỉ chấp lấy những pháp hư ngụy. Này các Tỳ-kheo! Đừng giữ tâm thấp kém mà cho là đủ. Các ông hôm nay tuy đã được xuất gia mà chẳng ưa thích pháp Đại thừa. Này các Tỳ-kheo! Các ông thân tuy mặc áo ca-sa hoại sắc nhưng tâm thì chưa thấm nhuần pháp Đại thừa thanh tịnh. Các ông tuy đi khất thực khắp nơi nhưng chưa từng xin món ăn pháp Đại thừa. Các ông dầu đã cạo bỏ râu tóc nhưng chưa vì chánh pháp mà diệt trừ các kiết sử. Này các Tỳ- kheo! Nay Ta sẽ chân thật dạy bảo cho các ông, đại chúng đệ tử của Như Lai hiện đang hòa hợp, pháp tánh của Như Lai chân thật không điên đảo. Do vậy các ông phải siêng năng thâu giữ tâm, dũng mãnh diệt trừ các kiết sử, nếu không thì khi mặt trời trí tuệ mười lực lặn rồi, các ông sẽ bị vô minh che lấp. Này các Tỳ-kheo! Ví như cỏ thuốc trong núi rừng, ở trên mặt đất để cho chúng sinh dùng, pháp của Như Lai cũng vậy, sinh ra pháp vị cam lồ tuyệt diệu để làm thuốc hay, chữa đủ các loại bệnh phiền não cho chúng sinh. Hôm nay, Ta sẽ khiến cho tất cả chúng sinh và bốn chúng đệ tử của Ta đều được an trú trong tạng pháp bí mật, Ta cũng an trú trong đó mà vào

Niết-bàn. Thế nào gọi là tạng pháp bí mật? Giống như chữ Y ba chấm (, ‘,), nếu ba chấm nằm ngang hàng thì không thể thành chữ Y, mà đứng thẳng hàng cũng không thành, phải giống như ba mắt trên mặt của trời Ma-hê-thủ-la mới thành chữ Y ba chấm, nếu khác đi cũng không thành. Như Lai cũng như vậy, pháp giải thoát cũng chẳng phải là Niết-bàn, thân của Như Lai cũng chẳng phải là Niết-bàn, Đại Bát nhã cũng chẳng phải Niết-bàn, ba pháp đều khác nhau cũng chẳng phải Niết-bàn, Ta nay an trú trong ba pháp như thế, vì chúng sinh mà nói là Niết-bàn như chữ Y trong đời.

Bấy giờ, nghe Phật Thế Tôn quyết định vào Niết-bàn, các Tỳ- kheo đều buồn rầu, rợn cả người, nước mắt ràn rụa, cúi đầu lễ nơi chân Phật, đi quanh Đức Phật vô số vòng, rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ngài khéo dạy vô thường, khổ, không, vô ngã. Bạch Như Lai! Ví như trong dấu chân của tất cả chúng sinh, dấu chân của voi là lớn hơn hết, thì pháp quán niệm vô thường cũng giống như vậy, là pháp quán tưởng bậc nhất trong các pháp quán tưởng. Nếu có người nào siêng năng tu tập thì có thể diệt trừ được tất cả dục ái ở cõi Dục; ái, vô minh, kiêu mạn và tưởng vô thường ở cõi Sắc và Vô sắc. Bạch Thế Tôn! Nếu Như Lai đã xa lìa tưởng vô thường thì hôm nay Ngài không nên vào Niết-bàn, còn nếu không lìa hẳn thì sao Ngài lại dạy tu tập pháp quán niệm vô thường để xa lìa ái, vô minh, kiêu mạn và tưởng vô thường trong ba cõi. Bạch Thế Tôn! Ví như người làm nông, vào mùa thu cày sâu bừa kỹ đất đai thì trừ được cỏ nhơ. Pháp quán tưởng vô thường cũng vậy, có thể diệt trừ tất cả ái dục trong cõi Dục; ái, vô minh, kiêu mạn và tưởng vô thường trong cõi Sắc và Vô sắc. Bạch Thế Tôn! Ví như cày ruộng, cày vào mùa thu là tốt nhất, như trong các loại dấu chân thì dấu chân voi là lớn nhất, trong các pháp quán tưởng thì pháp quán tưởng vô thường là hơn hết. Bạch Thế Tôn! Như bậc đế vương biết mạng sống sắp hết, ân xá ngục tù trong thiên hạ để tất cả được tự do, rồi mới băng hà. Hôm nay, Như Lai cũng lại như vậy, cứu độ chúng sinh khiến thoát khỏi tất cả ngục tù vô tri, vô minh, sau đó mới vào Niết-bàn. Chúng con hôm nay đều chưa được độ thoát, sao Đức Như Lai lại muốn bỏ chúng con mà vào Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Ví như có người bị quỷ dựa nhập, gặp được pháp sư giỏi, nhờ diệu lực của thần chú, nên liền được giải trừ. Như Lai cũng vậy, vì chúng Thanh văn diệt trừ quỷ vô minh khiến được an trú vào các pháp đại Bát nhã, giải thoát v.v… như chữ Y ở đời. Bạch Thế Tôn! Như con hương tượng bị người trói buộc, tuy có người nài giỏi cũng không thể điều khiển được, nó liền bứt đứt dây buộc, đi theo ý mình, chúng con chưa được như thế là thoát khỏi sự trói buộc của năm mươi bảy thứ phiền não. Sao Như Lai lại muốn bỏ chúng con mà vào Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Như người bị bệnh sốt rét, gặp vị lương y thì bệnh khổ không còn. Chúng con cũng vậy, bị nhiều bệnh tà mạng khổ sở nóng bức, tuy được gặp Như Lai mà bệnh vẫn chưa hết, vẫn chưa được niềm vui an ổn vô thượng lâu dài. Sao Như Lai lại muốn bỏ chúng con mà vào Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Như người say rượu không còn biết gì hết, chẳng biết thân sơ, mẹ con, chị em, dâm loạn mê man, nói năng xằng bậy, nằm vùi trong phân nhơ. Lúc ấy, nhờ vị lương y cho uống thuốc giải, ói rượu ra hết, sau đó tỉnh lại vô cùng xấu hổ và tự trách mình, biết rượu là gốc của các điều ác, nếu bỏ được rượu thì tránh được các tội lỗi. Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng vậy, từ xưa đến nay trôi lăn nơi sinh tử, say sưa tình sắc, tham đắm năm dục, chẳng phải là mẹ tưởng là mẹ, chẳng phải là chị tưởng là chị, chẳng phải là con gái tưởng là con gái, chẳng phải là chúng sinh tưởng là chúng sinh, cho nên luân chuyển chịu khổ luân hồi sinh tử, như người say kia nằm lẫn trong phân nhơ. Như Lai ban cho chúng con thuốc pháp để chúng con trừ sạch rượu ác phiền não, mà tâm chúng con vẫn chưa được tỉnh ngộ, sao Như Lai lại muốn bỏ chúng con mà vào Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Ví như có người khen cây chuối là cứng chắc, điều này không thể có được. Bạch Thế Tôn! Chúng sinh cũng vậy, nếu khen ngợi ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, dưỡng dục, tri kiến, tác giả, thọ giả là chân thật; điều này cũng không thể có, chúng con tu tập pháp quán tưởng về vô ngã cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Ví như nước cặn không còn dùng được, thân này cũng vậy, vô ngã, vô chủ. Bạch Thế Tôn! Như hoa thất diệp không có hương thơm, thân này cũng vậy vô ngã vô chủ, chúng con thường tu tập pháp quán vô ngã như vậy. Như lời Phật dạy: Tất cả các pháp không có ngã và ngã sở, Tỳ-kheo các ông hãy nên tu tập, tu như vậy rồi liền trừ ngã mạn, lìa ngã mạn rồi sẽ nhập Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Giống như dấu chân chim lưu lại trong không trung, điều đó không thể có. Người hay tu tập pháp quán tưởng vô ngã mà có các kiến chấp, điều này cũng không thể có.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi các Tỳ-kheo:

–Lành thay! Lành thay! Các ông khéo hay tu tập pháp quán tưởng về vô ngã.

Các Tỳ-kheo đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng những tu tập pháp quán tưởng vô ngã mà còn tu tập những pháp quán tưởng khác như: Quán tưởng khổ, quán tưởng vô thường, quán tưởng vô ngã. Bạch

Thế Tôn! Ví như người say rượu chếnh choáng, nhìn thấy núi sông, đất đá, cỏ cây, cung điện, nhà cửa, mặt trời, mặt trăng đều quay cuồng. Bạch Thế Tôn! Người không tu các pháp quán khổ, vô thường, vô ngã thì người như thế chẳng gọi là bậc Thánh, người này nhiều phóng dật, trôi lăn trong sinh tử. Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên này, chúng con khéo tu tập các pháp quán ấy.

Lúc đó, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Lắng nghe, lắng nghe! Vừa rồi các ông trình bày ví dụ người say rượu, các ông chỉ biết văn tự mà chưa thấu đạt thật nghĩa. Thật nghĩa ấy là gì? Như người say rượu kia nhìn thấy mặt trời, mặt trăng vốn không quay cuồng mà tưởng quay cuồng, chúng sinh cũng vậy, bị các phiền não vô minh che lấp nên sinh tâm điên đảo, ngã cho là vô ngã, thường cho là vô thường, tịnh cho là bất tịnh, vui cho là khổ, là vì bị phiền não che lấp, tuy nghĩ tưởng như vậy nhưng không thấu đạt thật nghĩa, như người say rượu kia đối với sự không quay cuồng mà cho là quay cuồng. Ngã là nghĩa Phật, thường là nghĩa của Pháp thân, Lạc là nghĩa Niết-bàn, Tịnh là nghĩa Pháp. Này các Tỳ-kheo! Sao lại nói người tưởng có ngã là người cao ngạo, kiêu mạn, luân hồi sinh tử? Nếu các ông nói, các ông cũng tu tập các pháp quán tưởng vô thường, khổ, vô ngã thì tu ba pháp này chẳng có thật nghĩa. Ta nay sẽ nói ba pháp tu tập thù thắng.

Khổ cho là lạc, lạc cho là khổ, là pháp điên đảo; vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, đó là pháp điên đảo; vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, đó là pháp điên đảo; bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, đó là pháp điên đảo. Có bốn pháp điên đảo như vậy, người này chẳng biết tu đúng các pháp. Tỳ-kheo các ông ở trong pháp khổ mà tưởng là lạc, trong vô thường mà tưởng là thường, trong vô ngã tưởng là ngã, trong bất tịnh tưởng là tịnh. Thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh; xuất thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Pháp thế gian thì có chữ, không có nghĩa; pháp xuất thế gian thì có chữ, có nghĩa. Vì sao? Pháp thế gian có bốn loại điên đảo nên không biết nghĩa. Vì sao? Vì có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Do có ba điên đảo này mà người thế gian ở trong lạc thấy là khổ, thường thấy là vô thường, ngã thấy là vô ngã, tịnh thấy là bất tịnh, nên gọi là điên đảo. Vì điên đảo cho nên thế gian chỉ biết chữ mà không biết nghĩa. Nghĩa ấy là gì? Vô ngã là sinh tử, Ngã là Như Lai, Vô thường là Thanh văn, Duyên giác, thường là pháp thân Như Lai, Khổ là tất cả ngoại đạo, Lạc tức là Niết-bàn, Bất tịnh tức là pháp hữu vi, Tịnh là chánh pháp của Như Lai và Bồ-tát. Đó gọi là không điên đảo. Vì không điên đảo cho nên biết chữ mà cũng biết nghĩa. Nếu muốn lìa khỏi bốn sự điên đảo thì nên biết thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, nếu xa lìa bốn điên đảo thì hiểu rõ thường, lạc, ngã, tịnh. Như Lai đã đoạn trừ hẳn bốn điên đảo ấy tức là Ngài đã hiểu rõ thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu đã hiểu rõ thường, lạc, ngã, tịnh sao Thế Tôn không trụ ở đời thêm một kiếp hoặc nửa kiếp để dẫn dắt, khiến cho chúng con được xa lìa bốn điên đảo, mà Ngài lại bỏ chúng con để vào Niết-bàn. Nếu được Như Lai chiếu cố dạy bảo, chúng con sẽ dốc lòng kính nhận để tu tập. Còn nếu Thế Tôn vào Niết-bàn, chúng con làm thế nào cùng ở chung với thân độc hại này để tu hành phạm hạnh. Chúng con cũng xin theo Phật Thế Tôn để vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông không nên nói như vậy. Hôm nay, có bao nhiêu chánh pháp vô thượng, Ta đều đã giao phó cho Đại Ca-diếp. Đại Ca-diếp sẽ làm bậc nương tựa lớn cho các ông. Giống như Như Lai là nơi nương tựa cho tất cả chúng sinh, Đại Ca-diếp cũng vậy, sẽ là nơi nương tựa cho các ông. Ví như đại vương thống lãnh nhiều việc, khi đi kinh lý, đem hết mọi việc nước giao cho đại thần. Như Lai cũng vậy, đem tất cả chánh pháp giao phó cho Đại Ca-diếp. Các ông nên biết! Trước hết phải tu tập quán tưởng vô thường, khổ chẳng phải chân thật.

Ví như vào mùa xuân, có nhiều người dạo thuyền chơi nơi hồ lớn, làm rơi ngọc lưu ly chìm sâu trong nước. Lúc ấy, mọi người cùng nhau nhảy xuống nước để tìm viên ngọc ấy. Họ đua nhau lấy ngói, đá, cỏ, cây, cát, sỏi mà ai cũng đều tự cho mình đã được ngọc lưu ly, vui mừng cầm lên khỏi mặt nước mới biết chẳng phải là ngọc. Khi ấy, ngọc báu còn ở trong nước, nhờ năng lực của ngọc nên nước đều được lắng trong. Bấy giờ, mọi người mới thấy ngọc báu dưới nước, giống như nhìn hình ảnh mặt trăng trên hư không. Lúc này, có một người trí trong nhóm người đó dùng cách nhẹ nhàng từ từ lặn xuống nhặt được viên ngọc.

Này các Tỳ-kheo! Các ông không nên vì tu tập quán tưởng vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà cho đó là nghĩa chân thật. Như các người kia lấy ngói, đá, cỏ, cây, cát, sỏi, mà cho là ngọc quý. Các ông hãy khéo học các phương tiện, bất cứ ở đâu cũng luôn tu tập pháp quán tưởng về thường, lạc, ngã, tịnh, lại phải biết tướng mạo của bốn pháp tu tập trước kia đều là điên đảo và muốn đạt được các pháp quán tưởng tu tập chân thật, như người trí kia khéo léo nhặt được ngọc quý. Đó là các pháp quán tưởng về thường, lạc, ngã, tịnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trước đây Thế Tôn đã dạy: “Các pháp là vô ngã, các ông nên tu học. Tu học như thế rồi xa lìa ngã tưởng, xa lìa ngã tưởng thì lìa kiêu mạn, mà lìa kiêu mạn thì được vào Niết-bàn”. Ý nghĩa ấy là thế nào?

Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Lành thay! Lành thay! Hôm nay các ông khéo có thể thưa hỏi nghĩa này để tự dứt nghi ngờ. Ví như quốc vương kém sáng suốt, ít trí tuệ, tin dùng và ban nhiều bổng lộc cho một vị thầy thuốc tính tình ngu si, dối trá, chỉ dùng thuần một thứ thuốc sữa để chữa trị các bệnh, cũng chẳng biết nguyên nhân phát bệnh, tuy biết thuốc sữa nhưng cũng chẳng rành; bệnh phong, bệnh cảm lạnh, bệnh sốt… tất cả các thứ bệnh đều bảo uống sữa. Vị vua ấy đâu có phân biệt được vị thầy thuốc đó có biết dùng sữa tốt xấu, lành dữ ra sao. Lại có vị thầy thuốc tài giỏi, hiểu rõ tám phương pháp trị bệnh, biết rành các phương thuốc để chữa lành các bệnh, từ phương xa đến. Lúc ấy, vị thầy thuốc cũ không chịu học hỏi mà trái lại sinh tâm cao ngạo, khinh thường. Khi đó, vị thầy thuốc giỏi liền hạ mình mời vị thầy thuốc kia làm thầy mình, thưa hỏi các phương pháp bí truyền để trị bệnh, nói: “Tôi nay thỉnh ông làm thầy của tôi, cúi xin ông vì tôi mà chỉ bày”. Vị thầy thuốc cũ nói: “Ông nay có thể vì tôi mà cung cấp, hầu hạ bốn mươi tám năm, sau đó tôi sẽ dạy cho ông phương pháp trị bệnh”. Khi ấy, vị thầy thuốc giỏi liền nhận lời, nói: “Tôi sẽ làm như thế, tôi sẽ làm như thế! Tùy theo khả năng, tôi sẽ cung cấp, hầu hạ ông”.

Bấy giờ, vị thầy thuốc cũ liền cùng với vị thầy thuốc mới vào yết kiến vua. Lúc ấy, vị thầy thuốc mới trình bày với vua về các phương pháp trị bệnh và các tài năng khác: “Tâu đại vương! Đại vương nên khéo léo phân biệt phương pháp này, như thế mới có thể dùng để trị nước, phương pháp như vậy mới có thể dùng chữa bệnh”.

Bấy giờ, vua nghe lời nói này rồi, mới biết vị thầy thuốc cũ ngu si, không có trí, liền đuổi ra khỏi nước. Sau đó, vua cung kính vị thầy thuốc mới bội phần. Lúc ấy, vị thầy thuốc mới suy nghĩ: “Ta muốn giáo hóa ông vua này, hôm nay đã đúng lúc”. Liền thưa với vua: “Tâu đại vương! Đại vương rất sủng ái hạ thần, hạ thần muốn xin đại vương một việc”. Vua đáp: “Từ cánh tay phải cho đến các bộ phận khác trên thân thể này, tùy ý ông xin gì, ta sẽ cho cái đó”. Vị thầy thuốc mới tâu: “Tuy đại vương hứa cho hạ thần tất cả thân thể, nhưng hạ thần không dám cầu xin nhiều, nay hạ thần chỉ cầu xin đại vương hãy ra lệnh cho tất cả dân chúng trong nước, từ nay trở đi không được uống thuốc sữa của vị thầy thuốc cũ nữa. Vì sao? Vì thuốc ấy độc hại, gây ra nhiều tổn thương. Nếu ai cố uống sẽ bị chém đầu. Từ bỏ thuốc sữa rồi, vĩnh viễn không có người bị chết oan, thường ở nơi an lạc, cho nên hạ thần cầu xin điều này”. Khi ấy, vua đáp: “Điều mong cầu của ông không đáng kể”. Rồi vua bèn ra lệnh tất cả người có bệnh trong nước, đều không được dùng sữa làm thuốc, nếu ai dùng làm thuốc sẽ bị chém đầu. Bấy giờ, vị thầy thuốc ấy dùng đủ các vị như cay, đắng, mặn, ngọt, chua… trộn lẫn làm các loại thuốc, dùng để trị các bệnh, không bệnh nào là không lành. Sau đó không bao lâu, nhà vua bị bệnh, liền bảo với vị thầy thuốc ấy: “Ta nay bị bệnh nặng, đau đớn khổ sở chắc chết, nên điều trị như thế nào?”. Vị thầy thuốc ấy khám bệnh cho vua, biết bệnh của vua phải dùng thuốc sữa, liền tâu với vua: “Bệnh của đại vương cần phải uống thuốc sữa. Trước đây hạ thần tâu với đại vương cấm uống sữa, đó là lời nói dối lớn. Nay nếu đại vương uống sữa thì rất có thể trị lành bệnh. Hiện nay đại vương đang bị bệnh nóng, cần phải uống sữa”. Lúc ấy, nhà vua nói với vị lương y: “Hôm nay, ngươi bị điên cuồng hay bị mất trí mà lại nói uống sữa có thể trừ được bệnh này. Trước kia thì ngươi nói sữa độc, hôm nay sao ngươi lại bảo ta uống, ngươi muốn lừa dối ta chăng? Vị thầy thuốc trước khen sữa tốt, ngươi lại nói là độc làm cho ta phải đuổi đi. Hôm nay ngươi lại nói sữa rất tốt, có thể trị lành bệnh, như lời ngươi nói thì vị thầy thuốc cũ của ta chắc chắn là hơn ngươi”. Khi ấy, vị thầy thuốc mới lại tâu với vua: "Đại vương không nên nói như vậy, như mối ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ, con mối này không biết là chữ hay chẳng phải chữ, người trí thấy điều đó không bao giờ nói con mối biết chữ, cũng chẳng ngạc nhiên. Tâu đại vương! Vị thầy thuốc cũ cũng như vậy, không phân biệt được các bệnh, đều cho uống sữa, như cái đường con mối ăn ngẫu nhiên thành chữ, vị thầy thuốc trước đây không biết thuốc sữa là tốt hay xấu, lành hay dữ". Lúc ấy, vua hỏi: "Vì sao không biết?". Vị thầy thuốc mới tâu: "Thuốc sữa này cũng là độc hại, cũng vừa là cam lồ. Vì sao sữa này lại gọi là cam lồ? Nếu bò cái này không ăn bã hèm, cỏ trơn, vỏ trấu thì con của nó khỏe mạnh, đẹp đẽ, chỗ chăn nuôi không phải ở cao nguyên cũng không phải ở nơi ẩm thấp, uống nước sạch trong, không cho chạy nhảy, không cho ở chung bầy với bò đực, cho nó ăn uống điều độ, đi đứng thích hợp thì sữa của nó có thể trị được các bệnh, đó gọi là thuốc cam lồ vi diệu. Trừ loại sữa ấy ra, tất cả các loại sữa khác đều là độc hại. Bấy giờ, đại vương nghe lời này rồi, khen ngợi vị thầy thuốc: "Lành thay! Lành thay! Đến hôm nay ta mới biết sự tốt xấu, lành dữ của thuốc sữa". Vua liền uống và được lành bệnh. Khi ấy, vua liền ban lệnh cho tất cả dân chúng trong nước từ nay về sau nên uống thuốc sữa. Dân chúng trong nước nghe điều đó, đều rất tức giận, họ nói với nhau: “Hôm nay nhà vua bị quỷ ám, bị điên cuồng hay sao mà lại dối gạt chúng ta, bảo uống sữa?”. Tất cả dân chúng đều tức giận tụ tập đến chỗ nhà vua. Vua bảo: “Các ngươi không nên tức giận ta, thuốc sữa này uống hay không uống đều là lời nói của lương y, không phải là lỗi của ta”. Bấy giờ, nhà vua và dân chúng đều rất đỗi vui mừng, cùng nhau cung kính cúng dường vị thầy thuốc ấy gấp bội, tất cả các bệnh đều nhờ uống thuốc sữa mà được trị lành.

Này các Tỳ-kheo! Các ông nên biết! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn cũng như vậy. Là bậc Đại Y vương xuất hiện ở đời, hàng phục tất cả thầy thuốc tà ngoại đạo, ở giữa các bậc vua nói lời như vầy: “Ta là bậc Y vương sẽ hàng phục ngoại đạo, nên nói rằng không ngã, không nhân, không chúng sinh, thọ mạng, dưỡng dục, tri kiến, tác giả, thọ giả. Các Tỳ- kheo nên biết! Điều ác mà các ngoại đạo gọi là ngã, giống như mối ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ mà thôi, cho nên Như Lai ở trong pháp Phật nói vô ngã vì để điều phục chúng sinh, vì biết thời nên nói là vô ngã, vì có nhân duyên nên cũng nói là có ngã, như vị lương y kia khéo biết sữa là thuốc hay chẳng phải thuốc, chẳng phải như chỗ chấp trước “ngã”, “ngã sở” của phàm phu. Phàm phu ngu muội chấp ngã, hoặc nói lớn như ngón tay, hoặc như hạt cải, hoặc như vi trần. Ngã mà Như Lai nói đều chẳng phải vậy, cho nên nói rằng các pháp vô ngã mà thật chẳng phải vô ngã. Cái gì là ngã? Nếu pháp là thật, là chân, là thường hằng, là chủ tể, là nương tựa, tánh không đổi, đó gọi là ngã. Như vị đại lương y khéo léo biết rõ thuốc sữa, Như Lai cũng vậy, vì chúng sinh nên nói trong các pháp có ngã chân thật. Tất cả bốn chúng nên tu tập pháp như vậy.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN III

PHẨM 1: THỌ MẠNG 3

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Đối với giới luật, các ông có điều gì nghi ngờ, nay nên tùy ý thưa hỏi. Ta sẽ giải thích cho các ông được vừa ý. Ta đã tu học thông đạt tường tận bản tánh rỗng lặng của tất cả các pháp. Này các Tỳ- kheo! Chớ nghĩ Như Lai chỉ tu tập bản tánh vắng lặng của các pháp.

Lại bảo các Tỳ-kheo:

–Đối với giới luật nếu ai có điều gì nghi ngờ thì nay nên thưa hỏi. Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con không đủ trí tuệ làm sao có thể hỏi Như Lai, bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Vì sao? Vì cảnh giới của Như Lai không thể nghĩ bàn, các thiền định của Như Lai không thể nghĩ bàn, những lời dạy của Như Lai không thể nghĩ bàn. Cho nên chúng con không đủ trí tuệ để hỏi Đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người già một trăm hai mươi tuổi, bị bệnh lâu ngày, nằm liệt trên giường không thể dậy được, khí lực suy yếu, mạng sống không còn bao lâu. Có một người nhà giàu nhân có việc muốn đi nơi khác đem một trăm cân vàng gởi cho người già kia rồi nói: "Nay tôi phải đi nơi khác nên đem vật báu này gửi cho ông, ông giữ giúp tôi, mười năm hoặc hai mươi năm, tôi trở về thì ông trao lại cho tôi". Khi ấy, người già nhận lấy, nhưng ông ta không có người thừa tự. Không bao lâu sau, ông ta bệnh nặng qua đời. Vật báu kia đều bị mất. Người giàu trở về không biết đòi ai. Người ngu si đó không biết suy lường chỗ đáng gửi hay không đáng gửi. Cho nên, khi trở về không biết đòi ai. Vì lý do này, ông ta mất hết của báu.

Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn chúng con cũng như thế, tuy nghe Như Lai ân cần dạy bảo, nhưng không thể giữ gìn để chánh pháp được tồn tại lâu dài. Như người già kia nhận vật của người khác gửi. Nay đối với giới luật, chúng con không đủ trí tuệ làm sao hỏi được.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu các ông hỏi Ta thì sẽ được lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Cho nên, Ta cho các ông tùy ý hỏi những điều còn nghi ngờ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như có người hai mươi lăm tuổi, trẻ trung tráng kiện, có nhiều của báu vàng bạc, lưu ly; cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc còn sống, có người đến gửi vật báu cho ông ta và nói: “Tôi có việc phải đi đến nơi khác, xong việc trở về, ông sẽ trao vật báu lại cho tôi”. Người trẻ tuổi cất giữ vật ấy như của mình. Bỗng nhiên, anh ta mắc bệnh, liền bảo người nhà: “Châu báu này là của người khác gửi, nếu ông ấy về thì trả lại”. Người trí cũng vậy, nếu khéo biết tính toán thì khi trở về vật báu được trả lại không bị mất. Thế Tôn cũng vậy, nếu đem pháp bảo phó chúc cho A-nan và các Tỳ-kheo thì chánh pháp không được tồn tại lâu dài. Vì sao? Vì tất cả Thanh văn và Đại Ca-diếp đều sẽ vô thường. Như người già kia, nhận vật báu của người khác gửi. Vì vậy, nên đem pháp vô thượng phó chúc cho Bồ-tát, vì các Bồ-tát khéo thưa hỏi và giải đáp đúng pháp bảo thì giáo pháp sẽ được tồn tại lâu dài đến vô lượng ngàn đời, làm tăng trưởng mạnh mẽ, tạo lợi ích an vui cho chúng sinh, như người trẻ kia nhận vật người khác gửi. Do ý nghĩa này, cho nên các vị Bồ-tát mới có thể thưa hỏi. Trí tuệ của chúng con giống như con muỗi, con ruồi thì chúng con làm sao có thể thưa hỏi giáo pháp thâm sâu của Như Lai. Khi ấy, hàng Thanh văn ngồi yên lặng.

Đức Phật khen ngợi các Tỳ-kheo:

–Lành thay! Lành thay! Các ông hoàn toàn được tâm vô lậu, tâm A-la-hán. Ta đã từng nghĩ, vì hai nhân duyên trên nên đem pháp Đại thừa phó chúc cho hàng Bồ-tát, làm cho diệu pháp được tồn tại lâu dài ở đời.

Bấy giờ, Phật bảo với tất cả đại chúng:

–Này thiện nam, thiện nữ! Thọ mạng của Như Lai không thể tính lường, biện tài nhạo thuyết cũng không thể kể hết, các ông nên tùy ý thưa hỏi, hoặc về giới luật, hoặc về pháp quy y.

Đức Phật nói hai ba lần như vậy. Khi ấy, trong đại chúng có vị Bồ-tát tuổi còn trẻ, vốn là người ở xóm Đa-la, họ Đại Ca-diếp, dòng Bà-la-môn, nhờ thần lực của Phật liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai phải, đi quanh trăm ngàn vòng, quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng về Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con muốn thưa hỏi đôi điều, nếu Thế Tôn cho phép thì con mới dám thưa.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cho ông tự do hỏi, Ta sẽ giải thích, dứt trừ những nghi ngờ của ông để ông được hoan hỷ.

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai đã thương xót chấp nhận thì con sẽ hỏi, nhưng trí tuệ của chúng con thấp kém như ruồi muỗi, mà đạo hạnh và uy đức của Như Lai thì cao vời vợi, Ngài thuần dùng chúng chiên-đàn, sư tử, khó điều phục, chẳng thể hoại làm quyến thuộc. Thân của Như Lai như chân kim cang, sắc như ngọc lưu ly, chân thật khó hoại, lại được biển đại trí tuệ như thế vây quanh. Đại Bồ-tát trong chúng này đều thành tựu vô lượng vô biên công đức sâu xa vi diệu giống như hương tượng. Ở trước đại chúng như thế con đâu dám thưa hỏi. Nhưng nhờ nương sức thần thông của Phật và nhờ căn lành oai đức của đại chúng, con xin thưa hỏi đôi điều.

Bồ-tát Ca-diếp ở trước Phật, nói kệ:

Làm sao được
trường thọ Thân kim
cang không hoại Lại
dùng nhân duyên gì
Được sức kiên cố
lớn.
Làm sao với kinh
này Rốt ráo đến
bờ kia
Xin Phật vì chúng
sinh Khai mở pháp
nhiệm mầu. Làm sao
được rộng lớn Làm
chỗ dựa muôn loài
Chẳng phải A-la-hán

Mà đồng bậc La-
hán. Làm sao biết
thiên ma Để mà
ngăn cản chúng
Làm sao để biết rõ
Lời Phật hay Ba-
tuần. Làm sao bậc
Điều Ngự Hoan hỷ
thuyết Chân đế
Thành tựu thiện chân
chánh Diễn nói bốn
điên đảo.
Làm sao tạo nghiệp
thiện Nay Đại tiên sẽ
nói
Làm sao các Bồ-tát
Thấy được tánh khó
thấy. Làm sao hiểu
đủ nghĩa Một chữ
hay nửa chữ
Làm sao cùng Thánh
hạnh Như chim Ta-
la-ta.
Ca-lân-đề nhật
nguyệt Thái bạch
cùng tuế tinh Làm
sao chưa phát tâm

Mà gọi là Bồ-tát.
Làm sao giữa đại chúng Vẫn không bị sợ hãi
Giống như vàng Diêm-phù Không ai chỉ lỗi được.
Làm sao trong đời ác
Như sen không lấm bùn Làm sao trong phiền não
Chúng không thể nhiễm được. Như lương y trị bệnh
Không bị bệnh lây truyền Làm sao lái con thuyền Trong biển lớn sinh tử.
Làm sao thoát luân hồi
Như rắn lột bỏ da
Làm sao xem Tam bảo Giống như cây Thiên ý. Làm sao mà nói được Nếu ba thừa vô tánh

Làm sao nói là vui
Khi niềm vui
chưa có. Làm sao
các Bồ-tát
Có được chúng bất
hoại Làm sao vì
người mù
Mà làm người dẫn
đường.
Làm sao hiện nhiều
thân Nguyện xin Phật
thuyết giảng Làm sao
người thuyết pháp
Sáng dần như trăng
non.
Làm sao thị hiện
được
Rốt ráo nơi Niết-
bàn
Làm sao người
dũng kiện
Hiện nhân, thiên, ma
đạo. Làm sao biết
pháp tánh Thọ ở nơi
pháp lạc
Làm sao các Bồ-
tát

Xa lìa tất cả bệnh.
Làm sao vì chúng
sinh Diễn nói
pháp bí mật Làm
sao nói rốt ráo
Và cả không rốt
ráo. Làm sao nói
bất định
Như Phật đoạn lưới
nghi Làm sao mà
được gần
Đạo tối thắng vô
thượng. Nay con xin
Như Lai
Vì các hàng Bồ-tát
Giảng nói pháp
sâu xa Tất cả hạnh
vi diệu.
Trong hết thảy các pháp
Đều có tánh an lạc
Nguyện xin đấng
Thế Tôn Giảng rõ
cho chúng con. Đức
Thế Tôn Diệu Dược
Nơi muôn loài
nương tựa Nay
muốn hỏi các ấm

Mà con không trí
tuệ. Các Bồ-tát
tinh tấn
Cũng không thể biết
được Cảnh giới của
chư Phật Rất sâu xa
như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông chưa đạt được Trí nhất thiết chủng mà Ta đã đạt được, nhưng điều mà ông hỏi về tạng bí mật sâu xa giống như điều mà bậc Nhất thiết trí hỏi không có gì khác. Này thiện nam! Khi Ta mới thành Chánh Giác ngồi nơi cội Bồ-đề, nơi đạo tràng, có vô lượng vô số Bồ-tát ở khắp tất cả cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng, cũng từng hỏi Ta nghĩa lý sâu xa này. Nhưng ý nghĩa, công đức của câu hỏi đó cũng giống như ông hỏi không khác. Người hỏi như vậy thì được lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không đủ trí lực để có thể hỏi Như Lai về nghĩa lý sâu xa như thế. Bạch Thế Tôn! Ví như con ruồi con muỗi không thể bay qua bờ bên kia của biển lớn và lượn khắp hư không. Cũng như vậy, con không thể hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu xa của hư không pháp tánh và biển lớn trí tuệ như thế.

Bạch Thế Tôn! Ví như quốc vương đem viên minh châu trong búi tóc trao cho quan giữ kho. Quan giữ kho nhận ngọc rồi, hết lòng cung kính giữ gìn. Con cũng cung kính giữ gìn nghĩa lý sâu xa của kinh điển Đại thừa mà Phật đã nói. Vì sao? Vì làm cho con được trí tuệ sâu rộng.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ giảng nói cho ông về hạnh nghiệp trường thọ mà Như Lai đã sở đắc. Do nhân duyên hạnh nghiệp này nên Bồ-tát thọ mạng lâu dài. Vì vậy, nên các ông chí tâm lắng nghe và lãnh thọ nghĩa này. Nếu hạnh nghiệp có thể làm nhân Bồ-đề thì phải thành tâm lắng nghe, lãnh thọ nghĩa này, đã nghe và lãnh thọ rồi nên giảng nói cho người khác. Này thiện nam! Ta nhờ tu tập những hạnh nguyện như vậy nên chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay vì mọi người mà giảng nói rộng nghĩa.

Này thiện nam! Ví như vương tử phạm tội, bị giam vào ngục, vua rất thương xót, nhớ nghĩ đến con, đích thân ngự giá đến ngục. Bồ-tát cũng vậy, muốn trường thọ phải hộ trì, nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh xem như con ruột, sinh lòng đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, truyền giới không sát, dạy tu pháp thiện, khuyên tất cả chúng sinh gìn giữ năm giới cấm, mười điều thiện. Lại vào các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A- tu-la để cứu vớt chúng sinh đau khổ, giải thoát cho người chưa được giải thoát, cứu độ cho người chưa được cứu độ, người chưa đạt được Niết-bàn làm cho đạt được Niết-bàn, an ủi tất cả những người sợ hãi. Do những nghiệp nhân như vậy mà Bồ-tát thọ mạng lâu dài, đối với các trí tuệ được tự tại, sau khi qua đời sinh lên cõi trời.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát bình đẳng xem chúng sinh như con ruột, nghĩa đó rất thâm sâu con chưa hiểu được. Thế Tôn chẳng nên nói: “Bồ-tát tu tập bình đẳng đối với tất cả chúng sinh đồng xem như con”. Vì sao? Vì ở trong pháp Phật có người phá giới, có kẻ tạo tội ngũ nghịch, có người phá hủy chánh pháp, sao lại đối với những hạng người đó mà lại xem như con được?

Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng thế, đúng thế! Như Lai đối với chúng sinh thật xem là con như La-hầu-la.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia vào ngày rằm chư Tăng đang bố-tát, trong chúng hội thanh tịnh đã thọ giới cụ túc, có một đồng tử không khéo tu tập nghiệp thân, khẩu, ý, núp ở chỗ kín, rình nghe chư Tăng thuyết giới. Lực sĩ Mật Tích nương thần lực của Phật, dùng chày kim cang đánh đồng tử nát ra như bụi. Bạch Thế Tôn! Thần Kim cang thật bạo ác mới có thể giết đồng tử. Thế sao Như Lai lại nói xem chúng sinh như con đồng La-hầu-la?

Phật bảo Ca-diếp:

–Ông không nên nói như vậy, đứa trẻ ấy là người biến hóa, không phải là người thật, vì muốn xua đuổi những kẻ phá giới, hủy pháp ra khỏi chúng Tăng, nên hiện như vậy. Thần Kim cang Mật Tích cũng là người biến hóa. Này Ca-diếp! Kẻ hủy báng chánh pháp, hạng Nhất-xiển-đề, kẻ sát sinh, tà kiến và cố ý phạm giới cấm, Ta đối với họ đều yêu thương như con La-hầu-la. Này thiện nam! Ví như quần thần của vua phạm vương pháp, thì tùy theo tội xử chém mà không bỏ qua. Như Lai Thế Tôn không phải như vậy, đối với hạng người hủy báng chánh pháp, làm yết-ma Khu khiển, yết-ma Ha trách, yết-ma Trí, yết- ma Cử tội, yết-ma Bất khả kiến, yết-ma Diệt, yết-ma Vị xả ác kiến. Này thiện nam! Sở dĩ Như Lai chế ra các pháp yết-ma hàng phục như vậy là nhằm tới những kẻ hủy báng chánh pháp, vì muốn chỉ rõ những người làm ác thấy có quả báo. Này thiện nam! Ông nên biết, Như Lai là người đem lại sự không sợ hãi cho chúng sinh ác. Nếu Như Lai phóng ra một tia sáng, hoặc hai, hoặc ba, người nào gặp được tia sáng ấy, liền xa lìa tất cả điều ác. Như Lai có đủ vô lượng thế lực như vậy. Này thiện nam! Pháp chưa được thấy, nếu ông muốn thấy nay Ta sẽ giảng nói cho ông tướng mạo đó. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, ở nơi nào có Tỳ-kheo trì giới, oai nghi đầy đủ, hộ trì chánh pháp, nếu thấy có kẻ phá hoại chánh pháp thì có thể trị bằng cách quở trách, đuổi đi, nên biết vị Tỳ-kheo ấy được phước vô lượng không thể tính kể. Này thiện nam! Ví như có vị vua chuyên làm những việc tàn bạo, hung ác, rồi mắc bệnh nặng. Vua nước láng giềng biết tình hình liền khởi binh đến, ý muốn tiêu diệt hết. Bấy giờ, vua bị bệnh không có thế lực nên hoảng sợ, bèn sửa tâm tánh, làm các việc lành. Thế là vua nước láng giềng được vô lượng phước đức. Tỳ-kheo giữ gìn giới pháp cũng như vậy, xua đuổi khiển trách những người hủy hoại pháp làm cho họ thực hành pháp thiện thì Tỳ-kheo kia được vô lượng phước đức. Này thiện nam! Ví như nhà cửa, ruộng vườn của ông Trưởng giả mọc lên những cây cối độc hại. Trưởng giả biết được liền sai chặt tận gốc.

Lại như người trai trẻ đầu có tóc bạc, vì hổ thẹn nên nhổ tiệt không cho mọc nữa. Tỳ-kheo giữ gìn giới pháp cũng vậy, thấy có người phá giới, hủy hoại chánh pháp liền quở trách, đuổi đi, cử tội. Có Tỳ-kheo trì giới thấy người phá hoại chánh pháp nếu bỏ qua không khiển trách, cử tội, đuổi đi, thì nên biết Tỳ-kheo này là giặc trong pháp Phật; nếu khiển trách, cử tội, đuổi đi, thì Tỳ-kheo ấy là đệ tử Thanh văn của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Ngài giảng nói thì không bình đẳng, xem tất cả chúng sinh đồng như con là La-hầu-la. Bạch Thế Tôn! Nếu có người dùng dao hại Phật, lại có người dùng chiên-đàn xoa thân Phật, đối với hai hạng người này Phật đều sinh tâm bình đẳng như nhau, thì tại sao lại bảo phải trừng trị kẻ phá giới. Nếu trừng trị kẻ phá giới thì ngược lại lời dạy của Thế Tôn sao?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ví như quốc vương, đại thần, tể tướng nuôi dưỡng các người con diện mạo khôi ngô, thông minh trí tuệ. Họ đem các người con hoặc hai đứa, ba đứa, bốn đứa đến giao cho vị thầy nghiêm minh dạy dỗ và dặn: “Thầy có thể vì tôi chỉ bày, dạy dỗ các con của tôi để chúng thành tựu các môn: oai nghi, lễ tiết, kỹ nghệ, thư sớ, kế toán, tôi nay có bốn đứa con đều đến thầy thọ học. Giả sử có ba đứa con bị đánh đòn mà chết, còn lại một đứa nhất định phải nghiêm trị để nó nên người, thì tuy mất ba đứa con tôi vẫn không hối hận”. Này Ca-diếp! Như vậy, cha và thầy của những đứa trẻ có phải mang tội giết người không?

–Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì lòng

thương, muốn cho đứa trẻ nên người chứ không có tâm ác. Nếu dạy dỗ như vậy, sẽ được vô lượng phước đức.

–Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, xem người phá hoại giới pháp bình đẳng như đứa con một. Nay Như Lai đem chánh pháp vô thượng phó chúc cho các vua, đại thần, tể tướng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các quốc vương và bốn bộ chúng nên khuyên răn khích lệ những người tu học khiến được tăng trưởng giới – định – tuệ. Nếu có người không học ba phẩm pháp này mà lười biếng, phá giới, hủy hoại chánh pháp, thì quốc vương, đại thần, bốn bộ chúng nên trừng trị nghiêm khắc.

Này thiện nam! Như vậy, quốc vương và bốn bộ chúng có phạm tội chăng?

–Bạch Thế Tôn! Không.

–Này thiện nam! Quốc vương và bốn bộ chúng còn không có tội huống nữa là Như Lai. Này thiện nam! Như Lai tu tập hoàn hảo pháp bình đẳng đối với tất cả chúng sinh xem như con một. Người tu tập như vậy gọi là Bồ-tát tu tâm bình đẳng dối với tất cả chúng sinh xem như con một. Này thiện nam! Bồ-tát tu tập hạnh nghiệp này thì tuổi thọ được tăng trưởng, cũng có thể biết những việc của đời trước.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, nếu Bồ-tát tu tâm bình đẳng xem các chúng sinh như con một thì tuổi thọ được tăng trưởng. Như Lai không nên nói như vậy. Vì sao? Ví như người biết pháp có thể nói đủ các pháp hiếu thuận, nhưng trái lại, về nhà dùng ngói, đá đánh ném cha mẹ. Cha mẹ là ruộng phước tốt có nhiều lợi ích, khó thấy, khó gặp, đáng được phụng dưỡng chu đáo, thế mà trở lại não hại. Người biết pháp như vậy, lời nói và việc làm trái ngược nhau. Lời nói của Như Lai cũng như vậy, nói Bồ-tát tu tập tâm bình đẳng xem chúng sinh như con một nên được sống lâu, biết rõ kiếp trước, thường trụ ở đời, không có biến đổi. Ngày nay, do duyên gì mà thọ mạng của Như Lai quá ngắn giống như mọi người? Không lẽ Như Lai đối với chúng sinh sinh tưởng oán ghét? Ngày trước Như Lai gây nghiệp ác gì, giết bao nhiêu mạng mà nay thọ mạng ngắn ngủi sống không đầy trăm tuổi?

Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Hôm nay, vì lý do gì trước Như Lai ông phát ra lời thô lỗ như vậy? Sự trường thọ của Như Lai đối với các loại trường thọ khác là hơn hết. Như Lai đã chứng pháp thường trụ hơn hết các pháp thường trụ.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Đức Như Lai sống

lâu? Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Như tám con sông lớn: Hằng hà, Diêm-ma-la, Tát-la, A-lợi-la-bạt-đề, Ma-ha, Tân-đầu, Bát-xoa, Tất-đà cùng các con sông nhỏ đều chảy về biển lớn. Này Ca-diếp! Cũng vậy, các sông lớn thọ mạng của muôn loài trong trời, đất, hư không đều chảy vào biển thọ mạng của Như Lai. Vì vậy, Như Lai thọ mạng vô lượng. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như ao A-nậu-đạt chảy ra thành bốn con sông lớn, cũng vậy Như Lai sinh ra tất cả thọ mạng. Này Ca-diếp! Ví như trong tất cả các pháp thường trụ, hư không là bậc nhất, cũng vậy, ở trong các pháp thường trụ, Như Lai là bậc nhất; như trong các vị thuốc, đề hồ là bậc nhất, cũng vậy, trong các chúng sinh, thọ mạng của Như Lai là bậc nhất.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu thọ mạng của Như Lai như thế, thì Thế Tôn nên ở đời một kiếp hoặc ít hơn một kiếp thường giảng pháp vi diệu như tuôn mưa lớn.

Phật bảo:

–Này Ca-diếp! Đối với Như Lai, ông chẳng nên sinh tưởng diệt tận. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cho đến ngoại đạo, thần tiên ngũ thông hạng được tự tại hoặc sống một kiếp, hoặc non một kiếp, ở giữa hư không đi, đứng, nằm, ngồi tự tại, hông trái phun lửa, hông phải tuôn nước, thân xuất ra khói lửa như đám cháy, họ muốn sống lâu, đều được như ý, đối với mạng sống hoặc dài, hoặc ngắn đều được tự tại. Bậc ngũ thông còn được thần lực tùy ý như vậy, huống gì là Như Lai có được lực tự tại đối với các pháp mà không thể ở đời nữa kiếp, một kiếp, trăm kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc vô lượng kiếp sao? Do nghĩa này, nên biết Như Lai là pháp thường trụ không đổi. Thân này của Như Lai là thân biến hóa chẳng phải là thân tạp thực. Vì cứu độ chúng sinh mà thị hiện như cây độc, cho nên phải xả bỏ để vào Niết-bàn. Này Ca-diếp! Ông nên biết, Phật là pháp thường trụ, không biến đổi, đối với Đệ nhất nghĩa đế, các ông phải nên siêng năng nhất tâm tu tập, đã tu tập rồi nên giảng nói cho mọi người.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp xuất thế gian và pháp thế gian có gì sai khác? Như lời Phật dạy, Phật là pháp thường trụ, pháp không biến đổi. Người đời cũng nói Phạm thiên là thường trụ, Tự Tại thiên là thường không biến đổi, ngã thường, tánh thường, vi trần cũng thường. Nếu nói Như Lai là pháp thường sao Như Lai chẳng thường hiện ở đời? Nếu không thường hiện thì có gì sai khác với nghĩa thường của thế gian? Vì sao? Vì Phạm thiên cho đến thế tánh, vi trần cũng không hiện.

Phật bảo Ca-diếp:

–Ví như Trưởng giả có nhiều bò, tuy màu sắc khác nhau nhưng chung một đàn. Trưởng giả giao bầy bò cho người chăn thả đi ăn cỏ, uống nước, chỉ vì muốn được đề hồ chứ không cần sữa kem. Người chăn bò ấy tự ý vắt sữa uống. Trưởng giả chết, đàn bò bị giặc cướp hết. Giặc cướp được bò rồi nhưng không có phụ nữ liền tự vắt sữa ra uống. Bấy giờ, giặc cướp cùng nhau bàn bạc: Trưởng giả kia nuôi bò chỉ vì đề hồ chứ không cần sữa kem. Chúng ta làm cách gì để được đề hồ? Đề hồ là phẩm vật quý nhất trong đời. Chúng ta không có đồ chứa, dù vắt được sữa cũng không có gì để đựng. Chúng lại bàn với nhau chỉ có túi da có thể dùng để đựng. Dù có túi đựng nhưng không biết cách khuấy cho đông lại nên nước để uống còn khó được huống nữa là đề hồ. Bấy giờ, bọn cướp vì muốn được đề hồ nên đổ thêm nước vào túi sữa, vì quá nhiều nước nên sữa, kem, đề hồ đều mất. Chúng sinh cũng vậy, tuy có pháp thiện nhưng đều là pháp của Như Lai để lại. Vì sao? Vì sau khi Như Lai nhập Niết-bàn, họ trộm pháp thiện của Như Lai để lại như Giới – định – tuệ như bọn cướp đoạt bầy bò. Hàng phàm phu tuy có được Giới – định – tuệ đó nhưng không có phương pháp nên chẳng thuyết được. Do nghĩa này, nên họ không thể đạt được sự giải thoát của thường giới, thường định, thường tuệ. Như bọn cướp kia không biết phương pháp nên làm tan mất đề hồ. Cũng như bọn cướp vì muốn được đề hồ nên thêm nước vào, phàm phu cũng vậy, vì giải thoát nên nói ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, Phạm thiên, Tự Tại thiên, vi trần, thế tánh, giới, định, tuệ, giải thoát, Phi tưởng, phi phi tưởng thiên tức là Niết-bàn, thật ra họ chẳng được giải thoát Niết-bàn, như bọn cướp kia không được đề hồ. Cũng như phàm phu có chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ, nhờ duyên này được sinh lên cõi trời hưởng chút an lạc như bọn cướp kia được sữa pha thêm nước. Như hàng phàm phu thật chẳng biết do tu ít phạm hạnh phụng dưỡng cha mẹ được sinh lên cõi trời, lại không biết Giới - định - tuệ, quy y Tam bảo; do không biết nên nói thường, lạc, ngã, tịnh. Tuy nói được, nhưng thật ra họ chẳng biết. Do đó, sau khi xuất hiện ở đời, Như Lai mới thuyết giảng pháp thường, lạc, ngã, tịnh cho chúng sinh. Như vua Chuyển luân xuất hiện ở đời, nhờ sức phước đức nên giặc cướp tan tác, đàn bò được an toàn. Bấy giờ, vua Chuyển luân liền giao đàn bò cho người chăn bò giỏi. Người ấy biết phương pháp chế ra đề hồ, nhờ đề hồ mà muôn loài được thoát khổ. Lúc pháp Chuyển luân Thánh vương ra đời, các phàm phu nào không thể nói được Giới – định – tuệ liền bị tan tác như giặc cướp kia. Bấy giờ, Như Lai khéo giảng nói pháp thế gian và xuất thế gian, khiến cho các Bồ-tát tùy theo đó mà thuyết pháp cho chúng sinh. Đại Bồ-tát đã được đề hồ lại khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh được pháp vị cam lồ vô thượng. Đó là pháp thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai. Này thiện nam! Do nghĩa này nên Như Lai là pháp thường không biến đổi, chẳng phải như hàng phàm phu ngu muội ở thế gian cho rằng Phạm thiên là pháp thường. Pháp thường này chính là Như Lai, chẳng phải là pháp thường nào khác. Này Ca-diếp! Nên biết thân Như Lai cũng như thế. Này Ca-diếp! Thiện nam, thiện nữ thường nên nhất tâm tu tập hai chữ Phật là "thường trụ" này.

Này Ca-diếp! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tu tập hai chữ này thì nên biết người đó đi theo con đường mà Ta đã đi, đến chỗ Ta đã đến. Này thiện nam! Nếu người nào tu tập hai chữ ấy là tướng diệt tỳ, nên biết Như Lai sẽ vì người ấy mà nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Nghĩa Niết-bàn chính là pháp tánh của chư Phật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp tánh của Phật nghĩa đó thế nào? Nay con muốn biết nghĩa pháp tánh. Cúi xin Như Lai thương xót giảng nói rộng. Pháp tánh tức là xả thân, xả thân gọi là không sở hữu. Nếu thân không sở hữu thì làm sao tồn tại? Nếu thân tồn tại sao nói thân có pháp tánh? Nếu thân có pháp tánh thì sao lại được tồn tại? Nay con làm thế nào để hiểu biết nghĩa ấy?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông không nên nói diệt là pháp tánh như thế. Pháp tánh không có diệt. Ví như trời Vô tưởng thành tựu sắc ấm mà không có tưởng sắc, không nên hỏi các vị trời ấy làm thế nào hưởng thụ vui sướng? Thế nào là nghĩa tưởng? Thế nào là thấy nghe? Này thiện nam! Cảnh giới của Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, chẳng nên nói thân Như Lai là pháp diệt. Pháp diệt như vậy là cảnh giới của Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Này thiện nam! Nay ông không nên suy lường Như Lai ở chỗ nào, đi tới đâu, thấy cái gì, vui thế nào. Những nghĩa ấy các ông chẳng biết được. Pháp thân của chư Phật đủ các loại phương tiện không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Cần phải tu tập Phật, Pháp, Tăng mà quán tưởng là thường. Ba pháp ấy không có tưởng khác, không tưởng vô thường, không tưởng biến đổi. Nếu người đối với ba pháp ấy tu tập tưởng khác, nên biết đối với Tam quy thanh tịnh, nhóm người này không nơi nương tựa, giới cấm đều không đầy đủ, không bao giờ có thể chứng được quả Thanh văn, Duyên giác và Bồ-đề. Nếu ai có thể đối với pháp chẳng thể nghĩ bàn này mà tu tập tưởng thường thì có chỗ quay về.

Này thiện nam! Ví như có cây mới có bóng cây. Như Lai cũng thế, có pháp thường mới có chỗ quay về, chẳng phải là vô thường. Nếu cho rằng Như Lai là vô thường thì Như Lai chẳng phải là chỗ quay về nương tựa của hàng trời, người.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như trong chỗ tối tăm có cây mà không có bóng cây.

Này Ca-diếp! Ông chẳng nên nói có cây mà không có bóng cây, chỉ vì mắt thường không thể thấy được. Cũng vậy, tánh của Như Lai thường trụ, không biến đổi. Người không có mắt trí tuệ không thể thấy được. Như trong tối không thể thấy bóng cây. Sau khi Như Lai diệt độ, hàng phàm phu cho rằng Như Lai là vô thường cũng lại như thế. Nếu có người nói Phật khác với Pháp và Tăng thì chẳng thể thành tựu ba nơi nương tựa. Như cha mẹ của ông mỗi người đều sai khác nên khiến cho họ vô thường.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bắt đầu từ nay, con sẽ dùng Phật, Pháp, Tăng ba pháp thường trụ để khai ngộ cho cha mẹ hiện tại cho đến bảy đời đều khiến cho họ phụng trì. Thế Tôn thật kỳ diệu!! Nay con học Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Tự mình học rồi, lại sẽ nói rõ nghĩa này cho người khác. Nếu có người nào không thể tin nhận thì những người đó tu pháp vô thường đã lâu. Con sẽ làm sương mù, mưa đá cho hạng người này.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Nay ông khéo có thể hộ trì chánh pháp. Hộ trì chánh pháp như vậy thì không thể lừa dối người. Do nhân duyên nghiệp thiện không lừa dối mọi người mà được trường thọ, biết rõ được nhiều đời trước.

□

PHẨM 2: KIM CANG THÂN

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Thân Như Lai là thân thường trụ, thân không thể hoại, thân kim cang, chẳng phải là thân tạp thực, mà là pháp thân.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Ngài dạy, những thân như thế con đều không thấy, chỉ thấy những thân vô thường, tan hoại, vi trần, tạp thực. Vì sao? Vì Như Lai sắp nhập Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Ông không nên cho rằng thân của Như Lai không kiên cố, tan hoại như thân phàm phu. Này thiện nam! Ông nên biết, thân Như Lai trong vô lượng ức kiếp bền chắc, không tan hoại, chẳng phải thân của hàng trời người, chẳng phải thân sợ sệt, chẳng phải thân tạp thực. Thân của Như Lai chẳng phải thân mà là thân, không sinh không diệt, không tu không tập, vô lượng vô biên không có dấu vết, vô tri vô hình, thanh tịnh hoàn toàn, không có lay động, không thọ, không đi, không ở, không làm, không mùi vị, không xen tạp, chẳng phải hữu vi, chẳng phải nghiệp, chẳng phải quả, chẳng phải hành, chẳng phải diệt, chẳng phải tâm, chẳng phải tâm sở không thể nghĩ bàn, thường trụ chẳng thể nghĩ bàn, không không thức, rời tâm, cũng chẳng rời tâm. Tâm kia bình đẳng, không có mà cũng có, không đến đi mà cũng đến đi, không phá, không hoại, không đoạn, không tuyệt, không sinh không diệt, không chủ mà cũng là chủ, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải giác, chẳng phải quán, chẳng phải danh tự, chẳng phải không danh tự, chẳng phải định, chẳng phải không định, không thể thấy mà thấy rõ ràng, không nơi chốn mà cũng là nơi chốn, không nhà mà cũng là nhà, không tối không sáng, không vắng lặng mà cũng vắng lặng, không sở hữu, chẳng nhận lấy, chẳng ban cho, thanh tịnh không cấu uế, không tranh đua, dứt tranh đua, trụ nơi vô trụ, chẳng lấy, chẳng đọa, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp, chẳng phải ruộng phước, chẳng phải không ruộng phước, vô tận, bất tận, xa lìa tất cả tận, không, xa lìa không, tuy không thường trụ mà chẳng phải niệm niệm diệt, không có uế trược, không văn tự, xa lìa văn tự, chẳng phải âm thanh, chẳng phải lời nói, chẳng phải tu tập, chẳng phải cân, chẳng phải lường, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải hình tượng, chẳng phải tướng mạo mà các tướng trang nghiêm, chẳng phải dũng, chẳng phải sợ, không tịch, chẳng tịch, không nhiệt, chẳng nhiệt, không thể nhìn thấy, không có tướng mạo. Như Lai độ thoát tất cả chúng sinh vì không thấy có sự độ thoát, có thể giải thoát chúng sinh vì không thấy có sự giải thoát, giác ngộ cho chúng sinh vì không thấy có sự giác ngộ, thuyết pháp như thật, vì không có sự phân biệt, chẳng thể lường, không gì sánh bằng, bình đẳng như hư không, không tướng mạo, đồng với tánh vô sinh, không thường, không đoạn, luôn hành một thừa mà chúng sinh thấy ba thừa, không thoái, không chuyển, dứt tất cả kiết sử, không tranh hơn, không xúc chạm, chẳng phải tánh mà trụ nơi tánh, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải tan rã, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông, chẳng phải ấm nhập giới mà cũng là ấm nhập giới, chẳng phải thêm, chẳng phải bớt, chẳng phải hơn, chẳng phải thua. Thân của Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy, không có ai biết mà không ai là không biết, không có ai thấy mà không ai là không thấy, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian, chẳng phải làm chẳng phải chẳng làm, chẳng phải nương tựa chẳng phải chẳng nương tựa, chẳng phải bốn đại chẳng phải không bốn đại, chẳng phải nhân chẳng phải không nhân, chẳng phải chúng sinh chẳng phải không chúng sinh, chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn, là sư tử, là đại sư tử, chẳng phải thân, chẳng phải không thân, chẳng thể tuyên thuyết, trừ một pháp tướng, không thể tính đếm được, khi nhập Niết-bàn chẳng nhập Niết-bàn. Pháp thân của Như Lai đều thành tựu vô lượng công đức vi diệu như vậy.

Này Ca-diếp! Chỉ có Như Lai mới biết tướng ấy, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Này Ca-diếp! Những công đức như vậy thành tựu thân Như Lai, chẳng phải thân do tạp thực nuôi lớn. Này Ca-diếp! Chân thân của Như Lai có công đức như vậy, làm sao có các bệnh tật khổ hoạn mong manh không bền chắc như đồ gốm được. Này Ca-diếp! Sở dĩ Như Lai thị hiện có bệnh khổ là vì muốn điều phục chúng sinh. Này Ca-diếp! Ông nên biết thân của Như Lai là thân Kim cang. Từ hôm nay ông phải chuyên tâm suy nghĩ nghĩa này, chớ nghĩ là thân tạp thực, cũng nên giảng nói cho mọi người rõ thân Như Lai tức là pháp thân.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thành tựu công đức như vậy, sao thân của Như Lai lại có bệnh, khổ, vô thường, tan hoại? Từ nay con phải thường suy nghĩ thân của Như Lai là pháp thân thường trụ, thân an lạc, con cũng sẽ nói rộng nghĩa ấy cho người khác.

Bạch Thế Tôn! Pháp thân Kim cang của Như Lai không hoại, mà con chưa rõ nguyên do thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Nhờ nhân duyên hay hộ trì chánh pháp nên nay thành tựu được thân Kim cang này. Này Ca-diếp! Do ngày trước Như Lai hộ trì chánh pháp nên nay được thân Kim cang thường trụ không hoại. Này Ca-diếp! Người hộ trì chánh pháp chẳng thọ năm giới, chẳng tu oai nghi, mà phải nắm giữ đao kiếm, cung tên, giáo mác để hộ trì Tỳ-kheo giữ giới thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo xa lìa sự hộ trì, một mình ở nơi vắng vẻ, nơi gò mả, nơi gốc cây, nên gọi vị ấy là chân Tỳ-kheo. Nếu có người theo giữ gìn thì nên biết những người này là cư sĩ trọc.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Ông chớ nói là cư sĩ trọc. Hoặc có Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở được sự cung cấp nuôi thân vừa đủ, đọc tụng kinh điển, tư duy, tọa thiền, có người đến hỏi giáo pháp thì giảng pháp bố thí, trì giới, phước đức, thiểu dục tri túc cho họ. Tuy có thể nói đủ các pháp như vậy, nhưng không thể nói pháp Đại thừa, không được đồ chúng Đại thừa vây quanh, không thể hàng phục kẻ ác và phi pháp. Tỳ-kheo như thế không thể đem lại lợi ích cho chính mình và cho chúng sinh. Nên biết những hạng người này lười nhác, trễ nải, tuy hay giữ giới, chấp trì hạnh thanh tịnh nhưng nên biết người này không làm được việc gì, hoặc có Tỳ-kheo vật dụng cung cấp nuôi thân luôn được đầy đủ, lại có thể giữ gìn giới cấm đã thọ, thường hay giảng nói rộng giáo pháp Đại thừa, đó là chín bộ loại kinh điển: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ Ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Y-đế-mục- đa-già, Đà-xà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma; dùng chín bộ loại kinh điển như vậy để rộng giảng nói cho người khác, tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh, mà xướng lên lời nói như vầy: "Trong kinh Niết-bàn, Đức Phật dạy các Tỳ-kheo không nên nuôi dưỡng các vật phi pháp: tôi tớ, dê, bò. Nếu Tỳ-kheo nào nuôi các vật không thanh tịnh như thế phải nên trị phạt họ. Trước đây, trong những bộ kinh khác, Đức Phật dạy, nếu có Tỳ-kheo nào nuôi những vật bất tịnh ấy, thì bất cứ vua của nước nào cũng như pháp mà trị phạt họ, đuổi bắt hoàn tục". Tỳ-kheo nào khi nói những lời như trên, nếu người phá giới lắng nghe được những lời này, liền sinh giận dữ muốn hại vị pháp sư Tỳ-kheo ấy. Giả sử vị pháp sư Tỳ-kheo có chết đi thì cũng được gọi là người trì giới tạo lợi ích cho mình và cho mọi người. Vì nhân duyên này nên Như Lai cho phép vua chúa, quần thần, tể tướng và hàng Ưu-bà-tắc hộ trì người thuyết pháp. Nếu ai muốn được hộ trì chánh pháp phải nên học như vậy. Này Ca-diếp! Người phá giới không trì chánh pháp gọi là cư sĩ trọc, chứ không phải người trì giới có tên gọi như vậy.

Này Ca-diếp! Về đời quá khứ vô lượng vô biên vô số kiếp, nơi thành Câu-thi-na này có Đức Phật ra đời hiệu là Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Bấy giờ, thế giới rộng lớn trang nghiêm hưng thịnh an vui, dân chúng giàu có, không đói khát, như hàng Bồ-tát ở cõi An lạc. Đức Phật ấy ở đời rất lâu, giáo hóa chúng sinh đã viên mãn, sau đó mới nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ ở đời vô lượng ức năm. Còn bốn mươi năm nữa khi pháp Phật chưa diệt, bấy giờ có một Tỳ-kheo trì giới hiệu là Giác Đức, được nhiều đồ chúng quyến thuộc vây quanh, có thể giảng rõ chín bộ loại kinh điển Đại thừa, cấm các Tỳ-kheo không được nuôi các vật phi pháp như nô tỳ, bò dê.

Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo phá giới nghe nói như vậy liền sinh tâm ác, cầm dao gậy đi đến dọa pháp sư. Khi ấy quốc vương Hữu Đức nghe việc này rồi, vì hộ trì chánh pháp nên liền đến chỗ pháp sư thuyết pháp, cùng với những Tỳ-kheo phá giới đánh một trận ác liệt. Nhờ đó mà pháp sư thoát khỏi nguy hại. Khi ấy, thân nhà vua bị đao kiếm cung tên làm bị thương, toàn thân bị đâm thủng như hạt cải, không chỗ nào lành lặn. Bấy giờ, Tỳ-kheo Giác Đức liền khen nhà vua: "Lành thay! Lành thay! Hôm nay nhà vua thật là người hộ trì chánh pháp. Vào đời vị lai thân này sẽ là pháp khí vô lượng". Khi vua nghe pháp này rồi tâm rất vui mừng, liền băng hà, sinh về cõi Phật A-súc làm đệ tử thứ nhất của Phật ấy. Các tướng, dân chúng, quyến thuộc theo vua chiến đấu và người tùy hỷ, tất cả đều phát tâm Bồ-đề không thoái chuyển, khi chết đều được sinh về cõi Phật A-súc. Tỳ-kheo Giác Đức, sau khi mạng chung cũng sinh về cõi Phật A-súc làm đệ tử thứ hai trong chúng Thanh văn đó. Nếu lúc chánh pháp sắp diệt, phải nên thọ trì ủng hộ như vậy. Này Ca-diếp! Nhà vua lúc ấy là tiền thân của Ta. Tỳ-kheo thuyết pháp là Phật Ca-diếp. Này Ca-diếp! Người hộ trì chánh pháp được vô lượng kết quả như vậy. Do nhân duyên này, nên hôm nay Ta được nhiều tướng tốt để tự trang nghiêm, thành tựu pháp thân, thân không thể hoại.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thân chân thường của Như Lai giống như khắc chạm vào đá.

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Do nhân duyên như vậy nên Tỳ-kheo, Tỳ-kheo- ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phải siêng năng hộ trì chánh pháp, quả báo của việc hộ trì chánh pháp rộng lớn vô lượng. Này thiện nam! Vì thế những Ưu-bà-tắc… hộ trì chánh pháp nên cầm dao gậy để ủng hộ vị Tỳ-kheo trì pháp như vậy. Nếu có người thọ trì năm giới thì không được gọi là người Đại thừa. Người không thọ trì năm giới mà hộ trì chánh pháp mới gọi là Đại thừa. Người hộ trì chánh pháp cần phải nắm giữ đao, kiếm, binh khí để tự bảo vệ người thuyết pháp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo làm bạn với những Ưu-bà-tắc nắm giữ dao, gậy như vậy có phải là thầy hay không phải là thầy, là trì giới hay phá giới?

Phật dạy Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông chớ cho rằng những vị ấy phá giới. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, vào đời xấu ác cõi nước rối ren, dân chúng đói khát cướp bóc lẫn nhau. Bấy giờ, có nhiều người vì đói khổ mà phát tâm xuất gia, những kẻ như vậy gọi là người đầu trọc. Hạng người này thấy Tỳ-kheo thanh tịnh giữ giới, oai nghi đầy đủ, hộ trì chánh pháp liền xua đuổi, hoặc giết, hoặc hại.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì người trì giới, hộ trì chánh pháp làm sao vào được thôn xóm phố phường để giáo hóa?

Này thiện nam! Vì vậy, Ta cho phép người trì giới làm bạn với những cư sĩ nắm giữ dao gậy. Nếu có quốc vương, đại thần, Trưởng giả, Ưu-bà-tắc vì giữ gìn chánh pháp mà cầm giữ dao gậy Ta cũng gọi là người trì giới. Tuy cầm dao gậy nhưng không giết chết người, nếu được như vậy thì gọi là người trì giới bậc nhất. Này Ca-diếp! Người hộ trì chánh pháp nghĩa là đầy đủ chánh kiến, có thể rộng giảng nói kinh điển Đại thừa hoàn toàn không cầm nắm lọng báu của vua; bình dầu, gạo thóc, các thứ hoa quả không vì lợi dưỡng đó mà gần gũi vua quan, đại thần, trưởng giả. Đối với tín thí tâm không dua nịnh quanh co, phải đầy đủ oai nghi, bài trừ bọn người ác phá giới, đó gọi là bậc thầy trì giới hộ pháp, là chân thiện tri thức của chúng sinh. Tâm của vị này rộng lớn như biển cả. Này Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo vì lợi dưỡng mà nói pháp cho người thì đồ chúng thân cận của người ấy cũng bắt chước thầy mà tham cầu lợi dưỡng như thế. Đó là người tự phá hoại Tăng chúng. Này Ca-diếp! Tăng chúng có ba hạng: một là Tăng tạp phạm giới, hai là Tăng ngu si, ba là

Tăng thanh tịnh. Tăng tạp phá giới thì dễ hoại, Tăng trì giới thanh tịnh thì nhân duyên lợi dưỡng không thể phá hoại. Sao gọi là Tăng tạp phá giới? Nếu có Tỳ-kheo tuy giữ gìn giới cấm nhưng vì lợi dưỡng nên cùng với người phá giới cùng ngồi, đứng, đi lại, cùng gần gũi, cùng làm việc thì đây gọi là Tăng phá giới, cũng gọi là Tăng tạp. Sao gọi là Tăng ngu si? Nếu có Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ, các căn chẳng lanh lợi, tăm tối đần độn, ít muốn đi khất thực, đến ngày thuyết giới và khi tự-tứ, chỉ bảo các đệ tử thanh tịnh sám hối, nhưng thấy những người không phải đệ tử của mình phạm nhiều giới cấm lại không bảo họ thanh tịnh sám hối mà lại cho họ cùng chung thuyết giới tự-tứ thì đây gọi là Tăng ngu si. Sao gọi là Tăng thanh tịnh? Có Tỳ-kheo Tăng không bị trăm ngàn ức ma quân ngăn cản phá hoại. Chúng Bồ-tát này tánh vốn thanh tịnh, có thể điều phục chúng của hai bộ trên, làm cho an trụ trong chúng thanh tịnh. Đó gọi là vị đại sư hộ trì chánh pháp vô thượng. Người khéo giữ gìn giới luật vì muốn điều phục, tạo lợi ích cho chúng sinh, nên biết các giới tướng hoặc nhẹ, hoặc chẳng phải luật thì không chứng biết, nếu là luật thì chứng biết. Thế nào là điều phục chúng sinh? Nếu các Bồ-tát vì giáo hóa chúng sinh, nên thường vào thôn xóm mà không chọn thời tiết, hoặc đến nhà quả phụ, nhà dâm nữ cùng ở chung, trải qua nhiều năm, nếu là Thanh văn thì không nên làm như vậy, đó gọi là điều phục tạo lợi ích cho chúng sinh. Thế nào là biết giới trọng? Nếu thấy Như Lai nhân sự việc mà chế giới "Từ nay ông nên cẩn thận chớ sai phạm", như bốn giới trọng là giới mà người xuất gia không nên phạm mà cố ý phạm, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là con dòng họ Thích, thì đó gọi là giới trọng. Thế nào là giới khinh? Nếu người phạm tội nhẹ, ba lần can gián mà có thể bỏ thì gọi là giới khinh. Chẳng phải luật không chứng biết là, nếu có người khen ngợi nói vật không thanh tịnh nên thọ dụng, thì không cùng họ ở chung.

Đúng luật nên chứng biết là, người khéo học giới luật không gần với người phá giới, thấy có người thực hành đúng với giới luật thì sinh tâm vui mừng, có thể biết đúng như thật việc làm pháp Phật và có khả năng khéo léo giảng nói, gọi là Thầy dạy luật. Người khéo hiểu một chữ, khéo trì khế kinh, cũng lại như vậy. Này thiện nam! Như vậy là pháp Phật vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng thế, đúng thế! Thật đúng như lời Thế Tôn dạy, pháp Phật vô lượng chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế nên biết, Như Lai thường trụ, không hoại, không biến đổi. Ngày nay, con đã học kỹ và cũng giảng nói rộng nghĩa này cho mọi người.

Bấy giờ, Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Thân của Như Lai tức là thân Kim cang không thể hoại. Bồ-tát nên học kỹ, thấy đúng biết đúng như vậy. Nếu có thể thấy biết rõ ràng như vậy tức là thấy được thân Kim cang của Phật, thân chẳng thể hoại như thấy các hình ảnh trong gương.

□

PHẨM 3: DANH TỰ CÔNG ĐỨC

Bấy giờ, Như Lai lại bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông nên thọ trì công đức danh tự, chương cú của kinh này. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe tên kinh này mà sinh vào bốn đường ác thì đó là điều không có. Vì sao? Vì kinh này là chỗ tu tập, là công đức đạt được của vô lượng vô biên chư Phật, nay Như Lai sẽ giảng nói.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này đặt tên là gì? Đại Bồ-tát phụng trì thế nào?

Phật bảo Ca-diếp:

–Kinh này tên là “Đại Bồ Tát Niết Bàn”, tất cả lời nói đầu cũng thiện, lời nói giữa cũng tiện, lời nói sau cũng thiện, ý nghĩa sâu xa, lời văn hoàn hảo, thuần nhất, đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, tạng báu kim cang phong phú không thiếu. Nay ông nên khéo lắng nghe, Ta sẽ giảng nói cho.

Này thiện nam! Nói Đại, đó là thường trụ, như tám con sông lớn đều chảy vào biển cả, kinh này cũng vậy, hàng phục tất cả phiền não kiết sử và các tánh của ma. Sau đó cần phải ở nơi Đại Bát Niết Bàn xả bỏ thân mạng, cho nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Này thiện nam! Lại như thầy thuốc có một phương thuốc bí truyền, gồm thâu tất cả các phương thuốc khác. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, đã nói đủ các loại pháp môn vi diệu bí mật thâm sâu, đều nhập vào Đại Bát Niết Bàn, cho nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Ví như người nông dân, cuối mùa xuân gieo trồng thường trông mong cho đến khi đã thu hoạch quả hạt thì không còn trông mong nữa. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng lại như thế, tu học các kinh khác thường hy vọng thấm nhuần hương vị nhưng nếu được nghe kinh Đại Bát Niết Bàn này thì mọi hy vọng thấm nhuần hương vị của các kinh khác đều chấm dứt. Kinh Đại Bát Niết Bàn này có thể khiến chúng sinh vượt qua các dòng hữu. Này thiện nam! Cũng như trong các dấu chân, dấu chân voi là hơn hết. Cũng vậy, kinh này là bậc nhất trong tất cả các kinh Tam-muội. Này thiện nam! Ví như cày ruộng vào mùa thu là tốt nhất. Cũng vậy, trong các kinh, kinh này là hơn hết. Này thiện nam! Trong các loại thuốc, đề hồ là thứ tốt nhất, trị lành các bệnh phiền não, loạn tâm của chúng sinh, kinh Đại Bát Niết Bàn này là bậc nhất. Này thiện nam! Ví như váng sữa đầy đủ tám vị. Kinh Đại Bát Niết Bàn này cũng đủ tám vị. Những gì là tám? Một là thường, hai là hằng, ba là an, bốn là mát mẻ, năm là chẳng già, sáu là chẳng chết, bảy là không dơ, tám là an lạc. Đầy đủ tám vị ấy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu các vị Bồ-tát an trú ở trong ấy, mà có thể thị hiện Niết-bàn khắp nơi thì gọi là Đại Bát Niết Bàn. Này Ca-diếp! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn ở nơi Đại Bát Niết Bàn này mà Niết-bàn thì phải tu học như vầy: Như Lai thường trụ, Pháp và Tăng cũng vậy.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Công đức của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, Pháp, Tăng cũng vậy, chẳng thể nghĩ bàn. Nếu người nào tu học kinh điển này thì được pháp môn chân chánh, có thể làm lương y. Nếu người nào chưa học thì nên biết, người này đui mù không có mắt trí tuệ, bị vô minh che lấp.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN IV

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 1

Đức Phật lại bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát phân biệt chỉ bày Đại Bát Niết Bàn có bốn tướng nghĩa. Những nghĩa gì là bốn? Một là tự chánh. Hai là chánh tha. Ba là có khả năng tùy theo câu hỏi để trả lời. Bốn là khéo hiểu rõ nghĩa nhân duyên.

Thế nào là tự chánh? Nghĩa là Đức Như Lai thấy các nhân duyên mà có những điều cần giảng nói, ví như Tỳ-kheo thấy đám lửa lớn liền nói: Thà ta ôm lấy khối lửa lớn bốc cháy này, chứ hoàn toàn không dám đối với Mười hai bộ loại kinh văn và tạng bí mật của Đức Như Lai đã giảng nói, mà phỉ báng cho rằng đó là do ma Ba-tuần nói ra, hoặc cho rằng Như Lai, Pháp, Tăng là vô thường. Người như vậy là tự khinh khi mình, cũng lừa dối người khác. Thà lấy dao bén cắt đứt lưỡi của mình, chứ hoàn toàn không nói: Như Lai, Pháp, Tăng là vô thường, hoặc nghe người khác nói cũng không tin theo, mà đối với người ấy còn thương xót họ. Hãy nên ghi nhận như vầy: Như Lai, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn, tự xem thân mình như đống lửa, đó gọi là tự chánh. Thế nào là chánh tha? Khi Đức Phật đang thuyết pháp, có một người nữ nuôi dưỡng con bằng sữa mẹ, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, rồi ngồi qua một bên, có điều nhớ nghĩ, tâm mãi suy tư. Khi ấy, Đức Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi: "Có phải con vì thương con của mình nên mớm cho nó ăn nhiều váng sữa, mà không biết suy lường có tiêu hóa được hay không, phải chăng?". Người nữ bạch Phật: "Lạ lùng thay! Thế Tôn biết rõ tâm niệm của con, cúi xin Thế Tôn chỉ dạy cho con đôi điều. Bạch Thế Tôn! Sáng nay con đã cho con của con ăn nhiều váng sữa, lo sợ không tiêu hóa được, nó sẽ chết yểu. Ngưỡng mong Thế Tôn giảng dạy cho con". Đức Phật bảo: "Con của con ăn thức ăn ấy đã tiêu hóa tốt, nó sẽ được khỏe mạnh". Người nữ nghe Phật nói vậy tâm rất vui mừng, bèn thưa: "Vì Như Lai đã nói thật, nên con rất vui mừng". Đức Thế Tôn vì muốn điều phục các chúng sinh nên khéo léo có thể phân biệt nói tiêu hay không tiêu, cũng nói các pháp vô ngã, vô thường. Nếu Đức Phật nói thường trước thì các đệ tử sẽ cho rằng pháp này giống với thuyết ngoại đạo mà bỏ đi. Đức Phật lại bảo người nữ: "Muốn nuôi đứa con lớn lên, có thể khỏe mạnh phải gồm những thức ăn dễ tiêu hay khó tiêu, nếu chỉ cho ăn váng sữa thì không đủ cung cấp. Hàng đệ tử Thanh văn của Ta cũng như con của con vậy, không thể tiêu hóa được pháp thường trụ, cho nên trước hết dạy pháp "Khổ, Vô thường". Khi hàng Thanh văn đệ tử của Ta đã đầy đủ công đức, đủ sức tu tập kinh điển Đại thừa, thì đối với kinh này Ta sẽ nói sáu pháp vị. Thế nào là sáu pháp vị? Đó là vị chua của khổ, vị mặn của vô thường, vị đắng của vô ngã, vị ngọt của lạc, vị cay của ngã, vị lạt của thường. Trong thế gian có ba vị: Đó là vô thường, vô ngã, vô lạc. Phiền não là củi, trí tuệ là lửa, do các nhân duyên đó mà thành cơm Niết-bàn, tức là thường, lạc, ngã, khiến các đệ tử đều ham thích". Đức Phật lại bảo người nữ: "Nếu cô có duyên sự muốn đến xứ khác thì phải đuổi đứa con trai hung dữ ra khỏi nhà, rồi đem kho báu giao cho đứa con trai hiền". Người nữ bạch Phật: "Thật đúng như lời Thế Tôn dạy, kho châu báu nên giao cho đứa con hiền, không nên giao cho đứa con hung dữ". "Ta cũng vậy, lúc nhập Niết-bàn, không đem tạng pháp vô thượng mầu nhiệm giao cho hàng đệ tử Thanh văn, cũng như kho báu của con, không giao cho đứa con hung dữ. Chánh pháp cần phải giao phó cho hàng Bồ-tát, như kho báu của con, giao cho đứa con hiền. Vì sao? Vì hàng Thanh văn phát tưởng sai biệt cho rằng Như Lai đã thật diệt độ, nhưng Ta thật sự không diệt độ, như lúc con đi xa chưa trở về, người con ác kia cho rằng con đã chết, mà thật sự con không chết. Các Bồ-tát cho rằng Như Lai là thường không biến đổi, như đứa con hiền cho rằng con không chết. Do nghĩa này nên Ta dùng tạng pháp vô thượng bí mật giao cho hàng Bồ-tát”.

Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào cho rằng Phật là thường trụ không biến đổi thì nên biết nhà của người ấy thường có Phật. Đó gọi là chánh tha.

Thế nào gọi là có khả năng tùy theo câu hỏi mà trả lời? Nếu có người đến hỏi Phật: “Con phải làm thế nào để không mất tiền của, mà cũng được gọi là đàn-việt bố thí lớn”. Phật dạy: “Nếu có Sa-môn, Bà- la-môn, hạng thiểu dục tri túc, không nhận, không chứa những vật bất tịnh, thì đem tôi tớ, người giúp việc bố thí cho người ấy, đem người nữ bố thí cho người tu phạm hạnh, đem rượu thịt cho người dứt rượu thịt, vào lúc quá ngọ đem thức ăn bố thí cho người không ăn quá ngọ, đem hương hoa bố thí cho người không dùng hương hoa. Bố thí như vậy thì tiếng tăm lan truyền khắp nơi, mà của cải, tài sản không phí tổn mảy may”. Đó gọi là khả năng tùy theo câu hỏi mà trả lời.

Khi ấy, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với người ăn thịt không nên bố thí thịt. Vì sao? Vì con thấy người không ăn thịt có công đức lớn.

Phật khen Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Ông nay khéo hiểu ý Ta, các Bồ-tát hộ pháp cần phải như vậy. Này thiện nam! Từ nay trở đi Như Lai không cho hàng đệ tử Thanh văn ăn thịt. Nếu khi nhận sự bố thí của đàn-việt thì phải quán tưởng thức ăn ấy như ăn thịt con mình.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Như Lai không cho ăn thịt. Phật dạy:

–Này thiện nam! Phàm ăn thịt, thì đoạn mất giống đại từ. Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Cớ sao ngày trước, Như Lai cho phép Tỳ-kheo ăn ba thứ tịnh

nhục.

–Này Ca-diếp! Ba thứ tịnh nhục ấy, tùy việc tạm thời chế ra thôi. Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì, mười thứ bất tịnh, cho đến chín thứ thanh tịnh, Như Lai cũng không cho phép?

Phật bảo Ca-diếp:

–Cũng nhân nơi việc mà lần lượt cấm chế. Nên biết, đó chính là nghĩa dứt ăn thịt hiện nay.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Vì sao Như Lai khen thịt cá là thức ăn ngon? Phật bảo:

–Này thiện nam! Ta không những nói các thứ thuộc thịt cá là thức ăn ngon, mà còn nói mía, gạo, đường, tất cả các thứ lúa mạch và đường đen, mật, sữa, bơ, dầu cũng là thức ăn ngon. Tuy Như Lai nói được cất chứa các thứ y phục, nhưng phải là thứ hoại sắc, huống nữa là tham trước mùi vị cá thịt.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Nếu Như Lai chế giới không ăn thịt, thì năm món: sữa, kem bơ, sữa tươi, sữa chín, dầu và các thứ y phục kiều-xa-gia, ngọc kha, da thuộc, vàng bạc, bồn chậu, những vật như vậy cũng không nên cất giữ.

–Này thiện nam! Không nên có kiến chấp giống như hàng ngoại đạo lõa thể. Tất cả những giới cấm Như Lai chế ra đều có ý khác. Vì có ý khác cho nên Như Lai cho ăn ba thứ tịnh nhục, vì có tưởng khác, cho nên cấm ăn mười thứ thịt, vì tưởng khác cho nên cấm tất cả các thứ thịt, cho đến thịt của vật tự chết. Ca-diếp, từ hôm nay, Như Lai cấm các đệ tử không được ăn tất cả các loại thịt. Ca-diếp, người ăn thịt, hoặc đi, đứng, nằm, ngồi, chúng sinh nào nghe đến hơi thịt đều sinh sợ hãi. Ví như có người ở gần sư tử, mọi người nghe thấy mùi hôi của sư tử cũng sinh khiếp sợ.

Này thiện nam! Như người ăn tỏi có mùi hôi khó chịu, người nào nghe thấy cũng muốn bỏ đi, dù thấy từ xa cũng không muốn nhìn, huống nữa là gần. Người ăn thịt cũng như vậy, tất cả chúng sinh nghe hơi thịt, đều khiếp sợ, sinh tưởng sợ chết. Các loài có thân mạng sống dưới nước, trên đất, trong không, thảy đều bỏ chạy, cho rằng người này là kẻ oán của mình. Cho nên Bồ-tát không ăn thịt, vì độ chúng sinh mà thị hiện ăn thịt, tuy thị hiện ăn, nhưng thật sự không ăn. Này thiện nam! Những Bồ-tát như vậy, không ăn những thức ăn thanh tịnh, huống gì là ăn thịt. Này thiện nam! Sau khi Ta nhập Niết-bàn, vô lượng trăm năm những bậc Thánh nhân của bốn quả đều vào Niết-bàn. Sau khi chánh pháp diệt, vào thời tượng pháp, sẽ có các Tỳ-kheo giả như trì luật, ít đọc tụng kinh điển, tham muốn ăn uống, trưởng dưỡng thân thể, y phục trên thân thô xấu, hôi dơ, hình tướng tiều tụy không có oai đức, chăn nuôi bò, dê, gánh củi, vác cỏ, râu, tóc, móng để dài. Tuy mặc ca-sa mà giống như thợ săn, nhìn kỹ, đi chậm như mèo rình chuột, thường tuyên bố là mình đã chứng quả A-la-hán, thân mạng nhiều bệnh, nằm trên phân dơ, ngoài hiện tướng hiền lành, trong lòng đầy tham lam, ganh ghét, như Bà-la-môn thọ năm phép câm, thật chẳng phải Sa-môn mà hiện tướng Sa-môn, tà kiến lớn mạnh, chê bai chánh pháp. Những người như vậy phá hoại giới luật chánh hạnh, oai nghi, quả giải thoát mà Như Lai đã nói. Họ xa rời pháp thanh tịnh và hủy hoại giáo nghĩa thâm sâu bí mật, tự theo ý mình nói trái ngược với kinh luật rằng: Đức Như Lai cho chúng ta ăn thịt, tự phát ra lập luận này, cho là Phật nói, cùng nhau tranh cãi, ai cũng tự xưng là Sa-môn Thích tử.

Này thiện nam! Bấy giờ, có các Sa-môn cất chứa lúa gạo, nhận giữ thịt cá, tự tay nấu ăn, cầm nắm bình dầu, giày da lọng báu, gần gũi quốc vương, đại thần, trưởng giả, xem tướng coi sao, siêng học nghề thuốc, nuôi dưỡng tôi tớ, cất giữ vàng bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, pha lê, trân châu, san hô, hổ phách, bích ngọc, đá quý, của báu, các loại dưa trái, học tập các kỹ nghệ, thợ vẽ, điêu khắc, soạn sách dạy học, gieo trồng, luyện chất độc, chú thuật, chế thuốc, xướng ca, kỹ nhạc, trang điểm hương hoa, cờ bạc, học các nghệ thuật. Nếu có Tỳ-kheo nào xa lìa các việc xấu như vậy, nên nói người đó là đệ tử của Ta.

Khi ấy, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nương theo người khác mà sống, khi khất thực, nếu được thức ăn lộn với thịt, thì làm thế nào để ăn đúng pháp thanh tịnh?

Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Nên lấy nước rửa sạch thịt rồi mới ăn. Nếu đồ đựng thức ăn bị thịt làm bẩn, chỉ làm cho hết mùi thì được phép dùng, không có tội. Nếu trong thức ăn có nhiều thịt, thì không nên dùng. Tất cả các thứ thịt thì không được ăn, nếu ăn thì mắc tội. Nay Ta đưa ra điều cấm chế là chấm dứt việc ăn thịt. Nếu giảng nói rộng thì không thể hết, vì giờ nhập Niết-bàn gần đến nên nói tóm tắt. Đây gọi là khả năng tùy theo câu hỏi mà trả lời.

Này Ca-diếp! Thế nào là khéo hiểu nghĩa nhân duyên? Như có bốn hộ chúng đến hỏi Như Lai: “Bạch Thế Tôn! Những nghĩa mà Như Lai nói trước đây, sao không vì vua Ba-tư-nặc mà nói nghĩa lý sâu xa, vi diệu của pháp môn ấy, hoặc khi nói sâu, hoặc khi nói cạn, hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là bất phạm? Thế nào gọi là đọa? Thế nào gọi là luật? Thế nào là nghĩa Ba-la-đề-mộc-xoa?”. Phật dạy: “Ba-la-đề-mộc- xoa gọi là tri túc, thành tựu oai nghi, không thọ nhận cất giữ, cũng gọi là sinh sống thanh tịnh. Đọa gọi là bốn cõi ác. Lại đọa có nghĩa là đọa nơi địa ngục cho đến A-tỳ. Còn nói về sự nhanh chậm thì nhanh hơn trận mưa rào. Người nghe sợ hãi, giữ vững giới cấm, không phạm oai nghi, tu tập tri túc, không nhận tất cả vật bất tịnh. Lại đọa là nuôi lớn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì những nghĩa ấy gọi là đọa. Ba-la-đề- mộc-xoa là xa lìa tà nghiệp bất thiện của thân, khẩu, ý. Luật là nhập vào các giới oai nghi, hiểu sâu nghĩa thiện của kinh, ngăn chặn sự thọ dụng tất cả vật bất tịnh và nhân duyên bất tịnh, cũng ngăn bốn trọng tội, mười ba tội

Tăng tàn, hai tội Bất định, ba mươi tội Xả đọa, chín mươi tội Đơn đọa, bốn pháp Hối quá, các pháp Chúng học và bảy pháp Diệt tránh. Hoặc có người phá tất cả giới, nghĩa là bốn pháp Trọng cho đến bảy pháp Diệt tránh. Hoặc có người chê bai chánh pháp, kinh điển sâu xa và hạng Nhất-xiển-đề thành tựu đầy đủ hết tất cả tướng không có nhân duyên. Những người trên đây tự cho mình là người thông minh, trí tuệ lanh lợi, che giấu tất cả các tội nặng, tội nhẹ và những điều xấu ác, như rùa che giấu sáu chi. Phạm tội như vậy, thời gian dài không chịu sám hối, do không sám hối nên tội lỗi càng tăng thêm. Tỳ- kheo phạm tội như vậy, mãi không phát lộ, khiến tội ấy ngày càng phát triển, cho nên Như Lai biết những việc này mà lần lượt chế giới không cùng một lúc".

Bấy giờ, có thiện nam, thiện nữ bạch Phật:

"Bạch Thế Tôn! Như Lai biết việc này từ lâu, sao không chế giới này trước, phải chăng Thế Tôn muốn để chúng sinh đọa vào địa ngục? Ví như nhiều người muốn đến xứ khác, mê muội bỏ mất đường thẳng, đi theo đường cong queo, nhưng các người ấy không biết là lạc đường, nên cho là đi đúng đường, lại không gặp ai để hỏi đúng hay sai. Chúng sinh cũng vậy, mê lầm đối với pháp Phật, không thấy con đường chân chánh. Lẽ ra, lúc trước Như Lai nên dạy đạo chân chánh, bảo các Tỳ- kheo: Đây là phạm giới, đây là trì giới, phải chế như vậy. Vì sao? Vì Như Lai là bậc Chánh giác, chân thật thấy rõ đạo chân chánh, chỉ có Như Lai là bậc Thiên Trung Thiên, hay nói pháp mười thiện tăng thượng công đức và ý nghĩa của pháp ấy, cho nên thưa thỉnh Thế Tôn chế giới trước”.

Phật dạy:

“Này thiện nam! Nếu nói Như Lai vì chúng sinh nói pháp mười thiện tăng thượng công đức, thì Như Lai xem chúng sinh như La-hầu- la. Sao lại nói rằng phải chăng Thế Tôn muốn chúng sinh đọa vào địa ngục? Ta thấy một người có nhân duyên đọa vào địa ngục A-tỳ, còn vì người đó mà trụ ở đời một kiếp, hoặc không đầy một kiếp. Ta đối với chúng sinh có lòng từ bi rộng lớn, duyên cớ gì mà lại lừa dối người mà Như Lai xem như con ruột, khiến cho họ rơi vào địa ngục?

Này thiện nam! Như ở trong một nước, có người biết vá áo, thấy áo có lỗ rách sau đó mới vá. Như Lai cũng vậy, thấy chúng sinh có nhân duyên đọa vào địa ngục A-tỳ, liền dùng giới thiện để cứu giúp họ. Này thiện nam! Ví như Chuyển luân Thánh vương trước vì chúng sinh giảng nói pháp mười thiện, về sau có người làm ác, vua liền tùy theo việc, dứt ác lần lần, dứt các việc ác rồi, sau đó tự thực hành pháp của vua. Này thiện nam! Ta cũng như vậy, có thuyết pháp mà không chế luật trước, do Tỳ-kheo lần lần làm việc phi pháp, sau đó mới tùy theo việc mà chế. Những chúng sinh thích chánh pháp mà theo lời Phật dạy tu hành, những chúng sinh như thế mới có thể thấy pháp thân của Như Lai. Như xe báu của vua Chuyển luân không thể nghĩ bàn. Hai ngôi báu Pháp – Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Đây gọi là khéo hiểu nghĩa nhân duyên. Bồ-tát phân biệt khai thị nghĩa của bốn tướng như vậy, đó là nghĩa nhân duyên Đại Niết-bàn trong Đại thừa.

Lại nữa, tự chánh, nghĩa là chứng được Đại Bát Niết Bàn. Chánh tha là Như Lai vì Tỳ-kheo mà giảng nói pháp Như Lai thường còn không biến đổi”.

Này Ca-diếp! Tùy theo câu hỏi mà trả lời là, do ông hỏi, Như Lai mới có dịp giảng nói rộng nghĩa lý nhiệm mầu, sâu xa cho Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Nghĩa nhân duyên là, hàng Thanh văn, Duyên giác không hiểu rõ nghĩa sâu xa như vậy, chẳng nghe chữ “Y” do ba chấm mà thành; giải thoát, Niết-bàn, đại Bát nhã thành tạng bí mật. Nay Như Lai xiển dương, phân biệt, khai phát tuệ nhãn cho hàng Thanh văn. Giả sử có người nói: “Bốn việc là vậy, sao nói là một, chẳng phải hư dối”, thì liền hỏi ngược lại: “Hư không, không sở hữu, không lay động, không chướng ngại, bốn việc như vậy, có gì sai khác? Điều này đâu có thể gọi là hư vọng?”.

–Bạch Thế Tôn! Không! Các câu như vậy, chính là một nghĩa, đó là nghĩa không, tự chánh, chánh tha, tùy theo câu hỏi mà trả lời, hiểu rõ nhân duyên cũng lại như vậy, tức là Đại Niết-bàn không sai khác.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nói rằng, Như Lai vô thường thì làm sao biết là vô thường? Như lời Phật dạy, diệt các phần phiền não gọi là Niết-bàn. Ví như lửa diệt thì không còn, diệt các phần phiền não cũng như vậy, cho nên gọi là Niết-bàn, thì sao Như Lai gọi là pháp thường trụ không biến đổi? Như áo đã rách hết không còn gọi là vật. Niết-bàn cũng vậy, dứt hết phiền não thì không gọi là vật nữa, thì sao Như Lai gọi là pháp thường trụ không biến đổi? Như lời Phật dạy, xa lìa ham muốn, tịch diệt, gọi là Niết-bàn. Như người bị chặt đầu thì không còn đầu, xa lìa ham muốn, tịch diệt cũng lại như vậy, rỗng không, không sở hữu nên gọi là Niết-bàn, vì sao Như Lai là phép thường trụ không biến đổi? Như lời Phật dạy:

Như sắt nung đỏ
Đập tung tóe lửa
Chẳng biết ở đâu
Được chánh giải thoát
Cũng lại như vậy

Đã lìa dâm dục
Bùn lầy các cõi
Được quả vô động
Không biết đến đâu

thì sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi?

Này Ca-diếp! Nếu có người gạn hỏi như vậy, gọi là gạn hỏi. Ông cũng không nên nghĩ tưởng tánh Như Lai là diệt tận.

Này Ca-diếp! Dứt hết phiền não không gọi là vật. Vì sao? Vì đã “vĩnh viễn rốt ráo nên gọi là thường”, câu này tịch tĩnh không có gì hơn. “Dứt hết các tưởng không còn sai sót”, câu này trong sáng thường trụ không biến đổi. Cho nên, Niết-bàn gọi là thường trụ. Như Lai cũng vậy, thường trụ không biến đổi.

Nói lửa tung tóe là dụ cho phiền não, văng ra rồi lại tắt, không biết ở đâu là chỉ Như Lai đã dứt phiền não, không ở trong năm đường. Cho nên, Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi.

Này Ca-diếp! Thầy của chư Phật là Pháp, nên Như Lai cung kính cúng dường, vì pháp thường trụ, nên chư Phật cũng thường trụ.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Nếu lửa phiền não diệt, Như Lai cũng diệt, thế thì Như Lai không có chỗ thường trụ, như mạt sắt kia, mất tia lửa rồi không biết văng đâu. Phiền não Như Lai cũng vậy, diệt rồi thì không chỗ đến. Lại như lửa nóng và tia lửa đỏ của thanh sắt kia tắt rồi thì không còn gì. Như Lai cũng vậy, diệt rồi thì vô thường, diệt lửa phiền não, liền nhập Niết-bàn, nên biết Như Lai là vô thường.

–Này thiện nam! Thanh sắt là nói các phàm phu. Người phàm phu tuy diệt phiền não, nhưng diệt rồi lại sinh, nên gọi là vô thường, Như Lai chẳng phải như vậy, diệt rồi không còn sinh nên gọi là thường.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Như màu đỏ của thanh sắt đã tắt, đem thanh sắt đặt lại trong lửa, thì màu đỏ lại sinh. Nếu Như Lai cũng vậy thì đáng lẽ sinh phiền não trở lại. Nếu sinh phiền não trở lại tức là vô thường.

Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Ông không nên nói Như Lai là vô thường. Vì sao? Vì Như Lai là thường. Này thiện nam! Như khi đốt gỗ hết thì còn tro, phiền não diệt hết thì liền có Niết-bàn. Những ví dụ áo rách, đầu bị chém, bình vỡ v.v… cũng như vậy. Các vật như thế đều có tên gọi là áo rách, chém đầu, bình vỡ.

Này Ca-diếp! Như sắt nguội có thể làm nóng lại. Như Lai không phải như vậy, dứt phiền não rồi thì hoàn toàn thanh tịnh, lửa phiền não không sinh trở lại. Ca-diếp nên biết, vô lượng chúng sinh như thanh sắt kia, Như Lai dùng lửa trí tuệ vô lậu, đốt kiết sử phiền não của chúng sinh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Lành thay! Lành thay! Con nay biết rõ điều Như Lai nói, chư

Phật là thường trụ.

Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Ví như Thánh vương vốn ở trong cung, hoặc có khi dạo chơi xem cảnh ngoài vườn, dù lúc vua không có giữa đám cung phi, cũng không được nói là vua băng hà. Như Lai cũng vậy, dù không xuất hiện giữa cõi Diêm-phù, vào trong Niết-bàn, nhưng không gọi là vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não, vào chốn Niết-bàn an vui, dạo chơi nơi vườn hoa Chánh giác, vui vẻ, an lạc.

Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi:

–Như lời Phật dạy, từ lâu Như Lai đã vượt khỏi biển lớn phiền não. Nếu Ngài đã vượt ra khỏi biển phiền não thì duyên cớ gì lại cùng Da-du-đà-la sinh ra La-hầu-la? Do nhân duyên này nên biết Như Lai chưa thoát khỏi biển lớn phiền não trói buộc. Cúi xin Như Lai giảng nói về nhân duyên này.

Phật bảo Ca-diếp:

–Ông không nên nói, từ lâu Như Lai đã vượt khỏi biển lớn phiền não, duyên cớ gì lại cùng Da-du-đà-la sinh ra La-hầu-la? Vì nhân duyên này nên biết Như Lai chưa thoát khỏi biển lớn phiền não trói buộc.

Này thiện nam! Đại Niết-bàn này có khả năng kiến lập nghĩa lớn. Nay các ông nên chí tâm lắng nghe rồi giảng nói rộng cho mọi người, chớ sinh tâm lo sợ, nghi ngờ. Nếu có vị Đại Bồ-tát an trụ Đại Niết-bàn thì có thể đem núi Tu-di cao rộng như thế để vào trong vỏ hột đình lịch, rồi đem để lại chỗ cũ.

Này thiện nam! Lại có vị Đại Bồ-tát an trụ nơi Đại Niết-bàn, có thể đem ba ngàn đại thiên thế giới, đặt trong vỏ đình lịch, chúng sinh trong đó cũng không chật hẹp, qua lại như thường, không có gì khác, chỉ có người được độ mới thấy Bồ-tát đem ba ngàn đại thiên thế giới đặt trong vỏ đình lịch, rồi đem để lại chỗ cũ.

Này thiện nam! Lại có vị Đại Bồ-tát an trụ nơi Đại Niết-bàn, có thể đem ba ngàn đại thiên thế giới để vào lỗ chân lông cho đến để lại chỗ cũ cũng như vậy.

Này thiện nam! Lại có vị Đại Bồ-tát, an trụ nơi Đại Niết-bàn, cắt lấy ba ngàn đại thiên thế giới chư Phật ở mười phương, để ở đầu mũi kim như ghim lá táo, rồi ném đến chư Phật ở phương khác, tất cả chúng sinh trong thế giới đó không biết đi đến chỗ nào, chỉ có người được độ mới thấy việc này, cũng lại thấy Bồ-tát đem thế giới đã ném để lại chỗ cũ.

Này thiện nam! Lại có vị Đại Bồ-tát, an trụ nơi Đại Niết-bàn, cắt lấy ba ngàn đại thiên thế giới chư Phật ở mười phương, để trên bàn tay như cái vòng của thợ gốm, rồi ném qua vô lượng thế giới khác, nhiều như vi trần, không một chúng sinh có khởi tưởng qua lại, chỉ có người được độ mới thấy việc làm này, cho đến để lại chỗ cũ, cũng như vậy.

Này thiện nam! Lại có vị Đại Bồ-tát, an trụ nơi Đại Niết-bàn, cắt lấy vô lượng thế giới chư Phật trong tất cả mười phương, để vào trong thân mình, chúng sinh ở trong đó không bị chật hẹp, cũng không có tưởng qua lại, và tưởng về chỗ ở, chỉ có người được độ mới thấy việc làm này, cho đến để lại chỗ cũ, cũng như vậy.

Này thiện nam! Lại có vị Đại Bồ-tát, an trụ nơi Đại Niết-bàn, đem mười phương thế giới để vào trong một hạt bụi, chúng sinh ở trong đó không bị chật hẹp, và không tưởng qua lại, chỉ có người được độ mới thấy được việc đó, cho đến để lại chỗ cũ, cũng như vậy.

Này thiện nam! Vị Đại Bồ-tát, an trụ nơi Đại Niết-bàn, thì có thể thị hiện vô lượng thần thông biến hóa, nên gọi Đại Bát Niết Bàn. Vị Đại Bồ-tát có thể thị hiện thần thông biến hóa như vậy, tất cả chúng sinh không thể suy lường được, thì nay ông làm thế nào biết Như Lai cận kề dâm dục sinh ra La-hầu-la?

Này thiện nam! Từ lâu Như Lai đã trụ nơi Đại Niết-bàn, thị hiện vô lượng thần thông biến hóa, ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, trăm ức mặt trời, mặt trăng, trăm ức cõi Diêm-phù-đề này, thị hiện thần thông như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói nhiều. Như Lai ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ở Diêm-phù-đề thị hiện Niết-bàn, cũng không hoàn toàn nhập Niết-bàn. Hoặc ở Diêm-phù-đề thị hiện vào thai mẹ, khiến cha mẹ tưởng con mình sinh ra, mà thân của Như Lai đây hoàn toàn không từ nơi dâm dục hòa hợp sinh ra. Như Lai đã lìa dâm dục từ vô lượng kiếp lâu xa rồi. Thân của Như Lai đây là pháp thân, vì tùy thuận thế gian nên thị hiện vào thai mẹ.

Này thiện nam! Như Lai thị hiện từ thai mẹ là Ma-da sinh ra từ vườn Lâm-tỳ-ni nơi cõi Diêm-phù-đề, vừa sinh ra liền đi bảy bước qua hướng Đông xướng: “Ta là bậc Tối thượng ở trong hàng trời, người, A- tu-la”. Cha mẹ, hàng trời, người thấy thế vừa lo, vừa mừng, cho là việc hiếm có. Mọi người cho là trẻ nhỏ, nhưng thật ra thân này của Như Lai đã xa lìa từ vô lượng kiếp. Thân của Như Lai tức là pháp thân, không phải thân do máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy hợp thành. Vì tùy thuận pháp chúng sinh ở thế gian, nên thị hiện làm đứa trẻ. Đi về hướng Nam bảy bước là thị hiện muốn làm phước điền vô thượng cho chúng sinh. Đi về hướng Tây bảy bước là thị hiện sự sinh đã hết, là thân cuối cùng, vĩnh viễn không còn lão, tử nữa. Đi qua hướng Bắc bảy bước là thị hiện đã qua khỏi sinh tử của các cõi. Đi về hướng Đông bảy bước là thị hiện làm người dẫn đường cho chúng sinh. Đi khắp bốn hướng bảy bước là thị hiện diệt trừ các phiền não và bốn loài ma, thành Đấng Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri. Đi lên phương Trên bảy bước là thị hiện không bị vật dơ làm ô nhiễm như hư không. Đi xuống phương Dưới bảy bước là thị hiện rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục, khiến cho chúng sinh được vui an ổn. Đối với người hủy giới, thị hiện làm sương mù, mưa đá. Nơi cõi Diêm-phù-đề, sau khi sinh ra bảy ngày lại thị hiện cạo tóc. Mọi người đều cho Như Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu, thật ra tất cả hàng trời, người, Ma vương Ba-tuần, Sa-môn, Bà-la-môn, không ai có thể thấy đảnh tướng của Như Lai, huống là có người cầm dao đến cạo tóc được. Nếu có người cầm dao đến cạo trên đảnh Như Lai thì đó là điều không có. Từ trong vô lượng kiếp sâu xa, Như Lai đã cạo bỏ râu tóc. Như Lai sinh ra rồi, cha mẹ đem đến đền thờ Trời để ra mắt Ma- hê-thủ-la. Ma-hê-thủ-la khi thấy Như Lai liền chắp tay cung kính đứng qua một bên. Từ trong vô lượng kiếp lâu xa, Như Lai đã xa lìa pháp vào đền thờ Trời, nhưng muốn tùy thuận theo pháp thế gian nên thị hiện như vậy. Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện xâu lỗ tai, tất cả chúng sinh thật không có ai xâu lỗ tai Như Lai được, vì tùy thuận pháp thế gian, nên thị hiện như vậy. Lại dùng các vật báu làm ngọc bông tai sư tử, để trang nghiêm tai, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đã lìa bỏ các thứ trang điểm, nhưng muốn tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện như vậy. Vào học đường, học tập chữ nghĩa, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã hoàn toàn thành tựu. Xem khắp ba cõi, không ai có thể đảm nhận nổi việc làm thầy của Như Lai, nhưng vì muốn tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện vào học đường, nên gọi là Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Học cưỡi voi, cưỡi ngựa, đấu vật, đủ thứ kỹ nghệ cũng như vậy.

Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề lại thị hiện làm Thái tử. Mọi người đều thấy Như Lai là Thái tử ở trong năm dục hưởng sự vui sướng, nhưng trong vô lượng kiếp Như Lai đã xa lìa sự vui năm dục như thế, nhưng vì tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện tướng như vậy.

Thầy tướng số đoán Như Lai nếu không xuất gia thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, cai trị cõi Diêm-phù-đề. Tất cả chúng sinh đều tin lời nói ấy, nhưng trong vô lượng kiếp Như Lai đã bỏ ngôi vị Chuyển luân Thánh vương mà làm bậc

Pháp vương. Ở cõi Diêm-phù- đề, Như Lai thị hiện xa lìa thể nữ, cảnh vui năm dục; thấy già, bệnh, chết và Sa-môn, rồi xuất gia tu hành. Mọi người đều nghĩ Thái tử mới xuất gia, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xuất gia hành đạo, vì tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện như vậy.

Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện xuất gia, thọ giới cụ túc, tinh tấn hành đạo, chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la- hán. Mọi người đều nghĩ quả A-la-hán dễ chứng không khó, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đã thành tựu A-la-hán, vì muốn độ thoát mọi loài chúng sinh, nên ở đạo tràng dưới cây Bồ-đề, dùng cỏ làm tòa, hàng phục các ma. Đại chúng đều cho rằng Như Lai mới ở đạo tràng, dưới cây Bồ-đề, hàng phục quân ma, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đã hàng phục quân ma. Vì muốn hàng phục chúng sinh cang cường, nên thị hiện giáo hóa, Như Lai thị hiện đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng Như Lai có đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào, nhưng thân Như Lai được quả báo không đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào như vậy. Vì tùy thuận pháp thế gian, nên thị hiện như thế.

Như Lai thị hiện nhận thực phẩm của người dâng cúng, nhưng thân của Như Lai thật không đói khát. Vì tùy thuận thế gian, nên thị hiện như vậy. Như Lai thị hiện ngủ nghỉ đồng như chúng sinh, nhưng từ vô lượng kiếp đã đầy đủ trí tuệ thâm sâu vi diệu, xa lìa ba cõi, Những việc đi đứng nằm ngồi, đau đầu, đau bụng, đau lưng, cầm gậy, rửa chân, rửa tay, rửa mặt, súc miệng, xỉa răng v.v… mọi người đều nói Như Lai có việc như vậy, nhưng thân của Như Lai không có việc này. Tay, chân của Như Lai trong sạch như hoa sen, hơi miệng thơm sạch như mùi hương Ưu-bát-la. Tất cả chúng sinh đều nói Như Lai là người, thật ra Như Lai không phải là người. Như Lai thị hiện nhận y phấn tảo, giặt giũ may nhuộm, nhưng từ lâu Như Lai không cần y ấy. Mọi người đều nói La-hầu-la là con của Như Lai, vua Thâu-đầu-đàn (Tịnh Phạn Vương) là cha Như Lai, Ma-da phu nhân là mẹ Như Lai. Như Lai ở thế gian thọ hưởng những điều vui sướng, nhưng bỏ những việc như vậy mà xuất gia học đạo. Mọi người lại nói: Thái tử Cù-đàm là vua một dòng dõi lớn, xa lìa thú vui của đời, cầu pháp xuất thế. Nhưng Như Lai từ lâu đã xa lìa những ham muốn của thế gian. Những việc như vậy đều là thị hiện. Tất cả chúng sinh đều cho rằng Như Lai là người, thật ra, Như Lai không phải là người.

Này thiện nam! Dù Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề này, luôn thị hiện nhập Niết-bàn, nhưng Như Lai thực thật không rốt ráo nhập Niết-bàn, mà chúng sinh lại nói Như Lai thật đã diệt độ, nên biết tánh Như Lai thật chẳng diệt độ mà là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi. Này thiện nam! Đại Niết-bàn là pháp giới của chư Phật Như Lai.

Như Lai lại thị hiện ra đời ở cõi Diêm-phù-đề, chúng sinh đều nói Như Lai mới thành Phật, nhưng việc làm của Như Lai đã hoàn thành từ vô lượng kiếp, vì tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề ra đời thành Phật.

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, không giữ gìn giới cấm, phạm bốn tội nặng, mọi người thấy đều nói Như Lai thật có phạm, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai giữ vững giới cấm không thiếu sót.

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, làm Nhất-xiển-đề. Mọi người thấy đều nói là Nhất-xiển-đề, nhưng Như Lai thật chẳng phải là Nhất-xiển-đề, Nhất-xiển-đề làm sao có thể thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề phá hòa hợp Tăng. Chúng sinh đều nói Như Lai phá Tăng, nhưng Như Lai quan sát hàng trời, người, không thể phá hòa hợp Tăng.

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề hộ trì chánh pháp. Mọi người đều nói Như Lai là hộ pháp, đều sinh kinh ngạc, pháp của chư Phật là vậy, không nên kinh ngạc.

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm ma

Ba-tuần. Mọi người đều nói Như Lai là ma Ba-tuần, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đã xa lìa ma sự, trong sạch không nhiễm, giống như hoa sen.

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm thân nữ thành Phật. Mọi người đều nói: "Lạ thay! Người nữ mà có thể thành Vô thượng Chánh giác Đẳng giác". Như Lai hoàn toàn không thọ thân nữ, nhưng vì muốn điều phục vô lượng chúng sinh nên thị hiện thân nữ, vì thương yêu tất cả chúng sinh nên thị hiện đủ loại sắc thân.

Ở cõi Diêm-phù-đề, Như Lai lại hiện thân sinh trong bốn đường. Nhưng từ lâu, Như Lai đã đoạn hết nhân của các đường, vì nghiệp nhân, cho nên đọa vào bốn đường, nhưng Như Lai vì độ chúng sinh, nên sinh vào trong đó.

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm Phạm thiên vương, khiến cho Phạm thiên an trú vào chánh pháp. Nhưng Như Lai thật không phải Phạm thiên, mà chúng sinh đều nói Như Lai chính là Phạm thiên. Thị hiện thân trời khắp các đền thờ trời cũng như vậy.

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, vào nhà dâm nữ, nhưng Như Lai không có tưởng dâm dục. Tâm Như Lai trong sạch, không bị ô uế, giống như hoa sen, nhưng vì chúng sinh tham muốn, ưa thích sắc dục, nên ở khắp mọi nơi Như Lai diễn giảng diệu pháp. Như Lai thật không có tâm dục nhiễm cấu uế, nhưng mọi người đều nói Như Lai quan tâm người nữ.

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, vào nhà thanh y để giáo hóa hạng nô tỳ, khiến cho họ an trụ chánh pháp. Thật ra, Như Lai không do nghiệp ác mà rơi vào nơi ấy.

Như Lai thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm người biết rộng, vì dạy dỗ kẻ thơ dại khiến chúng sinh an trú vào chánh pháp. Lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề vào chỗ rượu chè, cờ bạc, thị hiện bao việc tranh cãi thắng bại, vì muốn cứu vớt chúng sinh đó, chứ Như Lai thực không có nghiệp ác như vậy, mà chúng sinh đều nói Như Lai tạo nghiệp như vậy. Lại thị hiện lâu nơi bãi tha ma làm thân chim thứu để độ các loài chim. Các chúng sinh đều nói Như Lai thật là thân chim thứu, nhưng từ lâu Như Lai đã xa lìa nghiệp ấy, vì muốn độ loài chim kia nên hiện thân như vậy.

Như Lai lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm đại trưởng giả, vì muốn an lập chúng sinh trụ vào chánh pháp. Lại thị hiện làm vua, đại thần, vương tử, phụ tướng, ở trong những chức vị đó làm người đứng đầu, vì để dìu dắt chúng sinh tu tập chánh pháp, nên ở ngôi vị vua.

Như Lai lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, khi kiếp bệnh tật khởi, rất nhiều chúng sinh vì bệnh làm khổ não, trước tiên Như Lai cho thuốc, sau đó giảng nói chánh pháp vi diệu, khiến họ an trú vào đạo Bồ-đề vô thượng. Lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, khi kiếp đao binh khởi, liền thuyết pháp khiến cho chúng sinh xa lìa oán hại và được an trú vào đạo Bồ-đề vô thượng.

Lại thị hiện vào hạng người chấp thường mà nói quán tưởng vô thường; hạng người chấp vui, nói quán tưởng khổ; hạng người chấp ngã, nói quán tưởng vô ngã; hạng người chấp tịnh, nói quán tưởng bất tịnh. Nếu có chúng sinh tham đắm nơi ba cõi, liền thuyết pháp khiến họ xa lìa ba cõi; vì cứu độ chúng sinh nên nói pháp dược vô thượng vi diệu; vì muốn chặt đứt cây phiền não, nên trồng cây pháp dược vô thượng; vì muốn cứu vớt hạng ngoại đạo nên diễn bày chánh pháp. Tuy thị hiện làm Thầy chúng sinh nhưng tâm ban đầu của Như Lai không có quan niệm là Thầy chúng sinh. Vì muốn cứu vớt hàng hạ tiện, nên thị hiện vào trong đó để thuyết pháp, không phải do nghiệp ác mà thọ thân như vậy.

Đức Như Lai Chánh Giác an trụ nơi Đại Niết-bàn, nên gọi thường trú không biến đổi. Như ở cõi Diêm-phù-đề, cõi Phất-vu-đãi ở phương Đông, Cù-da-ni ở phương Tây, Uất-đơn-việt ở phương Bắc lại cũng như vậy; như bốn châu thiên hạ, ở ba ngàn đại thiên thế giới cũng như vậy, ở hai mươi lăm cõi cũng như vậy, như trong kinh

Thủ Lăng Nghiêm nói rõ, cho nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu có Đại Bồ-tát an trụ nơi Đại Niết-bàn như vậy, thì có thể thị hiện thần thông biến hóa như thế mà không sợ hãi.

Này Ca-diếp! Do nhân duyên trên, nên ông không thể nói La- hầu-la là con của Phật. Vì sao? Vì từ vô lượng kiếp xa xưa, Như Lai đã lìa dục hữu, nên Như Lai được gọi là thường trụ không biến đổi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Sao Như Lai gọi là thường trụ? Như lời Phật dạy: Như ngọn đèn đã tắt thì không biết đi về đâu? Như Lai cũng vậy, đã diệt độ rồi thì cũng không biết đi về đâu?

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Ông không nên nói những lời như vậy, là đèn tắt rồi, không biết đi về đâu. Như Lai cũng vậy, đã diệt rồi thì cũng không biết đi về đâu!

Này thiện nam! Ví như nam nữ khi thắp đèn lớn hay nhỏ, đều có đủ dầu, tùy theo số dầu ở trong đèn còn, thì ngọn lửa còn cháy, nếu dầu hết thì ngọn lửa tắt. Ngọn lửa tắt dụ cho phiền não hết, tuy ngọn lửa tắt mà cây đèn vẫn còn. Như Lai cũng vậy, những phiền não tuy diệt hết nhưng pháp thân vẫn thường còn.

Này thiện nam! Ông nghĩ ngọn lửa và cây đèn có cùng tắt cả không?

Bồ-tát Ca-diếp trả lời:

–Bạch Thế Tôn! Tuy không cùng tắt nhưng mà vô thường. Nếu đem pháp thân dụ với cây đèn thì cây đèn vô thường, pháp thân cũng vô thường.

–Này Ca-diếp! Ông không nên gạn hỏi đồ vật thế gian như vậy. Như Lai Thế Tôn là pháp khí vô thượng. Đồ vật của thế gian vô thường, Như Lai chẳng phải vậy. Trong tất cả các pháp, Niết-bàn là thường, thể Như Lai cũng như vậy nên gọi là thường.

Lại nữa, này thiện nam! Nói đèn tắt là nói Niết-bàn của A-la-hán chứng, vì phiền não tham ái dứt nên dụ như đèn tắt. Bậc A-na-hàm gọi là có tham, vì có tham nên chẳng được nói là đồng như đèn tắt, cho nên ngày trước Như Lai che tướng mà nói dụ như đèn tắt, chứ chẳng phải Đại Niết-bàn đồng với đèn tắt. Bậc A-na-hàm không còn sinh, không trở lại hai mươi lăm cõi, lại không thọ thân hôi hám, thân côn trùng, thân ăn uống, thân độc hại, nên gọi là A-na-hàm. Nếu còn thọ thân thì gọi là Na-hàm, không thọ thân mới gọi là A-na-hàm. Nếu còn đến đi, thì gọi là Na-hàm, không còn đến đi thì gọi là A-na-hàm.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN V

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 2

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Ngài dạy, chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật. Nghĩa này không phải. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ, không có mật tạng. Như nhà ảo thuật điều khiển người máy, mọi người đều thấy co, duỗi, cúi, ngửa, nhưng chẳng biết bên trong điều khiển nó như thế nào. Pháp Phật không phải vậy, mà pháp Phật làm cho chúng sinh đều hiểu biết, thế sao lại nói chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật?

Phật khen Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Như lời ông nói, Như Lai thật không có tạng bí mật. Vì sao? Như trăng tròn đêm thu, hiện rõ trên không, trong suốt không bị che khuất, mọi người ai cũng thấy rõ. Lời nói của Như Lai cũng như vậy, mở bày, hiện rõ, trong suốt không bị che lấp. Người ngu không hiểu cho là tạng bí mật.

Này thiện nam! Ví như có người cất giữ nhiều vàng bạc đến vô lượng ức, nhưng vì lòng keo kiệt nên chẳng muốn đem của cho người bần cùng, tích chứa như thế gọi là kho tàng bí mật. Như Lai lại không như vậy, trong vô lượng kiếp đã tích chứa vô số pháp báu vi diệu, tâm không bỏn sẻn, thường dùng để bố thí cho tất cả chúng sinh, thì sao gọi tạng bí mật của Như Lai.

Này thiện nam! Ví như có người các căn không đầy đủ, hoặc chỉ còn một mắt, một chân, vì hổ thẹn không cho người khác thấy, người không thấy nên gọi là tạng bí mật. Như Lai không như vậy, có chánh pháp đầy đủ không thiếu sót khiến cho mọi người thấy biết thì sao gọi tạng bí mật của Như Lai.

Này thiện nam! Ví như người nghèo khổ mắc nhiều nợ của người, lo sợ chủ nợ theo dõi nên trốn tránh không muốn gặp mặt gọi là ẩn tàng. Như Lai không như vậy, không mắc nợ chúng sinh về pháp thế gian, tuy mắc nợ chúng sinh về pháp xuất thế gian mà cũng không ẩn tàng. Vì sao? Vì Như Lai đối với chúng sinh xem như con một, nên thường vì họ mà giảng nói pháp vô thượng.

Này thiện nam! Ví như Trưởng giả có nhiều của báu mà chỉ có một người con, ông rất thương yêu con không muốn xa lìa, của cải có được đều chỉ cho con biết. Như Lai cũng vậy, xem chúng sinh như con một.

Này thiện nam! Như người đời vì nữ căn, nam căn xấu xí nên dùng y phục để che lại, nên gọi là che giấu. Như Lai không như thế, đã hoàn toàn đoạn các căn này, do không có các căn nên không cần gì che giấu.

Này thiện nam! Ví như Bà-la-môn có điều bàn luận, không bao giờ cho các giai cấp: Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la v.v… nghe. Vì sao? Vì trong những điều luận bàn này có những điều tội lỗi, xấu ác. Chánh pháp của Như Lai thì không như vậy, đầu, giữa, cuối đều tốt đẹp. Cho nên không gọi là tạng bí mật.

Này thiện nam! Ví như Trưởng giả chỉ có một người con, tâm thường thương yêu vô cùng, dẫn con đến nhà thầy, muốn cho con học hành nhưng sợ con không mau chóng thành tài, liền dắt con về. Vì thương con nên Trưởng giả ngày đêm ân cần dạy cho con nửa chữ mà không dạy luận Tỳ-già-la. Vì sao? Vì tuổi còn nhỏ, chưa đủ sức lãnh thọ.

Này thiện nam! Giả sử Trưởng giả dạy cho con nửa chữ xong thì đứa bé đó tức thời có thể biết được luận Tỳ-già-la không?

–Bạch Thế Tôn! Không thể biết. Phật hỏi:

–Như vậy Trưởng giả đối với con mình có gì che giấu không?

–Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì đứa trẻ còn nhỏ tuổi, nên Trưởng giả không dạy, chẳng phải vì bí mật tiếc lẫn mà không nói. Vì sao? Vì nếu có tâm ganh ghét tiếc lẫn che giấu thì mới gọi là giấu kín. Như Lai không như vậy thì sao gọi là tạng bí mật của Như Lai.

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Như ông đã nói, nếu có tâm sân giận, ganh ghét, tiếc lẫn thì gọi là che giấu. Như Lai không có tâm sân giận, ganh ghét thì sao gọi là che giấu. Này thiện nam! Trưởng giả kia tức là Như Lai, người con là chỉ cho tất cả chúng sinh. Như Lai xem tất cả chúng sinh như con một, dạy cho con là dạy cho hàng Thanh văn, nửa chữ là chín bộ Kinh văn, luận Tỳ-già-la là chỉ cho kinh Phương Đẳng Đại Thừa. Vì hàng Thanh văn không có trí tuệ, cho nên Như Lai chỉ giảng nói chín bộ loại Kinh văn cho họ, dụ như nửa chữ; mà không giảng nói kinh Phương Đẳng Đại Thừa, dụ như Tỳ-già-la. Này thiện nam! Như đứa con của Trưởng giả kia đã khôn lớn, đủ sức đọc học, nếu không dạy luận Tỳ-già-la mới gọi là che giấu. Nếu hàng Thanh văn có sức lãnh thọ, có thể lãnh thọ kinh điển Đại thừa, nhưng Như Lai tiếc lẫn không dạy cho họ thì có thể nói Như Lai có sự che giấu.

Ví như trưởng giả kia dạy cho con nửa chữ rồi, kế đến dạy luận Tỳ-già-la. Ta nay cũng như thế, dạy cho đệ tử chín bộ loại kinh văn rồi, kế lại thuyết giảng kinh điển Đại thừa, đó là Như Lai trường tồn bất biến. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mùa hạ nhiều mây kéo đến, sấm chớp, tuôn mưa lớn xuống, khiến cho những người nông dân gieo trồng, thu hoạch nhiều cây trái. Người không gieo trồng thì chẳng thu hoạch được gì cả. Người không có gì để thu hoạch thì chẳng phải là lỗi của Long vương, vì Long vương này chẳng có gì che giấu. Như Lai cũng như vậy, tuôn mưa pháp lớn kinh Đại Niết-bàn. Nếu chúng sinh nào gieo trồng hạt giống tốt thì đạt được mầm, quả trí tuệ. Người không gieo trồng hạt giống tốt thì chẳng có gì thu hoạch. Người chẳng thu hoạch được gì thì không phải là lỗi của Như Lai, vì Như Lai thật chẳng có gì che giấu.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Nay con biết chắc chắn Như Lai Thế Tôn không có tạng bí mật. Như Phật đã nói, luận Tỳ-già-la chính là Như Lai thường tồn bất biến, nghĩa này không phải như vậy. Vì sao? Vì ngày xưa Đức Phật có nói kệ:

Chư Phật và Duyên giác
Cùng với các đệ tử
Còn bỏ thân vô thường
Huống nữa là phàm phu.

Nay Phật nói thân thường còn không biến đổi nghĩa này là thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta vì tất cả hàng đệ tử Thanh văn mà dạy nửa

chữ nên nói kệ như vậy. Này thiện nam! Mẹ vua Ba-tư-nặc qua đời, nhà vua rất thương nhớ buồn khổ không thể vượt qua được liền đến gặp Ta. Ta hỏi: “Này đại vương! Sao đại vương quá buồn khổ như thế mà lại đến đây?”. Vua đáp: “Bạch Thế Tôn! Hôm nay hoàng thái hậu băng hà, giả sử có ai làm cho mẹ tôi sống lại như xưa, tôi sẽ nhường ngôi, đem voi, ngựa, bảy báu cùng với thân mạng ban thưởng cho người đó”. Ta lại nói: “Này đại vương! Chớ buồn khổ than khóc, sự sống của tất cả chúng sinh chấm dứt gọi là chết. Hàng đê tử Thanh văn, Duyên giác của Phật còn bỏ thân này huống gì là phàm phu!”.

Này thiện nam! Ta vì vua Ba-tư-nặc dạy nửa chữ nên nói kệ ấy. Ngày nay Ta vì hàng đệ tử Thanh văn nói luận Tỳ-già-la, nghĩa là Như Lai thường còn không biến đổi. Nếu có người nói Như Lai vô thường, sao lưỡi của người đó không bị rơi rụng!

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Như lời Phật dạy:

Không chứa nhóm gì
Ăn uống biết đủ
Giống như chim bay

Chẳng còn dấu vết.

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thế nào? Trong chúng hội này, ai được gọi là không chứa nhóm? Ai được gọi là ăn uống biết đủ? Ai đi trong hư không mà chẳng tìm ra dấu vết? Mà sự đi này là đi đến phương nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Luận về chứa nhóm là nói về của báu. Này Ca-diếp! Chứa nhóm có hai thứ: Một là hữu vi, hai là vô vi. Chứa nhóm hữu vi là hạnh

Thanh văn. Chứa nhóm vô vi tức hạnh Như Lai. Này thiện nam! Tăng cũng có hai loại hữu vi và vô vi. Tăng hữu vi gọi là hàng Thanh văn, Thanh văn Tăng không có chứa nhóm như là tôi tớ, vật phi pháp, kho đụn, lúa gạo, muối, đậu, mè, các loại đậu lớn, nhỏ. Nếu có người nói Như Lai cho phép nuôi tôi tớ hầu hạ và chứa những thứ như vậy thì lưỡi bị rút lại. Hàng đệ tử Thanh văn của Ta gọi là không chứa nhóm, cũng được gọi là ăn uống biết đủ. Nếu có người ăn uống quá độ gọi là không biết đủ. Người ăn uống điều độ gọi là biết đủ. Người mà dấu vết khó tìm tức là gần với đạo Bồ-tát vô thượng. Ta nói với người này dầu có đi mà không có thấy đến.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

–Hàng Tăng hữu vi còn không chứa nhóm huống hồ là Tăng vô

vi. Tăng vô vi chính là Đức Như Lai thì sao Như Lai lại chứa nhóm? Phàm chứa nhóm gọi là che giấu, cho nên Như Lai có nói ra điều gì đều không tiếc lẫn thì sao gọi là cất giấu? Dấu vết chẳng tìm được là Niết-bàn. Ở trong Niết-bàn không có mặt trời, mặt trăng, sao, ngày, đêm, lạnh, nóng, gió, mưa, sinh, lão, bệnh, tử, hai mươi lăm cõi, xa lìa các buồn khổ và các phiền não. Niết-bàn như vậy là chỗ ở của Như Lai thường không biến đổi. Vì nhân duyên này Như Lai đến rừng cây Ta-la đối với Đại Niết-bàn mà nhập Niết-bàn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nói đến chữ Đại là tánh rộng lớn, giống như có người sống lâu vô lượng gọi là đại trượng phu. Người ấy nếu có khả năng trụ trong chánh pháp thì gọi là người cao nhất trong loài người như tám điều giác ngộ của bậc đại nhân mà Ta đã dạy thì một người có đủ hay nhiều người có đủ. Nếu một người có đủ tám điều tức là bậc tối thắng. Nói về Niết-bàn thì không có ung nhọt. Này thiện nam! Ví như có người bị trúng tên độc đau nhức vô cùng, gặp được thầy thuốc nhổ tên độc ra cho loại thuốc hay liền hết đau nhức, được an vui. Vị lương y ấy đi đến phố phường, các xóm làng, ở đâu có người mắc bệnh ung nhọt, đau khổ liền đến điều trị. Này thiện nam! Cũng vậy, Như Lai thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác làm vị đại lương y, thấy chúng sinh đau khổ trong cõi Diêm-phù-đề, trong vô lượng kiếp bị mũi tên độc phiền não tham, sân, si, chịu khổ sở vô cùng. Vì thế, Như Lai thuyết giảng kinh Đại thừa, là phương thuốc cam lồ, trị liệu ở đây xong, lại đến nơi khác, ở đâu có những tên độc phiền não liền thị hiện làm Phật để trị liệu cho họ, nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đại Bát Niết Bàn là nơi giải thoát. Tùy theo nơi nào chúng sinh cần điều phục, Như Lai thị hiện vào trong chốn ấy. Do nghĩa chân thật sâu xa này nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật

–Bạch Thế Tôn! Vị lương y ở đời có thể trị lành bệnh ung nhọt cho tất cả chúng sinh không?

–Này thiện nam! Ở đời bệnh ung nhọt có hai thứ. Một là có thể chữa trị. Hai là không thể chữa trị. Hễ bệnh có thể điều trị được thì lương y chữa ngay, nếu bệnh không thể điều trị được thì không chữa.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Như lời Phật đã nói, Như Lai đã trị bệnh cho chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề. Nếu nói đã trị liệu rồi thì sao các chúng sinh đó lại còn có người chưa được Niết-bàn? Nếu có người chưa được Niết-bàn sao Như Lai bảo đã trị liệu hoàn tất mà muốn đến nơi khác?

–Này thiện nam! Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề có hai hạng: Một là có niềm tin, hai là không có niềm tin. Người có niềm tin gọi là có thể chữa trị. Vì sao? Vì chắc chắn chứng Niết-bàn, không bị ung nhọt. Cho nên Ta nói đã trị bệnh cho chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề rồi. Người không có niềm tin gọi là Nhất-xiển-đề. Người Nhất-xiển-đề gọi là không thể chữa trị. Trừ người Nhất-xiển-đề ra, tất cả chúng sinh đều chữa trị xong, thế nên Niết-bàn gọi là không ung nhọt.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Niết-bàn? Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Niết-bàn là giải thoát. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Giải thoát là sắc hay chẳng phải sắc? Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Hoặc là sắc hoặc chẳng phải sắc. Nói chẳng phải sắc tức là sự giải thoát của Thanh văn, Duyên giác. Nói sắc tức là sự giải thoát của chư Phật Như Lai. Này thiện nam! Cho nên sự giải thoát là sắc cũng chẳng phải là sắc. Như Lai giảng nói chẳng phải là sắc cho hàng đệ tử Thanh văn.

–Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng phải là sắc thì làm sao được an trú?

–Này thiện nam! Như Phi tưởng, phi phi tưởng thiên cũng sắc chẳng phải sắc. Ta cũng giảng nói là chẳng phải sắc. Nếu có người chất vấn, Phi tưởng, phi phi thưởng thiên, nếu chẳng phải sắc thì làm sao đứng, đến, đi, cử động? Nghĩa như vậy thì cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Sự giải thoát cũng như vậy, sắc chẳng phải sắc, nói là chẳng phải sắc, tưởng chẳng phải tưởng, nói là chẳng phải tưởng. Nghĩa như vậy thì cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn thương xót giảng nói rộng nghĩa giải thoát hạnh Đại Niết-bàn

Đức Phật khen gợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Giải thoát chân thật gọi là xa lìa tất cả trói buộc. Nếu giải thoát chân thật xa lìa các trói buộc thì không có sinh cũng không có hòa hợp. Ví như cha mẹ hòa hợp sinh ra con. Giải thoát chân thật không phải thế. Cho nên giải thoát gọi là bất sinh. Này Ca-diếp! Ví như đề hồ tánh nó tinh khiết. Cũng vậy, Như Lai chẳng do sự hòa hợp của cha mẹ mà sinh ra, nên bản tánh thanh tịnh. Sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn giáo hóa các chúng sinh. Giải thoát chân thật là Như Lai. Như Lai giải thoát không hai, không khác. Ví như mùa xuân gieo hạt, thời tiết ấm áp thì cây liền nảy mầm, giải thoát chân chánh thì không như thế. Lại giải thoát là rỗng không, rỗng không tức là giải thoát. Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là rỗng không, chẳng tạo tác và chẳng có đối tượng tạo tác. Phàm cái tạo tác thì như thành quách lầu đài thành lũy. Chân giải thoát thì không như vậy. Cho nên giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như thợ gốm làm rồi lại phá. Sự giải thoát không như vậy. Chân thật giải thoát bất sinh, bất diệt. Thế nên giải thoát tức là Như Lai. Cũng vậy, Như Lai không sinh, không diệt, không già, không chết, không phá, không hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do nghĩa này nên gọi là Như Lai nhập Đại Niết-bàn. Không già, không chết nghĩa là thế nào? Già là biến đổi tóc bạc, mặt nhăn. Chết là thân bị hủy hoại, mạng sống kết thúc, trong pháp giải thoát không có những pháp như vậy. Không có những pháp như thế nên gọi là giải thoát. Như Lai không có pháp hữu vi như tóc bạc, mặt nhăn. Cho nên Như Lai không có già. Không có già nên không có chết. Lại giải thoát gọi là không bệnh. Bệnh là bốn trăm lẻ bốn bệnh và các bệnh bên ngoài xâm nhập vào thân. Ở đây không có các bệnh nên gọi là giải thoát. Không bệnh tức là chân giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Như Lai không bệnh nên pháp thân cũng không bệnh. Không bệnh như vậy tức là Như Lai.

Chết là thân bị hủy hoại, mạng sống kết thúc. Ở đây không chết tức là cam lồ. Cam lồ ấy gọi là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai thành tựu công đức như vậy thì sao cho rằng Như Lai vô thường? Nếu nói là vô thường thì không có việc này. Thân kim cang sao gọi là vô thường? Thế nên Như Lai không gọi là mạng chung. Như Lai thanh tịnh không cấu uế. Thân của Như Lai ở trong thai chẳng bị nhơ nhớp, như hoa sen trắng bản chất tinh khiết. Như Lai giải thoát cũng như vậy. Giải thoát như thế tức là Như Lai. Nên Như Lai thanh tịnh không cấu bẩn. Giải thoát là hoàn toàn không còn những ung nhọt, phiền não. Như Lai cũng vậy, không có tất cả các ung nhọt, phiền não. Lại giải thoát là không có đấu tranh. Ví như kẻ đói, thấy người khác ăn sinh lòng tham muốn giành giật. Giải thoát không vậy. Lại giải thoát là an tịnh. Người phàm phu cho rằng an tịnh là Đại tự tại thiên, lời nói này là hư dối. Chân thật an tịnh là giải thoát hoàn toàn. Mà giải thoát hoàn toàn tức là Như Lai. Lại giải thoát là an ổn. Nơi thanh bình mới gọi là an ổn. Thế nên an ổn là chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát là không có bạn ngang hàng. Người có bạn ngang hàng như quốc vương có các quốc vương nước lân cận. Phàm giải thoát là không như thế. Người không có bạn ngang hàng như Chuyển luân Thánh vương, không có ai ngang bằng. Cũng vậy, giải thoát không có bạn ngang hàng. Không có bạn ngang hàng tức là chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai - bậc Chuyển luân Thánh vương, nên Như Lai không có bạn ngang hàng. Có bạn ngang hàng là điều không có. Lại giải thoát là không buồn phiền, có buồn phiền thì như quốc vương sợ nước lân cận hùng mạnh mà sinh lo buồn. Sự giải thoát không có việc đó. Ví như dẹp trừ các oán thù thì không còn lo sợ. Cũng vậy, giải thoát là không còn lo sợ. Không lo sợ tức là Như Lai. Lại giải thoát là không còn buồn vui. Ví như người đàn bà chỉ có một đứa con, có việc đi xa bỗng nghe tin con bị nạn rất sầu khổ, về sau, lại nghe con còn sống rất vui mừng. Trong sự giải thoát không có những điều như thế. Không lo mừng là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không có trần cấu. Ví như mùa xuân, sau khi mặt trời lặn, gió thổi bụi bay mù mịt. Trong sự giải thoát không có việc đó. Không có bụi mù do chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Ví như viên minh châu trong búi tóc của Thánh vương không có cấu uế. Tánh giải thoát cũng không có cấu uế. Không có cấu uế dụ cho chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Như chất vàng ròng không lẫn tạp chất, cát, đá mới gọi là vàng ròng. Người nào được vàng ròng biết mình có của cải. Cũng vậy, tánh giải thoát như chất vàng ròng. Vàng ròng ấy dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như bình sành bị vỡ phát ra tiếng lạch cạch. Bình báu kim cang thì không như vậy. Sự giải thoát không như bình vỡ. Bình báu kim cang ví như chân thật giải thoát. Chân thật giải thoát tức là Như Lai. Thế nên, thân Như Lai không bị hủy hoại. Tiếng bình vỡ kia như tiếng nổ của trái thầu dầu phơi nắng khi quá nóng. Việc giải thoát thì không như vậy. Như bình báu kim cang chân thật kia, không có tiếng nổ lạch cạch. Giả sử có vô lượng trăm ngàn người đều cùng bắn vào bình đó, thì không thể làm bể được. Không có tiếng nổ lạch cạch dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như người nghèo mắc nợ của người khác, bị người khác trói buộc, gông cùm, xiềng xích, đánh đập, chịu các sự khổ nạn. Trong giải thoát không có việc như vậy, không có mắc nợ. Giống như Trưởng giả có nhiều của báu vô lượng ức số, thế lực tự tại, không mắc nợ của ai. Phàm giải thoát cũng lại như vậy, có nhiều vô lượng pháp tài quý giá, thế lực tự tại, không thiếu nợ ai. Không thiếu nợ dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không bức bách, như ngày mùa xuân đi dưới nắng, ngày mùa hạ ăn ngọt, ngày mùa đông gặp giá lạnh. Trong chân giải thoát không có những sự không vừa ý như vậy. Không bức bách dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại bức bách giống người ăn cá thịt no, lại uống thêm sữa, thì người này kề cận với cái chết. Trong chân giải thoát không có sự như vậy, như người được thuốc hay cam lồ thì bệnh hoạn được tiêu trừ. Chân giải thoát cũng như vậy. Thuốc hay cam lồ dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Thế nào là bức bách, không bức bách? Như hàng phàm phu ngã mạn tự cao, nghĩ: "Tất cả chúng sinh ai có thể hại được ta". Nghĩ rồi liền bắt lấy rắn hổ, độc trùng. Nên biết người này chẳng hết thọ mạng thì sẽ bị chết bất ngờ. Trong chân giải thoát không như vậy.

Không bức bách là như Chuyển luân vương có ngọc thần trừ được chín mươi sáu loài trùng độc hại như bọ hung v.v. Nếu có người nghe hương của ngọc thần thì các thứ độc đều tiêu diệt. Chân giải thoát cũng như vậy, đều xa lìa hai mươi lăm cõi. Tiêu trừ độc dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Lại không bức bách như hư không, giải thoát cũng như vậy. Hư không dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

Lại bức bách là như gần cỏ khô mà đốt đèn lửa thì dễ bị bắt cháy.

Trong chân giải thoát không có sự như vậy.

Lại không bức bách là như mặt trời, mặt trăng không bức bách chúng sinh. Giải thoát cũng vậy, đối với chúng sinh không bức bách. Không bức bách dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là pháp không động chuyển như oán thân. Trong chân giải thoát không có như vậy. Lại bất động là như Chuyển luân vương không có Thánh vương làm bạn thân. Nếu có bạn thân thì không có việc đó. Giải thoát cũng vậy, không có bạn thân. Nếu có bạn thân thì đó là việc không thể có. Thánh vương không có bạn thân dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai là pháp vậy. Lại không động chuyển ví như áo trắng dễ nhuộm màu. Giải thoát không như vậy. Lại không động chuyển như hoa Bà-sư muốn làm cho có mùi hôi và màu xanh thì không thể có được. Cũng vậy, giải thoát muốn có mùi hôi và các màu sắc cũng không thể có được. Cho nên giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là hy hữu. Như trong nước mọc lên hoa sen chẳng phải là hy hữu mà trong lửa mọc lên hoa sen mới là hy hữu, người thấy đều vui mừng. Chân giải thoát cũng như vậy, ai thấy cũng đều sinh tâm vui mừng. Sự hy hữu kia dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp thân. Lại hy hữu ví như trẻ con chưa mọc răng, dần dần lớn lên, sau đó răng mới mọc. Giải thoát không như vậy, không có sinh cũng bất sinh. Lại giải thoát gọi là rỗng không, vắng lặng, không có bất định. Bất định là như hạng Nhất-xiển-đề, hoàn toàn không dời đổi, phạm giới trọng thì không thành Phật đạo, không có việc đó. Vì sao? Vì nếu người ấy có lòng tin thanh tịnh đối với chánh pháp của Phật thì khi ấy liền trừ diệt được Nhất-xiển-đề. Hoặc nếu lại được làm Ưu-bà-tắc thì cũng trừ diệt được Nhất-xiển-đề. Người phạm giới trọng diệt được tội này thì sẽ thành Phật. Nếu nói hoàn toàn không dời đổi, không thành Phật, thì không có việc đó. Trong chân giải thoát đều không có sự diệt tận như vậy. Lại rỗng không, vắng lặng thuộc về pháp giới, mà tánh của pháp giới là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Nếu Nhất-xiển- đề đã diệt hết thì không còn gọi là Nhất-xiển-đề. Vì sao gọi là Nhất- xiển-đề? Nhất-xiển-đề là diệt trừ tất cả thiện căn, tâm vốn không duyên vào tất cả pháp thiện, cho đến không sinh một niệm thiện. Trong chân giải thoát hoàn toàn không có những việc như thế. Không có những việc ấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là chẳng thể lường được. Ví như đống thóc lượng của nó có thể biết được. Chân giải thoát thì không như thế. Ví như biển lớn không thể đo lường. Giải thoát cũng thế, không thể suy lường. Không thể suy lường tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa giải thoát là vô lượng pháp. Như một chúng sinh có nhiều nghiệp báo.

Cũng vậy, giải thoát có vô lượng quả báo. Vô lượng quả báo tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là rộng lớn. Như biển cả không gì sánh bằng. Không gì sánh bằng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là tối thượng. Như hư không cao hơn cả không gì sánh được. Cũng vậy, giải thoát cao hơn hết không gì sánh kịp. Cao không gì sánh kịp tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không thể vượt qua. Ví như chỗ ở của sư tử tất cả bách thú không thể vượt qua. Cũng vậy, giải thoát không gì qua được, không gì có thể vượt qua được tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là vô thượng. Ví như phương Bắc trên cả các phương. Giải thoát cũng vậy, không gì trên nữa. Không gì trên nữa tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là cao tột. Ví như phương Bắc đối với phương Đông là cao tột. Cũng vậy, giải thoát không có gì cao hơn. Không có gì cao hơn tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là thường hằng. Ví như hàng trời người, khi thân hoại mạng chung gọi là hằng, chẳng phải không hằng. Cũng vậy, giải thoát chẳng phải không hằng. Chẳng phải không hằng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là kiên cố, như chiên-đàn trầm thủy Khư-đà-la, tánh nó kiên cố. Giải thoát cũng vậy, tánh nó kiên cố. Tánh kiên cố tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không trống rỗng. Ví như tre lau, ruột của nó trống rỗng. Giải thoát không như vậy, nên biết giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không nhiễm ô. Ví như tường, vách khi chưa sơn, quét thì ruồi muỗi thích đậu vào. Nếu sơn, quét, chạm trổ nhiều màu sặc sỡ, thì côn trùng nghe mùi sơn không đến đậu. Không đậu như vậy ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là vô biên. Ví như xóm làng thì có giới hạn, giải thoát thì không như vậy. Ví như hư không, không có giới hạn. Giải thoát cũng vậy, không có giới hạn. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không thể thấy. Ví như khó thấy dấu chim trong hư không, khó thấy như vậy dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là thâm diệu. Vì sao? Vì hàng Thanh văn, Duyên giác không thể vào được. Không thể vào tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai, thâm diệu là chỗ cung kính của chư Phật, Bồ-tát. Ví như đứa con hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, công đức rất sâu xa. Công đức rất sâu dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không thấy được, như người không thể thấy đỉnh đầu của mình.

Giải thoát cũng vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể thấy. Không thể thấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không nhà cửa. Ví như hư không không có nhà cửa, giải thoát cũng vậy. Nói nhà cửa là dụ cho hai mươi lăm cõi. Không có nhà cửa dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là chẳng thể nắm bắt. Như trái A-ma-lặc người có thể nắm lấy. Giải thoát không như vậy, chẳng thể nắm bắt. Không thể nắm bắt tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không thể cầm giữ. Ví như vật huyễn hóa không thể cầm giữ. Giải thoát cũng vậy, không thể cầm giữ. Không thể cầm giữ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không có thân thể. Ví như thân người sinh mụn nhọt, phong hủi, ung thư, điên cuồng gầy ốm. Trong chân giải thoát không có bệnh như vậy. Không bệnh như vậy dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là nhất vị. Như sữa có nhất vị. Giải thoát cũng vậy, chỉ có nhất vị. Nhất vị tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là thanh tịnh. Như nước không bùn, đứng lặng trong sạch. Giải thoát cũng như vậy, đứng lặng trong sạch. Đứng lặng trong sạch tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là nhất vị. Như giọt mưa trong hư không. Nhất vị thanh tịnh dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là trừ dẹp. Ví như trăng tròn không mây che. Giải thoát cũng vậy, không bị mây che. Không bị mây che tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là vắng lặng. Ví như có người mắc bệnh nóng khi khỏi bệnh thì thân được vắng lặng. Giải thoát cũng vậy, thân được vắng lặng. Thân được vắng lặng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát tức là bình đẳng. Ví như nơi ruộng hoang, các loài rắn độc, chuột, sói đều có tâm sát hại. Giải thoát không như thế, không có tâm sát hại. Không có tâm sát hại tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại bình đẳng như tâm bình đẳng của cha mẹ đối với các con. Giải thoát cũng như tâm bình đẳng ấy. Tâm bình đẳng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không chỗ khác. Ví như người sống một mình ở tòa nhà cao đẹp sạch sẽ, không có chỗ nào khác nữa. Giải thoát cũng vậy, không có chỗ khác. Không có chỗ khác tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là biết đủ. Ví như người đói gặp được thức ăn ngon, ăn hoài không biết chán. Giải thoát không như thế. Như ăn cháo sữa không cần thứ gì nữa. Không cần thứ gì nữa dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát tức là đoạn tuyệt. Ví như người bị trói, cắt đứt dây trói được giải thoát. Cũng vậy, giải thoát là đoạn dứt tất cả sự trói buộc của tâm nghi ngờ. Đoạn dứt nghi ngờ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là đến bờ bên kia. Ví như sông lớn có bờ này bờ kia. Giải thoát không như vậy, tuy không có bờ này mà có bờ kia. Có bờ kia tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là im lặng. Ví như biển cả, khi nước lớn có nhiều âm thanh. Giải thoát không như thế. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là mỹ. Ví như các loại thuốc trộn với trái A-lê-lặc thì có vị đắng. Giải thoát không như vậy, mùi vị như cam lồ. Mùi vị như cam lồ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là trừ các phiền não. Ví như lương y pha chế các loại thuốc trị lành các bệnh. Giải thoát cũng vậy, trừ các phiền não. Trừ các phiền não tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không hạn hẹp. Ví như nhà nhỏ không chứa được nhiều người. Giải thoát không như vậy, dung chứa được nhiều người. Dung chứa được nhiều tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là diệt tham ái, chẳng xen lẫn dâm dục. Ví như người nữ có nhiều tham dục. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai. Như vậy, Như Lai không có các phiền não, tham dục, sân giận, ngu si, kiêu nạm. Lại giải thoát là không ái nhiễm. Ái có hai loại: Một là ngạ quỷ ái. Hai là pháp ái. Chân giải thoát xa lìa ngạ quỷ ái. Vì thương yêu chúng sinh nên có pháp ái. Pháp ái tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là lìa ngã và ngã sở. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát tức là diệt tận, xa lìa tham ái trong các cõi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát tức là cứu hộ, có thể cứu tất cả kẻ sợ hãi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát là chỗ quay về. Nếu có chỗ quay về nương tựa như vậy thì giải thoát không cầu nương tựa chỗ nào khác. Ví như có người nương tựa là vua, không cầu nương tựa ai khác. Tuy nương tựa vua nhưng có sự biến chuyển, còn nương tựa giải thoát không có sự biến chuyển. Không có sự biến chuyển tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát là nhà cửa. Ví như có người đi giữa chốn hoang vắng thì có nguy hiểm. Giải thoát không như vậy, không có nguy hiểm. Không có nguy hiểm tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là không sợ hãi. Như sư tử chúa đối với trăm thú không sợ hãi. Giải thoát cũng vậy, đối với các ma không sợ hãi. Không sợ hãi tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát là không chật hẹp. Ví như đường hẹp hai người không thể cùng song hành. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại có giải thoát là không vội vã. Ví như có người sợ cọp mà té xuống giếng. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại có giải thoát là không trở ngại như đi vào biển lớn xả bỏ thuyền nhỏ chỉ giữ lại thuyền vững chắc. Ngồi trên thuyền ấy vượt biển thì đến nơi an ổn, tâm được vui mừng. Cũng vậy, giải thoát tâm được vui vẻ. Được vui vẻ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là trừ các nhân duyên. Ví như nhân nơi sữa mà có sữa đặc, nhân sữa đặc mà có váng sữa, nhân váng sữa mà được đề hồ. Trong chân giải thoát đều không có nhân ấy. Không có nhân tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát có thể điều phục kiêu mạn. Ví như vua lớn kiêu mạn với vua nhỏ. Giải thoát không như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại giải thoát là chế ngự sự phóng túng vì phóng túng có nhiều tham dục. Trong chân giải thoát không có tên gọi ấy. Không có tên gọi ấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là có khả năng diệt trừ vô minh. Ví như váng sữa hảo hạng được tinh lọc mới gọi là đề hồ. Cũng vậy, giải thoát diệt trừ cặn bã vô minh, phát sinh chân minh. Chân minh như vậy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là tịch tĩnh, thuần nhất không hai. Như voi ở nơi hoang vắng, chỉ một mình mà không có bầy đàn. Cũng vậy, giải thoát là độc nhất vô nhị. Độc nhất vô nhị tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là chắc thật. Ví như tre, lau, cọng cây thầu dầu bên trong trống rỗng mà hạt thì cứng chắc. Ngoài Phật Như Lai ra, còn tất cả hàng trời người đều không chắc thật. Chân giải thoát là xa lìa tất cả hữu lưu. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là có thể hiểu rõ những lợi ích đối với ngã. Chân giải thoát cũng lại như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là lìa bỏ các hữu. Ví như có người ăn no rồi mà ói ra. Cũng vậy, giải thoát lìa bỏ các hữu. Lìa bỏ các hữu tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là quyết định. Như hương của hoa Bà-sư không có trong hoa Thất diệp. Giải thoát cũng vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là thủy đại. Ví như thủy đại hơn hẳn các đại khác, có khả năng thấm nhuần hạt giống của tất cả cây cỏ. Cũng vậy, giải thoát có khả năng thấm nhuần tất cả loài có sự sống. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là nhập vào. Như có cửa thông vào đường đến chỗ có vàng thì sẽ được vàng. Cũng vậy, giải thoát như cửa kia, người tu vô ngã thì sẽ được vàng trong ấy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là hay giỏi. Ví như học trò theo bên thầy, làm đúng theo lời thầy dạy thì gọi là hay giỏi. Cũng vậy, giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là pháp xuất thế. Pháp ấy hơn hẳn tất cả các pháp. Như trong tất cả các vị, vị đề hồ là hơn hết. Giải thoát cũng vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là bất động. Ví như cửa đóng, gió không thể làm động. Chân giải thoát cũng lại như thế. Giải thoát như thế tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không có sóng lớn. Như biển cả thì có sóng lớn. Giải thoát không như vậy, giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại giải thoát ví như cung điện. Giải thoát cũng như vậy, nên biết giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là chỗ dùng. Như vàng Diêm-phù-đề dùng được nhiều việc, không ai có thể nêu được nhược điểm của vàng này. Cũng vậy, giải thoát không có điểm yếu. Không có điểm yếu tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát là xả bỏ hạnh anh nhi. Ví như người lớn xả bỏ hạnh của trẻ con. Cũng vậy, giải thoát trừ bỏ năm ấm. Trừ bỏ năm ấm tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát tức là rốt ráo. Như người bị trói được thả ra, tắm rửa sạch sẽ, sau đó trở về nhà. Giải thoát cũng vậy rốt ráo thanh tịnh. Rốt ráo thanh tịnh gọi là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là vui vô tác. Vui vô tác là trừ sạch tham dục, sân giận, ngu si. Ví như có người uống lầm thuốc độc. Vì trừ độc nên uống thuốc xổ, khi xổ hết thuốc độc thì thân được an vui. Cũng vậy, giải thoát tức là xổ ra những độc phiền não kiết sử trói buộc, thân tâm được an vui, gọi là vui vô tác. Vui vô tác tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là đoạn trừ bốn phiền não độc hại. Đoạn phiền não tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là xa lìa, xa lìa các hữu, diệt tất cả các khổ, đạt được sự an vui. Vĩnh viễn đoạn trừ các tham dục, sân giận, si mê, nhổ sạch, đoạn trừ gốc rễ của các phiền não. Nhổ tận gốc rễ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là đoạn trừ tất cả các pháp hữu vi, sinh ra tất cả pháp thiện vô lậu. Đoạn trừ các đường bít lấp đó là ngã, vô ngã, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã. Chỉ đoạn sự chấp trước mà không đoạn cái thấy của ngã. Cái thấy của ngã gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là chẳng phải "không không", "không không" là không sở hữu. Không sở hữu tức là sự chấp trước giải thoát của ngoại đạo Ni-kiền-tử v.v… Nhưng Ni-kiền-tử ấy thật ra không có giải thoát nên gọi là không không. Chân giải thoát thì không như vậy, nên gọi là chẳng không không. Chẳng không không tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là không mà chẳng phải không. Ví như bình đựng nước, rượu, sữa đặc, váng sữa, mật v.v. Mặc dù khi không đựng nước, sữa đặc, váng sữa, mật cũng vẫn gọi là bình nước v.v. Các bình này không thể gọi không hay chẳng không. Nếu là không thì không có sắc, hương, vị, xúc. Nếu nói chẳng không thì lại không có nước, rượu v.v. Cũng vậy, chân giải thoát không thể nói sắc cùng với chẳng không sắc, không thể nói không cùng với chẳng không. Nếu nói không thì không thể có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu nói chẳng phải không thì ai là người thọ nhận thường, lạc, ngã, tịnh? Do nghĩa ấy cho nên không thể nói không cùng với chẳng không. Không là nói không có hai mươi lăm hữu và các phiền não, tất cả khổ, tất cả tướng, tất cả hành hữu vi, như bình không có sữa đặc thì gọi là không. Chẳng không là nói thiện sắc chân thật thường, lạc, ngã, tịnh chẳng động, chẳng biến đổi. Giống như sắc, hương, vị, xúc của bình kia gọi là chẳng không. Cho nên giải thoát dụ như chiếc bình kia. Bình kia gặp duyên thì bị tan vỡ. Giải thoát không như vậy, không thể tan vỡ. Không thể tan vỡ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại giải thoát gọi là lìa tham ái. Ví như có người tâm tham ái muốn ngôi vị của Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm thiên vương, Tự Tại thiên vương. Giải thoát không như vậy. Khi thành tựu Chánh giác vô thượng rồi thì không ái, không nghi. Không ái, không nghi tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Nếu nói giải thoát có ái, có nghi thì điều này không thể có. Lại giải thoát gọi là đoạn trừ các hữu tham, đoạn trừ tất cả các tướng, tất cả sự trói buộc, tất cả các phiền não, tất cả sinh tử, tất cả nhân duyên, tất cả quả báo. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết-bàn. Tất cả chúng sinh vì sợ phiền não, sinh tử cho nên thọ trì Tam quy. Ví như bầy nai sợ người thợ săn, nhảy thoát được một nhảy thì dụ như một quy. Nhảy ba nhảy như vậy dụ cho Tam quy. Do nhảy ba nhảy nên được an vui. Cũng vậy, chúng sinh sợ bốn loài ma như sợ thợ săn ác nên thọ Tam quy y. Do thọ Tam quy y nên được an lạc. Được an lạc tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định chính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Niết-bàn, Phật tánh, quyết định, Như Lai là một nghĩa thì sao nói có Tam quy y?

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh vì sợ sinh tử nên cầu Tam quy. Nhờ Tam quy mà biết được

Phật tánh, quyết định, Niết-bàn. Này thiện nam! Có pháp tên một mà nghĩa khác. Có pháp tên và nghĩa đều khác. Tên một nghĩa khác là Phật thường, Pháp thường, Tỳ-kheo Tăng thường, Niết-bàn, hư không cũng đều thường. Đó gọi là tên một mà nghĩa khác. Tên và nghĩa đều khác là Phật gọi là giác, pháp là chẳng phải giác, Tăng là hòa hợp, Niết-bàn là giải thoát, hư không là chẳng phải thiện, cũng gọi là vô ngại. Đó là tên và nghĩa đều khác. Này thiện nam! Tam quy y cũng như vậy, danh nghĩa đều khác, thì sao gọi là một được? Vì thế, cho nên Ta bảo với Ma-ha Bà-xà-bà-đề: “Này Kiều- đàm-di! Chớ cúng dường Ta, nên cúng dường chúng Tăng. Nếu cúng dường Tăng là đã cúng dường đầy đủ Tam quy”. Ma-ha Bà-xà-bà-đề thưa với Ta: “Trong chúng Tăng không Phật không Pháp thì sao nói rằng cúng dường chúng Tăng là cúng dường đầy đủ Tam quy?”. Ta lại bảo: “Bà làm theo lời của Ta đó là cúng dường Phật, vì giải thoát tức là cúng dường Pháp, chúng Tăng lãnh thọ tức là cúng dường Tăng”. Này thiện nam! Cho nên Tam quy chẳng phải là một. Này thiện nam! Hoặc có lúc Như Lai nói một là ba, hoặc nói ba là một. Nghĩa như vậy thì cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, rốt ráo an vui gọi là Niết-bàn, nghĩa này là thế nào? Phàm Niết-bàn là xả bỏ thân trí, mà xả bỏ thân trí thì ai sẽ thọ lãnh sự an vui?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như có người ăn rồi buồn nôn, bèn đi ra ngoài mà ói, ói xong trở vào nhà. Bạn bè hỏi anh ta: "Bây giờ bệnh đã khỏi hẳn chưa mà trở vào nhà?". Người ấy đáp: "Đã khỏi bệnh, thân được an ổn". Như Lai cũng vậy, hoàn toàn xa lìa hai mươi lăm cõi, vĩnh viễn đạt đến cảnh giới Niết-bàn an vui, không thể lay chuyển, không thể diệt tận tất cả thọ gọi là không thọ lạc. Không thọ lạc như vậy gọi là thường lạc. Nếu nói Như Lai thọ lạc thì không có điều này. Thế nên an lạc hoàn toàn tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bất sinh bất diệt là giải thoát sao?

–Đúng vậy, đúng vậy! Này thiện nam! Bất sinh bất diệt tức là giải thoát. Giải thoát như thế tức là Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu bất sinh bất diệt là giải thoát, thì tánh của hư không cũng không sinh diệt, đáng lẽ gọi là Như Lai vì như tánh Như Lai là giải thoát.

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Việc này không phải vậy.

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không phải vậy?

–Này thiện nam! Như tiếng thanh diệu của chim Ca-lăng-già và chim mạng mạng có đồng với tiếng chim quạ, chim khách không?

–Bạch Thế Tôn! Không! Tiếng của chim quạ, chim khách so với tiếng của chim mạng mạng thì trăm ngàn vạn lần không thể sánh bằng. Bạch Thế Tôn! Chim Ca-lăng-già tiếng của chúng vi diệu, thân cũng không giống thì sao Như Lai lại đem so sánh với chim quạ, chim khách, chẳng khác nào đem hạt đình lịch so với núi Tu-di? Đức Phật sánh với hư không cũng lại như vậy. Tiếng của chim Ca-lăng-già có thể dụ cho tiếng của Phật, không thể đem dụ cho tiếng chim quạ, chim khách.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Hôm nay ông hoàn toàn thông suốt pháp sâu xa khó hiểu này. Có lúc vì nhân duyên Như Lai dẫn hư không để dụ cho giải thoát. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Chân giải thoát thì tất cả hàng trời, người không ai sánh bằng. Hư không kia thật cũng chẳng phải dùng để thí dụ. Nhưng vì giáo hóa chúng sinh nên dùng hư không chẳng phải ví dụ để làm ví dụ. Nên biết giải thoát tức là Như

Lai. Tánh của Như Lai tức là giải thoát. Giải thoát cùng với Như Lai không hai không khác.

Này thiện nam! Chẳng phải ví dụ là, như vật không gì sánh bằng thì không thể lấy làm ví dụ được. Vì có nhân duyên nên có thể lấy làm ví dụ. Như trong kinh có nói, diện mạo đoan chánh như mặt trăng rằm. Voi trắng tinh anh giống như núi Tuyết. Trăng tròn không đồng với gương mặt. Núi Tuyết chẳng được như voi trắng. Này thiện nam! Không thể dùng ví dụ để dụ chân giải thoát. Vì hóa độ chúng sinh, nên nêu ra ví dụ. Nhờ các ví dụ mà biết được tánh của các pháp đều như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Vì sao Như Lai nói hai loại như thế? Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ví như có người tay cầm dao kiếm với lòng giận dữ muốn hại Như Lai. Như Lai vẫn vui vẻ không tỏ ra giận dữ. Người ấy có thể hại được thân Như Lai để trở thành tội nghịch không?

–Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Vì cảnh giới của thân Như Lai không thể phá hoại được. Vì sao? Vì thân Như Lai chẳng phải là thân năm ấm chỉ có pháp tánh. Tánh của pháp tánh, lý không thể phá hoại, thì người ấy đâu có thể hoại được thân Như Lai. Nhưng vì tâm ác nên thành tội vô gián. Do nhân duyên này nên dẫn các ví dụ để hiểu được pháp chân thật.

Khi ấy, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ví như người con ác muốn hại mẹ, ở bên đống thóc nơi đồng vắng, người mẹ đem cơm đến, người con thấy mẹ liền muốn hại, lập tức đi mài dao. Khi ấy, người mẹ biết được nên trốn vào trong đống thóc. Người con cầm dao chém khắp đống thóc, chém xong tưởng đã giết được mẹ nên rất vui mừng. Sau đó mẹ ông ta từ trong đống thóc chui ra trở về nhà. Ông nghĩ thế nào? Người con đó có tạo tội vô gián không?

–Bạch Thế Tôn! Không! Không thể quyết định được. Vì sao? Vì nói có tội thì thân người mẹ đáng lẽ phải bị hoại, nhưng thân của người mẹ không bị hoại thì sao nói thành tội được? Nếu nói không có tội cũng không được, vì người con sinh tưởng đã giết hại và tâm vui mừng thì sao nói là không có tội? Người con tuy không đầy đủ tội nghịch mà là tội nghịch. Vì nhân duyên đó dẫn các ví dụ để biết được pháp chân thật.

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Do nhân duyên ấy nên Như Lai nói đủ các phương tiện ví dụ để ví dụ cho giải thoát. Tuy dùng vô lượng vô số ví dụ nhưng thật không thể đem ví dụ để so sánh. Hoặc có nhân duyên cũng có thể nói ví dụ, hoặc có nhân duyên không thể nói ví dụ. Cho nên giải thoát là thành tựu vô lượng công đức như vậy để hướng đến Niết-bàn. Niết-bàn Như Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Do thành tựu viên mãn vô lượng công đức như vậy nên gọi là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con mới biết chỗ hướng đến của Như Lai, là chỗ không cùng tận. Chỗ đến không cùng tận thì nên biết thọ mạng cũng không cùng tận.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Này thiện nam! Nay ông có thể hộ trì chánh pháp. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn đoạn trừ sự trói buộc của phiền não và các kiết sử thì phải nên hộ trì chánh pháp như vậy.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN VI

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 3

Này thiện nam! Trong kinh Đại Bát Niết Bàn vi diệu này có bốn hạng người có thể hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp, ghi nhớ chánh pháp, có thể tạo nhiều điều lợi ích, thương xót thế gian, làm nơi nương tựa cho thế gian, làm an lạc cho hàng trời, người. Những gì là bốn? Một là có người xuất thế đủ tánh phiền não. Hai là bậc Tu-đà- hoàn và Tư-đà-hàm. Ba là bậc A-na-hàm. Bốn là bậc A-la-hán. Bốn hạng người này xuất hiện ở đời có thể tạo nhiều điều lợi ích, thương xót thế gian, làm nơi nương tựa cho thế gian, làm an lạc cho hàng trời, người.

Thế nào là gọi đầy đủ tánh phiền não? Nếu có người tuân giữ đầy đủ oai nghi, giới cấm, kiến lập chánh pháp, hiểu rõ văn nghĩa lời dạy của Đức Phật và phân biệt giảng nói cho người khác: Ít ham muốn là đạo, nhiều ham dục là chẳng phải đạo, diễn nói rộng rãi tám điều giác ngộ của bậc đại nhân như thế, đối với người nào phạm tội thì dạy cho họ phát lồ sám hối để trừ diệt, khéo biết pháp bí mật, việc làm phương tiện của Bồ-tát, thì hạng người này gọi là phàm phu, không phải là hạng người thứ tám. Hạng người thứ tám không gọi là phàm phu mà gọi là Bồ-tát, không gọi là Phật. Hạng người thứ hai là Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm, nếu được chánh pháp, thọ trì chánh pháp, theo Phật nghe pháp rồi như điều đã nghe mà ghi chép, giữ gìn, đọc tụng và giảng nói lại cho người khác; nhưng nghe pháp rồi không ghi chép, không thọ trì, không giảng nói mà lại bảo Đức Phật cho phép nuôi chứa nô tỳ, các vật bất tịnh, thì đó là điều không thể có. Hạng người này chưa đạt được Địa thứ hai và Địa thứ ba, chỉ gọi là Bồ-tát đã được thọ ký. Hạng người thứ ba là A-na-hàm. Bậc A-na-hàm mà phỉ báng chánh pháp, hoặc nói cho nuôi chứa nô tỳ, tôi tớ, các vật bất tịnh, thọ trì sách vở, luận thuyết của ngoại đạo, bị phiền não bên ngoài làm chướng ngại, các phiền não đời trước ngăn che, cất giữ Xá-lợi chân thật của Như Lai, bị các bệnh bên ngoài làm cho khổ sở, hoặc bị rắn độc bốn đại làm hại, luận nói về ngã thì đều là những việc không thể có; chỉ có nói vô ngã, không nói pháp đắm nhiễm thế tục, chỉ nói pháp Đại thừa không dứt, không thọ thân có tám vạn vi trùng, lìa hẳn dâm dục, ngay cả trong giấc mộng cũng không xuất bất tịnh, lúc lâm chung không bị sợ hãi. A-na-hàm có nghĩa là gì? Nghĩa là vị này không trở lại những điều tội lỗi như đã nói ở trên, vĩnh viễn không thể bị nhiễm ô, qua lại xoay vần, gọi là bậc Bồ-tát đã được thọ ký, không bao lâu nữa sẽ thành Bồ-đề vô thượng. Đây là hạng người thứ ba. Hạng người thứ tư là A-la-hán. A-la-hán là bậc đoạn trừ các phiền não, xả bỏ gánh nặng, đã được tự lợi, việc làm đã xong, an trụ Địa thứ mười, đạt trí tự tại, có thể thị hiện đủ loại hình tượng tùy theo sự ưa thích của người, như sự việc đã trang nghiêm, muốn thành Phật đạo thì liền thành, có thể thành tựu được vô lượng công đức như thế gọi là A-la-hán. Đây là bốn hạng người xuất hiện ở đời, có thể tạo nhiều lợi ích, thương xót thế gian, làm nơi nương tựa cho thế gian, tạo sự an lạc cho hàng trời, người, là bậc tối tôn tối thắng trong hàng trời, người, giống như Đức Như Lai là bậc tối thắng trong loài người, là nơi để quay về nương tựa.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con không nương theo bốn hạng người này. Vì sao? Như trong kinh Cù-sư-la, Phật đã nói với Cù-sư-la: “Nếu Trời, Ma, Phạm vì muốn phá hoại nên hiện ra hình dạng Phật, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, hào quang một tầm, khuôn mặt tròn đầy như trăng rằm, tướng bạch hào giữa hai chân mày trắng như ngọc kha, hiện các việc trang nghiêm như vậy đến trước mặt ông, thì ông phải xem xét kỹ để biết thật hay giả, đã biết rồi nên hàng phục chúng”. Bạch Thế Tôn! Các ma còn biến hóa ra thân Phật được, huống hồ là thân của bốn hạng người trên, như La-hán v.v… nằm ngồi trong hư không, hông bên trái phun nước, hông bên phải phun ra lửa, thân tỏa khói nóng giống như khối lửa. Vì nhân duyên này, đối với họ con không tin tưởng, hoặc họ có nói ra điều gì con cũng không nghe nhận, cũng không cung kính ghi nhớ để làm theo.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đối với lời Ta nói, nếu có điều gì nghi ngờ, các ông còn không nên nghe theo, huống hồ là lời của những người ấy nói. Thế nên phải khéo phân biệt để biết là thiện hay chẳng thiện, nên làm hay không nên làm. Làm như thế mới được an lạc lâu dài. Này thiện nam! Ví như con chó ăn trộm, ban đêm lẻn vào nhà người, người làm trong nhà biết được liền la đuổi: “Mày đi ra mau, nếu không ta sẽ giết mày”. Con chó ấy nghe xong, liền bỏ đi không dám trở lại. Từ nay, các ông cũng nên hàng phục ma Ba-tuần như vậy, nên nói như vầy: “Ngươi hôm nay không nên hiện ra hình dạng như thế, nếu cố làm ta sẽ dùng năm sợi dây trói buộc ngươi”. Ma nghe như vậy rồi, sẽ bỏ đi giống như con chó trộm kia, không dám trở lại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật vì trưởng giả Cù-sư-la mà nói, nếu hàng phục được ma như vậy, tức là gần với Đại Niết-bàn là được rồi. Như Lai đâu cần phải nói bốn hạng người trên là nơi nương tựa, vì lời nói của bốn hạng người ấy chưa chắc đáng tin.

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Như lời Ta nói, cũng chính là như vậy. Này thiện nam! Ta vì hàng Thanh văn nhục nhãn mà nói hàng các ma, không nói cho người tu học pháp Đại thừa, hàng Thanh văn tuy có thiên nhãn nhưng vẫn gọi là nhục nhãn. Vì sao? Vì kinh điển Đại thừa gọi là Phật thừa, mà Phật thừa là tối thắng hơn cả. Này thiện nam! Như có người mạnh mẽ oai phong, người ốm yếu thường đến nương nhờ, người mạnh mẽ ấy thường dạy người ốm yếu: “Ông nên cầm cung, nắm tên, học cách cầm giáo, móc, đai, dây, lưới như vầy”. Lại bảo: “Phàm khi chiến đấu tuy có bị giày xéo, bị đâm chém cũng không nên sinh tưởng sợ hãi, nên quán hàng trời người, xem họ đều là yếu kém, nên tự mình phát khởi ý chí mạnh mẽ; hoặc lúc có người không can đảm mà giả làm tướng mạnh mẽ, mang cung, đeo kiếm, đủ các loại vũ khí để tự trang nghiêm, vào trận mạc gào to, thét lớn, thì đối với người đàn ông ấy cũng đừng lo sợ. Khi thấy các ông không sợ nên biết người này chẳng bao lâu sẽ tự rút lui, giống như con chó trộm kia”. Này thiện nam! Như Lai cũng bảo các Thanh văn như vầy: “Các ông không nên sợ ma Ba-tuần, nếu ma Ba-tuần giả làm thân Phật đến chỗ các ông, các ông phải tinh tấn giữ vững thân mình để hàng phục ma. Khi ấy, ma sẽ lo sợ, không vui, tự bỏ đi. Này thiện nam! Như người mạnh mẽ kia, không học tập người khác, người học pháp Đại thừa cũng như vậy, được nghe các loại kinh điển bí mật sâu xa, tâm họ vui mừng không có sợ hãi. Vì sao? Vì người tu học pháp Đại thừa như vậy, đã từng cúng dường, cung kính, lễ lạy vô lượng vạn ức Đức Phật trong đời quá khứ. Tuy có vô lượng ức ngàn chúng ma muốn đến để quấy nhiễu, đối với việc ấy, họ không hề sợ hãi. Này thiện nam! Ví như có người được thuốc A-kiệt-đà, không sợ tất cả loài rắn độc, vì năng lực của thuốc ấy có thể tiêu trừ tất cả các chất độc. Kinh điển Đại thừa cũng như vậy, như năng lực của thuốc kia không sợ tất cả các chất độc của ma, cũng có thể hàng phục khiến cho ma không khởi lên được.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có con rồng tánh tình rất hung dữ, khi muốn hại người, hoặc dùng mắt để nhìn, dùng miệng hà hơi độc, nên tất cả sư tử, hổ, báo, chó sói, chó v.v… đều sợ hãi; các loài thú dữ ấy hoặc nghe tiếng, hoặc thấy hình, hoặc đụng chạm đến thân rồng đều bị mất mạng. Có người giỏi về thần chú, dùng năng lực của thần chú khiến cho rồng độc, chim cánh vàng và các loài thú hung dữ như: voi, sư tử, hổ, báo, chó sói, chó v.v… đều được thuần phục và dùng để cưỡi. Các loài thú dữ như thế, thấy người giỏi thần chú liền bị hàng phục. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy, thấy ma Ba-tuần thì ai cũng sợ hãi mà ma Ba-tuần thì không sợ hãi, vẫn còn tạo tác các nghiệp ma. Người học Đại thừa cũng lại như vậy, thấy các Thanh văn sợ hãi việc ma, không tin ưa đối với pháp Đại thừa này, nên trước dùng phương tiện hàng phục các ma khiến chúng thuần phục, có thể chấp nhận Đại thừa, nhân đó vì họ mà diễn nói các pháp vi diệu. Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy ma được hàng phục rồi, không còn sợ hãi, đối với chánh pháp Đại thừa vô thượng này mới sinh lòng tin ưa. Các ma nói như vầy: “Từ hôm nay, chúng ta không nên làm chướng ngại chánh pháp”.

Lại nữa, này thiện nam! Hàng Thanh văn, Duyên giác sợ hãi các phiền não, người học pháp Đại thừa thì không sợ, vì tu học Đại thừa nên có năng lực như vậy. Do nhân duyên đó, mà những điều Ta nói trước đây là vì muốn hàng Thanh văn, Duyên giác điều phục các ma, chẳng phải nói cho hàng Đại thừa. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này không thể tiêu mất, rất là kỳ diệu, rất là đặc biệt. Nếu ai nghe rồi liền tin nhận, tin chắc Như Lai là pháp thường trụ thì người ấy thật là hiếm có như hoa Ưu-đàm. Sau khi Như Lai vào Niết-bàn, người nào nghe được kinh điển Đại thừa vi diệu này, sinh lòng kính tin, phải biết những người ấy vào đời vị lai, trăm ngàn ức kiếp không bị đọa vào đường ác.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Sau khi Ta nhập Niết-bàn, sẽ có trăm ngàn vô lượng chúng sinh chê bai và không tin kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn diệt độ được bao lâu, sẽ có chúng sinh chê kinh điển này? Bạch Thế Tôn! Lại có các bậc thuần thiện nào sẽ cứu giúp những người chê bai ấy?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sau khi Ta diệt độ khoảng bốn mươi năm, kinh này sẽ được lưu truyền rộng rãi trong cõi Diêm-phù-đề. Sau đó, sẽ bị ẩn mất trong đất. Này thiện nam! Ví như ở xứ sở nào có mía, gạo thơm, đường, sữa tươi, sữa đặc, đề hồ v.v… thì dân chúng ở xứ ấy đều cho rằng đó là thức ăn hảo hạng, hoặc có người chỉ toàn ăn gạo hẩm, hạt cỏ thì người này cũng cho rằng đây là món ăn ngon nhất, vì người ấy phước mỏng nên chịu nghiệp báo như vậy, những người có phước đức thì không bao giờ nghe đến tên gạo hẩm, hạt cỏ, mà thức ăn chỉ toàn là gạo thơm, mía, đường, đề hồ v.v… Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn cũng như vậy, người phước mỏng và căn cơ ngu độn không thích nghe, giống như kẻ bạc phước ghét gạo thơm, đường v.v… Hàng Nhị thừa cũng lại như vậy, không ưa thích kinh Đại Niết-bàn vô thượng; hoặc có chúng sinh thích nghe và thọ trì kinh này, nghe rồi liền hoan hỷ, không chê bai, cũng như người có phước đức được ăn gạo thơm v.v… Này thiện nam! Ví như có vị vua ở trong núi hiểm trở, tuy có mía, gạo thơm, đường, nhưng vì những thứ này rất khó có được nên vua tham tiếc dự trữ, sợ hết không dám ăn mà chỉ ăn gạo hẩm, hạt cỏ. Có vị quốc vương khác nghe điều ấy vừa thương vừa cười, liền cho xe chở gạo thơm, mía v.v… để biếu tặng. Vị vua kia nhận được lương thực rồi, liền phân phát cho dân chúng trong cả nước cùng ăn. Dân chúng được thức ăn đều rất vui mừng, và đồng nói: “Nhờ quốc vương ấy mà chúng ta được thức ăn hiếm có này”. Này thiện nam! Bốn hạng người trên đây cũng lại như vậy, như là bậc tướng quân của chánh pháp vô thượng. Hoặc có một trong bốn hạng người này, thấy ở phương khác có vô lượng Bồ-tát tuy học kinh điển Đại thừa này, hoặc tự mình biên chép, hoặc bảo người khác biên chép, nhưng chỉ vì lợi dưỡng, vì tiếng khen, vì hiểu pháp, vì nương tựa, vì để trao đổi kinh này với kinh khác mà không diễn nói rộng rãi cho mọi người, bèn đem kinh điển vi diệu này đến phương ấy cho Bồ-tát đó, khiến cho chư vị phát tâm Bồ-đề vô thượng, an trú trong Bồ-đề. Được kinh này rồi, các Bồ-tát diễn nói rộng rãi cho mọi người, khiến cho vô lượng chúng sinh nhận được pháp vị Đại thừa này. Tất cả mọi người đều nhờ hiệu lực của Bồ-tát này mà được nghe kinh điển chưa từng nghe, như dân chúng nhờ oai lực của vị vua mà được những thức ăn hiếm có. Lại nữa, này thiện nam! Những nơi nào được kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này lưu hành rộng rãi thì nên biết nơi ấy, đất chính là kim cương, mọi người ở nơi ấy cũng như kim cương. Nếu người nào có thể nghe được kinh này thì liền đạt được Bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mọi điều mong cầu đều được mãn nguyện. Đúng như những điều mà hôm nay Ta đã tuyên thuyết, Tỳ-kheo các ông nên khéo thọ trì. Hoặc chúng sinh nào không thể nghe được kinh này, phải biết người ấy thật đáng thương xót. Vì sao? Vì người ấy không thể thọ trì được ý nghĩa sâu xa của kinh điển Đại thừa này.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, trong bốn mươi năm, kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn được lưu truyền rộng rãi trong cõi Diêm- phù-đề, qua thời gian sẽ bị ẩn mất trong đất, sau đó bao lâu sẽ xuất hiện lại?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Giả sử chánh pháp của Ta tồn tại hơn tám mươi năm, thì bốn mươi năm đầu là thời gian mà kinh này tuôn mưa pháp lớn ở cõi Diêm-phù-đề.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Khi kinh điển chánh pháp như vậy bị hoại diệt, khi chánh giới bị hủy bỏ, khi phi pháp tăng trưởng, khi không còn chúng sinh theo đúng như pháp v.v… thì ai là người có thể nghe nhận, phụng trì, thọ tụng, thông suốt, cúng dường cung kính, biên chép và giảng nói kinh điển này? Kính xin Như Lai thương xót chúng sinh mà phân biệt, giảng giải cho hàng Bồ-tát được nghe nhận rồi thọ trì, thọ trì xong, liền đạt tâm Bất thoái chuyển nơi đạo Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Hôm nay ông có thể khéo hỏi ý nghĩa này. Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào đã từng phát tâm Bồ-đề ở chỗ chư Phật nhiều như số cát trong sông Ni-liên, thì mới có thể ở nơi đời ác thọ trì kinh điển này mà không chê bai. Này thiện nam! Nếu người nào đã từng phát tâm Bồ-đề nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong một sông Hằng, thì sau mới có thể ở trong đời ác không chê bai, mà ưa thích kinh điển này, nhưng không thể phân biệt, giảng nói cho người khác. Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong hai sông Hằng, phát tâm Bồ- đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà hiểu đúng, tin ưa, thọ trì và đọc tụng pháp này, nhưng không thể giải nói cho người khác. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong ba sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh pháp này, và tuy có diễn nói cho người khác, nhưng chưa hiểu được nghĩa lý sâu xa. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong bốn sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, và tuy có diễn nói cho người khác nhưng chỉ nói được một phần mười sáu ý nghĩa của kinh này. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong năm sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, nhưng cũng chỉ giảng nói được tám phần mười sáu ý nghĩa của kinh pháp này cho người khác. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong sáu sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, và giảng nói được mười hai phần mười sáu ý nghĩa kinh này cho người khác. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong bảy sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh pháp này, và giảng nói được mười bốn phần mười sáu ý nghĩa kinh này cho người khác. Nếu chúng sinh nào đã từng ở nơi các Đức Phật nhiều như số cát trong tám sông Hằng, phát tâm Bồ-đề, thì sau mới có thể ở trong đời ác, không chê bai mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh pháp này, cũng khuyên người khác biên chép, tự mình có thể nghe nhận, lại khuyên người khác nghe nhận, đọc tụng thông suốt, kiên trì, ủng hộ, vì yêu thương các chúng sinh ở thế gian nên cúng dường kinh này, khuyên người khác khiến họ cúng dường, cung kính, tôn trọng, đọc tụng, lễ bái cũng như vậy. Người này có khả năng hiểu rõ hết nghĩa lý kinh này, đó là Như Lai thường trụ bất biến, rốt ráo an lạc, giảng nói rộng rãi rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Người này khéo biết được kho tàng chánh pháp của Như Lai, cúng dường các Đức Phật như vậy rồi, kiến lập, thọ trì, ủng hộ chánh pháp vô thượng. Nếu có chúng sinh nào vừa mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải biết chúng sinh ấy vào đời vị lai chắc chắn có thể kiến lập, thọ trì, ủng hộ chánh pháp như vậy. Cho nên, hôm nay ông không nên không biết người ủng hộ chánh pháp ở đời vị lai. Vì sao?

Vì người phát tâm ấy chắc chắn sẽ có khả năng hộ trì chánh pháp vô thượng trong đời vị lai. Này thiện nam! Có Tỳ-kheo ác nghe Ta Niết-bàn, không hề buồn rầu, nói: “Hôm nay, Như Lai vào Niết-bàn thì có gì vui hơn! Đức Như Lai còn ở đời ngăn cản lợi ích của chúng ta, nay Ngài vào Niết-bàn, không còn ai ngăn cấm được ta. Nếu chẳng bị ai ngăn cấm, ta liền được lợi dưỡng giống như Như Lai. Đức Như Lai còn tại thế, giới cấm nghiêm ngặt, nay Ngài vào Niết-bàn, sẽ được giải bỏ. Áo ca-sa đã nhận vốn chỉ là pháp thức, nay cũng nên dẹp bỏ đi giống như lá phướn trên cây”. Những người như vậy chê bai, chống đối kinh Đại thừa này. Này thiện nam! Hôm nay, ông nên ghi nhớ như vầy, nếu chúng sinh nào thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, thì mới có thể tin tưởng rồi thọ trì kinh điển Đại thừa này. Ngoài ra, có chúng sinh nào ưa kinh pháp này, thì ông có thể vì họ giảng nói, người ấy nghe rồi, các nghiệp ác đã tạo từ vô lượng vô số kiếp ở quá khứ đều được tiêu trừ. Nếu người nào không tin kinh điển này, thì thân hiện đời phải bị vô số bệnh tật làm khổ sở, bị mọi người mắng chửi, nhục mạ; sau khi qua đời, sẽ thọ thân người, dung mạo xấu xí, bị người khinh khi, cuộc sống khổ sở, thường hay thiếu thốn, tuy được chút ít nhưng chỉ toàn đồ thô thiển, xấu dở, đời đời thường bị sinh vào gia đình bần cùng, thấp hèn, tà kiến và chê bai chánh pháp. Khi sắp chết gặp toàn những đao binh hỗn loạn tranh nhau nổi lên, vua chúa bạo ngược, kẻ oan gia thù hằn, hiềm khích làm hại, tuy có bạn lành nhưng chẳng được gặp gỡ, luôn cầu mong những đồ cần dùng mà chẳng thể có, được rất ít điều lợi ích, thường bị đói khát, chỉ được những người thấp hèn biết đến, hàng quốc vương, đại thần không ai thèm đếm xỉa. Giả sử họ có nghe người tuyên nói điều hay, lẽ phải đều không tin nhận. Người như thế, không đến được cõi lành, như chim gãy cánh không thể bay được, người ấy cũng vậy, vào đời vị lai, không thể đạt đến các cõi lành của hàng trời, người. Nếu người nào có thể kính tin kinh điển Đại thừa này, thì người ấy tuy vốn thọ thân hình thô xấu, nhưng nhờ công đức của kinh này, nên liền được đẹp đẽ, oai lực, sắc đẹp ngày càng tăng thêm, thường được hàng người trời ưa nhìn, cung kính, mến yêu, lưu luyến không xa lìa; quốc vương, đại thần, gia đình quyến thuộc nghe người ấy nói lời gì thảy đều kính tin. Nếu có vị nào trong hàng Thanh văn, đệ tử của Như Lai, muốn thực hành việc hiếm có bậc nhất, thì nên tuyên nói rộng rãi kinh điển Đại thừa này cho khắp thế gian. Này thiện nam! Ví như sương mù chỉ tồn tại đến lúc mặt trời mọc, mặt trời mọc rồi, sương sẽ bị tan hết. Này thiện nam! Các nghiệp ác của chúng sinh cũng như vậy, thế lực của chúng chỉ tồn tại đến lúc mặt trời Đại

Niết-bàn xuất hiện, mặt trời này xuất hiện rồi, thì tất cả nghiệp ác đều bị diệt trừ. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người cạo tóc xuất gia, tuy mặc ca-sa nhưng chưa được thọ mười giới của Sa-di. Có vị Trưởng giả đến thỉnh chúng Tăng, người chưa thọ giới ấy, cũng được cùng chúng Tăng thọ trai, tuy chưa thọ giới nhưng cũng được dự vào hàng chúng Tăng. Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào vừa mới phát tâm học hỏi kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa này mà biên chép, thọ trì, đọc tụng cũng như vậy, tuy chưa đạt đến quả vị Thập trụ nhưng cũng được dự vào hàng Thập trụ. Hoặc có chúng sinh là đệ tử, hoặc chẳng phải đệ tử Phật, hoặc vì tham, vì sợ, vì lợi dưỡng mà nghe và thọ trì kinh này, dù chỉ một bài kệ, nghe rồi không chê bai, nên biết người ấy đã gần kề với quả vị Bồ-đề vô thượng.

Này thiện nam! Vì nhân duyên ấy, Ta nói bốn hạng người trên là nơi nương tựa của thế gian. Này thiện nam! Nếu bốn hạng người ấy, đem lời Phật dạy mà nói là không phải lời Phật dạy, thì điều này không thể có. Vì vậy, Ta nói bốn hạng người này là chỗ nương tựa của thế gian. Này thiện nam! Ông nên cúng dường bốn hạng người như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Con phải làm sao để biết được người nào đáng được cúng dường?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nếu có vị nào kiến lập, hộ trì chánh pháp, thì đối với người như thế, ông nên cung thỉnh và xả bỏ thân mạng để cúng dường vị ấy, như Ta đã nói trong kinh Đại thừa này:

Có người biết
pháp Hoặc già
hoặc trẻ Hãy nên
cúng dường
Cung kính lễ bái.
Như Bà-la-môn
Kính thờ thần
lửa
Có người biết
pháp Hoặc già
hoặc trẻ. Hãy nên
cúng dường
Cung kính lễ bái
Cũng như chư
Thiên Phụng sự
Đế thích.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, cúng dường Sư trưởng cũng như vậy. Hôm nay, con có điều nghi ngờ kính xin Thế Tôn giảng giải cho con. Nếu có bậc Tôn túc giữ gìn giới cấm, theo người nhỏ tuổi học điều chưa biết thì có nên cung kính đảnh lễ không? Nếu cung kính đảnh lễ thì chẳng gọi là trì giới. Nếu người nhỏ tuổi giữ gìn giới cấm, theo các vị lớn tuổi phá giới để học hỏi những điều chưa biết thì nên đảnh lễ chăng? Nếu người xuất gia theo người tại gia để học hỏi điều chưa biết, có nên đảnh lễ chăng? Nhưng người xuất gia thì không nên kính người tại gia; trong pháp Phật, người nhỏ phải cung kính bậc trưởng túc, vì bậc trưởng túc thọ giới cụ túc trước và thành tựu oai nghi, vì vậy, đáng được cung kính cúng dường. Như lời Phật dạy, trong pháp Phật không dung chứa những người phá giới, giống như trong ruộng tốt có nhiều cỏ dại. Lại như Phật dạy, có người biết pháp, dù già hay trẻ đều nên cúng dường như chư Thiên phụng sự trời Đế thích. Như vậy ý nghĩa của hai câu đó là như thế nào? Chẳng lẽ Như Lai đã nói hư dối sao? Như lời Phật dạy thì Tỳ-kheo trì giới cũng có lúc sai phạm, vì sao Như Lai lại nói như vậy? Bạch Thế Tôn! Ở trong kinh khác, Thế Tôn cũng nói cho phép trị tội người phá giới, nếu nói như vậy thì nghĩa này chưa rõ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ta vì các hàng Bồ-tát học pháp Đại thừa ở đời vị lai mà nói kệ như vậy, chứ chẳng nói cho hàng đệ tử Thanh văn. Này thiện nam! Như trước Ta đã nói, khi chánh pháp bị diệt, khi chánh giới bị hủy bỏ, người phá giới tăng nhiều, khi phi pháp hưng thịnh, khi các bậc Thánh nhân ẩn mất không xuất hiện, khi người xuất gia nhận, nuôi chứa nô tỳ và các vật bất tịnh, thì lúc ấy, sẽ có một trong bốn hạng người trên xuất hiện ở đời, cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu đạo, thấy các Tỳ- kheo ai ai cũng nhận và chứa tôi trai tớ gái cùng các vật bất tịnh, không biết vật nào tịnh, vật nào bất tịnh, lại không biết đâu là đúng luật, đâu là trái luật. Vị này vì muốn điều phục các Tỳ-kheo như vậy, nên cùng họ "hòa quang" nhưng không "đồng trần" (chung sống với họ nhưng không nhiễm ô như họ) vị này khéo phân biệt biết rõ việc làm của mình và việc làm của Phật, tuy thấy những người phạm tội Ba-la- di, nhưng vẫn im lặng không cử tội. Vì sao? Vì nghĩ mình xuất hiện ở đời để kiến lập, hộ trì chánh pháp, cho nên im lặng không cử tội. Này thiện nam! Người như vậy, vì ủng hộ chánh pháp, tuy có phạm nhưng không gọi là phá giới. Này thiện nam! Như có vị quốc vương bị bệnh băng hà, thái tử còn thơ ấu chưa thể nối ngôi, có vị Chiên-đà-la giàu có, của cải vô lượng, có nhiều quyến thuộc, dùng sức mạnh của mình, thừa dịp nước nhà suy yếu bèn cướp ngôi vua. Người ấy lên ngôi cai trị chưa được bao lâu, dân chúng, cư sĩ, Bà-la-môn v.v… trong nước đều làm phản, trốn sang nước khác, tuy có người ở lại nhưng cũng không muốn nhìn thấy vua. Hoặc có Trưởng giả, Bà-la-môn không bỏ nước mình, giống như loại cây sinh ra ở chỗ nào thì chết ở chỗ ấy. Vua Chiên-đà-la biết dân chúng làm phản chạy trốn sắp trở về, liền sai các quan Chiên-đà-la canh giữ các nẻo đường. Lại trong bảy ngày, đánh trống kêu gọi các Bà-la-môn, người nào có thể làm thầy quán đảnh cho vua thì sẽ đem nửa nước mà ban thưởng. Các Bà-la-môn nghe lời này rồi, không ai chịu đến, họ nói với nhau: "Ở đâu lại có Bà-la-môn làm việc như vậy!". Vua Chiên-đà-la lại nói: "Nếu trong hàng Bà-la-môn không có một ai chịu ra làm thầy cho ta, thì ta sẽ buộc các Bà-la-môn ở, ăn, ngủ và làm việc chung với các Chiên-đà-la, còn nếu ai có thể làm thầy quán đảnh cho ta thì chắc chắn ta sẽ ban thưởng cho nửa nước, cho đến thuốc cam lồ bất tử thượng hạng của cõi trời Tam thập tam, do sức thần chú mà có được, ta cũng sẽ chia đều cho người ấy".

Bấy giờ, có một người con của Bà-la-môn tuổi đang còn trẻ, tu hạnh thanh tịnh, để râu tóc dài làm tướng, khéo biết chú thuật, đến chỗ vua, thưa: "Tâu đại vương! Những sắc lệnh của đại vương tôi đều có thể làm được". Lúc ấy, đại vương rất vui mừng nhận người Bà-la-môn trẻ làm thầy quán đảnh. Các Bà-la-môn nghe việc này rồi đều rất giận dữ, trách chàng trẻ tuổi: "Ngươi thuộc dòng Bà-la-môn sao lại đi làm thầy cho kẻ Chiên-đà-la?". Lúc này, vị vua liền chia nửa nước cho người Bà-la-môn trẻ tuổi, rồi cùng với vị ấy trị nước. Trải qua thời gian dài, khi ấy vị Bà-la-môn trẻ thưa với vua: “Tôi bỏ phép tắc của dòng họ đến làm thầy đại vương, rồi dạy cho nhà vua chú thuật bí mật, nhưng đến hôm nay nhà vua lại chưa thân thiết với tôi”. Lúc ấy, nhà vua hỏi: “Trẫm làm gì mà chẳng thân thiết với Đại sư?”. Vị Bà-la-môn trẻ đáp: “Đại vương còn chưa cho tôi cùng được uống thuốc bất tử của tiên vương”. Nhà vua nói: “Lành thay! Lành thay! Đại sư! Trẫm thật sự không biết, Đại sư nếu cần dùng thì xin cứ lấy mà dùng”. Bấy giờ, vị Bà-la-môn trẻ nghe nhà vua nói rồi, liền đem thuốc về nhà, mời các đại thần cùng uống. Các vị đại thần uống thuốc xong, liền đến tâu vua: “Vui thay! Đại sư đã cho chúng tôi uống thuốc cam lồ bất tử”. Nhà vua biết điều ấy rồi, nói với vị Bà-la-môn trẻ: “Sao Đại sư cùng các đại thần uống thuốc cam lồ mà không chia cho trẫm?”. Lúc ấy, vị Bà-la- môn trẻ liền đem thuốc độc mời nhà vua uống. Nhà vua uống thuốc xong, chẳng mấy chốc bị thấm độc, bất tỉnh ngã xuống đất, không còn biết gì, như người chết. Bấy giờ, vị Bà-la-môn trẻ liền lập thái tử con của tiên vương trở lại làm vua, nói như vầy: “Theo phép ngự tòa sư tử, hạng người Chiên-đà-la không bao giờ được ngự. Từ xưa đến nay, tôi chưa từng nghe thấy hạng Chiên-đà-la mà làm vua. Nếu hạng người Chiên-đà-la trị nước, an dân thì việc này không thể có. Hôm nay, điện hạ nên trở lại nối ngôi tiên vương, theo đúng phép mà trị nước".

Lúc ấy, vị Bà-la-môn trẻ sắp đặt việc ấy xong, liền dùng thuốc giải cho người Chiên-đà-la uống, làm cho ông tỉnh lại, khi đã tỉnh lại rồi, ông liền bị đuổi ra khỏi nước. Bấy giờ, vị Bà-la-môn trẻ tuy làm việc này nhưng vẫn không mất pháp Bà-la-môn. Các vị cư sĩ, Bà-la- môn khác nghe được việc này, đều cho là điều chưa từng có, họ khen: "Lành thay! Lành thay! Nhân giả! Người đã khéo đuổi ông vua Chiên- đà-la".

Này thiện nam! Sau khi Ta vào Niết-bàn, hàng Bồ-tát hộ trì chánh pháp cũng như vậy, dùng sức phương tiện giả đồng sự với người phá giới, nhận và chứa tất cả vật bất tịnh. Lúc ấy, Bồ-tát nếu thấy có người tuy phạm giới nhiều, nhưng có thể trị được các Tỳ-kheo ác phá giới, thì liền đến chỗ vị ấy để cung kính lễ bái, tứ sự cúng dường; kinh sách, những đồ cần dùng đều đem dâng cúng. Những ai không có sẵn thì thị hiện phương tiện đến các nhà đàn-việt để xin, rồi đem cúng dường. Vì sự việc này, nên có thể được chứa tám loại đồ vật bất tịnh. Vì sao? Vì vị này trị các Tỳ-kheo ác như Bà-la-môn tuổi trẻ đuổi Chiên-đà-la. Bấy giờ, tuy Bồ-tát cung kính, lễ bái người kia và chứa tám loại đồ vật bất tịnh, nhưng không hề phạm tội. Vì sao? Vì Bồ-tát này muốn đuổi các Tỳ-kheo ác, khiến cho chúng Tăng thanh tịnh, được ở an ổn, vì lưu truyền rộng rãi kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, tạo lợi ích cho chư Thiên và loài người. Này thiện nam! Vì nhân duyên này, ở trong kinh Ta nói có hai bài kệ đó, khiến cho các Bồ-tát đều cùng nhau khen ngợi những người hộ trì chánh pháp, giống như hàng cư sĩ, Bà-la-môn khen ngợi vị Bà-la-môn tuổi trẻ: "Lành thay! Lành thay! Bồ-tát hộ trì chánh pháp cũng làm đúng như vậy". Nếu ai thấy người ủng hộ chánh pháp, đồng sự với người phá giới mà nói vị ấy có tội, thì nên biết người ấy tự nhận tai ương. Người hộ trì chánh pháp này thật sự không có tội. Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào phạm giới cấm rồi mà do kiêu mạn nên che giấu không chịu sám hối, thì nên biết Tỳ- kheo đó mới thật sự là phá giới. Đại Bồ-tát vì hộ trì chánh pháp, nên tuy có phạm nhưng cũng không gọi là phá giới. Vì sao? Vì người ấy không kiêu mạn mà phát lồ sám hối. Này thiện nam! Cho nên trong kinh này Như Lai có nói kệ:

Có người biết
pháp Dù già hay
trẻ
Đều nên cúng
dường Cung kính
lễ lạy.
Như Bà-la-môn

Thờ cúng thần
lửa Như Đệ nhị
thiên Phụng sự
Đế thích.

Vì nhân duyên ấy mà Ta không vì người học pháp Thanh văn, chỉ vì hàng Bồ-tát nói kệ.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Các vị Đại Bồ-tát buông lỏng giới luật như vậy, thì giới của các vị ấy đã thọ có còn đầy đủ hay không?

Đức Phật dạy:

–Hôm nay, ông không nên nói như thế. Vì sao? Vì giới của các vị ấy vẫn như xưa không mất. Giả sử có sai phạm liền sám hối, sám hối rồi thì được thanh tịnh. Này thiện nam! Như đê điều bị xoi lủng có lỗ thì nước rịn chảy. Vì sao? Vì không có người tu bổ, nếu có người tu bổ thì nước không rịn chảy. Bồ-tát cũng vậy, tuy cùng với những người phá giới làm những việc Tăng như bố-tát, thọ giới tự-tứ, nhưng tất cả giới luật của vị ấy không giống như đê điều bị xoi thủng rịn chảy. Vì sao? Vì nếu không có người trì giới thanh tịnh, thì chúng Tăng liền bị tổn giảm, sự buông thả biếng nhác ngày càng tăng trưởng. Nếu có người giữ giới thanh tịnh, thì chúng Tăng có thể đầy đủ, không mất giới đã thọ. Này thiện nam! Đối với thừa mà buông thả thì gọi là buông thả, đối với giới mà buông thả thì không gọi là buông thả. Các Đại Bồ-tát đối với tâm Đại thừa này mà không biếng nhác, thì gọi là giới căn bản, vì hộ trì chánh pháp nên dùng nước Đại thừa để tự tắm gội. Vì thế, Bồ- tát tuy hiện ra sự phá giới, nhưng không gọi là buông thả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Trong chúng Tăng có bốn hạng người, như trái Am-la, khó phân biệt sống chín, người phá giới, người giữ giới làm sao phân biệt?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phải nhờ nơi kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn mới có thể biết. Vì sao phải nhờ kinh Đại Niết-bàn này mới có thể biết được? Ví như người nông dân trồng các loại lúa và ngũ cốc, đã làm sạch cỏ dại, nhìn bằng mắt thường cho là ruộng sạch, nhưng đến mùa trổ bông thì cỏ, lúa khác nhau. Tám việc làm ô nhiễm Tăng như vậy, nếu có thể trừ bỏ thì dùng mắt thường để xem xét, liền biết là thanh tịnh, hoặc khi có người trì giới, phá giới, không làm điều ác, thì dùng mắt thường xem xét, khó có thể phân biệt được. Nếu việc ác lộ bày thì dễ dàng biết được, như các loại cỏ dại kia rất dễ phân biệt. Trong chúng Tăng cũng vậy, nếu có thể xa lìa tám pháp bất tịnh như rắn độc thì đó gọi là ruộng phước Thánh chúng thanh tịnh, xứng đáng được hàng trời người cúng dường. Quả báo thanh tịnh không thể dùng mắt thường này mà phân biệt được. Lại nữa, này thiện nam! Như rừng Ca- la-ca có nhiều cây cối rậm rạp, nhưng ở trong rừng ấy chỉ có một giống cây tên là Trấn-đầu-ca, mà quả của nó giống như quả của cây Ca-la-ca không thể phân biệt. Đến mùa quả chín, có một cô gái đến lượm cả hai loại, quả Trấn-đầu-ca chỉ có một phần, còn quả Ca-la-ca có đến mười phần. Cô gái không biết, nên đem ra chợ bán. Những đứa trẻ thơ dại vì không biết nên mua quả Ca-la-ca, ăn xong bị chết. Những người có trí nghe việc ấy rồi, đến hỏi cô gái: "Cô lượm những quả này ở đâu?". Khi ấy, cô gái liền chỉ chỗ lượm quả. Mọi người liền nói: "Ở nơi đó có vô số cây Ca-la-ca mà chỉ có một cây Trấn-đầu-ca". Mọi người biết rồi, liền chê cười bỏ đi. Này thiện nam! Ở trong đại chúng, tám pháp bất tịnh cũng lại như vậy. Khi ấy, ở trong chúng có nhiều người thọ dụng tám pháp như vậy, chỉ có một người giữ giới thanh tịnh, không nhận tám pháp bất tịnh đó, biết những người khác nhận và chứa các vật phi pháp, nhưng vẫn ở chung, không xa lìa họ, như một cây Trấn-đầu- ca trong rừng kia. Có Ưu-bà-tắc thấy những người làm nhiều điều phi pháp, nên không cung kính cúng dường những người ấy, nếu khi muốn cúng dường thì phải hỏi trước: "Thưa Đại đức! Tám việc như vậy có nên nhận và chứa hay không? Phật có cho phép hay không? Nếu nói Phật cho phép, thì người như vậy có được cùng chúng Tăng bố-tát, yết- ma, tự-tứ hay không?”. Ưu-bà-tắc ấy hỏi như vậy rồi, chúng Tăng đều đáp: “Tám việc như vậy, Như Lai thương xót đều cho phép chứa”. Ưu- bà-tắc thưa: “Trong Tinh xá Kỳ Hoàn, hoặc có Tỳ-kheo nói Phật cho phép chứa vàng bạc, hoặc có Tỳ-kheo nói Phật không cho phép, họ chẳng chịu ở chung, chẳng cùng nhau thuyết giới, tự-tứ, cho đến không chịu uống nước một con sông, chẳng chịu dùng chung các vật lợi dưỡng. Sao các vị lại bảo là Phật cho phép? Phật là bậc Thiên Trung Thiên, dù Ngài cho nhận các vật ấy, chúng Tăng cũng không được chứa. Nếu vị nào nhận thì không nên cùng chúng thuyết giới, tự-tứ, yết-ma và cùng làm việc với chúng Tăng. Nếu cùng thuyết giới, tự-tứ, yết-ma và cùng làm việc chúng Tăng thì khi chết liền bị đọa vào địa ngục, như những người ăn trái Ca-la-ca liền bị chết”.

Lại nữa, này thiện nam! Như ở thành thị có người bán thuốc, có loại thuốc quý lấy từ núi Tuyết, lại cũng bán nhiều loại thuốc khác, mùi vị tương tự. Khi ấy, có người muốn mua nhưng không biết phân biệt bèn hỏi người bán thuốc: “Ông có thuốc ở núi Tuyết không?”. Người bán thuốc liền đáp: “Có”. Người này dối gạt đem loại thuốc khác cho người mua: “Đây là thuốc quý thượng hạng ở núi Tuyết”. Khi ấy, người mua thuốc vì dùng mắt thường nên không thể phân biệt được, liền mua rồi đem đi. Lại tự suy nghĩ: “Hôm nay, ta đã có loại thuốc quý ở núi Tuyết”.

Này Ca-diếp! Trong chúng Thanh văn có vị Tăng giả danh, có vị Tăng chân thật, có vị Tăng hòa hợp, hoặc có vị trì giới, hoặc có vị phá giới, đối với chúng Tăng ấy, phải bình đẳng cúng dường, cung kính lễ bái, vì Ưu-bà-tắc dùng mắt thường nên không thể phân biệt được, giống như người kia không thể phân biệt được thuốc quý ở núi Tuyết. Ai là người giữ giới, ai là người phá giới, ai là Tăng chân thật, ai là Tăng giả danh, chỉ có bậc Thiên nhãn mới có thể biết được. Này Ca-diếp! Nếu Ưu-bà-tắc biết Tỳ-kheo ấy là người phá giới thì không nên cung cấp vật dụng cần dùng, lễ bái, cúng dường. Nếu biết vị ấy nhận, chứa tám pháp cũng lại không nên cung cấp vật dụng cần dùng, lễ bái, cúng dường. Nếu trong chúng Tăng có người phá giới, không nên vì nhân duyên họ đắp ca-sa mà cung kính, lễ bái.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay! Lành thay! Lời dạy của Như Lai chân thật không hư dối, giống như kim cương, ngọc báu, vật lạ. Con xin cung kính lãnh thọ. Như lời Phật dạy thì các Tỳ-kheo ấy nên nương vào bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là nương pháp không nương người, nương ý nghĩa không nương ngôn ngữ, nương trí không nương thức, nương kinh liễu nghĩa chẳng nương kinh không liễu nghĩa. Bốn pháp như vậy nên biết rõ, chẳng phải là bốn hạng người.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nương pháp tức là Đại Niết-bàn của Như Lai, tất cả pháp Phật tức là pháp tánh, pháp tánh ấy tức là Như Lai, cho nên Như Lai là thường trụ bất biến. Người nào nói rằng Như Lai là vô thường, thì người ấy chẳng thấy pháp tánh, người nào chẳng biết pháp tánh thì đừng nên nương tựa. Bốn hạng người đã nói trên xuất hiện ở đời để hộ trì chánh pháp, phải nên biết rõ mà nương tựa. Vì sao? Vì người ấy biết rõ tạng pháp bí mật thâm diệu của Như Lai, nên có thể biết được Như Lai thường trụ bất biến. Nếu nói Như Lai là vô thường biến đổi thì điều đó không thể có. Bốn hạng người như vậy gọi là Như Lai. Vì sao? Người này có thể biết rõ và nói được mật ngữ của Như Lai. Người nào có thể biết rõ tạng pháp bí mật thâm sâu của Như Lai và biết Như Lai thường trụ bất biến, người như vậy nếu vì lợi dưỡng mà nói Như Lai là vô thường, điều này không thể có; người như vậy còn có thể nương tựa, huống gì là không nương tựa với bốn bậc trên. Nương nơi pháp tức là pháp tánh, không nương nơi pháp tức là Thanh văn. Pháp tánh tức là Như Lai, Thanh văn tức là hữu vi, Như Lai tức là thường trụ, hữu vi tức là vô thường. Này thiện nam! Nếu có người vì lợi dưỡng mà phá giới, nói rằng Như Lai là vô thường, biến đổi thì người như vậy không nên nương tựa. Này thiện nam! Đây là định nghĩa. Nương ý nghĩa không nương ngôn ngữ là: Chữ nghĩa là hiểu rõ, hiểu rõ tức là không thiếu sót, không thiếu sót gọi là đầy đủ, nghĩa đầy đủ gọi là Như Lai thường trụ bất biến, nghĩa Như Lai thường trụ bất biến tức là Pháp thường trụ, nghĩa Pháp thường trụ tức là Tăng thường trụ. Đó là nương ý nghĩa không nương ngôn ngữ. Những ngôn ngữ nào không nên nương theo? Đó là các bộ luận, lời văn trau chuốt. Như trong vô lượng kinh điển Phật đã nói, nào là mong cầu không biết nhàm chán, gian dối, dua nịnh, giả dối, hiện tướng gần gũi để cầu lợi dưỡng, qua lại, làm việc với hàng bạch y, lại nói rằng Phật cho phép Tỳ-kheo chứa nô tỳ, các vật bất tịnh như vàng, bạc, châu báu, lúa gạo, kho chứa, bò, dê, voi, ngựa, buôn bán cầu lợi. Vì thương đệ tử ở đời đói khát nên Phật cho phép các Tỳ-kheo dự trữ, để cách đêm, tự tay làm thức ăn, không lãnh thọ mà ăn. Những lời như vậy thì không nên nương theo. Nương theo trí không nương theo thức là, nói trí tức là Như Lai. Có Thanh văn nào không thể khéo biết rõ công đức của Như Lai thì đó là thức, không nên nương tựa. Nếu biết Như Lai tức là pháp thân, thì đó là trí chân thật, nên nương tựa. Nếu nói Như Lai vì ăn mà trưởng dưỡng thì gọi là không liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai thường trụ bất biến gọi là liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhập Niết-bàn, như củi hết lửa tắt, gọi là không liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhập vào pháp tánh gọi là liễu nghĩa. Giáo pháp của thừa Thanh văn thì không nên nương theo. Vì sao? Vì Như Lai muốn cứu độ chúng sinh nên dùng năng lực phương tiện nói thừa Thanh văn, giống như ông trưởng giả đem nửa chữ dạy cho con. Này thiện nam! Thừa Thanh văn như mới cày bừa chưa có kết quả, như vậy gọi là không liễu nghĩa. Vì thế không nên nương tựa vào thừa Thanh văn, nên nương tựa pháp Đại thừa. Vì sao? Vì Như Lai muốn cứu độ chúng sinh, nên dùng năng lực phương tiện nói pháp Đại thừa, do đó nên nương theo, đó gọi là liễu nghĩa. Bốn pháp nên nương tựa như vậy, cần phải biết rõ.

Lại nữa, nương theo nghĩa là: Chữ nghĩa gọi là ngay thẳng, ngay thẳng gọi là sáng suốt, sáng suốt gọi là không thiếu sót, không thiếu sót gọi là Như Lai. Lại nữa, sáng suốt gọi là trí tuệ, ngay thẳng gọi là thường trụ. Như Lai thường trụ gọi là "y pháp". Pháp gọi là thường, cũng gọi là vô biên, không thể nghĩ bàn, không thể nắm bắt, không thể ràng buộc, mà cũng có thể chứng đắc. Nếu có người nói không thể chứng đắc, người như vậy không nên nương tựa. Đó là nương theo pháp, không nương theo người. Nếu có người dùng lời lẽ vi diệu giảng nói vô thường, thì lời nói như thế không nên nương theo. Đó là nương theo ý nghĩa mà không nương theo ngôn ngữ. Nương theo trí là, chúng Tăng là thường trụ, vô vi, bất biến, không chứa tám vật bất tịnh. Đó là nương theo trí mà không nương theo thức. Có người cho rằng, thức tạo tác, thức thọ nhận thì không có chúng Tăng hòa hợp. Vì sao? Phàm hòa hợp gọi là vô sở hữu, đã vô sở hữu sao gọi là thường? Vì vậy thức này không thể nương tựa. Nương tựa liễu nghĩa là: Liễu nghĩa gọi là tri túc, không hề giả hiện oai nghi, thanh bạch, không kiêu mạn, tự cao để tham cầu lợi dưỡng, đối với giáo pháp tùy nghi, phương tiện diễn nói của Như Lai không chấp trước. Đó gọi là liễu nghĩa. Nếu ai có thể an trụ trong những việc như vậy, thì nên biết người ấy đã được an trụ vào Đệ nhất nghĩa. Đó là nương theo kinh liễu nghĩa, chẳng nương theo không liễu nghĩa. Không liễu nghĩa là, như trong kinh đã nói, tất cả bừng cháy, tất cả vô thường, tất cả đều khổ, tất cả đều không, tất cả vô ngã, đó gọi là không liễu nghĩa. Vì sao? Vì không thể hiểu rõ nghĩa như vậy, nên khiến cho chúng sinh bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao? Vì chấp trước nên không hiểu rõ ý nghĩa. Tất cả bừng cháy nghĩa là Như Lai nói Niết-bàn cũng bừng cháy, tất cả vô thường thì Niết-bàn cũng vô thường; khổ, không, vô ngã cũng lại như vậy. Đó gọi là kinh không liễu nghĩa, không nên nương tựa. Này thiện nam! Hoặc có người nói, Như Lai vì thương xót tất cả chúng sinh, khéo biết đúng thời, vì biết đúng thời nên nói nhẹ thành nặng, nói nặng thành nhẹ. Như Lai quán sát biết rõ hàng đệ tử có các đàn-việt cung cấp những đồ cần dùng khiến cho đầy đủ, thì đối với những người như vậy Như Lai không cho phép nhận, chứa các vật bất tịnh như nô tỳ, vàng, bạc, của cải, châu báu, mua bán, đổi chác v.v… Nếu hàng đệ tử không có đàn-việt cung cấp những vật cần dùng, gặp thời đói khát, thực phẩm khó kiếm được, thì vì muốn kiến lập, hộ trì chánh pháp, nên Như Lai cho phép hàng đệ tử nhận và chứa nô tỳ, vàng, bạc, xe cộ, ruộng nhà, lúa gạo, mua bán, đổi chác những vật cần dùng. Tuy cho phép nhận và chứa các vật như vậy, nhưng cần phải tịnh thí cho đàn-việt, dốc lòng tin chân chánh. Bốn pháp như vậy thì nên nương tựa. Nếu có Giới luật, A-tỳ-đàm, Tu-đa-la nào không trái với bốn pháp này thì cũng nên nương tựa. Nếu có người nói là đúng thời hay chẳng đúng thời, có thể hộ trì chánh pháp, không thể hộ trì chánh pháp, Như Lai đều cho phép tất cả các Tỳ-kheo nhận và chứa các vật bất tịnh như thế, thì lời nói như vậy không nên nương tựa. Nếu có Giới luật, A-tỳ đàm, Tu-đa-la nào nói giống như vậy thì đối với ba thứ ấy cũng không nên nương theo. Ta vì các chúng sinh có mắt thường mà nói bốn pháp nương tựa này, không hề nói cho người có mắt trí tuệ. Thế nên, nay Ta nói bốn pháp nương tựa này. Pháp tức là pháp tánh. Nghĩa tức là Như Lai thường trụ bất biến. Trí tức là biết rõ tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Liễu nghĩa là thông đạt tất cả kinh điển Đại thừa.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN VII

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 4

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Cần phải nương theo bốn hàng người như đã nói ở trên hay không?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Này thiện nam! Như Ta đã nói, cần phải nương tựa. Vì sao? Vì có bốn loại ma. Những gì là bốn? Như ma đã nói thì có thể thọ trì các kinh luật khác.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói có bốn loại ma, vậy nếu ma nói và Phật nói thì con phải làm thế nào để phân biệt được? Có các chúng sinh làm các việc của ma, lại có chúng sinh thực hành theo lời Phật dạy, những người như vậy làm sao biết được?

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Sau khi Ta Niết-bàn bảy trăm năm, ma Ba-tuần sẽ ngăn trở, phá hoại chánh pháp của Ta. Ví như thợ săn mặc pháp y, Ma vương Ba-tuần cũng như vậy, giả làm hình tượng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu- bà-tắc, Ưu-bà-di, cũng hóa làm thân Tu-đà-hoàn cho đến hóa làm thân A-la-hán và sắc thân của Phật. Ma vương đem thân hữu lậu hóa làm thân vô lậu để phá hoại chánh pháp của Ta. Lúc ma Ba-tuần phá hoại chánh pháp, sẽ nói: “Xưa kia, Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất chết đi, rồi sinh vào cung vua Bạch Tịnh ở thành Ca-tỳ-la này, nương vào ái dục hòa hợp của cha mẹ sinh dưỡng mà có thân, nếu nói có ai sinh trong loài người mà được đại chúng trời, người ở thế gian cung kính, điều này không thể có”. Lại nói: “Xưa kia, Bồ-tát tu hành khổ hạnh, nhờ bố thí tất cả đầu mắt, tủy não, nước thành, vợ con v.v... nên hôm nay được thành Phật đạo, nhờ nhân duyên này mà được các hàng trời, người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già cung kính”. Nếu có kinh luật nói như vậy thì nên biết đó là lời nói của ma. Này thiện nam! Nếu kinh luật nào nói Đức Như Lai Chánh Giác thành Phật đã lâu, nay mới thị hiện thành Phật đạo, vì muốn độ thoát các chúng sinh nên thị hiện có cha, mẹ, nương nơi ái dục hòa hợp mà sinh, tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy, thì phải biết kinh luật như vậy mới chính là của Như Lai nói. Nếu ai tin theo lời ma, người ấy là quyến thuộc của ma, còn người nào theo kinh luật Phật dạy, người ấy là Bồ-tát. Nếu có lời nói rằng không nên tin Như Lai khi sinh, ở mỗi phương trong mười phương, bước đi bảy bước thì đó là lời nói của ma, còn nếu nói rằng Như Lai khi sinh ra đời, ở mỗi phương trong mười phương đều bước đi bảy bước, đó là phương tiện thị hiện của Như Lai, thì đây mới là kinh, luật của Như Lai nói. Người nào nghe theo lời nói của ma thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn ai tùy thuận lời Phật dạy thì người ấy là Bồ-tát. Nếu nói khi Bồ-tát giáng sinh rồi, vua cha liền cho người đem đến đền thờ trời, chư Thiên thấy xong, đều xuống kính lễ, đó là lời Phật nói. Lại gạn hỏi: “Trời sinh trước, Phật sinh sau, sao chư Thiên lại kính lễ Phật?”. Gạn hỏi như vậy, phải biết đó là lời nói của ma Ba-tuần. Nếu có kinh nói Phật đến đền thờ trời, chư Thiên Ma-hê-thủ-la, Đại Phạm thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân thảy đều chắp tay cung kính đảnh lễ dưới chân thì kinh luật như vậy là lời Phật dạy. Người nào nghe theo lời nói của ma, người ấy là quyến thuộc của ma, còn ai tùy thuận lời Phật dạy, người ấy là Bồ-tát. Nếu có kinh luật nói, khi Bồ-tát còn là Thái tử, vì tâm tham dục nên cưới thê thiếp ở khắp bốn phương, ở trong thâm cung hưởng thọ năm thứ dục lạc, thì kinh, luật như vậy là lời nói của ma Ba-tuần. Nếu có kinh luật nào nói, từ lâu, Bồ-tát đã lìa bỏ tham dục, vợ con, quyến thuộc, cho đến bỏ sự thọ hưởng năm dục thượng diệu của cõi trời Ba mươi ba như bỏ đàm dãi, huống là dục ở cõi người! Bồ-tát cạo bỏ râu tóc, xuất gia hành đạo, thì kinh luật như vậy là của Phật nói. Người nào nghe theo kinh luật của ma là quyến thuộc của ma, còn ai nghe theo kinh luật của Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát. Nếu có kinh luật nói rằng, Phật ở Tinh xá Kỳ-đà tại thành Xá-vệ, cho phép các Tỳ-kheo nhận, chứa tôi trai tớ gái, bò dê, voi ngựa, la lừa, gà heo, mèo chó, vàng bạc, lưu ly, trân châu, pha lê, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc kha, ngọc bích, đồ đong bằng đồng thiếc, mâm đồng lớn, nhỏ và các vật cần dùng như nhà cửa, ruộng vườn, trồng trọt, mua bán đổi chác, cất chứa lúa gạo ngũ cốc v.v... Các vật như vậy, Đức Phật vì lòng từ bi, thương xót chúng sinh, nên đều cho chứa hết, thì kinh luật như vậy đều là lời ma nói. Hoặc có người nói: “Phật ở Tinh xá Kỳ-đà tại thành Xá-vệ, chỗ ở của quỷ Na-lê-lâu. Bấy giờ, Như Lai vì Bà-la-môn tên là Cổ-chi-đức và vua Ba-tư-nặc mà nói Tỳ-kheo không được nhận, chứa vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, ngọc kha, ngọc bích, tôi trai tớ gái, đồng nam đồng nữ, các loài thú như bò, dê, voi, ngựa, lừa la, gà heo, mèo chó, đồ đong bằng đồng thiếc, mâm đồng lớn nhỏ, các loại đồ nằm ngồi nhiều màu sắc và các vật cần dùng như nhà cửa, ruộng vườn, trồng trọt, mua bán đổi chác, tự tay làm thức ăn, tự xay, tự giã, dùng chú thuật chữa bệnh, phép điều phục chim ưng, làm nghề chiêm tinh, suy đoán thịnh suy, xem tướng nam nữ, giải mộng kiết hung, trong sáu mươi bốn phần lại có thể có mười tám phần, hoặc người làm chú thuật, làm các nghề khéo, hoặc nói vô số việc của thế gian, dùng hương xay, hương bột, hương xoa, hương xông, các loại vòng hoa để làm đẹp đầu tóc, gian xảo dua nịnh, tham lợi không nhàm chán, ưa thích ồn náo, cười giỡn, nói chuyện phiếm, tham ăn cá, thịt, pha chế thuốc độc, ép dầu thơm, dùng lọng báu và mang giày dép, làm quạt, rương, thùng, vẽ các loại tranh ảnh, cất chứa ngũ cốc, lúa gạo, đại mạch, tiểu mạch, các loại rau quả; gần gũi quốc vương, thái tử, đại thần và những người nữ; cười to nói lớn hoặc lại lặng im, đối với pháp sinh nhiều nghi ngờ, bàn tán nhiều về những việc không đâu, nào là hay dở, tốt xấu, lành dữ, ưa mặc y phục tốt đẹp. Vì các vật bất tịnh như vậy mà ở trước thí chủ hạ mình, tự khen ngợi, lui tới những nơi bất tịnh như quán rượu, dâm nữ, cờ bạc, đổi chác v.v... Người làm những việc như thế Ta nay không cho phép ở trong chúng Tỳ-kheo, nên phải ra khỏi đạo, bắt buộc hoàn tục, giống như cỏ dại phải diệt trừ tận gốc, nên biết các kinh luật đã chế định đều là do Như Lai nói”. Người nào nghe theo ma nói thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn ai tùy thuận lời Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát. Hoặc nói: “Bồ-tát vì muốn cúng dường trời, thần nên vào đền thờ chư Thiên như Phạm thiên, Đại Tự Tại thiên, Vi Đà thiên, Ca-chiên-diên thiên, là không đúng. Sở dĩ vào đó là để điều phục hàng trời, người, nếu nói không phải như vậy, là điều không thể có. Hoặc nói Bồ-tát không thể vào được tà luận của ngoại đạo, không thể biết các oai nghi, văn chương và tài nghệ của họ, không thể làm cho các tôi tớ tranh cãi được hòa hợp, chẳng được nam, nữ, quốc vương, đại thần cung kính, lại chẳng biết điều chế thuốc thang, vì không biết những điều đó nên gọi là Như Lai, còn nếu ai biết đó là người tà kiến. Lại nữa, Như Lai có tâm bình đẳng đối với kẻ oán người thân, như đối với người dùng dao cắt thịt và với người dùng hương thơm xoa vào thân, tâm đều không ghét không thương, chỉ có thể ở trạng thái đó, nên gọi là Như Lai”. Nên biết kinh luật như thế là do ma nói. Hoặc có thuyết nói: “Bồ-tát thị hiện vào đền thờ chư Thiên như vậy, xuất gia tu hành trong pháp ngoại đạo, thị hiện biết được các oai nghi, lễ tiết của họ, có thể hiểu rõ tất cả văn chương, tài nghệ, thị hiện vào những nơi để học tập nghề khéo, có thể khéo léo làm cho những người tôi tớ tranh cãi được hòa hợp, là bậc tối tôn tối thượng trong đại chúng đồng nam, đồng nữ, hoàng hậu, cung phi, dân chúng, trưởng giả, Bà-la-môn, vua quan, đại thần, những người bần cùng. Lại được những người ấy cung kính, cũng có thể thị hiện các việc như vậy. Tuy làm các việc như vậy nhưng chẳng có tâm luyến ái, giống như hoa sen không nhiễm bùn nhơ, vì cứu độ tất cả chúng sinh, nên Bồ-tát khéo léo thực hành các phương tiện, tùy thuận theo pháp thế gian như vậy”. Nên biết kinh luật như thế là do Như Lai nói. Nếu người nào nghe theo lời ma nói thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn ai tùy thuận lời Phật dạy, tức là Đại Bồ-tát. Hoặc có người nói: “Như Lai vì tôi mà giảng nói kinh luật, nếu trong pháp ác, tội nặng, nhẹ hay tội Thâu-lan-giá, tánh của chúng đều là nặng. Trong luật của chúng tôi không hề có điều đó, từ lâu tôi đã thọ nhận các pháp như vậy, các ông không tin thì tôi làm sao mà bỏ luật của mình để theo luật của các ông được? Luật của các ông do ma nói ra, kinh luật của chúng tôi là lời Phật dạy. Như Lai trước đây đã nói chín loại pháp ấn, dùng chín loại pháp ấn như vậy để ấn chứng kinh luật của ta, ban đầu không nghe có kinh điển Phương Đẳng, mỗi câu mỗi chữ đều do Như Lai nói, trong vô số kinh luật đâu có chỗ nào nói kinh Phương Đẳng. Trong vô số kinh đó, chưa từng nghe tên mười bộ kinh, nếu ai cho là có thì nên biết nhất định là do Điều-đạt làm ra. Điều-đạt là người ác, vì muốn phá bỏ pháp thiện nên tạo ra kinh Phương Đẳng, chúng tôi không tin. Các kinh như vậy là do ma nói. Vì sao? Vì phá hoại tướng của pháp Phật là điều sai quấy. Lời nói như vậy trong kinh của ông thì có mà trong kinh của tôi thì không. Trong kinh luật của tôi, Như Lai nói: "Sau khi Ta Niết-bàn, trong đời ác, sẽ có kinh luật bất chánh, đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, đời vị lai sẽ có các Tỳ-kheo ác như vậy". Ta lại nói: "Có kinh Phương Đẳng hơn hẳn chín loại kinh. Nếu người nào có thể hiểu rõ ý nghĩa kinh Phương Đẳng ấy, nên biết người ấy thật sự đã hiểu rõ kinh luật, xa lìa tất cả vật bất tịnh, được thanh tịnh vi diệu giống như trăng rằm". Hoặc có thuyết nói: "Như Lai vì mỗi mỗi kinh luật mà nói ý nghĩa nhiều như cát sông Hằng, nhưng trong luật của tôi không có thì biết là không, còn nếu như có thì vì sao ở trong luật của tôi lại không giải rõ, vì thế hôm nay tôi không thể tin nhận". Nên biết người này là người có tội. Người ấy lại nói: "Kinh luật như thế tôi sẽ thọ trì. Vì sao? Vì kinh luật ấy sẽ tạo tác cái nhân pháp thiện, biết đủ, ít muốn, đoạn trừ phiền não, đạt được trí tuệ và Niết-bàn". Người nói như thế chẳng phải là đệ tử của Ta. Hoặc có người nói: "Như Lai vì muốn cứu độ chúng sinh nên nói kinh Phương Đẳng, nên biết người ấy chính là đệ tử của Ta. Người nào không thọ trì kinh Phương Đẳng, nên biết người ấy chẳng phải là đệ tử của Ta, chẳng vì pháp Phật mà xuất gia, đó là đệ tử của ngoại đạo tà kiến". Kinh luật như vậy là do Phật nói, nếu không như vậy là lời ma nói. Nếu người nào nghe theo lời ma nói thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn những ai nghe theo lời Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có thuyết nói: "Như Lai không thành tựu được vô lượng công đức, vì là vô thường biến đổi, chỉ đạt được pháp không, nên tuyên nói vô ngã, chẳng thuận theo thế gian". Kinh luật như vậy là do ma nói. Hoặc có người nói: "Chánh giác của Như Lai là không thể nghĩ bàn, cũng do vô lượng vô số công đức mà thành tựu được, vì vậy nên thường trụ, không biến đổi". Kinh luật như thế là của Phật nói. Nếu ai nghe theo lời ma nói thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn những ai nghe theo lời Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát. Hoặc có người cho: "Hoặc có Tỳ-kheo thật sự không phạm tội Ba-la- di, mà mọi người đều cho rằng vị ấy phạm tội Ba-la-di, như chặt cây Đa-la, nhưng vị Tỳ-kheo đó thật sự không phạm. Vì sao? Vì tôi thường nói trong bốn tội Ba-la-di, nếu phạm một tội thì giống như viên đá bị chẻ không thể liền lại được. Có người nào tự cho là mình đã đạt pháp quá nhân thì người đó phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì thật sự không chứng đắc mà giả hiện tướng chứng đắc, người như thế là đã làm mất pháp làm người. Đó gọi là Ba-la-di. Nếu có Tỳ-kheo ít ham muốn, biết đủ, trì giới thanh tịnh, ở chỗ vắng vẻ, hoặc có quốc vương, đại thần nào thấy vị Tỳ-kheo này mà nghĩ là vị ấy đã chứng đắc A-la-hán, liền đến trước vị ấy khen ngợi, cung kính, lễ bái, lại nói như vầy: "Thưa Đại sư! Sau khi xả thân này, Đại sư sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác", thì Tỳ-kheo ấy nghe xong, thưa: "Tâu đại vương! tôi thật sự chưa chứng đắc đạo quả của Sa-môn, đại vương chớ nên khen ngợi là tôi đã chứng đắc đạo quả. Xin đại vương chớ vì tôi mà nói pháp không biết đủ. Người không biết đủ thì cho đến nghe nói đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều yên lặng thọ nhận. Tôi nay nếu yên lặng thọ nhận thì sẽ bị chư Phật quở trách. Hạnh biết đủ thì được chư Phật khen ngợi, cho nên tôi muốn trọn đời vui thích tu theo hạnh biết đủ. Lại nữa, vì biết đủ nên tôi tự biết mình chắc chắn là chưa chứng đạo quả. Đại vương khen ngợi tôi chứng đắc, tôi nay không thể thọ nhận, cho nên gọi là biết đủ". Khi ấy, vị quốc vương đáp: "Đại sư thật sự đã chứng quả A-la-hán giống như Đức Phật không khác". Khi ấy, quốc vương liền tuyên bố khắp cả, từ hoàng hậu, cung phi cho đến dân chúng trong và ngoài nước, làm cho họ đều biết vị ấy đã chứng quả Sa-môn, khiến cho tất cả đều nghe và khởi tâm cung kính, cúng dường, tôn trọng. Vị Tỳ-kheo như thế, thật sự là người tu phạm hạnh thanh tịnh, do nhân duyên ấy khiến mọi người đều được phước đức lớn, vị Tỳ-kheo này thật sự không phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì có người trước đã tự khởi tâm hoan hỷ, khen ngợi, cúng dường, nhờ vậy nên vị Tỳ-kheo này đâu có tội gì. Nếu kinh nào nói vị Tỳ-kheo ấy phạm tội, thì nên biết kinh này là ma nói.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nói kinh điển sâu xa là tạng pháp bí mật của Đức Phật, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, dùng Phật tánh để đoạn trừ vô lượng ức các phiền não trói buộc, tức là thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỉ trừ Nhất-xiển-đề. Hoặc có quốc vương, đại thần nào hỏi Tỳ-kheo như vầy: "Thầy sẽ thành Phật hay chẳng thành Phật? Thầy có Phật tánh không?". Tỳ-kheo đáp: "Nay trong thân tôi chắc chắn là có Phật tánh, còn thành Phật hay không thì chưa thể biết được". Quốc vương nói: "Thưa Đại đức! Thầy không phải là hạng Nhất-xiển-đề nên chắc chắn thành Phật không có nghi ngờ". Vị Tỳ- kheo nói: "Vâng! Đúng như lời đại vương nói". Vị này tuy nói là chắc chắn có Phật tánh nhưng cũng không phạm tội Ba-la-di. Lại có Tỳ- kheo, ngay khi xuất gia liền suy nghĩ: "Nay ta chắc chắn đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Vị Tỳ-kheo này tuy chưa chứng đắc đạo quả vô thượng nhưng đã được vô lượng vô biên phước đức không thể tính kể. Giả sử có người cho rằng vị ấy phạm tội Ba-la- di thì tất cả các Tỳ-kheo đều phạm giới. Vì sao? Vì xưa kia trong tám mươi ức kiếp, Ta thường xa lìa tất cả các vật bất tịnh, ít muốn, biết đủ, thành tựu các oai nghi, khéo léo tu tập pháp tạng vô thượng của Như Lai, cũng tự biết là chắc chắn có Phật tánh, do đó nay Ta được thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được gọi là Phật, có lòng từ bi lớn. Kinh luật như vậy là lời Phật nói. Người nào không nghe theo thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn người nào nghe theo thì đó là Đại Bồ-tát.

Lại có người nói: "Không có bốn tội Ba-la-di, mười ba tội Tăng tàn, hai pháp Bất tịnh, ba mươi Xả đọa, chín mươi mốt tội Đọa, bốn pháp Sám hối, các pháp Chúng học, bảy Diệt tránh, không có tội Thâu- lan-giá, ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề. Nếu có Tỳ-kheo nào phạm các tội như trên mà bị đọa vào địa ngục thì những người ngoại đạo đáng lẽ đều được sinh lên cõi trời. Vì sao? Vì những người ngoại đạo không thọ giới nên không thể phạm. Đó là Như Lai thị hiện để làm cho mọi người sợ hãi nên nói những giới như vậy. Hoặc cho rằng Phật nói, các Tỳ- kheo của Ta nếu muốn hành dâm thì phải cởi bỏ pháp phục, mặc y phục của thế tục, sau đó mới hành dâm. Lại nói do nhân duyên mà khởi niệm dâm dục chứ chẳng phải là lỗi của ta. Khi Đức Như Lai còn ở đời cũng có Tỳ-kheo làm việc dâm dục mà được giải thoát chân chánh, hoặc sau khi chết được sinh lên cõi trời. Những việc ấy đã có từ xưa đến nay, chẳng phải riêng một mình ta làm. Hoặc phạm bốn tội nặng, hoặc phạm năm giới, hoặc làm tất cả luật nghi bất tịnh, vẫn được giải thoát chân chánh. Như Lai tuy nói người phạm tội Đột-kiết-la sẽ đọa vào địa ngục trong tám trăm vạn năm theo ngày tháng của cõi trời Đao-lợi, đó cũng là việc Như Lai thị hiện để làm cho mọi người sợ hãi, và cho rằng, tội Ba-la-di cho đến tội Đột-kiết-la, tội nặng, tội nhẹ không có sai khác. Đây là lời nói dối gạt của các luật sư mà cho rằng Phật chế, nhưng thật sự nên biết chẳng phải Phật nói". Nếu nói như vậy là kinh luật của ma. Hoặc lại cho rằng: "Trong các giới, nếu phạm một giới nhỏ cho đến lỗi nhỏ nhặt đều sẽ chịu quả báo khổ, không có giới hạn. Biết như vậy rồi, nên phòng hộ tự thân như con rùa giấu kín sáu chi". Hoặc có luật sư nói: "Phàm có phạm giới đều không có tội báo". Những hạng người như vậy thì không nên gần gũi, như Phật đã dạy:

Nói sai một pháp
Gọi là vọng ngữ
Chẳng thấy đời sau
Tạo mọi tội ác.

Vì vậy, không nên gần gũi người ấy, trong pháp Phật của Ta thanh tịnh như vậy, huống gì lại có người phạm tội Thâu-lan-giá hoặc phạm Tăng tàn và Ba-la-di mà chẳng phải là tội hay sao. Do đó, cần phải cẩn thận tự phòng hộ các pháp như vậy. Nếu không giữ gìn thì lấy pháp gì gọi là giới cấm? Trong các kinh của Ta cũng nói: “Nếu có ai phạm bốn tội Ba-la-di cho đến tội nhỏ nhặt như Đột-kiết-la phải nên nghiêm trị họ. Nếu không giữ gìn giới cấm thì làm sao thấy được Phật tánh? Tất cả chúng sinh tuy có Phật tánh nhưng cốt yếu phải nhờ trì giới, sau đó mới được thấy Phật tánh. Nhờ thấy Phật tánh mà được thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong chín bộ loại kinh điển không có kinh Phương Đẳng, cho nên không nói có Phật tánh. Kinh tuy không nói nhưng phải biết là thật có Phật tánh”. Người nào nói như vậy thì nên biết người ấy thật sự là đệ tử của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như trên đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Trong chín bộ loại kinh điển con chưa từng được nghe, nếu như nói là có thì sao lại không phạm tội Ba-la-di?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, thật chẳng phạm tội Ba-la-di. Này thiện nam! Ví như có người cho rằng, trong biển cả chỉ có bảy báu mà không có tám loại báu, thì người ấy không có lỗi. Người nào cho rằng trong chín loại bộ kinh điển không có Phật tánh thì cũng chẳng có tội. Vì sao? Vì ở trong biển đại trí Đại thừa Ta mới nói có Phật tánh. Hàng Nhị thừa chẳng thấy biết cho nên nói là không, thì không mắc tội. Cảnh giới như vậy là sự thấy biết của chư Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Này thiện nam! Nếu người không được nghe tạng pháp bí mật thâm diệu của Như Lai thì làm thế nào mà biết là có Phật tánh. Những gì gọi là tạng pháp bí mật? Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Này thiện nam! Có các ngoại đạo, hoặc nói ngã là thường còn, hoặc nói ngã là đoạn diệt. Như Lai không như vậy, cũng nói ngã và cũng nói vô ngã. Đó gọi là Trung đạo. Người nào cho rằng Như Lai nói Trung đạo, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, do bị phiền não ngăn che cho nên không thấy không biết. Vì thế, nên phải siêng năng tu tập các phương tiện để đoạn trừ phiền não. Nếu ai có thể nói như vậy, thì nên biết người ấy không phạm bốn tội nặng. Nếu ai không thể nói như vậy, thì gọi là phạm tội Ba-la-di. Nếu có người cho rằng: “Tôi đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tôi có Phật tánh, vì có Phật tánh nên chắc chắn tôi sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì nhân duyên này, nay tôi đã chứng đắc quả Bồ-đề”, thì nên biết người này gọi là người phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì tuy có Phật tánh nhưng chưa tu tập các phương tiện khéo léo cho nên chưa thấy. Vì chưa thấy Phật tánh cho nên không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam!

Vì ý nghĩa này nên pháp Phật rất sâu xa chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Có quốc vương hỏi: “Thế nào là Tỳ-kheo mắc tội đại vọng ngữ?”.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Hoặc có Tỳ-kheo vì cầu lợi dưỡng, vì việc ăn uống mà dua nịnh, gian trá, giả dối, làm thế nào để người đời tưởng mình thật sự là khất sĩ, do nhân duyên đó khiến cho mình được danh to, lợi lớn. Tỳ-kheo này vì nhiều ngu si, luôn luôn suy nghĩ, tuy mình thật sự chưa đạt bốn quả Sa-môn, nhưng phải làm sao để khiến cho người đời nghĩ là mình đã đạt được, lại phải làm thế nào khiến các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều cùng chỉ vì mình mà nói: “Vị này có phước đức, đúng là bậc Thánh nhân”. Suy nghĩ như vậy, Tỳ-kheo ấy chỉ cầu lợi dưỡng, chẳng cầu chánh pháp; đi đứng, ra vào, tới lui đều khoan thai; đắp y mang bát không mất oai nghi, ngồi một mình ở nơi yên lặng, giống như A-la-hán, làm cho người đời đều bảo: “Tỳ-kheo này là vị hoàn hảo bậc nhất, vị ấy tinh tấn khổ hạnh tu pháp tịch diệt”. “Nhờ nhân duyên này mình sẽ có nhiều môn đồ đệ tử, mọi người cũng sẽ đến cúng dường y phục, thực phẩm, đồ nằm, thuốc thang, khiến nhiều phụ nữ cung kính mến yêu”. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào làm việc như vậy thì mắc tội đại vọng ngữ. Lại có Tỳ-kheo vì muốn kiến lập chánh pháp vô thượng nên ở nơi yên vắng, chẳng phải là A-la-hán mà lại muốn khiến người khác gọi mình là A-la-hán, là Tỳ-kheo tốt, là Tỳ-kheo thiện, Tỳ-kheo tịch tĩnh, khiến cho vô số người phát sinh lòng tin. Do nhân duyên này sẽ được vô số các Tỳ-kheo theo làm quyến thuộc. Nhân đó, khuyên dạy các Tỳ-kheo và những Ưu-bà-tắc phá giới khiến cho họ đều giữ giới. Nhờ nhân duyên này mà kiến lập chánh pháp, làm rạng rỡ đại sự vô thượng của Như Lai, mở bày pháp Đại thừa Phương đẳng để giáo hóa, độ thoát cho tất cả vô lượng chúng sinh, làm cho họ hiểu rõ hoàn toàn nghĩa lý khinh trọng của kinh luật mà Đức Như Lai đã nói. Tỳ-kheo này lại nói: "Nay ta cũng có Phật tánh. Có kinh điển gọi là tạng bí mật của Như Lai. Theo kinh này, nhất định ta sẽ thành Phật đạo, có thể dứt trừ vô lượng ức phiền não trói buộc, nói với vô số các Ưu-bà-tắc: Các ông đều có Phật tánh. Ta với các ông đều sẽ được an trú trong đạo của Như Lai, thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, diệt trừ hết vô lượng ức các kiết sử phiền não". Người nào nói như thế thì không gọi là phạm tội đại vọng ngữ mà gọi là Bồ-tát. Hoặc nói: "Có phạm tội Đột-kiết-la thì bị đọa vào địa ngục tám trăm vạn năm tính theo ngày tháng ở cõi trời Đao-lợi, chịu các tội báo, huống hồ là cố ý phạm tội Thâu-lan-giá. Trong pháp Đại thừa này, nếu có Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá thì không nên gần gũi. Những gì là tội Thâu-lan-giá trong kinh Đại Thừa? Hoặc có Trưởng giả xây dựng chùa Phật, đem các tràng hoa để cúng dường Phật, có Tỳ-kheo thấy sợi tơ trong vòng hoa, không hỏi mà lấy thì phạm tội Thâu-lan-giá, dù biết hay không biết cũng phạm như vậy. Nếu hủy phá tháp Phật với tâm tham thì phạm tội Thâu-lan-giá. Người như vậy không nên gần gũi. Hoặc quốc vương, đại thần thấy tháp đổ nát, vì muốn tu bổ để thờ cúng Xá-lợi, ở trong tháp này hoặc được châu báu, đem gởi cho vị Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nhận lời rồi tự ý sử dụng thì Tỳ- kheo như vậy gọi là hạng bất tịnh, sinh nhiều tranh cãi, các Ưu-bà-tắc tốt không nên gần gũi cúng dường cung kính Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo như vậy gọi là vô căn, gọi là hai căn, gọi là bất định căn. Người bất định căn là khi tham muốn làm thân nữ liền làm nữ, lúc tham muốn làm thân nam liền làm nam. Tỳ-kheo như vậy gọi là ác căn, không gọi là nam, không gọi là nữ, chẳng gọi là xuất gia, chẳng gọi là tại gia. Tỳ- kheo như vậy không nên gần gũi cung kính cúng dường. Trong pháp Phật, về phép tắc của Sa-môn, nên sinh lòng từ bi che chở cho chúng sinh, thậm chí đến con kiến cũng nên bố thí vô úy cho nó, đây là pháp của Sa-môn. Không uống rượu, cho đến ngửi mùi rượu, đây là pháp của Sa-môn. Không được vọng ngữ, cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến vọng ngữ, đây là pháp của Sa-môn. Không sinh lòng dục, cho đến trong giấc mộng cũng vậy, đây là pháp của Sa-môn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo trong giấc mộng hành dâm dục có phạm giới không?

Đức Phật dạy:

–Không phạm. Nên đối với dâm dục phải khởi tưởng nhơ uế, cho đến không có một niệm về tưởng thanh tịnh, xa lìa tưởng ái phiền não đối với người nữ. Nếu trong giấc mộng mà hành dâm thì khi thức dậy phải nên hối hận. Khi Tỳ-kheo đi khất thực, thọ nhận sự cúng dường nên tưởng như ăn thịt của con lúc đói khát, nếu khởi ý dâm dục thì phải xa lìa. Pháp môn như vậy, nên biết là Phật đã nói trong kinh, luật. Nếu nghe theo lời ma thì người ấy là quyến thuộc của ma, còn tùy thuận theo lời Phật dạy, vị ấy là Bồ-tát. Hoặc có thuyết nói: “Phật cho phép Tỳ-kheo luôn đứng co một chân, yên lặng không nói, nhảy xuống vực, nhảy vào lửa, tự mình ở trên núi cao nhảy xuống, không sợ nguy hiểm, uống thuốc độc, nhịn ăn, nằm trên tro, tự trói tay chân, giết hại chúng sinh, dùng phép chú thuật. Con của Chiên-đà-la, không căn, hai căn và bất định căn, giác quan không đầy đủ, những người như vậy, Như Lai đều cho phép xuất gia hành đạo". Đó là lời ma nói. Trước kia, Phật cho ăn năm vị của sữa bò và dùng dầu, mật, chỉ trừ y Kiều-xà-da, dép da. Hoặc có thuyết nói là cho phép mặc Ma-ha-lăng-già, cho chứa tất cả các hạt giống, loài thuộc về cỏ cây đều có thọ mạng, Phật nói lời này rồi, liền nhập Niết-bàn. Nếu có kinh luật nào nói như vậy, thì nên biết đó là lời ma nói. Như Lai không cho phép luôn đứng một chân, vì thực hành theo pháp nên cho phép đi, đứng, ngồi, nằm; lại cũng không cho phép uống thuốc độc, nhịn ăn, năm loại nóng đốt thân, cột trói tay chân, giết hại chúng sinh, dùng phép chú thuật, dùng ngọc kha, ngà voi trang trí, dép da, cất chứa hạt giống, loài cỏ cây có thọ mạng, mặc Ma- ha-lăng-già, nhưng nếu nói Thế Tôn nói như vậy, thì nên biết người ấy là quyến thuộc của ngoại đạo, chẳng phải là đệ tử của Ta. Như Lai chỉ cho phép ăn năm vị của sữa bò, dầu và mật, cho phép mang dép da, mặc y Kiều-xa-da. Như Lai nói bốn đại không có thọ mạng. Có kinh luật nào nói như vậy, chính là lời Phật nói. Nếu ai tùy thuận theo lời Phật dạy, thì nên biết người ấy thật sự là đệ tử của Ta. Nếu ai không nghe theo lời Phật dạy, người ấy là quyến thuộc của ma. Nếu người nào tùy thuận theo kinh luật của Phật, người ấy là Đại Bồ-tát. Này thiện nam! Tướng sai khác giữa lời ma nói và Phật nói, Ta đã phân biệt rõ ràng cho ông.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con mới biết được tướng sai khác giữa lời ma nói và lời Phật nói, nhờ đó con mới được hiểu rõ nghĩa thâm sâu của pháp Phật.

Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông đã có thể phân biệt hiểu rõ như vậy, gọi là người thông tuệ. Này thiện nam! Cái mà gọi là khổ đó thì chẳng phải là Thánh đế. Vì sao? Vì nếu nói khổ là Thánh đế khổ, thì tất cả bò, dê, lừa, ngựa và chúng sinh trong địa ngục đáng lẽ đều có Thánh đế. Này thiện nam! Nếu người nào không biết cảnh giới sâu xa và pháp thân bí mật, vi diệu, thường trụ bất biến của Như Lai, cho là thân ăn uống, chẳng phải pháp thân, không biết oai lực, đức độ của Như Lai thì đó gọi là khổ. Vì sao? Do không biết, cho nên thấy pháp là phi pháp, phi pháp thấy là pháp. Nên biết người này chắc chắn bị đọa vào đường ác, luân hồi trong sinh tử, tăng trưởng các kiết sử, chịu nhiều khổ não. Nếu người nào biết được Như Lai là thường trụ, không biến đổi, hoặc nghe âm thanh của hai chữ thường trụ, hoặc chỉ một lần qua tai thì liền được sinh lên cõi trời. Về sau, khi được giải thoát mới biết rõ Như Lai là thường trụ, không có biến đổi. Khi đã biết rõ rồi, liền nói: “Từ xưa, ta đã từng nghe nghĩa này, hôm nay được giải thoát mới có thể biết rõ được. Đối với bản tế, vì không biết nên ta bị sinh tử, trôi lăn không cùng tận, ngày hôm nay mới được biết như thật". Nếu biết như vậy, mới thật là tu khổ đế, được nhiều lợi ích. Nếu không biết như vậy, tuy siêng năng tu tập nhưng không được lợi ích. Đó là biết về khổ, gọi là Thánh đế khổ. Nếu người nào không tu tập như vậy thì gọi là khổ, chẳng phải là Thánh đế khổ. Khổ tập đế là: Ở trong pháp chân thật mà không phát sinh trí chân thật, thọ nhận vật bất tịnh như nô tỳ v.v..., nói phi pháp là chánh pháp, đoạn diệt chánh pháp khiến cho không tồn tại lâu dài. Vì nhân duyên này, nên không biết pháp tánh, do không biết nên bị luân hồi trong sinh tử, chịu nhiều khổ não, không được sinh lên cõi trời và giải thoát chân chánh. Nếu có người hiểu rõ thì không hủy hoại chánh pháp, nhờ nhân duyên này, nên được sinh lên cõi trời và giải thoát chân chánh. Nếu người nào không biết về Thánh đế khổ tập mà nói chánh pháp không thường trụ, đều là pháp hoại diệt thì vì nhân duyên này nên trong vô lượng kiếp, người ấy phải bị lưu chuyển trong sinh tử, chịu nhiều khổ não. Nếu biết được pháp là thường trụ, không khác, thì gọi là biết về tập, đó là Thánh đế tập. Nếu ai không thể tu tập như vậy thì gọi là tập, chẳng phải là Thánh đế tập. Khổ diệt đế là: Nếu có người tu học nhiều về pháp không, là bất thiện. Vì sao? Vì diệt tất cả các pháp, hủy hoại tạng pháp chân thật của Như Lai. Tu học như trên là tu về pháp Không. Người tu về Khổ diệt thì ngược lại với tất cả các pháp của ngoại đạo. Nếu nói tu về pháp Không là Diệt đế, thì tất cả ngoại đạo cũng tu pháp không, đáng lẽ cũng có Diệt đế. Hoặc có thuyết nói có Như Lai tạng, tuy không thể thấy nhưng có thể diệt trừ tất cả phiền não, như vậy mới được chứng nhập. Nếu nhờ nhân duyên trong một niệm mà phát tâm như trên thì được tự tại trong các pháp. Nếu có ai tu tập tạng pháp bí mật của Như Lai là vô ngã vắng lặng thì người như vậy, trong vô lượng đời bị luân hồi, chịu khổ trong sinh tử. Nếu ai không tu tập như vậy, thì dù có phiền não nhưng mau chóng được diệt trừ. Vì sao? Vì người ấy biết được tạng pháp bí mật của Như Lai. Đó là Thánh đế khổ diệt. Nếu ai có thể tu tập Thánh đế diệt như vậy, người ấy là đệ tử của Ta. Nếu ai không thể tu tập như vậy, gọi là tu pháp Không, chẳng phải là Thánh đế diệt. Thánh đế đạo là: Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và giải thoát chân chánh. Có chúng sinh nào do tâm điên đảo nói là không có Phật, Pháp, Tăng, giải thoát chân chánh, sự luân hồi sinh tử như huyễn hóa thì do nhân duyên tu tập kiến chấp như vậy nên luân hồi ba cõi, chịu khổ lâu dài. Nếu ai phát tâm có thể thấy được Như Lai là thường trụ bất biến, Pháp, Tăng, giải thoát cũng như vậy, thì nhờ một niệm này mà trong vô lượng đời, người ấy tùy ý được quả báo tự tại. Vì sao? Từ xưa vì bốn thứ điên đảo nên Ta đã chấp phi pháp là pháp, phải chịu vô lượng quả báo nghiệp ác. Hôm nay, Ta đã diệt hết những kiến chấp như vậy, nên thành Phật chánh giác. Đây gọi là Thánh đế đạo. Hoặc có người nói: Tam bảo là vô thường, tu tập kiến chấp như vậy là tu tập sai lầm, chẳng phải tu theo Thánh đế đạo. Nếu ai tu tập pháp ấy là thường trụ, thì người ấy là đệ tử của Ta, chính là tu tập pháp Tứ Thánh đế. Đó là bốn Thánh đế.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con mới biết tu tập sâu xa về pháp Tứ Thánh đế.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Bốn pháp điên đảo là: Đối với điều chẳng phải khổ mà tưởng là khổ thì gọi là điên đảo. Chẳng phải khổ là chỉ cho Như Lai. Tưởng khổ nghĩa là cho Như Lai là vô thường biến đổi. Nếu nói Như Lai là vô thường, thì đó là tội khổ lớn. Nếu Như Lai xả thân khổ này để nhập Niết-bàn, như củi hết lửa tắt, thì đó chẳng phải là khổ mà tưởng là khổ. Đó là điên đảo. Nếu Ta nói rằng Như Lai là thường tức là kiến chấp về ngã, vì chấp ngã nên mắc vô lượng tội. Vì vậy nên Ta nói Như Lai là vô thường, nói như vậy Ta rất vui. Như Lai vô thường tức là khổ, nếu đã là khổ thì làm gì có vui. Vì ở trong khổ mà sinh tưởng là vui nên gọi là điên đảo. Vui mà sinh tưởng là khổ cũng gọi là điên đảo. Vui tức là Như Lai, khổ tức là Như Lai vô thường. Nếu nói Như Lai là vô thường, thì đó gọi là ở trong vui mà tưởng là khổ. Như Lai là thường trụ, đó gọi là vui. Nếu Ta nói rằng Như Lai là thường, thì sao lại vào Niết-bàn? Nếu Như Lai chẳng phải là khổ, thì sao lại bỏ thân mà diệt độ? Vì ở trong vui mà tưởng là khổ nên gọi là điên đảo. Đó là pháp điên đảo thứ nhất. Vô thường mà tưởng là thường, thường tưởng là vô thường, gọi là điên đảo. Vô thường là chẳng tu pháp không, vì chẳng tu pháp không nên tuổi thọ ngắn ngủi. Nếu có người cho rằng chẳng tu pháp không tịch mà vẫn được trường thọ, thì gọi là điên đảo. Đó là pháp điên đảo thứ hai. Vô ngã tưởng là ngã. Ngã tưởng là vô ngã, thì gọi là điên đảo. Người đời cũng nói có ngã, trong pháp Phật cũng nói có ngã. Người đời tuy nói có ngã nhưng không có Phật tánh, đó gọi là vô ngã mà tưởng là ngã, đó là điên đảo. Pháp Phật nói có ngã tức là Phật tánh. Người đời lại nói pháp Phật không có ngã, đó gọi là ngã mà tưởng là vô ngã. Nếu nói pháp Phật chắc chắn không có ngã nên Như Lai dạy các đệ tử tu tập pháp vô ngã, thì đò gọi là điên đảo. Đó là pháp điên đảo thứ ba. Tịnh mà tưởng là bất tịnh, bất tịnh mà tưởng là tịnh, thì gọi là điên đảo. Tịnh tức là Như Lai thường trụ, chẳng phải là thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân máu thịt, chẳng phải thân gân cốt ràng buộc. Nếu có người nói rằng Như Lai là vô thường, là thân tạp thực cho đến là thân gân xương ràng buộc, Pháp, Tăng, giải thoát đều là diệt tận, thì đó gọi là điên đảo. Bất tịnh mà tưởng là tịnh, đó gọi là điên đảo. Nếu có người nói rằng trong thân này của ta không có một pháp nào là bất tịnh, vì không bất tịnh nên nhất định sẽ được vào nơi thanh tịnh, mà Như Lai đã nói tu quán bất tịnh là lời nói hư vọng, thì đó gọi là điên đảo. Đó là pháp điên đảo thứ tư.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con mới được chánh kiến. Bạch Thế Tôn! Trước đây, chúng con đều là những người tà kiến. Bạch Thế Tôn! Hai mươi lăm hữu có ngã hay không?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ngã tức là nghĩa của Như Lai tạng. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tức là nghĩa của ngã. Nghĩa của ngã như vậy từ xưa đến nay thường bị vô lượng phiền não che lấp. Cho nên, chúng sinh chẳng nhận thấy được. Này thiện nam! Như người phụ nữ nghèo trong nhà có một kho vàng ròng, mọi người lớn nhỏ trong nhà không ai biết được. Một hôm, có người khách lạ khéo biết phương tiện bảo người phụ nữ nghèo: “Hôm nay tôi thuê cô dọn cỏ rác cho tôi”. Người phụ nữ đáp: "Tôi không thể làm. Nếu ông có thể chỉ kho vàng cho con tôi, sau đó tôi mới làm việc cho ông". Người khách lại nói: "Tôi biết cách có thể chỉ cho con của cô". Người phụ nữ lại nói: "Mọi người lớn nhỏ trong nhà của tôi còn chẳng biết được, huống hồ là ông, làm sao ông biết được!". Người khách lại nói: "Hôm nay tôi chắc chắn có thể biết". Người phụ nữ đáp: "Tôi rất muốn thấy, ông hãy chỉ cho tôi". Người khách liền đào được kho vàng ròng trong nhà người phụ nữ. Người phụ nữ thấy vậy rất vui mừng, ngạc nhiên lạ lùng, rất kính trọng người khách. Này thiện nam! Hôm nay Ta chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sinh đang bị phiền não che lấp, như người phụ nữ nghèo có kho vàng ròng mà không thấy Phật. Hôm nay Như Lai chỉ bày kho báu giác tánh cho tất cả chúng sinh, đây chính là Phật tánh, các chúng sinh thấy được tánh này rồi vô cùng vui mừng, đều quy ngưỡng Như Lai. Người khách khéo biết phương tiện dụ cho Như Lai, người phụ nữ nghèo chỉ cho vô lượng chúng sinh, kho vàng ròng dụ cho Phật tánh. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người phụ nữ sinh một đứa con, đứa bé này bị bệnh. Người phụ nữ ấy lo rầu đi tìm thầy thuốc. Thầy thuốc đến, dùng ba thứ thuốc: Váng sữa, sữa và đường hòa lại cho đứa bé uống, rồi bảo người phụ nữ: "Đứa bé mới uống thuốc xong, không được cho nó bú, phải đợi thuốc tiêu hóa rồi mới được cho bú”. Lúc ấy, người phụ nữ liền lấy đồ đắng thoa trên vú, rồi bảo con: “Vú của mẹ đã thoa thuốc độc con không được đụng vào”. Đứa bé khát sữa đòi bú nhưng nghe mùi hôi trên vú nên không dám đến gần. Đến khi thuốc đã tiêu hóa, người mẹ lấy nước rửa sạch vú mình rồi gọi con: “Hãy đến đây mẹ cho bú”. Lúc ấy, mặc dù đã đói khát nhưng vì trước đây đã nghe mùi hôi nên đứa trẻ không dám đến bú. Người mẹ lại bảo: “Vì con uống thuốc nên mẹ dùng thuốc đắng để thoa trên vú, thuốc con uống đã tiêu hóa, vú của mẹ đã rửa sạch, con hãy đến bú, không còn đắng đâu”. Đứa bé nghe mẹ bảo từ từ đến bú. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, vì để độ thoát tất cả nên dạy các chúng sinh tu pháp vô ngã, nhờ tu pháp này mà dứt hẳn tâm chấp ngã, được vào Niết-bàn. Vì trừ những vọng kiến của thế gian mà thị hiện các pháp xuất thế gian. Lại chỉ rõ cho thế gian thấy chấp ngã là hư vọng, chẳng phải chân thật, tu pháp vô ngã để được thân thanh tịnh. Ví như người phụ nữ kia vì con mình mà dùng chất đắng thoa trên vú, Như Lai cũng vậy, vì dạy tu pháp không nên nói các pháp đều không có ngã. Như người phụ nữ rửa sạch vú mình rồi kêu con đến bú, cũng vậy, hôm nay Ta nói về Như Lai tạng, vì thế các Tỳ-kheo không nên lo sợ. Như đứa trẻ kia nghe mẹ kêu từ từ đến bú, cũng vậy, các Tỳ-kheo nên tự phân biệt tạng pháp bí mật của Như Lai, chẳng được cho là chẳng có.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thật sự là không có ngã. Vì sao? Vì đứa bé lúc mới sinh không hiểu biết. Nếu có ngã, thì lúc mới sinh lẽ ra liền có hiểu biết. Vì nghĩa này nên chắc chắn biết được là không có ngã. Nếu nhất định có ngã thì sau khi thọ sinh rồi, lẽ ra không chết mất. Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, là thường trụ, thì đáng lẽ là không có tướng hư hoại. Nếu là tướng không hư hoại, thì sao lại có Sát-lợi, Bà- la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Chiên-đà-la, súc sinh v.v... khác nhau? Hôm nay thấy các loại nghiệp duyên chẳng đồng, các loài đều khác nhau, nếu nhất định có ngã thì tất cả chúng sinh lẽ ra không có hơn kém. Do những nghĩa trên nên chắc chắn biết được Phật tánh chẳng phải là pháp thường trụ. Nếu nói rằng Phật tánh nhất định là thường trụ, thì do nhân duyên gì lại nói có sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác, nói dối, nói lời thêu dệt, tham lam, giận dữ, kiến chấp sai lầm? Nếu tánh ngã là thường trụ thì vì sao sau khi uống rượu lại say mê cuồng loạn? Nếu tánh ngã là thường trụ thì người mù đáng lẽ thấy được sắc, người điếc nghe được âm thanh, người câm có thể nói được, người què có thể đi. Nếu tánh ngã là thường trụ thì không nên tránh hầm lửa, nước lớn, thuốc độc, dao kiếm, kẻ ác, cầm thú. Nếu ngã là thường trụ thì những việc đã làm đáng lẽ không quên mất. Nếu không quên thì sao lại nói: “Tôi đã từng thấy người đó ở chỗ nào rồi”. Nếu ngã trung ấm thì không nên có thiếu niên, thanh niên, lão thành, yếu, mạnh, thế lực, nhớ nghĩ những việc đã qua. Nếu ngã thường trụ thì dừng nghỉ ở chỗ nào? Đó là ở trong nước mũi, nước miếng, hay ở trong các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Nếu ngã thường trụ thì phải ở khắp trong thân như trong dầu mè, không có chỗ hở. Nếu khi chặt đứt thân thì ngã đáng lẽ cũng bị chặt đứt.

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ví như nhà vua có vị đại lực sĩ, giữa chặng mày của vị này có ngọc kim cương. Vị này đánh nhau với một lực sĩ khác, do đầu của vị lực sĩ đó đụng vào trán của vị này nên hạt ngọc bị lún vào trong da, mà ông hoàn toàn không hay biết là hạt ngọc đang còn, chỗ đó có vết thương, liền nhờ thầy thuốc điều trị. Lúc ấy, có vị thầy thuốc giỏi, biết rõ các phương thuốc, biết vết thương của lực sĩ là do hạt ngọc lún vào thân thể, hạt ngọc ấy xuyên qua lớp da, nằm trong đó. Khi ấy, vị thầy thuốc hỏi lực sĩ: “Hạt ngọc trên trán của ông đâu rồi?”. Lực sĩ kinh hãi đáp: “Hạt ngọc trên trán của tôi mất rồi chăng? Nay hạt ngọc ấy ở đâu?”. Vị ấy nhân việc không thật có mà lo buồn khóc lóc. Khi ấy, vị thầy thuốc an ủi lực sĩ: “Nay ông không nên buồn khổ quá sức, vì lúc đánh nhau, hạt ngọc của ông lún vào thân, nay ở trong da, hình ảnh hiện ra bên ngoài. Lúc ông đánh nhau, do giận dữ quá mức nên hạt ngọc lún vào thân mà ông không hay biết”. Lúc này, lực sĩ không tin lời của thầy thuốc, nói: “Nếu còn ở trong da, thì sao máu mủ bất tịnh lại không chảy ra, còn nếu hạt ngọc ở trong gân lẽ ra không thể thấy. Hôm nay, tại sao ông lại dối gạt tôi?”. Khi ấy, vị thầy thuốc cầm gương soi trên mặt lực sĩ, hạt ngọc hiện bày rõ ràng ở trong gương. Lực sĩ nhìn thấy, rất ngạc nhiên, cho là điều kỳ lạ. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như vậy. Vì không được gần gũi thiện tri thức, nên dù Phật tánh cũng không thể thấy. Vì bị tham dục, sân hận, ngu si che lấp nên bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, Chiên-đà-la, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà sinh vào trong các dòng dõi như vậy, do tâm mà khởi lên các nghiệp duyên, nên tuy thọ thân người lại bị đui, điếc, câm ngọng, què quặt, khập khiễng, chịu các quả báo trong hai mươi lăm cõi. Vì tham dục, sân hận, ngu si che lấp tâm ý, nên không biết Phật tánh, như lực sĩ kia, hạt châu vẫn ở trong thân mà nói là đã mất. Chúng sinh cũng vậy, do không biết gần gũi thiện tri thức, nên không biết kho báu bí mật vi diệu của Như Lai. Tu học vô ngã, ví như chẳng phải là bậc Thánh, nên tuy nói có ngã nhưng cũng không biết tánh chân thật của ngã. Các đệ tử của Ta cũng vậy, do không biết gần gũi thiện tri thức nên tu học vô ngã, mà cũng không biết chỗ của vô ngã. Tánh chân thật vô ngã của mình còn chẳng tự biết, huống chi là có thể biết được tánh chân thật của hữu ngã. Này thiện nam! Như Lai nói, các chúng sinh đều có Phật tánh như vậy, giống như thầy thuốc chỉ ngọc báu kim cương cho vị lực sĩ kia. Các chúng sinh này vì bị vô lượng ức phiền não che lấp nên không biết Phật tánh. Nếu đoạn trừ phiền não, thì lúc đó mới chứng biết tường tận. Như lực sĩ kia thấy hạt ngọc của mình ở trong gương sáng. Này thiện nam! Tạng pháp bí mật của Như Lai vô lượng, không thể nghĩ bàn như thế.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như núi Tuyết có một vị thuốc tên là Lạc vị. Thuốc ấy rất ngọt, ở dưới bụi cây rất rậm rạp, người không thể thấy. Có người nghe mùi liền biết chỗ đó chắc chắn có thuốc ấy. Thuở xưa, vào đời quá khứ, có vua Chuyển luân ở núi Tuyết, chỗ nào cũng đặt bọng cây để tiếp lấy thuốc. Khi chín, thuốc này từ đất chảy ra dồn vào trong bọng cây, mùi vị của thuốc rất thơm ngon. Sau khi vua băng hà, thì thuốc đó hoặc chua, hoặc mặn, hoặc ngọt, hoặc đắng, hoặc cay, hoặc lạt v.v... mỗi vị như vậy tùy theo chỗ thuốc chảy ra mà có đủ loại khác nhau. Vị thật của thuốc đọng ở trong núi giống như mặt trăng tròn. Người phàm phước mỏng, dầu có dùng cuốc để đào xới, ra sức khó nhọc cũng không thể được. Lại có Thánh vương xuất hiện ở đời, nhờ nhân duyên phước đức của vua liền được vị thật của thuốc. Này thiện nam! Pháp vị của tạng bí mật của Như Lai cũng vậy, bị các rừng rậm phiền não che lấp, chúng sinh vô minh không thể thấy được. Vị thuốc ấy dụ cho Phật tánh, vì các phiền não nên sinh ra các loại mùi vị như: Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trời, người, nam nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà v.v... Phật tánh hùng mạnh, khó có thể hoại diệt, vì thế, không ai có thể sát hại được. Nếu người nào sát hại Phật tánh thì đoạn mất Phật tánh, nhưng Phật tánh không bao giờ đoạn dứt được, nếu tánh mà có thể đoạn dứt, điều đó không thể có. Như tánh ngã tức là tạng pháp bí mật của Như Lai. Tạng pháp bí mật như vậy, không gì có thể hủy hoại, đốt cháy được. Tuy không thể hủy hoại, nhưng cũng không thể thấy. Nếu có chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì bấy giờ mới có thể chứng biết. Vì nhân duyên này nên không ai có thể sát hại được.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không ai sát hại được thì lẽ ra không có nghiệp bất thiện.

Phật bảo Ca-diếp:

–Thật sự có sát sinh. Vì sao? Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh ở trong thân năm ấm, nếu làm hại năm ấm gọi là sát sinh, nếu có sát sinh tức bị đọa vào đường ác. Do nhân duyên của nghiệp mà có Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và Chiên-đà-la, hoặc nam, hoặc nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, tướng hai mươi lăm cõi sai khác, lưu chuyển nơi sinh tử. Người chẳng phải bậc Thánh nên vọng chấp các tướng nhỏ, lớn của ngã là bằng hạt cỏ, hoặc bằng hạt gạo, hoặc bằng hạt đậu cho đến bằng ngón tay cái, vọng sinh các loại tưởng như vậy. Tướng của vọng tưởng là không chân thật. Tướng của ngã xuất thế gian gọi là Phật tánh. Nhận lấy ngã này gọi là điều lành bậc nhất.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người biết rõ về kho báu dưới đất, liền lấy cuốc bén đào đất, đào thẳng xuống xuyên qua lớp đá bàn, cát, sỏi thì không khó, chỉ đến lớp kim cương không thể đào xuyên được. Phàm là kim cương thì tất cả dao búa đều không thể làm hư, bể. Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, tất cả các nhà biện luận, Thiên ma Ba-tuần và các hàng trời, người cũng không thể hủy hoại. Tướng của năm ấm tức là tạo tác, tướng của tạo tác ví như đá cát có thể đào xuyên qua được. Phật tánh ví như kim cương không thể phá hủy được. Do nghĩa này nên làm hại thân năm ấm, gọi là sát sinh. Này thiện nam! Nên biết chắc chắn rằng pháp Phật không thể nghĩ bàn như vậy.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN VIII

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 5

Này thiện nam! Kinh Phương Đẳng như nước cam lồ, cũng như thuốc độc.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do duyên gì mà Như Lai nói kinh Phương Đẳng ví như nước cam lồ, cũng như thuốc độc?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Nay ông muốn biết nghĩa chân thật kho tàng bí mật của Như Lai chăng?

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con thật muốn biết nghĩa kho tàng bí mật của Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

Có người uống cam lồ
Hại mạng bị chết sớm
Hoặc người uống cam lồ
Thêm tuổi thọ sống lâu.
Người uống thuốc độc sống
Kẻ uống thuốc độc chết

Trí vô ngại cam lồ
Đó là kinh Đại Thừa.
Kinh Đại Thừa như vậy
Cũng gọi là thuốc độc
Như chất bơ, đề hồ
Và các loại đường phèn.
Uống tiêu hóa là thuốc
Chẳng tiêu hóa là độc
Kinh Phương Đẳng cũng vậy
Bậc trí là cam lồ.
Ngu chẳng biết Phật tánh
Uống nó thì thành độc
Hàng Thanh văn, Duyên giác
Đại thừa là cam lồ.
Như trong các mùi vị
Sữa là hơn tất cả
Người nỗ lực tinh tấn
Nhờ nương pháp Đại thừa.
Đạt đến chỗ Niết-bàn
Thành Tượng vương trong đời
Chúng sinh biết Phật tánh
Như Bồ-tát Ca-diếp.
Vị cam lồ vô thượng
Không sinh cũng không diệt
Nay Ca-diếp phải nên
Khéo phân biệt Tam quy.
Tánh Tam quy như vậy T

ức là tánh của ngã
Nếu hay quan sát kỹ
Tánh ngã có tánh Phật.
Nên biết người như thế
Được vào tạng bí mật
Biết ngã và ngã sở
Người này đã xuất thế.
Tánh Phật, Pháp, Tam bảo
Bậc vô thượng đệ nhất
Như kệ Ta đã nói
Nghĩa Phật tánh như vậy

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp nói kệ:

Nay con chẳng biết được
Quy y nơi Tam bảo
Làm sao để đạt đến
Vô thượng không sợ hãi?
Không biết chỗ Tam bảo
Thế nào là vô ngã?
Quy y Phật thế nào
Để đạt được yên ổn?
Quy y pháp thế nào
Xin nguyện nói cho con
Thế nào là tự tại
Thế nào không tự tại.
Quy y Tăng thế nào
Được lợi ích vô thượng?
Nói chân thật thế nào

Đời sau thành Phật đạo?
Đời sau nếu không thành
Thế nào quy Tam bảo
Nay con chưa được biết
Nên tuần tự quy y.
Vì sao chưa thai nghén
Mà tưởng sẽ sinh con?
Chắc chắn ở trong thai
Thì gọi là có con.
Con nếu ở trong thai
Không lâu sẽ sinh con
Đây gọi là nghĩa con
Nghiệp chúng sinh cũng vậy.
Như lời Phật đã dạy
Người ngu không thể biết
Vì họ không biết được
Ngục sinh tử luân hồi.
Tạm gọi Ưu-bà-tắc
Chẳng biết nghĩa chân thật
Xin nguyện phân biệt rõ
Trừ lưới nghi cho con.
Như Lai trí tuệ lớn
Rủ lòng thương phân biệt
Xin Như Lai nói cho
Kho tàng báu bí mật.
–Ca-diếp, ông nên biết
Nay Ta sẽ vì ông

Khéo mở tạng bí mật
Đoạn nghi ngờ cho ông.
Nay phải lắng lòng nghe
Ông trong hàng Bồ-tát
Thì đồng một danh hiệu
Với Đức Phật thứ bảy.
Người quy y nơi Phật
Thật gọi Ưu-bà-tắc
Không bao giờ quy y
Những trời, thần nào khác.
Người quy y nơi Pháp
Xa lìa sự sát hại
Người quy y Thánh Tăng
Chẳng cầu các ngoại đạo
Quy Tam bảo như vậy
Thì được không sợ hãi.
Ca-diếp bạch Phật:
–Nay con quy Tam bảo
Đây gọi là đường chánh
Cảnh giới của chư Phật
Tướng Tam bảo bình đẳng
Thường có tánh đại trí
Tánh ngã và tánh Phật
Không hai, không sai khác
Đạo này Phật tán thán
Thẳng đến chỗ an vui
Cũng gọi Chánh Biến Tri

Nên được Phật khen ngợi
Con cũng đến Thiện Thệ
Tán thán đạo vô thượng
Là cam lồ tối thượng
Các cõi đều không có.

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Nay ông không nên như hàng Thanh văn cùng hàng phàm phu phân biệt Tam bảo. Đối với Đại thừa này không có tướng Tam quy sai khác. Vì sao? Vì trong Phật tánh đã có Pháp và Tăng. Vì muốn hóa độ hàng Thanh văn và phàm phu nên Ta phân biệt nói tướng Tam bảo sai khác. Này thiện nam! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian thì nên phân biệt có ba pháp quy y.

Này thiện nam! Bồ-tát nên suy nghĩ như thế này: Nay thân của ta quy y nơi Phật, nếu ngay thân này được thành Phật đạo và đã thành Phật rồi thì không nên cung kính, lễ bái, cúng dường các Đức Thế Tôn. Vì sao? Vì chư Phật bình đẳng làm chỗ trở về nương tựa cho các chúng sinh. Người nào muốn tôn trọng pháp thân Xá-lợi thì phải kính lễ pháp của chư Phật. Vì sao? Vì muốn hóa độ các chúng sinh nên cũng làm cho chúng sinh với thân Ta khởi tưởng tháp miếu, lễ bái, cúng dường. Những chúng sinh như vậy lấy pháp thân của Ta làm chỗ trở về nương tựa. Còn những chúng sinh đều nương theo pháp tà ngụy không chân thật, Ta sẽ tuần tự vì họ mà nói pháp chân thật.

Lại có người trở về nương tựa nơi Tăng không chân thật thì Ta sẽ làm Tăng chân thật của họ nương tựa. Nếu có người phân biệt ba pháp quy y thì Ta sẽ vì họ làm một pháp quy y, không có ba pháp sai khác. Đối với người mù bẩm sinh thì Ta làm con mắt, vì hàng Thanh văn và Duyên giác làm nơi trở về chân thật. Này thiện nam! Như vậy, Bồ-tát vì vô lượng chúng sinh xấu ác và các bậc trí mà làm Phật sự. Này thiện nam! Ví như có người khi ra trận chiến đấu, liền nghĩ: “Ở trong này ta là hơn hết, tất cả binh lính đều nương cậy ta”. Cũng như thái tử suy nghĩ: “Ta sẽ điều phục các vương tử khác, nối dõi sự nghiệp của đại vương để được tự tại, khiến các vương tử thấy ta đều trở về nương tựa. Vì vậy, ta không nên sinh tâm thấp hèn”. Như vua, thái tử, các đại thần cũng vậy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng suy nghĩ như vầy: “Làm thế nào để ba sự việc cùng một thể với ta”. Này thiện nam! Ta chỉ dạy ba việc tức là Niết-bàn. Như Lai gọi là bậc Vô Thượng Sĩ, giống như thân người, đầu là trên hết, chẳng phải là các bộ phận khác như tay, chân v.v... Đức Phật cũng vậy, là bậc tối thượng chẳng phải là Pháp, Tăng. Vì muốn hóa độ các chúng sinh trong thế gian nên thị hiện đủ những hình tướng sai khác như bậc thang kia. Vì vậy, ông không nên thọ trì tướng Tam quy sai khác như cái biết của phàm phu ngu muội. Đối với Đại thừa, ông phải nên tích cực quyết đoán như dao cứng chắc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con biết nhưng vẫn hỏi, chứ chẳng phải không biết. Con vì bậc Bồ-tát đại dũng mãnh mà hỏi pháp tu hành thanh tịnh không cấu uế, muốn được Như Lai vì hàng Bồ-tát chỉ dạy rõ ràng sự việc kỳ đặc, khen ngợi kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Như Lai đại bi nay đã khéo nói: “Ta cũng an trụ trong pháp đó, nói pháp tu hành thanh tịnh của Bồ-tát, tức là tuyên thuyết kinh Đại Niết-bàn”.

Bạch Thế Tôn! Nay con sẽ khắp vì chúng sinh mà xiển dương kho tàng bí mật của Như Lai như vậy, cũng sẽ chứng biết ba chỗ trở về chân chánh. Chúng sinh nào có thể tin kinh Đại Niết-bàn này thì chúng sinh đó tự mình thấu rõ ba pháp quy y. Vì sao? Vì kho tàng bí mật của Như Lai có Phật tánh. Người nào có thể tuyên thuyết kinh điển này, đều nói trong thân có Phật tánh. Người như vậy thì không cầu pháp Tam quy ở đâu xa. Vì sao? Vì ở đời vị lai chính người đó sẽ thành tựu Tam bảo, cho nên hàng Thanh văn, Duyên giác và các chúng sinh khác đều cung kính, lễ bái, nương tựa người đó.

–Này thiện nam! Vì nghĩa đó phải khéo học kinh điển Đại Thừa. Ca-diếp lại thưa:

–Phật tánh như vậy không thể nghĩ bàn, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cũng không thể nghĩ bàn..

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông đã thành tựu trí tuệ thâm sâu sắc bén. Nay Ta sẽ giảng nói kỹ về việc nhập tạng Như Lai cho ông. Nếu ngã trụ tức là thường pháp, không lìa khổ, nếu là vô ngã thì tu hành hạnh thanh tịnh không lợi ích. Nếu nói các pháp đều không có ngã tức là đoạn kiến, nếu nói ngã thường trụ tức là thường kiến. Nếu nói tất cả hành vô thường tức là đoạn kiến, nói các hành là thường tức là thường kiến. Nếu nói khổ tức là đoạn kiến, nếu nói vui tức là thường kiến. Tu tập tất cả các pháp thường thì rơi vào đoạn kiến, tu tất cả các pháp đoạn thì rơi vào thường kiến. Như loài sâu đi cong mình cần nhờ chân trước mới di chuyển chân sau. Tu pháp thường, đoạn cũng như vậy, cần phải nhờ đoạn, thường. Vì nghĩa này, nên tu tập cái khổ của các pháp khác gọi là bất thiện, tu tập cái vui của các pháp khác thì gọi là thiện. Tu tập vô ngã của các pháp khác gọi là các phần phiền não. Tu tập cái thường của các pháp khác gọi là tạng bí mật của Như Lai. Nghĩa là Niết-bàn không có hang động nhà cửa, tu tập cái vô thường của các pháp khác tức là của cải. Tu tập cái thường của các pháp khác là Phật, Pháp, Tăng và chánh giải thoát. Phải nên biết trung đạo của pháp Phật cần phải xa lìa nhị biên mà nói pháp chân thật. Hàng phàm phu ngu muội đối với pháp đó không nghi ngờ. Như người bệnh gầy yếu, uống váng sữa rồi thì khí lực nhẹ nhàng. Pháp có, pháp không, thể tánh không nhất định. Ví như bốn đại, tánh của nó chẳng đồng, các tướng đều chống trái nhau, nên vị lương y khéo biết bệnh của đại nào đang phát sinh để chữa trị chóng khỏi.

Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, đối với các chúng sinh, giống như vị lương y biết rõ thể tướng sai khác của các phiền não để dứt trừ, chỉ rõ tạng bí mật của Như Lai, Phật tánh thanh tịnh thường trụ bất biến. Nếu nói có thì bậc trí không nên đắm nhiễm, nếu bảo không tức là nói dối, nếu bảo có thì không nên im lặng, cũng chẳng nên bàn luận tranh cãi, mà chỉ cần biết rõ tánh chân thật của các pháp. Kẻ phàm phu dẫu có bàn luận tranh cãi đi nữa cũng không thể hiểu được tạng bí mật vi diệu của Như Lai. Nếu nói khổ thì kẻ ngu muội liền cho thân này là vô thường. Nếu nói tất cả là khổ thì không thể biết nơi thân có tánh vui, hoặc nói vô thường thì kẻ phàm phu lại chấp tất cả thân đều vô thường, giống như ngói đất. Người có trí phải nên phân biệt chứ đừng bảo rằng tất cả các pháp đều vô thường. Vì sao? Vì nơi thân Ta đã có sẵn chủng tử Phật tánh. Nếu nói vô ngã thì phàm phu sẽ cho rằng tất cả Phật, Pháp đều không có ngã. Người trí nên phân biệt, vô ngã chỉ là giả danh không thực, biết rõ như vậy rồi thì không nên sinh nghi ngờ. Nếu bảo tạng bí mật của Như Lai là không tịch thì hàng phàm phu nghe rồi sinh ra kiến chấp đoạn diệt. Người có trí nên biết Như Lai là thường hằng không biến đổi. Hoặc nói giải thoát ví như huyễn hóa thì kẻ phàm phu sẽ cho rằng, giải thoát tức là mất hết. Người trí nên biết rõ bậc Sư tử trong loài người, tuy có đi lại nhưng thường trụ bất biến. Nếu nói vô minh làm nhân duyên cho hành thì phàm phu nghe rồi sinh ra phân biệt tưởng có hai pháp: minh và vô minh. Người có trí biết rõ tánh của pháp đó không hai. Tánh không hai tức là thật tánh. Nếu nói các hành làm nhân duyên cho thức thì phàm phu sẽ phân biệt có hai pháp: hành và thức, người trí biết rõ tánh đó không hai, tánh không hai ấy tức là thật tánh. Nếu nói mười điều thiện, mười điều ác, có thể làm, không thể làm, đường thiện, đường ác, pháp thiện, pháp ác, thì hàng phàm phu đều cho là hai, còn người trí biết rõ tánh đó không hai, tánh không hai ấy tức là thật tánh. Nếu bảo nên tu tập hết tất cả các pháp khổ thì phàm phu cho đấy là có hai, người trí biết rõ tánh của nó không hai, tánh không hai tức là thật tánh. Nếu nói tất cả hành là vô thường và tạng bí mật của Như Lai cũng là vô thường thì hàng phàm phu sẽ cho là có hai, người trí biết rõ tánh của nó không hai, tánh không hai tức là thật tánh. Tánh của ngã và vô ngã cũng không hai. Nghĩa tạng bí mật của Như Lai cũng như vậy, không thể tính đến, vô lượng vô biên, là chỗ mà chư Phật đều tán thán. Nay đối với các công đức đã thành tựu, Ta đã giảng nói hết trong kinh.

Này thiện nam! Tánh ngã, vô ngã tướng của nó không hai, các ông phải thọ trì như vậy. Này thiện nam! Ông nên ghi nhớ giữ gìn kinh này. Như trước đây trong kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật, Ta đã nói ngã và vô ngã không có hai tướng. Này thiện nam! Như từ sữa tươi sinh ra sữa đặc, từ sữa đặc sinh ra váng sữa, từ váng sữa sinh ra bơ, từ bơ sinh ra đề hồ. Như vậy tánh từ sữa đặc ấy từ sữa tươi sinh ra hay tự nó sinh ra, hay từ cái khác sinh ra? Cho đến đề hồ cũng như vậy. Nếu từ cái khác sinh ra tức từ cái khác tạo thành chẳng phải do sữa sinh. Nếu chẳng phải do sữa sinh thì sữa trở thành vô dụng. Nếu tự nó sinh ra thì lẽ ra không tiếp nối mà sinh. Nếu tương tục sinh ra thì không thể cùng sinh. Nếu chẳng cùng sinh thì năm vị không cùng một lúc. Dù không có đồng một lúc nhưng chắc chắn không phải từ chỗ khác sinh ra. Phải biết trong sữa tươi trước đã có tướng của sữa đặc, vì nhiều vị ngọt nên không thể tự biến, cho đến đề hồ cũng như vậy. Do nhân duyên bò cái ăn cỏ, uống nước, tiêu hóa, đi vào huyếtmạch tạo thành sữa. Nếu ăn cỏ ngọt thì sữa có vị ngọt. Nếu ăn vị đắng thì sữa có vị đắng. Ở núi Tuyết có loại cỏ tên là phì nị. Nếu bò cái ăn cỏ này thì được thuần chất đề hồ, không có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Do nhân duyên ăn cỏ lúa mà sữa bò có màu vị khác nhau. Cũng vậy, do nhân duyên minh và vô minh của chúng sinh nên sinh ra hai tướng. Nếu vô minh chuyển thì biến thành minh. Tất cả các pháp thiện, ác v.v… cũng vậy, không có hai tướng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, trong sữa tươi có sữa đặc, nghĩa ấy như thế nào? Bạch Thế Tôn! Nếu nói trong sữa tươi quyết định có sữa đặc, vì vi tế quá nên không thấy được thì tại sao nói từ nhân duyên sữa tươi sinh ra sữa đặc? Nếu nói pháp vốn không mới gọi là sinh, như nó đã có sao gọi là sinh? Nếu nói trong sữa tươi chắc chắn có sữa đặc thì trong trăm loại cỏ cũng có sữa thì trong sữa ấy đáng lẽ cũng có cỏ. Nếu nói trong sữa tươi chắc chắn không có sữa đặc thì tại sao do sữa tươi mà sinh ra sữa đặc? Nếu pháp trước không mà pháp sau có thì tại sao trong sữa lại không sinh ra cỏ?

–Này thiện nam! Không thể quyết định nói trong sữa tươi có sữa đặc hay nói trong sữa tươi không có sữa đặc, cũng không thể nói do cái khác sinh ra. Nếu nói trong sữa tươi chắc chắn có sữa đặc thì tại sao thể vị của nó lại khác nhau? Cho nên không thể nói trong sữa tươi chắc chắn có tánh của sữa đặc. Nếu nói trong sữa tươi chắc chắn không có sữa đặc thì tại sao do sữa tươi không sinh sừng thỏ mà bỏ độc vào trong sữa tươi thì sữa đặc giết chết người. Cho nên không thể nói trong sữa tươi chắc chắn không có tánh của sữa đặc. Nếu nói sữa đặc do tánh khác sinh ra thì tại sao trong nước không sinh ra sữa đặc. Cho nên không thể nói sữa đặc do thứ khác sinh ra. Này thiện nam! Do nhân duyên bò cái ăn cỏ tiêu hóa biến thành huyết, huyết biến ra trắng. Cỏ, huyết tiêu hóa rồi do phước lực của chúng sinh mà biến thành sữa. Sữa ấy tuy từ cỏ, huyết sinh ra nhưng không thể nói là hai thứ, chỉ gọi là từ nhân duyên sinh ra. Sữa đặc cho đến đề hồ cũng như vậy. Vì ý nghĩa nên gọi mùi vị của sữa bò. Sữa tươi biến thành sữa đặc là do những nhân duyên gì? Do hâm nóng hoặc lên men cho nên gọi là từ nhân duyên mà có, cho đến đề hồ cũng như vậy, nên không thể quyết định nói trong sữa tươi chắc chắn không có tướng của sữa đặc. Nếu từ thứ khác sinh ra, tức là lìa sữa tươi mà có thì không có lẽ ấy. Này thiện nam! Minh và vô minh cũng vậy. Nếu cùng với phiền não và kiết sử tương ứng thì gọi là vô minh. Nếu cùng với các pháp thiện tương ứng thì gọi là minh. Cho nên Ta nói không có hai tướng. Do nhân duyên này, trước đây Ta đã nói ở núi Tuyết có thứ cỏ tên là phì nị. Nếu bò cái ăn cỏ này thì sữa biến thành đề hồ. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam! Chúng sinh phước mỏng không thấy được cỏ này. Cũng vậy, Phật tánh bị phiền não che lấp nên chúng sinh không thể thấy được. Ví như nước trong biển cả đồng một vị mặn. Trong ấy cũng có nước thượng diệu, vị của nó giống như sữa tươi. Ví như núi Tuyết sinh ra nhiều thứ thuốc thành tựu đủ thứ công đức nhưng cũng có cỏ độc. Cũng vậy, thân của chúng sinh tuy có rắn độc bốn đại nhưng trong đó cũng có thuốc hay là Phật tánh. Phật tánh không phải là pháp tạo ra nhưng bị khách trần phiền não che lấp. Nếu Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà có thể diệt trừ nó thì thấy được Phật tánh, thành đạo vô thượng. Ví như giữa hư không, mây giăng, sấm nổi thì trên ngà của con voi đều sinh bông. Nếu sấm không có sấm vang lên thì bông không sinh, cũng không có tên gọi. Cũng vậy, Phật tánh của chúng sinh thường bị tất cả phiền não che lấp nên không thể thấy được. Vì vậy Ta nói chúng sinh không có ngã. Nếu người được nghe kinh Đại Bát Niết Bàn thâm diệu này thì thấy được Phật tánh giống như bông trên ngà voi. Dù nghe tất cả kinh Tam-muội của Khế kinh mà không nghe kinh này thì người ấy không biết được tướng vi diệu của Như Lai, giống như lúc không có sấm thì không thấy được bông trên ngà voi. Nghe kinh này rồi thì biết được tất cả Phật tánh tạng bí mật mà Như Lai đã nói. Ví như trời nổi sấm thì thấy bông trên ngà voi. Người nghe kinh này rồi thì biết được vô lượng chúng sinh đều có Phật tánh. Vì nghĩa đó nên nói kinh Đại Niết-bàn là tạng bí mật của Như Lai, tăng trưởng pháp thân giống như khi có sấm thì có bông trên ngà voi. Vì có thể tăng thêm ý nghĩa lớn như thế nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu thiện nam, thiện nữ có thể tu tập kinh Đại Niết-bàn vi diệu này thì nên biết người ấy có thể báo được ân Phật, là đệ tử chân chánh của Phật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Thế Tôn đã nói Phật tánh thâm diệu, khó thấy khó vào. Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng không thể biết được.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng như lời ông đã khen ngợi, không trái lời dạy của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Phật tánh thâm diệu khó thấy khó vào? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như trăm người vì chữa trị mắt nên tìm đến lương y. Khi ấy lương y dùng kim vàng lột màng mắt cho họ, lột xong đưa một ngón tay lên hỏi: “Thấy không?”. Người mù trả lời: “Tôi vẫn chưa thấy”. Lương y lại đưa hai ngón, ba ngón. Người mù lại nói: “Thấy lờ mờ”.

Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này, khi Như Lai chưa nói cũng như vậy. Vô lượng Bồ-tát tuy đã đủ hạnh Ba-la-mật cho đến bậc Thập trụ còn chưa có thể thấy được Phật tánh. Như Lai nói xong họ mới thấy được chút ít. Đại Bồ-tát này thấy rồi mới nói: “Bạch Thế Tôn! Kỳ lạ thay! Chúng con đã lưu chuyển chịu vô lượng sinh tử, thường bị vô ngã làm mê hoặc”.

Này thiện nam! Bồ-tát đạt đến quả vị Thập địa còn chưa biết rõ Phật tánh, huống chi là Thanh văn, Duyên giác mà có thể thấy được. Này thiện nam! Ví như có người nhìn chim nhạn, chim ngỗng trên hư không, khi thì thấy nhạn, khi thì thấy hư không, nhìn kỹ không thôi mới thấy lờ mờ. Bồ-tát Thập trụ đối với tánh Như Lai biết được chút ít cũng như vậy. Huống chi là hàng Thanh văn, Duyên giác mà có thể biết được. Này thiện nam! Ví như say rượu, đi trên đường chỉ thấy lờ mờ. Bồ-tát Thập trụ đối với tánh Như Lai thấy biết được chút ít cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người khát nước đi bộ trên đồng trống bị cơn khát bức bách, đi tìm nước thấy có rừng cây. Trên cây có con hạc trắng, người đó mê muội không phân biệt được là cây hay là nước, quan sát kỹ không thôi mới thấy hạc trắng và rừng cây. Này thiện nam! Bồ-tát Thập trụ đối với tánh Như Lai thấy biết được chút ít cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người ở trong biển cả, cách xa vô lượng trăm ngàn do-tuần, từ xa nhìn thấy chiếc thuyền lớn, lầu gác, nhà cửa ở ngoài khơi liền nghĩ: “Đó là lầu gác hay là hư không”, nhìn kỹ mới biết đó là chiếc thuyền. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân, thấy biết tánh Như Lai cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như vương tử, thân rất yếu đuối, dạo chơi suốt đêm. Đến sáng hôm sau mắt nhìn tất cả không được rõ ràng. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân thấy tánh Như Lai không rõ ràng lắm, cũng giống như vậy. Này thiện nam! Ví như quan lại vì việc của triều đình, buộc phải làm suốt đêm, mới trở về nhà chớp nhoáng thấy một bầy trâu liền nghĩ: “Đó là bầy trâu, hay là đám mây, hay là dãy nhà”. Nhìn lâu người đó tưởng là trâu nhưng không quyết định chắc chắn. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân thấy tánh Như Lai chưa chắc chắn cũng giống như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Như Tỳ-kheo trì giới nhìn nước không trùng mà thấy tướng trùng, liền nghĩ: “Cái cựa quậy trong đó là trùng hay là bụi?”. Nhìn lâu mới biết là bụi, tuy biết là bụi nhưng cũng không rõ ràng lắm. Bồ-tát Thập trụ tự thân thấy tánh Như Lai cũng như vậy, không rõ ràng lắm. Này thiện nam! Ví như có người ở trong bóng tối, từ xa thấy đứa trẻ, liền nghĩ: “Đó là bò, chim, hay là người?”. Nhìn lâu, dù người ấy nhận biết là người nhưng cũng không rõ ràng lắm. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân thấy tánh Như Lai không rõ ràng lắm cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như có người ở trong đêm tối thấy tượng Bồ-tát liền nghĩ: “Đây là tượng Bồ-tát hay tượng trời Tự Tại, hay là tượng trời Đại Phạm mặc áo nhuộm?”. Nhìn lâu, người ấy nghĩ đó là tượng Bồ-tát nhưng không rõ ràng. Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân phân biệt thấy tánh Như Lai cũng như vậy, không được rõ ràng lắm. Này thiện nam! Phật tánh ấy sâu xa khó thấy biết được như thế, chỉ có Phật mới có năng lực biết được. Hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Này thiện nam! Người trí nên quan sát như vậy để phân biệt rõ tánh Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh vi tế khó thấy biết như vậy thì làm sao mắt thịt có thể thấy được?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như trời Phi tưởng, phi phi tưởng kia cũng chẳng phải là đối tượng mà hàng Nhị thừa có thể biết được, chỉ tùy thuận theo Khế kinh do tin mà biết được. Này thiện nam! Hàng Thanh văn, Duyên giác tin theo kinh Đại Niết-bàn ấy, tự biết thân mình có tánh Như Lai cũng như vậy. Này thiện nam! Vì thế, các ông phải siêng năng tu tập kinh Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Phật tánh như vậy chỉ có Phật mới biết được, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hàng phàm phu không phải là bậc Thánh, có tánh chúng sinh đều nói có ngã.

Đức Phật dạy:

–Ví như hai người bạn thân. Một người là vương tử. Một người là dân nghèo. Hai người này thường gặp gỡ nhau. Lúc đó người nghèo thấy vương tử có một con dao tốt đẹp bậc nhất thì trong lòng rất ham muốn. Sau đó, vương tử mang dao trốn sang nước khác. Thời gian sau, một hôm người nghèo ở nhà người khác. Trong lúc mớ ngủ nói: “Con dao, con dao”. Người bên cạnh nghe rồi, bắt giải đến chỗ vua. Vua hỏi: “Ngươi nói con dao, vậy ngươi được nó ở đâu?”. Người ấy kể đủ sự việc trước đây, rồi nói: “Giả sử nay nhà vua giết, xẻo thân của thần, cắt rời tay chân, muốn tìm con dao cũng không thể được. Thần và vương tử vốn là bạn thân, trước ở một chỗ, tuy mắt từng nhìn thấy nhưng thậm chí còn không dám chạm tay đến con dao, huống chi là cố ý lấy”. Nhà vua bảo: “Lúc nhà ngươi thấy con dao thì hình dáng của nó giống cái gì?”. Đáp: “Tâu đại vương! Thần thấy con dao giống sừng con dê”. Vua nghe rồi cả cười bảo: “Nay ngươi tùy ý đi đâu thì đi, chớ có lo sợ. Trong kho của ta hoàn toàn không có con dao như thế, huống chi là nhà ngươi thấy con dao đó ở bên vương tử”. Lúc đó vua hỏi các quần thần: “Các khanh có từng thấy con dao đó không?”. Nói xong vua băng hà. Ngay lúc đó quần thần lập một vương tử khác lên kế vị. Tân vương lại hỏi quần thần: “Các khanh đã từng thấy con dao ấy ở trong công khố không?”. Quần thần đáp: “Chúng thần đã thấy”. Hỏi: “Hình dáng nó như thế nào?”. Đáp: “Tâu đại vương! Giống sừng con dê đực”. Vua nói: “Trong công khố của ta, ở chỗ nào có con dao hình dạng như thế?”. Lần lượt, cho đến ông vua thứ tư tra tìm con dao ấy cũng không được. Thời gian sau vương tử lại trở về nước mình, được tôn lên làm vua. Nhà vua lại hỏi các quan: “Các khanh có thấy con dao không?”. Các quan trả lời: “Tâu đại vương! Chúng thần đều thấy”. Nhà vua hỏi tiếp: “Hình dáng của nó giống cái gì?”. Đáp: “Tâu đại vương! Hình dáng của con dao trong sáng giống như hoa sen xanh. Có người nói hình dáng của nó giống sừng dê con. Có người nói con dao màu đỏ như lửa. Có người nói con dao đen tuyền như rắn đen”. Nhà vua cười to bảo: “Các khanh không thấy được chính xác hình dáng con dao của ta”. Này thiện nam! Cũng vậy, Đại Bồ-tát xuất hiện ở đời nói tướng chân thật của ngã, nói rồi bỏ pháp, giống như vương tử đem con dao đẹp đến nước khác. Người ngu cho rằng tất cả đều có ngã, có ngã giống như người nghèo kia ngủ nhờ nhà người khác, nói “Con dao, con dao”. Hàng Thanh văn, Duyên giác hỏi các chúng sinh: “Tướng của ngã thế nào?”. Chúng sinh đáp: “Tôi thấy tướng của ngã giống như ngón tay cái, hoặc nói như hạt gạo, hoặc nó giống hạt cỏ, hoặc có người nói tướng ngã ở trong tâm rực rỡ như mặt trời”. Chúng sinh đó không biết tướng ngã, giống như các quan không biết hình dáng của con dao. Bồ-tát nói tướng của ngã như vậy. Hàng phàm phu không biết, vọng tưởng sinh ra phân biệt đủ các tướng của ngã. Như hỏi hình dáng của con dao thì đáp giống sừng dê. Các phàm phu ấy lần lượt tương tục sinh ra các tà kiến. Vì muốn đoạn các tà kiến ấy nên Như Lai thị hiện nói tướng vô ngã, giống như vương tử nói với các quan trong kho của ta không có con dao này. Thiện nam! Ngày nay Như Lai nói chân ngã là Phật tánh. Phật tánh ở trong giáo pháp của ta giống như con dao tốt, đẹp. Này thiện nam! Phàm phu nào có thể nói đúng tức là tùy thuận giáo pháp vô thượng. Nếu người có thể phân biệt tùy thuận giảng nói như vậy thì nên biết người ấy chính là Bồ-tát. Này thiện nam! Bao nhiêu dị luận, ngôn ngữ, chú thuật, văn tự đều là Phật nói, không phải là ngoại đạo nói.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai nói căn bản văn tự như thế nào? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ban đầu Như Lai nói nửa chữ để làm căn bản, ghi nhận thật pháp như ký luận, chú thuật, văn chương, các âm. Hàng phàm phu học căn bản của chữ này, sau đó mới biết là pháp hay phi pháp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cái gọi là chữ, nghĩa ấy như thế nào?

–Này thiện nam! Có mười bốn âm gọi là nghĩa của chữ. Chữ ấy là Niết-bàn, thường không lưu chuyển. Nếu không lưu chuyển thì là vô tận. Vô tận là thân kim cang của Như Lai. Mười bốn âm là căn bản của chữ:

Chữ Á là không phá hoại, không phá hoại gọi là Tam bảo, giống như kim cang. Chữ Á không lưu chuyển, không lưu chuyển tức là Như Lai. Vì cửu khiếu của Như Lai không bài tiết cho nên không lưu chuyển, không lưu chuyển tức là thường, thường tức là Như Lai, Như Lai không tạo tác nên không lưu chuyển. Lại nữa, chữ Á là công đức, công đức là Tam bảo nên gọi là Á.

Chữ A là A-xà-lê. Nghĩa A-xà-lê là gì? Ở trong thế gian gọi là bậc Thánh. Thế nào gọi là bậc Thánh? Thánh gọi là vô trước, thiểu dục tri túc, cũng gọi là thanh tịnh, có thể độ thoát chúng sinh ở ba cõi đang bị lưu chuyển trong biển lớn sinh tử, đó gọi là Thánh. Lại nữa, chữ A gọi là chế độ, là tu trì tịnh giới, tùy thuận oai nghi. Chữ A gọi là nương Thánh nhân để học oai nghi, đi đứng, cử động cúng dường, cung kính, lễ bái Tam bảo, hiếu dưỡng cha mẹ và học Đại thừa. Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì đầy đủ giới cấm và các Đại Bồ-tát thì gọi là Thánh nhân, cho nên gọi là chữ A. Chữ Ức là Phật tánh, phạm hạnh rộng lớn, thanh tịnh không nhơ, giống như trăng rằm. Các ông nên làm như vậy và không nên làm như vậy, đúng nghĩa, không đúng nghĩa, đây là lời Phật dạy, đây là lời ma nói. Đó gọi là Ức.

Chữ Y là pháp Phật vi diệu, sâu xa, khó được, như trời Tự Tại, trời Đại Tự Tại. Pháp gọi là tự tại. Nếu có thể giữ gìn pháp gọi là hộ pháp. Lại nói, Tự Tại là Tứ thiên vương hộ đời. Bốn vị Tự Tại này có thể giữ gìn kinh Đại Niết-bàn, cũng có thể tự diễn bày tuyên thuyết.

Lại chữ Y có thể tự tại thuyết pháp cho chúng sinh. Lại chữ Y vì là tự tại nên nói những pháp nào? Đó là kinh điển tu tập Phương Đẳng. Lại nữa, chữ Y là đoạn trừ ganh ghét như dẹp sạch cỏ rác ô uế, có thể biến thành cỏ cát tường, nên gọi là Y.

Chữ Úc ở trong kinh là tối thượng, tối thắng, tăng trưởng cao tột, gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, chữ Úc là tánh Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác chưa từng được nghe, như tất cả cõi nước ở phương Bắc, Uất-đơn-việt là tối thắng nhất. Nếu

Bồ-tát có thể lắng nghe, thọ trì kinh này gọi là tối thượng, tối thắng, vì vậy gọi là Úc.

Chữ Ưu dụ như sữa bò, là vị ngon tối thượng nhất trong các vị ngon. Cũng vậy, tánh Như Lai ở trong các kinh là tối tôn tối thượng. Nếu có người phỉ báng thì nên biết người ấy cùng với bò không khác. Chữ Ưu gọi là người không có trí tuệ chánh niệm, phỉ báng tạng bí mật vi diệu của Như Lai, nên biết người đó rất đáng thương xót, xa lìa tạng bí mật của Như Lai mà nói pháp vô ngã nên gọi là Ưu.

Chữ Yên tức là pháp tánh Niết-bàn của chư Phật nên gọi là Yên.

Chữ Dã nghĩa là Như Lai tiến, dừng, co, duỗi, chuyển động đều tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên gọi là Dã.

Chữ Ô nghĩa là phiền não. Phiền não là các lậu. Như Lai hoàn toàn đoạn tuyệt tất cả phiền não, nên gọi là Ô.

Chữ Pháo nghĩa là Đại thừa, đối với mười bốn âm đó là nghĩa cứu cánh. Các kinh điển Đại thừa cũng như vậy, đối với các kinh là tối thượng cứu cánh, cho nên gọi là Pháo.

Chữ Am có thể ngăn chặn tất cả các vật bất tịnh. Ở trong pháp Phật có thể xả bỏ tất cả vàng, bạc, châu báu nên gọi là Am.

Chữ A nghĩa là thừa thù thắng. Vì sao? Vì kinh Đại Niết-bàn này là tối thắng nhất trong các kinh, nên gọi là A.

Chữ Ca là đối với tất cả chúng sinh khởi tâm đại từ bi, tưởng như con ruột, như La-hầu-la, làm những việc nghĩa tốt lành nhất, nên gọi là Ca.

Chữ Khư gọi là chẳng phải bạn tốt. Không phải bạn tốt nên gọi là tạp uế. Không tin tạng bí mật của Như Lai nên gọi là Khư.

Chữ Già gọi là tạng. Tạng tức là tạng bí mật của Như Lai. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nên gọi là Già.

Chữ Hằng là thường tâm của Như Lai. Vì sao gọi là thường tâm của Như Lai? Nghĩa là Như Lai thường trụ không thay đổi, cho nên gọi là Hằng.

Chữ Nga là tướng phá hoại của tất cả các hành, cho nên gọi là Nga.

Chữ Giá nghĩa là tu, vì điều phục tất cả chúng sinh nên gọi là tu.

Vì thế gọi là Giá.

Chữ Xa là Như Lai che chở tất cả chúng sinh như lọng lớn, nên gọi là Xa.

Chữ Xà là tánh giải thoát, vì không có tướng già nên gọi là Xà. Chữ Thiện là phiền não um tùm như rừng rậm nên gọi là Thiện. Chữ Nhã nghĩa là trí tuệ, vì biết rõ pháp chân như nên gọi là

Nhã.

Chữ Tra là ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện nửa thân mà thuyết pháp

như bán nguyệt, nên gọi là Tra.

Chữ Sá là đầy đủ pháp thân giống như trăng tròn, nên gọi là Sá.

Chữ Trà là tăng ngu si, không biết thường, vô thường dụ như trẻ con nên gọi là Trà.

Chữ Tổ là không biết ân sư, giống như dê đực, nên gọi là Tổ.

Chữ Noa là chẳng phải nghĩa Thánh, dụ như ngoại đạo, nên gọi là Noa.

Chữ Đa là lúc Như Lai bảo các Tỳ-kheo: "Nên xa lìa sự kinh sợ, Ta sẽ vì các ông thuyết pháp vi diệu", nên gọi là Đa.

Chữ Tha nghĩa là ngu si. Chúng sinh lưu chuyển sinh tử bị ràng buộc như tằm làm kén, nên gọi là Tha.

Chữ Đà là bố thí lớn, đó là Đại thừa nên gọi là Đà.

Chữ Đạn là khen ngợi công đức. Nghĩa là Tam bảo như núi Tu-di rộng lớn, cao ngất, không có nghiêng ngả, nên gọi là Đạn

Chữ Na là an trụ Tam bảo không bị lay động dụ như then cửa, nên gọi là Na.

Chữ Ba nghĩa là điên đảo. Như nói Tam bảo đều diệt tận thì nên biết người này tự nghi ngờ, mê hoặc nên gọi là Ba.

Chữ Phả là tai họa ở thế gian. Nếu nói lúc tai họa sinh ở thế gian, Tam bảo cũng diệt tận, thì nên biết người này ngu si, vô trí, trái với ý chỉ của bậc Thánh, nên gọi là Phả.

Chữ Bà là mười trí lực của Phật, nên gọi là Bà.

Chữ Phạm là có thể gánh vác gánh nặng chánh pháp vô thượng.

Nên biết người đó là Đại Bồ-tát, nên gọi là Phạm.

Chữ Ma là phép tắc trang nghiêm của các Bồ-tát ở khắp mọi nơi, vì các chúng sinh mà nói pháp Đại thừa, nên gọi là Ma.

Chữ Xà là các Bồ-tát ở khắp mọi nơi vì các chúng sinh mà nói pháp Đại thừa, nên gọi là Xà.

Chữ Ra là có thể nói pháp chân thật, hủy hoại tham dục, sân hận, ngu si nên gọi là Ra.

Chữ La là thừa Thanh văn, chuyển động không ngừng, Đại thừa kiên cố không bị lay động. Bỏ thừa Thanh văn tinh tấn tu tập Đại thừa vô thượng nên gọi là La.

Chữ Hòa là Đức Như Lai Thế Tôn vì các chúng sinh mà mưa pháp lớn, đó là những chú thuật, kinh sách ở thế gian nên gọi là Hòa.

Chữ Xa là xa lìa ba mũi tên độc, nên gọi là Xa.

Chữ Sa nghĩa là đầy đủ, vì có thể nghe kinh Đại Niết-bàn này tức là đã được nghe và thọ trì tất cả kinh điển Đại thừa nên gọi là Sa.

Chữ Ta là vì tất cả chúng sinh diễn nói chánh pháp làm cho họ vui mừng, nên gọi là Ta.

Chữ Ha là tâm hoan hỷ: Kỳ lạ thay! Thế Tôn lìa tất cả hành.

Quái lạ thay! Như Lai nhập Niết-bàn, nên gọi là Ha.

Chữ Trà nghĩa là ma. Vô lượng ma không thể phá hoại tạng bí mật của Như Lai, nên gọi là Trà. Lại nữa, chữ Trà là thị hiện tùy thuận thế gian như thị hiện cha mẹ, vợ, con, nên gọi là Trà.

Lỗ, Lưu, Lư, Lâu, bốn chữ này giảng nói có bốn nghĩa là Phật, Pháp, Tăng và Đối pháp. Nói đối pháp là tùy thuận thế gian như Đề- bà-đạt thị hiện phá Tăng, hóa làm đủ thứ hình tướng, do đó Phật chế giới. Nếu người trí hiểu rõ thì không nên đối với sự việc ấy mà sinh sợ hãi. Đó là hạnh tùy thuận thế gian, nên gọi là Lỗ, Lưu, Lư, Lâu.

Hít vào thì lưỡi tùy theo tiếng của lỗ mũi; dài, ngắn tùy theo âm thanh nhưng giải nghĩa đều do lưỡi, răng mà có sai khác. Nghĩa của chữ này có thể làm thanh tịnh khẩu nghiệp của chúng sinh. Phật tánh của chúng sinh thì không như thế mà nhờ văn tự sau đó được thanh tịnh. Vì sao? Vì tánh vốn thanh tịnh. Tuy ở trong ấm, giới, nhập nhưng không đồng ở trong ấm, giới, nhập. Cho nên chúng sinh phải quay về nương tựa. Các Bồ-tát do Phật tánh nên bình đẳng xem chúng sinh không có sai khác. Cho nên nửa chữ làm căn bản cho kinh sách, ký luận, văn chương. Lại nữa, nghĩa của nửa chữ đều là gốc của lời nói phiền não, nên gọi là nửa chữ. Chữ đầy đủ mới là căn bản lời nói của tất cả pháp thiện. Ví như người làm ác thì trong thế gian gọi là nửa người. Người tu thiện gọi là một người đầy đủ. Tất cả kinh sách đều do nửa chữ làm căn bản. Nếu nói Như Lai và chánh giải thoát nhập vào trong nửa chữ, thì sự việc này không đúng. Vì sao? Vì xa lìa văn tự. Cho nên Như Lai đối với tất cả các pháp đều không ngăn ngại, không đắm trước, chân thật giải thoát. Thế nào là hiểu rõ nghĩa của chữ? Biết Như Lai xuất hiện ở đời có thể diệt nửa chữ, nên gọi là hiểu nghĩa chữ. Nếu người nào chạy theo nghĩa của nửa chữ thì người đó không biết tánh của Như Lai. Vì sao gọi là nghĩa không chữ? Đó là gần gũi tu hành pháp bất pháp thiện. Lại không chữ là tuy có thể gần gũi tu tập pháp thiện nhưng không biết Như Lai là thường hay vô thường, hằng hay chẳng phải hằng và hai ngôi báu Pháp cùng Tăng, luật cùng phi luật, kinh cùng chẳng phải kinh, lời ma, lời Phật. Nếu không thể phân biệt như vậy thì gọi là tùy theo nghĩa không chữ. Nay Ta đã nói như thế là tùy theo nghĩa không chữ. Này thiện nam! Vì vậy, ông nên lìa nửa chữ, khéo hiểu rõ nghĩa đầy đủ.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ khéo học chữ số. Nay chúng con mới thật sự được gặp bậc thầy vô thượng, đã lãnh thọ sự ân cần chỉ dạy của Như Lai.

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Người mến mộ chánh pháp nên học như

vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Có hai giống chim: một là Ca-lân-đề, hai là

Uyên ương. Hai giống chim này, lúc bay, lúc đậu đều bên nhau, không tách rời. Các pháp khổ, vô thường, vô ngã cũng vậy, không rời nhau.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là các pháp khổ, vô thường, vô ngã như chim Uyên ương và chim Ca-lân-đề?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp thường khác, pháp vô thường khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác. Ví như lúa gạo khác mè, lúa tẻ; mè khác với đậu, mía. Các thứ ấy từ lúc nảy mầm cho đến lúc trổ lá đơm hoa đều vô thường, đến lúc hạt chín để người thọ dụng mới gọi là thường. Vì sao? Vì tánh chân thật vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các vật như vậy nếu là thường thì đồng với Như Lai chăng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông không nên nói như vậy. Vì sao? Nếu nói Như Lai như núi Tu-di thì vào thời kiếp hoại, núi Tu-di sụt lở, lúc ấy Như Lai lẽ nào lại cùng tan hoại sao? Này thiện nam! Nay ông không nên ghi nhận nghĩa này. Thiện nam, tất cả các pháp chỉ trừ Niết-bàn, không có một pháp nào là thường, chỉ theo sự thật thế gian mà nói thì nó là thường.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Phật dạy. Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Tuy tu tập tất cả khế kinh, các định nhưng chưa nghe kinh Đại Niết-bàn này, thì đều cho rằng tất cả là vô thường. Khi nghe kinh này rồi thì tuy có phiền não cũng như không có phiền não, có thể tạo lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tánh, nên gọi là thường.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như cây xoài bắt đầu trổ hoa, gọi là tướng vô thường, đến lúc kết trái, có nhiều lợi ích gọi là thường. Như vậy, này thiện nam! Tuy tu tất cả khế kinh, các định, nhưng chưa nghe kinh Đại Niết-bàn này thì đều cho rằng tất cả vô thường. Khi nghe kinh này rồi thì tuy có phiền não cũng như không có phiền não, có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tánh, nên gọi là thường.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như lúc đang nấu chảy vàng ròng là tướng vô thường. Nấu xong, tạo thành vàng có nhiều lợi ích nên gọi là thường. Như vậy, này thiện nam! Tuy tu tập tất cả khế kinh, các định nhưng chưa nghe kinh Đại Niết-bàn này thì đều cho rằng tất cả là vô thường. Khi nghe kinh này rồi thì tuy có phiền não cũng như không có phiền não, có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tánh, nên gọi là thường.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như mè, khi chưa ép gọi là vô thường, đã ép thành dầu có nhiều lợi ích mới gọi là thường. Như vậy, này thiện nam! Tuy tu tất cả khế kinh, các định, nhưng chưa nghe kinh Đại Niết-bàn này thì đều cho rằng tất cả là vô thường. Khi nghe kinh này rồi thì tuy có phiền não cũng như không có phiền não, có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tánh, nên gọi là thường.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như các dòng nước đều chảy về biển cả. Tất cả các khế kinh, các định, các Tam-muội đều quy về kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa. Vì sao? Vì rốt ráo khéo nói chúng sinh đều có Phật tánh. Này thiện nam! Vì thế, Ta nói pháp thường khác, pháp vô thường khác cho đến pháp vô ngã cũng như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai đã xa lìa mũi tên độc ưu sầu. Nếu ưu sầu gọi là trời thì Như Lai không phải là trời, nếu ưu sầu gọi là người thì Như Lai không gọi là người, nếu ưu sầu gọi là hai mươi lăm cõi thì Như Lai không phải là hai mươi lăm cõi. Vì vậy, Như Lai không có ưu sầu. Vì sao gọi Như Lai ưu sầu? Này thiện nam! Trời Vô tưởng gọi là vô tưởng. Nếu vô tưởng thì không có thọ mạng. Nếu không có thọ mạng thì sao gọi là ấm, giới, nhập? Vì nghĩa này nên nói tuổi thọ của trời Vô tưởng không thể nói có chỗ trụ. Này thiện nam! Ví như các thần cây nương cây để ở, không chắc chắn nói nương nơi cành, nương nhánh, nương thân hay nương lá. Tuy không quyết định chỗ ở chắc chắn, cũng không thể nói là không. Tuổi thọ của trời Vô tưởng cũng vậy. Này thiện nam! Phật tánh cũng vậy, rất khó hiểu. Như Lai thật không ưu sầu, khổ não, vì khởi tâm đại từ bi đối với chúng sinh mới hiện ra ưu sầu, xem các chúng sinh như La-hầu-la. Lại nữa, này thiện nam! Tuổi thọ của trời Vô tưởng chỉ có Phật mới biết được, ngoài ra không ai biết được, cho đến trời Phi tưởng, phi phi tưởng xứ cũng như vậy. Này Ca-diếp! Tánh thanh tịnh, không nhiễm của

Như Lai giống như hóa thân thì đâu có ưu sầu, khổ não. Nếu cho rằng Như Lai không có ưu sầu thì làm sao tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, làm sao hoằng dương Pháp Phật? Nếu cho rằng không có ưu bi thì tại sao nói Như Lai xem chúng sinh như La-hầu-la? Nếu không bình đẳng xem như La- hầu-la thì nói như vậy là hư dối. Do nghĩa ấy, này thiện nam! Nên biết Phật không thể nghĩ bàn, Pháp không thể nghĩ bàn, Phật tánh của chúng sinh không thể nghĩ bàn, tuổi thọ của trời Vô tưởng không thể nghĩ bàn. Như Lai có ưu sầu hay không ưu sầu, đó là cảnh giới của Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Này thiện nam! Ví như nhà cửa, bụi trần không thể đứng vững giữa hư không, nhưng nếu nói nhà cửa không nhờ vào hư không mà đứng vững, thì không có lẽ ấy. Do nghĩa này mà không thể nói nhà trụ giữa hư không hay là không trụ giữa hư không. Hàng phàm phu tuy nói nhà trụ giữa hư không nhưng hư không thật ra không có chỗ trụ. Vì sao? Vì tánh không trụ. Này thiện nam! Tâm cũng như vậy, không thể nói trụ hoặc không trụ nơi ấm, giới, nhập. Tuổi thọ của trời Vô tưởng cũng như vậy. Như Lai ưu sầu cũng như vậy. Nếu không ưu sầu, tại sao Như Lai xem chúng sinh như La-hầu-la. Nếu cho rằng có ưu sầu thì tại sao nói tánh đồng với hư không. Này thiện nam! Ví như nhà ảo thuật tùy ý biến hóa ra vô số cung điện, giết chết, làm sống lại, trói buộc, thả ra và hóa ra vật báu, vàng, bạc, lưu ly, rừng cây, nhưng đều không có thật tánh. Cũng như vậy, Như Lai đang tùy thuận thế gian thị hiện ưu sầu nhưng không có thật. Này thiện nam! Như Lai nhập Niết-bàn rồi thì làm sao có ưu sầu, khổ não. Nếu cho rằng Như Lai nhập Niết-bàn là vô thường thì nên biết người đó có ưu sầu. Nếu cho rằng Như Lai nhập Niết-bàn mà thường trụ bất biến thì nên biết người đó không có ưu sầu. Như Lai có ưu sầu hay không có ưu sầu đều không thể biết được. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người bậc hạ có thể biết được pháp bậc hạ, nhưng không thể biết được pháp bậc trung, bậc thượng. Người bậc trung biết được pháp bậc trung, nhưng không thể biết được pháp bậc thượng. Người bậc thượng biết được pháp bậc thượng, bậc trung và bậc hạ. Cũng như vậy, Thanh văn, Duyên giác chỉ biết quả vị của mình. Còn Như Lai thì không như vậy, Như Lai biết quả vị của mình và các quả vị khác. Cho nên Như Lai được gọi là trí vô ngại. Như Lai tùy thuận thế gian mà thị hiện biến hóa, nhưng theo con mắt thịt của phàm phu cho đó là chân thật, mà muốn biết rõ trí vô thượng vô ngại của Như Lai thì không có lẽ đó. Có ưu sầu hay không có ưu sầu chỉ có Như Lai biết được. Do nhân duyên này mà Ta nói pháp có ngã khác pháp vô ngã. Đó chính là chim uyên ương và chim Ca-lân-đề. Lại nữa, này thiện nam! Pháp Phật ví như chim uyên ương và chim Ca-lân-đề cùng bay. Giữa mùa hè, nước dâng lên, chúng chọn chỗ an ổn trên vùng cao để làm tổ nuôi dưỡng chim con. Sau đó chốn cũ bình yên rồi thì quay trở về. Cũng vậy, Như Lai xuất thế giáo hóa vô lượng chúng sinh khiến trụ vào chánh pháp. Giống như chim uyên ương và chim Ca-lân-đề chọn chỗ an ổn trên cho chim con. Cũng vậy, Như Lai khiến cho chúng sinh tu hành viên mãn, liền nhập Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Đó là pháp khổ khác, pháp vui khác, các hành là khổ, Niết-bàn là vui, vì pháp vi diệu đệ nhất hủy hoại các hành.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật

–Bạch Thế Tôn! Làm sao chúng sinh được an vui đệ nhất? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như Ta đã nói, các hành hòa hợp là già chết.

Cẩn thận không buông lung
Đó gọi là cam lồ
Buông lung không cẩn thận
Gọi đó là chỗ chết
Nếu người không buông lung
Thì không vào cõi chết
Nếu như người buông lung
Luôn hướng đến đường chết.

Nếu buông lung là pháp hữu vi, pháp hữu vi đó là đệ nhất khổ. Không buông lung là Niết-bàn, Niết-bàn là cam lồ, vô cùng an vui. Nếu chạy theo các hành là đến chỗ chết, chịu khổ vô cùng. Nếu hướng đến Niết-bàn thì gọi là bất tử, hưởng an vui tột bực. Nếu không buông lung thì tuy theo các hành nhưng cũng gọi là thường lạc, bất tử, không phá hoại thân. Thế nào là buông lung? Thế nào là không buông lung? Phàm phu chẳng phải Thánh gọi là pháp buông lung thường chết. Thánh nhân xuất thế là không buông lung, không có già chết. Vì sao? Vì nhập Niết-bàn thường lạc đệ nhất. Do ý nghĩa đó nên nói pháp khác là khổ, pháp khác là vui, pháp khác là ngã, pháp khác là vô ngã. Này thiện nam! Như người ở dưới đất ngước xem trên bầu trời không thấy

dấu chân chim, chúng sinh cũng vậy, không có thiên nhãn, ở trong phiền não không tự thấy có tánh Như Lai. Vì vậy Ta nói mật giáo vô ngã. Vì sao? Vì người không có thiên nhãn không biết chân ngã nên chấp ngã, hữu vi do các phiền não tạo tác là vô thường. Vì vậy Ta nói pháp khác là thường, pháp khác là vô thường.

Người tinh tấn dũng mãnh
Nếu ở trên đỉnh núi
Đất bằng và đồng vắng
Thường thấy các phàm phu

Lên điện trí tuệ lớn
Đài vi diệu vô thượng
Đã tự trừ sầu lo
Cũng thấy chúng sinh lo.

Như Lai đoạn trừ hết vô lượng phiền não, trụ núi trí tuệ, thấy các chúng sinh thường ở trong vô lượng ức phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như nghĩa trong bài kệ đã nói là không đúng. Vì sao? Vì người nhập Niết-bàn thì không lo, không mừng. Sao gọi là lên điện, đài trí tuệ, lại sao gọi là đứng trên đỉnh núi mà nhìn chúng sinh?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Điện trí tuệ tức là Niết-bàn, không sầu lo gọi là Như Lai, có sầu lo gọi là phàm phu. Vì phàm phu lo sầu nên Như Lai không lo sầu. Đỉnh núi Tu-di gọi là chánh giải thoát. Siêng năng tinh tấn dụ như núi Tu-di không động chuyển. Đất là hành hữu vi. Các phàm phu ở nơi đất ấy, tạo tác các hành. Người có trí tuệ đó là chánh giác. Vì lìa hữu, thường trụ nên gọi là Như Lai.

Như Lai thương xót vô lượng chúng sinh thường bị trúng mũi tên độc nơi các cõi, cho nên gọi Như Lai có ưu phiền.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử Như Lai có lo sầu thì không thể gọi là Chánh Đẳng Giác.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Tất cả đều có nhân duyên, tùy theo chỗ có chúng sinh cần thọ sinh giáo hóa thì Như Lai ở trong đó thì hiện thọ sinh.

Tuy thị hiện thọ sinh mà không thật sinh. Cho nên Như Lai là pháp thường trụ như chim Ca-lân-đề và chim uyên ương.

◆

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN IX

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 6

Lại nữa, này thiện nam! Như có người thấy mặt trăng không xuất hiện cho rằng, mặt trăng đã mất, rồi khởi tưởng mất, nhưng tánh của mặt trăng này thật không mất, mà hiện qua phương khác. Các chúng sinh ở phương đó nói mặt trăng xuất hiện, mà tánh mặt trăng này thật không xuất hiện. Vì sao? Vì bị núi Tu-di ngăn che nên không xuất hiện. Mặt trăng kia thường mọc nhưng tánh không hiện, không ẩn. Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cũng như vậy, hiện ra nơi tam thiên đại thiên thế giới, hoặc ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện có cha, có mẹ. Chúng sinh đều cho rằng, Như Lai xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề, hoặc ở trong cõi Diêm-phù-đề mà thị hiện Niết-bàn, nhưng tánh Như Lai thật không có Niết-bàn, mà các chúng sinh đều cho rằng Như Lai thật có Niết-bàn như mặt trăng lặn.

Này thiện nam! Tánh của Như Lai thật không sinh diệt. Vì giáo hóa chúng sinh nên thị hiện sinh diệt. Thiện nam! Như ở phương này mặt trăng tròn, phương khác thấy mặt trăng khuyết. Ở phương này mặt trăng khuyết thì ở phương khác thấy mặt trăng tròn. Người ở cõi Diêm- phù-đề nếu thấy mặt trăng mới mọc đều cho rằng ngày mùng một là đầu tháng, thấy mặt trăng tròn cho là ngày rằm, sinh tưởng tròn đầy. Nhưng thật tánh của mặt trăng thật không có tròn, khuyết, do bị núi Tu-di ngăn che mà có tròn khuyết. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, ở cõi Diêm-phù-đề hoặc hiện mới sinh ra, hoặc hiện nhập Niết-bàn. Lúc mới sinh ra như mặt trăng đầu tháng, tất cả đều cho rằng Đồng tử mới sinh, đi bảy bước như mặt trăng ngày mồng hai, hoặc thị hiện đi vào học đường, như mặt trăng ngày mồng ba, thị hiện xuất gia, như mặt trăng ngày mồng tám, phóng ra ánh sáng trí tuệ lớn vi diệu có khả năng phá tan vô lượng các ma chúng sinh như mặt trăng tròn ngày rằm, hoặc thị hiện ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm mà hiện Niết-bàn giống như nguyệt thực. Như vậy sự thấy của chúng sinh không giống nhau, hoặc thấy mặt trăng khuyết, hoặc thấy mặt trăng tròn, hoặc thấy nguyệt thực, nhưng tánh của mặt trăng đó thật không thêm, bớt, ẩn mất, vẫn luôn là trăng tròn. Thân Như Lai cũng như vậy, nên gọi là thường trụ bất biến. Lại nữa, này thiện nam! Dụ như mặt trăng tròn chiếu sáng khắp nơi, như thành ấp, xóm làng, núi chằm, trong nước hoặc trong giếng, ao, bồn, chậu, tất cả đều hiện. Có người đi trăm do-tuần, trăm ngàn do-tuần vẫn thấy mặt trăng thường đi theo. Hàng phàm phu ngu muội vọng nhớ tưởng rằng: "Trước kia ở trong thành ấp nhà cửa, ta thấy mặt trăng như vậy, hôm nay lại thấy ở đầm trống này". Vì vậy cho rằng mặt trăng trước đây khác với mặt trăng này. Lại nghĩ rằng hình của mặt trăng lớn, nhỏ, hoặc nói như miệng chậu, hoặc nói lớn như bánh xe, hoặc nói rộng đến bốn mươi chín do-tuần. Tất cả đều thấy ánh sáng mặt trăng, hoặc thấy tròn như cái mâm vàng. Tánh của mặt trăng chỉ là một, mà chúng sinh thấy nhiều tướng khác nhau. Này thiện nam! Như Lai xuất hiện ở đời cũng vậy. Hoặc có hàng trời, người nghĩ như vầy: "Như Lai nay đang ở trước ta". Lại có chúng sinh cũng nghĩ thế này: "Như Lai nay đang ở trước ta". Hoặc người câm điếc cũng thấy Như Lai có tướng điếc câm. Chúng sinh đủ loại tiếng nói khác nhau, nhưng đều cho rằng tiếng của Như Lai đồng với tiếng nói của mình, cũng đều sinh ý nghĩ là ở nhà của ta, nhận sự cúng dường của ta. Hoặc có chúng sinh thấy thân Như Lai to lớn vô lượng, hoặc thấy bé nhỏ, hoặc thấy Phật là hình tượng Thanh văn, hoặc thấy là hình tượng Duyên giác. Có các ngoại đạo lại nghĩ: "Nay Như Lai xuất gia học đạo ở trong giáo pháp của ta". Hoặc có chúng sinh lại nghĩ:

“Nay Như Lai chỉ vì riêng ta nên xuất hiện ở đời”. Thật tánh của Như Lai giống như mặt trăng tức là pháp thân, là thân vô sinh, là thân phương tiện, tùy thuận thế gian thị hiện vô lượng nhân duyên bổn nghiệp. Ở khắp mọi nơi, thị hiện sinh ra giống như mặt trăng kia. Do nghĩa đó nên Như Lai thường trụ không biến đổi. Lại nữa, này thiện nam! Như A-tu-la vương La-hầu-la dùng tay che mặt trăng, người đời đều cho rằng mặt trăng bị nuốt. Nhưng A-tu-la vương thật không thể nuốt mà chỉ ngăn che ánh sáng mặt trăng. Mặt trăng tròn đó không bị khuyết, chỉ vì tay che cho nên mặt trăng không xuất hiện. Lúc A-tu-la rút tay lại thì thế gian cho rằng mặt trăng chịu nhiều khổ não. Giả sử có trăm ngàn A-tu-la vương cũng không thể làm khổ não được mặt trăng. Như Lai thị hiện cũng vậy. Có chúng sinh sinh tâm hung ác với Như Lai, làm thân Phật ra máu, tạo năm tội nghịch cho đến Nhất-xiển-đề. Vì các chúng sinh ở đời vị lai Như Lai cũng thị hiện phá Tăng, đoạn pháp để làm chướng ngại như vậy. Giả sử trăm ngàn vô lượng chúng ma, cũng không thể làm thân Phật ra máu. Vì sao? Vì thân Như Lai không có máu thịt, gân mạch, xương tủy. Như Lai chân thật, thật không có sự não hại. Chúng sinh đều cho rằng Pháp và Tăng bị hủy hoại thì Như Lai diệt tận, nhưng tánh của Như Lai chân thật không biến đổi, không bị hủy hoại, tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Như hai người đánh nhau, hoặc dùng dao, gậy làm tổn thương thân chảy máu, tuy đánh nhau đến chết mà không khởi tưởng giết nhau. Nghiệp như thế nhẹ mà không nặng. Đối với Như Lai vốn không có tâm giết hại, tuy làm thân Phật ra máu nhưng nghiệp ấy cũng vậy, nhẹ mà không nặng. Như vậy, vì giáo hóa chúng sinh ở đời vị lai nên Như Lai thị hiện có nghiệp báo. Lại nữa, này thiện nam! Như vị lương y đem những phương thuốc căn bản ân cần truyền dạy cho con: "Đây là thuốc gốc, đây là thuốc thân, đây là màu sắc của thuốc. Đủ các loại hình tướng đó con nên khéo biết". Người con vâng theo lời chỉ dạy của cha, siêng năng học tập, biết rõ các loại thuốc. Sau khi lương y hết tuổi thọ qua đời, người con gào khóc mà nói thế này: "Cha tôi dạy cho tôi thuốc gốc như vậy, màu sắc hình dáng như vậy. Như Lai cũng thế, vì giáo hóa chúng sinh mà lại thị hiện chế giới: Phải nên thọ trì như vậy, chớ có sai phạm, chớ tạo năm tội nghịch, hủy báng chánh pháp và làm Nhất-xiển-đề. Vì đời vị lai sinh ra những việc như vậy nên Như Lai thị hiện muốn khiến cho Tỳ-kheo sau khi Phật diệt độ biết như vậy. Đây là nghĩa sâu xa của khế kinh. Đây là tướng nặng, nhẹ của giới luật. Đây là luận phân biệt pháp cú, như người con của lương y. Lại nữa, này thiện nam! Như người sáu tháng thấy mặt trăng bị nuốt một lần nhưng trên chư Thiên thì trong một khoảnh khắc đã thấy mặt trăng bị nuốt. Vì sao? Vì ngày ở trên trời dài, ngày ở dưới nhân gian ngắn. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, hàng trời người đều cho Như Lai thọ mạng ngắn ngủi, như chư Thiên kia trong khoảnh khắc thấy mặt trăng bị nuốt. Như Lai trong một chốc lát thị hiện trăm ngàn vạn ức lần nhập Niết-bàn, đoạn ma phiền não, ma năm ấm, ma chết. Cho nên trăm ngàn vạn ức thiên ma đều biết Như Lai nhập Niết-bàn. Như Lai lại thị hiện vô lượng vô biên trăm ngàn nhân duyên nghiệp đời trước, vì tùy thuận vô lượng tánh của thế gian nên thị hiện vô lượng vô biên sự việc không thể nghĩ bàn như vậy. Vì thế Như Lai thường trụ không biến đổi. Lại nữa, này thiện nam! Ví như trăng sáng, chúng sinh ưa nhìn cho nên gọi “mặt trăng ưa nhìn”. Nếu chúng sinh có tham, sân, si thì không thể nói là “ưa nhìn”. Tánh của Như Lai cũng như thế, thuần thiện thanh tịnh, không cấu uế, thì rất đáng gọi là “ưa nhìn”. Chúng sinh thích chánh pháp nhìn Như Lai không nhàm chán. Người có tâm ác thì không muốn nhìn. Do nghĩa này nên nói Như Lai ví như trăng sáng. Lại nữa, này thiện nam! Giống như mặt trời mọc có ba thời gian khác nhau, đó là mùa xuân, mùa hạ và mùa đông. Ngày mùa đông thì ngắn, ngày mùa xuân thì trung bình và ngày mùa hạ thì rất dài. Như Lai cũng vậy, ở trong ba ngàn đại thiên thế giới này, thọ mạng ngắn nhất, vì các Thanh văn thị hiện thọ mạng cũng ngắn ngủi. Do thấy thời hạn đó nên nói Như Lai thọ mạng ngắn ngủi, giống như ngày mùa đông. Vì các Bồ-tát thị hiện thọ mạng trung bình cho đến một kiếp hay non một kiếp, giống như ngày mùa xuân. Chỉ có Phật mới thấy thọ mạng của Phật là vô lượng, giống như ngày mùa hạ. Này thiện nam! Giáo pháp Đại Thừa Phương Đẳng vi diệu bí mật mà Như Lai đã nói thị hiện ở thế gian, mưa xuống pháp lớn ở đời vị lai. Nếu người nào có thể giữ gìn thọ trì kinh điển này, mở bày, phân biệt làm lợi ích cho chúng sinh thì nên biết họ chính là Bồ-tát, giống như giữa mùa hạ trời mưa cam lồ. Nếu có hàng Thanh văn, Duyên giác nghe giáo pháp bí mật vi diệu của Như Lai thì giống như gặp sự giá buốt vào ngày mùa đông. Hàng Bồ-tát nếu nghe giáo pháp bí mật vi diệu là tánh thường trụ của Như Lai không biến đổi thì giống như cây nảy mầm vào mùa xuân. Tánh Như Lai thật không có dài ngắn, nhưng vì thế gian nên thị hiện như vậy, đó chính là pháp tánh chân thật của chư Phật. Lại nữa, này thiện nam! Ví như ban ngày các ngôi sao không hiện rõ, mọi người cho rằng sao ban ngày lặn mất nhưng kỳ thật không lặn mất. Sở dĩ không hiện là do ánh sáng mặt trời chiếu sáng. Như Lai cũng như vậy, hàng Thanh văn và Duyên giác không thể thấy được. Ví như người đời không thấy được sao ban ngày. Lại nữa, này thiện nam! Ví như lúc u ám, mặt trời, mặt trăng không xuất hiện. Người ngu cho rằng, mặt trời, mặt trăng lặn mất, nhưng thật ra mặt trời, mặt trăng không lặn mất. Khi chánh pháp của Như Lai diệt tận thì Tam bảo không còn, cũng lại như vậy, chẳng phải là hoàn toàn diệt hết. Cho nên phải biết Như Lai thường trụ không biến đổi. Vì sao? Vì tánh chân thật của Tam bảo không bị nhiễm ô bởi các trần cấu.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như đêm tối sao chổi hiện ra, ánh sáng của sao ấy rực lên rồi lặn mất. Chúng sinh thấy rồi cho là điềm chẳng lành. Hàng Phật-bích-chi ra đời không gặp Phật cũng như vậy. Chúng sinh thấy rồi đều cho rằng Như Lai thật đã diệt độ nên sinh buồn khổ, nhưng thân Như Lai thật không diệt độ như mặt trời, mặt trăng kia không lặn mất.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như mặt trời xuất hiện thì sương mù tan mất. Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này xuất hiện ở đời cũng như vậy. Nếu có chúng sinh nào nghe được kinh này một lần đều có thể diệt trừ các nghiệp ác, tội vô gián. Kinh Đại Niết-bàn này rất sâu xa, cảnh giới không thể nghĩ bàn, khéo nói tánh bí mật vi diệu của Như Lai. Vì nghĩa này nên thiện nam, thiện nữ đối với Như Lai nên sinh tâm thường trụ không biến đổi, do đó chánh pháp không đoạn, Tăng bảo không diệt. Cho nên người tu nhiều phương tiện, siêng học kinh này thì không bao lâu sẽ chứng được đạo quả Bồ-đề vô thượng. Vì vậy, kinh này gọi là thành tựu công đức vô lượng, cũng gọi là Bồ-đề không thể cùng tận. Do không cùng tận nên gọi là Đại Bát Niết Bàn có ánh sáng rực rỡ như mặt trời mùa hạ, thân vô biên nên gọi là Đại Niết-bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Như ánh sáng mặt trời, mặt trăng là hơn hết trong các ánh sáng. Tất cả các ánh sáng khác đều không thể bằng. Ánh sáng của Đại Niết-bàn cũng như vậy, đối với các ánh sáng Tam- muội, khế kinh là thù thắng nhất. Ánh sáng của các khế kinh, Tam- muội không thể bì kịp. Vì sao? Vì ánh sáng của Đại Niết-bàn có thể vào các lỗ chân lông của chúng sinh, chúng sinh tuy không có tâm Bồ-đề nhưng có thể làm nhân duyên cho Bồ-đề cho nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói ánh sáng của Đại Niết-bàn vào lỗ chân lông của tất cả chúng sinh. Chúng sinh tuy không có tâm Bồ-đề nhưng có thể làm nhân duyên cho Bồ-đề, nghĩa này không phải vậy. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì tuy người phạm bốn trọng giới, tạo tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề, nhưng ánh sáng ấy chiếu vào thân họ làm nhân Bồ-đề thì những người như vậy cùng với người trì giới thanh tịnh tu tập các pháp thiện có gì là sai khác? Nếu không sai khác thì cớ sao Đức Như Lai thuyết về nghĩa tứ Y?

Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy chúng sinh nào một lần được nghe kinh Đại Niết-bàn, đoạn trừ các phiền não thì vì sao Như Lai trước đã nói có người đối với hằng hà sa chư Phật đã phát tâm, nghe kinh Đại Niết-bàn mà không hiểu nghĩa? Nếu không hiểu nghĩa thì làm sao đoạn trừ các phiền não?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Trừ Nhất-xiển-đề, các chúng sinh khác nghe kinh này rồi đều có thể làm nhân duyên Bồ-đề. Ánh sáng của tiếng pháp chiếu vào lỗ chân lông chắc chắn đạt được quả vị Bồ-đề vô thượng. Vì sao? Vì nếu người nào có thể cung kính cúng dường vô lượng chư Phật mới được nghe kinh Đại Niết-bàn, người phước mỏng thì không được nghe. Vì sao? Người có đức lớn mới được nghe việc lớn như thế, còn người thấp hèn thì không được nghe. Thế nào là việc lớn? Nghĩa là tạng bí mật rất sâu xa của chư Phật đó chính là Phật tánh. Do nghĩa này nên gọi là việc lớn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao người chưa phát tâm Bồ-đề mà được nhân Bồ-đề?

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nếu có người nghe kinh Đại Niết-bàn này cho rằng ta không cần phát tâm Bồ-đề thì đó là hủy báng chánh pháp, người đó ở trong mộng thấy hình La-sát nên tâm rất sợ hãi. La-sát bảo người ấy: “Này thiện nam! Nếu ông không phát tâm Bồ-đề, ta sẽ giết ông”. Người đó sợ hãi liền phát tâm Bồ-đề. Sau khi mạng chung, người ấy hoặc ở trong ba đường ác, hoặc ở trong chốn trời, người tiếp tục nhớ nghĩ tâm Bồ- đề, nên biết người này là bậc Đại Bồ-tát. Do nghĩa này nên oai thần diệu lực của kinh Đại Niết-bàn có thể làm cho người chưa phát tâm Bồ-đề tạo nhân Bồ-đề. Này thiện nam! Đó gọi là nhân duyên Bồ-tát phát tâm chứ chẳng phải không có nhân duyên. Do nghĩa này nên kinh điển Đại thừa vi diệu chính là do Phật nói. Lại nữa, này thiện nam! Như trong hư không nổi mây, mưa lớn xuống khắp mặt đất, cây khô, đá núi, cao nguyên, gò đồi, nước không đọng lại, chảy xuống ruộng đồng, ao, hồ đều đầy, làm lợi ích cho vô lượng tất cả chúng sinh. Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, tuôn mưa pháp lớn làm thấm nhuần khắp chúng sinh, còn đối với hàng Nhất-xiển-đề mà phát tâm Bồ-đề thì không có lẽ ấy. Lại nữa, này thiện nam! Ví như hạt giống cháy tuy gặp nước mưa mát mẻ, trăm ngàn vạn kiếp hoàn toàn không nảy mầm, nếu nảy mầm thì đó là việc không hề có. Hàng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, tuy nghe kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu nhưng hoàn toàn không phát mầm tâm Bồ-đề. Nếu có thể phát thì đó là việc không hề có. Vì sao? Vì người này đoạn diệt tất cả căn lành, như hạt giống kia không thể sinh lại mầm Bồ-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như ngọc minh châu bỏ vào trong nước đục, nhờ đặc tính của ngọc nên nước liền trong suốt. Nếu bỏ trong bùn thì không thể làm bùn trong suốt. Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này cũng vậy, bỏ vào trong nước đục của chúng sinh phạm năm tội vô gián, phạm bốn giới nặng còn có thể làm cho trong lắng mà phát tâm Bồ-đề, chứ bỏ vào nước bùn Nhất-xiển-đề thì trăm ngàn vạn năm không thể thanh tịnh phát tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì hàng Nhất-xiển-đề đã diệt các căn lành, chẳng phải là pháp khí. Giả sử, hạng người đó trong năm ngàn vạn năm nghe, thọ trì kinh Đại Niết-bàn này thì cũng không bao giờ có thể phát tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì không có tâm thiện. Lại nữa, này thiện nam! Ví như cây thuốc tên là Dược vương, đối với các loại thuốc khác thì nó là thù thắng nhất. Nếu đem hòa nó với sữa đặc, hoặc mật, hoặc bơ, hoặc nước, hoặc sữa, hoặc thuốc bột, hoặc thuốc viên, hoặc dùng để thoa ghẻ, ướp thân, thoa mắt, hoặc nhìn, hoặc ngửi đều có thể diệt trừ tất cả các bệnh cho chúng sinh. Cây thuốc ấy không nghĩ: "Tất cả chúng sinh nếu lấy rễ của ta thì không nên lấy lá, nếu lấy lá thì không nên lấy rễ, nếu lấy thân thì không nên lấy vỏ, nếu lấy vỏ thì không nên lấy thân”. Cây ấy tuy không khởi niệm như vậy mà có thể diệt trừ tất cả bệnh khổ. Này thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, có thể trừ tất cả nghiệp ác của chúng sinh như bốn tội Ba-la-di và năm tội vô gián, các việc ác hoặc trong hoặc ngoài. Người chưa phát tâm Bồ-đề nhân đó mà được phát tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì kinh vi diệu này là vua trong các kinh, như cây thuốc kia là vua trong các cây thuốc. Nếu có người tu tập cùng chẳng tu tập kinh Đại Niết-bàn này nhưng nếu nghe được danh tự của kinh ấy, nghe rồi kính tin thì tất cả bệnh nặng phiền não đều trừ diệt hết, nhưng không thể làm cho hàng Nhất-xiển-đề an trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như cây thuốc thần diệu kia tuy có thể trị lành các bệnh nặng mà không cứu chữa được người đã chết. Lại nữa, này thiện nam! Như người tay có ghẻ lở bốc nắm thuốc độc thì chất độc thấm vào. Nếu tay không bị ghẻ lở thì chất độc không thấm vào được. Hàng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, không có nhân Bồ-đề, giống như người không bị ghẻ lở thì chất độc không thể thấm vào được. Ghẻ lở là dụ cho nhân duyên Bồ-đề vô thượng. Chất độc là dụ cho thuốc thần diệu bậc nhất. Người không có ghẻ lở dụ cho hàng Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như kim cương không gì có thể phá hoại mà có thể phá hoại các vật khác, chỉ trừ mu rùa và sừng bạch dương. Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, đều có thể làm cho vô lượng chúng sinh an trụ nơi đạo vô thượng, chỉ không thể làm cho hàng Nhất-xiển-đề tạo lập nhân Bồ-đề. Lại nữa, này thiện nam! Như cỏ Mã-xỉ, cây Ta-la-xí, cây Ni-ca- la, tuy chặt nhánh, đốn cây, nhưng rồi vẫn tiếp tục mọc lên như cũ, không phải như cây Đa-la đốn rồi thì không thể mọc lại. Các chúng sinh này cũng như vậy, nếu nghe được kinh Đại Niết-bàn này, tuy đã phạm bốn giới trọng và năm tội vô gián nhưng cũng có thể phát sinh nhân duyên Bồ-đề. Hàng Nhất-xiển-đề thì không như vậy, tuy được nghe kinh vi diệu này, nhưng không thể phát sinh nhân đạo Bồ-đề. Lại nữa, này thiện nam! Như cây Khư-đà-la, cây Trấn-đầu-ca đốn rồi thì không thể mọc lại và những hạt giống bị cháy thì chẳng nảy mầm. Cũng vậy, hàng Nhất-xiển-đề dầu nghe được kinh Đại Niết-bàn này nhưng không thể phát nhân duyên Bồ-đề, giống như hạt giống đã bị cháy. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mưa lớn thì nước chẳng đọng lại giữa hư không. Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, rưới mưa pháp khắp nơi, nhưng đối với hàng Nhất-xiển-đề này khắp mình kín dày, giống như kim cương không dung nạp các vật bên ngoài.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn từng nói kệ:

Không thấy thiện không làm

Chỉ thấy ác nên làm
Điều đó đáng kính sợ
Giống như đường nguy hiểm.

Bạch Thế Tôn! Nói như thế có những nghĩa gì? Phật bảo:

–Này thiện nam! Không thấy, nghĩa là không thấy Phật tánh. Thiện tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không làm, nghĩa là không thể gần gũi bạn lành. Chỉ thấy, nghĩa là thấy không có nhân quả. Ác, nghĩa là hủy báng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Có thể làm, nghĩa là hàng Nhất-xiển-đề nói không có kinh Phương Đẳng. Vì nghĩa ấy nên hàng Nhất-xiển-đề không có tâm hướng đến pháp thiện thanh tịnh. Những gì là các pháp thiện? Đó là Niết-bàn. Hướng đến Niết-bàn nghĩa là có thể tu tập hạnh hiền thiện mà hàng Nhất-xiển-đề không có hạnh hiền thiện nên không thể hướng đến Niết-bàn. Điều đó đáng sợ nghĩa là hủy báng chánh pháp. Nếu ai biết sợ gọi là bậc trí. Vì sao? Vì người hủy báng chánh pháp không có tâm thiện và phương tiện thiện. Đường hiểm, nghĩa là các hành.

Ca-diếp lại thưa:

–Như lời Phật dạy thì:

Thế nào thấy việc làm?
Thế nào được pháp thiện?
Chỗ nào không kinh sợ?

Như đường bằng vua đi?

Nghĩa này thế nào?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Thấy việc làm là phát lồ các việc ác. Các việc ác tạo ra trong cõi sinh tử đều nên nói rõ ra đến chỗ rốt ráo. Vì nghĩa đó nên việc này không còn sợ hãi. Ví như vua đi trên đường chính, trên đường đó giặc cướp đều trốn chạy. Nếu phát lồ như vậy thì tất cả các việc ác đều diệt không còn. Lại nữa, không thấy việc làm, là hàng Nhất-xiển-đề tạo các việc ác mà tự mình không thấy được. Hàng Nhất- xiển-đề kia vì tâm kiêu mạn, nên tuy tạo nhiều điều ác nhưng đối với các việc ấy ban đầu không kinh sợ. Vì nghĩa đó nên không được Niết-bàn. Ví như khỉ vượn bắt mặt trăng trong nước. Này thiện nam! Giả sử tất cả vô lượng chúng sinh cùng một lúc chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chư Như Lai này cũng không thấy hàng Nhất-xiển-đề kia thành tựu Bồ-đề. Vì nghĩa đó nên gọi là không thấy việc làm. Lại không thấy việc làm của ai, nghĩa là không thấy việc làm của Như Lai. Phật vì chúng sinh nên nói có Phật tánh, hàng Nhất-xiển-đề trôi lăn trong sinh tử nên không thể thấy biết. Vì nghĩa đó nên không thấy việc làm của Như Lai. Lại hàng Nhất-xiển-đề thấy Đức Như Lai hoàn toàn vào Niết-bàn, họ cho đó thật vô thường, giống như đèn tắt, dầu mỡ đều hết. Vì sao? Vì hạng người này nghiệp ác chẳng giảm bớt. Hoặc có Bồ- tát tạo những nghiệp thiện để hồi hướng đến Bồ-đề vô thượng, tuy hàng Nhất-xiển-đề chê bai, phá hoại, không tin, nhưng hàng Bồ-tát vẫn đem công đức mà bố thí cho, muốn cùng họ thành tựu đạo vô Thượng. Vì sao? Vì pháp chư Phật như vậy:

Làm ác chẳng thọ hiền
Như sữa thành sữa đặc
Như tro phủ trên lửa
Người ngu khinh đạp nó.

Hàng Nhất-xiển-đề gọi là kẻ không có mắt nên không thấy đạo A-la-hán, như A-la-hán không đi vào đường sinh tử hiểm ác. Do không có mắt nên họ hủy báng kinh Phương Đẳng, không muốn tu tập như A- la-hán siêng năng tu tập tâm từ. Hàng Nhất-xiển-đề không tu học kinh Phương Đẳng cũng như vậy. Hoặc có người nói: “Nay ta không tin kinh điển của Thanh văn, chỉ tin thọ, đọc tụng, giải nói kinh Đại thừa, cho nên nay ta là Bồ-tát. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, do có Phật tánh nên trong thân chúng sinh có mười trí lực, ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Lời nói của ta chẳng khác với lời Phật nói, nay ông cùng ta phá vô lượng các phiền não ác như phá vỡ bình nước. Vì phá kiết sử nên thấy được đạo Bồ-đề vô thượng”. Người ấy tuy diễn nói như vậy nhưng tâm họ thật không tin có Phật tánh, vì lợi dưỡng nên nói theo kinh văn. Người nói như vậy không sớm nhận quả như sữa thành sữa đặc. Ví như sứ giả của vua biện luận giỏi, thị hiện phương tiện phụng mạng đi đến nước khác, thà tan thân mất mạng chứ quyết không làm trái lời dặn của vua. Cũng vậy, người trí đối với phàm phu không tiếc thân mạng, quyết nói kho tàng Đại Thừa Phương Đẳng là tạng bí mật của Như Lai, đó là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Này thiện nam! Có hàng Nhất-xiển-đề giả dạng A-la-hán, đứng ở giữa hư không hủy báng kinh Đại Thừa Phương Đẳng. Hàng phàm phu thấy vậy đều cho thật là bậc A-la-hán, là Đại Bồ-tát. Hàng Nhất-xiển-đề này, bọn Tỳ-kheo xấu ác ở chỗ thanh vắng phá hoại pháp thanh vắng, thấy người khác được lợi thì sinh tâm ganh ghét. Họ nói rằng kinh Đại Thừa Phương Đẳng do Thiên ma Ba-tuần nói, họ cũng cho là Như Lai là pháp vô thường, họ hủy diệt chánh pháp, phá hoại chúng Tăng. Lại nói như vầy: “Lời nói của Ba-tuần chẳng phải là lời hợp với điều thiện”. Tuyên nói những pháp tà ác như vậy. Người ấy làm ác không chịu quả báo liền như sữa thành sữa đặc, tro phủ trên lửa, người ngu xem thường đạp lên đó. Người như vậy gọi là Nhất-xiển-đề. Vì vậy phải biết kinh Đại Thừa Phương Đẳng rất vi diệu, chắc chắn thanh tịnh, như ngọc ma-ni bỏ vào trong nước đục, nước liền trong sạch. Kinh Đại thừa cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Ví như hoa sen được mặt trời chiếu đến thì nở ra. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu được thấy nghe mặt trời Đại Niết-bàn thì người chưa phát tâm đều được phát tâm, làm nhân Bồ-đề. Do đó, Ta nói ánh sáng của Đại Niết-bàn đã chiếu vào lỗ chân lông, chắc chắn làm nhân vi diệu. Hàng Nhất-xiển-đề kia tuy có Phật tánh, nhưng bị vô lượng tội chướng trói buộc nên không thể ra khỏi như con tằm ở trong kén. Do nghiệp duyên này nên không thể sinh nhân Bồ-đề vi diệu, lưu chuyển trong dòng sinh tử không cùng.

Lại nữa, này thiện nam! Như hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng sinh ra trong bùn mà hoàn toàn không bị bùn làm ô nhiễm. Chúng sinh nào tu tập kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu cũng như vậy, tuy có phiền não nhưng hoàn toàn không bị phiền não làm ô nhiễm. Vì sao? Vì biết tánh, tướng, lực của Như Lai. Này thiện nam! Ví như ở nước kia có nhiều gió mát mẻ, nếu gió ấy chạm vào các lỗ chân lông của thân chúng sinh thì có thể tiêu trừ tất cả phiền não nóng bức. Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, vào khắp các lỗ chân lông của chúng sinh tạo nên nhân duyên Bồ-đề vi diệu, trừ hàng Nhất-xiển-đề. Vì sao? Vì chẳng phải là pháp khí.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y biết rõ tám loại thuốc, chữa lành tất cả bệnh, chỉ trừ người chết. Tất cả Khế kinh, Thiền định, Tam-muội cũng như vậy, có thể chữa trị tất cả bệnh phiền não, tham, sân, si, nhổ sạch các mũi tên độc phiền não, nhưng không thể chữa trị kẻ phạm bốn trọng tội và năm tội vô gián. Này thiện nam! Lại có vị lương y giỏi hơn vị biết rõ tám thứ thuốc ở trước. Vị này có thể chữa lành các bệnh khổ cho chúng sinh, chỉ không thể chữa trị bệnh người sắp chết. Kinh Đại Thừa Đại Niết-bàn này cũng như vậy, có thể dứt trừ tất cả các phiền não của chúng sinh, làm an trụ nơi nhân Như Lai vi diệu thanh tịnh. Người chưa phát tâm làm cho phát tâm, chỉ trừ người sắp chết Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như lương y có thể dùng thuốc hay để chữa trừ các người mù, khiến họ thấy được ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, tất cả cảnh vật, chỉ không chữa trị được người mù bẩm sinh. Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, có thể làm cho hàng Thanh văn, Duyên giác khai mở mắt tuệ, khiến họ an trụ vào vô lượng vô biên kinh điển Đại thừa. Người chưa phát tâm, hoặc phạm bốn trọng tội, năm tội vô gián, đều có thể khiến phát tâm Bồ-đề, chỉ trừ người mù bẩm sinh Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y giỏi biết rõ tám phương thức chữa trị các bệnh khổ cho tất cả chúng sinh, dùng các loại thuốc xổ, thuốc để xoa thân, thuốc xông, thuốc nhỏ mũi, thuốc bột, thuốc viên. Nếu người ngu không muốn uống, vị lương y thương xót, dẫn người này về nhà ép buộc uống. Nhờ hiệu lực của thuốc nên các bệnh hoạn đều tiêu trừ. Khi người nữ sinh con lá nhau không ra được, cho uống thuốc này thì liền ra ngay, cũng làm cho hài nhi được an lành, không còn tai hoạn. Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, đến khắp mọi nơi, hoặc đến nhà, có thể diệt trừ được vô lượng phiền não cho chúng sinh. Người phạm bốn trọng tội và năm tội vô gián, người chưa phát tâm đều khiến phát tâm, trừ hàng Nhất-xiển-đề.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người phạm bốn giới nặng và năm tội vô gián gọi là tội ác rất nặng. Ví như cây Đa-la đã bị chặt đầu thì không mọc lại được, những người phạm tội này chưa phát tâm Bồ-đề thì làm sao có thể tạo ra nhân Bồ-đề cho họ?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Những chúng sinh này hoặc ở trong mộng thấy mình bị đọa vào địa ngục, chịu các khổ não liền sinh tâm hối hận: “Thương xót thay cho chúng ta, tự với lấy tội này. Nay nếu được thoát khỏi tội này thì chắc chắn sẽ phát tâm Bồ-đề. Điều mà ta thấy hôm nay là rất ác”. Đến khi thức dậy liền biết chánh pháp có quả báo lớn, giống như hài nhi kia dần dần khôn lớn, thường nhớ nghĩ rằng: "Vị lương y đó có phương thuốc hay, ta vốn ở trong thai cùng mẹ uống thuốc, mẹ dùng thuốc nên thân được an ổn. Vì nguyên nhân ấy nên mạng sống của ta được an toàn. Thương thay mẹ ta chịu sự khổ não lớn trong mười tháng mang thai ta! Sau khi sinh, nhường khô nằm ướt, dọn bỏ đồ đại tiểu tiện ô uế, cho bú mớm nuôi nấng, che chở thân ta. Vì nghĩa đó nên ta phải báo ân, săn sóc hầu hạ, tùy thuận nuôi dưỡng". Người phạm bốn tội nặng và tội vô gián lúc sắp chết nhớ đến kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, tuy đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, hoặc sinh lên các cõi trời và trong loài người, nhưng kinh này cũng làm nhân duyên Bồ-đề cho người đó, trừ hàng Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như lương y và con của lương y hiểu biết sâu rộng hơn các thầy thuốc khác, khéo biết phương thức trừ độc hay nhất như: rắn độc, rồng độc, rít độc, dùng các chú thuật, chú dược làm cho lành bệnh. Lại đem loại thuốc này dùng thoa nơi giày dép, rồi dùng giày dép này chạm vào các loài trùng độc thì chúng bị tiêu diệt, chỉ trừ một loại độc, đó là đại long. Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, nếu có chúng sinh phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián đều có thể tiêu diệt, khiến an trụ Bồ-đề. Cũng như thuốc nơi giày dép có thể làm tiêu diệt các độc. Người chưa phát tâm làm cho phát tâm, an trụ nơi đạo Bồ-đề. Thuốc oai thần của kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này khiến các chúng sinh được an lạc, chỉ trừ đại long Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người lấy các chất thuốc độc dùng thoa lên mặt trống lớn. Ở chỗ đông người đánh trống phát tiếng. Tuy tâm không muốn nghe nhưng ai nghe tiếng ấy đều bị chết, chỉ trừ một người không chết. Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, khắp nơi mọi người tu hành, có người nghe kinh này thì bao nhiêu tham muốn, sân giận, ngu si đều tiêu diệt hết. Trong những vị ấy dầu có không có tâm nghĩ đến nhưng nhờ nhân duyên diệu lực của kinh Đại Niết-bàn này nên có thể diệt trừ phiền não và các kiết sử tự tiêu diệt. Người phạm bốn trọng cấm và năm tội vô gián nghe kinh này rồi cũng tạo nhân Bồ-đề vô thượng, dần dần đoạn phiền não, chỉ trừ người không chết Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như đêm tối tất cả công việc đều dừng nghỉ. Nếu việc làm chưa xong thì phải đợi đến sáng. Người học Đại thừa tuy tu tập khế kinh và tất cả các thiền định nhưng phải đợi mặt trời Đại Niết-bàn Đại thừa, nghe giáo nghĩa vi diệu bí mật của Như Lai, sau đó mới tạo nghiệp nhân Bồ-đề, an trú chánh pháp. Giống như trời mưa, thấm nhuần làm tăng trưởng cho tất cả, các hạt giống nảy mầm kết trái, trừ hết sự đói khát, thọ hưởng sự an lạc. Kho tàng bí mật của Như Lai có vô lượng mưa pháp cũng như vậy, có thể trừ hết tám bệnh nóng bức. Kinh này ra đời cũng như cây trái kia đem lại nhiều lợi ích an lạc cho tất cả, có thể làm cho chúng sinh thấy được Phật tánh, như trong hội Pháp Hoa có tám ngàn Thanh văn được thọ ký sẽ thành Phật, như thâu hoạch vào mùa thu tàng trữ cho mùa đông vì mùa đông không làm gì. Hàng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, đối với các pháp thiện không làm được. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y nghe con người khác bị phi nhân bắt đi, ông liền tìm thuốc hay, sai người và nói với người ấy: "Ngươi hãy mang thuốc này cho người kia uống gấp. Người kia nếu gặp các quỷ thần ác thì nhờ thần lực của thuốc này mà tránh xa. Nếu ngươi chậm trễ thì ta phải tự đi, quyết không để người đó chết. Nếu người bệnh ấy thấy được sứ giả và oai đức của ta thì các bệnh khổ đều tiêu trừ, được an lạc". Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các ngoại đạo, ai có thể thọ trì, đọc tụng thông suốt kinh này, lại phân biệt, giảng nói rộng rãi cho người khác, hoặc tự mình biên chép, bảo người khác biên chép thì những việc như vậy đều làm nhân duyên Bồ-đề. Nếu người phạm bốn tội nặng và năm tội nghịch, hoặc bị tà quỷ ác độc bắt mà nghe kinh này thì các ác đó đều bị tiêu diệt, như thấy lương y thì quỷ ác tránh xa. Phải biết người này là Đại Bồ-tát chân thật. Vì sao? Vì vừa nghe được kinh Đại Niết-bàn này, cũng vì nghĩ là Như Lai thường trụ. Người vừa nghe được kinh này còn như vậy, huống nữa là biên chép, thọ trì, đọc tụng. Chỉ trừ hàng Nhất- xiển-đề, ngoài ra đều là Đại Bồ-tát. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người bị điếc không nghe được âm thanh, hàng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, tuy muốn nghe kinh vi diệu này mà không được nghe. Vì sao? Vì không có nhân duyên. Lại nữa, này thiện nam! Ví như lương y thông suốt tất cả các phương thuốc, lại rộng biết vô lượng chú thuật. Vị lương y này yết kiến nhà vua và tâu: “Tâu đại vương! Nay đại vương có bệnh sắp chết”. Vua bảo: “Khanh không thấy các việc trong bụng ta thì vì sao mà nói ta có bệnh sắp chết?”. Vị lương y tâu: “Nếu không tin lời của thần xin đại vương uống thuốc xổ. Sau khi đã xổ thì đại vương tự nghiệm biết”. Vua không chịu uống. Bấy giờ lương y dùng năng lực của chú thuật làm hậu môn của vua sinh ghẻ lở cùng khắp, lại thêm bệnh kiết lỵ, trùng máu tuôn ra. Nhà vua thấy vậy rất kinh sợ, khen ngợi vị lương y: “Hay thay! Hay thay! Khanh trước đã thưa mà ta không tin. Nay mới biết khanh đối với thân này của trẫm làm lợi ích lớn”. Nhà vua cung kính vị lương y này giống như cha mẹ. Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, đối với các chúng sinh có tham dục hay không tham dục đều có thể khiến họ dứt sạch phiền não. Những chúng sinh này cho đến ở trong mộng thấy hình kinh này, liền cung kính cúng dường, dụ như đại vương cung kính vị lương y. Đại lương y ấy biết người bệnh sắp chết không chữa trị được, kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, hoàn toàn không thể chữa trị hàng Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như lương y khéo biết tám loại thuốc đều có thể chữa trị tất cả các bệnh, chỉ không thể chữa trị người sắp chết. Chư Phật Bồ-tát cũng như vậy, đều có thể cứu độ tất cả chúng sinh có tội, chỉ không thể chữa trị người sắp chết Nhất-xiển- đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như lương y khéo biết tám phương thức trị bệnh thần hiệu. Lại có thể thông hiểu rộng hơn tám phương thức ấy, đem sự hiểu biết của mình mà truyền dạy cho con những loại dược thảo hoặc ở dưới nước, trên đất, trên núi, khe suối đều khiến biết rõ. Như vậy, dần dần dạy xong tám phương thức, thứ đến còn dạy các phương thức tối thượng vi diệu khác. Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cũng như vậy, trước chỉ dạy các đệ tử Tỳ-kheo của mình phương tiện trừ diệt tất cả các phiền não, tu học thanh tịnh, quán tưởng thân không bền chắc, như là nước, đất, suối. Nước là dụ cho thân thọ khổ như bọt nước; đất dụ cho thân không bền chắc như cây chuối; núi, khe suối dụ trong phiền não tu tập quán tưởng vô ngã. Do nghĩa này nên thân gọi là vô ngã. Cũng vậy, Như Lai đối với các đệ tử, dần dần dạy học chín bộ loại kinh pháp khiến hoàn toàn thông đạt, sau đó mới dạy học kho tàng bí mật của Như Lai, vì các đệ tử nên nói Như Lai là thường. Do vậy, Như Lai thuyết kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa vì để làm nhân Bồ-đề cho các chúng sinh đã phát tâm và chưa phát tâm, trừ hàng Nhất-xiển- đề. Như vậy, này thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này vô lượng vô số, chưa từng có, không thể nghĩ bàn. Phải biết đó là vị lương y bậc nhất, tối tôn tối thắng, là vua trong các kinh.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như thuyền lớn từ bờ biển bên này đến bờ biển bên kia, lại từ bờ bên kia trở về bờ bên này. Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cũng như vậy, ngồi thuyền báu Đại Niết-bàn Đại Thừa xoay vần qua lại cứu độ chúng sinh. Ở khắp mọi nơi có người đáng độ đều làm cho thấy được thân Như Lai. Vì nghĩa đó nên Như Lai gọi là Thuyền Sư Vô Thượng. Ví như có thuyền thì có thuyền trưởng, vì có thuyền trưởng nên có chúng sinh vượt qua biển cả. Như Lai thường trụ hóa độ chúng sinh cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người ngồi trong thuyền muốn vượt qua biển cả. Nếu được thuận gió thì trong khoảnh khắc có thể vượt qua vô lượng do-tuần. Nếu không được như vậy thì ở lâu trong thuyền trải qua vô lượng năm cũng không rời chỗ cũ, có khi thuyền bị vỡ chìm xuống nước mà chết.

Cũng vậy, chúng sinh ở trong biển lớn ngu si sinh tử ngồi thuyền các hành, nếu gặp được gió cực mạnh Đại Niết-bàn thì có thể mau đến đạo vô Thượng, nếu không gặp thì phải lưu chuyển mãi trong vô lượng sinh tử, hoặc có khi bị tan hoại rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người không gặp gió lớn, ở lâu trong biển cả, liền nghĩ: "Nay chúng ta sẽ bị chết ở đây". Lúc suy nghĩ như vậy bỗng gặp gió thuận vượt qua biển cả. Lại nói như vầy: "Kỳ lạ thay! Cơn gió này chưa từng có, làm cho chúng ta được an ổn, vượt qua hiểm nạn biển cả". Chúng sinh cũng vậy, ở lâu trong biển lớn ngu si sinh tử, khốn khổ cùng cực, chưa gặp được gió Đại Niết-bàn này nên sinh tâm niệm: "Chúng ta chắc chắn bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh". Khi các chúng sinh này suy nghĩ như vậy, bỗng gặp được gió Đại Niết-bàn Đại thừa, thuận thổi theo hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới biết là chân thật, sinh tưởng kỳ đặc khen ngợi: "Sung sướng thay! Từ xưa đến nay ta chưa từng thấy, nghe tạng bí mật vi diệu của Như Lai". Khi ấy mới sinh lòng tin thanh tịnh đối với Kinh Đại Niết-bàn này.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như rắn lột da có chết chăng?

–Bạch Đức Tôn! Không.

–Này thiện nam! Như Lai cũng vậy thị hiện phương tiện bỏ thân độc, có thể nói Như Lai là vô thường diệt mất chăng?

–Bạch Thế Tôn! Không

–Như Lai ở trong cõi Diêm-phù-đề này, thị hiện phương tiện bỏ thân như rắn lột bỏ da cũ, cho nên Như Lai gọi là thường trụ. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thợ vàng được vàng ròng, tùy ý mình tạo ra đủ các vật. Như Lai cũng vậy, ở trong hai mươi lăm cõi có thể thị hiện đủ loại sắc thân, vì giáo hóa chúng sinh thoát khỏi sinh tử nên gọi Như Lai là thân vô biên. Tuy thị hiện vô số các thân nhưng cũng gọi là thường trụ không biến đổi.

Lại nữa, này thiện nam! Như cây Yêm-la và cây Diêm-phù một năm thay đổi ba lần, có lúc trổ hoa màu sắc sáng rỡ, có lúc mọc lá sum suê tươi tốt, có khi điêu tàn rơi rụng giống như cây chết khô. Này thiện nam! Ý ông thế nào? Cây này có thật là chết khô không?

–Bạch Thế Tôn! Không

–Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, ở trong ba cõi thị hiện ba loại thân, có lúc mới sinh, có khi trưởng thành, có thời nhập Niết-bàn, mà thân Như Lai thật chẳng vô thường.

Bồ-tát Ca-diếp khen:

–Lành thay! Đúng như lời Phật dạy, Như Lai thường trú không có biến đổi.

–Này thiện nam! Mật ngữ của Như Lai sâu xa khó hiểu, ví như đại vương bảo các quần thần đem Tiên-đà-bà đến. Tiên-đà-bà là bốn thứ cùng một tên. Một là muối, hai là chén, ba là nước, bốn là ngựa. Bốn pháp như vậy đều đồng một tên này. Kẻ bề tôi có trí biết rõ danh từ này. Lúc vua tắm rửa đòi lấy Tiên-đà-bà thì liền dâng nước. Lúc vua ăn đòi Tiên-đà-bà thì liền dâng muối. Vua ăn xong muốn uống nước đòi Tiên-đà-bà liền dâng chén. Lúc vua muốn dạo chơi đòi Tiên-đà-bà thì liền thắng ngựa. Bề tôi có trí như vậy biết rõ bốn loại mật ngữ của đại vương. Kinh Đại thừa này có bốn nghĩa vô thường cũng như vậy. Bề tôi có trí của Đại thừa phải nên biết rõ. Nếu Phật ra đời vì chúng sinh mà nói Như Lai Niết-bàn thì đệ tử có trí nên biết: Đây là Như Lai vì người chấp thường mà nói tướng vô thường, muốn khiến Tỳ-kheo tu pháp quán vô thường; hoặc Phật lại nói chánh pháp sẽ diệt thì đệ tử có trí nên biết: Đây là Như Lai vì người chấp lạc mà nói tướng khổ, muốn khiến cho Tỳ-kheo tu pháp quán khổ; hoặc lại nói nay ta bệnh khổ, chúng Tăng tan hoại thì đệ tử có trí nên biết: Đây là Như Lai vì người chấp ngã mà nói tướng vô ngã, muốn khiến cho Tỳ-kheo tu pháp quán vô ngã; hoặc lại nói pháp “Không” là chánh giải thoát thì đệ tử có trí nên biết: Đây là Như Lai nói chánh giải thoát không có hai mươi lăm cõi, muốn khiến Tỳ-kheo tu học pháp quán

Không. Vì nghĩa đó nên chánh giải thoát này là Không, cũng gọi là bất động. Nói bất động là trong giải thoát không có khổ cho nên bất động. Chánh giải thoát là không có tướng. Nói vô tướng là không có sắc, thanh, hương, vị, xúc nên gọi là vô tướng. Chánh giải thoát thường không biến đổi. Trong chánh giải thoát ấy không có vô thường, khổ não, nóng bức, biến đổi. Cho nên giải thoát gọi là thường trụ mát mẻ không biến đổi; hoặc là nói rằng, tất cả chúng sinh có tánh Như Lai thì người đệ tử có trí nên biết: Đây là Như Lai nói pháp thường trụ, muốn khiến cho Tỳ-kheo tu pháp thường trụ chân chánh. Các Tỳ-kheo này nếu có thể tùy thuận tu học như vậy thì nên biết những người ấy là đệ tử chân chánh của Ta biết rõ tạng bí mật của Như Lai. Như bề tôi có trí tuệ của đại vương kia biết rõ ý vua. Này thiện nam! Như thế đại vương cũng có pháp mật ngữ như vậy, huống gì là Như Lai mà không có hay sao. Này thiện nam! Cho nên giáo pháp bí mật vi diệu của Như Lai khó có thể biết được, chỉ có người trí mới có thể hiểu pháp Phật sâu xa của Như Lai, chẳng phải các hạng phàm phu ở thế gian có thể tin được

Lại nữa, này thiện nam! Như cây Ba-la-xa, cây Ca-ni-ca và cây A-thúc-ca gặp trời nắng hạn không sinh hoa quả và những vật khác sinh ở dưới nước, trên đất thảy đều khô héo không có thấm ướt, không thể tăng trưởng, tất cả các loại thuốc đều không còn hiệu lực.

Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy. Sau khi Ta diệt độ có các chúng sinh không cung kính, không có oai đức. Vì sao? Vì các chúng sinh này phước đức kém. Lại nữa, này thiện nam! Khi chánh pháp của Như Lai sắp diệt, vào lúc đó có nhiều Tỳ- kheo làm ác, không biết tạng bí mật vi diệu của Như Lai, trễ nải biếng nhác, không thể đọc tụng, tuyên dương, phân biệt chánh pháp của Như Lai. Ví như giặc cướp ngu si, bỏ châu báu mà gánh cỏ, trấu. Vì không hiểu tạng bí mật vi diệu của Như Lai nên đối với kinh này biếng nhác, không siêng năng. Thương thay! Hiểm nạn lớn ở đời vị lai rất đáng sợ hãi. Khổ thay! Chúng sinh không siêng năng nghe, thọ trì kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này! Chỉ có các Đại Bồ-tát đối với kinh này mới tiếp thu nghĩa chân thật, không chấp văn tự, thuận theo, không trái nghịch vì chúng sinh mà thuyết giảng. Lại nữa, này thiện nam! Như người nữ chăn bò muốn bán sữa, vì ham lời nhiều nên pha thêm hai phần nước, rồi đem bán cho người nữ chăn bò khác. Người nữ kia mua rồi, pha thêm hai phần nước nữa lại đem bán cho người nữ gần thành. Người nữ kia có sữa rồi lại pha thêm hai phần nước nữa, đem bán cho người nữ ở trong thành. Người nữ ấy mua rồi lại pha thêm hai phần nước nữa đem đến chợ bán. Khi ấy có một người vì cưới vợ cho con nên phải mua sữa ngon để đãi khách, đến chợ mua sữa này. Người bán sữa đòi giá rất đắt. Người mua sữa này nói: “Sữa của chị nhiều nước không đáng giá như vậy. Hôm nay gặp lúc tôi đãi khách nên phải mua”. Mua rồi đem về nhà nấu thành cháo nhưng hoàn toàn không có mùi vị của sữa. Tuy không có mùi sữa nhưng đối với các mùi đắng thì sữa này ngon gấp ngàn lần. Vì sao? Vì sữa là vị hơn hết trong các vị.

Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn thì chánh pháp chưa diệt, còn tám mươi năm. Lúc ấy, kinh này ở cõi Diêm-phù-đề lưu truyền khắp nơi. Khi đó sẽ có các Tỳ-kheo ác lược ghi chép lại kinh này, phân làm nhiều phần, có thể làm mất sắc hương mỹ vị của chánh pháp. Các Tỳ-kheo xấu ác kia, tuy cũng đọc tụng kinh điển như vậy, nhưng đã làm mất nghĩa cốt yếu bí mật sâu xa của Như Lai, đem lời vô nghĩa của thế gian mà tô điểm trau chuốt, chép đoạn trước đem để đoạn sau, chép đoạn sau đem để đoạn trước, đoạn trước đoạn sau đem để ở giữa, đoạn giữa đem để trước sau. Nên biết các Tỳ-kheo ác này làm bạn với ma, thọ nhận chất chứa tất cả các vật bất tịnh mà nói là Như Lai đều cho mình chất chứa. Như người nữ chăn bò thêm nhiều nước vào sữa. Các Tỳ-kheo ác kia cũng như vậy, lấy lời tạp loạn ở thế gian pha trộn vào trong kinh này, khiến nhiều chúng sinh không nói đúng, biên chép đúng, giữ gìn đúng để tôn trọng, khen ngợi, cung kính, cúng dường. Các Tỳ-kheo ác này vì lợi dưỡng nên không thể tuyên dương rộng rãi kinh này. Dầu có lưu truyền cũng chỉ được phần ít không đáng kể. Như loại sữa mà các người nữ chăn bò nghèo cùng kia lần lượt bán cho đến lúc thành cháo không còn mùi vị của sữa. Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, lần lần lạt lẽo không có mùi vị, tuy không có mùi vị nhưng còn hơn cả ngàn lần kinh khác, như mùi vị sữa kia còn hơn các vị đắng gấp ngàn lần. Vì sao? Vì Kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này đối với kinh của hàng Thanh văn là tối thượng hơn hết, dụ như mùi vị sữa bò hơn hết trong các mùi vị. Do nghĩa này nên gọi Đại Niết-bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Không có thiện nam và thiện nữ nào mà không muốn cầu làm thân nam. Vì sao? Vì tất cả thân nữ đều là chỗ chứa ô uế. Lại nữa, này thiện nam! Như nước tiểu của con muỗi không thể thấm ướt cả đại địa này. Người nữ kia dâm dục khó đủ cũng như thế. Ví như đem tất cả đất của quả địa cầu vo lại thành từng viên như hạt đình lịch, số người nam bằng với số đó cùng làm việc dâm dục với một người nữ còn không thể đủ. Giả sử số người nam nhiều như số cát sông Hằng cùng làm việc dâm dục với một người nữ thì cũng không biết đủ. Này thiện nam! Ví như trời mưa, tất cả trăm sông các dòng đều chảy về biển cả, mà biển ấy cũng chưa từng đầy. Người nữ cũng như vậy. Giả sử tất cả người nam đều cùng làm việc dâm dục với một người nữ mà cũng không đủ. Lại nữa, này thiện nam! Như cây A-thúc-ca, cây Ba-tra-la, cây Ca-ni-ca mùa xuân nở hoa có ong hút lấy mùi vị sắc hương của hoa không biết chán đủ. Người nữ làm việc dâm dục với người nam không biết đủ cũng như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên những thiện nam và thiện nữ nghe kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này thường chê trách tướng người nữ mà cầu tướng người nam. Vì sao? Vì kinh điển Đại thừa này có tướng trượng phu gọi là Phật tánh. Nếu người không biết Phật tánh này thì không có tướng người nam. Vì sao? Vì không thể tự biết có Phật tánh. Nếu có người không thể biết Phật tánh thì Ta nói những người đó là người nữ. Nếu có thể tự biết có Phật tánh thì Ta nói người đó có tướng trượng phu. Nếu người nữ nào có thể biết tự thân của mình có Phật tánh, nên biết người ấy là nam tử. Này thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này chứa nhóm công đức vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì đã nói về tạng bí mật của Như Lai, cho nên thiện nam, thiện nữ nếu muốn chóng biết tạng bí mật của Như Lai thì phải nên dùng phương tiện siêng năng tu tập kinh này.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời Phật dạy, hôm nay con đã có tướng trượng phu nên được nhập vào tạng bí mật của Như Lai. Ngày nay Như Lai mới giác ngộ cho con, nhờ đó mà được hoàn toàn thông đạt.

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Nay ông tùy thuận pháp thế gian mà nói như vậy.

Ca-diếp lại thưa:

–Con không tùy thuận pháp thế gian. Phật khen Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Nay đối với pháp vị vô thượng sâu xa khó biết này mà ông có thể biết được. Như ong hút mật, ông cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Như nước tiểu của con muỗi không thể làm thấm ướt mặt đất này. Vào đời vị lai kinh này được lưu truyền cũng như vậy, như nước tiểu của con muỗi. Lúc chánh pháp sắp diệt thì kinh này sẽ ẩn mất nơi quả đất này, nên biết đó là tướng suy của chánh pháp. Lại nữa, này thiện nam! Ví như hết mùa hạ qua đầu mùa thu, mưa thu tầm tã. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, vì các Bồ-tát ở phương Nam sẽ rộng lưu truyền kinh này, rưới mưa pháp đầy khắp xứ ấy. Lúc chánh pháp sắp diệt kinh này sẽ truyền đến nước Kế Tân đầy đủ không thiếu, tiềm ẩn trong đất, hoặc có người tin, hoặc có người không tin. Như vậy, pháp vị cam lồ của kinh Đại Thừa Phương Đẳng này đều ẩn trong đất. Kinh này ẩn rồi thì tất cả kinh điển Đại thừa khác đều ẩn mất. Nếu ai gặp được kinh này đầy đủ không thiếu thì đây là Tượng vương trong loài người. Các hàng Bồ-tát nên biết chánh pháp vô thượng của Như Lai không bao lâu nữa sẽ diệt.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN X

PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 7

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay tâm của Thuần-đà còn nghi, cúi mong Như Lai phân biệt lần nữa để đoạn trừ mối nghi đó.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông có nghi gì nên hỏi mau đi. Ta sẽ giải thích để dứt trừ mối nghi cho.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

–Thuần-đà nghi Như Lai là thường trụ, vì được sức tri kiến Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh là thường thì trước khi thấy và sau khi thấy đáng lẽ là vô thường. Tại sao? Như vật thế gian trước không nay có, đã có rồi lại không, những vật như vậy đều là vô thường. Do nghĩa như thế mà các Đức Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác không có khác nhau.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Trước có nay
không Trước

không nay có
Ba đời có pháp
Điều đó không
có.

Này thiện nam! Do nghĩa này mà chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác cũng có khác nhau, cũng không khác nhau.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khen:

–Hay thay! Thật như lời chỉ dạy của Thế Tôn. Con nay mới hiểu chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác cũng có khác nhau, cũng không khác nhau.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Như Lai chỉ dạy: Chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác tánh không khác nhau. Cúi mong Như Lai phân biệt giảng nói rộng để làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Ta sẽ giảng nói cho. Này thiện nam! Ví như trưởng giả hoặc con trưởng giả nuôi nhiều bò sữa đủ các màu lông, cắt một người chăn giữ. Một hôm người ấy vì sự cúng tế nên vắt hết sữa của tất cả các con bò ấy chứa vào trong một cái thùng. Nhìn thấy sữa bò cùng một màu trắng, ông ta lấy làm kỳ lạ, tại sao màu bò mỗi con khác nhau mà sữa của chúng đều cùng một màu?

Người ấy suy nghĩ như vầy: Do nhân duyên nghiệp báo của chúng sinh khiến các sữa chỉ cùng một màu.

Này thiện nam! Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cũng vậy. Cùng chung Phật tánh giống như sữa bò. Tại sao như vậy? Vì đồng diệt hết các phiền não, nhưng các chúng sinh nói là chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác có khác nhau. Có các Thanh văn và hàng phàm phu nghi Tam thừa tại sao không khác nhau. Các chúng sinh này về sau tự hiểu tất cả Tam thừa cùng một Phật tánh, như người chủ bò hiểu rõ tướng sữa là do nhân duyên nghiệp báo.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như quặng vàng sau khi đãi bỏ cặn bã, dơ bẩn, nung luyện trở thành vàng ròng giá trị vô lượng.

Này thiện nam! Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cũng vậy đều thành tựu đồng một Phật tánh. Vì sao? Vì trừ hết phiền não như quặng vàng sau khi trừ hết cặn bã, dơ bẩn. Do nghĩa ấy nên tất cả các chúng sinh đồng một Phật tánh không có sai khác. Vì trước kia họ nghe tạng bí mật của Như Lai, sau khi thành Phật tự nhiên biết được, như ông Trưởng giả kia biết sữa bò đồng một màu. Vì sao? Vì đoạn được vô lượng ức phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh có Phật tánh thì Phật và chúng sinh có gì sai khác? Người nói như vậy có nhiều lỗi lầm. Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh thì nhân duyên gì Tôn giả Xá-lợi-phất v.v… lấy Tiểu Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, hàng Duyên giác đối với Trung Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, hàng Bồ-tát đối với Đại Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Ba hạng người như vậy nếu đồng Phật tánh thì tại sao không nhập Niết-bàn giống như Niết-bàn của Như Lai?

–Này thiện nam! Niết-bàn mà chư Phật Thế Tôn chứng đắc không phải chỗ chứng của hàng Thanh văn và Duyên giác. Vì ý nghĩa đó nên Đại Niết-bàn gọi là "Thiện hữu". Nếu Phật không ra đời thì không phải không có Nhị thừa chứng được hai thứ Niết-bàn.

Ca-diếp lại thưa:

–Nghĩa này thế nào? Phật dạy:

–Vô lượng vô biên vô số kiếp mới có một Đức Phật xuất hiện giữa đời chỉ dạy ba thừa.

Này thiện nam! Như lời ông nói thì Bồ-tát và hàng Nhị thừa không có sai khác. Trước kia trong Đại Niết-bàn tạng bí mật của Như Lai, Ta đã giảng nói nghĩa đó. Các vị A-la-hán không có "Thiện hữu". Vì sao? Vì các vị A-la-hán sẽ được Đại Niết-bàn. Do nghĩa này nên Đại Bát Niết Bàn có sự an lạc rốt ráo cho nên gọi là nhập Đại Bát

Niết Bàn.

Ca-diếp thưa:

–Như lời Phật dạy, con nay mới biết nghĩa sai khác và nghĩa không sai khác. Vì sao? Vì tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác ở đời vị lai đều đồng quy về Đại Niết-bàn. Như các dòng sông đều chảy ra biển cả, cho nên hàng Thanh văn, Duyên giác đều gọi là thường không phải là vô thường. Do nghĩa này cho nên cũng có sai biệt cũng không sai biệt.

Ca-diếp thưa:

–Tại sao tánh sai khác? Phật dạy:

–Này thiện nam! Thanh văn như sữa, Duyên giác như kem sữa, Bồ-tát như bơ sữa, chư Phật Thế Tôn như đề hồ. Vì nghĩa này nên trong Đại Niết-bàn nói bốn loại chủng tánh có sai khác nhau.

Ca-diếp lại thưa:

–Tánh tướng của tất cả chúng sinh như thế nào? Phật dạy:

–Này thiện nam! Như bò mới sinh, máu, sữa chưa sai khác. Tánh của phàm phu xen lẫn các phiền não cũng là như vậy.

Ca-diếp lại thưa:

–Trong thành Câu-thi-na, có một Chiên-đà-la tên là Hoan Hỷ, Phật thọ ký cho người này chỉ do có một lần phát tâm mà sẽ chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trong số ngàn Đức Phật ở thế giới này. Tại sao Như Lai không thọ ký cho Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục- kiền-liên v.v… mau thành Phật đạo?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Hoặc có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát phát thệ nguyện: “Tôi sẽ mãi mãi hộ trì chánh pháp, sau mới thành Phật”. Vì phát nguyện mau, nên thọ ký mau thành Phật.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người đi buôn có viên ngọc vô giá đem ra chợ bán. Người ngu thấy ngọc không biết nên chỉ cười. Người buôn nói: “Ngọc quý này của tôi giá trị vô số”. Bọn ngu nghe rồi lại thêm chế nhạo, chúng bảo nhau: “Ngọc này không phải ngọc thật, mà là ngọc pha lê”.

Này thiện nam! Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, nếu nghe thọ ký mau chóng thành Phật, liền sinh biếng lười, khinh cười, xem rẻ những người ngu kia không biết châu báu. Ở đời vị lai có các Tỳ-kheo không siêng năng tu tập pháp thiện, vì nghèo cùng, khốn khổ, đói khát, bức bách mà đi xuất gia để nuôi thân, tâm trí khinh suất, nóng nảy, tà mạng quanh co, nếu nghe Như Lai thọ ký cho Thanh văn mau thành Phật, thì họ sẽ cười khinh, ngạo mạn chê bai. Nên biết, bọn họ là kẻ phá giới, tự nói mình đã được pháp hơn người. Do nghĩa này nên tùy theo sự phát nguyện nhanh, thọ ký cũng nhanh. Người thọ trì chánh pháp thì thọ ký lâu thành Phật.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát như thế nào sẽ được quyến thuộc không bị hoại?

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu các Bồ-tát siêng năng tinh tấn muốn hộ trì chánh pháp thì do nhân duyên này mà được quyến thuộc không bị hư hoại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà chúng sinh môi miệng bị khô nứt?

Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu người không biết Tam bảo thường còn thì vì nhân duyên đó mà môi miệng bị khô nứt. Như người ăn ngon miệng không biết phân biệt sáu vị ngọt, đắng, cay, chua, mặn, lạt. Tất cả chúng sinh ngu si, vô tri không biết Tam bảo là pháp thường trụ vì thế nên môi miệng khô nứt.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh không biết Như Lai thường còn thì nên biết người này là kẻ mù bẩm sinh. Nếu người nào biết Như Lai thường còn thì người này tuy là nhục nhãn nhưng Như Lai nói đó là Thiên nhãn.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu ai có thể biết Như Lai thường trụ thì nên biết người đó từ lâu đã tu tập kinh này. Như Lai nói những người như vậy cũng là Thiên nhãn. Dù có Thiên nhãn mà không biết Như Lai thường trụ thì Như Lai nói những người này là nhục nhãn, người ấy thậm chí không biết tay chân, các chi phần trên thân mình, cũng không thể làm cho người khác biết. Do đó nên gọi nhục nhãn.

Lại nữa, này thiện nam! Đức Như Lai thường vì tất cả chúng sinh mà làm cha mẹ. Vì sao? Vì tất cả chúng đủ loại thân hình: nào là hai chân, bốn chân, nhiều chân, không chân. Phật chỉ dùng một âm thanh thuyết pháp, các loài chúng sinh tuy khác nhau nhưng đều tự hiểu rõ, tán thán: “Như Lai hôm nay vì ta mà nói pháp”. Do nghĩa đó gọi là cha mẹ.

Lại nữa, này thiện nam! Như người mới sinh đứa con được mười sáu tháng, tuy đứa trẻ biết nói nhưng chưa rõ. Cha mẹ của nó muốn dạy con nói thì trước đồng theo tiếng của con mà dạy từ từ, như thế lời cha mẹ đứa trẻ là không đúng sao?

–Không, bạch Thế Tôn!

–Này thiện nam! Chư Phật Như Lai cũng lại như vậy, tùy theo các loại âm thanh của những chúng sinh mà nói pháp, khiến an trú nơi chánh pháp, tùy theo đối tượng cần cho thấy mà thị hiện đủ các hình tướng, như thế là Như Lai nói đồng tiếng nói của họ, có thể là chẳng đúng sao?

–Không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì Như Lai nói như sư tử hống, tùy thuận các âm thanh thế gian mà diễn nói diệu pháp cho chúng sinh.

◆

PHẨM 5: NHỮNG ĐIỀU ĐẠI CHÚNG HỎI PHẬT

Bấy giờ, trên khuôn mặt của Đức Thế Tôn phóng ra đủ loại ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím chiếu đến thân Thuần-đà. Gặp ánh sáng ấy, Thuần-đà cùng các quyến thuộc đem đủ loại thức ăn thượng hạng nhanh chóng đến chỗ Phật. Vì muốn dâng lên Đức Như Lai và Tỳ-kheo Tăng bữa cúng dường cuối cùng nên Thuần-đà chuẩn bị đủ loại thức ăn chứa đầy trong các vật đựng đem đến trước Phật.

Khi ấy, có hàng trời, người với oai đức lớn vây quanh ngăn cản Thuần-đà và nói: “Thôi đi Thuần-đà, chớ có dâng cúng!”.

Bấy giờ, Đức Như Lai liền phóng ra vô lượng vô biên các loại ánh sáng, chư Thiên và mọi người gặp ánh sáng ấy mới cho Thuần-đà đến trước Phật dâng đồ cúng dường.

Khi ấy, hàng trời người và chúng sinh tự đem vật cúng dường đến trước Phật, quỳ xuống thưa:

–Xin Như Lai cho các Tỳ-kheo nhận thức ăn này.

Lúc này, các Tỳ-kheo biết là đúng lúc, nên mang y bát, nhất tâm an tường.

Bấy giờ, Thuần-đà vì Phật và Tăng nên bố thí đủ loại tòa sư tử báu, treo phướn lọng bằng lụa báu, hương hoa, chuỗi ngọc. Lúc này ba ngàn đại thiên thế giới trang nghiêm vi diệu giống như cõi Cực lạc ở phương Tây.

Khi ấy, ở trước Đức Phật, Thuần-đà ưu sầu buồn bã lại bạch:

–Cúi xin Như Lai mở lòng thương xót trụ thêm một kiếp hoặc non một kiếp.

Phật bảo Thuần-đà:

–Ông muốn Ta trụ lâu ở đời thì hãy mau dâng cúng đầy đủ Thí Ba-la-mật cuối cùng.

Bấy giờ, tất cả Đại Bồ-tát cùng các chúng sinh, trời người khác miệng cùng lời xướng lớn như vầy: “Lạ thay Thuần-đà! Ông thành tựu phước đức lớn, có thể làm cho Đức Như Lai nhận bữa cúng dường vô thượng cuối cùng. Chúng ta quá đỗi vô phước, phẩm vật cúng dường đã sắm sửa trở nên uổng phí”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn cho tất cả chúng sinh thỏa mãn sự mong ước nên hóa ra vô lượng Đức Phật nơi mỗi lỗ chân lông trên thân. Mỗi một Đức Phật đều có vô lượng Tỳ-kheo Tăng. Chư

Thế Tôn này cùng vô lượng chúng đều thị hiện nhận lãnh phẩm vật cúng dường của họ. Riêng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhận lãnh phẩm vật cúng dường của Thuần-đà.

Khi ấy, Thuần-đà đem dâng vật thực đã nấu chín đựng đầy tám hộc của nước Ma-già-đà. Nhờ thần lực của Phật nên tất cả chúng hội đều được no đủ. Thấy việc này, Thuần-đà vô cùng vui mừng phấn khởi. Tất cả đại chúng cũng như vậy.

Khi ấy, đại chúng nương vào Thánh chỉ của Phật, đều nghĩ: "Nay Đức Như Lai đã thọ bữa cúng dường của chúng ta, chẳng bao lâu nữa Như Lai sẽ vào Niết-bàn". Nghĩ như vậy xong, sinh tâm vui buồn lẫn lộn.

Bấy giờ, khu đất nơi rừng cây tuy nhỏ hẹp nhưng nhờ thần lực của Phật nên dù chỗ nhỏ như đầu mũi kim cũng đều có vô lượng chư Phật Thế Tôn cùng các quyến thuộc ngồi dùng thức ăn, thức ăn đều giống nhau.

Khi ấy, hàng trời, người A-tu-la v.v… khóc lóc buồn than: "Nay Đức Như Lai đã thọ bữa cúng dường cuối cùng của chúng ta. Thọ xong Đức Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Sau này chúng ta sẽ cúng dường ai đây? Từ nay chúng ta mãi mãi lìa xa đấng Điều Ngự Vô Thượng! Như kẻ mù lòa không thấy gì!".

Khi ấy, muốn an ủi tất cả đại chúng, Đức Thế

Tôn nói kệ:

Các ông chớ buồn than
Pháp chư Phật như vậy
Ta đã nhập Niết-bàn
Trải qua vô lượng kiếp
Thường hưởng vui tối thắng
Chỗ mãi mãi an ổn
Các ông hãy lắng nghe
Ta sẽ nói Niết-bàn.
Ta đã lìa tướng ăn
Không còn khổ đói khát
Ta nay vì các ông
Nói nguyện tùy thuận ấy
Khiến tất cả chúng sinh
Đều được vui an ổn
Các ông nghe nên hành
Pháp chư Phật thường trụ
Giả sử chim, cú mèo
Cùng đậu chung một cành
Như anh em thân thiết
Vậy mới Niết-bàn hẳn
Như Lai xem tất cả
Giống như La-hầu-la
Thường được chúng sinh kính
Đâu phải Niết-bàn hẳn
Giả sử rắn, chuột, sói
Cùng chung ở một hang

Thương nhau như anh em
Vậy mới Niết-bàn hẳn
Như Lai xem tất cả
Giống như La-hầu-la
Thường được chúng sinh kính
Đâu phải Niết-bàn hẳn
Giả sử hoa Thất diệp
Chuyển thành Bà-sư hương
Ca-lưu thành Trấn-đầu
Vậy mới Niết-bàn hẳn
Như Lai xem tất cả
Giống như La-hầu-la
Sao lại bỏ từ bi
Mà vào hẳn Niết-bàn
Giả sử Nhất-xiển-đề
Hiện thân thành Phật đạo
Ở chỗ vui bậc nhất
Vậy mới vào Niết-bàn
Như Lai xem tất cả
Đồng như La-hầu-la
Sao lại bỏ từ bi
Mà vào hẳn Niết-bàn
Giả sử tất cả chúng
Cùng lúc thành Phật đạo
Lìa xa các tội lỗi
Vậy mới nhập Niết-bàn
Như Lai xem tất cả

Đều như La-hầu-la
Sao lại bỏ từ bi
Mà vào hẳn Niết-bàn
Giả sử nước tiểu muỗi
Ngấm tan hoại đại địa
Tràn trề sông, hang, biển
Vậy mới nhập Niết-bàn
Tâm bi xem tất cả
Đều như La-hầu-la
Thường được chúng sinh kính
Đâu phải Niết-bàn hẳn
Vì vậy nên các ông
Phải ưa thích chánh pháp
Không nên sinh ưu buồn
Khóc lóc và sầu thảm
Nếu muốn hạnh chân chánh
Tu Như Lai thường trụ
Nên quán pháp như vậy
Còn mãi không thay đổi
Lại nên nghĩ thế này
Tam bảo là thường trụ
Tức được hộ trì lớn
Như cây khô sinh quả
Đó gọi là Tam bảo
Bốn chúng nên khéo nghe
Nghe rồi sinh vui mừng
Liền phát tâm Bồ-đề

Nếu cho rằng Tam bảo
Thường trụ cùng chân đế
Thì đó là thệ nguyện
Tối thượng của chư Phật.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có thể dùng thệ nguyện tối thượng của Như Lai mà phát nguyện, thì nên biết người này không có ngu si, xứng đáng nhận sự cúng dường. Nhờ nguyện lực này nên được phước báo. Công đức tối thắng như A-la-hán ở thế gian. Nếu người nào không quán chiếu rõ Tam bảo là thường trụ như vậy, thì người này chính là Chiên-đà-la. Nếu ai biết rõ Tam bảo là thường trụ, nhân duyên của thật pháp, thì lìa khổ được an lạc, không ai nhiễu hại và gây trở ngại.

Bấy giờ, đại chúng trời, người, A-tu-la v.v… nghe pháp này rồi vô cùng vui mừng phấn khởi, tâm ý nhu hòa, khéo diệt trừ các triền cái, tâm không cao thấp, oai nghi thanh tịnh, nhan sắc tươi vui, biết Phật thường trụ, nên thiết lễ cúng dường theo cách chư Thiên, rải đủ các loài hoa, hương bột, hương xoa, tấu đủ các loại âm nhạc cõi trời để cúng dường Phật.

Lúc này, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông có thấy những việc hiếm có này không? Ca-diếp thưa:

–Dạ thấy, bạch Thế Tôn! Con thấy các Đức

Như Lai vô lượng, vô biên chẳng thể tính đếm, thọ nhận vật thực cúng dường của các đại chúng trời người dâng cúng. Lại thấy thân chư Phật cao lớn tốt đẹp, mà chỗ ngồi nhỏ như mũi kim, nhiều chúng vây quanh mà không làm chướng ngại nhau. Lại thấy đại chúng liền phát thệ nguyện nói mười ba bài kệ, cũng biết tâm niệm của đại chúng, ai cũng nghĩ rằng, hôm nay Như Lai chỉ thọ nhận phẩm vật của mình. Giả sử đem vật thực cúng dường của Thuần-đà nghiền nát thành bụi, rồi dâng một hạt bụi đó lên một Đức Phật còn không đủ hết. Nhờ sức oai thần của Đức Phật nên tất cả đại chúng đều được no đủ. Chỉ có các vị Đại Bồ-tát và Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi v.v… mới biết việc hiếm có này, tất cả đều là phương tiện thị hiện của Như Lai. Đại chúng Thanh văn và A-tu-la v.v… đều biết Như Lai là pháp thường trụ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông nay có thấy việc hiếm có đặc biệt này không?

–Dạ thấy, bạch Thế Tôn! Trước đây con đã thấy thân của vô lượng chư Phật đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, nay thấy các Đại Bồ-tát tướng mạo cao lớn tốt đẹp thù thắng vi diệu. Khác lạ và thấy thân Phật như cây thuốc được các Đại Bồ-tát vây quanh.

Phật bảo Thuần-đà:

–Vô lượng Đức Phật mà trước ông đã thấy, đều do Ta hóa hiện, vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh khiến được an vui. Các Đại Bồ-tát như thế, hạnh nguyện tu hành không thể nghĩ bàn, có thể làm vô lượng Phật sự.

Này Thuần-đà! Ông nay đã thành tựu hạnh Đại Bồ-tát, được trú mười địa, đã làm xong đầy đủ công hạnh của Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Như lời Thế Tôn dạy, sự tu tập của Thuần-đà đã thành tựu hạnh Bồ-tát, con cũng vui theo. Hôm nay Như Lai muốn làm ánh sáng lớn cho vô lượng chúng sinh ở đời vị lai, nên nói kinh Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa này. Bạch Thế Tôn! Tất cả khế kinh nói nghĩa hữu dư hay nghĩa vô dư?

–Này thiện nam! Điều mà Như Lai đã nói nghĩa hữu dư cũng là nghĩa vô dư.

Thuần-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã bảo: “Vật gì mình có. Đem bố thí hết. Chỉ nên ca ngợi. Chớ nên chê bai”

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thế nào? Giữ giới, phá giới có khác nhau không?

Phật dạy:

–Chỉ trừ một hạng người còn ngoài ra những ai bố thí đều nên khen ngợi.

Thuần-đà lại hỏi:

–Vì sao nói chỉ trừ một hạng người?

Phật dạy:

–Người phá giới, như trong kinh này đã nói. Thuần-đà lại thưa:

–Con nay vẫn chưa hiểu, cúi mong Thế Tôn nói rõ cho. Phật bảo:

–Này Thuần-đà! Người phá giới gọi là Nhất-xiển-đề. Ngoài ra tất cả những ai bố thí đều nên tán thán sẽ được phước báo rất lớn.

Thuần-đà lại hỏi:

–Nhất-xiển-đề nghĩa là gì? Phật dạy:

–Này Thuần-đà! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu- bà-di nào nói lời thô ác, hủy báng chánh pháp, tạo nghiệp sâu nặng, mãi không hối cải, tâm không hổ thẹn, thì những người như thế gọi là hướng đến đường Nhất-xiển-đề. Nếu ai phạm bốn tội nặng, tội ngũ nghịch, biết mà cố ý phạm, các tội nặng như thế mà không lo sợ, không hổ thẹn, không chịu phát lồ, đối với chánh pháp, vĩnh viễn không có tâm kiến lập hộ trì, trái lại chê bai, khinh rẻ, nói nhiều điều tội lỗi, thì những người như vậy cũng gọi là hướng đến đường Nhất-xiển-đề. Chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề này, còn ngoài ra tất cả những ai bố thí đều nên tán thán.

Bấy giờ, Thuần-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói phá giới nghĩa đó là sao? Phật bảo:

–Này Thuần-đà! Nếu ai phạm bốn tội nặng và tội ngũ nghịch, hủy báng chánh pháp thì những người như thế gọi là phá giới.

Thuần-đà lại hỏi:

–Những kẻ phá giới như thế có thể cứu vớt họ được không? Phật bảo:

–Có nhân duyên thì có thể cứu vớt được, nếu kẻ đó chưa xả pháp phục, tâm thường hổ thẹn, lo sợ mà tự trách mình: "Chao ôi! Tại sao mình phạm tội nặng như vậy! Thật kỳ lạ thay, sao mình lại tạo nghiệp khổ ấy!". Trong lòng ăn năn, sửa đổi, sinh tâm hộ trì chánh pháp, muốn kiến lập chánh pháp và phát nguyện cúng dường cho người hộ trì chánh pháp, tự nhủ: "Nếu có người nào đọc tụng kinh điển Đại thừa, mình sẽ thưa hỏi để thọ trì đọc tụng. Khi đã thông hiểu rồi mình lại phân biệt giảng nói rộng cho người khác". Như Lai nói những người như thế là không phá giới. Tạo sao? Này thiện nam! Ví như mặt trời mọc lên thì có thể phá trừ tất cả bóng tối. Kinh Đại Bát Niết Bàn vi diệu này xuất hiện ở đời cũng như vậy, nó có thể phá trừ các tội lỗi mà chúng sinh đã tạo trong vô lượng kiếp. Cho nên kinh này nói hộ trì chánh pháp được quả báo lớn, cứu vớt những người phá giới. Nếu có ai hủy báng chánh pháp mà tự ăn năn, sửa đổi trở về với chánh pháp, tự nghĩ tất cả điều ác đã làm như người tự hại mình, liền sinh hổ thẹn, lo âu, sợ hãi, nghĩ là trừ chánh pháp ra không ai có thể cứu được mình, nên ta phải quay về nương tựa chánh pháp, nếu có thể y như lời nói như thế mà quay về, bố thí thì người ấy được phước đức vô lượng, cũng gọi là người xứng đáng lãnh thọ sự cúng dường của thế gian.

Nếu người phạm những tội nặng như trên, trải qua một tháng, nửa tháng không phát lồ, không nương tựa chánh pháp thì người nào bố thí cho người này được phước rất ít.

Nếu người phạm tội ngũ nghịch thì cũng như vậy, ôm lòng hổ thẹn, ăn năn, sám hối: “Nghiệp ác mà ta đã tạo nay phải chịu khổ lớn. Cho nên ta sẽ kiến lập hộ trì chánh pháp”. Vì vậy người này không gọi là phạm tội ngũ nghịch. Nếu người nào bố thí cho người này thì phước báo vô lượng.

Nếu người phạm tội ngũ nghịch rồi không hộ trì, nương tựa chánh pháp, thì người nào bố thí cho người này, phước báo không là bao.

Lại nữa, này thiện nam! Ông nên lắng nghe, Ta sẽ phân biệt giảng nói rộng cho ông, người phạm tội nặng nên nghĩ: “Chánh pháp tức là kho tàng vi mật Đức Như Lai. Do vậy ta nên hộ trì kiến lập”. Nên ai bố thí người như thế thì được phước báo thù thắng.

Này thiện nam! Ví như người phụ nữ mang thai gần đến kỳ sinh, trong nước gặp thời loạn lạc, cô ta trốn lánh qua nước khác, trên đường đi sinh con tại một miếu trời. Khi nghe đất nước của mình được an ổn, thịnh vượng, cô liền dắt con trở về quê cũ. Trên đường về gặp con sông lớn nước chảy xiết cõng con trên lưng không thể lội qua, cô ta liền nghĩ: “Ta thà chết với con chứ không bỏ nó mà lội qua một mình”. Nghĩ như thế xong, hai mẹ con bị nước cuốn trôi. Người phụ nữ ấy bản tánh xấu ác nhưng nhờ lòng thương con, nên sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời. Cũng vậy, người phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián nên sinh tâm hộ trì chánh pháp cũng lại như vậy, tuy trước đã làm những điều bất thiện nhưng sau nhờ hộ trì chánh pháp nên được phước đức vô lượng ở thế gian. Người hộ trì chánh pháp này có vô lượng quả báo như vậy.

Thuần-đà lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Nhất-xiển-đề đã ăn năn, hối cải, cung kính cúng dường, tán thán Tam bảo, thì người nào bố thí cho người này có được quả báo lớn không?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Ví như có người ăn quả Am-la, nhổ hạt xuống đất, rồi lại nghĩ rằng hạt của quả này có lẽ ngọt lắm, liền đập bể ra nếm thử, nhưng vị của quả ấy rất đắng, trong lòng hối tiếc, sợ mất giống cây này liền thâu nhặt lại đem ươm nơi đất, siêng năng chăm sóc, dùng dầu, tô, sữa tùy lúc tưới bón. Ý ông nghĩ sao? Hạt ấy có thể nảy mầm lên được không?

–Dạ không, bạch Thế Tôn! Dù trời có mưa nước cam lồ vô thượng nó cũng không mọc lên được.

–Này thiện nam! Chúng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, vì đã thiêu đốt hết các thiện căn thì làm sao mà trừ được tội lỗi. Nếu sinh tâm thiện thì không gọi là Nhất-xiển-đề.

Này thiện nam! Vì ý nghĩa này mà mọi sự cúng dường đều có phước báo khác nhau. Vì sao? Vì cúng dường các vị Thanh văn được phước báo khác, cúng dường Duyên giác được phước báo cũng khác, chỉ riêng cúng dường Như Lai thì được phước báo trên hết. Cho nên nói tất cả sự cúng dường phước báo đều sai khác.

Thuần-đà lại thưa:

–Vì sao Như Lai nói kệ này? Phật bảo:

–Này thiện nam! Có nhân duyên Như Lai mới nói kệ này. Trong thành Vương-xá có một Ưu-bà-tắc không có lòng tin thanh tịnh, phụng thờ phái Ni-kiền-tử. Ông ấy đến hỏi Ta về ý nghĩa của sự cúng dường. Do nhân duyên đó mà Ta nói kệ, cũng vì các Đại Bồ-tát mà nói tạng bí mật.

Bài kệ này ý nghĩa như thế nào? Tất cả là một phần nhỏ của tất cả, nên biết Đại Bồ-tát là bậc oai hùng trong loài người. Người nào giữ gìn giới cấm thì cung cấp vật cần dùng, người nào phá giới thì loại bỏ như cỏ rác. Lại nữa, này thiện nam! Như thuở xưa, Ta nói kệ:

Tất cả các sông ngòi
Chắc chắn có chỗ cong
Tất cả những núi rừng
Đều có cỏ cây mọc
Tất cả những người nữ
Đều mang tâm dua, vạy
Tất cả bậc Tự tại
Đều thụ hưởng an lạc.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, đảnh lễ sát chân Phật, quỳ gối nói kệ:

Chẳng phải tất cả sông
Đều có chỗ uốn cong
Chẳng phải tất cả rừng
Đều có cây cỏ mọc
Chẳng phải tất cả nữ
Đều mang tâm dua vạy
Tất cả bậc Tự tại
Không chắc được an lạc.

Như Lai nói kệ này, nghĩa vẫn còn có ngoại lệ, cúi xin Như Lai thương xót chúng con mà nói nhân duyên này. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì nơi ba ngàn đại thiên thế giới này, có một cõi tên là Ca-da-ni, ở nơi ấy có dòng sông Ta-bà-da đẹp đẽ, thẳng tắp như giăng dây, chảy thẳng ra biển Tây. Tướng của con sông này ở trong các kinh Đức Phật chưa nói đến. Cúi xin Thế Tôn nhân nói kinh Phương Đẳng này mà nói nghĩa chưa trọn vẹn trong kinh A-hàm, khiến cho các Bồ-tát hiểu sâu về nghĩa này.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người trước biết quặng vàng mà sau không không biết vàng. Như Lai cũng vậy, Ngài biết rõ chánh pháp mà diễn nói có chỗ chưa tận cùng. Tuy Như Lai nói còn có điều ngoại lệ như vậy, nhưng cần phải dùng phương tiện để làm rõ ý nghĩa.

Tất cả các núi rừng đều có cỏ cây mọc, điều ấy cũng chưa trọn vẹn. Vì sao? Vì các loại cây như vàng, bạc, lưu ly cũng gọi là rừng. Tất cả những người nữ đều mang tâm dua vạy, điều ấy cũng chưa trọn vẹn. Vì sao? Vì những người nữ khéo trì giới cấm, thành tựu công đức, có tâm từ bi lớn. Tất cả bậc Tự tại chắc chắn hưởng an lạc, điều ấy vẫn chưa trọn vẹn. Vì sao? Vì bậc Tự tại như Chuyển luân Thánh vương, Phạm vương, Đế thích, các cõi trời v.v… tuy được tự tại nhưng đều bị vô thường. Riêng Như Lai là đấng Pháp vương không lệ thuộc vào tử ma nên không diệt tận, được thường trụ không biến đổi, mới gọi là tự tại, đó cũng là Đại Niết-bàn của Đại thừa.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông nay biện tài rất là khéo léo, thôi hãy lắng ghe.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như ông trưởng giả lâm bệnh, lương y

chẩn đoán bổ thuốc. Khi ấy, người bệnh vì ham uống nhiều thuốc, vị lương y liền nói: "Nếu có thể lành bệnh ngay thì nên uống nhiều thuốc, nhưng nay thân thể ông gầy ốm không nên uống nhiều thuốc, phải biết rằng thuốc này cũng là cam lồ nhưng cũng là thuốc độc. Nếu uống vào nhiều mà tác hại không lành bệnh thì gọi là thuốc độc".

Này thiện nam! Ông chớ cho lời nói của vị lương y trái với nghĩa lý, làm hỏng công hiệu của thuốc.

Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, vì các quốc vương, hậu phi, thái tử, vương tử, đại thần, nên nhân cái tâm kiêu mạn của vương tử, hậu phi của vua Ba-tư-nặc, vì Ta muốn điều phục họ mà thị hiện làm cho họ lo sợ, cũng như vị lương y kia, do đó Ta nói kệ:

Tất cả các sông ngòi
Chắc có chỗ uốn cong
Tất cả những núi rừng

Đều có cỏ cây mọc
Tất cả các người nữ
Đều mang tâm dua vạy
Tất cả bậc Tự tại
Đều thọ hưởng an lạc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nên biết lời nói của Như Lai không có sai sót, như cõi đất này có thể lật úp, nhưng lời nói của Như Lai không bao giờ sai sót. Do ý nghĩa đó mà tất cả lời nói của Như Lai còn có ngoại lệ.

Bấy giờ, Đức Như Lai khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông từ lâu đã biết nghĩa đó, vì thương xót tất cả chúng sinh, muốn cho họ được trí tuệ nên rộng hỏi Như Lai về ý nghĩa của bài kệ ấy.

Lúc này, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi đến trước Phật nói kệ:

Lời nói của người khác
Tùy thuận không chống đối
Cũng đừng xem xét họ
Có làm hay không làm
Mà hãy quán thân mình
Làm thiện hay làm ác.

–Bạch Thế Tôn! Như thế, pháp được nói này không phải là chánh thuyết vì đối với lời nói của người khác tùy thuận không chống đối, cúi xin

Như Lai rủ lòng thương xót, nói lời chân chánh. Vì sao Thế Tôn thường nói tất cả chín mươi lăm học phái ngoại đạo đều hướng đến đường ác, đệ tử Thanh văn của Phật hướng đến đường chân chánh, khéo hộ trì giới cấm, giữ gìn oai nghi, phòng hộ sáu căn, những người như thế rất ưa thích pháp Đại thừa, hướng đến đường lành? Đối với chín bộ loại kinh điển, thấy có ai hủy báng thì vì sao Như Lai liền quở trách. Như thế, bài kệ này nghĩa là sao?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này thiện nam! Ta nói kệ này cũng không phải vì tất cả chúng sinh, mà bấy giờ chỉ nói cho vua A-xà-thế. Chư Phật Thế Tôn nếu không có nhân duyên thì không bao giờ nói lời trái nghịch. Chỉ vì có nhân duyên nên mới nói đó thôi.

Này thiện nam! Vua A-xà-thế sau khi giết cha lại đến chỗ Ta, muốn bắt bẻ Như Lai mà vặn hỏi: “Đức Thế Tôn! Ngài có Nhất thiết trí hay không có Nhất thiết trí? Nếu có Nhất thiết trí thì sao Điều-đạt từ thuở xưa, trong vô lượng kiếp thường ôm lòng xấu ác muốn theo hãm hại Như Lai, mà sao Ngài cho ông ta xuất gia?”.

Này thiện nam! Do nhân duyên đó nên Ta vì vua A-xà-thế mà nói kệ này:

Lời nói của người khác
Tùy thuận không chống đối

Cũng đừng xem xét họ
Có làm hay không làm
Mà hãy quán thân mình
Làm ác hay làm thiện.

Khi ấy, Ta dạy vua A-xà-thế: “Nay ông đã giết hại cha mình, tạo tội ngũ nghịch vô gián rất nặng, ông phải phát lộ để cầu thanh tịnh. Sao lại tìm lỗi lầm của người khác làm gì?”. Này thiện nam! Vì ý nghĩa này, nên Ta vì vua A-xà-thế mà nói kệ này.

Lại nữa, này thiện nam! Cũng vì hộ trì người không phá giới, thành tựu oai nghi mà xem xét lỗi lầm người khác, nên Ta nói kệ này. Nếu có người nào nghe lời chỉ dạy của người khác mà xa lìa các điều ác, rồi lại dạy cho người khác nữa cũng xa lìa điều ác, những người như vậy chính là đệ tử của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà nói kệ:

Tất cả sợ đao gậy
Và thương yêu thân mình
Xét ta ra kẻ khác
Chớ giết hại đánh đập.

Lúc này, Văn-thù-sư-lợi ở trước Phật lại nói kệ:

Chẳng phải tất cả sợ đao gậy
Chẳng phải ai cũng quý thân mạng

Suy xét ta biết ra người khác
Chuyên cần thực hành phương tiện lành.

Nghĩa cú pháp của Đức Như Lai nói chưa được rốt ráo. Vì sao? Vì như A-la-hán, Chuyển luân Thánh vương, ngọc nữ, voi, ngựa, đại thần chủ kho mà bị chư Thiên, loài người và A-tu-la cầm gươm bén làm hại thì điều này không thể có. Như dũng sĩ, liệt nữ, ngựa chúa, thú chúa, Tỳ-kheo trì giới dầu bị kẻ đối nghịch đến hãm hại nhưng họ chẳng sợ. Do nghĩa này nên bài kệ của Như Lai nói, nghĩa của nó chưa rốt ráo.

Nếu nói suy xét ta biết ra người khác, thì nghĩa này cũng chưa rốt ráo. Vì sao? Giả sử A-la-hán lấy mình suy ra người, tức là còn tưởng ngã cho đến tưởng mạng. Nếu còn tưởng ngã cho đến tưởng mạng thì phải giữ gìn và phàm phu lẽ ra cũng thấy A-la-hán còn là người hành pháp. Nếu người thấy như vậy là tà kiến. Nếu có tà kiến thì sau khi chết liền đọa vào địa ngục A-tỳ. Lại nữa, nếu A-la-hán sinh tâm sát hại chúng sinh thì điều này không thể có và vô lượng chúng sinh cũng không thể làm hại A-la-hán.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói tưởng ngã là đối với chúng sinh sinh tâm đại bi, không có tưởng giết hại, đó là tâm bình đẳng của A-la-hán. Ông chớ cho rằng Như Lai không có nhân duyên mà nói lời nghịch ấy. Thuở xưa trong thành Vương-xá này, có người thợ săn giết nhiều đàn nai, mời Ta ăn thịt. Lúc đó, tuy nhận lời, nhưng đối với chúng sinh, Ta sinh lòng từ bi xem như La-hầu-la mà nói kệ:

Nguyện cho người trường thọ
Sống được lâu ở đời
Hành trì pháp bất hại
Thọ mạng như chư Phật.

Do nhân duyên này nên Ta nói kệ kia:

Tất cả sợ đao gậy
Không ai chẳng quý thân
Xét ta ra kẻ khác
Chớ giết chớ đánh đập.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Văn-thù-sư-lợi! Vì các Đại Bồ-tát mà ông gạn hỏi Như Lai về giáo pháp sâu xa như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

Tùy thuận và tôn trọng
Cha mẹ như thế nào?
Vì sao tu pháp này
Đọa vào ngục vô gián?

Đức Như Lai dùng kệ đáp Văn-thù-sư-lợi:

Nếu lấy ái làm mẹ
Dùng vô minh làm cha

Rồi tùy thuận tôn trọng
Thì đọa ngục vô gián.

Bấy giờ, Đức Như Lai lại vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà nói kệ:

Tất cả lệ thuộc người
Thì gọi đó là khổ
Tất cả đều do mình
Tự tại được an vui
Tất cả kẻ kiêu mạn
Thế lực rất bạo ác
Tất cả người hiền thiện
Được mọi người thương yêu.

Lúc này, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lời của Như Lai nói, nghĩa cũng chưa rốt ráo. Ngưỡng mong Như Lai xót thương nói về nhân duyên đó. Vì sao? Vì như con của trưởng giả lúc theo thầy học tập là lệ thuộc vào thầy chăng? Nếu nói lệ thuộc vào thầy thì nghĩa này không thành tựu. Còn cho rằng chẳng lệ thuộc vào thầy thì nghĩa này chẳng thành tựu. Vì thế lời của Như Lai nói còn có ngoại lệ.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ví như vương tử không tập quen mọi việc nên khi gặp việc thì chẳng làm được. Đó là người tự tại nhưng ngu dốt, thường bị khổ. Vương tử như vậy nếu cho là tự tại thì nghĩa này cũng chưa thành tựu, nhưng nói lệ thuộc vào người khác thì nghĩa này cũng chẳng thành tựu. Do đó nên nói nghĩa bài kệ mà Phật nói chưa rốt ráo. Do vậy tất cả mọi người lệ thuộc vào người khác, chưa hẳn là thọ khổ. Tất cả mọi người tự tại chưa hẳn là thọ vui.

Nói tất cả người kiêu mạn có thế lực bạo ác thì nghĩa này cũng chưa rốt ráo. Bạch Thế Tôn! Như các liệt nữ tâm kiêu mạn nên xuất gia học đạo, giữ gìn giới cấm, thành tựu oai nghi, phòng hộ sáu căn chẳng cho buông lung. Thế nên tất cả những người bị kiêu mạn trói buộc chưa hẳn là bạo ác.

Nói người hiền lành được tất cả mọi người thương yêu, nghĩa này vẫn chưa rốt ráo. Như người đã phạm bốn tội nặng mà chẳng bỏ pháp phục, cố giữ hình thức cũ, người hộ trì chánh pháp thấy vậy chẳng ưa. Người phạm giới đó sau khi chết chắc chắn đọa vào địa ngục. Nếu có người hiền phạm trọng tội, người hộ trì chánh pháp thấy vậy liền đuổi ra khỏi chùa, khiến họ hoàn tục. Do nghĩa này nên tất cả người hiền đâu phải người nào cũng được mọi người thương mến.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Vì có nhân duyên nên Như Lai nói nghĩa này chưa được rốt ráo.

Lại có nhân duyên nên chư Phật Như Lai mới nói pháp này.

Thuở xưa, trong thành Vương-xá có người nữ tên là Thiện Hiền. Nhân trên đường trở về nhà cha mẹ, cô này đến chỗ Ta quy y Tam bảo và nói: “Tất cả người nữ có thế lực cũng chẳng được tự do, tất cả người nam thì khác được tự do vô ngại”.

Khi ấy, Ta biết tâm của cô này mà nói bài kệ kia.

Này Văn-thù-sư-lợi! Lành thay! Lành thay! Ông nay vì tất cả chúng sinh mà hỏi Như Lai về mật ngữ như vậy.

Bồ-tát Văn-thù lại nói:

–Trước đây Thế Tôn có nói bài kệ:

Tất cả các chúng sinh
Nhờ ăn uống mà sống
Tất cả người sức mạnh
Tâm họ không ganh ghét
Tất cả do ăn uống
Mà sinh ra các bệnh
Tất cả tu tịnh hạnh
Nên hưởng được an vui.

Như vậy, nay Thế Tôn thọ vật thực của Thuần-đà cúng dường, cũng không lo sợ sao?

Bấy giờ, vì Văn-thù nên Đức Thế Tôn nói kệ:

Chẳng phải tất cả chúng sinh
Đều nhờ ăn uống mà sống

Chẳng phải tất cả người mạnh
Tâm họ đều không ganh ghét
Chẳng phải đều do ăn uống
Mà chuốc lấy bệnh, khổ đau
Chẳng phải tất cả tu tịnh
Đều trọn vẹn hưởng quả vui.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu ông mang bệnh thì Ta cũng mang bệnh khổ như vậy. Vì sao? Vì hàng A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát và Như Lai thật không còn ăn uống. Chỉ vì muốn giáo hóa chúng sinh nên Ta thị hiện thọ nhận vật thực của vô lượng chúng sinh cúng dường, để cho họ được đầy đủ Thí Ba-la-mật và nhằm cứu vớt loài ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục.

Nếu cho rằng Đức Như Lai có khổ hạnh sáu năm, thân thể gầy ốm thì điều này không đúng. Chư Phật Thế Tôn cứu thoát các cõi, chẳng đồng với phàm phu, lẽ nào có thân thể gầy ốm. Chư Phật Thế Tôn tinh tấn tu tập, được thân kim cương chẳng đồng với thân mong manh của phàm phu. Hàng đệ tử của Ta cũng như vậy, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng còn nương nơi sự ăn uống.

Nói rằng tất cả người mạnh khỏe không có tâm ganh ghét, nghĩa này cũng chưa rốt ráo, vì trong thế gian có người suốt đời không có tâm ganh ghét mà họ vẫn không có sức mạnh.

Nói rằng tất cả bệnh khổ do sự ăn uống mà sinh ra thì nghĩa này cũng chưa rốt ráo. Vì cũng thấy có người mang bệnh do lý do khác đưa đến như là bị chém đâm do dao kiếm bén.

Nói rằng tất cả người tu tịnh hạnh đều được quả an vui thì nghĩa cũng chưa rốt ráo, vì trong đời cũng có những ngoại đạo tu tịnh hạnh mà vẫn thọ lấy nhiều khổ não. Vì nghĩa này nên bài kệ trước đây của Ta nói, nghĩa của nó chưa được rốt ráo. Đó gọi là Như Lai vì nhân duyên mà nói kệ ấy. Nhân duyên ấy là thuở xưa ở nước Ưu-thiền-ni có Bà-la-môn tên là Cổ Đề Đức đến chỗ Ta thọ pháp Bát quan trai giới lần thứ tư, Ta vì Bà-la-môn ấy mà nói bài kệ như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là nghĩa rốt ráo, thế nào gọi là nghĩa nhất thiết?

–Này thiện nam! Nhất thiết là, trừ pháp trợ đạo, còn thường, lạc, pháp thiện đó gọi là Nhất thiết, cũng gọi là rốt ráo. Ngoài ra các pháp khác cũng gọi là chưa rốt ráo, cũng gọi là rốt ráo. Đó là vì muốn làm cho các thiện nam ưa thích chánh pháp, biết nghĩa chưa rốt ráo và nghĩa rốt ráo này.

Bồ-tát Ca-diếp vô cùng vui mừng, phấn khởi bạch Phật:

–Lạ thay! Đức Thế Tôn bình đẳng xem chúng sinh như La hầu-la!

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Nay chỗ kiến giải của ông rất sâu xa vi diệu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Như Lai nói về công đức mà kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa đạt được.

Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Nếu người nào nghe được tên của kinh này thì công đức đạt được chẳng phải hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có thể tuyên thuyết, chỉ có Như Lai mới biết rõ. Vì sao? Vì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của Phật, huống nữa là người thọ trì, đọc tụng, thông thuộc biên chép kinh này.

Bấy giờ, chư Thiên, loài người và A-tu-la ở trước Phật, khác miệng đồng lời nói kệ:

Chư Phật khó nghĩ bàn
Pháp và Tăng cũng vậy
Vì thế nay kính thỉnh
Cúi xin Phật lưu lại
Tôn giả Đại Ca-diếp
Cùng với A-nan-đà
Đồ chúng của hai vị
Trong chốc lát sẽ đến
Đại vương A-xà-thế
Quốc chủ Ma-già-đà
Chí tâm kính tin Phật
Vẫn còn chưa đến đây

Cúi xin Đức Như Lai
Thương xót trụ giây lát
Ở trong đại chúng này
Trừ lưới nghi chúng con.

Lúc này, vì các đại chúng nên Đức Như Lai nói kệ:

Trưởng tử trong pháp Ta
Chính là Đại Ca-diếp
A-nan siêng tinh tấn
Đoạn trừ tất cả nghi
Các ông nên biết rõ
A-nan bậc đa văn
Tự nhiên hiểu rõ được
Pháp thường và vô thường
Vì thế nên các ông
Chớ ưu buồn sầu não.

Bấy giờ, đại chúng đem đủ các vật đến cúng dường Đức Như Lai. Cúng Phật xong, tất cả đều phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ-tát được trụ Địa thứ nhất.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thọ ký riêng cho Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ- tát Ca-diếp và Thuần-đà. Thọ ký xong, Đức Phật dạy:

–Này các thiện nam! Tự tu tâm mình chớ có phóng dật. Nay Ta đau lưng, toàn thân nhức mỏi. Ta muốn nằm như một đứa trẻ, như người bệnh. Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nên vì bốn bộ chúng mà giảng nói rộng các pháp lớn. Nay Ta đem pháp này giao phó cho ông, cho đến lúc A-nan và Ca-diếp đến, ông nên phó chúc chánh pháp lại như vậy.

Sau khi dặn dò xong, Đức Như Lai vì muốn điều phục các chúng sinh nên hiện thân bệnh, nằm nghiêng bên phải như một người bệnh.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XI

PHẨM 6: HIỆN BỆNH

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai đã khỏi tất cả ốm đau, trừ được lo lắng khổ não, lại không còn lo sợ.

Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh có bốn loại tên độc làm nguyên nhân cho bệnh. Những gì là bốn? Đó là ham muốn, giận dữ, ngu si, kiêu mạn. Đã có nguyên nhân của bệnh ắt phải có bệnh phát sinh như bệnh lạnh phổi, bệnh ói mửa, ngứa ngoài da, tâm lý buồn phiền, kiết lỵ, nôn oẹ, tiểu tiện ra máu, hạch, đau mắt, đau tai, đau lưng, bụng đầy hơi, điên cuồng, táo bón, bị ma quỷ dựa. Các chứng bệnh về thân tâm như thế, chư Phật hoàn toàn không có. Hôm nay Như Lai vì nhân duyên gì bảo Văn-thù-sư-lợi thế này: “Ta nay đau lưng, ông nên vì đại chúng thuyết pháp”. Có hai nhân duyên không sinh ra bệnh khổ. Những gì là hai? Một là thương xót tất cả chúng sinh, hai là ban phát thuốc thang cho người bệnh. Như Lai thuở xưa đã tu đạo Bồ-tát trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, nói lời yêu thương làm lợi ích cho chúng sinh, không còn khổ não, cho người bệnh các loại thuốc, nhưng vì nhân duyên gì hôm nay nói là có bệnh? Bạch Thế Tôn! Người đời bị bệnh hoặc ngồi hoặc nằm đều không thể được an ổn, hoặc đòi ăn uống, hoặc bảo người nhà, hoặc lo nghĩ của cải, còn Như Lai sao nằm yên lặng mà không dạy giới Ba-la-mật, thiền, giải thoát, Tam-ma-bạt-đề, các pháp chánh cần v.v... cho hàng đệ tử Thanh văn v.v... Vì nhân duyên gì mà Như Lai không nói kinh điển Đại thừa thâm sâu như vậy? Vì sao Như Lai không dùng vô lượng phương tiện dạy cho Đại Ca-diếp, một tượng vương trong loài người, và các hàng đại nhân v.v... khiến không thoái lui đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Sao Như Lai không trị các vị Tỳ-kheo ác thọ nhận nuôi chứa vật bất tịnh? Bạch Thế Tôn! Như Lai thật không bệnh, sao im lặng nằm xoay mặt về bên phải? Hàng Bồ-tát ban phát thuốc thang cho người bệnh có được căn lành cũng ban cho chúng sinh, hồi hướng Nhất thiết chủng trí, cũng để trừ phiền não, nghiệp chướng, báo chướng cho chúng sinh.

Phiền não chướng là tham dục, nóng giận, ngu si, tức giận, trói buộc, buồn bực, ganh ghét, keo kiệt, gian dối, dua nịnh, không hổ không thẹn, mạn mạn, mạn bất như mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn, tà mạng, kiêu mạn, phóng dật, cao ngạo, phẫn hận, tranh cãi, tà mạng, ton hót, dối hiện tượng lạ, dùng lợi để cầu lợi, cầu ác, cầu nhiều, không biết cung kính, không nghe lời dạy bảo, gần gũi bạn ác, ham lợi không chán, trói buộc khó thoát, ham muốn điều xấu, tham điều tham xấu, chấp thân, chấp hữu và cả chấp vô, dáng vẻ muốn ngủ, ngáp dài chẳng vui, tham muốn ăn uống, tâm trí lờ mờ, tâm duyên tưởng khác, chẳng khéo tư duy, thân miệng tạo ra nhiều điều ác, ưa thích nói nhiều, các căn ám độn, lời nói phần nhiều rỗng tuếch, thường bị các niệm dục, niệm sân, niệm hại che lấp. Đó gọi là phiền não chướng.

Nghiệp chướng là năm tội vô gián và các bệnh ác. Báo chướng là sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hủy báng chánh pháp và Nhất-xiển- đề, đó gọi là báo chướng. Ba nghiệp chướng này được gọi là đại bệnh, nhưng đối với các vị Bồ-tát đã từ vô lượng kiếp, khi Tu-bồ-đề là cung cấp thuốc thang cho tất cả các người bệnh, thường phát nguyện thế này: “Khiến cho chúng sinh vĩnh viễn đoạn trừ bệnh nặng ba chướng như thế”. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bậc Đại Bồ-tát khi tu hạnh Bồ-đề, ban phát thuốc thang cho hết thảy người bệnh, phát nguyện như thế này: “Nguyện cho chúng sinh vĩnh viễn xa lìa các bệnh, được thành tựu thân Kim cang của Như Lai; nguyện vì hết thảy vô lượng chúng sinh làm thầy thuốc giỏi, đoạn trừ tất cả bệnh tật hiểm nghèo; nguyện cho chúng sinh được thuốc A-già-đa, dùng thần lực của vị thuốc này để đoạn trừ hết thảy vô lượng ác độc; nguyện cho tất cả chúng sinh đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bao giờ thoái chuyển, mau được thuốc Phật vô thượng, tiêu trừ tất cả tên độc phiền não. Cầu mong cho chúng sinh siêng năng tu hành tinh tấn, thành tựu thân Kim cang của Như Lai, làm thuốc hay chữa trị mọi bệnh, khiến cho không còn có người sinh tâm tưởng tranh tụng. Cũng nguyện cho chúng sinh làm cây thuốc lớn chữa trị hết thảy các bệnh nặng hiểm nghèo. Nguyện cho chúng sinh nhổ mũi tên độc hại, thành tựu được ánh sáng cao cả của Như Lai; nguyện cho chúng sinh được vào tạng bí mật vi diệu thần dược trí tuệ của Như Lai”. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát như thế, đã ở trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, phát lời thệ nguyện ấy cho chúng sinh không còn bệnh nữa, thì do nhân duyên gì hôm nay Như Lai lại nói là có bệnh? Lại nữa, bạch Thế Tôn! Như có người đời bị bệnh, không thể ngồi dậy, cúi ngước, đi lại, ăn không được, uống không trôi, cũng không thể chăm lo việc nhà, dạy dỗ các con. Bấy giờ, cha mẹ, vợ con, anh em, bà con, bạn bè, mọi người đều cho rằng người kia nhất định sắp chết. Bạch Thế Tôn! Hôm nay Như Lai cũng vậy, nằm xoay người về bên phải lại không nói năng. Có rất nhiều người ngu ở cõi Diêm-phù-đề này sẽ nghĩ như vầy: Như Lai Chánh Giác chắc chắn phải vào Niết-bàn, nên sinh tưởng diệt tận, nhưng tánh Như Lai thật không vào Niết-bàn. Vì sao? Vì Như Lai luôn ở trong trạng thái không sinh không diệt, do nhân duyên này nên không thể nói nay Ta đau lưng. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Người đời đau ốm, thân thể tổn hao suy yếu, hoặc nằm ngửa, hoặc nằm nghiêng trên giường nệm. Lúc ấy, những người trong gia đình lòng sinh lo buồn cứ tưởng là chết. Nay đây Như Lai cũng vậy, sẽ bị chín mươi lăm phái ngoại đạo khinh rẻ, cho là vô thường. Các ngoại đạo ấy sẽ nói thế này: "Không như chúng ta, ngã tánh luôn thường tại, các pháp, thời tiết, vi trần v.v... luôn luôn tồn tại, không thay đổi. Sa-môn Cù-đàm bị vô thường thay đổi, đó là pháp biến dịch".

Bạch Thế Tôn! Hôm nay Thế Tôn không nên im lặng nằm nghiêng bên phải. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ở đời có người bệnh, bốn đại tăng giảm không điều hòa, ốm yếu, mệt mỏi. Do vậy không thể tùy ý ngồi dậy mà nằm mẹp trên giường nệm. Nhưng bốn đại của Như Lai điều hòa, sức lực dồi dào, không bị ốm đau. Bạch Thế Tôn! Như sức của mười con trâu con không bằng sức của một con trâu lớn, sức mười con trâu lớn không bằng sức của một con trâu tơ, sức của mười con trâu tơ không bằng sức của một con voi thường, sức của mười con voi thường không bằng sức của một con voi rừng, sức của mười con voi rừng không bằng sức của một con voi hai ngà, sức của mười con voi hai ngà không bằng sức của một con voi bốn ngà, sức của mười con voi bốn ngà không bằng sức của một con voi trắng trên núi Tuyết, sức của mười con voi trắng trên núi Tuyết không bằng sức của một con voi hương, sức của mười con voi hương không bằng sức của một con voi xanh, sức của mười con voi xanh không bằng sức của một con voi vàng, sức của mười con voi vàng không bằng sức của một con voi đỏ, sức của mười con voi đỏ không bằng sức một con voi trắng, sức của mười con voi trắng không bằng sức của một con voi núi, sức của mười con voi núi không bằng sức của một con voi ưu-bát-la, sức của mười con voi ưu-bát-la không bằng sức của một con voi câu-vật-đầu, sức của mười con voi câu-vật-đầu không bằng sức của một con voi phân-đà-lợi, sức của mười con voi phân-đà-lợi không bằng sức của một người lực sĩ, sức của mười người lực sĩ không bằng sức của một Bát-kiện-đề, sức của mười Bát-kiện-đề không bằng sức của một Bát-tý-na-la-diên, sức của mười Bát-tý-na-la-diên không bằng sức một lóng tay của một vị Bồ-tát thập trụ. Các lóng xương trong thân của người phàm phu không kề nhau, đầu lóng xương của đại lực sĩ trong loài người sát nhau, các lóng xương của thân Bát-kiền-đề nối nhau, đầu lóng xương của Na-la- diên móc nhau, đầu lóng xương của Bồ-tát thập trụ dính liền với nhau như rồng cuộn. Do vậy, sức mạnh của Bồ-tát rất lớn. Lúc thế giới thành lập từ cảnh giới Kim cang, hiện tòa Kim cang lên đến đạo tràng nơi cây Bồ-đề, Bồ-tát ngồi trên tòa ấy, tâm liền chứng đắc mười lực. Nay Như Lai chẳng nên như trẻ con thơ bé, trẻ con ngu si không biết, không thể nói năng, do đó nên trẻ nít nằm ngửa nằm nghiêng chẳng ai quở trách. Còn Như Lai Thế Tôn có đại trí tuệ chiếu soi tất cả, là rồng trong loài người, đầy đủ oai đức lớn, thành tựu thần thông, bậc tiên nhân vô thượng dứt thẳng lưới nghi, nhổ hết tên độc, đi đứng an lành, oai nghi đầy đủ, không còn lo sợ, nhưng giờ đây vì sao Đức Như Lai nằm yên bên mặt, làm cho hàng trời, người lo rầu buồn khổ.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp ở trước Phật nói kệ:

Cù-đàm bậc Thánh đức
Xin khai diễn pháp mầu
Không nên như trẻ thơ
Như người bệnh liệt giường
Bậc thầy của trời người
Nằm dựa nơi song lâm
Để cho người ngu thấy
Nói rằng Phật Niết-bàn
Không hiểu kinh Phương Đẳng

Việc Phật làm sâu xa
Không thấy tạng vi mật
Như mù chẳng thấy đường
Chỉ có các Bồ-tát
Như Văn-thù-sư-lợi
Hiểu việc sâu xa ấy
Ví như người bắn giỏi
Chư Phật trong ba đời
Lấy đại bi làm gốc
Đại từ bi như vậy
Nay để tại chỗ nào
Nếu là không đại bi
Thì chẳng gọi là Phật
Nếu Phật vào Niết-bàn
Thì chẳng gọi là thường
Ngưỡng mong Đấng Thế Tôn
Thương nhận lời con thỉnh
Làm lợi ích chúng sinh
Hàng phục các ngoại đạo.

Lúc này, Đức Thế Tôn với tâm đại bi, biết rõ tâm niệm của đại chúng, muốn tùy thuận để được lợi ích rốt ráo, liền dậy ngồi kiết già, dung nhan tươi vui như khối vàng sáng, khuôn mặt đẹp đẽ như trăng rằm, hình dạng thanh tịnh không có cấu uế, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp hư không, ánh sáng đó hơn cả trăm ngàn mặt trời chiếu khắp thế giới chư Phật ở mười phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên dưới, ban bố đuốc trí tuệ cho chúng sinh để diệt trừ bóng tối vô minh, làm cho trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh an trú tâm Bồ-đề bất thoái.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lòng không nghi ngờ, lo lắng, như sư tử chúa, dùng ba mươi hai tướng của đại nhân, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân. Mỗi lỗ chân lông hiện trên thân Đức Thế Tôn đều hiện ra một hoa sen, hoa sen ấy đẹp đẽ đủ ngàn cánh, thuần màu vàng ròng, cọng bằng lưu ly, tua bằng kim cang, gương bằng ngọc mai khôi hình lớn tròn như bánh xe. Những hoa sen ấy đều phóng ra ánh sáng nhiều màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, tía, pha lê. Các loại ánh sáng ấy đều chiếu khắp đến địa ngục A-tỳ, địa ngục Tưởng, địa ngục Hắc Thằng, địa ngục Chúng Hợp, địa ngục Khiếu Hoán, địa ngục Đại Khiếu Hoán, địa ngục Tiêu Nhiệt, địa ngục Đại Tiêu Nhiệt. Trong tám địa ngục ấy, các chúng sinh thường bị bức thiết bởi những khổ não như đốt, nấu, nướng, chặt, đâm, chém, lột da v.v... gặp ánh sáng này rồi, thì những nỗi thống khổ như thế đều tiêu tan hết, an ổn, mát mẻ, vui vẻ khôn cùng. Trong ánh sáng này lại tuyên nói tạng bí mật của Như Lai: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”. Chúng sinh nghe xong, sau khi mạng chung liền sinh lên cõi trời, cho đến các loại chúng sinh trong tám địa ngục băng giá như: địa ngục A-ba-ba, địa ngục A-tra-

tra, địa ngục A-la-la, địa ngục A-bà-bà, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Ba-đầu-ma, địa ngục Câu-vật-đầu, địa ngục Phân-đà-lợi. Chúng sinh ở trong những địa ngục ấy thường bị khổ não, bức bách của sự lạnh giá, đó là thân thể bị phanh xé nát vụn, tàn hại lẫn nhau. Khi gặp ánh sáng này thì các khổ ấy cũng đều hết sạch, thân thể liền được điều hòa ấm, nóng. Trong ánh sáng này lại cũng nói tạng bí mật của Như Lai rằng: “Các chúng sinh đều có Phật tánh”. Các chúng sinh nghe xong, liền mạng chung được sinh lên cõi trời. Lúc ấy, trong cõi Diêm-phù-đề này và các thế giới khác, tất cả địa ngục thảy đều trống không, không có người thọ tội, trừ Nhất-xiển- đề.

Loài chúng sinh, ngạ quỷ khổ vì đói khát, bức bách, lấy tóc cột thân, trăm ngàn năm chưa nghe được tên nước, gặp ánh sáng này liền hết đói khát. Trong ánh sáng ấy cũng nói tạng bí mật vi diệu của Như Lai: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”. Chúng sinh nghe xong, liền mạng chung được sinh vào cõi trời hoặc người, khiến cảnh giới của ngạ quỷ cũng đều rỗng không, trừ kẻ hủy báng kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa. Chúng sinh ở trong loài súc sinh giết hại lẫn nhau, ăn nuốt lẫn nhau, khi gặp ánh sáng này thì lòng sân hận không còn. Trong ánh sáng này cũng nói ra tạng bí mật vi diệu của Như Lai: “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”. Chúng sinh nghe xong, liền mạng chung được sinh lên cõi trời, cõi người. Ngay lúc đó, không còn súc sinh, trừ kẻ hủy báng chánh pháp.

Trong từng bông sen ấy đều có Đức Phật, ánh sáng một tầm màu vàng chói lọi, vi diệu đoan nghiêm cao cả không gì bằng. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân thể, các Đức Thế Tôn đó hoặc ngồi, hoặc đi, hoặc nằm, hoặc đứng, hoặc phát ra tiếng sấm, hoặc làm mưa, hoặc phóng điện chớp, hoặc nổi gió, hoặc làm ra khói, thân như khối lửa, hoặc hiện núi bảy báu, ao, suối, sông, rạch, núi rừng, cây cối, hoặc lại hiện đất nước, thành ấp, xóm làng, cung điện, nhà cửa bằng bảy báu, hoặc hiện ra các loài như voi, ngựa, sư tử, hổ lang, khổng tước, phượng hoàng, chim chóc, hoặc hiện địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc hiện ra sáu cõi trời thuộc Dục giới. Lại có Thế Tôn nói ấm, giới, các nhập rất nhiều nỗi khổ, hoặc có Thế Tôn thuyết pháp bốn Thánh đế, hoặc có Thế Tôn nói nhân duyên của các pháp, hoặc có Thế Tôn lại nói nghiệp báo phiền não đều do nhân duyên sinh, hoặc có Thế Tôn nói ngã và vô ngã, hoặc có Thế Tôn nói hai pháp khổ, vui, hoặc có Thế Tôn nói thường và vô thường v.v... hoặc có Thế Tôn nói tịnh và bất tịnh, hoặc có Thế Tôn vì các Bồ-tát diễn nói việc hành sáu pháp Ba-la-mật, hoặc có Thế Tôn lại nói công đức của Bồ-tát, hoặc có Thế Tôn lại nói công đức của chư Phật, hoặc có Thế Tôn lại nói công đức của hàng Thanh văn và người, hoặc có Thế Tôn nói pháp tùy thuận Nhất thừa, hoặc có Thế Tôn nói Tam thừa thành đạo, hoặc có Thế Tôn hông bên trái tuôn nước, hông bên phải tuôn lửa, hoặc có Thế Tôn thị hiện sơ sinh xuất gia, ngồi nơi đạo tràng nơi gốc Bồ-đề, chuyển bánh xe pháp vi diệu rồi vào Niết-bàn. Hoặc có Thế Tôn phát ra tiếng nói oai hùng như tiếng sư tử rống khiến cho trong chúng hội này có người được Sơ quả, Nhị quả, Tam quả cho đến Tứ quả, hoặc có Thế Tôn lại nói vô lượng nhân duyên ra khỏi sinh tử. Lúc ấy, trong chốn Diêm-phù- đề này, nếu có chúng sinh nào gặp được ánh sáng này rồi thì người mù thấy sắc, người điếc nghe âm thanh, người câm nói được, người què đi được, người nghèo được của cải, người keo kiệt có thể bố thí, người nóng giận lại khởi tâm từ, người không tin lại tin. Như vậy, ở trong thế giới không còn chúng sinh nào làm các việc ác, trừ Nhất-xiển-đề. Khi đó, hết thảy Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, La-sát, Kiền-đà, Ưu-ma-đà, A-bà-ma-la, nhân và phi nhân v.v... đồng thanh tán thán: “Lành thay! Lành thay! Bậc Thế Tôn vô thượng làm nhiều lợi ích”. Nói lời ấy xong, nhảy nhót vui mừng, hoặc ca, hoặc múa, hoặc thân hình chuyển động, dùng các loài hoa rải trên Phật và Tăng như hoa trời ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa ba-đầu- ma, hoa phân-đà-lợi, hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, hoa mạn- thù-sa, hoa ma-ha mạn-thù-sa, hoa tán-đà-na, hoa ma-ha tán-đà-na, hoa lô-chỉ-na, hoa ma-ha lô-chỉ-na, hoa hương, đại hoa hương, hoa thích ý, hoa đại thích ý, hoa ái kiến, hoa đại ái kiến, hoa đoan nghiêm, hoa đệ nhất đoan nghiêm, lại tung các thứ hương như: hương trầm thủy, đà-dà-lâu, hương châu-đàn-uất kim hòa hợp, hương tạp, hương hải ngạn tu. Lại dùng cờ phướn, lọng báu của cõi trời, các thứ nhạc trời như đàn tranh, ống sáo, sênh, đàn sắt, đàn không hầu, cổ súy cúng dường Đức Phật, rồi nói kệ:

Chúng con đảnh lễ
Đại Tinh Tấn Đấng Lưỡng túc
Chánh giác vô thượng
Đại chúng trời người không ai biết
Chỉ có Như Lai mới rõ được
Xưa Đức Thế Tôn vì chúng con
Trong vô lượng kiếp tu khổ hạnh
Sao lại một mai buông thệ nguyện
Xả bỏ thọ mạng vào Niết-bàn
Tất cả chúng sinh không thể thấy
Tạng bí mật của Đức Thế Tôn
Do nhân duyên này khó ra khỏi
Luân chuyển sinh tử, đọa đường ác
Chư Phật từng nói A-la-hán

Tất cả đều sẽ đến Niết-bàn
Hành xứ của Phật sâu xa thế
Phàm phu ngu si ai biết được
Ban pháp cam lồ cho chúng sinh
Vì muốn dứt trừ các phiền não
Nếu có người uống cam lồ này
Thì chẳng còn sinh, già, bệnh, chết
Đức Như Lai Thế Tôn chữa trị
Trăm ngàn vô lượng các chúng sinh
Làm cho ai có các bệnh nặng
Đều khiến lành hẳn không còn nữa
Thế Tôn từ lâu không bệnh khổ
Cho nên được gọi Phật thứ bảy
Ngưỡng mong hôm nay rưới mưa pháp
Thấm nhuần mầm công đức chúng con
Vì vậy đại chúng và trời người
Thỉnh cầu như vậy rồi lặng yên.

Khi nói kệ này, trong đài hoa sen, tất cả chư Phật từ cõi Diêm- phù-đề đến tận cõi Tịnh cư đều được nghe bài kệ này.

Bầy giờ, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp.

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông đã đầy đủ trí tuệ vi diệu rất sâu như vậy, không bị tất cả tà ma ngoại đạo phá hoại.

Này thiện nam! Ông đã an trú, không bị tất cả các ngọn gió tà ác làm lay động. Thiện nam! Ông đã thành tựu biện tài nhạo thuyết, ông đã từng cúng dường vô lượng hằng hà sa chư Phật Thế Tôn đời quá khứ, nên có thể hỏi Như Lai Chánh Giác những nghĩa như vậy. Này thiện nam! Thuở xưa ở trong vô lượng vô biên ức na-do-tha trăm ngàn vạn kiếp, Ta trừ hết gốc của bệnh tật, lìa hẳn dựa nằm.

Này Ca-diếp! Vô lượng vô số kiếp về quá khứ, có Đức Phật ra đời hiệu Vô Lượng Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn vì các Thanh văn nói kinh Niết-bàn Đại Thừa, chỉ bày phân biệt, làm sáng tỏ nghĩa của kinh. Bấy giờ, Ta cũng vì Đức Phật kia mà làm Thanh văn, thọ trì kinh Đại Niết-bàn, đọc tụng thông suốt, ghi chép kinh ấy, rộng vì mọi người chỉ bày, phân biệt, giảng giải ý nghĩa của kinh, đem thiện căn ấy hồi hướng về quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Ta từ xưa đến nay chưa từng có các nghiệp duyên phiền não, đọa vào đường ác, phỉ báng chánh pháp, làm Nhất- xiển-đề, thọ thân hoàng môn, không căn hoặc hai căn, phản nghịch cha mẹ, giết A-la-hán, phá pháp hại Tăng, làm thân Phật ra máu, phạm bốn giới trọng. Ta từ xưa đến nay thân tâm yên ổn, không có các khổ não.

Này Ca-diếp! Ta nay không có tất cả các bệnh tật. Vì sao? Chư Phật Thế Tôn từ lâu đã xa lìa tất cả bệnh tật.

Này Ca-diếp! Chúng sinh không biết các giáo nghĩa bí mật Phương Đẳng Đại Thừa, nên cho Như Lai là thật có bệnh.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai là sư tử trong loài người, mà kỳ thật Như Lai chẳng phải sư tử. Lời nói như vậy chính là giáo nghĩa bí mật của Như Lai.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai là loài rồng lớn trong loài người, mà Như Lai đã từ trong vô lượng kiếp xa lìa, xả bỏ nghiệp này.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai là người, là trời, mà Như Lai thật chẳng phải là người, chẳng phải là trời, cũng chẳng phải là quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, chẳng phải ngã, chẳng phải mạng, chẳng phải có thể dưỡng dục, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ, chẳng phải Thế Tôn, chẳng phải Thanh văn, chẳng phải nói, chẳng phải không nói. Các lời nói như vậy, đều là giáo nghĩa bí mật của Như Lai.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai giống như biển cả, như núi chúa Tu-di, nhưng Như Lai thật chẳng phải vị mặn, chẳng phải đồng với núi đá. Nên biết lời nói như vậy là giáo nghĩa bí mật của

Như Lai.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai là Phân-đà-lợi mà Ta thật chẳng phải Phân-đà-lợi, lời nói như vậy cũng là giáo nghĩa bí mật của Như Lai.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai giống như cha mẹ, mà Như Lai thật chẳng phải cha mẹ, lời nói như vậy cũng là giáo nghĩa bí mật của Như Lai.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai là thuyền trưởng lớn, mà Như Lai chẳng phải thuyền trưởng lớn, lời nói như vậy cũng là giáo nghĩa bí mật của Như Lai.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai như người lái buôn, mà Như Lai chẳng phải người lái buôn, lời nói như vậy cũng là giáo nghĩa bí mật của Như Lai.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai có thể hàng phục ma mà Như Lai kỳ thật không có tâm ác muốn người khác quy phục. Những lời nói như vậy đều là giáo nghĩa bí mật của Như Lai.

Này Ca-diếp! Như nói Như Lai có thể trị được ung nhọt nhưng Ta thật chẳng phải là thầy trị ung nhọt. Lời nói đó cũng là giáo nghĩa bí mật của Như Lai

Này Ca-diếp! Như Ta nói ở trước, nếu có người nam người nữ nào khéo có thể tu hành nghiệp thân, khẩu, ý, lúc xả bỏ thân mạng, dầu người thân giữ được thi hài, hoặc lấy lửa thiêu, hoặc ném vào nước lớn, hoặc bỏ trong bãi tha ma, chồn sói cầm thú cùng nhau đến giành ăn, nhưng tâm thức người đó sinh về cõi lành. Tâm thức như vậy thật không đi không lại, cũng không chỗ đến, chỉ là giống nhau, trước sau tương tục, tướng mạo chẳng sai khác. Lời nói như vậy cũng là giáo nghĩa bí mật của Như Lai.

Này Ca-diếp! Nay Ta nói có bệnh cũng như vậy, cũng là giáo nghĩa bí mật của Như Lai. Cho nên Ta đã bảo Văn-thù-sư-lợi: “Ta nay đau lưng, ông nên vì bốn chúng nói pháp”.

Này Ca-diếp! Như Lai Chánh Đẳng Giác thật không có bệnh mà nằm bên phải, cũng không rốt ráo vào Niết-bàn.

Này Ca-diếp! Đại Niết-bàn đây là thiền định rất sâu của chư Phật, thiền định này chẳng phải cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác. Này Ca-diếp! Ông trước có hỏi, cớ gì Đức Như Lai nằm yên chẳng ngồi dậy, chẳng đòi ăn uống, chẳng dặn bảo quyến thuộc chăm sóc sản nghiệp.

Này Ca-diếp! Tánh hư không cũng chẳng ngồi dậy, chẳng đòi ăn uống, chẳng dặn bảo quyến thuộc chăm sóc sản nghiệp, cũng không đi, không lại, không sinh diệt, không già trẻ, không xuất hiện, không ẩn mất, không phá, không giải thoát, không ràng buộc, cũng không nói mình, cũng không nói người, không tự hiểu, cũng không hiểu người, chẳng phải an, chẳng phải bệnh.

Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, giống như hư không thì sao mà có những bệnh khổ.

Này Ca-diếp! Ở đời có ba hạng người mang bệnh khó trị. Một là hủy báng Đại thừa, hai là phạm tội ngũ nghịch, ba là Nhất-xiển-đề. Ba loại bệnh này rất nặng ở trong đời. Hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ- tát đều không thể trị được. Này thiện nam! Ví như người có bệnh chắc chắn khó trị thì hoặc có người chăm sóc, tùy ý thuốc thang, hoặc không có người chăm sóc tùy ý thuốc thang, nhất định người bệnh ấy chẳng thể trị, nên biết người bệnh ấy chắc chết chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Này thiện nam! Ba hạng người trên cũng vậy, nếu có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, hoặc có nói pháp, hoặc chẳng nói pháp cũng không thể làm cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Ca-diếp! Ví như người bệnh có người săn sóc, tùy ý thuốc thang thì có thể lành, nếu không đủ ba yếu tố này thì không thể lành. Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy, nghe chánh pháp với Phật và Bồ-tát liền có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải không nghe pháp mà phát tâm.

Này Ca-diếp! Ví như người bệnh hoặc có người săn sóc, tùy ý thuốc thang, hoặc không có người săn sóc, tùy ý thuốc thang đều có thể lành.

Có một hạng người cũng lại như vậy, hoặc gặp Thanh văn hay chẳng gặp, hoặc gặp Duyên giác hay chẳng gặp, hoặc gặp Bồ-tát hay chẳng gặp, hoặc gặp Như Lai hay chẳng gặp, hoặc được nghe pháp hay chẳng nghe, tự nhiên thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là hạng người nào? Chính là người hoặc vì mình hay vì người khác, hoặc vì sợ sệt, hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì dua nịnh, hoặc vì lừa gạt người khác, mà biên chép kinh Đại Niết-bàn này, rồi thọ trì, cúng dường, đọc tụng, cung kính, giảng nói cho người khác.

Này Ca-diếp! Có năm hạng người đối với kinh Niết-bàn Đại Thừa này, có bệnh hành xử chẳng phải là Như Lai. Năm hạng là những ai? Một là hạng người đoạn trừ ba kết, đắc quả Tu-đà-hoàn, chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, bảy lần sinh trong loài trời, người, dứt sạch các khổ não mà vào Niết-bàn. Này Ca-diếp! Đây gọi là hạng người thứ nhất có bệnh hành xử. Người này thuở vị lai, qua khỏi tám muôn kiếp sẽ thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Ca-diếp! Hạng người thứ hai đoạn ba kết, tham, sân, si mỏng, đắc quả Tư-đà-hàm, một lần qua lại cõi trời, người, dứt hẳn các khổ não mà vào Niết-bàn. Này Ca-diếp! Đây là hạng người thứ hai có bệnh hành xử. Người này ở thuở vị lai, qua khỏi sáu muôn kiếp sẽ thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Ca-diếp! Hạng người thứ ba dứt năm hạ phần kết đắc quả A- na-hàm, chẳng còn sinh trong loài người, dứt hẳn các khổ não mà vào Niết-bàn. Đây là hạng người thứ ba có bệnh hành xử. Người này thuở vị lai qua khỏi bốn muôn kiếp, sẽ đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Ca-diếp! Hạng người thứ tư dứt hẳn tham dục, sân giận, ngu si, đắc quả A-la-hán, không còn các phiền não mà vào Niết-bàn, cũng chẳng phải là hạng kỳ lân độc nhất. Đây là hạng người thứ tư có bệnh hành xử. Người này thuở vị lai qua khỏi hai muôn kiếp, sẽ đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Ca-diếp! Hạng người thứ năm dứt hẳn tham dục, sân nhuế, ngu si, đắc quả Phật-bích-chi, phiền não dứt sạch mà vào Niết-bàn, chính là hạng kỳ lân độc nhất. Đây là hạng người thứ năm có bệnh hành xử. Người này thuở vị lai qua khỏi mười ngàn kiếp, sẽ đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Ca-diếp! Đó là năm hạng người có bệnh hành xử, chẳng phải là Như Lai.

□

PHẨM 7: THÁNH HẠNH 1

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Bậc Đại Bồ-tát phải nên đối với kinh Đại Niết-bàn chuyên tâm suy nghĩ năm thứ hạnh. Những gì là năm? Một là Thánh hạnh, hai là Phạm hạnh, ba là Thiện hạnh, bốn là Anh nhi hạnh, năm là Bệnh hạnh.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát thường tu năm hạnh này. Lại có một hạnh, là Như Lai, đó là kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa. Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát tu Thánh hạnh như thế nào? Đại Bồ-tát hoặc từ Thanh văn, hoặc từ Như Lai được nghe kinh Đại Niết-bàn như vậy, nghe xong sinh lòng tin, tin rồi nên suy nghĩ như vầy: "Chư Phật Thế Tôn có đạo vô thượng, có chánh pháp lớn, có đại chúng chánh hạnh, lại có kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa. Ta nay nên vì ưa thích mong cầu kinh điển Đại thừa mà lìa bỏ vợ con thương yêu, quyến thuộc, nhà cửa, vàng bạc, châu báu, chuỗi ngọc đẹp, hương hoa, kỹ nhạc, tôi tớ trai gái, nam nữ lớn nhỏ và các loài tùy thuộc như xe cộ, bò, dê, gà, chó, heo lợn". Lại nghĩ thế này: "Ở nhà thì chật hẹp, bức bách như lao ngục, do đó sinh tất cả các phiền não. Xuất gia thì khoáng đãng như hư không, tất cả các pháp thiện nhân đây được tăng trưởng. Nếu ở nhà thì trọn đời chẳng tu được phạm hạnh. Nay ta nên cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo”. Nghĩ như vậy rồi Bồ-tát lại nghĩ “Ta nay quyết định xuất gia tu học đạo Bồ-đề vô thượng chân thật”. Lúc Bồ-tát xuất gia như vậy, Thiên ma Ba-tuần rất khổ não nói: “Bồ-tát này sẽ cùng chúng ta khởi chiến tranh lớn”. Này thiện nam! Bồ-tát này sẽ cùng người chiến tranh như thế nào? Khi ấy Bồ-tát liền đến tu viện, thấy Như Lai và hàng đệ tử oai nghi đầy đủ, các căn vắng lặng, lòng nhu hòa thanh tịnh, liền đến chỗ các vị ấy cầu xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y. Xuất gia xong, luôn giữ giới cấm, oai nghi đầy đủ, cử chỉ an lành, không gì sai phạm, cho đến tội nhỏ cũng sinh lòng sợ sệt, tâm giữ giới chắc như kim cương. Này thiện nam! Ví như người muốn mang phao nổi vượt qua biển lớn. Bấy giờ, trong biển có quỷ La-sát muốn theo người đó để xin chiếc phao. Người đó nghe xong liền nghĩ: “Nếu cho nó, ta chắc phải chết chìm”. Nghĩ rồi đáp: “Này La-sát! Thà ngươi giết ta, chớ ta không thể cho phao nổi được”. La-sát nói: “Nếu ông chẳng cho hết, thì cho ta một nửa”. Người ấy vẫn không cho. La-sát lại nói: “Nếu không cho một nửa thì cho một phần ba”. Người ấy vẫn không chịu. La-sát lại nói: “Nếu không thể, thì chỉ cho một mảnh bằng bàn tay”. Người ấy cũng không chịu. La-sát lại nói: “Nếu ngươi không thể cho ta một mảnh bằng lòng bàn tay thì ta nay bị đói khổ bức bách, xin cho ta một tí bằng hạt bụi thôi”. Người đó đáp: “Nhà ngươi dầu xin rất ít, nhưng nay ta cần qua biển, chẳng biết đường xa hay gần. Nếu cho ngươi thì phao sẽ xì hơi, ta dần dần làm sao mà qua khỏi nạn được, có thể sẽ bị chết chìm giữa biển”. Thiện nam! Bồ-tát hộ trì giới cấm cũng như vậy, như người kia qua biển mà giữ phao nổi. Lúc Bồ-tát giữ giới như thế, thường có các La-sát ác phiền não nói với Bồ-tát: “Ông nên tin tôi chẳng bao giờ dối nhau, chỉ phá bốn giới trọng, giữ gìn các giới khác. Do nhân duyên này khiến cho được an ổn vào Niết-bàn”. Lúc ấy, Bồ-tát nên nghĩ: “Thà ta giữ giới cấm như thế mà đọa vào địa ngục A-tỳ, quyết chẳng hủy phạm để sinh lên cõi trời”. La-sát phiền não lại nói: “Nếu ông chẳng phá bốn giới trọng, cũng có thể phá Tăng tàn, do đó có thể khiến cho ông được an ổn vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng không bằng lòng. La-sát lại nói: “Nếu ông chẳng phạm tội Tăng tàn, cũng nên phạm tội Thâu-lan-giá, do đó khiến ông được an ổn vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng chẳng nghe theo. La-sát lại nói: “Nếu ông chẳng phạm tội Thâu-lan-giá, nên phạm tội Xả-đọa, do đó an ổn vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng chẳng nghe theo. La-sát lại nói: “Nếu ông không thể phạm tội Xả-đọa thì nên phạm tội Ba-dật-đề, do đó khiến ông được an ổn vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng chẳng nghe theo. La-sát lại nói: “Nếu ông không thể phạm tội Ba-dật- đề thì nên phạm tội Đột-cát-la, do đó có thể được an ổn vào Niết-bàn”. Khi ấy, Bồ-tát tự nghĩ: “Ta nay nếu phạm tội Đột-cát-la mà không phát lồ thì không thể qua bên kia bờ sinh tử để vào Niết-bàn”. Khi ấy, Đại Bồ-tát đối với các giới luật nhỏ nhiệm luôn gìn giữ kiên cố, tâm chắc như kim cang. Đại Bồ-tát giữ bốn giới trọng hay Đột-kiết-la đều kính trọng như nhau không gì sai khác. Nếu Bồ-tát có thể giữ giới vững chắc như vậy thì đầy đủ năm chi giới.

Đó là đầy đủ: Bồ-tát căn bản nghiệp thanh tịnh giới, tiền hậu quyến thuộc dư thanh tịnh giới, phi chư ác giác, giác thanh tịnh giới, hộ trì chánh niệm, niệm thanh tịnh giới, hồi hướng A-nậu-đa-la-tam-miệu tam-bồ-đề giới.

Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát ấy lại có hai loại giới: một là thọ thế gian giáo giới, hai là đắc chánh pháp giới. Nếu bồ-tát thọ chánh pháp giới thì không bao giờ làm ác, còn thọ thế gian giáo giới thì bạch tứ yết-ma, sau đó mới đắc. Lại nữa, này thiện nam! Có hai loại giới. Một là giới tánh trọng, hai là giới dứt sự cơ hiềm của thế gian. Giới tánh trọng là bốn giới trọng, giới dứt sự cơ hiềm của thế gian là không buôn bán cân non, đong thiếu, lừa dối người khác, mượn thế lực người khác để lấy tài vật của người, ôm giữ tâm hại, phá hoại sự thành công của người, thắp đèn sáng mà nằm, gieo trồng ruộng nương, nuôi chứa voi ngựa, xe cộ, bò dê, lạc đà, lừa, gà, chó, vượn, chim công, két, chim cọng mạng, cùng câu-chỉ-la, cọp, beo, chó sói, mèo, chồn, lợn và các loài ác thú khác. Chẳng chứa đồng nam đồng nữ, thanh niên nam nữ, nô tỳ, trẻ giúp việc, cũng không chứa các thứ quý như vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ, mã não, san hô, ngọc bích, kha bối, đồng đỏ, chì, hợp kim, các thứ chén bát, không chứa nệm lông, chiếu lông, áo da, không chứa các thứ lúa gạo, nếp mè, bắp đậu, đồ đựng thức ăn sống và chín, thường ăn một bữa, chớ ăn hai bữa. Nếu có đi khất thực thì ăn cùng Tăng chúng, nên biết vừa đủ, không nhận lời mời riêng của người khác, không ăn thịt uống rượu, không dùng năm thứ cay nồng, cho nên thân Bồ-tát không có mùi hôi, luôn được loài trời và loài người cung kính, cúng dường, tôn trọng ngợi khen, đi khất thực mà ăn, không thọ nhận lâu dài, nhận y phục vừa đủ che thân, đi đâu cũng mang ba y, bình bát, tọa cụ không bao giờ rời bỏ, như hai cánh của một con chim, chẳng chứa các giống như củ, cậu, mắc, đậu, hạt v.v... không chứa của báu vàng bạc, đồ ăn uống, kho bếp, áo quần, trang sức, không nằm giường cao rộng lớn, giường ngà voi vàng và các loại dệt thêu đủ màu đều không ngồi. Không chứa tất cả các loại chiếu mềm nhuyễn, không ngồi trên cỏ voi, cỏ ngựa, không dùng áo vải mỏng mịn đẹp đẽ để trải lót giường nằm, trên giường không để hai gối hai đầu, không nhận chứa gối đỏ đẹp đẽ, nằm gối cây chạm trổ, nhất định không xem đấu voi, đấu ngựa, đấu xe, đấu binh, đấu nam, đấu nữ, đấu bò, đấu dê, đấu trâu, đấu gà, đấu trĩ, anh vũ v.v... Cũng không nên đi xem hai bên đánh nhau, cũng không nên nghe thổi các loại tù và, sừng, đàn cầm, đàn sắt, đàn tranh, ống sáo, đàn không hầu, ca xướng kỹ nhạc, trừ khi để cúng dường Phật. Cũng không xem đấu voi, sư tử, đánh bạc, đánh cờ vây, chơi ba-la-tắc, cờ đạn, lục bát, đánh cầu, ném đá, quăng khổn, dẫn đường đi thành tám lối. Tất cả các thứ vui đùa đều không nên xem. Không xem tướng tay, chân, mắt, mặt, không được móng, gương, cỏ chi, nhành dương, chén sành, đầu lâu để coi bói, cũng không ngẩng mặt xem đoán sao trên trời, trừ khi muốn làm cho hết buồn ngủ, không làm sứ giả qua lại cho nhà vua, không đem chuyện của người này nói cho người kia, người kia nói cho người này, không được nói lời dua nịnh theo nghề tà để mưu sinh, cũng không nên nói chuyện vua quan, trộm cướp, đấu tranh, ăn uống, quốc độ, đói khát, sợ hãi, giàu vui, an ổn. Này thiện nam! Đây là giới dứt sự cơ hiềm của thế gian của bậc Đại Bồ-tát.

Này thiện nam! Bậc Đại Bồ-tát giữ vững giá giới như vậy cùng với giới tánh trọng ngang nhau không sai biệt. Này thiện nam! Đại Bồ- tát giữ gìn các giới như vậy xong, phát lời thệ nguyện: “Thà đem thân này nhảy vào hố sâu lửa dữ rực cháy, chứ không bao giờ hủy phạm giới cấm mà chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã chế để làm các hạnh bất tịnh với con gái của hàng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ”.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà lấy sắt nóng quấn vào thân chứ không bao giờ dùng thân phá giới để nhận y phục của đàn-việt tín tâm.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà dùng miệng nuốt viên sắt nóng chứ không bao giờ dùng miệng hủy giới để ăn uống vật thực của đàn-việt tín tâm.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà đem thân này nằm trên giường sắt nóng chứ không bao giờ dùng thân phá giới để thọ dụng giường nằm, ngọa cụ của đàn-việt tín tâm.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà đem thân này chịu ba trăm mũi kim châm chứ không bao giờ dùng thân phá giới để thọ dụng thuốc thang của đàn-việt tín tâm.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà đem thân này nhảy vào vạc sắt nóng chứ không bao giờ dùng thân phá giới để thọ dụng phòng ốc, nhà cửa của đàn-việt tín tâm.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại

nguyện: Thà lấy dùi sắt đập nát thân này từ đầu đến chân ra nhỏ như hạt bụi chứ không bao giờ dùng thân phá giới để nhận sự cung kính lễ bái của dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà lấy sắt nóng bỏ vào trong mắt chứ không đem tâm nhiễm ô để nhìn sắc đẹp người khác.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà lấy dùi sắt đâm thủng tai chứ không dùng tâm nhiễm ô để nghe tiếng hay.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà lấy dao bén cắt bỏ mũi này chứ không dùng tâm nhiễm ô tham ngửi mùi hương.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà lấy dao bén cắt bỏ lưỡi này chứ không dùng tâm nhiễm ô tham đắm vị ngon.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại nguyện: Thà lấy dao bén chặt đứt thân này chứ không dùng tâm tham đắm các xúc. Vì sao? Vì nhân duyên ấy có thể khiến cho hành giả đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó được gọi là Bồ-tát giữ gìn giới cấm. Sau khi Bồ-tát giữ gìn các giới cấm rồi đều đem bố thí cho các chúng sinh. Do nguyện cầu cho tất cả chúng sinh giữ gìn giới cấm nên từ đó được giới thanh tịnh, giới thiện, giới bất khuyết, giới chẳng phân tán, giới Đại thừa, giới bất thoái, giới tùy thuận, giới rốt ráo, thành tựu đầy đủ Giới Ba-la-mật.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trong lúc tu trì các giới thanh tịnh như vậy liền vào trụ ở địa sơ bất động. Vì sao gọi là địa sơ bất động? Bồ-tát trụ trong địa sơ bất động, chẳng đọa, chẳng thoái, chẳng tán.

Này thiện nam! Như núi Tu-di khi gặp gió mạnh thổi quanh không thể lay động sụp đổ, tan nát. Đại Bồ-tát ở trong địa này cũng như vậy, không bị dao động bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, không đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, không thoái lui vào quả vị Thanh văn, Phật-bích-chi, không bị ngọn gió tà kiến lay động mà làm các việc tà mạng.

Lại nữa, này thiện nam! Người bất động là không bị tham dục, sân hận làm lay động, người bất động là không rơi vào bốn giới trọng, người bất thoái là không bỏ giới để hoàn tục, người bất tán loạn là không bị người trái nghịch kinh Đại thừa làm tan hoại.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng không bị lay động bởi các ma phiền não, chẳng bị ma năm ấm làm đọa, cho đến ngồi nơi đạo tràng nơi gốc cây Bồ-đề, mặc dù có ma trời nhưng không thể làm cho Bồ-tát thoái lui quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, cũng không bị ma chết làm tán loạn.

Này thiện nam! Đó là Đại Bồ-tát tu tập các Thánh hạnh. Vì sao gọi là Thánh hạnh? Thánh hạnh là việc làm của chư Phật và Bồ-tát nên gọi là Thánh hạnh. Vì cớ gì chư Phật và Bồ-tát gọi là Thánh nhân? Các vị này đã có Thánh pháp như vậy, luôn quán sát các pháp tánh rỗng lặng, do đó nên gọi là Thánh nhân. Vì có Thánh giới nên gọi là Thánh nhân. Vì có Thánh định, tuệ nên gọi là Thánh nhân. Vì có bảy Thánh tài đó là tín, giới, tàm quý, đa văn, trí tuệ, xả ly nên gọi là Thánh nhân. Có bảy Thánh giác nên gọi là Thánh nhân. Do ý nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XII

PHẨM 7: THÁNH HẠNH 2

Lại nữa, này thiện nam! Thánh hạnh của Đại Bồ-tát là quán sát thân này từ đầu đến chân, trong đó chỉ có tóc, lông, móng, răng, đồ bất tịnh nhơ bẩn, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tim, phổi, gan, mật, bao tử, ruột non, ruột già, tiểu tiện, đại tiện, nước mũi, nước miếng, nước mắt, óc, tủy, mũ, máu, mạch. Lúc Bồ-tát chuyên tâm quán sát nhớ nghĩ như vậy thì cái gì là ngã, ngã thuộc cái gì? Ngã ở chỗ nào, cái gì thuộc về ngã? Lại nghĩ như vầy: Xương là ngã chăng? Rời xương là ngã chăng? Lúc ấy, Bồ-tát bỏ da thịt chỉ quán sát xương trắng. Lại nghĩ sắc của xương khác nhau đó là xanh, vàng, đỏ, trắng và cả màu bồ câu; tướng xương như vậy cũng chẳng phải là ngã. Vì sao? Vì ngã chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng và màu bồ câu.

Lúc Bồ-tát chuyên tâm quán sát như vậy, liền dứt trừ được tất cả sắc dục. Lại nghĩ: Những xương như vậy đều từ nhân duyên mà sinh. Do xương bàn chân gắn liền mắt cá, xương mắt cá gắn liền xương ống quyển, do xương ống quyển gắn liền xương đầu gối, do xương đầu gối gắn liền xương đùi, do xương đùi gắn liền xương mông, do xương mông gắn liền xương sống, do xương sống gắn liền xương sườn, phần trên xương sống gắn liền xương cổ, do xương cổ gắn liền xương vai, do xương vai gắn liền xương cánh tay, đầu xương cánh tay gắn liền xương bắp tay, do xương bắp tay gắn liền xương bàn tay, do xương bàn tay gắn liền xương ngón tay.

Lúc Bồ-tát quán sát như vậy, tất cả các xương trong thân đều bị tách rời. Thành tựu quán sát như vậy xong rồi, liền đoạn trừ được ba sự ham muốn. Một là ham muốn hình tướng, hai là ham muốn dáng dấp, ba là ham muốn xúc chạm mịn màng. Đại Bồ-tát lúc quán sát xương màu xanh, thấy cõi đất mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng trên dưới, đều là tướng màu xanh; giống như màu xanh, quán sát xương màu vàng, màu trắng, màu chim bồ câu cũng lại như vậy.

Lúc Bồ-tát quán sát như vậy, giữa chặng mày liền chiếu ra ánh sáng sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, màu chim bồ câu. Khi ấy, Bồ-tát thấy trong mỗi ánh sáng này có hình Phật, thấy rồi liền hỏi: “Thân này do nhân duyên bất tịnh, hòa hợp chung lại mà thành, sao lại được ngồi, nằm, đi, đứng, co, duỗi, cúi, ngước, nhìn, nháy, thở, buồn, khóc, vui, cười? Trong thân này không có chủ thể, ai sai khiến những việc như vậy? Vừa hỏi xong, chư Phật trong ánh sáng liền biến mất.

Bồ-tát lại suy nghĩ: Hoặc thức là ngã, nên chư Phật chẳng vì ta mà nói. Lại quán sát thức này tuần tự sinh diệt giống như nước chảy cũng chẳng phải là ngã, vậy hơi thở ra, hơi thở vào có thể là ngã chăng? Lại suy nghĩ: Hơi thở ra vào đó chỉ là tánh gió, mà tánh gió là bốn đại, cái nào là ngã? Tánh đất chẳng phải ngã, tánh nước, tánh lửa, tánh gió cũng chẳng phải ngã. Lại suy nghĩ: Tất cả thân này đều không có ngã, chỉ có tâm niệm do nhân duyên hòa hợp mà hiện ra các loại sự việc: Giống như cảnh do sức bùa chú, ảo thuật làm ra, cũng như đàn không hầu tùy ý phát ra tiếng, cho nên thân này là bất tịnh, nhờ những nhân duyên hợp lại mà thành thì ở chỗ nào mà sinh tham dục? Lại ở chỗ nào mà sinh hờn giận nếu bị người mắng chửi? Thân này của ta do ba mươi sáu vật hôi hám bất tịnh hợp lại thì chỗ nào mà có người lãnh thọ sự mắng chửi? Nếu nghe mắng chửi bèn suy nghĩ: Dùng tiếng gì để thể hiện được sự mắng chửi? Từng tiếng, từng tiếng chẳng thể hiện được sự mắng chửi. Nếu một tiếng chẳng thành thì nhiều tiếng cũng chẳng thành. Do nghĩa như vậy, không nên sinh lòng sân hận. Nếu có người đến đánh cũng nên suy nghĩ: Sự đánh đập như vậy từ đâu mà sinh? Lại suy nghĩ: “Nhân vì sức tay, gậy cùng với thân ta nên gọi là đánh, nay ta duyên gì mà sân giận nơi người, chính là thân ta tự chuốc lấy lỗi này, vì ta thọ thân năm ấm. Giống như vì có cái đích nên mới có mũi tên bắn trúng. Cũng vậy, do có thân ta mới có sự đánh. Nếu ta không có nhẫn thì tâm tán loạn, nếu tâm tán loạn thì mất chánh niệm, nếu mất chánh niệm thì không thể quán sát nghĩa lành và chẳng lành, nếu không thể quán sát nghĩa lành và chẳng lành thì làm việc ác nên phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh”.

Lúc Bồ-tát quán sát như vậy rồi thì được bốn niệm xứ, được bốn niệm xứ rồi thì được trụ trong bậc kham nhẫn. Đại Bồ-tát trụ nơi bậc này rồi thì có thể nhịn chịu được những sự tham dục, sân hận, ngu si, cũng có thể chịu đựng những lạnh nóng, đói khát, muỗi mòng, rận rệp, gió dữ, xúc chạm, khó chịu, đủ các thứ bệnh dịch, lời hung ác, chửi rủa, mắng nhiếc, đánh đập. Tất cả những sự khổ não nơi thân, tâm đều có thể chịu được, cho nên gọi là bậc trụ kham nhẫn.

Đại Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chưa trụ được bậc bất động, lúc trì tịnh giới, có nhân duyên gì được phá giới không?

–Này thiện nam! Bồ-tát chưa trụ được bậc bất động, có nhân duyên, có thể phá giới được.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Điều đó như thế nào? Phật nói:

–Ca-diếp! Nếu có Bồ-tát biết rằng vì nhân duyên phá giới mà có thể khiến mọi người ưa thích thọ trì kinh điển Đại thừa, lại có thể khiến cho mọi người đọc tụng thông suốt, biên chép kinh điển, giảng nói rộng cho người khác chẳng thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì vì như vậy cho nên được phá giới. Lúc đó, Bồ-tát nên nghĩ: "Ta thà chịu tội đọa nơi địa ngục A-tỳ một kiếp hoặc dưới một kiếp nhưng cần phải làm cho người như vậy không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Này Ca-diếp! Do nhân duyên như vậy, Đại Bồ-tát được phá tịnh giới.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát thâu giữ, hộ trì người như vậy, làm cho họ không thoái thất tâm vì vậy phải hủy giới mà đọa vào địa ngục A-tỳ thì không có việc đó.

Đức Phật khen Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói. Ta nhớ thuở xưa, nơi cõi Diêm-phù-đề này, Ta làm Đại Quốc vương, tên là Tiên Dự. Nhà vua yêu mến, kính trọng kinh điển Đại thừa, tâm vua thuần thiện, không có độc ác, ganh ghét, keo kiệt, miệng thường nói lời dịu dàng, an lành, thân thường giúp đỡ kẻ nghèo hèn cô độc; bố thí, tinh tấn không ngừng nghỉ. Thuở ấy không có Phật, Thanh văn, Duyên giác. Đại vương ưa thích kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa, trong mười hai năm phụng thờ Bà-la-môn, cung cấp những đồ cần dùng. Qua mười hai năm cung phụng xong, Đại vương bảo Bà-la-môn: “Các vị nay nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bà-la-môn nói: “Đại vương! Tánh của Bồ-đề không sở hữu, kinh điển Đại thừa cũng lại như vậy, sao Đại vương muốn cho người cùng vật đồng với hư không”.

Này thiện nam! Bấy giờ nhà vua với tâm tôn trọng Đại thừa, nên khi nghe Bà-la-môn phỉ báng kinh Đại Thừa Phương Đẳng liền giết vị Bà-la-môn ấy. Này thiện nam! Do nhân duyên đó, từ thuở ấy đến nay vua chẳng đọa vào địa ngục. Này thiện nam! Ủng hộ giữ gìn kinh điển Đại thừa nên có vô lượng thế lực như vậy.

Lại nữa, này Ca-diếp! Có Thánh hạnh gọi là bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Ca-diếp! Khổ là tướng bức bách, Tập là tướng có thể sinh trưởng, Diệt là tướng tịch diệt, Đạo là tướng Đại thừa.

Lại nữa, này thiện nam! Khổ là tướng hiện có, Tập là tướng chuyển, Diệt là tướng trừ, Đạo là tướng có thể trừ.

Này thiện nam! Khổ có ba tướng: Tướng khổ khổ, tướng hành khổ, tướng hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là diệt hai mươi lăm cõi. Đạo là tu tập giới, định, tuệ.

Lại nữa, này thiện nam! Pháp hữu lậu có hai loại: Có nhân, có quả. Pháp vô lậu cũng có hai loại: Có nhân, có quả. Quả hữu lậu thì gọi là Khổ, nhân hữu lậu thì gọi là Tập, quả vô lậu thì gọi là Diệt, nhân vô lậu thì gọi là Đạo.

Này thiện nam! Có tám tướng gọi là khổ: Khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ ưa thích mà biệt ly, khổ oán ghét gặp gỡ, khổ cầu không được, khổ năm ấm thạnh; có thể sinh ra tám thứ khổ như vậy gọi là Tập, nơi không có tám thứ khổ như vậy gọi là Diệt. Mười trí tuệ, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại bi, đó gọi là Đạo.

Này thiện nam! Sinh là tướng sinh ra, có năm loại: Một là mới sinh ra, hai là đến kết thúc, ba là tăng trưởng, bốn là ra khỏi thai, năm là chủng loại sinh. Thế nào là già? Già có hai loại: Một là già theo tưởng niệm, hai là già cuối đời. Lại có hai loại: Một là già tăng trưởng, hai là già hoại diệt. Đó gọi là già. Thế nào là bệnh? Bệnh là rắn độc bốn đại không đều hòa nhau, cũng có hai loại: Một là thân bệnh, hai là tâm bệnh. Thân bệnh có năm: Một là do nước, hai là do gió, ba là do nóng, bốn là bệnh đủ chứng, năm là bệnh do bên ngoài. Bệnh do bên ngoài có bốn: Một là không phải phận sự mà gượng làm; hai là vì mê lầm đọa lạc; ba là dao gậy, ngói, đá; bốn là ma quỷ dựa. Tâm bệnh cũng có bốn loại: Một là quá vui, hai là sợ sệt, ba là sầu lo, bốn là ngu si.

Lại nữa, này thiện nam! Bệnh của thân tâm gồm có ba loại: Một là nghiệp báo, hai là đối mặt với điều xấu, ba là thời tiết thay đổi. Do đó sinh ra các thứ nhân duyên, danh tự, thọ phân biệt như vậy. Nhân duyên là những bệnh phong v.v... tên gọi là buồn nôn, phổi sưng, hơi lên, ho hen, tim nhảy, đi kiết; thọ phân biệt là nhức đầu, đau mắt, đau tay chân v.v.... Đây gọi là bệnh. Thế nào là chết? Chết là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân cũng có hai loại: Một là mạng đã hết mà chết, hai là do nhân duyên bên ngoài mà chết. Mạng hết mà chết cũng có ba: Một là mạng hết mà chẳng phải phước hết, hai là phước hết mà chẳng phải mạng hết, ba là phước mạng đều hết. Do nhân duyên ngoài mà chết cũng có ba: Một là chẳng phải phần tự hại mà chết, hai là bị kẻ khác hại mà chết, ba là cùng chết. Lại có ba loại chết: Một là phóng dật mà chết, hai là phá giới mà chết, ba là mạng căn hư hoại mà chết. Những gì gọi là phóng dật mà chết? Nếu có ai hủy báng Đại thừa Phương đẳng Bát-nhã Ba-la-mật, đó gọi là phóng dật mà chết. Thế nào gọi là phá giới mà chết? Hủy phạm giới cấm của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, đó gọi là phá giới mà chết. Thế nào gọi là mạng căn hư hoại mà chết? Bỏ thân năm ấm, đó gọi là mạng căn hư hoại mà chết. Như vậy nên gọi chết là rất khổ.

Thế nào gọi là khổ ưa thích mà biệt ly? Những vật mến yêu bị hư hoại lìa tan. Vật mến yêu bị hư hoại lìa tan cũng có hai thứ: Một là năm ấm trong cõi người hư hoại. Hai là năm ấm trong cõi trời hư hoại. Sự ưa thích của năm ấm trong cõi trời, người như vậy, phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đó gọi là khổ ưa thích mà biệt ly.

Thế nào gọi là khổ oán ghét gặp gỡ? Điều không ưa thích mà cứ dồn đến. Điều không ưa thích mà cứ dồn đến lại cũng có ba là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ba đường ác như vậy phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đó gọi là khổ oán ghét gặp gỡ.

Thế nào gọi là khổ cầu không được? Khổ cầu không được có hai loại: Một là điều mong cầu mà cầu chẳng được, hai là tốn nhiều sức lực mà chẳng được kết quả. Đó gọi là khổ cầu không được.

Thế nào gọi là khổ năm ấm thạnh? Khổ năm ấm thạnh là khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ ái biệt ly, khổ oán tắng hội, khổ cầu bất đắc. Đó gọi là khổ năm ấm thạnh.

Này Ca-diếp! Gốc rễ của sinh gồm có bảy loại khổ như vậy: khổ già cho đến khổ năm ấm thạnh.

Này Ca-diếp! Nói về sự già suy thì chẳng phải tất cả đều có, Phật và chư Thiên nhất định không có, trong loài người thì không nhất định, hoặc có hoặc không.

Này Ca-diếp! Thọ thân trong ba cõi không ai chẳng có sinh, còn già thì chẳng quyết định, cho nên sinh là cội gốc của tất cả.

Này Ca-diếp! Chúng sinh trong thế gian do điên đảo che mờ tâm tánh, nên tham đắm tướng sinh mà nhàn chán lo sợ già chết.

Này Ca-diếp! Bồ-tát chẳng như vậy, Bồ-tát quán sát thân mới sinh đã thấy khổ não.

Này Ca-diếp! Như có người con gái vào nhà người khác. Người con gái này đoan chánh, dung mạo xinh đẹp, dùng chuỗi ngọc đẹp trang điểm nơi thân. Chủ nhà thấy vậy liền hỏi: "Cô tên là gì? Thuộc nhà ai?". Người nữ đáp: "Thân tôi tức là Công Đức Đại Thiên". Chủ nhà hỏi: "Cô đến đây làm việc gì?". Người nữ đáp: "Chỗ nào tôi đến, tôi có thể cho các thứ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi ngựa, xe cộ, tôi tớ". Chủ nhà nghe rồi lòng vui mừng hớn hở nói: "Nay tôi có phước đức, nên khiến cô đến nhà tôi". Nói rồi liền đốt hương, rải hoa cúng dường, cung kính lễ bái. Lại thấy ngoài cửa có một người nữ hình dạng xấu xí, áo quần rách rưới, dơ dáy, da dẻ nứt nẻ, sắc mặt xám trắng. Chủ nhà hỏi: “Cô tên gì? Thuộc nhà ai?”. Cô gái đáp: “Tôi tên Hắc Ám”. Chủ nhà hỏi: “Vì sao gọi là Hắc Ám?”. Người nữ đáp: “Tôi đi đâu cũng có thể làm cho tất cả của cải châu báu nhà đó hao tổn hết”. Chủ nhà nghe xong, liền cầm dao bén bảo: “Nếu người không đi ta sẽ giết chết”. Cô gái nói: “Ông rất ngu si không có trí tuệ”. Chủ nhà hỏi: “Tại sao nói ta là ngu si không có trí tuệ”. Cô gái đáp: “Người đứng trong nhà ông chính là chị tôi. Tôi thường đi chung với chị, nếu ông đuổi tôi đi thì cũng phải đuổi chị tôi”. Chủ nhà trở vào hỏi Công Đức Thiên: “Ngoài cửa có cô gái nói là em của cô, có phải vậy không?”. Công Đức Thiên nói: “Đúng là em gái tôi, tôi cùng đi chung với nó chưa lúc nào lìa nhau, ở chỗ nào tôi thường làm việc tốt thì nó thường làm việc xấu, tôi thường làm việc lợi ích, nó luôn luôn làm việc suy hao. Nếu ai thương yêu tôi thì phải thương yêu nó, nếu cung kính tôi thì phải cung kính nó”. Chủ nhà liền nói: “Nếu có cả việc tốt lẫn việc xấu như vậy, ta đều không cần, các người đi đâu thì đi”. Lúc ấy, hai cô gái cùng dắt tay nhau trở về. Chủ nhà thấy hai người cùng đi rồi, lòng rất vui mừng hớn hở. Bấy giờ, hai cô gái lại cùng dắt nhau đến một nhà nghèo. Người nghèo gặp rồi, tâm rất vui mừng nói: “Từ nay trở đi, xin hai cô ở luôn nhà tôi”. Công Đức Thiên nói: “Chúng tôi vừa bị người xua đuổi, cớ sao ông lại mời chúng tôi đến ở”. Người nghèo nói: “Nay cô nghĩ đến tôi, vì cô nên tôi phải kính cô kia. Vì thế nên tôi mời hai cô ở lại nhà tôi”.

Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng nguyện sinh ở cõi trời, vì ở cõi ấy có sinh nên có già, bệnh, chết cho nên đều bỏ, tâm không chút luyến ái. Kẻ phàm phu ngu si không biết lỗi lầm khổ hoạn của già bệnh chết cho nên tham ái hai phép sinh tử.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như đứa trẻ dòng Bà-la-môn đang lúc đói quá, thấy trong đống phân có trái Am-la liền lượm lên. Người trí thấy vậy trách: “Ngươi là Bà-la-môn, dòng dõi thanh tịnh, cớ sao lại lượm trái dơ trong đống phân?”. Đứa trẻ nghe xong hổ thẹn nói: “Tôi thật chẳng ăn, muốn đem trái ấy rửa sạch rồi ném bỏ”. Người trí nói: “Ngươi ngu si quá, nếu sẽ ném bỏ, đáng lẽ chẳng nên lượm lấy”.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với vấn đề sinh chẳng lãnh thọ, cũng chẳng dứt bỏ, như người trí kia la trách đứa trẻ. Kẻ phàm phu thích sinh ghét tử, như đứa trẻ kia lượm trái bẩn rồi bỏ.

Này Ca-diếp! Như nơi ngã tư đường, có người đựng đầy đồ ăn thơm ngon trong bát để bán. Có người khách từ xa đến quá đói, thấy đồ ăn thơm ngon liền hỏi: “Đây là vật gì?”. Người bán nói:

"Đây là thức ăn thơm ngon, nếu ai ăn thức ăn này, thì được sắc đẹp, sức lực có thể hết đói khát và được thấy chư Thiên, chỉ có một tai họa là sẽ chết". Người khách nghe xong nghĩ: "Nay ta chẳng cần sắc đẹp, sức mạnh, thấy chư Thiên, cũng chẳng muốn chết". Nghĩ xong hỏi: "Nếu ăn thức ăn này phải chết, sao ông lại đem bán?". Người bán đáp: "Những người có trí không ai bằng lòng mua. Chỉ có kẻ ngu chẳng biết việc này, họ tham ăn nên họ trả giá đắt cho tôi".

Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng nguyện sinh lên cõi trời, được sắc đẹp, sức mạnh, thấy chư Thiên. Vì sao? Vì sinh lên cõi trời chẳng khỏi những khổ não. Kẻ phàm phu ngu si sinh chỗ nào cũng đều tham luyến vì họ không thấy già, bệnh, chết.

Này thiện nam! Giống như cây độc, gốc rễ cũng có thể làm chết người. Thân cây, vỏ, bông, trái, hạt cũng đều có thể làm chết người. Này thiện nam! Thân năm ấm đã thọ ở chỗ thọ sinh trong hai mươi lăm cõi cũng lại như vậy, tất cả đều có thể giết hại.

Này thiện nam! Giống như phân dơ, nhiều ít cũng đều hôi. Thiện nam! Sự sống cũng vậy, dù sống lâu tám vạn tuổi, hay mười tuổi cũng đều thọ khổ cả.

Lại nữa, này Ca-diếp! Giống như trên hầm sâu nguy hiểm, có cỏ che phủ, bờ bên kia của hầm có nhiều cam lồ. Nếu có người nào ăn được chất cam lồ ấy sẽ sống lâu ngàn năm, không bệnh tật được an ổn, vui vẻ. Kẻ ngu si tham chất cam lồ, không biết dưới đó có hầm sâu, bèn muốn đến lấy, chẳng ngờ trợt chân té xuống hầm mà chết. Người trí biết sự nguy hiểm, nên bỏ đi xa.

Này thiện nam! Bậc Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng muốn nhận lấy vật thực ngon lành nơi cõi trời huống hồ là trong loài người. Kẻ phàm phu ở nơi địa ngục nuốt hòn sắt, thì đối với thức ăn ngon nơi cõi trời, cõi người sao có thể không ăn.

Này Ca-diếp! Dùng những ví dụ như vậy, ngoài ra còn có vô lượng vô biên ví dụ khác để biết rằng sinh thật là khổ. Này Ca-diếp! Đây gọi là Đại Bồ-tát trụ nơi kinh Đại Niết-bàn Đại thừa quán sát sinh là khổ.

Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát trụ ở kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát già khổ như thế nào? Sự già yếu có thể làm ho hen, hơi đưa lên, có thể làm cho mất sức lực. Nhớ lại lúc tráng niên mạnh khỏe, sung sướng, kiêu mạn, cao ngạo, an ổn, tự do, bây giờ thì lưng còng, uể oải, lười biếng, bị người khinh dể.

Này Ca-diếp! Giống như hoa sen nở đầy trong ao tươi tốt rất đẹp, gặp trận mưa đá, tất cả đều hư nát. Này thiện nam! Cũng vậy, tuổi già có thể phá hoại sự tráng kiện và sắc đẹp.

Lại nữa, này Ca-diếp! Giống như một vị vua có một vị quan tài trí khéo dùng binh pháp. Có vị vua nước địch chống cự phản nghịch, không thuận phục. Nhà vua sai quan tài trí này đem binh đánh dẹp, bắt vua nước nghịch đem về dâng cho vua. Cũng vậy, tuổi già bắt được sự tráng kiện, sắc đẹp đem giao cho thần chết.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như trục xe đã gãy không còn dùng được. Cũng vậy, tuổi già không còn dùng được việc gì.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như nhà giàu có nhiều của báu như vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não. Có bọn cướp vào được nhà đó cướp đoạt tất cả. Cũng vậy, tuổi tráng kiện và đẹp đẽ thường bị giặc già yếu cướp đoạt.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như người nghèo tham thức ăn ngon, y phục mịn màng, dù có mong muốn nhưng không thể được. Thiện nam! Cũng vậy, tuổi già yếu dù có tâm tham muốn, tự do hưởng thọ năm dục cũng chẳng thể được.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như con rùa ở trên đất, lòng thường nghĩ đến nước. Này thiện nam! Cũng vậy, người đời đã già suy khô héo mà lòng họ thường mơ tưởng những thú vui năm dục thuở tráng kiện đã thụ hưởng.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như hoa sen mùa thu ai cũng ưa ngắm nhìn, đến khi hoa úa tàn, mọi người đều không thích. Này thiện nam! Cũng vậy, sự tráng kiện và sắc đẹp mọi người đều ưa thích, đến khi già suy ai cũng chán ghét.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cây mía, sau khi bị ép, xác bã không còn vị ngọt. Này thiện nam! Cũng vậy, sắc đẹp lúc trai trẻ đã bị tuổi già ép không có ba vị: một là vị xuất gia, hai là vị đọc tụng, ba là vị tọa thiền.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như mặt trăng tròn ban đêm thì tỏa sáng, ban ngày thì không như vậy. Này thiện nam! Con người cũng vậy, lúc trẻ thì tướng mạo xinh đẹp, về già thì thân thể suy yếu, tinh thần sút giảm.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có vị vua thường lấy chánh pháp cai trị đất nước, chân thật không tà vạy, từ bi thích bố thí. Thuở đó, nhà vua bị nước địch xâm lăng đánh bại, vua bèn lưu vong sang nước khác. Dân chúng trong nước ấy thấy nhà vua đều cảm thương nói: "Đại vương! Ngày trước dùng chánh pháp trị nước chẳng ngược đãi bá tánh, thế sao nay lại lưu vong đến đây?".

Này thiện nam! Cũng vậy, loài người đã bị già suy làm hủy hoại, thường tán thán sự nghiệp đã làm thuở tráng niên.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như tim đèn chỉ nhờ mỡ, dầu nhưng mỡ dầu đã hết, chẳng bao lâu sẽ tắt. Này thiện nam! Cũng vậy, thân người chỉ nhờ mỡ tráng kiện nhưng mỡ tráng kiện đã hết thì tim già suy, đâu còn được bao lâu nữa.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như con sông cạn khô không thể làm lợi ích cho người, phi nhân, chim thú. Này thiện nam! Cũng vậy, thân người bị già suy làm khô cạn thì chẳng thể làm lợi ích cho tất cả công việc.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cây cao bên bờ sông, nếu gặp gió to chắc chắn sẽ ngã đổ. Này thiện nam! Cũng vậy, người đứng ở bờ hiểm tuổi già, gió chết thổi đến, không thể đứng vững được.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như trục xe bị gãy, không thể chở nặng được. Này thiện nam! Cũng vậy, già suy không thể học hỏi, thọ nhận tất cả pháp thiện.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như trẻ thơ bị khinh khi. Này thiện nam! Cũng vậy, già suy thường bị khinh chê.

Này Ca-diếp! Dùng những ví dụ như vậy, cùng vô lượng vô biên ví dụ khác, để biết rằng sự già nua thật là khổ. Đây gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát già là khổ.

Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát bệnh khổ như thế nào? Đã gọi là bệnh thì có thể phá hoại tất cả những việc an ổn, vui vẻ, ví như mưa đá làm hại lúa mạ.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như người có tâm thù oán thường lo buồn sợ sệt.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như vậy, thường sợ bệnh khổ, tâm thường lo lắng.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người hình dáng xinh đẹp được hoàng hậu yêu thương sai sứ đến cưỡng bức, đưa về để cùng thông dâm. Vua bắt được liền sai lính khoét một mắt, cắt một tai, chặt một tay một chân. Bấy giờ, người lính ấy hình dáng đổi khác, bị người nhờm gớm, khinh rẻ.

Này Ca-diếp! Cũng vậy, thân người trước thì tướng mạo tốt đẹp, tai mắt đầy đủ, khi đã bệnh khổ vây quanh hành hạ, thì bị người nhàm ghét, khinh chê.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như cây chuối, tre, lau, con la, hễ có con thì chết. Này thiện nam! Cũng vậy, người có bệnh thì phải chết.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như vua Chuyển luân có quan đại thần làm chủ binh thường đi trước dẫn đường, nhà vua theo sau, cũng như khi cá chúa, kiến chúa, ốc chúa, trâu chúa, lái buôn đi trước, các chúng ấy thường đi theo sau không rời.

Này thiện nam! Chuyển luân vương chết cũng như vậy, thường theo bề tôi bệnh không rời chúa bệnh, cá, kiến, ốc, trâu, lái buôn cũng như vậy, thường bị chúng chết bám theo.

Này Ca-diếp! Nhân duyên của bệnh là khổ não, rầu lo, buồn than, thân tâm không an ổn, hoặc bị giặc oán bức hại, phá hư phao nổi, làm sập cầu cống đều có thể cướp đoạt mạng sống, lại có thể phá hoại sự tráng kiện, sắc đẹp, thế lực, an vui, trừ bỏ hổ thẹn, có thể đốt cháy thân tâm.

Dùng những ví dụ như thế và vô lượng vô biên ví dụ khác để biết rằng bệnh rất là khổ não.

Này Ca-diếp! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát bệnh khổ.

Này Ca-diếp! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát chết khổ? Sự chết có thể đốt cháy tiêu diệt. Này Ca- diếp! Như tai họa của lửa phát khởi ra có thể thiêu rụi tất cả, chỉ trừ cõi Nhị thiền trở lên, sức lửa không thể đến được.

Này thiện nam! Cũng vậy, lửa chết có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ Bồ-tát trụ Đại Niết-bàn Đại thừa, vì thế lực của sự chết không thể đến được.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như tai họa của nước khởi lên, tất cả đều trôi chìm, chỉ trừ cõi Tam thiền trở lên, sức nước không thể đến được.

Này thiện nam! Cũng vậy, nước chết có thể nhận chìm tất cả, chỉ trừ Bồ-tát trụ Đại Niết-bàn Đại thừa.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như tai họa của gió khởi lên, tất cả đều thổi tan tất cả, chỉ trừ cõi Tứ thiền trở lên, sức gió không thể đến được.

Này thiện nam! Cũng vậy, gió chết có thể thổi diệt tất cả những gì đã có, chỉ trừ Bồ-tát trụ Đại Niết-bàn Đại thừa.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cõi Tứ thiền kia do nhân duyên gì mà gió không thổi đến, nước không thể trôi, lửa không thể cháy?

Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Cõi Tứ thiền kia không có tất cả hoạn nạn trong ngoài.

Này thiện nam! Cõi Sơ thiền có hoạn nạn: Trong có giác quán, ngoài có hỏa tai. Cõi Nhị thiền có hoạn nạn: Trong có vui mừng, ngoài có thủy tai. Cõi Tam thiền có hoạn nạn: Trong có hơi thở, ngoài có phong tai. Cõi Tứ thiền trong ngoài đều không có hoạn, tất cả đều không nên ba thứ tai họa đều không thể vào được.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, an trụ nơi Đại Niết-bàn Đại thừa, tất cả các tai họa trong ngoài đều diệt tận nên vua tử không thể vào được.

Lại nữa, này thiện nam! Như Kim sí điểu có thể nuốt, có thể tiêu tất cả loài cá, rồng và châu báu, vàng bạc v.v.. chỉ trừ kim cương, không thể làm tiêu được.

Này thiện nam! Kim sí điểu chết cũng như vậy, có thể nuốt, có thể tiêu tất cả chúng sinh, chỉ không thể tiêu được Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn Đại thừa.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cỏ cây ở bờ sông, nước lụt dâng lên đều trôi vào dòng biển cả, chỉ trừ cây dương liễu vì cây ấy mềm dẻo. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như vậy, tất cả đều trôi lăn vào biển chết, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn Đại thừa.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như thân Na-la-diên có thể hàng phục tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió to. Vì sao? Vì không thể ngăn cản được.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như thân Na-la-diên chết cũng như vậy, có thể hàng phục tất cả chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn Đại thừa. Vì sao như vậy? Vì vô ngại.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người đối với kẻ thù giả làm thân thiện, thường theo sát như bóng với hình, chờ khi thuận tiện mà ra tay giết. Người kia nếu cẩn thận phòng hộ chặt chẽ thì người muốn hại kia không thể giết được.

Này thiện nam! Kẻ oán thù chết cũng vậy, thường theo chúng sinh muốn giết, chỉ không thể hại được bậc Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn Đại thừa, vì Bồ-tát không phóng dật.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như trời bỗng mưa kim cang đổ xuống, hủy hoại tất cả cây thuốc, cây cối, núi rừng, đất cát, ngói, đá, vàng, bạc, lưu ly cùng tất cả các vật, chỉ trừ kim cương ngọc báu không bị hư.

Này thiện nam! Mưa kim cương chết cũng như vậy, đều có thể phá hoại tất cả chúng sinh, chỉ trừ kim cương Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn Đại thừa.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như Kim sí điểu có thể nuốt các loài rồng, chỉ không nuốt được loài rồng thọ Tam quy.

Này thiện nam! Kim sí điểu chết cũng như vậy, có thể nuốt vô lượng tất cả chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát trụ trong ba định. Ba định là những gì? Không, vô tướng, vô nguyện.

Lại nữa, này Ca-diếp! Như rắn độc Ma-la khi rắn cắn nhằm người, tuy có thuốc tốt, chú hay cũng không cứu được, chỉ có chú A- kiệt-đa-tinh có thể chữa lành.

Này thiện nam! Rắn độc chết cũng như vậy, tất cả các phương thuốc đều không cứu được, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn Đại thừa.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người bị vua giận, người ấy có thể dùng lời dịu dàng, khéo léo, dâng của cải châu báu cho vua thì có thể thoát được tội.

Này thiện nam! Vua chết không như vậy, dù dùng lời nói dịu dàng, đem dâng của cải châu báu cũng không thoát được tội.

Này thiện nam! Chết là chỗ hiểm nạn, không có của cải thức ăn, đường đi xa mà không có bạn bè, ngày đêm thường đi mà không có bờ bến, sâu thẳm tối tăm không có ánh đèn, vào nhà không cửa mà có nơi chốn, dầu không có chỗ đau nhưng chẳng thể chữa lành, qua lại không ngăn ngại, đến không thể thoát được, không phá hoại gì mà người thấy sầu khổ, không phải màu sắc xấu xí mà làm người kinh sợ. Nó ở bên thân người mà chẳng hay biết được.

Này Ca-diếp! Dùng những ví dụ này cùng vô lượng vô biên ví dụ khác để biết rằng sự chết thật là rất khổ.

Này Ca-diếp! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát khổ chết.

Này Ca-diếp! Thế nào là Đại Bồ-tát trụ kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát khổ ưa thích mà biệt ly? Khổ ưa thích mà biệt ly có thể là căn nguyên của tất cả sự khổ. Như nói kệ:

Nhân ái sinh lo
Nhân ái sinh sợ
Nếu lìa khỏi ái
Lo gì? Sợ gì?

Vì nhân duyên ái nên sinh lo khổ, vì lo khổ nên khiến cho chúng sinh già suy. Khổ ưa thích mà biệt ly đó là sự chết.

Này thiện nam! Vì biệt ly nên có thể sinh ra những sự khổ nhỏ nhặt, nay Ta sẽ vì ông mà phân biệt rõ ràng.

Này thiện nam! Thuở quá khứ, người đời sống vô lượng tuổi, thuở ấy có vua tên là Thiện Trụ, vua ấy lúc nhỏ làm thân thái tử trị nước, lên ngôi được tám vạn bốn ngàn năm. Khi ấy trên đỉnh đầu vua mọc lên một bướu thịt mềm nhuyễn như đâu-la-miên, như vải kiếp bối. Bướu ấy lần lần to ra không làm đau nhức. Qua mười tháng, bướu ấy nứt ra, sinh một đồng tử, hình dáng đẹp đẽ khác thường, sắc tướng trong sáng hiếm có, đệ nhất trong loài người. Vua cha vui mừng đặt tên là Đảnh Sinh. Thời gian sau, vua Thiện Trụ đem việc nước giao cho Đảnh Sinh, rời bỏ cung điện quyến thuộc vợ con, vào núi học đạo, trải qua tám vạn bốn ngàn năm. Bấy giờ vào ngày rằm, thái tử Đảnh Sinh tắm gội, trai giới, lên trên lầu cao. Ở phương Đông có bánh xe vàng báu đủ một ngàn cây căm, chẳng phải do thợ làm, tự nhiên thành tựu bay đến chỗ vua. Vua Đảnh Sinh liền nghĩ: Ta từ xưa từng nghe Tiên nhân chứng năm ngũ thông nói: “Nếu trong dòng vua Sát-đế-lợi, vào ngày rằm ở trên lầu cao, tắm gội, trai giới, có bánh xe vàng báu đủ ngàn cây căm, chẳng phải do thợ làm, mà tự nhiên bay đến thì nên biết vị vua này sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương”. Lại nghĩ như vầy: “Ta nay nên thử”. Nghĩ xong, tay trái cầm bánh xe vàng báu, tay phải cầm lư hương, quỳ gối bên phải mà phát thệ nguyện: “Nếu đây thật là bánh xe vàng báu, thì nên bay đi dẫn đường như vua Chuyển luân Thánh vương thuở quá khứ”. Vua phát lời nguyện xong, bánh xe vàng báu bay lên hư không trong khắp mười phương, rồi trở về dừng lại bên tay trái Đảnh Sinh.

Lúc này, Đảnh Sinh lòng vui mừng hớn hở vô lượng. Lại nói như vầy: “Ta nay chắc sẽ làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đó không bao lâu, lại có một con voi báu, tướng mạo đẹp đẽ như hoa sen trắng, bảy chi chống đất. Đảnh Sinh thấy rồi lại nghĩ: Ta từ xưa từng nghe Tiên nhân chứng năm thông nói: “Nếu trong dòng vua Sát-đế-lợi, vào ngày rằm ở trên lầu cao, tắm gội, trai giới, có voi báu, tướng mạo đẹp đẽ như hoa sen trắng, bảy chi chống đất mà hiện đến thì nên biết vị vua này tức là Thánh vương”. Lại nghĩ: “Ta nay nên thử xem”. Nghĩ rồi liền cầm lư hương, quỳ gối bên phải mà phát thệ nguyện: “Nếu thật là voi báu trắng thì bay đi dẫn đường như của Chuyển luân Thánh vương thuở quá khứ”. Vua nói lời ấy xong, voi báu trắng liền từ sáng đến chiều bay đi khắp tám phương tột đến mé biển, rồi trở về cung vua.

Bấy giờ, Đảnh Sinh lòng vui mừng hớn hở vô lượng. Lại nói như vầy: “Ta nhất định sẽ làm Chuyển luân Thánh vương”. Về sau chẳng bao lâu, lại có ngựa báu xuất hiện, lông màu xanh biếc mướt đẹp, lông đuôi và gáy màu vàng ròng. Đảnh Sinh thấy rồi lại nghĩ: Ta từ xưa từng nghe Tiên nhân chứng năm thông nói: “Nếu Chuyển luân Thánh vương vào ngày rằm ở trên lầu cao, tắm gội, trai giới, nếu có ngựa báu lông màu xanh biếc mướt đẹp, lông đuôi và gáy màu vàng ròng mà đến thì nên biết vua này là Thánh vương”. Lại nghĩ: “Ta nay nên thử xem”. Liền cầm lư hương, quỳ gối bên phải mà phát thệ nguyện: “Nếu thật là ngựa báu, thì phải như của Chuyển luân Thánh vương thuở quá khứ”. Vua nói lời ấy xong, từ sáng đến chiều, ngựa báu ấy đi khắp tám phương, đến mé biển rồi trở về cung vua. Bấy giờ, Đảnh Sinh lòng vui mừng hớn hở vô lượng. Lại nói như vầy: “Ta nhất định sẽ làm Chuyển luân Thánh vương”.

Về sau không lâu, lại có người nữ báu xuất hiện, xinh đẹp đệ nhất, không cao, không thấp, không trắng, không đen, các chân lông nơi thân thoảng mùi chiên-đàn, hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt sáng nhìn xa một do-tuần; tai nghe, mũi ngửi cũng như vậy, lưỡi rộng dài thè ra có thể che cả mặt, da dẻ mịn láng, như lá đồng đỏ, tâm ý thông minh, có trí tuệ lớn, đối với tất cả chúng sinh thường có lời nói dịu dàng. Tay người nữ ấy lúc chạm đến áo của vua, liền biết thân của vua khỏe mạnh hay bệnh hoạn, cũng biết những ý nghĩ của vua.

Bấy giờ, Đảnh Sinh lại nghĩ như vầy: “Nếu có người nữ nào biết được tâm ý của vua tức là người nữ báu”. Chẳng bao lâu sau, ở trong cung vua tự nhiên lại có ngọc báu ma-ni lớn bằng bắp đùi người, màu thuần xanh pha lê, trong chỗ tối có thể chiếu sáng một do-tuần. Nếu trời mưa giọt lớn như trục xe thì sức của bảo châu này có thể che một do-tuần, ngăn mưa lớn lại, không rơi xuống được.

Lúc ấy, Đảnh Sinh lại nghĩ: “Nếu Chuyển luân Thánh vương được châu báu này tức là Thánh vương”. Sau đó không lâu, có quan chủ kho tàng xuất hiện có nhiều của báu, giàu có vô lượng, kho tàng đầy ắp không thiếu thứ gì. Do quả báo được sức nhãn căn có thể thấy tất cả kho tàng trong lòng đất, tùy ý vua muốn, đều có thể dâng đủ. Lúc ấy Đảnh Sinh lại muốn thử xem, bèn cùng quan chủ kho tàng lên thuyền ra biển. Vua bảo quan chủ kho tàng: “Nay ta muốn được châu báu”. Quan chủ kho tàng liền dùng hai tay quậy trong nước biển. Khi ấy đầu mười ngón tay liền hiện ra mười kho châu báu đem dâng cho vua, tâu: “Tâu Đại vương! Tùy ý nhà vua dùng theo nhu cầu, còn thừa lại nên ném xuống biển”.

Bấy giờ, Đảnh Sinh lòng vui mừng hớn hở vô lượng. Lại nói như vầy: “Nay ta nhất định sẽ làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đó không lâu, có quan chủ binh tự nhiên xuất hiện, dũng mãnh, mưu trí, thao lược đệ nhất, khéo biết bốn binh chủng. Lúc cần chiến đấu thì hiện ra quân lính để dùng. Lúc chẳng dùng binh, thì quân lính ẩn mất. Xứ nào chưa hàng phục thì có thể làm cho hàng phục. Xứ nào đã hàng phục thì ra sức gìn giữ. Lúc ấy Đảnh Sinh lại nghĩ: “Nếu Chuyển luân Thánh vương được chủ binh báu như vậy thì nên biết chắc chắn là Chuyển luân Thánh vương”.

Lúc này, Chuyển luân Thánh vương Đảnh Sinh bèn bảo với các đại thần: “Các người nên biết, cõi Diêm-phù-đề này an ổn giàu vui. Ta nay đã thành tựu bảy báu, đầy đủ ngàn vương tử, giờ đây nên làm việc gì?”. Các quan tâu: “Kính tâu đại vương! Châu Phất-bà-đề ở phương Đông còn chưa quy thuận uy đức Thánh vương, nên đem binh chinh phạt”. Bấy giờ, Thánh vương Đảnh Sinh liền cùng bảy báu bay qua châu Phất-bà-đề, dân chúng trong châu đó đều vui mừng quy thuận.

Đảnh Sinh lại nói với các đại thần: “Cõi Diêm-phù-đề của ta và châu Phất-bà-đề an ổn giàu vui, dân chúng hưng thịnh đều đến quy. Ta đã thành tựu bảy báu, đủ ngàn vương tử, lại nên làm gì?”. Các quan tâu: “Kính tâu đại vương! Châu Cù-đà-ni ở phương Tây chưa quy thuận”.

Bấy giờ, Thánh vương lại cùng bảy báu bay qua châu Cù-đà-ni ở phương Tây. Khi vua đến, dân chúng trong cõi ấy cũng quy thuận.

Đảnh Sinh lại nói với các đại thần: “Cõi Diêm-phù-đề của ta và châu Phất-bà-đề cùng Cù-đà-ni này được an ổn giàu vui, dân chúng hưng thịnh đều đã quy thuận. Ta đã thành tựu bảy báu, đủ ngàn vương tử, lại nên làm gì?”. Các quan tâu: “Kính tâu đại vương! Châu Uất- đơn-việt ở phương Bắc chưa quy thuận”. Bấy giờ, Thánh vương lại cùng bảy báu bay qua châu Uất- đơn -việt ở phương Bắc. Khi vua đến đó, dân chúng trong cõi ấy cũng đều vui vẻ quy thuận. Đảnh Sinh lại nói với các đại thần: “Bốn cõi của ta đều được an ổn giàu vui, dân chúng hưng thịnh đều đã quy thuận. Ta đã thành tựu bảy báu, đủ ngàn vương tử, lại nên làm gì?”. Các quan tâu: “Kính tâu đại vương! Trời Tam Thập Tam tuổi thọ dài lâu, an ổn vui vẻ, thân chư Thiên đẹp đẽ tuyệt vời, cung điện, giường ghế, đồ nằm toàn bằng bảy báu, vì cậy phước trời nên chưa chịu đến quy phục. Nay có thể đem binh tới đó để hàng phục”. Bấy giờ, Thánh vương lại cùng bảy báu bay lên cõi trời Đao-lợi, trông thấy một cây màu xanh đậm. Thánh vương thấy rồi liền hỏi các đại thần: “Đó là màu gì?”. Đại thần tâu: “Đó là màu của cây Ba-lợi-chất-đa-la. Chư Thiên cõi trời Đao-lợi này, trong ba tháng mùa hạ, hàng ngày thường vui chơi hưởng lạc dưới cây đó”. Lại trông thấy màu trắng như bạch vân, vua Đảnh Sinh hỏi đại thần: “Kia là màu gì?”. Đại thần tâu: “Đó là Thiện pháp đường, chư Thiên cõi trời Đao- lợi thường tụ họp nơi đó để bàn luận những việc cõi trời, cõi người”. Bấy giờ, thiên chủ Thích-đề-hoàn-nhân biết vua Đảnh Sinh đã đến, liền ra tiếp đón, cầm tay đưa vào Thiện pháp đường cùng ngồi. Lúc ấy, hai vua hình dung tướng mạo như nhau không sai biệt, chỉ đôi mắt là nhìn khác nhau. Lúc đó, Thánh vương nghĩ: “Nay ta có thể phế bỏ ngôi vua này và ở đây làm Thiên vương chăng?”.

Này thiện nam! Lúc ấy, Đế thích vốn thọ trì đọc tụng kinh điển Đại thừa, thường vì chư Thiên giảng nói chỉ bày phân biệt, chỉ chưa thông suốt hết ý nghĩa sâu xa của kinh. Do sức đọc tụng, thọ trì phân biệt rộng rãi cho người nên có oai đức lớn.

Này thiện nam! Khi vua Đảnh Sinh khởi tâm ác đối với Thiên Đế, tổn phước liền tự rớt xuống cõi Diêm-phù-đề, nhớ tiếc việc trời, người ly biệt, lòng sinh khổ não, lại gặp bệnh nặng, sau đó liền mạng chung. Thiên Đế thuở đó chính là Phật Ca-diếp, Chuyển luân Thánh vương thì là tiền thân của Ta.

Này thiện nam! Phải biết ưa thích mà biệt ly như vậy rất là khổ não.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát còn nhớ những cảnh khổ về ái mà biệt ly như vậy ở thuở quá khứ, huống gì là Bồ-tát trụ nơi kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa mà chẳng quán sát cái khổ ái biệt ly trong thời hiện tại.

Này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát cái khổ oán ghét gặp nhau? Này thiện nam! Đại Bồ- tát này quán sát địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài người, trời đều có cái khổ oán ghét gặp nhau. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người thường sợ kẻ oán thù, gông cùm, xiềng xích nên bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc cùng của báu sản nghiệp mà trốn đi xa. Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, lo sợ sinh tử nên tu hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật mà trú vào Niết-bàn. Đây gọi là Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát cái khổ oán ghét gặp nhau.

Này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quán sát cái khổ cầu mà chẳng được? Cầu là mong cầu tất cả. Cầu có hai loại: Một là cầu pháp thiện, hai là cầu pháp chẳng lành. Cầu pháp thiện chưa được thì khổ, pháp ác muốn rời mà chưa rời được thì khổ. Đây là lược nói cái khổ năm ấm xí thạnh. Này Ca-diếp! Đây gọi là Khổ đế.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, năm ấm xí thạnh khổ nghĩa đó chẳng phải. Vì sao? Ví như ngày xưa Phật bảo với Thích-ma-nam: “Nếu sắc là khổ, tất cả chúng sinh chẳng nên cầu sắc, nếu có người cầu thì chẳng gọi là khổ”. Lại như Phật bảo các Tỳ-kheo có ba thứ thọ: khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Như Phật trước nói với các Tỳ- kheo là nếu người nào có thể tu hành pháp thiện thì được lạc thọ. Lại như Đức Phật nói, ở trong đường lành sáu xúc thọ lạc: mắt thấy sắc đẹp là vui; tai, mũi, lưỡi, thân cho đến ý suy nghĩ pháp thiện cũng như vậy. Như Phật nói kệ:

Trì giới thì được vui
Thân chẳng thọ các khổ
Ngủ nghỉ được an ổn
Thức dậy lòng vui vẻ
Lúc nhận lấy y thực
Đọc tụng và kinh hành
Ở riêng nơi núi rừng
Như vậy là rất vui
Nếu đối với chúng sinh
Ngày đêm tu lòng từ
Nhân đây thường được vui
Vì chẳng hại người khác
Vui ít muốn, biết đủ
Học rộng biết nhiều vui
A-la-hán không chấp

Cũng gọi là thọ vui
Các vị Đại Bồ-tát
Rốt ráo đến bờ kia
Những việc đã làm xong
Đó gọi là vui nhất.

Bạch Thế Tôn! Trong các kinh nói về tướng vui, ý nghĩa như vậy.

Cái gì là tương ưng với nghĩa của Phật nói hôm nay?

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Này thiện nam! Ông khéo có thể thưa hỏi Như Lai những ý nghĩa như vậy.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đối với sự khổ ít tưởng là vui.

Vì thế nên nay Ta nói tướng khổ không khác với ngày trước đã nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói: Đối với sự khổ ít tưởng là vui, thì đối với các nỗi khổ ít về sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội, năm ấm thạnh ít đáng lẽ cũng có vui chăng?

Bạch Thế Tôn! Sinh hạng dưới là ba đường ác, sinh hạng trung là loài người, sinh hạng trên là trên trời.

Nếu lại có người hỏi: Nếu đối với cái vui hạng dưới tưởng là khổ, ở trong cái vui hạng trung tưởng là không khổ không vui, trong cái vui hạng trên tưởng cho là vui, thì phải trả lời thế nào?

Bạch Thế Tôn! Nếu trong cái khổ hạng dưới tưởng là vui thì chưa thấy có người nào sẽ bị phạt đánh ngàn trượng mà lúc mới đánh một trượng đầu đã tưởng là vui. Nếu lúc đánh trượng đầu chẳng tưởng là vui, thế sao nói rằng trong cái khổ hạng dưới tưởng là vui?

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông nói. Do ý nghĩa này nên không có tưởng vui. Vì sao? Vì như người tội kia sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, khi bị đánh một trượng rồi, liền được thoát, người này bèn sinh tưởng vui. Vì thế nên biết rằng trong sự không vui mà lầm tưởng là vui.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người đó chẳng vì bị đánh một trượng mà sinh vui. Chính vì được tha mà lòng sinh vui.

–Này Ca-diếp! Vì thế nên thuở trước Ta nói với Thích-ma-nam, trong năm ấm có vui, lời đó đúng, chẳng hư dối vậy.

Này Ca-diếp! Có ba thọ và ba khổ. Ba thọ là lạc thọ, khổ thọ, và bất khổ bất lạc thọ. Ba khổ là khổ khổ, hành khổ và hoại khổ. Này Ca- diếp! Khổ thọ là ba khổ, hai thọ kia chính là hành khổ và hoại khổ.

Này thiện nam! Do nhân duyên đó nên trong sinh tử thật có lạc thọ. Đại Bồ-tát vì thấy tánh khổ cùng tánh lạc chẳng lìa nhau nên nói tất cả đều là khổ.

Này thiện nam! Trong sinh tử thật không có vui nhưng chư Phật Bồ-tát tùy thuận thế gian nên nói có vui.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật và Bồ-tát nếu tùy theo thế tục mà nói, thì có hư vọng chăng? Như Phật từng nói, người tu hành pháp thiện thì thọ quả báo vui. Trì giới an vui thì thân chẳng thọ khổ, cho đến những việc đã làm xong đây là rất vui. Lời nói thọ vui trong các kinh như vậy, có hư vọng chăng? Nếu là hư vọng, thì chư Phật Thế Tôn trong vô lượng trăm ngàn muôn ức vô số kiếp lâu xa tu đạo Bồ-đề đã lìa vọng ngữ mà nay Phật nói như vậy là ý nghĩa thế nào?

–Này thiện nam! Như bài kệ nói về những sự thọ lạc trước kia chính là cội gốc của đạo Bồ-đề, cũng có thể trưởng dưỡng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa đó nên trong những kinh trước nói tướng vui.

Này thiện nam! Ví như trong thế gian những đồ cần dùng trong đời sống, có thể làm nhân cho sự vui nên gọi là vui. Như nữ sắc, đam mê uống rượu, đồ ăn ngon, lúc khát được nước, lúc lạnh được lửa, y phục, chuỗi ngọc, voi ngựa, xe cộ, tôi tớ, vàng bạc, lưu ly, san hô, trân châu, kho đựng lúa gạo, những vật như vậy người đời cần dùng có thể làm nhân cho sự vui, nên gọi là vui.

Này thiện nam! Những vật như vậy cũng có thể sinh ra sự khổ. Nhân nơi nữ sắc phát sinh nỗi khổ cho người nam như lo rầu, buồn, khóc, cho đến phải chết. Nhân nơi rượu, đồ ăn ngon, cho đến lúa gạo cũng có thể khiến cho người phải lo khổ nhiều. Do nghĩa đó nên tất cả đều khổ, không có tướng vui.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát đối với tám nỗi khổ này, hiểu rõ là khổ nên không bị khổ.

Này thiện nam! Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác v.v... chẳng biết nhân của sự vui, nên Phật vì họ mà ở trong cái khổ hạng dưới nói có tướng vui. Chỉ có Bồ-tát trụ Đại Niết-bàn Đại thừa mới có thể biết nhân của cái khổ, cái vui này.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XIII

PHẨM 7: THÁNH HẠNH 3

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ Niết-bàn Đại thừa quán Tập đế như thế nào?

Này thiện nam! Đại Bồ-tát quán Tập đế này là nhân duyên của năm ấm. Cái gọi là tập là trở lại ái nơi hữu. Ái có hai loại: Một là yêu mến bản thân, hai là ưa muốn của cải. Lại có hai loại: Một là năm dục chưa có thì chuyên tâm tìm cầu, hai là khi đã có rồi thì ôm giữ tham đắm. Lại có ba loại: Ái dục, Ái sắc, Ái vô sắc. Lại có ba loại: Ái nhân duyên nghiệp, ái nhân duyên phiền não, ái nhân duyên khổ.

Người xuất gia có bốn loại tham ái. Những gì là bốn? Đó là y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc thang. Lại có năm loại ái, đó là tham đắm năm ấm và ham mê tất cả mọi nhu cầu. Nếu phân biệt tính toán thì có vô lượng vô biên.

Này thiện nam! Ái có hai loại: Một là ái thiện, hai là ái bất thiện. Ái bất thiện chỉ có người ngu mới tìm cầu, ái pháp thiện thì chư Bồ-tát mong cầu. Pháp thiện lại có hai loại: Bất thiện và thiện. Mong cầu Nhị thừa gọi là bất thiện, mong cầu Đại thừa gọi là thiện.

Này thiện nam! Ái của người phàm phu gọi là Tập, mà không gọi là đế, ái của Bồ-tát gọi là thật đế mà không gọi là Tập. Vì sao? Vì Bồ- tát muốn độ chúng sinh nên thọ thân, không phải do ái mà thọ sinh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như ở trong các kinh điển khác Như Lai đã vì các chúng sinh mà nói nghiệp là nhân duyên, hoặc nói kiêu mạn, hoặc nói sáu xúc, hoặc nói vô minh. Vì năm ấm xí thạnh mà làm nhân duyên. Nay vì nghĩa gì nói bốn Thánh đế mà lấy tánh ái làm nhân duyên cho năm ấm?

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Đúng như điều ông vừa nói, các nhân duyên không phải là phi nhân duyên, mà ái là nhân chính của năm ấm.

Này thiện nam! Ví như đại vương đi tuần thì đại thần, quyến thuộc đều đi theo hộ vệ. Cũng vậy, hễ ái đi đến đâu thì các kiết sử cũng đi theo đến đó. Ví như áo có mồ hôi, hễ có bụi bám vào thì dính chắc. Ái cũng vậy, tùy theo chỗ ở của ái, nghiệp kết chặt.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như đất ẩm ướt thì có thể làm cỏ cây nảy mầm. Ái cũng như vậy, có thể sinh ra tất cả mầm nghiệp phiền não.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trú Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa quán chiếu thâm sâu về ái này gồm có chín loại: Một là như nợ trả chưa hết, hai là như vợ là quỷ La-sát, ba là như cành hoa đẹp mà có rắn độc quấn quanh, bốn là như thức ăn dở, khó tiêu mà phải cố ăn, năm là như dâm nữ, sáu là như hạt Ma-lâu-ca, bảy là như thịt thối trong ung nhọt, tám là như gió bão, chín là như sao chổi.

Này thiện nam! Sao gọi là như nợ chưa trả hết? Ví như người nghèo mắc nợ tiền của người khác, tuy muốn trả hết nhưng vẫn chưa hết, như bị gông cùm trong tù ngục chưa được thả ra. Cũng vậy, Thanh văn, Duyên giác vì tập khí của ái còn lại nên không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Do vậy mà gọi là như người mắc nợ chưa trả hết. Này thiện nam! Thế nào là như vợ là quỷ La-sát? Này thiện nam!

Ví như có người lấy nữ La-sát làm vợ. Nữ La-sát hễ sinh được người con nào thì liền ăn thịt, ăn hết con rồi thì lại tiếp tục ăn thịt chồng. Này thiện nam! Nữ La-sát ái cũng lại như vậy, tùy theo chúng sinh sinh được bao nhiêu con thiện căn cũng đều ăn hết, ăn con thiện căn xong lại ăn chúng sinh khiến cho chúng sinh phải đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là như vợ là La-sát.

Này thiện nam! Thế nào là như cành hoa đẹp bị rắn độc quấn quanh? Ví như có người tánh ưa hoa đẹp không thấy cái họa rắn độc trên cành hoa bèn đưa tay nắm liền bị rắn độc cắn chết. Tất cả phàm phu cũng như vậy, tham đắm hoa năm dục không biết cái họa rắn độc ái nên nắm lấy liền bị độc ái giết chết. Sau khi mạng chung bị đọa vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như cành hoa đẹp bị rắn độc quấn quanh.

Này thiện nam! Thế nào là như thức ăn dở, khó tiêu mà phải cố ăn? Ví như có người, đồ ăn không tiêu mà cố ăn vào, ăn xong bị đau bụng mà chết. Thức ăn ái cũng như vậy, chúng sinh trong năm đường vì tham đắm mà ăn vào, vì nhân duyên này phải đọa vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Do vậy gọi là thức ăn không tiêu hóa mà cố ăn vào.

Này thiện nam! Thế nào là như dâm nữ? Ví như người ngu cùng dâm nữ tư thông. Dâm nữ này khéo dùng mọi lời lẽ dua nịnh tỏ bày sự thân thiện để lấy hết tiền của người ngu này rồi liền đuổi đi. Dâm nữ ái cũng như vậy, người ngu vô trí tư thông với nó, do đó mà bị nó cướp đi tất cả pháp thiện, pháp thiện đã hết rồi liền bị đọa vào ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là như dâm nữ.

Này thiện nam! Thế nào là như hạt Ma-lâu-ca? Ví như chim ăn hạt Ma-lâu-ca rồi đại tiện xuống đất, do gió thổi đến dưới gốc cây liền nảy mầm mọc lên quấn tròn thân cây Câu-ni-đà, khiến cây không thể phát triển được, cho đến phải chết khô. Hạt Ma-lâu-ca ái cũng như vậy, nó trói buộc pháp thiện của phàm phu, khiến cho không phát triển dẫn đến khô chết. Sau khi chết rồi bị đọa vào ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là như hạt Ma-lâu-ca.

Này thiện nam! Thế nào là như thịt thối trong ung nhọt? Ví như người bị ung nhọt lâu ngày thì nơi ấy thịt sẽ thối. Người này phải chuyên cần điều trị, chớ nên lơ là, nếu lơ là thì mụt ghẻ tăng trưởng lại sinh trùng ung thư dẫn đến chết. Ung nhọt năm ấm của người phàm phu ngu si cũng như vậy, ái là thịt thối ở trong đó. Vậy nên chuyên cần điều trị thịt thối ái, nếu không chữa trị nó thì khi mạng chung sẽ bị đọa vào ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là như thịt thối trong ung nhọt.

Này thiện nam! Thế nào là như gió bão? Ví như gió bão làm lở núi dời non, nhổ trốc gốc sâu. Bão ái cũng như vậy, nó sinh tâm xấu đối với cha mẹ, có thể nhổ trốc gốc Bồ-đề kiên cố vô thượng như Đại trí Xá-lợi-phất…, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là như gió bão.

Này thiện nam! Thế nào là như sao chổi? Ví như sao chổi xuất hiện, thì dân chúng trong thiên hạ đói khát, bệnh tật, gầy ốm, khổ não. Sao chổi ái cũng như vậy, nó có thể đoạn trừ các chủng tử thiện căn, khiến cho người phàm phu cô độc, bần cùng, đói khát, sinh bệnh phiền não, trôi lăn trong sinh tử, chịu rất nhiều đau khổ, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là như sao chổi.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trú Đại Niết-bàn Đại thừa quán sát có chín loại ái kết như vậy.

Này thiện nam! Vì ý nghĩa đó nên nói người phàm phu có Khổ mà không có Đế. Hàng Thanh văn, Duyên giác có Khổ và Khổ đế mà không chân thật. Các hàng Bồ-tát hiểu Khổ mà không có Khổ, cho nên không Khổ mà có chân thật. Hàng phàm phu có Tập mà không có Đế. Hàng Thanh văn, Duyên giác có Tập và Tập đế. Các hàng Bồ-tát hiểu Tập mà không có Tập, cho nên không Tập mà có chân đế. Hàng Thanh văn, Duyên giác có Diệt mà không chân thật. Hàng Đại Bồ-tát có Diệt có chân đế. Hàng Thanh văn, Duyên giác có Đạo chẳng phải chân thật. Hàng Đại Bồ-tát có Đạo và có chân đế.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ Đại Niết-bàn Đại thừa thấy Diệt và Diệt đế. Đó là đoạn trừ tất cả phiền não, nếu phiền não được đoạn trừ gọi là thường, diệt trừ lửa phiền não gọi là Tịch diệt. Phiền não đã diệt rồi sẽ được thọ lạc. Chư Phật, Bồ-tát cầu nhân duyên nên gọi là tịnh, lại chẳng thọ hai mươi lăm cõi, cho nên gọi xuất thế. Vì xuất thế cho nên gọi là ngã. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, nam, nữ, sinh, trụ, diệt, khổ, lạc, bất khổ, bất lạc, không nắm giữ tướng mạo, cho nên gọi là chân đế tịch tĩnh rốt ráo. Này thiện nam! Đó là Bồ-tát trụ Đại Niết-bàn Đại thừa quán sát Diệt Thánh đế như vậy.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ Đại Niết-bàn Đại thừa quán sát Đạo Thánh đế như thế nào?

Này thiện nam! Ví như trong bóng tối nhờ ánh đèn thấy được mọi sự vật lớn nhỏ. Cũng vậy, Đại Bồ-tát trú Đại Niết-bàn Đại thừa nhờ tám Thánh đạo mà thấy được tất cả các pháp là thường, vô thường, hữu vi, vô vi, chúng sinh, phi chúng sinh, vật, phi vật, khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, phiền não, phi phiền não, nghiệp, phi nghiệp, thật, không thật, thừa, phi thừa, biết, không biết, chủ đế, phi chủ đế, y chỉ, phi y chỉ, thấy, không thấy, sắc, phi sắc, đạo, phi đạo, hiểu, không hiểu. Này thiện nam! Bồ-tát trú nơi Đại Niết-bàn Đại thừa quán sát Đạo đế như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tám Thánh đạo là Đạo Thánh đế thì nghĩa không tương ứng. Vì sao? Vì Như Lai hoặc nói tín tâm là đạo có thể vượt qua các lậu, hoặc có lúc nói đạo là không phóng dật, chư Phật Thế Tôn không phóng dật nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không phóng dật cũng là pháp trợ đạo của các Bồ-tát. Hoặc có lúc Phật nói tinh tấn là Đạo, như Phật bảo A-nan: “Nếu người nào siêng năng tu hành tinh tấn thì thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Hoặc có lúc Phật nói quán thân niệm xứ, nếu chuyên tâm tinh tấn tu thân niệm xứ ấy, thì thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có lúc nói chánh định là Đạo, như Phật nói với Đại đức Ca-diếp: “Hễ chánh định là đạo chân thật, không phải không chánh định là đạo. Nếu nhập chánh định thì có thể suy nghĩ sự sinh diệt của năm ấm, chẳng phải chẳng vào định mà có thể tư duy”. Hoặc nói, một pháp mà người tu tập có thể làm thanh tịnh chúng sinh, diệt trừ tất cả buồn sầu, khổ não, chứng đắc chánh pháp, đó là Tam-muội niệm Phật. Hoặc có lúc lại nói tu tưởng vô thường gọi là Đạo, như Phật bảo Tỳ-kheo, có người có khả năng tu tưởng vô thường, có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có lúc nói, ngồi một mình im lặng suy nghĩ nơi thanh vắng, có thể mau thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có lúc nói, vì người nói pháp là Đạo. Nếu nghe pháp rồi đoạn dứt lưới nghi, dứt rồi thì chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có lúc nói, trì giới là Đạo, như Phật bảo A-nan: “Nếu có người nào tinh tấn tu tập giữ gìn giới cấm thì người ấy sẽ vượt thoát khổ lớn sinh tử”. Hoặc có lúc nói, thân cận bạn hiền là Đạo, như Phật bảo A-nan: “Nếu người nào thân cận bậc Thiện tri thức thì đầy đủ giới tịnh. Nếu chúng sinh thân cận Ta thì được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Hoặc có lúc nói, tu tập tâm từ là Đạo. Người tu học tâm từ thì đoạn được các phiền não, đạt đến nơi bất động. Hoặc có lúc nói, trí tuệ là Đạo, như Phật thuở xưa vì Tỳ- kheo-ni Ba-xà-ba-đề nói: “Này Tỳ-kheo-ni! Như hàng Thanh văn dùng lực trí tuệ có thể đoạn trừ các dòng lậu hoặc phiền não”. Hoặc có lúc Như Lai nói bố thí là Đạo, như Phật thuở xưa bảo vua Ba-tư-nặc: “Đại vương nên biết! Thuở xưa Ta đã làm nhiều việc bố thí, nhờ nhân duyên đó mà ngày nay thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Bạch Thế Tôn! Nếu tám Thánh đạo là Đạo, thì các kinh nói như vậy chẳng phải là hư vọng. Nếu các kinh đó chẳng phải hư vọng thì vì chuyện gì mà trong đó không nói tám Thánh đạo là Đạo đế. Nếu các kinh ấy không nói thì Như Lai xưa kia sao lầm lẫn. Nhưng con biết nhất định chư Phật Như Lai từ lâu đã xa lìa lầm lẫn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông nay muốn biết bí mật của kinh điển Đại thừa vi diệu của Bồ-tát, cho nên hỏi câu ấy. Này thiện nam! Các kinh như vậy đều thuộc Đạo đế. Này thiện nam! Như điều Ta nói, nếu có lòng tin là Đạo, thì tin Đạo như vậy là tin vững chắc, là có thể trợ giúp đạo Bồ-đề. Do vậy Ta nói không lầm lẫn. Này thiện nam! Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện muốn giáo hóa chúng sinh mà nói đủ các pháp như vậy.

Này thiện nam! Ví như vị lương y biết nguyên nhân các loại bệnh của chúng sinh, tùy theo căn bệnh mà vị lương y pha chế các loại thuốc và cấm các loại thuốc, chỉ riêng nước là không bị cấm kỵ. Hoặc cho uống nước gừng, hoặc nước cam thảo, hoặc nước đế tân, hoặc nước đường phèn, hoặc nước A-ma-lặc, hoặc nước Ni-ba-la, hoặc nước Bát- trú-la, hoặc nước lạnh, hoặc nước nóng, hoặc nước nho, hoặc nước An- thạch-lựu v.v…

Này thiện nam! Vị lương y này khéo biết bệnh của chúng sinh nên dùng các loại thuốc, tuy có nhiều điều cấm kỵ nhưng chỉ riêng nước thì không. Cũng vậy, Như Lai khéo biết phương tiện, đối với một pháp tướng, tùy các chúng sinh phân biệt giảng nói rộng các loại danh tướng. Các chúng sinh ấy tùy theo lời nói của Như Lai mà thọ nhận, thọ nhận rồi tu tập diệt trừ khổ não, như người bệnh kia theo lời dạy của vị lương y mà bệnh được lành.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như trong đại chúng có một người giỏi nhiều thứ tiếng. Một hôm trong chúng ai cũng bị nóng khát bức bách, đều kêu lên: “Tôi muốn uống nước, tôi muốn uống nước”. Lúc đó, người ấy đem nước trong mát đến cho mọi người rồi tùy từng thứ tiếng của mỗi người, ông nói nước này là Ba-ni-uất-đặc, hoặc nói Sa- lợi-lam, hoặc nói Sa-lợi, hoặc nói Ba-na, hoặc nói cam lồ, hoặc nói sữa bò, vì đại chúng mà ông ta nói nước có nhiều tên như vậy.

Này thiện nam! Cũng vậy, Như Lai chỉ dùng Thánh đạo mà thuyết giảng cho các Thanh văn từ Tín căn cho đến tám Thánh đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thợ vàng chỉ dùng một thứ vàng, tùy ý làm ra các loại trang sức nào là kẹp, vòng, xuyến, thoa, khuyên tai, mão, nhẫn v.v… tuy các thứ ấy không giống nhau nhưng đều làm bằng một thứ vàng. Cũng vậy, Như Lai chỉ dùng một Phật đạo, tùy theo các chúng sinh mà phân biệt giảng nói. Hoặc nói một thứ, đó là chư Phật, chỉ có một đạo không hai; hoặc nói hai thứ, đó là Định, Tuệ; hoặc nói ba thứ, đó là Kiến, Tuệ, Trí; hoặc nói bốn thứ, đó là Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo và Phật đạo; hoặc nói năm thứ, đó là Tín hành đạo, Pháp hành đạo, Tín giải thoát đạo, Kiến đáo đạo, Thân chứng đạo; hoặc nói sáu thứ, đó là Tu-đà-hàm đạo, Tư-đà-hàm đạo, A- na-hàm đạo, A-la-hán đạo, Phật-bích-chi đạo, Phật đạo; hoặc nói bảy thứ, đó là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Trừ giác phần, Định giác phần, Xả giác phần; hoặc nói tám thứ, đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; hoặc nói chín thứ, đó là tám Thánh đạo và Tín; hoặc nói mười thứ, đó là mười Lực; hoặc nói mười một thứ, như mười Lực và Đại từ; hoặc nói mười hai thứ, đó là mười Lực, Đại từ và Đại bi; hoặc nói mười ba thứ, đó là mười Lực, Đại từ, Đại bi và Tam-muội niệm Phật; hoặc nói mười sáu thứ, đó là mười Lực, Đại từ, Đại bi, Tam-muội niệm Phật và ba Chánh niệm xứ mà Phật chứng đắc; hoặc nói hai mươi thứ, đó là mười Lực, bốn Vô sở úy, Đại từ, Đại bi, Tam-muội niệm Phật và ba Chánh niệm xứ.

Này thiện nam! Đạo ấy nhất thể, thuở xưa Như Lai vì chúng sinh nên phân biệt đủ loại.

Này thiện nam! Ví như lửa tuy chỉ là một, nhưng đem đốt thì có nhiều tên gọi, như lửa cây, lửa cỏ, lửa vỏ trấu, lửa mạt trấu, lửa phân bò, phân ngựa v.v…

Này thiện nam! Cũng vậy, Phật đạo là một không có hai, vì chúng sinh nên Như Lai phân biệt nhiều thứ.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như một thức mà phân chia nói thành sáu. Nếu đề cập đến mắt thì gọi là nhãn thức, cho đến ý thức cũng vậy. Này thiện nam! Cũng vậy, Đạo chỉ là một không có hai. Như Lai vì giáo hóa chúng sinh nên phân biệt nhiều thứ.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như sắc chỉ là một, nhưng mắt thấy gọi là sắc, tai nghe gọi là tiếng, mũi ngửi gọi là mùi, lưỡi nếm gọi là vị, thân xúc chạm gọi là xúc. Này thiện nam! Cũng vậy, Đạo chỉ là một không có hai. Như Lai vì giáo hóa chúng sinh mà phân biệt nhiều thứ.

Này thiện nam! Do nghĩa đó nên lấy tám Thánh đạo mà phân biệt thì gọi là Đạo Thánh đế.

Này thiện nam! Bốn Thánh đế ấy chư Phật Thế Tôn tuần tự thuyết giảng. Nhờ nhân duyên đó mà vô lượng chúng sinh vượt qua sinh tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thuở xưa có một thời gian Thế Tôn ở trong rừng Thi Thủ bên bờ sông Hằng. Bấy giờ, Như Lai nắm một nắm lá bảo các Tỳ-kheo: “Số lá mà Ta nắm trong tay nhiều hay lá của tất cả các cỏ cây trên trái đất này nhiều?”. Các Tỳ-kheo trả lời: “Bạch Thế Tôn! Lá của tất cả cỏ cây trên trái đất này nhiều không thể nói được. Nắm lá trong tay của Như Lai rất ít không đáng kể”. “Này các Tỳ-kheo! Điều hiểu biết của Ta về tất cả các pháp nhiều như lá cỏ cây mọc trên đại địa này, nhưng điều mà Ta vì chúng sinh thuyết giảng chỉ như lá trong tay”.

Bạch Thế Tôn! Khi ấy Ngài nói, Như Lai đã hiểu rõ vô lượng pháp. Vậy nhập vào bốn Thánh đế thì Thế Tôn đã nói rồi. Còn nếu không nhập vào bốn Thánh đế thì đáng lẽ có năm Thánh đế chăng?

Lúc ấy, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Lời hỏi của ông làm cho vô lượng chúng sinh đạt được lợi ích an ổn, vui sướng. Này thiện nam! Các pháp như vậy đã tóm thâu trong bốn Thánh đế.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

–Các pháp như thế nếu ở trong bốn Thánh đế, thì sao Như Lai bảo là không nói!

Phật dạy:

–Này thiện nam! Tuy các pháp thâu tóm trong bốn Thánh đế, nhưng vẫn như không nói tên. Vì sao? Này thiện nam! Bốn Thánh đế có hai loại trí: Một là bậc trung, hai là bậc thượng. Bậc trung là trí Thanh văn, Duyên giác; bậc thượng là trí chư Phật, Bồ-tát.

Này thiện nam! Biết năm ấm là khổ gọi là trí bậc trung. Phân biệt các ấm có vô lượng tướng đều là khổ thì chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được, mà đó là trí bậc thượng. Này thiện nam! Các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta chưa nói đến.

Này thiện nam! Biết các nhập gọi là môn, cũng gọi là khổ, đó là trí bậc trung. Phân biệt các nhập có vô lượng tướng đều là khổ, chẳng phải là cái biết của hàng Thanh văn, Duyên giác, mà đó là trí bậc thượng. Này thiện nam! các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chưa nói.

Này thiện nam! Biết các cõi gọi là phần, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ, đó là trí bậc trung. Phân biệt các cõi có vô lượng tướng đều là các khổ, chẳng phải là cái biết của hàng Thanh văn, Duyên giác, mà đó là trí bậc thượng. Này thiện nam! Các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chưa nói đến.

Này thiện nam! Biết tướng hoại của sắc là trí bậc trung. Phân biệt các sắc có vô lượng tướng đều là khổ, chẳng phải là cái biết của hàng Thanh văn, Duyên giác, mà đó là trí bậc thượng.

Này thiện nam! Biết tướng cảm giác của thọ là trí bậc trung. Phân biệt các thọ có vô lượng tướng cảm giác, chẳng phải cái biết của hàng Thanh văn, Duyên giác, mà đó là trí bậc thượng. Này thiện nam! Các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chưa nói.

Này thiện nam! Biết tướng nắm giữ của tướng là trí bậc trung. Phân biệt tưởng ấy có vô lượng tướng nắm giữ, chẳng phải là cái biết của hàng Thanh văn, Duyên giác, mà đó là trí bậc thượng. Các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chưa nói.

Này thiện nam! Biết tướng tạo tác của hành là trí bậc trung. Phân biệt hành ấy có vô lượng tướng tạo tác, chẳng phải là cái biết của hàng Thanh văn, Duyên giác, mà đó là trí bậc thượng. Này thiện nam! các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chưa nói.

Này thiện nam! Biết tướng phân biệt của thức là trí bậc trung. Phân biệt thức ấy có vô lượng tướng tri, chẳng phải cái biết của hàng Thanh văn, Duyên giác, mà đó là trí bậc thượng.

Này thiện nam! Các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chưa giảng nói.

Này thiện nam! Biết nhân duyên của ái có thể sinh ra thân năm ấm. Đó là trí bậc trung. Một người sinh khởi ái vô lượng vô biên, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Có thể biết ái mà tất cả chúng sinh sinh khởi như vậy, đó là trí bậc thượng. Các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chưa giảng nói.

Này thiện nam! Biết diệt trừ phiền não là trí bậc trung. Phân biệt các phiền não không thể tính đếm, diệt phiền não cũng như vậy, không thể tính đếm được, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, đó gọi là trí bậc thượng. Các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta chưa giảng nói.

Này thiện nam! Biết tướng của đạo có thể xa lìa phiền não, là trí bậc trung. Phân biệt tướng của đạo vô lượng vô biên, phiền não xa lìa cũng vô lượng vô biên, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, đó là bậc trí thượng. Các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chưa giảng nói.

Này thiện nam! Biết thế đế đó là trí bậc trung. Phân biệt thế đế vô lượng, vô biên không thể tính đếm, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, đó là trí bậc thượng. Các nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chưa giảng nói.

Này thiện nam! Biết tất cả hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh là đệ nhất nghĩa, đó là trí bậc trung. Biết đệ nhất nghĩa đế vô lượng, vô biên không thể tính đếm, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, đó là trí bậc thượng. Các nghĩa này đối với các kinh khác Ta cũng chưa giảng nói đến.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói thế đế và đệ nhất nghĩa đế, ý nghĩa như thế nào? Bạch Thế Tôn! Trong đệ nhất nghĩa đế có thế đế không? Trong thế đế có đệ nhất nghĩa đế không? Nếu có thì tức là một đế, nếu không có thì há chẳng phải

Như Lai nói hư vọng sao?

Phật nói:

–Này thiện nam! Thế đế là đệ nhất nghĩa đế.

–Bạch Thế Tôn! Nếu vậy thì không có hai đế.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Có phương tiện khéo léo tùy thuận chúng sinh mà nói có hai đế.

Này thiện nam! Nếu theo ngôn từ thì có hai thứ: Một là pháp thế gian, hai là pháp xuất thế gian.

Này thiện nam! Như những gì mà người xuất thế gian biết thì gọi là đệ nhất nghĩa đế, những gì người thế gian biết gọi là thế đế.

Này thiện nam! Năm ấm hòa hợp gọi là cái gì đó, tùy theo cái tên mà chúng sinh gọi đó là thế đế. Hiểu rõ năm ấm không có tên gọi của một cái gì đó. Xa lìa năm ấm cũng không có một cái tên gọi gì đó. Người xuất thế gian có thể biết đúng như tánh tướng của nó, gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có pháp có tên, có thật, hoặc có pháp có tên, không có thật.

Này thiện nam! Có tên gọi mà không có thật tức là thế đế, có tên, có thật là đệ nhất nghĩa đế.

Này thiện nam! Như ngã, chúng sinh, thọ mạng, tri kiến, nghiệp, dưỡng dục, trượng phu, tác giả, thọ giả, bóng nước khi nắng nóng, thành Càn-thát-bà, lông rùa, sừng thỏ, vòng lửa, các ấm, giới, nhập gọi là thế đế. Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Này thiện nam! Thế pháp có năm loại: một là danh thế, hai là cú thế, ba là phược thế, bốn là pháp thế, năm là chấp trước thế.

Này thiện nam! Sao gọi là danh thế? Các vật như trai, gái, bình, áo, xe, nhà v.v… gọi danh thế. Sao gọi là cú thế? Một bài kệ bốn câu, những bài kệ như vậy gọi là cú thế. Sao gọi là phược thế? Cuốn, hợp, trói buộc, chắp tay v.v… gọi là phược thế. Sao gọi là pháp thế? Như đánh kiền chùy nhóm Tăng, đánh trống ngăn cấm quân lính, thổi tù và để biết giờ v.v… gọi là pháp thế. Sao gọi là chấp trước thế? Như trông đằng xa có người mặc y hoại sắc sinh tưởng chấp gọi là Sa-môn nhưng không phải Sa-môn, thấy có người thắt dây ở thân, nghĩ đó là Bà-la- môn nhưng chẳng phải Bà-la-môn v.v… Đó gọi là chấp trước thế. Này thiện nam! Như vậy gọi là năm loại thế pháp.

Này thiện nam! Nếu có chúng sinh đối với năm thứ thế pháp như vậy, biết như thật, tâm không điên đảo, thì gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại gọi là thế đế. Không đốt, không cắt, không chết, không hoại gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Lại nữa, này thiện nam! Có tám tướng khổ gọi là thế đế. Không có sinh, không có già, không có bệnh, không có chết, không ái biệt ly, không oán tằng hội, không cầu bất đắc, không có năm ấm xí thạnh, gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như một người có nhiều tài năng, nếu lúc chạy thì gọi là người chạy, nếu lúc gặt cắt thì gọi là thợ gặt, nếu lúc làm đồ ăn thì gọi là người nấu ăn, nếu lúc đẽo gỗ gọi là thợ mộc, nếu lúc nấu vàng bạc gọi là thợ kim hoàn. Như vậy một người mà có được nhiều tên. Cũng vậy, pháp thật ra chỉ là một mà có nhiều tên. Nhờ cha mẹ hòa hợp mà sinh gọi là thế đế. Mười hai nhân duyên hòa hợp mà sinh gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cái gọi là thật đế ý nghĩa thế nào? Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói thật đế là pháp chân thật. Này thiện nam!

Nếu pháp không phải chân thật thì không gọi là thật đế.

Này thiện nam! Thật đế là không có điên đảo, không có điên đảo gọi là thật đế.

Này thiện nam! Thật đế là không có hư vọng, nếu có hư vọng thì không gọi là thật đế.

Này thiện nam! Thật đế gọi là Đại thừa, không phải Đại thừa thì không gọi là thật đế.

Này thiện nam! Thật đế là những điều Phật nói, không phải ma nói. Nếu ma nói không phải Phật nói thì không gọi là thật đế.

Này thiện nam! Thật đế chỉ là một đạo thanh tịnh không có hai.

Này thiện nam! Có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thì gọi là nghĩa thật đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu lấy pháp chân thật làm thật đế, thì pháp chân thật tức là Như Lai, hư không, Phật tánh. Nếu như thế thì Như Lai, hư không và Phật tánh không có sai khác.

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Có khổ, có đế, có thật; có tập, có đế, có thật; có diệt, có đế, có thật; có đạo, có đế, có thật.

Này thiện nam! Như Lai chẳng phải khổ, chẳng phải đế là thật; hư không chẳng phải khổ, chẳng phải đế là thật; Phật tánh chẳng phải khổ, chẳng phải đế là thật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cái gọi là khổ là tướng vô thường, là tướng có thể đoạn, đó là thật đế. Tánh của Như Lai chẳng phải khổ, chẳng phải vô thường, chẳng phải tướng có thể đoạn, cho nên thật là hư không. Phật tánh cũng vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Sở dĩ nói là tập là vì nó có thể làm cho năm ấm hòa hợp mà sinh cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô thường, là tướng có thể đoạn. Đó là thật đế.

Này thiện nam! Như Lai không phải tánh của tập, không phải nhân của ấm, không phải tướng có thể đoạn, cho nên thật là hư không. Phật tánh cũng vậy.

Này thiện nam! Sở dĩ nói diệt là nói phiền não diệt, cũng thường, vô thường. Sở đắc của Nhị thừa gọi là vô thường. Sở đắc của chư Phật gọi là thường, cũng gọi là chứng đắc pháp. Đó là thật đế.

Này thiện nam! Tánh Như Lai không gọi là diệt, nó có thể diệt trừ phiền não, không phải thường, không phải vô thường, không gọi là chứng biết, thường lại không biến đổi. Đó là thật hư không. Phật tánh cũng vậy.

Này thiện nam! Đạo có thể đoạn trừ phiền não, cũng thường, vô thường, là pháp có thể tu tập, đó gọi là thật đế. Như Lai không phải đạo và có thể diệt trừ phiền não, không phải thường, không phải vô thường, không phải pháp có thể tu tập, thường trụ, không biến đổi. Cho nên là thật hư không. Phật tánh cũng vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Nói chân thật tức là Như Lai, Như Lai tức là chân thật, chân thật tức là hư không, hư không tức là chân thật, chân thật tức là Phật tánh, Phật tánh tức là chân thật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Có khổ, có nhân của khổ, có sự hết khổ, có sự đối trị khổ. Như Lai không phải khổ, cho đến không phải đối trị khổ, cho nên là thật không gọi là đế. Hư không, Phật tánh cũng như vậy Khổ là hữu vi, là hữu lậu, không có an lạc. Như Lai không phải hữu vi, không phải hữu lậu, vắng lặng an vui là thật không phải đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như điều Phật dạy: Không điên đảo gọi là thật đế. Nếu như vậy thì trong bốn đế có bốn điên đảo không? Nếu như có tại sao Thế Tôn nói không điên đảo gọi là thật đế, tất cả điên đảo không gọi là thật.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Tất cả điên đảo đều nằm trong khổ đế, như các chúng sinh có tâm điên đảo, nên gọi là điên đảo.

Này thiện nam! Ví như có người không nghe lời dạy của cha mẹ, tôn tưởng, hoặc có nghe dạy bảo mà không tuân theo để tu hành, những người này gọi là điên đảo. Như vậy điên đảo không phải không khổ mà chính là khổ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như điều Phật nói không hư vọng tức là thật đế. Nếu như vậy thì nên biết, hư vọng thì không phải thật đế.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả hư vọng đều nằm

trong khổ đế. Nếu có chúng sinh dối trá với người khác, vì nhân duyên này mà đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Các pháp như vậy gọi là hư vọng. Hư vọng như vậy không phải là không khổ, mà chính là khổ. Hàng Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn đều xa lìa không làm như vậy. Cho nên gọi là hư vọng. Các điều hư vọng như vậy chư Phật và hàng Nhị thừa đã đoạn trừ, nên gọi là thật đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như lời Phật giảng nói, Đại thừa là thật đế, thì nên biết hàng Thanh văn, Phật-bích-chi thừa là không thật.

Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hàng Nhị thừa cũng thật, cũng không thật, hàng Thanh văn, Duyên giác đoạn trừ các khổ não gọi là thật, vô thường không trụ là pháp biến đổi, nên gọi là không thật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như lời Phật dạy, những điều Như Lai giảng nói gọi là thật, thì nên biết ma nói là không thật.

Bạch Thế Tôn! Những điều ma nói có thâu tóm trong Thánh đế không?

Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Những điều ma nói đều thâu tóm trong hai đế. Đó là khổ và tập. Hễ những điều gì phi pháp, phi luật, không có khả năng làm lợi ích cho người, dù có nói mãi đi nữa, thì cũng không có người nào thấy được khổ, đoạn trừ tập, chứng đắc diệt tu hành đạo. Đó là hư vọng. Hư vọng như vậy gọi là ma nói.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như điều Phật dạy, chỉ có một đạo thanh tịnh chớ không có hai. Các ngoại đạo cũng nói, ta chỉ có một đạo thanh tịnh không có hai. Nếu nói đạo chỉ là một, là thật đế thì cùng với ngoại đạo có gì sai khác. Nếu có sai khác không nên nói chỉ có một đạo thanh tịnh.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Các ngoại đạo có khổ đế, tập đế mà không có diệt đế, đạo đế ở trong. Ở trong cái không phải diệt mà sinh tưởng diệt, ở trong cái không đạo mà sinh tưởng đạo, ở trong cái không phải quả mà sinh tưởng quả, ở trong cái không phải nhân mà sinh tưởng nhân, Do nghĩa này nên họ không có một đạo thanh tịnh không hai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như điều Phật dạy, có thường, có ngã, có lạc, có tịnh là thật nghĩa, thì các ngoại đạo đáng lẽ có thật đế, trong pháp Phật thì không. Vì sao? Vì ngoại đạo cũng nói các hành là thường. Thế nào là thường? Các loại nghiệp báo vừa ý hay không vừa ý đều thọ không mất. Vừa ý gọi là quả báo mười việc thiện, không vừa ý là quả báo mười việc bất thiện. Nếu nói các hành đều là vô thường, mà người tạo nghiệp đã chết rồi, thì ai chịu quả báo đó. Do nghĩa này nên các hành là thường, nhân duyên sát sinh gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Nếu nói các hành đều là vô thường thì người giết và người bị giết đều là vô thường. Nếu là vô thường thì ai ở địa ngục mà thọ tội báo, nếu quyết định nói có địa ngục chịu quả báo, thì nên biết, các hành thật không phải vô thường.

Bạch Thế Tôn! Chú tâm ghi nhớ cũng gọi là thường, như những điều mà mười năm, trăm năm cũng không quên, cũng gọi là thường. Nếu là vô thường thì những gì đã thấy ai nhớ, ai nghĩ, vì nhân duyên đó nên tất cả các hành đều không phải vô thường. Bạch Thế Tôn! Tất cả đều tưởng nhớ gọi là thường. Như con người trước thấy tướng tay, chân, đầu, cổ của người khác, về sau gặp lại liền nhớ, biết hết. Nếu là vô thường thì các tướng thấy ở trước đều diệt mất. Bạch Thế Tôn! Các nghề nghiệp do người học tập từ khi mới học trải qua ba năm hoặc năm năm, sau đó mới biết rành, nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Cách đếm từ một đến hai, từ hai đến ba cho đến trăm ngàn, nếu vô thường thì số một ban đầu đáng lẽ phải diệt, mà số một ban đầu đã diệt thì làm sao có số hai. Như vậy một thường diệt thì không có hai, do một không diệt nên đếm được hai, cho đến một trăm, ngàn nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Như cách đọc tụng: Đọc một A-hàm đến hai A-hàm, đến ba A-hàm, bốn A-hàm, như là vô thường thì đọc tụng không bao giờ đến bốn. Do nhờ nhân duyên đọc tụng tăng lên cho nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Bình bát, y phục, xe cộ như người mắc nợ, đại địa, hình tướng, núi sông, rừng cây, thuốc, lá cỏ trị bệnh, chúng sinh đều là thường, cũng lại như vậy. Bạch Thế Tôn! Tất cả ngoại đạo đều nói các hành là thường. Nếu là thường tức là thật đế. Bạch Thế Tôn! Các ngoại đạo lại nói có lạc làm sao để biết? Người thọ lạc quyết được quả báo vừa ý. Bạch Thế Tôn! Hễ người thọ lạc tức họ quyết định được, như Đại Phạm thiên vương, Đại Tự Tại thiên, Thích-đề-hoàn- nhân, Tỳ-nựu thiên và hàng trời người. Vì nghĩa đó nên gọi quyết định có lạc. Bạch Thế Tôn! Có các hàng ngoại đạo lại nói có lạc có thể khiến cho chúng sinh sinh mong cầu như người đói cầu thức ăn, người khát cầu nước uống, người lạnh cầu ấm, người nóng cầu mát, người mệt cầu nghỉ, người bệnh cầu lành, người tham dục cầu sắc. Nếu không có lạc thì những người kia cầu cái gì? Do có người cầu nên biết có lạc.

Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo nói bố thí có thể được lạc. Người đời ưa bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo cùng khốn khổ nào y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc men, voi, ngựa, xe cộ, hương bột, hương xoa, các loại hoa, nhà cửa, chỗ ở, đèn đuốc. Họ làm các loại bố thí những thứ như vậy, muốn đời sau được phước báo như ý muốn. Vì thế quyết định nói có lạc.

Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói vì nhân duyên nên biết có lạc, đó là người thọ lạc, có nhân duyên cho nên gọi là lạc xúc. Nếu không có lạc thì được nhân duyên gì? Như không có sừng thỏ thì không có nhân duyên, có nhân duyên lạc thì biết có lạc.

Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói có thượng, trung, hạ cho nên biết có lạc. Thọ lạc bậc hạ là Thích-đề-hoàn-nhân, thọ lạc bậc trung là Đại Phạm thiên vương, thọ lạc bậc thượng là hàng trời Đại Tự Tại. Vì có thượng, trung, hạ như thế cho nên biết có lạc.

Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói có tịnh. Vì sao? Vì nếu không có tịnh thì đáng lẽ không khởi sự mong muốn. Nếu khởi sự mong muốn thì nên biết có tịnh. Lại nói vàng, bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xà cừ, mã não, san hô, trân châu, bích ngọc, kha bối v.v… dòng suối, ao tắm, thức ăn uống, y phục, hoa hương, hương bột, hương xoa, đèn đuốc, những vật như vậy đều là pháp tịnh.

Lại nữa, nói có tịnh là năm ấm tức là đồ đựng sạch chứa đầy các vật sạch, như hàng trời, người, chư tiên, A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ- tát, chư Phật. Vì nghĩa đó nên gọi là tịnh.

Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói có ngã vì có cái thấy biết, có thể tạo tác. Ví như có người vào nhà thợ gốm, tuy không thấy người thợ nhưng thấy đồ nghề, nên biết chắc đây là nhà thợ gốm. Ngã cũng như vậy, do mắt thấy sắc nên biết chắc là có ngã. Nếu không có ngã thì ai thấy sắc, nghe tiếng? Cho đến xúc chạm cũng lại như vậy.

Lại nữa, vì sao biết có ngã? Nhờ tướng mà biết. Thế nào là tướng? Đó là thở, nhìn, nháy, thọ mạng, khởi tâm nhận lãnh các khổ, vui, tham cầu, sân hận, các pháp như vậy đều là tướng của ngã. Do vậy nên biết nhất định có ngã.

Lại nữa, có ngã vì có thể phân biệt được các mùi vị. Có người ăn trái cây, thấy trái cây liền biết mùi. Vì thế nên nhất định biết là có ngã.

Lại nữa, vì sao biết có ngã? Vì có cầm nắm, làm việc, như cầm lưỡi liềm có thể cắt, cầm búa có thể bửa, cầm bình có thể đựng nước, lên xe có thể điều khiển. Các vật như thế, ta cầm nắm và có thể làm việc được thì nên biết nhất định có ngã.

Lại nữa, vì sao biết có ngã? Vì ngay lúc mới sinh ra biết đòi bú, theo tập khí đời trước. Do đó nên biết chắc chắn có ngã.

Lại nữa, vì sao biết có ngã? Vì hòa hợp lợi ích chúng sinh khác. Ví như bình nước, y phục, xe cộ, ruộng vườn, nhà cửa, rừng núi, cỏ cây, voi, ngựa, bò, dê. Các vật như vậy hòa hợp lại thì có lợi ích. Năm ấm bên trong này cũng là như vậy, các căn nhãn v.v… có hòa hợp thì có lợi ích cho người. Do đó, nên biết chắc chắn có ngã.

Lại nữa, vì sao biết có ngã? Vì có pháp ngăn ngại như có vật nên có ngăn ngại. Nếu không có vật thì không có ngăn ngại. Nếu có ngăn ngại thì biết có ngã. Vì thế cho nên biết chắc chắn có ngã.

Lại nữa, vì sao biết có ngã? Vì bạn không phải bạn, thân và không phải thân, không phải là bè bạn, chánh pháp, tà pháp cũng không phải bè bạn, trí và không phải trí cũng không phải là bè bạn, Sa- môn, không phải Sa-môn, Bà-la-môn, không phải Bà-la-môn, con không phải con, ngày không phải ngày, đêm không phải đêm, ngã không phải ngã. Các pháp như vậy là bạn không phải bạn. Vì thế nên biết chắc chắn có ngã.

Bạch Thế Tôn! Các ngoại đạo nào cũng đều nói thường, lạc, ngã, tịnh nên biết chắc là có thường, lạc, ngã, tịnh.

Bạch Thế Tôn! Do nghĩa như vậy nên các ngoại đạo ai cũng nói ta có chân đế.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn có thường, lạc, ngã, tịnh thì họ không phải Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì họ đam mê sinh tử, xa lìa bậc Đại Đạo Sư Nhất Thiết Trí. Các vị Sa-môn, Bà-la- môn như vậy bị chìm đắm trong các tham dục, tổn giảm pháp thiện. Các ngoại đạo như vậy bị ràng buộc trong ngục tham dục, sân hận, ngu si vì đam mê thọ lạc. Các ngoại đạo này tuy biết nghiệp quả tự làm tự chịu mà vẫn không thể xa lìa pháp ác. Các ngoại đạo này không phải là chánh pháp, chánh mạng để tự sinh sống. Vì sao? Vì họ không có lửa trí tuệ nên không thể tiêu diệt được. Các ngoại đạo này tuy muốn tham đắm năm dục bậc thượng diệu, nhưng nghèo nàn về pháp thiện, chẳng siêng năng tu tập. Các ngoại đạo này tuy muốn đi đến chánh giải thoát, nhưng giữ gìn giới cấm không trọn vẹn. Các ngoại đạo này tuy muốn cầu an vui nhưng không thể cầu nhân duyên an vui. Các ngoại đạo này tuy ghét tất cả các khổ nhưng mà việc làm của họ chưa thể xa lìa nguyên nhân của các khổ. Các ngoại đạo này dù bị con rắn độc bốn đại quấn quanh thân, nhưng vẫn hành phóng dật không có cẩn thận. Các ngoại đạo này bị vô minh che lấp, xa lìa bạn lành, và ở trong ba cõi bị lửa lớn vô thường thiêu đốt mà không thể ra được. Các ngoại đạo này gặp các bệnh phiền não khó lành mà lại không cầu cứu bậc lương y tài giỏi. Các ngoại đạo này vào đời vị lai sẽ đi trên đường xa xôi rất nhiều nguy hiểm, mà không biết dùng vốn liếng pháp thiện để tự trang nghiêm. Các ngoại đạo này thường bị nạn độc dâm dục làm hại, mà lại ôm ấp rương độc ngũ lạc. Các ngoại đạo này bị sân hận thiêu đốt mà lại gần gũi bạn ác. Các ngoại đạo này thường bị vô minh che lấp mà lại tìm cầu pháp tà ác. Các ngoại đạo này thường bị tà kiến mê hoặc mà ở trong đó lại sinh tưởng thân thiện. Các ngoại đạo này thích ăn trái ngọt mà gieo hạt giống đắng. Các ngoại đạo này đã ở trong nhà tối tăm phiền não mà lìa ngọn đuốc sáng trí tuệ. Các ngoại đạo này bị các hoạn khát phiền não mà còn uống nước muối dục. Các ngoại đạo này trôi dạt trong dòng sông lớn sinh tử vô biên mà lại xa lìa vị thuyền trưởng vô thượng. Các ngoại đạo này mê hoặc điên đảo, nói các hành là thường. Nếu các hành là thường thì đó là điều không có.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XIV

PHẨM 7: THÁNH HẠNH 4

Này thiện nam! Ta quán các hành thảy đều vô thường. Vì sao biết? Vì do nhân duyên. Nếu có các pháp từ duyên mà sinh thì biết là vô thường. Các ngoại đạo này không có một pháp nào mà chẳng từ duyên sinh. Này thiện nam! Phật tánh không sinh, không diệt, không đến, không đi, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải do nhân duyên tạo ra, cũng chẳng phải không do nhân duyên tạo ra, chẳng phải tạo tác, chẳng phải tướng, chẳng phải không có tướng, chẳng phải có tên gọi, chẳng phải không có tên gọi, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải thuộc về ấm, giới, nhập. Vì thế nên gọi là thường. Này thiện nam! Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là pháp, pháp tức là thường. Vì nghĩa này nên những pháp từ nhân duyên sinh thì không gọi là thường. Các ngoại đạo này không có một pháp nào chẳng từ nhân duyên sinh. Này thiện nam!

Các ngoại đạo này không thấy Phật tánh, Như Lai và Pháp. Cho nên những lời nói của ngoại đạo đều là hư dối, không chân thật. Các hàng phàm phu lúc trước thấy bình, y, xe cộ, nhà cửa, thành quách, sông nước, núi rừng, nam, nữ, voi, ngựa, trâu, dê; lúc sau thấy tương tợ liền cho là thường. Nên biết những thứ ấy thật chẳng phải là thường. Này thiện nam! Tất cả hữu vi đều vô thường, vì vậy hư không vô vi là thường, Phật tánh vô vi là thường. Hư không vô vi tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là vô vi, vô vi tức là thường, thường tức là pháp, pháp tức là Tăng, Tăng tức là vô vi, vô vi tức là thường. Này thiện nam! Pháp hữu vi có hai thứ: Sắc pháp và phi sắc pháp. Phi sắc pháp tức là tâm và tâm sở. Sắc pháp là đất, nước, lửa, gió. Này thiện nam! Tâm gọi là vô thường. Vì sao? Vì tánh của nó là duyên dựa, phân biệt tương ưng. Này thiện nam! Tánh của nhãn thức khác, cho đến tánh của ý thức khác, cho nên vô thường. Này thiện nam! Cảnh giới của sắc khác, cho đến cảnh giới của pháp khác, cho nên vô thường. Này thiện nam! Nhãn thức tương ưng khác, cho đến ý thức tương ưng khác, cho nên vô thường. Này thiện nam! Nếu tâm là thường thì nhãn thức lẽ ra một mình duyên tất cả các pháp. Này thiện nam! Nếu nhãn thức khác, cho đến ý thức khác thì biết là vô thường. Vì các pháp giống nhau, niệm niệm sinh diệt nên phàm phu thấy rồi chấp là thường. Này thiện nam! Các tướng nhân duyên có thể tan hoại nên cũng gọi là vô thường. Nghĩa là, nhân một mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân suy nghĩ mà sinh ra nhãn thức. Khi nhãn thức sinh thì các nhân đều khác, chẳng phải là nhân duyên của nhãn thức, cho đến ý thức khác cũng như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Nhân duyên của các hành hoại, nên tâm gọi là vô thường. Đó là tâm tu các pháp vô thường khác, tâm tu các pháp khổ, không, vô ngã khác. Nếu tâm là thường thì lẽ ra thường tu vô thường, còn không được quán pháp khổ, không, vô ngã, huống nữa lại được quán pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong giáo pháp của ngoại đạo không thể tiếp nhận thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Nên biết tâm, pháp chắc chắn là vô thường. Lại nữa, này thiện nam! Vì tâm tánh sai khác nên gọi là vô thường. Nghĩa là tâm tánh của Thanh văn khác, tâm tánh của Duyên giác khác, tâm tánh của chư Phật khác. Tất cả ngoại đạo có ba thứ tâm: Một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm viễn ly tại gia. Tâm tương ưng với lạc khác, tâm tương ưng với khổ khác, tâm tương ưng với không khổ, không lạc khác, tâm tương ưng với tham dục khác, tâm tương ưng với sân giận khác, tâm tương ưng với ngu si khác. Tâm tướng của tất cả ngoại đạo cũng khác. Nghĩa là tâm tương ưng với ngu si khác, tâm tương ưng với nghi hoặc khác, tâm tương ưng với tà kiến khác, cử chỉ oai nghi tâm ấy cũng khác. Này thiện nam! Nếu tâm là thường thì cũng chẳng thể phân biệt các sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, tím. Này thiện nam! Nếu tâm là thường thì nhớ nghĩ các pháp đáng lẽ không quên mất. Này thiện nam! Nếu tâm là thường thì phàm đọc tụng lẽ ra chẳng tăng trưởng. Lại nữa, này thiện nam! Nếu tâm là thường thì lẽ ra không nên nói đã làm, đương làm và sẽ làm. Nếu có việc đã làm, đương làm và sẽ làm thì nên biết tâm này chắc chắn vô thường. Này thiện nam! Nếu tâm là thường thì không có oán thân, chẳng phải oán, chẳng phải thân. Nếu tâm thường thì không nên nói rằng vật của ta, vật của người, hoặc chết, hoặc sống. Nếu tâm là thường thì tuy có tạo tác cũng chẳng tăng trưởng. Này thiện nam! Vì nghĩa này nên biết tâm tánh ai nấy đều sai khác, có sai khác nên biết vô thường. Này thiện nam! Nay Ta ở trong phi sắc pháp này đã diễn nói vô thường, nghĩa ấy rõ ràng, lại sẽ vì ông mà nói sắc vô thường. Sắc này vô thường vốn không có sinh, vì sinh đã diệt. Khi phôi bào ở trong thai thì vốn không có sinh, vì sinh đã biến đổi. Bề ngoài, các mầm cây vốn cũng không sinh, vì sinh đã biến đổi.

Do đó nên biết tất các pháp thảy đều vô thường. Này thiện nam! Cái sắc có được tùy theo thời gian mà biến đổi, khi thai bảy ngày khác, khi thai hai tháng bảy ngày khác, khi thai ba tháng bảy ngày khác, khi thai bốn tháng bảy ngày khác, khi thai năm tháng bảy ngày khác, khi mới sinh khác, khi trẻ thơ khác, khi mười lăm tuổi khác, cho đến khi già mỗi mỗi đều đổi khác. Ngoại sắc có được cũng như vậy, lúc nảy mầm khác, lúc lên cây khác, lúc mọc nhánh khác, lúc sinh lá khác, lúc trổ hoa khác, lúc kết trái khác. Lại nữa, này thiện nam! Phôi bào ở trong cũng khác, khi thai bảy ngày khác, cho đến lúc già mỗi mỗi đổi khác. Các vị bên ngoài cũng như vậy, vị của mầm, cây, nhánh, lá, hoa, quả đều khác. Sức khi phôi bào khác, cho đến sức khi già khác. Tướng trạng khi phôi bào khác cho đến tướng trạng khi già cũng khác. Quả báo khi phôi bào khác, cho đến quả báo khi già cũng khác. Tên gọi lúc phôi bào khác, cho đến tên gọi lúc già cũng khác. Đó là nội sắc hoại rồi trở lại hợp, cho nên biết là vô thường. Các cây cối bên ngoài cũng hoại rồi trở lại hợp, cho nên biết là vô thường. Lại theo thứ lớp dần dần sinh, cho nên biết vô thường. Lại theo thứ lớp lúc sinh phôi bào, cho đến khi già, cũng theo thứ tự lúc sinh mầm, cho đến trổ quả kết hạt cũng vậy, cho nên biết vô thường. Các sắc có thể diệt, cho nên biết vô thường. Khi phôi bào diệt khác, cho nên khi già diệt khác. Khi mầm diệt khác, cho đến khi quả diệt khác, cho nên biết vô thường.

Hàng phàm phu không biết, thấy sinh giống nhau nên chấp cho là thường. Vì nghĩa này nên gọi là vô thường, vô thường tức là khổ, khổ tức là bất tịnh.

Này thiện nam! Nhân Ca-diếp trước đã hỏi việc này và Ta đã đáp rồi.

Lại nữa, này thiện nam! các hành vô ngã. Này thiện nam! Bao gồm tất cả các pháp gọi là sắc và phi sắc. Sắc chẳng phải là ngã. Vì sao? Vì có thể phá, có thể hoại, có thể vỡ, có thể đánh, có thể tăng trưởng. Ngã ấy không thể phá, hoại, vỡ, đánh, sinh, tăng trưởng, vì nghĩa này cho nên biết sắc chẳng phải ngã, pháp phi sắc cũng chẳng phải ngã. Vì sao? Vì do duyên sinh. Này thiện nam! Nếu các ngoại đạo do chuyên niệm cho nên biết có ngã thì tánh của chuyên niệm thật chẳng phải ngã. Nếu cho chuyên niệm là tánh của ngã thì việc quá khứ có quên mất. Vì có quên nên biết chắc chắn là vô ngã. Này thiện nam! Các ngoại đạo cho là do nhớ tưởng nên biết có ngã, không nhớ tưởng cho nên biết chắc chắn là vô ngã. Như nói thấy người bàn tay có sáu ngón, liền hỏi: “Ta trước gặp nhau ở chỗ nào nhỉ?”. Nếu có ngã thì đáng lẽ không hỏi lại. Vì hỏi nhau nên biết chắc chắn vô ngã. Này thiện nam! Có ngoại đạo cho là vì có ngăn ngại nên biết có ngã. Này thiện nam! Vì có ngăn ngại nên biết chắc chắn vô ngã. Như nói Điều- đạt không bao giờ nói thì chẳng phải là

Điều-đạt. Ngã cũng như vậy, nếu chắc chắn là ngã thì không bao giờ có ngã ngăn ngại. Vì ngã ngăn ngại nên biết chắc chắn vô ngã. Nếu do ngăn ngại mà biết có ngã thì nay ông không bị ngăn ngại chắc chắn là vô ngã. Này thiện nam! Nếu có ngoại đạo cho là bạn, chẳng phải là bạn mà biết có ngã thì vì không có bạn cho nên không có ngã. Có pháp không có bạn, đó là Như Lai, hư không, Phật tánh. Ngã cũng như vậy, thật không có bạn. Vì nghĩa này nên biết chắc chắn là vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là có tên gọi nên biết có ngã thì trong pháp vô ngã cũng có tên của ngã. Như người nghèo hèn tên gọi là Phú Quý. Như nói tôi chết, nếu tôi chết thì tôi giết tôi, nhưng tôi thật không thể giết, giả gọi giết tôi. Cũng như người lùn tên là Cao. Vì nghĩa này nên biết chắc chắn vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có ngoại đạo cho là người mới sinh, đã đòi bú nên biết có ngã thì, này thiện nam! Nếu có ngã thì tất cả trẻ con lẽ ra không bốc phân dơ, lửa, rắn và thuốc độc. Vì nghĩa này nên biết chắc chắn vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! tất cả chúng sinh đối với ba pháp đều biết hết, đó là dâm dục, ăn uống và sợ hãi, cho nên vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là có tướng mạo nên biết có ngã thì, này thiện nam! Vì có tướng nên vô ngã, vì vô tướng nên cũng vô ngã. Nếu người lúc ngủ không thể đi đứng, ngước cúi, nhìn ngó, không biết khổ vui thì không có ngã. Nếu cho là đi đứng, ngước cúi, nhìn ngó mà biết có ngã thì người máy lẽ ra cũng có ngã. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, không đi, không đứng, không ngước, không cúi, không nhìn, không ngó, không khổ, không vui, không tham, không sân, không si, không làm. Như vậy Như Lai thật có ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là thấy người khác ăn trái cây nên trong miệng sinh nước miếng biết là có ngã thì, này thiện nam! Vì nhớ nghĩ nên thấy thì chảy nước miếng chẳng phải ngã, ngã cũng chẳng phải nước miếng, chẳng vui, chẳng buồn, chẳng ngáp, chẳng cười, chẳng nằm, chẳng đứng, chẳng đói, chẳng no. Vì nghĩa này nên biết chắc chắn vô ngã. Này thiện nam! Các ngoại đạo này ngu si như trẻ con, không có trí tuệ, phương tiện thì không thể hiểu rõ thường và vô thường, khổ - vui, tịnh - bất tịnh, ngã - vô ngã, thọ mạng - chẳng phải thọ mạng, chúng sinh - chẳng phải chúng sinh, thật - chẳng phải thật, có - chẳng phải có. Đối với pháp Phật họ chỉ lấy một phần nhỏ rồi vọng chấp có thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng thật không biết thường, lạc, ngã, tịnh. Như người mù bẩm sinh không biết màu sắc của sữa, liền hỏi người khác: “Màu sữa giống thứ gì?”. Người khác đáp: “Màu sữa trắng như vỏ ốc”. Người mù lại hỏi: “Màu sữa giống như tiếng ốc chăng?”.

Đáp: “Không phải”. Lại hỏi: “Màu của ốc giống thứ gì?”. Đáp: “Giống như bột gạo”. Người mù lại hỏi: “Màu của sữa mềm mại giống như bột lúa gạo chăng? Bột lúa gạo giống thứ gì?”. Đáp: “Giống như tuyết rơi”. Người mù lại hỏi: “Bột gạo lạnh như tuyết chăng? Tuyết lại giống thứ gì?”. Đáp: “Giống như chim bạch hạc”. Người mù này tuy nghe bốn loại ví dụ như vậy nhưng hoàn toàn không biết được màu thật của sữa. Các ngoại đạo này cũng như vậy, hoàn toàn không biết được thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Do nghĩa này nên trong pháp Phật của Ta có chân lý chân thật mà hàng ngoại đạo chẳng có được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay! Hôm nay Như Lai sắp nhập Niết-bàn, thị hiện phương tiện chuyển pháp luân vô thượng nên mới phân biệt chân đế như vậy.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nay ông vì sao đối với Như Lai sinh khởi tưởng Niết-bàn? Này thiện nam! Như Lai thật là thường trụ, không biến đổi, không nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Hoặc có người chấp ta là Phật, ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta tức là pháp, pháp là của ta, ta tức là đạo, đạo là của ta, ta tức là Thế Tôn, Thế Tôn là của ta, ta là Thanh văn, Thanh văn là của ta, ta có thể nói pháp cho người khác nghe, thọ trì, ta chuyển pháp luân, người khác không thể chuyển được. Như Lai hoàn toàn không chấp như vậy. Cho nên Như Lai không chuyển pháp luân. Này thiện nam! Hoặc có người vọng chấp như vầy: Ta tức là mắt, mắt là của ta, tai, mũi, lưỡi, thân ý cũng như vậy; ta tức là sắc, sắc tức là của ta, cho đến pháp cũng như vậy; ta là đất, đất là của ta, nước, gió, lửa cũng như vậy. Này thiện nam! Hoặc có người nói ta là tín, tín là của ta, ta là đa văn, đa văn là của ta, ta tức là bố thí Ba-la-mật, bố thí Ba-la-mật là của ta, ta tức là trì giới Ba-la-mật, trì giới Ba-la-mật là của ta, ta là nhẫn nhục Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật là của ta, ta là tinh tấn Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật là của ta, ta là thiền định Ba-la- mật, thiền định Ba-la-mật là của ta, ta là trí tuệ Ba-la-mật, trí tuệ Ba- la-mật là của ta, ta là bốn Niệm xứ, bốn Niệm xứ là của ta, bốn Chánh cầu, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo cũng như vậy. Này thiện nam! Như Lai hoàn toàn không chấp như vậy, nên Như Lai không chuyển pháp luân. Này thiện nam! Nếu cho rằng Như Lai thường trú, không biến đổi, thì vì sao nói Phật chuyển pháp luân? Cho nên, nay ông không nên nói Như Lai thị hiện phương tiện chuyển pháp luân. Này thiện nam! Ví như do mắt duyên sắc, duyên ánh sáng, duyên tư duy do nhân duyên hòa hợp sinh ra nhãn thức. Này thiện nam!

Mắt không nghĩ, ta có thể sinh ra thức, sắc cho đến tư duy, cũng hoàn toàn không nghĩ ta sinh ra nhãn thức. Nhãn thức cũng không nghĩ ta có thể tự sinh. Này thiện nam! Như vậy, các pháp do nhân duyên hòa hợp được gọi là thấy. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, nhân nói sáu Ba-la-mật và ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề nên biết rõ các pháp. Như Lai lại nhân nơi yết hầu, lưỡi, răng, môi, miệng, lời nói, âm thanh vì Kiều-trần-như bắt đầu thuyết pháp, gọi là Chuyển pháp luân. Do nghĩa này nên Như Lai không gọi là Chuyển pháp luân. Này thiện nam! Nếu không có người chuyển pháp luân thì gọi là pháp, pháp tức là Như Lai. Này thiện nam! Ví như do đồ dùng lấy lửa, do cái dùi, do tay, do phân bò khô mà sinh ra lửa. Đồ dùng lấy lửa cũng không nói ta có thể sinh ra lửa. Dùi, tay, phân bò khô cũng không cho là ta có khả năng sinh ra lửa. Lửa cũng không nói ta có thể tự sinh. Như Lai cũng vậy, do sáu Ba-la-mật, cho đến Kiều-trần-như gọi là chuyển pháp luân. Như Lai cũng không nghĩ Ta chuyển pháp luân. Này thiện nam! Nếu không sinh niệm như vậy thì gọi là Chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân tức là Như Lai. Này thiện nam! Ví như do sữa đặc, nước, khuấy, bình, giây, tay người cầm mà được thành bơ. Sữa đặc không nghĩ ta có thể sinh ra bơ, cho đến tay người cầm cũng không nghĩ ta có thể sinh ra bơ. Bơ cũng không nghĩ ta có thể tự sinh. Do các nhân duyên hòa hợp mới sinh ra bơ. Như Lai cũng vậy, hoàn toàn không nghĩ Ta chuyển pháp luân. Này thiện nam! Nếu không nghĩ như vậy thì gọi là Chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Này thiện nam! Ví như do hạt giống, đất, nước, gió, lửa, phân, thời gian, do người làm nên mầm mới sinh được. Này thiện nam! Hạt giống cũng không nghĩ ta có thể sinh ra mầm cho đến người làm cũng không nghĩ ta có thể sinh ra mầm. Mầm cũng không nghĩ ta có thể tự sinh. Như Lai cũng vậy hoàn toàn không nghĩ Ta chuyển pháp luân. Này thiện nam! Nếu không nghĩ như vậy thì gọi là Chuyển chánh pháp luân. Chuyển chánh pháp luân tức là Như Lai.

Này thiện nam! Ví như do trống, do khoảng không, do da, do người, do dùi hòa hợp mà phát ra tiếng. Trống không nghĩ ta có thể phát ra tiếng cho đến dùi cũng vậy. Tiếng cũng không nói ta có thể tự sinh. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, hoàn toàn không nghĩ Ta chuyển pháp luân. Này thiện nam! Chuyển pháp luân gọi là không tạo tác, không tạo tác gọi là chuyển pháp luân, chuyển pháp luân tức Như Lai. Này thiện nam! Chuyển pháp luân chính là cảnh giới chư Phật Thế Tôn, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.

Này thiện nam! Hư không chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo, chẳng phải tác, chẳng phải pháp hữu vi, như tánh Như Lai. Phật tánh cũng vậy, chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo, chẳng phải tác, chẳng phải pháp hữu vi. Này thiện nam! Ngôn ngữ của chư Phật Thế Tôn có hai loại: Một là ngôn ngữ thế gian, hai là ngôn ngữ xuất thế gian. Này thiện nam! Như Lai vì hàng Thanh văn, Duyên giác mà nói ra ngôn ngữ thế gian, vì hàng Bồ-tát mà nói ra ngôn ngữ xuất thế gian. Này thiện nam! Các đại chúng này cũng có hai hạng: Một là hạng cầu Tiểu thừa, hai là hạng cầu Đại thừa. Xưa Ta ở thành Ba-la-nại vì hàng Thanh văn mà chuyển pháp luân. Nay bắt đầu ở thành Câu-thi-na này, vì các Bồ-tát chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Lại có hai hạng người trung căn và thượng căn. Vì hạng trung căn ở Ba-la-nại, Ta chuyển pháp luân; vì hạng thượng căn bậc Tượng vương trong loài người như Bồ-tát Ca-diếp, nay ở thành Câu- thi-na này, Ta chuyển đại pháp luân. Này thiện nam! Đối với hạng căn cơ rất thấp kém, Như Lai không bao giờ chuyển pháp luân, hạng căn cơ thấp kém tức là Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Người cầu Phật đạo có hai hạng: Một là trung tinh tấn, hai là thượng tinh tấn. Ở nơi Ba-la-nại vì hạng trung tinh tấn, Ta chuyển pháp luân. Nay ở thành Câu-thi-na này, vì hạng thượng tinh tấn, Ta chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Xưa Ta ở thành Ba-la-nại ban đầu chuyển pháp luân có tám vạn hàng trời người chứng được quả Tu-đà-hoàn. Nay ở thành Câu-thi-na này có tám mươi vạn ức người không còn thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Lại nữa, này thiện nam! Ở thành Ba-la-nại, vua trời Đại Phạm cúi đầu thỉnh Ta chuyển pháp luân. Nay tại thành Câu-thi-na này, Bồ-tát Ca-diếp đảnh lễ thỉnh Như Lai chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Khi xưa Ta ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân, nói về vô thường, khổ, không, vô ngã. Nay Ta ở thành Câu-thi-na này, lúc chuyển pháp luân thì nói về thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Xưa Ta ở thành Ba-la-nại, lúc chuyển pháp luân phát ra âm thanh vang đến cõi Phạm thiên. Nay Như Lai ở thành Câu-thi-na, khi chuyển pháp luân phát ra âm thanh vang đến hai mươi hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía, trên dưới cũng như vậy. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn có nói ra điều gì, đều gọi là chuyển pháp luân. Này thiện nam! Ví như Thánh vương có xe báu, người chưa hàng phục thì khiến hàng phục, người đã hàng phục rồi làm cho được an ổn. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn thuyết pháp cũng như vậy. Người có vô lượng phiền não chưa điều phục khiến điều phục, người đã điều phục rồi khiến phát sinh căn lành.

Này thiện nam! Ví như Thánh vương có xe báu, có thể tiêu diệt tất cả oán địch. Như Lai thuyết pháp cũng như vậy, có thể khiến tất cả giặc phiền não đều tịch tĩnh. Lại nữa, này thiện nam! Ví như Thánh vương có xe báu, xoay chuyển trên dưới. Như Lai thuyết pháp cũng như vậy, có thể khiến các chúng sinh ác ở cõi dưới được sinh lên cõi trời, người cho đến được thành Phật đạo. Này thiện nam! Vì vậy, nay ông không nên khen ngợi Như Lai chuyển pháp luân ở đây.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đối với nghĩa này chẳng phải là không biết, sở dĩ hỏi là muốn tạo lợi ích cho các chúng sinh. Bạch Thế Tôn! Từ lâu con đã biết chuyển pháp luân, thật là cảnh giới của chư Phật Như Lai, chẳng phải là hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát trụ nơi kinh Đại Niết Bàn Đại Thừa thực hành Thánh hạnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lại vì nghĩa gì gọi là Thánh hạnh?

–Này thiện nam! Thánh là chư Phật Thế Tôn, do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh.

–Bạch Thế Tôn! Nếu là chỗ thực hành của chư Phật thì hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát chẳng có thể tu hành được.

–Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn an trụ nơi Đại Bát Niết Bàn này, khai thị, phân biệt, giảng nói nghĩa đó. Hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát nghe như vậy rồi, có thể phụng hành nên gọi là Thánh hạnh. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thực hành Thánh hạnh này rồi thì được trụ nơi địa Vô sở úy. Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát trụ nơi địa Vô sở úy này thì không sợ tham, sân, si, sinh, già, bệnh, chết, cũng không sợ rơi vào đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Này thiện nam! Ác có hai thứ: Một là A-tu-la, hai là ở trong loài người. Trong loài người có ba thứ ác: Một là Nhất-xiển-đề, hai là phỉ báng kinh điển Đại thừa, ba là phạm bốn tội nặng. Này thiện nam! Bồ-tát an trụ trong địa này hoàn toàn không sợ đọa trong các đường ác như vậy, cũng không sợ Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo, tà kiến và thiên ma Ba-tuần, cũng lại không sợ thọ sinh ở hai mươi lăm cõi, cho nên địa này gọi là Vô sở úy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ địa vô sở úy đạt được hai mươi lăm Tam-muội, hủy hoại hai mươi lăm cõi. Này thiện nam! Đạt được Tam-muội Vô cấu có thể phá hoại cõi địa ngục. Đạt được Tam- muội Vô thoái có thể phá hoại cõi súc sinh. Đạt được Tam-muội Tâm lạc có thể phá hoại cõi ngạ quỷ. Đạt được Tam-muội Hoan hỷ có thể hoại cõi A-tu-la. Đạt được Tam-muội Nhật quang có thể hoại cõi Phất- bà-đề. Đạt được Tam-muội Nguyệt quang có thể đoạn cõi Tây-ngưu- hóa (Cù-đa-ni). Đạt được Tam-muội Nhiệt viêm có thể đoạn cõi Uất- đơn-việt. Đạt được Tam-muội Như huyền có thể đoạn cõi Diêm-phù- đề. Đạt được Tam-muội Nhất thiết pháp bất động có thể đoạn cõi Tứ Thiên vương. Đạt được Tam-muội Nan phục có thể đoạn cõi trời Tam Thập Tam. Đạt được Tam-muội Duyệt ý có thể đoạn cõi trời Viêm Ma. Đạt được Tam-muội Thanh sắc có thể đoạn cõi trời Đâu-suất. Đạt được Tam-muội Hoàng sắc có thể đoạn cõi trời Hóa Lạc. Đạt được Tam- muội Xích sắc có thể đoạn cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Đạt được Tam- muội Bạch sắc có thể đoạn cõi Sơ Thiền. Đạt được Tam-muội Chủng chúng có thể đoạn cõi trời Đại Phạm. Đạt được Tam-muội Song có thể đoạn cõi trời Nhị Thiền. Đạt được Tam-muội Lôi âm có thể đoạn cõi Tam Thiền. Đạt được Tam-muội Chú vũ có thể đoạn cõi Tứ Thiền. Đạt được Tam-muội Như hư không có thể đoạn cõi Vô Tưởng. Đạt được Tam-muội Chiêu kính có thể đoạn cõi Tịnh Cư A-na-hàm. Đạt được Tam-muội Vô ngại có thể đoạn cõi Không vô biên xứ. Đạt được Tam- muội thường có thể đoạn cõi Thức vô biên xứ. Đạt được Tam-muội Lạc có thể đoạn cõi Vô sở hữu xứ. Đạt được Tam-muội Ngã có thể đoạn cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này thiện nam! Đó là Bồ-tát đạt được hai mươi lăm Tam-muội đoạn hai mươi lăm cõi. Này Thiện nam! Hai mươi lăm Tam-muội ấy gọi là vua các Tam-muội. Này thiện nam! Đại Bồ-tát nhập vào các vua Tam-muội như vậy, nếu muốn thổi tan núi Tu-di thì có thể tùy ý, muốn biết tâm niệm của mỗi chúng sinh ở tam thiên đại thiên thế giới đều có thể biết, muốn đem chúng sinh ở trong tam thiên đại thiên thế giới để vào trong một lỗ chân lông của thân mình đều có thể tùy ý, mà khiến chúng sinh trong ấy không có tưởng chật hẹp, nếu muốn hóa vô lượng chúng sinh đầy tam thiên đại thiên thế giới thì cũng được tùy ý, chia một thân làm nhiều thân, lại hợp nhiều thân làm một thân, tuy làm như vậy nhưng tâm không vướng mắc giống như hoa sen.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát được nhập vào vua Tam-muội này rồi, liền được trụ trong địa Tự tại. Bồ-tát trụ trong địa Tự tại này thì được sắc tự tại, tùy ý muốn sinh chỗ nào thì được sinh đến chỗ đó. Này thiện nam! Ví như Chuyển luân Thánh vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, có thể tùy ý đi lại không chướng ngại, Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với tất cả mọi nơi, nếu muốn sinh đến thì được tùy ý. Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát thấy tất cả chúng sinh trong địa ngục có thể giáo hóa khiến họ được trụ căn lành thì Bồ-tát liền sinh vào trong đó. Bồ-tát tuy sinh trong đó nhưng chẳng phải do nghiệp quả. Đại Bồ-tát ở trong địa Tự tại đều do lực nhân duyên mà sinh vào trong đó. Này thiện nam! Đại Bồ-tát tuy ở trong chốn địa ngục mà không bị chịu khổ thiêu đốt nát thân v.v… Này thiện nam! Đại Bồ-tát đã thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức công đức như vậy còn không thể biết hết, huống nữa là công đức của chư Phật mà có thể giảng nói được.

Bấy giờ, trong chúng có một Bồ-tát tên là Trụ Vô Cấu Tạng Vương có oai đức lớn, thành tựu thần thông, đắc Tam-muội Đại tổng trì đầy đủ, không còn sợ hãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, công đức trí tuệ mà chư Phật Bồ-tát đã thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức thật không thể kể hết, nhưng theo ý con thì không bằng kinh điển Đại thừa này. Vì sao? Vì nhân nơi diệu lực của kinh Phương Đẳng Đại Thừa này mà có thể phát sinh đạo quả Bồ-đề vô thượng của chư Phật Thế Tôn.

Lúc ấy, Đức Phật khen:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy!

Như lời ông nói. Tuy thành tựu vô lượng công đức nhưng nếu muốn so sánh với kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng này thì không thể được, dù trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn ức lần cho đến dùng toán số cũng không thể sánh được. Này thiện nam! Ví như từ bò sinh sữa, từ sữa sinh được sữa đặc, từ sữa đặc sinh váng sữa, từ váng sữa sinh bơ, từ bơ sinh đề hồ, đề hồ là hơn hết, nếu có người uống thì các bệnh tiêu trừ, vì các loại thuốc đều ở trong ấy. Này thiện nam! Đức Phật cũng vậy, từ Đức Phật mà có ra Mười hai bộ loại kinh văn, từ Mười hai bộ loại kinh văn sinh ra kinh, từ kinh mà có kinh Đại thừa, từ kinh Đại thừa mà sinh ra trí tuệ Ba-la-mật, từ trí tuệ Ba-la-mật sinh ra Đại Niết-bàn, giống như đề hồ. Nói đề hồ là dụ cho Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Này thiện nam! Vì nghĩa đó nên nói Như Lai có vô lượng vô biên công đức không thể tính kể.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật tán thán kinh Đại Niết-bàn giống như đề hồ là tối thượng tối diệu, nếu có người uống thì trừ được các bệnh, vì tất cả các thứ thuốc đều chứa trong đó. Con nghe việc đó rồi lại trộm nghĩ: "Nếu có người không kính thọ kinh này thì nên biết đó là người ngu si, không có tâm thiện. Bạch Thế Tôn! Con nay thật có thể chịu lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, xẻ xương làm bút để biên chép kinh Đại Niết-bàn này. Biên chép rồi đọc tụng thông suốt, sau đó giảng nói rộng nghĩa ấy cho người. Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh tham đắm tài vật thì con sẽ bố thí tài vật, sau đó đem kinh Niết-bàn này khuyên họ đọc tụng. Hoặc đối với những vật tôn quý, trước hết dùng ái ngữ tùy thuận ý họ, sau đó dần dần đem kinh Đại Niết Bàn Đại Thừa này khuyến khích họ đọc tụng. Đối với những người dân thường con sẽ dùng oai lực khiến họ đọc tụng. Nếu người nào kiêu mạn con sẽ làm tôi tớ tùy thuận ý họ, làm cho họ hoan hỷ, sau đó sẽ đem kinh Đại Niết-bàn này chỉ dẫn cho họ. Đối với những người chê bai kinh Đại thừa con sẽ dùng oai lực thu phục họ, đã thu phục họ rồi, sau đó khuyến khích họ đọc tụng kinh Đại Niết-bàn này. Nếu có người thích kinh Đại Niết-bàn con sẽ đích thân đi đến cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Ông rất mến ưa kinh Đại thừa, ham thích kinh điển Đại thừa, mến mộ kinh Đại thừa, có hứng thú với kinh Đại thừa, tin kính, tôn trọng, cúng dường kinh Đại thừa. Này thiện nam! Nay ông nhờ tâm thiện này sẽ được siêu việt vô lượng vô biên hằng hà sa các Đại Bồ-tát, tức thời chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông không bao lâu nữa cũng như Ta, vì đại chúng giảng nói rộng rãi về tạng bí mật Đại Bát Niết Bàn, Như Lai, Phật tánh mà chư Phật đã giảng nói. Này thiện nam! Vào thời quá khứ lúc mặt trời Phật chưa xuất hiện, bấy giờ Ta làm Bà-la-môn tu hạnh Bồ-tát, thông đạt tất cả kinh luận của ngoại đạo, tu hạnh vắng lặng, đầy đủ oai nghi, tâm ý thanh tịnh, không bị các dục tưởng do duyên bên ngoài sinh khởi phá hoại, diệt lửa sân giận, thọ trì pháp thường, lạc, ngã, tịnh, tìm cầu kinh điển Đại thừa ở khắp nơi nhưng thậm chí chẳng nghe danh tự Phương đẳng. Lúc đó, Ta ở núi Tuyết, núi ấy thanh tịnh, có dòng suối chảy, ao tắm, rừng cây thuốc, đầy khắp mặt đất, trong các hang đá có nước chảy trong vắt, có hương hoa tô điểm khắp nơi, muôn loài chim thú không thể kể hết, nhiều thứ trái ngon tươi tốt không thể tính đếm. Lại có vô lượng ngó sen, củ sen, cây xanh, rễ thơm. Lúc ấy, Ta ở một mình trong đó, chỉ ăn trái cây, ăn xong ngồi thiền, chuyên tâm quán tưởng, trải qua vô lượng năm cũng không nghe có Như Lai ra đời và tên kinh Đại thừa. Này thiện nam! Khi Ta tu hạnh khổ khó làm như thế thì Thích-đề-hoàn-nhân, chư Thiên, loài người tâm rất kinh ngạc, liền cùng nhau tập hợp lại nói kệ:

Cùng chỉ bày cho nhau
Trong núi Tuyết thanh tịnh
Bậc lìa dục tịch tĩnh
Vua công đức trang nghiêm
Đã lìa tham, sân, mạn
Dứt dua nịnh ngu si
Miệng chưa từng nói ra
Những lời nói thô ác.

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử tên là Hoan Hỷ nói kệ:

Người lìa dục như vậy
Thanh tịnh siêng tinh tấn
Chẳng cầu làm Đế thích
Và cả chư Thiên chăng
Nếu là người ngoại đạo
Tu hành các khổ hạnh
Là người nhiều mong cầu
Chỗ ngồi của Đế thích

Lúc này, lại có một Tiên Thiên tử vì Đế thích mà nói kệ:

Thiên chủ Kiều-thi-ca
Không nên sinh lo buồn
Ngoại đạo tu khổ hạnh
Cần gì cầu Đế thích.

Nói kệ xong, vị Thiên tử này liền thưa với Đế thích: "Thưa Kiều- thi-ca! Có bậc Đại sĩ trong thế gian vì chúng sinh chẳng tham tiếc thân mình, vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh mà tu vô lượng việc khó làm. Người như vậy thấy được các lỗi lầm trong sinh tử, dù thấy của báu đầy cả mặt đất, các núi, biển cả cũng không sinh tâm tham muốn, như thấy mũi dãi. Bậc Đại sĩ này xả bỏ của báu, vợ con thân yêu, đầu, mắt, tủy não, tay chân, chi phần da thịt, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, nô tỳ, người hầu, cũng không mong cầu sinh lên cõi trời, chỉ muốn làm cho tất cả chúng sinh được an vui. Như con đã hiểu, bậc Đại sĩ như thế thanh tịnh không ô nhiễm, dứt hết các kiết sử, chỉ mong cầu chứng đắc đạo Bồ-đề vô thượng”. Thích-đề-hoàn-nhân lại bảo: “Như lời ông nói thì người này vì cứu giúp tất cả chúng sinh trong đời. Này Đại Tiên! Nếu thế gian này có cây Phật thì có thể dứt trừ rắn độc phiền não cho tất cả chư Thiên, loài người và A-tu-la. Nếu có chúng sinh được ở dưới bóng mát của cây Phật thì phiền não và các độc thảy đều tiêu diệt. Này Đại Tiên! Người này ở đời vị lai sẽ thành Phật thì chúng ta được diệt trừ vô lượng phiền não đang thiêu đốt, việc này thật khó tin. Vì sao? Vì vô lượng trăm ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, thấy rất ít duyên nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng nên liền lay chuyển. Như ánh trăng trong nước, khi nước động thì trăng động theo. Như vẽ tượng khó thành dễ hoại. Cũng vậy, tâm Bồ-đề khó phát mà dễ hoại. Này Đại Tiên! Như có nhiều người mặc giáp cầm binh khí muốn tiến tới trước để dẹp giặc, nhưng lúc ra trận sợ hãi liền thoái lui. Vô lượng chúng sinh cũng như vậy, phát tâm Bồ-đề vững chắc để tự trang nghiêm, nhưng khi thấy hoạn sinh tử sinh tâm sợ hãi liền thoái lui. Này Đại Tiên! Ta thấy vô lượng chúng sinh như thế, sau khi phát tâm Bồ-đề đều sinh tâm lay chuyển. Cho nên, nay ta thấy người này tu hành khổ hạnh, không còn phiền não, không còn nóng bức, ở nơi đường nguy hiểm người ấy tu hành thanh tịnh, nhưng cũng chưa thể tin được. Nay ta cần phải đích thân đến thử để biết vị ấy thật có gánh vác nổi đạo quả Bồ-đề vô thượng không. Này Đại Tiên! Như xe có hai bánh thì có công dụng chuyên chở, như chim có hai cánh mới có thể bay được. Người này tu khổ hạnh cũng như vậy. Ta tuy thấy người ấy kiên trì giữ giới cấm, nhưng chưa biết người ấy có được trí thâm sâu chăng. Nếu có trí thâm sâu thì biết người ấy có thể gánh vác Bồ-đề vô thượng. Này Đại Tiên! Ví như cá mẹ có nhiều trứng nhưng khi nở con thì rất ít, như cây xoài trổ nhiều hoa mà khi kết quả thì rất ít. Chúng sinh phát tâm Bồ-đề đông vô lượng, nhưng người thành tựu đạo quả thì rất ít. Này Đại Tiên! Ta sẽ cùng ông đi qua chỗ vị ấy thử xem. Này Đại Tiên! Ví như vàng ròng phải qua ba lần thử mới biết là vàng thật, đó là đốt, đập và mài. Nay ta thử người tu khổ hạnh ấy cũng như thế.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân tự biết thân mình làm quỷ La-sát, hình tượng rất đáng sợ đến dưới núi Tuyết đứng cách vị tu hành khổ hạnh không xa. Lúc ấy, tâm quỷ La-sát không sợ sệt, mạnh mẽ khó lường, lần lượt dùng biện tài cất tiếng thanh nhã, tuyên nói nửa bài kệ của Đức Phật trong quá khứ:

Các hành vô thường

Là pháp sinh diệt.

Nói nửa bài kệ xong liền đến trước vị ấy hiện hình rất đáng sợ, trừng mắt nhìn xem khắp bốn phương. Người tu khổ hạnh này nghe nửa bài kệ rồi, tâm rất vui mừng. Ví như lữ khách ban đêm đi đến chỗ nguy hiểm, thất lạc bạn bè, sợ hãi, tìm cầu, bỗng gặp được bạn đồng hành nên lòng rất vui mừng, vô cùng phấn khởi, cũng như người bệnh lâu ngày chưa gặp vị lương y, người chăm sóc và thuốc hay, sau mới gặp được, như người bị chìm đắm trong biển cả, bỗng gặp được thuyền bè, như người khát gặp được dòng nước mát, như người bị oán thù đuổi bắt mà bỗng được thoát khỏi, như người bị trói đã lâu bỗng nghe được thả, cũng như nông phu lúc trời nóng hạn gặp được mưa, như người đi xa về nhà, mọi người thấy đều rất vui mừng. Này thiện nam! Bấy giờ ta nghe nửa bài kệ ấy rồi, trong tâm vui mừng cũng như vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dùng tay vén tóc ngoái nhìn bốn phía, hướng về chỗ phát ra bài kệ xem ai đã nói. Bấy giờ cũng không thấy ai khác, mà chỉ thấy La-sát, liền nói: “Các pháp môn mở bày giải thoát như vậy, ai có thể vang động âm thanh chư Phật? Ai đã ở trong giấc ngủ sinh tử mà một mình tỉnh thức, xướng lên lời như vậy? Ai có thể ở đây đem đạo vị vô thượng chỉ dạy cho chúng sinh đang đói khát trong dòng sinh tử? Vô lượng chúng sinh đang chìm đắm trong biển sinh tử, ai có thể ở trong đó làm thuyền trưởng? Những chúng sinh này thường bị bệnh nặng phiền não trói buộc, ai có thể ở trong đó làm lương y, nói nửa bài kệ khai mở tâm tôi, giống như nửa mặt trăng, như hoa sen dần dần nở”.

Này thiện nam! Lúc ấy, Ta không thấy ai cả, chỉ thấy La-sát, lại nghĩ: “Chẳng lẽ La-sát này nói kệ ấy chăng?”. Nhưng lại sinh nghi ngờ: “Hay chẳng phải vị ấy nói. Vì sao? Vì người ấy tướng mạo rất đáng sợ. Nếu có người nghe được câu kệ ấy thì tất cả những sợ hãi, xấu xí liền tiêu trừ. Vậy người có tướng mạo xấu xí này có thể nói bài kệ như thế. Không lẽ trong lửa sinh ra hoa sen, chẳng phải trong ánh sáng mặt trời lại sinh ra nước trong mát?”. Này thiện nam! Lúc đó, Ta lại nghĩ như vầy: “Nay Ta không biết được, quỷ La-sát này hoặc đã được gặp chư Phật trong quá khứ, được nghe nửa bài kệ này từ chư Phật, nay Ta nên hỏi”. Ta liền đến trước chỗ La-sát mà nói thế này: “Lành thay Đại sĩ! Ông ở chỗ nào được nghe nửa bài kệ của bậc Vô bố úy trong quá khứ đã nói vậy? Này Đại sĩ! Lại ở chỗ nào mà được nửa viên ngọc như ý này? Này Đại sĩ! Nghĩa của nửa bài kệ này chính là đạo chân chánh của chư Phật Thế Tôn ở đời quá khứ, vị lai và hiện tại. Tất cả vô lượng chúng sinh trong thế gian thường bị lưới tà kiến che lấp, suốt đời này ở trong pháp ngoại đạo, ban đầu không nghe được lời dạy về nghĩa

"Không" của đấng Thập Lực Thế Hùng". Này thiện nam! Ta hỏi rồi, La-sát liền đáp: "Này Đại Bà-la-môn! Nay ông không nên hỏi tôi nghĩa này. Vì sao? Vì tôi không ăn đến nay đã nhiều ngày rồi, đi khắp mọi nơi cầu xin mà không thể được, bị đói khát, khổ não, tâm trí tán loạn nên nói những lời như vậy, chứ chẳng phải trong tâm tôi vốn đã biết được. Giả sử nay sức của tôi có thể bay lên hư không đến cõi Uất- đơn-việt cho đến cõi trời, khắp nơi xin ăn cũng không được, do vậy cho nên tôi nói lời này". Này thiện nam! Lúc đó Ta nói với quỷ La-sát: "Nếu Đại sĩ có thể vì tôi nói hết bài kệ thì tôi sẽ trọn đời làm đệ tử của ông. Đại sĩ! Lời ông nói ra danh tự không đầy đủ, ý nghĩa không hoàn toàn. Vì nhân duyên gì mà không muốn nói?". Phàm bố thí của cải thì có lúc cũng cạn kiệt, còn nhân duyên bố thí pháp thì không thể cùng tận. Tuy không cùng tận nhưng có nhiều sự lợi ích. Nay tôi nghe nửa bài kệ pháp này sinh lòng nghi, mong Đại sĩ vì tôi có thể nói hết bài kệ để đoạn trừ sự nghi ngờ này. Tôi sẽ suốt đời làm đệ tử Đại sĩ. La-sát đáp: "Ông khôn quá chỉ biết thân mình mà hoàn toàn chẳng thấy là ta đang bị đói khổ bức bách, thật lòng không thể nói được". Ta liền hỏi: "Thức ăn của Đại sĩ là gì?". La-sát đáp: "Ông đừng hỏi đến, nếu ta nói ra thì làm nhiều người kinh sợ". Ta lại hỏi: "Ở đây chỉ có mình tôi, không có người nào khác, tôi không sợ Đại sĩ vì sao không nói?”. La- sát đáp: “Thức ăn của tôi là thịt sống của người, thức uống của tôi là máu nóng của người, vì tôi phước mỏng nên chỉ ăn thức ăn này, tìm cầu khốn khổ khắp nơi mà không thể được. Ở đời tuy có nhiều người nhưng đều có phước đức, lại được chư Thiên hộ vệ. Tôi không đủ sức nên không thể giết được”.

Này thiện nam! Ta lại nói: “Đại sĩ chỉ nói đầy đủ nửa bài kệ ấy, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân này dâng cúng cho người. Thưa Đại sĩ! Thân này của tôi dù chết đi sẽ không dùng được gì, chỉ làm thức ăn cho cọp, sói, cú mèo, chim kiêu, chim cắt, kên kên, chẳng được chút mảy may phước đức. Nay tôi vì cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng nên xả bỏ thân không bền chắc để đổi thân bền chắc”. La-sát nói: “Ai sẽ tin lời của ông như thế, vì tám chữ mà bỏ thân đáng yêu?”.

Này thiện nam! Ta liền đáp: “Ông thật không hiểu! Ví như có người đem đồ sành sứ cho người khác mà được đồ bằng bảy báu, tôi cũng như vậy, bỏ thân không bền chắc mà được thân kim cang. Ông nói ai tin được lời ấy thì nay tôi sẽ làm chứng. Đại Phạm Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân và Tứ Thiên vương đều có thể làm chứng việc này. Lại có các vị Bồ-tát chứng được Thiên nhãn vì muốn tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, tu hành pháp Đại thừa đầy đủ sáu độ cũng có thể chứng biết. Lại có chư Phật Thế Tôn trong mười phương làm lợi ích cho chúng sinh, cũng có thể làm chứng cho tôi vì tám chữ mà xả bỏ thân mạng”. La-sát lại nói: “Nếu ông có thể xả bỏ thân mạng như thế thì hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói nửa bài kệ còn lại”.

Này thiện nam! Lúc ấy Ta nghe lời ấy rồi trong tâm rất vui mừng, liền cởi tấm da nai đang mặc nơi thân trải làm pháp tòa cho La- sát ngồi, bạch: “Thưa Hòa thượng xin ngồi trên tòa này”. Ta liền ở trước chắp tay quỳ gối, thưa: “Nguyện xin Hòa thượng vì tôi mà nói nửa bài kệ còn lại khiến cho được đầy đủ”. La-sát liền nói:

Sinh diệt diệt rồi
Tịch diệt là vui.

Bấy giờ, La-sát nói kệ này rồi, lại nói tiếp: “Thưa Đại Bồ-tát! Nay ông đã nghe đủ nghĩa bài kệ, sự mong cầu của ông đã được viên mãn. Nếu ông muốn làm lợi ích cho các chúng sinh thì hãy thí thân cho tôi”.

Này thiện nam! Lúc ấy Ta suy nghĩ kỹ nghĩa này, sau đó biên chép bài kệ này khắp nơi, hoặc trên đá, hoặc trên tường, hoặc trên cây, hoặc bên đường đi. Xong liền cột xiêm y, sợ sau khi chết thân thể lộ ra, rồi leo lên cây cao. Bấy giờ, Thần cây lại hỏi Ta: “Lành thay! Nhân giả muốn làm việc gì?”.

Này thiện nam! Khi ấy Ta đáp: “Ta muốn bỏ thân để trả giá bài kệ”. Thần cây hỏi: “Bài kệ này có lợi ích gì?”. Ta đáp: “Câu kệ này chính là lời khai mở đạo pháp “không” của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại. Tôi vì pháp này mà xả bỏ thân mạng, không vì lợi dưỡng danh tiếng, của báu, sự vui sướng của ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, Bốn đại Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm Thiên vương, hàng trời, người, mà vì muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh nên xả bỏ thân này”.

Này thiện nam! Lúc xả bỏ thân Ta suy nghĩ: “Nguyện cho tất cả người keo kiệt đều đến chứng kiến tôi xả bỏ thân này. Hoặc có người bố thí được chút ít mà khởi tâm cao ngạo, cũng khiến được thấy tôi vì bài kệ này mà xả bỏ thân này, như bỏ cỏ cây”. Bấy giờ, Ta nói lời ấy rồi, liền thả mình rơi xuống. Khi xuống chưa đến mặt đất thì trong hư không phát ra đủ thứ âm thanh. Các âm thanh ấy vang đến cõi trời Sắc Cứu Cánh. Bấy giờ, La-sát hiện lại thân Đế thích, ở trong hư không ôm lấy thân Ta để nhẹ trên đất. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và chư Thiên, loài người, Đại Phạm thiên vương, cúi đầu làm lễ dưới chân Ta, tán thán: “Lành thay! Lành thay! Đây chính là Bồ-tát có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, muốn thắp sáng ngọn đèn đại pháp trong vô minh tối tăm. Vì tôi ưa môn đại pháp của Như Lai nên gây phiền toái cho Bồ-tát, nguyện xin Bồ-tát cho tôi sám hối tội lỗi. Ở đời vị lai Bồ- tát nhất định thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nguyện xin cứu độ cho chúng tôi”.

dưới chân Ta để từ giã rồi bỗng nhiên biến mất.

Này thiện nam! Như Ta thuở xưa vì nửa bài kệ nên xả bỏ thân này. Do nhân duyên ấy nên Ta siêu việt trọn mười hai kiếp, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trước Di-lặc. Này thiện nam! Ta được vô lượng công đức như vậy đều là do cúng dường chánh pháp của Như Lai. Này thiện nam! Nay ông cũng nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy, thì đã vượt lên trên vô lượng vô biên hằng hà sa các Bồ-tát. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát trụ nơi Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, tu tập Thánh hạnh.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và chúng chư Thiên đảnh lễ

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XV

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 1

Này thiện nam! Thế nào là phạm hạnh của Đại Bồ-tát?

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ nơi Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, trụ bảy pháp thiện, được đầy đủ phạm hạnh. Những gì là bảy pháp? Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết thời, bốn là biết đủ, năm là biết mình, sáu là biết người, bảy là biết tôn ti.

Này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát biết pháp?

Này thiện nam! Đại Bồ-tát biết Mười hai bộ loại kinh văn. Đó là Tu-đa-la (Khế kinh), Kỳ-dạ (Trùng tụng), Thọ ký, Già-đà (Kệ tụng), Ưu-đà-na (Tự thuyết), Ni-đà-na (Nhân duyên), A-bà-đà-na (Thí dụ), Y-đế-mục-đa-na (Bản sự), Xà-đà-già (Bản sinh), Tỳ-phật-lược (Phương quảng), A-phù-đà-đạt-na (Vị tằng hữu), Ưu-bà-đề-xá (Luận nghị).

Này thiện nam! Thế nào gọi là Tu-đa-la (Khế kinh)? Từ “Như thị ngã văn” cho đến câu “Hoan hỷ phụng hành”, tất cả như vậy gọi là Tu- đa-la (Khế kinh)

Thế nào gọi là Kỳ-dạ (Trùng tụng)? Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Xưa Ta cùng với các ông ngu si không có trí tuệ, không thể như thật thấy bốn chân đế, cho nên lưu chuyển mãi trong sinh tử, chìm đắm nơi biển khổ lớn. Những gì là bốn đế? Đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo”.

Như Phật vì các Tỳ-kheo nói khế kinh ấy xong, lúc ấy lại có những chúng sinh căn trí sáng suốt, vì muốn nghe lại pháp này, nên sau đó họ đến chỗ Phật hỏi mọi người: “Như Lai vừa rồi nói việc gì?”. Khi ấy, Đức Phật biết hàng chúng sinh đó, liền nhân kinh vừa giảng nói thành kệ:

Ta xưa cùng các ông
Không thấy bốn chân đế
Cho nên lưu chuyển mãi
Trong biển khổ sinh tử
Nếu thấy được bốn đế
Thì dứt sạch sinh tử
Sinh tử đã dứt rồi
Không còn thọ sinh nữa.

Đó là kinh Kỳ-dạ (Trùng tụng). Thế nào gọi là kinh Thọ ký?

Khi Như Lai giảng nói kinh hay luật thọ ký thành Phật cho hàng trời người, như nói: “Này Adật-đa! Đời vị lai có vua hiệu là Nhương Khư, vào thời đó ông sẽ thành Phật đạo, hiệu là Di-lặc”, đó gọi là kinh Thọ ký.

Thế nào gọi là kinh Già-đà (Kệ tụng)?

Trừ khế kinh và các giới luật ra, còn có nói bài kệ bốn câu, như:

Chớ làm việc ác
Nên làm việc thiện
Làm sạch ý mình
Là lời Phật dạy.

Đó gọi là kinh Già-đà (Kệ tụng).

Thế nào gọi là kinh Ưu-đà-na (Tự thuyết)?

Như Phật vào lúc xế chiều nhập thiền định, vì chư Thiên giảng nói rộng các pháp yếu. Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghĩ: “Hôm nay Như Lai làm việc gì?”. Sáng sớm hôm nay Như Lai ra khỏi thiền định, tuy không có người hỏi, nhưng nhờ tha tâm trí liền tự nói ra: “Các Tỳ-kheo nên biết, tuổi thọ của chư Thiên rất lâu. Này các Tỳ-kheo! Lành thay! Vì người khác mà chẳng cầu lợi ích cho mình. Lành thay! Ít muốn! Lành thay! Biết đủ! Lành thay! Được tịch tĩnh”. Những kinh như vậy, không ai hỏi mà Đức Phật tự nói. Đó gọi là kinh Ưu-đà-na (Tự thuyết).

Thế nào gọi là kinh Ni-đà-na (Nhân duyên)?

Như bài kệ trong các kinh do nhân duyên căn bản là Đức Phật vì người khác diễn nói. Như trong nước Xá-vệ có một người đàn ông giăng lưới bắt chim, bắt chim rồi nhốt trong lồng, cho uống nước, ăn gạo rồi lại thả bay đi. Thế Tôn biết gốc ngọn nhân duyên đó nên nói kệ:

Chớ khinh tội nhỏ
Là không có hại
Giọt nước tuy ít
Dần đầy lu lớn.

Đó gọi là kinh Ni-đà-na (Nhân duyên). Thế nào gọi là kinh A-ba-đà-na (Thí dụ)?

Như những thí dụ trong giới luật đã nói đó gọi là kinh A-ba-đà-na (Thí dụ).

Thế nào gọi là kinh Y-đế-mục-đa-na (Bản sự)?

Như Đức Phật đã nói: “Tỳ-kheo phải biết! Khi Ta ra đời, những điều Ta dạy thì gọi là giới kinh, lúc Đức Phật Câu-lưu-tôn ra đời thì gọi là trống cam lồ. Lúc Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni ra đời gọi là gương pháp, lúc Phật Ca-diếp ra đời gọi là phân biệt pháp không. Đó gọi là kinh Y-đế-mục-đa-na (Bản sự).

Thế nào là kinh Xà-đà-già (Bản sinh)?

Đó là việc tu các hạnh khổ khi Thế Tôn còn làm vị Bồ-tát, như Phật dạy: “Các Tỳ-kheo nên biết! Ở quá khứ Ta đã từng làm nai, làm gấu, làm beo, làm thỏ, làm vua nước nhỏ, làm Chuyển luân Thánh vương, làm rồng, làm chim kim sí v.v…

Cái thân thọ nhận khi hành đạo Bồ-tát làm các loài như vậy. Đó gọi là kinh Xà-đà-dà (Bản sinh).

Thế nào gọi là kinh Tỳ-phật-lược (Phương quảng)?

Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, nghĩa của kinh ấy rộng lớn giống như hư không, đó gọi là kinh Tỳ-phật-lược (Phương quảng).

Thế nào gọi là kinh A-phù-đà-đạt-ma (Vị tằng hữu)?

Như lúc Bồ-tát mới ra đời không có người đỡ dắt mà tự đi bảy bước, phóng ra ánh sáng lớn biến khắp mười phương, như con vượn tay bưng bát mật dâng cúng Như Lai, như chó cổ trắng đến bên Đức Phật nghe pháp, như ma Ba-tuần biến làm trâu xanh đi trong bát sành, khiến bát sành chạm nhau mà không bể, như lúc Phật mới sinh đi vào miếu trời làm cho tượng trời đứng dậy cung kính làm lễ. Các kinh thuật việc như vậy gọi là kinh A-phù-đà-đạt-ma (Vị tằng hữu).

Thế nào gọi là kinh Ưu-bà-đề-xá (Luận nghị)?

Như các kinh mà Thế Tôn đã thuyết hoặc luận bàn, phân biệt, nói rộng, nói rõ các tướng mạo. Đó gọi là kinh Ưu-bà-đề-xá (Luận nghị). Nếu Bồ-tát có thể biết rõ Mười hai bộ loại kinh văn như vậy, thì gọi là biết pháp.

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát biết nghĩa?

Nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả văn tự ngôn ngữ biết rộng nghĩa thì gọi là biết nghĩa.

Thế nào gọi là Bồ-tát biết thời?

Này thiện nam! Bồ-tát khéo biết trong những lúc như vậy, có thể tu tập tịch tĩnh, trong những lúc như vậy có thể tu tập tinh tấn, trong những lúc như vậy có thể tu tập định xả, trong những lúc như vậy có thể cúng dường chư Phật, trong những lúc như vậy có thể cúng dường sư trưởng, trong những lúc như vậy có thể bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đầy đủ. Đó gọi là biết thời.

Thế nào gọi là Bồ-tát biết đủ?

Này thiện nam! Đại Bồ-tát biết đủ là biết đủ việc ăn uống, thuốc thang, y phục, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng…

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát biết mình?

Đó là Bồ-tát tự biết mình có lòng tin như vậy, giới như vậy, đa văn như vậy, xả như vậy, tuệ như vậy, đến đi như vậy. Đó gọi là biết mình.

Thế nào là Đại Bồ-tát biết chúng?

Này thiện nam! Đó là Bồ-tát biết các chúng như chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, đối với các chúng ấy biết đi đến như vậy, ngồi đứng như vậy, thuyết pháp như vậy, hỏi đáp như vậy. Đó gọi là biết chúng.

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát biết tôn kính mọi người?

Này thiện nam! Người có hai hạng: Một là có lòng tin, hai là không có lòng tin. Bồ-tát biết người có lòng tin là thiện, người không có lòng tin là bất thiện. Lại nữa, lòng tin có hai thứ: Một là thường đến chùa chiền, hai là không đến chỗ Bồ-tát. Bồ-tát biết người đến là thiện, người không đến là bất thiện. Đến chùa chiền có hai hạng: Một là lễ bái, hai là không lễ bái. Bồ-tát biết người lễ bái là thiện, người không lễ bái là bất thiện. Người lễ bái có hai hạng: Một là nghe pháp, hai là không nghe pháp. Bồ-tát biết người nghe pháp là thiện, người không nghe pháp là bất thiện. Người nghe pháp có hai hạng: Một là chí tâm nghe, hai là không chí tâm nghe. Bồ-tát biết người chí tâm nghe là người thiện, người không chí tâm nghe là người bất thiện. Chí tâm nghe có hai hạng: Một là suy nghĩ về nghĩa, hai là không suy nghĩ về nghĩa. Bồ-tát biết người suy nghĩ về nghĩa là người thiện, người không suy nghĩ về nghĩa là người bất thiện. Người suy nghĩ về nghĩa có hai hạng: Một là thực hành đúng như lời nói, hai là thực hành không đúng như lời nói. Người thực hành đúng như lời nói là thiện, người không thực hành đúng như lời nói là bất thiện. Người thực hành đúng như lời nói có hai hạng: Một là cầu quả Thanh văn, không thể đem lại lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh khổ não, hai là hồi hướng Đại thừa vô thượng, làm lợi ích cho nhiều người khiến được an vui. Bồ-tát biết có thể làm lợi ích cho mọi người được an vui là tối thượng. Này thiện nam! Như trong các vật báu thì ngọc báu như ý là hơn hết, trong các mùi vị, cam lồ là bậc nhất. Bậc Bồ-tát như vậy ở trong hàng trời người là tôn quý nhất chẳng thể thí dụ. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát trụ nơi kinh Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, trụ nơi bảy pháp thiện. Bồ-tát trụ nơi bảy pháp thiện này rồi thì được đầy đủ phạm hạnh.

Lại nữa, này thiện nam! Lại có phạm hạnh gọi là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tu nhiều hạnh Từ, có thể đoạn trừ sân giận, tu tâm Bi cũng có thể đoạn trừ sân giận, thì sao gọi là bốn tâm vô lượng? Xét theo nghĩa mà nói thì lẽ ra có ba. Bạch Thế Tôn! Tâm Từ có ba duyên: Một là duyên chúng sinh, hai là duyên pháp, ba là duyên không. Tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả cũng như vậy. Nếu theo nghĩa này thì lẽ ra chỉ có ba mà không có bốn. Duyên chúng sinh là duyên nơi thân năm ấm, nguyện cho họ được an vui. Đó gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp là duyên với vật mà chúng sinh cần dùng rồi ban cho họ. Đó gọi là duyên nơi pháp. Duyên không là duyên nơi Như Lai. Đó gọi là duyên không. Tâm Từ phần nhiều duyên nơi chúng sinh nghèo cùng. Đại sư Như Lai vĩnh viễn xa lìa nghèo cùng, hưởng sự an vui đệ nhất, nếu duyên chúng sinh thì không duyên pháp Phật, cũng như vậy. Vì nghĩa đó, nên duyên Như Lai gọi là duyên không. Bạch Thế Tôn! Đối tượng duyên của Từ là tất chúng sinh, như duyên cha mẹ, vợ con thân thuộc. Do nghĩa này nên gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp là không thấy cha mẹ, vợ con thân thuộc, mà thấy tất cả các pháp đều từ duyên sinh. Đó gọi là duyên pháp. Duyên không là chẳng trụ tướng của pháp và tướng của chúng sinh. Đó gọi là duyên không. Tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả cũng như vậy. Vì thế nên lẽ ra chỉ có ba chứ không có bốn. Bạch Thế Tôn! Người có hai hạng: Một là kiến hành, hai là ái hành. Người kiến hành thì tu nhiều Từ Bi. Người ái hành thì tu nhiều Hỷ Xả. Vì vậy, lẽ ra có hai mà không có bốn. Bạch Thế Tôn! Hễ vô lượng thì gọi là vô biên, biên không thể nắm bắt được, nên gọi là vô lượng. Nếu vô lượng thì lẽ ra là một chứ không phải là bốn. Nếu nói là bốn thì sao được vô lượng. Vì vậy, lẽ ra nên nói một mà không nói bốn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Chư Phật Như Lai vì các chúng sinh nên thuyết giảng pháp yếu, lời Phật dạy bí mật khó có thể hiểu hết, hoặc vì chúng sinh nói một nhân duyên, như nói: Những gì là một nhân duyên?

Đó là tất cả các pháp hữu vi. Này thiện nam! Hoặc nói hai thứ là nhân cùng với quả hoặc nói ba thứ là phiền não, nghiệp và khổ, hoặc nói bốn thứ là vô minh, các hành, sinh và lão tử, hoặc nói năm thứ là thọ, ái, thủ, hữu và sinh, hoặc nói sáu thứ là nhân quả trong ba đời, hoặc nói bảy thứ là thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái và thủ, hoặc nói tám thứ trừ vô minh, hành, sinh và lão tử, còn lại tám pháp, hoặc nói chín thứ như trong kinh Thành nói: Trừ vô minh, hành, thức, còn lại chín pháp, hoặc nói mười một thứ, như trong kinh Tát-giá Ni-kiền-tử nói: Trừ một pháp sinh còn lại mười một, hoặc có lúc nói đầy đủ mười hai nhân duyên, như ở nơi thành Vương-xá Phật vì Ca-diếp v.v… thuyết đủ mười hai nhân duyên từ vô minh cho đến sinh, lão, bệnh, tử.

Này thiện nam! Như một nhân duyên vì chúng sinh nên phân biệt nhiều thứ, tâm pháp vô lượng cũng như vậy.

Này thiện nam! Vì nghĩa ấy cho nên đối với hạnh sâu xa của Như Lai không nên nghi ngờ.

Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn có đại phương tiện: Vô thường nói là thường, thường nói là vô thường; vui nói là khổ, khổ nói là vui; bất tịnh nói là tịnh, tịnh nói là bất tịnh; ngã nói vô ngã, vô ngã nói ngã; chẳng phải chúng sinh nói là chúng sinh, thật là chúng sinh nói chẳng phải chúng sinh; chẳng phải vật nói là vật, vật nói chẳng phải vật; chẳng phải thật nói là thật, thật nói là chẳng phải thật; chẳng phải là cảnh nói là cảnh, cảnh nói là chẳng phải cảnh; chẳng phải sinh nói là sinh, sinh nói là chẳng phải sinh, cho đến vô minh nói là minh, minh nói là vô minh; sắc nói chẳng phải sắc, chẳng phải sắc nói là sắc; chẳng phải đạo nói là đạo, đạo nói là chẳng phải đạo.

Này thiện nam! Như Lai vì điều phục chúng sinh nên dùng vô lượng phương tiện như vậy, chả lẽ là hư vọng chăng!

Này thiện nam! Hoặc có chúng sinh tham lam của cải, đối với người ấy Ta hiện thân làm Chuyển luân Thánh vương ở trong vô lượng năm, tùy theo sự cần dùng của người đó mà ban cho các thứ rồi sau mới giáo hóa khiến cho người ấy trụ nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có chúng sinh tham đắm năm dục, thì Ta ở trong vô lượng năm, dùng năm thứ dục tốt đẹp làm cho lòng mong cầu của người ấy được đầy đủ, sau đó mới giáo hóa khiến cho người ấy an trụ nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Hoặc có chúng sinh cao quý giàu sang thì Ta sẽ ở trong vô lượng năm vì người đó làm người tôi tớ để cung cấp, hầu hạ, làm cho họ được vừa lòng, sau mới khuyến hóa khiến họ được an trụ nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Hoặc có chúng sinh tánh tình thô bạo tự cho là đúng, cần có người quở trách, can gián, thì Ta sẽ ở trong vô lượng trăm ngàn năm, khuyên dạy, can ngăn, dụ dỗ khiến cho tâm người ấy được điều hòa, rồi sau đó khuyến hóa làm cho họ được an trụ nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Này thiện nam! Cũng vậy, Như Lai ở trong vô lượng năm dùng đủ loại phương tiện khiến cho các chúng sinh được an trụ nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lẽ nào là hư dối chăng! Chư Phật Như Lai tuy ở trong các chỗ ác mà không bị nhiễm ô cũng giống như hoa sen. Này thiện nam! Nên biết nghĩa của bốn tâm vô lượng cũng như vậy.

Này thiện nam! Tâm vô lượng này thể tánh có bốn, nếu có người nào thực hành thì được sinh vào cõi trời Đại Phạm.

Này thiện nam! Như vậy phụ thuộc vô lượng có bốn, cho nên gọi là bốn. Phàm người tu tâm Từ có thể đoạn trừ tham dục, người tu tâm Bi có thể đoạn trừ sân giận, người tu tâm Hỷ có thể đoạn trừ sự không vui, người tu tâm Xả có thể đoạn trừ tham dục, sân giận cho chúng sinh. Này thiện nam! Vì nghĩa này nên được gọi là bốn mà chẳng phải là một, hai hay ba. Này thiện nam! Như lời ông nói, tâm Từ có thể dứt sự sân giận cũng như vậy, nên mới là ba. Nay ông không nên gạn hỏi như vậy. Vì sao? Này thiện nam! Sân giận có hai thứ: Một là có thể giết chết, hai là đánh đập, tu tâm Từ thì có thể đoạn dứt sự giết chết, tu tâm Bi có thể trừ được sự đánh đập. Này thiện nam! Do nghĩa này há chẳng phải là bốn chăng!

Lại nữa, sân giận có hai thứ: Một là sân giận chúng sinh, hai là sân giận loài chẳng phải chúng sinh. Người tu tâm Từ đoạn dứt sự sân giận chúng sinh, người tu tâm Bi thì dứt hết sự sân giận chẳng phải chúng sinh.

Lại nữa, sân giận có hai loại: Một là có nhân duyên, hai là không có nhân duyên. Người tu tâm Từ thì dứt loại có nhân duyên, người tu tâm Bi thì đoạn loại không có nhân duyên.

Lại nữa, sân giận có hai loại: Một là tập quen lâu xa ở quá khứ, hai là tập quen ở hiện tại. Người tu tâm Từ có thể đoạn loại tập quen ở quá khứ, người tu tâm Bi đoạn dứt tập quen ở hiện tại.

Lại nữa, sân giận có hai thứ: Một là sân giận với bậc Thánh, hai là sân giận với hàng phàm phu. Người tu tâm Từ đoạn sân giận với bậc Thánh, người tu tâm Bi đoạn sân giận với phàm phu.

Lại nữa, sân giận có hai thứ: Một là thượng, hai là trung. Người tu tâm Từ diệt được sân giận bậc thượng, người tu tâm bi đoạn sân giận bậc trung. Này thiện nam! Do nghĩa này cho nên gọi là bốn. Vì sao gạn hỏi đáp lễ là ba chẳng phải là bốn? Vì vậy, này Ca-diếp! Tâm vô lượng này tương đối giống nhau, phân biệt là bốn. Lại tùy theo căn cơ nên gọi là bốn. Nếu có tâm Từ thì không có tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả. Do nghĩa này cho nên nói bốn mà không bớt. Này thiện nam! Do hành sai khác cho nên có bốn. Khi hành hạnh Từ thì không có Bi, Hỷ, Xả, thế nên có bốn. Này thiện nam! Vì vô lượng cho nên gọi là bốn. Luận về vô lượng thì có bốn loại: Có tâm vô lượng có duyên chẳng phải tự tại. Có tâm vô lượng có tự tại chẳng phải duyên. Có tâm vô lượng có duyên cũng có tự tại. Có tâm vô lượng chẳng phải duyên, chẳng phải tự tại.

Thế nào là vô lượng có duyên, chẳng phải tự tại? Duyên với vô lượng vô biên chúng sinh mà không thể đắc Tam-muội tự tại, tuy đắc nhưng không định, hoặc được, hoặc mất. Thế nào là vô lượng tự tại chẳng phải duyên? Như duyên đối với cha mẹ, anh em, chị em, muốn làm cho họ được an vui chẳng phải là duyên vô lượng. Thế nào là tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại? Nghĩa là chư Phật và Bồ-tát. Thế nào là tâm vô lượng chẳng phải duyên, chẳng phải tự tại? Hàng Thanh văn, Duyên giác không thể duyên khắp vô lượng chúng sinh, cũng chẳng phải tự tại. Này thiện nam! Do nghĩa này nên gọi là bốn vô lượng, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Đây là cảnh giới của chư Phật Như Lai. Này thiện nam! Bốn việc như vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác tuy gọi là vô lượng nhưng chỉ chút ít không đáng kể, chư Phật Bồ- tát thì được gọi là vô lượng vô biên.

Bồ-tát Ca-diếp thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Thật như lời Phật dạy, cảnh giới của chư Phật Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết được. Bạch Thế Tôn! Có Bồ-tát nào trụ nơi Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa được tâm Từ Bi chẳng phải là tâm Đại Từ, Đại Bi chăng?

Phật bảo:

–Có! Này thiện nam! Nếu Bồ-tát ở trong các chúng sinh thì phân biệt ba hạng: Một là người thân, hai là kẻ oán ghét, ba là không thương cũng không ghét. Đối với người thân chia làm ba hạng: Đó là thượng, trung, hạ; đối với kẻ oán ghét cũng vậy. Đại Bồ-tát này đối với người thân bậc thượng thì ban cho sự vui bậc nhất, đối với người thân bậc trung, bậc hạ cũng đều bình đẳng ban cho sự vui bậc nhất; đối với người oán ghét bậc thượng ban cho sự vui ít, đối với kẻ oán ghét bậc trung thì ban cho sự vui loại trung, đối với kẻ oán ghét bậc hạ thì ban cho sự vui bậc nhất. Như vậy, Bồ-tát tu tập tăng thêm dần dần, đối với kẻ oán ghét bậc thượng thì ban cho sự vui bậc trung, đối với kẻ oán ghét bậc trung và bậc hạ bình đẳng ban cho sự vui bậc nhất, dần dần tu tập, đối với kẻ oán ghét bậc thượng, trung, hạ bình đẳng ban cho sự vui bậc nhất. Nếu đối với kẻ oán ghét bậc thượng mà ban cho sự vui bậc nhất, thì bấy giờ được gọi là thành tựu tâm Từ. Bồ-tát đối với cha mẹ và những kẻ oán ghét bậc thượng được tâm bình đẳng không có sai khác. Này thiện nam! Đó gọi là được tâm Từ chẳng phải Đại Từ. Bạch Thế Tôn! Do chuyện gì mà Bồ-tát được tâm Từ như vậy nhưng không được gọi là tâm Đại Từ? Này thiện nam! Vì khó thành tựu cho nên không gọi là Đại Từ. Vì sao? Vì từ lâu ở trong vô lượng kiếp quá khứ đã tích tập nhiều phiền não, chưa tu tập pháp thiện, cho nên không thể ở trong một ngày điều phục được tâm mình.

Này thiện nam! Như lấy dùi dùi vào hạt đậu khô, hoàn toàn không thể dính được, phiền não cứng chắc cũng như vậy, tuy một ngày đêm buộc tâm không cho tán loạn cũng khó có thể điều phục được. Lại như chó nhà không sợ người, nai trong rừng thấy người thì sợ hãi bỏ chạy. Sân giận khó trừ như chó giữ nhà, tâm Từ dễ mất như nai rừng kia. Thế nên tâm này khó thể điều phục. Vì nghĩa này nên không gọi là Đại Từ. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vẽ trên đá thì chữ thường còn, vẽ dưới nước thì chóng mất không dài lâu. Sân như vẽ trên đá, các căn lành như vẽ trên nước, cho nên tâm này khó điều phục được. Vì đống lửa lớn ánh sáng lâu dài, ánh sáng của điện chớp thì mất ngay. Sân như đống lửa, Từ Bi như ánh chớp, cho nên tâm này khó điều phục được. Do vì nghĩa này cho nên không gọi là Đại Từ. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Sơ địa gọi là Đại Từ. Vì sao? Này thiện nam! Người ác tột bậc gọi là Nhất-xiển-đề. Bậc Bồ-tát Sơ địa lúc tu Đại Từ đối với Nhất-xiển-đề tâm không phân biệt, không thấy lỗi lầm của họ cho nên không sinh sân giận. Do vì nghĩa này nên gọi là Đại Từ. Này thiện nam! Vì trừ sự không lợi ích cho chúng sinh nên gọi là Đại Từ, muốn ban cho chúng sinh vô lượng sự lợi ích an vui gọi là Đại Bi. Đối với các chúng sinh tâm vui vẻ gọi là Đại Hỷ. Không thấy có sự hộ trì nên gọi là Đại Xả. Nếu không thấy tướng ngã, pháp, thân mình mà thấy các pháp bình đẳng không hai, thì đó gọi là Đại Xả. Tự xả bỏ niềm vui của mình ban cho người khác gọi là Đại Xả. Này thiện nam! Chỉ có bốn tâm vô lượng mới có thể khiến cho Bồ-tát tăng trưởng đầy đủ sáu Ba-la-mật, còn các hạnh khác thì chẳng được như vậy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trước nên được bốn tâm vô lượng thế gian, sau đó mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, kế đến mới được tâm vô lượng xuất thế gian. Này thiện nam! Do tâm vô lượng thế gian mà được tâm vô lượng xuất thế gian. Do nghĩa này nên gọi là Đại vô lượng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trừ sự không lợi ích ban cho sự lợi ích an vui, thì thật không có tác dụng gì. Suy nghĩ như vậy tức là quán xét rỗng không,

không có lợi ích.

Bạch Thế Tôn! Ví như Tỳ-kheo khi quán bất tịnh, thấy y của mình đắp đều là tướng da mà thật chẳng phải là da, thức ăn uống đều là tướng trùng mà thật chẳng phải là trùng, quán bát canh đậu như tướng phân mà thật chẳng là phân, quán sữa đặc giống như tủy não mà thật chẳng phải là tủy não, quán xương nát vụn giống như bột gạo mà thật chẳng phải là bột gạo. Bốn tâm vô lượng cũng như vậy, chẳng thể đem lại lợi ích chân thật làm cho chúng sinh được an lạc. Tuy miệng nói ra lời ban vui cho chúng sinh mà thật không thể được, quán như vậy chẳng phải hư vọng chăng? Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng phải hư vọng mà thật sự ban cho niềm vui thì vì sao các chúng sinh không nhờ lực oai đức của chư Phật, Bồ-tát để hết thảy đều được an vui? Nếu quả thật chẳng được sự an vui thì như lời Phật dạy là, ta nhớ thuở trước chỉ tu tâm Từ, trải qua bảy phen thành hoại của kiếp này không sinh lại ở đây, khi thế giới thành thì sinh vào ở cõi Phạm Thiên, khi thế giới hoại sinh vào cõi trời Quang Âm. Nếu sinh lên cõi trời Phạm Thiên thì có thế lực tự tại, không ai có thể hàng phục, ở trong ngàn vị Phạm thiên là bậc tối thắng tối thượng gọi là Đại Phạm vương. Có các chúng sinh đối với ta tưởng là bậc tối thượng. Ba mươi sáu lần làm Thiên vương Đao-lợi, Thích-đề-hoàn-nhân, vô lượng trăm ngàn lần làm Chuyển luân vương. Ta chỉ tu tâm Từ mới được quả báo của hàng trời người như vậy. Nếu không thật làm sao lại được tương ưng với nghĩa này?

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông thật dũng mãnh không sợ hãi. Phật liền vì Ca-diếp nói kệ:

Đối với một chúng sinh
Không sinh tâm giận dữ
Nguyện cho họ an vui
Đó gọi là tâm Từ
Trong tất cả chúng sinh
Nếu phát khởi tâm Bi
Gọi là chủng tánh
Thánh Được phước báo vô lượng
Giả sử Tiên ngũ thông
Đầy khắp mặt đất này
Có trời Đại Tự Tại Ban cho sự an ổn
Voi ngựa đủ thứ vật
Được quả báo phước đức
Không bằng tu tâm Từ
Một phần trong mười sáu.

Này thiện nam! Luận rằng người tu tâm Từ thật chẳng phải vọng tưởng chắc chắn là chân thật. Nếu là tâm Từ của hàng Thanh văn và Duyên giác thì gọi là hư vọng. Tâm Từ của chư

Phật và Bồ-tát thì chân thật không hư vọng. Vì sao biết được? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn này quán đất là vàng, quán vàng là đất; quán đất làm tướng nước, nước làm tướng đất; nước làm tướng lửa, lửa làm tướng nước; đất làm tướng gió, gió làm tướng đất, theo ý thành tựu không có hư vọng. Quán thật chúng sinh chẳng phải là chúng sinh, quán chẳng phải là chúng sinh là thật chúng sinh, đều theo ý thành tựu không có hư vọng. Này thiện nam! Nên biết bốn tâm vô lượng Bồ-tát là tư duy chân thật, chẳng phải không chân thật. Lại nữa, này thiện nam! Thế nào gọi là tư duy chân thật? Nghĩa là có thể đoạn trừ các phiền não. Này thiện nam! Hễ người tu tâm Từ thì có thể đoạn trừ tham dục, người tu tâm Bi thì có thể đoạn trừ sân giận, người tu tâm Hỷ thì có thể đoạn trừ sự không vui, người tu tâm Xả thì có thể đoạn tham, sân và tướng chúng sinh. Vì thế nên gọi là tư duy chân thật. Lại nữa, này thiện nam! Bốn tâm vô lượng của Đại Bồ-tát có thể làm căn bản cho tất cả các hạnh lành. Này thiện nam! Đại Bồ-tát nếu không thấy được chúng sinh nghèo cùng thì không có duyên để sinh khởi tâm Từ, nếu không phát sinh tâm Từ thì không thể khởi tâm bố thí, nhờ duyên bố thí khiến cho chúng sinh được an ổn, vui vẻ. Đó là bố thí các thức ăn uống, xe cộ, y phục, hương hoa, giường nằm, nhà cửa, đèn đuốc. Khi bố thí như vậy tâm không vướng mắc, không sinh tham trước, hoàn toàn hồi hướng về đạo quả Bồ đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, tâm ấy không còn nương tựa, dứt hết vọng tưởng, không còn sợ hãi, không mong lợi dưỡng, tiếng khen, không cầu thọ nhận sự an vui của hàng trời, người, không sinh tâm kiêu mạn, chẳng trông sự báo đáp, chẳng lừa dối người khác. Nên làm việc bố thí, không cầu giàu sang. Phàm khi thực hành bố thí không thấy người nhận là trì giới hay phá giới, là ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, là tri thức hay chẳng phải tri thức. Khi bố thí không thấy là đồ vật hay chẳng phải đồ vật, không lựa chọn ngày giờ, là nơi chốn hay chẳng phải nơi chốn, cũng không so sánh nghèo thiếu hay giàu sang, không thấy nhân quả, đây là chúng sinh, đây chẳng phải là chúng sinh, là phước chẳng phải phước, tuy không thấy người bố thí, người thọ nhận và tài vật, cho đến không thấy đoạn trừ và quả báo mà thường thực hành bố thí không có dừng nghỉ.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát thấy người trì giới, phá giới cho đến quả báo thì không bao giờ có thể bố thí, nếu không bố thí thì không đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, nếu không đầy đủ Bố thí Ba-la-mật thì không thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Ví như có người bị mũi tên độc trên thân, quyến thuộc của người ấy muốn cho người ấy được an ổn. Vì muốn trừ độc nên mời lương y đến nhổ mũi tên ra. Người đó liền nói: “Hãy đợi! Chớ rút ra. Để ta xem mũi tên độc này từ đâu đến? Người nào bắn? Là Sát- lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá hay Thủ-đà-la?”. Lại nghĩ: “Bằng cây gì, trúc hay liễu? Mũi tên sắc ấy được làm từ đâu? Cứng hay mềm? Đuôi là lông chim gì? Cánh của quạ hay chim ưng? Chất độc ở trong mũi tên là làm ra hay tự nhiên mà có? Là độc người hay độc rắn?”. Người ngu si này rốt cuộc chưa biết được mà đã chết.

Này thiện nam! Bồ-tát cũng vậy, nếu khi thực hành bố thí mà phân biệt người thọ nhận là trì giới hay phá giới, cho đến quả báo thì hoàn toàn không thể bố thí. Nếu không thể bố thí thì không đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, nếu không đầy đủ Bố thí Ba-la-mật thì không thể thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Đại Bồ-tát khi thực hành bố thí đối với các chúng sinh khởi tâm Từ bình đẳng xem như con mình. Lại khi thực hành bố thí khởi tâm Bi thương xót các chúng sinh ví như cha mẹ chăm sóc đứa con đang bị ốm đau. Khi thực hành bố thí, tâm Bồ-tát hoan hỷ như cha mẹ thấy con được lành bệnh. Sau khi đã bố thí tâm Bồ-tát buông bỏ như cha mẹ thấy con khôn lớn đã có thể tự sinh sống được. Đại Bồ-tát này ở trong tâm Từ, lúc bố thí thức ăn thường nguyện: "Nay ta bố thí cho hết thảy chúng sinh cùng thọ nhận. Do nhân duyên này khiến cho chúng sinh được thức ăn trí tuệ lớn, siêng năng, hồi hướng Đại thừa vô thượng. Nguyện cho các chúng sinh được thức ăn thiện trí, không cầu thức ăn của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nguyện cho chúng sinh được thức ăn pháp hỷ, mà không cầu thức ăn ái nhiễm. Nguyện cho chúng sinh được thức ăn Trí tuệ Ba-la-mật, làm cho được đầy đủ, thâu giữ vô ngại thêm lớn thiện căn. Nguyện các chúng sinh tỏ ngộ tướng không, được thân vô ngại như hư không. Nguyện các chúng sinh thường vì người thọ nhận, thương xót tất cả, vì họ mà làm ruộng phước". Này thiện nam! Đại Bồ- tát khi tu tâm Từ, lúc bố thí thức ăn thì nên phát các nguyện kiên cố như thế.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí nước uống nên nguyện: "Nay ta bố thí nước uống cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh hướng đến sông Đại thừa, uống nước tám vị, sớm đạt đến con đường Bồ-đề vô thượng, xa lìa chỗ khô cạn của hàng Thanh văn, Duyên giác, khát ngưỡng cầu Phật thừa vô thượng, đoạn dứt phiền não, khát ngưỡng pháp vị, xa lìa ái nhiễm sinh tử, ưa thích Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, đầy đủ pháp thân, được các Tam-muội, nhập vào biển cả trí tuệ sâu xa. Nguyện cho các chúng sinh được mùi vị cam lồ Bồ-đề, ra khỏi thế gian, lìa dục được tịch tĩnh như các mùi vị này. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ trăm ngàn pháp vị, đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị, đầy đủ pháp vị rồi thì được thấy Phật tánh, thấy Phật tánh rồi có thể rưới mưa pháp, rưới mưa pháp rồi thì Phật tánh cùng khắp giống như hư không. Lại khiến vô lượng chúng sinh khác được pháp vị duy nhất, tức là Đại thừa, chẳng phải vị Thanh văn, Phật-bích-chi. Nguyện cho các chúng sinh được vị ngọt duy nhất, không có sáu loại vị sai khác. Nguyện cho chúng sinh chỉ cầu pháp vị, vị sở hành pháp Phật vô ngại, không cầu các vị khác". Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí thức uống nên phát những nguyện vững chắc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí xe cộ, nên phát nguyện như vầy: "Nay ta đem tất cả vật bố thí cho chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho chúng sinh thành tựu được Đại thừa, được trụ nơi Đại thừa, được thừa không thoái chuyển, thừa không lay động, thừa tòa kim cang, không cầu thừa Thanh văn, Phật-bích-chi, chỉ hướng đến Phật thừa, thừa không thể hàng phục, thừa không khiếm khuyết, thừa không chìm đắm, thừa vô thượng, thừa mười lực, thừa công đức lớn, thừa chưa từng có, thừa hiếm có, thừa khó được, thừa vô biên, thừa biết tất cả”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí xe cộ thường nên phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí y phục nên nguyện như vầy: “Nay ta bố thí y phục cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến các chúng sinh được y phục hổ thẹn, pháp giới che thân, xé rách các y phục kiến chấp, y phục cách thân một thước sáu tấc, được thân sắc vàng, sự xúc phạm êm dịu, không còn chướng ngại, sắc sáng tươi nhuần, da dẻ mịn màng, thường có vô lượng ánh sáng, không sắc, lìa sắc. Nguyện cho các chúng sinh đều được thân vô sắc, vượt tất cả sắc, được nhập Đại Niết-bàn vô sắc”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát khi bố thí y phục cần phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí hương xoa, hương bột, các loại hương, nên phát nguyện như vầy: “Nay ta bố thí các vật ấy cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến các chúng sinh đều được hoa Tam-muội, tràng hoa đẹp bảy giác chi của Phật quấn trên đầu. Nguyện cho các chúng sinh thân hình xinh đẹp như trăng tròn, thấy các sắc vi diệu đệ nhất. Nguyện cho các chúng sinh tùy ý được thấy sắc tùy ý. Nguyện cho các chúng sinh thường gặp bạn lành, được hương vô ngại, xa lìa những ô uế. Nguyện cho các chúng sinh được đầy đủ căn lành, châu báu vô lượng. Nguyện cho các chúng sinh cùng nhau vui vẻ không có buồn khổ, đầy đủ hạnh lành, không còn lo nghĩ. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ hương giới. Nguyện cho các chúng sinh trì giới không trở ngại, mùi hương ngào ngạt khắp cả mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được giới kiên cố, giới không ăn năn, giới nhất thiết trí, xa lìa các sự phá giới, đều được giới không, giới chưa từng có, giới vô sư, giới vô tác, giới không ô nhiễm, giới đã hoàn toàn, giới cứu cánh, giới bình đẳng. Đối với người dùng hương xoa vào người dùng đao đâm chém vào thân, không hề thương hay ghét. Nguyện cho các chúng sinh được giới vô thượng, giới Đại thừa, giới chẳng phải Tiểu thừa. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ Giới Ba-la-mật, giống như giới chư Phật đã thành tựu. Nguyện cho các chúng sinh đều được huân tu hạnh Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Nguyện cho các chúng sinh thảy đều thành tựu hoa sen vi diệu Đại Niết-bàn, mùi hương của hoa ấy bay khắp cả mười phương. Nguyện cho các chúng sinh chỉ ăn toàn món ăn thơm ngon vô thượng Đại Niết-bàn Đại thừa. Như ong hút nhụy hoa chỉ hút vị hương. Nguyện cho các chúng sinh đều được thành tựu thân đã huân tu vô lượng công đức”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí hương hoa, thường phát thệ nguyện vững chắc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí giường nằm nên nguyện như vầy: “Nay ta bố thí giường nằm cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho tất cả chúng sinh được giường nằm của bậc Thiên Trung Thiên, được trí tuệ lớn, ngồi chỗ Tứ thiền, nằm giường nằm của Bồ-tát, không nằm giường của Thanh văn, Phật-bích-chi, xa lìa giường nằm xấu ác. Nguyện cho các chúng sinh được nằm giường an lạc, xa lìa giường sinh tử, thành tựu giường nằm Sư tử Đại Niết-bàn. Nguyện cho các chúng sinh ngồi trên giường này rồi, lại vì vô lượng chúng sinh khác thị hiện thần thông Sư tử du hý. Nguyện cho các chúng sinh trụ trong cung điện lớn Đại thừa này, vì chúng sinh mà giảng nói Phật tánh. Nguyện cho các chúng sinh ngồi trên giường vô thượng, không bị pháp thế gian hàng phục. Nguyện cho các chúng sinh được giường nhẫn nhục, xa lìa sinh tử, thiếu thốn, đói rét. Nguyện cho các chúng sinh được giường vô úy, xa lìa tất cả giặc phiền não. Nguyện cho các chúng sinh được giường thanh tịnh, chuyên cầu đạo Chân chánh vô thượng. Nguyện cho các chúng sinh được giường pháp thiện, thường được bạn tốt giúp đỡ. Nguyện cho các chúng sinh được giường nằm hông bên phải, nương nơi pháp chư

Phật để thực hành”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí giường chiếu, nên phải phát lời nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí nhà cửa thường phát nguyện như vầy: “Ta nay bố thí nhà cửa cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho chúng sinh ở nhà Đại thừa, thực hành các hạnh của thiện hữu đã hành, tu hạnh đại bi, hạnh sáu Ba-la-mật, hạnh của bậc Đại chánh giác, đạo hạnh của tất cả Bồ-tát đã làm, hạnh rộng lớn vô biên như hư không. Nguyện cho các chúng sinh đều được chánh niệm, xa lìa niệm ác. Nguyện cho các chúng sinh đều được an trụ thường, lạc, ngã, tịnh, hoàn toàn xa lìa bốn thứ điên đảo. Nguyện cho các chúng sinh thảy đều thọ trì văn tự xuất thế gian. Nguyện cho các chúng sinh đều là pháp khí nhất thiết trí vô thượng. Nguyện cho các chúng sinh đều được vào nhà cửa cam lồ. Nguyện cho các chúng sinh lúc đầu, giữa, sau tâm thường được vào nhà Niết-bàn Đại thừa. Nguyện cho các chúng sinh trong đời vị lai thường ở nơi cung điện của Bồ-tát ở”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ lúc bố thí nhà cửa nên phát lời nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí đèn sáng, phát nguyện như vầy: “Nay ta bố thí đèn sáng cho tất cả chúng sinh cùng thọ dụng. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh được vô lượng ánh sáng, an trụ nơi pháp của Phật. Nguyện cho các chúng sinh thường được chiếu sáng. Nguyện cho các chúng sinh được sắc vi diệu nhuận sáng đệ nhất. Nguyện cho các chúng sinh được mắt thanh tịnh không màng che. Nguyện cho các chúng sinh được đuốc đại trí, khéo biết rõ không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng sinh, không có tướng thọ mạng. Nguyện cho các chúng sinh đều thấy được Phật tánh thanh tịnh giống như hư không. Nguyện cho các chúng sinh được nhục nhãn thanh tịnh thấy suốt hằng hà sa thế giới trong mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng của chư Phật chiếu khắp mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được con mắt vô ngại thảy đều thấy được Phật tánh thanh tịnh. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng đại trí phá tất cả sự tối tăm và Nhất-xiển-đề. Nguyện cho các chúng sinh đạt được vô lượng ánh sáng chiếu khắp vô lượng thế giới của chư Phật. Nguyện cho các chúng sinh thắp đèn Đại thừa, bỏ đèn Nhị thừa. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng diệt trừ vô minh tối tăm, công dụng chiếu sáng hơn một ngàn mặt trời. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng lớn diệt trừ những sự tối tăm của ba ngàn đại thiên thế giới. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ năm nhãn, ngộ được pháp tướng, thành vô sư trí. Nguyện cho các chúng sinh thấy rõ vô minh. Nguyện cho các chúng sinh đều được ánh sáng vi diệu Đại Bát Niết Bàn Đại thừa, nhằm khai ngộ Phật tánh chân thật của chúng sinh”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí đèn sáng thường phát thệ nguyện vững chắc như vậy.

Này thiện nam! Tất cả căn lành của hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật Như Lai đều lấy tâm Từ làm căn bản. Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập tâm Từ có thể sinh ra vô lượng căn lành như vậy. Đó là tu quán: Bất tịnh, hơi thở ra vào, vô thường sinh diệt, Bốn niệm xứ, Bảy phương tiện, Ba quán xứ, Mười hai nhân duyên, Vô ngã v.v… cùng với Pháp noãn, Pháp đảnh, Pháp nhẫn, Pháp thế đệ nhất, Kiến đạo, Tu đạo, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo, Bốn thiền, Bốn tâm vô lượng, Tám giải thoát, Tám thắng xứ, Mười nhất thiết nhập, Không, Vô tướng, Vô nguyên, Tam-muội Vô tránh, biết tha tâm trí và biết các thần thông, biết trí bản tế, trí Thanh văn, trí Duyên giác, trí Bồ-tát, trí Phật. Này thiện nam! Vì nghĩa đó nên Từ là chân thật, chẳng phải hư vọng. Nếu có người hỏi cái gì là căn bản của tất cả căn lành thì nên đáp chính là tâm Từ. Do nghĩa này cho nên tâm Từ là chân thật, chẳng phải hư vọng. Này thiện nam! Người có thể tạo căn lành gọi là thật tư duy, người thật tư duy gọi là Từ. Từ tức là Như Lai, Từ tức là Đại thừa. Đại thừa tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là đạo Bồ-đề, đạo Bồ-đề tức là Như Lai. Như Lai tức là Từ. Này thiện nam! Từ tức là Đại Phạm, Đại Phạm tức là Từ. Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ có thể vì tất cả chúng sinh mà làm cha mẹ. Cha mẹ tức là Từ, Từ chính là Như Lai. Này thiện nam! Từ không thể nghĩ bàn, cảnh giới chư Phật tức là Từ, nên biết Từ chính là Như Lai. Này thiện nam! Từ là Phật tánh của chúng sinh, Phật tánh ấy từ lâu bị phiền não che lấp, làm cho chúng sinh không thấy được. Phật tánh tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là Đại không, Đại không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là Hư không, Hư không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ là thường, thường tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là Lạc, Lạc tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là Tịnh, Tịnh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là Ngã, Ngã tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Này thiện nam! Từ tức là Cam lồ, Cam lồ tức là Từ, Từ tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như

Lai. Thiện nam! Từ tức là Đạo vô thượng của tất cả Bồ-tát, Đạo là Từ, Từ tức là Như Lai. Thiện nam! Từ tức là Vô lượng cảnh giới của chư Phật Thế Tôn, Vô lượng cảnh giới tức là Từ, nên biết Từ tức là Như Lai.

Này thiện nam! Từ nếu là vô thượng, vô thượng tức là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là khổ, khổ tức là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là bất tịnh, bất tịnh tức là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là vô ngã, vô ngã tức là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là vọng tưởng, vọng tưởng là Từ, thì nên biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ chẳng gọi là Bố thí Ba-la-mật, chẳng phải là Từ của Bố thí, nên biết đó là Từ của Thanh văn. Cho đến Bát- nhã Ba-la-mật cũng vậy.

Này thiện nam! Nếu Từ chẳng thể làm lợi ích cho chúng sinh, thì Từ như vậy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không vào đạo Nhất thừa, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không hiểu rõ các pháp, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không thể thấy tánh Như Lai, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ thấy các pháp đều có tướng, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là hữu lậu thì Từ hữu lậu ấy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là hữu vi thì Từ hữu vi ấy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ chẳng trụ bậc Sơ trụ, chẳng phải Từ Sơ trụ, thì nên biết Từ đó là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không thể được Mười lực của Phật Vô Sở Úy, thì nên biết Từ ấy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ không thể đạt được bốn quả Sa-môn, thì nên biết Từ ấy là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Nếu Từ là có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thì Từ như vậy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi chẳng thể nghĩ bàn được.

Này thiện nam! Nếu Từ chẳng thể nghĩ bàn được thì Pháp chẳng thể nghĩ bàn, Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ nơi Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, tu tâm Từ như vậy, tuy ở trong giấc ngủ mà chẳng ngủ, vì chuyên cần tinh tấn, tuy thường tỉnh thức cũng không tỉnh thức vì không hề ngủ nghỉ. Ở trong giấc ngủ chư Thiên tuy hộ vệ cũng không phải hộ vệ vì không làm việc ác, lúc ngủ không có ác mộng, không có điều chẳng lành, vì xa lìa ngủ nghỉ. Sau khi chết tuy được sinh vào cõi Phạm thiên nhưng cũng không có chỗ sinh, vì được tự tại.

Này thiện nam! Hễ người tu tâm Từ thì có thể thành tựu được vô lượng vô biên công đức như vậy.

Này thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như thế, chư Phật Như Lai cũng thành tựu vô lượng vô biên công đức cũng như vậy.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XVI

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 2

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tư duy của Đại Bồ-tát là chân thật, của Thanh văn và Duyên giác đều chẳng chân thật. Vì sao tất cả chúng sinh không nhờ oai lực của Bồ-tát để được an lạc? Nếu chúng sinh thật sự không an lạc, thì nên biết tâm từ mà Bồ-tát đã tu tập chẳng có gì lợi ích!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tâm từ của Bồ-tát là rất lợi ích. Này thiện nam! Có các chúng sinh nhất định thọ khổ, hoặc có chúng sinh chắc chắn không bị khổ. Chúng sinh nào nhất định thọ khổ thì tâm từ của Bồ-tát không có lợi ích, vì đó là hàng Nhất-xiển-đề. Nếu có chúng sinh không nhất định thọ khổ, thì tâm từ của Bồ-tát có lợi ích, vì khiến cho các chúng sinh đều được an vui. Này thiện nam! Ví như có người từ xa nhìn thấy sư tử, hổ, báo, chó sói, quỷ La-sát v.v… tự nhiên thấy sợ hãi, đi đêm thấy gốc cây cũng sợ hãi. Này thiện nam!

Những người thấy như vậy tự nhiên sợ hãi. Cũng như vậy, chúng sinh thấy người tu hành tâm từ, tự nhiên được an lạc. Này thiện nam! Vì ý nghĩa ấy, Bồ-tát tu hành tâm từ là tư duy chân thật, chẳng phải là không lợi ích. Này thiện nam! Ta nói tâm từ này có vô lượng môn, đó là thần thông. Này thiện nam! Như Đề-bà-đạt-đa bảo vua A-xà-thế làm hại Như Lai. Lúc ấy, Ta vào thành Vương-xá tuần tự khất thực, vua A-xà-thế liền thả voi say Hộ Tài để hại Ta và các đệ tử. Khi đó, voi say đạp chết vô lượng trăm ngàn chúng sinh. Chúng sinh chết mùi máu tanh bốc lên, voi ngửi thấy nên càng thêm hung tợn. Thấy Ta và chúng Tăng đều mặc y phục màu đỏ, voi tưởng là máu nên cứ xông thẳng đến. Các đệ tử chưa lìa dục nên chạy tứ tán, chỉ còn lại A-nan. Bấy giờ, tất cả dân chúng trong thành Vương-xá đồng cất tiếng kêu gào than khóc: “Quái lạ thay! Hôm nay Đức Như Lai sẽ nhập diệt mất, sao Đấng Chánh Giác chỉ trong phút chốc bị hại như thế!”. Đề-bà-đạt-đa thì vui mừng: “Sa-môn Cù- đàm bị hại chết thật là tốt, từ đây về sau không còn ở đời nữa. Thật là vui! Với kế này, ta được toại nguyện rồi!”. Này thiện nam! Bấy giờ, để điều phục voi Hộ Tài, Ta liền nhập định từ, duỗi cánh tay chỉ về phía voi. Lập tức, từ năm ngón tay xuất hiện năm con sư tử. Voi thấy sư tử nên rất sợ hãi, nó liền phục sát đất kính lễ dưới chân Ta. Này thiện nam! Nơi năm ngón tay của Ta bấy giờ thật ra không có sư tử, đó là do sức căn lành tu từ nên làm cho voi say được điều phục. Lại nữa, này thiện nam! Ta muốn nhập Niết-bàn nên khởi hành đi đến thành Câu-thi-na. Trên đường đi có năm trăm lực sĩ đang sửa sang dọn quét đường sá. Giữa đường có một tảng đá ai cũng muốn khiêng bỏ đi nhưng không nổi dù đã cố hết sức. Lúc ấy, Ta thương xót họ liền khởi tâm từ. Các lực sĩ thấy Ta dùng ngón chân cái hất tảng đá lớn văng lên hư không rồi lại dùng tay hứng lấy tảng đá đặt trên bàn tay phải, thổi tảng đá nát ra thành bụi rồi làm cho bụi kết lại thành tảng đá, làm cho tâm cao ngạo của các lực sĩ kia tiêu tan. Ta liền vì họ giảng nói sơ lược điều cốt yếu của giáo pháp, khiến cho họ đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc đó, Như Lai thật không dùng ngón chân để hất tảng đá văng lên hư không, và cũng không để tảng đá lên bàn tay phải, thổi nát thành bụi, và làm bụi kết lại thành tảng đá như cũ. Này thiện nam! Nên biết đó là nhờ sức căn lành của tâm từ khiến các lực sĩ thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Nước Nam Thiên Trúc này có một thành lớn tên là Thủ-ba-la. Trong thành ấy có vị trưởng giả tên là Lô Chí, làm người dẫn đường cho mọi người. Ông đã ở nơi vô lượng Phật đời quá khứ vun trồng các căn lành. Này thiện nam! Tất cả dân chúng trong thành ấy đều tin theo tà đạo, phụng sự phái Ni-kiền-tử. Lúc ấy, vì muốn hóa độ trưởng giả đó, Ta từ thành Vương-xá đi đến thành kia, đường đi từ Vương-xá đến đó dài sáu mươi lăm do-tuần, Ta đi bộ đến đó để hóa độ cho mọi người. Phái Ni-kiền-tử nghe Ta sắp đến thành Thủ-ba-la, liền nghĩ: “Nếu Sa-môn Cù-đàm đến đây thì dân chúng thành này sẽ không cung cấp cho chúng ta nữa, chúng ta khốn khổ lấy gì mà sống!”. Các Ni-kiền-tử chia ra, đi khắp nơi bảo với người trong thành: “Sa-môn Cù-đàm sắp đến đây. Sa-môn ấy từ bỏ cha mẹ, giong ruổi khắp nơi, ông ấy đến đâu thì ở địa phương đó mất mùa, dân chúng đói khát, nhiều người tử vong, bệnh dịch lây lan không thể cứu chữa. Cù-đàm vô lại, dắt theo toàn những quỷ thần La-sát hung ác làm tùy tùng. Những kẻ không mẹ, không cha, bần cùng, cô độc mới đến xin làm môn đồ ông ta. Những điều ông ta dạy toàn là hư vọng; ông ta đến nơi nào, nơi ấy chẳng được an vui”. Mọi người nghe xong đều rất sợ hãi, cúi đầu kính lễ sát chân Ni-kiền-tử thưa: “Thưa Đại sư! Hôm nay chúng tôi phải làm kế gì?”. Ni-kiền-tử bảo: “Sa-môn Cù-đàm tánh thích những chỗ có rừng cây, suối chảy, nước trong, ở ngoài thành nếu có thì các ông hãy phá hoại đi. Các ông hãy cùng nhau đi ra ngoài thành, đến những chỗ ấy đốn chặt hết, chớ bỏ sót, ở các sông, suối, giếng, hồ đều đem phân dơ rải xuống, đóng chặt cửa thành, mọi người trang bị vũ khí, đắp lũy phòng hộ rồi tự cố thủ. Giả sử ông ấy có đến thì không cho vào, ông ta không vào thì các ông mới an ổn. Chúng tôi cũng sẽ dùng các pháp thuật để làm cho Cù-đàm phải rút lui". Dân chúng thành ấy nghe những lời như thế rồi, vâng kính làm theo. Họ đốn hết cây cối, làm dơ bẩn các dòng nước và trang bị vũ khí, phòng hộ kiên cố. Này thiện nam! Bấy giờ, Ta đến thành ấy, chẳng thấy vườn rừng cây cối, chỉ thấy những người mang vũ khí đang phòng vệ trên thành. Thấy việc như vậy, Ta rất thương xót, liền hướng tới họ khởi tâm từ. Tất cả cây cối đều mọc lên như cũ, lại mọc lên nhiều cây khác không thể tính kể, nước trong các sông, suối, hồ, giếng đều sạch sẽ, trong vắt, tràn đầy, như lưu ly xanh, nhiều loại hoa phủ đầy mặt nước, thành quách đều biến thành lưu ly xanh biếc, dân chúng trong thành đều được thấy rõ Ta và đại chúng, cửa thành tự mở rộng ra không thể giữ nổi, các vũ khí đều biến thành nhiều loại hoa. Trưởng giả Lô Chí dẫn đầu dân chúng trong thành, cùng nhau đi đến chỗ Phật. Ta liền vì họ giảng nói những pháp cốt yếu, khiến cho tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy, thật sự Ta không hóa ra các loại cây cối và nước sạch tràn đầy sông hồ và cũng không biến thành ấy thành lưu ly xanh biếc, khiến dân chúng trong thành thấy rõ Ta, cửa thành tự mở và các vũ khí đều thành hoa. Này thiện nam! Nên biết đó đều là nhờ sức căn lành của tâm từ có thể khiến những người kia thấy được những việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Trong thành Xá-vệ, có một nàng Bà-la- môn tên là Bà-tư-tra, chỉ có một đứa con nên nàng rất yêu quý. Đứa bé bị bệnh chết, người mẹ vô cùng buồn rầu nên điên cuồng mất trí, lõa thân không biết xấu hổ, nàng lang thang khắp các nẻo đường, khóc la thất thanh: “Con ơi là con! Con bỏ mẹ đi đâu!”. Rồi lại đi khắp các thành ấp không biết mệt mỏi. Người mẹ này vào đời Phật quá khứ đã có gieo trồng cội rễ phước đức. Này thiện nam! Ta đối với người này khởi tâm từ. Lúc ấy, người mẹ liền thấy Ta tưởng là con mình, nàng tỉnh táo trở lại, chạy đến ôm Ta và âu yếm như với con mình. Khi ấy, Ta bảo thị giả A-nan: “Ông hãy đem y phục cho người phụ nữ này”. Cho y phục xong, Ta liền vì nàng ấy thuyết giảng các pháp yếu. Nàng nghe pháp xong vô cùng hoan hỷ và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy, thật sự Ta không phải là con của nàng ấy, nàng ấy cũng chẳng phải mẹ Ta và cũng không ôm Ta. Này thiện nam! Nên biết, đó đều là do sức căn lành của tâm từ đã khiến cho người phụ nữ ấy nhìn thấy những việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Ở nước Ba-la-nại có

Ưu-bà-di tên là Ma- ha-tư-na-đạt-đa, đã vun trồng các căn lành nơi vô lượng chư Phật thời quá khứ. Trong ba tháng hạ, Ưu-bà-di này xin cúng dường thuốc thang cho chư Tăng. Lúc ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo bị bệnh rất nặng, thầy thuốc xem mạch bảo là phải dùng thịt làm thuốc, nếu có thịt thì bệnh mới có thể lành, còn nếu không có thịt thì không thể bảo toàn tính mạng. Khi ấy, nghe thầy thuốc nói, Ưu-bà-di liền đem vàng ròng đến khắp chợ búa, làng xóm v.v… nói lớn: "Ai có thịt bán tôi sẽ mua bằng vàng, nếu có thịt thì sẽ đổi bằng với vàng". Tuy đã tìm khắp thành thị nhưng không có, Ưu-bà-di liền tự tay cầm dao cắt thịt nơi bắp vế của mình, đem nấu canh, bỏ gia vị vào rồi đem đến dâng cúng cho Tỳ- kheo bệnh. Vị Tỳ-kheo dùng xong liền được lành bệnh. Lúc ấy, do vết thương quá nặng nên Ưu-bà-di đau đớn, không thể chịu đựng được nữa, liền niệm: "Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà!". Bấy giờ, Ta đang ở tại thành Xá-vệ, nghe tiếng niệm kia, nên vì Ưu-bà-di ấy mà khởi tâm đại từ, vị Ưu-bà-di ấy liền thấy Ta đem thuốc đến đắp lên chỗ đau, vết thương lành lại như cũ. Ta liền vì Ưu-bà-di mà thuyết pháp. Ưu-bà-di nghe pháp xong, hoan hỷ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy, Ta thật sự không đem thuốc đến thành Ba-la- nại để đắp lên vết thương cho Ưu-bà-di kia. Này thiện nam! Nên biết đó đều là do năng lực căn lành của tâm từ đã khiến cho Ưu-bà-di ấy thấy sự việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Kẻ ác Điều-đạt tham lam không biết đủ, ăn nhiều váng sữa nên nhức đầu, đau bụng. Vì đau đớn, khổ sở không thể chịu đựng được nên phát ra lời như vầy: "Nam-mô Phật Đà! Nam- mô Phật Đà!". Khi ấy, Ta đang ở trong thành Ưu-thiền-ni, nghe tiếng đó liền phát khởi tâm từ. Bấy giờ, Điều-đạt liền thấy Ta đến chỗ của ông ta, lấy tay xoa đầu, xoa bụng và đưa thuốc muối cho uống, uống xong được bình phục. Này thiện nam! Ta thật sự không đến chỗ của Điều-đạt để xoa đầu, xoa bụng và đưa thuốc cho uống. Này thiện nam! Nên biết, đó đều là do sức căn lành của tâm từ đã khiến cho Điều-đạt thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Ở nước Kiều-tát-la có năm trăm giặc cướp, chúng kết thành bè đảng, ngang nhiên cướp bóc, làm hại rất nhiều. Vua Ba-tư-nặc lo lắng về hành động bạo ngược đó nên sai binh lính dò xét, vây bắt. Sau khi bắt được, vua liền ra lệnh khoét mắt, rồi đem thả trong rừng sâu. Bọn giặc cướp ấy đã trồng nhiều cội gốc công đức nơi Phật quá khứ, nên khi đã không còn mắt, chịu nhiều đau đớn, khốn khổ, liền đều xướng lên: "Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà! Hôm nay, chúng con không ai cứu giúp!". Họ gào khóc thê thảm. Khi ấy, Ta ở tại Tinh xá Kỳ Hoàn, nghe lời ấy rồi, phát sinh lòng từ. Lúc đó, có luồng gió mát thổi các loại thuốc thơm từ núi Hương đến đầy trong hốc mắt của họ, lập tức mắt họ trở lại như cũ không khác. Khi mở mắt, họ liền thấy Như Lai đứng trước mặt vì họ mà thuyết pháp. Bọn cướp ấy nghe pháp xong, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy, thật sự Ta không làm gió thổi các loại thuốc thơm từ núi Hương đến, cũng không đến trước họ để thuyết pháp. Này thiện nam! Nên biết đó đều là do sức căn lành của lòng từ đã khiến bọn cướp kia thấy những việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Vì ngu si nên thái tử Lưu Ly phế bỏ vua cha, tự lập làm vua, lại nhớ đến sự hiềm khích trước kia mà giết hại nhiều người dòng họ Thích, bắt một vạn hai ngàn phụ nữ dòng họ Thích, cắt tai, xẻo mũi, chặt đứt tay chân rồi xô họ xuống hầm. Những phụ nữ ấy rất khổ sở, họ bèn niệm: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà! Hiện nay chúng con không có ai cứu giúp”, rồi than khóc thảm thiết. Những phụ nữ này ở nơi Phật đời quá khứ gieo trồng các căn lành. Bấy giờ, Ta đang ở Tinh xá Trúc Lâm, nghe âm thanh của họ liền khởi lòng từ. Những người phụ nữ ấy lúc đó thấy Ta đến thành Ca-tỳ-la dùng nước rửa vết thương, dùng thuốc đắp vào vết thương, làm cho không còn đau đớn. Tai, mũi, tay, chân đều có lại như cũ. Ta liền nói pháp cốt yếu cho họ, khiến cho tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và đến nơi Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo xuất gia, thọ giới cụ túc. Này thiện nam! Lúc ấy, thật sự Như Lai không có đến thành Ca-tỳ-la, không dùng nước rửa vết thương và thoa thuốc làm cho hết đau đớn. Này thiện nam! Nên biết đó đều là nhờ sức căn lành của lòng từ khiến các phụ nữ ấy thấy những việc như vậy. Tâm bi và tâm hỷ cũng như vậy. Này thiện nam! Vì ý nghĩa ấy nên Đại Bồ-tát tu tư duy từ là chân thật, chẳng phải hư vọng. Này thiện nam! Những tâm vô lượng đều là không thể nghĩ bàn, sự tu hành của Bồ-tát không thể nghĩ bàn, sự hành hóa của chư Phật cũng không thể nghĩ bàn, kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa này cũng không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành tâm Từ, Bi, Hỷ rồi, được an trú ở địa Cực ái nhất tử (rất mực thương yêu con một). Này thiện nam! Vì sao địa ấy gọi là Cực ái nhất tử? Này thiện nam! Ví như cha mẹ thấy con mình an ổn thì rất vui mừng. Đại Bồ-tát an trú trong địa này cũng như vậy, xem các chúng sinh như con một, thấy họ tu hành điều lành nên rất hoan hỷ. Vì thế, địa này có tên là Cực ái (rất mực thương yêu). Này thiện nam! Ví như cha mẹ thấy con đau ốm thì họ rất lo buồn, thương yêu lo lắng, không một phút tạm rời. Đại Bồ-tát an trú trong địa này cũng như vậy, thấy các chúng sinh bị bệnh phiền não ràng buộc, Bồ-tát rất lo rầu thương tưởng như con, đến nỗi các lỗ chân lông trên thân đều rỉ máu. Vì vậy địa này có tên là Nhất tử (con một). Này thiện nam! Như đứa bé bốc đất tro, phân dơ, gạch đá, xương khô hoặc nhánh cây bỏ vào miệng, cha mẹ thấy vậy lo cho con bị bệnh, tay trái ôm đầu con, tay phải móc ra. Đại Bồ-tát an trú trong địa này cũng vậy, thấy pháp thân của các chúng sinh chưa tăng trưởng, lại tạo các nghiệp bất thiện về thân, khẩu, ý. Bồ-tát thấy vậy rồi liền dùng cánh tay trí tuệ cứu giúp cho họ, khiến họ thoát khỏi, không muốn cho họ bị trôi lăn trong sinh tử chịu các khổ não. Vì vậy, nên địa này lại có tên là Nhất tử. Này thiện nam! Ví như đứa con mà cha mẹ thương yêu bị chết đi, cha mẹ buồn khổ muốn cùng chết theo con. Bồ-tát cũng vậy, thấy hàng Nhất-xiển-đề bị đọa vào địa ngục, cũng nguyện cùng họ sinh vào địa ngục. Vì sao? Vì nếu hàng Nhất-xiển-đề trong lúc đang chịu khổ, chỉ sinh một tâm niệm hối cải, Bồ-tát sẽ vì họ giảng nói đủ các loại pháp khiến họ được sinh một niệm lành. Vì thế nên địa này lại có tên là Nhất tử. Này thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con, đứa con ấy thức ngủ, đi đứng, nằm ngồi v.v… cha mẹ luôn nhớ tưởng, nếu con có lỗi lầm thì cha mẹ khéo léo dạy dỗ chứ không ghét bỏ con. Đại Bồ-tát cũng như vậy, thấy các chúng sinh bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ hay ở trong cõi trời, người làm nhiều điều thiện, ác Bồ- tát luôn nhớ tưởng, không hề buông bỏ. Nếu có chúng sinh tạo nghiệp ác, Bồ-tát chẳng giận, chẳng ghét bỏ họ. Vì vậy nên địa này lại có tên là Nhất tử (con một).

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy lời lẽ sâu xa. Nay trí tuệ của con cạn cợt làm sao có thể hiểu được. Nếu các Bồ-tát trụ địa Nhất tử có thể được như thế, sao Như Lai thuở xưa làm vị quốc vương thực hành hạnh Bồ-tát lại giết hại ngần ấy thân mạng Bà-la-môn. Nếu đạt được địa này thì đáng lẽ phải hộ niệm, còn nếu không đạt được thì vì nhân duyên gì mà không bị đọa vào địa ngục? Nếu bình đẳng xem tất cả chúng sinh giống như con, tưởng như La-hầu-la, thì sao lại nói với Đề-bà-đạt-đa như vầy: “Ông là người ngu si, không biết hổ thẹn, ăn nước miếng, nước mủ của người khác”, khiến cho ông ta nghe rồi sân hận phát khởi tâm ác, hại thân Phật ra máu. Đề-bà-đạt-đa tạo nghiệp ác này rồi, Như Lai lại nói sẽ bị đọa vào địa ngục chịu tội trong một kiếp. Bạch Thế Tôn! Những lời như vậy sao lại không trái nghịch với nghĩa lý. Bạch Thế Tôn! Tôn giả Tu-bồ-đề trụ vào địa Hư không, phàm khi muốn vào thành khất thực trước hết cần phải quán sát mọi người, nếu có ai ganh ghét mình thì không đi, cho đến quá đói cũng không đi khất thực. Vì sao? Vì Tôn giả

Tu-bồ-đề thường nghĩ như vầy: "Nhớ lại thuở xưa, ta đối với ruộng phước phát khởi một niệm ác, do nhân duyên này mà bị đọa vào địa ngục lớn chịu đủ các khổ. Hôm nay, ta thà chịu đói cả ngày không ăn, quyết không làm cho họ khởi tâm ganh ghét đối với ta mà bị đọa vào địa ngục, chịu khổ não". Lại suy nghĩ: "Nếu có chúng sinh không muốn ta đứng thì ta sẽ ngồi yên suốt ngày không đứng dậy. Nếu có chúng sinh không muốn ta ngồi thì ta sẽ đứng suốt ngày không dời chỗ. Đi và nằm cũng vậy". Tôn giả Tu-bồ-đề vì cứu giúp chúng sinh mà còn khởi tâm như vậy, huống gì là Bồ-tát. Bồ-tát nếu đạt được địa Nhất tử thì sao Như Lai lại nói lời thô như vậy, khiến cho các chúng sinh khởi tâm cực ác?

–Này thiện nam! Nay ông không nên gạn hỏi như vầy: "Phật Như Lai tạo ra nhân duyên phiền não cho chúng sinh". Này thiện nam! Giả sử vòi con muỗi có thể hút hết nước tận đáy biển, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử làm cho mặt đất đều không còn màu sắc, nước thành tướng cứng, lửa thành tướng lạnh, gió thành tướng trụ, Phật tánh của Ba ngôi báu và cả hư không làm thành tướng vô thường, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử có người phạm bốn tội cực nặng và hạng Nhất-xiển- đề chê bai chánh pháp mà hiện tại được thành tựu mười lực, bốn vô úy, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử hàng Thanh văn và Phật-bích-chi v.v… mà thường trụ không biến đổi, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử hàng Bồ-tát Thập trụ mà phạm bốn tội cực nặng, làm hạng Nhất-xiển-đề chê bai chánh pháp, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử vô lượng chúng sinh diệt hết Phật tánh, Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Giả sử tung lưới lên có thể hứng được gió, răng có thể phá được sắt, móng tay có thể hủy hoại núi Tu-di, Như Lai cũng không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Thà cùng ở chung một chỗ với rắn độc, đưa hai tay của mình vào miệng sư tử đói, lấy than hồng để tắm rửa chứ không nên nói Như Lai Thế Tôn làm nhân duyên phiền não cho các chúng sinh. Này thiện nam! Như Lai thật sự có thể làm cho chúng sinh đoạn trừ phiền não, không bao giờ làm nhân duyên phiền não cho họ.

Này thiện nam! Như ông đã nói, thuở xưa, Như Lai đã giết hại Bà-la-môn. Này thiện nam!

Cho đến con kiến Đại Bồ-tát còn không cố ý giết huống là Bà-la-môn! Bồ-tát luôn dùng đủ mọi phương tiện để bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Này thiện nam! Phàm bố thí thức ăn tức là bố thí mạng sống. Đại Bồ-tát khi thực hành Bố thí Ba-la- mật, luôn bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Này thiện nam! Người giữ giới không sát sinh thì được sống lâu. Đại Bồ-tát khi thực hành Trì giới Ba-la-mật là ban vô lượng thọ mạng cho tất cả chúng sinh. Này thiện nam! Giữ miệng cẩn thận không lỗi lầm thì thọ mạng lâu dài. Đại Bồ-tát lúc thực hành Nhẫn nhục Ba-la-mật luôn khuyên chúng sinh đừng phát sinh tưởng oán ghét, đem những việc phải về người, những việc trái về mình, không tranh cãi thì thọ mạng lâu dài. Cho nên, Bồ-tát lúc thực hành Nhẫn nhục Ba-la-mật là đã bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Này thiện nam! Siêng năng tu tập hạnh lành thì được thọ mạng lâu dài. Đại Bồ-tát thực hành Tinh tấn Ba- la-mật luôn khuyên chúng sinh siêng năng tu tập pháp thiện. Chúng sinh thực hành xong thì được thọ mạng vô lượng. Cho nên, Bồ-tát lúc thực hành Tinh tấn Ba-la-mật là đã bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Này thiện nam! Người tu tập về nhiếp tâm thì được thọ mạng lâu dài. Đại Bồ-tát lúc thực hành Thiền Ba-la-mật luôn khuyên các chúng sinh tu tập tâm bình đẳng. Chúng sinh thực hành xong, liền được thọ mạng lâu dài. Cho nên, khi Bồ-tát thực hành Thiền Ba-la-mật là đã bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Này thiện nam! Đối với pháp thiện mà không buông lung thì được thọ mạng lâu dài. Đại Bồ-tát khi thực hành Trí tuệ Ba-la-mật, khuyên các chúng sinh không buông lung đối với các pháp thiện. Chúng sinh thực hành xong, nhờ nhân duyên này nên thọ mạng lâu dài. Cho nên, Bồ-tát khi thực hành Trí tuệ Ba-la-mật là đã bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sinh. Này thiện nam! Vì nghĩa này nên Đại Bồ-tát không bao giờ giết hại mạng sống của chúng sinh. Này thiện nam! Như vừa rồi ông hỏi, lúc giết hại Bà- la-môn, Ta có đạt được địa ấy không, thì Này thiện nam! Lúc đó Ta đã đạt được địa ấy (Cực ái nhất tử), vì lòng thương nên mới giết họ, không phải là tâm ác. Này thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất mực thương yêu, đứa con ấy phạm pháp luật nhà nước, tội rất nặng. Lúc ấy, vì quá sợ hãi nên cha mẹ hoặc đuổi, hoặc giết. Tuy cha mẹ đuổi hoặc giết nhưng không hề có tâm ác. Đại Bồ-tát hộ trì chánh pháp cũng như vậy, có chúng sinh nào chê bai Đại thừa, Bồ-tát liền dùng roi đánh thật đau để trị, hoặc giết chết, vì muốn làm cho họ hối cải trở lại tu tập pháp thiện. Bồ-tát thường phải tư duy như vầy: “Dùng nhân duyên gì để có thể khiến cho chúng sinh phát khởi lòng tin, tùy theo điều kiện thuận tiện của họ mà thực hành những việc cần thiết?”. Các Bà-la-môn sau khi chết bị đọa vào địa ngục A-tỳ, liền suy nghĩ ba việc: Một là tự suy nghĩ: “Ta từ nơi nào mà sinh vào đây?”, liền biết là từ trong loài người. Hai là tự suy nghĩ: “Nơi ta sinh ra là nơi nào?”, liền biết đây là địa ngục A-tỳ. Ba là tự suy nghĩ: “Do nghiệp duyên gì mà bị đọa vào đây?”, liền biết là do chê bai kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, không tin nhân duyên, bị nhà vua giết nên đọa vào đây. Suy nghĩ những việc như vậy rồi, họ liền phát sinh lòng kính tin đối với kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Sau khi chết, được sinh vào cõi nước của Như Lai Cam Lồ Cổ, sống lâu đủ mười kiếp. Này thiện nam! Do nghĩa này nên thuở xưa, Ta ban cho họ sống lâu mười kiếp, sao gọi là giết hại? Này thiện nam! Có người đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chặt thây chết, mắng nhiếc, đánh đập, do nhân duyên này bị đọa vào địa ngục không?

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu rõ ý nghĩa lời Phật dạy, thì người đó phải bị đọa vào địa ngục. Vì sao? Thuở xưa, như Phật nói pháp cho hàng Thanh văn: Này các Tỳ-kheo! Đối với các cây cỏ cháy rụi cũng đừng khởi tâm ác. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh do tâm ác nên bị đọa vào địa ngục.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói, nên khéo léo giữ gìn.

Này thiện nam! Nếu ai do tâm ác mà bị đọa vào địa ngục thì lúc đó Bồ-tát thật sự không có tâm ác. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh cho đến loài côn trùng, con kiến v.v… đều thương xót, làm cho họ được lợi ích. Vì sao? Vì Bồ-tát khéo léo biết rõ các nhân duyên phương tiện nên dùng sức phương tiện khiến cho chúng sinh gieo trồng các căn lành. Này thiện nam! Vì nghĩa này, nên lúc ấy Ta dùng phương tiện khéo léo, tuy giết hại họ nhưng chẳng có tâm ác. Này thiện nam! Theo phép tắc của Bà-la-môn, thì dù giết hại loài kiến đầy mười xe cũng không có tội báo, cho đến muỗi, ruồi, rận, rệp, mèo, chồn, sư tử, hổ, chó sói, gấu, các loại trùng độc, thú dữ và những loài có thể làm hại chúng sinh như: Quỷ thần, La-sát, Cưu-bàn-trà, Ca-la, Phú-đơn-na, điên cuồng, khô héo, các quỷ thần v.v…, nếu ai giết hại chúng đầy cả mười xe cũng không có tội báo, nếu giết người ác thì có tội báo. Sau khi giết, nếu không sám hối thì bị đọa làm ngạ quỷ; nếu sám hối, tuyệt thực ba ngày thì tội ấy hoàn toàn tiêu mất; nếu giết Hòa thượng, giết cha mẹ, người nữ, loài bò thì bị đọa vào địa ngục trong vô số ngàn năm. Này thiện nam! Chư Phật và Bồ-tát biết sát sinh có ba bậc, đó là hạ, trung và thượng. Bậc hạ là từ con kiến cho đến tất cả các loài súc sinh, chỉ trừ Bồ-tát thị hiện thọ sinh. Này thiện nam! Do nhân duyên nguyện lực nên Bồ-tát thị hiện làm súc sinh gọi là sát sinh bậc hạ. Vì nhân duyên sát sinh bậc hạ nên bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, chịu đủ các khổ bậc hạ. Vì sao? Vì các loài súc sinh có rất ít căn lành. Do đó, người sát sinh phải chịu đủ các tội báo gọi là sát sinh bậc hạ. Sát sinh bậc trung là từ người phàm phu đến A-na-hàm, đây gọi là sát sinh bậc trung. Do nghiệp nhân này nên bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, chịu đủ các khổ bậc trung, đây gọi là sát sinh bậc trung. Sát sinh bậc thượng là từ cha mẹ cho đến A-la-hán, Phật-bích-chi và Bồ-tát Bất thoái chuyển, đây gọi là bậc thượng. Do nghiệp duyên này nên bị đọa vào đại địa ngục A-tỳ, chịu đủ các khổ bậc thượng, gọi là sát sinh bậc thượng. Này thiện nam! Có người nào giết hại Nhất-xiển-đề thì không thuộc về ba bậc sát sinh này. Này thiện nam! Tất cả các Bà-la- môn kia đều là Nhất-xiển-đề. Ví như đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chặt thây chết, mắng nhiếc, đánh đập v.v… đều không có tội báo. Giết hại Nhất-xiển-đề cũng như vậy, không có tội báo. Vì sao? Vì các Bà-la-môn không có năm căn như Tín v.v… cho nên, tuy có sát hại họ nhưng vẫn không bị dọa địa ngục.

Này thiện nam! Lúc trước, ông đã nói Như Lai vì sao mắng Đề- bà-đạt-đa là người ngu si, ăn nước miếng. Ông cũng không nên hỏi như vậy.

Vì sao? Vì lời nói của chư Phật Thế Tôn là không thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Nếu có lời nói chân thật làm cho mọi người ưa thích, nhưng phi thời phi pháp không có lợi ích, những lời như vậy Ta không bao giờ nói. Này thiện nam! Nếu là lời nói thô tháo dối trá, phi thời phi pháp, người nghe không ưa thích, không có lợi ích, thì Ta cũng không nói. Này thiện nam! Nếu là lời nói tuy thô tháo nhưng chân thật không dối trá, đúng thời, đúng pháp, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, người nghe tuy không vui nhưng Ta cần phải nói lời ấy. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn Ứng Chánh Biến Tri biết rõ các phương tiện. Này thiện nam! Một thuở nọ, Ta ở nơi gốc cây trong một khu rừng tại thôn Khoáng dã, có một con quỷ tên là Khoáng dã, chỉ toàn ăn thịt uống máu giết hại nhiều người. Mỗi ngày con quỷ này ăn một người. Này thiện nam! Bấy giờ, vì con quỷ, Ta nói những điều cốt yếu của pháp, nhưng vì nó hung ác, ngu si không có trí tuệ, nên không lãnh thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân làm quỷ có oai lực lớn, khiến cho cung điện của nó chấn động, không an ổn. Khi ấy, quỷ Khoáng dã cùng với quyến thuộc ra khỏi cung điện, muốn đến chống cự. Khi quỷ Khoáng dã thấy Ta, liền thất kinh, hoảng sợ, ngất xỉu ngã xuống đất, giống như người chết. Bằng tâm từ bi, Ta lấy tay xoa lên thân quỷ, nó liền tỉnh lại, đứng dậy nói như vầy:

“May mắn thay! Hôm nay, ta được sống lại! Vị đại thần vương này có đầy đủ oai đức lớn, có tâm từ bi nên tha thứ tội lỗi của ta”. Quỷ Khoáng dã phát sinh lòng tin lành đối với Ta. Ta liền hiện lại thân Như Lai, lại vì chúng mà nói những điều cốt yếu của pháp Phật, làm cho các quỷ thần kia lãnh thọ giới không sát sinh. Ngay trong ngày đó, ở thôn Khoáng dã, có một trưởng giả đáng lẽ đến lượt phải chết, mọi người trong thôn đem ông ta đến giao cho quỷ. Quỷ Khoáng dã nhận được liền đem đến cúng cho Ta. Sau khi nhận xong, Ta đặt tên cho trưởng giả là trưởng giả Thủ. Bấy giờ, quỷ Khoáng dã thưa với Ta: “Bạch Thế Tôn! Con và quyến thuộc chỉ nhờ máu thịt để nuôi mạng sống, nay đã thọ giới thì nên lấy gì để nuôi sống?”. Ta liền bảo: “Từ nay, Ta sẽ bảo hàng đệ tử Thanh văn, ở nơi nào có người tu hành theo pháp Phật đều bố thí đồ ăn thức uống cho các ngươi”. Này thiện nam! Vì nhân duyên này nên Ta chế giới cho các Tỳ-kheo như vầy: “Từ nay các ông phải luôn bố thí thức ăn cho quỷ Khoáng dã. Nếu ở nơi nào không bố thí, nên biết chúng ấy chẳng phải là đệ tử của Ta, mà là bè đảng, quyến thuộc của Thiên ma”. Này thiện nam! Vì muốn điều phục chúng sinh nên Như Lai thị hiện đủ các loại phương tiện như vậy chứ chẳng phải cố ý làm cho họ sợ hãi. Này thiện nam! Ta cũng lấy cây đánh quỷ Hộ Pháp. Lại có một hôm ở trên ngọn núi, Ta đã xô quỷ Dương Đầu rớt xuống núi. Lại ở trên ngọn cây, Ta đã xô ngã quỷ Hộ Di Hầu. Làm cho voi Hộ Tài thấy năm con sư tử. Sai thần Kim Cương làm cho Tát-giá-ni-kiền sợ hãi. Cũng lấy kim đâm vào thân quỷ Tiễn Mao. Tuy làm như vậy nhưng cũng không làm cho các quỷ thần kia bị chết, mà chỉ muốn khiến cho chúng an trụ nơi chánh pháp, nên thị hiện đủ các phương tiện như vậy. Này thiện nam! Bấy giờ, Ta thật sự không la mắng Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa cũng chẳng ngu si, ăn nước miếng, nước mũi của người khác, không bị đọa vào địa ngục A-tỳ, trong cõi ác chịu tội một kiếp, không phá hoại chúng Tăng, làm thân Phật chảy máu, chẳng phạm bốn tội cực nặng, chẳng chê bai chánh pháp và kinh điển Đại thừa, chẳng phải Nhất-xiển-đề, cũng chẳng phải Thanh văn hay Phật-bích-chi. Này thiện nam! Đề-bà-đạt-đa thật sự chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác biết được, chỉ có chư Phật mới có thể thấy, biết được. Này thiện nam! Do đó nay ông không nên gạn hỏi: “Sao Đức Như Lai lại quở trách, la mắng Đề-bà- đạt-đa?”. Đối với cảnh giới của chư Phật, ông không nên phát sinh lưới nghi như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như mía đem nấu liên tục thì được đủ loại vị. Con cũng như vậy, theo Phật thường nghe được nhiều pháp vị, đó là vị xuất gia, vị lìa dục, vị tịch diệt, vị đạo. Bạch Thế Tôn! Ví như vàng ròng đem nung lâu nóng chảy, tôi luyện trở nên sáng sạch, điều hòa mềm dẻo, màu sắc sáng loáng, rực rỡ, giá trị khó đo lường được, về sau mới là vật báu mà hàng trời người quý trọng. Bạch Thế Tôn! Như Lai cũng như vậy, trịnh trọng thưa hỏi thì được nghe, hiểu ý nghĩa sâu xa, khiến người tu hành lãnh thọ, kính giữ để thực hành, vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, về sau mới được hàng trời người tôn trọng, cung kính cúng dường.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Đại Bồ-tát vì muốn làm lợi ích cho các chúng sinh nên thưa hỏi Như Lai nghĩa lý sâu xa như vậy. Này thiện nam! Vì ý nghĩa này nên Ta tùy theo ý ông mà giảng nói pháp Đại Thừa Phương Đẳng bí mật, sâu xa gọi là địa Cực ái nhất tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hàng Bồ-tát tu tập Từ, Bi, Hỷ thì đạt được địa Nhất tử, còn khi tu tâm Xả thì đạt được địa nào?

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông thật khéo biết đúng thời, biết Ta muốn nói nên ông mới thưa hỏi! Đại Bồ-tát lúc tu tâm Xả thì được trụ vào Bình đẳng không, như Tu-bồ-đề.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ vào địa Bình đẳng không thì không còn thấy có cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, họ hàng, bạn bè, kẻ oán hoặc người không thân không oán, cho đến không còn thấy các ấm, giới, nhập, chúng sinh và thọ mạng. Này thiện nam! Ví như hư không, không có cha mẹ, anh em, vợ con v.v… cho đến không có chúng sinh, thọ mạng. Tất cả các pháp cũng như vậy, không có cha mẹ v.v… cho đến thọ mạng. Đại Bồ-tát thấy tất cả các pháp cũng như vậy, tâm của Bồ-tát bình đẳng như hư không kia. Vì sao? Vì Bồ-tát khéo tu tập các pháp không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là không?

–Này thiện nam! “Không” nghĩa là Nội không, Ngoại không, Nội ngoại không, Hữu vi không, Vô vi không, Vô thỉ không, Tánh không, Vô sở hữu không, Đệ nhất nghĩa không, Không không và Đại không.

Đại Bồ-tát quán nội không như thế nào? Đại Bồ-tát này quán pháp bên trong là không. Pháp bên trong là không, nghĩa là không cha mẹ, kẻ oán người thân, không oán không thân, chúng sinh, thọ mạng, thường, lạc, ngã, tịnh, Như Lai, Pháp, Tăng và tất cả tài sản. Trong nội pháp này tuy có Phật tánh nhưng Phật tánh này chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì sao? Vì Phật tánh là thường trụ, không biến đổi. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán về nội không. Ngoại không cũng như vậy, không có nội pháp. Nội ngoại không cũng như vậy. Này thiện nam! Chỉ có Như Lai, Pháp, Tăng và Phật tánh là không ở nơi hai loại không. Vì sao? Vì bốn pháp như vậy là thường, lạc, ngã, tịnh, nên bốn pháp đó chẳng gọi là không. Đó gọi là nội ngoại đều không. Này thiện nam! Hữu vi không nghĩa là các pháp hữu vi đều là không, đó là nội không, ngoại không, nội ngoại không, thường, lạc, ngã, tịnh không, chúng sinh, thọ mạng, Như Lai, pháp, Tăng và Đệ nhất nghĩa không. Trong đó, Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi, cho nên Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi không. Đó là hữu vi không. Này thiện nam! Đại Bồ-tát quán vô vi không như thế nào? Pháp vô vi ấy đều là không, đó là không có vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, ấm, giới, nhập, tướng chúng sinh, thọ mạng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp và ngoại pháp. Trong pháp vô vi, bốn pháp: Phật v.v… chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi. Vì tánh là thiện nên chẳng phải vô vi, tánh thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đó gọi là Bồ-tát quán vô vi không. Đại Bồ-tát quán vô thỉ không như thế nào? Đại Bồ-tát này thấy sinh tử vô thỉ đều vắng lặng. Gọi là không nghĩa là thường, lạc, ngã, tịnh thảy đều vắng lặng, không hề biến đổi. Chúng sinh, thọ mạng, Tam bảo, Phật tánh và pháp vô vi cũng vậy. Đó gọi là Bồ-tát quán vô thỉ không. Bồ-tát quán tánh không như thế nào? Đại Bồ-tát này quán bản tánh của tất cả các pháp đều là không, đó là các pháp: ấm, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Quán tất cả các pháp như vậy mà không thấy có bản tánh, đó gọi là Đại Bồ-tát quán tánh không. Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không như thế nào? Như người không có con nói nhà cửa là rỗng không, quán không rốt ráo thì không có thân yêu. Người ngu si cho các phương là không, người bần cùng nói tất cả là không; những kiến chấp như vậy là hoặc không, hoặc chẳng phải không. Khi Bồ-tát quán như người bần cùng cho là tất cả đều không, thì gọi là Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không. Đại Bồ-tát quán Đệ nhất nghĩa không như thế nào? Này thiện nam! Khi Đại Bồ-tát quán Đệ nhất nghĩa không, biết là mắt này lúc sinh không từ đâu đến và lúc diệt cũng không đi về đâu, vốn là không nay lại có, đã có trở lại không, suy xét thật tánh của nó thì không có mắt, không có chủ tể, như mắt đã không tánh thì tất cả các pháp cũng như vậy. Những gì gọi là Đệ nhất nghĩa không? Có nghiệp, có quả báo, không thấy có người tạo tác, pháp không như vậy gọi là Đệ nhất nghĩa không. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán Đệ nhất nghĩa không. Đại Bồ-tát quán Không không như thế nào? Trong Không không này, chính là chỗ mê lầm, chìm đắm của hàng Thanh văn và Phật-bích-chi v.v… Này thiện nam! Là có, là không, đó gọi là Không không; là phải, chẳng phải là phải, đó gọi là Không không. Này thiện nam! Đối với pháp này, hàng Bồ-tát Thập trụ còn thông đạt chỉ phần nhỏ giống như vi trần, huống gì là những người khác. Này thiện nam! Không không như vậy, cũng chẳng giống với Tam-muội Không không mà hàng Thanh văn chứng đắc. Đó là Bồ-tát quán về Không không. Này thiện nam! Đại Bồ-tát quán Đại không như thế nào? Này thiện nam! Nói Đại không nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật, đó gọi là Đại không. Này thiện nam! Đại Bồ-tát chứng đắc các pháp môn về không như vậy thì được trụ nơi Địa Hư không đẳng (ngang bằng với hư không). Này thiện nam! Nay Ta ở trong đại chúng này, khi thuyết giảng về các nghĩa của không như vậy, có mười hằng hà sa Đại Bồ-tát liền được trụ ở địa Hư không đẳng. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở địa này rồi, đối với tất cả các pháp không bị chướng ngại, ràng buộc, chấp thủ, tâm không mê mờ. Vì nghĩa này nên gọi là địa Hư không đẳng. Này thiện nam! Ví như hư không đối với sắc đáng ưa không hề tham đắm, đối với sắc không đáng ưa cũng không hề sân hận. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, đối với sắc đẹp, tâm xấu cũng không hề tham đắm hay sân hận. Này thiện nam! Ví như hư không rộng lớn vô cùng, có thể dung chứa hết tất cả các vật. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, rộng lớn vô cùng, có thể dung chứa được hết tất cả các pháp. Do nghĩa này nên lại được gọi là địa Hư không đẳng.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ trong địa này, đối với tất cả các pháp đều thấy, đều biết, hoặc hành, hoặc duyên, hoặc tánh, hoặc tướng, hoặc nhân, hoặc duyên, hoặc tâm chúng sinh, hoặc căn, hoặc thiền định, hoặc thừa, hoặc thiện tri thức, hoặc thọ trì giới cấm, hoặc đối tượng bố thí. Tất cả các pháp như vậy, Bồ-tát ấy đều thấy, đều biết. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ trong địa này biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết? Biết phương pháp nhịn đói, nhảy xuống vực sâu, chạy vào lửa, tự nhảy xuống từ ngọn núi cao, luôn đứng co một chân, năm thứ nóng đốt thân, luôn nằm trên tro, đất, gai góc, lá cây đan lại, cỏ gai, phân bò, mặc y phục bằng gai thô xấu vứt bỏ trong gò mả, áo lông phấn tảo, áo vải thô khâm-bà-la, da nai, da hươu, áo quần bằng cỏ khô, ăn rau, ăn cỏ, ngó sen, rễ cây, cặn dầu, phân bò, quả, củ. Nếu đi khất thực thì chỉ giới hạn trong một nhà, nếu chủ nhà nói không có thì liền đi ngay. Giả sử họ có kêu trở lại cũng không bao giờ nhìn lại. Không ăn muối, thịt và năm loại làm từ sữa bò, chỉ luôn uống nước trấu, nước nóng, nước sôi, giữ giới bò, giới chó, giới gà, giới trĩ; lấy tro trét lên thân, để tóc dài làm tướng; khi đem dê để cúng tế, trước chú nguyện sau đó đem giết; thờ lửa bốn tháng, hớp gió bảy ngày, đem trăm ngàn ức hoa cúng dường chư Thiên, cho là những điều mong muốn nhờ đây được thành tựu. Các pháp như vậy mà có thể làm nhân giải thoát vô thượng, điều này không thể có. Đó gọi là biết. Thế nào là chẳng thấy? Đại Bồ-tát không thấy một người nào thực hành các pháp như vậy mà được giải thoát chân chánh. Đó gọi là chẳng thấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng thấy cũng biết. Thấy những việc gì? Thấy các chúng sinh tu theo pháp như thế chắc chắn bị đọa vào địa ngục. Đó gọi là thấy. Thế nào là biết? Biết các chúng sinh ra khỏi địa ngục được sinh trong loài người, nếu có thể tu hành Bố thí Ba-la-mật, cho đến đầy đủ các Ba-la-mật thì người ấy chắc chắn đạt được giải thoát chân chánh. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng có thể vừa thấy vừa biết. Thế nào là thấy? Thấy thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Đó gọi là thấy. Thế nào là biết? Biết các Đức Như Lai chắc chắn không nhập Niết-bàn hoàn toàn, biết thân Như Lai là kim cương, không hư hoại, chẳng phải là thân do phiền não tạo thành, lại chẳng phải là thân nhơ uế, tan rã. Lại biết được tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng có thể vừa biết vừa thấy. Thế nào là biết? Biết chúng sinh này có lòng tin vững chắc, biết chúng sinh này cầu pháp Đại thừa. Người này là thuận dòng, người này là ngược dòng, người này an trụ chánh pháp, biết chúng sinh này đã đến bờ kia. Người thuận dòng gọi là hạng phàm phu. Người ngược dòng là từ Tu-đà-hoàn cho đến Duyên giác. Người an trụ nơi chánh pháp là các hàng Bồ-tát.

Bậc đã đến bờ kia gọi là Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Đó gọi là biết. Thế nào là thấy? Đại Bồ-tát an trụ nơi kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa, tâm hành phạm hạnh, dùng Thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sinh tạo ba nghiệp ác thân, miệng, ý, bị đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; thấy các chúng sinh tu nghiệp thiện, sau khi chết được sinh vào chư Thiên, loài người, thấy các chúng sinh từ nơi tối tăm vào nơi tối tăm, có các chúng sinh từ trong tối tăm ra nơi ánh sáng, có các chúng sinh từ nơi ánh sáng vào chỗ tối tăm, có các chúng sinh từ nơi ánh sáng vào nơi ánh sáng. Đó gọi là thấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại có thể vừa biết vừa thấy. Đại Bồ-tát biết các chúng sinh tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ, biết hiện tại người này đã tạo các nghiệp ác, hoặc do tham dục, sân hận, ngu si, do những nghiệp này nên chắc chắn bị đọa vào địa ngục thọ báo, còn những người này nhờ tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên hiện tại chỉ chịu quả báo nhẹ, không bị đọa vào địa ngục. Vì sao nghiệp này lại có thể nhận lấy quả báo trong hiện tại? Vì phát lồ sám hối các việc ác đã tạo, sau khi sám hối xong, không bao giờ dám tái phạm. Vì biết hổ thẹn, cúng dường Tam bảo, luôn tự trách mình nên người này nhờ nhân duyên nghiệp thiện ấy mà không bị đọa vào địa ngục, hiện tại chịu quả báo như: nhức đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, bị chết vì hoạn nạn, bị quở trách, mắng nhiếc, bị đánh đập, bị nhốt, bị trói, đói khát khốn khổ, biết đời này chịu những quả báo nhẹ như vậy, đó gọi là biết. Thế nào là thấy? Đại Bồ-tát thấy người như vậy, không thể tu tập về thân, giới, tâm, tuệ, tạo ít nghiệp ác. Do nhân duyên của nghiệp ấy đáng lẽ đời này chịu quả báo nhưng người này tạo ít nghiệp ác mà không hề sám hối, không tự trách mình, không biết hổ thẹn, cũng không sợ hãi, nên nghiệp ác tăng trưởng phải chịu quả báo nơi địa ngục, đó gọi là thấy. Lại có biết mà không thấy. Thế nào là biết mà không thấy? Biết các chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng bị các phiền não che lấp nên không thể thấy được. Đó gọi là biết mà không thấy. Lại có biết mà thấy ít. Đại Bồ-tát Thập trụ biết các chúng sinh đều có Phật tánh, thấy mà không rõ ràng. Giống như đêm tối nên không thấy rõ. Lại cũng có thấy, có biết. Đó là chư Phật Như Lai vừa thấy vừa biết. Lại cũng có thấy có biết, không thấy không biết. Cũng thấy cũng biết, nghĩa là thấy biết tất cả văn tự, ngôn ngữ, nam nữ, xe cộ, bình chậu, nhà cửa, thành ấp, y phục, đồ ăn thức uống, núi sông, vườn rừng, chúng sinh và thọ mạng trong thế gian. Đó gọi là cũng thấy cũng biết. Thế nào là không thấy không biết? Lời nói bí mật vi diệu của Thánh nhân là không có nam nữ cho đến vườn rừng v.v… Đó gọi là không thấy không biết. Lại có biết mà không thấy. Biết vật bố thí, biết nơi cúng dường, biết người nhận, biết nhân duyên quả báo, đó gọi là biết. Thế nào là chẳng thấy? Chẳng thấy vật bố thí, nơi cúng dường, người nhận và quả báo, đó gọi là chẳng thấy. Cái biết của Đại Bồ-tát có tám loại, tức là cái biết bằng năm nhãn của Như Lai.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XVII

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 3

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát có thể biết như thế thì được những lợi ích gì?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu Bồ-tát có thể biết như vậy, thì đạt được bốn vô ngại là: Pháp vô ngại, Nghĩa vô ngại, Từ vô ngại, Nhạo thuyết vô ngại. Pháp vô ngại là biết tất cả các pháp và danh tự của pháp. Nghĩa vô ngại là biết tất cả nghĩa của pháp, có thể tùy theo danh tự đã đạt của pháp mà giảng nghĩa. Từ vô ngại là giảng luận theo danh tự, giảng luận theo chánh âm, giảng luận về pháp cú, giảng luận về sự biện luận ở đời. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát khi diễn nói không có chướng ngại, không thể lay chuyển, không sợ hãi, khó có thể bẻ gãy. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát có thể thấy biết như vậy, mà như vậy thì liền đạt được bốn trí vô ngại như trên. Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là Đại Bồ-tát có thể biết hết các pháp của hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật. Nghĩa vô ngại là, Thừa tuy có ba bậc, nhưng biết quy về chỉ một mà thôi, không bao giờ cho rằng có tướng sai khác. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát ở trong một pháp đặt ra nhiều tên, trải qua vô lượng kiếp nói cũng không hết được. Hàng Thanh văn, Duyên giác mà có thể nói được như vậy thì điều này không thể có. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp vì tất cả chúng sinh giảng nói các pháp. Hoặc tên gọi, hoặc nghĩa lý, có rất nhiều loại giảng nói sai khác không thể cùng tận.

Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết tất cả các pháp nhưng không chấp trước. Nghĩa vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết các nghĩa lý nhưng không chấp trước. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết danh tự nhưng không chấp trước. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ- tát tuy biết Nhạo thuyết tối thượng như vậy nhưng cũng không hề chấp trước. Vì sao? Này thiện nam! Vì nếu còn chấp trước thì chẳng gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát không chấp trước thì chẳng biết pháp, nếu biết pháp thì phải chấp trước, nếu biết mà không chấp trước thì không biết gì. Vậy sao Như Lai nói, biết pháp mà không chấp trước?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phàm chấp trước thì không gọi là vô ngại. Không chấp trước mới gọi là vô ngại. Này thiện nam! Vì vậy tất cả Bồ- tát nếu có chấp trước thì không gọi là vô ngại, nếu không vô ngại thì không gọi là Bồ-tát. Nên biết người như vậy gọi là phàm phu. Vì sao có chấp trước gọi là phàm phu? Vì tất cả các phàm phu ai cũng đều chấp trước sắc cho đến chấp trước thức. Vì còn chấp trước sắc nên sinh tâm tham lam, vì sinh tâm tham lam nên bị sắc trói buộc, cho đến bị thức trói buộc. Vì bị trói buộc nên không thể thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, đại khổ và tất cả các phiền não. Vì vậy còn chấp trước gọi là phàm phu. Do nghĩa này cho nên tất cả các phàm phu không có được bốn pháp vô ngại. Này thiện nam! Đại Bồ-tát đã ở nơi vô lượng vô số kiếp thấy, biết tất cả các pháp tướng. Nhờ có thấy, biết nên biết được nghĩa này. Do thấy các pháp tướng và biết nghĩa lý nên đối với sắc không bị trói buộc, cho nên đối với thức cũng lại như vậy. Do không chấp trước, cho nên Bồ-tát đối với sắc không sinh tâm tham đắm, cho đến đối với thức cũng chẳng tham đắm. Bởi vì không tham nên chẳng bị sắc trói buộc, cho đến chẳng bị thức trói buộc. Vì không bị trói buộc nên được thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, đại khổ và tất cả các phiền não. Do nghĩa này nên tất cả Bồ-tát có được bốn pháp vô ngại.

Này thiện nam! Do nhân duyên này trong Mười hai bộ loại kinh văn, Như Lai vì hàng đệ tử mà nói, người nào chấp trước thì người ấy gọi là bị ma trói buộc, nếu người nào không còn chấp trước thì người ấy thoát khỏi sự trói buộc của ma. Ví như trong đời, người nào có tội thì bị vua bắt trói. Đại Bồ-tát cũng như vậy, người chấp trước thì bị ma trói buộc, người không chấp trước thì ma không trói buộc được. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát không có chấp trước.

Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là Đại Bồ-tát khéo biết danh tự, giữ gìn không quên sót, nghĩa là giữ gìn như đất, như núi, như con mắt, như đám mây, như người, như mẹ; tất cả các pháp cũng lại như vậy. Nghĩa vô ngại là Bồ-tát tuy biết danh tự của các pháp nhưng không biết nghĩa, nếu biết sự vô ngại của nghĩa thì biết nghĩa. Thế nào là biết nghĩa? Sự bảo trì của đất là, như đất bảo trì khắp tất cả chúng sinh và phi chúng sinh, do nghĩa này nên gọi đất là bảo trì. Này thiện nam! Sự bảo trì của núi là, Đại Bồ-tát lại suy nghĩ: Sao gọi là sự bảo trì của núi? Vì núi có thể bảo trì được đất làm cho không nghiêng đổ chấn động, nên gọi là bảo trì. Sao lại gọi là sự bảo trì của mắt? Vì mắt có thể giữ lấy ánh sáng, nên gọi là bảo trì. Sao gọi là sự bảo trì của mây? Vì mây gọi hơi của rồng, hơi của rồng bảo trì được nước, nên gọi là sự bảo trì của mây. Sao gọi là sự bảo trì của người? Vì người có thể bảo trì được chánh pháp và phi pháp, nên gọi là sự bảo trì của người. Sao gọi là sự bảo trì của mẹ? Vì mẹ có thể bảo trì con cái, nên gọi là sự bảo trì của mẹ. Cũng vậy, Đại Bồ-tát là bậc biết tất cả danh tự, câu cú và nghĩa lý của các pháp

Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát dùng đủ thứ ngôn ngữ để diễn nói một nghĩa, cũng không có nghĩa. Giống như những danh từ nam nữ, nhà cửa, xe cộ, chúng sinh v.v… Vì sao gọi là vô nghĩa? Này thiện nam! Vì luận về nghĩa tức là cảnh giới của chư Phật và Bồ-tát, còn ngôn từ tức là cảnh giới của hàng phàm phu. Do biết nghĩa nên được Từ vô ngại.

Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát biết từ, biết nghĩa, nên đối với vô lượng vô số kiếp nói từ, nói nghĩa cũng không thể cùng tận. Đó gọi là Nhạo thuyết vô ngại. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong vô lượng vô biên vô số kiếp tu hành thế đế, nhờ sự tu hành này nên biết pháp vô ngại. Lại ở trong vô lượng vô số kiếp tu hành Đệ nhất nghĩa đế nên đạt được nghĩa vô ngại. Cũng ở trong vô lượng vô số kiếp tu tập luận Tỳ- dà-la-na nên được Từ vô ngại, cũng ở trong vô lượng vô số kiếp tu tập luận thuyết về thế đế nên đạt được Nhạo thuyết vô ngại. Này thiện nam! Hàng Thanh văn, Duyên giác nếu có được bốn vô ngại, thì đó là điều không thể có.

Này thiện nam! Trong chín bộ loại kinh văn Như Lai nói hàng Thanh văn, Duyên giác có bốn vô ngại, nhưng hàng Thanh văn, Duyên giác thật sự không có. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát muốn cứu độ chúng sinh nên tu tập bốn trí vô ngại như vậy. Hàng Duyên giác tu pháp tịch diệt nên ưa thích ở một mình, nếu hóa độ chúng sinh thì chỉ thị hiện thần thông, suốt ngày yên lặng, không thể thuyết pháp thì làm sao đạt được bốn trí vô ngại. Sao gọi là yên lặng không thuyết pháp? Hàng Duyên giác không thể thuyết pháp cứu độ mọi người, không thể khiến họ đạt được pháp Noãn, pháp Đảnh, pháp Nhẫn, pháp Thế đệ nhất, Tu-đà- hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi và Đại Bồ-tát, không thể khiến người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Này thiện nam! Khi hàng Duyên giác ra đời, ở thế gian không có chín bộ loại kinh văn. Do đó hàng Duyên giác không có Từ vô ngại và Nhạo thuyết vô ngại. Này thiện nam! Hàng Duyên giác tuy biết hết các pháp nhưng không đạt được pháp vô ngại. Vì sao? Vì pháp vô ngại gọi là biết văn tự. Hàng Duyên giác tuy biết văn tự nhưng không đạt được Từ vô ngại. Vì sao? Vì không biết hai chữ “thường trụ”, cho nên hàng Duyên giác không đạt được pháp vô ngại, tuy biết nghĩa nhưng không đạt được Nghĩa vô ngại. Người thật sự biết nghĩa là thật sự biết các chúng sinh đều có Phật tánh. Nghĩa Phật tánh gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên hàng Duyên giác không đạt được Nghĩa vô ngại. Thế nên tất cả hàng Duyên giác không có được Bốn trí vô ngại. Sao hàng Thanh văn không có Bốn trí vô ngại? Vì hàng Thanh văn không có ba loại phương tiện thiện xảo. Ba loại ấy là gì? Một là cần phải nói lời dịu dàng, sau đó mới trao truyền giáo pháp. Hai là cần phải nói lời thô tháo, sau đó mới giáo hóa. Ba là nói lời không dịu dàng, không thô tháo, sau đó mới giáo hóa. Vì hàng Thanh văn không có ba loại này nên không đạt được Bốn vô ngại. Lại nữa, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết tường tận về từ và nghĩa, không có trí tự tại và biết rõ các cảnh giới, không có Mười lực, Bốn vô sở úy, không thể rốt ráo vượt qua biển cả Mười hai nhân duyên, không thể khéo biết những căn tánh nhạy bén hay chậm lụt khác nhau của chúng sinh, chưa thể đoạn trừ tâm nghi ngờ đối với hai đế, cũng chẳng biết các loại cảnh giới của đối tượng duyên nơi tâm của chúng sinh, không thể nói giảng nói hoàn hảo về Đệ nhất nghĩa không. Do đó hàng Nhị thừa không có Bốn trí vô ngại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các hàng Thanh văn, Duyên giác đều không có Bốn trí vô ngại thì sao Thế Tôn lại nói: “Tôn giả Xá-lợi-phất là trí tuệ bậc nhất. Tôn giả Mục-kiền-liên là thần thông bậc nhất. Ma- ha Câu-hy-la là có Bốn vô ngại bậc nhất”. Nếu những vị này không có Bốn vô ngại thì sao Như Lai lại nói như thế?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Giống như sông Hằng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Tân-đầu cũng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Bác-xoa cũng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Tất-đà cũng có nước nhiều vô lượng, ao Vô nhiệt não cũng có nước nhiều vô lượng. Như vậy các dòng nước tuy giống nhau là nhiều vô lượng, nhưng lượng nước nhiều hay ít của nó thật sự không bằng nhau. Bốn trí vô ngại của hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát cũng lại như vậy. Này thiện nam! Nếu nói bằng nhau thì đó là điều không thể có. Này thiện nam! Ta vì hàng phàm phu mà nói Bốn trí vô ngại của Ma-ha Câu-hy-la là bậc nhất; điều mà ông hỏi, ý nghĩa là như vậy. Này thiện nam! Hàng Thanh văn hoặc có được một vô ngại, hoặc có hai vô ngại, còn nếu đầy đủ Bốn vô ngại thì đó là điều không thể có.

Bồ-tát Ca-diếp-bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trước Phật đã nói trong phẩm Phạm Hạnh, Bồ-tát thấy, biết được Bốn trí vô ngại. Nếu Bồ-tát thấy, biết Bốn trí vô ngại thì không có sở đắc, cũng không có ý niệm về không sở đắc.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát này thật sự không sở đắc. Giả sử Bồ- tát còn tâm sở đắc, thì chẳng phải là Bồ-tát mà gọi là phàm phu. Vậy sao Như Lai lại nói Bồ-tát có sở đắc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lành thay! Lành thay! Điều Ta muốn nói thì ông lại hỏi. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có sở đắc, không có sở đắc thì gọi là Bốn vô ngại. Này thiện nam! Vì ý nghĩa gì nên không sở đắc gọi là vô ngại? Vì nếu còn có sở đắc thì gọi là chướng ngại, mà có chướng ngại thì gọi là bốn thứ điên đảo. Này thiện nam! Đại Bồ-tát vì không có bốn thứ điên đảo nên được vô ngại. Cho nên Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc thì gọi là trí tuệ. Đại Bồ-tát đạt được trí tuệ này nên gọi là không sở đắc. Người nào có sở đắc gọi là vô minh. Bồ-tát đã đoạn trừ hết tối tăm của vô minh nên không sở đắc. Vì vậy Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc là Đại Niết-bàn. Đại Bồ-tát an trụ trong Đại Niết-bàn như vậy, không thấy tất cả tánh, tướng của các pháp. Vì thế, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Nếu có sở đắc thì gọi là hai mươi lăm cõi. Bồ-tát đã đoạn trừ hai mươi lăm cõi nên đạt được Đại Niết-bàn. Cho nên Bồ- tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc gọi là Đại thừa. Đại Bồ-tát không trụ vào các pháp nên đắc Đại thừa. Cho nên Bồ-tát gọi là không sở đắc. Nếu có sở đắc thì gọi là đạo của hàng Thanh văn và Phật-bích-chi. Bồ-tát đã hoàn toàn đoạn trừ đạo của hàng Nhị thừa nên đạt được Phật đạo. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc gọi là kinh Phương Đẳng. Bồ-tát đọc tụng kinh điển như vậy nên đạt được Đại Niết-bàn. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Nếu có sở đắc thì gọi là Mười hai bộ loại kinh văn. Bồ-tát không tu theo kinh văn như vậy mà chỉ chuyên giảng nói kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc gọi là hư không. Bồ-tát đạt được Tam-muội Hư không này thì không còn kiến chấp. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Còn có sở đắc thì gọi là luân hồi sinh tử. Tất cả phàm phu đều luân hồi sinh tử nên còn kiến chấp. Bồ-tát đã đoạn trừ tất cả sinh tử. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát không sở đắc nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Đại Bồ-tát đã thấy Phật tánh nên đạt được thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Còn có sở đắc thì gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, và vô tịnh. Đại Bồ-tát đã đoạn trừ vô thường, vô lạc, vô ngã và vô tịnh. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc gọi là Đệ nhất nghĩa không.

Đại Bồ- tát quán Đệ nhất nghĩa không đều không còn kiến chấp. Cho nên, Bồ- tát gọi là không sở đắc. Còn có sở đắc thì gọi là năm kiến chấp. Bồ-tát đã vĩnh viễn đoạn trừ năm kiến chấp này nên đạt được Đệ nhất nghĩa không. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Không sở đắc gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ-tát khi đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì hoàn toàn không còn kiến chấp. Cho nên, Bồ-tát gọi là không sở đắc. Còn có sở đắc thì gọi là sự giác ngộ của hàng Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát đã hoàn toàn xa lìa sự giác ngộ của hàng Nhị thừa. Cho nên Bồ-tát gọi là không sở đắc. Này thiện nam! Lời thưa hỏi của ông cũng không sở đắc, lời nói của Như Lai cũng không sở đắc. Nếu ai còn sở đắc thì người ấy là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi Như Lai vì con mà thuyết giảng về vô sở đắc của Bồ-tát, có vô lượng chúng sinh đoạn trừ tâm hữu tướng. Nhờ điều này con mới dám thưa hỏi Như Lai về ý nghĩa vô sở đắc, khiến cho vô lượng chúng sinh như vậy xa lìa quyến thuộc của ma, làm đệ tử Phật.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia, ở trong rừng Ta-la song thọ, Như Lai đã vì Thuần-đà mà nói kệ:

Vốn có nay không
Vốn không nay có
Ba đời có pháp
Điều này không có.

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này là thế nào? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì hóa độ chúng sinh nên Như Lai nói như vậy, vì hàng Thanh văn và Phật-bích-chi nên mới nói lời ấy, cũng vì Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi nên nói lời ấy, chẳng phải chỉ vì một mình Thuần-đà mà nói kệ đó. Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi muốn thưa hỏi Như Lai. Như Lai biết tâm của Văn-thù-sư-lợi nên mới nói bài kệ ấy. Khi Như Lai nói kệ xong, Văn-thù-sư-lợi liền hiểu rõ.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu người có thể hiểu rõ nghĩa này như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi? Cúi xin Đức Như Lai vì đại chúng mà giảng nói rõ ràng.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Như Lai sẽ vì ông mà giảng nói lại nghĩa này rõ ràng. Nói vốn có là, thuở xưa Như Lai vốn có vô lượng phiền não, do phiền não nên hiện tại không có Đại Bát Niết Bàn. Nói vốn không là, vốn không có Trí tuệ Ba-la-mật, vì không có Trí tuệ Ba-la-mật nên hiện tại có đủ phiền não kiết sử. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hoặc người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai có phiền não thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, Như Lai vốn có thân do cha mẹ hòa hợp, cho nên trong hiện tại không có Pháp thân kim cang vi diệu. Nói vốn không là, thân Như Lai vốn chẳng có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do vốn không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp nên hiện tại có đủ bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai có bệnh khổ thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, thuở xưa Như Lai vốn có vô thường, vô ngã, vô lạc và vô tịnh nên hiện tại không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nói vốn không là, vốn không thấy Phật tánh, do không thấy Phật tánh nên không có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai không có thường, lạc, ngã, tịnh thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, vốn có tâm phàm phu, tu hành khổ hạnh nên cho là đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do điều này nên hiện tại không thể phá trừ bốn ma. Nói vốn không là, vốn không có sáu Ba- la-mật, do vốn không có sáu Ba-la-mật nên tâm phàm phu tu hành khổ hạnh cho là đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có Sa- môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai có tu hành khổ hạnh thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, thuở xưa Như Lai vốn có thân tạp thực, do có thân tạp thực nên không có thân vô biên. Nói vốn không là, vốn không có Ba mươi bảy pháp trợ đạo, do không có Ba mươi bảy pháp trợ đạo nên hiện tại có đủ thân tạp thực. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai, Như Lai có thân tạp thực thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, thuở xưa Như Lai vốn có tâm chấp thủ đối với tất cả các pháp. Do điều này nên trong hiện tại không có định rốt ráo không. Nói vốn không là, Như Lai vốn không có thật nghĩa Trung đạo. Do không có thật nghĩa Trung đạo nên có tâm chấp trước tất cả các pháp. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai thuyết giảng tất cả các pháp là hữu tướng thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, lúc Như Lai mới chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử Thanh văn căn cơ chậm lụt nên không thể diễn nói pháp Nhất thừa chân thật. Nói vốn không là, vốn không có hàng Tượng vương căn cơ nhạy bén trong loài người như Bồ-tát Ca-diếp v.v… Vì không có hàng căn cơ nhạy bén như Bồ-tát Ca-diếp v.v… nên tùy nghi phương tiện mà khai thị ba Thừa. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai hoàn toàn diễn nói về pháp ba Thừa thì đó là điều không thể có. Lại nữa, này thiện nam! Nói vốn có là, Như Lai nói rằng ba tháng nữa nơi rừng Ta- la song thọ, Ta sẽ nhập Niết-bàn. Do đó, hiện tại không thể diễn nói kinh điển Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa Phương Đẳng. Nói vốn không là, thuở xưa vốn chẳng có Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v… Vì không có nên hiện tại cho rằng Như Lai là vô thường. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người nào cho rằng trong quá khứ, hiện tại, vị lai Như Lai là vô thường thì đó là điều không thể có.

Này thiện nam! Như Lai vì tất cả các chúng sinh nên tuy biết các pháp nhưng nói là không biết, tuy thấy các pháp nhưng nói là không thấy; pháp có tướng mà nói là không tướng, pháp không tướng mà nói là có tướng; thật sự có vô thường mà nói là thường, thật sự là thường mà nói là vô thường; lạc, ngã và tịnh… cũng lại như vậy; pháp Tam thừa nói là Nhất thừa, pháp Nhất thừa nhưng tùy nghi mà nói có Tam thừa; tướng lược nói rộng, tướng rộng nói lược; bốn pháp trọng nói là pháp Thâu-lan-giá, pháp Thâu-lan-giá nói là bốn pháp trọng; phạm nói là không phạm, không phạm nói phạm; tội nhẹ nói nặng, tội nặng nói nhẹ. Vì sao? Vì Như Lai thấy rõ căn cơ của chúng sinh. Này thiện nam! Tuy nói những lời như vậy, nhưng Như Lai không bao giờ nói những lời hư dối. Vì sao? Vì lời nói hư dối là tội lỗi. Như Lai đã dứt hẳn những tội lỗi thì sao lại còn nói lời hư dối. Này thiện nam! Như Lai tuy không nói lời hư dối, nhưng biết chúng sinh nhờ lời hư dối mà được lợi ích đối với chánh pháp nên Như Lai vì họ mà tùy nghi phương tiện nói lời hư dối. Này thiện nam! Tất cả Thế đế đối với Như Lai là Đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn là Đệ nhất nghĩa đế nên nói Thế đế để chúng sinh chứng được Đệ nhất nghĩa đế, như vậy, thì chư Phật Thế Tôn không bao giờ nói Thế đế. Này thiện nam! Như Lai có lúc nói Thế đế nhưng chúng sinh lại cho là Phật nói Đệ nhất nghĩa đế, khi Như Lai nói Đệ nhất nghĩa đế thì chúng sinh cho là Phật nói Thế đế. Vì thế, cảnh giới sâu xa của chư Phật thì hàng Thanh văn, Duyên giác không bao giờ biết được. Này thiện nam! Trước đây, ông không nói Đại Bồ-tát là bậc không sở đắc, vì Bồ-tát thường chứng đắc Đệ nhất nghĩa đế. Như vậy sao ông lại nói là không sở đắc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là Đạo, cũng gọi là Bồ-tát, cũng gọi là Niết-bàn. Nếu có Bồ-tát nói là có đắc Đạo, có Bồ- đề, có Niết-bàn, tức là Vô thường. Vì sao? Vì pháp nếu là thường thì không thể có sự chứng đắc. Giống như hư không không ai nắm bắt được.

Bạch Thế Tôn! Như những vật trong thế gian vốn là không, nay có tên nên gọi là vô thường. Cũng vậy, nếu đạo có thể chứng đắc thì gọi là vô thường, pháp nếu là thường thì không chứng đắc, không sinh; giống như Phật tánh là không chứng đắc, không sinh.

Bạch Thế Tôn! Luận về đạo thì chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, không dài, không ngắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải trắng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải có, chẳng phải không. Sao Như Lai nói có thể chứng đắc? Bồ-đề, Niết-bàn cũng lại như vậy.

Đức Phật đáp:

–Đúng thế! Đúng thế! Này thiện nam! Đạo có hai loại: Một là thường, hai là vô thường. Tướng Bồ-đề cũng có hai loại: Một là thường, hai là vô thường. Niết-bàn cũng vậy. Đạo của ngoại đạo gọi là vô thường, đạo của Như Lai gọi là thường, Bồ-đề của hàng Thanh văn, Duyên giác gọi là vô thường; Bồ-đề của Bồ-tát, chư Phật gọi là thường; giải thoát bên ngoài gọi là vô thường, giải thoát bên trong gọi là thường. Này thiện nam! Đạo, Bồ-đề và Niết-bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sinh thường bị phiền não che lấp, không có tuệ nhãn nên chẳng có thể thấy rõ được, nhưng các chúng sinh vì muốn thấy nên tu giới, định và tuệ; nhờ tu hành nên thấy đạo, Bồ-đề và Niết-bàn. Tánh và tướng của đạo thật sự không có sinh, diệt, do nghĩa này nên không thể nắm bắt được. Này thiện nam! Đạo tuy không có hình sắc nhưng có thể thấy, có thể đo lường biết được, nhưng thật sự có diệu dụng. Này thiện nam! Như tâm của chúng sinh tuy chẳng nói là sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải thô, chẳng phải tế, chẳng phải buộc, chẳng phải mở, chẳng phải là pháp có thể thấy nhưng cũng là có. Do nghĩa này nên Ta vì ông Tu-đạt-đa mà nói: “Tâm của Trưởng giả là chúa tể trong thành. Nếu Trưởng giả không giữ gìn được tâm thì không giữ gìn được thân và miệng, nếu giữ gìn được tâm thì giữ gìn được thân, miệng. Do không biết khéo léo giữ gìn thân, miệng nên chúng sinh bị rơi vào ba đường ác, nếu giữ gìn thân, miệng thì làm cho chúng sinh được Niết-bàn nơi cõi trời, người, được gọi là chân thật, còn không chứng được thì không gọi là chân thật”. Này thiện nam! Đạo, Bồ-đề và Niết-bàn cũng lại như vậy, cũng là có, cũng là thường. Nếu như nói không có thì sao có thể dứt được tất cả phiền não. Vì có nên tất cả Bồ- tát đều thấy biết rõ ràng. Này thiện nam! Thấy có hai loại: Một là thấy có tướng mạo, hai là thấy rõ ràng. Thế nào là thấy tướng mạo? Như thấy khói từ xa gọi là thấy lửa, nhưng thật sự không thấy lửa, tuy không thấy lửa nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy chim hạc bay trong hư không, liền nói là thấy nước, tuy không thấy nước nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Nếu như thấy hoa, lá nói là thấy gốc cây, tuy không thấy gốc cây nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Nếu như người thấy sừng trâu trong bờ rào ở đằng xa liền nói là thấy trâu, tuy không thấy trâu nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy người nữ mang thai liền nói là thấy dục, tuy không thấy dục nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy cây trổ hoa liền nói là thấy nước, tuy không thấy nước nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Lại như thấy mây liền nói là thấy mưa, tuy không thấy mưa nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy thân nghiệp và khẩu nghiệp liền nói là thấy tâm, tuy không thấy được tâm nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Đó gọi là thấy tướng mạo. Thế nào là thấy rõ ràng? Như mắt thấy sắc. Này thiện nam! Như người có mắt sáng tự xem trái A-ma-lặc trong lòng bàn tay, Đại Bồ-tát thấy đạo, Bồ-đề và Niết-bàn rõ ràng cũng lại như vậy, tuy thấy như vậy nhưng ban đầu vẫn không có tướng thấy. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên lúc trước Ta bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: "Điều mà tất cả các Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Trời, Ma, Phạm, hay người trong thế gian đều không thể thấy, không thể biết, không thể hiểu, thì chỉ có Như Lai mới thấy, biết và hiểu; các Bồ-tát cũng lại như vậy. Này Tôn giả Xá-lợi- phất! Nếu điều mà thế gian thấy, biết và hiểu thì Ta và Bồ-tát cũng thấy, biết và hiểu. Những điều mà chúng sinh ở trong thế gian không biết, không thấy và không hiểu, thì họ cũng không tự biết là không biết, không thấy và không hiểu. Điều mà chúng sinh ở trong thế gian biết, thấy và hiểu, thì liền tự cho là tôi biết, thấy và hiểu. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như Lai thấy, biết và hiểu hết tất cả nhưng cũng không tự cho rằng mình thấy, biết và hiểu tất cả, các Bồ-tát cũng lại như vậy. Vì sao? Vì nếu Như Lai còn có tướng thấy, biết và hiểu thì nên biết, đó chẳng phải là Phật Thế Tôn, mà chỉ gọi là phàm phu, Bồ-tát cũng vậy".

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: "Thế gian biết thì Ta cũng biết, thế gian không biết thì Ta cũng biết". Ý nghĩa này như thế nào?

–Này thiện nam! Tất cả thế gian không thấy, không biết và không hiểu được Phật tánh. Nếu có thấy, biết và hiểu Phật tánh thì không còn gọi là thế gian mà gọi là Bồ-tát. Người thế gian cũng lại không thấy, không biết và không hiểu về Mười hai bộ loại kinh văn, Mười hai nhân duyên, Bốn điên đảo, Bốn đế và Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Niết-bàn. Nếu thấy, biết và hiểu được thì không gọi là thế gian mà nên gọi là Bồ-tát. Này thiện nam! Đó gọi là thế gian không thấy, không biết và không hiểu. Thế nào là thấy, biết và hiểu của thế gian? Đó là Phạm thiên, Tự Tại thiên, Bát Tý thiên, tánh, thời, vi trần, pháp và phi pháp là tạo hóa, chủ thế giới, thỉ, chung và hai kiến chấp đoạn, thường. Cho rằng từ Sơ thiền đến cõi Phi phi tưởng xứ là Niết-bàn. Này thiện nam! Đó gọi là sự thấy, biết và hiểu của thế gian. Đại Bồ-tát đối với những việc như vậy cũng đều thấy, biết và hiểu. Bồ-tát thấy, biết và hiểu như vậy rồi, mà nói rằng không thấy, không biết và không hiểu thì là hư vọng, mà hư vọng là tội lỗi, do tội lỗi ấy nên bị đọa vào địa ngục. Này thiện nam! Nếu có nam, nữ, Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng không có đạo Bồ-đề, Niết-bàn thì nên biết họ là hạng Nhất-xiển-đề, là quyến thuộc của ma, là hạng người hủy báng chánh pháp, hủy báng chánh pháp như vậy chính là hủy báng chư Phật. Người như vậy thì không gọi là thế gian cũng không gọi là chẳng phải thế gian.

Lúc ấy, Bồ-tát Ca-diếp nghe những việc như vậy rồi, liền nói kệ để khen ngợi Đức Thế Tôn:

Đại từ thương chúng sinh
Nên khiến con quy y
Nhổ những mũi tên độc
Nên gọi Đại Y vương
Thầy thuốc ở thế gian
Trị lành nhưng bệnh lại
Như Lai trị lành bệnh
Hết hẳn không tái phát
Thuốc cam lồ Thế Tôn
Ban cho khắp chúng sinh
Khi chúng sinh uống rồi
Không chết cũng không sinh
Nay Như Lai vì con
Giảng nói Đại Niết-bàn
Chúng sinh nghe pháp này
Liền chẳng sinh chẳng diệt.

Nói kệ xong, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, điều mà tất cả thế gian không thấy, không biết, không hiểu thì Bồ-tát có thể thấy, biết và hiểu. Giả sử Bồ-tát là thế gian thì không được nói thế gian là không thấy, không biết và không hiểu mà Bồ-tát có thể thấy, biết và hiểu; còn nếu Bồ-tát chẳng phải là thế gian thì có tướng gì khác?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói Bồ-tát cũng là thế gian mà cũng chẳng phải là thế gian, là không biết, không thấy và không hiểu thì gọi là thế gian; thấy, biết và hiểu thì không gọi là thế gian. Ông đã hỏi có tướng gì sai khác, thì hôm nay Ta sẽ nói cho ông biết. Này thiện nam! Nếu có nam tử nữ nhân nào mới nghe kinh Đại Niết-bàn mà liền khởi niệm kính tin và phát tâm Bồ-đề vô thượng thì người ấy gọi là Bồ-tát thế gian. Mà tất cả thế gian không thấy, không biết và không hiểu, thì Bồ-tát như thế cũng đồng như thế gian không thấy, không biết và không hiểu. Bồ- tát nghe kinh Đại Niết-bàn này rồi, biết có thế gian không biết, không thấy và không hiểu điều đáng lẽ là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát. Biết những việc như vậy rồi, Bồ-tát nghĩ: “Ta phải tu tập phương tiện như thế nào để được thấy, biết và hiểu?”. Lại suy nghĩ: “Ta phải dốc lòng tu trì tịnh giới”. Này thiện nam! Do nhân duyên đó Bồ-tát này ở đời vị lai sinh vào cõi nào, giới đức vẫn thường thanh tịnh. Này thiện nam! Do giới đức thanh tịnh nên Đại Bồ-tát dù sinh vào cõi nào vẫn thường không kiêu mạn, tà kiến và nghi ngờ mê hoặc, không bao giờ cho rằng Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu trì tịnh giới. Giới đã thanh tịnh, kế đến tu thiền định. Nhờ tu thiền định nên sinh ở bất cứ chỗ nào cũng không mất chánh niệm: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Mười hai bộ loại kinh văn, chư Phật, Thế Tôn, thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả Bồ-tát an trụ nơi kinh điển Đại Niết Bàn Phương Đẳng đều thấy Phật tánh, những việc như vậy không bao giờ quên. Do tu chánh định nên chứng được mười một pháp không. Đó gọi là Bồ-tát tu định thanh tịnh. Giới và định đã đầy đủ rồi, tiếp đến tu tịnh tuệ. Do tu tuệ nên không chấp trước trong thân có ngã, trong ngã có thân, là có thân, là có ngã, chẳng phải thân, chẳng phải ngã. Đó gọi là Bồ-tát tu tịnh tuệ. Do tu tịnh tuệ nên giữ gìn tịnh giới đã thọ vững chắc không lay động. Này thiện nam! Ví như núi Tu-di không bị gió bốn phía làm nghiêng đổ, chấn động. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, không bị bốn thứ điên đảo làm lay động.

Này thiện nam! Khi ấy, Bồ-tát tự thấy, biết và hiểu được sự giữ gìn tịnh giới của mình đã thọ không có gì làm lay động được. Đó gọi là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát, chẳng phải là của thế gian. Này thiện nam! Bồ-tát thấy sự giữ gìn tịnh giới của mình vững chắc không lay động, thì tâm không hối hận, vì không hối hận nên tâm rất hoan hỷ, vì hoan hỷ nên tâm an lạc, vì an lạc nên tâm an ổn, vì an ổn nên tâm được chánh định không lay động, vì được chánh định không lay động nên được tri kiến chân thật, vì được tri kiến chân thật nên nhàm chán sinh tử, vì nhàm chán sinh tử nên liền được giải thoát, vì được giải thoát nên thấy rõ

Phật tánh. Đó gọi là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát, chẳng phải của thế gian. Này thiện nam! Đó là sự không thấy, không biết và không hiểu của thế gian, mà là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát tu trì tịnh giới, tâm không hối hận cho đến thấy rõ được Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Giới cấm của thế gian không gọi là thanh tịnh. Vì sao? Vì giới của thế gian là có, tánh không định, nên chẳng phải rốt ráo, không vì tất cả các chúng sinh, do nghĩa này nên gọi là không thanh tịnh, vì không thanh tịnh nên có tâm hối hận, vì hối hận nên tâm không hoan hỷ, vì không hoan hỷ nên không an lạc, vì không an lạc nên không an ổn, vì không an ổn nên không có chánh định bất động, vì không có chánh định bất động nên không có tri kiến chân thật, vì không có tri kiến chân thật nên không nhàm chán, vì không nhàm chán nên không được giải thoát, vì không được giải thoát nên không thấy Phật tánh, vì không thấy Phật tánh nên không bao giờ được Đại Niết-bàn. Đó gọi là giới cấm không thanh tịnh của thế gian. Này thiện nam! Giới thanh tịnh của Đại Bồ-tát là, vì giới chẳng phải là giới, vì chẳng phải là có, vì chắc chắn là rốt ráo và vì chúng sinh nên gọi là giới thanh tịnh của Đại Bồ-tát. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong giới thanh tịnh, tuy không muốn sinh tâm không hối hận, nhưng tâm không hối hận tự nhiên phát sinh. Này thiện nam! Ví như có người cầm gương sáng, tuy không mong thấy mặt mình nhưng khuôn mặt mình tự nhiên hiện ra. Như nhà nông gieo giống xuống ruộng tốt, tuy không trông mong mầm mọc lên, nhưng mà mầm tự mọc lên; cũng như thắp đèn tuy không muốn diệt trừ bóng tối, nhưng bóng tối tự biến mất. Này thiện nam! Đại Bồ-tát giữ vững tịnh giới nên tâm không hối hận tự nhiên phát sinh cũng lại như vậy, do giữ giới thanh tịnh nên tâm được vui mừng. Này thiện nam! Như người xinh đẹp thấy diện mạo mình tâm sinh vui mừng, người trì tịnh giới cũng lại như vậy. Này thiện nam! Người phá giới, thấy giới bất tịnh, tâm không vui mừng, như người tàn tật khi thấy diện mạo mình tâm rất buồn tủi. Này thiện nam! Như hai cô gái chăn bò: Một người cầm bình đựng sữa đặc, một người cầm bình đựng sữa, cùng nhau đến thành để bán, đi được nửa đường bị vấp chân té xuống, hai bình nước đều bể. Nhưng một người thì hoan hỷ, còn một người thì buồn bã. Người trì giới và người phá giới cũng như vậy. Người trì tịnh giới thì tâm vui mừng, vì vui mừng nên suy nghĩ: “Ở trong kinh Niết-bàn chư Phật Như Lai nói: Người có thể trì tịnh giới thì sẽ được Niết-bàn. Hôm nay ta tu tập tịnh giới như vậy, cũng được Niết-bàn”. Do nhân duyên này nên tâm an lạc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hỷ và lạc có gì khác nhau?

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát lúc không làm ác gọi là hỷ, lúc trì tịnh giới gọi là lạc. Này thiện nam! Đại Bồ-tát khi quán sát sự sinh tử gọi là hỷ, khi thấy được Đại Niết-bàn gọi là lạc; bậc hạ gọi là hỷ, bậc thượng gọi là lạc; xa lìa pháp thế gian gọi là hỷ, được pháp Bất cộng gọi là lạc. Do giới thanh tịnh nên thân thể nhẹ nhàng, miệng không nói lời thô ác lỗi lầm. Khi ấy, Bồ-tát hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc nếm, hoặc xúc chạm, hoặc biết, đều không có những sự xấu ác. Vì không ác nên tâm được an ổn, vì an ổn nên được định tĩnh, vì định tĩnh nên thấy, biết chân thật, vì thấy, biết chân thật nên nhàm chán sinh tử, vì nhàm chán sinh tử nên được giải thoát, vì giải thoát nên thấy Phật tánh, vì thấy Phật tánh nên được Đại Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát trì giới thanh tịnh, chẳng phải là giới cấm của thế gian. Vì sao? Này thiện nam! Vì Đại Bồ-tát thọ trì tịnh giới có năm pháp trợ giúp. Những gì là năm? Một là tín, hai là tàm, ba là quý, bốn là thiện tri thức, năm là tôn kính giới. Vì đã xa lìa năm triền cái nên cái thấy thanh tịnh, vì xa lìa năm ác kiến nên tâm không nghi hoặc, vì xa lìa năm thứ nghi: Một là nghi Phật, hai là nghi Pháp, ba là nghi Tăng, bốn là nghi giới, năm là nghi không phóng dật nên lúc ấy, Bồ-tát liền được năm căn: Tín, niệm, tinh tấn, định và tuệ. Vì được năm căn nên chứng năm loại Niết-bàn, đó là giải thoát khỏi sắc cho đến giải thoát khỏi thức. Đó gọi là Bồ-tát trì giới thanh tịnh, chẳng phải là thế gian. Này thiện nam! Đó gọi là sự không thấy, không biết và không hiểu của thế gian, mà là sự thấy, biết và hiểu của Bồ-tát.

Này thiện nam! Nếu hàng đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh điển Đại Niết-bàn mà phá giới thì bị người khác quở trách, khinh chê, hủy nhục và nói: "Nếu tạng bí mật kinh điển Đại Niết-bàn của Phật có oai lực mà sao lại làm cho người phá hủy giới cấm đã thọ, nếu người thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn này mà phá hủy giới cấm, thì nên biết kinh này không có oai lực, nếu không có oai lực thì dù có đọc tụng nhưng cũng chẳng có lợi ích". Do vì khinh khi, hủy báng kinh điển Đại Niết-bàn nên vô lượng vô biên chúng sinh bị đọa vào địa ngục. Người thọ trì kinh này mà phá hủy giới cấm là ác tri thức của chúng sinh, là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Ta. Người như vậy Ta cũng không cho thọ trì kinh này, thà bảo họ không thọ, không trì, không tu chứ không để người hủy giới thọ trì tu tập. Này thiện nam! Nếu đệ tử Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh Niết-bàn, thì thân tâm phải ngay ngắn, thận trọng, không đùa giỡn, khinh suất lay động. Thân thì đùa giỡn, tâm thì xem thường, tâm cầu sở hữu, thì gọi là xem thường, thân tạo các nghiệp gọi là đùa giỡn. Nếu đệ tử Ta cầu sở hữu, tạo các nghiệp thì không nên thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa này. Nếu người thọ trì kinh này như thế, thì sẽ làm cho nhiều người khinh chê: "Nếu tạng bí mật kinh Đại Niết-bàn của Phật có oai lực thì sao làm cho người cầu sở hữu, gây tạo các nghiệp. Nếu người trì kinh này cầu sở hữu, gây tạo các nghiệp, thì nên biết kinh này không có oai lực, nếu không có oai lực thì tuy thọ trì nhưng chẳng có lợi ích". Do khinh chê, hủy báng kinh Đại Niết-bàn, mà làm cho vô lượng vô biên chúng sinh bị đọa vào địa ngục. Người thọ trì kinh này nếu cầu sở hữu, gây tạo các nghiệp, thì họ là ác tri thức của chúng sinh, là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Ta.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu hàng đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh Đại Niết-bàn này, thì không nên thuyết phi thời, không nên thuyết không đúng quốc độ, chẳng nên thuyết khi không ai thưa thỉnh, không nên thuyết với tâm khinh lờn, không nên chỗ nào cũng thuyết, không nên tự khen mình mà thuyết, không nên khinh chê người khác mà thuyết, không nên vì hủy diệt pháp Phật mà thuyết, không nên vì hưng thịnh pháp thế gian mà thuyết. Này thiện nam! Nếu hàng đệ tử của Ta thọ trì kinh này mà thuyết phi thời, cho đến thuyết pháp để hưng thịnh pháp thế gian, thì mọi người sẽ khinh chê mà nói: “Nếu tạng bí mật kinh Đại Niết-bàn của Phật có oai lực, sao lại làm cho người thuyết phi thời, cho đến thuyết để hưng thịnh pháp thế gian. Nếu người thọ trì kinh này mà thuyết như vậy, thì nên biết kinh này không có oai lực. Nếu không có oai lực thì tuy đã thọ trì kinh này nhưng chẳng có ích lợi gì”. Vì khinh chê kinh Đại Niết-bàn nên vô lượng chúng sinh bị đọa vào địa ngục. Người thọ trì kinh này mà thuyết phi thời cho đến thuyết để hưng thịnh pháp thế gian, thì đó là ác tri thức của chúng sinh, là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Ta.

Này thiện nam! Nếu người thọ trì kinh này, muốn giảng nói kinh Đại Niết-bàn, giảng nói Phật tánh, giảng nói tạng bí mật của Như Lai, giảng nói về Đại thừa, giảng nói kinh Phương Đẳng, giảng nói thừa Thanh văn, giảng nói thừa Phật-bích-chi, giảng nói giải thoát, và muốn thấy Phật tánh thì trước hết phải thanh tịnh thân mình, vì thanh tịnh nên không bị quở trách, vì không bị quở trách nên làm cho vô lượng chúng sinh có lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại Niết-bàn, vì có lòng tin nên cung kính kinh này. Nếu được nghe một bài kệ, một câu, một chữ ở người thuyết pháp mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên biết người này là chân thiện tri thức của chúng sinh, là đệ tử của Phật, chẳng phải là ác tri thức, và chẳng phải là quyến thuộc của ma. Đó gọi là Bồ-tát chẳng phải thế gian. Này thiện nam! Đó gọi là điều thế gian không thấy, không biết và không hiểu, mà là điều thấy, biết và hiểu của Bồ-tát.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XVIII

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 4

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là sự không thấy, biết của tất cả thế gian mà là chỗ thấy, biết của Bồ-tát? Đó là sáu niệm. Những gì là sáu? Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiện.

Này thiện nam! Thế nào là niệm Phật? Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn thường không biến đổi, đầy đủ Mười lực, Bốn vô sở úy, Đại sư tử hống, Đại Sa-môn, Đại Bà-la-môn, Đại Tịnh, hoàn toàn đạt đến bờ bên kia, đấng Vô năng thắng, đấng Vô kiến đảnh, không còn sợ hãi, chẳng kinh chẳng động, một mình không bạn bè, vô sư tự ngộ, bậc thành tựu trí nhanh nhẹn, trí lớn, trí sắc bén, trí thâm sâu, trí giải thoát, trí bất cộng, trí rộng khắp, trí rốt ráo, Tượng vương trong loài người, Ngưu vương trong loài người, Long vương trong loài người, Trượng phu trong loài người, hoa sen, hoa phân-đà-lợi trong loài người, bậc Thầy Điều Ngự trong loài người, đại thế chủ, bậc Thầy của đại pháp; vì biết rõ các pháp nên gọi là đại Pháp sư, vì biết nghĩa nên gọi là đại Pháp sư, vì biết thời nên gọi là đại Pháp sư, vì biết đủ nên gọi là đại Pháp sư, vì biết ngã nên gọi là đại Pháp sư, vì biết đại chúng nên gọi là đại Pháp sư, vì biết đủ các chủng tánh của chúng sinh nên gọi đại Pháp sư, vì biết căn tánh lợi độn của chúng sinh nên gọi là đại Pháp sư, vì thuyết giảng Trung đạo nên gọi là đại Pháp sư.

Thế nào là Như Lai? Như sự thuyết giảng không thay đổi của chư Phật trong quá khứ. Thế nào là không thay đổi? Chư Phật trong quá khứ vì cứu độ chúng sinh mà giảng nói Mười hai bộ loại kinh văn, Như Lai cũng vậy, nên gọi là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn từ Sáu pháp Ba- la-mật, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Mười một pháp không mà đến đại Niết-bàn, Như Lai cũng vậy cho nên gọi thật là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn vì cứu độ chúng sinh nên tùy nghi phương tiện chỉ bày ba thừa, sống lâu vô lượng không thể tính kể, Như Lai cũng vậy nên gọi Phật là Như Lai.

Thế nào gọi là Ứng? Pháp thế gian gọi là oan gia, Đức Phật đối trị pháp ấy nên gọi là Ứng. Bốn ma là oan gia của Bồ-tát. Chư Phật Như Lai khi làm Bồ-tát thường dùng trí tuệ để phá trừ bốn ma, nên gọi là Ứng. Lại Ứng là xa lìa, chư Phật khi còn làm Bồ-tát, phải xa lìa vô lượng phiền não, nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng là an lạc, chư Phật trong quá khứ khi còn làm Bồ-tát, tuy ở trong vô lượng vô số kiếp vì cứu độ chúng sinh mà nhận chịu các khổ não, nhưng luôn luôn thấy an lạc, Như Lai cũng vậy gọi là Ứng. Lại gọi là Ứng thì tất cả hàng trời, người thường dùng đủ những thứ hương hoa, chuỗi ngọc, cờ phướn, âm nhạc, để cúng dường Như Lai nên gọi là Ứng.

Thế nào là Chánh Biến Tri? Chánh là chẳng điên đảo. Biến Tri là thông đạt hết bốn thứ điên đảo. Lại Chánh là khổ hạnh. Biến Tri là biết nhân khổ hạnh chắc chắn có quả khổ. Lại Chánh gọi là giữa thế gian. Biến Tri là hoàn toàn biết chắc chắn tu tập Trung đạo thì sẽ đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại Chánh là có thể đếm, có thể lường, có thể tính kể, Biến Tri là không thể đếm, không thể lường, không thể tính kể. Cho nên gọi Phật là Chánh Biến Tri. Này thiện nam! Thanh văn, Duyên giác cũng có Biến Tri mà cũng chẳng Biến Tri. Vì sao? Vì Biến Tri là nói Năm ấm, Mười hai nhập, Mười tám giới. Thanh văn, Duyên giác cũng biết hết nên gọi là Biến Tri. Thế nào là chẳng Biến Tri? Này thiện nam! Giả sử hàng Nhị thừa trải qua vô lượng kiếp. quán sát một sắc ấm mà không thể biết hết. Do nghĩa này nên nói Thanh văn, Duyên giác không Biến Tri.

Thế nào là Minh Hạnh Túc? Minh là được vô lượng quả lành. Hạnh là bàn chân. Quả lành là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bàn chân là giới tuệ, nương nơi chân giới tuệ mà chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại Minh là chú, Hạnh là kiết, Túc là quả. Này thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Túc gọi là giải thoát, Kiết là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Quả gọi là Đại Niết-bàn, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại Minh gọi là quang, Hạnh gọi là nghiệp, Túc là quả. Này thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Quang gọi là không phóng túng, Nghiệp gọi là sáu pháp Ba-la- mật, Quả là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại Minh là ba minh: Một là Bồ-tát minh, hai là chư Phật minh, ba là Vô minh minh. Bồ-tát minh tức là Bát nhã Ba-la-mật, chư Phật minh tức là Phật nhãn, Vô minh minh tức là rốt ráo không. Hạnh là trong vô lượng kiếp vì chúng sinh nên Bồ-tát tu tập các nghiệp thiện. Túc tức là thấy rõ Phật tánh. Do nghĩa này nên gọi là Minh Hạnh Túc.

Thế nào là Thiện Thệ? Thiện là cao, Thệ là không cao. Này thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Cao gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không cao tức là tâm Như Lai. Này thiện nam! Tâm nếu cao thì không gọi là Như Lai, cho nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại Thiện gọi là thiện tri thức, Thệ tức là quả của thiện tri thức. Này thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Thiện tri thức là mới phát tâm, quả tức là Đại Bát Niết Bàn. Như Lai không bỏ sự phát tâm đầu tiên nên đắc Đại Niết-bàn. Vì thế Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại nữa, Thiện gọi là tốt, Thệ gọi là có. Này thiện nam! Đó gọi là nghĩa thế gian. Tốt gọi là thấy Phật tánh, có gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Tánh Niết-bàn thật chẳng phải có. Chư Phật Thế Tôn vì thế gian nên nói là có. Này thiện nam! Như người đời thật không có con mà nói là có con, thật không có đạo mà nói là có đạo. Niết-bàn cũng vậy, vì thuận theo thế gian nên nói là có Niết-bàn, chư Phật Thế Tôn thành tựu đại Niết-bàn nên gọi là Thiện Thệ.

Này thiện nam! Thế nào là Thế Gian Giải? Này thiện nam! Thế Gian là nói năm ấm, Giải là biết rõ. Chư Phật Thế Tôn hoàn toàn biết về năm ấm nên gọi Phật là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là nói năm dục, Giải là chẳng tham đắm, chẳng tham đắm năm dục nên gọi là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian Giải là có vô lượng vô số thế giới mà tất cả Thanh văn, Duyên giác chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, nhưng chư Phật đều biết, đều thấy, đều hiểu. Ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương, trên dưới cũng lại như vậy, cho nên Phật gọi là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là tất cả chúng sinh, Giải là hiểu biết nhân quả thiện ác của phàm phu, mà hàng Thanh văn hay Duyên giác không thể biết được, chỉ có Phật mới có thể biết, nên gọi Phật là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian gọi là hoa sen, Giải gọi là không ô nhiễm. Này thiện nam! Đó là nghĩa thế gian. Hoa sen tức là Như Lai, không ô nhiễm tức là Như Lai, không bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, nên gọi Phật là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian Giải là chư Phật, Bồ-tát gọi là Thế Gian Giải. Vì sao? Vì chư Phật và Bồ-tát thấy rõ thế gian, nên gọi là Thế Gian Giải. Này thiện nam! Cũng như nhờ ăn mà được sống lâu, nên gọi ăn là mạng sống. Cũng vậy, chư Phật và Bồ-tát hiểu rõ thế gian, nên gọi là Thế Gian Giải.

Thế nào là Vô Thượng Sĩ? Thượng Sĩ gọi là đoạn, không đoạn gọi là Vô Thượng Sĩ, chư Phật Thế Tôn không có phiền não nên không có đoạn, vì thế gọi Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng Sĩ gọi là tranh luận, Vô Thượng Sĩ là không tranh luận. Như Lai không tranh luận nên gọi Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là lời nói có thể bị phá hoại, Vô Thượng Sĩ là lời nói không thể phá hoại. Lời nói của Như Lai, tất cả chúng sinh không thể phá hoại được nên gọi Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ gọi là ngôi vị trên hết, Vô Thượng Sĩ là không có ngôi vị nào trên nữa, ba đời chư Phật không có ai vượt qua, nên gọi Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng là mới, Sĩ là cũ. Chư Phật Thế Tôn thể nhập Đại Niết-bàn không mới không cũ, nên gọi Phật là Vô Thượng Sĩ.

Thế nào là Điều Ngự Trượng Phu? Tự mình là trượng phu, lại điều phục trượng phu khác. Này thiện nam! Như Lai thật chẳng phải trượng phu, cũng chẳng phải không trượng phu, nhân vì điều phục trượng phu, nên gọi Như Lai là Trượng Phu. Tất cả người nam người nữ nào nếu đủ bốn pháp thì gọi là Trượng phu. Những gì là bốn? Một là thân cận bậc Thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là tư duy về nghĩa lý, bốn là như lời nói mà thực hành. Này thiện nam! Nếu người nam, người nữ nào đầy đủ bốn pháp này thì gọi là trượng phu. Này thiện nam! Nếu có người nam nào không có bốn pháp này thì không được gọi là Trượng phu. Vì sao? Vì thân tuy là trượng phu mà hành động đồng với súc sinh. Như Lai điều phục được người nam, người nữ nên gọi Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Lại nữa, này thiện nam! Như người điều khiển ngựa có bốn cách: Một là xúc chạm đến lông, hai là xúc chạm đến da, ba là xúc chạm đến thịt, bốn là xúc chạm đến xương, tùy chỗ xúc chạm, ngựa sẽ theo ý muốn của người điều khiển. Như Lai cũng như vậy, dùng bốn phương pháp để điều phục chúng sinh: Một là vì chúng sinh mà giảng nói về sự sinh, khiến cho họ lãnh thọ lời Phật, như chạm vào lông ngựa, ngựa sẽ theo ý muốn của người điều khiển. Hai là thuyết giảng cho chúng sinh về sự sinh, già khiến cho họ lãnh thọ lời Phật, như chạm vào lông, da ngựa, ngựa sẽ theo ý của người điều khiển. Ba là thuyết giảng cho chúng sinh về sự sinh, già, bệnh khiến cho họ lãnh thọ lời Phật, như chạm vào lông, da, thịt của ngựa thì ngựa sẽ theo ý của người điều khiển. Bốn là thuyết giảng cho chúng sinh về sinh, già, bệnh, chết, khiến cho họ lãnh thọ lời Phật, như chạm vào lông, da, thịt, xương của ngựa, ngựa sẽ theo ý người điều khiển. Này thiện nam! Người điều khiển ngựa không có quyết định. Như Lai Thế Tôn diều phục chúng sinh quyết định không hư dối, cho nên gọi Phật là Điều Ngự Trượng Phu.

Thế nào là Thiên Nhân Sư? Sư có hai loại: Một là dạy điều thiện, hai là dạy điều ác. Chư Phật, Bồ-tát luôn dùng pháp thiện để giáo hóa chúng sinh. Những gì là pháp thiện? Đó là thân, miệng, ý đều thiện. Chư Phật, Bồ-tát dạy bảo chúng sinh như thế này: “Này thiện nam! Các ông nên xa lìa nghiệp bất thiện của thân. Vì sao? Vì nghiệp ác của thân nếu có thể xa lìa thì được giải thoát cho nên ta đem pháp này giảng dạy cho các ông. Nếu không xa lìa nghiệp ác mà được giải thoát, thì ta không bao giờ dạy bảo các ông phải xa lìa. Nếu chúng sinh xa lìa nghiệp ác rồi, mà còn đọa vào ba đường ác nữa, thì điều này không xảy ra. Nhờ xa lìa nghiệp ác nên thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đắc Đại Niết-bàn”. Vì thế cho nên chư Phật, Bồ-tát thường dùng pháp này để giáo hóa chúng sinh. Đối với nghiệp bất thiện của miệng và ý cũng như vậy, nên gọi Phật là Vô Thượng Sư. Lại nữa, xưa chưa chứng đạo, nay đã chứng đạo, dùng đạo đã chứng để thuyết giảng cho chúng sinh, từ xưa đến nay chưa tu tập phạm hạnh, nay đã tu tập xong, đem sự tu tập của mình chỉ dạy cho chúng sinh. Tự mình phá trừ vô minh, lại phá trừ vô minh cho chúng sinh. Tự mình được mắt thanh tịnh, lại phá trừ mắt tối tăm cho chúng sinh, làm cho họ được mắt thanh tịnh. Tự mình biết rõ hai đế, lại giảng nói cho chúng sinh hiểu rõ hai đế. Tự mình giải thoát, lại thuyết pháp giải thoát cho chúng sinh. Tự mình vượt qua sông lớn sinh tử không bờ bến, lại làm cho chúng sinh đều được vượt qua. Tự mình không còn sợ hãi, lại chỉ dạy cho chúng sinh, làm họ không còn sợ hãi. Tự mình đạt Niết-bàn, lại giảng nói Đại Niết-bàn cho chúng sinh, vì thế nên gọi Phật là Vô Thượng Sư. Thiên là nói ban ngày, trên trời ngày dài đêm ngắn, nên gọi là Thiên. Lại Thiên là nói không sầu não, thường được vui sướng nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên gọi là đèn sáng, có thể phá tan sự tối tăm, tỏa ánh sáng rộng lớn, nên gọi là Thiên. Cũng vì có thể phá bỏ nghiệp ác tối tăm, được nghiệp thiện, sinh lên cõi trời, nên gọi là Thiên. Lại Thiên là an lành, do an lành nên gọi là Thiên. Lại Thiên là mặt trời, có ánh sáng nên gọi là Thiên. Do những nghĩa này nên gọi là Thiên. Nhân là nói có nhiều ân nghĩa. Lại Nhân là thân, khẩu dịu dàng. Lại Nhân là có kiêu mạn. Lại Nhân là có thể diệt trừ kiêu mạn. Này thiện nam! Chư Phật tuy là bậc Đại sư vô thượng của chúng sinh, nhưng trong kinh nói là Thiên Nhân Sư. Vì sao? Này thiện nam! Vì trong tất cả chúng sinh, chỉ có hàng trời và người có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể tu mười đạo nghiệp thiện, có thể chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Phật-bích-chi, quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Phật gọi là Thiên Nhân Sư.

Thế nào là Phật? Phật gọi là Giác, đã tự giác ngộ mình, lại có thể giác ngộ cho người khác. Này thiện nam! Như có người biết có giặc cướp thì giặc cướp không thể gây hại được. Đại Bồ-tát có thể biết rõ tất cả vô lượng phiền não, đã biết rõ rồi nên làm cho các phiền não không làm gì được, nên gọi là Phật. Vì giác ngộ nên không sinh, không già, không bệnh, không chết, nên gọi là Phật, là Bà-già-bà. Bà-già là phá, Bà là phiền não, có thể phá trừ phiền não nên hiệu Bà-già-bà. Lại có thể thành tựu các pháp thiện, lại có thể khéo hiểu rõ nghĩa của các pháp, lại có công đức lớn không ai hơn được, lại có danh tiếng vang khắp mười phương, lại có thể bố thí cùng khắp, lại trong vô lượng vô số kiếp dứt bỏ căn tánh người nữ. Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể niệm Phật như vậy thì trong những lúc đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc ban ngày, ban đêm, lúc sáng, lúc tối, thường được thấy Phật Thế Tôn. Này thiện nam! Sao gọi là Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cho đến gọi Bà-già-bà có vô lượng công đức tên gọi lớn như vậy? Này thiện nam! Đại Bồ-tát trước đây trong vô lượng vô số kiếp đã từng cung kính cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, Thượng tọa, Trưởng lão. Lại trong vô lượng kiếp thường vì chúng sinh mà thực hành bố thí, giữ vững giới cấm, tu hạnh nhẫn nhục, thực hành tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Cho nên ngày nay được thân kim cang, đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Lại nữa, trước đây trong vô lượng vô số kiếp đã tu tập các căn trí, tấn, niệm, định, tuệ, đối với Sư trưởng thì cung kính cúng dường, thường vì lợi ích của pháp chứ không vì lợi dưỡng ăn uống. Hoặc Bồ-tát thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn, hoặc đọc hoặc tụng, thường vì chúng sinh khiến họ được giải thoát an ổn vui vẻ, mà Bồ-tát hoàn toàn không vì mình. Vì sao? Vì Bồ-tát thường tu tập tâm xuất thế gian, tâm xuất gia và tâm vô vi, tâm không tranh cãi, tâm không cấu uế, tâm không trói buộc, tâm không chấp trước, tâm không bị ngăn che, tâm không có gì mà không ghi nhớ, tâm không sinh tử, tâm không nghi ngờ, tâm không tham dục, tâm không sân giận, tâm không ngu si, tâm không kiêu mạn, tâm không nhơ bẩn, tâm không phiền não, tâm không khổ, tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm như hư không, tâm không, tâm không không, tâm không điều phục, tâm không thủ hộ, tâm không che giấu, tâm không thế gian, tâm thường định, tâm thường tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo, tâm không nguyện, tâm thiện nguyện, tâm không lầm lẫn, tâm dịu dàng, tâm chẳng trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm đệ nhất nghĩa, tâm bất thoái, tâm vô thường, tâm chánh trực, tâm không dua nịnh, tâm thuần thiện, tâm không nhiều hay ít, tâm không ngang ngạnh, tâm không phàm phu, tâm không Thanh văn, tâm không Duyên giác, tâm thiện tri, tâm biết cõi, tâm biết cõi sinh ra, tâm biết cõi trụ, tâm biết cõi tự tại, cho nên nay được Mười trí lực, Bốn vô sở úy, Đại bi, Ba niệm xứ, thường, lạc, ngã, tịnh. Vì vậy nên hiệu là Như Lai cho đến Bà-già-bà. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Phật.

Thế nào là Đại Bồ-tát niệm Pháp? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tư duy về giáo pháp tối diệu tối thượng mà chư Phật tuyên thuyết. Nhân nơi pháp ấy có thể khiến cho chúng sinh được quả hiện tại, chỉ có chánh pháp này không buộc thời gian, sự thấy của pháp nhãn không phải là sự thấy của nhục nhãn, hoàn toàn không thể dùng ví dụ để so sánh. Pháp này chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng diệt, chẳng thủy, chẳng chung, vô vi, vô số. Người không nhà cửa thì làm nhà cho họ, kẻ không chỗ quay về thì làm chỗ quay về, kẻ vô minh thì làm cho sáng suốt, người chưa đến bờ bên kia thì làm cho họ đến bờ bên kia, chỗ không có mùi thơm thì làm cho có mùi thơm vô ngại, không thể thấy làm cho thấy rõ. Pháp ấy không động, không chuyển, không dài, không ngắn, vĩnh viễn chấm dứt các vui mà được an vui hoàn toàn vi diệu. Pháp ấy chẳng phải sắc, đoạn sắc, mà cũng là sắc; cho đến chẳng phải thức, đoạn thức, mà cũng là thức; chẳng phải nghiệp, đoạn nghiệp, mà cũng là nghiệp; chẳng phải kiết, đoạn kiết, mà cũng là kiết; chẳng phải vật, đoạn vật, mà cũng là vật; chẳng phải giới, đoạn giới, mà cũng là giới; chẳng phải có, đoạn có, mà cũng là có; chẳng phải nhập, đoạn nhập, mà cũng là nhập; chẳng phải nhân, đoạn nhân, mà cũng là nhân; chẳng phải quả, đoạn quả, mà cũng là quả; chẳng phải hư, chẳng phải thật, đoạn tất cả thật, mà cũng là thật; chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, vĩnh viễn đoạn sinh diệt mà cũng là diệt; chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, đoạn tất cả tướng, mà cũng là tướng; chẳng phải dạy bảo, chẳng phải không dạy bảo, mà cũng là thầy; chẳng phải sợ hãi, chẳng phải an ổn, đoạn tất cả sợ hãi, mà cũng là an ổn; chẳng phải nhẫn, chẳng phải không nhẫn, hoàn toàn đoạn không nhẫn, mà cũng là nhẫn; chẳng phải dừng nghỉ, chẳng phải không dừng nghỉ, đoạn tất cả dừng nghỉ, mà cũng là dừng nghỉ; trên đỉnh của tất cả các pháp đều có thể đoạn hẳn tất cả phiền não, thanh tịnh vô tướng, hoàn toàn vượt lên các tướng; là chỗ ở rốt ráo của vô lượng chúng sinh, có thể diệt trừ tất cả ngọn lửa sinh tử; là chỗ lui tới của chư Phật, thường không biến đổi. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Pháp.

Thế nào là niệm Tăng? Chư Phật Thánh Tăng đúng như pháp mà an trú, thọ trì chánh pháp, tùy thuận tu hành, không thể nhìn thấy, không thể nắm giữ, không thể phá hoại, không thể nhiễu hại, không thể nghĩ bàn, là ruộng phước tốt cho tất cả chúng sinh. Tuy là ruộng phước nhưng không chỗ thọ lấy, thanh tịnh không dơ, vô lậu, vô vi, rộng lớn vô biên, tâm nhu hòa bình đẳng không hai, không bị làm vẩn đục, thường không biến đổi. Đó gọi là niệm Tăng.

Thế nào là niệm Giới? Bồ-tát suy nghĩ về giới, không phá, không lậu, không hoại, không tạp. Tuy không hình sắc nhưng có thể hộ trì. Tuy không xúc tiếp nhưng khéo tu tập các phương tiện, có thể đầy đủ không có lỗi lầm, được chư Phật và Bồ-tát khen ngợi. Đó là nhân của Đại Niết-bàn Đại Phương Đẳng. Này thiện nam! Ví như mặt đất, ghe thuyền, chuỗi anh lạc, dòng họ lớn, biển lớn, nước tro, nhà cửa, dao kiếm, đường cầu, lương y, thuốc hay, thuốc A-dà-đà, ngọc báu Như ý, chân, mắt, cha mẹ, bóng mát, không ai có thể trộm cướp, nhiễu hại được, lửa không thể thiêu đốt, nước không làm trôi dạt, là bậc thang trèo lên núi cao, là cờ báu của chư Phật, Bồ-tát. Nếu an trú vào giới này thì chứng được quả Tu-đà-hoàn, ta cũng có phần này nhưng không mong cầu. Vì sao? Nếu ta chứng được quả Tu-đà-hoàn thì không thể độ thoát cho tất cả chúng sinh. Như an trú ở trong giới này thì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta cũng có phần ấy, đó là chỗ mong muốn của ta. Vì sao? Nếu chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ta sẽ vì chúng sinh rộng thuyết pháp vi diệu để cứu độ. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Giới.

Thế nào là niệm Thí? Đại Bồ-tát quán sát thâm sâu bố thí này là nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật và Bồ-tát gần gũi tu tập bố thí như vậy, ta cũng gần gũi tu tập như thế. Nếu không bố thí thì không thể trang nghiêm bốn bộ chúng. Bố thí tuy không hoàn toàn đoạn được kiết sử, nhưng có thể phá trừ phiền não hiện tại. Nhờ nhân duyên bố thí nên thường được chúng sinh trong vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương khen ngợi. Đại Bồ-tát bố thí thực phẩm cho chúng sinh, tức là bố thí mạng sống cho họ.

Do quả báo này nên khi thành Phật thường không biến đổi. Do bố thí sự an vui nên khi thành Phật thường được an lạc. Khi Bồ-tát bố thí tài vật đúng pháp thì không xâm phạm người kia để cho người này, cho nên thành Phật được Niết-bàn thanh tịnh. Khi Bồ-tát bố thí khiến cho các chúng sinh không cầu mà được, cho nên thành Phật được tự tại. Nhờ nhân duyên bố thí đó khiến cho người khác được sức khỏe cho nên thành Phật chứng được mười lực. Nhờ nhân duyên bố thí khiến cho người khác nói được, cho nên thành Phật được bốn vô ngại. Chư Phật Bồ-tát tu tập hạnh bố thí này là nhân của Niết-bàn. Ta cũng như vậy, tu tập hạnh bố thí là nhân của Niết-bàn. Nói rộng hạnh bố thí như trong kinh Tạp Hoa.

Thế nào là niệm Thiên? Có cõi Tứ thiên vương đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Nếu có lòng tin thì được cõi Tứ thiên vương. Ta cũng có phần ấy. Nếu trì giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ thì được cõi Tứ thiên vương cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Ta cũng có phần, nhưng chẳng phải là điều mong muốn của ta. Vì sao? Vì cõi Tứ thiên vương đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng đều là vô thường. Vì vô thường cho nên có sinh, già, bệnh, chết. Do nghĩa này cho nên chẳng phải là điều Ta mong muốn. Như trò ảo hóa, lừa gạt người ngu. Người có trí không bị mê lầm. Như ảo hóa tức là cõi Tứ thiên vương đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Người ngu tức là tất cả phàm phu, ta không đồng với phàm phu ngu si. Ta từng nghe có trời Đệ nhất nghĩa, đó là chư Phật Bồ-tát thường không biến đổi. Vì thường trú nên không sinh, không già, không bệnh, không chết. Ta vì chúng sinh nên tinh tấn mong cầu trời Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì trời Đệ nhất nghĩa có thể khiến chúng sinh dứt trừ phiền não như cây Như ý. Nếu ta có tín cho đến có tuệ thì có thể đạt được cõi Đệ nhất nghĩa này. Ta sẽ vì chúng sinh giảng nói rõ về trời Đệ nhất nghĩa. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Thiên.

Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát chẳng phải thế gian, là điều mà thế gian chẳng thấy, chẳng hay biết, mà là chỗ thấy, hay biết của Bồ- tát. Này thiện nam! Nếu đệ tử Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói Mười hai bộ loại kinh văn và thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh Đại Niết-bàn v.v… đồng nhau không sai khác, thì nghĩa này không như vậy. Vì sao? Này thiện nam! Vì Đại Niết-bàn là tạng bí mật thâm sâu của tất cả chư Phật Thế Tôn. Vì tạng bí mật thâm sâu của chư Phật là hơn tất cả. Này thiện nam! Do nghĩa này nên kinh Đại Niết-bàn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng biết kinh Đại Niết-bàn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, chẳng thể nghĩ bàn.

Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Bồ- tát, Bồ-đề, kinh Niết-bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Do nghĩa gì mà lại nói Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát không có người dạy bảo mà có thể tự phát tâm Bồ-đề, đã phát tâm Bồ-đề rồi siêng năng tu hành tinh tấn. Giả sử lửa lớn đốt cháy thân, đầu, nhưng không bao giờ cầu cứu mà bỏ tâm niệm Pháp. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thường tự suy nghĩ: “Ta ở trong vô lượng vô số kiếp hoặc ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trong loài người, trên cõi trời, bị các thứ lửa kiết sử đốt cháy, nhưng chưa từng được một pháp quyết định, pháp quyết định ấy là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay ta vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên không bao giờ tiếc thân mạng. Ta vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dẫu phải nát thân như vi trần, ta cũng không bao giờ xả bỏ siêng năng tinh tấn. Vì sao? Vì tâm siêng năng tinh tấn là nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Bồ-tát này, chưa thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà có thể không tiếc thân mạng như thế, huống gì là thấy rồi, cho nên Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ-tát đã thấy sinh tử có vô lượng tội khổ, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Dù biết sinh tử có vô lượng tội khổ, nhưng vì chúng sinh nên ở trong đó chịu khổ mà không nhàm chán xa lìa, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát vì chúng sinh nên dù ở trong địa ngục, chịu các khổ não, nhưng vẫn an vui như ở cõi Thiền thứ ba, cho nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Ví như nhà Trưởng giả bị cháy, Trưởng giả thấy rồi liền chạy ra khỏi nhà, các người con ở sau chưa thoát khỏi nạn lửa. Khi ấy Trưởng giả biết chắc là lửa sẽ làm hại, vì các con nên ông trở vào nhà để cứu, không kể sự nguy hiểm. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, dù biết sinh tử nhiều tội lỗi, nhưng vì chúng sinh nên ở trong sinh tử không nhàm chán, nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ- đề, thấy trong sinh tử nhiều tội lỗi, tâm liền thoái lui, hoặc làm Thanh văn, hoặc làm Duyên giác. Nếu có Bồ-tát nghe kinh này thì không bao giờ thoái thất tâm Bồ-đề mà làm Thanh văn, Phật-bích-chi. Bồ-tát như vậy dù chưa đến địa Sơ bất động nhưng tâm vững chắc không thoái thất, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Nếu có người nói: “Ta có thể lội qua biển lớn” thì lời nói như vậy, có thể nghĩ bàn được chăng?

–Bạch Thế Tôn! Lời nói như vậy hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì nếu người lội qua được biển lớn thì chẳng thể nghĩ bàn, còn A-tu-la lội qua được là có thể nghĩ bàn.

–Này thiện nam! Ta chẳng nói A-tu-la, chỉ nói người thôi.

–Bạch Thế Tôn! Trong loài người cũng có người có thể nghĩ bàn và người không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Người cũng có hai loại: Một là Thánh nhân, hai là phàm phu. Hàng phàm phu thì chẳng thể nghĩ bàn. Bậc Thánh hiền thì có thể nghĩ bàn.

–Này thiện nam! Ta nói phàm phu không nói Thánh nhân.

–Bạch Thế Tôn! Nếu phàm phu lội qua biển lớn được thì thật là chẳng thể nghĩ bàn.

–Này thiện nam! Phàm phu thật không thể lội qua biển lớn được. Bồ-tát thật có thể qua khỏi biển lớn sinh tử, cho nên gọi là không thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Nếu có người có thể dùng sợi tơ của ngó sen treo núi Tu-di thì có thể nghĩ bàn chăng?

–Bạch Thế Tôn! Không thể.

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát trong khoảng một niệm có thể tính lường tất cả sinh tử, cho nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trong vô lượng vô số kiếp thường quán sinh tử vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, rồi vì chúng sinh phân biệt diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh. Dẫu diễn nói như vậy nhưng không phải là tà kiến, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Như người vào nước, nước không thể làm trôi đi, vào lửa lớn, lửa không thể làm cháy được, việc như vậy thì chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát cũng như vậy, dù ở chốn sinh tử nhưng không bị sinh tử não hại, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Người có ba hạng: Thượng, trung và hạ. Người bậc hạ lúc mới nhập thai suy nghĩ: “Nay ta ở chỗ nhà xí đầy những hôi bẩn, chỗ quay về như chỗ bỏ xác chết, trong chỗ gai góc, chốn rất tối tăm”. Lúc mới xuất thai nghĩ: “Nay ta ra khỏi chỗ nhà xí đầy hôi bẩn, cho đến ra khỏi chỗ tối tăm”. Người bậc trung suy nghĩ: “Nay ta vào nhà cửa phòng ốc, trong rừng cây bên dòng sông trong sạch”. Lúc xuất thai cũng vậy. Người bậc thượng suy nghĩ: “Ta lên cung điện ở trong rừng hoa, cưỡi voi, phi ngựa, trèo lên núi cao”. Lúc xuất thai cũng vậy. Hàng Bồ-tát khi mới nhập thai tự biết là nhập thai, khi ở thì biết ở, khi ra thì biết ra, hoàn toàn không sinh tâm tham, sân, nhưng chưa lên địa Sơ trụ, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật không thể dùng ví dụ để so sánh. Này thiện nam! Tâm cũng không thể dùng phương tiện thí dụ để so sánh, nhưng đều có thể nói. Đại Bồ-tát không có thầy thưa hỏi, không nơi học tập mà có thể đắc pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đắc pháp này rồi tâm không nuối tiếc, thường diễn nói cho chúng sinh, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có việc thân xa lìa chẳng phải miệng. Có việc miệng xa lìa chẳng phải thân. Có việc chẳng phải thân, chẳng phải miệng mà cũng xa lìa. Việc thân xa lìa là xa lìa sự giết hại, trộm cướp, dâm dục, đó gọi là thân xa lìa chẳng phải miệng. Việc miệng xa lìa là xa lìa nói dối, nói hai lưỡi, nói lời hung ác, nói lời vô nghĩa, đó gọi là miệng xa lìa chẳng phải thân. Việc chẳng phải thân chẳng phải miệng xa lìa là lìa tham lam, ganh ghét, giận hờn, tà kiến. Này thiện nam! Đó là việc chẳng phải thân chẳng phải miệng mà cũng xa lìa. Này thiện nam! Đại Bồ-tát chẳng thấy một pháp nào là thân, là nghiệp cùng chủ thể xa lìa mà có sự xa lìa, cho nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn, miệng cũng như vậy. Này thiện nam! Từ nơi thân xa lìa thân, từ nơi miệng xa lìa miệng, từ trí tuệ xa lìa chẳng phải thân, chẳng phải miệng. Này thiện nam! Thật có trí tuệ này nhưng không thể khiến Bồ- tát xa lìa. Vì sao? Này thiện nam! Không có một pháp nào có thể hoại, có thể tạo tác, tánh của pháp hữu vi sinh khác, diệt khác. Vì thế nên trí tuệ này không thể xa lìa. Này thiện nam! Trí tuệ không thể phá hủy, lửa không thể đốt cháy, nước không thể tan rã, gió không thể lay động, đất không thể duy trì. Sinh không thể sinh, già không thể già, trụ không thể trụ, hoại không thể hoại, tham không thể tham, sân không thể sân, si không thể si, vì tánh của pháp hữu vi lúc sinh khác, lúc diệt khác. Đại Bồ-tát hoàn toàn không nghĩ: Ta dùng trí tuệ này phá các phiền não, mà tự nói ta phá phiền não. Tuy nói như vậy nhưng chẳng phải hư vọng. Do vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con mới biết Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ

bàn. Phật, Pháp, Tăng, kinh Đại Niết-bàn và người thọ trì, Bồ-đề Niết-bàn đều không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Pháp Phật vô thượng, thời gian bao lâu, gần hay xa thì sẽ diệt?

–Này thiện nam! Nếu đệ tử của Ta có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói nghĩa của năm hạnh: Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bệnh hạnh, Anh nhi hạnh trong kinh Đại Niết-bàn thì được chúng sinh cung kính, tôn trọng, tán thán, cúng dường, nên biết đó là thời kỳ pháp Phật chưa diệt. Này thiện nam! Nếu kinh Đại Niết-bàn lưu hành đầy đủ thì biết đó là thời kỳ pháp Phật chưa diệt. Các đệ tử Ta phạm nhiều giới cấm, tạo nghiệp ác, không kính tin kinh điển này, vì không tin nên không thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói ý nghĩa của kinh này, nên không được mọi người cung kính cúng dường. Khi thấy người thọ trì thì lại hủy báng khinh chê: “Ông là Lục sư, chẳng phải đệ tử Phật”. Nên biết đó là thời kỳ pháp Phật sắp diệt chẳng còn bao lâu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con theo hầu Phật nghe Phật nói như vầy: “Chánh pháp của Đức Phật Ca-diếp trụ ở đời bảy ngày, sau diệt mất”. Bạch Thế Tôn! Phật Ca-diếp có kinh Đại Niết-bàn này không? Nếu có sao lại nói diệt? Nếu như không thì sao nói kinh Đại Niết-bàn này là tạng bí mật của chư Như Lai?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Trước kia Ta nói chỉ có Văn-thù mới hiểu được nghĩa này. Nay Ta sẽ nói lại, ông hãy chí tâm lắng nghe. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn có hai loại pháp: Một là thế pháp, hai là đệ nhất nghĩa pháp. Thế pháp thì có hoại diệt, Đệ nhất nghĩa pháp thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Hai là thường, lạc, ngã, tịnh. Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh thì có hoại diệt, còn thường, lạc, ngã, tịnh thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là pháp của Nhị thừa thọ trì, hai là pháp của Bồ-tát thọ trì. Nhị thừa thọ trì thì có hoại diệt, Bồ-tát thọ trì thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là ngoại pháp, hai là nội pháp. Ngoại pháp thì có hoại diệt, nội pháp thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là hữu vi, hai là vô vi. Pháp hữu vi thì có hoại diệt, pháp vô vi thì không có hoại diệt. Lại có hai loại: Một là có thể đắc, hai là không thể đắc. Pháp có thể đắc thì có hoại diệt, pháp không thể đắc thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là cộng pháp, hai là bất cộng pháp. Cộng pháp thì hoại diệt, bất cộng pháp thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là trong loài người, hai là trong loài trời. Pháp trong loài người thì hoại diệt, pháp trong loài người thì không hoại diệt. Lại có hai loại: Một là Mười một bộ loại kinh văn, hai là kinh Phương Đẳng. Mười một bộ loại kinh văn thì hoại diệt, kinh Phương Đẳng thì không hoại diệt. Này thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán kinh Phương Đẳng thì nên biết đó là thời kỳ pháp Phật không hoại diệt. Này thiện nam! Ông hỏi Như Lai Ca-diếp có kinh này chăng? Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn là tạng bí mật của tất cả chư Phật. Vì sao? Vì chư Phật tuy có Mười một bộ loại kinh văn, nhưng không nói Phật tánh, không nói Như Lai, thường, lạc, ngã, tịnh, không nói chư Phật Thế Tôn hoàn toàn không nhập Niết-bàn, cho nên kinh này gọi là tạng bí mật của Như Lai. Mười một bộ loại kinh văn không giảng nói nên gọi là tạng. Như bảy thứ báu của người không đem ra dùng nên gọi là tạng. Này thiện nam! Người này sở dĩ cất giữ tài vật để dùng vào việc tương lai. Những gì là việc tương lai? Đó là lúa gạo khan hiếm, giặc đến xâm lăng, gặp vua hung dữ dùng để chuộc mạng. Hoặc đường giao thông bế tắc, tài vật khô cạn, đúng lúc mới đem ra dùng. Này thiện nam! Tạng bí mật của Như Lai cũng như vậy. Vào đời vị lai, các Tỳ-kheo ác chứa vật bất tịnh, vì bốn chúng nói Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn, đọc tụng sách vở thế gian, không cung kính kinh Phật. Khi những điều ác như vậy hiện ra ở đời, Như Lai vì muốn diệt trừ các điều ác này để khiến họ xa lìa lợi dưỡng tà mạng nên Như Lai vì họ mà diễn nói kinh này. Nếu khi tạng bí mật của kinh điển này bị diệt mất, không còn xuất hiện nữa, thì nên biết đó là thời kỳ pháp Phật diệt tận. Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn thường trụ không biến đổi, thì sao ông lại hỏi thời Đức Phật Ca- diếp có kinh này không? Này thiện nam! Vào thời Phật Ca-diếp đã có những chúng sinh ít tham dục, nhiều trí tuệ, Đại Bồ-tát nhu hòa dễ giáo hóa, có oai đức lớn không quên Tổng trì, như đại Tượng vương, cõi nước thanh tịnh. Tất cả chúng sinh đều biết Như Lai không hoàn toàn nhập Niết-bàn, mà thường trụ không biến đổi. Tuy có kinh điển này nhưng không nên diễn nói. Này thiện nam! Chúng sinh đời này nhiều phiền não ngu si, sân giận, không có trí tuệ, nhiều nghi ngờ, không tạo lập niềm tin, cõi nước không thanh tịnh. Tất cả chúng sinh đều cho rằng Như Lai vô thường biến đổi, hoàn toàn nhập Đại Niết-bàn, cho nên Như Lai diễn nói kinh này. Này thiện nam! Giáo pháp của Đức Phật Ca-diếp thật chẳng diệt mất. Vì sao? Vì thường trụ không biến đổi. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh đối với ngã thấy có vô ngã, vô ngã thấy ngã; thường thấy vô thường, vô thường thấy thường; lạc thấy không lạc, không lạc thấy lạc; tịnh thấy bất tịnh, bất tịnh thấy tịnh; diệt thấy không diệt, không diệt thấy diệt; tội thấy chẳng phải tội, chẳng phải tội thấy tội; tội nhẹ thấy nặng, tội nặng thấy nhẹ; thừa thấy chẳng phải thừa, chẳng phải thừa thấy thừa; đạo thấy chẳng phải đạo, chẳng phải đạo thấy đạo; thật là Bồ-đề thấy chẳng phải Bồ-đề, thật chẳng phải Bồ-đề lầm thấy Bồ-đề; khổ thấy chẳng phải khổ, tập thấy chẳng phải tập, diệt thấy chẳng phải diệt, thật thấy chẳng phải thật; thật là Thế đế thấy Đệ nhất nghĩa đế, Đệ nhất nghĩa đế thấy là thế đế; trở về thấy chẳng phải trở về, chẳng phải trở về thấy trở về; cho lời Phật thuyết là ma thuyết, thật là lời ma cho là lời Phật, thì vào thời kỳ như thế, Đức Phật mới nói kinh Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Thà nói vòi của con muỗi dài tận đáy biển lớn, chứ không nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói dùng miệng thổi tan hoại núi Tu-di, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói dùng dây tơ buộc chặt luồng gió mạnh, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói trong lửa Khư-đà-la mọc hoa sen, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói thuốc A-dà-đà là độc dược, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói có thể làm cho mặt trăng nóng, mặt trời lạnh, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói bốn đại đều bỏ tánh của nó, chứ không thể nói chánh pháp của Như Lai diệt.

Này thiện nam! Nếu có Đức Phật ra đời, chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng chưa có đệ tử hiểu nghĩa sâu xa này, mà Đức Phật kia liền Niết-bàn, thì nên biết chánh pháp đó không tồn tại lâu dài ở đời. Này thiện nam! Nếu Đức Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, mà Đức Phật dù nhập Niết-bàn, thì nên biết chánh pháp đó vẫn tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Đức Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tuy có đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, nhưng không có hàng bạch y đàn- việt dốc lòng cung kính tôn trọng pháp Phật, mà Đức Phật liền nhập Niết-bàn, thì nên biết chánh pháp đó không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Đức Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu nghĩa sâu xa và có nhiều bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng, kính trọng pháp Phật, thì tuy Phật nhập Niết-bàn, ông nên biết, pháp Phật vẫn tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi có các đệ tử hiểu nghĩa sâu xa và tuy có bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng kính trọng pháp Phật mà các đệ tử diễn nói kinh pháp với mục đích tham cầu lợi dưỡng chứ không vì Niết-bàn thì nên biết, khi Phật diệt độ chánh pháp không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, lại có bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng kính trọng pháp Phật, các đệ tử diễn nói kinh pháp không vì tham cầu lợi dưỡng, chỉ mong cầu Niết-bàn thì nên biết, tuy Phật diệt độ nhưng chánh pháp vẫn tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tuy có đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, lại có hàng bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng kính trọng pháp Phật mà hàng đệ tử phát sinh nhiều sự tranh cãi với nhau về phải, trái thì nên biết, khi Phật nhập Niết-bàn chánh pháp không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, lại có hàng bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng kính trọng pháp Phật, các đệ tử ấy tu tập pháp hòa kính, không tranh cãi nhau về trái, phải, mà tôn trọng lẫn nhau, thì ông nên biết, Phật tuy

Niết-bàn nhưng pháp Phật vẫn tồn tại lâu không diệt mất. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tuy có đệ tử hiểu nghĩa sâu xa, lại có hàng bạch y đàn việt dốc lòng tin tưởng, kính trọng pháp Phật, các đệ tử kia vì Đại Niết-bàn mà diễn nói chánh pháp, cung kính lẫn nhau không sinh tranh luận, nhưng lại chứa tất cả vật bất tịnh, lại tự khen mình chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, thì nên biết, khi Phật diệt độ chánh pháp không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử hiểu rõ nghĩa sâu xa, lại có hàng bạch y đàn-việt dốc lòng tin tưởng, kính trọng pháp Phật, các đệ tử kia vì Đại Niết-bàn mà giảng nói kinh pháp, khéo tu pháp hòa kính, tôn trọng lẫn nhau, không cất chứa các vật bất tịnh, cũng không tự nói chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, thì nên biết, tuy Phật Thế Tôn có diệt độ nhưng chánh pháp vẫn tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử… cho đến không chứa vật bất tịnh, lại không tự nói chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, nhưng các đệ tử đều chấp kiến giải của mình, lập đủ thuyết khác nhau mà tự nói: “Này Trưởng lão! Giới của Phật chế, bốn giới trọng cho đến bảy pháp diệt tánh vì chúng sinh nên hoặc ngăn, hoặc mở, Mười hai bộ loại kinh văn cũng như vậy. Vì sao? Vì Phật biết cõi nước thời gian khác nhau, căn tánh lợi độn của chúng sinh không đồng. Vì thế nên Như Lai hoặc ngăn, hoặc mở, có nặng nhẹ. Này trưởng lão! Ví như lương y có những bệnh thì cho uống sữa, có những bệnh không cho uống sữa. Bệnh nhiệt thì cho uống, bệnh hàn thì cho ngăn. Cũng vậy, Như Lai quán sát căn bệnh phiền não của chúng sinh nên cũng mở cũng ngăn. Này Trưởng lão! Đích thân tôi được nghe Phật nói nghĩa như vậy, chỉ có tôi biết nghĩa, ông không thể biết, chỉ có tôi hiểu luật, ông không hiểu, chỉ có tôi biết kinh, ông không thể biết", thì nên biết, khi Đức Phật kia diệt độ, chánh pháp không tồn tại lâu ở đời. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Đức Phật ra đời chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử cho đến không nói ta chứng quả Tu-đà- hoàn cho đến quả A-la-hán, cũng không nói chư Phật Thế Tôn vì chúng sinh cho nên hoặc ngăn hoặc mở mà nói: "Này trưởng lão! Đích thân tôi được nghe Phật thuyết nghĩa như vậy. Này trưởng lão! Nên nương vào Mười hai bộ loại kinh văn của Như Lai, nghĩa này nếu đúng tôi sẽ thọ trì, nếu sai tôi sẽ hủy bỏ", thì nên biết, tuy Đức Phật Thế Tôn kia nhập Niết-bàn nhưng chánh pháp vẫn tồn tại lâu ở đời. Này thiện nam! Lúc chánh pháp của Ta diệt có đệ tử Thanh văn hoặc nói có thần, hoặc nói không có thần, hoặc nói có trung ấm, hoặc nói không có trung ấm, hoặc nói có ba đời, hoặc nói không có ba đời, hoặc nói có ba thừa, hoặc nói không có ba thừa, hoặc nói tất cả đều có, hoặc nói tất cả đều không, hoặc nói chúng sinh có thủy có chung, hoặc nói chúng sinh không thủy không chung, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói nhân duyên là pháp vô vi, hoặc nói Như Lai có hành nghiệp bệnh khổ, hoặc nói Như Lai không có hành nghiệp bệnh khổ, hoặc nói Như Lai không cho Tỳ-kheo ăn mười loại thịt. Những gì là mười? Thịt người, thịt rắn, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt lừa, thịt sư tử, thịt heo, thịt chồn, thịt khỉ, vượn; ngoài những thứ này ra đều cho phép ăn. Hoặc nói tất cả các thứ thịt đều không cho ăn. Hoặc nói Tỳ-kheo không được làm năm việc. Những gì là năm? Không được bán các thứ như: nô lệ, dao, rượu, sữa đặc, dầu mè; ngoài những thứ này ra đều cho phép. Hoặc nói không cho vào năm nhà. Những gì là năm? Nhà đồ tể, nhà dâm nữ, quán rượu, cung vua, nhà Chiên-đà-la; ngoài những nhà này ra đều cho phép. Hoặc nói không cho mặc y kiều-xà-gia; ngoài ra tất cả đều cho. Hoặc nói Như Lai cho các Tỳ-kheo lãnh thọ và cất giữ y phục, thực phẩm, đồ nằm, trị giá mỗi thứ mười vạn lượng vàng, hoặc nói không cho. Hoặc nói Niết-bàn chính là kiết sử đã hết, không còn có pháp nào khác nên gọi là Niết-bàn. Ví như lấy chỉ dệt gọi là y, y đã hư rách thì gọi là không y, thật không có pháp gì khác gọi là không y, thể của Niết-bàn cũng như vậy. Này thiện nam! Đang trong thời kỳ đó, các đệ tử Ta nói chánh thì ít mà nói tà thì nhiều, thọ chánh pháp thì ít, thọ tà pháp thì nhiều, thọ lời Phật thì ít, thọ lời ma thì nhiều. Này thiện nam! Bấy giờ trong nước Câu-diêm-di có hai đệ tử: Một là La-hán, hai là phá giới. Đồ chúng của người phá giới gồm năm trăm người, đồ chúng của La-hán gồm có một trăm vị. Người phá giới nói: "Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn, chính tôi nghe nghĩa này từ Đức Phật nói. Như Lai đã chế bốn pháp trọng nếu trì cũng được, phạm cũng không tội. Nay tôi cũng đắc quả A-la-hán và bốn trí vô ngại, mà A-la-hán cũng phạm bốn pháp trọng như vậy. Bốn pháp trọng nếu thật là tội thì bậc A-la-hán hoàn toàn không nên phạm. Như Lai lúc còn tại thế bảo giữ gìn chặt chẽ, đến khi nhập Niết-bàn thì đều phóng xả". Vị A-la-hán bảo Tỳ-kheo phá giới: "Này trưởng lão! Ông không nên nói Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn. Tôi biết Như Lai thường còn không biến đổi. Như Lai còn ở đời hay sau khi nhập Niết-bàn, tội phạm bốn trọng cấm không có gì sai khác. Nếu nói A-la-hán phạm bốn tội trọng thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì bậc Tu-đà-hoàn còn không phạm huống gì A-la-hán, nếu trưởng lão nói mình là La-hán thì A-la-hán hoàn toàn không sinh tư tưởng mình là La-hán. A-la-hán chỉ nói pháp thiện, không nói pháp bất thiện. Những lời trưởng lão nói toàn là phi pháp. Nếu có người đọc được Mười hai bộ loại kinh văn thì biết chắc chắn trưởng lão chẳng phải A-la-hán”.

Này thiện nam! Lúc ấy đồ chúng của vị Tỳ-kheo phá giới liền cùng nhau giết chết vị A-la-hán. Này thiện nam! Bấy giờ, Ma vương nhân lúc tâm của hai chúng tức giận bèn làm hại cả sáu trăm vị Tỳ- kheo này. Khi ấy những kẻ phàm phu bảo nhau: “Thương thay pháp Phật nay đã diệt tận!”. Nhưng chánh pháp của Ta thật không diệt. Bởi vì bấy giờ trong nước ấy có mười hai vạn Đại Bồ-tát khéo giữ gìn pháp của Ta thì làm sao nói pháp của Ta diệt được!

Bấy giờ, trong cõi Diêm-phù-đề chẳng có một Tỳ-kheo nào là đệ tử của Ta. Ma Ba-tuần dùng lửa lớn đốt cháy tất cả kinh điển hiện có. Trong đó có còn sót lại thì các Bà-la-môn cùng nhau trộm lấy, góp nhặt để vào trong kinh điển của mình. Vì nghĩa này nên những Bồ-tát nhỏ, khi Phật chưa ra đời, cùng nhau noi theo tin nhận lời của Bà-la-môn. Các Bà-la-môn tuy nói mình có trai giới, nhưng thật ra ngoại đạo chẳng có. Các hàng ngoại đạo tuy nói có ngã, lạc, tịnh nhưng thật không hiểu nghĩa ngã, lạc, tịnh, chỉ lấy một chữ, hai chữ, một câu, hai câu của pháp Phật nói là kinh điển của mình có nghĩa như vậy.

Khi ấy, trong rừng cây Ta-la song thọ thuộc thành Câu-thi-na, vô lượng, vô biên, vô số chúng nghe lời này xong đều cùng xướng lên:

–Thế gian rỗng không! Thế gian rỗng không! Bồ-tát Ca-diếp bảo đại chúng:

–Các vị chớ buồn sầu, khóc lóc! Thế gian chẳng rỗng không. Như Lai thường trụ không biến đổi, Pháp, Tăng cũng như vậy.

Bấy giờ, đại chúng nghe lời này xong, không còn khóc than nữa, đều cùng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XIX

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 5

Bấy giờ, vua A-xà-thế lúc ở thành Vương-xá, tánh tình hung ác, ưa thích chém giết, miệng đủ bốn nghiệp ác, tâm hừng hực tham, sân, si, chỉ thấy hiện tại, không thấy vị lai, dùng toàn những người ác làm quyến thuộc, tham đắm thú vui năm dục đời này, bạo ngược giết hại vua cha vô tội; giết cha rồi tâm hối hận, nóng bức, thân không đeo các anh lạc, không nghe kỹ nhạc. Vì tâm hối hận, nóng bức nên khắp thân sinh ung nhọt. Những ung nhọt này hôi hám không ai dám đến gần. Vua suy nghĩ: “Thân này của ta nay đã lãnh chịu họa báo, quả báo địa ngục sắp cận kề”. Bấy giờ, mẫu hậu của vua tên Vi-đề-hy dùng đủ thuốc để chữa trị cho vua, nhưng ung nhọt càng nhiều thêm, chẳng thuyên giảm chút nào. Vua liền nói với mẹ: “Như vậy những ung nhọt này từ tâm phát ra chẳng phải do bốn đại sinh khởi. Nếu bảo chúng sinh có thể trị lành thì đó là việc chẳng có”. Khi ấy, có đại thần tên là Nguyệt Xứng đi đến chỗ vua, đứng sang một bên, tâu: “Tâu đại vương! Cớ sao buồn rầu, dung nhan chẳng vui, vì thân bệnh chăng? Vì tâm bệnh chăng?”. Vua liền đáp: “Thân tâm của trẫm hiện giờ đều bệnh, cha trẫm vô tội mà trẫm bạo ngược giết chết. Trẫm từng nghe bậc trí nói nghĩa này: Ở đời có năm hạng người không thoát khỏi địa ngục. Đó là năm tội nghịch. Nay trẫm có vô lượng, vô biên, vô số tội lỗi thì làm sao mà thân tâm của trẫm không bị đau đớn cho được? Lại không có lương y nào trị được bệnh thân tâm của trẫm”. Đại thần tâu: “Đại vương! Xin chớ quá buồn khổ!”. Rồi nói kệ:

Nếu thường sầu khổ
Sầu liền tăng trưởng
Như người thích ngủ
Thì ngủ nhiều hơn
Tham dâm, thích rượu
Cũng lại như thế.

Như đại vương đã nói, ở đời có năm hạng người không thoát khỏi địa ngục. Vậy ai đến địa ngục thấy việc ấy về nói với đại vương? Nói địa ngục tức là người trí ở thế gian nói. Như đại vương nói ở đời không có lương y trị thân tâm thì nay đã có vị đại y tên Phú-lan-na thấy biết tất cả, được định tự tại, hoàn toàn tu tập phạm hạnh thanh tịnh, thường vì vô lượng, vô biên chúng sinh diễn nói đạo Niết-bàn vô thượng, vì các đệ tử thuyết pháp như vầy: "Không có nghiệp ác, không có nghiệp báo ác, không có nghiệp thiện, không có nghiệp báo thiện, không có nghiệp vừa thiện vừa ác, không có nghiệp báo vừa thiện vừa ác, không có nghiệp thượng và hạ. Vị thầy này đang ở trong thành Vương-xá, xin đại vương ngự giá đến đó, có thể nhờ vị thầy này chữa trị thân tâm". Nhà vua nói: "Nếu vị ấy có thể diệt trừ tội lỗi của trẫm thì trẫm sẽ quy y". Lại có một quan khác tên Tạng Đức đến bên nhà vua và tâu: "Tâu đại vương! Cớ sao diện mạo tiều tụy, môi miệng khô nứt, tiếng nói yếu ớt, giống như người khiếp sợ thấy kẻ oán địch lớn thì nhan sắc tái nhợt. Đại vương đang bị khổ gì? Là thân đau đớn chăng? Tâm đau đớn chăng?". Nhà vua đáp: "Nay thân tâm của trẫm làm sao không đau đớn. Trẫm si mù không có mắt tuệ, gần gũi với bạn ác cho là bạn lành, theo lời của người ác Điều-bà-đạt, nghịch hại vị vua chánh pháp. Trẫm xưa từng nghe bậc trí nói kệ:

Đối với cha mẹ Phật và đệ tử
Sinh tâm bất thiện
Khởi nghiệp xấu ác
Quả báo như vậy
Ở ngục A-tỳ.

Vì sự việc này khiến cho tâm trẫm lo sợ, sinh khổ não lớn. Lại không có lương y để cầu xin chữa trị?". Đại thần lại tâu: "Xin đại vương chớ quá lo buồn, sợ hãi. Pháp có hai loại: Một là xuất gia, hai là vương pháp. Theo vương pháp thì giết hại cha mình để lên ngôi vua, tuy là nghịch tử nhưng thật không có tội. Như con trùng Ca-la-la phải cắn lủng bụng mẹ rồi sau đó mới sinh ra được. Sinh pháp là như vậy, tuy phá thân mẹ nhưng thật cũng không có tội. Con la thai nghén cũng lại như thế. Pháp trị nước theo phép phải như vậy, tuy giết cha, anh, nhưng thật không có tội. Pháp xuất gia thì nhẫn giết con muỗi, con kiến cũng có tội. Xin đại vương hãy thoải mái tâm tư, chớ lo buồn. Vì sao? Vì:

Nếu thường buồn khổ
Sầu càng tăng thêm
Như người thích ngủ
Và ngủ nhiều hơn
Tham dâm, ưa rượu
Cũng lại như vậy.

Như đại vương đã nói, ở đời không có lương y chữa trị thân tâm thì nay có vị Đại sư tên Mạt-già-lê-câu-xá-ly-tử, thấy biết tất cả, thương xót chúng sinh giống như con đẻ, đã lìa phiền não, có thể nhổ mũi tên nhọn ba độc cho chúng sinh. Tất cả chúng sinh đối với tất cả các pháp không thấy, biết, hiểu, chỉ độc nhất người này thấy, biết, hiểu. Đại sư như thế thường vì đệ tử thuyết pháp như vầy: “Thân của tất cả chúng sinh gồm có bảy phần. Những gì là bảy? Đó là đất, nước, lửa, giới, khổ, vui và thọ mạng. Bảy pháp này chẳng phải biến hóa ra, chẳng phải làm nên, không thể hủy hoại cỏ y-sư-ca, an trụ không động như núi Tu-di, không xả, không làm như sữa, lạc, mỗi thứ không tranh tụng. Hoặc khổ hay vui, hoặc thiện hay ác dùng dao bén nhọn cắt chặt nhưng chúng cũng không bị tổn thương. Vì sao? Vì bảy phần này rỗng không nên không chỗ ngăn ngại, nhưng cũng không bị hại. Vì sao? Vì không có người hại và người chết, không làm thì không thọ lãnh, không nói thì không nghe, không có người nhớ nghĩ và người dạy bảo. Đại sư thường nói, pháp này có thể khiến cho chúng sinh diệt trừ tất cả vô lượng tội nặng. Đại sư kia hiện đang ở trong thành lớn Vương-xá. Xin đại vương đi đến chỗ vị ấy. Nếu đại vương gặp được thì các tội tiêu diệt”. Nhà vua đáp: “Nếu thật có thể diệt trừ tội của trẫm như vậy thì trẫm sẽ quy y”. Lại có một vị quan tên là Thật Đắc đi đến bên nhà vua và nói kệ:

Đại vương vì sao?
Thân bỏ anh lạc
Đầu tóc rối bù
Đến nỗi như vậy
Thân vua cớ sao?
Run rẩy không an
Ví như gió lớn

Thổi động cây, hoa.

Cớ sao đại vương mặt mày ủ rũ, tiều tụy giống như người nông dân sau khi gieo hạt mà trời chẳng mưa. Sầu khổ như vậy là vì tâm đau khổ hay vì thân đau đớn?”. Nhà vua liền nói: “Nay thân của trẫm lẽ nào không đau đớn sao. Tiên vương là cha trẫm nhân từ độ lượng, đặc biệt thương yêu trẫm, chẳng có tội gì. Xưa cha trẫm đến hỏi vị thầy xem tướng. Thầy xem tướng nói: “Khi sinh ra đứa bé này chắc chắn sẽ giết cha”. Tuy nghe lời ấy nhưng cha vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng trẫm. Trẫm từng nghe bậc trí nói: “Nếu người gian dâm với mẹ và Tỳ-kheo- ni, trộm lấy đồ vật của thần và chúng Tăng, sát hại người phát tâm Bồ- đề vô thượng và giết cha mình thì những người như thế chắc chắn đọa vào địa ngục A-tỳ”. Nay thân tâm của trẫm chẳng phải không đau đớn sao. Đại thần lại tâu: “Xin đại vương chớ quá buồn khổ. Nếu tiên vương tu tập giải thoát mà giết hại thì có tội. Nếu theo pháp trị nước giết hại thì không có tội. Tâu đại vương! Chẳng phải pháp thì gọi là chẳng phải pháp. Không có pháp gọi là không có pháp. Giống như không có con gọi là không có con, cũng như đứa con ác gọi là không có con. Tuy nói không có con nhưng thật chẳng phải không có con. Như thức ăn không có muối gọi là không có muối. Như sông không có nước gọi là không có nước. Nếu sông có quá ít nước thì cũng gọi là không có nước. Như niệm niệm diệt gọi là vô thường, tuy trong một kiếp cũng gọi là vô thường. Như người chịu khổ gọi là không vui, tuy nhận được niềm vui ít cũng gọi là không vui. Như không tự tại gọi là vô ngã, tuy ít tự tại cũng gọi là vô ngã. Như khi đêm tối gọi là không có mặt trời, khi mây mù cũng nói không có mặt trời. Tâu đại vương! Tuy nói ít pháp gọi là không có pháp, nhưng thật chẳng phải không có pháp. Xin đại vương lưu tâm nghe lời thần đã nói. Tất cả chúng sinh đều có dư nghiệp vì nghiệp duyên nên luôn luôn sinh tử. Nếu tiên vương có dư nghiệp, nay đại vương giết chết thì cũng không có tội gì cả. Xin đại vương yên lòng, chớ sầu khổ. Vì sao? Vì:

Nếu thường sầu khổ
Sầu càng tăng trưởng
Như người thích ngủ
Thường ngủ nhiều hơn
Tham dâm, thích rượu
Cũng lại như thế.

Như đại vương đã nói không có lương y trị được bệnh thân tâm thì nay có vị Đại sư tên San-đà-da-tỳ-la-chi-tử thấy biết tất cả, trí tuệ sâu rộng như biển lớn, có oai đức lớn đầy đủ đại thần thông, có thể khiến cho chúng sinh xa lìa các lưới nghi ngờ. Tất cả chúng sinh không thấy, biết, hiểu, chỉ độc nhất vị này thấy, biết, hiểu. Vị ấy ở gần thành Vương-xá, vì các đệ tử thuyết pháp như vầy: “Trong tất cả chúng, nếu là vua thì tự tại tùy theo tâm ý tạo tác các việc thiện hay ác. Tuy làm những việc ác nhưng đều không có tội. Như lửa đốt cháy đồ vật không luận là sạch hay dơ. Nhà vua cũng như vậy, tánh giống với lửa. Ví như mặt đất chứa cả sạch dơ. Tuy làm việc này nhưng ban đầu không có giận dữ hay vui mừng, nhà vua cũng như vậy, tánh giống với đất. Ví như tánh nước sạch dơ đều tẩy rửa. Tuy làm việc này cũng không buồn, vui. Nhà vua cũng vậy, tánh giống với nước. Ví như tánh gió, sạch dơ đều thổi. Tuy làm việc này nhưng không buồn, vui. Nhà vua cũng vậy, tánh giống với gió. Như cây cối mùa thu rụng hết lá, mùa xuân thì mọc lại. Tuy lại chặt trụi thật không có tội. Tất cả muôn loài cũng lại như thế. Ở đây chết đi sẽ sinh lại nơi đây. Vì sinh lại nên sẽ không có tội gì cả. Tất cả quả báo khổ, vui của chúng sinh đều không do nghiệp của đời hiện tại. Nhân ở quá khứ thì hiện tại chịu quả, hiện tại không có nhân thì vị lai không có quả. Vì quả hiện tại nên chúng sinh trì giới, siêng tu tinh tấn, ngăn chặn quả ác hiện tại. Nhờ trì giới mà được vô lậu, được vô lậu nên sinh hết nghiệp hữu lậu. Nhờ hết nghiệp nên các khổ được diệt trừ. Các khổ được diệt trừ nên được giải thoát”. Xin đại vương mau đến chỗ kia để được chữa trị bệnh khổ đau của thân tâm. Nếu Đại vương gặp được vị ấy thì các tội sẽ tiêu trừ". Nhà vua đáp: "Nếu vị thầy này có thể diệt trừ tội của trẫm thì trẫm sẽ quy y". Lại có một vị quan tên là Tất Tri Nghĩa đi đến chỗ vua tâu: "Nay đại vương cớ sao hình sắc tiều tụy như người mất nước, như suối khô cạn, như hồ không hoa sen, như cây không hoa, lá, như Tỳ-kheo phá giới, thân không oai đức, là vì thân đau đớn hay tâm đau đớn?". Nhà vua đáp: "Nay thân tâm của trẫm lẽ nào không bị đau đớn sao. Tiên vương - cha trẫm, nhân từ, độ lượng. Thế mà trẫm bất hiếu, không biết báo ân, vua cha thường dùng sự an vui để làm an vui cho trẫm mà trẫm lại bội ân, trở lại đoạn mất niềm vui ấy. Tiên vương vô tội bị trẫm nghịch hại giết chết. Trẫm cũng từng nghe các bậc trí nói: "Nếu người hại cha thì sẽ bị khổ não lớn trong vô lượng, vô số kiếp". Nay trẫm không bao lâu nữa ắt đọa vào địa ngục. Lại không có vị lương y để xin chữa trị tội của trẫm". Đại thần liền tâu: "Xin đại vương xả bỏ sầu khổ. Đại vương không nghe gì chăng? Thuở xưa có vị vua tên là La-ma, giết hại cha mình để lên ngôi. Vua Bạt-đề, vua Tỳ-lâu-chân, vua Na-hầu-sa, vua Ca-đế-ca, vua Tỳ-xá-khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh, vua Ái, vua Từ Đa Nhân, những vị vua này đều giết hại cha mình để được lên ngôi, thế mà không có một vị vua nào đọa vào địa ngục. Hiện nay, vua

Tỳ-lưu-ly, vua Ưu-đà-na, vua Ác-tánh, vua Thử, vua Liên Hoa, những vị vua này đều giết hại cha mình nhưng không có một vị vua nào sầu khổ. Tuy nói có địa ngục, ngạ quỷ, cõi trời, nhưng ai là người được thấy? Tâu đại vương! Chỉ có hai cõi: Một là cõi người, hai là súc sinh. Tuy có hai nhưng chẳng phải do nhân duyên sinh, chẳng phải do nhân duyên chết. Nếu chẳng phải nhân duyên thì sao có thiện ác? Xin đại vương chớ quá lo buồn. Vì sao? Vì:

Nếu thường sầu khổ
Sầu càng tăng thêm
Như người thích ngủ
Thì ngủ nhiều hơn
Tham dâm, ưa rượu
Cũng lại như vậy.

Như đại vương đã nói, ở đời không có lương y chữa trị thân tâm, thì nay có vị Đại sư tên A-kỳ-đa-sí-xá-khâm-bà-la thấy biết tất cả, xem vàng và đất giống nhau, không khác. Đối với hai hạng người: một dùng dao đâm vào hông bên phải và một dùng chiên-đàn xoa vào hông bên trái, tâm không sai khác, oán thân bình đẳng, xem họ như nhau. Vị thầy này thật là vị lương y trong đời. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm thường ở trong Tam-muội, tâm không tán loạn, vị thầy ấy bảo các đệ tử: “Nếu tự mình làm hoặc dạy người khác làm, hoặc tự chặt hoặc bảo người khác chặt, hoặc tự đốt hoặc bảo người khác đốt, hoặc tự hại hoặc bảo người khác hại, hoặc tự trộm lấy hay bảo người khác trộm lấy, hoặc tự dâm dục hay bảo người khác dâm dục, hoặc tự vọng ngữ hay bảo người khác vọng ngữ, hoặc uống rượu hay bảo người khác uống rượu, hoặc giết một thôn, một thành, một nước, hoặc dùng dao, bánh xe giết tất cả chúng sinh, hoặc ở phía Nam sông Hằng thì bố thí cho chúng sinh, còn ở phía Bắc sông Hằng thì sát hại chúng sinh, tất cả đều không có tội, phước, không bố thí, trì giới, thiền định". Vị Đại sư ấy nay ở gần thành Vương-xá, xin đại vương mau đi đến đó. Nếu đại vương gặp được thì các tội tiêu trừ". Nhà vua nói: "Này đại thần! Nếu vị ấy có thể trừ diệt tội của trẫm thì trẫm sẽ quy y". Lại có vị đại thần tên Cát Đức đi đến chỗ vua, tâu: "Nay cớ sao đại vương sắc mặt u buồn, như đèn giữa trưa, như trăng ban ngày, như vua mất nước, như đất bỏ hoang. Tâu đại vương! Ngày nay bốn phương thanh bình, không có các oán địch mà cớ sao đại vương buồn khổ như vậy, đó là do thân bệnh hay tâm bệnh? Có các vương tử thường sinh khởi ý niệm này: "Chúng ta khi nào mới được tự tại?". Tâu đại vương! Nay đại vương đã được sở nguyện tự tại, đại vương lãnh đạo nước Ma-già-đà, được đầy đủ kho báu của tiên vương. Xin đại vương nên tự do hưởng lạc theo ý thích, Những sầu khổ như vậy có ích gì mà ôm mãi trong lòng”. Nhà vua liền nói: “Nay ta làm sao mà không sầu khổ được? Này đại thần! Ví như người ngu chỉ ham thích mùi vị mà không thấy dao bén, như ăn các thức ăn độc mà không thấy tai họa của nó. Ta cũng như vậy, như con nai chỉ thấy cỏ mà không thấy hố sâu, như chuột tham ăn không thấy mèo, chồn. Ta cũng như vậy, chỉ thấy vui hiện tại không thấy quả khổ bất thiện vị lai. Ta thường nghĩ bậc trí nói như vầy: “Thà trong một ngày nhận ba trăm lần giáo đâm chứ không sinh một niệm ác đối với cha mẹ”. Nay ta đã gần với lửa lớn của địa ngục thì làm sao mà không sầu não được”. Đại thần lại tâu: “Ai đến dối gạt vua là có địa ngục? Như đầu gai nhọn ai làm ra? Loài chim khác màu ai làm ra? Tánh nước thấm ướt, tánh đá cứng chắc, tánh gió chuyển động, tánh lửa nóng bức, tất cả vạn vật tự chết tự sinh ai làm ra? Nói về địa ngục chỉ có văn từ của người trí tạo ra. Nói địa ngục là có nghĩa gì? Thần sẽ nói ra địa là đất, ngục gọi là phá, phá địa ngục thì không còn tội báo, đó gọi là địa ngục. Lại nữa, địa gọi là người, ngục gọi là trời, vì giết hại cha mình nên đi đến cõi trời, người. Do nghĩa này nên tiên nhân Bà-tẩu nói: “Giết loài dê thì được niềm vui của hàng trời, người”. Đó gọi là địa ngục. Lại nữa, địa gọi là mạng, ngục gọi là trường. Vì sát sinh nên được thọ mạng lâu dài, cho nên gọi là địa ngục. Tâu đại vương! Do đó nên biết thật không có địa ngục. Tâu đại vương! Như trồng lúa mì thì được lúa mì, trồng lúa gạo được lúa gạo, sát địa ngục thì trở lại được địa ngục, sát hại người thì trở lại làm người. Tâu đại vương! Nay xin đại vương lắng nghe lời thần nói, thật không có sát hại. Nếu có ngã thì thật không có hại, nếu không có ngã thì không có gì để hại. Vì sao? Vì nếu có ngã thì thường còn không biến đổi. Vì thường trụ nên không thể sát hại, không phá, không hoại, không trói, không buộc, không giận, không mừng, giống như hư không. Vậy thì làm sao mà có tội sát hại? Nếu không có ngã thì các pháp vô thường, vì vô thường nên niệm niệm hoại diệt, vì niệm niệm diệt nên người giết, người chết đều niệm niệm diệt. Nếu niệm niệm diệt thì ai sẽ có tội? Tâu đại vương! Như lửa đốt cháy cây cối thì lửa không có tội. Như búa chặt cây thì búa cũng không có tội. Như liềm cắt cỏ thì liềm thật không có tội. Như dao giết người thì dao thật chẳng phải người, dao đã không có tội thì người làm sao có tội? Như thuốc độc giết người, thuốc độc chẳng phải người nên thuốc độc chẳng có tội thì người làm sao có tội? Tất cả vạn vật đều cũng như thế, thật không có sự sát hại làm sao có tội. Xin đại vương chớ sinh sầu khổ. Vì sao? Vì:

Nếu thường sầu khổ
Sầu càng tăng thêm

Như người thích ngủ

Thì ngủ nhiều hơn Tham dâm, mê rượu Cũng lại như vậy.

Như lời đại vương nói, ở đời không có lương y trị nghiệp ác thì nay có Đại sư tên Ca-la-cưu-đà-ca-chiên-diên, thấy biết tất cả, hiểu rõ ba đời, trong khoảng một niệm có thể thấy vô lượng, vô biên thế giới, nghe âm thanh cũng giống như thế, có thể khiến cho chúng sinh xa lìa tội ác. Giống như sông Hằng có thể làm trong sạch tội bên trong hay bên ngoài. Đại lương sư này cũng như vậy, có thể trừ diệt các tội trong ngoài của chúng sinh, vì đệ tử thuyết pháp như vầy: “Nếu người giết hại tất cả muôn loài, tâm không hổ thẹn thì hoàn toàn không bị rơi vào nẻo ác, ví như hư không không dính bụi nước. Người có hổ thẹn thì bị rơi vào địa ngục, giống như nước lớn làm thấm ướt mặt đất. Tất cả chúng sinh đều là sự tạo tác của Tự Tại thiên. Tự Tại thiên vui thì chúng sinh được an lạc. Tự Tại thiên giận thì chúng sinh khổ não. Tất cả tội hay phước của chúng sinh chính là Tự Tại thiên tạo ra thì tại sao nói con người có tội, phước? Ví như người thợ mộc chế tạo người máy bằng gỗ đi, đứng, ngồi, nằm được, chỉ không thể nói được, chúng sinh cũng vậy. Tự Tại thiên là dụ như người thợ, người gỗ dụ cho thân chúng sinh. Tạo hóa như vậy thì ai sẽ có tội?”. Nay vị Đại sư đang ở gần thành Vương-xá, xin đại vương mau đến đó. Nếu đại vương gặp được vị ấy thì các tội đều tiêu trừ". Nhà vua liền nói: "Nếu vị ấy có thể diệt được tội của ta thì ta sẽ quy y". Lại có vị đại thần tên Vô Sở Úy đi đến chỗ nhà vua tâu: "Tâu đại vương! Ở đời có người ngu, trong một ngày khởi lên trăm niềm vui, trăm nỗi buồn, trăm lần ngủ, trăm lần thức, trăm nỗi sợ, trăm lần khóc. Người trí thì không có việc này. Tâu đại vương! Cớ sao lo buồn như người mất bạn, như rơi xuống bùn sâu không người cứu giúp, như người khát nước mà không được uống nước, như người mê lầm mà không có người hướng dẫn, như người bệnh nặng mà không có lương y chữa trị, như thuyền bị đắm trong biển mà không có người cứu giúp như vậy? Tâu đại vương! Đại vương vì thân đau hay vì tâm đau vậy?". Nhà vua liền đáp: "Nay thân tâm của ta lẽ nào không đau đớn sao? Ta gần gũi bạn ác nên không thấy lỗi lầm của mình. Tiên vương vô tội bị ta nghịch hại giết chết. Nay ta biết chắc sẽ bị rơi vào địa ngục. Lại không có lương y để cứu chữa". Vị đại thần liền tâu: "Xin đại vương chớ sinh sầu khổ. Phàm người Sát-lợi đều gọi là dòng dõi vua chúa, hoặc vì đất nước, vì Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc vì an ổn cho dân chúng, tuy giết hại cũng không có tội. Tiên vương tuy cung kính Sa-môn nhưng không có thể phụng sự các Bà-la-môn, tâm không bình đẳng. Vì tâm không bình đẳng nên chẳng phải

Sát-lợi. Tâu đại vương! Nay đại vương vì muốn cúng dường các Bà-la-môn mà sát hại tiên vương thì có tội gì? Tâu đại vương! Thật không có sát hại. Phàm người giết hại là giết hại mạng sống. Mạng gọi là hơi gió, mà tánh của hơi gió thì không thể sát hại, vậy thì làm sao đại vương phải có tội? Xin đại vương chớ sầu khổ. Vì sao? Vì:

Nếu thường sầu khổ
Sầu càng tăng thêm
Như người thích ngủ
Thì ngủ nhiều hơn
Tham dâm, mê rượu
Cũng lại như vậy.

Như đại vương đã nói, ở đời không có lương y chữa trị thì nay có Đại sư tên Ni-càn-đà-nhã-đề-tử thấy biết tất cả, thương xót các chúng sinh, khéo biết các căn lanh lợi, chậm chạp của chúng sinh, hiểu suốt tất cả, tùy theo phương tiện, tám pháp thế gian không thể làm nhiễm ô, vắng lặng tu tập, phạm hạnh thanh tịnh, vì các đệ tử thuyết như vầy: “Không có bố thí, không có thiện, không có cha, không có mẹ, không có đời này, không có đời sau, không có A-la-hán, không có tu, không có đạo. Tất cả muôn loài trải qua tám vạn kiếp ở trong vòng quay sinh tử, tự nhiên được giải thoát. Có tội, không có tội đều như vậy. Như bốn con sông lớn là Hạnh-đầu, Hằng-hà, Bá-xoa, Tư-đà đều chảy vào biển cả, không có sai biệt. Tất cả chúng sinh đều cũng như vậy, khi được giải thoát đều không khác nhau". Nay vị Đại sư này đang ở gần thành Vương-xá. Xin Đại vương mau đến đó. Nếu gặp được vị ấy thì các tội tiêu trừ". Nhà vua liền đáp: "Nếu vị ấy có thể diệt trừ tội của ta thì ta sẽ quy y". Bấy giờ, vị Đại y tên Kỳ-bà đi đến chỗ vua tâu: "Tâu đại vương! Đại vương ngủ ngon giấc không?". Nhà vua liền dùng kệ đáp:

Nếu có thể dứt sạch
Tất cả các phiền não
Không tham nhiễm ba cõi
Mới được ngủ ngon giấc
Nếu được Đại Niết-bàn
Diễn nói nghĩa sâu rộng
Gọi chân Bà-la-môn
Mới được ngủ ngon giấc
Thân không có nghiệp ác
Miệng lìa bốn lỗi lầm
Tâm không có lưới nghi
Mới được ngủ ngon giấc
An trú nơi vắng lặng
Đạt được vui vô thượng
Mới được ngủ ngon giấc
Tâm không có chấp lấy
Xa lìa các thù oán
Thường hòa, không tranh tụng

Mới được ngủ ngon giấc
Nếu không tạo nghiệp ác
Tâm luôn luôn hổ thẹn
Tin ác có quả báo
Mới được ngủ ngon giấc
Kính dưỡng với cha mẹ
Không hại một sinh mạng
Không trộm của cải người
Mới được ngủ ngon giấc
Điều phục được các căn
Gần gũi Thiện tri thức
Phá hoại bốn loại ma
Mới được ngủ ngon giấc
Không thấy lành, không lành
Cùng với các khổ, vui
Vì muôn loài chúng sinh
Xoay vần trong sinh tử
Nếu có thể như vậy
Mới được ngủ ngon giấc
Ai được giấc ngủ ngon
Đó chính là chư Phật
Quán sâu Tam-muội “không”
Thân tâm an không động
Ai được ngủ ngon giấc
Đó là đấng Từ Bi
Thường tu không phóng dật
Xem chúng sinh như con

Chúng sinh bị vô minh
Không thấy quả phiền não
Thường tạo các nghiệp ác
Nên ngủ không ngon giấc
Nếu đối với thân mình
Và thân của người khác
Gây tạo mười điều ác
Không được ngủ ngon giấc
Nếu nói lời an lạc
Hại cha không tội lỗi
Theo các tri thức này
Không được ngủ ngon giấc
Nếu ăn uống quá độ
Uống chất lạnh quá nhiều
Như vậy bị bệnh khổ
Không được ngủ ngon giấc
Có lỗi đối với vua
Tà niệm với vợ người
Và đi trên đường vắng
Không được ngủ ngon giấc
Quả trì giới chưa chín
Thái tử chưa nối ngôi
Kẻ trộm chưa lấy của
Không được ngủ ngon giấc

Này Kỳ-bà! Nay ta bị bệnh nặng vì khởi tâm ác nghịch hại vị vua chánh pháp. Tất cả lương y, thuốc hay, chú thuật, người giỏi chăm sóc bệnh đều không có khả năng chữa trị. Vì sao? Vì tiên vương cha ta cai trị đất nước đúng pháp, thật vô tội mà bị ta nghịch hại. Ta như cá mắc cạn, nào có vui gì, như nai bị bẫy tâm rất buồn rầu, như người tự biết mạng sống không quá một ngày, như vua mất nước chạy trốn nơi nước khác, như người nghe bệnh mình không thể chữa trị, như người phá giới nghe nói tội lỗi. Xưa ta từng nghe những bậc trí nói: "Như thân, miệng, ý không được thanh tịnh thì nên biết người này ắt rơi vào địa ngục". Ta cũng như vậy thì làm sao được giấc ngủ ngon? Nay ta lại không có vị đại y vô thượng để thuyết pháp dược trừ bệnh khổ của ta". Kỳ-bà thưa: "Lành thay! Lành thay! Tuy đại vương tạo tội nhưng tâm rất hối hận, ôm lòng hổ thẹn. Tâu đại vương! Chư Phật Thế Tôn thường thuyết thế này: "Có hai pháp thiện có thể cứu chúng sinh: Một là tàm, hai là quý. Tàm là tự mình không tạo tội. Quý là không xúi người khác làm. Tàm là trong lòng tự xấu hổ. Quý là nói lên tội lỗi của mình với người khác. Tàm là xấu hổ với người. Quý là xấu hổ với trời. Đó là tàm quý. Người không có tàm quý thì không gọi là người mà gọi là súc sinh. Có tàm quý thì có thể cung kính cha mẹ và sư trưởng. Có tàm quý nên nói có cha mẹ, anh em, chị em". Lành thay đại vương! Đại vương có đầy đủ tàm quý. Xin đại vương hãy lắng nghe. Thần nghe Đức Phật dạy: "Bậc trí có hai hạng: Một là không tạo ra các việc ác. Hai là làm rồi biết sám hối. Kẻ ngu cũng có hai hạng: Một là làm ác. Hai là che giấu. Tuy trước làm ác nhưng sau có thể phát lồ sám hối, xấu hổ không dám làm nữa. Ví như đặt viên ngọc minh châu trong nước đục, nhờ tác dụng của viên ngọc mà nước được trong sạch. Như mây mù tan hết thì mặt trăng tỏa sáng. Làm ác mà có thể sám hối cũng như vậy". Nếu đại vương sám hối ôm lòng hổ thẹn thì tội liền tiêu diệt được thanh tịnh như xưa. Tâu đại vương! Giàu có hai loại: Một là voi, ngựa, đủ loại gia súc. Hai là vàng bạc, đủ thứ châu báu. Voi, ngựa tuy nhiều nhưng không bằng một viên ngọc. Tâu đại vương! Chúng sinh cũng vậy. Một là giàu điều ác. Hai là giàu điều thiện. Làm nhiều điều ác không bằng làm một việc thiện. Thần đã nghe Đức Phật dạy: "Tu tập được một tâm thiện sẽ phá diệt được một trăm điều ác". Tâu đại vương! Như chỉ một chút kim cương có thể hủy hoại được núi Tu-di, cũng như một tí lửa có thể thiêu cháy tất cả, như một tí thuốc độc có thể giết hại chúng sinh, một điều thiện nhỏ cũng như vậy, có thể diệt điều ác lớn. Tuy gọi là điều thiện nhỏ nhưng kỳ thật là lớn. Vì sao? Vì phá được điều ác lớn. Tâu đại vương! Như Đức Phật đã dạy: "Che giấu là hữu lậu, không che giấu là vô lậu, phát lồ sám hối lỗi lầm là vô lậu. Nếu làm các tội mà không che giấu thì nhờ không che giấu nên tội được mỏng dần. Nếu ôm lòng tàm quý thì tội được tiêu diệt”. Tâu đại vương! Như giọt nước tuy nhỏ nhưng dần đầy chum lớn. Tâm thiện cũng như vậy. Mỗi mỗi tâm thiện có thể phá diệt điều ác lớn. Nếu người che giấu tội lỗi thì tội càng tăng thêm. Người phát lồ sám hối, hổ thẹn thì tội tiêu diệt. Cho nên, chư Phật nói: “Người có trí không che giấu tội lỗi”. Lành thay đại vương! Đại vương có thể tin nhân quả, tin nghiệp báo, tin quả báo. Xin đại vương chớ ôm lòng sầu lo. Nếu có chúng sinh tạo tác các tội lỗi mà che giấu không sám hối, không hổ thẹn, không thấy nhân quả và nghiệp báo thì không thể thưa hỏi người có trí, không được gần gũi bạn lành. Người như thế, tất cả lương y cho đến người chăm sóc bệnh đều không thể trị được như bệnh hủi (ca-ma-la) mà các thầy thuốc ở thế gian đều bó tay. Người che giấu tội lỗi cũng như vậy. Thế nào là người tội? Đó là Nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề là không tin nhân quả, không có hổ thẹn, không tin nghiệp báo, không thấy đời hiện tại và vị lai, không thân cận bạn lành, không theo lời dạy bảo của chư Phật. Người như vậy gọi là Nhất-xiển-đề. Chư Phật Thế Tôn đã không thể chữa trị. Vì sao? Vì như thây chết ở đời, lương y không thể chữa trị, hạng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, nên chư Phật Thế Tôn đã không thể chữa trị. Nay đại vương chẳng phải Nhất-xiển-đề thì tại sao nói không thể cứu chữa. Như đại vương đã nói, không có người nào có thể chữa trị thì đại vương nên biết, con của vua Tịnh Phạn, họ Cù-đàm, tên Tất-đạt-đa ở thành Ca-tỳ-la không có thầy hướng dẫn, tự nhiên giác ngộ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân mình. Ngài đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, thấy biết tất cả, đại từ, đại bi, thương yêu muôn loài như La-hầu-la, theo chúng sinh lành như nghé con theo mẹ, biết đúng lúc thì nói, chẳng phải lúc thì không nói. Lời Phật là lời chân thật, lời thanh tịnh, lời vi diệu, lời đúng nghĩa, lời như pháp, lời duy nhất, có thể khiến chúng sinh vĩnh viễn xa lìa phiền não, khéo biết tâm tánh căn cơ của muôn loài, tùy theo phương tiện không nơi nào là không thông đạt. Trí tuệ của Ngài cao lớn như Tu-di, rộng sâu thăm thẳm như biển lớn. Đức Phật Thế Tôn ấy có trí kim cang có thể phá trừ tất cả tội ác của chúng sinh. Nếu nói không thể làm được việc này thì không có việc ấy. Cách đây mười hai do-tuần, trong rừng cây Ta-la song thọ thuộc thành Câu-thi-na, Đức Phật đang vì vô lượng, vô số chúng Bồ-tát, Tăng giảng đủ loại giáo pháp, hoặc hữu, hoặc vô, hoặc hữu vi hay vô vi, hoặc hữu lậu hay vô lậu, hoặc quả phiền não hay quả pháp thiện, hoặc sắc pháp hay phi sắc pháp, hoặc phi sắc pháp hay chẳng phải phi sắc pháp, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc vô ngã hay chẳng phải vô ngã, hoặc thường hay vô thường, hoặc vô thường hay chẳng phải vô thường, hoặc lạc hay phi lạc, hoặc phi lạc hay chẳng phải phi lạc, hoặc tưởng hay phi tưởng, hoặc phi tưởng hay chẳng phải phi tưởng, hoặc đoạn hay phi đoạn, hoặc phi đoạn hay chẳng phải phi đoạn, hoặc thế gian hay xuất thế gian, hoặc phi thế gian hay phi xuất thế gian, hoặc thừa hay phi thừa, hoặc phi thừa hay chẳng phải phi thừa, hoặc tự làm tự nhận, hoặc tự làm người khác nhận, hoặc không làm không nhận. Tâu đại vương! Nếu Đại vương ở chỗ Đức Phật được nghe pháp không làm không nhận thì có bao nhiêu tội nặng liền được tiêu trừ. Nay Đại vương hãy lắng nghe Thích-đề-hoàn-nhân mạng sắp kết thúc thì có năm tướng xuất hiện: Một là áo quần dơ bẩn, hai là hoa trên đầu bị héo, ba là thân thể hôi hám, bốn là dưới nách ra mồ hôi, năm là không còn thích chỗ ngồi của mình. Khi ấy, trời Đế thích thấy Sa-môn ở chỗ thanh vắng tưởng là Phật, liền đến nơi ấy. Bấy giờ Sa môn và Bà-la-môn thấy Đế thích đến trong lòng vui mừng, nói: "Này Thiên chủ! Nay ta sẽ quy y cho ông". Đế thích nghe xong, mới biết chẳng phải Phật, lại tự suy nghĩ và nói: "Ông chẳng phải là Phật thì không thể chữa trị năm tướng suy thoái của ta". Khi ấy, quan ngự sử tên Ban-giá-thi nói với Đế thích: "Thưa Kiều-thi-ca! Vua Càn-thát-bà tên

Đôn-phù-lâu, vua ấy có con gái tên Tu-bạt-đà. Nếu vua có thể ban người con gái ấy cho hạ thần thì hạ thần sẽ chỉ cho vua nơi trừ được tướng suy”. Đế thích liền đáp: “Này thiện nam! Vua A-tỳ-ma-chất-đa-a-tu-la có người con gái tên Xá-chỉ là người mà ta kính ái, nếu khanh có thể chỉ cho ta người tiêu diệt tướng ác của ta thì ta còn sẽ ban cho ngươi huống gì Tu-bạt-đà”. Quan ngự sử tâu: “Thưa Kiều-thi-ca! Có Đức Phật Thế Tôn hiệu Thích Ca Mâu Ni hiện nay đang ở tại thành lớn Vương-xá. Nếu Thiên chủ có thể đi đến nơi ấy để thưa hỏi, lãnh thọ những điều chưa từng nghe thì tướng suy thoái chắc chắn được trừ diệt”. Đế thích nói: “Này thiện nam! Nếu Đức Phật Thế Tôn thật có thể diệt trừ thì hãy đưa ta đến chỗ Ngài”. Quan ngự sử phụng mệnh liền hướng xa giá đi đến núi Kỳ-xà-quật ở thành Vương-xá. Khi đến chỗ Đức Phật, Đế thích đảnh lễ sát chân Phật, đứng sang một bên, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Ở trong hàng trời, người ai bị trói buộc?”. Phật bảo: “Này Kiều-thi-ca! Đó là người tham lam ganh ghét”. Lại hỏi: “Tham lam, ganh ghét do đâu mà sinh ra?”. Phật dạy: “Do vô minh sinh ra”. Lại hỏi: “Vô minh do đâu sinh ra?”. Phật dạy: “Do phóng dật sinh ra”. Lại hỏi: “Phóng dật do đâu sinh ra?”. Phật dạy: “Do điên đảo sinh ra”. Lại hỏi: “Điên đảo do đâu sinh ra?”. Phật dạy: “Do tâm nghi sinh ra”. Đế thích thưa: “Bạch Thế Tôn!

Pháp điên đảo do nghi sinh ra, thật đúng như lời bậc Thánh dạy. Vì sao? Vì con có tâm nghi, vì có tâm nghi nên liền sinh điên đảo, đối với người chẳng phải Thế Tôn mà tưởng là Thế Tôn. Nay con gặp được Phật thì lưới nghi liền dứt trừ. Lưới nghi dứt trừ nên điên đảo cũng hết. Điên đảo hết nên không còn có tâm tham lam keo kiệt cho đến tâm ganh ghét". Phật dạy: "Ông nói không có tâm tham lam keo kiệt, ganh ghét thì nay ông đã chứng quả A-na-hàm chăng? Bậc A-na-hàm không có tâm tham lam. Nếu không có tâm tham lam thì cớ sao vì thọ mạng mà đi đến chỗ ta? Đã là A-na-hàm thì thật không cầu thọ mạng". Đế thích thưa: "Bạch Thế Tôn! Người có điên đảo thì có cầu thọ mạng, người không cầu thọ mạng thì không cầu thọ mạng. Nay con thật không cầu thọ mạng. Điều mà con mong cầu chỉ là pháp thân của Phật và trí tuệ của Phật". Phật bảo: "Này Kiều-thi-ca! Ông cầu pháp thân Phật và trí tuệ Phật thì vào đời vị lai chắc chắn sẽ chứng được". Bấy giờ, trời Đế thích nghe Phật nói xong, năm tướng suy lập tức diệt mất. Đế thích liền đứng dậy, làm lễ, nhiễu quanh ba vòng, chấp tay cung kính thưa Phật: "Bạch Thế Tôn! Nay con sắp chết thì được sống, sắp mất mạng thì được mạng. Lại nghe Phật thọ ký con sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là vừa được sinh lại vừa được mạng. Bạch Thế Tôn! Tất cả hàng trời, người làm thế nào để được tăng trưởng lợi ích, lại vì duyên gì mà phải bị tổn giảm?”. Đức Phật dạy: “Này Kiều-thi-ca! Do nhân duyên đấu tranh nên hàng trời, người bị tổn giảm, khéo léo tu tập pháp hòa kính thì được tăng trưởng lợi ích”. “Bạch Thế Tôn! Nếu do đấu tranh mà bị tổn giảm, thì từ nay trở đi chúng con không đánh nhau với A-tu-la nữa”. Đức Phật dạy: “Lành thay! Lành thay! Này Kiều-thi- ca! Chư Phật Thế Tôn thuyết giảng pháp Nhẫn nhục là nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân đảnh lễ nơi chân Phật rồi quay về thiên cung.

Tâu đại vương! Đức Như Lai do có khả năng diệt trừ các tướng ác, cho nên gọi Phật không thể nghĩ bàn. Nếu đại vương đến gặp Đức Phật thì chắc chắn tội nặng sẽ được tiêu trừ. Tâu đại vương! Lại nghe có người con của Bà-la-môn tên là Bất Hại, vì giết hại vô số chúng sinh nên có hiệu là Ương-quật-ma. Anh ta vì muốn hại mẹ, lúc tâm ác nổi lên thì thân theo đó mà hành động. Thân tâm đều động tức là nhân của tội ngũ nghịch, do nhân của tội ngũ nghịch nên chắc chắn đọa vào địa ngục. Sau đó, anh ta gặp Đức Phật, thân tâm đều động, muốn giết hại Phật. Thân và tâm động tức là nhân của tội ngũ nghịch, nhân của tội ngũ nghịch sẽ đọa vào địa ngục. Nhưng sau khi anh ta gặp được Đại sư Như Lai thì liền diệt được nhân duyên địa ngục, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế gọi Phật là Đấng Y Vương Vô Thượng chẳng phải như hàng Lục sư ngoại đạo kia.

Tâu đại vương! Lại có vương tử Tu-tỳ-la, bị phụ vương tức giận nên chặt tay chân của vương tử, rồi xô xuống giếng sâu. Vương hậu thấy xót thương, sai người đem vương tử đến chỗ Phật. Khi vừa thấy Đức Phật, tay chân vương tử đầy đủ như cũ, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâu đại vương! Vì được nhìn thấy Phật nên được quả báo hiện tại. Do đó cho nên gọi Phật là Đấng Y Vương Vô Thượng chẳng phải như hàng Lục sư ngoại đạo.

Tâu đại vương! Bên bờ sông Hằng, có năm trăm ngạ quỷ, trải qua vô lượng năm mà chưa bao giờ thấy được nước. Tuy chúng đến bên dòng sông nhưng chỉ thấy toàn là lửa, vì đói khát hành hạ, chúng kêu la, than khóc. Bấy giờ, Đức Như Lai đang ngồi bên gốc cây ở rừng Uất- đàm-bát cạnh bờ sông. Các ngạ quỷ cũng đến chỗ Phật mà thưa: “Bạch Thế Tôn! Chúng con đói khát sắp chết đến nơi rồi”. Đức Phật nói: “Tại sao các ngươi không uống nước sông Hằng?”. Các ngạ quỷ thưa: “Đức Như Lai thấy nước còn chúng con thì thấy lửa”. Đức Phật bảo: “Sông Hằng trong mát, thật chẳng phải lửa. Do nghiệp ác nên các ngươi sinh tâm điên đảo cho là lửa. Ta sẽ diệt trừ điên đảo cho các ngươi, để các ngươi thấy được nước”. Khi ấy, Đức Thế Tôn giảng nói về tội lỗi của tâm tham lam bủn xỉn cho các ngạ quỷ. Các ngạ quỷ thưa: “Nay chúng con đang đói khát, tuy có nghe thuyết pháp nhưng không nhập tâm được”. Đức Phật bảo: “Các người có đói khát quá thì có thể vào sông Hằng mà tùy ý uống nước”. Nhờ thần lực của Phật mà chúng ngạ quỷ liền được uống nước. Sau khi chúng ngạ quỷ uống nước xong, Đức Như Lai thuyết pháp cho chúng, được nghe pháp rồi tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xả bỏ thân ngạ quỷ, được thọ thân cõi trời. Tâu đại vương! Vì vậy cho nên gọi Phật là Đấng Y Vương Vô Thượng, chẳng phải như hàng Lục sư ngoại đạo.

Tâu đại vương! Tại nước Xá-bà-đề có năm trăm tên giặc cướp bị vua Ba-tư-nặc khoét mắt, vì không có người dẫn đường nên không thể đến chỗ Phật, Phật thương xót chúng nên đi đến chỗ bọn cướp khuyên bảo chúng: “Này các Thiện nam! Các ông khéo giữ gìn thân khẩu, chớ tạo việc ác”. Bọn cướp ngay lúc nghe âm thanh vi diệu trong trẻo của Như Lai liền được mắt trở lại, rồi ở trước Đức Phật chắp tay đảnh lễ: “Bạch Thế Tôn! Nay chúng con biết được lòng từ của Phật che khắp tất cả chúng sinh, chẳng phải riêng hàng trời, người”. Khi ấy, Đức Như Lai thuyết pháp cho họ, nghe pháp xong, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy Như Lai thật đúng là vị

Y Vương Vô Thượng của thế gian, chẳng phải hàng Lục sư ngoại đạo.

Tâu đại vương! Ở nước Xá-bà-đề, có người Chiên-đà-la tên là Khí Hủ, giết hại vô số người, gặp được đệ tử của Đức Phật là Đại-mục- kiên-liên, liền được thoát khỏi nhân duyên địa ngục, sinh lên cõi trời Tam Thập Tam. Vì có các đệ tử là bậc Thánh như vậy, nên gọi Phật Như Lai là vị Y Vương Vô Thượng, chẳng phải như hàng Lục sư ngoại đạo.

Tâu đại vương! Tại thành Ba-la-nại có con của Trưởng giả tên A- dật-đa, quan hệ bất chính với mẹ của mình, vì nhân duyên đó mà giết cả cha mình. Người mẹ lại tư thông với người khác, người con biết được liền giết luôn cả người mẹ. Có vị A-la-hán là chỗ quen biết với anh ta, đối với người quen biết, anh ta sinh hổ thẹn, liền giết vị A-la-hán ấy. Giết xong liền đến Tinh xá Kỳ Hoàn để xin xuất gia. Các Tỳ- kheo biết rõ người này phạm ba tội nghịch nên không dám nhận. Vì không cho xuất gia nên anh ta càng thêm sân giận nên giữa đêm phóng lửa đốt phòng của chư Tăng, giết hại nhiều người vô tội. Sau đó, anh ta tới thành Vương-xá, đến chỗ Phật cầu xin xuất gia. Như Lai liền cho xuất gia và thuyết pháp căn bản, khiến cho tội nặng của anh ta dần dần giảm nhẹ, và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên gọi Phật là Đấng Y Vương Vô Thượng, chẳng phải hàng Lục sư ngoại đạo.

Tâu đại vương! Đại vương tánh bạo ác tin theo lời người ác là Đề-bà-đạt-đa thả voi say nhằm dẫm đạp Đức Phật. Voi thấy Phật liền tỉnh ngộ ngay. Đức Phật dùng tay xoa lên đầu của voi và thuyết pháp, khiến voi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâu đại vương! Súc sinh khi gặp Phật còn được diệt trừ nghiệp quả của súc sinh, huống chi là người. Đại vương nên biết! Nếu người có tội nặng mà được gặp Phật, thì tội nặng chắc chắn sẽ được tiêu trừ. Tâu đại vương! Khi Thế Tôn chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ma vương dẫn vô lượng quyến thuộc đến chỗ Bồ-tát. Bấy giờ Bồ-tát dùng năng lực nhẫn nhục phá trừ tâm ác của ma, khiến các ma lãnh hội giáo pháp, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật có năng lực công đức lớn như vậy.

Tâu đại vương! Có quỷ Khoáng dã giết hại nhiều chúng sinh. Bấy giờ, Đức Như Lai vì cứu Trưởng giả Thiện Hiền nên đến thôn Khoáng dã để thuyết pháp. Khi ấy, quỷ Khoáng dã nghe pháp hoan hỷ liền đem Trưởng giả trao cho Như Lai. Sau đó, quỷ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tâu đại vương! Ở nước Ba-la-nại, có đồ tể tên Quảng Ngạch. Mỗi ngày giết hại vô số con dê. Khi gặp Xá-lợi-phất liền thọ tám giới trong một ngày một đêm. Nhờ nhân duyên này, sau khi qua đời liền thọ sinh làm con trai của Thiên vương Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Hàng đệ tử của Như Lai còn có công đức lớn như vậy, huống chi là Đức Phật!

Tâu đại vương! Ở phía Bắc nước Thiên Trúc, có thành gọi là Tế Thạch. Trong thành có vua tên là Long Ấn, vì tham muốn ngôi vị quốc vương nên giết hại cha mình. Sau khi giết cha liền sinh tâm hối hận, liền bỏ việc trị nước đến chỗ Phật cầu xin xuất gia. Đức Phật nói: “Thiện lai!”. Ông ta liền trở thành Tỳ-kheo, tội nặng được tiêu trừ, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại vương nên biết, Phật có vô lượng vô biên công đức lớn như vậy..

Tâu đại vương! Như Lai có người em họ là Đề-bà-đạt-đa, phạm ba tội nghịch: phá hòa hiệp Tăng, làm thân Phật chảy máu, giết hại Tỳ-kheo-ni Liên Hoa. Như Lai vì Đề-bà-đạt-đa mà thuyết các pháp căn bản, khiến cho các tội nghịch của ông ấy được nhẹ mỏng. Vì vậy Như Lai là Đấng Y Vương Vô Thượng, chẳng phải như Lục sư ngoại đạo.

Tâu đại vương! Nếu đại vương tin lời nói của hạ thần, thì xin đại vương mau tới chỗ Như Lai. Nếu đại vương không tin thì xin đại vương suy nghĩ kỹ.

Tâu đại vương! Chư Phật Thế Tôn có tâm đại bi bao trùm khắp, chẳng giới hạn một người nào. Chánh pháp lan truyền cùng khắp mọi nơi, xem kẻ oán người thân đều bình đẳng, tâm không thương ghét, hoàn toàn không thiên vị một người nào, đều khiến cho tất cả chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Như Lai chẳng phải là thầy riêng của bốn bộ chúng, mà là thầy của tất cả trời, người, rồng, quỷ thần, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Tất cả chúng sinh cũng xem Đức Phật như cha mẹ. Đại vương nên biết, Đức Như Lai chẳng những riêng vì người sang giàu như vua Bạt-đề-ca mà thuyết pháp, mà cũng vì hạng người thấp kém như Ưu-ba-ly v.v…; không những riêng thọ hưởng bữa cơm cúng dường của Trưởng giả A-na-bân-đề, mà cũng thọ nhận bữa cơm của người nghèo Tu-đạt-đa; không những riêng vì hạng lợi căn như Xá-lợi-phất mà thuyết pháp, mà còn giáo hóa kẻ độn căn như Châu-lợi-bàn-đặc; không chỉ riêng cho những người căn tánh vô tham xuất gia cầu đạo như Đại Ca-diếp, mà còn cho cả người rất tham lam được xuất gia như Nan-đà; không những cho người ít phiền não được xuất gia cầu đạo như ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, mà còn cho người phiền não sâu dày, tạo các tội nặng được xuất gia cầu đạo như em của các vua Ba-tư-nặc là Ưu-đà-da; không những vì ông Sa-thảo cung kính cúng dường mà nhổ trừ gốc sân giận cho ông ấy, mà còn cứu độ cả kẻ tâm ác muốn hại người như Ương-quật-ma-la; không những thuyết pháp cho nam tử có trí, mà cũng thuyết pháp cho nữ nhân ngu muội và có trí; không những làm cho người xuất gia chứng đắc bốn đạo quả, mà cũng làm cho người tại gia đạt được ba đạo quả; không những thuyết pháp căn bản cho những người xả bỏ mọi việc, nhàn tịnh tư duy như ông Phú-đa-la v.v… nói pháp yếu, mà còn thuyết giảng pháp căn bản cho những vua cai trị đất nước bận rộn nhiều việc như Tần-ba-sa-la v.v…; không những thuyết pháp riêng cho người không uống rượu mà cũng thuyết pháp cho người nghiện rượu say sưa như ông Trưởng giả Úc-già; không những thuyết pháp riêng cho người nhập thiền định như Ly-bà-đa, mà cũng thuyết pháp cho người nữ Bà-la-môn Bà-tư-tra cuồng loạn tâm trí vì con chết; không những thuyết pháp cho đệ tử của mình, mà cũng thuyết pháp cho hàng ngoại đạo Ni-kiền-tử; không những thuyết pháp cho hạng trai trẻ hai mươi lăm tuổi, mà cũng thuyết pháp cho người già suy tám mươi tuổi; không những thuyết pháp cho người căn tánh đã thuần thục, mà cũng thuyết pháp cho người thiện căn chưa được thuần thục; không những thuyết pháp cho phu nhân Mạt-lợi, mà cũng thuyết pháp cho dâm nữ Liên Hoa; không những thọ nhận riêng thực phẩm thịnh soạn của vua Ba-tư-nặc, mà cũng thọ nhận món ăn độc của Trưởng giả Thi-lợi-cúc-đa. Tâu đại vương! Trưởng giả Thi-lợi-cúc-đa trước kia cũng tạo tội nghịch, nhờ được gặp Phật nghe pháp mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tâu đại vương! Giả sử trong một tháng thường đem y phục, vật phẩm cung kính cúng dường cho tất cả chúng sinh, chẳng bằng người niệm Phật trong một niệm, công đức của người cúng dường chỉ bằng một phần mười sáu công đức người niệm Phật.

Tâu đại vương! Giả sử luyện vàng thành hình người, xe ngựa chở đầy châu báu, số nhiều đến hàng trăm, dùng để bố thí cũng không bằng người phát tâm hướng đến Phật chỉ cất chân đi một bước.

Tâu đại vương! Giả sử dùng trăm xe voi chở châu báu của nước Đại Tần, cùng với trăm người nữ của nước ấy, thân đeo chuỗi ngọc, dùng để bố thí cũng không bằng người phát tâm hướng đến Phật chỉ cất chân đi một bước. Lại cho đến cả việc đem bốn việc cúng dường cho chúng sinh hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới, cũng không bằng người phát tâm hướng đến Phật cất chân đi một bước. Lại ngoài việc này ra, nếu dùng bốn sự cúng dường cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, cũng chẳng bằng người phát tâm đến Phật đi một bước. Ngoài việc này ra, giả sử đại vương cung kính cúng dường hằng hà sa vô lượng chúng sinh cũng không bằng một lần đến rừng Ta-la song thọ tới chỗ Như Lai thành tâm nghe thuyết pháp.

Bấy giờ, đại vương A-xà-thế bảo:

–Này Kỳ-bà! Như Lai Thế Tôn tâm tánh nhu hòa, cho nên lấy người nhu hòa làm quyến thuộc. Ví như rừng cây chiên-đàn chỉ toàn là chiên-đàn bao quanh. Như Lai thanh tịnh nên quyến thuộc của Như Lai cũng thanh tịnh. Cũng như rồng chúa chỉ toàn dùng các rồng khác làm quyến thuộc. Như Lai tịch tĩnh nên quyến thuộc của Như Lai cũng tịch tĩnh. Như Lai không tham, quyến thuộc của Như Lai cũng không tham. Như Lai không phiền não, quyến thuộc của Như Lai cũng không phiền não. Ngày nay ta đã là người cực ác, nghiệp ác trói buộc, thân thể hôi dơ, thuộc về địa ngục, làm sao đến được chỗ của Đức Như Lai. Dẫu rằng ta có đến, nhưng Như Lai chẳng đoái hoài đến ta. Khanh tuy khuyên ta đến chỗ Phật, nhưng hôm nay lòng ta rất hổ thẹn không muốn đi. Bấy giờ, trên hư không vang ra tiếng nói:

“Pháp Phật vô thượng sắp sửa suy tàn, sông pháp sâu sắp khô cạn, ngọn đèn sáng đại pháp chẳng bao lâu nữa sẽ tắt, núi pháp sắp lở, thuyền pháp sắp chìm, cầu pháp sắp hư, điện pháp sắp sụp, cờ pháp sắp ngã, cây pháp sắp gãy, bạn lành sắp đi, nỗi sợ lớn sắp đến, chúng sinh đói pháp chẳng bao lâu nữa sẽ đến, dịch bệnh phiền não sắp lan truyền, sự tối tăm sắp đến, thời pháp khô cạn sắp hết, Ma vương vui mừng cởi bỏ áo mũ. Mặt trời Đức Phật sắp lặn trong núi lớn Niết-bàn.

Tâu đại vương! Nếu Đức Phật rời khỏi thế gian thì tội ác nặng nề của đại vương cũng không ai trị được. Ngày nay đại vương đã tạo nghiệp rất nặng trong địa ngục A-tỳ, vì nghiệp duyên này, chắc chắn phải thọ lấy quả báo không còn nghi ngờ gì nữa. Tâu đại vương! A là vô, Tỳ là gián; vô gián là không có một chút vui nên gọi là vô gián. Tâu đại vương! Giả sử có một người bị đọa vào địa ngục này, thì thân của người ấy cao to tám vạn do-tuần choáng khắp trong đó, không có chỗ trống. Thân của người ấy xoay vần chịu đủ mọi hình khổ. Giả sử có nhiều người chịu tội thì thân của họ cũng đầy khắp mà không chướng ngại nhau. Tâu đại vương! Ở trong địa ngục lạnh, tạm thời gió nóng thổi qua cho đó là vui. Ở trong địa ngục nóng, tạm thời gặp gió lạnh thổi qua cho đó là vui. Trong địa ngục hoạt giả sử đã chết rồi mà nghe được âm thanh sống, liền sống trở lại. Trong địa ngục A-tỳ hoàn toàn không có việc như vậy. Tâu đại vương! Địa ngục A-tỳ bốn phía đều có cửa, ngoài mỗi cửa đều có ngọn lửa dữ cháy khắp bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc và thông suốt cả tám vạn do-tuần. Chung quanh ngục là tường sắt, lửa sắt trùm dày ở trên, nền ngục cũng bằng sắt, lửa bên trên cháy thấu xuống dưới, lửa bên dưới cháy thấu lên trên. Tâu đại vương! Nếu cá ở trong chảo mỡ bị cháy thế nào thì tội nhân trong địa ngục ấy cũng như vậy. Tâu đại vương! Người tạo một tội nghịch thì liền nhận chịu đầy đủ một tội báo như vậy. Nếu tạo hai tội nghịch thì chịu tội gấp hai. Người tạo năm tội nghịch thì cũng chịu tội gấp năm. Tâu đại vương! Nay tôi biết chắc là nghiệp ác của đại vương ắt không thể thoát khỏi, xin đại vương mau đến chỗ Đức Phật, ngoài Phật Thế Tôn ra không ai có thể cứu đại vương được. Nay vì thương xót đại vương, nên tôi khuyên như vậy”.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nghe những lời nói này xong, toàn thân run rẩy, trong lòng lo lắng, tay chân bủn rủn mềm như cây chuối, ngước mắt lên mà hỏi:

–Người là ai, sao chỉ nghe tiếng mà chẳng hiện thân hình?

–Đại vương! Ta là Tần-bà-sa-la cha của đại vương đây. Nay đại vương phải nghe theo lời của Kỳ-bà, chớ nghe theo lời sai trái của sáu vị quan kia.

Khi nghe lời nói ấy xong, vua ngất xỉu trên đất, ghẻ nhọt trên thân vua tăng thêm mùi hôi hơn trước, dù dùng thuốc mát xoa lên để chữa trị, nhưng ghẻ nhọt ấy càng tăng thêm, không thuyên giảm.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XX

PHẨM 8: PHẠM HẠNH 6

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong rừng Ta-la song thọ thấy vua A- xà-thế ngất xỉu ngã xuống đất, liền bảo đại chúng:

–Như Lai nay vì vị vua này mà trụ ở đời đến vô lượng kiếp, không nhập Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai vì vô lượng chúng sinh mà không nhập Niết-bàn, chứ tại sao chỉ vì một mình vua A-xà-thế?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì trong đại chúng này không có một người nào cho rằng Ta chắc chắn nhập Niết-bàn. Chỉ có vua A-xà-thế cho rằng Ta chắc chắn nhập Niết-bàn, cho nên ngất xỉu, ngã xuống đất.

Này thiện nam! Như Lai đã nói vì vua A-xà-thế mà không nhập Niết-bàn. Mật nghĩa này ông chưa có thể hiểu được. Vì sao? Vì Ta nói “vì” là vì tất cả phàm phu. Vua A-xà-thế là người tạo hết tất cả tội ngũ nghịch. Lại nữa, nói “vì” tức là vì hết thảy chúng sinh hữu vi. Ta không bao giờ vì chúng sinh vô vi mà trụ ở đời. Vì sao? Hễ là vô vi thì không phải là chúng sinh. Vua A-xà-thế là người đầy đủ phiền não. Lại nữa, “vì” là vì chúng sinh không thấy Phật tánh. Nếu chúng sinh thấy Phật tánh thì Ta không bao giờ sống lâu ở đời. Vì sao? Vì người thấy được Phật tánh thì không gọi là chúng sinh. Vua A-xà-thế chính là tất cả người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại “vì” tức là vì hai chúng của A-nan và Ca-diếp. Vua A-xà-thế chính là hoàng hậu, cung phi ở hậu cung của vua A-xà-thế và tất cả phụ nữ ở thành Vương-xá. Lại “vì” gọi là Phật tánh, “A-xà” gọi là bất sinh, “Thế” gọi là oán thù. Do không sinh Phật tánh nên phiền não oán thù sinh. Do phiền não oán thù sinh nên không thấy Phật tánh. Do không sinh phiền não nên thấy Phật tánh. Do thấy Phật nên được an trú Đại Bát Niết Bàn, đó gọi là bất sinh. Cho nên gọi “vì” là A-xà-thế.

Này thiện nam! A-xà gọi là bất sinh, bất sinh gọi là Niết-bàn. Thế gọi là thế pháp, vì gọi là không nhiễm ô. Vì tám pháp trong thế gian không nhiễm ô nên vô lượng vô biên vô số kiếp không vào Niết-bàn. Vì thế Ta nói vì A-xà-thế mà vô lượng ức kiếp Như Lai không vào Niết-bàn.

Này thiện nam! Mật ngữ của Như Lai không thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, các vị Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát cũng không thể nghĩ bàn. Kinh Đại Niết-bàn cũng không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, bậc Đạo sư Đại bi, vì vua A-xà-thế mà nhập Tam-muội Nguyệt ái, nhập Tam-muội rồi, phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy mát mẻ chiếu đến thân vua. Ghẻ lở trên thân nhà vua liền lành không còn nóng bức. Vua biết ghẻ lở đã lành, thân thể mát mẻ. Vua liền bảo Kỳ-bà:

–Ta từng nghe người nói lúc kiếp sắp tận thì ba mặt trăng đều hiện lên, khi ấy hoạn nạn, đau khổ của tất cả chúng sinh đều được tiêu trừ. Nay chưa đến lúc mà ánh sáng này ở đâu chiếu đến thân ta, làm ghẻ lở khổ đau của ta được lành, thân được an lạc?

Kỳ-bà tâu:

–Đây không phải là ánh sáng của ba mặt trăng đều chiếu khi kiếp tận, cũng không phải ánh sáng của lửa, mặt trời, sao, cỏ thuốc, ngọc quý, cũng không phải ánh sáng của chư Thiên.

Vua lại hỏi:

–Ánh sáng này nếu không phải là ánh sáng của ba mặt trăng và ánh sáng của ngọc quý chiếu đến, thì ánh sáng này của ai?

–Tâu đại vương! Đó là ánh sáng do Đấng Thiên Trung Thiên phóng ra. Ánh sáng này không có nguồn gốc, không có giới hạn, không phải nóng, không phải lạnh, không phải thường, không phải diệt, không phải sắc, không phải không sắc, không phải tướng, không phải không tướng, không phải xanh, không phải vàng, không phải đỏ, không phải trắng. Vì muốn cứu độ chúng sinh nên hiện ra có tướng để thấy, vì thế nói có gốc, có giới hạn, có nóng, có lạnh, có xanh, vàng, đỏ, trắng. Tâu đại vương! Ánh sáng này tuy là thật, nhưng không thể nói, không thể nhìn thấy, cho đến không có màu xanh, vàng, đỏ, trắng v.v…

–Này Kỳ-bà! Đấng Thiên Trung Thiên ấy do nhân duyên gì mà phóng ánh sáng này?

–Tâu đại vương! Tướng tốt lành nầy là vì đại vương đó. Trước đây đại vương nói không có vị thầy thuốc nào giỏi ở trong đời chữa trị thân bệnh, tâm bệnh của đại vương. Cho nên Đức Như Lai phóng ra ánh sáng này trước trị thân bệnh, sau trị tâm bệnh của đại vương.

Vua nói:

–Này Kỳ-bà! Như Lai Thế Tôn cũng nhớ nghĩ đến ta sao? Kỳ-bà tâu:

–Ví như một người có bảy người con; trong bảy người đó có một người bị bệnh, thì cha mẹ chăm sóc người bệnh nhiều hơn, chớ trong lòng cha mẹ không phải không bình đẳng.

Tâu đại vương! Như Lai cũng vậy. Đối với chúng sinh không phải không bình đẳng, nhưng với người có tội lỗi thì quan tâm hơn, người phóng dật thì thương tưởng hơn, người không phóng dật thì ít quan tâm đến. Sao gọi là những người không phóng dật? Những người không phóng dật là bậc Bồ-tát trụ ở vị thứ sáu. Tâu đại vương! Chư Phật Thế Tôn đối với các chúng sinh thường không quán sát dòng họ, già, trẻ, trung niên, nghèo, giàu, thời tiết, ngày, tháng, sao hạn, khéo léo, vụng về, tôi tớ, người giúp việc, mà chỉ quán sát chúng sinh có tâm thiện. Nếu chúng sinh có tâm thiện thì thương tưởng. Tâu đại vương! Tướng lành này chính là ánh sáng của Đức Như Lai vào Tam-muội Nguyệt ái.

Vua liền hỏi:

–Thế nào gọi là Tam-muội Nguyệt ái? Kỳ-bà tâu:

–Ví như ánh sáng của mặt trăng có thể làm cho tất cả hoa Ưu- bát-la hé nở, Tam-muội nguyệt ái cũng như vậy, có thể làm cho tâm chúng sinh khai mở. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của mặt trăng có thể làm cho tất cả người đi đêm trên đường vui mừng, Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể làm cho người tu tập đạo Niết-bàn vui mừng. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng từ một mặt trăng từ ngày mồng một đến ngày rằm, dần dần tăng thêm, Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể làm cho các thiện căn của người mới phát tâm dần dần tăng trưởng cho đến đầy đủ Đại Bát Niết Bàn. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái.

Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của mặt trăng từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi dần dần giảm xuống, Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, ánh sáng chiếu đến chỗ nào có phiền não thì phiền não dần dần được tiêu diệt. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như lúc trời rất nóng tất cả chúng sinh thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng. Khi ánh sáng mặt trăng chiếu đến thời tiết nóng bức. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể làm cho chúng sinh diệt trừ được sự nóng bức của phiền não tham. Tâu đại vương! Ví như mặt trăng tròn sáng là vua trong các vì sao, là vị cam lồ mà tất cả chúng sinh ưa thích. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, là vua trong các pháp thiện, là cam lồ mà tất cả chúng sinh ưa thích. Vì thế gọi là Tam-muội Nguyệt ái.

Vua nói:

–Ta nghe Đức Như Lai không cùng người ác ngồi, đứng chung nói chuyện, đàm luận, giống như biển lớn không dung chứa tử thi, giống như chim uyên ương không đậu nhà xí, Thích-đề-hoàn-nhân không ở với quỷ, chim cưu-xi-la không đậu cây khô. Đức Như Lai cũng vậy, ta làm sao mà gặp được. Giả sử ta có gặp thì thân ta không bị vùi vào đất sao? Ta nghĩ Đức Như Lai thà gặp voi say, sư tử, cọp, sói, lửa dữ chứ không bao giờ gần với người quá ác. Do ta suy nghĩ như vậy nên không dám đến gặp Đức Như Lai.

Kỳ-bà tâu:

–Tâu đại vương! Ví như người khát nước đi nhanh đến dòng suối trong, người đói cầu ăn, người sợ hãi cầu cứu giúp, người bệnh cầu thầy thuốc giỏi, người nóng cầu bóng mát, người lạnh cầu lửa ấm. Nay đại vương cầu Phật cũng như vậy.

Tâu đại vương! Đức Như Lai còn thuyết pháp cho Nhất-xiển-đề, huống gì là đại vương không phải là Nhất-xiển-đề sao không nhờ đức Từ bi cứu độ!

Vua nói:

–Này Kỳ-bà! Ta xưa từng nghe, Nhất-xiển-đề là kẻ không tin, không nghe, không thể quán sát, không rõ nghĩa lý, vì sao Đức Như Lai thuyết pháp cho họ?

Kỳ-bà tâu:

–Tâu đại vương! Ví như có người thân bị bệnh nặng, đêm nằm mơ thấy mình bay lên điện một cột, uống váng sữa và lấy thoa nơi thân, nằm trên tro, ăn tro, leo lên cây khô, hoặc cùng với khỉ vượn du hành, ngồi, nằm, chìm dưới nước, lún trong bùn, rơi xuống điện lầu, núi cao, rừng cây, hoặc thấy voi, ngựa, trâu, dê mặc y phục xanh, vàng, đỏ vui cười, ca múa, hoặc thấy quạ, kên kên, chồn, cáo, rụng răng, rụng tóc, trần truồng, gối đầu trên mình chó, nằm trên phân dơ. Lại cùng người chết đi, đứng, ngồi, dắt tay, ăn uống, đi trên đường đầy rắn độc. Hoặc còn mộng thấy ôm lấy người nữ tóc giả, mặc y phục bằng lá Đa-la, ngồi xe lừa hư đi qua hướng chánh Nam.

Người mộng tỉnh dậy trong lòng buồn lo. Vì buồn lo nên thân bệnh càng nặng, vì càng nặng nên các người thân trong nhà đi mời thầy thuốc. Người đi mời này hình thể lùn xấu, các căn không đủ, đầu đầy bụi dơ, y phục rách nát, đi xe hư cũ. Vị ấy nói với thầy thuốc: “Xin mau lên xe đến nhà tôi chữa bệnh”.

Bấy giờ, vị thầy thuốc liền suy nghĩ: “Ta nay thấy người đến mời tướng mạo không tốt, nên biết người bệnh khó chữa trị”. Thầy thuốc lại nghĩ: “Người mời này tướng mạo không tốt, vậy ta nên xem ngày có thể chữa được chăng?”. Lại thấy ngày mồng bốn, mồng sáu, mồng tám, mười hai, mười bốn. Những ngày ấy bệnh cũng khó trị. Thầy thuốc lại suy nghĩ: “Ngày thấy không tốt, vậy ta xem sao có thể chữa trị chăng?”. Lại là sao hỏa, sao kim, sao ngang, sao diêm la vương, sao thấp, sao mãn. Gặp những sao này thì bệnh cũng khó trị. Thầy thuốc lại nghĩ: “Sao thấy không tốt.

Vậy ta xem thời tiết”. Nếu thời tiết vào mùa thu, vào mùa đông, lúc mặt trời lặn, lúc nửa đêm, lúc mặt trăng lặn. Gặp những lúc này thì bệnh khó chữa trị. Thầy thuốc lại nghĩ: “Các tướng tuy không tốt như vậy nhưng cố định hay bất định. Vậy ta nên xem người bệnh này nếu có phước đức thì có thể điều trị được nếu không có phước đức dù có tốt lành cũng chẳng có ích gì”. Thầy thuốc nghĩ như thế xong, liền cùng với người đi mời về nhà người bệnh, giữa đường lại nghĩ: “Nếu người bệnh đó có tướng trường thọ thì có thể chữa trị”. Liền khi ấy thấy trước đường có hai đứa trẻ đánh nhau, chúng túm đầu, nhổ tóc, dùng ngói, đá, dao gậy đánh nhau. Lại thấy người cầm lửa tự nhiên tắt, lại thấy có người đốn cây, lại thấy có người tay kéo tấm da đi trên đường, lại thấy trên đường có vật đánh rơi, hoặc lại thấy có người nắm đồ chứa rỗng, hoặc lại thấy Sa-môn đi một mình không có bạn bè, lại thấy cọp, sói, quạ, kên kên, chồn hoang. Thấy như vậy rồi vị thầy thuốc lại nghĩ: “Người đi mời cho đến các hiện tượng thấy trên đường đi đều không được tốt, nên biết người bệnh nhất định khó trị”. Thầy thuốc lại nghĩ: “Nếu ta không đến thì không phải thầy thuốc, nếu ta đến thì không chữa trị được”. Lại nghĩ: “Các hình tướng như thế tuy không tốt nhưng nên bỏ hết để đến nhà người bệnh”. Suy nghĩ vậy rồi, lại nghe ở trước đường có tiếng:

mất, chết, sụp lỡ, tan hoại, bẻ gãy, té ngã, lột, đọa, thiêu đốt, đừng đến, không thể điều trị, không thể cứu giúp. Lại nghe ở phương Nam có tiếng chim, đó là tiếng quạ, kên kên, chim Xá-lợi, hoặc chó, chuột, chồn, thỏ, heo. Nghe những tiếng như vậy xong thầy thuốc lại suy nghĩ: "Nên biết người bệnh khó chữa trị".

Khi vào nhà người bệnh, thầy thuốc thấy bệnh nhân lúc lạnh, lúc nóng, gân xương đau nhức, mắt đỏ rớm lệ, tai ù không nghe, cổ họng nghẹn đau, trên lưỡi nức lở, sắc mặt bầm đen, cất đầu không nổi, cơ thể khô nhám chẳng có mồ hôi, đại tiện, tiểu tiện không thông, toàn thân sưng phù hồng đỏ không thường, lời nói không đều lúc to lúc nhỏ, toàn thân sắc xanh vàng lẫn lộn, bụng phình trướng, nói không rõ. Thầy thuốc thấy như vậy rồi liền đến hỏi người chăm sóc bệnh: "Ngày hôm qua đến nay tinh thần người bệnh ra sao?". Người chăm sóc bệnh nói: "Thưa thầy, người bệnh này xưa kính tin Tam bảo và chư Thiên, nhưng nay lại khác, không còn kính tin, trước kia ăn ít nay lại ăn nhiều, trước kia hòa thiện nay lại xấu ác, trước kia nhân từ hiếu thuận, cung kính cha mẹ, nay đối với cha mẹ tâm không cung kính". Thầy thuốc nghe vậy đến ngửi người bệnh liền nghe mùi hương Ưu-bát-la, hương trầm thủy tạp, hương tất-ca-đa, hương đa-ca-la, hương đa-ma-la-bạt, hương uất kim, hương chiên-đàn v.v… và mùi thịt nướng, mùi rượu bồ đào, mùi gân cốt chảy, mùi cá, mùi phân v.v… Thầy thuốc biết mùi thơm, mùi hôi rồi kiền đến chạm vào thân, biết thân người bệnh mềm mại như lụa bông, như hoa kiếp-bối, hoặc cứng như đá, hoặc lạnh như nước, hoặc nóng như lửa, hoặc nhám như cát.

Bấy giờ, thầy thuốc thấy các hình tượng như vậy rồi, biết người bệnh chắc chắn sẽ chết nhưng mà không nói ra, bảo người chăm sóc bệnh: "Nay tôi có việc gấp ngày mai sẽ trở lại. Người bệnh cần gì thì nên thuận theo ý chớ có ngăn cản". Dặn xong thầy thuốc trở về nhà. Ngày mai người nhà bệnh đến rước, thầy thuốc bảo: "Việc tôi chưa xong và chưa chế thuốc kịp".

Người trí nên biết, người bệnh này chắc chắn sẽ chết.

Tâu đại vương! Đức Thế Tôn cũng vậy, dù biết rõ căn tánh của hàng Nhất-xiển-đề, nhưng Ngài cũng vì họ mà thuyết pháp. Vì sao? Vì không thuyết pháp cho họ thì tất cả phàm phu sẽ nói Như Lai không có tâm đại từ bi. Có từ bi mới gọi là bậc Nhất thiết trí. Do vậy Như Lai vì hàng Nhất-xiển-đề thuyết pháp cho họ.

Tâu đại vương! Đức Như Lai thấy người bệnh liền ban bố pháp dược. Người bệnh không uống, đó không phải lỗi của Đức Như Lai.

Tâu đại vương! Hàng Nhất-xiển-đề chia ra làm hai: Một là hạng được căn lành hiện tại, hai là hạng được căn lành đời sau.

Đức Như Lai biết rõ hạng Nhất-xiển-đề được căn lành trong đời hiện tại, thì Ngài thuyết pháp cho họ. Hạng Nhất-xiển-đề được căn lành đời sau Ngài cũng thuyết pháp cho họ, hôm nay tuy vô ích nhưng để gieo cái nhân cho đời sau, nên Đức Như Lai thuyết pháp cho hàng Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, Nhất-xiển-đề có hai loại: Một là hạng lợi căn, hai là hạng trung căn. Người lợi căn có thể được căn lành trong đời hiện tại, người trung căn đời sau mới được căn lành.

Chư Phật Thế Tôn không bao giờ thuyết pháp mà không có lợi

ích.

Tâu đại vương! Ví như người sạch rồi vào hầm xí, có thiện tri

thức thấy vậy xót thương liền nắm tóc kéo ra khỏi. Chư Phật Như Lai cũng như vậy, thấy các chúng sinh đọa vào ba đường ác liền dùng phương tiện cứu độ ra khỏi. Vì thế Đức Như Lai thuyết pháp cho hàng Nhất-xiển-đề.

Vua bảo:

–Này Kỳ-bà! Nếu Như Lai có những điều như vậy thì phải chọn ngày giờ tốt rồi chúng ta đến gặp Đức Như Lai.

Kỳ-bà tâu:

–Tâu đại vương! Trong giáo pháp của Đức Như Lai không có chọn ngày giờ tốt.

Tâu đại vương! Như người bệnh nặng không nên xem ngày giờ tốt xấu mà cốt làm sao mời được thầy thuốc. Nay đại vương bệnh nặng phải cần lương y Phật chữa trị, không nên chọn ngày lành giờ tốt.

Tâu đại vương! Như lửa chiên-đàn, cùng lửa y-lan. Hai thứ lửa này thiêu cháy đều giống nhau. Ngày tốt ngày xấu cũng vậy, nếu đã đến chỗ Đức Phật đều được diệt tội. Vậy mong đại vương hôm nay mau đến gặp Phật.

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền bảo cận thần Cát Tường:

–Này Cát Tường! Ta nay muốn đến nơi Đức Thế Tôn, khanh mau sắm đầy đủ vật thực cúng dường!

Cát Tường tâu:

–Tâu đại vương! Lành thay! Lành thay! Mọi vật cúng dường đều có đủ.

Vua A-xà-thế cùng phu nhân ra đi với một vạn hai ngàn chiếc xe, năm vạn thớt voi to khỏe mạnh, trên mỗi thớt voi đều chở ba người cầm phướn lọng, hoa hương, kỹ nhạc, đầy đủ các vật cúng dường, có mười tám vạn người cưỡi ngựa đi theo. Dân chúng trong nước Ma-già- đà có năm mươi tám vạn người cùng đi theo vua.

Bấy giờ, nơi thành Câu-thi-na có đại chúng đứng khắp mười hai do-tuần, tất cả mọi người đều thấy vua A-xà-thế và quyến thuộc từ xa đi đến.

Khi ấy, Đức Phật bảo các đại chúng:

–Nhân duyên gần gũi của tất cả chúng sinh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trước hết là bạn lành. Vì sao? Vì vua A-xà-thế nếu không nghe lời của Kỳ-bà thì mồng bảy tháng tới sẽ chết và đọa vào ngục A-tỳ. Vì thế nhân duyên gần không gì hơn bạn lành.

Trên đường đi, vua A-xà-thế nghe chuyện vua Tỳ-lưu-ly ngồi thuyền vào biển gặp lửa mà chết. Tỳ-kheo Cù-già-ly còn sống mà lún vào trong đất đến địa ngục A-tỳ. Tu-na-sát-đa làm các tội ác đến gặp Đức Phật, các tội lỗi đều tiêu sạch. Vua nghe xong những chuyện này rồi liền nói với Kỳ-bà: “Ta tuy được nghe những chuyện ấy nhưng vẫn chưa chắc. Kỳ-bà, hãy đến đây, ta muốn cùng khanh ngồi chung một thớt voi. Giả sử ta đọa vào địa ngục A-tỳ, mong khanh nắm giữ ta đừng để rơi xuống. Vì sao? Vì ta trước đây nghe những người đắc đạo không rơi vào địa ngục”.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Trì Nhất Thiết bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước đây Phật nói tất cả các pháp không có tướng nhất định. Đó là sắc không có tướng nhất định cho đến Niết-bàn cũng không có tướng nhất định. Vậy hôm nay tại sao Như Lai lại nói làm cho vua A-xà-thế có tâm nhất định?

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Như Lai nay sẽ làm cho vua A-xà-thế có tâm nhất định. Vì sao? Vì nếu tâm nghi ngờ của vua có thể phá trừ được, thì sẽ biết các pháp không có tướng nhất định. Vì thế Như Lai làm vua A-xà-thế tâm được nhất định, vì biết tâm vua không nhất định. Này thiện nam! Nếu tâm của vua là nhất định thì tội ngũ nghịch của vua làm sao diệt trừ được, vì không có tưởng nhất định nên tội của vua có thể tiêu trừ.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đến rừng Ta-la song thọ, đi đến chỗ Phật ngước nhìn Đức Như Lai, thấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp giống như núi vàng ròng vi diệu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phát ra tám loại tiếng bảo vua:

–Này đại vương!

Khi ấy, vua A-xà-thế nhìn xem hai bên đại chúng ai là đại vương. Vua liền suy nghĩ: Ta là người tội lỗi không có phước đức. Đức Như Lai không nên gọi ta là đại vương.

Bấy giờ, Đức Như Lai lại gọi:

–Này đại vương A-xà-thế!

Vua nghe lời gọi của Như Lai tâm rất vui mừng liền nghĩ: "Hôm nay Đức Như Lai chiếu cố đến ta. Biết thật là Đức Như Lai có tâm thương yêu không phân biệt đối với các chúng sinh".

Vua bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tâm con hôm nay không còn nghi ngờ, thật biết

Như Lai là bậc Đại sư vô thượng của chúng sinh.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp nói với Bồ-tát Trì Nhất Thiết:

–Đức Như Lai đã làm cho vua A-xà-thế tâm được nhất định. Bấy giờ, vua A-xà-thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử hôm nay con được cùng ngồi ăn uống với Phạm Thiên, Thích-đề-hoàn-nhân cũng không vui mừng bằng gặp Đức Như Lai và nghe một lời chiếu cố, con vô cùng sung sướng.

Lúc này, vua A-xà-thế liền đem phướn lọng, hương hoa, kỹ nhạc dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn và đảnh lễ nơi chân Phật, đi quanh bên phải ba vòng. Kính lễ xong ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Phật bảo vua A-xà-thế:

–Này đại vương! Như Lai nay vì đại vương mà thuyết pháp, vậy nhà vua chú ý lắng nghe!

Hàng phàm phu thường quán sát thân mình có hai mươi điều: Một là thân ta đây là thân hữu lậu.

Hai là vốn không có các căn lành

Ba là sống chết chưa được điều thuận.

Bốn là rơi vào hầm sâu không chỗ nào là không sợ. Năm là dùng phương tiện gì để thấy Phật tánh.

Sáu là tu định thế nào để thấy Phật tánh.

Bảy là sống chết thường khổ, không có thường, lạc, ngã, tịnh. Tám là thường khó thoát khỏi tám nạn.

Chín là thường bị oan gia theo dõi.

Mười là không có một pháp nào có thể chặn đứng các cõi. Mười một là chưa được giải thoát khỏi ba đường ác.

Mười hai là đầy đủ các loại ác kiến.

Mười ba là cũng chưa tạo lập bến bờ vượt qua khỏi ngũ nghịch. Mười bốn là sinh tử không bờ mà chưa được vượt qua.

Mười lăm là không tạo các nghiệp, không bị quả báo. Mười sáu là không có ta làm mà người khác chịu quả. Mười bảy là không tạo niềm vui thì không có quả vui. Mười tám là nếu có tạo nghiệp quả thì không thể mất.

Mười chín là do vô minh mà sinh, cũng do vô minh mà chết.

Hai mươi là quá khứ, vị lai và hiện tại thường buông lung phóng dật.

Này đại vương! Người phàm phu thường quán thân này có hai mươi điều như vậy. Do quán sát như vậy mà không ưa thích sinh tử nên được chánh quán. Bấy giờ mới tuần tự quán về tướng sinh, tướng trụ, tướng diệt của tâm, kế đến quán tướng sinh trụ diệt của tâm. Quán định, tuệ, tinh tấn cũng như vậy. Quán sinh, trụ, diệt rồi biết tướng của tâm cho đến tướng của giới không bao giờ tạo ác, không có sợ chết, không sợ ba đường ác. Nếu không chuyên tâm quán sát hai mươi điều như vậy thì tâm phóng dật, không có việc ác nào mà không làm.

Vua A-xà-thế thưa:

–Thưa Thế Tôn! Như con hiểu ý nghĩa lời Thế Tôn nói là, từ trước đến đây con chưa từng quán sát hai mươi điều ấy, nên tạo các tội ác. Do vậy sợ chết, sợ ba đường ác.

Bạch Thế Tôn! Con tự chuốc lấy tai họa tạo tội ác nặng: Vua cha không tội, con lại ám hại. Vậy hai mươi điều này dù con có quán hay không quán thì con nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ.

Phật dạy:

–Này đại vương! Tất cả các pháp tánh tướng vô thường, không có nhất định, tại sao nhà vua lại nói nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ.

Vua A-xà-thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp không có tướng nhất định, vậy thì tội giết hại của con cũng không nhất định. Nếu tội giết hại nhất định thì tất cả các pháp phải là nhất định.

Phật dạy:

–Này đại vương! Lành thay! Lành thay! Chư Phật Thế Tôn nói tất cả các pháp đều không có tướng nhất định. Nhà vua lại biết rõ tội giết hại cũng không nhất định. Do vậy nên biết tội giết hại không có tướng nhất định.

Này đại vương! Như lời nhà vua nói, vua cha không tội, mà vua lại ám hại. Cái gì là cha? Chỉ đối với danh từ giả năm ấm của chúng sinh mà vọng tưởng là cha. Trong mười hai nhân duyên và mười tám giới cái gì là cha? Nếu sắc là cha thì bốn ấm còn lại không phải là cha. Nếu bốn ấm là cha thì sắc cũng không phải là cha. Nếu sắc và phi sắc hợp lại thành cha thì không có chuyện này. Vì sao? Vì sắc và phi sắc tánh không hòa hợp.

Này đại vương! Chúng sinh phàm phu đối với sắc uẩn vọng tưởng là cha. Sắc ấm như vậy cũng không thể hại được. Vì sao? Vì sắc có mười loại. Trong mười loại sắc chỉ có một loại có thể nhìn thấy, có thể nắm lấy, có thể cân, có thể lường, có thể dẫn dắt trói buộc v.v… Dù có thể thấy, có thể trói buộc, nhưng tánh của nó không trụ. Vì không trụ nên không thể thấy, không thể nắm bắt, không thể cân lường, không thể dẫn dắt, không thể trói buộc. Sắc tướng như vậy thì làm thế nào giết hại được. Nếu sắc là cha có thể giết, có thể hại mắc phải tội báo thì chín loại kia không phải là cha. Nếu chín loại kia không phải là cha tức không có tội.

Này đại vương! Sắc có ba loại: Quá khứ, vị lại, hiện tại. Vì sao? Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại thì mỗi niệm mỗi niệm tiêu diệt. Chỉ vì ngăn chặn vị lại nên gọi là giết hại. Một thứ sắc như vậy hoặc có thể giết, hoặc không thể giết. Có giết hay không giết thì sắc cũng không nhất định. Nếu sắc không nhất định thì giết hại cũng không nhất định, giết hại không nhất định thì quả báo cũng không nhất định. Vậy sao nói nhất định vào địa ngục.

Này đại vương! Tất cả chúng sinh tạo ra tội nghiệp có hai thứ: Một là tội nhẹ, hai là tội nặng. Nếu do tâm và miệng tạo ra gọi là tội nhẹ, còn thân, miệng và tâm tạo ra gọi là tội nặng.

Này đại vương! Tâm suy nghĩ, miệng nói, nhưng thân không làm thì mắc quả báo nhẹ.

Này đại vương! Ngày trước đại vương không bảo giết, chỉ nói chặt chân. Này đại vương! Nếu vua truyền lệnh cho thị thần chém đầu vua cha và khi buộc tội rồi mới chém còn không mắc tội, huống gì đại vương không ra lệnh làm sao mắc tội. Nếu vua mắc tội thì chư Phật Thế Tôn cũng mắc tội. Vì sao? Vì vua cha của đại vương là Tần-bà-sa- la thường ở nơi chư Phật trồng các căn lành, do đó ngày nay được làm vua. Nếu chư Phật không thọ nhận sự cúng dường thì tiên vương đâu có làm vua. Nếu tiên vương không làm vua thì đại vương đâu có vì việc nước mà giết hại. Nếu đại vương giết cha mà có tội thì chư Phật chúng tôi cũng phải có tội. Nếu chư Phật Thế Tôn không tội thì chỉ riêng đại vương có tội sao.

Này đại vương! Tiên vương Tần-bà-sa-la ngày xưa có tâm ác: Vua đi săn nai tại núi Tỳ-phú-la, tìm khắp mọi nơi không thấy con nào, chỉ gặp một vị Tiên đầy đủ năm thông, tiên vương liền sinh tâm ác giận dữ nói: “Hôm nay ta đi săn sở dĩ không được gì chính là do người này xua đuổi chúng chạy đi”. Tiên vương liền bảo cận thần giết vị tiên. Tiên nhân lúc chết sinh tâm oán hận liền mất thần thông nên thệ nguyện: “Ta không có tội, ngươi dùng tâm và miệng để giết hại ta. Vậy vào đời sau ta cũng dùng tâm và miệng giết hại nhà ngươi vậy”. Tiên vương nghe rồi trong lòng ăn năn cúng dường tử thi, cho nên tiên vương bị tội nhẹ không đọa vào địa ngục, huống gì đại vương không như vậy mà phải chịu quả báo vào địa ngục sao? Tiên vương tự làm ra thì trở lại tự thọ nhận sao bảo đại vương mắc tội giết hại. Như lời đại vương nói, vua cha không có tội. Này đại vương! Tại sao nói không có? Hễ có tạo tội tức là có quả báo, không có tạo ác thì không bị tội báo. Nay tiên vương của đại vương không có tội sao có thọ báo, tiên vương Tần-bà-sa-la ở trong đời này cũng được quả lành cũng bị quả ác. Do vậy tiên vương cũng không nhất định. Vì không nhất định nên sự giết hại cũng không nhất định. Sự giết hại không nhất định sao đại vương nói nhất định đọa vào địa ngục.

Này đại vương! Chúng sinh điên cuồng có bốn hạng: Một là do tham vọng mà điên cuồng, hai là do bị thuốc độc mà điên cuồng, ba là do bị bùa chú mà điên cuồng, bốn là do nghiệp duyên đời trước mà điên cuồng.

Này đại vương! Trong hàng đệ tử của Như Lai mắc phải bốn thứ điên cuồng ấy, dù tạo nhiều tội ác, Như Lai không cho người này là phạm giới. Việc làm của người này không bị đọa vào ba đường ác. Nếu tâm tỉnh trở lại thì cũng không gọi là phạm. Nay đại vương vì tham ngôi vua mà phản nghịch giết hại vua cha, do tâm tham vọng điên cuồng mà làm thì sao gọi là mắc tội.

Này đại vương! Như người say rượu làm nghịch giết hại mẹ, lúc đã hết say sinh lòng hối hận. Nên biết việc giết hại này cũng không bị tội báo. Nay đại vương vì lòng tham làm say chứ không phải bổn tâm làm. Nếu không phải bổn tâm làm thì sao nói mắc phải tội.

Này đại vương! Ví như nhà ảo thuật ở nơi ngã tư đường, dùng chú thuật tạo ra đủ loại nào là trai, gái, voi, ngựa, chuỗi ngọc, y phục v.v… Người ngu cho đó đó là thật, người trí biết đó là không thật. Sự giết hại cũng vậy, người phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết là không thật.

Này đại vương! Ví như tiếng vang trong khe núi, người ngu cho là tiếng thật, người trí biết là không thật. Sự giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết là không thật.

Này đại vương! Như có kẻ oán thù giả đến thân cận, người ngu nhận là người thân, người trí biết rõ đó là giả trá. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết là không thật.

Này đại vương! Như người soi gương tự thấy mặt mình, người ngu cho là mặt thật, người trí hiểu rõ không phải mặt thật. Sự giết hại cũng vậy, người phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết là không thật.

Này đại vương! Như sóng nắng gợn lên lúc trời nắng nóng, người ngu cho đó là nước, người trí biết rõ không phải là nước. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rõ là không thật.

Này đại vương! Như thành Càn-thát-bà, người ngu cho là thật, người trí biết rõ không phải là thật. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rõ là không thật.

Này đại vương! Như người nằm mộng thấy hưởng vui năm dục, người ngu cho là thật, người trí biết rõ là không thật. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết rõ là không thật.

Này đại vương! Cách thức giết, hành động giết, người giết, hậu quả giết cho đến sự giải thoát, Như Lai đều biết rõ tất cả nhưng không có tội, thì sao đại vương biết việc giết hại mà lại có tội?

Này đại vương! Ví như có người làm chủ tiệm rượu, nhưng không uống rượu thì cũng không say; tuy người biết lửa cũng không bị đốt cháy. Đại vương cũng vậy, dù biết giết hại tại sao có tội

Này đại vương! Có các chúng sinh lúc mặt trời mọc tạo các loại tội, lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp, lúc mặt trời, mặt trăng không mọc thì không tạo tội, dù nhân nơi mặt trời, mặt trăng khiến người ấy tạo tội, nhưng mặt trời, mặt trăng thật không có tội. Sự giết hại cũng vậy, dù nhân nơi đại vương nhưng đại vương thật vô tội.

Này đại vương! Như trong cung vua, vua thường ra lệnh làm thịt dê, nhưng vua vốn không lo sợ, tại sao đối với vua cha mà sinh lòng lo sợ? Tuy người và súc vật có tôn ti khác nhau, nhưng quý sinh mạng, sợ chết thì cả hai đều giống nhau. Tại sao đối với loài dê xem nhẹ không lo sợ, còn đối với phụ vương thì u buồn lo sợ.

Này đại vương! Người đời làm tôi tớ cho tham ái nên không được tự tại, bị tham ái sai khiến mà làm việc giết hại, giả sử có quả báo chính là tội của tham ái. Đại vương bị sai khiến thì sao có tội!

Này đại vương! Ví như Niết-bàn không phải có, không phải không mà cũng là có. Sự giết hại cũng vậy, tuy không phải có, không phải không mà cũng là có, người có hổ thẹn thì không phải có, người không hổ thẹn thì không phải không; người thọ quả báo gọi là có, người thấy rỗng không thì không phải có; người thấy có thì không phải không; có người thấy có cũng gọi là có. Vì sao? Vì có người thấy có thì mắc quả báo, người thấy không có thì không mắc quả báo. Người thấy thường thì chẳng phải không, người thấy vô thường thì chẳng phải có. Người thường thấy thường thì không gọi là không. Vì sao? Vì người thường thấy thường có nghiệp quả ác. Cho nên người thường thấy thường không gọi là không. Do ý nghĩa này, dù không phải có, không phải không mà cũng là có.

Này đại vương! Phàm là chúng sinh thì hơi thở còn ra vào, làm chấm dứt hơi thở ra vào gọi là giết hại.

Này đại vương! Sắc là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là vô thường, đã từ nhân vô thường mà sinh ra sắc thì sao gọi là thường? Cho đến thức cũng vô thường, nhân duyên của thức cũng là vô thường, đã từ nhân vô thường sinh thức tại sao gọi là thường? Do vô thường nên khổ, do khổ nên không, do không nên vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, không, vô ngã thì cái gì là giết hại? Giết vô thường thì được Niết-bàn thường, giết khổ sẽ được an lạc, giết không sẽ được chân thật, giết vô ngã sẽ được chân ngã.

Này đại vương! Nếu giết vô thường, khổ, không, vô ngã thì đồng với ngã. Cũng giết luôn ngã thì vô thường, khổ, không, vô ngã không đọa vào địa ngục. Vậy đại vương nhập vào cái gì?

Bấy giờ, vua A-xà-thế làm theo như lời Phật dạy, quán sát từ sắc ấm cho đến thức ấm. Quán như vậy rồi liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay mới biết sắc là vô thường cho đến thức cũng là vô thường. Nếu trước kia con có thể biết như thế này thì con không tạo ra các tội.

Bạch Thế Tôn! Xưa kia con cũng từng nghe chư Phật Thế Tôn thường vì chúng sinh mà làm cha mẹ. Tuy nghe như vậy mà con chưa vững tin, nay con mới thật tin.

Bạch Thế Tôn! Con cũng đã từng nghe núi

Tu-di do bốn thứ báu tạo thành, đó là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Nếu có các con chim đậu vào thì đồng với màu núi. Tuy được nghe như vậy nhưng con chưa vững tin. Nay con đến núi Tu-di của Phật liền đồng một màu sắc, đã đồng một màu sắc thì biết các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Bạch Thế Tôn! Ở thế gian này, con thấy từ hạt y-lan mọc lên cây y-lan không thấy hạt y-lan mọc lên cây chiên-đàn. Hôm nay mới thấy từ hạt y lan mọc lên cây chiên-đàn. Hạt y-lan chính là thân con. Cây chiên-đàn chính là lòng tin vô căn của con. Vô căn là từ trước con không biết cung kính Đức Như Lai, không tin chánh pháp cùng chư Tăng, nên gọi là vô căn.

Bạch Thế Tôn! Nếu con không gặp Như Lai Thế Tôn thì phải chịu vô lượng khổ ở nơi đại địa ngục trong vô lượng kiếp. Con nay được gặp, vì gặp được Phật nên được nhiều công đức phá trừ tất cả tâm ác phiền não chúng sinh.

Phật dạy:

–Này đại vương! Lành thay! Lành thay! Nay Như Lai biết đại vương có thể phá trừ tâm xấu ác của chúng sinh.

–Bạch Thế Tôn! Nếu con thật có thể phá trừ các tâm ác của chúng sinh thì con thường ở nơi địa ngục A-tỳ trong vô lượng kiếp vì các chúng sinh chịu mọi khổ não mà không lấy làm khổ.

Bấy giờ, vô lượng dân chúng ở nước Ma-già-đà đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vô lượng dân chúng phát tâm rộng lớn như vậy nên tội nặng của vua A-xà-thế liền được nhẹ bớt.

Nhà vua và phu nhân cùng các thể nữ trong hậu cung đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc này, vua A-xà-thế bảo Kỳ-bà:

–Này Kỳ-bà! Ta nay chưa chết lại được thân cõi trời, bỏ mạng ngắn ngủi được mạng lâu dài, xả bỏ thân vô thường được thân thường hằng, khiến cho các chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là thân trời mạng trường thọ, thân thường hằng, tức là đệ tử của tất cả chư Phật.

Nói lời này xong, vua đem các thứ cờ phướn, lọng báu, hương hoa, chuỗi ngọc, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật, rồi nói kệ tán thán:

Lời chân thật vi diệu
Khéo léo nơi câu nghĩa
Tạng bí mật sâu xa
Vì chúng sinh hiển bày
Nói rộng thì rất nhiều
Vì chúng sinh nói lược
Đầy đủ lời như vậy

Khéo chữa bệnh chúng sinh
Nếu có các chúng sinh
Được nghe lời nói này
Có tin hoặc không tin
Biết chắc là lời Phật
Lời chư Phật dịu dàng
Nói lớn vì chúng sinh
Dịu dàng cùng nói lớn
Đều về đệ nhất nghĩa.
Cho nên con hôm nay
Quy y Đức Thế Tôn
Phật nói chỉ một vị
Như nước trong biển lớn
Nên gọi đệ nhất đế
Không có lời vô nghĩa
Nay Đức Như Lai nói
Vô lượng vô số pháp
Nam nữ già trẻ nghe
Đều được đệ nhất nghĩa
Không nhân cũng không quả
Không sinh và không diệt
Gọi là Đại Niết-bàn
Người nghe phá kiết sử
Như Lai vì tất cả
Thường làm cha mẹ lành
Nên biết các chúng sinh
Là con của Như Lai

Thế Tôn đại từ bi
Vì chúng nên khổ hạnh
Như người bị quỷ dựa
Làm nhiều việc cuồng loạn
Con nay được gặp Phật
Có được ba nghiệp thiện
Nguyện đem công đức này
Hướng về đạo vô thượng
Phẩm vật con cúng dường
Phật, Pháp cùng chúng
Tăng Xin đem công đức này
Nguyện Tam bảo thường tại
Điều con được hôm nay
Là các loại công đức
Nguyện đem công đức này
Phá trừ bốn loại ma
Con gặp ác tri thức
Tạo tội ác ba đời
Nay sám hối trước
Phật Nguyện sau không tái phạm
Cầu tất cả chúng sinh
Đều phát tâm Bồ-đề
Chuyên tâm thường nhớ nghĩ
Tất cả Phật mười phương
Lại nguyện các chúng sinh
Phá trừ các phiền não
Được thấy rõ Phật tánh

Như Bồ-tát Văn-thù.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi vua A-xà-thế:

–Lành thay! Lành thay! Nếu có người nào phát tâm Bồ-đề, thì nên biết người này trang nghiêm đại chúng của chư Phật.

Này đại vương! Ngày xưa nhà vua ở nơi Phật Tỳ-bà-thi vốn đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên từ đó cho đến khi ta xuất thế, trong thời gian này, nhà vua chưa từng chịu khổ nơi địa ngục.

Này đại vương! Nên biết tâm Bồ-đề có vô lượng quả báo như

vậy.

Này đại vương! Từ nay về sau thường siêng tu tâm Bồ-đề. Vì

sao? Vì từ nhân duyên này mà được tiêu trừ vô lượng tội ác.

Lúc này, vua A-xà-thế và dân chúng nước Ma-già-đà, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Phật ba vòng, lễ bái lui ra, trở về cung.

Phẩm Thiên Hạnh như trong kinh Tạp Hoa đã nói.

□

PHẨM 9: ANH NHI HẠNH

Này thiện nam! Thế nào gọi là hạnh Anh nhi?

Này thiện nam! Không có thể đứng dậy, đi tới, đi lui, nói chuyện gọi là anh nhi. Như Lai cũng vậy. Không thể đứng dậy là, Như Lai không bao giờ làm khơi dậy tướng của các pháp. Không thể đứng là, Như Lai không chấp trước tất cả các pháp. Không thể đi tới là, thân hành Như Lai không có lay động. Không thể đi lui là, Như Lai đã đến Đại Bát Niết Bàn. Không thể nói là, Như Lai vì tất cả chúng sinh thuyết giảng các pháp, nhưng thật ra không có nói. Vì sao? Vì có nói gọi là pháp hữu vi, vì thế nên không nói. Lại không nói là, giống như anh nhi, ngôn ngữ chưa rõ thì dù có nói thật ra cũng như không nói. Như Lai cũng vậy, vặn hỏi chưa rõ chính là lời nói bí mật của chư Phật, dù có nói nhưng chúng sinh không hiểu nên gọi là không nói. Lại như anh nhi là, gọi tên các đồ vật không chính xác, chưa biết nói đúng. Tuy gọi tên đồ vật không chính xác, chưa biết nói đúng, nhưng không phải không nhân đó mà biết đồ vật. Như Lai cũng như vậy, tất cả chúng sinh, chủng loại, nơi chốn, ngôn ngữ không đồng. Như Lai dùng phương tiện tùy theo chúng mà thuyết pháp, cũng làm cho tất cả nhân nói đó mà được giải thoát.

Lại nữa, anh nhi có thể nói được chữ cái. Như

Lai cũng như vậy, nói chữ cái, đó là “Bà” “Hòa”. Hòa là hữu vi, Bà là vô vi, nên gọi là anh nhi. Hòa là vô thường, Bà là thường. Như Lai nói thường, chúng sinh nghe rồi cho là pháp thường mà dứt trừ pháp vô thường nên gọi là hạnh anh nhi. Lại nữa, anh nhi thì không biết khổ, vui, ngày, đêm, cha, mẹ. Đại Bồ-tát cũng như vậy, vì chúng sinh nên không biết khổ, vui, không tưởng ngày đêm, đối với các chúng sinh tâm bình đẳng nên không có các tướng cha mẹ, thân, sơ v.v… Lại nữa, anh nhi thì không thể làm các việc lớn nhất nhỏ. Đại Bồ-tát cũng như vậy, không tạo nghiệp sinh tử nên gọi không làm. Việc lớn nhất đó là ngũ nghịch. Đại Bồ-tát không bao giờ tạo tội ngũ nghịch. Việc nhỏ là tâm Nhị thừa. Đại Bồ-tát không bao giờ thoái tâm Bồ-đề mà tu hạnh Thanh văn, Phật- bích-chi. Lại nữa, hạnh anh nhi là, như lúc trẻ con khóc la, cha mẹ liền cầm lá vàng của cây dương bảo: “Nín đi đừng khóc! Vàng đây ta cho con”. Anh nhi thấy tưởng vàng thật nên không khóc nữa, nhưng lá dương không phải vàng thật. Đối với trâu gỗ, ngựa gỗ, người con trai gỗ, người con gái gỗ, anh nhi thấy cũng tưởng con trai, con gái thật nên không khóc, nhưng thật chẳng phải con trai, con gái. Do tưởng con trai, con gái như vậy nên gọi là anh nhi. Như Lai cũng vậy, nếu có chúng sinh nào muốn tạo tác các việc ác, Như Lai vì họ nói thường, lạc, ngã, tịnh tốt đẹp, tự do, ở trong cung điện nguy nga, hưởng vui năm thứ dục lạc, cảnh sáu căn tiếp xúc đều là vui ở cõi trời Tam Thập Tam. Chúng sinh nghe an vui như vậy tâm liền ưu thích, bèn không làm ác, siêng năng làm việc lành để sinh lên cõi trời Tam Thập Tam. Nhưng thật sinh tử là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh mà vì chúng sinh nên phương tiện nói thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại nữa, anh nhi là, nếu có chúng sinh nào nhàm chán sinh tử, Như Lai sẽ nói cho họ về Nhị thừa, nhưng thật ra không có Nhị thừa chân thật. Vì hàng Nhị thừa biết lỗi sinh tử, thấy vui Niết-bàn; do thấy như vậy nên tự biết: có đoạn trừ, không đoạn trừ, có chân thật, không chân thật, có tu, không tu, có chứng, không chứng. Này thiện nam! Như anh nhi kia với vật không phải vàng mà tưởng vàng. Như Lai cũng vậy, ở trong chỗ bất tịnh mà nói là tịnh. Vì Như Lai đã chứng đắc đệ nhất nghĩa nên Như Lai không có nói dối. Như anh nhi kia đối với vật không phải là trâu, ngựa mà tưởng là trâu, ngựa. Nếu có chúng sinh đối với cái không phải đạo mà tưởng là đạo chân thật, thì Như Lai cũng nói phi đạo là đạo, trong phi đạo thật không có đạo. Vì có thể phát sinh chút ít nhân duyên cho đạo nên gọi phi đạo là đạo. Như anh nhi kia, đối với con trai gỗ, con gái gỗ mà tưởng con trai thật, con gái thật. Như Lai cũng vậy, biết không phải là chúng sinh mà tưởng là chúng sinh, nhưng thật ra không có tướng chúng sinh. Nếu thật Như Lai nói không chúng sinh thì tất cả chúng sinh sẽ rơi vào tà kiến. Vì thế Như Lai nói có chúng sinh, những ai đối với chúng sinh mà tưởng là chúng sinh thì không thể phá tướng chúng sinh. Nếu đối với chúng sinh mà phá được tướng chúng sinh tức có thể chứng Đại Bát Niết Bàn. Do chứng đắc Đại Niết-bàn như vậy nên không còn khóc la nữa. Do đó gọi là hạnh anh nhi.

Này thiện nam! Nếu có thiện nam tín nữ nào đọc tụng, biên chép, giảng giải năm hạnh này, thì nên biết người đó nhất định sẽ được năm hạnh như vậy.

Đại Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu, theo ý nghĩa Phật giảng dạy thì con cũng nhất định sẽ được năm hạnh này.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Không chỉ riêng ông được năm hạnh như vậy mà cả chín mươi ba vạn người ở trong chúng hội này cũng được năm hạnh như ông.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXI

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 1

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Này thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như vậy, thì được mười công đức mà hàng Thanh văn và Phật-bích-chi không có, công đức này không thể nghĩ bàn, người nghe đến sẽ kinh ngạc. Vì công đức này chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải khó, chẳng phải dễ, chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, chẳng phải là pháp thế gian, không có tướng mạo, thế gian không có. Những gì là mười? Công đức thứ nhất có năm điều: Những gì là năm? Một là điều không nghe mà có thể được nghe, hai là nghe rồi có thể làm lợi ích, ba là có thể dứt tâm nghi hoặc, bốn là tuệ tâm chánh trực, năm là có thể biết tạng bí mật của Như Lai. Đó là năm điều. Những điều không nghe mà có thể được nghe là gì? Đó là tạng bí mật vi diệu sâu xa, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Phật, Pháp và Tăng không có sai khác, tánh và tướng của Tam bảo là thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chư Phật không rốt ráo nhập Niết-bàn, là thường trụ không biến đổi. Niết-bàn của Như Lai chẳng phải có, chẳng phải không; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu; chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc; chẳng phải danh, chẳng phải không danh; chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng; chẳng phải có, chẳng phải không có; chẳng phải vật, chẳng phải không vật; chẳng phải nhân, chẳng phải quả; chẳng phải đối đãi, chẳng phải không đối đãi; chẳng phải sáng, chẳng phải tối; chẳng phải xuất ly, chẳng phải không xuất ly; chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải không đoạn; chẳng phải đầu tiên, chẳng phải cuối cùng; chẳng phải quá khứ, chẳng phải tương lai, chẳng phải hiện tại; chẳng phải ấm, chẳng phải không ấm; chẳng phải nhập, chẳng phải không nhập; chẳng phải giới, chẳng phải không giới; chẳng phải mười hai nhân duyên, chẳng phải không mười hai nhân duyên. Những pháp như vậy đều là bí mật vi diệu sâu xa, trước đây không được nghe mà nay có thể được nghe. Lại có điều không nghe, như tất cả sách vở của ngoại đạo là bốn bộ luận: Tỳ-đà, Tỳ-dà-la, Vệ Thế Sư, Ca-tỳ-la và tất cả chú thuật, phương pháp trị bệnh, tài nghệ khéo léo, sách vở về sự vận chuyển biến đổi của hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, tinh tú và những lời sấm ký v.v… các sách vở như vậy, chưa từng nghe nghĩa bí mật của chúng mà hôm nay nhờ kinh này được biết tất cả. Lại có mười một bộ loại kinh, trừ Tỳ Phật Lược ra, cũng không có nghĩa bí mật sâu xa như vậy, nay nhờ kinh này mà được biết hết. Này thiện nam! Đó gọi là không nghe mà có thể được nghe, nghe rồi được lợi ích, nếu có thể nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết-bàn này, thì biết rõ tất cả nghĩa vị sâu xa của kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ví như nam nữ ở trước tấm gương sáng, nhìn thấy rõ ràng hình dáng của mình. Gương Đại Niết-bàn cũng vậy, Bồ-tát cầm lên thì đều thấy rõ tất cả nghĩa lý sâu xa của kinh điển Đại thừa. Như có người ở trong nhà tối cầm ngọn đuốc lớn thì thấy rõ các sự vật. Đuốc Đại Niết-bàn cũng vậy, Bồ-tát cầm lên thì thấy rõ được nghĩa sâu xa của Đại thừa. Cũng như mặt trời mọc có muôn ngàn ánh sáng đều chiếu soi những núi non, chỗ u ám, làm cho mọi người thấy những vật rất rõ. Cũng vậy, mặt trời trí tuệ thanh tịnh Đại Niết-bàn này chiếu rõ chỗ thâm thúy của Đại thừa, làm cho hàng Nhị thừa từ xa thấy được Phật đạo. Vì sao? Vì có thể nghe và lãnh thọ kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này. Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết-bàn này thì được biết tất cả tên gọi của các pháp, nếu có thể biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ về ý nghĩa thì biết rõ tất cả nghĩa lý của các pháp. Này thiện nam! Người nghe và lãnh thọ thì chỉ biết tên gọi, không biết ý nghĩa, nếu có thể biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ về ý nghĩa thì có thể biết được nghĩa lý.

Lại nữa, này thiện nam! Người nghe kinh này, tuy nghe có Phật tánh nhưng chưa thấy được, nếu biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ về ý nghĩa thì thấy được Phật tánh. Người nghe kinh này, nghe có danh từ bố thí nhưng chưa thể thấy được Bố thí Ba-la-mật, nếu biên chép, đọc tụng, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ về ý nghĩa thì thấy được Bố thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật cũng vậy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát nếu có thể nghe kinh Đại Niết-bàn này, thì biết pháp, biết nghĩa và đủ cả hai vô ngại, đối với hàng Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc chư Thiên, Ma vương, Phạm vương trong tất cả thế gian đều được vô sở úy, vì họ mà khai thị, phân biệt Mười hai bộ kinh văn, diễn nói các ý nghĩa không có sai lầm, không nghe từ người khác mà có thể tự biết, gần đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Đó là nghe rồi có thể làm lợi ích. Dứt trừ tâm nghi: Nghi có hai loại: Một là nghi tên gọi, hai là nghi ý nghĩa. Người nghe tên này dứt trừ tâm nghi tên gọi, người suy nghĩ ý nghĩa thì dứt tâm nghi ý nghĩa.

Lại nữa, này thiện nam! Nghi có năm loại: Một là nghi Đức Phật có chắc chắn nhập Niết-bàn hay không, hai là nghi Phật là thường trụ hay không, ba là nghi Phật là an lạc thật sự hay không, bốn là nghi Phật có phải chân tịnh hay không, năm là nghi Phật là thật ngã hay không. Người nghe kinh này thì dứt hẳn lòng nghi Phật vào Niết-bàn hay không; biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói rộng rãi, suy nghĩ ý nghĩa thì dứt hẳn bốn điều nghi còn lại. Này thiện nam! Nghi có ba loại: Một là nghi Thanh văn có hay không. Hai là nghi Duyên giác có hay không. Ba là nghi Phật thừa có hay không. Người nghe kinh này thì dứt hẳn ba điều nghi như vậy; biên chép, đọc tụng, thông suốt, vì người khác mà giảng nói và suy nghĩ ý nghĩa thì có thể biết rõ tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh không nghe kinh Đại Niết-bàn này, thì tâm họ có nhiều sự nghi ngờ; như nghi thường hay vô thường, hoặc lạc hay bất lạc, hoặc tịnh hay bất tịnh, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc mạng hay phi mạng, hoặc chúng sinh hay phi chúng sinh, hoặc rốt ráo hay không rốt ráo, hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc khổ, hoặc chẳng phải khổ, hoặc tập, hoặc chẳng phải tập, hoặc đạo, hoặc chẳng phải đạo, hoặc diệt, hoặc chẳng phải diệt, hoặc pháp, hoặc chẳng phải pháp, hoặc thiện, hoặc chẳng phải thiện, hoặc không, hoặc chẳng phải không. Người nghe kinh này thì dứt hẳn các điều nghi ngờ như vậy. Này thiện nam! Nếu có người không nghe kinh này, thì lại có nhiều tâm nghi, như nghi Sắc là ngã chăng? Thọ, tưởng, hành và thức là ngã chăng? Mắt có thể thấy chăng? Ngã có thể thấy chăng? Cho đến Thức có thể biết chăng? Ngã có thể biết chăng? Sắc thọ quả báo chăng? Ngã thọ quả báo chăng? Cho đến Thức thọ quả báo chăng? Sắc đến đời khác chăng? Ngã đến đời khác chăng? Cho đến Thức cũng như vậy. Các pháp sinh tử có đầu tiên có cuối cùng chăng? Hay là không đầu tiên không cuối cùng? Người nghe kinh này cũng dứt hẳn những điều nghi như vậy. Lại có người nghi Nhất-xiển-đề phạm bốn tội nặng, tạo tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Phương Đẳng như vậy, có Phật tánh chăng? Người nghe kinh này dứt hẳn những điều nghi như vậy. Lại có người nghi thế gian hữu biên chăng? Thế gian vô biên chăng? Có mười phương thế giới chăng? Không có mười phương thế giới chăng? Người nghe kinh này cũng dứt hẳn những điều nghi như vậy. Đó gọi là có thể dứt tâm nghi, có tuệ tâm chân chánh không tà vạy. Nếu có tâm nghi thì sự hiểu biết không chân chánh. Tất cả phàm phu nếu không được nghe kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này thì sự hiểu biết tà vạy v.v.... cho đến sự hiểu biết của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi cũng tà vạy. Sự hiểu biết của tất cả phàm phu tà vạy như thế nào? Nghĩa là ở trong hữu lậu thấy có thường, lạc, ngã, tịnh, còn đối với Như Lai lại thấy vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, thấy có chúng sinh, thọ mạng và tri kiến, chấp trời Phi tưởng phi phi tưởng là Niết-bàn, thấy trời Tự tại có tám Thánh đạo. Có các kiến chấp về thường kiến, đoạn kiến, như vậy gọi là tà vạy. Đại Bồ-tát nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn này tu hành Thánh hạnh thì dứt trừ những điều tà vạy như vậy.

Vì sao gọi hàng Thanh văn, Duyên giác nhận biết tà vạy? Thấy rằng Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất cỡi voi trắng giáng thần vào thai mẹ, tại thành Ca-tỳ-la. Cha là Tịnh Phạn, mẹ là Ma-da. Ở trong thai mười tháng thì sinh, chưa đến đất thì trời Đế thích đưa tay đỡ lấy. Long vương Nan-đà và Long vương Bà-nan-đà phun nước tắm, Đại thần vương Ma-ni-bạt-đà cầm lọng báu đứng hầu phía sau, Địa thần hóa ra hoa sen đỡ dưới chân, mỗi phương bước đi bảy bước, đi đủ bốn phương, đến miếu thờ trời khiến các tượng trời đều đứng dậy nghinh tiếp, tiên A-tư-đà hai tay bồng lên, xem tướng, xem xong tiên A-tư-đà buồn tủi, thương cho số phận mình sắp chết không được thấy Phật, theo thầy học văn chương, học toán số, cỡi ngựa, bắn cung, đồ sấm và kỹ nghệ, ở trong thâm cung với sáu vạn thể nữ vui hưởng thọ lạc, nhưng bỏ ra ngoài thành dạo chơi, đi đến vườn Ca-tỳ-la, trên đường đi gặp người già, cho đến thấy Sa-môn mặc pháp phục đi trên đường, trở về cung thấy các thể nữ hình dáng tướng mạo như xương khô, xem cung điện không khác gì gò mả, nhàm chán, nửa đêm vượt thành xuất gia, đến chỗ đại tiên nhân Uất-đà-già, A-la-la v.v... nghe giảng về Thức vô biên xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nghe rồi quan sát kỹ, biết những xứ ấy là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, liền bỏ đi đến ngồi bên gốc cây tu khổ hạnh suốt sáu năm, biết tu khổ hạnh không thể thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại đi đến sông A-lợi-bạt-đề, nhận bát cháo sữa của cô gái chăn bò dâng, uống xong đến ngồi bên gốc cây Bồ-đề, phá ma Ba-tuần, thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân lần đầu độ cho năm vị Tỳ-kheo, cho đến ở thành Ca-thi-na nhập Niết-bàn. Sự thấy như vậy, gọi là sự thấy tà vạy của Thanh văn và Duyên giác.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết-bàn này, thì dứt trừ những sự thấy như vậy. Nếu có thể biên chép, đọc tụng thông suốt, vì người khác diễn nói rộng rãi và suy nghĩ về ý nghĩa kinh này thì đạt được cái thấy chân chánh, không tà vạy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như thế, thì biết rõ Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến, chứ không phải từ cõi trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, cho đến nhập Niết-bàn ở thành Câu-thi-na. Đó gọi là thấy chân chánh của Đại Bồ-tát. Có thể biết được nghĩa lý sâu xa bí mật của Như Lai, đó là Đại Niết-bàn, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, sám hối trừ bốn giới trọng, dứt trừ tâm hủy báng chánh pháp, hết tội ngũ nghịch, đoạn Nhất-xiển-đề, sau thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là nghĩa lý bí mật sâu xa. Lại nữa, này thiện nam! Nghĩa sâu xa là gì? Đó là tuy biết chúng sinh thật sự không có ngã, nhưng nghiệp quả ở đời vị lai thì không mất; tuy biết năm ấm sẽ bị diệt hết, nhưng thiện ác không bao giờ mất; tuy có các nghiệp, nhưng không có người tạo tác; tuy có chỗ đến, nhưng không có người đi; tuy không trói buộc, nhưng không người bị trói; tuy có Niết-bàn, nhưng không có người diệt độ. Đó gọi là nghĩa bí mật sâu xa.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa, được nghe điều không nghe của Phật nói thì nghĩa này không phải vậy? Vì sao? Vì nếu pháp là có thì lẽ ra nhất định có, nếu pháp là không thì lẽ ra chắc chắn không, nếu không thì lẽ ra không sinh, nếu có thì lẽ ra không diệt. Như nghe là nghe, nếu không nghe là không nghe, vì sao nói rằng nghe điều không nghe?

Bạch Thế Tôn! Nếu không thể nghe thì là không nghe, còn nếu đã nghe rồi thì lại không nghe nữa. Vì sao? Vì đã được nghe vậy. Vì sao nói rằng nghe điều không nghe? Ví như người đi, nếu đã đến thì không còn đi, còn đi thì không đến. Cũng như đã sinh rồi thì không còn sinh nữa, còn không sinh thì không sinh, được rồi thì không được, còn không được thì không được, nghe rồi thì không nghe, còn không nghe thì không nghe. Cũng như vậy, bạch Thế Tôn! Nếu không nghe mà nghe thì tất cả các chúng sinh chưa có Bồ-đề, lẽ ra cũng phải có Bồ-đề, người chưa được Niết-bàn lẽ ra cũng phải được Niết-bàn, người chưa thấy Phật tánh lẽ ra cũng thấy Phật tánh, vậy sao nói, Bồ-tát Thập trụ thấy Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng? Bạch Thế Tôn! Nếu không nghe mà nghe, thì thuở xưa đến Như Lai từ ai mà được nghe, nếu nói được nghe, thì sao trong kinh A-hàm Như Lai lại nói là không có thấy? Nếu không nghe là không nghe mà Như Lai được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì tất cả chúng sinh không nghe là không nghe, lẽ ra cũng được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Như Lai không nghe kinh Đại Niết-bàn mà thấy Phật tánh, thì tất cả chúng sinh không nghe kinh này, lẽ ra cũng được thấy Phật tánh? Bạch Thế Tôn! Phàm là sắc thì hoặc có thể thấy, hoặc không thể thấy, tiếng cũng như vậy, hoặc có thể nghe, hoặc không thể nghe. Đại Niết-bàn này chẳng phải sắc, chẳng phải tiếng, sao nói rằng có thể thấy, nghe được? Bạch Thế Tôn! Quá khứ đã diệt thì không thể nghe, vị lai chưa đến cũng không thể nghe, hiện tại khi nghe thì không gọi là nghe, nghe rồi mà tiếng mất đi thì lại không thể nghe. Kinh Đại Niết-bàn này cũng chẳng phải là quá khứ, vị lai và hiện tại, nếu chẳng phải ba đời thì không thể nói, nếu không thể nói thì không thể nghe, sao nói rằng Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn này thì nghe được những điều chưa nghe?

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Hôm nay, ông khéo biết tất cả các pháp như huyễn, như dợn nắng, như thành Càn-thát-bà, như dấu vẽ trong nước, cũng như bọt nước, cây chuối, rỗng không chẳng có thật, chẳng phải mạng, chẳng phải ngã, không có khổ vui, như chỗ thấy biết của Bồ-tát Thập trụ.

Lúc ấy, trong đại chúng bỗng nhiên có ánh sáng lớn chiếu đến, ánh sáng này chẳng phải xanh mà thấy là xanh, chẳng phải vàng mà thấy là vàng, chẳng phải đỏ mà thấy là đỏ, chẳng phải trắng mà thấy là trắng, chẳng phải sắc mà thấy là sắc, chẳng phải sáng mà thấy là sáng, chẳng phải thấy mà thấy. Khi ấy, đại chúng nhìn thấy ánh sáng này thì thân tâm an lạc, giống như Tỳ-kheo nhập định Sư tử vương.

Lúc này, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay ai phóng ra ánh sáng này? Khi ấy, Đức Thế Tôn yên lặng không đáp.

Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Vì nhân duyên gì mà có ánh sáng này chiếu đến trong đại chúng?

Văn-thù-sư-lợi yên lặng không đáp.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Biên Thân lại hỏi Bồ-tát Ca-diếp:

–Hôm nay, ai phóng ra ánh sáng này? Bồ-tát Ca-diếp yên lặng không đáp.

Bồ-tát Tịnh Trụ Vương Tử lại hỏi Bồ-tát Vô Biên Thân:

–Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này? Bồ-tát Vô Biên Thân yên lặng không đáp.

Như vậy, năm trăm vị Bồ-tát đều hỏi nhau như thế nhưng không ai giải đáp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Văn-thù-sư-lợi:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Ánh sáng này gọi là Trí tuệ. Trí tuệ tức là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không có nhân duyên, sao Như Lai hỏi nhân duyên gì có ánh sáng này? Ánh sáng này gọi là Đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn thì gọi là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, vậy sao Như Lai lại hỏi nhân duyên gì có ánh sáng này. Ánh sáng này tức là Như Lai, Như Lai tức là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, sao Như Lai lại hỏi về nhân duyên. Ánh sáng này gọi là đại từ đại bi. Đại từ đại bi gọi là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, sao Như Lai hỏi về nhân duyên? Ánh sáng này tức là niệm Phật, niệm Phật là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, sao Như Lai hỏi về nhân duyên? Ánh sáng này là đạo bất cộng của tất cả Thanh văn, Duyên giác. Đạo bất cộng của tất cả Thanh văn, Duyên giác là thường trụ. Mà pháp thường trụ thì không do nhân duyên, sao Như Lai hỏi về nhân duyên? Bạch Thế Tôn! Cũng có nhân duyên, nhân diệt trừ vô minh, mà ngọn đèn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được thắp sáng.

Đức Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hôm nay, ông không nên nhập vào đệ nhất nghĩa đế sâu xa của các pháp mà nên dùng thế đế để giảng nói.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Bạch Thế Tôn! Về phương Đông của cõi này cách hai mươi hằng hà sa các thế giới, có cõi Phật gọi là Bất Động, chỗ Phật ngự rộng một vạn hai ngàn do-tuần, cõi ấy bằng bảy báu, không có đất đá, bằng thẳng mềm mại, không có hầm hố, cây cối do bốn loại báu: vàng, bạc, lưu ly và pha lê làm thành, hoa quả tốt tươi lúc nào cũng có, chúng sinh nào ngửi thấy mùi thơm của hoa này, thì thân tâm được an vui, như vị Tỳ-kheo nhập vào Thiền thứ ba. Khắp nơi có ba ngàn sông lớn, nước sông đầy đủ tám vị vi diệu, nếu có chúng sinh tắm trong nước ấy thì được vui vẻ, như Tỳ-kheo nhập vào Thiền thứ hai. Trong sông có nhiều loại hoa đẹp, nào là hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, nào là hoa hương, hoa đại hương, hoa vi diệu hương, hoa thường, hoa nhất thiết các chúng sinh không chăm sóc. Hai bờ sông cũng có các loài hoa: hoa A-đề-mục-đa-già, hoa chiêm-bà, hoa ba-tra-la, hoa bà-sư-la, hoa ma-lợi-ca, hoa đại-ma-lợi-ca, hoa tan-ma-lợi-ca, hoa tu-ma-na-ca, hoa do-đề-ca, hoa đàn-miễn-già-lợi, hoa thường, hoa nhất thiết chúng sinh không chăm sóc; đáy sông trải bằng cát vàng, có bốn bực thềm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê nhiều màu, có nhiều loại chim bơi lội trong ấy. Lại có vô lượng hổ, sói, sư tử v.v... các loài cầm thú hung dữ đều xem nhau như con. Trong cõi ấy không có người nào phạm giới trọng, hủy báng chánh pháp, Nhất-xiển-đề và tội ngũ nghịch. Khí hậu điều hòa không có lạnh nóng, không đói khát, khổ sở, không có tham dục, sân hận, buông lung, ganh ghét, không có mặt trời, mặt trăng, ngày đêm, thời tiết, giống như cõi trời thứ hai là Đao-lợi. Dân chúng cõi ấy đều có ánh sáng, không ai có tâm kiêu mạn, tất cả đều là Bồ-tát Đại sĩ đạt được thần thông, đầy đủ các công đức lớn, tâm họ đều tôn trọng chánh pháp, nương theo Đại thừa, yêu mến Đại thừa, ham thích Đại thừa, phụng sự Đại thừa, thành tựu trí tuệ lớn, đạt được pháp Tổng trì, tâm thường thương xót tất cả chúng sinh. Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, tùy theo chỗ ở mà thuyết pháp, chúng sinh trong cõi Bất Động đều được nghe, Đức Phật giảng nói kinh Đại Niết-bàn này cho Bồ-tát Lưu Ly Quang: "Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn này thì đều nghe được những điều chưa nghe". Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang thưa hỏi Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh, ở cõi kia cũng giống như Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương thưa hỏi ở cõi này không khác. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh bảo Bồ-tát Lưu Ly Quang: "Này thiện nam! Về phương Tây cách đây hai mươi hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Ta-bà, cõi ấy có nhiều núi non, gò nổng, đất cát, gạch đá, gai góc, nhọn, độc, đầy dẫy khắp nơi, thường có sự đói khát, lạnh nóng, khổ não, dân chúng cõi này không biết cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, Sư trưởng, phần nhiều tham đắm phi pháp, muốn điều phi pháp, tu hành pháp tà, không tin chánh pháp, thọ mạng ngắn ngủi, làm điều gian trá, vua trừng trị họ. Tuy đã có nước để cai trị, nhưng vua không biết đủ, đối với các quốc gia khác, sinh tâm tham lợi, nên kéo binh đánh chiếm, làm cho những người vô tội lại chết oan, làm theo phi pháp như vậy, thiện thần Tứ Thiên vương, không hoan hỷ, cho nên thường giáng họa; hạn hán, mất mùa, dân chúng chịu nhiều bệnh tật, khổ não vô lượng. Trong cõi ấy có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn vì đại bi thuần hậu, thương xót chúng sinh, ở trong rừng Ta-la song thọ, thành Câu-thi-na, vì đại chúng mà diễn nói kinh Đại Niết-bàn. Ở cõi ấy có Bồ-tát tên là Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đã hỏi Đức Thích Ca việc này như ông không khác. Hôm nay Đức Phật đang giải đáp cho Bồ-tát ấy, ông nên mau đến đó sẽ được nghe”.

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Lưu Ly Quang nghe việc này rồi, cùng với bốn vạn tám ngàn Đại Bồ-tát sắp đến đây, cho nên trước hiện điềm lành. Do nhân duyên này nên có ánh sáng. Đó gọi là nhân duyên cũng chẳng phải nhân duyên. Khi ấy, Bồ-tát Lưu Ly Quang cùng với bốn vạn tám ngàn Đại Bồ-tát mang các thứ phướn lọng, hương hoa, chuỗi ngọc, nhiều loại nhạc cụ, nhiều hơn chúng trước bội phần, cùng đến rừng Ta-la song thọ tại thành Câu-thi-na, cúng dường Đức Phật, chắp tay cung kính, đi quanh bên phải ba vòng rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn hỏi Bồ-tát Lưu Ly Quang:

–Này thiện nam! Ông vì đến mà đến, hay vì không đến mà đến? Bồ-tát Lưu Ly Quang thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đến cũng không đến, không đến cũng không đến. Con quán sát nghĩa này đều không có đến.

Bạch Thế Tôn! Các hành nếu thường cũng không đến, nếu là vô thường cũng không có đến, nếu người thấy có tánh chúng sinh thì có đến, không đến. Hôm nay con không thấy định tánh của chúng sinh thì sao nói có đến, không đến? Có kiêu mạn thì thấy có đi, có đến; không kiêu mạn thì không thấy có đi, có đến; có chấp trước tạo tác thì thấy có đi, có đến; không chấp trước tạo tác thì không thấy có đi, có đến. Nếu thấy Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn thì không có đi, có đến; không nghe Phật tánh thì có đi, có đến, nghe Phật tánh thì không đi, không đến. Nếu thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có Niết-bàn thì có đi, có đến; nếu không thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có Niết-bàn thì không đi, không đến. Nếu thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi là thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi, có đến; nếu không thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi là thường, lạc, ngã, tịnh thì không đi, không đến. Nếu thấy Như Lai không có thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi, có đến; nếu thấy Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh thì không đi, không đến.

Bạch Thế Tôn! Xin để việc ấy lại. Con có điều muốn thưa, cúi mong Thế Tôn thương xót cho phép.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hôm nay là đúng lúc, tùy ý ông hỏi, Ta sẽ vì ông mà phân biệt giảng nói. Vì sao? Vì chư Phật khó gặp giống như hoa Ưu-đàm. Pháp cũng như vậy, khó được nghe, kinh Phương Đẳng trong Mười hai bộ loại lại càng khó được nghe, vì vậy phải chuyên tâm lắng nghe và lãnh thọ.

Khi ấy, được Đức Phật cho phép và ban những lời dạy bảo, Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn để nghe điều chưa được nghe như thế nào?

Khi ấy, Như Lai khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Hôm nay ông muốn hiểu biết tường tận về biển Đại thừa Đại Niết-bàn như thế, lại gặp đúng Ta. Ta có thể giảng nói cho ông, ông bị trúng mũi tên độc nghi ngờ, Ta làm thầy thuốc có thể khéo nhổ ra cho ông. Ông đối với Phật tánh chưa được sáng tỏ, Ta có đuốc tuệ soi sáng cho ông. Hôm nay, ông muốn qua khỏi biển lớn sinh tử thì Ta có thể làm người lái thuyền cho ông, ông đối với Ta xem là cha mẹ, Phật cũng đối với ông coi như con. Nay tâm ông ưa thích của báu chánh pháp, gặp Ta có nhiều pháp để bố thí. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta vì ông mà phân biệt, giải thích. Này thiện nam! Ông muốn nghe pháp thì hôm nay đã đúng lúc, nếu nghe pháp rồi hãy kính tin, chí tâm nghe nhận và cung kính tôn trọng, đối với chánh pháp không nên tìm tòi lầm lỗi, không khởi tham dục, sân hận, si mê, không nên nhìn dòng họ tốt xấu của Pháp sư. Khi đã nghe pháp rồi, không nên sinh tâm kiêu mạn, không vì sự cung kính, danh dự, lợi dưỡng, phải vì lợi ích dùng pháp vị cam lồ cứu giúp thế gian. Cũng không nên nghĩ: “Ta nghe pháp rồi, trước tự độ mình, sau sẽ giải thoát cho người, trước tự an thân, sau sẽ an cho người, trước tự Niết-bàn, sau sẽ làm cho người được Niết-bàn”. Phải bình đẳng đối với Phật, Pháp, Tăng, ở trong sinh tử phải biết là đại khổ, đối với Đại Niết-bàn nên cho là thường, lạc, ngã, tịnh; trước vì người, sau mới vì mình; nên vì Đại thừa, không vì Nhị thừa, không nên chấp thủ đối với tất cả các pháp tướng; đối với các pháp chớ có tưởng tham, phải thường sinh tưởng biết pháp và thấy pháp. Này thiện nam! Ông có thể hết lòng nghe pháp như vậy, thì đó gọi là nghe những điều chưa được nghe.

Này thiện nam! Có những điều không nghe mà được nghe, có những điều không nghe mà không được nghe, có những điều nghe đã được nghe. Này thiện nam! Như không sinh mà sinh, không sinh cũng không sinh, sinh mà không sinh, sinh mà cũng sinh; như không đến mà đến, không đến cũng không đến, đến mà không đến, đến mà cũng đến.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là không sinh mà sinh?

–Này thiện nam! An trụ nơi thế đế, lúc mới xuất thai, đó gọi là không sinh mà sinh.

–Thế nào không sinh mà cũng không sinh?

–Này thiện nam! Đại Niết-bàn này không có tướng sinh, đó gọi là không sinh mà cũng không sinh.

–Thế nào sinh mà không sinh?

–Này thiện nam! Theo thế đế khi chết thì gọi là sinh mà không sinh.

–Thế nào là sinh sinh?

–Này thiện nam! Tất cả phàm phu gọi là sinh. Vì sao? Vì sinh tiếp sinh không dứt, vì tất cả các pháp hữu lậu sinh ra trong từng niệm từng niệm. Đó gọi là sinh sinh. Bậc Bồ-tát trụ ở Địa thứ tư gọi là sinh mà chẳng sinh. Vì sao? Vì sinh mà tự tại nên gọi là sinh mà chẳng sinh. Này thiện nam! Đó gọi là pháp bên trong.

–Thế nào là pháp bên ngoài chưa sinh mà sinh, chưa sinh chưa sinh, sinh chưa sinh, sinh sinh?

–Này thiện nam! Ví như hạt giống, khi chưa nảy mầm, nhờ bốn đại hòa hợp và công người chăm bón, rồi sau đó mới mọc lên, đó gọi là chưa sinh mà sinh.

–Thế nào gọi là chưa sinh chưa sinh?

–Như hạt giống bị hư và chưa hội đủ nhân duyên như vậy gọi là chưa sinh chưa sinh.

–Thế nào gọi là sinh chưa sinh?

–Như mầm đã mọc mà chưa lớn, gọi là sinh chưa sinh.

–Thế nào gọi là sinh sinh?

–Như mầm đã lớn, nếu sinh mà không sinh thì không lớn được.

Như vậy tất cả các pháp hữu lậu gọi là pháp bên ngoài sinh mà sinh.

Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp hữu lậu nếu có sinh thì gọi là thường hay vô thường? Nếu sinh là thường thì pháp hữu lậu không có sinh, nếu sinh là vô thường thì pháp hữu lậu là thường. Bạch Thế Tôn! Nếu sinh mà có thể tự sinh thì sinh không có tự tánh, nếu có thể sinh cái khác thì vì sao mà chẳng sinh ra vô lậu? Bạch Thế Tôn! Nếu lúc chưa sinh mà có sinh, sao lại đến nay mới gọi là sinh? Nếu khi chưa sinh mà không sinh, sao chẳng nói hư không là sinh?

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Không sinh mà sinh thì không thể nói, sinh mà sinh cũng không thể nói, sinh mà không sinh cũng không thể nói, không sinh mà cũng không sinh thì cũng không thể nói, sinh cũng không thể nói, không sinh cũng không thể nói. Vì có nhân duyên mới có thể nói. Vì sao không sinh mà sinh thì không thể nói? Không sinh mà gọi là sinh thì làm sao có thể nói được. Vì sao? Vì nó có sinh. Vì sao sinh mà sinh cũng không thể nói? Vì sinh mà sinh nên gọi là sinh, vì sinh mà sinh nên chẳng phải sinh cũng không thể nói. Vì sao sinh mà không sinh là không thể nói? Vì sinh tức là sinh, còn sinh mà không tự sinh nên chẳng thể nói. Vì sao không sinh cũng không sinh là không thể nói? Không sinh gọi là Niết-bàn, vì Niết-bàn không sinh nên không thể nói. Vì sao? Vì do tu đạo cho nên được chứng đắc. Vì sao sinh cũng không thể nói? Vì sinh vốn là không. Vì sao không sinh là không thể nói? Vì có chứng đắc. Vì sao có nhân duyên lại có thể nói? Vì Mười pháp nhân duyên làm nhân, do ý nghĩa này nên có thể nói. Này thiện nam! Nay ông chớ nhập vào định "không" sâu xa. Vì sao? Vì các chúng sinh căn tánh đều chậm lụt.

Này thiện nam! Pháp hữu vi, sinh cũng là thường, do trụ vô thường nên sinh cũng vô thường. Trụ là thường, do sinh mà sinh nên trụ cũng vô thường. Dị cũng là thường, do pháp vô thường nên dị cũng vô thường. Hoại cũng là thường, do vốn là không mà nay lại có nên hoại cũng vô thường. Này thiện nam! Do bản tánh nên sinh, trụ, dị, hoại thảy đều vô thường, do niệm niệm diệt nên không thể nói là thường, Đại Niết-bàn này có thể đoạn diệt nên gọi là vô thường. Này thiện nam! Pháp hữu vi lúc chưa sinh thì đã có tánh sinh, nên sinh có thể sinh. Pháp vô lậu thì tánh vốn không sinh, nên sinh không thể sinh. Như lửa vốn có sẵn tánh cháy, nên khi gặp duyên thì liền phát ra. Mắt có tánh là thấy, do nương vào sắc, nương vào ánh sáng và nương vào tâm nên nhìn thấy. Pháp sinh của chúng sinh cũng như vậy, do vốn có tánh nên khi gặp duyên nghiệp, cha mẹ hòa hợp liền có sinh.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang cùng với tám vạn bốn ngàn Đại Bồ-tát nghe pháp này rồi, liền bay lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, cung kính chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ Như Lai ân cần dạy bảo và nhờ kinh Đại Niết-bàn này nên con mới được hiểu rõ, nghe điều chưa từng nghe, cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn Bồ-tát hiểu rõ sâu xa các pháp không sinh mà sinh. Bạch Thế Tôn! Nay con đã tỏ ngộ, dứt trừ các nghi lầm, nhưng trong hội này có Bồ-tát tên là Vô Úy lại muốn thưa hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Úy:

–Này thiện nam! Hãy tùy ý thưa hỏi, Ta sẽ giảng nói rõ ràng cho ông.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Úy cùng với tám vạn bốn ngàn các Bồ-tát đều từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quỳ gối chắp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh ở cõi này thực hành những nghiệp gì để được sinh vào cõi Bất động? Bồ-tát nơi cõi ấy làm thế nào để thành tựu được trí tuệ, làm bậc tôn quý trong loài người, có oai đức lớn, tu hành đầy đủ các hạnh, trí tuệ nhanh nhẹn, nghe liền hiểu rõ?

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

Không giết hại chúng sinh
Giữ vững các giới cấm
Hành pháp Phật vi diệu
Thì sinh cõi Bất động.
Không cướp của người khác
Thường bố thí tất cả
Tạo Tăng xá bốn phương
Thì sinh cõi Bất động.
Không phạm vợ người khác
Vợ mình không phi thời
Trì giới, thí ngọa cụ
Thì sinh cõi Bất động.
Không vì mình hoặc người
Cầu lợi và khủng bố
Giữ lời không nói dối
Thì sinh cõi Bất động.
Không hại thiện tri thức
Xa lìa quyến thuộc ác
Miệng thường nói hòa hợp
Thì sinh cõi Bất động.
Như các bậc Bồ-tát
Thường lìa lời nói ác
Nói lời người thích nghe
Thì sinh cõi Bất động.
Cho đến khi cười giỡn

Không nói lời chẳng hợp
Thường giữ gìn lời nói
Thì sinh cõi Bất động.
Thấy người được lợi dưỡng
Thường khởi tâm vui mừng
Không sinh lòng ganh ghét
Thì sinh cõi Bất động.
Không làm hại chúng sinh
Thường sinh tâm từ bi
Không nghĩ cách làm ác
Thì sinh cõi Bất động.
Tà kiến nói không thì
Cha mẹ và đến đi
Không tà kiến như vậy
Thì sinh cõi Bất động.
Đường rộng làm giếng tốt
Trồng trọt cây ăn trái
Thương cho người khất thực
Thì sinh cõi Bất động.
Đối với Phật, Pháp, Tăng,
Cúng dường một hương đèn
Cho đến dâng một hoa
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu vì tâm lo sợ
Lợi dưỡng và phước đức
Chép một kệ kinh này
Thì sinh cõi Bất động.

Nếu vì cầu lợi, phước
Có thể trong một ngày
Đọc tụng kinh điển này
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu vì đạo vô thượng
Trong một ngày một đêm
Thọ trì Bát quan trai
Thì sinh cõi Bất động.
Không cùng người phạm tội
Và hủy báng Đại thừa
Cùng ở chung một chỗ
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu đem cho người bệnh
Cho đến một trái cây
Và hoan hỷ chăm sóc
Thì sinh cõi Bất động.
Không phạm vật của
Tăng Khéo giữ vật của Phật
Dọn quét chỗ Phật, Tăng
Thì sinh cõi Bất động.
Tạo tượng và tháp Phật
Dù như ngón tay cái
Thường sinh tâm vui mừng
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu vì kinh điển này
Thân hình và của cải
Cúng dường người thuyết pháp

Thì sinh cõi Bất động.
Nếu nghe và biên chép
Thọ trì và đọc tụng
Tạng bí mật của
Phật Thì sinh cõi Bất động.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Vô Úy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay, con đã biết tạo nghiệp duyên gì được sinh về cõi Bất động. Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương vì thương xót tất cả các chúng sinh nên trước đã thưa hỏi, nếu Như Lai thuyết giảng thì có thể tạo lợi ích an vui cho hàng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v...

Lúc ấy, Thế Tôn liền bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Hôm nay, ông phải hết lòng lắng nghe, Ta vì ông phân biệt giảng nói. Có nhân duyên nên chưa đến không đến, có nhân duyên nên không đến mà đến, có nhân duyên nên đến mà không đến, có nhân duyên nên đến mà đến.

Vì nhân duyên gì chưa đến không đến? Này thiện nam! Nói không đến là, Đại Niết-bàn thì phàm phu chưa đến vì còn tham dục, sân giận, ngu si, nghiệp thân và miệng không thanh tịnh, thọ nhận tất cả các vật bất tịnh, phạm bốn trọng tội, hủy báng Đại thừa, làm hạng Nhất-xiển-đề, tạo tội ngũ nghịch. Do nghĩa này nên chưa đến không đến. Này thiện nam! Vì nhân duyên gì không đến mà đến? Không đến gọi là Đại Niết-bàn. Do nghĩa gì mà đến? Vì dứt hẳn tham dục, sân giận, ngu si và tội ác của thân, miệng, không thọ nhận tất cả các vật bất tịnh, không phạm bốn trọng tội, không hủy báng kinh điển Đại thừa, không làm hạng Nhất-xiển-đề, không tạo tội ngũ nghịch. Do nghĩa này nên gọi là không đến mà đến. Bậc Tu-đà-hoàn tám vạn kiếp đến, bậc A-na-hàm bốn vạn kiếp đến, Phật-bích-chi mười ngàn kiếp đến. Do nghĩa này nên gọi là không đến mà đến. Này thiện nam! Vì nhân duyên gì gọi là đến mà không đến? Đến gọi là hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sinh đều bị vô lượng phiền não kiết sử che lấp, qua lại không lìa, giống như bánh xe lăn. Đó gọi là đến. Hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát vì đã được dứt hẳn, nên gọi là không đến. Vì muốn hóa độ các chúng sinh nên thị hiện ở trong đó, cũng gọi là đến. Này thiện nam! Vì nhân duyên gì gọi đến mà đến? Đến gọi là hai mươi lăm cõi. Tất cả phàm phu, Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm, vì nhân duyên phiền não nên gọi đến mà đến. Này thiện nam! Nghe điều không nghe, cũng như vậy, có điều không nghe mà nghe, có điều không nghe mà không nghe, có điều nghe mà không nghe, có điều nghe mà nghe.

Thế nào là không nghe mà nghe? Này thiện nam! Không nghe gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao không nghe? Vì chẳng phải hữu vi, chẳng phải âm thanh, không thể nói được. Thế nào là cũng nghe? Vì được nghe tên. Đó là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên gọi không nghe mà nghe.

Lúc này, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Như Lai đã nói Đại Niết-bàn không thể nghe được, thế tại sao lại nói là thường, lạc, ngã, tịnh mà có thể nghe được? Bạch Thế Tôn! Vì sao người đoạn hết phiền não gọi là đắc Niết-bàn, nếu người chưa đoạn gọi là không được. Do nghĩa này nên tánh Niết-bàn trước không nay có, nếu pháp thế gian trước không nay có thì gọi là vô thường. Ví như bình v.v... trước không nay có, đã có lại không nên gọi là vô thường. Niết-bàn cũng vậy, sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh?

Bạch Thế Tôn! Phàm do trang nghiêm mà thành, đều gọi là vô thường. Niết-bàn nếu như vậy, thì lẽ ra là vô thường. Những gì làm nhân duyên? Là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng, quán tướng xương, quán hơi thở ra vào, sáu niệm xứ, sáu đại. Do những pháp như vậy đều là nhân duyên để thành tựu Niết-bàn, nên gọi là vô thường.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Phàm là có thì gọi là vô thường, nếu Niết-bàn là có thì lẽ ra là vô thường. Như ngày trước Phật nói trong kinh A-hàm: Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn đều có Niết-bàn. Do nghĩa này nên gọi là vô thường.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Pháp có thể thấy thì gọi là vô thường. Như trước Phật đã nói: Thấy Niết-bàn thì dứt trừ tất cả các phiền não. Bạch Thế Tôn! Ví như hư không đối với tất cả chúng sinh không có chướng ngại nên gọi là thường. Giả sử Niết-bàn là thường v.v... vì sao chúng sinh lại có người được, người không được? Như vậy Niết-bàn đối với chúng sinh đều bình đẳng lẽ ra không gọi là thường.

Bạch Thế Tôn! Ví như trăm người có chung một kẻ thù, nếu hại kẻ thù này thì người khác được vui. Giả sử Niết-bàn là pháp bình đẳng, khi một người được, lẽ ra nhiều người cũng được; một người dứt trói buộc, lẽ ra nhiều người cũng dứt, nếu không như vậy sao gọi là thường? Ví như có người cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi quốc vương, vương tử, cha mẹ, sư trưởng, thì được lợi dưỡng. Đó không gọi là thường. Niết-bàn cũng vậy, không gọi là thường. Vì sao? Vì ngày trước trong kinh A-hàm Đức Phật nói với A-nan: “Nếu có người hay cung kính Niết-bàn, thì dứt trừ được các trói buộc, hưởng thọ vô lượng an lạc. Do nghĩa này nên không gọi là thường.

Bạch Thế Tôn! Nếu trong Niết-bàn có tên là thường, lạc, ngã, tịnh thì không gọi là thường; như không có làm sao có thể nói?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Thể của Niết-bàn chẳng phải trước không nay có. Nếu thể của Niết-bàn trước không nay có thì chẳng phải là vô lậu, là pháp thường trụ, có Phật hay là không có Phật, tánh tướng thường trụ, vì chúng sinh bị phiền não che lấp nên không thấy Niết-bàn, gọi là không. Đại Bồ- tát dùng Giới, định, tuệ riêng tu tâm mình, dứt hết phiền não, liền được thấy Niết-bàn, nên biết Niết-bàn là pháp thường trụ, chẳng phải trước không nay có, nên gọi là thường.

Này thiện nam! Như giếng trong nhà tối có các thứ châu báu, người cũng biết có nhưng vì tối nên không thấy. Người có trí khéo biết phương tiện, thắp đèn sáng lớn cầm soi chỗ đó thì đều thấy được rõ ràng. Người trí này không bao giờ nghĩ: Nước và bảy loại châu báu trước không nay có. Niết-bàn cũng vậy, trước vốn tự có, chẳng phải nay mới có, vì phiền não tối tăm nên chúng sinh không thấy. Như Lai đại trí, khéo dùng phương tiện thắp đèn trí tuệ, làm cho Bồ-tát thấy được Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Do đó người trí không nên nói Niết-bàn này trước không nay có.

Này thiện nam! Như ông nói do trang nghiêm nên được thành tựu Niết-bàn. Vì sao? Này thiện nam! Vì thể của Niết-bàn chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải tạo nghiệp mà có, chẳng phải là pháp hữu lậu, hữu vi, chẳng phải nghe, chẳng phải thấy, chẳng phải đọa, chẳng phải chết, chẳng phải tướng khác nhau, cũng chẳng phải tướng giống nhau, chẳng phải đi, chẳng phải lại, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải một, chẳng phải nhiều, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông, chẳng phải nhọn, chẳng phải nghiêng, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải ngã, ngã sở. Do những nghĩa này, nên Niết-bàn thường hằng không có biến đổi, vì vậy phải tu tập pháp thiện trong vô lượng vô số kiếp để tự trang nghiêm, rồi sau mới thấy. Này thiện nam! Ví như dưới đất có tám vị nước, tất cả các chúng sinh không thể có được. Người có trí ra công đào đất thì liền được. Niết-bàn cũng vậy. Ví như người mù không thấy mặt trời, mặt trăng, vị thầy thuốc điều trị liền được thấy, mặt trời, mặt trăng chẳng phải là trước không nay có. Niết-bàn cũng vậy, trước đã tự có, chẳng phải nay mới có. Này thiện nam! Như người có tội bị nhốt trong nhà tù, lâu mới được thả ra, trở về nhà được thấy cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, Niết-bàn cũng vậy. Này thiện nam! Ông nói do nhân duyên nên pháp Niết-bàn lẽ ra vô thường, điều này cũng không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Nhân có năm loại. Những gì là năm? Một là sinh nhân, hai là hòa hợp nhân, ba là trụ nhân, bốn là tăng trưởng nhân, năm là viễn nhân. Thế nào là sinh nhân? Sinh nhân tức là các nghiệp phiền não và cũng như hạt giống của cây cỏ. Đó gọi là sinh nhân. Thế nào gọi là hòa hợp nhân? Như pháp thiện hòa hợp với tâm thiện, pháp bất thiện hòa hợp với tâm bất thiện, pháp vô ký hòa hợp với tâm vô ký. Đó gọi là hòa hợp nhân. Thế nào gọi là trụ nhân? Như có cột ở dưới nóc nhà thì không sập, núi sông, cây cối đều nhờ mặt đất mà được đứng vững, bên trong nhờ có bốn đại và vô lượng phiền não mà chúng sinh được trụ. Thế nào là tăng trưởng nhân? Nhờ nhân duyên ăn uống, y phục v.v... làm cho chúng sinh tăng trưởng. Như không bị lửa đốt, không bị chim ăn thì hạt giống được tăng trưởng; như hàng Sa-môn, Bà-la-môn nhờ thầy lành, bạn tốt mà được tăng trưởng; như nhờ cha mẹ mà con được tăng trưởng. Đó gọi là tăng trưởng nhân. Thế nào gọi là viễn nhân? Ví như nhờ nơi thần chú mà quỷ không hại, độc không trúng, như nhờ vua mà không có trộm cướp, như mầm nương vào đất, nước, gió, lửa v.v... như nước, công người khuấy là viễn nhân của chất tô; như ánh sáng, màu sắc v.v... là viễn nhân của nhãn thức, tinh huyết cha mẹ là viễn nhân của chúng sinh, như thời tiết v.v... đều gọi là viễn nhân. Này thiện nam! Thể của Niết-bàn chẳng phải là do năm nhân duyên như vậy làm thành, sao ông nói là nhân vô thường.

Này thiện nam! Lại có hai loại nhân: Một là tác nhân, hai là liễu nhân. Như bánh xe và dây của thợ gốm, đó gọi là tác nhân; như đèn đuốc v.v... chiếu soi các sự vật trong bóng tối, đó gọi là liễu nhân. Này thiện nam! Đại Niết-bàn không từ tác nhân mà có, chỉ có liễu nhân; Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Sáu pháp Ba-la-mật, đó gọi là liễu nhân. Này thiện nam! Bố thí là nhân của Niết-bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết-bàn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là nhân của Niết-bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết-bàn. Vô lượng vô số pháp trợ Bồ-đề, mới được gọi là nhân của Đại Niết-bàn.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao bố thí không được gọi là Bố thí Ba-la- mật? Vậy bố thí thế nào mới được gọi là Bố thí Ba-la-mật? Cho đến Bát-nhã, tại sao không được gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Vậy như thế nào mới được gọi là Bát-nhã Ba-la-mật? Thế nào gọi là Niết-bàn? Thế nào gọi là Đại Niết-bàn?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành Đại Bát Niết Bàn Đại thừa không nghe bố thí, không thấy bố thí, không nghe Bố thí Ba-la-mật, không thấy Bố thí Ba-la-mật Cho đến không nghe Bát nhã, không thấy Bát nhã, không nghe Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy Bát-nhã Ba-la- mật, không nghe Niết-bàn, không thấy Niết-bàn, không nghe Đại Niết-bàn, không thấy Đại Niết-bàn. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng rỗng không, không sở hữu, không có tướng hòa hợp hiểu biết, được tướng vô lậu, tướng không tạo tác, tướng như huyễn hóa, tướng bóng nước, tướng thành Càn-thát-bà, tướng hư không. Bồ-tát thấy được những tướng như vậy, thì không tham, sân, si, không nghe, không thấy. Đó gọi là Đại Bồ-tát thật sự an trụ vào tướng chân thật. Đại Bồ-tát tự biết đây là bố thí, đây là Bố thí Ba-la-mật. Cho đến đây là Bát nhã, đây là Bát-nhã Ba-la-mật, đây là Niết-bàn, đây là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Thế nào là bố thí mà chẳng phải là Ba-la-mật? Thấy có người xin, rồi sau đó mới cho thì đó gọi là bố thí, chẳng phải là Bố thí Ba-la-mật; nếu không có người xin mà tự phát tâm bố thí thì đó gọi là Bố thí Ba-la-mật; nếu bố thí có thời gian thì đó gọi là bố thí chẳng phải là Ba-la-mật; nếu thường thực hành bố thí thì đó gọi là Bố thí Ba-la-mật; nếu bố thí cho người khác rồi, trở lại sinh tâm hối hận thì đó gọi là bố thí chẳng phải là Ba-la-mật; Bố thí rồi không hối hận, thì đó gọi là Bố thí Ba-la-mật. Đại Bồ-tát có bốn diều lo sợ về của cải là vua, giặc, nước, lửa, nên vui vẻ đem bố thí thì đó gọi là Bố thí Ba-la-mật, nếu vì sự mong được báo đáp mà bố thí thì đó gọi là bố thí, chẳng phải là Ba-la-mật, bố thí không mong báo đáp thì đó gọi là Bố thí Ba- la-mật.

Nếu vì sợ hãi, vì tiếng tăm, lợi dưỡng, vì gia pháp tương truyền, vì năm dục cõi trời, vì kiêu mạn, vì hơn người, vì quen biết, vì cầu báo đáp, thì giống như buôn bán đổi chác. Này thiện nam! Như người trồng cây để được bóng mát, để được hoa quả và để được cây gỗ. Nếu người tu hành mà bố thí như vậy thì đó gọi là bố thí chẳng phải Ba-la-mật. Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn như thế này, không thấy người bố thí, người thọ nhận và của cải bố thí, không thấy thời tiết, không thấy ruộng phước và chẳng phải ruộng phước, không thấy nhân, không thấy duyên, không thấy quả báo, không thấy người tạo tác, không thấy người thọ nhận, không thấy nhiều, không thấy ít, không thấy tịnh, không thấy bất tịnh, không khinh người thọ nhận tài vật của mình, không thấy người thấy, không thấy người không thấy, không chấp mình và người, chỉ vì pháp thường trụ Đại Niết-bàn Phương đẳng mà tu hạnh bố thí, vì lợi ích cho tất cả các chúng sinh mà thực hành bố thí, vì dứt trừ tất cả các phiền não cho chúng sinh mà thực hành Bố thí. Này thiện nam! Ví như có người té xuống biển lớn, ôm lấy xác chết mà được thoát nạn, Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn lúc thực hành Bố thí cũng như ôm xác chết kia vậy. Này thiện nam! Ví như có người bị nhốt trong ngục kín, cửa nẻo đều đóng chặt, chỉ có lỗ cầu xí, liền từ trong đó chui ra được an ổn. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, lúc thực hành bố thí cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người sang quý gặp phải nạn gấp lo sợ không có chỗ dựa nương, liền nhờ Chiên-đà-la. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, lúc thực hành bố thí cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người bị bệnh, vì muốn lành bệnh nên uống chất thuốc dơ. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, lúc thực hành bố thí cũng như vậy. Này thiện nam! Như Bà- la-môn lúc mất mùa đói khát, vì mạng sống nên phải ăn thịt chó. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, lúc thực hành bố thí cũng như vậy. Này thiện nam! Trong Đại Niết-bàn những việc như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay cũng không nghe mà nghe. Giới và Giới Ba-la-mật v.v... cho đến Bát-nhã, Bát-nhã Ba-la-mật, như kinh Tạp Hoa, Đức Phật có giảng nói rộng.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXII

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 2

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn không nghe mà nghe như thế nào? Mười hai bộ loại kinh văn có nghĩa lý thâm thúy mà trước kia không nghe, hôm nay nhân kinh này được nghe đầy đủ, trước tuy được nghe nhưng chỉ nghe tên gọi, nay ở nơi kinh Đại Niết-bàn này mới được nghe nghĩa lý. Hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ nghe tên gọi của mười hai bộ loại kinh văn mà không nghe nghĩa lý, nay ở kinh này được nghe đầy đủ. Đó gọi là không nghe mà nghe. Này thiện nam! Trong tất cả kinh của hàng Thanh văn, Duyên giác chưa từng nghe Đức Phật có thường, lạc, ngã, tịnh, không rốt ráo nhập diệt, Phật, Pháp, Tăng và Phật tánh không có tướng sai khác, phạm bốn tội nặng, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh. Hôm nay, được nghe ở kinh này, đó gọi là không nghe mà nghe.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu phạm giới trọng, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh thì tại sao họ lại đọa vào địa ngục?

Bạch Thế Tôn! Giả sử những người đó có Phật tánh, thì sao lại nói là không có thường, lạc, ngã, tịnh?

Bạch Thế Tôn! Nếu dứt căn lành gọi là Nhất-xiển-đề, thì khi dứt căn lành tại sao Phật tánh không dứt? Phật tánh nếu dứt thì sao lại nói thường, lạc, ngã, tịnh? Như Phật tánh không dứt thì sao lại nói Nhất- xiển-đề?

Bạch Thế Tôn! Phạm bốn tội nặng gọi là bất định, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch và tội Nhất-xiển-đề đều gọi là bất định. Nhưng những hạng này nếu là nhất định thì làm sao được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đắc Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi cũng gọi là bất định; nếu Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích- chi là nhất định lẽ ra cũng không thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Bạch Thế Tôn! Nếu phạm bốn tội nặng là bất định thì Tu-đà- hoàn cho đến Phật-bích-chi cũng là bất định. Bất định như vậy thì chư Phật Như

Lai cũng lại bất định, nếu Phật bất định thì thể tánh của Niết-bàn cũng lại bất định, cho đến tất cả các pháp cũng lại bất định. Thế nào là bất định? Nếu Nhất-xiển-đề trừ Nhất-xiển-đề thì thành Phật đạo, và chư Phật Như Lai lẽ ra cũng như thế, nhập Niết-bàn rồi, đáng lẽ lại xuất ra không nhập Niết-bàn nữa, nếu như vậy thì tánh của Niết-bàn cũng là bất định. Vì bất định nên phải biết không có thường, lạc, ngã, tịnh. Thế sao lại nói: Nhất-xiển-đề v.v… sẽ được Niết-bàn?

Khi ấy, Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Vì muốn tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, làm cho họ được an lạc, vì lòng từ bi thương xót tất cả thế gian, vì muốn tăng trưởng chư Bồ-tát phát tâm Bồ-đề, nên ông thưa hỏi những điều như vậy. Này thiện nam! Ông đã gần gũi vô lượng chư Phật Thế Tôn ở đời quá khứ, ở chỗ chư Phật đã trồng các căn lành, từ lâu đã thành tựu công đức Bồ-đề, hàng phục các ma, làm cho chúng biến mất, đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh, đều làm cho họ đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, từ lâu đã thông suốt tạng thâm diệu bí mật của Như Lai, đã từng hỏi những nghĩa lý bí mật, vi diệu, sâu xa như thế với vô lượng hằng hà sa chư Phật Thế Tôn quá khứ. Tất cả thế gian hoặc người, hoặc trời, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la- môn, hoặc Ma vương, hoặc Phạm vương, Ta đều không thấy ai thưa hỏi Như Lai nghĩa lý như vậy. Nay ông nên thành tâm lắng nghe, Ta vì ông mà phân biệt giảng nói.

Này thiện nam! Nhất-xiển-đề cũng không nhất định, vì nếu là nhất định thì Nhất-xiển-đề không bao giờ được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không nhất định nên có thể được. Như ông đã thưa, Phật tánh không dứt thì sao Nhất-xiển-đề lại dứt căn lành? Này thiện nam! Căn lành có hai loại: Một là trong, hai là ngoài. Còn Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, do nghĩa này nên Phật tánh không dứt. Căn lành lại có hai: Một là hữu lậu, hai là vô lậu. Phật tánh chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu nên không dứt. Lại có hai loại: Một là thường, hai là vô thường. Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường nên không dứt. Nếu là dứt được thì trở lại được, nếu không trở lại được thì gọi là không dứt, nếu dứt rồi thì gọi là Nhất- xiển-đề. Phạm bốn tội nặng cũng là bất định. Nếu nhất định thì phạm bốn tội nặng không bao giờ được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; hủy báng kinh điển Đại thừa cũng là bất định, nếu là nhất định thì người hủy báng chánh pháp cũng không bao giờ được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; tạo tội ngũ nghịch cũng lại bất định, nếu là nhất định thì người tạo tội ngũ nghịch cũng không bao giờ được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sắc và tướng của sắc, cả hai đều bất định; tướng hương, vị, xúc, tướng sinh… cho đến tướng vô minh, tướng ấm, nhập, giới, tướng hai mươi lăm cõi, bốn loài chúng sinh v.v… cho đến tất cả các pháp cũng đều bất định.

Này thiện nam! Ví như nhà ảo thuật ở trong đám đông biến hóa bốn binh chủng, xe cộ, voi, ngựa, tạo ra các đồ trang nghiêm thân như chuỗi ngọc, và biến ra thành ấp, xóm làng, rừng cây, núi non, hồ suối, sông giếng v.v… Trong đám đông đó có các trẻ thơ, vì không có trí tuệ, nên lúc nhìn thấy đều cho đó là thật. Nhưng người trí thì biết đó là hư dối, do khả năng của ảo thuật làm mê hoặc mắt người. Này thiện nam! Tất cả phàm phu cho đến hàng Thanh văn, Phật-bích-chi v.v… đối với tất cả các pháp thấy có tướng nhất định, cũng lại như vậy, chư Phật Bồ- tát đối với tất cả các pháp không thấy tướng nhất định.

Này thiện nam! Ví như các trẻ thơ, vào mùa hạ thấy ánh nắng dợn cho là nước, người trí khi nhìn thấy ánh nắng này thì không bao giờ cho là nước thật, chỉ là ánh nắng dợn làm mê hoặc mắt người, chẳng phải là nước thật. Tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả các pháp cũng lại như vậy, đều cho là thật. Còn chư Phật, Bồ-tát đối với tất cả các pháp đều không thấy có tướng nhất định.

Này thiện nam! Ví như khe núi, do tiếng mà có vang, trẻ thơ cho là tiếng thật, người trí biết là không thật, chỉ có tướng của tiếng hư dối vang lại nơi nhĩ thức. Này thiện nam! Tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác đối với tất cả các pháp cũng lại như vậy, đều thấy có tướng nhất định. Chư Phật, Bồ-tát v.v… hiểu rõ các pháp đều không có tướng nhất định mà thấy là tướng vô thường, tướng không tịch, tướng không sinh diệt. Do nghĩa này, nên Đại Bồ-tát thấy tất cả các pháp đều là tướng vô thường. Này thiện nam! Cũng có tướng nhất định. Thế nào là tướng nhất định? thường, lạc, ngã, tịnh. Ở đâu? Ở quả Niết-bàn.

Này thiện nam! Quả Tu-đà-hoàn cũng bất định, vì bất định nên trải qua tám vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả Tư-đà-hàm cũng bất định, vì bất định nên trải qua sáu vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả A-na-hàm cũng bất định, vì bất định nên trải qua bốn vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả A-la-hán cũng bất định, vì bất định nên trải qua hai vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật-bích-chi cũng bất định, vì bất định nên trải qua mười ngàn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Hôm nay Như Lai ở trong rừng Ta-la song thọ, tại thành Câu-thi- na, thị hiện nằm trên giường sư tử sắp nhập Niết-bàn, làm cho chúng đệ tử chưa chứng được quả A-la-hán và các lực sĩ rất lo buồn, cũng làm cho hàng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma- hầu-la-già v.v… thiết lễ cúng dường, muốn khiến mọi người dùng ngàn tấm vải lông quấn thân Như Lai, bảy báu làm quan tài, đựng đầy dầu thơm, chất gỗ thơm để thiêu, chỉ trừ hai thứ không thể cháy được: Một là áo lót thân, hai là vải quấn ở ngoài, cũng vì các chúng sinh nên phân chia Xá-lợi làm tám phần. Tất cả hàng đệ tử Thanh văn đều nói Như Lai nhập Niết-bàn, phải biết Như Lai cũng không nhất định rốt ráo nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì Như Lai thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên Niết-bàn của Như Lai cũng bất định.

Này thiện nam! Phải biết Như Lai cũng bất định. Như Lai chẳng phải là Thiên. Vì sao? Vì có bốn bậc Thiên: Một là Thế gian thiên, hai là Sinh thiên, ba là Tịnh thiên, bốn là Nghĩa thiên. Thế gian thiên là các vị quốc vương, Sinh thiên là từ Tứ thiên vương cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng, Tịnh thiên là từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích- chi, Nghĩa thiên là Đại Bồ-tát Thập trụ v.v… Do nghĩa này nên Bồ-tát Thập trụ gọi là Nghĩa thiên. Vì có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp. Thế nào là nghĩa? Đó là thấy nghĩa Không của tất cả các pháp. Này thiện nam! Như Lai chẳng phải quốc vương, cũng chẳng phải Tứ thiên vương, cho đến trời Phi tưởng phi phi tưởng và từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi, Bồ-tát Thập trụ. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải là Thiên, nhưng chúng sinh cũng gọi Phật là Thiên Trung Thiên. Bởi vậy, nên Như Lai chẳng phải Thiên, cũng chẳng phải chẳng phải Thiên; chẳng phải người, cũng chẳng phải chẳng phải người; chẳng phải quỷ, cũng chẳng phải chẳng phải quỷ; chẳng phải địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, cũng chẳng phải chẳng phải địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; chẳng phải chúng sinh cũng chẳng phải chẳng phải chúng sinh; chẳng phải pháp cũng chẳng phải chẳng phải pháp; chẳng phải sắc cũng chẳng phải chẳng phải sắc; chẳng phải cao cũng chẳng phải chẳng phải cao; chẳng phải thấp cũng chẳng phải chẳng phải thấp; chẳng phải tướng cũng chẳng phải chẳng phải tướng; chẳng phải tâm cũng chẳng phải chẳng phải tâm; chẳng phải hữu lậu cũng chẳng phải vô lậu; chẳng phải hữu vi cũng chẳng phải vô vi; chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường; chẳng phải huyễn cũng chẳng phải chẳng phải huyễn; chẳng phải tên gọi cũng chẳng phải chẳng phải tên gọi; chẳng phải định cũng chẳng phải chẳng phải định; chẳng phải hữu cũng chẳng phải vô; chẳng phải thuyết cũng chẳng phải chẳng phải thuyết; chẳng phải Như Lai cũng chẳng phải chẳng phải Như Lai. Do nghĩa này nên Như Lai bất định.

Này thiện nam! Vì sao Như Lai không gọi là Thế gian thiên? Vì Thế gian thiên tức là quốc vương, còn Như Lai từ vô lượng kiếp lâu xa đã bỏ ngôi quốc vương, bởi vậy Như Lai chẳng phải là quốc vương. Chẳng phải chẳng phải quốc vương là, Như Lai thị hiện vào nhà của vua Tịnh Phạn ở tại thành Ca-tỳ-la-vệ, nên Như Lai chẳng phải chẳng phải quốc vương. Chẳng phải Sinh thiên là, vì Như Lai từ lâu đã xa lìa các cõi, nên chẳng phải là Sinh thiên. Vì sao chẳng phải chẳng phải Sinh thiên ? Vì lên trời Đâu-suất, xuống cõi Diêm-phù-đề, nên Như Lai chẳng phải chẳng phải Sinh thiên. Cũng chẳng phải là Tịnh thiên.

Vì sao? Vì Như Lai cũng chẳng phải là Tu-đà-hoàn cho đến chẳng phải Phật-bích-chi, nên Như Lai chẳng phải là Tịnh thiên. Cũng chẳng phải chẳng phải Tịnh thiên. Vì sao? Vì tám pháp trong đời không thể ô nhiễm được. Ví như hoa sen không dính nước, bụi trần, nên Như Lai chẳng phải chẳng phải Tịnh thiên. Cũng chẳng phải Nghĩa thiên. Vì sao? Vì Như Lai chẳng phải là Bồ-tát Thập trụ, nên Như Lai chẳng phải là Nghĩa thiên. Cũng chẳng phải chẳng phải Nghĩa thiên. Vì sao? Vì Như Lai thường tu mười pháp nghĩa Không nên Như Lai chẳng phải chẳng phải Nghĩa thiên. Như Lai chẳng phải là người. Vì sao? Vì Như Lai vô lượng kiếp đã lìa khỏi cõi người, nên chẳng phải là người. Cũng chẳng phải chẳng phải người. Vì sao? Vì Như Lai thị hiện tại thành Ca-tỳ-la nên chẳng phải chẳng phải người. Như Lai chẳng phải quỷ. Vì sao? Vì không giết hại tất cả chúng sinh nên chẳng phải là quỷ. Cũng chẳng phải chẳng phải là quỷ. Vì sao? Vì cũng dùng hình tượng của quỷ để hóa độ chúng sinh nên chẳng phải chẳng phải quỷ. Như Lai cũng chẳng phải là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Vì sao? Vì Như Lai từ lâu đã lìa các nghiệp ác nên chẳng phải là địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Cũng chẳng phải chẳng phải địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Vì sao? Vì Như Lai cũng thị hiện thọ thân trong ba đường ác để giáo hóa chúng sinh, nên chẳng phải chẳng phải địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Cũng chẳng phải là chúng sinh. Vì sao? Vì từ lâu đã lìa khỏi tánh chúng sinh, nên Như Lai chẳng phải là chúng sinh. Cũng chẳng phải chẳng phải là chúng sinh. Vì sao? Vì khi giảng nói phải hiện tướng chúng sinh, nên Như Lai chẳng phải chẳng phải là chúng sinh. Như Lai chẳng phải là pháp. Vì sao? Vì các pháp đều có các tướng khác nhau, còn Như Lai thì không phải vậy, chỉ có một tướng, nên chẳng phải là pháp. Cũng chẳng phải chẳng phải là pháp. Vì sao? Vì Như Lai là pháp giới nên cũng chẳng phải chẳng phải pháp. Như Lai chẳng phải sắc. Vì sao? Vì không thu giữ trong mười sắc pháp, nên chẳng phải là sắc. Cũng chẳng phải chẳng phải sắc. Vì sao? Vì thân có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, nên chẳng phải chẳng phải sắc. Như Lai chẳng phải cao. Vì sao? Vì dứt trừ tất cả các sắc, nên chẳng phải cao. Cũng chẳng phải chẳng phải cao. Vì sao? Vì tất cả thế gian không ai thấy được tướng nhục kế đỉnh đầu của Như Lai, nên chẳng phải chẳng phải cao. Như Lai chẳng phải là thấp. Vì sao? Vì từ lâu đã xa lìa sự ràng buộc của kiêu mạn, nên chẳng phải thấp. Cũng chẳng phải chẳng phải thấp. Vì sao? Vì Trưởng giả Cù-sư-la mà thị hiện thân ba thước nên chẳng phải chẳng phải thấp. Như Lai chẳng phải là tướng. Vì sao? Vì từ lâu đã xa lìa tất cả các tướng nên chẳng phải tướng. Cũng chẳng phải chẳng phải tướng. Vì sao? Vì biết rõ tất cả các tướng, nên chẳng phải chẳng phải tướng. Như Lai chẳng phải là tâm. Vì sao? Vì tướng rỗng không như hư không, nên chẳng phải là tâm. Cũng chẳng phải chẳng phải tâm. Vì sao? Vì có mười trí lực và mười tâm pháp, cũng có thể biết rõ tâm của chúng sinh nên chẳng phải chẳng phải tâm. Như Lai chẳng phải là hữu

vi. Vì sao? Vì có thường, lạc, ngã, tịnh nên chẳng phải là hữu vi. Cũng chẳng phải là vô vi. Vì sao? Vì thị hiện có đến, đi, ngồi, nằm và nhập Niết-bàn nên chẳng phải là vô vi. Như Lai chẳng phải là thường. Vì sao? Vì có thân phần đoạn nên chẳng phải là thường. Vì sao chẳng phải là thường? Vì có biết, pháp thường thì không biết giống như hư không. Như Lai có biết nên chẳng phải là thường. Vì sao chẳng phải là thường? Vì có nói năng, pháp thường thì không nói năng cũng như hư không. Như Lai có nói năng nên vô thường. Có tên họ nên gọi là vô thường, pháp không có tên họ mới gọi là thường, hư không là thường nên không có tên họ. Như Lai có họ là Cù-đàm nên vô thường, có cha mẹ nên gọi là vô thường, không có cha mẹ mới gọi là thường, hư không là thường nên không có cha mẹ. Phật có cha mẹ nên gọi là vô thường, có bốn oai nghi nên gọi là vô thường, không có bốn oai nghi mới gọi là thường, hư không là thường nên không có bốn oai nghi. Phật có bốn oai nghi nên gọi là vô thường. Pháp thường trụ không có nơi chốn, hư không thường trụ nên không có nơi chốn. Như Lai xuất hiện tại Trung Thiên Trúc, trụ lại thành Xá-bà-đề (Xá-vệ), hoặc thành Vương-xá, vì vậy nên vô thường. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải thường. Cũng chẳng phải chẳng phải thường. Vì sao? Vì sự sinh chấm dứt, pháp có sinh thì gọi là vô thường, pháp không sinh mới gọi là thường. Như Lai không sinh nên gọi là thường. Pháp thường trụ không có tánh, pháp có tánh là vô thường. Như Lai không sinh, không tánh vì không sinh, không tánh gọi là thường. Pháp có thường thì cùng khắp tất cả chỗ giống như hư không, không có chỗ nào là không có. Như Lai cũng vậy, cùng khắp tất cả chỗ nên gọi là thường, còn pháp vô thường thì hoặc nói chỗ này có, hoặc nói chỗ kia không. Như Lai không phải như thế, không thể nói rằng chỗ này có, chỗ kia không, nên gọi là thường. Pháp vô thường thì có lúc có, có lúc không. Như Lai không phải như thế, không phải có lúc có, có lúc không, nên gọi là thường. Pháp thường trụ không có danh, không có sắc. Hư không thường trụ không có danh, không có sắc. Như Lai cũng như vậy, không có danh, không có sắc, nên gọi là thường. Pháp thường trụ không nhân không quả. Hư không thường trụ nên cũng không nhân không quả. Như Lai cũng như vậy, không nhân không quả nên gọi là thường. Pháp thường trụ không thu giữ trong ba đời. Như Lai cũng như vậy, không thu giữ trong ba đời, nên gọi là thường.

Như Lai chẳng phải huyễn. Vì sao? Vì diệt trừ tất cả tâm giả dối, nên chẳng phải huyễn. Cũng chẳng phải chẳng phải huyễn. Vì sao? Vì Như Lai có lúc phân một thân thành vô lượng thân, vô lượng thân hợp thành một thân, thẳng qua núi, vách không gì chướng ngại, đi trên nước như đi trên đất, vào trong đất như vào nước, đi trên hư không như đi trên đất, thân tuôn ra khói lửa, như đống lửa lớn, mây sấm chấn động, âm thanh khủng khiếp, hoặc hiện làm thành ấp, xóm làng, nhà cửa, núi sông, cây cối, hoặc hiện thân to lớn, hoặc hiện thân bé nhỏ, thân nam, thân nữ, thân đồng nam, đồng nữ, bởi thế nên Như Lai cũng chẳng phải chẳng phải huyễn.

Như Lai chẳng phải định. Vì sao? Vì Như Lai ở trong rừng Ta-la song thọ, tại thành Câu-thi-na, thị hiện nhập Niết-bàn, bởi vậy chẳng phải định. Cũng chẳng phải chẳng phải định. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh nên Như Lai chẳng phải chẳng phải định.

Như Lai chẳng là hữu lậu. Vì sao? Vì đoạn trừ ba lậu nên chẳng phải là hữu lậu. Ba lậu là, tất cả phiền não nơi cõi Dục trừ vô minh, đó gọi là dục lậu; tất cả phiền não nơi cõi Sắc và Vô sắc trừ vô minh, đó gọi là hữu lậu; vô minh trong tam giới, gọi là vô minh lậu. Như Lai đã đoạn trừ vĩnh viễn, nên chẳng phải là lậu.

Lại nữa, tất cả phàm phu không thấy hữu lậu. Thế nào là phàm phu không thấy hữu lậu? Tất cả phàm phu đối với đời vị lai đều có tâm nghi. Trong đời vị lai sẽ có thân chăng? Không có thân chăng? Trong đời quá khứ thân vốn có chăng? Vốn không có chăng? Trong đời hiện tại thân có chăng? Thân không có chăng? Nếu có ngã thì là sắc chăng? Chẳng phải sắc chăng? Sắc chẳng phải sắc chăng? Chẳng phải sắc chẳng phải chẳng phải sắc chăng? Tưởng chăng? Chẳng phải tưởng chăng? Tưởng chẳng phải tưởng chăng? Chẳng phải tưởng chẳng phải chẳng phải tưởng chăng?

Thân này lệ thuộc vào thứ khác chăng? Không lệ thuộc vào thứ khác chăng? Lệ thuộc không lệ thuộc chăng? Chẳng phải lệ thuộc chẳng phải không lệ thuộc chăng? Có mạng không thân chăng? Có thân không mạng chăng? Có thân có mạng chăng? Không thân không mạng chăng? Thân và mạng là thường chăng? Vô thường chăng? Thường, vô thường chăng? Chẳng phải thường, chẳng phải vô thường chăng? Thân và mạng do Tự Tại thiên tạo chăng? Do thời tiết tạo chăng? Không nhân tạo chăng? Tánh thế gian tạo chăng? Vi trần tạo chăng? Pháp và chẳng phải pháp tạo chăng? Người trí thức tạo chăng? Phiền não tạo chăng? Cha mẹ tạo chăng? Ngã ở nơi tâm chăng? Ở trong mắt chăng? Đầy khắp trong thân chăng? Từ đâu đến? Đi đến đâu? Ai sinh? Ai chết? Ngã ở đời quá khứ là họ Bà-la-môn chăng? Họ Sát-đế-lợi chăng? Họ Tỳ-xá chăng? Họ Thủ-đà-la chăng? Đời vị lai sẽ thuộc vào chủng tánh nào? Thuở quá khứ thân này của ta là nam chăng? Nữ chăng? Súc sinh chăng? Nếu ta sát sinh thì sẽ có tội chăng? Không có tội chăng? Cho đến uống rượu sẽ có tội chăng? Không có tội chăng? Ta tự tạo chăng? Vì người khác tạo chăng? Ngã thọ báo chăng? Thân thọ báo chăng? Tâm chúng sinh bị vô lượng phiền não che lấp nên thấy những nghi kiến như vậy, do những nghi kiến ấy nên phát sinh sáu thứ tâm: Nhất định có ngã, nhất định không có ngã, ngã thấy là ngã, ngã thấy là không ngã, không ngã thấy là ngã, ngã tạo tác, ngã thọ nhận, ngã hiểu biết. Đó gọi là kiến chấp. Như Lai đã dứt hẳn vô lượng cội gốc tà kiến hữu lậu như vậy, nên chẳng phải hữu lậu.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu hạnh Thánh trong Đại Niết-bàn cũng được dứt hẳn các lậu như vậy, chư Phật Như Lai thường tu hạnh Thánh, nên cũng vô lậu. Này thiện nam! Phàm phu không thể khéo thu giữ năm căn, nên có ba lậu, bị nghiệp ác lôi cuốn đến chỗ không tốt. Này thiện nam! Ví như ngựa chứng tánh hung dữ, có thể làm cho người cỡi đến chỗ nguy hiểm, người không khéo thu giữ năm căn này cũng như vậy, có thể làm cho người đó xa lìa đường lành Niết-bàn đến các chỗ ác. Ví như voi dữ tánh chưa thuần, người cỡi nó không thể điều nó theo ý mình mà nó sẽ đưa người xa lìa thành ấp đến nơi trống vắng. Không khéo thu giữ năm căn này cũng như vậy, chúng sẽ dắt người xa lìa thành ấp Niết-bàn đến chỗ đồng trống sinh tử. Này thiện nam! Ví như nịnh thần xúi vua làm ác, nịnh thần năm căn cũng vậy, thường dạy chúng sinh tạo vô lượng điều ác. Này thiện nam! Ví như con hư hỏng không vâng lời dạy của cha mẹ, sư trưởng, nên không có điều ác nào mà không làm, không điều phục năm căn cũng như vậy, không lãnh thọ lời dạy dỗ hiền lành của sư trưởng thì không có điều ác nào mà không tạo. Này thiện nam! Phàm phu không giữ được năm căn nên thường bị địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh tàn hại, cũng như giặc cướp hại người lành. Này thiện nam! Phàm phu không thu giữ năm căn chạy theo năm trần, ví như người chăn trâu không khéo giữ gìn để trâu làm hại lúa mạ của người. Phàm phu không thu giữ năm căn nên thường ở trong các cõi chịu nhiều khổ não. Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, khi hành Thánh hạnh thường có thể khéo điều phục thu giữ năm căn, kinh sợ tham dục, sân giận, ngu si, kiêu mạn, ganh ghét để được tất cả các pháp thiện. Này thiện nam! Nếu người nào có thể khéo giữ gìn năm căn thì thu giữ được tâm, nếu thu giữ được tâm thì thu giữ được năm căn. Ví như có người ủng hộ quốc vương thì ủng hộ nước nhà, ủng hộ nước nhà thì ủng hộ quốc vương. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn này thì được trí tuệ, nếu được trí tuệ thì được chuyên niệm, nếu năm căn phân tán thì chánh niệm có thể làm dừng lại. Vì sao? Vì là niệm tuệ. Này thiện nam! Như người chăn trâu giỏi, giả sử trâu chạy chỗ này chỗ nọ ăn lúa mạ của người, thì liền ngăn chặn không để phá hại nhiều. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nhờ nhân duyên tuệ nên thu giữ năm căn, không để tán loạn. Đại Bồ-tát nhờ có niệm tuệ nên không thấy tướng ngã, không thấy tướng ngã sở, không thấy chúng sinh và chỗ thọ dụng, thấy tất cả các pháp đồng tướng pháp tánh, sinh tướng đất, đá, ngói, sạn. Như nhà cửa nhờ các duyên mà sinh, không có tánh nhất định, thấy các chúng sinh do bốn đại, năm ấm hợp thành, không có tánh nhất định, vì không có tánh nhất định nên Bồ-tát ở trong ấy không sinh tham đắm. Tất cả phàm phu đều thấy có chúng sinh nên khởi các phiền não. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, vì có niệm tuệ nên đối với chúng sinh không sinh tham đắm. Lại nữa, Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, không chấp trước tướng chúng sinh, hiện ra các pháp tướng. Này thiện nam! Ví như họa sĩ dùng đủ thứ màu vẽ thành những hình tượng, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa. Phàm phu không có trí tuệ, thấy như thế thì cho là có tướng nam, nữ v.v… còn họa sĩ thì biết rõ ràng không có nam, nữ. Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với tướng sai khác của các pháp, quán thấy một tướng, không bao giờ thấy có tướng chúng sinh. Vì sao? Vì có niệm tuệ. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn lúc thấy người nữ đẹp không hề sinh tâm tham trước. Vì sao? Vì khéo quán tưởng. Này thiện nam! Đại Bồ-tát biết năm dục là pháp không có niềm vui, không dừng nghỉ, như chó gặm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió, như rắn độc đựng trong tráp, như vật được trong chiêm bao, như cây ăn quả bên đường bị nhiều người hái, như bầy chim đuổi theo cục thịt, như bóng nước, như dấu vẽ trong nước, như dệt hết chỉ, như người tù đi đến chợ, như mượn thế lực không được dài lâu. Đại Bồ-tát quán sát năm dục có nhiều tội ác như vậy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát quán sát các chúng sinh vì nhân duyên sắc, hương, vị, xúc nên từ vô số, vô lượng kiếp đến nay thường chịu khổ não. Trong một kiếp, mỗi một chúng sinh, xương nơi thân chất cao như núi Tỳ-phú-la ở thành Vương-xá, sữa mẹ đã bú nhiều như nước bốn biển, máu huyết trong thân chảy ra nhiều như nước trong bốn biển, nước mắt khóc người chết như cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc càng nhiều hơn nước trong bốn biển, dùng tất cả cỏ cây trên mặt đất làm thẻ dài hơn bốn tấc để đếm cha mẹ cũng không thể hết. Từ vô lượng kiếp đến nay hoặc ở địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ đã chịu nhiều khổ não không thể tính đếm, vò nát trái đất này thành như trái táo còn có thể dễ hết, nhưng việc sinh tử khó hết. Đại Bồ-tát quán sát thâm sâu như thế, thấy tất cả chúng sinh vì nhân duyên năm dục nên chịu vô lượng sự khổ, Bồ-tát biết được sự khổ của sinh tử là vậy nên không mất niệm tuệ. Này thiện nam! Ví như trong đời có các đám đông đầy chật cả hai mươi lăm dặm, nhà vua truyền một vị quan chức cầm một chén dầu đầy, đi qua giữa đám đông ấy mà không được làm đổ, nếu đổ một giọt thì sẽ bị tội chết. Lại sai một người cầm gươm theo sau để khủng bố. Vị quan chức ấy vâng theo lệnh vua, chú tâm giữ vững chén dầu, đi qua khỏi đám đông như thế. Người ấy tuy không thấy năm thứ tà dục vừa ý, nhưng tâm thường nghĩ: “Nếu ta buông lung, tham đắm năm dục, thì sẽ bỏ mất thân mạng, không ai cứu giúp”. Người ấy vì nhân duyên sợ hãi nên không đổ một giọt dầu. Đại Bồ-tát cũng vậy, ở trong sinh tử không mất niệm tuệ, nên tuy thấy năm dục nhưng tâm không tham đắm, nếu thấy sắc đẹp, không sinh tướng sắc, chỉ quán tướng khổ, cho đến tướng thức cũng như vậy; không khởi tướng sinh, không khởi tướng diệt, không khởi tướng nhân, chỉ quán tướng hòa hợp. Lúc ấy năm căn của Bồ-tát đều thanh tịnh, vì năm căn thanh tịnh nên giữ gìn giới căn đầy đủ. Còn tất cả các phàm phu năm căn không thanh tịnh, không khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu. Bồ-tát đã dứt hẳn nên gọi là vô lậu. Như Lai đã nhổ lên dứt hẳn cội gốc nên chẳng phải là lậu.

Lại nữa, này thiện nam! Lại có xa lìa lậu, Đại Bồ-tát vì muốn được quả Phật cam lồ vô thượng nên xa lìa các ác lậu. Thế nào là xa lìa? Nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, tư duy về ý nghĩa thì đó gọi là xa lìa. Vì sao? Này thiện nam! Ta không thấy trong Mười hai bộ loại kinh văn có thể xa lìa được các lậu ác như kinh Đại Niết Bàn Phương Đẳng này. Này thiện nam! Ví như thầy giỏi dạy các đệ tử, trong hàng đệ tử có người thọ nhận lời dạy thì tâm không tạo việc ác. Đại Bồ-tát tu hành kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng như vậy, tâm không tạo ác. Này thiện nam! Ví như trong đời có chú thuật hay, nếu có ai một lần nghe được chú này thì trong vòng bảy năm về sau không bị trúng độc, rắn độc không cắn được. Nếu có người đọc tụng thì trọn đời không có hoạn nạn. Này thiện nam! Cũng vậy, nếu có chúng sinh một lần nghe kinh Đại Niết-bàn này thì trọn bảy kiếp không bị đọa vào đường ác; nếu có người biên chép, đọc tụng, giảng nói, tư duy về nghĩa lý thì nhất định sẽ thấy Phật tánh, đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như bậc Thánh vương kia được vị cam lồ. Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn này có vô lượng công đức như vậy. Này thiện nam! Nếu có người biên chép, đọc tụng, giảng nói, tư duy về nghĩa lý của kinh này, thì nên biết người ấy thật là đệ tử của Ta, khéo thọ nhận giáo pháp của Ta, là người mà Ta thường thấy, Ta thường nhớ, là người biết rõ Ta không nhập Niết-bàn. Tùy theo người này ở đâu, hoặc ở thành ấp, xóm làng, núi rừng, đồng trống, phòng xá, ruộng vườn, nhà cửa, lầu gác, cung điện v.v… thì Ta cũng ở tại đó, thường trụ không rời. Đối với người này Ta thường nhận sự cúng dường, hoặc hiện làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Bà-la-môn, Phạm chí, người nghèo khổ ăn xin.

Làm thế nào khiến cho người ấy biết được Như Lai thọ nhận vật mà người ấy cúng dường? Này thiện nam! Người ấy trong giấc chiêm bao thấy hình tượng Phật, hoặc hình tượng Trời, Sa-môn, Quốc vương, Thánh vương, Sư tử vương; hoặc hình tượng hoa sen, hoa Ưu-đàm; hoặc thấy núi cao, nước biển lớn; hoặc thấy mặt trời, mặt trăng; hoặc thấy voi trắng, ngựa trắng; hoặc thấy cha mẹ, hoặc được hoa, quả, vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v… tất cả các thứ báu và năm vị của sữa bò. Khi ấy nên biết là Như Lai đã nhận sự cúng dường đó. Người ấy sau khi tỉnh dậy, vui mừng liền được các vật cần dùng, tâm không hề nghĩ ác, thích tu tập pháp thiện. Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn đều có thể thành tựu vô lượng vô biên vô số công đức không thể nghĩ bàn như vậy.

Này thiện nam! Nay ông phải tin nhận lời của Ta. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Ta, muốn cung kính Ta, muốn đồng với pháp tánh mà thấy Ta, muốn được định Không, muốn thấy thật tướng, muốn được tu tập định Thủ-lăng-nghiêm, định Sư tử vương, muốn phá trừ tám thứ ma (tám thứ ma ấy là: bốn ma, vô thường, vô lạc, vô ngã và vô tịnh), muốn được hưởng lạc trong loài người, hoặc trên trời, thì thấy có người thọ trì, biên chép, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ nghĩa lý kinh Đại Niết-bàn, phải đến gần gũi, nương tựa, học hỏi, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, vì họ mà rửa tay chân, sắp đặt giường chiếu và cung cấp bốn việc cần dùng đầy đủ không thiếu; nếu người ấy từ xa đến thì phải đón rước từ ngoài mười do-tuần, vì kinh ấy nên đem vật quý giá cúng dường; nếu không có vật dụng thì phải bán thân. Vì sao? Vì kinh này khó gặp hơn cả hoa Ưu-đàm. Này thiện nam! Ta nhớ ở đời quá khứ vô lượng vô biên na-do-tha kiếp, lúc đó có thế giới tên là Ta-bà, có Đức Phật Thế Tôn hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, vì hàng đại chúng mà nói kinh Đại Niết-bàn này. Thuở đó, từ những người bạn tốt mà Ta được nghe nói là Đức Phật ấy sẽ vì đại chúng nói kinh Đại Niết-bàn này, Ta nghe vậy rồi, tâm rất vui mừng muốn sắm sửa lễ vật cúng dường, nhưng vì nhà nghèo nên không có vật gì, muốn tự đem thân mình đi bán mà vì bạc phước nên không thể bán được, liền trở về nhà, giữa đường gặp một người liền nói: “Tôi muốn bán thân, ông có mua không?”. Người ấy đáp: “Việc của nhà ta, không ai làm được, nếu nhưng có thể làm thì ta sẽ mua”. Ta liền hỏi: “Ông có việc làm gì mà người làm không được?”. Người ấy đáp: “Ta có bệnh quái lạ, lương y cho thuốc mỗi ngày phải dùng ba lạng thịt người. Nếu ngươi có thể dùng thịt của thân mình để mỗi ngày cung cấp ba lạng cho ta, thì ta sẽ trả với giá năm đồng tiền vàng cho ngươi”.

Khi ấy, Ta nghe xong, tâm rất hoan hỷ. Ta nói: “Ông cho tôi tiền trước, sau bảy ngày lo xong công việc, tôi sẽ trở lại gặp ông”.

Người ấy đáp: “Bảy ngày không thể được, có thể cho ngươi một ngày thôi”.

Này thiện nam! Khi ấy, Ta nhận tiền vàng rồi đem đến chỗ Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân, đem hết tiền vàng dâng cúng, rồi chí tâm lắng nghe kinh này, tuy được nghe kinh mà chỉ thọ trì được một bài kệ:

Như Lai chứng Niết-bàn
Vĩnh viễn dứt sinh tử
Nếu ai dốc lòng nghe
Luôn được vui vô lượng.

Nghe kệ xong, liền trở lại nhà người bệnh. Này thiện nam! Khi ấy, tuy Ta cung cấp mỗi ngày ba lạng thịt, nhưng do nhân duyên nhớ nghĩ bài kệ nên không lấy làm đau đớn, đầy đủ một tháng, không bỏ ngày nào. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên người ấy lành bệnh và thân Ta cũng bình phục không thương tổn. Bấy giờ, Ta thấy thân của mình đầy đủ nguyên vẹn, liền phát tâm Bồ-đề vô thượng. Hiệu lực của một bài kệ mà còn như thế, huống gì là thọ trì, đọc tụng đầy đủ kinh này! Ta nghe thấy kinh này có lợi ích như vậy nên càng phát tâm thêm, nguyện đời vị lai được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Này thiện nam! Do nhân duyên diệu lực của một bài kệ, nên khiến Ta ngày nay ở trong đại chúng, vì hàng trời, người mà diễn nói đầy đủ kinh này. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên kinh Đại Niết-bàn không thể nghĩ bàn, thành tựu vô lượng vô biên công đức, cho đến tạng pháp bí mật sâu xa của chư Phật Như Lai. Do vậy, người nào có thể thọ trì kinh này thì xa lìa các lậu ác. Lậu ác ấy là voi dữ, ngựa chứng, bò dữ, chó dữ, rắn độc, chỗ có gai độc, núi sâu vực thẳm, dòng nước xoáy, người ác, nước ác, thành ác, nhà ác, bạn ác v.v… những thứ ác như vậy, nếu làm nhân cho lậu thì Bồ-tát liền xa lìa; nếu không thể làm nhân thì không xa lìa; nếu tăng trưởng hữu lậu thì liền xa lìa, còn không tăng trưởng thì không xa lìa; nếu làm các pháp ác thì liền xa lìa, còn làm lành thì không xa lìa. Thế nào là xa lìa? Nghĩa là không cầm đao, trượng, luôn dùng phương tiện chánh tuệ để xa lìa. Cho nên gọi là chánh tuệ xa lìa. Vì sinh trưởng các pháp thiện thì xa lìa các pháp ác. Đại Bồ-tát tự quán sát thân mình như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như oán giận, như bị mũi tên ghim vào thân thể v.v… đó là những nỗi khổ lớn, là nguồn gốc của tất cả các pháp thiện và ác. Thân này tuy bất tịnh như vậy nhưng Bồ-tát vẫn săn sóc nuôi dưỡng. Vì sao?

Chẳng phải là vì tham thân này mà chính là vì pháp thiện; vì Niết-bàn không vì sinh tử; vì thường, lạc, ngã, tịnh chứ chẳng phải vì vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; vì đạo Bồ-đề không vì đạo nào khác; vì Nhất thừa không vì hàng Nhị thừa; vì thân ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp vi diệu; cho đến không vì thân chẳng phải hữu tưởng chẳng phải vô tưởng; vì vua Pháp luân không vì vua Chuyển luân. Này thiện nam! Đại Bồ-tát phải giữ gìn thân thể. Vì sao? Nếu không giữ gìn thân mạng thì mạng sống không vẹn toàn, nếu không vẹn toàn thì không thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giải nói, suy nghĩ nghĩa lý kinh Đại Niết-bàn. Cho nên Bồ-tát khéo giữ gìn thân mạng. Do nghĩa này nên Bồ-tát được xa lìa tất cả các ác lậu.

Này thiện nam! Như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn thuyền bè, như người đi đường phải khéo giữ gìn ngựa tốt, như người nông phu trồng trọt phải khéo giữ gìn phân bón, như vì chữa lành bệnh độc nên khéo giữ gìn rắn độc, như người vì của cải nên bảo hộ Chiên- đà-la, vì phá hoại giặc nên nuôi lực sĩ, cũng như người lạnh thì thích giữ gìn ngọn lửa, như người bị bệnh hủi thì mong cầu thuốc độc. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tuy thấy thân này đầy dẫy vô lượng sự nhơ nhớp, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết-bàn nên phải giữ gìn nuôi dưỡng không để thiếu thốn.

Đại Bồ-tát xem voi ác và bạn ác đều bình đẳng không hai. Vì sao? Vì đều làm hại thân. Nhưng Bồ-tát đối với voi tâm ác không hề sợ hãi, còn đối với bạn ác thì tâm rất sợ hãi. Vì sao? Vì voi ác chỉ có thể hại được thân mà không hại được tâm, còn bạn ác thì đều hại cả hai; vì voi ác chỉ hại có một thân, còn bạn ác thì hại đến vô lượng thân lành và vô lượng tâm thiện; vì voi ác chỉ phá hại thân bất tịnh hôi thối, còn bạn ác thì có thể phá hoại cả thân và tâm thanh tịnh; vì voi ác chỉ có thể làm hại thân máu thịt, còn bạn ác thì làm hại đến pháp thân; vì voi ác khi giết hại thì không đọa vào ba đường ác, còn bạn ác mà giết hại thì chắc chắn đọa vào ba đường ác; vì voi ác chỉ là oán của thân, còn bạn ác là kẻ oán của pháp thiện. Vì vậy, Bồ-tát thường phải xa lìa các bạn ác. Những lậu ác như thế, do phàm phu không xa lìa nên sinh lậu hoặc. Bồ-tát đã xa lìa nên không còn lậu hoặc, Bồ-tát mà không còn lậu hoặc như vậy huống gì là Đức Như Lai! Cho nên Như Lai chẳng còn lậu hoặc.

Thế nào là gần gũi lậu hoặc? Tất cả phàm phu thọ nhận y phục, vật thực, đồ nằm thuốc thang là vì sự ưa thích của thân tâm vì tìm cầu những vật như vậy, nên tạo ra các tội ác, chẳng biết tội lỗi luân hồi trong ba đường ác, vì vậy gọi là lậu hoặc. Đại Bồ-tát thấy lỗi lầm như vậy, nên liền xa lìa. Nếu khi cần y phục thì liền nhận lấy, không vì thân mà chỉ vì pháp, không nuôi lớn tâm tánh kiêu mạn, tâm thường khiêm tốn, không vì trang sức mà chỉ vì hổ thẹn, vì ngăn che các thứ lạnh, nóng, gió, nước, sâu mọt, ruồi muỗi, rắn rết v.v… Tuy nhận vật thực uống ăn mà tâm không hề tham đắm, không vì thân mình mà luôn vì chánh pháp, không vì da thịt mà chỉ vì chúng sinh, không vì kiêu căng ngã mạn mà vì sức lực của thân, không vì giận hờn mà vì để trị bệnh đói khát, tuy được món ăn hảo hạng nhưng tâm không hề tham đắm. Thọ nhận phòng ốc nhà cửa cũng như vậy, tâm không còn sự trói buộc của tham lam kiêu mạn, vì nhà Bồ-đề mà ngăn ngừa giặc phiền não, vì ngăn che mưa gió nên mới nhận phòng ốc nhà cửa, cầu thuốc thang tâm không hề tham đắm, kiêu mạn, chỉ vì chánh pháp không vì mạng sống, không vì thân mạng bình thường. Này thiện nam! Như người bị bệnh ung nhọt, dùng thuốc bôi lên rồi lấy vải băng lại, vì để rút máu mủ nên phải dùng thuốc đắp vào, vì muốn lành ung nhọt nên phải dùng đến thuốc, vì tránh gió độc nên ở trong nhà kín. Đại Bồ-tát cũng vậy, xem thân thể là ung nhọt nên dùng y phục để che, vì chín lỗ máu mủ (bất tịnh) mà tìm cầu sự uống ăn, vì tránh gió mưa mà thọ nhận phòng nhà, vì bốn thứ độc hại phát ra mà tìm cầu thuốc thang.

Bồ-tát thọ nhận bốn sự cúng dường vì đạo Bồ-đề chứ không vì mạng sống. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát suy nghĩ như vầy: “Nếu mình không thọ nhận bốn sự cúng dường thì thân thể bị suy yếu, không còn vững chắc, nếu không vững chắc thì không chịu được khổ nhọc, nếu không chịu được khổ nhọc thì không thể tu tập pháp thiện. Còn có thể chịu được khổ thì tu tập được vô lượng pháp thiện, nếu mình không thể chịu đựng được các khổ thì đối với khổ thọ, sinh tâm giận hờn, đối với lạc thọ, sinh tâm tham đắm; nếu tìm cầu lạc mà không được thì sinh mê muội. Vì vậy phàm phu đối với sự cúng dường, phát sinh hữu lậu.

Bồ-tát vì quán sát sâu xa nên không sinh hữu lậu. Vì vậy Bồ-tát gọi là vô lậu thì sao Như Lai gọi là hữu lậu được! Cho nên Như Lai không gọi là hữu lậu.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXIII

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU

CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 3

Lại nữa, này thiện nam! Tất cả phàm phu dù khéo giữ gìn thân tâm nhưng vẫn còn sinh ba thứ ý tưởng ác. Vì lý do này, nên tuy đã đoạn trừ phiền não, được sinh vào cõi Phi tưởng, phi phi tưởng mà vẫn còn trở lại đọa vào ba đường ác. Này thiện nam! Ví như có người vượt qua biển cả, sắp đến bờ bên kia mà bị chết đuối, kẻ phàm phu cũng như vậy, sắp ra khỏi ba cõi mà vẫn còn trở lại đọa vào ba đường ác. Vì sao? Vì không có ý tưởng thiện Những gì là ý tưởng thiện? Đó là sáu niệm xứ. Hàng phàm phu tâm thiện yếu kém, tâm bất thiện mạnh mẽ. Vì tâm thiện yếu cho nên tâm tuệ cũng kém, vì tâm tuệ kém nên các lậu tăng trưởng. Đại Bồ-tát dùng mắt tuệ thanh tịnh thấy lỗi của ba thứ ý tưởng, biết ba thứ ý tưởng này có nhiều tai họa, thường cùng với chúng sinh tạo nên oán kết đối với ba thừa. Do ba thứ ý tưởng này khiến cho vô lượng chúng sinh phàm phu không thấy được Phật tánh, ở trong vô lượng kiếp sinh tâm điên đảo, cho rằng: Phật Thế Tôn không có thường, lạc, ngã chỉ có tịnh, Như Lai nhập Niết-bàn vĩnh viễn. Tất cả chúng sinh là không thường, không lạc, không ngã, không tịnh. Thật không có ba thừa nhưng do tâm điên đảo nên nói có ba thừa. Đạo nhất thật chân thật không hư, do tâm điên đảo nên cho là không có nhất thật.

Ba thứ ý tưởng ác này thường bị chư Phật và Bồ-tát quở trách. Ba thức ý tưởng ác này thường hại mình và cũng hại người khác. Có ba thứ ý tưởng này thì thường sinh ra tất cả đều ác. Ba thứ ý tưởng này tức là ba sợi dây ràng buộc chúng sinh trong sinh tử vô biên. Đại Bồ-tát thường quán sát ba thứ ý tưởng này như vậy, hoặc lúc có nhân duyên đáng lẽ sinh ý tưởng dục, Bồ-tát yên lặng chẳng thọ nhận. Ví như người đẹp đẽ trong sạch chẳng nhận lấy tất cả phân dơ bất tịnh, như hòn sắt nóng thì không ai cầm lấy, như dòng Bà-la-môn không nhận thịt bò, như người no đủ không nhận thức ăn dở, như vua Chuyển luân không cùng với tất cả Chiên-đà-la ngồi chung một giường. Đại Bồ-tát khinh ghét ba ý tưởng ác, không nhận, không tham cũng như vậy. Vì sao? Bồ-tát suy nghĩ: Chúng sinh biết ta là ruộng phước lành, nên ta làm sao thọ nhận pháp ác này, nếu thọ nhận ý tưởng ác thì không thể làm ruộng phước của chúng sinh. Ta không tự cho mình là ruộng phước lành, chúng sinh thấy tướng liền nói ta là ruộng phước. Nay nếu ta khởi ý tưởng ác như vậy là dối gạt tất cả chúng sinh. Khi xưa ta vì dối gạt nên ở trong vô lượng kiếp bị lưu chuyển trong sinh tử, đọa vào ba đường ác. Nếu ta đem tâm ác thọ lãnh của tín thí thì tất cả hàng trời, người và Tiên nhân chứng năm thông đều thấy biết rõ và sẽ quở trách. Nếu ta dùng ý tưởng ác mà thọ nhận của tín thí thì khiến cho quả báo của thí chủ kém đi hoặc không còn quả báo. Nếu ta dùng tâm ác thọ dụng của đàn-việt tín thí thì ta sẽ là kẻ oán thù của thí chủ. Tất cả thí chủ thường đối với ta tưởng như con đỏ, sao ta lại khinh dối họ mà sinh tưởng oán thù. Vì sao? Vì ta khiến cho thí chủ không được quả báo hoặc quả báo ít ỏi. Ta thường tự xưng là người xuất gia. Hễ là người xuất gia thì không sinh tâm ác, nếu sinh tâm ác thì chẳng phải là người xuất gia. Người xuất gia thân, miệng phải hợp nhau, nếu không hợp thì không phải là xuất gia. Ta đã bỏ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè xuất gia tu đạo, chính là đang tu tập các ý tưởng thiện, chẳng phải là lúc thực hành ý tưởng bất thiện. Ví như có người vào trong biển để tìm châu báu mà chẳng lấy châu báu, chỉ lấy thủy tinh. Cũng như có người bỏ âm nhạc hay mà đùa giỡn trên đống phân dơ, như bỏ người con gái cao quý mà tư thông với đứa tớ gái. Như bỏ đồ đựng vàng mà dùng chậu sành, như bỏ cam lồ mà uống thuốc độc, như bỏ thầy thuốc tài giỏi kinh nghiệm quen thân mà theo thầy thuốc dở, kẻ oán thù, để tìm thuốc uống. Ta cũng như vậy, lìa bỏ vị pháp cam lồ của Đại sư Như Lai Thế Tôn mà uống các thứ ý tưởng ác của ma oán. Thân người khó được như hoa Ưu-đàm, nay ta đã được. Như Lai khó gặp như hoa Ưu- đàm mà ta đã gặp. Pháp báu thanh tịnh khó được nghe, nay ta đã được nghe, như con rùa mù gặp được bộng cây nổi. Mạng người không dừng, qua mau như thác nước đổ, ngày nay tuy tồn tại, ngày mai khó giữ gìn, thì vì sao buông tâm khiến ở nơi pháp ác. Tuổi trẻ không dừng, giống như ngựa chạy, thì vì sao ỷ lại mà sinh tâm kiêu mạn. Giống như quỷ ác rình tìm lỗi người, quỷ ác bốn đại cũng như vậy, thường rình tìm lỗi của ta, vậy tại sao ta lại làm cho ý tưởng ác sinh khởi. Ví như nhà mục nát sắp sập đổ, mạng sống của ta cũng như vậy, thì tại sao lại sinh tâm ác. Ta là Sa-môn, người Sa-môn gọi là giác ngộ ý tưởng thiện, nay ta khởi ý tưởng bất thiện thì sao được gọi là Sa-môn! Ta là người xuất gia, người xuất gia là tu theo con đường lành, nay ta làm ác đâu đáng gọi là xuất gia! Nay ta là Bà-la-môn chân chánh, Bà-la-môn là người tu hạnh thanh tịnh, nay ta thực hành ý tưởng ác, bất tịnh, sao được gọi là Bà-la- môn! Nay ta là dòng họ lớn Sát-đế-lợi, dòng họ Sát-đế-lợi có thể diệt trừ oán địch, nay ta không thể diệt trừ oán địch ác, sao có thể được gọi là dòng Sát-đế-lợi! Ta là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo là phá trừ phiền não, nay ta chẳng phá trừ ý tưởng ác phiền não, thì đâu đáng gọi là Tỳ-kheo! Thế gian có sáu việc khó gặp, nay ta gặp được, thì sao lại khiến cho ý tưởng ác ở trong tâm? Những gì là sáu việc? Một là Phật ra đời khó gặp. Hai là chánh pháp khó được nghe. Ba là tâm thiện khó sinh khởi. Bốn là khó sinh vào quốc gia văn minh. Năm là khó được thân người. Sáu là các căn khó đủ. Sáu việc như vậy khó được mà ta đã được, vì thế chẳng nên sinh khởi ý tưởng ác. Bấy giờ, Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như vậy thường siêng năng quán sát các tâm ác. Tất cả phàm phu không thấy lỗi lầm, hoạn nạn của tâm ác nên thọ nhận ba ý tưởng ác gọi là thọ nhận lậu hoặc. Bồ-tát thấy rõ nên không thọ nhận, không chấp giữ, buông bỏ không giữ gìn, nương vào tám Thánh đạo để suy xét dứt bỏ, đoạn trừ. Vì thế, Bồ-tát không thọ nhận lậu hoặc thì sao lại nói Như Lai hữu lậu? Do nghĩa này nên Như Lai Thế Tôn chẳng phải là hữu lậu.

Lại nữa, này thiện nam! Hàng phàm phu nếu gặp lúc thân tâm khổ não, khởi đủ thứ ác, hoặc thân bị bệnh, hoặc tâm bị bệnh, thì làm cho thân, miệng, ý tạo đủ thứ ác, vì làm ác cho nên luân hồi trong ba cõi chịu đủ các khổ. Vì sao? Vì hàng phàm phu không có niệm tuệ cho nên sinh ra đủ thứ các lậu hoặc, đó gọi là niệm lậu. Đại Bồ-tát thường suy nghĩ: Ta từ xưa vô số kiếp đến nay, vì thân tâm này ta đã tạo đủ thứ ác, do nhân duyên này nên lưu chuyển trong sinh tử, ở trong ba đường ác, chịu đủ các khổ, lại khiến ta xa lìa con đường chân chánh của ba thừa. Bồ-tát vì nhân duyên ác này nên đối với thân tâm mình rất sợ hãi, xa lìa các điều ác, hướng đến con đường lành. Này thiện nam! Ví như có vua đem bốn con rắn độc đựng trong cái hòm, rồi ra lệnh cho người nuôi dưỡng cho ăn, tắm rửa. Nếu để một con rắn sinh giận dữ, thì nhà vua sẽ theo phép đem ra chợ giết. Lúc ấy, người đó nghe sắc lệnh của vua, tâm sinh sợ hãi bỏ cái hòm chạy trốn, vua liền sai năm Chiên- đà-la cầm dao đuổi theo. Người ấy quay nhìn lại phía sau, thấy năm người ấy đang đuổi gấp bèn vội bỏ chạy. Lúc đó, năm người kia dùng mưu kế xấu giấu con dao rồi bí mật sai một người giả làm thân thiện mà khuyên bảo ông ta nên trở lại. Người ấy chẳng tin liền vào trong xóm làng để ẩn trốn. Lúc đã vào trong xóm làng, nhìn thấy nhà cửa đều không có người, cầm xem đồ chứa đựng thì đều rỗng không, không có vật gì; đã không thấy người, tìm đồ vật cũng không được, liền ngồi trên đất, bỗng nghe trong hũ rỗng có tiếng gọi: “Thiện nam! Làng xóm này hoang vắng không có người ở, đêm nay sẽ có sáu tên giặc lớn đến, nếu người gặp chúng thì mạng sống khó bảo toàn, ngươi nên tìm cách tránh đi". Lúc đó, người ấy càng thêm sợ hãi bèn bỏ đi. Giữa đường gặp dòng sông, nước sông chảy xiết, không có thuyền bè, do sợ hãi nên lấy các thứ cỏ cây kết làm chiếc bè. Liền tự suy nghĩ: "Nếu ta dừng lại ở đây sẽ bị bốn con rắn độc, năm người Chiên-đà-la mà có một người giả làm thân thiện và sáu tên giặc lớn làm nguy hại. Nếu muốn vượt qua được sông này mà chiếc bè không bảo đảm thì sẽ bị chết chìm, thà chết chìm, quyết không để rắn độc kia làm hại, liền đẩy chiếc bè cỏ xuống nước, thân nương trên bè, tay ôm, chân đạp vượt qua dòng sông, đã qua được bờ bên kia an ổn, không còn hoạn nạn, tâm ý thư thái, sợ hãi tiêu tan. Đại Bồ-tát được nghe, thọ trì kinh Đại Niết-bàn, quán xét thân như cái hòm; đất, nước, gió, lửa như bốn rắn độc. Nhìn độc, chạm độc, hỏi độc, cắn độc, tất cả chúng sinh gặp bốn độc này nên phải mất thân mạng. Bốn đại của chúng sinh cũng như vậy, hoặc thấy là ác, hoặc xúc chạm là ác, hoặc hơi là ác, hoặc cắn là ác, do nhân duyên này nên xa lìa các điều lành. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán xét bốn rắn độc có bốn dòng họ: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la. Rắn bốn đại này cũng như vậy, có bốn chủng tánh: tánh cứng, tánh ướt, tánh nóng, tánh động. Thế nên, Bồ-tát quán xét bốn đại cùng chủng tánh với bốn rắn độc. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán bốn đại này như bốn rắn độc. Quán như thế nào? Bốn rắn độc này thường rình hại người: Lúc nào sẽ nhìn, lúc nào sẽ xúc chạm, lúc nào sẽ hà hơi, lúc nào sẽ cắn. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, thường rình chúng sinh để tìm sự sơ hở. Nếu người bị rắn độc hại chết thì không bao giờ bị đọa trong ba đường ác, nhưng nếu bị bốn đại giết thì chắc chắn sẽ bị đọa trong ba đường ác, không còn nghi ngờ. Bốn rắn độc tuy được săn sóc nuôi dưỡng nhưng cũng thường muốn giết người. Bốn đại cũng vậy, tuy thường được cung cấp nhưng cũng thường dẫn dắt người tạo các nghiệp ác. Bốn rắn độc ấy, nếu một con giận dữ thì có thể giết hại người. Tánh của bốn đại cũng như thế, nếu một đại tăng lên cũng có thể hại người. Bốn rắn độc tuy đồng ở một chỗ nhưng bốn tâm khác nhau. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, tuy đồng một thân, nhưng tánh của mỗi đại đều khác nhau. Bốn rắn độc tuy tuân phục nhưng khó có thể gần gũi. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, tuy tuân phục cũng khó gần. Bốn rắn độc ấy nếu lúc hại người, hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn v.v… dùng chú thuật, thuốc men thì có thể chữa trị. Nhưng bốn đại giết người tuy có Sa-môn, Bà-la-môn v.v… dùng thần chú, thuốc hay cũng không thể cứu chữa được. Như người có trí nghe mùi hôi của bốn rắn độc kinh tởm liền tránh xa. Chư Phật Bồ-tát cũng thế, nghe mùi hôi của bốn đại liền tránh xa.

Lúc ấy, Bồ-tát lại suy nghĩ về rắn độc bốn đại rất sợ hãi liền tránh xa và tu tập tám Thánh đạo.

Năm Chiên-đà-la tức là năm ấm. Thế nào là Bồ-tát quán năm ấm như Chiên-đà-la? Chiên-đà-la là thường hay khiến cho con người thương yêu mà xa lìa, oán ghét mà gặp gỡ. Năm ấm cũng vậy, khiến người tham gần gũi pháp bất thiện, xa lìa tất cả các pháp thuần thiện. Lại nữa, này thiện nam! Như Chiên-đà-la dùng các thứ vũ khí để tự trang bị như dao, khiêng, cung, tên, áo giáp, giáo có thể hại người. Năm ấm cũng vậy, dùng các phiền não kiên cố để tự trang bị giết hại những người ngu si khiến đọa vào trong ba cõi. Này thiện nam! Như Chiên-đà-la đối với người có tội lỗi thì được giết hại. Năm ấm cũng vậy, có các lỗi kiết sử thường làm hại người. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán sát kỹ năm ấm như Chiên-đà-la.

Lại nữa, Bồ-tát quán sát năm ấm như Chiên-đà-la vì Chiên-đà-la không có tâm từ, đối với kẻ oán, người thân đều hại. Năm ấm cũng vậy, không có tâm từ bi, đối với người thiện hay ác đều làm hại. Như Chiên-đà-la làm não hại mọi người, năm ấm cũng thế, dùng các thứ phiền não thường làm não hại tất cả chúng sinh trong dòng sinh tử. Cho nên Bồ-tát quán năm ấm như Chiên-đà-la. Lại nữa, Bồ-tát quán sát năm ấm như

Chiên-đà-la vì Chiên-đà-la thường ôm tâm làm tổn hại người. Năm ấm cũng vậy, thường ôm giữ tâm kiết sử làm não hại người. Như người cụt chân, không có dao, gậy, người theo hộ vệ thì nên biết chắc chắn sẽ bị Chiên-đà-la giết hại, chúng sinh cũng như vậy, không có chân, không có dao gậy, không có người theo hộ vệ thì sẽ bị giặc năm ấm làm hại. Chân là dụ cho giới, dao dụ cho tuệ, người theo hộ vệ dụ cho thiện tri thức, không có ba thứ này nên bị giặc năm ấm làm hại. Cho nên Bồ-tát quán sát năm ấm như Chiên-đà-la.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán sát năm ấm còn hơn Chiên-đà-la. Vì sao? Vì nếu chúng sinh bị Chiên-đà-la giết hại thì không đọa vào địa ngục, còn nếu bị năm ấm giết hại thì sẽ đọa vào địa ngục. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán năm ấm hơn Chiên-đà-la. Quán như vậy rồi lập thệ nguyện: Ta thà trọn đời gần gũi Chiên-đà-la, chứ không thể gần gũi năm ấm trong giây lát. Chiên-đà-la chỉ có thể làm hại người ngu si ở cõi Dục, còn giặc năm ấm thì làm hại chúng sinh phàm phu khắp trong ba cõi. Người Chiên-đà-la chỉ có thể giết chết người có tội, còn giặc năm ấm thì chẳng hỏi chúng sinh có tội hay không có tội đều giết hại tất cả. Người Chiên-đà-la không hại người già yếu, phụ nữ, trẻ em, còn giặc năm ấm không kể chúng sinh là già, trẻ hay phụ nữ tất cả đều làm hại. Cho nên, Bồ-tát quán sát kỹ năm ấm còn hơn Chiên-đà-la. Vì thế Bồ-tát lập thệ nguyện, thà trọn đời gần gũi Chiên-đà-la, chứ không thể gần gũi năm ấm trong giây lát. Lại nữa, này thiện nam! Chiên-đà-la chỉ hại người khác, hoàn toàn không hại mình, còn giặc năm ấm hại mình, hại người hơn cả Chiên-đà-la. Người Chiên-đà-la có thể dùng lời nói hay, tiền của, châu báu để xin thì được thoát. Năm ấm không như vậy, không thể dùng sức mạnh, lời nói hay để dụ dỗ, hay dùng tiền của, châu báu xin mà được thoát. Người Chiên-đà-la ở trong bốn thời không hẳn luôn giết hại, còn năm ấm thì không như vậy, mà thường ở trong mỗi niệm não hại chúng sinh. Người Chiên-đà-la chỉ ở một nơi có thể trốn xa, còn năm ấm không như vậy, ở khắp mọi nơi không thể trốn tránh được. Người Chiên-đà-la dù hại người, nhưng khi hại xong, không đuổi theo nữa, còn năm ấm chẳng phải như vậy, giết hại chúng sinh lại còn theo đuổi chẳng rời. Thế nên, Bồ-tát thà trọn đời gần gũi Chiên-đà-la chứ không thể trong chốc lát gần gũi năm ấm. Người có trí tuệ dùng phương tiện khéo léo thoát khỏi năm ấm. Phương tiện khéo léo tức là tám Thánh đạo, sáu Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng, nhờ phương tiện này mà được giải thoát, thân và tâm không bị năm ấm làm hại. Vì sao? Vì thân như kim cang, tâm như hư không, cho nên thân, tâm này khó có thể bại hoại. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán thấy năm ấm tạo thành vô số các pháp bất thiện, vô cùng sợ hãi nên tu tám Thánh đạo. Cũng như người kia sợ bốn rắn độc và năm Chiên-đà-la tìm đường bỏ chạy không dám nhìn lại. Kẻ oán giả làm bạn thân, đó là tham ái, Đại Bồ-tát quán sát kỹ kiết sử, tham ái giống như kẻ oán giả làm bạn thân. Nếu biết được sự thật thì nó không thể làm gì, nếu không biết thì chắc chắn sẽ bị hại. Tham ái cũng vậy, nếu biết được tánh của nó thì chúng sinh không thể bị khổ luân chuyển sinh tử. Nếu không biết được tánh của nó thì bị luân hồi trong sáu nẻo, chịu đủ các thứ khổ đau. Vì sao? Vì tham ái là căn bệnh khó chữa lành, như kẻ oán giả làm người thân khó có thể xa lìa, kẻ oán giả làm người thân thường rình rập người, khiến xa lìa người thân, gặp gỡ kẻ oán. Tham ái cũng vậy, khiến cho người xa lìa tất cả pháp thiện, gần gũi tất cả pháp chẳng lành. Do nghĩa này, nên Đại Bồ-tát quán kỹ tham ái như kẻ oán giả làm người thân. Vì thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, nên như người phàm phu thấy lỗi sinh tử, tuy có trí tuệ nhưng vì ngu si che lấp nên không thấy. Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, tuy thấy nhưng chẳng thấy, dẫu nghe nhưng chẳng nghe. Vì sao? Vì thấy lỗi của sinh tử mà không thể mau chóng đạt đến đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do nghĩa này, nên Đại Bồ-tát quán kiết sử tham ái giống như kẻ oán giả làm người thân. Thế nào gọi là kẻ oán giả làm người thân? Như kẻ oán không thật, giả hiện tướng thật, không thể gần gũi, giả làm tướng gần gũi, thật sự bất thiện, giả làm tướng thiện, thật chẳng thương yêu, giả làm tướng thương yêu. Vì sao? Vì nó thường rình rập người, muốn làm hại họ. Tham ái cũng như vậy, luôn vì chúng sinh chẳng phải thật mà giả là thật, chẳng gần gũi mà giả là gần gũi, chẳng phải thiện mà giả là thiện, chẳng phải thương mà giả là thương, thường lừa dối tất cả chúng sinh luân hồi trong sinh tử. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán tham ái như kẻ oán giả làm người thân. Kẻ oán giả làm người thân chỉ thấy thân và miệng nhưng không thể thấy được tâm của họ, nên nó lừa dối được. Tham ái cũng như vậy, dẫu là hư dối nhưng thật không thể biết được. Vì thế, nó có thể làm mê hoặc tất cả chúng sinh. Kẻ oán giả làm người thân có trước, có sau có thể dễ xa lìa. Tham ái không như vậy, vô thủy, vô chung, khó xa lìa được. Kẻ oán giả làm người thân ở xa thì khó biết, ở gần thì dễ biết. Tham ái không như vậy, gần gũi còn khó biết huống nữa là ở xa. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán tham ái còn hơn kẻ oán giả làm người thân. Tất cả chúng sinh do kiết sử tham ái nên xa lìa Đại Niết-bàn, gần gũi sinh tử, xa lìa thường, lạc, ngã, tịnh, gần gũi vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Vì thế ở trong các kinh chỗ nào Ta cũng thường nói về ba thứ cấu uế, đối với việc hiện tại do vô minh nên không thấy tai họa, không thể xa lìa. Kẻ oán giả làm người thân không bao giờ hại được người trí. Vì thế, Bồ-tát quán sát kỹ tham ái này vô cùng sợ hãi, nên tu tập tám Thánh đạo, giống như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên-đà-la và một kẻ oán giả làm người thân nên tìm đường chạy trốn, không dám nhìn lại.

Ngôi làng trống rỗng đó tức là sáu nhập. Đại Bồ-tát quán xét nội sáu nhập trống rỗng, không có gì, như ngôi làng trống rỗng. Như người sợ hãi ấy đã vào trong làng xóm cho đến chẳng thấy một người, lục lọi khắp đồ đựng mà chẳng được một vật gì, Bồ-tát quán xét kỹ sáu nhập đều trống không, không có gì, chẳng thấy một vật có thật nào gọi là chúng sinh. Do đó, nên Bồ-tát quán xét nội sáu nhập trống không, không có gì, như ngôi làng trống không kia. Này thiện nam! Ngôi làng trống không ấy, bọn cướp ở xa nhìn đến hoàn toàn không cho trống không. Hàng phàm phu cũng như vậy, đối với ngôi làng sáu nhập chẳng nghĩ là trống không, do chẳng nghĩ nó là trống không, nên luân hồi sinh tử chịu vô số khổ. Này thiện nam! Bọn cướp đã đến mới thấy trống không. Cũng vậy, Bồ-tát quán xét sáu nhập này, thường sinh tưởng rỗng không nên không luân hồi sinh tử chịu khổ. Đại Bồ-tát đối với sáu nhập này thường không điên đảo, vì không điên đảo nên không trở lại trong luân hồi sinh tử. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có bọn cướp vào trong ngôi làng trống vắng này thì được an lạc. Các giặc phiền não cũng như vậy, vào trong sáu nhập này thì được an lạc. Như bọn cướp ở trong ngôi làng trống vắng này, tâm không còn lo sợ. Các giặc phiền não cũng như vậy, ở trong sáu nhập không còn lo sợ. Như ngôi làng trống vắng kia, chính là chỗ ở của sư tử, cọp, sói và đủ các loài thú ác khác. Nội sáu nhập này cũng như vậy, là chỗ ở của tất cả các loài thú ác phiền não. Cho nên Bồ-tát quán xét kỹ sáu nhập trống không, không có gì, thuần là chỗ ở của tất cả pháp bất thiện. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán xét sáu nhập trống không, không có gì, như ngôi làng trống vắng kia. Vì sao? Vì nó hư dối, không thật, trống không, không có gì mà tưởng là có, thật không có sự an vui mà tưởng là có vui, thật không có người mà cho là có người. Đối với sáu nhập cũng như vậy, trống không, không có gì mà tưởng là có, thật không có sự an lạc mà tưởng cho là có sự an lạc, thật không có người mà tưởng cho là có người. Chỉ có người trí mới có thể biết được sự thật của nó. Lại nữa, này thiện nam! Ví như ngôi làng trống vắng, hoặc có lúc có người, hoặc có lúc không có người. Còn sáu nhập thì không như vậy, hoàn toàn không có người. Vì sao? Vì tánh của nó thường rỗng không, sự nhận biết của người trí chẳng phải là do mắt thấy. Do đó Bồ-tát quán xét nội sáu nhập có nhiều oán hại nên tu tám Thánh đạo không dừng nghỉ. Giống như người kia lo sợ bốn rắn độc, năm người Chiên-đà-la, một kẻ giả làm người thân và sáu tên cướp khủng bố nên chạy thẳng.

Sáu tên giặc cướp ấy tức là sáu trần bên ngoài. Đại Bồ-tát quán sát sáu trần này như sáu tên giặc hung dữ. Vì sao? Vì nó có thể cướp lấy tất cả pháp thiện. Như sáu tên cướp hung dữ đó có thể cướp lấy tất cả tài vật của dân chúng, giặc sáu trần cũng như vậy, có thể cướp đi tất cả tài sản thiện của chúng sinh. Như sáu tên giặc hung dữ đó, nếu vào nhà người thì có thể đoạt lấy tài vật hiện có trong nhà không lựa chọn tốt xấu, khiến cho người đang giàu có bỗng trở nên bần cùng, giặc sáu trần cũng như vậy, khi vào sáu căn thì có thể cướp đoạt tất cả pháp thiện, pháp thiện khi đã mất hết thì bần cùng, cô độc thành Nhất-xiển- đề. Thế nên Bồ-tát quán sát sáu trần như sáu tên giặc cướp. Lại nữa, này thiện nam! Như sáu tên cướp muốn vào cướp nhà người thì phải nhờ người bên trong, nếu không nhờ người bên trong thì phải trở lui, giặc sáu trần cũng như vậy, muốn cướp pháp thiện phải nhờ bên trong có chúng sinh thấy biết những tướng thường, lạc, ngã, tịnh, bất, không v.v… Nếu bên trong không có những tướng như vậy thì giặc ác sáu trần không thể cướp được tất cả pháp thiện. Người có trí bên trong không có những tướng như vậy mà phàm phu thì có, cho nên sáu trần thường đến chiếm đoạt tài sản pháp thiện của họ vì không khéo giữ gìn cho nên bị cướp. Người phòng giữ được thì được gọi là người có trí tuệ, có thể khéo giữ gìn cho nên không bị cướp. Vì thế, Bồ-tát quán sát sáu trần như sáu tên cướp giống nhau không sai khác. Lại nữa, này thiện nam! Như sáu tên cướp hung dữ có thể làm khổ não thân tâm của mọi người, giặc sáu trần này cũng như vậy, thường làm khổ não thân tâm của chúng sinh. Nhưng sáu tên giặc hung dữ chỉ có thể cướp đoạt tài sản hiện có của người, còn giặc sáu trần này thường cướp tài sản thiện của chúng sinh trong ba đời. Sáu tên giặc hung dữ đêm tối thì vui thích, giặc ác sáu trần cũng như vậy, ở chỗ vô minh tối tăm thì vui thích. Sáu tên cướp hung dữ chỉ có các vua mới có thể ngăn chặn, giặc ác sáu trần cũng như vậy, chỉ có Phật và Bồ-tát mới có thể ngăn chặn. Sáu tên cướp hung dữ muốn cướp đoạt thì không lựa chọn người xinh đẹp, dòng họ thông minh, học rộng, hiểu nhiều, giàu sang, bần cùng, giặc ác sáu trần cũng như vậy, muốn cướp pháp thiện cũng không lựa chọn người xinh đẹp cho đến bần cùng. Sáu tên cướp tuy bị nhà vua chặt đứt tay chân, nhưng không thể làm cho chúng dứt hết tâm hung ác. Giặc cướp sáu trần cũng như vậy, tuy bị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán chặt đứt tay chân, nhưng cũng không thể khiến cho nó không cướp mất pháp thiện. Như người có sức lực mạnh mẽ, mới có thể điều phục được sáu tên giặc cướp này. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, mới có thể điều phục được giặc ác sáu trần. Ví như người có nhiều quyến thuộc, dòng họ đông đúc thì không bị sáu tên giặc cướp cướp đoạt.

Chúng sinh cũng vậy, gần gũi bậc Thiện tri thức thì không bị giặc sáu trần cướp đoạt. Sáu tên cướp hung dữ, nếu thấy tài vật của người liền chiếm đoạt. Sáu trần cũng vậy, hoặc nhìn, hoặc biết, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc xúc chạm, hoặc cảm nhận thì đều có thể bị cướp đoạt. Sáu tên cướp hung dữ chỉ có thể cướp đoạt tài vật của người ở cõi Dục, nhưng không thể cướp đoạt tài vật ở cõi Sắc và Vô sắc, còn giặc sáu trần thì không như vậy, mà có thể cướp đoạt tất cả của báu lành trong ba cõi. Vì thế Bồ-tát quán sát sáu trần hơn cả sáu tên giặc cướp. Quán như vậy rồi, tu tập tám Thánh đạo, tiến thẳng không quay lại, như người kia sợ hãi bốn rắn độc, năm Chiên-đà-la, một kẻ giả làm người thân và sáu tên giặc cướp hung dữ, nên rời bỏ xóm làng trống rỗng, thẳng đường mà đi.

Giữa đường gặp một dòng sông tức là phiền não. Thế nào là Bồ- tát quán sát phiền não này như dòng sông lớn? Dòng sông chảy xiết làm trôi voi mạnh, sông phiền não chảy xiết cũng như vậy, có thể làm trôi bậc Duyên giác. Cho nên Bồ-tát quán phiền não giống như dòng sông chảy xiết, sâu thẳm khó đến được đáy, nên gọi là sông, khó đến được bờ nên gọi là lớn, ở trong dòng sông có nhiều cá dữ. Sông lớn phiền não cũng như vậy, chỉ có Phật và Bồ-tát mới có thể đạt đến chỗ tận cùng nên gọi là rất sâu, chỉ có Phật và Bồ-tát mới qua đến bờ nên gọi là sông lớn. Phiền não thường làm hại chúng sinh si mê nên gọi là dữ. Vì thế Bồ-tát quán phiền não này giống như sông lớn. Như nước sông lớn có thể nuôi lớn cỏ cây, lùm rừng, sông lớn phiền não cũng như vậy, có thể nuôi lớn chúng sinh trong hai mươi lăm cõi. Thế nên, Bồ- tát quán phiền não này như sông lớn. Ví như có người rớt xuống dòng sông lớn mà không hổ thẹn, chúng sinh cũng vậy, rơi vào sông phiền não cũng không biết hổ thẹn. Như người rớt xuống sông chưa đến đáy mà đã chết, chúng sinh bị rơi vào sông phiền não cũng như vậy, chưa đến chỗ tận cùng mà đã bị luân hồi trong hai mươi lăm cõi. Đây nói đáy là dụ cho tướng không, nếu có người không tu tướng không như vậy, thì nên biết người ấy không thể ra khỏi hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sinh vì không khéo tu tướng không, nên thường bị dòng sông phiền não chảy xiết cuốn trôi. Như dòng sông lớn kia chỉ có thể hại đến thân mạng, nhưng không thể nhận chìm tất cả pháp thiện. Sông lớn phiền não thì không như vậy, nó có thể làm tổn hại tất cả pháp thiện của thân tâm. Sông lớn kia chỉ có thể nhận chìm người ở trong cõi Dục, còn sông lớn phiền não thì có thể nhận chìm tất cả hàng trời, người ở trong ba cõi. Người qua sông lớn thế gian, tay ôm phao, chân đạp nước thì đến được bờ bên kia. Sông lớn phiền não chỉ có bậc Bồ-tát nhờ tu sáu Ba-la-mật mới có thể vượt qua được. Sông lớn thì khó vượt qua, sông lớn phiền não cũng như vậy, khó vượt qua được. Thế nào gọi là khó vượt qua, cho đến các bậc Đại Bồ-tát Thập trụ còn chưa thể vượt qua hoàn toàn, chỉ có chư Phật mới vượt qua hoàn toàn, cho nên gọi là khó vượt qua. Ví như có người bị nước sông cuốn trôi thì không thể tu tập một chút pháp thiện, chúng sinh cũng vậy, bị sông phiền não nhận chìm, cũng không thể tu tập pháp thiện. Như có người rơi xuống sông bị nước cuốn trôi, người khác có sức mới có thể cứu vớt được, còn chúng sinh bị rơi vào sông phiền não làm Nhất-xiển-đề thì bậc Thanh văn, Duyên giác cho đến Phật cũng không thể cứu vớt được. Sông lớn thế gian vào lúc kiếp tận, bảy mặt trời cùng chiếu, có thể làm cho khô cạn, sông lớn phiền não thì không như vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác tuy tu tập bảy giác chi vẫn không thể làm khô cạn. Cho nên, Bồ- tát quán các phiền não giống như sông lớn.

Ví như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên-đà-la, kẻ giả làm người thân và sáu tên cướp hung dữ, bỏ ngôi làng trống không thẳng đường mà đi, đến bên sông lớn lấy cỏ làm bè, Bồ-tát cũng vậy, sợ rắn bốn đại, Chiên-đà-la năm ấm, kẻ giả làm người thân ái, ngôi làng trống rỗng sáu nhập, sáu tên cướp sáu trần đến sông phiền não tu tập Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo dùng làm thuyền bè, nương vào chiếc bè này để vượt qua sông phiền não, đạt đến bờ Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn suy nghĩ: “Nếu ta không thể thọ nhận sự khổ về thân và sự khổ về tâm như thế, thì không thể khiến cho tất cả chúng sinh vượt qua được sông phiền não”. Do suy nghĩ như vậy, nên tuy có khổ não của thân tâm như thế, nhưng vẫn im lặng chấp nhận, vì chấp nhận nên không sinh phiền não. Bồ-tát như vậy còn không có phiền não, huống nữa là Phật Như Lai mà có phiền não. Thế nên chư Phật không gọi là hữu lậu. Vì sao Như Lai chẳng phải là vô lậu? Vì Như Lai thường đi trong hữu lậu, hữu lậu tức là hai mươi lăm cõi. Do đó, hàng Thanh văn phàm phu cho rằng Phật còn có phiền não, nhưng chư Phật Như Lai chân thật vô lậu. Này thiện nam! Do nhân duyên này, nên chư Phật Như Lai không có tướng nhất định.

Này thiện nam! Do vậy, người phạm bốn tội nặng, chê bai kinh điển Đại thừa và hạng Nhất-xiển-đề đều không nhất định.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quang minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương nói:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời dạy của bậc Thánh, tất cả

các pháp đều không nhất định, vì không nhất định cho nên, nên biết Như Lai cũng không hoàn toàn nhập Niết-bàn. Như vừa rồi Phật dạy: "Đại Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn nghe trong cái chẳng nghe, có Niết-bàn, Đại Niết-bàn". Thế nào là Niết-bàn? Thế nào là Đại Niết-bàn?

Lúc ấy, Đức Phật khen ngợi Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương.

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát nào được niệm Tổng trì mới có thể thưa hỏi như ông. Này thiện nam! Như người đời cho rằng có biển, có biển lớn, có sông, có sông lớn, có núi, có núi lớn, có đất, có đất lớn, có thành, có thành lớn, có chúng sinh, có chúng sinh lớn, có vua, có vua lớn, có người, có người lớn, có trời, có trời lớn, có đạo, có đạo lớn. Niết-bàn cũng vậy, có Niết-bàn và có Niết-bàn lớn. Thế nào là Niết-bàn? Này thiện nam! Như người đói khát được ít thức ăn gọi là an lạc, an lạc như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người bệnh được lành gọi là an lạc, an lạc như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người sợ hãi được nơi nương tựa, gọi là an lạc, an lạc như vậy cũng là Niết-bàn. Như người nghèo cùng được bảy thứ báu thì được an lạc, an lạc như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người quán bộ xương không khởi tham dục thì được an lạc, an lạc như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Niết-bàn như vậy không được gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì đói khát bệnh tật, vì sợ hãi, vì nghèo cùng, vì sinh tham đắm, nên đó gọi là Niết-bàn, chẳng phải là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Nếu hàng phàm phu và Thanh văn, hoặc nơi thế tục, hoặc nhân nơi Thánh đạo đoạn trừ kiết sử ở cõi Dục thì được an lạc, an lạc như vậy gọi là Niết-bàn, chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Có thể dứt trừ kiết sử ở cõi Sơ thiền cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng thì được an lạc, an lạc như vậy gọi là Niết-bàn, chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì còn sinh tập khí phiền não. Thế nào gọi là tập khí phiền não? Thanh văn, Duyên giác còn có tập khí phiền não, cho rằng: Thân của ta, áo của ta, ta đi, ta đến, ta nói, ta nghe; chư Phật Như Lai nhập Niết-bàn, tánh của Niết-bàn không ngã, không lạc, chỉ có thường và tịnh, đó gọi là tập khí phiền não. Phật, Pháp, Tăng có tướng sai khác, Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn, Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai chứng đắc Niết-bàn bình đẳng không sai khác. Vì nghĩa này cho nên chỗ chứng đắc của Nhị thừa chẳng phải là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì không có thường, lạc, ngã, tịnh; có thường, lạc, ngã, tịnh mới được gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như chỗ có thể dung chứa được các dòng sông mới gọi là biển cả. Chỗ có hàng Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai chứng nhập mới gọi là Đại Niết-bàn. Tứ Thiền, ba Tam-muội, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết xứ nơi có thể gồm thâu vô lượng pháp thiện như vậy gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như có con sông, voi lớn nhất không thể lội đến đáy nên gọi là sông lớn. Hàng Thanh văn, Duyên giác cho đến Bồ-tát Thập trụ chẳng thấy Phật tánh thì gọi là Niết-bàn, chẳng phải là Đại Niết-bàn; nếu có thể thấy rõ Phật tánh thì gọi là Đại Niết-bàn. Sông lớn Đại Niết-bàn chỉ có voi chúa chư Phật mới có thể lội đến đáy. Này thiện nam! Nếu có những đại Lực sĩ như Ma-ha-na-già và Bát-kiền-đà trải qua nhiều thời gian mà không thể leo lên được mới gọi là núi lớn. Cảnh giới mà hàng Thanh văn, Duyên giác, và các bậc Bồ-tát, đại Lực sĩ Ma-ha-na-già không thể thấy được thì mới gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, này thiện nam! Chỗ ở của Tiểu vương gọi là thành nhỏ, chỗ ở của vua Chuyển luân mới gọi là thành lớn, chỗ ở của tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn, một vạn Thanh văn, Duyên giác gọi là Niết-bàn, chỗ ở của Đức Pháp Chủ Thánh Vương vô thượng mới được gọi là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Ví như có người thấy bốn loại binh lính không sinh khiếp sợ, nên biết người này gọi là chúng sinh lớn. Nếu có chúng sinh đối với phiền não, nghiệp ác ở trong ba đường không sinh sợ hãi, mà có thể ở trong đó cứu độ khắp chúng sinh thì nên biết người ấy đã đắc Đại Niết-bàn. Nếu có người hay cúng dường cha mẹ, cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, tu tập pháp thiện, nói lời thành thật không dối trá, có thể nhẫn chịu những ác hại, thường bố thí cho những kẻ bần cùng thì được gọi là bậc đại trượng phu. Bồ-tát cũng như vậy, có lòng từ bi thương yêu tất cả, đối với chúng sinh giống như cha mẹ, có khả năng cứu giúp họ qua khỏi sông sinh tử, chỉ dạy đạo Nhất thừa chân thật cho chúng sinh. Đó gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Gọi là Đại Niết-bàn thì không thể nghĩ bàn, nếu không thể nghĩ bàn thì chúng sinh không thể tin được, đó gọi là Đại Niết-bàn, chỉ có Phật và Bồ-tát mới thấy được nên gọi là Đại Niết-bàn. Do nhân duyên gì mà gọi là Đại? Do vô lượng nhân duyên, sau mới đạt được nên gọi là Đại. Này thiện nam! Như người thế gian, cái mà do nhiều nhân duyên mới được thì gọi là Đại. Niết-bàn cũng như vậy, do nhiều nhân duyên mà được nên gọi là Đại. Thế nào gọi là Đại Niết-bàn? Vì có đại ngã nên gọi là Đại Niết-bàn, còn Niết-bàn là vô ngã. Vì đại tự tại nên gọi là đại ngã. Thế nào gọi là đại tự tại? Có tám tự tại thì gọi là ngã. Những gì là tám? Một là có thể thị hiện một thân thành nhiều thân, vô số thân lớn nhỏ giống như vi trần đầy khắp vô lượng thế giới trong mười phương. Thân của Như Lai thật chẳng phải vi trần, nhờ sức tự tại nên hiện thân như số vi trần, tự tại như vậy nên gọi là đại ngã. Hai là thị hiện một thân vi trần đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, thân Như Lai thật sự không đầy khắp ở nơi tam thiên đại thiên thế giới. Vì sao? Vì vô ngại, chỉ do tự tại nên thân hiện đầy khắp nơi ba ngàn đại thiên thế giới. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Ba là có thể dùng thân biến khắp ba ngàn đại thiên thế giới, bay lên hư không nhẹ nhàng vượt qua hai mươi hằng hà sa thế giới chư Phật mà không chướng ngại. Thật ra thân Như Lai không có nặng nhẹ, do sức tự tại nên có thể làm nặng nhẹ, tự tại như vậy gọi là đại ngã. Bốn là do tự tại nên được tự tại. Thế nào là tự tại? Như Lai nhất tâm an trụ bất động, có thể hóa hiện vô lượng thân hình khiến đều có tâm. Có lúc Như Lai chỉ làm một việc mà khiến cho chúng sinh thảy đều thành tựu, thân của Như Lai thường ở trong một cõi, mà làm cho tất cả chúng sinh ở cõi khác đều thấy, tự tại như vậy gọi là đại ngã. Năm là căn tự tại. Vì sao gọi là căn tự tại? Vì với một căn Như Lai cũng có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm xúc, biết pháp. Sáu căn của Như Lai cũng chẳng thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm xúc, biết pháp. Do sức tự tại khiến căn được tự tại, tự tại như vậy gọi là đại ngã. Sáu là do tự tại nên chứng được tất cả các pháp. Tâm của Như Lai không có tưởng chứng đắc. Vì sao? Vì không có chỗ chứng, nếu là có thì có thể gọi là chứng đắc, nhưng thật không có thì sao gọi là chứng đắc? Giả sử Như Lai có chấp về tưởng chứng đắc thì chư Phật không đắc Niết-bàn, vì không chứng đắc nên gọi là đắc Niết-bàn. Nhờ tự tại nên chứng đắc tất cả các pháp, vì chứng đắc các pháp nên gọi là đại ngã. Bảy là diễn nói tự tại, Như Lai diễn nói nghĩa một bài kệ trải qua vô lượng kiếp, nghĩa ấy cũng không hết, đó là hoặc dạy về trì giới, hoặc thiền định, hoặc bố thí, hoặc trí tuệ, nhưng bấy giờ, Như Lai hoàn toàn không sinh ý nghĩ là Ta nói, người khác nghe, cũng không nghĩ về một bài kệ. Người đời dùng bốn câu để làm kệ. Như Lai thì thuận theo thế tục nên cũng nói kệ. Tất cả các pháp tánh cũng không thuyết giảng, do sức tự tại nên Như Lai diễn nói, vì diễn nói nên gọi là đại ngã. Tám là Như Lai cùng khắp mọi nơi như hư không, tánh của hư không không thể thấy được. Như Lai cũng vậy, thật không thể thấy được, nhưng do tự tại nên làm cho tất cả chúng sinh đều thấy. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Đại ngã như vậy gọi là Đại Niết-bàn, do nghĩa này nên gọi là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Ví như kho báu có nhiều đồ quý khác lạ, đầy đủ cả trăm thứ cho nên gọi là kho lớn. Tạng pháp sâu xa vi diệu của chư Phật Như Lai cũng như vậy, chứa nhiều pháp kỳ lạ, đầy đủ không thiếu, nên gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Vật nhiều vô biên nên gọi là đại. Niết-bàn vô biên nên gọi là đại.

Này thiện nam! Vì có niềm vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn, Niết-bàn thì không vui, do bốn niềm vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Những gì gọi là bốn? Một là dứt các điều vui, không dứt các sự vui thì gọi là khổ. Nếu có khổ thì không gọi là vui lớn. Vì dứt sự vui nên không có khổ, không có khổ, không có vui gọi là vui lớn. Tánh của Niết-bàn không khổ, không vui, nên Niết-bàn gọi là vui lớn. Do nghĩa này nên gọi là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Vui có hai thứ: một là vui của phàm phu, hai là vui của chư Phật. Vui của phàm phu thì vô thường, bại hoại nên thật là không vui. Vui của chư Phật là thường, không có sự biến đổi nên gọi là vui lớn. Này thiện nam! Có ba thứ thọ: một là cảm giác khổ, hai là cảm giác vui, ba là cảm giác không khổ không vui, không khổ không vui cũng là khổ. Niết-bàn chẳng đồng với không khổ không vui mà gọi là vui lớn. Do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Hai là vì vô cùng tịch tĩnh nên gọi là vui lớn, tánh của Niết-bàn là vô cùng tịch tĩnh. Vì sao? Vì xa lìa tất cả sự ồn ào, do vô cùng tịch tĩnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Ba là vì biết tất cả nên gọi là vui lớn, chẳng biết tất cả nên không được gọi là vui, chư Phật Như Lai biết tất cả nên gọi là vui lớn, do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Bốn là vì thân không hoại nên gọi là vui lớn, nếu thân có hoại thì không gọi là vui. Thân Như Lai là thân kim cang bất hoại, chẳng phải là thân phiền não, chẳng phải thân vô thường, cho nên gọi là vui lớn. Do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn

Này thiện nam! Tên của thế gian, hoặc có nhân duyên, hoặc không có nhân duyên. Có nhân duyên thì như Xá-lợi-phất, tên mẹ là Xá-lợi, nhân tên của mẹ mà đặt tên nên gọi là Xá-lợi-phất. Như đạo nhân Ma-du-la sinh ra ở nước Ma-du-la, nhân tên nước mà đặt tên là đạo nhân Ma-du-la. Như Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên là họ, nhân nơi họ mà đặt tên nên gọi là Mục-kiền-liên. Như Ta sinh ra trong dòng họ Cù-đàm, nhân họ mà đặt tên gọi là Cù-đàm. Như đạo nhân Tỳ-xá-khư, Tỳ-xá-khư là tên một ngôi sao, nhân ngôi sao mà đặt tên là Tỳ-xá-khư. Như người có sáu ngón, nhân nơi sáu ngón mà gọi là người sáu ngón. Như Phật nô, Thiên nô, nhân Phật, nhân Thiên nên gọi là Phật nô, Thiên nô. Như sinh ra nơi chỗ ẩm thấp nên gọi là thấp sinh. Như nhân nơi tiếng mà gọi là Ca-ca-la, Cứu-cứu-la, Đát-đát-la. Những tên như vậy là do nhân duyên mà đặt tên. Không do nhân duyên thì như hoa sen, đất, nước, gió, lửa, hư không. Như một tên Mạn-đà-bà chỉ cho hai vật: một là điện đường, hai là uống nước. Nhà không uống nước cũng được gọi là Mạn-đà-bà, như Tát-bà-xa-đa gọi là Xà-cái, nhưng thật chẳng phải Xà-cái. Đó gọi là không có nhân duyên mà gượng đặt tên. Như Để-la-bà-di gọi là dầu ăn, thật ra chẳng phải dầu ăn mà gượng đặt tên là dầu ăn. Đó gọi là không có nhân duyên mà gượng đặt tên. Thiện nam! Đại Niết-bàn cũng giống như vậy, không có nhân duyên mà gượng đặt tên. Thiện nam! Ví như hư không, không nhân nơi tiểu không mà gọi là đại không. Niết-bàn cũng như vậy, không nhân nơi tướng nhỏ mà gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như có pháp không thể tính kể, không thể nghĩ bàn cho nên gọi là đại. Niết-bàn cũng như vậy, không thể tính kể, không thể nghĩ bàn nên gọi là Đại Niết-bàn, vì hoàn toàn thanh tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Thế nào là hoàn toàn thanh tịnh? Tịnh có bốn loại. Những gì là bốn? Một là hai mươi lăm cõi gọi là bất tịnh, có thể đoạn trừ hoàn toàn nên gọi là tịnh. Tịnh tức là Niết-bàn. Niết-bàn như vậy cũng được gọi là có, nhưng thật ra Niết-bàn chẳng phải có. Chư Phật Như Lai vì tùy theo thế tục nên nói có Niết-bàn. Ví như người thế gian chẳng phải cha gọi là cha, chẳng phải mẹ gọi là mẹ, thật chẳng phải là cha mẹ mà nói là cha mẹ. Niết-bàn cũng vậy, tùy theo thế tục nên nói chư Phật có Đại Niết-bàn. Hai là do nghiệp thanh tịnh. Nghiệp của tất cả phàm phu không thanh tịnh nên không có Niết-bàn. Nghiệp của chư Phật Như Lai thanh tịnh nên gọi là đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Ba là do thân thanh tịnh. Nếu thân vô thường thì gọi là bất tịnh. Thân Như Lai là thường nên gọi là đại tịnh, do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Bốn là do tâm thanh tịnh, tâm nếu có lậu hoặc thì gọi là bất tịnh. Tâm của Phật không có lậu hoặc nên gọi là đại tịnh, do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Đó gọi là Thiện nam, thiện nữ nhân tu hành kinh Đại Niết-bàn này thành tựu đầy đủ công đức phần đầu.

◆

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXIV

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 4

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ hai? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thì cái xưa không đạt được nay đạt được, cái xưa không thấy nay thấy, cái xưa không nghe nay nghe, cái xưa không đến nay đến. Thế nào gọi là cái xưa chẳng được mà nay được? Đó là thần thông, xưa không đạt được mà nay đạt được. Thần thông có hai thứ: một là bên trong, hai là bên ngoài. Thần thông bên ngoài là loại giống với ngoại đạo. Thần thông bên trong có hai thứ: một là của Nhị thừa, hai là của Bồ-tát. Thần thông mà Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn chứng được không giống với thần thông của hàng Thanh văn, Phật- bích-chi. Thế nào gọi là không giống Thanh văn và Phật-bích-chi? Hàng Nhị thừa dùng thần thông biến hóa thì một tâm chỉ hiện một chẳng hiện được nhiều. Bồ-tát thì không như vậy, ở trong một tâm có thể hiện đủ thân trong năm đường. Vì sao? Vì được diệu lực của kinh Đại Niết-bàn này. Đó gọi là xưa không được mà nay được. Vì sao xưa không được mà nay được? Đó là thân được tự tại và tâm được tự tại. Vì sao? Vì tất cả phàm phu có thân tâm không được tự tại, hoặc tâm theo thân, hoặc thân theo tâm. Thế nào gọi là tâm theo thân? Ví như người say, rượu ở trong thân, lúc ấy thân động thì tâm cũng động theo, cũng như thân mỏi mệt thì tâm cũng mỏi mệt. Đó là tâm theo thân. Lại như đứa trẻ, thân của nó nhỏ thì tâm cũng nhỏ; người lớn, thân lớn thì tâm cũng lớn. Như có người thân thể thô rít, tâm thường suy nghĩ, muốn thoa dầu mỡ thấm ướt cho được trơn láng. Đó gọi là tâm tùy theo thân.

Thế nào gọi là thân theo tâm? Đó là đi, đến, ngồi, nằm, tu hành, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn. Người sầu não thì thân tiều tụy, người vui vẻ thì thân tươi trẻ, người lo sợ thì thân run rẩy, tâm chuyên nghe pháp thì thân tươi vui, người buồn khóc thì nước mắt, nước mũi trào ra. Đó gọi là thân theo tâm. Bồ-tát thì không như vậy, đối với thân tâm đều được tự tại. Đó là xưa không được mà nay được.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát hiện thân tướng giống như vi trần, dùng thân vi trần này có thể biến khắp đến vô lượng vô biên hằng hà sa thế giới của chư Phật không bị chướng ngại, mà tâm vẫn thường định tĩnh như ban đầu không hề bị lay động. Đó gọi là tâm không theo thân, cũng gọi là xưa không đến mà nay đến. Vì sao gọi là xưa không đến mà nay đến? Vì tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi không thể đến được, mà Bồ-tát có thể đến. Đó gọi là xưa không đến mà nay có thể đến. Tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi tuy dùng thần thông nhưng không thể biến hóa thân nhỏ như vi trần khắp đến vô lượng hằng hà sa thế giới chư Phật. Thanh văn, Duyên giác nếu khi thân động thì tâm cũng động theo. Bồ-tát thì không như vậy, tâm dù chẳng động mà thân đều đến khắp tất cả. Đó gọi là Bồ-tát tâm không theo thân.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát hóa hiện thân tướng lớn bằng ba ngàn đại thiên thế giới, dùng thân lớn này nhập vào thân một vi trần, thì lúc ấy tâm của Bồ-tát cũng không nhỏ theo. Hàng Thanh văn, Duyên giác tuy có thể hiện thân bằng ba ngàn đại thiên thế giới, nhưng không thể dùng thân lớn này nhập vào thân vi trần. Đối với việc này không thể làm được, huống nữa là làm cho tâm không động theo! Đó gọi là Bồ-tát tâm không theo thân.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát dùng một âm thanh có thể khiến cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới đều nghe, nhưng tâm hoàn toàn không nghĩ khiến âm thanh này biến khắp các thế giới, làm cho các chúng sinh xưa không nghe, nay được nghe và Bồ-tát cũng không cho rằng ta khiến cho chúng sinh xưa không nghe, nay được nghe. Bồ-tát nếu cho rằng nhờ ta thuyết pháp, khiến cho các chúng sinh điều không nghe được nghe, thì nên biết, người này không bao giờ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì chúng sinh không nghe điều mình giảng nói cho họ. Tâm như vậy là tâm sinh tử, tâm này tất cả Bồ-tát đã đoạn tận. Do nghĩa ấy nên Đại Bồ-tát có thân và tâm không theo nhau. Này thiện nam! Tất cả phàm phu thân tâm theo nhau, Bồ-tát không như vậy, vì hóa độ chúng sinh nên tuy hiện thân nhỏ, mà tâm không nhỏ. Vì sao? Vì các Bồ-tát thường có tâm tánh rộng lớn, tuy hiện thân lớn mà tâm cũng không lớn. Thế nào là thân lớn? Thân lớn như ba ngàn đại thiên thế giới. Thế nào là tâm nhỏ? Thực hành theo hạnh trẻ con, vì nghĩa đó nên gọi là tâm không theo thân. Đại Bồ-tát đã ở trong vô lượng vô số kiếp xa lìa rượu không uống mà tâm cũng động, tâm không sầu khổ mà mắt rơi lệ, tâm thật không sợ hãi mà thân run rẩy. Do nghĩa này nên biết Bồ-tát thân tâm tự tại không theo nhau. Đại Bồ-tát tuy hiện một thân mà chúng sinh mỗi người đều thấy có sai khác.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn, xưa chẳng nghe mà nay được nghe? Đại Bồ-tát trước chấp thủ các tướng âm thanh, đó là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng ống tiêu, tiếng ca, tiếng cười mà tu tập. Nhờ sự tu tập đó nên có thể nghe được tiếng địa ngục trong vô lượng tam thiên đại thiên thế giới. Lại chuyển sự tu tập nên được nhĩ căn khác lạ, khác với thiên nhĩ của Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì nhĩ thông thanh tịnh của hàng Nhị thừa nếu nương vào bốn đại thanh tịnh của Sơ thiền thì chỉ nghe tiếng ở cõi Sơ thiền, chứ không thể nghe được tiếng ở cõi Nhị thiền, cho đến Tứ thiền cũng như vậy, tuy có thể một lúc nghe được tiếng của tam thiên đại thiên thế giới, mà không thể nghe được tiếng của vô lượng vô biên hằng hà sa thế giới. Do nghĩa này nên sở đắc của Bồ-tát khác với nhĩ căn của Thanh văn, Duyên giác, vì sự khác ấy nên nói xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Bồ-tát tuy nghe tiếng mà tâm không có tướng nghe, chẳng khởi tướng có, tướng thường, tướng lạc, tướng ngã, tướng tịnh, tướng chủ, tướng nương tựa, tướng tạo tác, tướng nhân, tướng định, tướng quả. Do nghĩa này nên các Bồ-tát xưa chẳng nghe mà nay được nghe.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, không khởi tướng định, chẳng khởi tướng quả, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì trước Như Lai đã nói nếu có người nào nghe một chữ, một câu kinh Đại Niết-bàn này thì nhất định được thành đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nay vì sao Như Lai lại nói không có định, không có quả? Nếu được thành tựu đạo của Bồ- đề vô thượng tức là có tướng định, tức là tướng quả, sao lại nói không có định, không có quả? Nếu nghe tiếng ác thì sinh ra tâm ác. Vì sinh tâm ác nên phải đọa vào ba đường, nếu đọa vào ba đường thì đó là định quả. Cớ sao nói không có định, không có quả?

Bấy giờ, Như Lai khen ngợi:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông có thể thưa hỏi việc như vậy. Nếu như chư Phật nói các âm thanh là có tướng định, tướng quả, thì đây chẳng phái tướng của chư Phật Thế Tôn mà là tướng của sinh tử, tướng của Ma vương, tướng của xa lìa Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả điều mà chư Phật nói ra không có tướng định, tướng quả. Này thiện nam! Ví như dùng lưỡi dao soi chiếu mặt người, dựng đứng thì thấy mặt dài, dựng ngang thì thấy mặt rộng, nếu có tướng định thì làm thế nào khi để đứng thì thấy mặt dài, để ngang thấy mặt rộng được! Vì nghĩa này nên chư Phật Thế Tôn thuyết giảng không có tướng định, không có tướng quả. Này thiện nam! Đại Niết-bàn thật chẳng phải quả của tiếng. Giả sử Niết-bàn là quả của tiếng thì nên biết Niết-bàn chẳng phải là pháp thường. Này thiện nam! Ví như các pháp trong thế gian từ nơi nhân sinh, có nhân thì có quả, không nhân thì không quả, nhân vô thường thì quả cũng vô thường. Vì sao? Vì nhân tạo ra quả, quả cũng tạo ra nhân. Do nghĩa này nên tất cả các pháp không có tướng định. Giả sử Niết-bàn từ nhân mà sinh thì nhân vô thường nên quả cũng vô thường. Nhưng Niết-bàn chẳng phải từ nhân mà sinh, thể Niết-bàn chẳng phải từ quả. Thế nên Niết-bàn là thường trụ. Này thiện nam! Do nghĩa này cho nên thể của Niết-bàn không định, không quả. Này thiện nam! Niết-bàn cũng có thể nói là định, cũng có thể nói là quả. Sao gọi là định. Vì tất cả Niết-bàn của chư Phật đều có thường, lạc, ngã, tịnh cho nên gọi là định; vì không có sinh, già, bệnh, chết cho nên gọi là định. Nhất-xiển-đề, phạm bốn tội nặng, hủy báng Đại thừa, tạo năm tội nghịch mà xả bỏ bản tâm, nhất định sẽ chứng đắc Niết-bàn cho nên gọi là định.

Này thiện nam! Như lời ông nói, nếu có người nghe Ta thuyết giảng một câu, một chữ kinh Đại Niết-bàn thì sẽ được đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đối với nghĩa này ông còn chưa hiểu rõ, vậy nên lắng nghe! Ta sẽ vì ông để phân biệt lại nghĩa này. Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe được một câu, một chữ của kinh Đại Niết-bàn mà không khởi tướng chữ, không khởi tướng câu, không khởi tướng nghe, không khởi tướng Phật, không khởi tướng thuyết, thì nghĩa như vậy gọi là tướng vô tướng. Vì tướng vô tướng nên chứng được đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Này thiện nam! Như lời ông nói, vì nghe tiếng ác nên đọa vào ba đường, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì chẳng do âm thanh ác mà đọa vào ba đường, phải biết quả này là do tâm ác. Vì sao? Có thiện nam, thiện nữ dù nghe tiếng ác mà tâm không sinh ác. Vì vậy nên biết, chẳng phải do nhân tiếng ác mà đọa trong ba đường. Các chúng sinh do nơi kiết sử phiền não nuôi lớn tâm ác nên sinh vào ba đường ác, chẳng phải do tiếng ác. Nếu tiếng có tướng nhất định thì những người nghe tiếng ác đáng lẽ đều sinh tâm ác, nhưng có người sinh tâm ác, có người chẳng sinh tâm ác. Thế nên phải biết tiếng không có tướng nhất định, vì không nhất định cho nên dù nghe tiếng ác mà không sinh tâm ác.

–Bạch Thế Tôn! Nếu tiếng không nhất định, thì vì sao Bồ-tát xưa không nghe mà nay được nghe?

–Này thiện nam! Vì tiếng không có tướng nhất định nên các Bồ- tát xưa không nghe mà nay được nghe. Do nghĩa này nên Ta nói, xưa không nghe mà nay được nghe. Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, trước nắm lấy tướng sáng, đó là ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lửa nhà, đèn đuốc, hỏa châu và ánh sáng của cỏ thuốc. Nhờ tu tập ánh sáng ấy nên được nhãn căn khác lạ, khác với nhãn căn của hàng Thanh văn, Duyên giác. Vì sao khác lạ? Vì Thiên nhãn thanh tinh của Nhị thừa chứng đắc, nếu nương vào nhãn căn bốn đại ở cõi Dục thì không thấy được Sơ thiền, nếu nương vào Sơ thiền thì chẳng thấy các cõi trên, thậm chí nhãn căn của mình còn không thấy. Nếu muốn thấy nhiều đến chỗ cùng tận của ba ngàn đại thiên thế giới thì Đại Bồ-tát không tu Thiên nhãn mà quán thân đẹp đẽ đều là tướng xương. Tuy thấy sắc tướng trong hằng hà sa thế giới phương khác nhưng tâm chẳng khởi tướng sắc, chẳng khởi tướng thường, tướng có, tướng vật, tướng danh tự, chẳng khởi tướng nhân duyên, chẳng khởi tướng thấy, chẳng nói nhãn căn này có tướng thanh tịnh vi diệu, mà chỉ thấy tướng nhân duyên và chẳng phải tướng nhân duyên. Thế nào là nhân duyên? Sắc là duyên của nhãn căn. Giả sử sắc chẳng phải là nhân duyên thì tất cả phàm phu lẽ ra không sinh tướng thấy sắc. Do nghĩa này sắc gọi là nhân duyên. Chẳng phải nhân duyên là, Đại Bồ-tát tuy thấy sắc mà không sinh tướng sắc. Thế nên chẳng phải duyên. Do nghĩa này, nên Bồ-tát được Thiên nhãn thanh tịnh khác hơn sở đắc của Thanh văn, Duyên giác. Do nghĩa này nên trong một lúc Bồ-tát thấy được chư Phật hiện tại trong thế giới khắp mười phương. Đó gọi là Bồ-tát xưa chẳng thấy mà nay được thấy. Vì nghĩa này nên

Bồ-tát có thể thấy vi trần, Thanh văn, Duyên giác không thể thấy, do đó gọi là khác. Bồ-tát tuy thấy nhãn căn của mình mà không có tướng thấy, thấy tướng vô thường, thấy thân của phàm phu đầy đủ ba mươi sáu thứ bất tịnh như xem trái A-ma-lạc trong lòng bàn tay. Do nghĩa này nên xưa không thấy mà nay thấy. Nếu thấy sắc tướng của chúng sinh thì biết người ấy là căn tánh Đại thừa hay Tiểu thừa, chạm đến y phục của họ, Bồ-tát cũng biết tướng sai biệt về các căn thiện hay ác của người ấy. Do nghĩa này, nên xưa không biết mà nay biết. Vì chỉ thấy một nên xưa không biết mà nay biết. Do đó nên biết xưa không thấy mà nay thấy. Thiện nam! Thế nào là Bồ-tát xưa không biết mà nay biết? Đại Bồ-tát tuy biết tâm tham, sân, si của phàm phu, ban đầu không khởi tướng tâm và tâm sở, không khởi tướng chúng sinh và tướng của vật. Bồ-tát tu tập tướng đệ nhất rốt ráo không. Vì sao? Vì các Bồ-tát khéo tu tập tướng, tánh không, do tu tập tánh không nên xưa chẳng biết mà nay biết. Sao gọi là biết? Biết không có ngã, không có ngã sở, biết các chúng sinh đều có Phật tánh, nhờ có Phật tánh nên hạng Nhất-xiển-đề xả bỏ bổn tâm, được thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Điều đó hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được mà Bồ-tát có thể biết. Do nghĩa này nên nói xưa không biết mà nay biết.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là xưa không biết mà nay biết? Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn nhớ đời quá khứ của tất cả chúng sinh về chỗ sinh ra, dòng họ, cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè, kẻ oán. Ở trong một niệm, Bồ-tát được trí khác lạ, khác với trí tuệ của Thanh văn, Duyên giác. Vì sao khác? Trí tuệ của Thanh văn, Duyên giác nhớ về đời quá khứ của chúng sinh, về dòng họ, cha mẹ cho đến kẻ oán ghét còn khởi tướng về dòng họ cho đến tướng của kẻ oán ghét. Bồ-tát không như vậy, dù nhớ về dòng họ, cha mẹ cho đến kẻ oán ghét của chúng sinh trong đời quá khứ nhưng hoàn toàn không sinh khởi tưởng dòng họ, cha mẹ, kẻ oán ghét v.v… mà thường khởi tướng pháp, tướng không tịch. Đó gọi là Bồ-tát xưa không biết mà nay biết. Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là xưa không biết mà nay biết? Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn được tha tâm trí, khác với trí đạt được của Thanh văn, Duyên giác. Thế nào gọi là khác? Khi Thanh văn, Duyên giác dùng trí nhất niệm biết được tâm của người thì không thể biết được tâm của chư Thiên, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Bồ-tát không như vậy, trong một niệm biết được tâm của chúng sinh khắp trong sáu đường. Đó gọi là Bồ-tát xưa không biết mà nay biết.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát có sự biết khác, ở trong một tâm mà biết từ tâm ban đầu cho đến tâm thứ mười sáu của Tu-đà-hoàn. Do nghĩa này nên xưa không biết mà nay biết. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ hai.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn xả bỏ tâm từ được tâm từ, khi được tâm từ chẳng do nơi nhân duyên. Sao gọi là xả bỏ tâm từ được tâm từ? Này thiện nam! Tâm từ đó là thế đế, Đại Bồ-tát xả bỏ tâm từ thế đế được tâm từ đệ nhất nghĩa; tâm từ đệ nhất nghĩa không do nhân duyên mà được. Lại nữa, thế nào là xả bỏ tâm từ được tâm từ? Tâm từ có thể xả bỏ gọi là tâm từ phàm phu. Tâm từ có thể được là tâm từ không do nhân duyên của Bồ-tát. Xả bỏ tâm từ của Nhất-xiển-đề, tâm từ phạm bốn tội nặng, tâm từ hủy báng Đại thừa, tâm từ tạo năm tội nghịch, được tâm từ thương xót, tâm từ của Như Lai, tâm từ của Thế Tôn, tâm từ không do nơi nhân duyên. Thế nào lại gọi xả bỏ tâm từ được tâm từ? Xả bỏ tâm từ của hoàng môn, tâm từ vô căn, tâm từ không căn, hai căn, người nữ, tâm từ của đồ tể, thợ săn, tâm từ của những người nuôi gà, chó v.v… cùng xả bỏ tâm từ của Thanh văn, Duyên giác, được tâm từ không do nhân duyên của các Bồ-tát, không thấy tâm từ của mình, không thấy tâm từ của người khác, không thấy trì giới không thấy phá giới, không thấy tâm bi của mình, chẳng thấy chúng sinh, tuy có chịu khổ nhưng không thấy người chịu khổ. Vì sao? Vì tu tập đệ nhất chân thật nghĩa. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu công đức thứ tư có mười việc. Những gì là mười? Một là căn thâm sâu khó lay động, hai là tự thân sinh tưởng quyết định, ba là không quán ruộng phước và chẳng phải ruộng phước, bốn là tu làm thanh tịnh cõi Phật, năm là diệt trừ các thứ nghiệp còn lại, sáu là đoạn trừ các nghiệp duyên, bảy là tu tập thân thanh tịnh, tám là biết rõ các duyên, chín là lìa các oán địch, mười là đoạn trừ nhị biên. Thế nào là căn thâm sâu khó lay động? Cái gọi là căn, đó là không buông lung. Không buông lung là căn gì? Đó là căn của quả Bồ-đề vô thượng. Này thiện nam! Cội gốc của tất cả pháp thiện của chư Phật đều do không buông lung, vì không buông lung nên các căn lành khác dần dần tăng trưởng, do nó có thể làm tăng trưởng các căn lành nên ở trong các pháp thiện không buông lung là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các dấu chân, dấu chân voi là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các ánh sáng, ánh sáng mặt trời là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này Thiện nam tử, như trong các vua, Chuyển luân Thánh vương là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các dòng sông, bốn sông là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các núi, núi Tu-di là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các loài hoa sinh trong nước, hoa sen xanh là hơn hết, pháp không buông cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong loài hoa mọc trên đất, hoa bà-lợi-sư là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các loài thú, sư tử là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các loài chim, kim sí điểu là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các thân to lớn, vua La-hầu A-tu-la là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong tất cả chúng sinh, hoặc hai chân, bốn chân, nhiều chân, không có chân, Như Lai là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các chúng sinh, Phật, Tăng là trên hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các pháp của Phật, pháp Đại Niết-bàn là hơn hết, pháp không buông lung cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Do nghĩa này nên căn không buông lung thâm sâu khó lay nhổ. Pháp gì do không buông lung nên được tăng trưởng? Đó là tín căn, giới căn, thí căn, tuệ căn, nhẫn căn, văn căn, tấn căn, niệm căn, định căn, thiện tri thức căn. Các căn như vậy vì không buông lung nên được tăng trưởng, vì được tăng trưởng nên sâu chắc khó lay nhổ. Do nghĩa này nên gọi là Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn được căn thâm sâu khó lay nhổ.

Thế nào là đối với thân sinh tưởng quyết định? Đối với tự thân sinh tâm quyết định? Đối với tự thân sinh tâm quyết định: “Nay thân này của ta ở trong đời vị lai quyết định sẽ làm pháp khí của Bồ-đề vô thượng, tâm cũng như vậy, không hẹp hòi, không biến đổi, chẳng khởi tâm Thanh văn, Phật-bích-chi, không khởi tâm ma và chẳng khởi tâm tự vui, tâm vui nơi sinh tử, mà thường vì chúng sinh cầu tâm từ bi”. Đó gọi là

Bồ-tát đối với tự thân sinh tâm quyết định. Lại nữa, nghĩ: "Ta ở trong đời vị lai sẽ làm pháp khí của đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do nghĩa này, nên Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn đối với thân mình sinh tâm quyết định. Thế nào là Bồ-tát không quán ruộng phước và chẳng phải ruộng phước? Sao gọi là ruộng phước? Ngoại đạo trì giới cho đến chư Phật đều gọi là ruộng phước. Nếu có người nghĩ rằng những người đó là ruộng phước chân thật thì nên biết tâm ấy là hẹp hòi. Đại Bồ-tát quán sát tất cả chúng sinh không ai chẳng phải là ruộng phước. Vì sao? Vì Bồ-tát khéo tu tập các niệm xứ khác lạ, nên có các niệm xứ khác lạ. Khéo tu tập là, quán sát các chúng sinh không có trì giới và phá giới, thường quán sát lời dạy của chư Phật Thế Tôn là bố thí nói ra tuy có bốn thứ nhưng đều được quả báo thanh tịnh. Những gì là bốn? Một là thí chủ thanh tịnh, người thọ nhận không thanh tịnh. Hai là thí chủ không thanh tịnh, người thọ nhận thanh tịnh. Ba là thí chủ và người thọ nhận đều thanh tịnh. Bốn là thí chủ và người thọ nhận đều không thanh tịnh. Thế nào là thí chủ thanh tịnh, người thọ nhận không thanh tịnh? Thí chủ có đầy đủ giới, đa văn, trí tuệ, biết rõ bố thí và quả bố thí, còn người thọ nhận là người phá giới, chấp trước các tà kiến, không thấy nhân bố thí và quả bố thí. Đó gọi là thí chủ thanh tịnh, người thọ nhận không thanh tịnh.

Thế nào là thí chủ không thanh tịnh, người thọ nhận thanh tịnh? Thí chủ là người phá giới, thường chấp trước tà kiến, cho rằng không có bố thí và quả bố thí, còn người thọ nhận chuyên trì giới, đa văn, trí tuệ, biết có bố thí và quả bố thí. Đó gọi là thí chủ không thanh tịnh, người thọ nhận thanh tịnh.

Thế nào gọi là thí chủ và người thọ nhận đều thanh tịnh? Thí chủ và người thọ nhận đều có trì giới, đa văn, trí tuệ, biết có bố thí và quả bố thí. Đó gọi là thí chủ và người thọ nhận đều thanh tịnh.

Thế nào gọi thí chủ và người thọ nhận đều không thanh tịnh? Thí chủ và người thọ nhận đều phá giới, chấp trước tà kiến, cho rằng không có bố thí và quả bố thí. Nếu như vậy thì sao lại nói là được quả báo thanh tịnh? Vì không có bố thí và quả bố thí nên gọi là thanh tịnh. Này thiện nam! Nếu có người không thấy bố thí và quả bố thí thì nên biết người đó chẳng phải phá giới, chấp trước, tà kiến. Nếu nương Thanh văn mà nói chẳng thấy bố thí và quả bố thí thì đó gọi là người phá giới, tà kiến. Nếu nương vào kinh Đại Niết-bàn này mà không thấy bố thí và quả bố thí thì đó gọi là trì giới, chánh kiến. Đại Bồ-tát có niệm xứ khác để tu tập, nên không thấy chúng sinh trì giới, phá giới, thí chủ, người thọ nhận và quả bố thí.

Thế nên gọi là người trì giới, chánh kiến. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát không quán ruộng phước và chẳng phải ruộng phước.

Sao gọi là làm thanh tịnh nước Phật? Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn vì quả Bồ-đề vô thượng và vì cứu độ chúng sinh, nên lìa bỏ tâm giết hại, rồi đem căn lành này nguyện ban cho tất cả chúng sinh; cầu nguyện cho các chúng sinh được mạng sống lâu dài, có thế lực lớn, đạt thần thông lớn. Do sức thệ nguyện này, nên ở đời vị lai khi thành Phật có cõi nước mà tất cả chúng sinh được mạng sống lâu dài, có thế lực lớn, đạt thần thông lớn.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn vì quả Bồ-đề vô thượng, vì cứu độ chúng sinh, nên lìa tâm trộm cướp, rồi đem căn lành này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cõi nước của chư Phật có toàn bảy thứ báu, chúng sinh giàu có đầy đủ, điều mong ước được như ý. Nhờ sức nhân duyên thệ nguyện này, nên ở đời vị lai lúc thành Phật được cõi nước hoàn toàn là bảy thứ báu, chúng sinh giàu có đầy đủ, điều mong ước được như ý.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn vì quả Bồ-đề vô thượng, vì cứu độ chúng sinh nên xa lìa tâm dâm dục, rồi đem căn lành này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, cầu nguyện các chúng sinh trong cõi nước của chư Phật không có tâm tham dục, sân giận, ngu si, cũng không có người đói khát, khổ não. Do sức thệ nguyện này nên ở đời vị lai, lúc thành Phật, chúng sinh trong cõi nước đó xa lìa tâm tham dục, sân giận, ngu si, tất cả chúng sinh không có đói khát, khổ não.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn vì thành tựu quả Bồ-đề vô thượng, vì cứu độ chúng sinh nên xa lìa tâm nói dối, rồi đem căn lành này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, cầu nguyện cho cõi nước của chư Phật thường có cây hoa, cây quả, cây hương, có các chúng sinh được tiếng nói hay. Do sức thệ nguyện này, lúc thành Phật, ở cõi nước thường có cây hoa, cây quả, cây hương, chúng sinh trong đó đều được tiếng nói hay, thanh tịnh.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn vì quả Bồ-đề vô thượng, vì cứu độ chúng sinh nên xa lìa lời nói hai chiều, rồi đem căn lành này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, cầu nguyện chúng sinh trong các cõi nước của chư Phật thường cùng nhau hòa hợp thuyết giảng chánh pháp. Do sức thệ nguyện này, nên lúc thành Phật, tất cả chúng sinh trong cõi nước cùng nhau hòa hợp luận giảng giáo pháp chánh yếu.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn vì quả Bồ-đề vô thượng, vì cứu độ chúng sinh nên xa lìa lời nói hung ác, rồi đem căn lành này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, cầu nguyện cho cõi nước của chư Phật, mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay, không có sạn sỏi, ngói đá, gai góc, có chúng sinh với tâm bình đẳng. Do sức thệ nguyện này, nên ở đời vị lai, lúc thành Phật, có cõi nước mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay, không có sỏi đá, gai góc, có chúng sinh với tâm bình đẳng.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn vì quả Bồ-đề vô thượng, vì cứu độ chúng sinh nên xa lìa tâm tham lam, ganh ghét, rồi đem căn lành này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, cầu nguyện cho tất cả chúng sinh trong cõi nước của chư Phật không có tâm tham lam, ganh ghét, não hại, tà kiến. Do sức thệ nguyện này, nên ở đời vị lai, lúc thành Phật, tất cả chúng sinh trong cõi nước của chư Phật đều không có tâm tham lam, ganh ghét, não hại, tà kiến.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn vì quả Bồ-đề vô thượng, vì cứu độ chúng sinh nên xa lìa tâm não hại, rồi đem căn lành này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, cầu nguyện cho các chúng sinh trong cõi nước của chư Phật đều cùng nhau tu tập đại từ, đại bi, được địa Nhất tử. Do sức thệ nguyện này nên ở đời vị lai, lúc thành Phật, có tất cả chúng sinh trong cõi nước của chư Phật đều cùng nhau tu tập tâm đại từ, đại bi, được địa Nhất tử.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn vì quả Bồ-đề vô thượng, vì cứu độ chúng sinh nên xa lìa tà kiến, rồi đem căn lành này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, cầu nguyện các chúng sinh trong cõi nước của chư Phật đều được trí tuệ lớn Ba-la-mật. Do sức thệ nguyện này, nên ở đời vị lai, lúc thành Phật, chúng sinh ở trong cõi nước của chư Phật đều được thọ Đại Bát nhã Ba-la-mật. Đó gọi là Bồ- tát tu tập làm thanh tịnh cõi Phật.

Thế nào là Đại Bồ-tát diệt trừ hữu dư? Hữu dư có ba thứ: một là dư báo phiền não, hai là dư nghiệp, ba là dư hữu. Này thiện nam! Thế nào gọi là dư báo phiền não? Nếu có chúng sinh nào quen gần gũi với tham dục, thì khi quả báo này thành thục, sẽ đọa vào địa ngục, ra khỏi địa ngục phải chịu làm thân súc sinh, đó là chim bồ câu, se sẻ, uyên ương, anh vũ, kỳ-bà-kỳ-bà, xá-lợi-già, thanh tước, cá, rùa, khỉ, hươu, nai. Nếu được làm thân người thì phải chịu thân hoàng môn, người nữ, hai căn, không có căn, dâm nữ. Nếu được làm người xuất gia thì phạm giới trọng đầu tiên. Đó gọi là dư báo.

Này thiện nam! Nếu có chúng sinh nào đem tâm sâu nặng gần gũi sân giận, thì khi quả báo thành thục phải đọa vào địa ngục, ra khỏi địa ngục chịu thân súc sinh, đó là rắn độc đủ bốn thứ độc: thấy độc, chạm độc, cắn độc, hơi độc, hoặc sư tử, hổ lang, gấu, mèo, beo, chồn, ó, diều. Nếu được thân người thì có đủ mười sáu thứ ác luật nghi. Nếu được xuất gia thì phạm tội nặng thứ hai. Đó gọi là dư báo.

Này thiện nam! Nếu có người tu tập ngu si, thì khi quả báo thành thục sẽ đọa vào địa ngục, ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sinh, đó là voi, heo, bò, dê, trâu, rệp, rận, muỗi, ruồi, mối, kiến v.v… Nếu được làm thân người thì bị mù, điếc, câm, ngọng, lưng gù, tàn tật, các căn không đầy đủ, không thể thọ nhận các pháp. Nếu được xuất gia thì các căn mờ ám, thích phạm giới nặng, cho đến năm tiền. Đó gọi là dư báo.

Này thiện nam! Nếu có người tu tập kiêu mạn thì khi quả báo thành thục sẽ đọa vào địa ngục, ra khỏi địa ngục phải chịu làm thân súc sinh, đó là trùng, lạc đà, lừa, chó, ngựa. Nếu sinh trong loài người phải chịu làm thân tôi tớ, nghèo cùng ăn xin, hoặc được xuất gia thường bị chúng sinh khinh thường, phạm giới nặng thứ tư. Đó gọi là dư báo. Những dự báo như vậy gọi là phiền não dư báo. Các dư báo đó, Đại Bồ-tát do có thể tu tập kinh Đại Niết-bàn nên diệt trừ hết.

Thế nào là dư nghiệp? Đó là tất cả nghiệp của phàm phu, tất cả nghiệp của Thanh văn, nghiệp bảy lần thọ thân của Tu-đà-hoàn, nghiệp hai lần thọ thân của Tư-đà-hàm, nghiệp thọ thân cõi Sắc của A- na-hàm. Đó gọi là dư nghiệp. Những dư nghiệp này, Đại Bồ-tát do tu tập kinh Đại Niết-bàn nên đều đoạn trừ hết.

Thế nào là dư hữu? A-la-hán đắc quả A-la-hán, Phật-bích-chi đắc quả Phật-bích-chi, không có nghiệp, không có kiết mà chuyển thành hai quả. Đó gọi là hữu dư. Ba pháp hữu dư như vậy, do Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn Đại thừa nên được diệt trừ. Đó gọi là Đại Bồ-tát diệt trừ hữu dư.

Thế nào là Bồ-tát tu tập thân thanh tịnh? Đại Bồ-tát tu giới không sát sinh, có năm loại tâm, đó là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng, cho đến chánh kiến cũng như vậy. Năm mươi tâm này gọi là mới phát tâm. Quyết định thành tựu đầy đủ năm mươi tâm gọi là viên mãn, một trăm tâm như vậy gọi là một trăm phước đức. Đầy đủ trăm phước mới thành một tướng. Lần lượt như vậy thành tựu đầy đủ ba mươi hai tướng tốt gọi là thân thanh tịnh. Lại tu tập tám mươi vẻ đẹp. Ở đời có chúng sinh phụng thờ tám mươi vị thần. Những gì là tám mươi? Đó là mười hai vị thần mặt trời, mười hai vị trời lớn, năm ngôi sao lớn: Bắc đẩu, Mã thiên, Hành đạo thiên, Bà-la-đọa-bạc-xà thiên, Công đức thiên. Hai mươi tám ngôi sao: Địa thiên, Phong thiên, Thủy thiên, Hỏa thiên, Phạm thiên, Lâu-đà thiên, Nhân-đề thiên, Câu-ma-la thiên, Bát-tý thiên, Ma-hê-thủ-la thiên, Bán-xà-la thiên, Quỷ-tử-mẫu thiên, Tứ thiên vương thiên, Tạo-thơ thiên, Bà-tẩu thiên. Đó gọi là tám mươi. Bồ-tát vì chúng sinh này tu tập tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm. Đó gọi là thân thanh tịnh của Bồ-tát. Vì sao? Vì tám mươi vị trời này được chúng sinh kính phục. Cho nên Bồ-tát tu tám mươi vẻ đẹp, thân thể không lay động, khiến cho chúng sinh ấy tùy theo lòng tin của mình mà đều thấy được. Thấy rồi sinh lòng tôn kính mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu thân thanh tịnh. Này thiện nam! Ví như có người thỉnh vua phải nên sửa sang nhà cửa sạch sẽ, sắm đủ hằng trăm thứ phẩm vật thơm ngon. Sau đó mới rước vua đến nhà. Đại Bồ-tát cũng như vậy, muốn thỉnh Đấng Pháp Luân Vương Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trước phải tu thân khiến cho thật thanh tịnh, rồi sau Đấng Pháp Vương vô thượng mới đến. Do nghĩa này, Đại Bồ-tát cần phải tu thân thanh tịnh. Này thiện nam! Ví như có người muốn uống chất cam lồ, trước nên giữ thân thanh tịnh. Đại Bồ-tát cũng như thế, muốn uống pháp vị cam lồ vô thượng Bát nhã Ba-la-mật, trước cần phải dùng tám mươi vẻ đẹp để làm thanh tịnh thân mình. Thiện nam! Ví như đem bát bằng vàng bạc đẹp đẽ đựng đầy nước sạch thì cả trong lẫn ngoài đều sạch. Đại Bồ-tát với thân thanh tịnh cũng như vậy, chứa đầy nước Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong ngoài đều thanh tịnh. Thiện nam! Ví như y trắng Ba-la-nại dễ nhuộm màu sắc. Vì sao? Vì tánh trắng sạch. Đại Bồ-tát cũng như vậy, do thân thanh tịnh nên mau đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu thân thanh tịnh.

Thế nào là Đại Bồ-tát khéo biết các duyên? Đại Bồ-tát không thấy tướng của sắc, không thấy duyên của sắc, không thấy thể của sắc, không thấy sắc sinh, không thấy sắc diệt, không thấy tướng một, không thấy tướng khác, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy người thọ. Vì sao? Vì đã rõ nhân duyên, như đối với sắc, tất cả các pháp cũng như vậy. Đó gọi là Bồ-tát biết rõ các duyên.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa các oán địch? Tất cả phiền não là oán địch của Bồ-tát, Đại Bồ-tát thường xa lìa chúng. Đó gọi là Bồ-tát hoại diệt các oán địch.

Bồ-tát trụ địa thứ năm xem các phiền não không phải là oán địch. Vì sao? Do có phiền não nên Bồ-tát mới sinh, do có sinh nên có thể lần lượt giáo hóa chúng sinh. Vì nghĩa này nên không gọi phiền não là oán địch. Những ai là oán địch? Đó là người hủy báng kinh điển Đại thừa, Bồ-tát thọ sinh không sợ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chỉ sợ người hủy báng kinh điển Đại thừa. Tất cả Bồ-tát có tám thứ ma gọi là oan gia, xa lìa tám ma đó gọi là xa lìa oan gia. Đó gọi là Bồ-tát lìa các oan gia.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa nhị biên? Nói nhị biên là hai mươi lăm cõi và phiền não ái. Bồ-tát thường xa lìa hai mươi lăm cõi và các phiền não ái. Đó gọi là Đại Bồ-tát xa lìa nhị biên. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ tư

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương thưa:

–Như lời Phật dạy, nếu có Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thì đều thành tựu mười điều công đức như vậy, cớ sao Như Lai chỉ tu tập chín điều công đức, mà không tu cõi nước thanh tịnh?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta từ xưa cũng thường tu tập đầy đủ mười điều như vậy. Tất cả Bồ-tát và chư Như Lai không ai mà chẳng tu mười điều ấy, giả sử thế giới đầy dẫy ô uế mà chư Phật Thế Tôn xuất hiện ở trong thế giới ấy, thì đó là điều không thể xảy ra. Này thiện nam! Nay ông chớ cho rằng chư Phật xuất hiện ở trong thế giới ô uế, nên biết tâm ấy thấp kém chẳng phải tốt. Ông nên biết, Ta thật sự không xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề. Ví như có người nói ở thế giới này chỉ có mặt trời, mặt trăng, còn ở thế giới khác không có, thì lời nói này không có nghĩa lý. Nếu có Bồ-tát nói như vầy: Thế giới của Phật này ô uế không sạch, cõi nước của Phật ở phương khác thanh tịnh trang nghiêm thì lời nói này cũng như vậy. Này thiện nam! Về phương Tây, cách thế giới Ta- bà này ba mươi hai hằng hà sa cõi nước của chư Phật, có thế giới gọi là Vô Thắng. Sao gọi cõi đó là Vô Thắng? Vì cõi đó có những điều trang nghiêm bình đẳng, không có sai biệt, giống như thế giới An Lạc ở phương Tây, cũng như thế giới Mãn Nguyệt ở phương Đông. Ta ở trong cõi đó, xuất hiện ở đời vì hóa độ chúng sinh, nên Ta thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề này để chuyển pháp luân. Nhưng chẳng phải riêng gì thân Ta chuyển pháp luân trong cõi này mà tất cả chư Phật cũng chuyển pháp luân trong cõi này. Do nghĩa này nên chư Phật Thế Tôn chẳng phải không tu đủ mười điều như vậy. Này thiện nam! Bồ-tát Từ Thị do thệ nguyện, nên đời vị lai khiến cho thế giới này trở nên trang nghiêm thanh tịnh. Do nghĩa này nên tất cả thế giới của chư Phật đều trang nghiêm thanh tịnh.

Này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ năm? Này thiện nam! Đại Bồ- tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ năm có năm điều. Những gì là năm? Một là các căn trọn vẹn. Hai là không sinh nơi biên địa. Ba là được chư Thiên mến tưởng. Bốn là thường được Thiên ma, Sa-môn, Sát-lợi, Bà-la-môn cung kính. Năm là được túc mạng trí. Bồ-tát do oai lực của kinh Đại Niết-bàn, nên được đầy đủ năm công đức như vậy.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương thưa:

–Như lời Phật nói, nếu có thiện nam, thiện nữ nào tu hạnh bố thí thì được thành tựu đầy đủ năm điều công đức, nay cớ sao lại nói do tu tập kinh Đại Niết-bàn được năm điều công đức?

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Việc như vậy, ý nghĩa mỗi thứ khác nhau. Nay Ta sẽ vì ông mà giảng nói rõ ràng. Năm điều công đức do bố thí mà được là chẳng định, chẳng thường, chẳng tịnh, chẳng thắng, chẳng khác, chẳng phải vô lậu, chẳng thể làm lợi ích, an lạc, thương xót tất cả chúng sinh. Nếu dựa vào kinh Đại Niết-bàn tu tập mà được năm điều công đức thì đó là định, là thường, là tịnh, là thắng, là khác, là vô lậu, có thể làm lợi ích, an lạc, thương xót tất cả chúng sinh. Này thiện nam! Người bố thí thì xa lìa đói khát, còn kinh Đại Niết-bàn có thể khiến cho chúng sinh đều được xa lìa bệnh khát ái trong hai mươi lăm cõi. Do nơi bố thí khiến cho sinh tử tiếp nối. Kinh Đại Bát Niết Bàn có thể khiến cho sinh tử đoạn đứt, không còn tiếp nối. Nhân nơi bố thí nên thọ nhận pháp phàm phu, nhân nơi kinh Đại

Niết-bàn được làm Bồ-tát. Do bố thí có thể đoạn trừ tất cả nghèo cùng khổ não. Kinh Đại Niết-bàn có thể đoạn trừ tất cả sự nghèo thiếu về pháp thiện. Do bố thí có phần có quả, do tu tập kinh Đại Niết-bàn đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không phần, không quả. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ năm.

Này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu? Đại Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn được Tam-muội Kim cang, an trụ ở trong đó có thể phá tan tất cả các pháp, thấy tất cả các pháp đều là vô thường, đều là tướng lay động, là nhân duyên của sự lo sợ, bệnh khổ, cướp trộm; niệm niệm hoại diệt, chẳng phải chân thật, tất cả đều là cảnh giới của ma, không có tướng có thể thấy. Đại Bồ-tát an trụ nơi Tam-muội này, tuy bố thí cho chúng sinh mà chẳng thấy một chúng sinh nào, thật vì chúng sinh nên Bồ-tát tinh tấn tu tập Giới Ba-la-mật cho đến tu tập Trí tuệ Ba-la- mật cũng như vậy. Nếu Bồ-tát thấy có một chúng sinh thì không thể thành tựu đầy đủ rốt ráo Giới Ba-la-mật cho đến đầy đủ Trí tuệ Ba-la- mật. Này thiện nam! Ví như vật gì bị chất kim cang đánh vào đều bị vỡ tan mà chất kim cang này chẳng bị trầy xước. Tam-muội Kim cang cũng như vậy, pháp nào bị Tam-muội Kim cang đánh vào thì đều bị phá hoại, mà Tam-muội Kim cang thì không tổn hại. Này thiện nam! Như trong các vật báu, kim cang là hơn hết. Tam-muội Kim cang mà Bồ-tát chứng đắc cũng như vậy, đối với các Tam-muội là bậc nhất. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tu Tam-muội này thì tất cả Tam-muội đều đến quy phục, như các vua nhỏ đều đến quy phục vua Chuyển luân. Tất cả Tam-muội cũng như vậy, đều đến quy phục Tam-muội Kim cang. Này thiện nam! Ví như có người là kẻ thù của quốc gia, mọi người đều oán ghét, ai giết được kẻ ấy thì được mọi người khen ngợi công đức của người này. Cũng vậy, Bồ-tát tu tập đạt được Tam-muội Kim cang có thể hoại diệt kẻ oán của tất cả chúng sinh. Thế nên thường được tất cả Tam-muội tôn kính. Này thiện nam! Ví như có người sức lực mạnh mẽ không ai chống cự lại, nếu có người dùng sức mạnh của mình có thể thắng được người đó thì nên biết người này được mọi người khen ngợi. Tam-muội Kim cang cũng như vậy, có năng lực hàng phục được những pháp khó hàng phục. Do nghĩa này nên tất cả Tam-muội đều đến quy phục. Này thiện nam! Ví như có người tắm trong biển lớn, thì nên biết người này đã tắm nước ao, sông suối. Cũng như vậy, Đại Bồ-tát tu tập được Tam-muội Kim cang như vậy thì nên biết đã tu tập các Tam-muội khác. Này thiện nam! Như trong núi Hương có một suối nước tên A-na- bà-đạp-đa, nước suối đó có đủ tám vị, người nào được uống nước suối này thì không còn các bệnh hoạn. Tam-muội Kim cang cũng như vậy, đầy đủ tám Thánh đạo mà Bồ-tát tu tập đoạn trừ các bệnh nặng ung nhọt phiền não. Này thiện nam! Như người cúng dường trời Ma-hê-thủ- la, nên biết người này đã cúng dường tất cả chư Thiên. Cũng vậy, nếu có người tu tập Tam-muội Kim cang thì nên biết người đó đã tu tập tất cả các Tam-muội khác. Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát an trụ nơi Tam- muội Kim cang này, thì tất cả các pháp không có chướng ngại, như thấy quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay. Bồ-tát tuy thấy được như vậy, nhưng hoàn toàn không khởi tưởng thấy tất cả các pháp. Này thiện nam! Ví như có người ngồi nơi ngã tư đường thấy mọi người đến, đi, ngồi, nằm. Tam-muội Kim cang cũng như vậy, thấy tất cả các pháp sinh, diệt, hiện, mất. Này thiện nam! Ví như có người lên núi cao trông xa các phương đều thấy rõ ràng, núi định Kim cang cũng như vậy, Bồ- tát leo lên nhìn xa các pháp đều rõ ràng. Này thiện nam! Ví như mùa xuân trời đổ mưa, những giọt mưa li ti dày đặc không có chỗ hở, người mắt sáng thấy rõ mồm một. Cũng vậy, Bồ-tát được mắt thanh tịnh định Kim cang trông xa thấy các thế giới ở phương Đông, trong đó có các cõi nước đang thành, hoại đều thấy rõ mồm một. Tất cả không bị chướng ngại, cho đến thấy các cõi nước trong mười phương cũng như vậy. Này thiện nam! Như ở núi Kiền-đà do bảy mặt trời cùng mọc nên bao nhiêu cây cối rừng rậm trong núi đó đều cháy hết. Cũng vậy, Bồ- tát tu tập Tam-muội Kim cang cũng có thể tiêu diệt tất cả rừng rậm phiền não. Này thiện nam! Ví như chất kim cang tuy có thể phá vỡ tất cả vật, nhưng hoàn toàn chẳng nghĩ ta có thể phá vỡ. Cũng vậy, Bồ-tát đã tu tập Tam-muội Kim cang phá trừ các phiền não, mà chẳng bao giờ nghĩ ta có thể hoại diệt các phiền não. Này thiện nam! Ví như đại địa có thể giữ gìn vạn vật, nhưng hoàn toàn không nghĩ ta có năng lực giữ gìn. Lửa cũng không nghĩ ta có thể đốt cháy muôn vật, nước cũng không nghĩ ta có thể thấm nhuần; gió cũng không nghĩ ta hay làm lay động vạn vật, hư không cũng không nghĩ ta có thể dung nạp; Niết-bàn lại cũng không nghĩ ta khiến cho chúng sinh được diệt độ. Cũng vậy, Tam-muội Kim cang tuy có thể diệt trừ tất cả phiền não, mà từ đầu tâm cũng không cho rằng ta có thể diệt. Nếu có Bồ-tát an trụ Tam-muội Kim cang này thì trong một niệm biến thân như Phật, số thân Phật vô lượng đầy khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương. Bồ-tát tuy biến hóa được như vậy như từ đầu tâm không khởi kiêu mạn. Vì sao? Vì Bồ-tát thường nghĩ ai có định này thì có thể biến hóa được như thế. Chỉ có Bồ-tát an trụ nơi Tam-muội Kim cang này mới có thể biến hóa như vậy. Đại Bồ-tát an trụ Tam-muội Kim cang như thế, ở trong một niệm, đến khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương rồi trở về chỗ cũ. Bồ-tát tuy có thần lực này nhưng cũng không nghĩ ta có thể làm được như vậy. Vì sao? Vì nhờ thần lực của Tam-muội này. Đại Bồ-tát an trụ Tam-muội kim cang ấy, trong một niệm, có thể đoạn trừ phiền não cho chúng sinh. Vì sao? Vì do diệu lực của Tam-muội này. Bồ-tát an trụ nơi Tam-muội Kim cang này dùng một âm thanh để diễn nói mà tất cả chúng sinh tùy theo mỗi loài đều được hiểu rõ, thị hiện một sắc thân làm cho các chúng sinh đều thấy đủ loại sắc tướng, thân an trụ một chỗ không dời đổi mà có thể khiến cho chúng sinh tùy theo chỗ ở của mình đều thấy được, thuyết giảng một pháp, hoặc giới, hoặc nhập, tất cả chúng sinh tùy theo chỗ hiểu của mình mà được nghe. Bồ-tát an trụ Tam-muội như vậy tuy thấy chúng sinh, mà từ đầu tâm không thấy tướng chúng sinh, thấy nam, nữ, nhưng chẳng thấy tướng nam, nữ, tuy thấy sắc pháp nhưng không thấy tướng sắc, cho đến thấy thức cũng không thấy tướng của thức, tuy thấy ngày đêm nhưng không thấy tướng ngày đêm, tuy thấy tất cả nhưng không thấy tướng tất cả, tuy thấy tất cả phiền não, các kiết sử nhưng cũng chẳng thấy tướng của tất cả phiền não, tuy thấy tám Thánh đạo nhưng không thấy tướng tám

Thánh đạo, tuy thấy Bồ-đề nhưng không thấy tướng Bồ-đề, tuy thấy Niết-bàn nhưng không thấy tướng Niết-bàn. Vì sao? Này thiện nam! Vì tất cả các pháp vốn không có tướng. Bồ-tát nhờ diệu lực của Tam-muội này nên thấy tất cả các pháp vốn không có tướng. Sao gọi là Tam-muội Kim cang? Này thiện nam! Ví như Kim cang nếu ở giữa trưa thì màu sắc không nhất định, Tam-muội Kim cang cũng vậy, ở trong đại chúng, sắc cũng không nhất định. Vì thế nên gọi là Tam-muội Kim cang. Này thiện nam! Ví như chất kim cương, tất cả người đời không thể luận bàn giá cả, cũng vậy, Tam-muội Kim cang có công đức mà tất cả hàng trời người chẳng thể nghĩ lường được. Vì thế, nên lại gọi là Tam-muội Kim cang. Này thiện nam! Ví như người nghèo được vật báu kim cương thì được xa lìa sự bần cùng, khốn khổ, tà độc, ác quỷ. Đại Bồ-tát cũng như vậy, được Tam-muội này thì có thể xa lìa mọi phiền não, các khổ nạn, các tà ma độc hại, cho nên gọi là Tam-muội Kim cang. Đó gọi là Bồ- tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXV

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 5

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn suy nghĩ: Pháp nào có thể làm nhân gần cho Đại Niết-bàn? Bồ-tát liền biết, có bốn loại pháp làm nhân gần cho Đại Niết-bàn. Nếu nói siêng tu tất cả việc khó làm là nhân duyên gần của Đại Niết-bàn, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu xa lìa bốn pháp mà chứng đắc Niết-bàn thì không có việc ấy. Những gì là bốn? Một là gần gũi bạn lành, hai là chuyên tâm nghe pháp, ba là nhiếp niệm tư duy, bốn là tu hành đúng pháp. Này thiện nam! Ví như có người bị nhiều bệnh. Hoặc nóng, hoặc lạnh, suy nhược, sốt rét, các độc của tà quỷ, đi đến chỗ lương y. Vị lương y liền tùy theo bệnh mà cho thuốc. Người bệnh này hết lòng nghe theo lời chỉ dẫn của lương y, theo lời dặn mà pha chế, uống thuốc đúng cách, uống xong lành bệnh, thân khỏe mạnh, yên vui. Người bị bệnh dụ như Bồ-tát. Vị đại lương y là dụ cho bậc Thiện tri thức. Lời dạy của lương y dụ cho kinh Phương Đẳng. Khéo nghe lời dặn của lương y dụ cho suy nghĩ đúng về ý nghĩa của kinh Phương Đẳng. Theo lời dặn mà pha chế thuốc là dụ cho đúng như pháp tu hành ba mươi bảy pháp trợ đạo. Bệnh lành là dụ cho diệt trừ phiền não. Được an lạc là dụ cho chứng được Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Ví như có vị vua muốn như pháp cai trị đất nước, khiến cho dân chúng được yên vui nên hỏi các trí thần phương pháp ấy thế nào. Các vị quan liền dùng phương pháp cũ của vị tiên vương mà tâu với nhà vua. Nhà vua nghe xong hết lòng tin tưởng, thực hành đúng như pháp cai trị đất nước không có các oán địch, cho nên khiến cho dân chúng được yên vui, không bị hoạn nạn. Này thiện nam! Vị vua là dụ cho chư Bồ-tát. Các bậc thần trí dụ cho bậc Thiện trí thức. Bề tôi trí tuệ đã nói phương pháp cai trị cho vua dụ cho Mười hai bộ loại kinh văn. Nhà vua đã nghe xong, hết lòng tin tưởng thực hành là dụ cho chư Bồ-tát luôn chuyên tâm tư duy ý nghĩa sâu xa của Mười hai bộ loại kinh văn. Đúng pháp trị quốc là dụ cho chư Bồ-tát như pháp tu hành, đó là sáu pháp Ba-la-mật. Nhờ luôn tu tập sáu pháp Ba-la-mật mà không có các oán địch. Không có các oán địch là dụ cho chư Bồ-tát đã xa lìa những giặc ác phiền não, kiết sử. Được an vui là dụ cho chư Bồ-tát chứng được thường, lạc, ngã, tịnh của Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như có người bị bệnh hủi, được vị thiện tri thức bảo với người bệnh ấy: “Nếu ông có thể đến bên núi Tu-di thì bệnh được lành. Vì sao? Vì ở đó có thuốc tốt, mùi vị như cam lồ. Nếu người nào có thể uống được thuốc ấy thì bệnh gì cũng lành”. Người ấy hết lòng tin tưởng việc này liền đi đến núi kia hái thuốc cam lồ để uống. Bệnh hủi lành hẳn, thân được an vui. Người bị bệnh hủi là dụ cho các phàm phu. Bậc thiện tri thức là dụ cho chư Đại Bồ-tát. Dốc lòng tưởng làm theo là dụ cho Bốn tâm vô lượng. Núi Tu-di là dụ cho tám Thánh đạo. Vị cam lồ là dụ cho Phật tánh. Bệnh hủi dứt hẳn là dụ cho xa lìa phiền não. Được an vui là dụ cho chứng được thường, lạc, ngã, tịnh của Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như có người nuôi các đệ tử thông minh, lanh lợi, Người này ngày đêm thường dạy dỗ không biết mỏi mệt. Chư vị Bồ-tát cũng như vậy, dù tất cả chúng sinh có niềm tin hay không có niềm tin cũng thường giáo hóa không có chán nản, mệt mỏi. Này thiện nam! Thiện tri thức đó là Bồ-tát, Phật, Phật-bích-chi, Thanh văn và những người tin kinh Phương Đẳng. Sao gọi là thiện tri thức? Thiện tri thức là có thể dạy chúng sinh xa lìa mười điều ác, tu hành mười điều thiện. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, thiện tri thức là nói đúng như pháp, làm đúng như lời nói. Thế nào gọi là nói đúng như pháp, làm đúng như lời nói? Đó là tự mình không sát sinh, dạy người khác không sát sinh, cho đến mình thực hành chánh kiến, dạy người khác chánh biến. Nếu người nào có thể làm được như vậy thì được gọi là thiện tri thức chân thật. Tự mình tu hành Bồ-đề, cũng có thể dạy người khác tu hành Bồ-đề, do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Tự mình có thể tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, cũng có thể dạy người khác tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, lại do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Thiện tri thức là có pháp thiện. Pháp thiện là những gì? Đối với việc làm thì không cầu an lạc cho mình mà luôn vì cầu an lạc cho chúng sinh, thấy người khác có lỗi không nói cái dở của họ mà thường nêu bày những việc thuần thiện. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Như mặt trăng trong hư không từ mồng một cho đến ngày rằm, dần dần tròn đầy. Bậc Thiện tri thức cũng vậy, khiến cho những người học đạo từ từ xa lìa những pháp ác, tăng trưởng pháp thiện. Này thiện nam! Nếu có người gần gũi thiện tri thức, trước đây chưa có giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thì liền có, chưa đầy đủ thì liền được rộng lớn. Vì sao? Vì người ấy được gần gũi thiện tri thức. Do sự gần gũi này nên được hiểu rõ nghĩa lý sâu xa của Mười hai bộ loại kinh văn. Nếu người có thể nghe được nghĩa sâu xa của Mười hai bộ loại kinh văn này thì gọi là nghe pháp. Nghe pháp tức là nghe kinh điển Phương Đẳng của Đại thừa. Nghe kinh Phương Đẳng gọi là chân thật nghe pháp. Chân thật nghe pháp chính là nghe, thọ kinh Đại Bát Niết Bàn, ở trong Đại Niết-bàn nghe có Phật tánh, Như Lai hoàn toàn không nhập Niết-bàn, cho nên gọi là chuyên tâm nghe pháp. Chuyên tâm nghe pháp gọi là tám Thánh đạo. Nhờ tám Thánh đạo mà có thể đoạn trừ tham dục, sân giận, ngu si, nên gọi là nghe pháp. Nói nghe pháp là gọi Mười một pháp không. Nhờ những pháp Không này mà đối với tất cả các pháp chẳng tạo tác tướng mạo. Nói nghe pháp là gọi tâm mới phát cho đến tâm Bồ- đề vô thượng rốt ráo. Nhờ tâm ban đầu mà chứng được Đại Niết-bàn, chẳng phải do nghe mà chứng Đại Niết-bàn, nhờ tu tập mà chứng Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như người bệnh tuy nghe lương y chỉ dẫn và nghe tên thuốc nhưng chẳng thể lành bệnh mà do uống thuốc mới có thể lành bệnh. Tuy nghe Mười hai pháp nhân duyên sâu xa nhưng không thể đoạn trừ được tất cả phiền não mà cần phải chuyên tâm tư duy mới có thể đoạn trừ được. Đó gọi là pháp thứ ba nhiếp niệm tư duy. Lại do nghĩa gì mà gọi là nhiếp niệm tư duy? Đó là ba loại Tam- muội:

Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác. Không là đối với hai mươi lăm cõi không thấy một cõi nào là thật. Vô tác là đối với hai mươi lăm cõi không khởi sự mong cầu. Vô tướng là không có mười tướng. Đó là tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc, tướng sinh, tướng trụ, tướng diệt, tướng nam, tướng nữ. Tu tập ba loại Tam-muội như vậy gọi là Bồ-tát hệ niệm tư duy. Thế nào gọi là như pháp tu hành? Như pháp tu hành tức là tu hành Bố thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật, biết tướng chân thật của Ấm, giới, nhập, cũng biết Thanh văn, Duyên giác, chư Phật cùng ở trong một đạo mà nhập Niết-bàn. Pháp tức là thường, lạc, ngã, tịnh, không sinh, không già, không bệnh, không chết, không đói, không khát, không khổ, không não, không hư, không mất. Này thiện nam! Người hiểu nghĩa sâu xa của Đại Niết-bàn thì biết được chư Phật hoàn toàn không bao giờ nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Bậc Thiện tri thức chân thật thứ nhất đó là Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn. Vì sao? Vì các vị thường dùng ba pháp khéo điều ngự. Những gì là ba? Một là lời nói hoàn toàn dịu hòa, hai là thẳng thắn quở trách, ba là vừa quở trách vừa xoa dịu. Do nghĩa này nên Bồ-tát, chư Phật chính là thiện tri thức chân thật. Lại nữa, này thiện nam! Phật và Bồ-tát là thầy thuốc giỏi nên gọi là thiện tri thức. Vì sao? Vì biết bệnh biết thuốc, tùy theo bệnh mà cho thuốc. Ví như lương y thông thạo tám phương pháp trị bệnh, trước xem tướng bệnh. Tướng có ba loại. Những gì là ba? Đó là phong, nhiệt, thủy. Người bị bệnh phong thì cho họ uống dầu tô. Người bệnh nhiệt thì cho uống đường. Người bệnh thủy thì cho uống nước gừng nóng. Nhờ biết bệnh căn cho đúng thuốc mà được lành bệnh nên gọi là lương y. Phật và Bồ-tát cũng như vậy, biết bệnh của các phàm phu có ba loại: Một là tham dục, hai là sân giận, ba là ngu si. Người bệnh tham dục thì dạy cho họ quán tướng xương. Người bị bệnh sân giận thì dạy cho họ quán tướng từ bi. Người bị bệnh ngu si thì dạy cho họ quán tướng mười hai nhân duyên. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Như vị thuyền trưởng giỏi chở người nên gọi là thuyền trưởng. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, đưa các chúng sinh qua biển lớn sinh tử. Vì nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, này thiện nam! Nhờ Phật, Bồ-tát làm cho các chúng sinh tu hành đầy đủ đạt được căn bản các pháp thiện. Này thiện nam! Ví như núi Tuyết chính là nơi nguồn gốc của nhiều loại thuốc hay, vi diệu. Phật và Bồ-tát cũng như vậy, đều là nơi căn bản của tất cả điều thiện. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Ở trên núi Tuyết có loại thuốc rất thơm tên là Ta-ha, có người nào thấy được nó thì sống lâu vô lượng, không có bệnh khổ, tuy có bốn thứ độc nhưng cũng không làm tổn thương. Nếu người nào chạm được thì tăng thêm thọ mạng sống đủ một trăm hai mươi tuổi. Nếu có người nhớ nghĩ đến thuốc thì được trí túc mạng. Vì sao? Vì công hiệu của thuốc. Chư Phật Bồ-tát cũng như vậy, nếu có người thấy được chư Phật, Bồ-tát v.v… thì đoạn trừ được tất cả phiền não, tuy có bốn thứ ma nhưng không thể làm nhiễu loạn. Nếu người nào tiếp xúc với chư Phật, Bồ-tát thì mạng sống không yểu, không sinh, không tử, không lui, không chìm đắm. Đó gọi là người tiếp xúc hoặc ở bên cạnh Phật nghe và thọ trì diệu pháp. Nếu người nhớ nghĩ thì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Như trong núi Hương, có hồ A-na-bà-đạp-đa, do hồ này nên có bốn con sông lớn, đó là sông Hằng, Tân-đầu, Tư-đà, Bác-xoa. Người đời thường nói: “Nếu người có tội mà tắm ở bốn con sông này thì tội dược tiêu diệt”. Nên biết lời nói này là hư dối không chân thật. Trừ những điều này ra thì những ai là chân thật? Chỉ có Phật và Bồ-tát mới là chân thật. Vì sao? Vì nếu người nào gần gũi thì diệt trừ tất cả các tội. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mặt đất có tất cả rừng cây, dược thảo và cả trăm thứ như lúa, mía, hoa, quả, gặp khi trời hạn hán, sắp chết khô, Long vương

Nan-đà và Long vương Bà-nan-đà thương xót muôn loài nên từ trong biển bay lên tuôn mưa xuống. Tất cả rừng cây, trăm thứ hoa màu, cỏ cây được thấm nhuần tươi tốt trở lại. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, có bao nhiêu căn lành sắp bị tiêu diệt, chư Phật, Bồ-tát sinh khởi tâm đại từ bi, từ biển trí tuệ tuôn mưa cam lồ khiến cho các chúng sinh được đầy đủ mười pháp thiện trở lại. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Ví như vị lương y thông thạo tám phương pháp, gặp các người bệnh thì không xem xét đến dòng họ, đẹp, xấu, tiền của, châu báu mà đều chữa trị cho họ. Cho nên người đời tôn xưng là đại lương y. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, thấy các chúng sinh có bệnh phiền não thì không xem xét dòng họ, đẹp, xấu, tiền của, châu báu mà khởi tâm từ bi đều thuyết pháp cho họ. Chúng sinh nghe xong, bệnh phiền não tiêu trừ. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Nhờ nhân duyên gần gũi bạn lành này liền được gần với Đại Niết-bàn. Bồ-tát nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi với Đại Niết-bàn là thế nào? Tất cả chúng sinh nhờ nghe pháp mà đầy đủ tín căn, nhờ có tín căn nên thích hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, chứng được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả vị Phật. Do đó, nên biết có được các pháp thiện đều là nhờ diệu lực của nhân duyên nghe pháp. Này thiện nam! Ví như trưởng giả chỉ có một đứa con, ông sai đi đến nước khác để buôn bán, trao đổi hàng hóa. Ông chỉ cho người con biết chỗ thông suốt, trở ngại của con đường, lại dặn dò: "Nếu gặp dâm nữ thì phải cẩn thận đừng thương yêu, gần gũi. Nếu thương yêu, gần gũi thì thân mạng chẳng còn và tài sản cũng mất. Người xấu, ác cũng đừng giao du". Người con kính thuận lời dạy bảo của cha nên thân tâm được bình an và thu hoạch nhiều của cải. Đại Bồ-tát rộng thuyết pháp yếu cho chúng sinh cũng lại như thế, chỉ dạy cho chúng sinh và bốn bộ chúng về sự thông suốt và trở ngại của các con đường. Những chúng sinh này nhờ nghe pháp mà xa lìa các pháp ác, đầy đủ pháp thiện. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Ví như gương sáng thì soi sáng mặt người, gương sáng nghe pháp cũng như vậy, người nào chiếu soi vào đó thì thấy rõ thiện, ác không có gì che lấp được. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Ví như khách buôn muốn đi đến chỗ có của báu mà không biết đường đi, có người chỉ cho. Người ấy theo lời chỉ bảo liền đến được chỗ báu được nhiều của cải, không thể kể xiết. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, muốn đi đến chốn thiện để gặt lấy vật báu của đạo nhưng không biết chỗ thông suốt, trở ngại của con đường. Bồ-tát chỉ dạy cho họ, chúng sinh nghe theo nên được đến chốn thiện, đạt được vật báu Đại Niết-bàn vô thượng. Do nghĩa này nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Ví như voi say cuồng loạn, hung dữ, muốn giết hại nhiều, có nhà huấn luyện voi dùng các móc sắt to móc đầu nó, liền điều phục được, tánh hung dữ không còn. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, bị tham dục, sân giận, ngu si làm mê say nên muốn gây nhiều việc ác. Chư Bồ-tát dùng móc nghe pháp móc họ, khiến cho an trụ, không cho dấy khởi những tâm ác. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi với Đại Niết-bàn. Do đó, bàng bạc khắp trong kinh, Ta đã nói đệ tử của Ta chuyên tâm nghe nhận Mười hai bộ loại kinh văn thì xa lìa năm triền cái, tu tập bảy giác phần, nhờ tu tập bảy giác phần nên được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Nhờ nghe pháp mà bậc Tu-đà-hoàn xa lìa các lo sợ. Vì sao? Vì như trưởng giả Tu-đạt thân bị bệnh nặng, tâm vô cùng hoảng sợ, buồn rầu; nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Tu-đà-hoàn có bốn công đức và mười dụ an ủi, nghe việc này xong thì sợ hãi liền dứt. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vì sao? Vì được khai mở mắt pháp. Thế gian có ba hạng người: Một là đui mù, hai là chỉ có một mắt, ba là có hai mắt. Người đui mù là thường chỉ cho người không nghe pháp. Người một mắt là chỉ cho người tạm thời nghe pháp nhưng tâm người ấy không an trụ. Người hai mắt là chỉ cho người chuyên tâm nghe nhận, như điều đã được nghe mà tu hành. Đó là ba hạng người. Nhờ nghe mà biết được ba hạng người như vậy ở thế gian. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Như thuở xưa Ta ở thành Câu-thi- na, khi ấy Xá-lợi-phất bị bệnh khổ, Ta bảo Tỳ-kheo A-nan rộng thuyết pháp cho Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất nghe pháp xong bảo bốn người đệ tử: "Các con hãy khiêng giường bệnh của thầy đến chỗ Đức Phật, thầy muốn được nghe pháp". Bốn người đệ tử cùng nhau khiêng đi, đến nơi rồi, được nghe pháp, nhờ diệu lực nghe pháp nên bệnh khổ của Xá-lợi- phất được tiêu trừ, thân được an ổn. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Thế nào là Bồ-tát nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn? Nhân sự tư duy này mà tâm được giải thoát. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh thường bị sự trói buộc của năm dục. Nhờ sự tư duy mà được giải thoát. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả chúng sinh thường bị bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh làm điên đảo. Nhờ tư duy nên thấy được các pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh, thấy như vậy rồi thì bốn điên đảo liền đoạn trừ. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả các pháp có bốn tướng. Những gì là bốn? Một là tướng sinh, hai là tướng già, ba là tướng bệnh, bốn là tướng diệt. Vì bốn tướng này có thể làm cho tất cả chúng sinh phàm phu cho đến bậc Tu- đà-hoàn sinh khổ não lớn. Nếu người nào có thể chuyên tâm tư duy thì dù gặp bốn tướng này cũng không sinh khổ não. Do nghĩa này nên nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả các pháp thiện đều nhờ tư duy mà có được. Vì sao? Tuy có người ở trong vô lượng, vô biên, vô số kiếp chuyên tâm nghe pháp nhưng nếu không tư duy thì hoàn toàn không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Nếu chúng sinh nào tin Phật, Pháp, Tăng không có biến đổi, sinh lòng cung kính thì nên biết đều là năng lực của nhân duyên chuyên tâm tư duy. Nhân đó đoạn trừ được tất cả phiền não. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn.

Thế nào là Bồ-tát như pháp tu hành? Này

thiện nam! Đoạn trừ các pháp ác, tu tập pháp thiện, đó gọi là Bồ-tát như pháp tu hành. Lại nữa, thế nào là như pháp tu hành? Thấy tất cả các pháp là rỗng không, không thật có, là vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh. Nhờ sự thấy này nên thà bỏ thân mạng chứ không phạm giới cấm. Đây gọi là Bồ-tát như pháp tu hành. Lại nữa, như pháp tu hành là thế nào? Tu tập có hai loại: Một là chân thật, hai là không chân thật. Không chân thật là không biết Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không. Đó gọi là không chân thật. Thế nào là chân thật? Có thể biết Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không. Đó gọi là chân thật. Thế nào gọi là biết tướng của Niết-bàn? Tướng của Niết-bàn gồm có tám tính chất. Những gì là tám? Một là tận, hai là tánh thiện, ba là thật, bốn là chân, năm là thường, sáu là lạc, bảy là ngã, tám là tịnh. Đó gọi là Niết-bàn. Lại có tám tính chất. Những gì là tám? Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là không thật, bốn là không chân, năm là vô thường, sáu là vô lạc, bảy là vô ngã, tám là vô tịnh. Lại có sáu tướng: Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là không thật, bốn là không chân, năm là an lạc, sáu là thanh tịnh. Nếu có chúng sinh nào nương theo đạo thế tục để đoạn trừ phiền não thì Niết-bàn như vậy có tám điều giải thoát không thật. Vì sao? Vì vô thường, vì vô thường nên không có thật, vì không có thật nên không có chân, tuy đoạn trừ phiền não nhưng sinh khởi trở lại nên vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Đó là tám điều giải thoát của Niết-bàn. Sáu tướng đó như thế nào? Hàng Thanh văn, Duyên giác đoạn trừ phiền não gọi là giải thoát nhưng chưa thể đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là không thật. Vì không thật nên gọi là không chân, vào đời vị lai sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác gọi là vô thường. Vì chứng được Thánh đạo vô lậu nên gọi là tịnh lạc. Này thiện nam! Nếu biết như vậy là biết Niết-bàn thì không gọi là Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không.

Bồ-tát biết về Phật tánh như thế nào? Phật tánh có sáu. Những gì là sáu? Một là thường, hai là tịnh, ba là thật, bốn là thiện, năm là đương kiến, sáu là chân. Lại có bảy tính chất: một là có thể chứng và sáu tính chất trên. Đó gọi là Bồ-tát biết về Phật tánh.

Bồ-tát biết tướng của Như Lai như thế nào? Như Lai chính là tướng giác ngộ, tướng tốt đẹp, là thường, lạc, ngã, tịnh, là giải thoát chân thật, chỉ dạy đạo lý có thể thấy được. Đó gọi là Bồ-tát biết tướng của Như Lai.

Bồ-tát biết tướng của Pháp như thế nào? Pháp ấy hoặc thiện, chẳng thiện; hoặc thường, chẳng thường; hoặc lạc, chẳng lạc; hoặc ngã, vô ngã;

hoặc tịnh, bất tịnh; hoặc biết, chẳng biết; hoặc hiểu, chẳng hiểu; hoặc chân, chẳng chân; hoặc tu tập, chẳng tu tập; hoặc thấy, chẳng thấy; hoặc thật, chẳng thật. Đó gọi là Bồ-tát biết tướng của Pháp.

Bồ-tát biết tướng của Tăng như thế nào? Tăng ấy, hoặc thường, lạc, ngã, tịnh là tướng đệ tử, tướng có thể thấy, là chân thật, chẳng chân thật. Vì sao? Vì tất cả Thanh văn sẽ chứng đắc Phật đạo. Vì sao gọi là chân? Vì giác ngộ pháp tánh, nên gọi là Bồ-tát biết tướng của Tăng.

Bồ-tát biết thật tướng như thế nào? Thật tướng ấy, hoặc thường, vô thường; hoặc lạc, vô lạc; hoặc ngã, vô ngã; hoặc tịnh, bất tịnh; hoặc thiện, bất thiện; hoặc có, hoặc không; hoặc Niết-bàn, chẳng phải Niết-bàn; hoặc giải thoát, chẳng phải giải thoát; hoặc biết, không biết; hoặc đoạn, không đoạn; hoặc chứng, không chứng; hoặc tu, không tu; hoặc thấy, không thấy, đó gọi là thật tướng, chẳng phải Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không. Đó gọi là Bồ-tát nhân tu kinh Đại Niết-bàn như vậy mà biết tướng sai khác của các pháp Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh vi diệu Đại Niết-bàn vẫn không thấy hư không. Vì sao? Vì Phật và Bồ-tát dù có ngũ nhãn nhưng cũng không thấy, chỉ có tuệ nhãn mới có khả năng thấy được.

Cái thấy của tuệ nhãn là không có pháp có thể thấy, nên gọi là thấy. Nếu không có vật gọi là hư không thì hư không ấy mới gọi là thật, do vì thật nên gọi là thường không có, do thường không có nên không có lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Rỗng không gọi là không có pháp, không có pháp gọi là rỗng không. Ví như thế gian không có vật nên gọi là rỗng không. Tánh hư không cũng như vậy, vì không có cái gì nên gọi là hư không. Này thiện nam! Tánh chúng sinh cùng tánh hư không đều không có thật tánh. Vì sao? Như có người nói: “Dứt bỏ vật hiện có rồi sau mới thành không”. Nhưng hư không thật không thể tạo thành. Vì sao? Vì không có, do không có nên biết là không rỗng không. Tánh hư không này nếu có thể làm ra thì gọi là vô thường, nếu là vô thường thì không gọi là hư không. Này thiện nam! Như người thế gian nói: “Hư không, không có sắc, không ngăn ngại thường không biến đổi”. Do đó nên thế gian gọi là tánh hư không là đại chủng thứ năm. Này thiện nam! Nhưng hư không này thật không có tánh, do ánh sáng nên gọi là hư không, thật không có hư không. Giống như thế đế thật ra không có tánh, vì chúng sinh nên nói có thế đế. Này thiện nam! Thể của Niết-bàn cũng như vậy, không có chỗ trụ, chính là nơi chư Phật dứt sạch phiền não nên gọi Niết-bàn. Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh.

Niết-bàn tuy lạc nhưng chẳng phải thọ lạc, mà chính là cái lạc tịch diệt thượng diệu. Chư Phật Như Lai có hai thứ lạc: Một là tịch diệt lạc, hai là giác tri lạc. Thể thật tướng có ba thứ lạc: Một là thọ lạc, hai là tịch diệt lạc, ba là giác tri lạc. Phật tánh có một thứ lạc sẽ được thấy lúc chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là Bồ-đề lạc

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu phiền não dứt sạch là Niết-bàn thì điều đó không đúng. Vì sao? Vì xưa kia lúc Như Lai mới thành đạo đi đến bờ sông Ni-liên-thiền, khi ấy Ma vương cùng quyến thuộc đi đến chỗ Đức Phật thưa: "Thời kỳ Niết-bàn đã đến sao Thế Tôn không nhập". Phật bảo Ma vương: "Nay Ta chưa có hàng đệ tử học rộng giữ giới tinh nghiêm, trí tuệ thông minh, có thể giáo hóa chúng sinh, nên Ta không nhập Niết-bàn". Vậy nếu nói phiền não dứt sạch là Niết-bàn thì chư Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp đã dứt trừ phiền não cớ sao không được gọi là Niết-bàn? Đều dứt trừ phiền não như nhau, cớ sao chỉ nói riêng chư Phật có Niết-bàn, còn Bồ-tát thì không có? Nếu dứt trừ phiền não chẳng phải Niết-bàn thì cớ sao ngày xưa Như Lai bảo ông Bà-la-môn Sinh Danh: "Thân Ta đây tức là Niết-bàn". Khi Như Lai ở nước Tỳ-xá- ly, Ma vương lại đến thưa: "Ngày trước Như Lai nói chưa có đệ tử học rộng, trì giới, trí tuệ thông minh, có thể giáo hóa chúng sinh nên không nhập Niết-bàn, nay đã đầy đủ sao Thế Tôn không nhập?”. Bấy giờ, Như Lai bảo Ma vương: “Ông chớ sinh tưởng lo ngại, ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn”. Bạch Thế Tôn! Giả sử diệt độ chẳng nhập Niết-bàn thế sao Như Lai hẹn ba tháng sẽ nhập Niết-bàn? Bạch Thế Tôn! Nếu diệt trừ phiền não là Niết-bàn thì trước kia Như Lai ngồi tại cây Bồ-đề, ở đạo tràng dứt hết phiền não tức là Niết-bàn, cớ sao lại nói ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn? Bạch Thế Tôn! Nếu lúc đó là Niết-bàn thì sao nói với các lực sĩ ở thành Câu-thi-na là cuối đêm Như Lai sẽ nhập Niết-bàn? Như Lai là bậc chân thật sao lại nói ra những lời hư dối?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Này thiện nam! Nếu nói Như Lai được tướng lưỡi dài, rộng, thì biết rằng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xa lìa vọng ngữ. Tất cả chư Phật và Bồ-tát, phàm có nói ra đều là lời chân thật, không hư dối. Này thiện nam! Như lời ông đã nói, ngày trước Ba-tuần thỉnh Ta nhập Niết-bàn, nhưng này thiện nam! Ma vương thật sự không biết tướng Niết-bàn. Vì sao? Vì ý Ba-tuần cho rằng không giáo hóa chúng sinh, yên lặng mà an trú thì đó là Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như người ở đời thấy có người nào không nói không làm thì cho là người này không khác gì như người chết. Ý của Ma vương Ba-tuần cũng như vậy, cho rằng Như Lai không giáo hóa chúng sinh, yên lặng không nói gì là Như Lai đã nhập Niết-bàn.

Này thiện nam! Như Lai không nói Phật, Pháp, Tăng không có tướng sai khác, chỉ nói hai pháp thường trụ, thanh tịnh không sai khác. Này thiện nam! Phật cũng không nói Phật và Phật tánh, Niết-bàn không có tướng sai khác, chỉ nói thường hằng bất biến là không sai khác. Thiện nam! Phật cũng không nói Niết-bàn và thật tướng không có tướng sai khác, chỉ nói thường trụ thật không biến đổi không sai khác.

Này thiện nam! Bấy giờ, hàng đệ tử Thanh văn của Ta sinh tranh cãi như các Tỳ-kheo ác ở nước Câu-diệm-di làm trái lời Ta dạy, phạm nhiều giới cấm, nhận vật bất tịnh, tham cầu lợi dưỡng, đến nơi Bạch y tự khen ngợi mình đã chứng được pháp vô lậu, đó là quả Tu-đà-hoàn cho đến chứng được quả A-la-hán, hủy nhục người khác. Đối với Phật, Pháp, Tăng, Giới luật, Hòa thượng không sinh tâm cung kính. Công khai ở trước Ta nói những vật như vậy, Phật cho cất giữ; những vật như vậy, Phật không cho cất giữ. Ta nói những vật như vậy thật Ta không cho phép. Nay ngược lại lời Ta nói rằng những vật như vậy thật là Phật cho phép. Những người xấu ác này không tin lời dạy của Ta, vì thế cho nên Ta bảo Ba-tuần: “Ngươi chớ lo ngại, ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn”. Này thiện nam! Nhân vì các Tỳ-kheo xấu ác này nên khiến hàng đệ tử Thanh văn thọ học không thấy thân Ta, không nghe pháp Ta bèn nói Như Lai nhập Niết-bàn, chỉ có các Bồ-tát mới có thể thấy thân Ta, thường nghe pháp Ta. Cho nên không nói Ta nhập Niết-bàn. Hàng đệ tử Thanh văn tuy nói Như Lai nhập Niết-bàn nhưng đúng thật Ta không nhập Niết-bàn. Nếu đệ tử Thanh văn của Ta nói Như Lai nhập Niết-bàn thì nên biết người ấy chẳng phải đệ tử của Ta, là bè đảng của ma, là người tà kiến chẳng phải chánh kiến. Nếu nói Như Lai không nhập Niết-bàn thì nên biết người đó đúng thật đệ tử Ta, chẳng phải bè đảng của ma, là người chánh kiến, chẳng phải tà kiến.

Này thiện nam! Trước kia Ta không thấy trong hàng đệ tử có người nào nói rằng Như Lai không giáo hóa chúng sinh, yên lặng mà an trú gọi là Bát-niết-bàn. Này thiện nam! Ví như trưởng giả có nhiều con cái, bỏ đến xứ khác, trong lúc chưa trở về, các con nghĩ rằng cha đã chết, nhưng Trưởng giả này thật không chết mà những người con sinh tưởng điên đảo cho là đã chết. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, vì không thấy Ta nên liền nghĩ Như Lai đã nhập Niết-bàn ở trong rừng Ta-la song thọ, tại thành Câu-thi-na, nhưng thật Ta không nhập Niết-bàn mà hàng đệ tử Thanh văn tưởng nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như ngọn đèn sáng có người che kín, những kẻ không biết cho là đèn đã tắt, nhưng ngọn đèn này thật không tắt, vì không biết nên tưởng là tắt. Hàng đệ tử Thanh văn cũng như vậy, dầu có mắt trí tuệ nhưng bị phiền não ngăn che, khiến tâm điên đảo không thấy thân chân thật của Phật, nên tưởng là Phật diệt độ, thật ra Ta không diệt độ.

Này thiện nam! Như người mù bẩm sinh không thấy mặt trời, mặt trăng, do không thấy nên không biết tướng ngày đêm, tối sáng; do không biết nên liền nói không có mặt trời, mặt trăng. Thật có mặt trời, mặt trăng nhưng không thấy; do không thấy nên sinh tưởng điên đảo nói không có mặt trời, mặt trăng. Như người mù kia, hàng đệ tử Thanh văn cũng như vậy, không thấy Như Lai liền cho là Như Lai nhập Niết-bàn; Như Lai không nhập Niết-bàn, vì điên đảo vọng tưởng, cho nên sinh tâm như vậy. Này thiện nam! Ví như mây mù che khuất mặt trời, mặt trăng, người ngu si liền nói không có mặt trời, mặt trăng, nhưng thật có mặt trời, mặt trăng, vì bị che lấp nên chúng sinh không thấy. Hàng đệ tử Thanh văn cũng như vậy, do phiền não ngăn che mất trí tuệ nên không thấy Như Lai, bèn nói Như Lai nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Thật sự là Như Lai hiện hạnh Anh nhi, chứ chẳng phải diệt độ. Này thiện nam! Như lúc mặt trời lặn ở cõi Diêm-phù-đề, vì Hắc sơn che khuất nên chúng sinh không thấy. Tánh mặt trời thật ra không có lặn, chúng sinh không thấy nên tưởng là lặn. Hàng đệ tử Thanh văn cũng như vậy, bị núi phiền não ngăn che nên không thấy thân Ta, do không thấy nên sinh tưởng Như Lai diệt độ, mà thật Ta không diệt độ. Do đó, nên Ta ở nước Tỳ-xá-ly bảo Ba-tuần là ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn

Này thiện nam! Như Lai thấy trước Bồ-tát Ca-diếp ba tháng sau căn lành sẽ thành thục, cũng thấy ông Tu-bạt-đà-la ở Hương sơn, an cư xong sẽ đến chỗ Ta, nên Ta bảo Ma vương Ba-tuần là ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Có năm trăm lực sĩ, mãn ba tháng cũng sẽ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta vì họ nên bảo Ba- tuần là ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Nhóm của ông Thuần-đà và năm trăm người nữ Lê-xa am-la quả, ba tháng sau thiện căn của đạo tâm vô thượng sẽ thành thục, vì những người này nên Ta bảo Ba-tuần là ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Ông Tu-na-sát-đa thân cận ngoại đạo Ni-kiền-tử. Ta vì ông thuyết pháp trọn mười hai năm, nhưng người kia vì tà kiến nên không tin tưởng, không lãnh thọ. Ta biết người này nguồn gốc tà kiến, sau ba tháng quyết định có thể dứt trừ. Vì thế nên Ta bảo Ba-tuần là sau ba tháng sẽ nhập Niết-bàn.

Này thiện nam! Do nhân duyên gì mà ngày trước ở bên sông Ni Liên Ta bảo ma Ba-tuần: "Ta nay chưa có hàng đệ tử học rộng trí tuệ nên không nhập Niết-bàn?". Lúc đó Ta muốn chuyển pháp luân độ năm vị Tỳ-kheo ở Ba-la-nại, lại muốn vì năm trăm Tỳ-kheo như Da- xá, Phú-na, Tỳ-ma-la-xà, Kiều-phạm Ba-đề, Tu-bà-hầu, lại muốn độ cho trưởng giả Úc-già cùng năm mươi người, muốn độ vua Tần-bà-sa- la nước Ma-già-đà, muốn độ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và môn đồ năm trăm Tỳ-kheo, muốn độ hai anh em Na-đề Ca-diếp, Già-da Ca-diếp và năm trăm đệ tử, lại muốn chuyển pháp luân vi diệu độ Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, nên Ta bảo Ma vương Ba-tuần là không nhập Niết-bàn.

Này thiện nam! Có Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn. Thế nào là Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn? Không thấy Phật tánh mà dứt phiền não thì gọi là Niết-bàn, chẳng phải Đại Niết-bàn. Do không thấy Phật tánh nên vô thường, vô ngã, chỉ có lạc, tịnh, vì nghĩa này nên tuy đoạn trừ phiền não, mà vẫn không được gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu thấy Phật tánh có thể đoạn trừ phiền não thì gọi là Đại Niết-bàn. Do thấy Phật tánh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì nghĩa này nên đoạn trừ phiền não cũng được gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Này thiện nam! Niết là không, Bàn là dệt, nghĩa không dệt gọi là Niết-bàn; Bàn là ngăn che, không ngăn che gọi là Niết-bàn; Bàn là đi đến, không đi, không đến gọi là Niết-bàn; Bàn là nắm lấy, nghĩa không nắm lấy gọi là Niết-bàn; Bàn là bất định, không bất định gọi là Niết-bàn; Bàn là mới nên không mới là nghĩa Niết-bàn; Bàn là chướng ngại, nghĩa không chướng ngại mới gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Có hàng đệ tử của phái Ưu-la-ca, Ca-tỳ-la nói Bàn là tướng, nghĩa không tướng mới gọi là Niết-bàn. Thiện nam! Bàn là có, nghĩa không có mới gọi là Niết-bàn; Bàn là hòa hợp, nghĩa không hòa hợp mới gọi là Niết-bàn; Bàn là khổ, nghĩa không khổ mới gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Đoạn trừ phiền não không gọi là Niết-bàn, không sinh phiền não mới gọi là Niết-bàn. Thiện nam! Chư Phật Như Lai không khởi phiền não gọi là Niết-bàn. Có trí tuệ đối với pháp không chướng ngại gọi là Như Lai. Như Lai chẳng phải là phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, mà gọi là Phật tánh. Thân tâm trí tuệ của Như Lai đầy khắp vô lượng, vô biên, vô số cõi không bị chướng ngại, gọi là hư không. Như Lai thường trụ, không biến đổi, gọi là thật tướng. Do nghĩa này nên Như Lai thật không hoàn toàn nhập Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát làm thế nào để tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ tám? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn, diệt trừ năm việc, xa lìa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, giữ gìn một việc, gần gũi bốn việc, tin thuận mọi sự thật, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát.

Này thiện nam! Bồ-tát diệt trừ năm việc là những gì? Đó là năm ấm: sắc, thọ, tướng, hành, thức. Cái gọi là ấm nghĩa là gì? Nghĩa là có thể làm cho chúng sinh, sinh tử liên tục, không xa lìa gánh nặng chia lìa, tụ hội, ràng buộc trong ba đời, tìm cầu nghĩa lý đó không thể nắm bắt được. Do những nghĩa này nên gọi là ấm. Đại Bồ-tát tuy thấy sắc ấm, nhưng không thấy tướng của nó. Vì sao? Vì trong mười sắc tuy tìm tánh của nó đều không thể được, vì thuận theo thế tục nên gọi là ấm. Thọ có một trăm lẻ tám thứ. Bồ-tát tuy thấy thọ ấm nhưng không thấy tướng thọ. Vì sao? Vì thọ tuy có một trăm lẻ tám nhưng nghĩa lý không chắc thật. Cho nên Bồ-tát không thấy thọ ấm, tưởng, hành, thức v.v... cũng như vậy. Đại Bồ-tát thấy sâu xa năm ấm là nguồn gốc sinh ra phiền não. Do nghĩa này nên dùng phương tiện làm cho diệt trừ.

Bồ-tát xa lìa năm việc là những gì? Đó là năm kiến. Những gì là năm? Một là thân kiến, hai là biên kiến, ba là tà kiến, bốn là giới thủ, năm là kiến thủ. Do năm kiến này, sinh ra sáu mươi hai kiến, do các kiến này mà sinh tử không dứt. Cho nên, Bồ-tát phòng hộ không thân cận.

Bồ-tát thành tựu sáu việc là những gì? Đó là sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Một là niệm Phật, hai là niệm Pháp, ba là niệm Tăng, bốn là niệm Thiện, năm là niệm Thí, sáu là niệm Giới. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sáu việc.

Bồ-tát tu tập năm việc là những gì? Đó là năm định: Một là định tri, hai là định tịch, ba là thân tâm thọ định an lạc, bốn là định vô lạc, năm là định Thủ-lăng-nghiêm. Tu tập năm thứ định tâm này thì gần gũi Đại Bát Niết Bàn. Vì thế nên Bồ-tát chuyên tâm tu tập.

Bồ-tát giữ gìn một việc đó là gì? Đó là tâm Bồ-đề. Đại Bồ-tát thường siêng năng giữ gìn tâm Bồ-đề, như người ở đời giữ gìn đứa con một. Cũng như người bị mù một con mắt, giữ gìn con mắt còn lại, như người đi giữa rừng hoang vắng bảo vệ người dẫn đường. Bồ-tát giữ gìn tâm Bồ-đề cũng như vậy. Do giữ gìn tâm Bồ-đề như thế nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên đầy đủ thường, lạc, ngã, tịnh, tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Vì thế nên Bồ-tát giữ gìn một pháp.

Bồ-tát gần gũi bốn việc là những gì? Đó là bốn tâm vô lượng. Những gì là bốn? Một là đại từ, hai là đại bi, ba là đại hỷ, bốn là đại xả. Do bốn tâm này có thể làm cho vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Bồ-đề, cho nên Bồ-tát luôn gần gũi.

Bồ-tát tin thuận một sự thật là gì? Bồ-tát biết rõ tất cả chúng sinh đều trở về một đạo. Một đạo đó là Đại thừa. Chư Phật, Bồ-tát vì chúng sinh nên phân làm ba thừa. Cho nên Bồ-tát tin thuận không trái nghịch. Thế nào là tâm Bồ-tát hoàn toàn giải thoát? Đó là tâm tham, sân, si vĩnh viễn đoạn trừ nên gọi là tâm Bồ-tát hoàn toàn giải thoát.

Thế nào là tuệ Bồ-tát hoàn toàn giải thoát? Đại Bồ-tát đối với tất cả các pháp, rõ biết không chướng ngại. Đó gọi là tuệ Bồ-tát hoàn toàn giải thoát. Do tuệ được giải thoát nên những pháp từ xưa chưa nghe nay được nghe, từ xưa không thấy nay được thấy, từ xưa không đến nay được đến.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn đã giảng nói về tâm giải thoát, thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì tâm vốn không trói buộc. Vì sao? Vì bản tánh của tâm không bị tham dục, sân giận, ngu si, các kiết sử trói buộc. Nếu vốn không trói buộc thì sao lại nói tâm hoàn toàn giải thoát. Bạch Thế

Tôn! Nếu bản tánh của tâm không bị tham dục, kiết sử trói buộc thì do nhân duyên gì mà có thể trói buộc? Như người vắt sừng vốn không có sữa, nên dù tốn công sức nhưng sữa cũng không do đâu mà chảy ra. Nếu vắt vú bò tuy tốn ít công sức nhưng có nhiều sữa chảy ra. Tâm cũng như vậy, vốn không tham, nay sao lại có? Nếu trước không tham mà sau mới có thì chư Phật Bồ-tát xưa không có tướng tham nay đáng lẽ phải có. Bạch Thế Tôn! Ví như Thạch nữ, vốn không có con dù tốn nhiều công sức nhân duyên vẫn không thể có con được. Tâm cũng như vậy, vốn không có tướng tham thì dù gây tạo nhiều nhân duyên, cũng không do đâu mà sinh được tham.

Bạch Thế Tôn! Như dùi cây ướt thì lửa không bén. Cũng như vậy, tuy tìm cầu tham nơi tâm vẫn không thể được thì tại sao tham dục, kiết sử trói buộc tâm? Bạch Thế Tôn! Ví như ép cát không thể có dầu. Tâm cũng vậy, dù có ép tìm vẫn không có tham, vậy nên biết tham, tâm hai lý khác nhau; giá như có tham thì sao có thể nhiễm ô được tâm. Bạch Thế Tôn! Ví như có người đem cọc cắm giữa hư không thì hoàn toàn không thể đứng được. Đem tham đặt vào trong tâm cũng như vậy, dù đủ các thứ nhân duyên thì cũng không thể khiến tham trói buộc được tâm. Bạch Thế Tôn! Nếu tâm không tham gọi là giải thoát thì chư Phật, Bồ-tát sao không nhổ gai trong hư không? Bạch Thế Tôn! Tâm ở đời quá khứ không gọi là giải thoát, tâm ở đời vị lai cũng không giải thoát, tâm ở đời hiện tại không cùng chung với đạo, thế thì tâm ở đời nào gọi là được giải thoát?

Bạch Thế Tôn! Như ngọn đèn quá khứ không thể diệt tối, ngọn đèn vị lai cũng không thể diệt tối, ngọn đèn hiện tại không thể diệt tối. Vì sao? Vì ánh sáng và bóng tối, cả hai không đồng thời có. Tâm cũng như vậy, sao lại nói tâm được giải thoát? Bạch Thế Tôn! Tham cũng có, nếu tham không có thì lúc thấy đáng lẽ không sinh tham. Nếu do người nữ mà sinh tham thì nên biết tham là có thật. Vì có tham nên rơi vào ba đường ác. Bạch Thế Tôn! Ví như người thấy bức họa người nữ cũng sinh tham. Vì sinh tham nên mắc nhiều tội lỗi. Nếu vốn không tham, thì tại sao thấy bức họa mà sinh tham. Nếu tâm không tham thì tại sao Như Lai nói Bồ-tát tâm được giải thoát? Nếu tâm có tham thì tại sao phải chờ thấy tướng người nữ, sau mới sinh, không thấy tướng thì không sinh? Hiện tại con thấy có quả báo ác, nên biết có tham; sân giận, ngu si cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Ví như chúng sinh có thân không có ngã mà phàm phu chấp có ngã. Tuy có chấp ngã nhưng không rơi vào ba đường ác. Tại sao không có tướng nữ mà người tham sinh tướng nữ nên rơi vào ba đường ác? Bạch Thế Tôn! Ví như dùi cây sinh lửa, nhưng tánh lửa trong các duyên không có thì do nhân duyên gì mà sinh lửa? Bạch Thế Tôn! Tham cũng vậy, trong sắc không có tham, hương, vị, xúc, pháp cũng lại không có tham thì tại sao đối với sắc, hương, vị, xúc, pháp sinh tham? Nếu trong các duyên đều không có tham, thì tại sao riêng chúng sinh lại sinh tham, chư Phật, Bồ-tát không sinh tham? Bạch Thế Tôn! Tâm cũng bất định. Nếu tâm định thì không có tham dục, sân giận, ngu si, nếu bất định thì sao lại nói tâm được giải thoát? Tham cũng là bất định; nếu bất định thì sao lại nhân nơi tham sinh ba đường ác. Người tham cùng cảnh giới, cả hai đều bất định. Vì sao? Vì cùng duyên một sắc, hoặc sinh tham, hoặc sinh sân, hoặc sinh ngu si. Cho nên tham cùng cảnh giới, cả hai đều bất định. Nếu đều bất định thì sao Đức Như Lai nói Bồ-tát tu tập Đại Niết-bàn thì tâm được giải thoát?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Tâm cũng không bị tham kết trói buộc cũng chẳng phải không trói buộc, chẳng phải giải thoát, chẳng phải không giải thoát, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải tương lai. Vì sao? Này thiện nam! Có các ngoại đạo nói rằng, nhân duyên hòa hợp thì có quả sinh ra. Nếu trong các duyên vốn không có tánh sinh mà có thể sinh ra thì hư không vốn không sinh đáng lẽ cũng sinh ra quả, nhưng hư không vẫn không sinh vì chẳng phải là nhân. Do vì trong các nhân duyên vốn có tánh quả, cho nên hòa hợp, nhóm lại thì sinh được quả. Vì sao? Như Đề-bà-đạt muốn xây vách tường thì dùng bùn đất, không dùng màu sắc, muốn tô vẽ tượng thì dùng màu sắc, không dùng cỏ cây. May áo thì dùng lụa, không dùng bùn, cây; xây thành thì dùng bùn, không dùng tơ lụa. Vì người lấy dùng, cho nên phải biết trong đó đều có thể sinh ra quả, vì có thể sinh được quả nên biết trong các nhân tất đã có tánh. Nếu là không có tánh, thì trong một vật đáng lẽ sinh ra tất cả vật. Nếu có thể lấy, có thể làm, có thể sinh ra, thì nên biết trong đó trước đã có quả. Nếu không có quả thì người không lấy, không làm, không sinh ra. Chỉ có hư không vì không lấy, không làm nên có thể sinh ra tất cả vạn vật. Do vì có nhân, nên như hạt Ni-câu-đà, mọc lên cây Ni-câu-đà, trong sữa có chất đề hồ, tơ lụa có vải, trong bùn có bình.

Này thiện nam! Tất cả phàm phu bị vô minh làm cho tăm tối nên lập ra định thuyết này. Sắc có nghĩa đắm trước, tâm có tánh tham. Lại nói tâm phàm phu có tánh tham, cũng có tánh giải thoát, gặp nhân duyên tham thì tâm sinh tham, nếu gặp được duyên giải thoát thì tâm giải thoát. Tuy lập thuyết này nhưng nghĩa ấy không đúng. Có hạng phàm phu lại nói: "Trong tất cả nhân đều không có quả, nhân có hai thứ: Một là vi tế, hai là thô. Tế tức là thường. Từ nhân tế chuyển thành nhân thô, từ nhân thô này chuyển thành nhân quả. Vì nhân thô vô thường nên quả cũng vô thường”.

Này thiện nam! Có hàng phàm phu lại nói: Tâm không có nhân, tham cũng không có nhân, do thời tiết nên sinh tâm tham, những hạng như vậy, vì không biết nhân duyên của tâm nên luân hồi trong sáu đường, chịu đủ sinh tử. Này thiện nam! Ví như chó bị xiềng lại nơi cây cột, trọn ngày đi quanh cây cột, không thể thoát được. Tất cả phàm phu cũng như vậy, bị xiềng vô minh trói vào cột sinh tử, cứ xoay quanh ở hai mươi lăm cõi không thể lìa xa được. Này thiện nam! Ví như có người rơi vào hầm xí, đã được ra khỏi rồi lại trở vào; như người bệnh được lành, trở lại làm nhân cho bệnh; như người đi đường gặp chỗ hoang vắng, đã qua được rồi nhưng lại trở lại; như người tắm rửa sạch sẽ trở lại lấy bùn, đất bôi vào; tất cả phàm phu cũng như vậy, đã được giải thoát cõi Vô sở hữu, chỉ chưa thoát khỏi cõi Phi phi tưởng, trở lại đi vào ba đường ác. Vì sao? Vì tất cả phàm phu chỉ quán sát quả mà không quán sát nhân duyên. Như con chó đuổi theo cục đất, không đuổi theo người, hàng phàm phu cũng như vậy, chỉ quán quả mà không quán nhân duyên. Do không quán nhân duyên, nên từ cõi Phi phi tưởng trở lại ba đường ác.

Này thiện nam! Chư Phật Bồ-tát không bao giờ nói quả quyết rằng trong nhân có quả hay trong nhân không có quả, và vừa có quả vừa không có quả, chẳng phải có hay chẳng phải không có quả. Nếu cho rằng chắc chắn trong nhân có quả và quyết định không có quả, quyết định vừa có quả vừa không quả, quyết định chẳng phải có hay chẳng phải không quả thì nên biết đây là bè đảng của ma, hệ thuộc về ma tức là người tham ái, người tham ái như thế tức là không thể dứt tuyệt sự trói buộc của sinh tử, không biết rõ tướng của tâm và tướng của tham. Này thiện nam! Chư Phật Bồ-tát hiển bày trung đạo. Vì sao? Vì tuy nói các pháp chẳng phải có chẳng phải không nhưng không quyết định. Vì sao? Vì nhân mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tâm, nhân niệm mà sinh ra thức. Thức này quyết định không ở trong mắt, trong sắc, trong ánh sáng, trong tâm, trong niệm, cũng chẳng ở chính giữa, chẳng phải có, chẳng phải không. Vì từ các nhân duyên sinh nên gọi là có, không tự tánh nên gọi là không. Cho nên, Như Lai nói các pháp chẳng có chẳng không.

Này thiện nam! Chư Phật Bồ-tát hoàn toàn không nói quả quyết là tâm có tánh thanh tịnh và tánh không thanh tịnh. Tâm tịnh hay bất tịnh không có chỗ trụ. Do từ duyên sinh tham, nên nói chẳng phải không, vốn không có tánh tham nên nói chẳng phải có. Này thiện nam! Do từ nơi duyên mà tâm sinh tham, từ nơi duyên mà tâm được giải thoát. Thiện nam! Nhân duyên có hai: Một là theo sinh tử, hai là theo Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Vì có nhân duyên nên tâm cùng với tham sinh cùng với tham diệt. Có nhân duyên nên tâm cùng tham sinh nhưng không cùng tham diệt; có nhân duyên tâm không cùng tham sinh nhưng cùng tham diệt; có nhân duyên tâm không cùng tham sinh cũng không cùng tham diệt.

Thế nào là tâm cùng với tham sinh, cùng với tham diệt? Này thiện nam! Nếu có phàm phu chưa dứt trừ tâm tham, tu tập tâm tham thì hạng người như vậy tâm cùng với tham sinh, cùng với tham diệt. Tất cả chúng sinh chẳng dứt tâm tham thì tâm cùng tham sinh, tâm cùng tham diệt. Như chúng sinh ở Dục giới, tất cả đều có vị thiền Sơ địa; hoặc tu hay không tu, gặp nhân duyên thì liền được thành tựu. Nói nhân duyên là chỉ cho hỏa tai. Tất cả phàm phu cũng như vậy, hoặc tu hay không tu, tâm cùng với tham sinh, tâm cùng tham diệt. Vì sao? Vì không đoạn trừ tham.

Thế nào là tâm cùng với tham sinh, không cùng với tham diệt? Hàng đệ tử Thanh văn có nhân duyên nên sinh tâm tham, sợ tâm tham nên tu quán bạch cốt. Đó gọi là tâm cùng với tham sinh, không cùng tham diệt. Lại có tâm cùng với tham sinh không cùng tham diệt, như hàng Thanh văn chưa chứng quả A-la-hán có nhân duyên nên sinh tâm tham. Khi chứng quả A-la-hán thì tâm tham liền diệt. Đó gọi là tâm cùng tham sinh, không cùng tham diệt. Đại Bồ-tát khi chứng đắc địa Bất động, tâm cùng với tham sinh, không cùng tham diệt.

Thế nào là tâm không cùng với tham sinh mà cùng với tham diệt? Đại Bồ-tát đã dứt trừ tâm tham, vì chúng sinh nên thị hiện có tham, vì thị hiện nên có thể khiến vô lượng, vô biên chúng sinh học hỏi, lãnh thọ, thành tựu đầy đủ pháp thiện. Đó gọi là tâm không cùng với tham sinh, mà cùng với tham diệt.

Thế nào là tâm không cùng với tham sinh, không cùng với tham diệt? Nghĩa là bậc A-la-hán, Duyên giác, chư Phật, Bồ-tát trừ địa Bất động, gọi là tâm không cùng với tham sinh, không cùng với tham diệt. Do những nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát không quả quyết nói là tâm tánh vốn thanh tịnh hay tâm tánh vốn không thanh tịnh. Này thiện nam! Tâm này không cùng với tham kết hòa hợp, không cùng với sân si hòa hợp. Thiện nam! Như mặt trời, mặt trăng bị khói, bụi, mây mù, sao La-hầu che lấp, vì nhân duyên này làm cho chúng sinh không thể thấy được, tuy không thể thấy nhưng tánh mặt trời, mặt trăng hoàn toàn không cùng hòa hợp với năm thứ kia. Tâm cũng như vậy, do nhân duyên mà sinh ra tham kết. Chúng sinh tuy nói tâm cùng với tham hòa hợp nhưng thật ra tâm tánh không cùng với tham hòa hợp. Nếu là tâm tham tức là tánh tham, nếu là tâm không tham thì tánh cũng không tham. Tâm không tham thì không thể làm việc tham, tâm có tham thì không thể không tham. Này thiện nam! Do nghĩa này nên kiết sử tham dục không thể làm nhiễm ô tâm. Chư Phật, Bồ-tát phá hết tham kết, cho nên nói là tâm được giải thoát. Tất cả chúng sinh do nhân duyên mà sinh tham kết, do nhân duyên mà tâm được giải thoát.

Này thiện nam! Ví như núi Tuyết, chỗ cao chót vót, người và khỉ đều không thể đi được, hoặc có chỗ khỉ đi được, người không đi được; hoặc lại có chỗ người và khỉ cả hai đều không đi được. Này thiện nam! Chỗ mà người và khỉ đi được thì thợ săn chuyên dùng keo nhựa đặt trên bàn dùng để bắt khỉ, khỉ ngu si nên chạm tay vào, tay dính vào nhựa, muốn gỡ tay ra khỉ phải dùng chân đạp, lại dính luôn chân; muốn gỡ chân khỉ dùng miệng cắn, dính luôn cả miệng. Như vậy năm chi đều không thoát ra được. Lúc này thợ săn dùng đòn xỏ vô và mang về nhà. Chỗ cao vót của núi Tuyết dụ cho Phật, Bồ-tát chứng đắc chánh đạo, khỉ dụ cho hàng phàm phu, thợ săn dụ cho ma Ba-tuần, keo nhựa dụ cho sự trói buộc của tham dục. Người cùng khỉ đều không đi được dụ cho hàng phàm phu, Ma vương Ba-tuần đều không thể tu hành. Khỉ đi được, người không thể đi dụ cho hàng ngoại đạo có trí tuệ, các ác ma tuy dùng năm thứ dục cũng không trói buộc được họ. Người cùng khỉ đều đi được dụ cho tất cả phàm phu và ma Ba-tuần, thường ở trong sinh tử không thể tu hành. Hàng phàm phu bị năm dục trói buộc khiến ma Ba-tuần tự tại dẫn đi, như thợ săn kia dùng keo nhựa bắt khỉ mang về nhà.

Này thiện nam! Ví như quốc vương ở yên trong nước của mình thì thân tâm an lạc, nếu đến nước khác thì gặp nhiều sự khổ. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu có thể tự an trụ trong cảnh giới của mình thì được an lạc, nếu đến cảnh giới khác thì gặp ác ma, chịu các khổ não. Tự an trú trong cảnh giới tức là bốn niệm xứ. Cảnh giới khác tức là năm dục. Thế nào gọi là bị lệ thuộc ma? Có các chúng sinh vô thường thấy thường, thường thấy vô thường; khổ thấy vui, vui thấy khổ; bất tịnh thấy tịnh, tịnh thấy bất tịnh; vô ngã thấy ngã, ngã thấy vô ngã; chẳng phải thật giải thoát lại thấy giải thoát, chân thật giải thoát thấy chẳng giải thoát; chẳng phải thừa thấy thừa, thừa thấy chẳng thừa. Hạng người như vậy gọi là bị lệ thuộc ma. Người bị lệ thuộc ma thì tâm không thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu thấy các pháp quả thật có tướng nhất định tổng – biệt thì nên biết người này nếu thấy sắc thường khởi tướng sắc, cho đến thấy tướng thức cũng khởi tướng thức, thấy nam khởi tướng nam, thấy nữ khởi tướng nữ, thấy ngày khởi tướng ngày, thấy tháng khởi tướng tháng, thấy năm khởi tướng năm, thấy ấm khởi tướng ấm, thấy nhập khởi tướng nhập, thấy giới khởi tướng giới. Người thấy như vậy gọi là lệ thuộc ma. Người lệ thuộc ma thì tâm không thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu thấy ngã là sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, sắc thuộc về ngã, cho đến thấy ngã là thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức, thức thuộc về ngã, thì người thấy như vậy là lệ thuộc ma, chẳng phải đệ tử của Ta.

Này thiện nam! Hàng đệ tử Thanh văn của Ta xa lìa Mười hai bộ loại kinh văn của Như Lai, tu tập các thứ sách xưa của ngoại đạo, không tu pháp tịch diệt xuất gia, chuyên kinh doanh việc ở nhà thế tục. Những gì gọi là việc ở nhà thế tục? Nhận chứa nuôi tất cả vật bất tịnh, tôi tớ, ruộng, nhà, voi, ngựa, xe, lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ, heo, dê, các thứ lúa bắp, xa lìa chúng Tăng, gần gũi Bạch y, trái nghịch Thánh giáo, hướng đến hàng Bạch y bảo: “Đức Phật cho phép Tỳ-kheo nhận chứa, nuôi những vật bất tịnh”. Đó gọi là tu tập việc ở đời. Có hàng đệ tử không vì Niết-bàn, chỉ vì lợi dưỡng mà gần gũi, nghe nhận, lãnh thọ, Mười hai bộ loại kinh văn, dùng y phục, thực phẩm, vật của thường trụ và vật của chúng Tăng như của riêng mình, tham tiếc vật của nhà người, dùng lời khen ngợi, gần gũi quốc vương và các vương tử, bói quẻ, tốt xấu, suy tính thịnh suy, đánh cờ vây, cờ lục bác, xai bồ, ném thẻ, gần gũi với Tỳ-kheo-ni và gái chưa chồng, nuôi dưỡng hai hạng Sa-di, thường đến chơi nhà đồ tể, thợ săn, quán rượu, vô chỗ ở của Chiên-đà-la, mua bán các thứ, tự tay làm thức ăn, nhận làm sứ giả nước láng giềng, lãnh sứ mạng thông tin. Những người như vậy là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của Ta. Do nhân duyên ấy mà tâm cùng với tham sinh, tâm cùng với tham diệt v.v… Cho đến tâm si cùng sinh cùng diệt cũng như vậy. Này thiện nam! Vì nhân duyên này nên tánh của tâm bất tịnh cũng chẳng phải bất tịnh. Cho nên, Ta nói tâm được giải thoát. Nếu có người không cất giữ tất cả vật bất tịnh vì Đại Niết-bàn mà thọ trì, biên chép, giảng nói, đọc tụng Mười hai bộ loại kinh văn thì nên biết, người này thật là đệ tử của Ta, không đi vào cảnh giới của ma ác Ba-tuần, tu tập ba mươi bảy phần trợ đạo. Vì tu tập nên không cùng với tham sinh, cũng không cùng với tham diệt. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ tám.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXVI

PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU

CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 6

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ chín? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn, trước tiên phát khởi năm việc đều được thành tựu. Những gì là năm? Một là tín tâm, hai là trực tâm, ba là giới, bốn là gần gũi bạn lành, năm là học rộng.

Thế nào là tín tâm? Đại Bồ-tát tin vào sự bố thí Tam bảo có quả báo. Tin vào con đường Nhất thừa Nhị đế không có đường nào khác, nhưng vì muốn chúng sinh mau chứng đắc giải thoát nên chư Phật, Bồ- tát phân biệt làm ba thừa. Tin đệ nhất nghĩa đế, tin phương tiện thiện xảo. Đó gọi là tin. Người có lòng tin như vậy thì hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm, tất cả chúng sinh không thể phá hoại được. Do đức tin này nên được tánh Thánh nhân. Người này tu hành bố thí nhiều hay ít, đều được gần với Đại Niết-bàn, không rơi vào sinh tử; trì giới, đa văn, trí tuệ cũng như vậy. Đó gọi là tín tâm. Tuy có tín tâm nhưng lại không chấp thủ thì gọi là Bồ-tát tu tập Đại Niết-bàn, thành tựu việc đầu tiên.

Thế nào là trực tâm? Đại Bồ-tát đối với chúng sinh có tâm chân chất, ngay thẳng. Tất cả chúng sinh nếu gặp nhân duyên thì sinh tâm nịnh hót, tà vạy. Bồ-tát không như thế. Vì sao? Vì hiểu rõ các pháp đều là nhân duyên. Đại Bồ-tát tuy thấy chúng sinh có nhiều lỗi lầm nhưng hoàn toàn không nói. Vì sao? Vì sợ sinh phiền não, nếu sinh phiền não thì rơi vào đường ác. Bồ-tát nếu thấy chúng sinh có chút ít điều lành thì khen ngợi. Thế nào là điều lành? Đó là Phật tánh. Do Bồ-tát khen ngợi Phật tánh nên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, Đại Bồ-tát khen ngợi Phật tánh khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Như Lai khi mới khai kinh Niết-bàn nói có ba hạng: Một là nếu có người bệnh gặp được thầy thuốc giỏi, thuốc hay và người chăm sóc thì người bệnh dễ được lành mạnh, nếu không được như trên thì bệnh không thể lành. Hai là nếu gặp được hay không gặp được thì đều không thể lành bệnh. Ba là nếu gặp được hay không gặp được đều có thể lành bệnh. Tất cả chúng sinh cũng có ba hạng như vầy: Một là gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe thuyết giảng pháp vi diệu thì được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không gặp thì không thể phát. Đó là các bậc Tu-đà- hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi. Hai là tuy gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe thuyết giảng pháp vi diệu nhưng cũng không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không gặp thì cũng không thể phát. Đó là hạng Nhất-xiển-đề. Ba là nếu gặp hay không gặp tất cả đều có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là hàng Bồ-tát. Nếu gặp hay không gặp đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nay tại sao Đức Như Lai nói, do khen ngợi Phật tánh nên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe giảng nói pháp vi diệu và không gặp v.v… đều không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên biết, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hạng người này sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hạng Nhất-xiển-đề vì có Phật tánh nên hoặc nghe hay không nghe cũng sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói Nhất-xiển-đề nghĩa là dứt bỏ thiện căn, nghĩa như vậy cũng không đúng. Vì sao? Vì hạng này không dứt bỏ Phật tánh. Phật tánh như vậy lý không thể dứt bỏ thì sao Phật nói là dứt bỏ thiện căn? Như ngày trước Phật giảng nói Mười hai bộ loại kinh văn, có hai thứ kinh thiện căn: Một là thường, hai là vô thường. Thiện căn là thường thì không dứt, vô thường là dứt. Vì thiện căn vô thường có thể dứt nên rơi vào địa ngục, còn thiện căn thường không thể dứt thì sao Phật không ngăn cản? Không dứt bỏ Phật tánh thì chẳng phải là Nhất-xiển-đề, sao Phật lại nói Nhất-xiển-đề? Bạch Thế Tôn! Nếu nhân Phật tánh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sao Như Lai lại vì chúng sinh thuyết giảng rộng mười hai bộ loại kinh văn? Bạch Thế Tôn! Ví như bốn con sông từ ao A-na-bà-đạp-đa chảy ra. Nếu có trời, người, chư Phật, Thế Tôn nói rằng những con sông ấy không chảy vào biển cả sẽ trở lại nguồn thì đó là điều không có. Tâm Bồ-đề cũng như vậy, người có Phật tánh không luận là nghe pháp hay không nghe pháp, có trì giới hay không trì giới, có bố thí hay không bố thí, có tu hay không tu, có trí tuệ hay không trí tuệ, đáng lẽ tất cả đều chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Như từ núi Ưu-đà-diên, mặt trời mọc lên hướng chánh Nam, nếu mặt trời nghĩ rằng, ta không đến hướng Tây mà trở lại hướng

Đông thì đó là điều không có. Phật tánh cũng vậy, nếu không nghe, không trì giới, không bố thí, không tu tập, không trí tuệ mà không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó là điều không có.

Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai nói tánh nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không, nghĩa này cũng không đúng. Vì sao? Vì như trong sữa không có tánh của sữa đặc thì không có sữa đặc, như hạt Ni- câu-đà không có tánh năm trượng thì không thể sinh cây năm trượng. Nếu trong Phật tánh không có cây Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sao có thể sinh cây Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên nói là nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không thì nghĩa như vậy làm sao thích hợp?

Bấy giờ, Thế Tôn khen:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Trong đời có hai hạng người rất là hy hữu như hoa Ưu-đàm: Một là người không tạo tội ác, hai là người có tội mà biết sám hối. Hạng người như vậy rất là hy hữu. Lại có hai hạng người: Một là làm ân, hai là nhớ ân. Lại có hai hạng người: Một là học hỏi điều mới, hai là ôn lại điều cũ không quên. Lại có hai hạng người: Một là xây dựng cái mới, hai là tu sửa cái cũ. Lại có hai hạng người: Một là thích nghe pháp, hai là thích thuyết pháp. Lại có hai hạng người: Một là khéo gạn hỏi, hai là khéo trả lời. Người khéo gạn hỏi chính là ông, người khéo giải đáp chính là Như Lai vậy.

Này thiện nam! Do sự khéo gạn hỏi mà chuyển được pháp luân vô thượng có thể làm khô cây lớn Mười hai nhân duyên, có thể qua khỏi vô biên sông lớn sinh tử, có thể chiến đấu với Ma vương Ba-tuần, có thể xô ngã cờ thắng do Ba-tuần dựng.

Này thiện nam! Như trước kia Ta đã nói có ba hạng người bệnh, trong đó có người gặp thầy giỏi, thuốc hay, người chăm sóc kỹ và cả không gặp thì bệnh cũng đều được lành, nghĩa đó thế nào? Nếu gặp hay không gặp là do có thọ mạng nhất định. Vì sao? Vì người này trong vô lượng đời đã tu ba thứ thiện thượng, trung, hạ. Do tu ba thứ thiện như vậy nên được thọ mạng nhất định. Như người Uất-đơn-việt, tuổi thọ một ngàn năm, nếu mắc bệnh gặp thầy giỏi, thuốc tốt, người chăm sóc kỹ hay không gặp v.v… đều được lành. Vì sao? Vì họ có tuổi thọ nhất định.

Này thiện nam! Như Ta đã nói, nếu có người bệnh gặp được thầy giỏi, thuốc hay, khéo chăm sóc thì bệnh được lành; nếu không gặp thì không lành, nghĩa này thế nào? Này thiện nam! Đây là người tuổi thọ không nhất định. Hạng người này tuổi thọ tuy chưa dứt, nhưng có chín nhân duyên có thể khiến họ chết yểu: Một là biết ăn vào không an ổn mà cứ ăn, hai là ăn quá nhiều, ba là thức ăn trước chưa tiêu lại ăn nữa, bốn là đại tiểu tiện không đúng lúc, năm là khi bệnh không theo sự chỉ dẫn của thầy thuốc, sáu là không nghe theo lời dặn bảo của người chăm sóc, bảy là cố gượng không chịu ói, tám là đi đêm vì đi đêm sẽ bị ác quỷ đánh, chín là việc phòng the quá độ. Do duyên ấy cho nên Ta nói người bệnh gặp thầy thuốc giỏi, thuốc hay thì bệnh có thể lành, không gặp thì không thể lành. Này thiện nam! Như trước Ta đã nói, người bệnh gặp thầy thuốc hay không gặp đều không được lành, nghĩa này thế nào? Có người tuổi thọ đã hết thì gặp hay không gặp đều không thể lành. Vì sao? Vì tuổi thọ đã hết. Do nghĩa này cho nên Ta nói, người bệnh hoặc gặp thầy thuốc hay không gặp đều không lành. Chúng sinh cũng vậy, người phát tâm Bồ-đề nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, học hỏi lãnh thọ pháp sâu xa, hay không gặp tất cả đều sẽ thành. Vì sao? Vì người này có thể phát tâm Bồ-đề, như người Uất-đơn-việt được thọ mạng nhất định. Như Ta đã nói từ quả vị Tu-đà-hoàn đến Phật-bích-chi, nếu được nghe bạn lành, chư Phật, Bồ-tát giảng nói pháp sâu xa thì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu không gặp chư Phật, Bồ-tát nghe giảng nói pháp sâu xa thì không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như người thọ mạng không nhất định, vì chín nhân duyên làm họ chết yểu, như người bệnh kia nếu gặp thầy, gặp thuốc thì bệnh được lành. Nếu không gặp thì bệnh không lành. Cho nên Ta nói gặp chư Phật, Bồ-tát, giảng nói pháp sâu xa thì có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không gặp thì không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như trước Ta nói, nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe giảng nói pháp sâu xa, hay không gặp đều không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa này thế nào? Này thiện nam! Hạng Nhất-xiển-đề, nếu gặp thiện hữu, chư Phật, Bồ-tát, nghe giảng nói pháp sâu xa hay không gặp đều không thể xa lìa tâm Nhất-xiển-đề. Vì sao? Vì họ đã dứt bỏ pháp thiện. Hàng Nhất-xiển-đề cũng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì nếu có thể phát tâm Bồ-đề thì không còn gọi là Nhất-xiển-đề. Này thiện nam! Do nhân duyên gì mà nói hạng Nhất-xiển-đề chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Hạng Nhất-xiển-đề thật không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như người tuổi thọ đã hết dù gặp thầy giỏi, thuốc tốt, chăm sóc kỹ, bệnh cũng không thể lành, Vì sao? Vì tuổi thọ đã hết.

Này thiện nam! “Nhất xiển” là tin, “đề” là chẳng đủ, tin chẳng đủ là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng tin, chúng sinh chẳng phải đủ, bởi chẳng đủ nên làm thế nào có thể diệt trừ. “Nhất xiển” là phương tiện khéo léo, “đề” là chẳng đủ, vì tu phương tiện khéo léo không đầy đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải là tu phương tiện khéo léo, chúng sinh chẳng phải là đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” là tấn, “đề” là chẳng đủ, vì tấn chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tấn, chúng sinh chẳng phải đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” là niệm, “đề” là chẳng đủ, vì niệm chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải niệm, chúng sinh chẳng phải đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” gọi là định, “đề” gọi là chẳng đủ, vì định chẳng đủ nên gọi Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải định, chúng sinh chẳng phải đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” là tuệ, “đề” là chẳng đủ, vì tuệ chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển- đề. Phật tánh chẳng phải tuệ, chúng sinh chẳng phải đủ, vì chẳng đủ nên làm thế nào có thể dứt trừ. “Nhất xiển” là thiện vô thường, “đề” là chẳng phải đủ, vì thiện vô thường chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải vô thường, chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện. Vì sao? Pháp thiện cần phải từ phương tiện mà được. Nhưng Phật tánh ấy chẳng phải từ phương tiện được, nên chẳng phải thiện. Vì sao lại gọi là chẳng phải bất thiện? Vì Phật tánh có thể được thiện quả, thiện quả tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại, pháp thiện thì sinh rồi mới được, nên nói chẳng phải thiện, do dứt trừ phát sinh các pháp thiện nên gọi là Nhất-xiển-đề.

Này thiện nam! Như ông đã nói: Nếu Nhất-xiển-đề có Phật tánh thì tại sao không ngăn tội địa ngục? Thiện nam! Trong Nhất-xiển-đề không có Phật tánh. Này thiện nam! Ví như nhà vua nghe tiếng đàn không hầu, âm thanh thánh thót, véo von liền đam mê thích thú, say sưa không muốn xa lìa, liền bảo: "Âm thanh tuyệt diệu này từ đâu mà có?". Đại thần tâu: "Âm thanh tuyệt diệu này từ cây đàn không hầu phát ra". Nhà vua lại nói: "Đem âm thanh đến đây". Bấy giờ đại thần liền đem cây đàn đặt trước vua mà tâu: "Đại vương nên biết đây là âm thanh". Vua nói "Này không hầu! Hãy phát ra tiếng! Hãy phát ra tiếng!". Nhưng cây đàn vẫn không phát ra tiếng. Khi ấy, nhà vua liền cắt dây, tiếng cũng không phát ra. Nhà vua rọc da, chẻ cây, tách ra, tìm mãi vẫn không có tiếng. Bấy giờ, vua nổi giận trách đại thần: "Tại sao tâu dối như thế". Đại thần tâu: "Muốn cho đàn phát ra tiếng thì không nên làm như vậy mà phải do các duyên dùng phương tiện khéo léo thì tiếng mới phát ra". Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy không có chỗ trụ, dùng phương tiện khéo mới có thể thấy, vì có thể thấy nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hạng Nhất-xiển-đề không thấy Phật tánh thì làm thế nào có thể ngăn được tội ba đường ác. Này thiện nam! Nếu Nhất-xiển-đề tin có Phật tánh thì nên biết người này không bị rơi vào ba đường ác. Đó cũng không gọi là Nhất-xiển-đề. Vì không tự tin có Phật tánh nên liền rơi vào ba đường ác nên gọi là Nhất-xiển-đề.

Này thiện nam! Như lời ông nói, nếu trong sữa không có tánh của sữa đặc thì đáng lẽ không sinh ra sữa đặc, trong hạt Ni-câu-đà không tánh cao năm trượng thì đáng lẽ không mọc lên cây cao năm trượng. Người ngu si mới nói như thế, người trí không bao giờ phát ra lời nói như thế. Vì sao? Vì không có tánh vậy. Này thiện nam! Nếu trong sữa có tánh của sữa đặc thì không cần nhờ năng lực của các duyên. Này thiện nam! Như nước và sữa hòa lẫn, chờ đến cả tháng cũng không thành sữa đặc. Nếu dùng một giọt sữa rồi tìm nước cây giọt vào liền thành sữa đặc. Nếu vốn đã có sữa đặc thì sao lại phải nhờ duyên? Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, nhờ các nhân duyên liền có thể thấy, nhờ các nhân duyên nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu phải nhờ các nhân duyên sau mới thành tức là vô tánh. Do vô tánh nên có thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát thường tán thán việc lành của người, không trách sự thiếu sót của người khác, gọi là tâm chất trực.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát có tâm chất trực? Đại Bồ-tát thường không phạm tội ác, giả sử có lầm lỗi thì liền sám hối với thầy, với bạn đồng học, không bao giờ che giấu, hổ thẹn tự trách không dám tái phạm. Đối với tội nhẹ sinh tưởng như tội nặng, nếu có người gạn hỏi liền đáp thật có phạm. Lại hỏi: "Tội này là tốt hay không tốt?". Đáp: "Không tốt". Lại hỏi: "Tội này là lành hay không lành?". Đáp: "Không lành". Lại hỏi: "Tội này là quả thiện hay quả bất thiện?". Đáp: "Tội này thật chẳng phải quả thiện". Lại hỏi: "Tội này do ai tạo ra? Phải chăng chư Phật, Pháp, Tăng tạo ra?". Đáp: "Chẳng phải Phật, Pháp, Tăng mà là chính tôi gây tạo, chính là phiền não tích tụ tạo nên". Do trực tâm nên tin có Phật tánh, vì tin Phật tánh nên không gọi là Nhất-xiển-đề. Do tín tâm nên gọi là đệ tử của Phật. Nếu lãnh thọ y phục, thực phẩm, đồ nằm, thuốc thang của chúng sinh, mỗi thứ ngàn vạn không cho là nhiều thì đó gọi là Bồ-tát có tâm chất trực.

Thế nào là Bồ-tát tu trì giới luật? Đại Bồ-tát thọ trì giới cấm, không cầu sinh lên cõi trời, không vì lo sợ, cho đến không thọ giới chó, giới gà, giới bò, giới chim trĩ, không làm việc phá giới, không làm giới bị khuyết, không làm giới có tỳ vết, không làm giới bị tạp nhiễm, không thực hành giới Thanh văn, thọ trì giới Thi la Ba-la-mật của Đại Bồ-tát, được giới đầy đủ không sinh kiêu mạn. Đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, đầy đủ việc thứ ba là trì giới.

Thế nào là Bồ-tát gần gũi bạn lành? Đại Bồ-tát thường vì chúng sinh thuyết giảng đường thiện, không thuyết giảng đường ác, thuyết giảng đường ác chẳng phải quả báo tốt. Này thiện nam! Thân Ta đây tức là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh, vì thế nên có thể dứt bỏ tà kiến của Bà-la-môn Phú-già-la. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh gần gũi Ta thì tuy có nhân duyên sinh vào địa ngục cũng liền được sinh lên cõi trời. Như ông Tu-na-sát-đa-la v.v… đáng lẽ đọa vào địa ngục nhưng nhờ gặp được Ta, nên liền được dứt trừ nhân duyên địa ngục mà sinh lên cõi Sắc giới. Tuy có Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v… cũng không gọi là chân thiện tri thức của chúng sinh. Vì sao? Vì các ông ấy là nhân duyên sinh tâm Nhất-xiển-đề.

Này thiện nam! Ngày trước Ta ở nước Ba-la-nại, Xá-lợi-phất có dạy hai đệ tử: Một người tu quán xương trắng, một người tu quán đếm hơi thở, trải qua nhiều năm tu tập cả hai người đều không được chánh định. Do nhân duyên này nên liền sinh tà kiến nói: “Không có Niết-bàn vô lậu. Giả sử có Niết-bàn vô lậu thì lẽ ra chúng tôi đã chứng được. Vì sao? Vì chúng tôi khéo trì giới và lãnh thọ giới”. Bấy giờ Ta thấy Tỳ-kheo sinh tâm tà kiến, gọi Xá-lợi-phất đến quở trách: “Ông không khéo dạy dỗ sao lại thuyết pháp đảo lộn cho hai đệ tử như vậy? Hai đệ tử của ông căn tánh khác nhau, một người là thợ giặt y phục, một người là thợ vàng. Đối với đệ tử thợ vàng thì nên dạy pháp đếm hơi thở, thợ giặt y phục nên dạy pháp xương trắng, vì ông dạy lầm nên cả hai sinh tà kiến". Bấy giờ Ta vì hai người ấy mà tùy cơ thuyết pháp, hai người nghe xong liền chứng quả A-la-hán. Vì thế nên Ta là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh, chẳng phải như Xá-lợi-phất, Mục- kiền-liên. Giả sử có chúng sinh kiết sử rất nặng, nếu được gặp Ta, Ta sẽ dùng phương tiện đoạn trừ cho họ. Như em của Ta, ông Nan-đà có dục vọng rất nặng, Ta dùng nhiều phương tiện khéo léo để đoạn trừ. Như ông Ương-quật-ma-la có tâm sân rất nặng, nhờ gặp Ta mà hết sân. Vua A-xà-thế ngu si sâu dày, nhờ gặp Ta nên tâm si liền diệt. Như trưởng giả Bà-hy-già từ vô lượng kiếp tích tập phiền não sâu dày, nhờ gặp Ta nên liền đoạn diệt. Giả sử có kẻ tệ ác, thấp hèn được gần gũi và làm đệ tử Ta thì vì nhân duyên này mà tất cả trời người cung kính mến tưởng. Thi-lợi-cúc-đa tà kiến rất nặng, nhân gặp Ta mà hết tà kiến, nhân gặp Ta đoạn trừ hết nhân địa ngục, tạo duyên sinh lên cõi trời. Như Chiên-đà-la Khí-hư, lúc sắp qua đời nhờ gặp Ta nên lại được sống lâu. Như Kiều-thi-ca tâm điên cuồng rối loạn, nhờ gặp Ta nên trở lại tâm như cũ. Như Sấu-cù-đàm-di là kẻ đồ tể, thường tạo nghiệp ác, nhờ gặp Ta nên liền từ bỏ nghiệp giết hại. Như Tỳ-kheo Xiển-đề, nhờ gặp Ta nên thà bỏ thân mạng chứ không hủy phạm giới cấm, như Tỳ- kheo bị trói bằng dây cỏ tươi. Do những nghĩa trên đây nên Tỳ-kheo A-nan nói nửa phần phạm hạnh là thiện tri thức, Ta bảo không đúng mà đầy đủ phạm hạnh mới gọi là thiện tri thức. Đó là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, đầy đủ điều thứ tư là gần gũi thiện tri thức.

Thế nào là Bồ-tát đầy đủ đa văn? Đại Bồ-tát vì kinh Đại Niết-bàn, Mười hai bộ loại kinh văn mà biên chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói, đó gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ mười một bộ kia, chỉ thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói bộ Tỳ-phật-lược, cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ cả mười hai bộ loại kinh văn, nếu có thể thọ trì, biên chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thì gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ hết toàn thể kinh điển này, nếu có thể thọ trì một bài kệ bốn câu, lại trừ luôn bài kệ bốn câu chỉ có thể thọ trì tánh thường trụ của Như Lai không biến đổi, thì cũng gọi là Bồ- tát đầy đủ đa văn. Lại trừ tất cả những việc trên, nếu biết Như Lai thường không thuyết pháp thì cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Vì sao? Vì pháp vốn vô tánh, Như Lai tuy nói tất cả các pháp, nhưng thường không nói điều gì. Đây gọi là Bồ-tát tu tập Đại Niết-bàn thành tựu điều thứ năm là đầy đủ đa văn.

Này thiện nam! Nếu thiện nam, thiện nữ nào vì Đại Niết-bàn mà thành tựu viên mãn năm điều như vậy thì có thể làm được việc khó làm, có thể nhẫn được việc khó nhẫn, bố thí được việc khó bố thí.

Thế nào là Bồ-tát có thể làm được việc khó làm? Nếu nghe có người mỗi ngày ăn một hạt mè mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tin theo lời nói này, nên trong vô lượng vô số kiếp, thường ăn một hạt mè. Nếu nghe vào lửa chứng đắc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ở trong vô lượng kiếp vào lửa dữ địa ngục A-tỳ. Đó gọi là Bồ-tát làm được việc khó làm.

Thế nào là Bồ-tát nhẫn được việc khó nhẫn? Nếu nghe nói chịu đựng những nhân duyên gây đau khổ như: dùng tay, gậy, dao, đá chém, chặt được Đại Niết-bàn. Bồ-tát liền ở trong vô lượng vô số kiếp, thân chịu đủ tất cả những sự khổ ấy mà không cho là khổ. Đó gọi là Bồ-tát nhẫn được việc khó nhẫn.

Thế nào là Bồ-tát bố thí việc khó bố thí? Nếu nghe có thể đem quốc thành, vợ con, đầu, mặt, tủy, não bố thí cho người thì sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền ở trong vô lượng vô số kiếp đem những thứ ấy bố thí cho người. Đó gọi là Bồ-tát bố thí được việc khó bố thí. Bồ-tát tuy làm việc khó làm, nhưng không bao giờ nghĩ là ta đã làm, việc khó bố thí khác cũng như vậy

Này thiện nam! Ví như cha mẹ có một đứa con trai, rất thương yêu, cho con mặc đẹp, ăn ngon, tùy thời nuôi dưỡng, không để thiếu hụt. Người con kia, nếu đối với cha mẹ sinh tâm khinh mạn, nói lời thô ác, mắng nhiếc, thì cha mẹ vì thương con nên không giận hờn, cũng không nghĩ là ta đã cho đứa con ăn ngon, mặc đẹp. Đại Bồ-tát cũng như vậy, xem chúng sinh như con một. Nếu con bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh, vì con tìm thầy thuốc chăm lo, chữa trị. Khi con đã lành mạnh, cha mẹ không bao giờ nghĩ là ta đã vì đứa con này mà lo chạy chữa bệnh khổ. Bồ-tát cũng như vậy, thấy chúng sinh mắc bệnh phiền não sinh lòng thương yêu đem chánh pháp thuyết giảng cho họ, nhờ nghe chánh pháp mà chúng sinh dứt trừ được phiền não. Chúng sinh đã dứt trừ phiền não rồi, Bồ-tát không bao giờ nghĩ là ta làm cho chúng sinh dứt trừ phiền não. Nếu có ý nghĩ ấy thì hoàn toàn không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát chỉ nghĩ: "Không có một chúng sinh nào được nghe ta thuyết pháp mà dứt trừ phiền não". Đại Bồ-tát đối với chúng sinh không sinh sân, không sinh mừng vui. Vì sao? Vì Bồ-tát tu tập Tam-muội không. Nếu Bồ-tát tu Tam-muội không thì sẽ giận ai, vui mừng ai? Này thiện nam! Ví như núi rừng bị lửa lớn thiêu đốt hoặc bị người chặt phá hoặc bị nước ngập, thì rừng cây kia sinh sân giận hay vui mừng với ai? Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với chúng sinh không sân giận, không mừng vui. Vì sao? Vì đã khéo tu tập pháp Tam-muội không.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tánh của tất cả các pháp tự nó không chăng? Vì không là rỗng không cho nên không. Nếu tánh nó tự không thì không nên tu không, sau đó mới thấy không. Vậy tại sao Như Lai nói do tu không mà thấy được không? Nếu tánh nó tự chẳng không cũng không thể khiến nó thành không.

Này thiện nam! Tánh của tất cả các pháp vốn tự không. Vì sao? Vì tánh của tất cả các pháp chẳng thể nắm bắt được. Này thiện nam! Tánh của sắc chẳng thể nắm bắt được. Thế nào là tánh của sắc? Tánh của sắc là chẳng phải đất, nước, gió, lửa, cũng không xa lìa đất, nước, gió, lửa, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng; cũng không xa lìa xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải có, chẳng phải không, thì sao có thể nói sắc có tự tánh, vì tánh chẳng thể nắm bắt được nên nói là không. Tất cả các pháp cũng như vậy, do tương tợ, tương tục nên phàm phu theo kiến chấp của mình mà nói rằng các pháp tánh chẳng rỗng lặng. Đại Bồ-tát đầy đủ năm việc cho nên thấy pháp tánh vốn rỗng lặng. Này thiện nam! Nếu có Sa-môn hay

Bà-la-môn thấy tất cả pháp tánh chẳng rỗng không thì nên biết người đó chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Bà- la-môn, không được tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, không được nhập Đại Niết-bàn, hiện tại không được thấy chư Phật, Bồ-tát. Người đó là quyến thuộc của ma. Này thiện nam! Tất cả các pháp, tánh vốn tự không, cũng do Bồ-tát tu tập pháp không nên thấy các pháp là không.

Này thiện nam! Như tất cả các pháp vì tánh vô thường nên khi diệt thì có thể diệt. Nếu chẳng phải là vô thường thì khi diệt không thể diệt. Pháp hữu vi có tướng sinh nên khi sinh có thể sinh, có tướng diệt nên khi diệt có thể diệt. Các pháp có tướng khổ nên có thể làm cho khổ. Này thiện nam! Như tánh muối là mặn, có thể làm mặn vật khác. Tánh đường là ngọt nên có thể làm ngọt vật khác. Tánh giấm là chua nên có thể làm chua vật khác. Tánh gừng là cay nên có thể làm cay vật khác. Tánh A-lê-lặc là đắng nên có thể làn đắng vật khác. Trái Am-la là lạt nên có thế làm lạt vật khác. Tánh độc có thể làm hại nên có thể khiến vật khác bị hại. Tánh cam lồ khiến cho người bất tử, nên đem hợp với vật khác cũng có thể thành bất tử. Bồ-tát tu pháp không cũng như vậy, vì tu không cho nên thấy tánh của tất cả đều rỗng lặng.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như muối có thể làm cho vật không mặn thành mặn, tu Tam-muội không cũng như vậy thì nên biết không ấy chẳng phải lành, chẳng phải diệu, tánh nó điên đảo. Nếu Tam-muội không chỉ thấy không thì định không ấy là không có pháp, vậy thấy cái gì?

–Này thiện nam! Tam-muội không ấy thấy các pháp chẳng không mà có thể làm cho rỗng lặng, nhưng chẳng phải điên đảo, như muối làm vật không mặn thành mặn. Tam-muội không ấy cũng như vậy, pháp chẳng không làm thành không. Này thiện nam! Tham là tánh có chẳng phải tánh không. Nếu tham là tánh không thì đáng lẽ chúng sinh không vì nhân duyên đó mà đọa vào địa ngục. Nếu đọa vào địa ngục thì sao tánh tham là không được? Này thiện nam! Tánh sắc là có. Những gì là tánh sắc? Chính là điên đảo. Vì điên đảo nên chúng sinh sinh tham đắm. Nếu tánh sắc chẳng phải điên đảo thì sao có thể khiến chúng sinh sinh tham đắm, vì sinh tham đắm cho nên biết tánh sắc chẳng phải không có. Do nghĩa này cho nên tu Tam-muội không chẳng phải là điên đảo. Này thiện nam! Tất cả phàm phu nếu thấy người nữ liền sinh tướng nữ. Bồ-tát không như vậy, tuy thấy người nữ nhưng không sinh tướng nữ, vì không sinh tướng nữ nên không sinh tham, không sinh tham nên chẳng điên đảo. Vì người đời thấy có tướng nữ nên Bồ-tát tùy thuận nói có người nữ. Nếu lúc thấy người nam mà nói người nữ thì là điên đảo, cho nên Ta bảo Xà-đề: “Này Bà-la-môn! Nếu ngươi cho ngày là đêm tức là điên đảo, cho đêm là ngày cũng là điên đảo, ngày là tướng ngày, đêm là tướng đêm thì đâu còn điên đảo”.

Này thiện nam! Tất cả Bồ-tát trụ ở bậc cửu địa thấy pháp có tánh, do đó nên không thấy Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh thì không còn thấy tánh của tất cả các pháp. Do tu tập Tam-muội không như thế nên không thấy pháp tánh, vì không thấy pháp tánh cho nên thấy Phật tánh. Chư Phật, Bồ-tát có hai thuyết: Một là có tánh, hai là không tánh. Vì chúng sinh cho nên nói có pháp tánh, vì các bậc Hiền Thánh nên nói không pháp tánh. Vì người bất không thấy được pháp không cho nên tu Tam muội không khiến thấy được không. Người không thấy pháp tánh cũng tu Tam-muội không nên thấy được không. Do nghĩa này nên tu không thì thấy được không. Này thiện nam! Ông nói thấy không, mà không đó là không có pháp thì thấy gì? Này thiện nam! Đúng thế! Đúng thế! Đại Bồ-tát thật không thấy gì, không thấy gì tức là không có gì, không có gì tức là tất cả các pháp. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, đối với tất cả các pháp đều không thấy gì; nếu có thấy thì không thấy Phật tánh, không thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, không được vào Đại Niết-bàn. Vì thế nên

Bồ-tát thấy tánh của tất cả các pháp không có gì. Này thiện nam! Bồ-tát không những do thấy Tam-muội mà thấy không, mà còn Bát nhã Ba-la-mật cũng không, Thiền Ba-la- mật cũng không, Tinh tấn Ba-la-mật cũng không, Nhẫn Ba-la-mật cũng không, Giới Ba-la-mật cũng không, Thí Ba-la-mật cũng không, sắc cũng không, nhãn cũng không, thức cũng không, Như Lai cũng không, Đại Bát Niết Bàn cũng không. Cho nên Bồ-tát thấy tất cả các pháp đều là không. Cho nên lúc ở thành Ca-tỳ-la, Ta bảo A-nan: "Ông chớ ưu sầu khóc lóc". A-nan liền thưa: "Bạch Thế Tôn! Nay quyến thuộc của con đều bị giết chết, sao con không ưu sầu khóc thương được, Như Lai cùng con đều sinh trưởng ở thành này, đồng là thân thích, quyến thuộc của dòng họ Thích, tại sao chỉ riêng Như Lai là không sầu não, dung nhan lại tươi sáng?". Này thiện nam! Ta lại bảo: "A-nan ông thấy thành Ca-tỳ-la là có thật, còn Ta thì thấy rỗng lặng, không sở hữu. Ông thấy dòng Thích là thân thích, còn Ta vì tu không nên không thấy. Vì nhân duyên này nên ông sinh sầu khổ, còn dung nhan Ta lại tươi sáng. Chư Phật, Bồ-tát tu tập Tam-muội không như vậy cho nên không sinh ưu sầu. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ chín".

Này thiện nam! Thế nào là Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn để thành tựu đầy đủ công đức thứ mười sau cùng? Này thiện nam! Bồ-tát khéo tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo vào Đại Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh, vì các chúng sinh phân biệt giảng nói kinh Đại Niết-bàn, hiển bày Phật tánh. Nếu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát tin lời trên đây thì đều được vào Đại Niết-bàn, nếu không tin thì luân hồi sinh tử.

Bấy giờ, Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những chúng sinh nào đối với kinh này không sinh tâm cung kính?

–Này thiện nam! Sau khi Ta nhập Niết-bàn có hàng đệ tử Thanh văn ngu si, phá giới, ưa tranh cãi, bỏ Mười hai bộ loại kinh văn, đọc tụng các thứ sách vở, tụng văn thủ bút của ngoại đạo, nhận chứa tất cả vật bất tịnh, nói là Phật cho phép. Những người này đem gỗ tốt chiên- đàn đổi lấy gỗ tạp, đem vàng đổi lấy đồng, đem bạc đổi lấy chì, đem lụa đổi lấy vải thô, đem cam lồ đổi chất độc. Thế nào là chiên-đàn đổi lấy gỗ tạp? Như đệ tử Ta vì sự cúng dường nên thuyết giảng kinh pháp cho hàng Bạch y. Bạch y phóng túng không thích nghe pháp; Bạch y ngồi chỗ cao, Tỳ-kheo ngồi chỗ thấp, cho đến đem những thức ăn uống ngon để cung cấp họ, họ vẫn không bằng lòng nghe. Đó gọi là đem chiên-đàn đổi lấy gỗ tạp. Thế nào là đem vàng đổi lấy đồng? Đồng dụ cho sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vàng dụ cho giới. Đệ tử của Ta vì sắc mà phá giới đã thọ. Đó gọi là đem vàng đổi lấy đồng. Thế nào là đem bạc đổi lấy chì? Bạc dụ cho mười điều lành, chì dụ cho mười điều ác. Đệ tử của Ta bỏ mười điều lành làm mười điều ác. Đó gọi là đem bạc đổi lấy chì. Thế nào là đem lụa đổi lấy vải thô? Vải thô dụ cho không hổ, không thẹn, lụa dụ cho hổ thẹn. Đệ tử của Ta xả bỏ hổ thẹn quen tập tánh không hổ thẹn. Đó gọi là đem lụa đổi lấy vải thô. Thế nào là đem cam lồ đổi lấy thuốc độc? Thuốc độc dụ cho các thứ lợi dưỡng, cam lồ dụ cho phép vô lậu. Đệ tử của Ta vì lợi dưỡng nên tự khen ngợi với Bạch y rằng Ta chứng pháp vô lậu. Đó là đem cam lồ đổi lấy thuốc độc. Do các Tỳ-kheo ác như vậy, nên khi kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, bấy giờ sẽ có các đệ tử thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói rộng rãi thì sẽ bị các Tỳ-kheo xấu ác giết hại. Bấy giờ, các Tỳ-kheo xấu ác cùng hội họp lập quy chế nghiêm ngặt: Nếu có người nào thọ trì, biên chép, đọc tụng, phân biệt giảng nói kinh Đại Niết-bàn thì không được cùng ở, cùng ngồi, cùng bàn luận, chuyện trò. Vì sao? Vì kinh Đại Niết-bàn chẳng phải Phật thuyết mà là do tà kiến tạo ra. Người tà kiến tức là Lục sư ngoại đạo, kinh điển của Lục sư chẳng phải là kinh điển của Phật. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều thuyết giảng các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Nếu nói các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh thì đâu phải là kinh do Phật thuyết. Chư Phật, Bồ-tát cho các Tỳ-kheo cất giữ đủ loại đồ vật. Lục sư ngoại đạo không cho đệ tử cất giữ tất cả các vật. Nghĩa như vậy thì đâu phải là lời giảng nói của Phật. Chư Phật, Bồ-tát không cấm đệ tử dứt trừ năm vị sữa bò và ăn thịt. Lục sư ngoại đạo không cho ăn năm thứ muối, năm thứ vị sữa bò và huyết mỡ. Nếu dứt bỏ những thứ ấy thì đâu phải là kinh điển chính của Phật. Chư Phật, Bồ-tát thuyết giảng ba thừa mà kinh này chuyên nói nhất thừa, nghĩa là Đại Niết-bàn, nói như vậy thì đâu phải là kinh điển chính của Phật. Chư Phật hoàn toàn nhập Niết-bàn, kinh này nói Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, không nhập Niết-bàn. Kinh này không ở trong số mười hai bộ, tức là ma thuyết chẳng phải Phật thuyết. Này thiện nam! Người như vậy tuy là đệ tử Ta mà chẳng tin thuận kinh Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Trong thời kỳ ấy, nếu có chúng sinh tin kinh điển này cho đến nửa câu thì nên biết, người ấy thật là đệ tử của Ta. Do tin như thế liền thấy Phật tánh nhập vào Niết-bàn.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại bạch Phật:

–Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn! Hôm nay Đức Như Lai khéo khai thị kinh Đại Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Con nhân việc này mà được hiểu rõ nửa câu, một câu của kinh Đại Niết-bàn. Do hiểu nửa câu đến một câu nên thấy một chút Phật tánh, cứ như lời Đức Phật dạy, con sẽ vào được Đại Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ mười.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXVII

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 1

Khi ấy, Đức Phật bảo tất cả đại chúng:

–Này các Thiện nam! Các ông nếu nghi là có Phật không có Phật, có Pháp không có Pháp, có Tăng không có Tăng, có khổ không có khổ, có tập không có tập, có diệt không có diệt, có đạo không có đạo, có thật không có thật, có ngã không có ngã, có lạc không có lạc, có tịnh không có tịnh, có thường không có thường, có thừa không có thừa, có tánh không có tánh, có chúng sinh không có chúng sinh, có hữu không có hữu, có chân như không có chân như, có nhân không có nhân, có quả không có quả, có tạo tác không có tạo tác, có nghiệp không có nghiệp, có quả báo không có quả báo, thì hôm nay các ông cứ thưa hỏi đi! Ta sẽ vì các ông mà phân biệt giảng nói.

Này thiện nam! Ta thật không thấy ai, hoặc trời, hoặc người, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn đến hỏi mà Ta không giải đáp được.

Lúc ấy, trong chúng có Bồ-tát tên là Sư Tử Hống, từ chỗ ngồi đứng dậy nghiêm nét mặt, sửa y phục, bước tới trước đảnh lễ sát chân Phật quỳ gối chắp tay thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn thưa hỏi, cúi xin Đức Như Lai đại từ cho phép.

Khi ấy Đức Phật bảo các đại chúng:

–Này các thiện nam! Hôm nay các ông nên cung kính, tôn trọng, khen ngợi Bồ-tát này và nên đem các thứ hương hoa, âm nhạc, anh lạc, phướn lọng, y phục, đồ ăn uống, đồ nằm, thuốc men, nhà cửa, cung điện để cúng dường Bồ-tát, đón vị ấy đến, đưa vị ấy đi. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát này đã ở nơi chư Phật quá khứ trồng sâu căn lành thành tựu phước đức, vì vậy hôm nay, muốn ở trước Ta mà thưa hỏi.

Này thiện nam! Như sư tử chúa tự biết sức lực, nanh vuốt nhọn bén, bốn chân chống đất, đứng trong hang vẫy đuôi gầm rống. Nếu sư tử đầy đủ các tướng như vậy, thì nên biết nó có thể phát ra tiếng rống sư tử. Đúng là sư tử chúa thì sáng sớm ra khỏi hang, vươn vai ngáp, nhìn ngó bốn phương, phát tiếng rống lớn chấn động, là vì mười một điều. Mười một điều ấy là gì? Một là vì muốn loại trừ những loài thật sự chẳng phải là sư tử mà giả làm sư tử; hai là vì muốn thử sức mình; ba là vì muốn cho chỗ ở được sạch sẽ; bốn là vì muốn đàn sư tử con biết chỗ ở; năm là vì muốn đàn sư tử không có tâm sợ sệt; sáu là vì muốn kẻ ngủ say được tỉnh thức; bảy là vì muốn tất cả những con thú buông lung không còn buông lung; tám là vì muốn những loài thú khác đến chầu hầu; chín là vì muốn điều phục đại hương tượng; mười là vì muốn dạy bảo các con cái; mười một là vì muốn trang nghiêm quyến thuộc của mình. Tất cả các loài cầm thú khi nghe tiếng rống của sư tử thì loài ở dưới nước liền lặn xuống vực sâu, loài đi trên đất liền thì ẩn trốn trong hang, loài bay trên không thì rơi xuống, các đại hương tượng vì sợ hãi nên chạy vãi phân. Này thiện nam! Như loài chó sói kia tuy theo sư tử đến trăm năm nhưng không bao giờ rống lên tiếng sư tử, nếu là sư tử con, mới tròn ba năm thì có thể rống như sư tử chúa.

Này thiện nam! Như Lai Chánh Đẳng Giác có móng vuốt trí tuệ, chân bốn như ý túc, thân đầy đủ sáu Ba-la-mật, sức mạnh mười lực, đuôi đại bi, an trụ trong hang thanh tịnh tứ thiền, vì chúng sinh mà rống tiếng rống sư tử, diệt trừ ma quân, hiện bày mười lực, khai mở hành xứ của Phật, làm chỗ nương về cho hàng tà kiến, an ủi vỗ về các chúng sinh sợ hãi sinh tử, lay gọi chúng sinh tỉnh giấc ngủ vô minh, làm cho người tạo ác sinh tâm ăn năn, khai thị cho tất cả chúng sinh tà kiến, khiến biết hàng Lục sư chẳng phải là tiếng rống của sư tử, diệt tâm kiêu mạn của Phú-lan-na v.v… Vì làm cho hàng Nhị thừa sinh tâm hối hận, dạy các Bồ-tát ở địa thứ năm sinh tâm đại lực, làm cho bốn bộ chúng chánh kiến đối với bốn bộ đồ chúng tà kiến không sinh sợ hãi, nên từ nơi hang Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, vươn vai đi ra, vì muốn làm cho chúng sinh diệt trừ tâm kiêu mạn nên phải ngáp, vì muốn khiến các chúng sinh phát sinh pháp thiện nên đoái nhìn bốn phương, vì khiến chúng sinh được bốn vô ngại nên bốn chân sát đất, vì khiến chúng sinh an trú đầy đủ Giới Ba-la-mật nên rống tiếng rống sư tử. Tiếng rống sư tử là nói quả quyết rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ không có biến đổi.

Này thiện nam! Hàng Thanh văn, Duyên giác tuy theo Như Lai Thế Tôn vô lượng trăm ngàn số kiếp, nhưng cũng không thể làm sư tử rống. Bồ-tát Thập trụ nếu có thể tu hành ba hạnh như trên thì nên biết đó là sư tử rống. Này thiện nam! Đại Bồ-tát Sư Tử Hống này nay muốn làm đại sư tử rống như thế, vì vậy các ông nên chí tâm cung kính, cúng dường, tôn trọng khen ngợi.

Khi ấy Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Sư Tử Hống:

–Này thiện nam! Nếu ông muốn hỏi thì nay có thể tùy ý. Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Phật tánh? Do

nghĩa gì mà gọi là Phật tánh? Vì sao lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh thì tại sao không thấy được Phật tánh của tất cả chúng sinh? Bồ-tát Thập Trụ trụ những pháp gì mà không thấy rõ? Phật dùng con mắt gì mà thấy rõ?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lành thay! Lành thay! Nếu các người vì pháp mà thưa hỏi thì sẽ đầy đủ hai loại trang nghiêm. Một là trí tuệ, hai là phước đức. Bồ-tát nào đầy đủ hai loại trang nghiêm như vậy thì biết được Phật tánh, lại cũng rõ biết ý nghĩa Phật tánh, cho đến có thể biết Bồ-tát Thập Trụ dùng con mắt gì để thấy, chư Phật Thế Tôn dùng mắt gì để thấy?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là trí tuệ trang nghiêm? Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm?

–Này thiện nam! Trí tuệ trang nghiêm là từ một Địa cho đến mười Địa, đó là trí tuệ trang nghiêm. Phước đức trang nghiêm tức là Bố thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã chẳng phải là Bát-nhã Ba-la-mật. Này thiện nam! Trí tuệ trang nghiêm tức là nói về chư Phật, Bồ-tát, phước đức trang nghiêm là nói về Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát Cửu Trụ.

Lại nữa, này thiện nam! Phước trang nghiêm là có tạo tác, có phiền não, có cõi, có quả báo, có chướng ngại, chẳng phải thường, là pháp phàm phu. Trí tuệ trang nghiêm là không tạo tác, không phiền não, không cõi, không quả báo, không chướng ngại và thường trụ. Này thiện nam! Nay ông đầy đủ hai loại trang nghiêm này, vì vậy nên có thể hỏi được diệu nghĩa rất sâu. Ta cũng đầy đủ hai loại trang nghiêm này nên có thể giải đáp được nghĩa ấy.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát đầy đủ hai loại trang nghiêm như vậy, thì không nên hỏi một loại, hai loại. Vậy sao Đức Thế Tôn có thể đáp một loại, hai loại. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có một loại, hai loại. Một loại, hai loại là tướng của phàm phu.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát không có hai thứ trang nghiêm này, thì không thể biết được một thứ, hai thứ, nếu có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm, thì có thể hiểu biết một thứ, hai thứ. Nếu nói các pháp không một, không hai thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu không một không hai thì tại sao nói là tất cả các pháp không một không hai? Này thiện nam! Nếu nói một, hai là tướng của phàm phu thì đó gọi là Bồ-tát Thập Trụ, chẳng phải là phàm phu. Vì sao? Vì một gọi là Niết-bàn, hai gọi là sinh tử. Vì sao một gọi là Niết-bàn? Vì Niết-bàn là thường. Vì sao hai gọi là sinh tử? Vì có ái, có vô minh. Cái thường của Niết-bàn, chẳng phải là tướng phàm phu. Cái hai của sinh tử cũng chẳng phải là tướng của phàm phu. Do nghĩa này nên người đầy đủ hai thứ trang nghiêm này thì có thể hỏi, có thể đáp.

Này thiện nam! Ông hỏi thế nào là Phật tánh? Vậy hãy lắng nghe, Ta vì ông mà phân biệt giảng nói.

Này thiện nam! Phật tánh gọi là Đệ nhất nghĩa không, Đệ nhất nghĩa không gọi là trí tuệ. Nói không tức là không thấy không và bất không. Trí tuệ là thấy không và bất không, thường cùng vô thường, khổ với lạc, ngã với vô ngã. Không là tất cả sinh tử, bất không là Đại Niết-bàn, cho đến vô ngã tức là sinh tử; ngã tức là Đại Niết-bàn, thấy tất cả không mà không thấy bất không thì không gọi là trung đạo cho đến thấy tất cả vô ngã mà không thấy ngã thì không gọi là trung đạo. Trung đạo gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Phật tánh thường hằng không có biến đổi, vì vô minh che lấp khiến chúng sinh không thể thấy được. Còn hàng Thanh văn, Duyên giác thì thấy tất cả đều không, không thấy bất không, cho đến thấy tất cả là vô ngã, không thấy ngã. Do nghĩa này nên không đắc Đệ nhất nghĩa không, vì không đắc Đệ nhất nghĩa không nên không hành trung đạo, vì không hành trung đạo nên không thấy Phật tánh. Này thiện nam! Có ba hạng không thấy trung đạo: Một là định lạc hành, hai là định khổ hành, ba là khổ lạc hành. Định lạc hành là Đại Bồ-tát vì thương xót tất cả chúng sinh nên tuy ở địa ngục A-tỳ nhưng an vui như ở đệ tam thiền. Định khổ hành là hạng phàm phu. Khổ lạc hành là hàng Thanh văn, Duyên giác. Thanh văn, Duyên giác hành nơi khổ lạc mà tưởng là trung đạo. Do nghĩa này nên tuy có Phật tánh mà không thấy được. Như ông hỏi, vì nghĩa gì mà gọi là Phật tánh? Này thiện nam! Phật tánh tức là chủng tử trung đạo của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của tất cả chư Phật. Này thiện nam! Đạo có ba bậc: hạ, thượng, trung. Bậc hạ là Phạm thiên, vô thường nhận lầm là thường. Bậc thượng là sinh tử vô thường nhận lầm là thường, Tam bảo là thường chấp là vô thường. Sao gọi là bậc thượng? Vì có thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bậc trung là Đệ nhất nghĩa không: vô thường thấy là vô thường, thường thấy là thường. Đệ nhất nghĩa không không gọi là bậc hạ. Vì sao? Vì điều này tất cả phàm phu không đạt được nên không gọi là bậc thượng. Vì sao? Vì đó chính là bậc thượng. Đạo của chư Phật, Bồ-tát tu thì không thượng, không hạ. Do nghĩa này nên gọi là trung đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Cội nguồn của sinh tử có hai loại: Một là vô minh, hai là hữu ái. Trung gian hai loại này thì có khổ sinh, già, bệnh, chết. Đó gọi là trung đạo. Trung đạo như thế có thể phá trừ sinh tử nên gọi là trung. Do nghĩa này nên pháp trung đạo gọi là Phật tánh. Vì thế nên Phật tánh là thường, lạc, ngã, tịnh, do chúng sinh không thấy được nên thành vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Này thiện nam! Ví như người nghèo trong nhà có kho châu báu mà người này không thấy, vì không thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Có người bạn chỉ cho người ấy: "Ở trong nhà của bạn có kho châu báu, thế sao bạn nghèo khổ khốn cùng, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh như vậy?". Rồi dùng phương tiện làm cho người ấy được thấy. Vì được thấy nên người ấy được thường, lạc, ngã, tịnh. Phật tánh cũng vậy, chúng sinh không thấy được, vì không thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nhờ có thiện tri thức, nhờ chư Phật và Bồ-tát dùng nhiều phương tiện dạy bảo, làm cho chúng sinh được thấy, vì được thấy nên chúng sinh liền được thường, lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Kiến chấp của chúng sinh gồm có hai: Một là chấp thường, hai là chấp đoạn. Hai kiến chấp ấy không được gọi là trung đạo. Không thường, không đoạn tức là trí quán chiếu mười hai nhân duyên, trí quán chiếu này gọi là

Phật tánh. Hàng Nhị thừa tuy quán nhân duyên nhưng cũng không được gọi là Phật tánh. Phật tánh tuy là thường nhưng vì chúng sinh bị vô minh che lấp nên không thể thấy được. Lại chưa qua được sông mười hai nhân duyên, giống như thỏ và ngựa. Vì sao? Vì không thấy Phật tánh.

Này thiện nam! Trí tuệ quán chiếu mười hai nhân duyên là hạt giống của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Này thiện nam! Ví như dưa hấu gọi là bệnh nóng. Vì sao? Vì có thể làm nhân duyên gây ra bệnh nóng. Mười hai nhân duyên cũng vậy. Này thiện nam! Phật tánh có nhân, có nhân của nhân, có quả, có quả của quả. Có nhân tức là mười hai nhân duyên, nhân của nhân tức là trí tuệ; có quả tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quả của quả tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Này thiện nam! Như vô minh là nhân, các hành là quả, hành là nhân, thức là quả, do nghĩa này nên thể của vô minh ấy cũng là nhân, mà cũng là nhân của nhân; thức cũng là quả và cũng là quả của quả, Phật tánh cũng như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên không sinh, không diệt, không thường, không đoạn, chẳng phải một, chẳng phải hai, không đến, không đi, chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Này thiện nam! Là nhân chẳng phải quả như Phật tánh; là quả chẳng phải nhân như Đại

Niết-bàn; vừa là nhân vừa là quả như các pháp do mười hai nhân duyên sinh ra; chẳng phải nhân, cũng chẳng phải quả gọi là Phật tánh, vì chẳng phải nhân, quả nên thường hằng không biến đổi. Do nghĩa này, nên trong kinh Ta nói, mười hai nhân duyên nghĩa lý rất sâu xa, không thấy, không biết được, không thể tư duy, chính là cảnh giới của chư Phật, Bồ-tát, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được. Do nghĩa gì mà rất là sâu xa? Hành nghiệp của chúng sinh không thường, không đoạn mà bị quả báo, tuy niệm niệm diệt mà không mất, tuy không có tác giả mà có nghiệp tạo tác, tuy không người thọ nhận mà có quả báo. Người thọ nhận tuy đã diệt nhưng quả không hư mất, không có sự suy biết do hòa hợp có. Tất cả chúng sinh tuy cùng đi với mười hai nhân duyên mà không thấy, không biết, vì không thấy, không biết nên không có chung thỉ. Bồ-tát Thập Trụ chỉ thấy chung mà không thấy thỉ, còn chư Phật Thế Tôn thấy cả thỉ chung. Do nghĩa này nên chư Phật thấy được Phật tánh rõ ràng. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh vì không thấy mười hai nhân duyên nên bị luân chuyển. Này thiện nam! Như tằm làm kén tự sinh tự chết, tất cả chúng sinh cũng như vậy. Vì không thấy Phật tánh nên tự tạo nghiệp trói buộc luân chuyển trong sinh tử giống như đánh trái cầu. Này thiện nam! Vì thế nên trong các kinh Ta nói: “Người nào thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, thấy pháp tức là thấy Phật” Phật ấy chính là Phật tánh. Vì sao? Vì tất cả chư Phật lấy đây làm tánh. Này thiện nam! Trí quán sát mười hai nhân duyên gồm có bốn bậc: Một là bậc hạ, hai là bậc trung, ba là bậc thượng, bốn là thượng thượng. Trí bậc hạ quán thì không thấy Phật tánh, vì không thấy nên chứng được đạo Thanh văn; trí bậc trung quán thì không thấy Phật tánh, vì không thấy nên chứng được đạo Duyên giác; trí bậc thượng quán thì không thấy rõ ràng, vì không thấy rõ ràng nên trụ vào Thập Trụ; trí bậc thượng thượng quán thì thấy rõ ràng, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh ấy tức là Đệ nhất nghĩa không, Đệ nhất nghĩa không tức là trung đạo, trung đạo tức là Phật, Phật tức là Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Phật và Phật tánh không sai khác thì tất cả chúng sinh cần gì để tu đạo?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông hỏi thì nghĩa đó không đúng. Phật cùng với Phật tánh tuy không sai khác, nhưng các chúng sinh đều chưa đầy đủ. Này thiện nam! Ví như có người tâm ác muốn hại mẹ, hại rồi sinh lòng hối hận, tuy nghiệp thứ hai lành, nhưng người đó vẫn gọi là người ở địa ngục. Vì sao? Vì người đó chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục. Người ấy tuy không ở địa ngục nhưng ấm, giới và các nhập vẫn còn như cũ nên gọi là người ở địa ngục. Này thiện nam! Vì vậy cho nên, trong các kinh Ta nói: "Nếu thấy người nào tu hành các hạnh lành thì gọi là thấy trời người, tu hành các hạnh ác thì gọi là thấy địa ngục". Vì sao? Vì chắc chắn sẽ nhận quả báo. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh chắc chắn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên Ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng tất cả chúng sinh thật ra chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa này nên ở đây Ta nói kệ:

Trước có nay không
Trước không nay có
Ba đời có pháp
Là điều không có.

Này thiện nam! Có gồm ba thứ: Một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có. Tất cả chúng sinh đời vị lai sẽ có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gọi là Phật tánh. Tất cả chúng sinh đời hiện tại đều có phiền não kiết sử, cho nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sinh đời quá khứ có đoạn trừ phiền não nên hiện tại được thấy Phật tánh. Do nghĩa này nên Ta thường nói: "Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh", cho nên Nhất-xiển- đề… cũng có Phật tánh. Nhất-xiển-đề v.v… không có pháp thiện, mà Phật tánh là pháp thiện thì đời vị lai họ sẽ có. Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề chắc chắn sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Ví như có người trong nhà có sữa, sữa đặc. Có người hỏi: "Ông có váng sữa không?". Đáp: "Tôi có". Sữa đặc thật chẳng phải là váng sữa nhưng dùng phương tiện khéo léo thì chắc chắn sẽ được nên nói là có váng sữa. Chúng sinh cũng vậy, thảy đều có tâm. Phàm khi có tâm chắc chắn sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Ta thường nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Rốt ráo có hai loại: Một là rốt ráo trang nghiêm, hai là rốt ráo cứu cánh. Một là rốt ráo thế gian, hai là rốt ráo xuất thế gian. Rốt ráo trang nghiêm là sáu Ba-la-mật, rốt ráo cứu cánh là tất cả chúng sinh chứng đắc Nhất thừa. Nhất thừa ấy gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Tất cả chúng sinh đều có Nhất thừa, nhưng vì vô minh che lấp nên không thể thấy được. Này thiện nam! Như cõi Uất-đơn-việt, cõi trời Ba Mươi Ba, vì bị quả báo che lấp nên chúng sinh ở cõi này không thể thấy được. Phật tánh cũng như vậy, do các phiền não kiết sử ngăn che nên chúng sinh không thấy.

Lại nữa, này thiện nam! Phật tánh tức là Tam-muội Thủ-lăng- nghiêm, tánh như đề hồ, chính là mẹ của tất cả chư Phật. Vì lực của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm khiến chư Phật được thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, vì không tu hành nên không được thấy. Vì vậy cho nên không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Tam-muội Thủ-lăng- nghiêm có năm tên: Một là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, hai là Trí tuệ Ba-la-mật, ba là Tam-muội Kim cang, bốn là Tam-muội Sư tử hống, năm là Phật tánh. Tùy theo chỗ tác dụng của Tam-muội ấy mà được gọi tên. Này thiện nam! Như một Tam-muội mà được nhiều tên, như thiền gọi là tứ thiền, căn gọi là định căn, lực gọi là định lực, giác gọi là định giác, chánh gọi là chánh định, bát đại nhân giác gọi là định giác, định Thủ-lăng-nghiêm cũng như vậy. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đầy đủ ba môn định. Đó là thượng, trung, hạ. Thượng là Phật tánh, do vậy nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Trung là tất cả chúng sinh đầy đủ Sơ thiền, khi có nhân duyên thì có thể tu tập, nếu không có nhân duyên thì không thể tu tập. Nhân duyên có hai loại: Một là nạn cháy, hai là phá trừ kiết sử ở cõi Dục. Do nghĩa này nên nói tất cả chúng sinh đều đầy đủ định bậc trung. Định bậc hạ là định tâm sở trong mười hai đại địa. Do nghĩa này nên nói tất cả chúng sinh đều đầy đủ định bậc hạ. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nhưng phiền não che lấp nên không thể thấy được. Bồ-tát Thập Trụ tuy thấy Nhất thừa nhưng chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ. Vì vậy nên nói Bồ- tát Thập Địa tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng. Này thiện nam! Thủ-lăng gọi là tất cả việc đều rốt ráo, Nghiêm gọi là bền chắc. Tất cả rốt ráo mà được bền chắc nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Vì vậy nên nói định Thủ-lăng-nghiêm là Phật tánh.

Này thiện nam! Một thuở nọ Ta ở bên sông Ni-liên-thiền bảo A- nan: "Nay Ta muốn tắm rửa, ông có thể lấy y phục và đem cả bột đậu nữa". Ta đã vào trong nước, tất cả những loài chim bay và các loài ở dưới nước, trên đất liền đều đến nhìn Ta. Lúc ấy, lại có năm trăm Phạm chí đến bên sông, nhân tới chỗ Ta, họ bảo nhau: "Làm thế nào để được thân Kim cang? Giả sử Cù-đàm không nói đoạn kiến thì ta sẽ theo ông ấy thỉnh thọ trai". Này thiện nam! Khi ấy Ta dùng tha tâm trí biết tâm niệm của Phạm chí, rồi bảo Phạm chí: "Tại sao bảo là Ta nói đoạn kiến?". Các Phạm chí nói: "Thưa Cù-đàm! Thuở trước rải rác trong các kinh, Ngài nói các chúng sinh đều không có ngã. Đã nói là không có ngã thì sao lại nói là không đoạn kiến? Nếu không có ngã thì ai là người giữ giới? Ai là người phá giới?". Khi ấy, Ta nói: "Ta cũng không nói tất cả chúng sinh đều không có ngã, Ta thường nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Thế Phật tánh lẽ nào chẳng phải là ngã sao? Do nghĩa này nên Ta không nói đoạn kiến. Vì tất cả chúng sinh không thấy Phật tánh nên cho là vô thường, vô lạc, vô ngã và vô tịnh. Như vậy mới gọi là đoạn kiến”. Khi các Phạm chí nghe nói Phật tánh tức là ngã liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ-đề; tất cả các loài chim bay, những loài dưới nước, trên đất liền cũng đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Đã phát tâm rồi bỗng nhiên liền được xả thân súc sinh.

Này thiện nam! Là Phật tánh thì thật chẳng phải ngã, vì chúng sinh nên gọi là ngã. Này thiện nam! Vì nhân duyên nên Như Lai nói vô ngã là ngã, mà thật không có ngã, tuy nói như vậy nhưng không có hư vọng. Này thiện nam! Vì có nhân duyên nên Như Lai nói ngã là vô ngã, mà thật có ngã, vì thế giới nên tuy nói vô ngã nhưng không có hư vọng. Phật tánh là vô ngã mà Như Lai nói là có ngã, vì Phật tánh là thường; Như Lai là ngã mà nói là vô ngã, vì được tự tại.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh như Lực sĩ Kim cang thì do nghĩa gì mà tất cả chúng sinh không thể thấy được?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như sắc pháp tuy có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hình chất dài, ngắn đều khác nhau nhưng người mù không thấy. Dầu không thấy nhưng cũng không thể nói là không có xanh, vàng, đỏ, trắng, hình chất dài, ngắn. Vì sao? Vì người mù nên không thấy, nhưng người có mắt thấy. Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sinh đều không thể thấy, nhưng hàng Bồ-tát Thập Trụ thì thấy được một phần ít, còn Như Lai thì thấy hoàn toàn. Cái thấy của Bồ-tát Thập Trụ về Phật tánh như đêm tối thấy sắc, còn cái thấy của Như Lai như ban ngày thấy sắc. Này thiện nam! Như người mù lòa thấy sắc không rõ, có lương y giỏi điều trị mắt, do công dụng của thuốc nên được thấy rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ cũng như vậy, tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng, nhờ lực của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm cho nên thấy được rõ ràng. Này thiện nam! Nếu người nào thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc và vô tịnh và thấy cái chẳng phải tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh thì người như thế không thấy Phật tánh. Tất cả là sinh tử, chẳng phải tất cả là Tam bảo. Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả các pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, cái chẳng phải tất cả các pháp cũng thấy vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Do nghĩa này cho nên không thể thấy Phật tánh. Bồ-tát Thập Trụ thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, phần chẳng phải tất cả các pháp thì thấy là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong mười phần thấy được một phần. Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, chẳng phải tất cả các pháp đều thấy là thường, ngã, lạc, tịnh. Do nghĩa này nên thấy Phật tánh như quả A-ma- lặc trong lòng bàn tay. Do nghĩa này nên định Thủ-lăng-nghiêm gọi là rốt ráo.

Này thiện nam! Như trăng đầu tháng, tuy không thấy trăng nhưng không thể nói là không có. Phật tánh cũng như vậy, tất cả phàm phu tuy không thấy được, nhưng cũng không thể nói là không có Phật tánh.

Này thiện nam! Phật tánh là mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ. Tất cả chúng sinh đều có ba thứ phá trừ phiền não, nên sau mới thấy được Nhất-xiển-đề, do phá trừ Nhất-xiển-đề nên về sau có thể được mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ. Do nghĩa này nên Ta thường nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có mười hai nhân duyên, cũng có nội, cũng có ngoại. Những gì là mười hai? Phiền não quá khứ gọi là vô minh, nghiệp quá khứ gọi là hành, trong đời hiện tại lúc ban đầu thọ thai gọi là thức, vào thai rồi mà năm phần bốn căn chưa đầy đủ gọi là danh sắc, đầy đủ bốn căn nhưng khi chưa gọi là xúc thì gọi là sáu nhập, chưa phân biệt khổ vui gọi là xúc, nhiễm tạp một ái gọi là thọ, huân tập gần gũi với năm dục gọi là ái, tham lam mong cầu trong và ngoài gọi là thủ, vì sự trong và ngoài mà khởi nghiệp thân, miệng, ý gọi là hữu; thức đời hiện tại gọi là sinh đời vị lai; danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, đời hiện tại gọi là lão, bệnh, tử của đời vị lai. Đó là mười hai nhân duyên. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh tuy có mười hai nhân duyên như vậy, hoặc có mà chưa đầy đủ, khi chết không có mười hai nhân duyên như Ca-la-la. Từ khi sinh đến khi già chết được đầy đủ mười hai. Chúng sinh ở cõi Sắc không có ba thứ thọ, ba thứ xúc và ba thứ ái, không có lão bệnh, nhưng cũng được gọi là đầy đủ mười hai. Chúng sinh ở cõi Vô sắc thì không có sắc cho đến không có lão bệnh nhưng cũng được gọi là đầy đủ mười hai. Do chắc chắn là được nên nói rằng tất cả chúng sinh bình đẳng đều đầy đủ mười hai nhân duyên. Này thiện nam! Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên Ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh

Này thiện nam! Ở núi Tuyết có loại cỏ tên là Nhẫn nhục, nếu bò ăn thì sinh ra chất đề hồ. Lại có loại cỏ khác nếu bò ăn thì không có chất đề hồ, tuy không có chất đề hồ nhưng cũng không thể nói trong núi Tuyết không có loại cỏ Nhẫn nhục.

Phật tánh cũng như vậy, núi Tuyết là Như Lai, cỏ Nhẫn nhục là Đại Niết-bàn, thứ cỏ khác là Mười hai bộ loại kinh văn. Chúng sinh nào có thể được nghe nhận, thưa hỏi Đại Bát Niết Bàn thì thấy được Phật tánh. Trong Mười hai bộ loại kinh văn, tuy chẳng nghe có nhưng không thể nói là không có Phật tánh. Này thiện nam! Phật tánh ấy cũng là sắc, chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng phải sắc. Cũng là tướng, chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng phải tướng. Cũng là một, chẳng phải một, chẳng phải chẳng phải một. Chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng phải chẳng phải thường, chẳng phải chẳng phải đoạn. Cũng có, cũng không, chẳng phải có, chẳng phải không. Cũng tận, chẳng phải tận, chẳng phải chẳng phải tận. Cũng nhân, cũng quả, chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Cũng nghĩa, chẳng phải nghĩa, chẳng phải chẳng phải nghĩa. Cũng là danh tự, chẳng phải danh tự, chẳng phải chẳng phải danh tự. Vì sao gọi là sắc? Là thân kim cang. Vì sao là chẳng phải sắc? Mười tám pháp chẳng phải là sắc pháp. Vì sao gọi là chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng phải sắc? Vì sắc và chẳng phải sắc không có tướng chắc chắn. Vì sao gọi là tướng? Vì có ba mươi hai tướng. Vì sao gọi là chẳng phải tướng? Vì tất cả chúng sinh không có tướng hiện ra. Vì sao gọi là chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng phải tướng? Vì tướng, chẳng phải tướng không có chắc chắn. Vì sao gọi là một? Vì tất cả chúng sinh đều có Nhất thừa. Sao gọi là chẳng phải một? Vì nói Tam thừa. Sao gọi là chẳng phải một, chẳng phải chẳng phải một? Vì vô số pháp. Sao gọi là chẳng phải thường? Vì từ nơi duyên mà thấy. Sao gọi là chẳng phải đoạn? Vì xa lìa đoạn kiến. Sao gọi là chẳng phải chẳng phải thường, chẳng phải chẳng phải đoạn? Vì không có thỉ chung. Sao gọi là có? Vì tất cả chúng sinh đều có. Sao gọi là không? Vì từ phương tiện khéo léo mà thấy được. Sao gọi là chẳng phải có, chẳng phải không? Vì tánh rỗng không. Sao gọi là tận? Vì đạt được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Sao gọi là chẳng phải tận? Vì nó là thường. Sao gọi là chẳng phải tận, chẳng phải chẳng phải tận? Vì hết thảy tướng tận đều đoạn trừ. Sao gọi là nhân? Vì hiểu rõ nhân. Sao gọi là quả? Vì quả chắc chắn. Sao gọi là chẳng phải nhân, chẳng phải quả? Vì nó là thường. Sao gọi là nghĩa? Vì đều có thể thâu nhận nghĩa không bị chướng ngại. Sao gọi là chẳng phải nghĩa? Vì không thể nói. Sao gọi là chẳng phải nghĩa, chẳng phải chẳng phải nghĩa? Vì rốt ráo là không. Sao gọi là danh tự? Vì có tên gọi. Sao gọi là chẳng phải danh tự? Vì có tên mà thật không có tên. Sao gọi là chẳng phải danh tự, chẳng phải chẳng phải danh tự? Vì đoạn trừ tất cả danh tự. Sao gọi là chẳng phải khổ, chẳng phải vui? Vì đoạn trừ tất cả thọ. Sao gọi là chẳng phải ngã? Vì chưa có thể đầy đủ tám thứ tự tại. Sao gọi là chẳng phải chẳng phải ngã? Vì nó là thường. Sao gọi là chẳng phải ngã, chẳng phải chẳng phải ngã? Vì không tạo tác, không thọ nhận. Sao gọi là không? Đệ nhất nghĩa không. Sao gọi là chẳng phải không? Vì nó là thường. Sao gọi là chẳng phải không, chẳng phải chẳng phải không? Vì có thể làm chủng tử cho pháp thiện.

Này thiện nam! Người nào có thể tư duy hiểu rõ được nghĩa lý của kinh Đại Niết-bàn như vậy, thì nên biết người ấy thấy được Phật tánh. Phật tánh thì không thể nghĩ bàn, chính là cảnh giới của chư Phật Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được.

Này thiện nam! Phật tánh chẳng phải là ấm, giới, nhập; chẳng phải trước không mà nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không, từ nơi nhân duyên lành mà chúng sinh được thấy. Giống như khối sắt đen để vào lửa thì đỏ, lấy ra để nguội thì trở lại đen, nhưng màu đen ấy chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do nhân duyên mà có. Phật tánh cũng như vậy, nếu như lửa phiền não của tất cả chúng sinh diệt thì thấy nghe được. Này thiện nam! Như hạt giống tiêu thì mầm mọc ra, nhưng tánh của mầm ấy chẳng phải trong, chẳng phải ngoài; cho đến hoa quả cũng như vậy, đều từ nhân duyên mà có. Này thiện nam! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng như vậy, đều là sự thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp mới được thấy Phật tánh mà không rõ ràng? Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp mới thấy được rõ ràng?

–Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp, tuy thấy được Phật tánh nhưng không rõ ràng. Những gì là mười? Một là ít muốn, hai là biết đủ, ba là tịch tĩnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh tuệ, tám là giải thoát, chín là khen ngợi sự giải thoát, mười là Đại Niết-bàn giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ít muốn và biết đủ có gì khác nhau? Phật dạy:

–Này thiện nam! Ít muốn là không cầu không nhận, biết đủ là khi được ít tâm không hối hận. Ít muốn là ít có sự mong cầu, biết đủ là chỉ vì pháp sự tâm không buồn phiền. Này thiện nam! Dục có ba: Một là ác dục, hai là đại dục, ba là dục dục. Ác dục là, hoặc có Tỳ-kheo, sinh lòng tham muốn, muốn làm bậc thượng thủ của tất cả đại chúng, khiến cho tất cả Tăng chúng theo sau mình, khiến cho bốn bộ chúng đều phải cúng dường, cung kính, khen ngợi, tôn trọng mình, muốn mình ở trước bốn chúng nói pháp để làm cho tất cả phải tin theo lời mình, cũng khiến cho quốc vương, đại thần, trưởng giả phải cung kính, để làm cho mình được nhiều y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang, nhà cửa tốt đẹp. Đây là dục sinh tử, nên gọi là ác dục. Sao gọi là đại dục? Hoặc có Tỳ-kheo sinh lòng mong muốn: "Làm sao phải khiến cho bốn chúng đều biết được mình đạt bậc Sơ trụ, cho đến Thập trụ, được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la- hán, được Tứ thiền đến bốn trí vô ngại". Vì muốn lợi dưỡng nên gọi là đại dục. Dục dục là, hoặc có Tỳ-kheo muốn làm Phạm thiên, Ma thiên, Tứ đại thiên, Chuyển luân Thánh vương, hoặc Bát-đế-lợi, cư sĩ, hoặc Bà-la-môn để được tự tại, vì muốn lợi dưỡng nên gọi là dục dục. Nếu không bị ba thứ ác dục này làm hại thì gọi là ít muốn. Dục là hai mươi lăm ái, nếu không có hai mươi lăm ái như vậy thì gọi là ít muốn, không cầu sự mong muốn ở đời vị lai gọi là ít muốn. Được mà không tham đắm gọi là biết đủ, không mong cầu sự cung kính gọi là ít muốn, được mà không chất chứa gọi là biết đủ. Này thiện nam! Có người ít muốn mà không gọi biết đủ, có người biết đủ mà không gọi là ít muốn, cũng có người ít muốn mà cũng biết đủ, có người không biết đủ cũng không ít muốn. Ít muốn là bậc Tu-đà-hoàn, biết đủ là Phật-bích-chi, ít muốn, biết đủ là A-la-hán, không ít muốn, không biết đủ là Bồ-tát. Này thiện nam! Ít muốn biết đủ lại có hai loại: Một là thiện, hai là bất thiện. Bất thiện là phàm phu, thiện là Thánh nhân và Bồ-tát. Tất cả Thánh nhân tuy được đạo quả nhưng không tự xưng, vì không tự xưng nên trong lòng không hối hận, đó gọi là biết đủ. Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh Đại thừa Đại Niết-bàn vì muốn thấy Phật tánh nên tu tập ít muốn biết đủ.

Sao gọi là tịch tĩnh? Tịch tĩnh có hai loại: Một là tâm tịnh, hai là thân tịnh. Thân tịch tĩnh là không hề tạo ba nghiệp ác về thân, tâm tịch tĩnh thì cũng không hề tạo ba nghiệp ác về ý. Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh là không hề gần gũi với bốn chúng, không tham dự việc làm của bốn chúng. Tâm tịch tĩnh là không bao giờ tu tập tham dục, sân giận, ngu si. Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh. Hoặc có Tỳ-kheo tuy thân tịch tĩnh nhưng tâm không tịch tĩnh, có vị tâm tịch tĩnh mà thân không tịch tĩnh, có vị thân tâm đều tịch tĩnh, và có vị cả thân lẫn thân đều không tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh mà tâm không tịch tĩnh là các vị Tỳ- kheo ngồi thiền ở chỗ vắng lặng, xa lìa bốn chúng, tâm luôn chứa nhóm tham dục, sân hận và ngu si, đó gọi là thân tịch tĩnh mà tâm không tịch tĩnh.

Tâm tịch tĩnh mà thân không tịch tĩnh là các Tỳ-kheo gần gũi bốn chúng, quốc vương, đại thần mà đoạn trừ tham, sân, si, đó gọi là tâm tịch tĩnh mà thân không tịch tĩnh.

Thân tâm đều tịch tĩnh là Phật và Bồ-tát. Thân tâm không tịch tĩnh là các phàm phu. Vì sao? Vì người phàm phu tuy thân tâm tịnh nhưng không thể quán sát sâu xa về vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do nghĩa này nên người phàm phu không thể tịch tĩnh về nghiệp thân, miệng và ý. Hạng Nhất-xiển-đề, phạm bốn tội nặng, tạo năm tội nghịch, những hạng người như vậy cũng không được gọi là thân tâm tịch tĩnh.

Thế nào là tinh tấn? Nếu có Tỳ-kheo muốn làm cho nghiệp thân, miệng và ý thanh tịnh thì nên xa lìa tất cả các nghiệp bất thiện, tu tập tất cả các nghiệp thiện, đó gọi là tinh tấn. Siêng năng, nhớ nghĩ tinh tấn về sáu đối tượng, đó là Phật, Pháp, Tăng, giới, thí, thiên, đó là chánh niệm. Người có đủ chánh niệm thì được Tam-muội, đó gọi là chánh định. Người có chánh định quán thấy các pháp giống như hư không, đó gọi là chánh tuệ. Người có chánh tuệ xa lìa tất cả các phiền não trói buộc, đó gọi là giải thoát. Người được giải thoát, thì vì các chúng sinh mà khen ngợi giải thoát là thường hằng không biến đổi, đó gọi là khen ngợi giải thoát. Giải thoát tức là Đại Niết-bàn vô thượng. Niết-bàn tức là ngọn lửa phiền não trói buộc đã dập tắt. Niết-bàn gọi là nhà cửa. Vì sao? Vì có thể ngăn mưa gió phiền não. Lại

Niết-bàn gọi là nơi quay về nương tựa. Vì sao? Vì có thể qua khỏi tất cả sự lo sợ. Niết-bàn gọi là bến bãi. Vì sao? Vì bốn dòng sông lớn chảy xiết không thể cuốn trôi. Những gì là bốn? Một là dòng dục, hai là dòng hữu, ba là dòng kiến, bốn là dòng vô minh. Do vậy nên Niết-bàn gọi là bến bãi. Niết-bàn gọi là chỗ về rốt ráo. Vì sao? Vì có thể có được tất cả sự an lạc rốt ráo. Nếu có Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy, thì tuy được thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng.

Lại nữa, này thiện nam! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên không chứng đắc bốn quả Sa-môn. Những gì gọi là bốn bệnh? Đó là bốn sự ham muốn xấu: Một là ham muốn y phục, hai là ham muốn ăn uống, ba là ham muốn đồ nằm, bốn là ham muốn hữu. Đó là bốn ham muốn xấu, là bệnh của người xuất gia. Có bốn thứ thuốc có thể trị lành bệnh này. Đó là y phấn tảo, trị được bệnh ham muốn y phục của Tỳ- kheo, khất thực có thể trị được bệnh ham muốn ăn uống, ngồi dưới gốc cây có thể trị bệnh ham muốn đồ nằm, thân tâm tịch tĩnh có thể trị được bệnh ham muốn hữu của Tỳ-kheo. Nhờ bốn thứ thuốc này trị bốn thứ loại bệnh kia. Đó gọi là Thánh hạnh. Thánh hạnh như thế gọi là ít ham muốn biết đủ. Người tịch tĩnh có bốn điều vui. Những gì là bốn? Một là vui xuất gia, hai là vui tịch tĩnh, ba là vui vĩnh diệt, bốn là vui rốt ráo. Được bốn niềm vui này gọi là tịch tĩnh. Đủ bốn hạnh tinh tấn nên gọi là tinh tấn; đủ bốn niệm xứ nên gọi là chánh niệm; đủ bốn thiền vị nên gọi là chánh định; thấy bốn điều chân thật của bậc Thánh nên gọi là chánh tuệ; dứt hẳn tất cả phiền não ràng buộc nên gọi là giải thoát; quở trách tất cả lỗi của phiền não nên gọi là khen ngợi giải thoát. Này thiện nam! Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy, tuy thấy Phật tánh nhưng không được rõ ràng

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát nghe kinh này rồi, gần gũi tu tập, xa lìa tất cả sự việc ở thế gian, đó gọi là ít ham muốn, đã xa lìa rồi, không sinh tâm hối hận, đó gọi là biết đủ; đã biết đủ rồi gần ở chỗ vắng vẻ, xa lìa chỗ ồn ào, đó gọi là tịch tĩnh. Người không biết đủ thì không thích chỗ vắng vẻ; phàm người biết đủ thì thích chỗ vắng vẻ yên tĩnh, ở chỗ yên tĩnh thường suy nghĩ: “Tất cả thế gian đều nói ta đắc đạo quả Sa-môn, nhưng nay thật sự thì ta chưa được, nay ta sao lại lừa gạt mọi người”. Nghĩ như vậy rồi, liền siêng năng tu tập quả Sa-môn, gọi là tinh tấn, gần gũi tu tập Đại Niết-bàn gọi là chánh niệm, tùy thuận Thiên hạnh gọi là chánh định, an trụ trong định này thì có chánh kiến và chánh tri gọi là chánh tuệ, người chánh kiến chánh tri có thể xa lìa các phiền não trói buộc, gọi là giải thoát. Bồ-tát Thập Trụ vì chúng sinh mà khen ngợi Niết-bàn, gọi là khen ngợi giải thoát. Này thiện nam! Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy, tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng.

Lại nữa, này thiện nam! Người ít ham muốn là, như có Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ, luôn ngồi thẳng không nằm, hoặc ở dưới cội cây, hoặc ở trong gò mả, hoặc ở chỗ đất trống, tùy chỗ có cỏ mà ngồi trên đó, khất thực để ăn, được bao nhiêu cũng đủ, hoặc một lần ngồi ăn không quá một lần, chỉ chứa ba y, y phấn tảo, y bố, đó gọi là ít ham muốn. Đã thực hành việc này, tâm không hối hận đó gọi là biết đủ, tu pháp Tam- muội không đó gọi là tịch tĩnh; đắc bốn quả Sa-môn rồi, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm không dừng nghỉ, đó gọi là tinh tấn; chuyên tâm tư duy, Như Lai thường hằng, không có biến đổi, đó gọi là chánh niệm; tu tám pháp giải thoát đó gọi là chánh định; đắc bốn vô ngại, đó gọi là chánh tuệ; xa lìa bảy thứ lậu hoặc, đó gọi là giải thoát; khen ngợi Niết-bàn không có mười tướng, gọi là khen ngợi giải thoát. Mười tướng là: Sinh, già, bệnh, chết, sắc, thanh, hương, vị, xúc và vô thường. Xa lìa mười tướng này gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Đó là Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy, tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng.

Này thiện nam! Vì nhiều ham muốn nên gần gũi quốc vương, quan lớn, Trưởng giả, Bát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, tự xưng là mình đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, vì lợi dưỡng nên đi, đứng, ngồi, nằm cho đến đại tiện, tiểu tiện, nếu thấy đàn-việt vẫn chào hỏi, tiếp đón, nói chuyện. Người phá ác dục gọi là ít ham muốn, tuy chưa có thể diệt trừ phiền não trói buộc, nhưng có thể đồng hành với Như Lai, đó gọi là biết đủ. Này thiện nam! Hai pháp như vậy là nhân duyên gần gũi của niệm định, thường được Sư trưởng, bạn học khen ngợi. Ở trong khắp các kinh Ta thường khen ngợi hai pháp như vậy. Nếu người nào có thể đầy đủ hai pháp này thì được gần gũi Đại Niết-bàn và năm điều vui, đó gọi là tịch tĩnh. Người giữ giới vững chắc thì gọi là tinh tấn. Người có xấu hổ thì gọi là chánh niệm, không thấy tướng của tâm gọi là chánh định, không cầu nhân duyên tánh tướng của các pháp, đó gọi là chánh tuệ. Vì không có tướng nên phiền não dứt, đó gọi là giải thoát. Khen ngợi kinh Đại Niết-bàn như vậy gọi là khen ngợi giải thoát. Này thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát an trụ mười pháp, tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng. Này thiện nam! Như ông đã nói, Bồ-tát Thập Trụ dùng con mắt gì tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng, chư Phật Thế Tôn dùng con mắt gì thấy được Phật tánh rõ ràng. Này thiện nam! Do tuệ nhãn mà thấy nên không được rõ ràng, vì hạnh Bồ-đề không rõ ràng, nếu không hành thì được rõ ràng, an trụ nơi Thập trụ thì tuy thấy mà không rõ ràng, trụ nơi không trụ thì thấy được rõ ràng, Đại Bồ-tát vì nhân trí nên thấy không rõ ràng, chư Phật Thế Tôn vì dứt trừ nhân quả nên thấy rõ ràng. Người giác ngộ tất cả gọi là Phật tánh, Bồ-tát Thập Trụ không được gọi là bậc giác ngộ tất cả, nên tuy thấy được nhưng không rõ ràng. Này thiện nam! Thấy có hai loại: Một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Chư Phật Thế Tôn là mắt thấy Phật tánh, như xem trái A-ma-lặc ở trong bàn tay. Bồ-tát Thập Trụ là nghe thấy Phật tánh nên không rõ ràng, Bồ-tát Thập Trụ chỉ có thể tự biết chắc chắn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà không thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Lại có mắt thấy, chư Phật Như Lai và Bồ-tát Thập Trụ là mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy, tất cả chúng sinh cho đến địa thứ chín nghe thấy Phật tánh. Bồ-tát nếu nghe tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà không sinh lòng tin thì không gọi là nghe thấy. Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Như Lai thì nên tu tập Mười hai bộ loại kinh như thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh không thể biết được tướng tâm của Như Lai, vậy phải quán như thế nào mới được biết?

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh thật không thể biết được tướng tâm của Như Lai, nếu muốn quán sát để được biết thì có hai nhân duyên: Một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy nghiệp thân của Như Lai mà biết là Như Lai đó gọi là mắt thấy, nếu quán nghiệp miệng của Như Lai mà biết là Như Lai thì đó gọi là nghe thấy, nếu thấy sắc mạo mà tất cả chúng sinh không ai sánh bằng mà biết là Như Lai thì đó gọi là mắt thấy, nếu nghe âm thanh vi diệu tối thắng không đồng với âm thanh của chúng sinh mà biết là Như Lai thì đó gọi là nghe thấy. Hoặc thấy Như Lai biểu hiện thần thông là vì chúng sinh hay là vì lợi dưỡng, nếu vì chúng sinh mà không vì lợi dưỡng thì nên biết đó là Như Lai, đó gọi là mắt thấy. Hoặc quán Như Lai lúc dùng trí tha tâm thông để quán sát Như Lai là vì lợi dưỡng thuyết pháp hay vì chúng sinh thuyết pháp, nếu vì chúng sinh mà không vì lợi dưỡng thì nên biết đó là Như Lai, đó gọi là nghe thấy. Như Lai thọ thân này như thế nào, vì sao mà thọ thân, vì ai mà thọ thân, thì đó gọi là mắt thấy. Nếu quán sát Như Lai thuyết pháp như thế nào, vì sao thuyết pháp, vì ai mà thuyết pháp, thì đó gọi là nghe thấy. Nếu dùng nghiệp ác của thân gia hại mà không sân giận thì nên biết đó là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu dùng nghiệp ác của miệng gia hại mà không giận dữ thì nên biết đó là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy Bồ-tát lúc mới ra đời, đối với mười phương, mỗi phương đều đi bảy bước, các đại tướng quỷ thần

Ma-ni-bạt-đà, Phú-na-bạt-đà, cầm phướn lọng, chấn động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói rực khắp hư không, Long vương Nan-đà và Bạt-nan-đà dùng sức lực thần thông tắm thân Bồ-tát, chư Thiên hiện hình tiếp nghênh lễ bái, tiên A-tư-đà chắp tay cung kính, lớn khôn vứt bỏ năm dục, như bỏ nước miếng, nước mũi, không bị sự vui ở đời cám dỗ, xuất gia tu đạo, thích ở chỗ vắng lặng, vì phá trừ tà kiến nên sáu năm khổ hạnh, đối với chúng sinh bình đẳng không hai, tâm thường ở trong chánh định không bao giờ bị tán loạn, tướng hảo trang nghiêm, đi đến chỗ nào thì những gò nổng đều bằng phẳng, y phục cách rời thân bốn tấc không sa xuống, lúc đi nhìn thẳng, không ngó hai bên, vật thực của Phật ăn đơn giản bình thường, chỗ đứng ngồi cỏ không rối động, vì điều phục chúng sinh nên thuyết pháp, tâm không kiêu mạn, thì đó gọi là mắt thấy. Hoặc nghe Bồ-tát đi bảy bước rồi xướng lên như vầy: “Nay thân này của Ta là thân cuối cùng”. Tiên A-tư-đà chắp tay thưa: “Tâu đại vương! Thái tử Tất-đạt-đa nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bao giờ ở nhà làm Chuyển luân vương. Vì sao? Vì tướng hiện rõ ràng, còn Chuyển luân Thánh vương thì tướng không rõ ràng. Thái tử Tất-đạt-đa thân tướng sáng rỡ, do vậy nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Lúc thấy già, bệnh, chết liền nói: “Tất cả chúng sinh thật đáng thương xót, thường cùng với sinh, già, bệnh, chết đeo đuổi nhau, nhưng không biết quán sát để luôn làm theo điều khổ. Ta nên dứt trừ sự khổ ấy”. Theo Tiên nhân chứng năm thông là ông A-la-lã học định vô tưởng, đã thành tựu rồi, sau thấy chưa rốt ráo, lại theo Tiên nhân Uất-đà-dà để học định phi hữu tưởng phi vô tưởng, đã thành tựu rồi liền nói chẳng phải Niết-bàn, đó còn là pháp sinh tử, sáu năm khổ hạnh không có kết quả, liền nghĩ: “Tu khổ hạnh luống công vô ích, nếu là thật thì Ta đã chứng đắc, bởi hư vọng nên Ta không chứng đắc, đó gọi là tà thuật, chẳng phải là đạo chân chánh”, khi đã thành đạo rồi thì Phạm thiên kính thỉnh: “Ngưỡng mong Đức Như Lai vì chúng con mà khai mở cam lồ thuyết pháp vô thượng”. Ta bảo: “Này Phạm thiên! Tất cả chúng sinh thường bị phiền não che lấp, không thể lãnh thọ lời dạy về pháp chân chánh của Ta”. Phạm thiên thưa: “Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh phàm có ba hạng là lợi căn, trung căn, độn căn. Hạng lợi căn có thể lãnh thọ, ngưỡng mong Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp”. Ta bảo: “Này Phạm thiên! Lắng nghe! Lắng nghe! Nay Ta sẽ vì tất cả chúng sinh mà mở cửa cam lồ ở thành Ba-la-nại, chuyển pháp luân, tuyên nói trung đạo. Tất cả chúng sinh không phá trừ tất cả các sự trói buộc, chẳng phải là không thể phá trừ, chẳng phải phá trừ mà chẳng phải là không phá trừ, nên gọi là trung đạo; không cứu giúp chúng sinh chẳng phải là không thể cứu giúp, đó là trung đạo; chẳng phải tất cả thành tựu, cũng chẳng phải là không thành tựu, đó gọi là trung đạo. Phàm có nói ra điều gì, không tự nói là tầy, không nói là đệ tử, đó gọi là trung đạo; thuyết pháp không vì lợi, chẳng phải không được quả, đó gọi là trung đạo; nói đúng đắn, nói ngay thẳng, nói đúng lúc, nói chân thật, không hư dối, vi diệu đệ nhất”. Các pháp như vậy, gọi là nghe thấy. Này thiện nam! Tâm tướng của Như Lai thật không thể thấy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Như Lai phải nương theo hai nhân duyên này.

□

KINH ĐẠI BÁT BIẾT BÀN

QUYỂN XXVIII

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 2

Khi ấy, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trước đã nói, ví dụ về trái Am-ma-la chỉ cho bốn hạng người. Có người việc làm thì kỹ mà tâm không chánh thật, có người tâm thì kỹ mà việc làm không chánh thật, có người tâm kỹ mà việc làm cũng chánh thật, có người tâm không kỹ mà việc làm cũng chẳng chánh thật. Hai hạng người đầu, làm thế nào biết được? Như Phật nói, tuy nương đủ cả hai nhưng không thể biết được.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Dụ về trái Am-ma-la, hai hạng người v.v… thật khó có thể biết, vì khó biết nên trong kinh, Ta nói: Phải cùng ở chung, ở chung nếu không biết thì phải ở lâu, ở lâu nếu không biết thì nên dùng trí tuệ, dùng trí tuệ nếu không biết thì nên quan sát thật sâu xa, do quan sát sâu xa nên biết là trì giới hay phá giới. Thực hiện đủ bốn việc là ở chung, ở lâu, trí tuệ, quan sát mới biết là trì giới hay phá giới. Này thiện nam! Giới có hai loại. Trì giới cũng có hai: một là giới cứu cánh, hai là giới không cứu cánh. Có người nhờ nhân duyên nên thọ trì giới cấm, người trí phải quán sát người này trì giới là vì lợi dưỡng hay vì cứu cánh. Này thiện nam! Giới của Như Lai không có nhân duyên. Vì thế nên được gọi là giới cứu cánh. Do nghĩa này nên Bồ-tát tuy bị chúng sinh ác làm hại nhưng vẫn không khởi tâm sân hận. Do vậy, Như Lai được gọi là thành tựu trì giới rốt ráo, trì giới cứu cánh. Này thiện nam! Trước kia, có lúc Ta cùng Xá-lợi-phất và năm trăm đệ tử đồng ở thành Chiêm-bà, nước Ma-già-đà. Khi ấy, có người thợ săn đuổi theo một con bồ câu, bồ câu sợ hãi đến núp bóng Xá-lợi-phất nhưng vẫn còn run sợ như cây chuối, nhưng khi đến trong bóng của Ta thì thân tâm nó an ổn hết sợ hãi. Do vậy, nên biết Như Lai Thế Tôn đã trì giới rốt ráo, cho đến bóng của thân còn có năng lực như vậy. Này thiện nam! Giới không cứu cánh, không thể đắc quả Thanh văn, Duyên giác, huống gì là có thể đắc quả Bồ-đề vô thượng.

Lại có hai hạng: một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh pháp. Vì lợi dưỡng mà thọ trì giới cấm, nên biết giới này không thấy được Phật tánh và Như Lai, tuy nghe được Phật tánh và danh tự Như Lai nhưng vẫn không được gọi là nghe thấy. Nếu vì chánh pháp mà thọ trì giới cấm, nên biết giới này có thể thấy được Phật tánh và Như Lai, đó gọi là mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy. Lại có hai hạng: Một là gốc sâu khó nhổ, hai là rễ cạn dễ lay. Nếu có thể tu tập Không, Vô tướng, Vô nguyện, thì đó gọi là gốc sâu khó nhổ; nếu không tu tập ba môn Tam-muội này mà tu tập vì thoát hai mươi lăm cõi thì đó gọi là gốc cạn dễ lay. Lại có hai hạng: Một là vì thân mình, hai là vì chúng sinh. Người vì chúng sinh thì có thể thấy Phật tánh và Như Lai. Người trì giới lại có hai hạng: Một là tự tánh có thể trì, hai là cần phải có người khác dạy bảo. Nếu đã thọ giới mà trải qua vô lượng đời cũng không sai phạm, hoặc sinh nhằm nước ác, gặp bạn ác, thời kỳ ác, đời ác, nghe pháp ác, ở chung với kẻ tà kiến, khi ấy, tuy không có pháp thọ giới nhưng người này vẫn giữ giới pháp như cũ, không hề hủy phạm, thì đó gọi là tự tánh có thể trì giới. Nếu gặp sư Tăng, bạch tứ Yết-ma mà đắc giới, tuy đắc giới rồi nhưng cần phải nương nhờ Hòa thượng, các sư Tăng, bạn lành đồng học dạy bảo chỉ vẽ mới biết được việc nên làm, không nên làm, nghe pháp, nói pháp đầy đủ oai nghi, thì đó gọi là cần phải có người khác dạy bảo. Này thiện nam! Tự tánh có thể trì giới là, mắt thấy Phật tánh và Như Lai, cũng gọi là nghe thấy. Giới lại có hai: Một là giới Thanh văn, hai là giới Bồ-tát. Từ lúc mới phát tâm cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là giới Bồ-tát. Từ khi quán xương trắng cho đến chứng quả A-la-hán, đó gọi là giới Thanh văn. Nếu người nào trì giới Thanh văn thì nên biết người này không thấy Phật tánh và Như Lai. Nếu người nào trì giới Bồ-tát, thì nên biết người này đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấy được Phật tánh, Như Lai và Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật.

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà thọ trì giới cấm? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì tâm không hối hận. Vì sao không hối hận? Vì hưởng niềm an lạc. Vì sao hưởng niềm an lạc? Vì xa lìa. Vì sao xa lìa? Vì sự an ổn. Vì sao an ổn? Vì thiền định. Vì sao thiền định? Vì tri kiến chân thật. Vì sao tri kiến chân thật? Vì thấy những tội lỗi tai họa của sinh tử. Vì sao thấy những tội lỗi tai họa của sinh tử? Vì tâm không tham chấp. Vì sao tâm không tham vô thượng. Vì sao được Đại Niết-bàn vô thượng? Vì được pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Vì sao được pháp thường, lạc, ngã, tịnh? Vì được bất sinh bất diệt. Vì sao được bất sinh bất diệt? Vì thấy Phật tánh. Do vậy, Bồ-tát tánh có thể tự trì giới thanh tịnh cứu cánh. Này thiện nam! Tỳ-kheo trì giới tuy không phát nguyện cầu tâm không hối hận nhưng tâm không hối hận tự nhiên có được. Vì sao? Vì pháp tánh như vậy. Tuy không cầu sự an lạc, xa lìa, an ổn, tri kiến chân thật nhưng thấy tội lỗi sinh tử, tâm không tham trước giải thoát, Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, bất sinh, bất diệt và thấy Phật tánh mà tự nhiên được. Vì sao? Vì pháp tánh như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nhờ trì giới mà được quả không hối hận, nhân nơi giải thoát mà được quả Niết-bàn, thì giới là không nhân, Niết-bàn là không quả. Giới nếu là không nhân thì gọi là thường, Niết-bàn có nhân thì gọi là vô thường. Nếu như vậy thì Niết-bàn trước không mà nay có. Nếu trước không mà nay có thì là vô thường, cũng như thắp ngọn đèn. Niết-bàn nếu như vậy thì sao được gọi là ngã, lạc, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lành thay! Lành thay! Ông đã từng ở chỗ vô lượng chư Phật trồng nhiều căn lành mới có thể hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu xa như vậy. Này thiện nam! Ông không quên mất việc cũ mới hỏi như vậy. Ta nhớ thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, nơi thành Ba-la-nại, có Đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đắc. Khi ấy Đức Phật đó giảng nói kinh Đại Niết-bàn này trong ba ức năm. Lúc ấy Ta và ông cùng ở trong pháp hội đó. Ta đem việc này để thưa hỏi Đức Phật Thiện Đắc. Khi ấy Đức Như Lai vì chúng sinh mà nhập chánh định nên chưa đáp nghĩa này.

Lành thay! Này Đại sĩ! Ông mới có thể nhớ lại việc cũ như vậy. Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Giới cũng có nhân, tức là nghe chánh pháp; nghe chánh pháp cũng có nhân, tức là gần bạn lành; gần bạn lành cũng có nhân, tức là tín tâm; người có tín tâm cũng có nhân. Nhân có hai loại: Một là nghe pháp, hai là tư duy ý nghĩa. Này thiện nam! Người có tín tâm là nhân nơi nghe pháp, người được nghe pháp là nhân nơi tín tâm, hai pháp như vậy cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Này thiện nam! Ví như Ni-kiền-tử dựng lên bình tròn để vô minh duyên hành, hành duyên vô minh, vô minh và hành cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả; cho đến sinh duyên lão tử, lão tử duyên sinh, sinh và lão tử này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Này thiện nam! Sinh có thể sinh ra pháp nhưng không thể tự sinh, vì không thể tự sinh nên do sinh mà sinh ra sinh, sinh ra sinh cũng không tự sinh, lại nhờ sinh mà sinh. Vì thế, hai loại sinh này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Này thiện nam! Tín tâm và nghe pháp cũng vậy. Này thiện nam! Đó là quả chẳng phải nhân, tức là Đại Niết-bàn. Vì sao gọi là quả? Vì là quả Vô thượng, là quả Sa-môn, quả Bà-la-môn, vì dứt trừ sinh tử, diệt trừ phiền não, do vậy nên gọi là quả. Vì bị các phiền não quở trách nên Niết-bàn gọi là quả, phiền não gọi là lỗi lầm của lỗi lầm. Này thiện nam! Niết-bàn không có nhân mà thể của nó là quả. Vì sao? Vì không sinh diệt, không tạo tác, chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường không biến đổi, vì không nơi chốn, vì không bắt đầu, không kết thúc. Này thiện nam! Nếu Niết-bàn có nhân thì không được gọi là Niết-bàn. Bàn là nói nhân, Niết là nói không, không có nhân nên gọi là Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Như lời Đức Phật nói, Niết-bàn là không có nhân, nghĩa này không đúng. Nếu nói là không thì hợp lại sáu nghĩa: Một là rốt ráo không, nên gọi là không, như tất cả các pháp không có ngã, không có ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi là không, như người đời nói sông hồ không có nước, không có mặt trời mặt trăng. Ba là vì ít nên gọi là không, như người đời nói trong thức ăn ít mặn nên gọi là không mặn, nước ngọt ít ngọt nên gọi là không ngọt. Bốn là không lãnh thọ, nên gọi là không, như Chiên-đà-la không thể thọ trì pháp của Bà-la-môn nên gọi là không có Bà-la-môn. Năm là vì thọ pháp ác, nên gọi là không, như người đời nói người thọ pháp ác không được gọi là Sa-môn và Bà- la-môn, nên gọi là không có Sa-môn và Bà-la-môn. Sáu là vì không đối đãi, nên gọi là không, ví như không trắng thì gọi là đen, không sáng gọi là tối. Bạch Thế Tôn! Niết-bàn cũng như vậy, có khi không nhân nên gọi là Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hôm nay ông nói sáu nghĩa như vậy, thế sao ông không dẫn giải “rốt ráo không” để dụ cho Niết-bàn mà lại lấy lúc có lúc không. Này thiện nam! Thể của Niết-bàn rốt ráo không nhân, cũng như không ngã và không ngã sở. Này thiện nam! Pháp thế gian và Niết-bàn không bao giờ giống nhau, cho nên, sáu việc của ông không làm ví dụ được. Này thiện nam! Tất cả các pháp đều không có ngã mà Niết-bàn này chân thật có ngã. Do nghĩa này, nên Niết-bàn không nhân mà thể của nó là quả. Là nhân mà chẳng phải quả, gọi là Phật tánh, vì chẳng phải do nhân sinh nên là nhân mà chẳng phải là quả, vì chẳng phải quả Sa-môn, nên gọi là chẳng phải quả. Thế sao gọi là nhân? Vì là liễu nhân. Này thiện nam! Nhân có hai loại: Một là sinh nhân, hai là liễu nhân. Có khả năng sinh ra pháp nên gọi là sinh nhân, đèn có thể chiếu rõ đồ vật nên gọi là liễu nhân; phiền não trói buộc gọi là sinh nhân, cha mẹ của chúng sinh gọi là liễu nhân; như hạt lúa gọi là sinh nhân, đất, nước, phân gọi là liễu nhân. Lại có sinh nhân tức là sáu pháp Ba-la-mật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có liễu nhân tức là Phật tánh Bồ-đề vô thượng. Lại có liễu nhân tức là sáu pháp Ba- la-mật, Phật tánh, lại có sinh nhân tức là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có liễu nhân tức là tám Thánh đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có sinh nhân tức là tín tâm, sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, thấy Như Lai và Phật tánh, vậy nghĩa ấy như thế nào? Bạch Thế Tôn! Thân Như Lai không có tướng mạo, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải trắng, chẳng phải đen, không có phương sở, không ở trong tam giới, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải nhãn thức thấy được. Như thế thì làm sao có thể thấy được? Phật tánh cũng vậy.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thân Phật có hai loại: Một là thường, hai là vô thường. Thân vô thường là thân muốn độ thoát tất cả chúng sinh nên phương tiện thị hiện. Đó gọi là mắt thấy. Thân thường tức là thân giải thoát của Như Lai, cũng gọi là mắt thấy và cũng gọi là nghe thấy. Phật tánh cũng có hai: Một là có thể thấy, hai là không thể thấy. Có thể thấy là Bồ-tát Thập Trụ và chư Phật Thế Tôn, không thể thấy là tất cả chúng sinh. Mắt thấy là: Bồ-tát Thập Trụ và chư Phật Như Lai mắt thấy chúng sinh có Phật tánh. Nghe thấy là: Tất cả chúng sinh và Bồ- tát Cửu Trụ nghe có Phật tánh. Thân của Như Lai lại có hai loại: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc tức là Như Lai giải thoát, chẳng phải sắc là Như Lai đã dứt hẳn tướng các sắc. Phật tánh có hai: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc tức là Như Lai giải thoát, chẳng phải sắc là Như Lai đã dứt hẳn tướng các sắc. Sắc tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải sắc tức là hàng phàm phu cho đến Bồ-tát Thập Trụ. Bồ-tát Thập Trụ thấy không rõ ràng, nên gọi là chẳng phải sắc. Này thiện nam! Phật tánh lại có hai: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là chư Phật và Bồ-tát, chẳng phải sắc là tất cả chúng sinh. Sắc gọi là mắt thấy, chẳng phải sắc gọi là nghe thấy. Phật tánh chẳng phải trong cũng chẳng phải ngoài. Tuy chẳng phải trong, chẳng phải ngoài nhưng chẳng phải hoại mất, nên gọi là chúng sinh đều có Phật tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, như trong sữa có chất sữa đặc. Phật tánh của chư Phật, Lực sĩ Kim cương như đề hồ trong sạch. Thế sao Như Lai nói Phật tánh chẳng ở trong, chẳng ở ngoài?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta không nói là trong sữa có chất sữa đặc mà vì chất sữa đặc từ sữa sinh ra, nên nói có chất sữa đặc.

–Bạch Thế Tôn! Tất cả sinh pháp đều có thời tiết.

–Này thiện nam! Lúc là sữa thì không có chất sữa đặc, cũng không có váng sữa, bơ, đề hồ, tất cả chúng sinh cũng nói là sữa, cho nên Ta nói trong sữa không có chất sữa đặc. Nếu như có thì vì sao không có cả hai tên? Như người có hai nghề thì gọi là thợ vàng, sắt. Lúc là sữa đặc thì không có sữa tươi, váng sữa, bơ và đề hồ; chúng sinh cũng gọi là sữa đặc chẳng phải sữa, chẳng phải váng sữa, chẳng phải bơ và chẳng phải đề hồ cũng như vậy. Này thiện nam! Nhân có hai loại: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân là như sữa sinh sữa đặc, duyên nhân là như ủ ấm v.v… Vì từ sữa sinh nên nói trong sữa có tính sữa đặc.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sữa không có tính sữa đặc thì trong sừng trâu cũng không có. Vậy sao không từ sừng trâu sinh?

–Này thiện nam! Sừng trâu cũng sinh sữa đặc. Vì sao? Vì Ta cũng nói duyên nhân có hai loại: Một là ủ, hai là ấm. Tánh sừng trâu ấm nên cũng có thể sinh sữa đặc.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sừng trâu có thể sinh sữa đặc thì người tìm sữa đặc vì sao tìm nơi sữa mà không lấy nơi sừng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Do đó Ta nói chánh nhân và duyên nhân. Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Nếu trong sữa vốn không có tính sữa đặc, nay mới có thì trong sữa vốn không có cây Am-ma-la vì sao không sinh? Vì cả hai đều không.

–Này thiện nam! Sữa cũng có thể sinh cây Am-ma-la, nếu dùng sữa tưới trong một đêm thì cao thêm năm thước. Do nghĩa này nên Ta nói có hai loại nhân. Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp chỉ một nhân sinh ra thì mới có thể thưa hỏi là, trong sữa sao không có thể sinh cây Am-ma-la!

Này thiện nam! Cũng như bốn đại làm nhân duyên cho tất cả sắc, nhưng sắc mỗi mỗi khác biệt, đều không đồng nhau. Do nghĩa này nên trong sữa không sinh cây Am-ma-la.

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, có hai loại nhân: Chánh nhân và duyên nhân. Vậy Phật tánh của chúng sinh là nhân nào?

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh cũng có hai loại nhân: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân tức là các chúng sinh, duyên nhân tức là sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay con biết chắc sữa có tính của sữa đặc. Vì sao? Vì con thấy trong đời, những người tìm sữa đặc chỉ lấy trong sữa, không bao giờ lấy trong nước. Do vậy nên biết sữa có tính sữa đặc.

–Này thiện nam! Như lời ông hỏi, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như có chúng sinh muốn thấy mặt mình liền dùng dao soi.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nghĩa này nên trong sữa có tính sữa đặc.

Nếu trong dao không có gương mặt thì sao dùng dao?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu trong dao này chắc chắn có gương mặt, thế sao dựng đứng thì thấy dài, cầm ngang thì thấy rộng, nếu là gương mặt của mình thì sao thấy dài, nếu là mặt của người khác thì sao nói là mặt mình? Nếu nhân mặt mình mà thấy mặt người khác thế sao không thấy mặt của lừa và ngựa?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhãn quang đến nơi kia nên thấy mặt dài. Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thật sự nhãn quang không đến nơi kia. Vì sao? Vì ở gần, xa thấy được cùng một lúc, không thấy những vật ở chặng giữa. Này thiện nam! Nhãn quang nếu đến nơi kia mà được thấy thì tất cả chúng sinh đều thấy lửa, thế sao không bị cháy? Như người thấy vật trắng ở xa thì không nên sinh nghi là chim hạc chăng? Là cờ hiệu chăng? Là người chăng? Là cây chăng? Nếu nhãn quang đến nơi kia, vậy sao thấy được vật trong thủy tinh, cá và đá ở dưới vực sâu? Nếu nhãn quang không đến thì sao thấy được vật trong thủy tinh, không thấy được màu sắc ngoài vách? Do vậy, nếu nói nhãn quang đến nơi kia mà thấy là dài thì nghĩa này không đúng. Này thiện nam! Như ông đã nói, sữa có tính sữa đặc, sao người bán sữa chỉ lấy giá tiền sữa mà không đòi tiền sữa đặc, người bán ngựa cũng chỉ lấy tiền ngựa mà không đòi tiền ngựa con? Này thiện nam! Người đời vì không con cái nên muốn cưới vợ, nếu vợ có mang thai thì không được nói là con gái, nếu nói là con gái có tánh con nên phải cưới hỏi thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu có con thì lẽ ra cũng phải có tánh cháu. Nếu có tánh cháu thì là anh em. Vì sao? Vì cùng một bụng sinh ra. Do vậy Ta nói, người con gái không có tánh con cái, nếu trong sữa có tính sữa đặc thì sao không thấy có năm vị cùng một lúc. Nếu trong hạt cây có tính năm trượng của cây Ni-câu-đà, thì sao không thấy sự khác nhau của mộng cây, nhánh lá, bông trái, màu sắc đồng một lúc. Này thiện nam! Lúc là sữa thì màu khác, vị khác, công dụng khác cho đến đề hồ cũng như vậy. Vậy vì sao có thể nói trong sữa có tính của sữa đặc? Này thiện nam! Như có người sáng mai dùng váng sữa, nay đã sợ hôi. Nếu nói trong sữa nhất định có tính của sữa đặc thì cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như có người dùng viết, giấy, mực viết ra thành chữ, mà trong giấy này vốn không có chữ, vì vốn không có nên nhờ nhân duyên mà thành có, nếu vốn đã có thì cần gì các duyên. Ví như xanh, vàng hợp lại thành màu lục, nên biết hai màu này vốn không có tánh của màu lục, nếu vốn đã có thì cần gì hợp lại mới thành. Này thiện nam! Ví như chúng sinh nhờ ăn mới sống được, nhưng trong vật thực này thật không có mạng sống, nếu vốn đã có mạng sống thì lúc chưa ăn lẽ ra vật thực này là mạng sống. Này thiện nam! Tất cả các pháp vốn không có tánh, do nghĩa này nên Ta nói kệ:

Trước không nay có
Trước có nay không
Ba đời có pháp
Không có điều đó.

Này thiện nam! Tất cả các pháp đều do nhân duyên sinh, cũng do nhân duyên diệt. Này thiện nam! Nếu chúng sinh bên trong có Phật tánh thì tất cả chúng sinh lẽ ra cũng có thân Phật như Ta hôm nay. Phật tánh của chúng sinh không hư, không hoại, không kéo, không bắt, không trói, không buộc, như trong chúng sinh có hư không. Vì tất cả chúng sinh đều có hư không, nhưng mỗi chúng sinh không tự thấy có hư không này. Giả sử chúng sinh không có hư không thì không có lui tới, đi, đứng, ngồi, nằm, không sống, không lớn. Do nghĩa này nên trong kinh Ta nói tất cả chúng sinh đều có khoảng hư không, khoảng hư không đó gọi là hư không. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Bồ-tát Thập Trụ thấy được phần ít như ngọc kim cương. Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh, cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh văn, Duyên giác biết được. Tất cả chúng sinh đều không thấy Phật tánh nên thường bị phiền não trói buộc, lưu chuyển sinh tử, vì thấy Phật tánh nên các phiền não kiết sử không thể trói buộc, giải thoát sinh tử, đạt được Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh có tánh của Phật tánh, như tánh của sữa đặc trong sữa, nếu sữa không có tánh của sữa đặc thì sao Phật nói có hai loại nhân: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Duyên nhân có hai: Một là ủ, hai là hơi ấm. Hư không không có tánh nên không có duyên nhân.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Giả sử trong sữa chắc chắn có tánh của sữa đặc thì cần gì tới duyên nhân?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì có tánh nên cần tới duyên nhân. Vì sao? Vì muốn thấy rõ ràng. Duyên nhân tức là liễu nhân.

Bạch Thế Tôn! Ví như trong nhà tối, trước đã có những đồ vật, vì muốn thấy rõ nên dùng đèn soi sáng, nếu vốn không có đồ vật thì cần gì đèn soi sáng? Như trong đất có bình nên cần người, nước, vòng, dây, gậy v.v... để làm liễu nhân. Như hạt Ni-câu-đà cần có đất, nước, phân để làm liễu nhân, trong sữa cũng vậy, phải nhờ ủ ấm làm liễu nhân. Vì vậy, tuy trước đã có tánh nhưng cần nhờ vào liễu nhân, sau đó mới thấy được. Do nghĩa này nên chắc chắn biết trong sữa trước đã có tánh của sữa đặc.

–Này thiện nam! Giả sử trong sữa nhất định có tánh của sữa đặc thì tánh này tức là liễu nhân, nếu là liễu nhân thì cần gì phải liễu? Này thiện nam! Nếu là liễu nhân, tánh nó là liễu thì lẽ ra phải thường tự liễu, nếu không tự liễu thì đâu có thể liễu cái khác. Nếu nói liễu nhân có hai loại tánh: Một là tự liễu, hai là liễu tha, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì một pháp liễu nhân thì làm thế nào có hai loại tánh. Nếu nói có hai thì sữa lẽ ra cũng có hai. Nếu trong sữa không có hai tướng thì làm thế nào liễu nhân riêng có hai tánh?

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như người đời nói, tôi cùng với tám người, liễu nhân cũng vậy, tự liễu và liễu tha.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Liễu nhân nếu vậy thì chẳng phải liễu nhân. Vì sao? Vì số có thể đếm, sắc của mình, sắc của người khác nên nói là tám. Nhưng tánh của sắc này tự nó không có liễu tướng, vì không có liễu tướng nên cần phải nhờ trí tánh mới đếm được tự và tha. Đó là liễu nhân, không thể tự liễu cũng không thể liễu tha. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vậy vì sao phải tu tập vô lượng công đức? Nếu nói tu tập là liễu nhân thì đồng như sữa đặc bị hư, nếu nói trong nhân nhất đinh có quả thì giới, định và tuệ lẽ ra không tăng trưởng, nhưng Ta thấy người đời trước kia không có giới cấm, thiền định và trí tuệ, theo thầy học đạo, dần dần tăng thêm. Nếu nói thầy dạy là liễu nhân, thì chính lúc thầy dạy, người thọ nhận chưa có giới, định và tuệ. Nếu là liễu thì lẽ ra liễu cái chưa có, tại sao nói liễu giới, định và tuệ làm cho được tăng trưởng?

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu liễu nhân là không thì vì sao được gọi có sữa, có sữa đặc?

–Này thiện nam! Giải đáp nạn vấn của người đời có ba cách: Một là chuyển đáp, như trước đã nói vì sao gọi là giới? Vì không ăn năn, cho đến vì được Đại Niết-bàn. Hai là im lặng đáp, như có người Phạm chí đến hỏi Ta: “Ngã là thường chăng?”. Lúc ấy Ta im lặng. Ba là nghi đáp, như trong kinh nói: “Nếu liễu nhân có hai thì tại sao trong sữa không được có hai?”. Này thiện nam! Nay Ta chuyển đáp, như người đời nói có sữa có sữa đặc, vì nhất định được nên được gọi là có sữa có sữa đặc. Phật tánh cũng vậy, có chúng sinh có Phật tánh, vì sẽ thấy.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật đã nói, nghĩa này không đúng. Quá khứ đã diệt rồi, vị lai chưa đến, vậy làm thế nào gọi là có? Nếu nói đang có gọi là có thì nghĩa này không đúng. Như người đời thấy không con cái liền nói là không con cái, tất cả chúng sinh không có Phật tánh, vậy làm thế nào mà nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Quá khứ gọi là có. Ví như trồng cây chanh, mầm mọc lên thì hạt hư mất, mầm cũng ngọt, cho đến sinh quả vị cũng như vậy, khi chín quả mới chua. Này thiện nam! Vị chua ấy, từ hạt mầm cho đến quả non đều không có. Khi trái chín thì màu sắc, hình dáng, tướng mạo thay đổi, sinh ra vị chua. Vị chua này trước không nay có. Tuy trước không nay có nhưng chẳng phải không do hạt lúc trước. Thế nên, hạt lúc trước tuy là quá khứ nhưng được gọi là có, do nghĩa này nên quá khứ gọi là có.

Thế nào lại gọi vị lai là có? Ví như có người trồng cây mè, có người hỏi: "Vì sao trồng loại cây này?". Đáp: "Là vì có dầu". Nhưng thật sự lúc đó chưa có dầu, cây mè đã già, lấy hạt giã, ép rồi sau mới ra dầu. Nên biết rằng người này chẳng phải hư vọng. Do nghĩa này nên gọi là vị lai có.

Như thế nào gọi là quá khứ có? Này thiện nam! Ví như có người, lén mắng nhà vua, trải qua nhiều năm vua mới nghe được, nghe rồi liền hỏi: "Vì sao mắng ta?". Đáp: "Muôn tâu đại vương! Thần không mắng. Vì sao? Vì sự mắng kia mất rồi". Vua bảo: "Trẫm và kẻ mắng kia cả hai đều còn, thế sao nói mất?". Do nhân duyên này, nên phải bị tội chết. Này thiện nam! Hai điều này thật không có mà quả không mất. Đó gọi là quá khứ có. Thế nào lại gọi là vị lai có? Ví như có người đến nhà thợ gốm hỏi: "Có bình không?". Đáp: "Có bình". Nhưng thật ra thợ gốm này chưa có bình, chỉ có đất nên nói có bình. Phải biết thợ gốm này chẳng phải nói dối. Trong sữa có sữa đặc, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Muốn thấy Phật tánh thì phải quán sát thời tiết, hình sắc. Do vậy nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, thật không hư vọng.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Tất cả chúng sinh không có Phật tánh, làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Nhờ chánh nhân nên khiến chúng sinh được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cái gì là chánh nhân, đó là Phật tánh.

–Bạch Thế Tôn! Nếu hạt Ni-câu-đà không có cây Ni-câu-đà, tại sao gọi là hạt Ni-câu-đà mà không gọi là hạt Khư-đà-la?

Bạch Thế Tôn! Như họ Cù-đàm không được gọi là họ A-kỳ-da, họ A-kỳ-da cũng không được gọi là họ Cù-đàm; hạt Ni-câu-đà cũng như vậy, không được gọi là hạt Khư-đà-la, hạt Khư-đà-la cũng không được gọi là hạt Ni-câu-đà. Cũng như Thế Tôn không được bỏ lìa họ Cù-đàm, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do nghĩa này nên biết rằng chúng sinh đều có Phật tánh.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói trong hạt có cây Ni-câu-đà, thì nghĩa này không đúng. Nếu như có thì ao không thấy? Này thiện nam! Như những vật trong đời đều có nhân duyên, nên không thấy được. Thế nào là nhân duyên? Tức là xa không thấy được, như dấu chim bay giữa hư không; gần mà không thấy được, như mắt nhắm mắt nên không thấy, như nhãn căn đã hư; vì loạn tưởng nên không thấy, như tâm không chuyên nhất; vì nhỏ nên không thấy, như vi trần; vì bị che nên không thấy, như tinh tú bị mây bao phủ; vì nhiều nên không thấy, như hạt mè trong đống lúa; vì giống nhau nên không thấy, như hạt đậu trong đống đậu; cây Ni-câu-đà không giống tám loại nhân duyên như vậy nếu nó có thì sao không thấy? Nếu nói rằng vì nhỏ quá lại bị che khuất nên không thấy, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì tướng cây rất to, nếu cho rằng tánh nhỏ, thì làm thế nào thành cây to? Nếu nói rằng bị che phủ nên không thấy thì lẽ ra thường không được thấy, trước kia không có tướng to, nay thấy to, nên biết rằng tướng to này vốn không có tánh, trước kia không có tánh thấy, nay thì thấy được, nên biết sự thấy này cũng vốn không có tánh, trước kia không có tánh thấy, nay thì thấy được, nên biết sự thấy này cũng vốn không có tánh. Hạt cũng như vậy, trước kia không có cây, nay thì có, như thế có lỗi gì?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, có hai loại nhân: Một là chánh nhân, hai là liễu nhân. Hạt Ni-câu-đà do đất, nước, phân làm liễu nhân, nên từ nhỏ thành to.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu trước đã có thì cần gì liễu nhân? Nếu trước là không có tánh thì liễu là liễu cái gì? Nếu trong hạt Ni-câu-đà vốn không có tướng to, do liễu nhân mới phát to, thế sao không sinh cây Khư-đà-la? Vì cả hai đều không.

Này thiện nam! Nếu nhỏ không thấy thì lẽ ra to có thể thấy. Ví như một vi trần thì không thấy, còn nhiều vi trần hợp lại thì có thể thấy được. Trong hạt lẽ ra cũng như vậy, to thì có thể thấy. Vì sao? Vì trong đó đã có mầm, thân, hoa, quả; trong mỗi trái có vô lượng hạt, trong mỗi hạt có vô lượng cây, nên gọi là to, vì to nên lẽ ra có thể thấy. Này thiện nam! Nếu hạt Ni-câu-đà có tánh cây Ni-câu-đà mà mọc lên cây, mắt thấy hạt này bị lửa thiêu cháy, thì lẽ ra tánh thiêu cháy này cũng đã có trước, nếu đã có trước thì lẽ ra cây không mọc lên. Nếu tất cả các pháp vốn đã có sinh diệt, thế sao trước sinh sau diệt không đồng một lúc? Do nghĩa này nên biết là không có tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hạt Ni-câu-đà vốn không có tánh cây mà sinh ra cây, thì hạt này sao không sinh ra dầu? Cả hai đều không.

–Này thiện nam! Trong hạt ấy cũng có thể sinh ra dầu, tuy vốn không có tánh dầu nhưng nhờ nhân duyên mà có.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao không gọi là dầu mè?

–Này thiện nam! Vì chẳng phải là mè. Này thiện nam! Như duyên lửa sinh ra lửa, duyên nước sinh ra nước, tuy cả hai đều từ duyên nhưng không thể có lẫn nhau được. Hạt Ni-câu-đà và dầu mè cũng như vậy, tuy cả hai đều từ nơi duyên nhưng không sinh lẫn nhau, tánh chất của hạt Ni-câu-đà có thể trị lạnh, tánh của dầu mè có thể trị bệnh phong.

Này thiện nam! Ví như mía ngọt nhờ nhân duyên thành đường phèn, đường đen, tuy cả hai đều từ một duyên, nhưng sắc dáng khác nhau, đường phèn trị nhiệt, đường đen trị lạnh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trong sữa không có tánh của sữa đặc, trong mè không có tánh dầu, trong hạt Ni-câu-đà không có tánh cây, trong đất dẻo không có tánh của bình, cũng như tất cả chúng sinh không có tánh Phật. Như trước Đức Phật nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vì thế nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa này không phải như vậy. Vì sao? Vì trời và người đều không tánh, do không tánh nên người có thể làm trời, trời có thể làm người. Tất cả đều do nhân duyên của nghiệp không phải là do tánh. Đại Bồ-tát do nhân duyên của nghiệp nên được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu các chúng sinh có Phật tánh thì do nhân duyên gì mà hàng Nhất-xiển-đề đoạn các căn lành, đọa vào địa ngục? Nếu tâm Bồ đề là Phật tánh thì Nhất-xiển-đề không thể đoạn. Nếu có thể đoạn thì sao lại nói

Phật tánh là thường? Còn nếu chẳng phải thường thì không gọi là Phật tánh. Nếu chúng sinh có Phật tánh thì sao gọi là mới phát tâm? Tại sao lại gọi thoái chuyển, bất thoái chuyển? Nếu thoái chuyển thì nên biết người ấy không có Phật tánh.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát một lòng hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đại từ đại bi, thấy tội lỗi của phiền não sinh tử, quán Đại Niết-bàn không có các tội lỗi của sinh tử phiền não, tin ngôi Tam bảo và quả báo của nghiệp, giữ gìn giới cấm. Các pháp như vậy gọi là Phật tánh. Nếu xa lìa các pháp này mà có Phật tánh thì cần gì các pháp ấy làm nhân duyên. Bạch Thế Tôn! Như sữa không nhờ duyên chắc chắn sẽ thành sữa đặc, nhưng váng sữa thì chẳng phải vậy, mà cần phải đợi nhân duyên, đó là công người, nước, bình và dây hợp lại. Chúng sinh có Phật tánh cũng vậy, nên xa lìa nhân duyên mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu chắc chắn là có thì tại sao người tu hành thấy sự khổ sinh, già, bệnh, chết trong ba đường ác mà sinh tâm thoái lui, cũng không cần tu sáu pháp Ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như sữa chẳng nhờ duyên mà thành sữa đặc. Nhưng chẳng phải là chẳng nhờ nhân tu sáu pháp Ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên biết chúng sinh đều không có Phật tánh. Như trước Đức Phật nói Tăng bảo là thường, đã là thường thì chẳng phải vô thường. Nếu chẳng phải là vô thường, tại sao Tăng bảo lại được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn nếu Tăng là thường, tại sao nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh?

Bạch Thế Tôn! Giả sử chúng sinh từ xưa đến nay không có tâm Bồ-đề, cũng không có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà về sau mới có thì Phật tánh của chúng sinh đáng lẽ cũng trước không, sau có như vậy. Do nghĩa này, nên tất cả chúng sinh lẽ ra không có Phật tánh.

Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Từ lâu ông đã biết nghĩa của Phật tánh, nhưng vì chúng sinh nên thưa hỏi như vậy. Tất cả chúng sinh thật có Phật tánh. Ông nói nếu chúng sinh có Phật tánh thì lẽ ra không có người mới phát tâm? Này thiện nam! Tâm chẳng phải là Phật tánh. Vì sao? Vì tâm vốn là vô thường, còn Phật tánh là thường. Ông nói sao lại có người thoái tâm. Thật không có thoái tâm. Nếu có thoái tâm thì không bao giờ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì được chậm nên gọi là thoái. Tâm Bồ-đề này thật chẳng phải là Phật tánh. Vì sao? Vì hạng Nhất-xiển-đề đoạn dứt căn lành, đọa vào địa ngục, nếu tâm Bồ-đề là Phật tánh thì hạng Nhất-xiển-đề không được gọi là Nhất-xiển-đề, tâm Bồ-đề cũng không được gọi là vô thường. Do đây nên biết chắc chắn tâm Bồ-đề không phải là Phật tánh.

Này thiện nam! Ông nói, nếu chúng sinh có Phật tánh thì lẽ ra không cần nhờ nhân duyên mà được, như sữa thành sữa đặc. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu nói phải có năm duyên mới thành váng sữa thì nên biết Phật tánh cũng như vậy. Như trong các thứ đá có vàng, có bạc, có đồng và có sắt, đều là gốc bốn đại đồng một tên, đồng một vật có thật, nhưng mỗi thứ đều sản xuất mỗi khác, không giống nhau, cần phải nhờ đủ các duyên, phước đức của chúng sinh, lò đúc và công người, rồi sau đó mới có được. Vì thế nên biết tánh vàng vốn không có, Phật tánh của chúng sinh cũng không gọi là Phật được. Phải nhờ các nhân duyên công đức hòa hợp mới được thấy Phật tánh, rồi sau đó mới được thành Phật. Ông nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh thì sao lại không thấy, nghĩa này không phải vậy. Vì sao? Vì các nhân duyên chưa hòa hợp. Này thiện nam! Do nghĩa này nên Ta nói có hai nhân: Chánh nhân và duyên nhân. Chánh nhân là Phật tánh, Duyên nhân là phát tâm Bồ-đề. Do hai nhân duyên này mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như đá mà sản xuất ra vàng.

Này thiện nam! Ông nói Tăng bảo thường trụ và tất cả chúng sinh không có Phật tánh. Này thiện nam! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp có hai: Một là thế gian hòa hợp, hai là Đệ nhất nghĩa hòa hợp. Thế gian hòa hợp là Tăng Thanh văn, Đệ nhất nghĩa hòa hợp là Tăng Bồ-tát. Tăng thế gian là vô thường, còn Phật tánh là thường. Nếu Phật tánh là thường thì nghĩa Tăng cũng như vậy.

Lại nữa, có Tăng gọi là pháp hòa hợp. Pháp hòa hợp là mười hai bộ loại kinh văn. Mười hai bộ loại kinh văn là thường nên Ta nói Pháp Tăng là thường. Này thiện nam! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp đây chính là mười hai nhân duyên, trong mười hai nhân duyên cũng có Phật tánh. Mười hai nhân duyên là thường, nên Phật tánh cũng như vậy. Do vậy, nên Ta nói Tăng có Phật tánh.

Lại nữa, Tăng có nghĩa là chư Phật hòa hợp. Vì thế nên Ta nói Tăng có Phật tánh. Này thiện nam! Ông nói, nếu chúng sinh có Phật tánh, thì tại sao có kẻ thoái tâm, có người không thoái? Này thiện nam! Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Đại Bồ-tát có mười ba pháp thì liền bị thoái chuyển. Những gì là mười ba? Một là tâm chẳng tin, hai là tâm chẳng làm, ba là tâm nghi ngờ, bốn là tham tiếc thân mạng và tài sản, năm là sinh lòng quá sợ hãi đối với Niết-bàn thế nào mới khiến cho chúng sinh diệt độ hoàn toàn, sáu là tâm không chịu đựng, bảy là tâm không nhu hòa, tám là tâm sầu não, chín là tâm không an lạc, mười là tâm buông lung, mười một là tự khinh thân mình, mười hai là tự thấy phiền não không thể phá hoại, mười ba là không ưa thích những pháp môn tiến đến Bồ-đề. Này thiện nam! Đó là mười ba pháp làm cho các Bồ-tát thoái chuyển đạo Bồ-đề vô thượng. Lại có sáu pháp làm hư hoại tâm Bồ-đề. Những gì là sáu? Một là bỏn sẻn pháp, hai là đối với các chúng sinh khởi tâm chẳng lành, ba là gần gũi bạn ác, bốn là không siêng năng tinh tấn, năm là tự cao ngã mạn, sáu là kinh doanh nghề nghiệp thế gian. Sáu pháp như thế có thể phá hoại tâm Bồ-đề.

Này thiện nam! Có người được nghe chư Phật Thế Tôn là Thầy của hàng trời và người, là bậc Tối thượng trong tất cả chúng sinh, không ai bằng, hơn tất cả hàng Thanh văn và Phật-bích-chi, là bậc có pháp nhãn thấu suốt, thấy rõ tất cả các pháp không ngăn ngại, có thể đưa chúng sinh vượt qua biển khổ lớn. Nghe như vậy rồi, người này liền phát nguyện lớn: “Nếu trong thế gian này có người như vậy, thì ta cũng sẽ được”. Do nhân duyên đó nên người ấy phát tâm Bồ-đề vô thượng. Hoặc có người nhờ người khác khuyên dạy mà phát tâm Bồ-đề. Hoặc có người nghe Bồ-tát trải qua vô số kiếp tu hành khổ hạnh, rồi sau đó mới đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghe rồi tự nghĩ: “Nay ta không thể chịu nổi những khổ hạnh như vậy thì làm sao đắc Bồ-đề vô thượng?”. Do đó, nên có tâm thoái chuyển.

Này thiện nam! Lại có năm pháp thoái tâm Bồ-đề. Những gì là năm? Một là thích xuất gia theo ngoại đạo, hai là không tu tập đại từ, ba là hay tìm lỗi của pháp sư, bốn là thường thích ở nơi sinh tử, năm là không thích thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh văn. Đó là năm pháp làm thoái tâm Bồ-đề. Lại có hai pháp làm thoái tâm Bồ-đề. Những gì là hai? Một là tham ưa năm dục, hai là không cung kính, tôn trọng Tam bảo. Do các nhân duyên như vậy nên làm thoái tâm Bồ-đề. Thế nào gọi là không thoái tâm? Có người nghe nói Đức Phật có thể cứu độ cho chúng sinh thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, không theo thầy học hỏi, tự nhiên tu tập mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ: "Nếu đạo Bồ-đề có thể đắc thì ta sẽ tu tập quyết làm cho được". Do nhân duyên này, nên người ấy phát tâm Bồ-đề. Công đức đã tu tập hoặc nhiều hoặc ít đều hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người ấy nguyện: "Tôi nguyện thường được gần gũi chư Phật và đệ tử Phật, thường nghe pháp thâm diệu, đầy đủ năm căn, dù cho khó khăn gian khổ cũng không để mất tâm Bồ-đề này". Lại nguyện: "Chư Phật và các đệ tử luôn có lòng hoan hỷ đối với tôi, nguyện tôi đủ năm căn lành. Nếu chúng sinh nào chém đứt thân thể, chặt đứt tay chân, đầu mắt và các chi phần trên thân thể tôi, tôi sẽ đối với người ấy sinh lòng đại từ, tự rất vui mừng, vì nhờ các người như thế làm tăng trưởng tâm Bồ-đề của tôi. Nếu không có họ thì tôi sẽ duyên vào đâu để thành tựu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Lại phát nguyện: “Đời đời tôi được khỏi thân người nữ, thân hai căn, không căn, không bị làm nô lệ, không gặp chủ hung ác, không làm quyến thuộc của vua ác, không sinh vào cõi ác. Nếu được thân đẹp đẽ, dòng họ chân chánh, có nhiều của báu, tôi không sinh lòng kiêu mạn. Nguyện tôi thường nghe mười hai bộ loại kinh văn và thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói. Khi tôi giảng nói cho chúng sinh, nguyện cho người nghe đều kính tin, không nghi ngờ, thường không sinh lòng ác với tôi. Thà nghe ít mà hiểu nhiều về nghĩa lý, chẳng muốn nghe nhiều mà không hiểu nghĩa lý. Nguyện làm thầy của tâm mình, chẳng để tâm làm thầy. Nghiệp thân, miệng, ý không giao tiếp với kẻ ác, có thể ban bố an lạc cho tất cả chúng sinh, giới thân tuệ mạng đều vững chắc như núi, không bị lay động. Vì muốn thọ trì chánh pháp vô thượng nên đối với thân mạng, tài sản không hề sinh tâm bỏn sẻn, không đem vật bất tịnh làm phước, tự sống bằng chánh mạng, tâm không tà vạy, khi thọ ân luôn nghĩ ân nhỏ đền đáp lớn, khéo biết các nghề nghiệp trong đời, hiểu rõ ngôn ngữ, phong tục địa phương của chúng sinh, đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh văn không hề nhàm chán, biếng nhác. Nếu các chúng sinh không thích nghe kinh thì dùng phương tiện dẫn dắt khiến họ thích nghe, thường nói lời dịu dàng, êm ái, miệng không nói lời ác, chúng không hòa hợp có thể làm cho hòa hợp, có người lo sợ sẽ làm cho họ xa lìa lo sợ, gặp đời đói kém sẽ khiến được no đủ, gặp đời dịch bệnh thì làm vị đại lương y, tự có đủ thuốc men, của báu làm cho người bệnh được lành mạnh, ở kiếp đao binh thì có thế lực lớn đoạn dứt các sự tàn hại, khiến không còn sót, có thể đoạn trừ các sự sợ hãi cho chúng sinh như bị giết, bị giam, bị trói, bị đánh đập, những nạn về nước, lửa, vua chúa, giặc cướp, nạn nghèo khổ, phá giới, tiếng xấu, đường ác… những sự sợ hãi như vậy đều sẽ đoạn dứt hết. Đối với cha mẹ, sư trưởng thì rất cung kính, đối với kẻ oán ghét, sinh lòng đại từ, thường tu tập môn Tam-muội Lục niệm không, sự sinh diệt của mười hai nhân duyên, quán hơi thở ra vào, Thiên hạnh, Phạm hạnh và Thánh hạnh, Tam-muội Kim cang, định Thủ-lăng-nghiêm, ở nơi không có ngôi Tam bảo khiến cho tâm định tĩnh. Nếu khi thân tâm chịu sự khổ nạn lớn, nguyện không để mất tâm Bồ-đề vô thượng, không dùng tâm Thanh văn, Phật-bích-chi mà cho là đủ. Nếu ở chỗ không có Tam bảo thì nguyện xuất gia trong pháp của ngoại đạo vì để phá trừ tà kiến chứ không tu tập đạo ấy để được pháp tự tại và tâm tự tại; đối với pháp hữu vi thì thấy rõ sự lỗi lầm, khiến tôi sợ hãi đạo quả của hàng Nhị thừa, như người tiếc mạng sống mà sợ mất thân. Vì chúng sinh nên thích ở trong ba đường ác, như các chúng sinh thích sống ở cõi trời Đao-lợi; vì tất cả chúng sinh ở vô lượng kiếp chịu khổ của địa ngục, không sinh tâm hối hận; thấy người khác được lợi ích chẳng sinh lòng ganh tỵ mà thường khởi tâm vui mừng như mình được lợi lạc, nếu gặp ngôi Tam bảo sẽ đem y phục, thực phẩm, đồ nằm, nhà cửa, thuốc men, đèn đuốc, hương hoa, kỹ nhạc, phướn lọng v.v… bảy báu cúng dường. Nếu thọ giới pháp của Phật thì giữ gìn chắc chắn không hề có tư tưởng hủy phạm. Nếu nghe hạnh khổ khó làm của Bồ- tát thì tâm vui mừng không hối hận. Tự biết những việc đời trước, không bao giờ tạo nghiệp tham, sân, si; không vì quả báo mà tu tập nhân duyên, đối với cái vui của hiện tại không đắm trước”. Này thiện nam! Nếu có thể phát nguyện như vậy, gọi là Bồ-tát không bao giờ thoái mất tâm Bồ-đề, cũng gọi là thí chủ, có thể thấy Đức Như Lai, thấy rõ Phật tánh, có thể điều phục chúng sinh, vượt qua sinh tử, khéo có thể giữ gìn chánh pháp vô thượng, có thể đầy đủ sáu pháp Ba-la- mật. Này thiện nam! Do nghĩa này nên tâm không thoái chuyển chẳng gọi là Phật tánh.

Này thiện nam! Ông không thể đem tâm thoái chuyển mà nói rằng các chúng sinh không có Phật tánh. Ví như hai người đều nghe ở phương khác có núi bảy báu, trong núi có suối nước trong, vị ngon ngọt. Người nào có thể đến được núi này thì hoàn toàn đoạn dứt sự nghèo cùng. Nếu ai uống được nước suối ấy thì sống lâu muôn tuổi, chỉ vì đường sá xa xôi, hiểm trở, nhiều tai nạn. Khi ấy, hai người ấy đều muốn cùng đi với nhau, một người thì sắm sửa hành trang đầy đủ, còn một người thì đi tay không, chẳng đem hành trang gì cả, họ cùng nhau tiến về phía trước. Giữa đường, gặp một người mang theo nhiều của báu, đầy đủ bảy loại báu, hai người bước tới hỏi: "Thưa nhân giả! Cõi ấy thật có núi báu không?". Người ấy đáp: "Thật có không sai. Chính tôi đã được của báu và uống nước suối ngọt, chỉ sợ đường xa hiểm trở, giặc cướp quá nhiều, hầm hố chông gai, lại thiếu nước, thiếu cỏ, ngàn vạn người đi nhưng rất ít người được". Nghe sự việc rồi, một người liền hối hận, nói: "Đường sá xa xôi, gian nan thì nhiều, vô lượng người đi mà chẳng mấy người được, vậy làm sao tôi có thể đến núi báu được? Nay, sản nghiệp của tôi cũng tạm đủ dùng, nếu cố gắng đi tiếp tục hoặc có thể mất mạng. Thân mạng mà không vẹn toàn thì mong gì đến trường thọ?". Một người lại nói: "Có người qua được thì tôi cũng có thể qua được, nếu được kết quả thì được như nguyện là lượm lấy của báu và uống nước suối ngọt, còn không được kết quả thì dù chết cũng toại nguyện". Khi ấy, hai người, một người hối hận quay về còn một người thì tiến đến núi báu. Người ấy đến núi báu rồi, lượm được nhiều của báu, uống nước suối ngọt như điều mong ước rồi mang nhiều của báu trở về nhà, phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho thân bằng quyến thuộc.

Bấy giờ, người hối hận trở về thấy sự việc ấy rồi, nóng lòng: “Anh ấy đi trở về rồi, tại sao ta còn ở đây?”. Người ấy liền sắm sửa hành trang, đi thẳng đến núi báu. Núi bảy báu dụ cho Đại Niết-bàn, nước suối ngọt dụ cho Phật tánh, hai vị ấy dụ cho hai vị Bồ-tát mới phát tâm, đường hiểm ác dụ cho sinh tử, giữa đường gặp người dụ cho Phật Thế Tôn, giặc cướp dụ cho bốn loại ma, hầm hố chông gai dụ cho các phiền não, không nước, không cỏ dụ cho không tu tập Đạo Bồ-đề, người trở về dụ cho Bồ-tát thoái chuyển, người đi thẳng dụ cho Bồ-tát bất thoái.

Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh thường trụ, chẳng biến đổi, như đường hiểm nạn kia, không thể nói rằng vì người ăn năn trở về nên khiến đường thành vô thường. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam! Trong đạo Bồ-đề không hề có thoái chuyển. Này thiện nam! Như người ăn năn trở về kia, thấy bạn trước đó được của báu mang về, giàu có tự tại, cung phụng cha mẹ, cấp phát đầy đủ cho thân bằng quyến thuộc, được nhiều sự an vui, thấy việc này rồi nóng lòng, liền sắm sửa hành trang lên đường, không tiếc thân mạng, chịu các khổ nạn, liền đi đến thẳng trong núi báu kia. Bồ-tát thoái chuyển cũng vậy. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên trong kinh, Ta nói: "Tất cả chúng sinh cho đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn giới trọng và hạng Nhất- xiển-đề đều có Phật tánh".

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát thoái chuyển và không thoái chuyển? Này thiện nam! Bồ-tát tu tập nghiệp nhân ba mươi hai tướng tốt của Như Lai thì được gọi là bậc Bất thoái, được gọi là Đại Bồ-tát, được gọi là bậc Bất động chuyển, gọi là bậc thương xót tất cả chúng sinh, gọi là bậc hơn hết tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, gọi là bậc Bất thoái chuyển.

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát nào trì giới không lay động, tâm bố thí không dời đổi, an trụ nơi lời nói chân thật như núi Tu-di, thì do nghiệp nhân này mà được tướng tốt ở dưới bàn chân bằng phẳng.

Nếu Đại Bồ-tát ở nơi cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng cho đến loài súc sinh, đem của cải đúng như pháp mà cúng dường cung cấp thì do nghiệp nhân này, được tướng tốt dưới bàn chân có xoáy tròn như hình bánh xe có ngàn nan hoa.

Nếu Đại Bồ-tát không sát sinh, không trộm cắp, đối với cha mẹ, Sư trưởng thường sinh tâm hoan hỷ thì do nghiệp nhân này mà được ba tướng: Một là ngón tay thon dài, hai là ngón chân đầy đặn, ba là thân thể đoan nghiêm. Ba tướng như vậy đều do một nghiệp duyên.

Nếu Đại Bồ-tát tu tập bốn nhiếp pháp để giáo hóa chúng sinh thì do nghiệp nhân này được tướng ngón tay có màng lưới như ngỗng chúa trắng.

Nếu Đại Bồ-tát khi cha mẹ, Sư trưởng có bệnh khổ, tự tay tắm rửa, săn sóc, dìu đỡ, xoa bóp thì do nghiệp nhân này mà được chân tay mềm mại.

Nếu Đại Bồ-tát giữ giới, nghe pháp và bố thí không nhàm chán thì do nghiệp duyên này, được tướng mắt cá, lóng đốt đều đầy dặn, lông trên thân uốn cong lên.

Nếu Đại Bồ-tát chuyên tâm lắng nghe pháp và diễn nói chánh pháp thì do nghiệp duyên này được bắp chân như tướng Lộc vương.

Nếu Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh không khởi tâm làm tổn hại, ăn uống biết đủ, luôn thích bố thí, chăm sóc bệnh tật, cung cấp thuốc men, thì do nghiệp duyên này được thân hình to lớn, tròn đầy như cây Ni-câu-đà, khi đứng tay dài quá đầu gối, có nhục kế trên đỉnh đầu.

Nếu Đại Bồ-tát thấy người sợ hãi thì cứu hộ cho họ, thấy người lõa lồ, rách rưới thì bố thí y phục, do nghiệp duyên này được tướng mã âm tàng.

Nếu Đại Bồ-tát gần gũi người trí, xa lánh kẻ ngu, khéo ưa hỏi đáp, quét dọn đường đi thì do nghiệp duyên này được da mỏng mịn màng, lông trên thân uốn về bên phải.

Nếu Đại Bồ-tát thường đem y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men, hoa hương, đèn đuốc bố thí cho người thì do nghiệp duyên này, được thân sắc vàng ròng, thường có hào quang chiếu sáng.

Nếu Đại Bồ-tát khi thực hành bố thí, những vật quý báu có thể đem cho, không tiếc lẫn, không nghĩ là ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước thì do nghiệp duyên này, được tướng bảy chỗ đầy đặn.

Nếu Đại Bồ-tát khi bố thí tâm không nghi ngờ thì do nghiệp duyên này được tiếng nói dịu dàng.

Nếu Đại Bồ-tát đúng như pháp mà cầu của cải để đem bố thí thì do nghiệp duyên này được tướng tốt nơi thân, chỗ xương thiếu đều đầy đủ, thân như sư tử, cánh tay thon dài.

Nếu Đại Bồ-tát xa lìa hai lưỡi, nói lời ác và tâm sân giận thì do nghiệp duyên này được bốn mươi cái răng trắng, trong, đều nhau và khít.

Nếu Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh có lòng đại từ bi thì do nghiệp duyên này được tướng bốn răng cửa tốt.

Nếu Đại Bồ-tát thường phát nguyện như vầy: "Có người đến cầu xin, sẽ tùy theo ý muốn của họ mà cung cấp cho", thì do nghiệp duyên này được hai bên gò má như sư tử.

Nếu Đại Bồ-tát tùy theo nhu cầu ăn uống của các chúng sinh mà cung cấp thì do nghiệp duyên này được vị ngon nhất trong các vị.

Nếu Đại Bồ-tát tự tu hành mười điều lành và đem giáo hóa cho người thì do nghiệp duyên này được tướng lưỡi rộng dài.

Nếu Bồ-tát không nói lỗi xấu của người, cũng không chê bai chánh pháp, do nghiệp duyên này được giọng nói như Phạm Thiên.

Nếu Đại Bồ-tát thấy những người oán ghét mà sinh lòng hoan hỷ thì do nghiệp duyên này được tròng mắt màu xanh biếc.

Nếu Đại Bồ-tát không che giấu tài đức của người khác mà hiển bày điều tốt của họ thì do nghiệp duyên này được tướng bạch hào.

Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát khi tu tập nghiệp duyên ba mươi hai tướng như vậy thì được tâm Bồ-đề không thoái chuyển.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh không thể nghĩ bàn; cảnh giới, nghiệp quả của chư Phật và Phật tánh cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì bốn pháp này đều gọi là thường, vì thường nên không thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh vì bệnh phiền não che lấp nên gọi là thường, vì đoạn trừ phiền não thường nên gọi là vô thường. Nếu nói rằng tất cả chúng sinh là thường thì sao lại tu tập tám Thánh đạo để đoạn trừ các sự khổ? Nếu các khổ đã đoạn trừ thì gọi là vô thường, sự an vui được hưởng thọ thì gọi là thường. Vì thế nên Ta nói, tất cả chúng sinh bị phiền não che lấp nên không thấy Phật tánh, do không thấy Phật tánh nên không đạt được Niết-bàn.

◆

KINH ĐẠI BÁT BIẾT BÀN

QUYỂN XXIX

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 3

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, tất cả các pháp có hai thứ nhân; một là Chánh nhân, hai là Duyên nhân. Do hai nhân này nên không có trói buộc, giải thoát. Năm ấm này niệm niệm sinh diệt. Đã sinh diệt thì có gì là trói buộc và giải thoát.

Bạch Thế Tôn! Nhân nơi năm ấm này mà sinh năm ấm sau, năm ấm này tự diệt không đến ấm kia, dầu không đến kia nhưng có thể sinh ấm kia. Như do hạt sinh mầm, hạt không đến mầm, tuy không đến mầm mà có thể sinh mầm. Chúng sinh cũng vậy. Thế nào là trói buộc và giải thoát?

–Này thiện nam! Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông giảng nói rõ ràng. Này thiện nam! Như người lúc sắp chết rất khổ, quyến thuộc vây quanh, gào khóc thảm thương, người ấy hoảng sợ không biết cầu cứu nương tựa ai, tuy có năm căn mà không hay biết, chân tay run rẩy không thể tự chủ, thân thể lạnh ngắt, hơi nóng sắp hết, thấy tướng nghiệp báo thiện, ác đã tạo từ trước. Thiện nam! Như mặt trời sắp lặn thì bóng của núi đồi ngã về hướng Đông, không bao giờ ngã về hướng Tây. Nghiệp quả của chúng sinh cũng như vậy, khi thân năm ấm này diệt thì thân năm ấm kia tiếp tục sinh. Như đèn được thắp sáng lên thì bóng tối mất, đèn tắt thì bóng tối hiện ra. Thiện nam! Như ấn sáp in vào đất sét, ấn hợp cùng đất sét, ấn xong lằn chữ nổi lên, mà ấn sáp này không biến nơi đất sét, lằn chữ không phải từ đất sét ra, cũng không phải từ chỗ khác đến. Do ấn làm nhân duyên nên sinh ra lằn chữ. Hiện tại năm ấm diệt, thân trung ấm sinh, năm ấm hiện tại này không bao giờ biến làm thân trung ấm, thân trung ấm cũng chẳng tự sinh, chẳng từ nơi khác đến, do thân hiện tại mà sinh thân trung ấm. Như ấn in vào đất sét, ấn xong lằn chữ nổi lên, danh từ tuy không sai khác nhưng thời tiết đều riêng khác. Do vậy, nên Ta nói thân trung ấm chẳng phải nhục nhãn thấy được, thiên nhãn mới nhìn thấy được. Thân trung ấm có ba cách ăn: Một là tư thực, hai là xúc thực, ba là ý thực. Thân trung ấm có hai thứ: Một là nghiệp quả lành, hai là nghiệp quả ác. Do nghiệp thiện nên được giác quán lành, do nghiệp ác nên bị giác quán ác. Lúc cha mẹ giao hợp, theo nhân duyên nghiệp mà đến chỗ đó thọ sinh. Đối với mẹ sinh lòng thương, đối với cha sinh lòng sân, khi tinh của cha xuất ra cho là của mình, rồi tâm vui mừng sinh hoan hỷ. Do ba thứ nhân duyên phiền não này, thân trung ấm diệt mà sinh thân năm ấm sau. Như ấn in vào đất sét, in xong thì lằn chữ hiện ra. Lúc sinh ra, các căn có đầy đủ hoặc không đầy đủ; người có căn đầy đủ thấy sắc thì sinh lòng tham, vì sinh tham nên gọi là ái; vì điên cuồng mà sinh lòng tham cho nên gọi là vô minh. Do hai nhân duyên tham ái và vô minh cho nên những cảnh giới đã thấy đều điên đảo; vô thường thấy là thường, vô ngã thấy ngã, không vui thấy là vui, bất tịnh thấy là tịnh. Do bốn thứ điên đảo này nên gây tạo những nghiệp thiện ác, phiền não gây ra nghiệp, nghiệp tạo ra phiền não. Đây gọi là trói buộc. Do nghĩa này nên gọi là năm ấm sinh. Người này nếu được gần gũi chư Phật, đệ tử của Phật, cùng với thiện tri thức thì được nghe, thọ Mười hai bộ loại kinh văn. Do nghe pháp, cho nên quán những cảnh giới lành; do quán cảnh giới lành nên được trí tuệ lớn, trí tuệ lớn gọi là chánh tri kiến; vì được chánh tri kiến nên sinh lòng hối hận đối với sinh tử. Do tâm hối hận nên không ưa thích sinh tử; vì không ưa thích nên phá được tâm tham; vì phá tâm tham, nên tu tám Thánh đạo. Do tu tám Thánh đạo nên được không sinh tử; do không sinh tử nên gọi là được giải thoát. Như lửa không gặp củi gọi đó là diệt; diệt sinh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa này nên gọi là thân năm ấm diệt.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Trong hư không, không có gai thì vì sao nói là nhổ? Năm ấm không cột trói thì làm sao nói là trói buộc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì xiềng xích phiền não trói buộc năm ấm, xa lìa năm ấm rồi thì không có phiền não riêng biệt, xa lìa phiền não rồi thì không có năm ấm riêng biệt. Này thiện nam! Như cột chống đỡ nóc nhà, lìa nhà thì không cột, lìa cột thì không nhà. Thân năm ấm của chúng sinh cũng như vậy, vì có phiền não nên gọi là trói buộc, vì không phiền não nên gọi là giải thoát. Này thiện nam! Như nắm tay, chắp tay, cột trói, ba thứ đó hợp tan, sinh diệt không có pháp nào riêng biệt. Năm ấm của chúng sinh cũng như vậy, vì có phiền não nên gọi là trói buộc, vì không có phiền não nên gọi là giải thoát. Này thiện nam! Như nói danh sắc trói buộc chúng sinh, nếu danh sắc diệt thì không chúng sinh, lìa danh sắc rồi không có chúng sinh riêng biệt, lìa chúng sinh rồi không có danh sắc riêng biệt, cũng gọi là danh sắc trói buộc chúng sinh cũng gọi là chúng sinh trói buộc danh sắc.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như mắt không tự thấy, ngón tay không tự chạm, dao không tự cắt, thọ không tự thọ, vậy sao Như Lai nói danh sắc trói buộc danh sắc? Vì sao? Vì nói danh sắc trói buộc chúng sinh, còn nói chúng sinh thì chính là danh sắc. Nếu nói danh sắc trói buộc chúng sinh tức là danh sắc trói buộc danh sắc.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lúc hai tay chấp lại, thì không có pháp gì khác đến chấp lại. Danh cùng sắc cũng như vậy, do nghĩa này nên Ta nói danh sắc trói buộc chúng sinh. Nếu xa lìa danh sắc thì được giải thoát. Vì thế Ta nói chúng sinh giải thoát.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có danh sắc là trói buộc thì các vị A-la-hán chưa xa lìa danh sắc cũng trói buộc?

–Này thiện nam! Có hai thứ giải thoát một là tử đoạn, hai là quả đoạn. Tử đoạn là dứt phiền não, phá tan các kiết sử nên hạt giống kiết sử không thể trói buộc, vì A-la-hán chưa dứt quả nên gọi là quả trói buộc. Các vị A-la-hán không thấy Phật tánh, vì không thấy nên không chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên có thể nói là quả trói buộc, không được gọi là danh sắc trói buộc. Này thiện nam! Ví như thắp đèn, khi dầu chưa hết thì ánh lửa không tắt, nếu dầu hết thì lửa phải tắt. Này thiện nam! Nói dầu là dụ cho các phiền não, đèn là dụ cho chúng sinh. Tất cả chúng sinh vì dầu phiền não nên không vào Niết-bàn, nếu dứt hết phiền não thì vào Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đèn và dầu hai tánh riêng khác, còn chúng sinh và phiền não thì không như vậy; chúng sinh tức là phiền não, phiền não tức là chúng sinh. Chúng sinh gọi là năm ấm, năm ấm gọi là chúng sinh. Năm ấm gọi là phiền não, phiền não gọi là năm ấm, vậy sao Đức Như Lai lại dụ như đèn?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Có tám thứ ví dụ: Một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.

Thế nào là thuận dụ? Như trong kinh nói, trời mưa lớn thì mương rãnh đều đầy nước, mương rãnh đầy thì hố nhỏ cũng đầy, hố nhỏ đầy nên hố lớn cũng đầy, hố lớn đầy nên suối nhỏ đầy, suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy, suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy, ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy, ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy, sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy, sông lớn đầy nên biển lớn đầy. Mưa pháp của Như Lai cũng như vậy, làm cho chúng sinh đầy đủ giới hạnh. Vì giới đầy đủ nên tâm không hối hận đầy đủ, vì tâm hối hận đầy đủ nên lòng hoan hỷ đầy đủ, vì hoan hỷ đầy đủ nên sự xa lìa đầy đủ, vì xa lìa đầy đủ nên an ổn đầy đủ, vì an ổn đầy đủ nên chánh định đầy đủ, vì chánh định đầy đủ nên chánh tri kiến đầy đủ, vì chánh tri kiến đầy đủ nên sự nhàm chán xa lìa đầy đủ, vì nhàm chán xa lìa đầy đủ nên quở trách đầy đủ, vì quở trách đầy đủ nên giải thoát đầy đủ, vì giải thoát đầy đủ nên Niết-bàn trọn vẹn. Đó gọi là thuận dụ.

Thế nào là nghịch dụ? Biển lớn có nguồn là sông lớn, sông lớn có nguồn là sông nhỏ, sông nhỏ có nguồn là ao lớn, ao lớn có nguồn là ao nhỏ, ao nhỏ có nguồn là suối lớn, suối lớn có nguồn là suối nhỏ, suối nhỏ có nguồn là hồ lớn, hồ lớn có nguồn là hồ nhỏ, hồ nhỏ có nguồn là mương rãnh, mương rãnh có nguồn là mưa to. Niết-bàn có nguồn là giải thoát, giải thoát có nguồn là quở trách, quở trách có nguồn từ nhàm chán xa lìa, nhàm chán xa lìa có nguồn từ chánh tri kiến, chánh tri kiến có nguồn từ chánh định, chánh định có nguồn là an ổn, an ổn có nguồn là xa lìa, xa lìa có nguồn là hoan hỷ, hoan hỷ có nguồn là không hối hận, không hối hận có nguồn là trì giới, trì giới có nguồn là mưa pháp. Đó gọi là nghịch dụ.

Thế nào là hiện dụ? Như trong kinh nói, tâm tánh của chúng sinh giống như khỉ vượn. Tánh của khỉ vượn là bỏ cái này lấy cái kia. Tâm tánh của chúng sinh cũng như vậy, nắm lấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không tạm dừng. Đó gọi là hiện dụ.

Thế nào là phi dụ? Như xưa kia Ta bảo vua Ba-tư-nặc: "Đại vương! Có người thân tín từ bốn phương đến nói: "Đại vương! Có bốn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại dân chúng". Nếu nghe như vậy đại vương nên lập kế gì?". Vua đáp: "Bạch Thế Tôn! Giả sử việc này có thì không còn chỗ tránh, chỉ nên chuyên tâm, trì giới, bố thí". Ta liền khen: "Lành thay! Đại vương! Ta nói bốn núi tức là sinh, lão, bệnh, tử của chúng sinh, sinh lão, bệnh tử thường đến với chúng sinh, sao đại vương không tu tập trì giới, bố thí?". Vua đáp: "Bạch Thế Tôn! Trì giới, bố thí được quả gì?". Ta nói: "Đại vương! Trì giới, bố thí sẽ được hưởng sự vui sướng ở cõi trời cõi người". Vua nói: "Bạch Thế Tôn! Cây Ni-câu-đà trì giới, bố thí cũng được hưởng phước an ổn ở cõi trời người chăng?". Ta nói: "Đại vương! Cây Ni-câu-đà không thể trì giới tu hành bố thí, nếu nó có thể làm được thì cũng hưởng phước như người". Đó là phi dụ.

Thế nào là tiên dụ? Trong kinh nói, như có người ham thích hoa đẹp, khi hái lấy bị nước cuốn trôi, chúng sinh cũng vậy, vì tham thọ năm dục mà bị nước sinh tử nhận chìm. Đó là tiên dụ.

Thế nào là hậu dụ? Như kinh Pháp Cú nói:

Chớ khinh tội nhỏ

Cho là không họa
Giọt nước dầu ít
Lần đầy bình to.

Đó là hậu dụ.

Thế nào là tiên hậu dụ? Ví như cây chuối sinh có quả thì chết, người ngu được lợi dưỡng cũng như vậy, như con La có mang, mạng sống không còn lâu.

Thế nào là biến dụ? Như trong kinh nói, trời Đao-lợi có cây Ba-lợi-chất-đa, rễ nó sâu vào đất năm do-tuần, cao một trăm do-tuần, cành, lá phủ rộng năm mươi do-tuần, lá chín màu vàng. Chư Thiên thấy sinh tâm vui mừng, lá này không bao lâu sẽ rụng. Chư Thiên thấy lá rụng lại sinh vui mừng vì nhánh cây không bao lâu sẽ đổi sắc. Nhánh cây đã đổi sắc, lại sinh vui mừng vì sắc này không bao lâu sẽ sinh nụ. Chư Thiên thấy rồi lại sinh vui mừng vì nụ này không bao giờ sẽ sinh búp. Chư Thiên thấy rồi lại sinh vui mừng vì búp này không bao giờ sẽ nở ra hoa. Lúc hoa nở mùi thơm bay khắp năm mươi do- tuần, ánh sáng chiếu xa tám mươi do-tuần. Bấy giờ, chư Thiên ba tháng hạ vui chơi dưới cây này. Này thiện nam! Hàng đệ tử của Ta cũng như vậy. Lá sắc vàng dụ cho đệ tử Ta có tâm niệm muốn xuất gia. Lá rụng dụ cho đệ tử Ta cạo bỏ râu tóc. Nhánh cây đổi sắc dụ cho đệ tử Ta bạch tứ yết-ma thọ giới cụ túc. Nụ mới sinh dụ cho đệ tử Ta phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Búp dụ cho Bồ-tát Thập Trụ thấy được Phật tánh. Nở ra dụ cho Bồ-tát đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mùi thơm làm cho vô lượng chúng sinh trong mười phương thọ trì giới cấm. Chiếu sáng dụ cho danh hiệu Như Lai vang khắp mười phương không chướng ngại. Ba tháng mùa hạ dụ cho ba môn chánh định. Chư Thiên ở cõi Đạo lợi vui chơi dụ cho chư Phật ở Đại Niết-bàn được thường lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là biến dụ.

Này thiện nam! Phàm dẫn ví dụ không cần phải lấy trọn mà hoặc lấy phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lấy hoàn toàn. Như nói khuôn mặt của Phật như mặt trăng tròn. Đây gọi là phần ít. Này thiện nam! Ví như có người ban đầu không thấy sữa, hỏi người khác sữa như thế nào, người đó đáp là như nước, mật, con sò. Nước thì tướng ướt, mật thì tướng ngọt, con sò thì tướng màu sắc. Tuy dẫn ba thứ ví dụ nhưng chưa thật là sữa. Ta nói ví dụ cây đèn, dụ cho chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam! Xa lìa nước thì không có sông, chúng sinh cũng như vậy, xa lìa năm ấm thì không có chúng sinh. Này thiện nam! Như tách rời thùng xe, bánh xe, trục xe, gọng xe, vành xe, thì không còn là chiếc xe, chúng sinh cũng vậy. Này thiện nam! Nếu muốn đem pháp hợp với ví dụ cây đèn, thì hãy lắng nghe Ta sẽ thuyết giảng.

Tim đèn dụ cho hai mươi lăm cõi, dầu dụ cho tham ái, ánh sáng dụ cho trí tuệ, trừ bóng tối dụ cho phá vô minh, sức nóng dụ cho Thánh đạo. Như đèn hết dầu thì ngọn lửa tắt, chúng sinh hết tham ái thì thấy Phật tánh, tuy có danh sắc nhưng không bị trói buộc, tuy ở trong hai mươi lăm cõi nhưng không bị các cõi làm nhiễm ô.

Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Năm ấm của chúng sinh trống rỗng, không có gì thì ai lãnh thọ giáo pháp, tu tập đạo hạnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có tâm niệm, tâm tuệ, tâm phát khởi, tâm tinh tấn, tâm tin tưởng, tâm định, những tâm như vậy tuy niệm niệm sinh diệt, nhưng vẫn tương tợ tương tục không gián đoạn, nên gọi là tu hành.

Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những pháp như vậy đều niệm niệm diệt, niệm niệm diệt này cũng tương tợ, tương tục thì làm thế nào tu tập?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như ngọn đèn tuy niệm niệm diệt mà có ánh sáng phá tan bóng tối, niệm niệm các pháp cũng như vậy. Này thiện nam! Như chúng sinh ăn uống tuy niệm niệm diệt nhưng cũng khiến cho người đói được no. Ví như thuốc hay tuy niệm niệm diệt, nhưng cũng có thể làm cho lành bệnh. Như ánh sáng mặt trời, mặt trăng tuy niệm niệm diệt nhưng cũng làm cho cây cỏ tăng trưởng. Này thiện nam! Ông nói niệm niệm diệt thì thế nào tăng trưởng? Vì tâm không gián đoạn nên gọi là tăng trưởng. Thiện nam! Như người đọc sách, những câu chữ đọc lên không cùng một lúc, chữ trước không đến giữa, chữ giữa không đến sau, người đọc cùng với chữ và tâm tưởng đều niệm niệm diệt, do vì rèn luyện lâu mà được thông suốt. Này thiện nam! Ví như thợ kim hoàn, từ khi mới tập làm nghề cho đến đầu bạc, tuy niệm niệm diệt trước không đến sau, nhưng di tích tập nên việc làm càng tinh xảo, vì vậy được gọi là thợ kim hoàn giỏi, đọc tụng kinh sách cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như hạt giống kia, đất không bảo phải sinh mầm, vì tánh tự nhiên nên mầm tự mọc, cho đến hoa cũng không bảo ngươi nên tự thành trái, vì tánh tự nhiên mà trái tự thành, chúng sinh tu hành cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như phép đếm số, một không đến hai, hai không đến ba, tuy niệm niệm diệt mà đến ngàn vạn, chúng sinh tu hành cũng như vậy. Này thiện nam! Như ngọn đèn niệm niệm diệt, ngọn trước diệt không bảo ngọn sau rằng Ta diệt ngươi sinh để phá tan bóng tối. Thiện nam! Như con nghé sinh ra liền tìm sữa bú, trí khôn tìm sữa thật không ai dạy, tuy niệm niệm diệt mà trước thì đói sau được no. Cho nên biết rằng trước và sau không giống nhau. Nếu giống nhau thì lẽ ra không sai khác. Chúng sinh tu hành cũng như vậy, ban đầu tuy chưa tiến bộ, nhưng do tu tập lâu thì có thể phá hoại tất cả phiền não.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, người chứng quả Tu-đà- hoàn rồi, dù thác sinh vào cõi nước hung ác vẫn trì giới không sát sinh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, uống rượu. Thân năm ấm của Tu-đà-hoàn đã hoại diệt ở chỗ này thì không qua cõi nước hung ác. Người tu hành cũng, không đến nước hung ác. Nếu là tương tự thì tại sao không sinh nơi cõi nước tịnh diệu. Nếu thân năm ấm ở cõi nước hung ác chẳng phải là thân năm ấm của Tu-đà-hoàn thì do đâu mà không gây tạo nghiệp ác?

–Này thiện nam! Vị Tu-đà-hoàn tuy sinh vào cõi nước hung ác nhưng vẫn hoàn toàn không mất danh hiệu Tu-đà-hoàn, thân năm ấm không tương tợ nên Ta dẫn con nghé làm ví dụ. Vì Tu-đà-hoàn tuy sinh vào cõi ác, do có đạo lực nên không gây tạo nghiệp ác. Này thiện nam! Ví như núi Hương có sư tử chúa nên tất cả loài chim bay, thú chạy đều ẩn nấp, không dám đến gần núi này. Có lúc sư tử chúa đến núi Tuyết, nhưng tất cả loài chim, thú vẫn không đến gần núi Hương. Vị Tu-đà-hoàn cũng như vậy, tuy không tu tập đạo nhưng nhờ đạo lực nên không tạo nghiệp ác. Này thiện nam! Ví như có người uống cam lồ, chất cam lồ tuy đã tiêu hóa nhưng năng lực của thuốc có thể khiến cho người uống không già, không chết. Này thiện nam! Như núi Tu-di có thuốc thượng diệu tên là Lăng-già-lợi, người uống thuốc này tuy niệm niệm diệt, nhưng do năng lực của thuốc nên người uống thuốc không bao giờ gặp bệnh khổ. Này thiện nam! Như chỗ ngồi của Chuyển luân vương, tuy vua không ngự nhưng không ai dám đến gần. Vì sao? Vì oai lực của vua. Vị Tu-đà-hoàn cũng như vậy, dù sinh nơi cõi nước hung ác, không tu tập đạo, nhưng do đạo lực nên không tạo nghiệp ác. Thiện nam! Thân năm ấm Tu-đà-hoàn tan hoại ở đây, tuy sinh thân năm ấm khác, nhưng vẫn không mất thân năm ấm Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Ví như chúng sinh vì được quả nên đối với hạt giống ra công chăm sóc vun phân, bón tưới, chưa được trái mà hạt giống lại hư hoại, nhưng cũng được gọi là nhân nơi hạt giống mà được trái. Thân năm ấm của Tu-đà-hoàn cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như có người tài sản to lớn, chỉ có một đứa con trai chết sớm, người con này lại có đứa con trai ở xứ khác, người giàu này bỗng nhiên qua đời, đứa cháu nội nghe tin trở về nhận lấy sản nghiệp, tuy biết tài sản chẳng phải nó tạo ra, nhưng nó vẫn nhận lấy không ai ngăn cản. Vì sao? Vì nó cùng một họ. Thân năm ấm của Tu-đà-hoàn cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như bài kệ Phật nói:

Tỳ-kheo nếu tu tập
Giới định và trí tuệ
Nên biết là chẳng thoái
Gần gũi Đại Niết-bàn..

Bạch Thế Tôn! Thế nào là tu giới? Thế nào là tu định? Thế nào là tu tuệ?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có người thọ trì giới cấm, chỉ vì muốn tự lợi, hưởng thọ sự vui cõi trời, người, không vì độ thoát tất cả chúng sinh, không vì ủng hộ chánh pháp vô thượng, chỉ vì lợi dưỡng sợ ba đường ác, vì sự sống, sắc đẹp, sức mạnh, an ổn, biện tài vô ngại, vì sợ luật pháp của vua, sợ tiếng xấu, vì sự nghiệp thế gian, hộ trì giới như vậy thì không được gọi là tu tập giới.

Này thiện nam! Thế nào gọi là chân thật tu tập giới? Khi thọ trì giới, nếu vì độ thoát tất cả chúng sinh, vì hộ trì chánh pháp để độ người chưa được độ, giải bày cho người chưa hiểu, quy y cho người chưa quy y, người chưa nhập Niết-bàn khiến cho nhập Niết-bàn, khi tu tập như vậy không thấy giới, không thấy giới tướng, không thấy người trì, không thấy quả báo, không tìm xem hủy phạm, thì này thiện nam! Nếu có thể được như vậy, thì mới gọi là tu tập giới.

Thế nào gọi là tu tập chánh định? Khi tu chánh định, vì tự độ thoát, vì lợi dưỡng mà chẳng vì chúng sinh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy tội lỗi tham dục, ăn uống, vì thấy nam căn, nữ căn, chín lỗ bất tịnh, vì đấu tranh, gây gỗ giết hại nhau, nếu vì những việc này mà tu chánh định thì không gọi là tu tập chánh định.

Này thiện nam! Thế nào gọi là tu tập chánh định chân chánh? Nếu vì chúng sinh tu tập chánh định thì đối với chúng sinh có tâm bình đẳng, vì khiến cho chúng sinh được pháp bất thoái, vì khiến chúng sinh được thánh tâm, vì làm cho chúng sinh được Đại thừa, vì muốn hộ trì pháp vô thượng, vì làm cho chúng sinh không thoái tâm Bồ-đề, vì làm cho chúng sinh được Thủ-lăng-nghiêm, làm cho chúng sinh được Tam- muội Kim cang, vì làm cho chúng sinh được Đà-la-ni, vì làm cho chúng sinh được bốn vô ngại, vì làm cho chúng sinh thấy Phật tánh. Khi thực hành không thấy Tam-muội, không thấy người tu, không thấy quả báo thì Này thiện nam! Nếu có thể như vậy, gọi là tu tập chánh định.

Thế nào là tu tập trí tuệ? Nếu có người tu tập suy nghĩ: “Nếu ta tu tập trí tuệ như vậy, được giải thoát khỏi ba cõi ác, thì ai có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh? Ai có thể ở trong đường sinh tử mà độ chúng sinh? Phật ra đời khó gặp như hoa

Ưu-đàm, nay ta có thể đoạn trừ phiền não kiết sử quyết được quả giải thoát, nên ta phải siêng năng tu tập trí tuệ để mau dứt trừ phiền não, sớm được giải thoát” thì tu tập như vậy, không được gọi là tu tập trí tuệ.

Thế nào gọi là tu tập chân chánh? Người trí nếu quan sát sự khổ sinh, già, chết, tất cả chúng sinh bị vô minh che lấp, không biết tu tập đạo vô thượng, nguyện đem thân này của ta nhận lấy khổ não thay thế cho chúng sinh. Chúng sinh có tâm bần cùng, hạ tiện, phá giới, nghiệp tham, sân, si nguyện đều dồn hết nơi thân mình, nguyện cho chúng sinh không tham đắm, không bị danh sắc trói buộc, nguyện cho chúng sinh mau thoát khỏi sinh tử, chỉ để một thân mình ở nơi sinh tử không nhàm chán. Nguyện cho tất cả chúng sinh đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi tu tập như vậy, không thấy trí tuệ, không thấy tướng trí tuệ, không thấy người tu tập, không thấy quả báo. Đó gọi là tu tập trí tuệ. Thiện nam! Người tu tập giới, định, tuệ như vậy gọi là Bồ- tát. Người không thể tu tập giới, định, tuệ như vậy gọi là Thanh văn.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào lại gọi là tu tập giới? Đó là có thể phá hoại mười sáu ác luật nghi của tất cả chúng sinh. Những gì là mười sáu? Một là vì lợi mà nuôi dê cho mập rồi đem bán, hai là vì lợi mua dê để làm thịt, ba là vì lợi nuôi heo cho mập để bán, bốn là vì lợi mua heo để làm thịt, năm là vì lợi nuôi bò con cho mập để bán, sáu là vì lợi mua bò để làm thịt, bảy là vì lợi nuôi gà cho mập để bán, tám là vì lợi mua gà để làm thịt, chín là câu cá; mười là làm thợ săn, mười một là cướp giật, mười hai là thái thịt, mười ba là dùng lưới để bắt chim, mười bốn là nói hai lưỡi, mười lăm là làm lính giữ ngục, mười sáu là làm bùa chú bắt rồng. Có thể vì chúng sinh vĩnh viễn đoạn trừ mười sáu nghiệp ác như thế gọi là tu giới.

Thế nào là tu định? Có thể dứt bỏ tất cả định thế gian, đó là định vô thân, có thể làm cho chúng sinh sinh tâm điên đảo cho là Niết-bàn. Có định vô biên tâm, định thế đoán, định thế tánh, định thế trượng phu, định phi tưởng, định phi phi tưởng. Những môn định như vậy có thể làm cho chúng sinh sinh tâm điên đảo cho là Niết-bàn. Nếu có thể dứt hẳn định như vậy thì gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí tuệ? Có thể phá những ác kiến của thế gian. Tất cả chúng sinh đều có ác kiến, đó là chấp sắc là ngã cũng là ngã sở, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, cho đến chấp thức cũng như vậy. Thường tức là ngã, sắc diệt ngã còn. Sắc tức là ngã, sắc diệt ngã cũng diệt. Lại có người nói rằng tác giả gọi là ngã, thọ giả gọi là sắc. Lại có người nói tác giả gọi là sắc, thọ giả gọi là ngã. Lại có người nói không tác giả, không thọ giả, tự sinh, tự diệt đều không phải nhân duyên. Lại có người nói không tác giả, không thọ giả đều do tự tại tạo ra. Lại có người nói không có tác giả, không có thọ giả, tất cả đều do thời tiết tạo ra. Lại có người nói tác giả, thọ giả đều không có, do năm đại như địa v.v… mà gọi là chúng sinh. Này thiện nam! Nếu có thể phá hoại những ác kiến như thế của chúng sinh thì gọi là tu tập trí tuệ. Này thiện nam! Tu tập giới là để cho thân vắng lặng, tu tập chánh định để cho tâm vắng lặng, tu tập trí tuệ để phá trừ lòng nghi, phá trừ lòng nghi là để tu tập đạo, tu tập đạo là để thấy Phật tánh, thấy Phật tánh là để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là được Đại Niết-bàn vô thượng, được Đại Niết-bàn là dứt trừ tất cả sinh tử, tất cả phiền não, tất cả các hữu, tất cả các cõi, tất cả các đế của chúng sinh, dứt trừ sinh tử cho đến dứt trừ đế để được pháp thường, lạc, ngã, tịnh.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, nếu không sinh, không diệt gọi là Đại Niết-bàn, vậy thì sinh cũng bất sinh bất diệt như thế sao không được gọi là Niết-bàn?

–Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói, sinh tuy cũng là bất sinh bất diệt nhưng có thỉ có chung.

–Bạch Thế Tôn! Pháp sinh tử này cũng vô thỉ vô chung. Nếu vô thỉ vô chung thì gọi là thường, mà thường tức là Niết-bàn, vậy cớ sao không gọi là sinh tử là Niết-bàn?

–Này thiện nam! Pháp sinh tử này đều có nhân quả, có nhân quả nên không được gọi là Niết-bàn. Vì sao? Vì thể của Niết-bàn vốn không nhân quả.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nói về Niết-bàn cũng có nhân quả, như Đức Phật đã dạy:

Từ nhân sinh cõi trời
Từ nhân đọa ác đạo
Từ nhân được Niết-bàn
Cho nên đều có nhân.

Xưa kia Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nay Ta sẽ nói đạo quả Sa-môn. Nói Sa-môn, nghĩa là người có thể tu tập đầy đủ giới, định, tuệ. Đạo là tám Thánh đạo. Quả của Sa-môn là Niết-bàn”. Bạch Thế Tôn! Niết-bàn như vậy chẳng phải quả chăng? Sao hôm nay Phật nói thể của Niết-bàn không nhân không quả?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta đã giảng nói nhân của Niết-bàn là Phật tánh, tánh của Phật tánh không sinh Niết-bàn nên Ta nói Niết-bàn không nhân, vì có thể phá phiền não nên gọi là quả Đại Niết-bàn.

Niết-bàn này không từ nơi đạo sinh ra nên gọi là không có quả. Do đó nên Niết-bàn không nhân, không quả.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh của chúng sinh là có chung hay là có riêng? Nếu có chung thì một người khi chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng đồng được chứng đắc. Như hai mươi người cùng có một kẻ oán thù, nếu một người có thể trừ được kẻ thù thì mười chín người kia cũng đồng hết người thù. Phật tánh cũng như vậy, khi một người được thì những người khác đáng lẽ cũng được. Nếu mỗi chúng sinh riêng có Phật tánh thì đó là vô thường. Vì sao? Vì có thể tính đếm được. Nhưng Đức Phật nói Phật tánh của chúng sinh không một không hai. Nếu là riêng có thì không nên nói chư Phật bình đẳng, cũng chẳng nên nói Phật tánh như hư không.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh không phải một, không phải hai, chư Phật bình đẳng giống như hư không. Tất cả chúng sinh đồng có Phật tánh, nếu có thể tu tám Thánh đạo thì nên biết người này được thấy rõ. Này thiện nam! Trên núi Tuyết có thứ cỏ tên là Nhẫn nhục, nếu bò ăn cỏ này thì sinh ra chất đề hồ. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Như lời Phật dạy thì cỏ Nhẫn nhục là một hay nhiều? Nếu là một bò ăn thì hết. Nếu là nhiều sao Phật nói Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy? Như Phật nói, nếu có người tu tập tám Thánh đạo thì thấy được Phật tánh, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Thánh đạo nếu là một như cỏ nhẫn nhục thì lẽ ra phải hết. Nếu Thánh đạo hết thì một người tu xong những người khác không có phần. Nếu Thánh đạo là nhiều thì vì sao nói là tu tập đầy đủ cũng không được gọi là Nhất thiết trí?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như con đường bằng thẳng, tất cả chúng sinh đều đi trên đường không chướng ngại, giữa đường có một tàn cây tỏa bóng mát mẻ. Người đi đường dừng lại nghỉ ngơi dưới bóng cây, nhưng bóng cây này vẫn thường như vậy không thay đổi, cũng chẳng hư mất, không ai mang đi. Đường bằng thẳng dụ cho Thánh đạo, bóng mát dụ cho Phật tánh. Này thiện nam! Ví như thành lớn chỉ có một cửa, tuy có nhiều người ra vào qua lại, nhưng không làm chướng ngại, cũng không có người phá hoại hoặc mang đi. Này thiện nam! Ví như cây cầu có nhiều người đi, cũng không có người cản trở chướng ngại, phá hoại hoặc mang đi. Này thiện nam! Ví như lương y trị đủ thứ bệnh, cũng không ai ngăn cản lương y trị bệnh người này, bỏ người kia. Thánh đạo và Phật tánh cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những ví dụ của Phật đưa ra, theo nghĩa không phải như vậy. Vì sao? Vì người trước ở trên đường thì trở ngại cho người đi sau, sao lại nói là không chướng ngại? Những điều dụ khác cũng như vậy. Thánh đạo, Phật tánh như vậy thì lúc một người tu hành lẽ ra phải trở ngại những người khác.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông hỏi, thì nghĩa không thích hợp. Những điều dụ của Ta dẫn ra là dụ phần ít, chẳng phải dụ tất cả. Thiện nam! Con đường ở đời thường có chướng nạn, kia khác với đây, không có bình đẳng. Đạo vô lậu thì không như vậy, có thể làm cho chúng sinh không có chướng ngại, luôn bình đẳng không hai, không có nơi chốn, kia đây sai khác. Chánh đạo như vậy có thể làm liễu nhân cho Phật tánh của tất cả chúng sinh, mà chẳng làm sinh nhân, như ngọn đèn sáng soi rõ các đồ vật. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều đồng vô minh làm nhân duyên cho hành nhưng không thể nói rằng một người vô minh làm nhân duyên cho hành rồi thì những người khác lẽ ra không có. Tất cả chúng sinh đều có vô minh làm nhân duyên cho hành, cho nên nói mười hai nhân duyên tất cả đều bình đẳng. Chúng sinh tu tập đạo vô lậu cũng như vậy, dứt trừ phiền não của chúng sinh và con đường các cõi của bốn loài. Do nghĩa này nên gọi là bình đẳng. Những người chứng được thì cái thấy biết kia, đây không có chướng ngại, nên được gọi là Nhất thiết trí.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Tất cả chúng sinh không đồng một thân, hoặc là thân trời, thân người, thân súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, những thân sai khác như vậy không phải một, tại sao nói Phật tánh là một?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như có người để chất độc trong sữa, cho đến đề hồ đều có độc, sữa tươi không gọi là sữa đặc, sữa đặc không gọi là sữa tươi cho đến đề hồ cũng như vậy, danh tự tuy biến đổi nhưng tánh độc không biến mất, trong khắp năm vị đều như vậy. Nếu uống đề hồ mà không chết thì thật ra không bỏ độc trong đề hồ. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, tuy ở trong năm đường thọ thân sai khác, nhưng Phật tánh thường hằng duy nhất không biến đổi.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trong mười sáu nước lớn có sáu thành lớn, đó là thành Xá-bà-đề, thành Bà-chỉ-đa, thành Chiêm-bà, thành Tỳ-xá-ly, thành Ba-la-nại, thành Vương-xá. Sáu thành này rất lớn, tại sao bỏ thành này mà đến nơi thành Câu-thi-na nhỏ hẹp xấu xí để nhập Niết-bàn?

–Này thiện nam! Ông không nên nói thành Câu-thi-na là biên địa nhỏ hẹp xấu xí, mà nên nói thành này được trang nghiêm bằng công đức vi diệu. Vì sao? Vì chỗ này chư Phật, Bồ-tát thường đến. Này thiện nam! Như nhà của người nghèo, nếu có vua đi qua thì nên khen ngợi nhà này có phước đức đầu đủ, trang nghiêm nên nhà vua mới ngự giá đến. Này thiện nam! Như người bệnh nặng, uống thuốc dở xấu, uống xong lành bệnh, liền khen thuốc này rất hay, rất tốt chữa lành bệnh của mình. Này thiện nam! Như người đi thuyền ở trong biển lớn, thuyền bị hư chìm không nơi nương tựa, nhờ ôm tử thi mà được vào bờ, đến bờ rồi vui mừng khen là mình nhờ tử thi mà được an ổn. Thành Câu-thi-na cũng như vậy là chỗ đi đến của chư Phật, Bồ-tát, sao ông lại nói thành là chốn biên địa nhỏ hẹp xấu xí? Này thiện nam! Ta nhớ thuở xa xưa cách đây hằng hà sa kiếp, kiếp ấy hiệu là Thiện giác. Lúc ấy, có Thánh vương họ Kiều-thi-ca, thành tựu bảy báu, ngàn con đầy đủ. Vua này là người ban đầu xây dựng thành trì này, chung quanh dài rộng mười hai do-tuần, bảy báu trang nghiêm, có nhiều con sông, nước trong sạch, êm ả ngon ngọt, đó là sông Ni-liên-thiền, sông Y-la-bạt-đề, sông Hy-liên-thiền, sông Y-sưu-mạt-để, sông Tỳ-bà-xá-na. Tất cả có năm trăm con sông như vậy. Hai bên bờ sông cây cối sum suê, hoa trái tươi tốt. Người dân thời ấy sống lâu vô lượng. Khi ấy Chuyển luân Thánh vương qua khỏi trăm năm, xướng lên: "Như lời Phật dạy, tất cả các pháp đều vô thường. Nếu ai tu tập mười pháp thiện thì có thể dứt trừ được sự vô thường khổ não ấy". Dân chúng nghe rồi đều cùng nhau phụng trì tu tập mười pháp thiện. Thuở đó, Ta nghe danh hiệu của Phật, suy nghĩ tu tập thọ trì mười pháp thiện, ban đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phát tâm rồi lại đem pháp này chỉ dạy cho vô lượng vô biên chúng sinh rằng tất cả các pháp đều vô thường biến hoại. Do đó nên hôm nay Ta tiếp tục ở chỗ này, giảng nói các pháp vô thường biến hoại, chỉ có thân Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ nhân duyên đời trước đã làm, cho nên nay đến nơi này nhập Niết-bàn, cũng muốn đền đáp ân đời trước của chỗ này. Do nghĩa đó, Nên ta nói trong kinh: Quyến thuộc của Ta là thọ ơn thì phải báo đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Thuở xưa, khi chúng sinh tuổi thọ vô lượng, bấy giờ, thành này gọi là Câu-xá-bạt-đề, chung quanh ngang rộng năm mươi do-tuần. Lúc đó ở cõi Diêm-phù-đề người ở gần gũi nối tiếp nhau. Có Chuyển luân vương hiệu là Thiện Kiến, bảy báu thành tựu, ngàn con đầy đủ, cai trị khắp bốn cõi. Vị thái tử thứ nhất tư duy về chánh pháp chứng được Phật-bích-chi. Bấy giờ vua Chuyển luân thấy thái tử thành Phật-bích-chi oai nghi mực thước, thần thông hy hữu, thấy việc này rồi, liền xả bỏ ngôi vua như bỏ đờm dãi, xuất gia ở trong rừng Ta-la này, trải qua tám vạn năm tu tập tâm từ, tu tập tâm bi, hỷ, xả mỗi loại cũng tám vạn năm như vậy. Này thiện nam! Nên biết, Thánh vương Thiện Kiến thời đó chính là thân Ta. Do đó nên ngày nay Ta thường ưa thích thực hành bốn pháp này, bốn pháp này gọi là chánh định. Do nghĩa này nên thân Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên hôm nay Ta đến thành Câu-thi-na này ở trong rừng Ta-la song thọ mà nhập Tam-muội chánh định.

Này thiện nam! Ta nhớ thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, bấy giờ thành này tên là Ca-tỳ-la-vệ, trong thành có vua hiệu là Bạch Tịnh, phu nhân là Ma-da, vua có một đứa con tên là Tất-đạt-đa. Lúc đó, Thái tử không học với thầy, tự mình tư duy tu tập chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vị này có hai đệ tử, một tên là Xá-lợi-phất, hai tên là Mục-kiền-liên và đệ tử thị giả tên là A-nan. Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong rừng song thọ nói kinh Đại Niết-bàn. Lúc đó, Ta được dự pháp hội, nghe chúng sinh đều có Phật tánh. Nghe xong, đối với Bồ-đề liền được bậc Bất thoái chuyển, tự phát nguyện: "Nguyện đời vị lai lúc tôi thành Phật thì cha mẹ, cõi nước, danh hiệu, đệ tử, thị giả, sự thuyết pháp giáo hóa đều đồng như Thế Tôn hôm nay không sai khác". Do nhân duyên đó, nên hôm nay Ta đến nơi đây diễn nói kinh Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Khi Ta mới xuất gia chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vua Tần-bà-sa-la sai sứ giả đến nói với Ta: "Thái tử Tất-đạt-đa! Nếu Ngài làm Thánh vương thì tôi sẽ thần phục. Nếu xuất gia mà chứng đắc Bồ-đề vô thượng thì trước hết xin đến thành Vương-xá để thuyết pháp độ người và thọ nhận sự cúng dường của tôi". Lúc đó Ta yên lặng nhận lời thỉnh của vua. Này thiện nam! Khi Ta mới đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền đi về hướng nước Kiệt-xà, lúc đó nơi sông Ni-liên-thiền có Bà-la-môn họ Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử ở bên sông cầu đạo vô thượng, Ta vì người này nên đến thuyết pháp. Ca-diếp nói: "Thưa Cù-đàm! Nay tôi đã già một trăm hai mươi tuổi, trong nước Ma-già-đà, tất cả dân chúng cùng vua Tần-bà-sa-la đều cho là tôi đã chứng quả La-hán. Nay nếu tôi ở trước Ngài nghe thọ giáo pháp thì tất cả mọi người sẽ sinh lòng nghi ngờ là Đại đức Ca-diếp chẳng phải La-hán sao? Mong Cù-đàm mau đi nơi khác. Nếu mọi người biết rõ công đức Cù-đàm hơn tôi thì chúng tôi không nhận được sự cúng dường". Lúc đó Ta đáp: "Này Ca-diếp! Nếu ông đối với Ta không quá sân hận thì cho Ta nghỉ ngơi một đêm sáng sớm sẽ đi”. Ca-diếp nói: “Thưa Cù-đàm! Tôi không có tâm gì khác, tôi kính mến tôn trọng Ngài, nhưng vì chỗ ở của tôi có con rồng độc, tánh hung dữ, sợ nó làm hại Ngài”. Ta nói: “Ca-diếp! Độc trong các thứ độc không gì hơn ba thứ độc, nay Ta đã dứt trừ, nên tất cả thứ độc trong đời Ta đều chẳng sợ”. Ca-diếp lại nói: “Nếu Ngài không sợ thì mời ở lại”.

Này thiện nam! Lúc đó Ta cố ý vì Ca-diếp mà hiện mười tám môn thần biến như trong kinh nói. Lúc đó Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử thấy, nghe như thế rồi đều chứng quả A-la-hán. Bấy giờ Ca-diếp lại có hai người em: một là Già-da Ca-diếp, hai là Na-đề Ca-diếp, thầy trò quyến thuộc gồm có năm trăm người cũng đều chứng quả A-la-hán. Lúc đó trong thành Vương-xá, hàng Lục sư ngoại đạo nghe việc này liền sinh tâm rất ác độc với Ta. Bấy giờ Ta nhận lời thỉnh của vua đến thành Vương-xá, giữa đường được vua cùng trăm ngàn người đón rước. Ta vì họ thuyết pháp. Khi nghe pháp rồi, tám vạn sáu ngàn chư Thiên cõi Dục phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười hai vạn người theo hầu vua Tần-bà-sa-la đắc quả Tu-đà-hoàn, vô lượng chúng sinh thành tựu tâm nhẫn. Khi vào thành, Ta độ Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cùng hai trăm năm mươi đệ tử của hai người, khiến họ bỏ tâm ngoại đạo, xuất gia học Phật. Ta liền ở lại đó thọ nhận sự cúng dường của vua. Hàng Lục sư ngoại đạo cùng nhau hợp lại đến ở thành Xá-vệ. Trong thành Xá-vệ có một trưởng giả tên Tu-đạt-đa, vì việc hỏi vợ cho con nên đến thành Vương-xá, ở nhà của trưởng giả San-đàn-na. Giữa đêm, trưởng giả San-đàn-na thức dậy gọi bảo quyến thuộc: “Các ngươi mau thức dậy quét dọn, sửa sang, trang hoàng nhà cửa, bày biện thức ăn uống”. Tu-đạt-đa nghe rồi tự suy nghĩ: “Nhà này sắp thỉnh vua Ma-già-đà hay có lễ cưới hỏi hội hè gì chăng?”. Nghĩ vậy rồi, Tu-đạt-đa tìm trưởng giả San-đàn-na hỏi: “Ông muốn thỉnh vua nước Ma-già- đà là Tần-bà-sa-la hay có lễ cưới hỏi, hội hè, mà công việc vội vàng khẩn trương như vậy?”. Trưởng giả đáp: “Không đâu cư sĩ! Sáng mai tôi thỉnh Đức Phật, đấng Pháp vương vô thượng”. Tu-đạt-đa nghe danh hiệu “Phật” toàn thân lông tóc dựng đứng, liền hỏi: “Thế nào là Phật?”. Trưởng giả đáp: “Ông không nghe chăng? Thành Ca-tỳ-la có người dòng họ Thích, tên Tất-đạt-đa, họ Cù-đàm. Phụ vương là Bạch Tịnh. Khi Thái tử sinh ra chưa bao lâu, các thầy tướng xem tướng Thái tử, đoán chắc là Thái tử sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương rõ ràng như trái Am-la trong lòng bàn tay. Nhưng Thái tử chẳng ưa thích, nên bỏ nhà mà xuất gia, không thầy mà tự giác ngộ, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dứt hết tham, sân, si, thường trụ không biến đổi, không sinh, không diệt, chẳng còn lo sợ. Đối với các chúng sinh tâm Đức Phật bình đẳng như cha mẹ thương con một, có thân tâm thù thắng hơn mọi người, tuy hơn tất cả mà không kiêu mạn, đối với người giúp đỡ cũng như kẻ làm hại, tâm Ngài không phân biệt, trí tuệ thông suốt, đối với các pháp không có chướng ngại, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, năm trí, Tam-muội, đại từ, đại bi và ba niệm xứ, cho nên gọi là Phật. Sáng mai Đức Phật đến nhà tôi thọ trai nên phải bận rộn lo sắp đặt, không rảnh tiếp đãi”. Tu-đạt-đa nói: “Lành thay! Thưa trưởng giả! Đức Phật có công đức vô thượng, hiện nay Ngài ở đâu?”. Trưởng giả đáp: “Hiện nay Đức Phật ở tại Tinh xá Ca-lan-đà nơi Trúc lâm thuộc thành Vương-xá này”. Bấy giờ, Tu-đạt-đa nhất tâm nhớ nghĩ đến công đức mười lực, vô úy, năm trí, Tam-muội, đại từ, đại bi và ba niệm xứ của Phật. Lúc đang nhớ nghĩ như vậy bỗng nhiên có ánh sáng rực rỡ chiếu đến như ban ngày. Ông liền theo ánh sáng đi đến cửa thành. Do thần lực của Phật nên cửa thành tự mở. Ông ra khỏi cửa thành bên đường có miếu thờ trời, Tu-đạt-đa đến miếu chí thành lạy, bỗng trời tối lại, ông sinh tâm lo sợ liền muốn trở về nhà. Bấy giờ, ở cửa thành đó có một thiên thần bảo Tu-đạt: “Này nhân giả! Nếu ông đến chỗ Như Lai sẽ được nhiều lợi ích tốt đẹp”. Tu-đạt-đa thưa: “Thế nào là lợi ích tốt đẹp?”.

Thiên thần đáp: “Này trưởng giả! Giả sử có người đem châu báu anh lạc, trăm con tuấn mã, trăm con hương tượng, trăm cỗ xe báu, đúc trăm người vàng, mỹ nữ đoan chánh đeo chuỗi anh lạc, trang điểm bằng các thứ châu báu; nhà cửa, cung điện, chạm trổ tốt đẹp, mâm vàng đựng lúa bạc, mâm bạc đựng lúa vàng mỗi thứ một trăm, đem tất cả bố thí cho một người, như thế lần lượt bố thí tất cả người trong cõi Diêm-phù-đề thì công đức có được không bằng có người phát tâm bước một bước đến chỗ Như Lai”. Tu-đạt-đa hỏi: “Ông là ai?”. Đáp: “Này trưởng giả! Ta là Thắng Tướng, con của một Bà-la-môn thuở xưa là bạn cũ của ông. Thuở xưa ta nhân thấy Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sinh tâm hoan hỷ, nên khi xả thân được sinh làm thái tử của Thiên vương Tỳ-sa-môn phương Bắc, chuyên hộ trì thành Vương-xá này. Ta nhân vì cung kính lễ bái Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên sinh tâm hoan hỷ mà còn được thân tốt đẹp thế này, huống gì là được thấy Đức Như Lai lễ bái cúng dường”. Trưởng giả Tu-đạt nghe việc này rồi liền trở lại thẳng đường đến chỗ Ta, đến rồi đầu mặt lễ dưới chân Ta. Bấy giờ, Ta vì ông mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, trưởng giả Tu-đạt-đa chứng quả Tu-đà-hoàn. Đã chứng quả rồi lại thỉnh Ta: “Như Lai đại từ, xin thỉnh Ngài đến thành Xá-vệ nhận sự cúng dường của con”. Ta hỏi: “Nước Xá-vệ của ông có Tinh xá để dung nạp giáo đoàn của Ta không?”. Tu- đạt-đa thưa: “Nếu Như Lai thương tưởng quang lâm, con sẽ tận lực lo xây dựng”. Này thiện nam! Khi ấy Ta yên lặng nhận lời. Trưởng giả Tu-đạt nghe Ta hứa rồi, liền bạch: “Con từ xưa đến nay chưa làm việc này. Xin Như Lai cho Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỉ dạy cách thức, con sẽ vâng lệnh làm theo”. Bấy giờ Xá-lợi-phất, Tu-đạt-đa cùng đi một xe đến thành Xá-vệ. Do thần lực của Ta nên chỉ trải qua một ngày đêm thì đến chỗ dừng nghỉ. Bấy giờ, Tu-đạt-đa bạch Xá-lợi-phất: “Đại đức! Ngoài thành lớn này, có chỗ đất nào không gần, không xa, nhiều ao, suối, có rừng cây hoa trái tươi tốt, thanh tịnh vắng lặng tôi sẽ dựng Tinh xá để Đức Thế Tôn và chúng Tăng ở”. Xá-lợi-phất nói: “Vườn của Thái tử Kỳ-đà không gần, không xa, thanh tịnh vắng lặng, có nhiều ao suối, vườn cây, hoa trái tùy thời đều có. Chỗ đất này rất đẹp, có thể xây dựng Tinh xá. Bấy giờ Tu-đạt-đa nghe nói rồi liền đến chỗ đại Trưởng giả Kỳ-đà nói: “Tôi muốn xây dựng Tăng phòng để cúng dường đức Pháp Vương vô thượng. Chỉ có vườn của đại Trưởng giả mới dựng được. Nay tôi muốn mua có được không?”. Kỳ-đà đáp: “Giả như ông đem vàng lót khắp mặt đất, ta còn chẳng bán”. Tu-đạt-đa nói: “Lành thay! Kỳ-đà! Vườn đất thuộc về tôi. Ngài sẽ lấy vàng”. Kỳ-đà nói: “Ta không bán vườn sao sẽ lấy vàng”. Tu-đạt-đa nói: “Nếu ý

Ngài không rõ ràng xin đến quan xử đoán để giải quyết”. Bấy giờ, hai người liền đến chỗ quan xử đoán. Quan xử đoán nói: “Vườn thuộc Tu-đạt, Kỳ-đà lấy vàng”. Trưởng giả Tu-đạt liền cho người dùng xe ngựa chở vàng đến lót khắp mặt đất chỉ trong một ngày, còn năm trăm bước là chưa lót khắp. Kỳ-đà nói: “Nếu Trưởng giả hối hận thì tùy ý dừng lại”. Trưởng giả Tu-đạt nói: “Tôi không hối hận. Tôi đang suy nghĩ nên xuất kho vàng nào để lót đủ khoảng còn lại”. Kỳ-đà nghĩ: “Như Lai thật là đấng Pháp Vương vô thượng, đã giảng nói diệu pháp thanh tịnh, không nhiễm ô, nên khiến người này xem nhẹ vàng như vậy”. Ông liền nói với Trưởng giả Tu-đạt: “Chỗ đất còn lại không cần lót vàng nữa, tôi xin dâng cúng và tôi tự xây dựng cửa ngõ để Như Lai ra vào”. Trưởng giả Kỳ-đà tự xây cửa ngõ. Trưởng giả Tu-đạt, trong bảy ngày dựng một gian nhà lớn đủ ba trăm căn, sáu mươi ba thiền phòng thanh tịnh, nhà mùa đông, nhà mùa hạ mỗi chỗ khác nhau, nhà bếp, nhà tắm, chỗ rửa chân, nhà đại tiểu tiện, tất cả đều đầy đủ. Công việc hoàn tất, Trưởng giả cầm lư hương hướng về thành Vương-xá bạch: “Việc xây cất Tinh xá đã xong. Ngưỡng mong Đức Như Lai từ bi xót thương chúng sinh mà nhận ở Tinh xá này”. Bấy giờ Ta ở thành Vương-xá biết rõ tâm niệm của Trưởng giả, liền cùng đại chúng rời thành Vương-xá, như trong khoảnh khắc tráng sĩ co duỗi cánh tay, đã đến Tinh xá Tu- đạt trong vườn cây Kỳ-đà thành Xá-vệ. Khi Ta đến rồi, Trưởng giả Tu-đạt đem tất cả công trình xây dựng cúng dường cho Ta. Khi ấy Ta thọ nhận rồi lưu trú tại đây.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXX

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 4

Khi ấy, các Lục sư sinh tâm ganh tỵ, cùng nhau kéo đến chỗ vua Ba-tư-nặc tâu: "Đại vương nên biết! Đất nước của đại vương sạch sẽ, yên tịnh, đúng là chỗ của người xuất gia trú ngụ. Do vậy, chúng tôi vì việc nầy mà đến đây. Tâu đại vương! Đại vương dùng chánh pháp trị nước, trừ họa cho dân. Sa-môn Cù-đàm tuổi nhỏ, học thuật kém cỏi, không có đạo thuật. Nước này lúc trước có bậc túc đức kỳ cựu, vậy mà Cù-đàm tự ỷ mình dòng tộc vua chúa nên không cung kính. Nếu là dòng họ vua thì lẽ ra phải trị dân còn như ông ta xuất gia thì phải tôn kính bậc túc đức. Xin đại vương minh xét! Sa-môn Cù-đàm thật chẳng phải sinh trong dòng vua. Sa-môn Cù-đàm nếu có cha mẹ thì cớ gì còn cướp đoạt cha mẹ của người khác? Tâu đại vương! Trong kinh của chúng tôi có nói: "Trải qua một ngàn năm sẽ có một yêu thuật huyễn hóa xuất hiện". Đó chính là Sa-môn Cù-đàm. Do vậy, nên biết Sa-môn Cù-đàm không có cha mẹ. Nếu có cha mẹ thì sao lại nói: “Các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, vô tác, vô thọ?”. Do dùng huyễn thuật nên làm các chúng sinh mê hoặc. Người ngu tin nhận, người trí không theo. Tâu đại vương! Nhân vương là cha mẹ của thiên hạ, bình đẳng như cân, như đất, như gió, như lửa, như đường, như sông, như cầu, như đèn, như mặt trời, như mặt trăng, như pháp mà đoán định sự việc, không phân biệt thân, sơ. Sa-môn Cù-đàm không cho chúng tôi sinh sống, đuổi theo chúng tôi sát gót không rời. Cúi xin đại vương cho chúng tôi cùng với Cù-đàm so sánh đạo lực. Nếu Cù-đàm thắng chúng tôi thì chúng tôi sẽ tùy thuộc ông ta. Còn nếu chúng tôi thắng thì ông ta sẽ tùy thuộc chúng tôi”. Vua bảo: “Này các Đại đức! Các ông ai cũng có pháp tu hành, chỗ trú ngụ cũng không giống nhau. Nay ta biết chắc chắn Như Lai Thế Tôn không gây trở ngại cho các ông”. Lục sư nói: “Sao là không gây trở ngại! Sa-môn Cù-đàm dùng pháp huyễn thuật để dụ dỗ, dối gạt làm cho mọi người cùng Bà-la-môn quy phục ông ta hết cả. Nếu đại vương cho chúng tôi cùng với Cù-đàm so sánh đạo lực thì tiếng tăm đại vương sẽ vang khắp tám phương. Còn nếu đại vương không đồng ý thì tiếng xấu sẽ đồn khắp các ngã đường”. Vua bảo: “Này các Đại đức! Vì các ông chưa biết đạo lực, oai thần uy nghiêm của Đức Như Lai mới xin giao đấu. Nếu biết thì nhất định các ông sẽ kinh sợ không dám”. Lục sư tâu: “Tâu đại vương! Nay Đại vương đã bị pháp huyễn thuật của Cù-đàm rồi sao? Cúi xin đại vương xét kỹ lại cho, chớ khinh thường chúng tôi là mù mờ, nói khoác chi bằng cho kiểm nghiệm thì sẽ biết thật hư”. Vua bảo: “Được lắm! Được lắm!”. Lục sư cùng đồ chúng vui vẻ ra về. Lúc ấy vua Ba-tư-nặc liền bảo chuẩn bị xa giá và đi đến chỗ Ta, cung kính đảnh lễ, đi quanh bên phải ba vòng rồi lui ngồi một bên thưa: “Bạch Thế Tôn! Lục sư đến xin so sánh đạo lực với Thế Tôn. Con chẳng biết tính sao nên đã mạo muội đồng ý”. Phật dạy: “Lành thay đại vương! Lành thay đại vương! Chỉ còn cách xây thêm tự viện ở khắp nơi trong nước này. Vì sao? Vì nếu Như Lai cùng với Lục sư so sánh đạo lực thì người được Như Lai giáo hóa ở trong chúng ấy rất nhiều, chỗ này chật hẹp làm sao dung chứa hết”.

Này thiện nam! Khi ấy suốt cả mười lăm ngày, vì Lục sư nên Như Lai thị hiện đại thần thông biến hóa hiếm có, làm cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô lượng chúng sinh tin theo Tam bảo không còn nghi ngờ, vô lượng đồ chúng của Lục sư phá được tâm tà kiến, xuất gia trong chánh pháp, vô lượng chúng sinh được tâm bất thoái chuyển đối với quả vị Bồ-đề, vô lượng chúng sinh đắc các môn Tam-muội Đà-la-ni, vô lượng chúng sinh đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Bấy giờ, Lục sư trong lòng xấu hổ, cùng nhau kéo đến thành Ba-chỉ-đa dạy dân chúng ở đó tin theo pháp tà, nói Sa-môn Cù-đàm giảng nói cái gì cũng không.

Này thiện nam! Khi ấy, vì mẫu thân, Ta ở nơi cây Ba-lợi-chất-đa thuộc cõi trời Đao-lợi an cư, nói pháp. Khi đó, Lục sư rất vui mừng thốt lên: “Hay thay! Hay thay! Cù-đàm huyễn thuật nay đã diệt mất!”. Họ lại dạy cho vô lượng vô số chúng sinh tăng trưởng tà kiến. Bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc và bốn bộ chúng thưa với Mục-kiền-liên: “Kính bạch Đại đức! Cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, chúng sinh đi vào đường tối tăm, thật đáng thương xót. Ngưỡng mong Đại đức lên cõi trời ấy đảnh lễ Thế Tôn, thưa giúp chúng tôi: “Ví như trâu nghé mới sinh chưa lâu, nếu không có sữa mẹ chắc chắn sẽ chết. Chúng sinh chúng con cũng như vậy, ngưỡng mong Đức Như Lai thương xót chúng sinh mà trở về nơi này”. Khi ấy, Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Nhanh như khoảng thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, Mục-kiền-liên đã lên đến cõi trời ấy, đến chỗ Thế Tôn thưa: “Bạch Thế Tôn! Bốn chúng trong cõi Diêm-phù-đề khát ngưỡng muốn thấy nghe giáo pháp của Như Lai. Vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc và bốn bộ chúng v.v… xin đảnh lễ nơi chân Thế Tôn. Chúng sinh cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, đi vào đường tăm tối thật đáng thương xót, chẳng khác nào trâu nghé mới sinh chưa lâu, nếu không có sữa mẹ thì chắc chắn sẽ chết. Chúng con cũng như vậy, ngưỡng mong Như Lai vì chúng sinh mà về lại cõi Diêm-phù-đề”. Ta bảo Mục-liên: “Ông nay nhanh trở về cõi Diêm-phù-đề bảo với quốc vương và bốn bộ chúng rằng, sau bảy ngày nữa Ta sẽ trở về, và vì hàng Lục sư mà đến thành Bà-chỉ-đa”. Qua bảy ngày, Ta cùng với trời Đế thích, Phạm, Ma, vô lượng Thiên tử và tất cả người trời Thủ-đà-hội vây quanh trước sau, cùng đến thành Bà-chỉ-đa. Khi ấy Ta nói như vầy: “Chỉ trong giáo pháp của Ta mới có Sa-môn và Bà-la-môn. Tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, lìa các lỗi lầm xấu ác. Nếu nói giáo pháp khác cũng có Sa- môn và Bà-la-môn, có thường có ngã, có Niết-bàn thì điều này không đúng”. Bấy giờ vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lục sư cùng nói với nhau: “Nếu trong pháp ta thật không có Sa-môn và Bà-la-môn thì sao lại được thế gian cúng dường?” Khi ấy, hàng Lục sư này lại cùng nhau tập hợp đi đến thành Tỳ-xá-ly.

Này thiện nam! Có một thời, Ta trú ngụ trong rừng Am-la của thành Tỳ-xá-ly. Hay tin Ta ở đó, nàng Am-la muốn đến chỗ Ta. Khi ấy, Ta dạy các Tỳ-kheo: “Nên quán niệm xứ, khéo tu trí tuệ, tùy pháp tu tập, chớ có buông lung. Thế nào gọi là quán niệm xứ? Nếu có Tỳ- kheo quán sát trong thân, thấy không ngã và ngã sở, quán sát ngoài thân và cả trong lẫn ngoài thân đều không thấy có ngã và ngã sở, quán thọ, tâm, pháp cũng lại như vậy thì đó gọi là niệm xứ. Thế nào gọi là tu tập trí tuệ? Nếu có Tỳ-kheo thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo một cách chân thật thì đó gọi là Tỳ-kheo tu tập trí tuệ. Thế nào gọi là tâm không buông lung? Nếu có Tỳ-kheo-niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên thì đó gọi là Tỳ-kheo tâm không buông lung”. Khi ấy, nàng Am-la đến chỗ Ta, cúi đầu làm lễ, đi quanh ba vòng, rồi lui ngồi một bên.

Này thiện nam! Khi ấy, vì nàng Am-la Ta giảng nói pháp thích hợp. Nghe xong, nàng ta liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bây giờ, trong thành ấy có năm trăm Lê-xa đến chỗ Ta, cúi đầu làm lễ, đi quanh bên phải ba vòng, rồi ngồi qua một bên. Ta lại vì các Lê-xa-tử mà giảng pháp một cách thích hợp: “Này các thiện nam! Người buông lung có năm hậu quả. Những gì là năm? Một là không được tài lợi và tự tại. Hai là tiếng xấu đồn xa. Ba là không thích bố thí cho người nghèo. Bốn là không thích thấy bốn chúng. Năm là không được thân chư Thiên. Này các thiện nam! Do không buông lung nên sinh ra các pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu muốn chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải chuyên cần tu tập pháp không buông lung. Xét người buông lung lại có mười ba quả báo: Một là ưa làm việc thế gian. Hai là hay nói lời vô ích. Ba thường thích ngủ nhiều. Bốn là thích nói chuyện thế gian. Năm là thích gần gũi bạn ác. Sáu là thường biếng trễ. Bảy là thường bị người khác khinh chê. Tám là dầu có nghiên cứu học hỏi cũng liền quên mất. Chín là thích ở nơi biên địa. Mười là không thể chế ngự các căn. Mười một là ăn không biết đủ. Mười hai là chẳng thích yên tĩnh. Mười ba là chỗ thấy biết chẳng chân chánh. Này thiện nam! Người buông lung tuy được gần Phật và Thánh chúng nhưng vẫn được xem là xa cách". Các Lê-xa-tử nói: "Chúng con tự biết mình là người buông lung. Vì sao? Vì nếu chúng con không buông lung thì đấng Như Lai Pháp Vương đã xuất hiện ở chỗ chúng con". Khi ấy, trong chúng có Bà-la-môn tên là Vô Thắng nói với các Lê-xa-tử: "Hay lắm! Hay lắm! Đúng như lời nhân giả nói. Vua Tần-bà-sa-la đã được lợi ích lớn. Như Lai Thế Tôn xuất hiện ở nước ấy, giống như hoa sen vi diệu mọc trong ao lớn, tuy mọc trong nước nhưng không bị nước làm dơ bẩn. Này các Lê-xa-tử! Đức Phật cũng như vậy, tuy sinh trong nước đó nhưng không bị ngăn ngại bởi pháp thế gian. Chư Phật Thế Tôn không có xuất nhập, vì chúng sinh nên thị hiện ở đời, nhưng không bị pháp thế gian làm ngăn ngại. Này các nhân giả! Tự các ông đam mê năm dục nên chẳng biết mình đi đến gần gũi chỗ Như Lai. Cho nên gọi là người buông lung, chứ chẳng phải do Phật xuất hiện ở nước Ma-kiệt-đà mới cho mình là người buông lung. Vì sao? Vì Như Lai Thế Tôn giống như mặt trời, mặt trăng, chẳng vì một người hay hai người mà xuất hiện ở đời”. Nghe những lời nói này, các Lê-xa-tử liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và nói như vầy: “Hay thay! Hay thay! Lời của Đồng tử Vô Thắng nói thật là tuyệt diệu”. Khi ấy, các Lê-xa-tử đều tự mình cởi tấm y đang mặc trên thân để cúng cho Vô Thắng. Vô Thắng nhận rồi đem dâng lên Như Lai và thưa như vầy: “Bạch Thế Tôn! Con có được tấm y này là từ Lê-xa, ngưỡng mong Như Lai thương xót chúng sinh mà nhận vật con dâng cúng”. Khi ấy, vì thương Vô Thắng nên Ta nhận. Cùng lúc đó, các Lê-xa chấp tay thưa: “Ngưỡng mong Như Lai ở đây an cư một mùa và thọ nhận sự cúng dường bé nhỏ của con”. Ta im lặng nhận lời mời của các Lê-xa. Lúc đó, Lục sư nghe việc này xong, liền dẫn đồ chúng đến thành Ba-la-nại. Bấy giờ, Ta lại đến trú ngụ bên sông Ba-la của thành Ba-la-nại. Trong thành này, có một trưởng giả tên là Bảo Xứng đam mê năm dục, chẳng biết vô thường. Nhờ Ta đến nên ông ấy tự nhiên đắc pháp quán bạch cốt, thấy cung điện, nhà cửa, thể nữ v.v… toàn là xương trắng. Tâm ông ta lo sợ như dao, rắn độc, giặc, lửa. Ông liền ra khỏi nhà chạy đến chỗ Ta, dọc đường miệng luôn kêu: “Sa-môn Cù-đàm ơi, nay tôi như bị giặc đuổi, thật kinh hãi, xin cứu giúp tôi”. Ta bảo: “Này thiện nam! Phật, Pháp, chúng Tăng an ổn, không có điều kinh sợ”. Trưởng giả thưa: “Nếu trong Tam bảo không có điều gì kinh sợ thì con cũng sẽ được không kinh sợ”. Ta liền cho ông ấy xuất gia tu đạo. Trưởng giả này lại có năm mươi người bạn, nghe tin Bảo Xứng nhàm chán năm dục đi xuất gia, liền cùng xuất gia. Nghe việc này, Lục sư liền dời đến đại thành Chiêm-bà. Tất cả dân chúng trong nước Chiêm-bà đều phụng sự các đồ chúng Lục sư, có nhiều người tạo các nghiệp rất ác vì trước giờ chưa từng nghe danh Phật, Pháp, Tăng. Khi ấy, Ta vì chúng sinh nên đến thành Chiêm-bà. Trong thành này có vị đại trưởng giả không có con nối dòng nên phụng thờ Lục sư để cầu con. Sau đó không lâu, vợ của trưởng giả có thai. Biết vậy rồi, trưởng giả vui mừng đến chỗ Lục sư, hỏi: “Thai vợ tôi mang là trai hay là gái?” Lục sư nói: “Chắc sinh con gái”. Nghe vậy, Trưởng giả sinh tâm buồn phiền. Lại có người bạn đến hỏi Trưởng giả: “Vì sao ông ưu sầu quá vậy?” Trưởng giả đáp: “Vợ tôi có thai chưa biết con trai hay con gái nên tôi đến hỏi Lục sư, Lục sư xem rồi nói rằng chắc chắn là sinh con gái. Nghe lời nói này, tôi tự nghĩ, mình đã già, tài sản vô lượng, nếu không có con trai thì không có ai để giao phó. Do nghĩ vậy mà tôi sầu não”. Người bạn lại nói: “Ông chẳng có trí tuệ, trước đây ông không nghe sao? Anh em Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp là đệ tử của ai? Là đệ tử của Phật hay của Lục sư? Nếu Lục sư là bậc Nhất thiết trí thì tại sao Ca-diếp bỏ họ, không phụng thờ mà làm đệ tử Phật? Lại như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v…, các quốc vương như Tần-bà-sa-la v.v…, các phu nhân của vua như bà Mạt-lợi v.v…, Trưởng giả các nước như Tu-đạt v.v…, những người như vậy chẳng phải là đệ tử của Phật sao? Quỷ thần Khoáng dã, vua A-xà-thế, voi say Hộ tài, Ương-quật- ma-la tâm ác mạnh mẽ muốn hại mẹ mình, những hạng người như thế chẳng phải được Đức Như Lai điều phục sao? Này trưởng giả! Đối với tất cả các pháp, Đức Như Lai Thế Tôn thấy biết không ngăn ngại, cho nên gọi là Phật. Ngài dạy không có hai lời, cho nên gọi là Như Lai. Vì đoạn sạch phiền não cho nên gọi là A-la-ha. Lời Thế Tôn nói rốt ráo không có hai. Lục sư thì chẳng phải vậy, đâu đáng để tin. Nay Đức Như Lai ở gần đây, nếu huynh muốn biết sự thật thì nên đến chỗ Phật”. Khi ấy, trưởng giả liền cùng với bạn đến chỗ Ta, cung kính đảnh lễ, đi quanh bên phải ba vòng, quỳ xuống đất chấp tay, thưa: “Bạch Thế Tôn! Đối với tất cả chúng sinh, Thế Tôn xem là bình đẳng không hai, oán thân như nhau. Con bị ái dục trói buộc nên chưa thể xem kẻ oán người thân là không hai được. Nay con muốn hỏi Như Lai việc này, nhưng tự thấy xấu hổ nên chưa dám nói ra. Bạch Thế Tôn! Vợ con có thai, Lục sư khẳng định là sinh con gái, không biết việc này như thế nào?". Ta đáp: "Này trưởng giả! Thai vợ ông mang chắc chắn là con trai. Đứa bé chào đời phước đức không ai bằng". Nghe Ta nói như vậy, trưởng giả rất vui mừng, phấn khởi ra về. Khi ấy, nghe Ta huyền ký con của trưởng giả chào đời là nam nhi có phước đức lớn, Lục sư sinh tâm ganh ghét, liền dùng quả Am-la hòa với thuốc độc rồi đem đến nhà trưởng giả nói: "Cù-đàm giỏi thật! Khéo đoán tướng ấy, vợ ông sắp sinh nên uống thuốc này. Uống rồi thì hài nhi sẽ được đẹp, người sinh sẽ được an ổn". Trưởng giả vui mừng thọ nhận thuốc độc ấy rồi đem cho vợ uống, uống xong chết tươi. Lục sư thích ý, lớn tiếng truyền rao khắp nơi trong thành: "Sa-môn Cù-đàm huyền ký vợ trưởng giả ấy sẽ sinh con trai, phước đức của đứa bé thiên hạ chẳng ai sinh bằng. Nay con chưa sinh mà mẹ đã mất". Bấy giờ, đối với Ta, trưởng giả sinh tâm bất tín. Trưởng giả y theo pháp thế gian tẩm liệm vợ vào quan tài, đem ra ngoài thành chất nhiều củi khô để hỏa táng. Ta dùng đạo nhãn thấy rõ việc này, bảo A-nan lấy y cho Ta, Ta đến đó dẹp trừ tà kiến.

Bấy giờ, trời Tỳ-sa-môn bảo đại tướng Ma-ni-bạt-đà: “Nay Đức Như Lai muốn đến bãi tha ma đó, khanh hãy mau đến đó sửa sang, quét tưới an trí tòa sư tử, tìm hoa hương thơm, trang hoàng nơi ấy”. Khi ấy, Lục sư trông thấy Ta từ xa đi đến, liền nói với nhau: “Sa-môn Cù- đàm đến bãi tha ma này để ăn thịt chăng?” Lúc này, có nhiều Ưu-bà- tắc chưa đắc pháp nhãn đều ngại ngùng thưa với Ta: “Vợ ông ta đã chết, xin Như Lai chớ đến đó”. Lúc đó, A-nan bảo với mọi người: “Hãy đợi chốc lát nữa Như Lai sẽ rộng mở hiển bày cảnh giới chư Phật”. Sau khi Ta đến ngồi nơi tòa sư tử, trưởng giả vấn nạn: “Lời nói không sai khác nên được xưng Thế Tôn. Mẹ đã chết rồi làm sao sinh con?” Ta chỉ đáp: “Này trưởng giả! Hôm trước, ông chỉ hỏi bào thai là trai hay gái, chứ đâu có hỏi về mạng của người mẹ dài hay vắn? Chư Phật Như Lai nói ra không sai khác. Vì vậy nên biết chắc chắn là ông được con”. Lúc đang hỏa thiêu thì bụng tử thi nứt ra, xuất hiện một đứa bé ngồi ngay thẳng giữa đống lửa giống như chim uyên ương đậu nơi đài sen. Lục sư thấy vậy nói: “Cù-đàm yêu quái giỏi làm huyễn thuật”. Thấy cảnh này, trưởng giả rất vui mừng, quở trách Lục sư: “Nếu nói là huyễn sao ông không làm?”. Khi ấy, Ta bảo Kỳ-bà: “Ông vào trong lửa ẵm đứa bé lại đây”. Kỳ-bà bước đến, Lục sư cản lại nói: “Sa-môn Cù-đàm làm huyễn thuật không phải lúc nào cũng được, có lúc thành, có lúc không thành. Nếu ông vào trong đó thì khó tránh khỏi bị lửa thiêu đốt. Nay ông vì sao tin lời nói ấy?” Kỳ-bà đáp: “Đức Như Lai sai tôi vào trong lửa dữ địa ngục A-tỳ, lửa ấy còn chẳng thể thiêu đốt, huống chi là lửa thế gian”. Kỳ-bà bước vào đống lửa giống như người lội trong sông lớn mát mẻ, bế đứa bé đến trao cho Ta. Nhận đứa bé xong, Ta bảo trưởng giả: “Thọ mạng của tất cả chúng sinh mong manh giống như bọt nước. Chúng sinh nếu có nghiệp thiện sâu dày thì lửa chẳng thiêu đốt, độc chẳng thể gây hại. Nghiệp quả của hài nhi này chẳng phải do Ta tạo ra”. Trưởng giả tán thán: “Lành thay! Bạch Thế Tôn! Đứa bé này đã được hưởng mệnh trời, cúi xin Như Lai đặt tên cho nó”. Ta bảo: “Này trưởng giả! Đứa bé này sinh trong lửa dữ, lửa tên là thọ đề, nên gọi nó là Thọ Đề”. Khi ấy, vô lượng chúng sinh ở trong chúng hội thấy thần thông biến hóa của Ta liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Lục sư đi khắp sáu thành nhưng chẳng có chỗ nào ở yên được nên xấu hổ, cúi đầu đi về phía thành Câu-thi-na. Đến đây rồi, họ đi rao truyền: “Mọi người nên biết! Sa-môn Cù-đàm là nhà đại ảo thuật, dối gạt thiên hạ khắp cả sáu thành lớn. Ví như nhà ảo thuật tạo ra bốn binh: binh xe, binh ngựa, binh voi, binh bộ; hoặc biến ra các loại anh lạc, thành ấp, cung điện, nhà cửa, sông hồ, cây cối. Sa-môn Cù- đàm cũng lại như vậy, hóa ra thân Sa-môn Cù-đàm, thân Bà-la-môn, thân nam, thân nữ, thân nhỏ, thân lớn, thân quỷ thần, thân súc sinh; hoặc có lúc nói vô thường, hoặc có lúc nói hữu thường, hoặc có lúc nói khổ, hoặc có lúc nói vui, hoặc có lúc nói ngã, hoặc có lúc nói vô ngã, hoặc có lúc nói tịnh, hoặc có lúc nói bất tịnh, hoặc lúc nói có, có lúc nói không. Vì đây là những việc làm hư vọng nên gọi là huyễn. Ví như hạt giống như thế nào thì kết trái như thế ấy. Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, được sinh từ bà Ma-da, mẹ đã là huyễn thì con cũng chẳng phải là không huyễn. Sa-môn Cù-đàm không có tri kiến chân thật. Các Bà-la-môn trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh, giữ gìn giới cấm còn chưa cho là mình có tri kiến chân thật, huống chi là Cù-đàm tuổi còn nhỏ, học thức cạn cợt, chẳng tu khổ hạnh thì làm sao mà có được tri kiến chân thật. Như tu khổ hạnh tròn bảy năm mà còn cho là nhiều, huống chi là Cù-đàm tu tập chưa đầy sáu năm! Chỉ có người ngu, vô trí mới tin giáo pháp của ông ta. Như nhà huyễn thuật giỏi dối gạt người ngu, Sa-môn Cù-đàm cũng như thế”.

Này thiện nam! Cứ như vậy, Lục sư ở trong thành lớn này làm tăng trưởng tà kiến cho các chúng sinh.

Này thiện nam! Thấy những việc như vậy, Ta rất thương xót nên dùng thần lực của mình triệu thỉnh các vị Đại Bồ-tát ở khắp mười phương vân tập về khu rừng này chật cả bốn mươi do-tuần. Nay ở trong chúng này, dõng dạc tuyên thuyết đại pháp như tiếng rống của sư tử chúa.

Này thiện nam! Ở chỗ trống vắng, dù có nói nhiều pháp cũng chẳng được gọi là gầm rống tiếng sư tử. Ở trong đại chúng toàn những bậc trí tuệ như ở đây mà nói pháp thì mới thật gọi là gầm rống tiếng đại sư tử. Gầm rống tiếng sư tử là nói tất cả các pháp đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh; chỉ nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh. Bấy giờ, Lục sư lại nói: “Nếu Cù-đàm có ngã thì ta cũng có ngã. Cái mà gọi là ngã là cái thấy (gọi là ngã). Này Cù-đàm! Ví như có người hướng vào bên trong thấy vật, ngã cũng như vậy. Hướng là dụ cho con mắt, thấy là dụ cho ngã”. Ta bảo Lục sư: “Nếu nói thấy gọi là ngã thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như ví dụ của ông mới dẫn, nhân nơi hướng mà thấy, thì người ở một hướng sáu căn đều dùng, nếu chắc chắn có ngã là nhân cái thấy của mắt thì vì sao trong một căn kia chẳng nhận biết các trần? Nếu như trong một căn chẳng có thể cùng một lúc nghe thấy cả sáu trần thì nên biết là vô ngã. Cái dụ hướng dẫn ra đó, tuy trải qua trăm năm, người thấy nhân nơi chỗ thấy đó vẫn không khác. Nhãn căn nếu như vậy thì đến lúc tuổi già mắt yếu cũng không khác. Vì người, hướng khác nên thấy trong thấy ngoài. Nhãn căn nếu như vậy thì lẽ ra bên trong bên ngoài cùng lúc đều thấy. Nếu người chẳng thấy thì vì sao lại có ngã”. Lục sư lại nói: “Này Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai có thể thấy?” Ta nói: “Có sắc, có ánh sáng, có tâm, có mắt, bốn duyên này hòa hợp nên gọi là thấy. Trong đây thật không có người thấy người thọ nhận. Vì điên đảo nên chúng sinh cho là có người thấy và người thọ nhận. Do nghĩa này nên chỗ thấy biết của tất cả chúng sinh đều điên đảo, còn chỗ thấy biết của chư Phật, Bồ-tát là chân thật. Này Lục sư! Nếu nói sắc là ngã thì cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì sắc thiệt chẳng phải ngã. Sắc nếu là ngã thì lẽ ra chẳng có hình dạng xấu xí. Cớ sao lại có bốn dòng họ sai khác, đều chẳng đồng một dòng Bà-la-môn? Sao lại có kẻ nô lệ chẳng được tự tại? Có người tàn tật lúc sinh ra các căn chẳng đầy đủ? Cớ sao chẳng làm thân chư Thiên mà lại lãnh chịu các loại thân địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh? Nếu chẳng được tùy ý tạo tác thì nên biết chắc chắn không có ngã. Vô ngã nên gọi là vô thường. Vì vô thường nên khổ. Vì khổ nên không. Vì không nên điên đảo. Vì điên đảo nên tất cả chúng sinh bị trôi lăn trong sinh tử. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Này Lục sư! Như Lai Thế Tôn dứt hẳn sự ràng buộc của sắc cho đến sự ràng buộc của thức. Vì thế nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Lại nữa, sắc tức là nhân duyên. Nếu đã là nhân duyên thì gọi là vô ngã. Nếu vô ngã thì gọi là khổ không. Thân của Như Lai chẳng phải là nhân duyên. Vì chẳng phải là nhân duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thì tức là thường, lạc, ngã, tịnh”. Lục sư lại nói: “Này Cù- đàm! Sắc cũng chẳng phải ngã, cho đến thức cũng chẳng phải ngã, ngã cùng khắp tất cả mọi nơi giống như hư không”. Ta bảo: “Nếu khắp nơi đều có ngã thì lẽ ra nên nói là trước đây tôi chẳng thấy. Nếu ban đầu chẳng thấy thì biết rằng sự thấy này trước không nay có. Nếu trước không nay có thì gọi là vô thường. Nếu gọi là vô thường thì sao lại nói cùng khắp được? Nếu ngã có cùng khắp thì lẽ ra phải có đầy đủ thân trong năm đường. Nếu có đủ thân thì lẽ ra đều thọ quả báo. Nếu đều thọ quả báo thì sao lại nói rằng lưu chuyển thọ thân người, thân trời? Ông nói ngã có khắp đó là một hay là nhiều? Ngã nếu là một lẽ ra không có cha con, kẻ oán người thân. Ngã nếu là nhiều thì tất cả chúng sinh có năm căn lẽ ra đều bình đẳng, những việc làm và trí tuệ lẽ ra cũng đồng như vậy. Nếu đồng như vậy thì vì sao nói, có người căn đầy đủ và có người không đầy đủ, nghiệp thiện nghiệp ác, kẻ ngu người trí khác nhau?” Lục sư nói: “Này Cù-đàm! Ngã của chúng sinh không có giới hạn, pháp cùng phi pháp thì có giới hạn. Chúng sinh tu tập pháp thì được thân tốt đẹp. Nếu thực hành phi pháp thì thọ thân xấu ác. Do nghĩa này nên nghiệp quả của chúng sinh chẳng được giống nhau”. Ta bảo: “Này thiện nam! Nếu pháp cùng phi pháp là như vậy thì ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã là cùng khắp thì lẽ ra đều đến tất cả. Nếu ngã đến tất cả thì người tu tập điều lành lẽ ra cũng có ác, người làm điều ác lẽ ra cũng có lành. Nếu không như vậy thì vì sao nói là cùng khắp?” Lục sư nói: “Này thiện nam! Ví như trong một nhà thắp trăm ngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn đều tự chiếu sáng chẳng trở ngại nhau. Ngã của chúng sinh cũng như vậy, tu tập điều lành, làm việc ác chẳng xen lộn nhau”. Ta bảo: “Này thiện nam! Nếu các ông nói rằng ngã như ngọn đèn thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì ánh sáng của ngọn đèn kia theo duyên mà có, ngọn đèn thêm lớn thì ánh sáng cũng thêm nhiều. Ngã của chúng sinh chẳng phải như vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn chiếu ra, trụ ở chỗ khác. Ngã của chúng sinh thì không được như vậy là ra khỏi thân ở chỗ khác. Ánh sáng của ngọn đèn kia ở chung với bóng tối. Vì sao? Vì như trong căn nhà tối, lúc thắp nhiều ngọn đèn chẳng chiếu sáng, cho đến thắp nhiều ngọn đèn mới được sáng rõ. Nếu ngọn đèn ban đầu xua tan hết bóng tối thì chẳng cần ngọn đèn sau. Nếu cần ngọn đèn sau thì nên biết ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cùng ở chung với bóng tối”. Lục sư nói: “Này Cù-đàm! Nếu vô ngã thì ai làm lành làm ác?” Ta bảo: “Nếu là ngã tạo tác thì vì sao gọi là thường? Nếu ngã là thường thì tại sao có lúc làm lành, có lúc lại làm ác? Nếu cho rằng có lúc làm lành, có lúc làm ác thì tại sao lại nói ngã không có giới hạn? Nếu là ngã tạo tác thì cớ sao lại tu tập pháp ác. Nếu ngã kia là người tạo tác, là người trí thì vì sao sinh tâm nghi ngờ chúng sinh không có ngã? Do nghĩa này nên trong pháp của ngoại đạo chắc chắn không có ngã. Nếu nói là ngã thì chính là Như Lai. Vì sao? Vì thân không có giới hạn, vì không có lưới nghi, vì chẳng tạo tác, chẳng thọ nhận cho nên gọi là thường. Vì chẳng sinh chẳng diệt cho nên gọi là lạc, vì không có phiền não cấu uế cho nên gọi là tịnh, vì không có mười tướng cho nên gọi là không. Do đó Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, không, không có các tướng". Các ngoại đạo nói: "Nếu nói Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, vì không có các tướng nên không thì phải biết rằng giáo pháp của Cù-đàm nói ra chẳng phải là rỗng không. Vì thế nên nay ta phải cung kính thọ trì". Lúc đó, có vô lượng người trong hàng ngoại đạo phát sinh lòng tin xuất gia trong pháp Phật.

Này thiện nam! Do nhân duyên ấy nên ở nơi rừng Ta-la song thọ này, Ta hiển bày tiếng rống đại sư tử. Sư tử hống gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Cặp cây bên hướng Đông là tiêu biểu phá vô thường mà được thường, cho đến cặp cây bên hướng Bắc là tiêu biểu phá bất tịnh mà được tịnh. Này thiện nam! Vì Song thọ nên chúng sinh trong đây bảo vệ rừng Ta-la, chẳng cho người ngoài đến bẻ nhánh, hái lá, đốn chặt phá hoại cây ấy. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp nên khiến các đệ tử giữ gìn pháp Phật. Những gì gọi là bốn? Đó là thường, lạc, ngã, tịnh. Bốn Song thọ này là có bốn đại vương chăm sóc. Ta được bốn đại vương giữ gìn pháp của Ta, nên ở trong đây Ta nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Hoa quả của rừng Ta-la song thọ thường tươi tốt, luôn có thể lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Ta cũng như vậy, thường có thể làm cho Thanh văn, Duyên giác được lợi ích. Hoa là dụ cho ngã, trái là dụ cho lạc. Do nghĩa này nên Ta nhập đại tịch định ở trong rừng Ta-la song thọ nầy. Đại tịch định là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai nhập Niết-bàn trong tháng hai?

–Này thiện nam! Tháng hai gọi là mùa xuân, tháng mùa xuân muôn vật đều sinh trưởng, gieo trồng cây cối, hoa quả tươi tốt sum suê, sông rạch tràn đầy, trăm thú sinh sản. Lúc này, phần nhiều chúng sinh có quan niệm là thường. Vì phá tâm của chúng sinh cho là thường như vậy nên Ta nói tất cả các pháp đều là vô thường, chỉ nói Như Lai là thường trụ chẳng biến đổi. Này thiện nam! Ở trong sáu thời thì mạnh Đông là khô héo, xác xơ, mọi người chẳng ưa thích. Dương Xuân thời tiết ôn hòa mọi người ham thích. Vì phá sự ưa thích của chúng sinh trong thế gian nên Ta diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh cũng như vậy. Như Lai vì phá được ngã thế gian và cái tịnh của thế gian nên nói ngã, tịnh chân thật của Như Lai. Nói tháng hai là dụ cho hai loại pháp thân của Như Lai. Mùa đông chẳng ưa thích là người trí chẳng ưa thích Như Lai vô thường nhập vào Niết-bàn. Tháng hai ưa thích là dụ cho người trí ưa thích Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Gieo trồng là dụ cho chúng sinh nghe pháp vui mừng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trồng các căn lành. Sông là dụ cho các Đại Bồ-tát trong mười phương đi đến chỗ Ta học hỏi lãnh thọ kinh điển Đại Niết-bàn này. Trăm thú sinh sản là dụ cho hàng đệ tử của Ta sinh khởi các căn lành. Hoa là dụ cho bảy giác chi. Trái là dụ cho bốn đạo quả. Do những nghĩa này nên Ta nhập Đại Niết-bàn trong tháng hai.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Đức Như Lai lúc sơ sinh, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân vi diệu đều vào ngày mồng tám, vì sao riêng nhập Niết-bàn vào ngày rằm?

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Như mặt trăng rằm tròn đầy không khuyết, chư Phật Như Lai cũng như vậy, nhập Đại Niết-bàn không có khiếm khuyết. Vì nghĩa này nên Như Lai nhập Đại Niết-bàn vào ngày rằm. Này thiện nam! Như ngày rằm, lúc mặt trăng tròn có mười một điều. Những gì là mười một? Một là có khả năng phá tối tăm; hai là làm cho chúng sinh thấy con đường và chẳng phải con đường; ba là khiến chúng sinh thấy con đường tà, con đường chánh; bốn là trừ nóng nực được mát mẻ an lạc; năm là có thể dập tắt lửa đom đóm của tâm cao ngạo; sáu là dứt tất cả tưởng giặc trộm cướp; bảy là trừ tâm sợ ác thú của chúng sinh; tám là có thể làm nở hoa sen xanh; chín là làm cho hoa khép lại; mười là dẫn dắt tâm của người đi đường tiến lên; mười một là làm cho các chúng sinh ưa thích năm dục được nhiều an lạc. Này thiện nam! Mặt trăng tròn đầy Như Lai cũng như vậy: một là phá trừ vô minh tăm tối; hai là diễn nói chánh đạo, tà đạo; ba là chỉ rõ đường sinh tử là tà hiểm, Niết-bàn là ngay thẳng; bốn là khiến cho người xa lìa phiền não tham dục, giận dữ, ngu si; năm là phá trừ ngoại đạo vô minh; sáu là phá trừ giặc phiền não trói buộc; bảy là trừ diệt tâm lo sợ năm cái; tám là khai mở tâm gieo trồng căn lành của chúng sinh; chín là che trùm tâm năm dục của chúng sinh; mười một là làm cho các chúng sinh thích tu tập giải thoát. Do những nghĩa này nên Ta nhập Đại Niết-bàn vào ngày rằm. Dầu vậy, nhưng thật ra Ta chẳng nhập Niết-bàn. Những người ngu si, người ác trong hàng đệ tử của Ta cho rằng, chắc chắn Như Lai nhập Đại Niết-bàn. Ví như người mẹ có đông con. Bà mẹ ấy bỏ đi đến nước khác, trong thời gian chưa trở về, các con đều nói rằng mẹ ta đã chết, nhưng thật ra bà mẹ này chẳng chết.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những hàng Tỳ-kheo nào có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ này?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào thọ trì đọc tụng Mười hai bộ loại kinh văn, thông hiểu đúng nghĩa sâu xa của câu văn ấy, giảng nói cho mọi người trước, giữa, sau đều thiện, vì muốn làm cho vô lượng chúng sinh được lợi ích nên diễn nói phạm hạnh thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa của Phật dạy thì Tỳ-kheo A-nan chính là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan thọ trì đọc tụng Mười hai loại bộ kinh văn, mở bày giảng nói lời và nghĩa đều chân chánh cho mọi người, giống như đem nước rót vào một cái bình khác, Tỳ-kheo A-nan cũng như thế, đúng như điều đã nghe nơi Đức Phật mà chuyển nói lại.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào đạt được

Thiên nhãn thanh tịnh thấy được cái hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới mười phương như thấy trái Am-ma-lạc trong bàn tay thì Tỳ-kheo này cũng có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo A-ni-lâu-đà chính là người ấy. Vì sao? Vì A-ni-lâu-đà có thiên nhãn thấy được cái hiện có trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến trung ấm đều có thể thấy rõ ràng không chướng ngại.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào ít tham muốn biết vừa đủ, tâm ưa thích vắng lặng, siêng năng tu tập tinh tấn, niệm, định, tuệ, giải thoát thì Tỳ-kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Ca-diếp chính là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp khéo tu những pháp thiểu dục tri túc.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào vì lợi ích chúng sinh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt Tam-muội Vô tránh, hạnh Thánh, hạnh Không thì Tỳ-kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Tu-bồ-đề chính là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Tu-bồ-đề khéo tu tập hạnh Vô tránh, hạnh Thánh và hạnh Không.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào khéo tu tập thần thông, ở trong một niệm có thể hiện đủ các loại thần thông biến hóa, một tâm một định có thể hiện làm hai thứ là nước và lửa thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Mục-liên là người ấy. Vì sao? Vì Mục-liên khéo tu thần thông biến hóa vô lượng.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào tu tập đại trí, lợi trí, tật trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí, thành tựu đầy đủ các tuệ căn như vậy, đối với kẻ oán người thân tâm không sai khác, hoặc nghe Như Lai thường trụ chẳng nhập Niết-bàn cũng chẳng sinh tâm vui mừng thì Tỳ-kheo như vậy mới có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất khéo có thể thành tựu đầy đủ đại trí tuệ như vậy.

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào có thể nói chúng sinh đều có Phật tánh, được thân kim cang không có giới hạn, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại đạt được tám pháp tự tại thì Tỳ-kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Nếu như vậy thì người ấy chính là Như Lai. Vì sao? Vì thân Như Lai là thân Kim cang không có giới hạn, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại, đầy đủ tám pháp tự tại. Bạch Thế Tôn! Chỉ có Như Lai mới có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ, như không có Như Lai thì chẳng trang nghiêm. Ngưỡng mong đấng Đại Từ vì trang nghiêm mà thường ở trong rừng Ta-la song thọ này.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Tất cả các pháp tánh vốn trụ nơi vô trụ, ông vì sao lại cầu mong Như Lai trụ? Này thiện nam! Phàm nói rằng trụ thì đó là sắc pháp, vì từ nhân duyên sinh nên gọi là trụ, vì nhân duyên không có nơi chốn nên gọi là vô trụ. Như Lai đã dứt tất cả sự ràng buộc của sắc, sao lại nói Như Lai trụ? Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế. Này thiện nam! Trụ gọi là kiêu mạn, vì kiêu mạn nên chẳng được giải thoát, vì chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Vậy ai có kiêu mạn và từ chỗ nào mà đến? Do đây nên được gọi là trụ nơi vô trụ. Như Lai hoàn toàn dứt sạch tất cả kiêu mạn, sao lại nói rằng ngưỡng mong Đức Như Lai trụ? Trụ là pháp hữu vi. Như Lai hoàn toàn đoạn dứt pháp hữu vi cho nên chẳng trụ. Trụ là pháp không. Như Lai đã dứt pháp không như vậy cho nên đạt được thường, lạc, ngã, tịnh, vì sao lại nói rằng ngưỡng mong Đức Như Lai trụ? Trụ là hai mươi lăm cõi, vì sao lại nói rằng ngưỡng mong Đức Như Lai trụ? Trụ tức là tất cả các phàm phu. Các bậc Thánh thì không đi, không đến, không trụ. Như Lai đã dứt tướng đi, đến, trụ, vì sao lại nói rằng trụ? Vô trụ là thân vô biên. Vì thân vô biên nên chớ nói rằng ngưỡng mong Đức Như Lai trụ nơi rừng Ta-la. Nếu trụ nơi rừng này thì đó là thân hữu biên. Nếu hữu biên thì là vô thường. Như Lai là thường, sao lại nói trụ? Vô trụ là hư không. Tánh của Như Lai đồng với hư không, sao lại nói trụ? Lại vô trụ là Tam-muội Kim cang. Tam-muội Kim cang chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ? Lại vô trụ là huyễn. Như Lai đồng với huyễn, sao lại nói rằng trụ? Lại vô trụ là vô thỉ chung. Tánh của Như Lai không có thỉ chung thì vì sao nói rằng trụ? Lại vô trụ là pháp giới vô biên. Pháp giới vô biên tức là Như Lai, sao nói rằng trụ? Lại vô trụ là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Tam- muội Thủ-lăng-nghiêm biết tất cả các pháp mà không chấp trước. Vì không chấp trước nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Như Lai đầy đủ định Thủ-lăng-nghiêm, sao lại nói rằng trụ? Lại vô trụ là Xứ-phi-xứ-lực. Như Lai thành tựu Xứ-phi-xứ-lực sao lại nói rằng trụ? Lại vô trụ gọi là Bố thí Ba-la-mật. Nếu Bố thí Ba-la-mật mà có trụ thì chẳng đạt đến Trì giới Ba-la-mật, cho đến Trí tuệ Ba-la-mật. Do nghĩa này nên Bố thí Ba-la-mật gọi là vô trụ. Như Lai cho đến chẳng trụ vào Trí tuệ Ba-la- mật, sao lại nói ngưỡng mong Như Lai thường trụ nơi rừng cây Ta-la? Lại vô trụ gọi là tu bốn niệm xứ. Nếu Như Lai trụ nơi bốn niệm xứ thì chẳng có thể đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đây gọi là trụ nơi chẳng trụ. Lại vô trụ là cõi chúng sinh vô biên. Như Lai đều đạt đến tận cõi vô biên của tất cả chúng sinh mà không có chỗ trụ. Lại vô trụ là không nhà cửa, không nhà cửa là không có, không có là không sinh, không sinh là không chết, không chết là không tướng, không tướng là không trói buộc, không trói buộc là không chấp trước, không chấp trước là vô lậu, vô lậu tức là thiện, thiện tức là vô vi, vô vi tức là Đại Niết-bàn, Đại Niết-bàn tức là thường, thường tức là ngã, ngã tức là tịnh, tịnh tức lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh tức là Như Lai. Này thiện nam! Ví như hư không chẳng trụ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc và bốn phương, trên dưới. Như Lai cũng như vậy, chẳng trụ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc và bốn phương, trên dưới. Này thiện nam! Nếu người nào nói rằng thân, miệng, ý ác mà được quả lành thì không có lẽ ấy. Thân, miệng, ý lành mà thọ quả ác thì cũng không đúng. Nếu nói phàm phu thấy được Phật tánh, Bồ-tát Thập Trụ chẳng thấy Phật tánh thì cũng không đúng. Hàng Nhất-xiển-đề phạm năm tội nghịch, hủy báng kinh Phương Đẳng, phá bốn trọng tội mà đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cũng không đúng. Bồ-tát Lục Trụ do nhân duyên phiền não mà đọa trong ba đường ác cũng không đúng. Đại Bồ-tát dùng thân người nữ, thật mà đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không đúng. Hạng Nhất-xiển-đề là thường, Tam bảo là vô thường cũng không đúng. Như Lai trụ nơi thành Câu-thi-na này cũng không đúng. Này thiện nam! Nay Như Lai ở nơi thành Câu-thi-na này nhập vào Đại Tam-muội, vào sâu cảnh giới thiền định, nhưng vì chúng sinh chẳng thấy Như Lai nên gọi là nhập Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Đức Như Lai cớ sao nhập vào cảnh giới thiền định?

–Này thiện nam! Vì muốn độ thoát các chúng sinh, vì khiến người chưa gieo trồng căn lành được gieo trồng, đã gieo trồng căn lành rồi thì được tăng trưởng, người đã thuần thục rồi liền nói hướng đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm cho người khinh chê pháp thiện sinh tâm tôn trọng, làm cho những người buông lung xa lìa sự buông lung, vì cùng các Đại Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi luận bàn, vì muốn giáo hóa người ưa đọc tụng, ưa thích thiền định, vì đem Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh giáo hóa chúng sinh, vì quán sát tạng pháp bất cộng sâu xa, vì muốn quở trách hàng đệ tử buông lung rằng Như Lai thường vắng lặng mà còn ưa thích thiền định, huống chi các ông chưa dứt phiền não mà sinh tâm buông lung, vì muốn quở trách các Tỳ-kheo ác thọ nhận cất chứa tám thứ vật bất tịnh và chẳng thiểu dục, chẳng tri túc, vì làm chúng sinh tôn trọng pháp thiền định đã được nghe, do những nhân duyên trên đây nên Như Lai nhập vào cảnh giới thiền định.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Định vô tướng gọi là Đại Niết-bàn. Vì thế, nên Niết-bàn gọi là vô tướng. Do nhân duyên gì gọi là vô tướng?

–Này thiện nam! Vì không có mười tướng. Những gì là mười tướng? Đó là tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc, tướng sinh, tướng trụ, tướng hoại, tướng nam và tướng nữ. Vì không có mười tướng như vậy nên gọi là vô tướng. Người chấp tướng thì có thể sinh ra si, vì si nên sinh ái, vì ái nên bị ràng buộc, vì bị ràng buộc nên thọ sinh, vì thọ sinh nên có tử, vì tử nên vô thường. Người chẳng chấp tướng thì chẳng sinh si, vì si chẳng sinh nên không có ái, vì không có ái nên không bị ràng buộc, vì không bị ràng buộc nên chẳng thọ sinh, vì chẳng thọ sinh nên không có tử, vì không có tử nên gọi là thường. Do nghĩa này nên Niết-bàn gọi là thường.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo nào có thể dứt hẳn mười tướng? Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo nào luôn luôn tu tập ba loại tướng thì dứt được mười tướng. Đó là: luôn luôn tu tập tướng định Tam-muội, luôn luôn tu tập tướng trí tuệ, luôn luôn tu tập tướng xả. Đây gọi là ba tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng định, tuệ và xả? Định là Tam-muội, tất cả chúng sinh đều có Tam-muội, vì sao nay mới nói rằng tu tập Tam-muội? Nếu tâm ở một cảnh thì gọi là Tam-muội, nếu lại duyên cảnh khác thì chẳng gọi là Tam-muội. Nếu như chẳng định thì chẳng phải là Nhất thiết trí, chẳng phải là Nhất thiết trí thì vì sao gọi là định. Nếu do một hạnh mà được Tam-muội thì các hạnh khác cũng chẳng phải Tam-muội. Nếu chẳng phải Tam-muội thì chẳng phải là Nhất thiết trí. Nếu chẳng phải Nhất thiết trí thì vì sao gọi là Tam- muội? Hai tướng tuệ và xả cũng lại như thế.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, duyên nơi một cảnh được gọi là Tam-muội, còn duyên tất cả các cảnh khác chẳng gọi là Tam-muội thì nghĩa không đúng. Vì sao? Vì duyên những cảnh khác như vậy cũng vẫn là một cảnh nên hạnh cũng như vậy. Ông lại nói chúng sinh trước có Tam-muội chẳng cần tu tập, thì điều này cũng không đúng. Vì sao? Vì nói Tam-muội đây là thiện Tam-muội, thật ra, tất cả chúng sinh chưa có thì sao lại cho rằng chẳng cần tu tập? Do trụ trong thiện Tam-muội như vậy mà quán sát tất cả các pháp thì gọi là tướng thiện tuệ. Chẳng thấy tướng Tam-muội và trí tuệ sai khác thì gọi là tướng xả.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu chấp tướng sắc chẳng có thể quán sát tướng thường, vô thường của sắc thì gọi là Tam-muội. Nếu có thể quán sát tướng thường và vô thường của sắc thì gọi là tướng tuệ; Tam- muội và tuệ bình đẳng quán tất cả các pháp thì gọi là tướng xả. Này thiện nam! Như người đánh xe, bốn ngựa giỏi điều khiển được chậm mau vừa phải gọi là tướng xả. Bồ-tát cũng như vậy, nếu Tam-muội nhiều thì tu tập trí tuệ, nếu trí tuệ nhiều thì tu tập Tam-muội. Tam-muội cùng trí tuệ đồng nhau thì gọi là xả. Này thiện nam! Bồ-tát Thập Trụ sức trí tuệ nhiều sức Tam-muội ít, do đó nên chẳng được thấy rõ Phật tánh. Thanh văn và Duyên giác sức Tam-muội nhiều trí tuệ ít, vì nhân duyên này nên chẳng thấy được Phật tánh. Vì thiền định và trí tuệ của chư Phật Thế Tôn đồng nhau nên thấy Phật tánh rõ ràng không chướng ngại, như xem trái A-ma-lặc trong lòng bàn tay. Thấy Phật tánh gọi là tướng xả. Xa-ma-tha gọi là năng diệt, vì có thể dứt trừ phiền não trói buộc. Lại Xa-ma-tha gọi là năng điều, vì có thể chế ngự các căn ác chẳng lành. Lại Xa-ma-tha gọi là tịch tĩnh, vì có thể làm cho ba nghiệp thành tịch tĩnh. Lại Xa-ma-tha gọi là viễn ly, vì có thể làm cho chúng sinh xa lìa năm dục. Lại Xa-ma-tha gọi là năng thanh, vì có thể lắng trong ba pháp nhơ đục tham dục, giận dữ và ngu si. Do những nghĩa này nên gọi là tướng định. Tỳ-bà-xá-na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, năng kiến, biến kiến, thứ đệ kiến, biệt tướng kiến. Đó gọi là tuệ. Ưu-tất-xoa gọi là bình đẳng, cũng gọi là bất tránh, cũng gọi là bất quán, cũng gọi là bất hành. Đó gọi là xả. Này thiện nam! Có hai loại Xa-ma-tha: một là thế gian và hai là xuất thế gian. Lại có hai loại: một là thành tựu và hai là chẳng thành tựu. Loại thành tựu là chư Phật, Bồ-tát. Loại chẳng thành tựu là hàng Thanh văn và Phật-bích-chi. Lại có ba bậc, đó là hạ, trung và thượng. Hạ là chỉ cho các phàm phu. Trung là chỉ cho Thanh văn và Duyên giác. Thượng là chỉ cho chư Phật, Bồ-tát. Lại có bốn thứ: một là thoái, hai là trụ, ba là tấn và bốn là có thể lợi ích lớn. Lại có năm loại, đó là năm trí Tam- muội. Những gì là năm? Một là Tam-muội vô thực, hai là Tam-muội vô quá, ba là Tam-muội thân ý thanh tịnh nhất tâm, bốn là Tam-muội nhân quả đều an lạc, năm là Tam-muội thường nhớ nghĩ. Lại có sáu loại:

một là Tam-muội quán xương, hai là Tam-muội từ, ba là Tam- muội quán mười hai nhân duyên, bốn là Tam-muội quán đếm hơi thở, năm là Tam-muội chánh niệm giác quán, sáu là Tam-muội quán sinh, trụ, dị, diệt. Lại có bảy loại, đó là bảy giác phần: Một là niệm xứ giác phần, hai là trạch pháp giác phần, ba tinh tấn giác phần, bốn là hỷ giác phần, năm là từ giác phần, sáu là định giác phần, bảy là xả giác phần. Lại có bảy loại: một là Tam-muội Tu-đà-hoàn, hai là Tam-muội Tư- đà-hàm, ba là Tam-muội A-na-hàm, bốn là Tam-muội A-la-hán, năm là Tam-muội Phật-bích-chi, sáu là Tam-muội Bồ-tát, bảy là Tam-muội Như Lai Giác Tri. Lại có tám loại, đó là tám Tam-muội giải thoát: Một là Tam-muội trong có tướng sắc, ngoài quán sắc giải thoát, hai là Tam- muội trong không có tướng sắc, ngoài quán sắc giải thoát, ba là Tam- muội tịnh giải thoát thân chứng, bốn là Tam-muội Không xứ giải thoát, năm là Tam-muội Thức xứ giải thoát, sáu là Tam-muội Vô sở hữu xứ giải thoát, bảy là Tam-muội Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ giải thoát, tám là Tam-muội Diệt tận định xứ giải thoát. Lại có chín loại, đó là chín thứ đệ định: Bốn Thiền, bốn Không và Tam-muội Diệt tận định. Lại có mười loại, đó là mười Tam-muội Nhất thiết xứ: Một là Tam- muội Địa nhất thiết xứ, hai là Tam-muội Thủy nhất thiết xứ, ba là Tam-muội Phong nhất thiết xứ, bốn là Tam-muội Thanh nhất thiết xứ, năm là Tam-muội Huỳnh nhất thiết xứ, sáu là Tam-muội Xích nhất thiết xứ, bảy là Tam-muội Bạch nhất thiết xứ, tám là Tam-muội Không nhất thiết xứ, chín là Tam-muội Thức nhất thiết xứ, mười là Tam-muội Vô sở hữu nhất thiết xứ. Lại có vô số loại (Tam-muội), đó là của chư Phật, Bồ-tát. Này thiện nam! Đó gọi là tướng Tam-muội. Này thiện nam! Tuệ có hai thứ: Một là thế gian và hai là xuất thế gian. Lại có ba thứ: Một là Bát-nhã, hai là Tỳ-bà-xá-na, ba là Xà-na. Bát nhã gọi là tất cả chúng sinh, Tỳ-bà-xá-na là tất cả Thánh nhân, Xà-na là chư Phật và Bồ-tát. Lại Bát-nhã gọi là Biệt tướng, Tỳ-bà-xá-na gọi là Tổng tướng, Xà-na gọi là Phá tướng. Lại có bốn thứ, đó là quán bốn Chân đế. Này thiện nam! Vì ba việc nên tu Xa-ma-tha. Những gì là ba việc? Một là chẳng buông lung, hai là trang nghiêm đại trí, ba là được tự tại. Lại nữa, vì ba việc nên tu Tỳ-bà-xá-na. Những gì là ba? Một là quán quả báo ác của sinh tử, hai là muốn các căn lành tăng trưởng, ba là phá tất cả các phiền não.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXI

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 5

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như trong kinh nói, nếu tu “quán” thì có thể phá phiền não, vậy thì sao lại tu “chỉ”?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nói tu quán mà phá phiền não thì nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì lúc có trí tuệ thì không có phiền não, lúc có phiền não thì không có trí tuệ, vậy vì sao nói tu quán có thể phá phiền não! Này thiện nam! Ví như lúc sáng thì không có tối, lúc tối thì không có sáng. Nếu nói sáng có thể phá tối thì đó là điều không có. Này thiện nam! Ai có trí tuệ, ai có phiền não mà nói trí tuệ có thể phá phiền não? Như phiền não là không thì không có chỗ phá. Này thiện nam! Nếu nói trí tuệ có thể phá phiền não thì có phải vì đến mà phá hay vì không đến mà phá? Nếu chẳng đến mà phá thì lẽ ra phàm phu chúng sinh cũng phá được. Nếu đến mà phá thì niệm ban đầu đã nên phá, nếu niệm ban đầu chẳng phá thì niệm sau cũng không phá. Nếu niệm ban đầu đến liền phá thì đó là chẳng đến, vậy vì sao nói rằng trí tuệ có thể phá? Nếu cho rằng đến cùng không đến có thể phá thì nghĩa đó không đúng. Lại nữa tu quán mà phá phiền não thì một mình có thể phá hay là có bạn mới phá được? Nếu một mình có thể phá thì Bồ-tát cần gì phải tu tập tám Thánh đạo? Nếu có bạn mới phá được thì nên biết một mình không thể phá được. Nếu một mình chẳng có thể phá thì có bạn cũng không thể phá. Như một người mù không thể thấy sắc thì tuy dẫn theo nhiều bạn mù cũng không thể thấy được. Tu quán cũng như vậy. Này thiện nam! Như đất có tánh cứng, lửa có tánh nóng, nước có tánh ướt, gió có tánh động. Tánh cứng của đất cho đến tánh động của gió, chẳng phải do nhân duyên tạo tác, tánh của nó tự như vậy, như tánh của bốn đại, tánh của phiền não cũng như vậy, tánh của nó là tự đoạn mất, nếu đã đoạn mất thì sao lại nói trí tuệ có thể đoạn? Do nghĩa đó, nên tu quán nhất định không thể phá các phiền não. Này thiện nam! Như tính của muối là mặn làm cho vật khác mặn, tính của mật vốn là ngọt làm cho vật khác ngọt, tánh của nước là ướt làm cho vật khác ướt, tánh của trí tuệ là tịch diệt khiến cho pháp tịch diệt, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì nếu pháp không diệt, thì vì sao sức mạnh của trí tuệ có thể khiến pháp diệt.

Nếu cho rằng muối mặn khiến cho vật khác mặn thì trí tuệ diệt cũng như vậy, có thể làm cho pháp khác diệt, lời ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì tánh của trí tuệ niệm niệm diệt, nếu niệm niệm diệt thì vì sao nói có thể làm cho các pháp diệt. Do nghĩa ấy, nên tánh của trí tuệ chẳng phá phiền não. Này thiện nam! Tất cả các pháp có hai loại diệt: Một là tánh diệt, hai là rốt ráo diệt. Đã là tánh diệt cớ sao nói trí tuệ có thể diệt? Nếu nói trí tuệ có thể đốt cháy phiền não như lửa đốt cháy đồ vật thì nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì lửa đốt cháy đồ vật thì có tro tàn, trí tuệ nếu như vậy thì phải có tàn dư, như búa chặt cây, chỗ chặt có thể thấy được, trí tuệ nếu như vậy thì có gì để có thể thấy được? Trí tuệ nếu có thể khiến cho phiền não xa lìa lẽ ra phiền não đó nên hiện ra chỗ khác. Như các ngoại đạo rời khỏi sáu thành lớn đến ở thành Câu-thi-na. Nếu phiền não đó chẳng hiện ra ở chỗ khác thì trí tuệ không thể khiến cho nó xa lìa. Này thiện nam! Nếu tánh của tất cả các pháp vốn là không thì ai có thể làm cho nó sinh? Ai có thể làm cho nó diệt? Sinh khác, diệt khác, không có người tạo tác. Này thiện nam! Nếu người tu tập thiền định thì được thấy biết chân chánh như vậy. Do nghĩa đó, nên trong kinh Ta nói: Nếu có Tỳ-kheo tu tập chánh định thì có thể thấy tướng sinh diệt của năm ấm. Này thiện nam! Nếu người không tu tập chánh định thì việc của thế gian còn chưa thể rõ huống chi là đối với việc xuất thế gian. Nếu người không có chánh định thì té ngã nơi đất bằng, tâm duyên theo pháp khác, miệng nói lời khác, tai nghe tiếng khác, tâm hiểu nghĩa khác, muốn tạo chữ khác, tay viết chữ khác, muốn đi đường khác, thân bước nẻo khác. Nếu có tu tập Tam-muội chánh định thì được lợi ích lớn cho đến chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát đầy đủ hai pháp thì được lợi ích lớn. Một là định, hai là tuệ. Này thiện nam! Như cắt cỏ may nếu vội quá thì bị đứt. Đại Bồ-tát tu hai pháp đó cũng như vậy. Này thiện nam! Như nhổ cây cứng, trước phải dùng tay lay động thì sau dễ nhổ lên. Bồ-tát tu tập định, tuệ cũng như vậy, trước dùng định để lay động, sau dùng trí để nhổ. Này thiện nam! Như giặc áo bẩn, trước phải dùng nước tro, sau dùng nước thì mới sạch. Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Này thiện nam! Như trước đọc tụng thì sau mới hiểu nghĩa. Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người chiến sĩ, trước phải mặc áo giáp, trang bị những thứ vũ khí tên, gậy v.v… sau đó mới có thể ra chiến trường đánh giặc, Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người thợ dùng kềm búa đập thỏi kim loại, tự tại theo ý muốn khuấy trộn, nấu chảy, Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Thiện nam!

Ví như gương sáng phản chiếu rõ cảnh vật. Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Này thiện nam! Như trước làm cho đất bằng rồi sau mới gieo giống, trước theo thầy học rồi sau mới suy nghĩ nghĩa lý, Định, tuệ của Bồ-tát cũng như vậy. Do nghĩa ấy, nên Đại Bồ-tát tu tập hai pháp này có thể được lợi ích lớn. Thiện nam! Đại Bồ-tát tu hai pháp này, điều phục được năm căn, kham chịu các sự khổ: đói, khát, lạnh, nóng, đánh đập, mắng chửi, thú dữ cắn, muỗi mòng chích đốt, vẫn thường thâu giữ tâm mình không để cho buông lung, không vì lợi dưỡng mà làm các việc phi pháp, không bị khách trần phiền não làm nhiễm ô, chẳng bị các tà thuyết của ngoại đạo làm cho mê hoặc, luôn xa lìa những giác quán ác, không bao lâu sẽ thành tựu được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhằm thành tựu lợi ích cho tất cả chúng sinh. Thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập hai pháp này, bốn ngọn gió mạnh điên đảo không thể thổi động. Như núi Tu-di, tuy bị gió thổi chẳng có thể làm cho lay động, không bị tà sư ngoại đạo dẹp trừ. Như cờ Đế thích không thể di chuyển, phép thuật của bọn tà không thể làm mê hoặc, thường thọ hưởng sự an lạc vi diệu đệ nhất, có thể hiểu được nghĩa bí mật sâu xa của Như Lai, được vui không mừng, gặp khổ không lo, chư Thiên và người đời cung kính tán thán, thấy rõ sinh tử và chẳng phải sinh tử, có thể rõ biết hoàn toàn pháp giới, pháp tánh, thân có pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là cái vui Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Tướng của Định là Tam-muội Không, tướng của Tuệ là Tam- muội Vô nguyện, tướng của Xả là Tam-muội Vô tướng. Này thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát khéo biết lúc Định, lúc Tuệ, lúc Xả và biết chẳng phải lúc, thì đó gọi là Đại Bồ-tát thực hành đạo Bồ-đề.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát biết đúng lúc và chẳng phải

lúc?

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát vì hưởng thọ sự vui mà sinh kiêu

mạn, hoặc vì thuyết pháp mà sinh kiêu mạn, hoặc vì hiểu nghĩa, khéo hỏi đáp mà sinh kiêu mạn, hoặc vì gần gũi bạn ác mà sinh kiêu mạn, hoặc vì bố thí vật quý giá mà sinh kiêu mạn, hoặc vì công đức pháp thiện ở thế gian mà sinh kiêu mạn, hoặc vì được người giàu sang ở thế gian cung kính mà sinh kiêu mạn, thì nên biết những lúc như vậy không nên tu Trí (Tuệ) mà cần phải tu Định. Đó là Bồ-tát biết đúng lúc và chẳng phải lúc. Nếu có Bồ-tát siêng tu tinh tấn chưa được lợi ích an lạc Niết-bàn, vì không được nên sinh tâm hối hận, vì độn căn nên không thể điều phục năm tình và các căn, vì thế lực các phiền não cấu uế mạnh mẽ, vì tự nghi giới luật có sự kém tổn thì nên biết những lúc như vậy không nên tu định phải nên tu Trí (tuệ), đó gọi là Bồ-tát biết đúng lúc và chẳng phải lúc.

Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát mà hai pháp Định, Tuệ chẳng bình đẳng thì nên biết lúc như vậy không nên tu Xả, nếu hai pháp Định, Tuệ bình đẳng mới nên tu Xả, đó gọi là Bồ-tát biết đúng lúc và chẳng phải lúc. Thiện nam! Nếu có Bồ-tát lúc tu tập Định, Tuệ mà có phiền não sinh khởi thì nên biết những lúc như vậy không nên tu Xả mà phải nên đọc tụng, biên chép, giải thuyết Mười hai bộ loại kinh văn. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiên, niệm xả, đó gọi là tu xả. Thiện nam! Nếu có Bồ-tát tu tập ba pháp tướng như vậy thì nhờ nhân duyên này nên được Niết-bàn vô tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có mười tướng nên gọi Đại Niết-bàn là vô tướng. Lại do nhân duyên gì gọi là vô sinh, vô xuất, vô tác, nhà cửa, đất liền, chỗ trở về, nơi an ổn, diệt độ, Niết-bàn, tịch tĩnh, không có các bệnh khổ, không sở hữu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì không nhân duyên nên gọi là vô sinh, vì vô vi nên gọi là vô xuất, vì không tạo nghiệp nên gọi là vô tác, vì không vào năm thứ tà kiến nên gọi là nhà cửa, vì lìa bốn dòng nước mạnh nên gọi là đất liền, vì điều phục chúng sinh nên gọi là chỗ quay về nương tựa, vì phá hoại giặc phiền não nên gọi là an ổn, vì dập tắt các lửa phiền não nên gọi là diệt độ, vì lìa xa giác quán nên gọi là Niết-bàn, vì xa lìa chỗ ồn náo nên gọi là tịch tĩnh, vì dứt hẳn sinh tử nên gọi là không bệnh, vì tất cả không nên gọi là không sở hữu. Thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát khi quán sát được như vậy thì được thấy rõ Phật tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp mới có thể thấy được Niết-bàn vô tướng như vậy cho đến không sở hữu?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát thành tựu mười pháp thì có thể thấy rõ Niết-bàn vô tướng cho đến không sở hữu. Những gì là mười pháp? Một là đầy đủ lòng tin. Thế nào gọi là đầy đủ lòng tin? Nghĩa là tin sâu sắc Phật, Pháp, Tăng là thường, chư Phật ở mười phương phương tiện thị hiện, tất cả chúng sinh và hàng Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh, chẳng tin Đức Như Lai có sinh, già, bệnh, chết và tu khổ hạnh, Đề-bà- đạt-đa thật phá Tăng, làm thân Phật ra máu, Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn, chánh pháp diệt hết. Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ lòng tin. Hai là đầy đủ giới thanh tịnh. Thế nào gọi là đầy đủ giới thanh tịnh? Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát tự nói rằng giới thanh tịnh, tuy không cùng với người nữ kia giao hợp nhưng khi thấy người nữ, hoặc cùng nhau bỡn cợt, nói chuyện, cười giỡn thì Bồ-tát như vậy là thành tựu pháp dục, phá hủy giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới bị nhiễm ô, không được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại có Bồ-tát tự nói giới thanh tịnh, tuy chẳng cùng với thân của người nữ giao hợp, bỡn cợt, cười giỡn, nhưng ở ngoài cách vách xa nghe những tiếng chuỗi ngọc, vòng xuyến của người nữ sinh lòng ái nhiễm thì Bồ-tát như vậy là thành tựu pháp dục, phá hủy giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới bị nhiễm ô, không được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại có Bồ-tát tự nói giữ giới thanh tịnh, tuy chẳng cùng người nữ giao hợp, nói chuyện, đùa giỡn, nhưng nghe tiếng của họ, hoặc lúc thấy người nam đi theo người nữ, hoặc thấy người nữ đi theo người nam liền sinh tâm tham đắm thì Bồ-tát như vậy là thành tựu pháp dục, phá hủy giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới uế tạp, không được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại có Bồ-tát tự nói giữ giới thanh tịnh, tuy không cùng người nữ giao hợp, nói chuyện, đùa giỡn, nghe tiếng của họ, thấy người nam và người nữ theo nhau mà không đắm nhiễm nhưng muốn sinh lên cõi trời thọ hưởng năm thứ dục lạc thì Bồ-tát như vậy là thành tựu pháp dục, phá hủy giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới uế tạp, không được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì Giới Ba-la-mật, chẳng vì chúng sinh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Bồ-đề, chẳng vì Niết-bàn, chẳng vì hàng Thanh văn, Phật-bích-chi, chỉ vì đệ nhất nghĩa tối thượng mà giữ gìn giới cấm thì Thiện nam đó gọi là Bồ-tát đầy đủ giới thanh tịnh. Ba là gần gũi các vị thiện tri thức. Nếu người nào có thể thuyết giảng về tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ khiến cho người thọ trì thực hành thì đó gọi là thiện tri thức của Bồ-tát. Bốn là ưa thích ở nơi tịch tĩnh. Thân tâm tịch tĩnh, quán sát pháp giới sâu xa của các pháp, đó là tịch tĩnh. Năm là tinh tấn. Tinh tấn nghĩa là nhiếp tâm quán bốn Chân đế, dầu cho lửa cháy trên đầu cũng không buông bỏ. Đó gọi là tinh tấn. Sáu là đầy đủ chánh niệm. Niệm đầy đủ nghĩa là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên, niệm Xả. Đó gọi là đầy đủ niệm. Bảy là lời nói hòa nhã. Lời nói hòa nhã là lời nói chân thật, lời nói dịu dàng, hỏi thăm trước, nói đúng lúc, lời nói chân chánh. Đó là lời nói hòa nhã. Tám là hộ trì chánh pháp. Hộ trì chánh pháp nghĩa là mến mộ chánh pháp, thường ưa diễn nói đọc tụng, biên chép, suy nghĩ ý nghĩa, tuyên dương rộng khắp làm cho chánh pháp được lưu truyền. Nếu thấy có người biên chép, giảng nói, đọc tụng, tán thán, tư duy ý nghĩa mà có nhu cầu về vật dụng thì cúng dường như y phục, thức ăn, ngọa cụ, thuốc thang; vì hộ trì chánh pháp nên không tiếc thân mạng. Đó gọi là hộ trì chánh pháp. Chín là Đại Bồ-tát thấy có bạn đồng học, đồng giới thiếu thốn đồ cần dùng như y phục, thức ăn, ngọa cụ, phòng nhà, thì mang y, cầm bát xin khất từ người khác mà cung cấp cho họ. Mười là đầy đủ trí tuệ. Trí tuệ nghĩa là quán sát thường, lạc, ngã, tịnh nơi đức Như Lai, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, quán sát hai tướng của pháp là không và bất không, thường và vô thường, lạc và vô lạc, ngã và vô ngã, tịnh và bất tịnh, pháp khác có thể đoạn dứt, pháp khác không thể đoạn dứt, pháp khác từ duyên sinh, pháp khác từ duyên thấy, pháp khác từ duyên thành quả, pháp khác chẳng phải do duyên thành quả. Đó gọi là đầy đủ trí tuệ. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ mười pháp. Có thể thấy rõ Niết-bàn vô tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như trước kia Phật bảo Thuần-đà: Nay ông đã thấy được Phật tánh, được Đại Niết-bàn, thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa đó là thế nào? Bạch Thế Tôn! Như trong kinh nói, nếu bố thí cho súc sinh thì được phước báo gấp trăm lần, bố thí cho hàng Nhất-xiển-đề được phước báo gấp ngàn lần, bố thí cho người trì giới được phước báo gấp trăm ngàn lần, bố thí cho ngoại đạo dứt trừ phiền não được phước báo vô lượng; dâng cúng cho bậc Tứ hướng, Tứ quả cho đến Phật-bích-chi được phước báo vô lượng; dâng cúng cho Bồ-tát bất thoái, các Đại Bồ-tát thọ thân cuối cùng, Như Lai Thế Tôn thì sẽ được phước báo vô lượng vô biên không thể tính kể, không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Đại sĩ Thuần-đà nếu thọ hưởng vô lượng phước báo như vậy thì phước báo ấy vô tận, vậy đến lúc nào sẽ chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói, nếu có người cố tâm tạo nghiệp thiện, nghiệp ác thì chắc chắn thọ quả báo, hoặc thọ trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời kế tiếp, hoặc thọ vào đời sau. Thuần-đà tạo tâm sâu dày về nghiệp thiện, nên biết nghiệp này nhất định thọ hưởng phước báo, nếu nhất định thọ phước báo thì làm thế nào chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Làm thế nào thấy được Phật tánh? Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói, bố thí cho ba hạng người được quả báo vô tận: một là người bệnh, hai là cha mẹ, ba là Như Lai. Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói, Phật bảo A-nan: Tất cả chúng sinh nếu không có nghiệp cõi Dục thì được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có nghiệp cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy. Và, bạch Thế Tôn! Như bài kệ trong kinh Pháp Cú:

Chẳng phải trong không, trong biển cả
Cũng chẳng phải vào trong hang núi
Không có bất cứ địa phương nào
Mà có thể thoát khỏi nghiệp báo.

A-ni-lâu-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nhớ thuở xưa, nhờ bố thí một bữa ăn mà trong tám vạn kiếp không bị rơi vào ba đường ác. Bạch Thế Tôn! Bố thí một bữa ăn còn được phước báo như vậy, huống nữa là Thuần-đà do tâm tin kính mà cúng dường Phật, thành tựu đầy đủ Bố thí Ba-la-mật! Bạch Thế Tôn! Nếu phước báo lành là vô tận thì tội hủy báng kinh Đại thừa, phạm năm tội nghịch, phá bốn giới trọng, tội Nhất-xiển-đề làm thế nào hết được? Nếu không thể hết thì làm thế nào có thể thấy được Phật tánh, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Chỉ có hai hạng người có thể được vô lượng vô biên công đức, không thể tính kể, không thể tuyên thuyết, có thể làm khô cạn dòng sông sinh tử nổi trôi, hàng phục ma oán, bẻ gãy cờ chiến thắng của ma, có thể chuyển pháp luân vô thượng của Như Lai: Một là người khéo hỏi, hai là người khéo đáp. Này thiện nam! Trong mười lực của Phật thì nghiệp lực là sâu hơn cả. Này thiện nam! Có những chúng sinh đối với nghiệp duyên, tâm khinh dể chẳng tin, vì để độ cho họ nên Ta nói như vậy. Này thiện nam! Tất cả nghiệp tạo ra có nghiệp nhẹ, có nghiệp nặng. Hai nghiệp nhẹ nặng lại có hai: một là quyết định, hai là không quyết định. Thiện nam! Hoặc có người cho rằng tạo nghiệp ác không có quả báo. Nếu nói nghiệp ác nhất định có quả báo thì tại sao Khí-hư Chiên-đà-la được sinh lên cõi trời? Ương-quật-ma-la được quả giải thoát? Do nghĩa này nên biết tạo nghiệp thì nhất định có quả báo và chẳng nhất định có quả báo. Ta vì đoạn trừ tà kiến này cho nên trong kinh Ta nói rằng tất cả sự tạo nghiệp đều có quả báo. Thiện nam! Hoặc có nghiệp nặng có thể làm cho nhẹ, hoặc có nghiệp nhẹ có thể làm cho nặng. Chẳng phải tất cả mọi người chỉ có ngu hoặc trí. Do đó nên biết chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả báo, dầu chẳng quyết định có quả báo nhưng cũng chẳng phải là không có.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh có hai hạng: một là người trí, hai là kẻ ngu. Người có trí dùng sức trí tuệ có thể làm cho nghiệp rất nặng ở địa ngục trở thành quả báo nhẹ trong đời hiện tại. Kẻ ngu si thì làm cho nghiệp nhẹ ở đời hiện tại trở thành quả báo nặng ở nơi địa ngục.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì chẳng nên cầu phạm hạnh thanh tịnh và quả giải thoát!

Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả báo thì không nên cầu phạm hạnh giải thoát, nhưng vì nghiệp không quyết định nên tu phạm hạnh và cầu quả giải thoát. Thiện nam! Nếu có thể xa lìa tất cả nghiệp ác thì được quả lành. Nếu xa lìa nghiệp thiện thì bị quả báo ác. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả báo, thì chẳng nên cầu tu tập Thánh đạo. Nếu không tu đạo thì không được giải thoát. Tất cả Thánh nhân sở dĩ tu đạo là để phá định nghiệp, được quả báo nhẹ, còn nghiệp bất định không có quả báo. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả báo thì không cần tu tập Thánh đạo. Nếu có người xa lìa sự tu tập Thánh đạo mà được giải thoát thì không có lẽ ấy, không được giải thoát mà được Niết-bàn thì cũng không có lẽ ấy. Thiện nam! Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả báo, thì một đời tạo nghiệp thuần thiện lẽ ra phải mãi mãi thường hưởng thọ sự an vui, một đời gây tạo tội ác rất nặng lẽ ra cũng mãi mãi chịu khổ não lớn. Nếu nghiệp quả như vậy thì không có sự tu đạo giải thoát và Niết-bàn. Người làm người thọ, Bà-la- môn làm Bà-la-môn thọ. Nếu như vậy thì lẽ ra không có dòng họ hạ tiện, người hạ tiện. Người lẽ ra luôn là người, Bà-la-môn lẽ ra mãi mãi là Bà-la-môn. Lúc nhỏ tạo nghiệp thì lẽ ra lúc nhỏ thọ quả báo, không nên đến lúc trung niên và lúc già mới thọ. Lúc già tạo nghiệp ác sinh vào trong địa ngục vì thân mới vào địa ngục lẽ ra không bị chịu khổ mà phải đợi đến lúc già sau đó mới thọ nhận. Nếu lúc già chẳng sát sinh không lẽ thời tráng niên được sống lâu! Nếu lúc tráng niên chẳng sống lâu thì làm sao có tuổi già! Vì nghiệp không mất. Nếu nghiệp không mất tại sao có sự tu tập Thánh đạo và Niết-bàn.

Này thiện nam! Nghiệp có hai thứ: Định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp có hai: một là báo định, hai là thời định. Hoặc có quả báo định mà thời gian bất định, lúc duyên hợp thì thọ báo, hoặc ba thời thọ báo, nghĩa là thọ đời hiện tại, thọ đời tiếp theo, thọ ở đời sau. Này thiện nam! Nếu định tâm làm những nghiệp thiện, nghiệp ác, làm rồi sinh lòng tin sâu xa, vui mừng, và nếu phát nguyện cúng dường Tam bảo thì đây gọi là nghiệp định. Này thiện nam! Người trí căn lành sâu chắc khó lay động, nên có thể khiến cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người ngu si nghiệp ác sâu dày, có thể làm cho nghiệp nhẹ trở thành quả báo nặng. Do nghĩa này, tất cả các nghiệp không gọi là quyết định. Đại Bồ-tát không có nghiệp địa ngục, vì chúng sinh nên phát đại nguyện sinh vào trong địa ngục. Thiện nam! Thuở xưa lúc chúng sinh tuổi thọ trăm năm, có hằng sa chúng sinh bị quả báo địa ngục. Ta thấy như vậy rồi liền phát nguyện lớn thọ thân địa ngục. Bồ-tát lúc đó thật không có nghiệp địa ngục, vì chúng sinh nên thọ quả báo địa ngục. Lúc ấy, Ta ở trong địa ngục trải qua vô lượng năm, vì các tội nhân mà phân biệt giảng nói Mười hai bộ loại kinh văn. Những người có tội được nghe rồi thoát khỏi quả báo ác, làm cho địa ngục trống không, trừ hàng Nhất-xiển-đề. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải nơi đời hiện tại, đời tiếp theo và đời sau thọ lấy nghiệp ác.

Lại nữa, này thiện nam! Trong Hiền kiếp này, có vô lượng chúng sinh đọa trong loài súc sinh chịu nghiệp báo ác. Ta thấy như vậy rồi lại vì muốn thuyết pháp cứu độ chúng sinh nên phát thệ nguyện hoặc làm thân nai, gấu, khỉ, rồng, rắn, kim sí điểu, bồ câu, cá, trạnh, thỏ, voi, bò, ngựa. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có nghiệp ác súc sinh như vậy. Vì nguyện lực lớn cứu độ chúng sinh nên hiện thọ thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ ác nghiệp đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Trong Hiền kiếp này lại có vô lượng vô biên chúng sinh sinh vào trong loài ngạ quỷ, hoặc ăn đờm, dãi, mỡ, thịt, máu, mủ, nước tiểu, phân, nước mắt, nước mũi, thọ mạng vô lượng trăm ngàn vạn năm, chưa từng nghe đến tên nước huống nữa là mắt thấy và được uống. Cho dù thấy nước đằng xa trong lòng muốn đến để uống, nhưng khi đến gần thì nước biến thành lửa đỏ, máu mủ. Hoặc có lúc nước không biến nhưng có nhiều người cầm binh khí ngăn cản không cho đến uống. Hoặc có lúc trời mưa nước rơi đến thân họ thì liền biến thành lửa. Đó gọi là nghiệp báo ác. Thiện nam!

Đại Bồ-tát thật không có những nghiệp báo ác như vậy, vì hóa độ chúng sinh làm cho họ được giải thoát nên phát nguyện thọ thân như vậy. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp ác ấy nơi đời hiện tại, đời kế tiếp, đời sau. Thiện nam! Ta ở trong Hiền kiếp này, từng sinh vào nhà hàng thịt, nuôi gà, nuôi heo, nuôi bò, nuôi dê, đi săn bắn, lưới bẫy chim, bắt cá, sinh trong nhà Chiên-đà-la, làm giặc trộm cướp. Bồ- tát thật không có những nghiệp ác như vậy, vì muốn độ chúng sinh khiến họ được giải thoát nên dùng nguyện lực lớn mà thọ những thân như vậy. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Trong Hiền kiếp này, Ta lại sinh vào chốn biên địa, làm nhiều việc tham dục, sân giận, ngu si, quen làm những điều phi pháp, không tin Tam bảo và quả báo đời sau, chẳng cung kính cha mẹ, bậc trưởng lão, tôn túc. Thiện nam! Bồ-tát lúc đó thật không có những nghiệp như vậy, vì muốn làm cho chúng sinh được giải thoát nên dùng nguyện lực lớn sinh vào nơi ấy. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Trong Hiền kiếp này Ta lại thọ làm thân nữ, thân ác, thân tham, thân sân, thân si, thân ganh ghét, thân bỏn sẻn, thân huyễn hóa, thân dối trá, thân buộc ràng. Thiện nam! Bồ-tát lúc đó không có những nghiệp như vậy, nhưng vì muốn chúng sinh được giải thoát nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sinh. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Ta ở nơi Hiền kiếp này thọ thân huỳnh môn, không căn, hai căn và căn bất định. Thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có những thân ác như vậy. Vì muốn chúng sinh được giải thoát nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sinh. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Ta ở trong Hiền kiếp lại học tập giáo pháp của ngoại đạo Ni-kiền-tử, tin thọ giáo pháp của họ, không bố thí, không thờ cúng, không có quả báo bố thí, thờ cúng, không nghiệp thiện ác, không quả báo thiện ác, không có đời hiện tại và đời vị lai, không đây, không kia, không có Thánh nhân, không thân biến hóa, không đạo Niết-bàn.

Này thiện nam! Bồ-tát thật không có nghiệp ác như vậy, nhưng vì khiến chúng sinh được giải thoát nên dùng nguyện lớn lãnh thọ những pháp tà này. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải thọ nghiệp báo ác ở đời hiện tại, đời kế tiếp và đời sau như vậy.

Này thiện nam! Ta nhớ thuở xưa cùng Đề-bà-đạt-đa làm chủ đoàn buôn, mỗi người đều có năm trăm khách buôn, vì tài lợi nên vào trong biển lớn tìm châu báu. Vì nghiệp duyên ác nên giữa đường gặp gió lớn thổi làm cho thuyền bè hư nát, khách buôn đều chết hết. Lúc đó Ta cùng Đề-bà-đạt-đa nhờ quả báo không sát sinh nên được sống, nhờ gió thổi nên được đưa vào đất liền. Lúc ấy, Đề-bà-đạt-đa tham tiếc của cải châu báu nên sầu khổ than khóc. Ta bảo Đề-bà-đạt-đa chẳng nên than khóc. Đề-bà-đạt-đa liền nói với Ta: “Ví như có người bần cùng, khốn khổ đến bãi tha ma tay cầm tử thi mà nói: “Mong ngươi bố thí cái vui của sự chết cho ta, ta sẽ bố thí đời sống nghèo khổ này cho ngươi”. Khi ấy, tử thi liền ngồi dạy bảo với người nghèo cùng: “Thiện nam! Đời sống nghèo cùng ngươi tự thọ lấy, nay ta rất thích cái vui của sự chết, thật không thích đời sống nghèo cùng như ngươi”. Tôi nay đã không có cái vui của sự chết, lại còn nghèo cùng, làm sao mà chẳng khóc được”. Ta lại an ủi: “Ông chớ lo buồn, nay Tôi có hai viên ngọc vô giá sẽ chia cho ông một viên”. Ta liền chia ngọc cho Đề-bà-đạt-đa, lại nói với ông ta: “Còn mạng người có thể làm ra của báu này, như mạng sống không còn thì ai có thể làm sống lại được?” Lúc đó Ta mỏi mệt đến nằm nghỉ dưới một gốc cây. Đề-bà-đạt-đa tâm tham bùng phát, vì một viên ngọc, liền sinh tâm ác, đâm mù đôi mắt của Ta, đoạt lấy viên ngọc. Lúc đó, vì quá đau đớn nên Ta rên rỉ, có một cô gái đến chỗ Ta hỏi: “Thưa Nhân giả! Vì sao ông rên rỉ như vậy?” Ta liền kể lại việc trước. Cô gái nghe rồi lại hỏi Ta: “Tên của ông là gì?” Ta liền đáp: “Tôi tên là Thật Ngữ”. Cô gái nói: “Làm sao để biết ông là Thật Ngữ?” Ta liền phát thệ nguyện: “Nếu nay Tôi có tâm ác đối với Đề- bà-đạt-đa thì mắt tôi mãi mãi bị mù, còn nếu như không có tâm ấy thì đôi mắt sẽ được sáng lại như trước”. Vừa nói xong thì đôi mắt Ta trở lại như cũ.

Này thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát nói về quả báo đời hiện tại. Này thiện nam! Ta nhớ thuở xưa, sinh ra trong nhà Bà-la-môn,

nơi thành Phú-đơn-na ở Nam Thiên Trúc. Thuở đó có vua tên là Ca-la- phú, tánh tình hung ác, kiêu mạn, tự đại, tuổi trẻ, tham đắm sắc đẹp, năm thứ dục. Lúc ấy, Ta vì độ chúng sinh nên ở ngoài thành yên lặng tham thiền. Bấy giờ vào mùa xuân, cỏ hoa tươi tốt, vua cùng với quyến thuộc và các thể nữ trong cung ra khỏi thành dạo chơi, ở dưới rừng cây vui hưởng năm dục. Các thể nữ bỏ vua, dạo chơi đến chỗ Ta. Lúc đó, Ta vì muốn diệt trừ tham dục cho họ nên thuyết pháp.

Nhà vua đi tìm các thể nữ, thấy Ta liền sinh tâm ác hỏi: “Nay ông đã chứng quả A-la- hán chưa?” Ta nói: “Chưa chứng”. Vua lại hỏi: “Đã được quả Bất hoàn chưa?” Ta đáp: “Chưa được”. Vua lại bảo: “Nay ông chưa được hai quả ấy thì còn đầy đủ phiền não tham dục, tại sao dám buông tâm nhìn ngó thể nữ của ta?” Ta liền đáp: “Đại vương nên biết! Nay tôi dầu chưa dứt được phiền não tham dục, nhưng trong tâm tôi thật không có tham đắm”. Vua nói: “Người ngu si kia! Ở đời có các vị tiên ăn quả uống hơi mà thấy sắc đẹp còn tham, huống là ông còn trai trẻ chưa đoạn dứt hết tham dục thì làm sao thấy sắc đẹp mà chẳng tham đắm?”. Ta đáp: “Tâu đại vương! Người thấy sắc đẹp không tham đắm thật chẳng phải do ăn quả uống hơi mà do buộc tâm nơi vô thường, bất tịnh”. Vua nói: “Nếu có tâm khinh khi người khác mà chê bai thì làm sao được gọi là tu trì tịnh giới?”. Ta nói: “Tâu đại vương! Nếu có tâm đố kỵ thì có chê bai, tôi không có tâm đố kỵ thì đâu có chê bai”. Nhà vua bảo: “Này Đại đức, thế nào gọi là giới?”. “Tâu đại vương! Nhẫn nhục gọi là giới”. Vua bảo: “Nếu nhẫn nhục gọi là giới thì ta sẽ cắt lỗ tai của ông, nếu ông có thể nhẫn chịu được thì biết là ông trì giới”. Vua liền cắt lỗ tai Ta. Ta dầu bị cắt tai nhưng nhan sắc không biến đổi. Khi ấy, các quần thần thấy việc như vậy rồi liền can ngăn vua: “Tâu đại vương! Bậc Đại sĩ như vậy chẳng nên làm hại”. Vua nói với các quan: “Các ngươi làm sao biết là bậc Đại sĩ?”. Quần thần tâu: “Thấy khi bị chịu khổ mà nhan sắc không biến đổi”. Vua lại nói: “Ta sẽ thử xem để biết nhan sắc biến đổi hay không biến đổi”. Vua liền cắt mũi và tay chân của Ta. Bấy giờ, vì Bồ-tát đã trải qua vô lượng vô biên đời tu tập từ bi cứu khổ cho chúng sinh nên không khổ cũng không oán giận. Lúc đó, Tứ thiên vương nổi giận liền làm mưa cát, sỏi, đá. Vua thấy vậy rất sợ hãi liền đến quỳ trước Ta mà thưa: “Ngưỡng mong thương xót cho tôi sám hối”. Ta nói: “Này đại vương! Tâm tôi không sân giận cũng không tham đắm”. Vua nói: “Thưa Đại đức! Làm thế nào để biết được tâm của Ngài không sân hận?”. Ta liền phát thệ nguyện: “Nếu tôi thật lòng không có tâm sân hận thì khiến cho thân của tôi bình phục lại như cũ”. Phát nguyện vừa xong, thân thể của Ta liền bình phục. Đó gọi là Đại Bồ-tát nói quả báo đời hiện tại.

Này thiện nam! Quả báo đời kế và quả báo đời sau của nghiệp thiện và nghiệp bất thiện cũng như vậy. Đại Bồ-tát khi đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả các nghiệp đều được quả báo hiện tại. Nghiệp ác chẳng lành bị quả báo hiện tại như vua làm ác bị trời mưa xuống cát, đá. Cũng như người chỉ chỗ ở của gấu và nai có sắc quý báu cho thợ săn thì tay người ấy bị rụng. Đó gọi là nghiệp ác thọ lấy quả báo trong đời hiện tại. Đời kế chịu quả báo là như hạng Nhất- xiển-đề, phạm bốn giới trọng và năm tội nghịch. Đời sau thọ quả báo là như người trì giới phát nguyện lớn: Nguyện đời vị lai thường được giới thân thanh tịnh như vậy. Nếu có chúng sinh lúc mạng sống trăm năm, tám chục năm thì ở trong thời kỳ đó sẽ làm Chuyển luân Thánh vương giáo hóa chúng sinh. Này thiện nam! Nếu là nghiệp quyết định thọ quả báo trong đời hiện tại thì không thể thọ quả báo trong đời kế và đời sau. Đại Bồ-tát tu nghiệp ba hai tướng của bậc Đại Nhân thì không thể thọ quả báo trong đời hiện tại. Nếu là nghiệp chẳng thọ lấy ba thứ quả báo như vậy thì gọi là nghiệp bất định. Này thiện nam! Nếu cho là những nghiệp quyết định có quả báo thì không có sự tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết-bàn. Nên biết người nói lời này chẳng phải là đệ tử Ta mà là quyến thuộc của ma. Nếu nói rằng các nghiệp đều có nghiệp định và nghiệp bất định. Nghiệp định có quả báo đời hiện tại, quả báo đời kế tiếp và quả báo đời sau và nghiệp bất định lúc duyên hợp liền chịu quả báo, chẳng hội hợp thì không chịu quả báo, do nghĩa này nên có tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết-bàn, thì nên biết người nói lời này thật là đệ tử của Ta, chẳng phải là quyến thuộc của ma.

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh nghiệp bất định thì nhiều, nghiệp quyết định thì ít. Do nghĩa này nên có sự tu tập đạo hạnh. Nhờ tu tập đạo hạnh nên nghiệp định nặng có thể làm cho thọ quả báo nhẹ, những nghiệp bất định chẳng thọ quả báo đời kế tiếp.

Này thiện nam! Có hai hạng người: Một là người tạo nghiệp bất định thành quả báo quyết định, quả báo đời hiện tại tạo thành quả báo đời kế tiếp, quả báo nhẹ thành quả báo nặng, đáng lẽ thọ báo trong loài người lại thọ báo trong địa ngục. Hai là loại người tạo nghiệp quyết định tạo thành quả báo bất định, đáng lẽ thọ báo trong đời kế tiếp lại thọ báo trong đời hiện tại, quả báo nặng thành quả báo nhẹ, đáng lẽ thọ báo trong địa ngục làm cho thọ quả báo nhẹ trong loài người. Hai hạng người như vậy: Một là kẻ ngu si. Hai là người trí. Người trí làm cho nhẹ, kẻ ngu khiến cho nặng. Này thiện nam! Ví như hai người có tội với nhà vua, người có quyến thuộc đông đảo thì tội sẽ nhẹ, người có quyến thuộc ít thì tội sẽ nặng. Người trí, kẻ ngu cũng như vậy. Người trí nhờ nhiều nghiệp thiện nên quả báo nặng thành nhẹ. Người ngu si vì nghiệp thiện ít nên quả báo nhẹ thành nặng. Này thiện nam! Ví như có hai người: một người thì mập khỏe, một người thì gầy yếu, cả hai đều bị té xuống bùn sâu. Người mập khỏe thì có thể lên được. Người gầy yếu thì bị lún sâu. Thiện nam! Ví như hai người đều uống thuộc độc, một người có năng lực thần chú và thuốc A-dà-đà, một người thì không. Người có thần chú và thuốc thì chất độc không thể làm hại. Người không có thần chú và thuốc thì chất độc hại chết. Này thiện nam! Ví như hai người đều uống nhiều nước: một người nhiệt lực mạnh, một người thì suy yếu. Người nhiệt lực mạnh có thể tiêu hóa. Người nhiệt lực suy yếu bị nước ấy làm cho bệnh hoạn. Này thiện nam! Ví như hai người bị nhà vua bắt trói: một người có trí tuệ, một người ngu si. Người có trí có thể được thoát khỏi. Người ngu si không có cơ hội để thoát khỏi. Này thiện nam! Ví như hai người đều đi qua con đường nguy hiểm. Một người mắt sáng, một người bị mù. Người mắt sáng đi thẳng qua không bị hại. Người bị mù té xuống hố sâu nguy hiểm. Này thiện nam! Ví như hai người cùng uống rượu, một người có thể uống được nhiều, một người chỉ uống được chút ít. Người uống được nhiều thì khi uống rượu vào không bị hại. Người uống được ít khi uống rượu vào liền thành bệnh. Này thiện nam! Ví như hai người cùng ra trận đánh giặc, một người trang bị đầy đủ áo giáp vũ khí, một người thì mình trần tay không. Người có võ trang thì có thể phá được kẻ thù, người tay không chắc chắn sẽ bị hại. Lại có hai người bị phẩn dơ vấy vào y phục. Một người biết liền giặt sạch, một người biết mà không chịu giặt. Người giặt liền thì y phục được sạch sẽ, người không giặt thì dơ bẩn càng tăng thêm. Lại có hai người cùng đi xe. Một xe có trục, có căm, một xe không trục, không căm. Người ngồi xe có trục có căm tùy ý mà đi. Người ngồi xe không trục, không căm thì không đi đâu được. Lại có hai người cùng đi trên đường hoang vắng, một người có mang theo hành trang, một người thì không mang theo. Người có hành trang thì qua khỏi được con đường hiểm, người không có thì không thể vượt qua được. Lại có hai người bị kẻ cướp, một người có kho báu, một người thì không có kho báu. Người có kho báu tâm không lo buồn. Người không có kho báu thì lòng sầu não. Người trí kẻ ngu cũng như vậy, người có kho báu lành thì nghiệp nặng mà thọ báo nhẹ. Người không có kho báu lành thì nghiệp nhẹ phải thọ báo nặng.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy thì chẳng phải tất cả nghiệp đều thọ quả nhất định, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh quyết định thọ báo. Bạch Thế Tôn! Chúng sinh làm thế nào khiến quả báo nhẹ trong đời hiện tại thành quả báo nặng ở địa ngục, quả báo nặng ở địa ngục trở thành quả báo nhẹ trong đời hiện tại?

Phật bảo:

–Tất cả chúng sinh có hai hạng: Một là có trí, hai là ngu si. Nếu người có khả năng tu tập thân, giới, tâm, tuệ thì gọi là người trí, nếu không thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ thì gọi là người ngu. Thế nào gọi là không thể tu tập thân? Nếu không thể nhiếp phục năm tình, các căn gọi là không tu thân; không thể thọ trì bảy thứ tịnh giới gọi là chẳng tu giới; vì không điều phục tâm nên gọi là không tu tâm; chẳng tu tập Thánh hạnh thì gọi là không tu tuệ. Lại nữa, người không tu thân thì không thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người không tu giới thì thọ nhận cất chứa tám thứ vật bất tịnh. Người không tu tâm thì không thể tu tập ba thứ tướng. Người không tu tuệ thì chẳng tu tập phạm hạnh.

Lại nữa, người không tu thân thì chẳng thể quán thân, chẳng thể quán sắc và quán tướng của sắc, chẳng quán tướng của thân, chẳng biết sở hữu của thân, chẳng biết thân này từ đây đến kia, đối với cái chẳng phải thân mà sinh tướng thân, đối với cái chẳng phải sắc mà tưởng là tướng sắc, cho nên tham đắm thân và sở hữu của thân. Đó gọi là chẳng tu thân.

Người không tu giới là, nếu thọ giới bậc thấp thì chẳng gọi là tu giới. Thọ trì biện giới, giới tự lợi, giới tự điều phục, không thể làm cho khắp chúng sinh được an lạc, chẳng phải vì hộ trì chánh pháp vô thượng mà vì muốn sinh lên cõi trời hưởng thọ năm thứ dục lạc, đó gọi là chẳng tu giới.

Người không tu tâm là, nếu tâm tán loạn thì không thể chuyên nhất nơi tự cảnh giới. Tự cảnh giới chính là bốn niệm xứ. Cảnh giới khác là năm dục. Nếu không thể tu tập bốn niệm xứ thì gọi là chẳng tu tâm. Ở trong nghiệp ác không khéo gìn giữ tâm gọi là chẳng tu tuệ.

Lại nữa, người không tu thân thì không thể quán sát thấu đáo thân này là vô thường, vô trụ, mong manh, niệm niệm hoại diệt, là cảnh giới của ma. Người không tu giới thì chẳng thể đầy đủ Giới Ba-la- mật. Người không tu tâm thì không thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Người không tu tuệ thì không thể đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, người không tu thân thì tham đắm thân và sở hữu của thân. Cho rằng thân ta thường hằng không có thể biến đổi. Người không tu giới vì thân mình mà thọ mười nghiệp ác. Người không tu tâm, đối với nghiệp ác không thể nhiếp tâm. Người không tu tuệ do vì không nhiếp tâm nên không thể phân biệt được các pháp thiện, ác. Lại nữa, người không tu thân thì không đoạn được ngã kiến. Người không tu giới thì không đoạn được giới thủ. Người không tu tâm thì tạo nghiệp tham sân dẫn đến địa ngục. Người không tu tuệ thì không đoạn được tâm si.

Lại nữa, người không tu thân thì không thể quán thân, dầu không lỗi lầm nhưng nó luôn là kẻ giặc. Này thiện nam! Ví như người có kẻ thù thường theo dõi rình tìm sơ hở, người trí biết rồi giữ gìn tâm cẩn thận, nếu không giữ gìn tâm cẩn thận, thì người ấy sẽ bị hại, thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, thường phải nhờ thức ăn, nước uống, đồ ấm, lạnh điều hòa để nuôi dưỡng, nếu không khéo giữ gìn cẩn thận như vậy sẽ bị tan hoại. Này thiện nam! Như Bà-la-môn tôn thờ thần lửa, thường dùng hương hoa, tán thán, lễ bái, cúng dường phụng sự suốt cả cuộc đời, nếu lúc chạm đến liền bị cháy tay. Lửa này dầu được cúng dường như vậy, nhưng hoàn toàn không một niệm báo ân cho người phụng sự. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, dầu trong nhiều năm dùng hương hoa, chuỗi ngọc, y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men để cung dưỡng nó, nhưng nếu gặp những duyên xấu bên trong bên ngoài liền hoại diệt, hoàn toàn chẳng nhớ nghĩ đến ân cung cấp cơm áo ngày trước.

Này thiện nam! Ví như có nhà vua nuôi bốn con rắn độc trong một cái rương, giao phó cho một người nuôi nấng, săn sóc. Trong bốn con rắn này, nếu một con nổi giận thì có thể hại chết người. Người nuôi rắn này lo sợ, luôn tìm thức ăn uống tùy lúc chăm sóc gìn giữ. Rắn độc bốn đại của tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu một đại nổi giận thì có thể làm cho thân bị hoại diệt. Thiện nam! Như người bệnh lâu ngày phải nên hết lòng tìm thầy thuốc chữa trị, nếu không kịp thời điều trị chắc chắn sẽ chết. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, thường phải nhiếp tâm để không cho buông lung, nếu buông lung liền bị hoại diệt. Này thiện nam! Ví như bình đất chưa nung thì không chịu được gió, mưa, va chạm dằn đè. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, chẳng chịu được đói khát, lạnh nóng, gió mưa, đánh, trói, mắng nhiếc.

Này thiện nam! Như mụt nhọt chưa muồi phải khéo giữ gìn không để cho người chạm đến, nếu để chạm vào thì rất đau đớn. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam! Như con la mang thai thì tự hoại thân nó. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, bên trong có gió lạnh thì thân phải bị hại. Này thiện nam! Như cây chuối trổ buồng rồi thì khô chết, thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam! Cũng như cây chuối không có lõi cứng, thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Như rắn, chuột, chó sói mỗi loài đều sinh tâm ghét hại nhau, bốn đại của chúng sinh cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như ngỗng chúa không thích bãi tha ma, Bồ-tát cũng như vậy, đối với bãi tha ma thân thể chẳng ưa thích. Này thiện nam! Như Chiên- đà-la bảy đời nối tiếp nhau, không bỏ nghiệp của mình nên bị người đời khinh chê, chủng tử của thân này cũng như vậy. Chủng tử tinh huyết hoàn toàn bất tịnh, do bất tịnh nên chư Phật, Bồ-tát xem nhẹ, khinh khi. Này thiện nam! Thân này chẳng phải như núi Ma-la-da mọc cây chiên-đàn, cũng không thể sinh hoa ma-lợi-ca, hoa bà-sư-ca mà chín lỗ của nó thường chảy ra máu mủ bất tịnh, là chỗ sinh ra hôi hám, dơ bẩn, xấu xa đáng nhờm gớm, thường cùng với các loài vi trùng ở chung một chỗ. Thiện nam! Ví như thế gian dầu có vườn rừng xinh đẹp thanh tịnh, nhưng đem tử thi vào trong đó liền trở thành bất tịnh, mọi người đều lìa bỏ chẳng ưa thích tham đắm. Cõi Sắc cũng như vậy, tuy thanh tịnh đẹp đẽ nhưng vì có thân nên chư Phật, Bồ-tát đều lìa bỏ.

Này thiện nam! Nếu có người không thể quán sát như vậy thì gọi là không tu thân, không tu giới. Này thiện nam! Nếu không thể quán sát giới là thềm thang của tất cả các pháp thiện, cũng là cội gốc của tất cả các pháp thiện, như đất là gốc sinh tất cả cây cối, là đứng đầu của các căn lành, như người chủ buôn dẫn dắt đoàn người buôn, giới là ngọn cờ chiến thắng của tất cả các pháp thiện như cờ chiến thắng mà trời Đế thích dựng, giới có thể đoạn trừ hoàn toàn tất cả nghiệp ác và ba đường ác, có thể trị lành những bệnh dữ giống như cây thuốc, giới là hành trang trên con đường hiểm sinh tử, giới là vũ khí đánh dẹp giặc phiền não, giới là thần chú diệt rắn độc phiền não, giới là chiếc cầu để qua khỏi nghiệp ác. Nếu người nào không thể quán sát như vậy thì gọi là không tu giới. Không tu tâm là, không thể quán sự lăng xăng chuyển động, khó nắm bắt, khó điều phục của tâm. Nó giong ruổi, lung tung như voi dữ, niệm niệm mau chóng như ánh chớp, nhảy nhót chẳng dừng như khỉ, vượn, như huyễn, như ánh lửa, chính là cội gốc của tất cả điều ác. Năm thứ dục khó thỏa mãn như lửa gặp củi, cũng như biển cả dung nạp các dòng sông, như núi Mạn-đà cỏ cây rậm rạp chẳng thể quán sát, sinh tử hư vọng, say đắm mê lầm đến nỗi như cá nuốt câu. Nó thường đi trước dẫn đầu, các nghiệp đi theo như con ốc mẹ dẫn theo đàn con. Tham đắm năm dục chẳng thích Niết-bàn, như con lạc đà ăn mật cho đến chết, không thèm nhìn đến cỏ non, quá tham đắm cái vui hiện tại mà không thấy lỗi lầm về sau. Như bò tham ăn lúa mạ chẳng sợ roi gậy, giong ruổi khắp cả hai mươi lăm cõi. Như gió mạnh thổi bông đâu-la, chỗ chẳng đáng cầu mà cầu không biết nhàm chán, như người vô trí mong lửa không nóng, thường thích sinh tử, không ưa giải thoát. Như trùng Nhâm-bà thích cây Nhâm-bà, mê lầm tham đắm sinh tử hôi hám, như kẻ ngục tù thích gái ngục tốt, cũng như heo trong chuồng thích chỗ bất tịnh. Nếu có người không thể quán sát như vậy thì gọi là chẳng tu tâm. Người không tu tuệ là chẳng quán sát trí tuệ có thế lực lớn như kim sí điểu, có thể hoại nghiệp ác, hoại vô minh tối tăm như ánh sáng mặt trời, có thể nhổ cây năm ấm như nước cuốn trôi vật, đốt cháy tà kiến, như lửa bừng cháy. Tuệ là cội gốc của tất cả các pháp thiện, là chủng tử của Phật và Bồ-tát. Nếu không thể quán sát như vậy, thì chẳng gọi là tu tuệ. Này thiện nam! Trong đệ nhất nghĩa, nếu thấy thân, tướng của thân, nhân của thân, quả của thân, nhiều thân, một thân, hai thân, thân này, thân kia, sự diệt của thân, bình đẳng của thân, sự tu hành của thân, người tu, nếu có thấy như vậy thì gọi là chẳng tu thân. Này thiện nam! Nếu thấy giới, tướng của giới, nhân của giới, quả của giới, giới bậc thượng, giới bậc hạ, nhiều giới, một giới, hai giới, giới này, giới kia, sự diệt của giới, sự bình đẳng của giới, tu giới, người tu, sự giải thoát của giới, nếu thấy như vậy, gọi là chẳng tu giới. Nếu thấy tâm, tướng của tâm, nhân của tâm, quả của tâm, nhiều tâm, tâm và tâm sở, một tâm, hai tâm, tâm này, tâm kia, sự diệt của tâm, sự bình đẳng của tâm, sự tu của tâm, người tu, tâm thượng trung hạ, tâm thiện, tâm ác, nếu thấy như vậy thì gọi là không tu tâm.

Này thiện nam! Nếu thấy tuệ, tướng của tuệ, nhân của tuệ, quả của tuệ, nhiều tuệ, một tuệ, hai tuệ, tuệ này, tuệ kia, sự diệt của tuệ, sự bình đẳng của tuệ, tuệ thượng trung hạ, tuệ độn, tuệ lợi, sự tu tuệ, người tu, nếu thấy như vậy thì gọi là chẳng tu tuệ.

Này thiện nam! Nếu có người không tu thân, giới, tâm, tuệ, thì những người như vậy đối với nghiệp ác nhỏ cũng bị quả báo lớn. Do vì sợ hãi nên thường nghĩ: “Ta thuộc về địa ngục, làm hạnh địa ngục”. Tuy nghe người trí nói về sự khổ của địa ngục nhưng thường nghĩ: “Như sắt đập sắt, đá trở lại đập đá, gỗ tự đánh gỗ, như vi trùng lửa thích lửa, thân địa ngục trở lại giống thân như địa ngục, nếu giống như thân địa ngục thì có những khổ gì?”. Ví như con lằn xanh bị dính nơi nước miếng chẳng thể bay được, người này cũng vậy, ở trong tội nhỏ cũng không thể thoát khỏi, tâm không hối cải không thể tu pháp thiện, che giấu tội lỗi, dầu có tất cả nghiệp thiện ở quá khứ nhưng cũng đều bị tội này cấu nhiễm. Người này đáng lẽ trong đời hiện tại có quả báo nhẹ nhưng lại chuyển thành quả báo rất nặng ở nơi địa ngục.

Này thiện nam! Như chậu nước nhỏ bỏ vào một đấu muối, nước ấy bị mặn khó có thể uống được, tội nghiệp của người này cũng như vậy.

Này thiện nam! Ví như có người mắc nợ người khác một tiền mà chẳng trả được nên thân bị trói buộc chịu nhiều sự khổ, tội nghiệp của người này cũng vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người này vì sao làm cho quả báo nhẹ trong đời hiện tại trở thành quả báo nơi địa. ngục?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh nếu đủ năm việc thì làm cho quả báo nhẹ ở hiện tại trở thành chịu quả báo nơi địa ngục. Những gì là năm việc? Một là ngu si, hai là căn lành kém ít, ba là nghiệp ác sâu nặng, bốn là không sám hối, năm là không tu nghiệp thiện. Lại có năm việc: Một là tạo nghiệp ác, hai là không có giới đức, ba là xa lìa các căn lành, bốn là không tu thân, giới, tâm, tuệ, năm là gần gũi bạn ác. Này thiện nam! Do những việc này, nên khiến cho quả báo nhẹ ở đời hiện tại trở thành quả báo nặng nơi địa ngục.

Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những người nào có thể chuyển quả báo địa ngục thành quả báo nhẹ trong đời hiện tại.

–Này thiện nam! Nếu có người tu tập thân, giới, tâm, tuệ như đã nói ở trước, có thể quán thấy các pháp đồng với hư không, chẳng thấy trí tuệ, chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si, chẳng thấy người ngu si, không thấy có tu tập và người tu tập thì đó gọi là người trí. Người như vậy có thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ. Người này có thể khiến cho quả báo địa ngục thành quả báo nhẹ trong đời hiện tại. Người này tuy gây tạo nghiệp ác rất nặng nhưng nhờ tư duy quán xét có thể làm thành nhẹ. Người này nghĩ: “Nghiệp của ta tuy nặng không bằng nghiệp thiện, ví như bông vải tuy nặng trăm cân chẳng thể sánh bằng một lượng vàng ròng, như đem một đấu muối bỏ xuống sông Hằng, nước vẫn không có vị mặn nên người uống không biết, như người giàu có lớn dù mắc nợ người ngàn vạn vật báu nhưng cũng không bị ràng buộc làm cho ông chịu khổ, như voi lớn có thể bứt dây xích sắt mà đi tự tại, người trí tuệ cũng như vậy, thường suy nghĩ rằng công đức lành của ta nhiều, nghiệp ác yếu kém, ta có thể phát lộ sám hối trừ hết tội nghiệp ác, có thể tu tập trí tuệ khiến cho thế lực trí tuệ nhiều, thế lực vô minh ít”. Người ấy nghĩ như vậy rồi, gần gũi bạn lành, tu tập chánh kiến, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói Mười hai bộ loại kinh văn, thấy có người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng Mười hai bộ loại kinh văn ấy thì sinh tâm cung kính và đem những y phục, thức ăn, phòng nhà, giường niệm, thuốc men, hương hoa mà cúng dường, tôn trọng, tán thán, đi đến chỗ nào cũng thường khen ngợi việc lành của vị ấy, chẳng bàn đến sự yếu kém, cúng dường Tam bảo, kính tin kinh Đại Niết-bàn Đại thừa, Như Lai thường hằng không có biến đổi, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Người như vậy có thể làm cho quả báo nặng ở địa ngục trở thành quả báo nhẹ ở hiện tại.

Này thiện nam! Do nghĩa này, nên biết chẳng phải tất cả nghiệp đều có quả báo cố định cũng chẳng phải tất cả chúng sinh đều thọ quả báo cố định.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXII

PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 6

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả nghiệp thọ quả báo không cố định mà tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, thì lẽ ra phải tu tập tám Thánh đạo nhưng vì nhân duyên gì mà tất cả chúng sinh đều chẳng được Đại Bát Niết Bàn này?

Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh có Phật tánh thì chắc chắn sẽ chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cần gì phải tu tập tám Thánh đạo?

Bạch Thế Tôn! Như trong kinh này nói, có người bị bệnh nếu được thầy thuốc, thuốc hay và người chăm sóc bệnh tùy theo bệnh mà cho ăn uống, hoặc chẳng được như vậy thì cũng đều trừ được bệnh. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu gặp Thanh văn, Phật-bích-chi, chư Phật, Bồ-tát cùng các thiện tri thức, hoặc nghe thuyết pháp tu tập Thánh đạo, hoặc không gặp, không nghe, không tu tập Thánh đạo cũng đều sẽ đạt được quả

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có Phật tánh.

Bạch Thế Tôn! Ví như không ai có thể ngăn mặt trời mặt trăng làm cho không đến được trên sườn núi Ngạch-đa, bốn dòng sông lớn không chảy đến biển cả và hàng Nhất-xiển-đề không đến địa ngục. Tất cả chúng sinh cũng như thế, không ai có thể ngăn cản làm cho không đạt đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có Phật tánh. Bạch Thế Tôn! Do ý nghĩa này nên tất cả chúng sinh không cần phải tu đạo, mà do năng lực của Phật tánh cho nên đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chứ không do năng lực tu tập Thánh đạo.

Bạch Thế Tôn! Nếu Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng tội, bị năm tội nghịch thì không đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lẽ ra cần phải tu tập, nhưng vì nhân Phật tánh nên chắc chắn sẽ đạt được, chẳng phải do tu tập sau đó mới đạt được.

Bạch Thế Tôn! Ví như đá nam châm tuy bỏ cách xa sắt nhưng do lực của nó nên sắt bị hút dính. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, vì thế nên không cần phải siêng năng tu tập Thánh đạo.

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Như bên bờ sông Hằng có bảy hạng người, hoặc vì tắm rửa, hoặc lo sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa nên vào trong sông. Người thứ nhất vào trong nước thì bị chìm. Vì sao? Vì yếu đuối không có sức lực và chẳng biết bơi. Người thứ hai tuy bị chìm nhưng lại nổi nên, nổi lên rồi lại chìm. Vì sao? Vì do sức mạnh nên có thể nổi lên, nhưng vì không biết bơi nên lại bị chìm xuống. Người thứ ba chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi chẳng bị chìm xuống nữa. Vì sao? Vì thân nặng cho nên chìm, do sức mạnh nên nổi lên, vì trước đây đã tập bơi nên nổi rồi liền đứng vững. Người thứ tư vào nước rồi liền chìm, chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi đứng vững, nhìn khắp bốn phía. Vì sao? Vì người này thân nặng nên chìm, vì có sức mạnh lại nổi lên, biết bơi nên được đứng vững, vì chẳng biết chỗ nổi lên nên nhìn bốn phía. Người thứ năm vào nước rồi liền chìm, chìm rồi liền nổi lên, nổi lên rồi liền đứng vững, đứng rồi nhìn phương hướng, nhìn xong bơi đi. Vì sao? Vì lo sợ. Người thứ sáu vào nước liền bơi đi đến chỗ cạn thì đứng lại. Vì sao? Vì để xem giặc gần hay xa. Người thứ bảy đã qua đến bờ bên kia, leo lên núi cao không còn lo sợ, thoát khỏi các oán tặc tâm rất vui sướng.

Này thiện nam! Sông lớn sinh tử cũng thế, có bảy hạng người vì sợ giặc phiền não phát tâm muốn lội qua sông lớn sinh tử nên xuất gia, cạo râu tóc, thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi lại gần gũi bạn ác, nghe theo lời của họ mà thọ tà pháp. Họ cho rằng thân chúng sinh tức là năm ấm, năm ấm tức là năm đại, chúng sinh nếu chết thì năm đại dứt hẳn, nếu dứt hẳn năm đại thì cần gì tu tập các nghiệp thiện ác. Vì thế biết không có thiện ác và quả báo thiện ác. Như vậy gọi là Nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề là dứt căn lành, vì dứt căn lành nên chìm trong sông sinh tử không ra được. Vì sao? Vì nghiệp ác nặng và không có đức tin, như người thứ nhất bên bờ sông Hằng. Này thiện nam! Hàng Nhất-xiển-đề có sáu nhân duyên bị chìm trong ba đường ác không thoát được. Những gì là sáu? Một là vì tâm ác nung nấu mãnh liệt, hai là vì chẳng thấy đời sau, ba là vì ưa huân tập phiền não, bốn là vì xa lìa căn lành, năm là vì nghiệp chướng ngăn trở, sáu là vì gần gũi ác tri thức. Lại có năm việc làm cho họ bị chìm trong ba đường ác. Những gì là năm việc? Một là làm việc phi pháp ở bên các Tỳ-kheo, hai là làm việc phi pháp ở bên các Tỳ-kheo-ni, ba là tự do dùng vật dụng của chúng tăng, bốn là cùng làm việc phi pháp bên mẹ, năm là đối với năm bộ Tăng làm cho phát sinh sự phải quấy với nhau. Lại có năm việc làm cho họ bị chìm trong ba đường ác. Những gì là năm việc? Một là thường nói không có quả báo thiện ác, hai là giết chúng sinh phát tâm Bồ-đề, ba là ưa nói lỗi lầm của pháp sư, bốn là pháp nói là phi pháp phi pháp nói là pháp, năm là vì tìm lỗi của pháp nên nghe, lãnh thọ. Lại có ba việc làm cho họ chìm đắm trong ba đường ác. Những gì là ba việc? Một là nói Như Lai vô thường hoàn toàn đoạn diệt, hai là nói chánh pháp vô thường dời đổi, ba là nói Tăng bảo có thể hoại diệt. Vì thế nên thường bị chìm đắm trong ba đường ác.

Người thứ hai phát tâm muốn lội qua sông lớn sinh tử, vì dứt căn lành nên bị chìm đắm không thể khỏi được. Ra khỏi là, gần gũi bạn lành thì có được lòng tin, tức là tin bố thí và quả bố thí, tin việc lành và quả của việc lành, tin điều ác và quả của điều ác, tin sinh tử là khổ, vô thường hoại diệt. Đó gọi là tin. Vì có lòng tin nên tu tịnh giới, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói, thường thích bố thí, khéo tu trí tuệ, nhưng vì căn tánh chậm lụt, lại gặp bạn ác nên không thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ, chỉ nghe và lãnh thọ tà pháp, hoặc gặp thời kỳ ác ở nơi cõi nước ác nên dứt mất các căn lành. Vì dứt căn lành nên thường chìm đắm trong sinh tử như người thứ hai bên bờ sông Hằng.

Người thứ ba phát tâm muốn lội qua sông lớn sinh tử, vì dứt mất căn lành nên bị chìm đắm trong sông. Người này vì gần gũi bạn lành nên gọi là nổi lên, tin Như Lai là bậc Nhất thiết trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sinh nên diễn nói đạo vô thượng, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai chẳng hoại diệt, hàng Nhất-xiển-đề nếu chẳng dứt pháp ác của mình thì chắc chắn không có thể đắc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phải xa lìa chúng sau đó mới đạt được. Do tín tâm nên tu tập tịnh giới, tu tịnh giới rồi thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói Mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh mà diễn nói rộng rãi, ưa bố thí, tu tập trí tuệ, do căn tín lanh lợi nên trụ vững nơi tín tuệ, tâm không thoái chuyển, như người thứ ba bên bờ sông Hằng.

Người thứ tư phát tâm muốn lội qua sông lớn sinh tử, vì dứt căn lành nên chìm đắm trong đó, do gần gũi bạn lành có được lòng tin nên gọi là nổi lên; vì lòng tin nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói Mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh nên diễn nói rộng rãi, ưa thích bố thí, tu tập trí tuệ, vì căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín tuệ, tâm không thoái chuyển quan sát bốn phương là nói bốn quả Sa-môn, như người thứ tư bên bờ sông Hằng.

Người thứ năm phát tâm muốn lội qua sông lớn sinh tử, nhưng vì dứt căn lành nên bị chìm đắm trong đó, vì gần gũi bạn lành nên có được lòng tin, đây gọi là nổi lên, do lòng tin nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh nên diễn nói rộng rãi, ưa bố thí, tu tập trí tuệ, tâm không thoái chuyển rồi liền thẳng đến trước, thẳng đến trước là nói quả

Phật-bích-chi, tuy có thể tự lội qua chẳng đem theo chúng sinh, đây gọi là đi, như người thứ năm bên bờ sông Hằng.

Người thứ sáu phát tâm muốn lội qua sông lớn sinh tử, vì dứt căn lành nên chìm đắm trong đó, nhưng nhờ gần gũi bạn lành nên có được lòng tin, vì có được lòng tin nên gọi là nổi lên. Do lòng tin nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói Mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh nên diễn nói rộng rãi, ưa bố thí, tu tập trí tuệ, vì căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín tuệ, tâm không thoái chuyển, không thoái chuyển rồi liền tiến thẳng tới trước đến chỗ cạn, đến chỗ cạn rồi đứng lại chẳng đi nữa. Đứng lại chẳng đi là nói Bồ-tát vì muốn độ thoát các chúng sinh nên đứng lại quan sát phiền não, như người thứ sáu bên bờ sông Hằng.

Người thứ bảy phát tâm muốn lội qua sông lớn sinh tử, vì dứt căn lành nên bị chìm đắm trong đó, nhưng nhờ gần gũi bạn lành nên có được lòng tin, có được lòng tin gọi là nổi lên. Do lòng tin nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói Mười hai bộ loại kinh văn, vì chúng sinh nên diễn nói rộng rãi, ưa bố thí, tu tập trí tuệ, vì căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín tuệ, tâm không thoái chuyển, không thoái chuyển rồi liền tiến thẳng tới trước, đã thẳng đến trước rồi được đến bờ bên kia, leo lên núi cao, lìa khỏi sự sợ hãi, hưởng nhiều sự an vui.

Này thiện nam! Núi ở bờ bên kia là dụ cho Như Lai, hưởng sự an vui là dụ cho Phật thường trụ, núi cao là dụ cho Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Những người ở bên sông Hằng kia đều có đủ tay chân mà không thể lội qua được. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, thật có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Như Lai thường nói nghĩa cốt yếu của các pháp có tám Thánh đạo và Đại Bát Niết Bàn mà các chúng sinh đều chẳng thể đạt đến. Đây chẳng phải lỗi của Như Lai, cũng chẳng phải lỗi của Thánh đạo, lỗi của các chúng sinh, mà nên biết đây đều là lỗi ác phiền não. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh đều chẳng được Niết-bàn.

Này thiện nam! Ví như lương y biết bệnh nói phương thuốc, người bệnh chẳng chịu uống thì chẳng phải lỗi của lương y.

Này thiện nam! Ví như có thí chủ đem của cải của mình bố thí cho mọi người, có người chẳng nhận thì chẳng phải lỗi của thí chủ.

Này thiện nam! Ví như mặt trời mọc, ánh sáng đều chiếu đến các chỗ tối tăm, người mù lòa chẳng thấy được con đường thì chẳng phải là lỗi của mặt trời.

Này thiện nam! Ví như nước sông Hằng có thể giải trừ cơn khát, người khát nước chẳng chịu uống thì chẳng phải là lỗi của nước.

Này thiện nam! Như đất đai sinh ra quả hạt bình đẳng không phân biệt, nhưng nông dân chẳng gieo trồng thì chẳng phải lỗi của đất.

Này thiện nam! Như Lai vì khắp tất cả chúng sinh mà rộng mở bày phân biệt Mười hai bộ loại kinh văn, chúng sinh chẳng chịu thọ trì thì chẳng phải là lỗi của Như Lai

Này thiện nam! Nếu người tu tập đạo thì đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Ông nói chúng sinh đều có Phật tánh nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như đá nam châm. Hay thay! Hay thay! Vì có sức nhân duyên Phật tánh nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu nói không cần tu Thánh đạo thì nghĩa này không đúng. Này thiện nam! Ví như người đi trên đồng hoang vắng khát nước gặp được giếng. Giếng đó rất sâu, tuy không thấy nước nhưng chắc chắn có. Người ấy tìm cách múc nước, dùng dây buộc vào lọ mà múc thì thấy có nước. Phật tánh cũng vậy, tuy tất cả chúng sinh đều có nhưng cần phải tu tập Thánh đạo vô lậu rồi sau mới thấy được.

Này thiện nam! Như có hạt mè thì mới thấy được dầu, lìa các phương tiện thì chẳng thấy được, cây mía cũng như vậy.

Này thiện nam! Như cõi trời Tam Thập Tam và châu Bắc-câu-lô tuy là có pháp, nhưng nếu không có nghiệp thiện, thần thông, đạo lực thì chẳng thể thấy được. Như rễ cỏ trong đất và nước dưới đất, vì đất che nên chúng sinh chẳng thấy. Phật tánh cũng như vậy, vì chẳng tu Thánh đạo nên không thấy được.

Này thiện nam! Như lời ông nói, ở đời có người bệnh nếu gặp được lương y, thuốc hay, người chăm sóc, tùy theo bệnh mà cho ăn uống và nếu chẳng gặp thì đều được lành bệnh.

Này thiện nam! Ta vì các Bồ-tát lục trụ nên nói nghĩa này. Này thiện nam! Ví như hư không đối với chúng sinh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, vì chẳng phải trong ngoài nên cũng không trở ngại. Phất tánh của chúng sinh cũng như thế.

Này thiện nam! Như có người để của cải ở phương khác, tuy không hiện có nhưng người này vẫn tùy ý thọ dùng, có người hỏi đến tiền của thì nói tôi hứa cho. Vì sao? Vì chắc chắn có. Phật tánh của chúng sinh cũng lại như vậy, chẳng phải đây chẳng phải kia, vì chắc chắn đạt được nên nói tất cả chúng sinh đều có.

Này thiện nam! Ví như chúng sinh tạo ra các nghiệp, hoặc thiện, hoặc ác, chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Tánh nghiệp như vậy chẳng phải có chẳng phải không, cũng chẳng phải xưa không mà nay có, chẳng phải không nhân mà sinh ra, chẳng phải đây làm rồi đây thọ hay đây làm mà kia thọ, kia làm mà kia thọ hay không làm không thọ, lúc thời tiết hòa hợp thì có quả báo. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, chẳng phải là xưa không mà nay có, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải đây chẳng phải kia, chẳng phải chỗ khác đến, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh chẳng thấy. Có các Bồ-tát lúc thời tiết nhân duyên hòa hợp mới thấy được. Thời tiết đây là nói Đại Bồ-tát Thập trụ tu tám Thánh đạo, đối với chúng sinh được tâm bình đẳng. Bấy giờ thấy được Phật tánh chẳng gọi là tạo tác.

Này thiện nam! Ông nói như đá nam châm thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì đá chẳng hút sắt. Vì sao? Vì không có nghiệp của tâm.

Này thiện nam! Do pháp khác có nên pháp khác sinh ra, do pháp không có nên pháp hoại diệt, không có người làm cũng không có người hủy hoại.

Này thiện nam! Như ngọn lửa mạnh chẳng thể đốt cháy được củi, lửa phát ra củi hư hoại gọi là đốt củi.

Này thiện nam! Ví như bông quỳ xoay theo mặt trời nhưng bông quỳ này cũng không có tâm cung kính, không có thức cũng không có nghiệp, vì tánh chất riêng của nó nên tự xoay chuyển.

Này thiện nam! Như cây chuối nhân tiếng sấm mà được tăng trưởng, cây này không có lỗ tai, không có tâm ý thức, nhưng vì pháp này có nên pháp kia tăng trưởng, vì pháp này không nên pháp kia hoại diệt.

Này thiện nam! Như cây A-thúc-ca, người nữ chạm đụng đến thì nở hoa, cây này không có tâm cũng không có tưởng xúc, vì pháp này có nên pháp kia sinh ra, vì pháp này không nên pháp kia hoại diệt.

Này thiện nam! Như cây quít bón tử thi thì trái thêm nhiều, mà cây quít này không có tâm thức cũng không có giác xúc, vì có pháp kia nên pháp này thêm nhiều, vì không có pháp kia nên pháp này hoại diệt.

Này thiện nam! Như cây An-thạnh-lưu vì bón gạch, xương, phân nên trái mới sum suê. Cây An-thạch-lưu này không có tâm thức cũng không có giác xúc, vì pháp này có nên pháp kia sinh ra, vì pháp này không nên pháp kia hoại diệt.

Này thiện nam! Đá nam châm hút sắt cũng vậy, do pháp này có nên pháp kia sinh, do pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, chẳng thể hút được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Vô minh chẳng thể hút lấy các hành, hành cũng chẳng thể hút lấy thức, nhưng cũng được gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức, có Phật hay không có pháp Phật giới vẫn thường trụ.

Này thiện nam! Nếu nói Phật tánh trụ trong chúng sinh thì Này thiện nam! Nên biết pháp thường vô trụ, nếu có chỗ trụ tức là vô thường. Này thiện nam! Như mười hai nhân duyên hoàn toàn không có chỗ trụ, nếu có chỗ trụ thì mười hai nhân duyên chẳng gọi là thường. Pháp thân Như Lai cũng không chỗ trụ. Pháp giới, pháp nhập, pháp ấm, hư không đều không chỗ trụ. Phật tánh cũng vậy đều không chỗ trụ.

Này thiện nam! Ví như lực của bốn đại tuy quân bình có cứng, có nóng, có ướt, có động, có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen, nhưng bốn đại này cũng không có nghiệp, vì pháp giới khác nhau nên đều chẳng giống nhau. Phật tánh cũng như vậy, vì pháp giới khác nhau nên thời đến thì hiện.

Này thiện nam! Vì tất cả chúng sinh chẳng thoái mất Phật tánh nên gọi là có, vì bất thoái chuyển, vì sẽ có, vì chắc chắn đạt được, vì chắc chắn sẽ thấy nên gọi là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Ví như quốc vương bảo một đại thần: “Ngươi hãy dắt một con voi đến chỉ cho người mù”. Bấy giờ đại thần nhận lệnh của vua liền tập hợp những người mù đem con voi chỉ cho họ. Lúc ấy những người mù đều lấy tay sờ voi. Đại thần liền trở về tâu với quốc vương: “Thần đã chỉ cho họ xem rồi”. Vua liền gọi những người mù đến hỏi: “Các ngươi thấy voi chăng?”. Những người mù đều tâu: “Chúng thần được thấy”. Vua hỏi: “Con voi hình dạng như thế nào?”. Người sờ ngà voi thưa: “Voi hình như củ cải”; người sờ tai thưa: “Voi như cái sàng”; người sờ đầu thưa: “Voi như khối đá”; người sờ vòi thưa: “Voi giống như cái chày”; người sờ chân thưa: “Voi giống như cái cối gỗ”; người sờ lưng thưa: “Voi giống như cái giường”; người sờ bụng thưa: “Voi giống như cái lu”; người sờ đuôi thưa: “Voi giống như sợi dây”.

Này thiện nam! Những người mù ấy chẳng nói đúng thân hình của voi nhưng cũng chẳng phải là không. Các tướng ấy đều chẳng phải hình voi, nhưng lìa những tướng này ra thì lại không có voi riêng biệt.

Này thiện nam! Vua là dụ cho Như Lai Chánh Biến Tri, đại thần là dụ cho kinh Phương Đẳng Đại Niết Bàn, voi là dụ cho Phật tánh, những người mù là dụ cho tất cả các chúng sinh vô minh. Những chúng sinh này nghe Phật dạy, hoặc nói thế này: Sắc là Phật tánh. Vì sao? Vì sắc này tuy diệt nhưng tuần tự nối tiếp, cho nên đạt được ba mươi hai tướng tốt của Như Lai vô thượng. Vì sắc của Như Lai thường hằng chẳng đoạn dứt, cho nên nói sắc là Phật tánh. Ví như vàng thật, tuy chất vàng thay đổi nhưng màu sắc vẫn thường chẳng khác, hoặc có lúc làm vòng, làm côn, làm mâm, nhưng sắc vàng ban đầu vẫn không đổi khác. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Lại như chất ấy tuy vô thường mà sắc là thường. Vì thế nên nói sắc là Phật tánh. Hoặc có người nói: Thọ là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân thọ nên đạt được cái vui chân thật của Như Lai. Thọ của Như Lai gọi là thọ rốt ráo, là thọ đệ nhất nghĩa. Tánh thọ của chúng sinh tuy vô thường nhưng lại tuần tự nối tiếp chẳng gián đoạn, cho nên đạt được thọ chân thường của Như Lai. Ví như có người họ Kiều-thi-ca, tuy người vô thường nhưng họ là thường, trải qua ngàn vạn đời cũng không đổi khác. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, do vậy nên nói thọ là Phật tánh.

Lại có người nói tưởng chính là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên tưởng nên đạt được tưởng chân thật của Như Lai. Tưởng Như Lai gọi là vô tưởng. Tưởng vô tưởng thì chẳng phải tưởng về chúng sinh, chẳng phải tưởng về nam nữ, cũng chẳng phải tưởng về sắc thọ tưởng hành thức, chẳng phải tưởng tướng đoạn. Tưởng của chúng sinh tuy vô thường nhưng do tưởng theo thứ lớp tiếp nối nhau chẳng dứt nên đạt được tưởng thường hằng của Như Lai. Này thiện nam! Ví như mười hai nhân duyên của chúng sinh, chúng sinh tuy diệt nhưng nhân duyên thì thường. Phật tánh của chúng sinh cũng lại như vậy, cho nên nói tưởng là Phật tánh.

Lại có người nói hành là Phật tánh. Vì sao? Vì hành gọi là thọ mạng, mà do nhân duyên thọ mạng nên đạt được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sinh tuy vô thường, nhưng thọ mạng theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt nên được thọ mạng thường hằng chân thật của Như Lai. Này thiện nam! Ví như Mười hai bộ loại kinh văn, người nghe, người nói kinh tuy vô thường nhưng kinh đó thường tồn bất biến. Phật tánh của chúng sinh cũng lại như vậy, cho nên nói hành là Phật tánh.

Lại có người nói thức là Phật tánh. Do nhân duyên thức nên đạt được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sinh tuy vô thường nhưng thức theo thứ lớp nối tiếp nhau nên đạt được tâm thường hằng chân thật của Như Lai. Như tánh nóng của lửa, lửa tuy vô thường nhưng tánh nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh của chúng sinh cũng lại như vậy, cho nên nói thức là Phật tánh.

Lại có người nói xa lìa ấm có ngã, ngã là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên ngã nên đạt được tám ngã tự tại của Như Lai.

Có các ngoại đạo cho rằng: đi, đến, thấy, nghe, buồn, vui, nói năng là ngã. Tuy tướng ngã ấy vô thường nhưng ngã chân thật của Như Lai là thường.

Như ấm, nhập, giới tuy vô thường nhưng vẫn gọi là thường. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy.

Này thiện nam! Như những người kia mỗi người đền nói hình tướng của voi, tuy chẳng đúng nhưng đều nói tướng của voi, người nói Phật tánh cũng như thế, chẳng phải là sáu pháp nhưng cũng chẳng lìa sáu pháp.

Này thiện nam! Vì thế nên Ta nói Phật tánh của chúng sinh chẳng phải là sắc nhưng chẳng lìa sắc, cho đến chẳng phải ngã nhưng chẳng lìa ngã. Này thiện nam! Có các ngoại đạo tuy nói có ngã nhưng thật ra không có ngã. Ngã của chúng sinh tức là năm ấm, lìa ngoài năm ấm ấy thì không có ngã riêng biệt.

Này thiện nam! Ví như cọng lá, tua, đài hợp lại thành tàng hoa sen, tách rời những thứ này thì không có hoa sen riêng biệt. Ngã của chúng sinh cũng như thế.

Này thiện nam! Ví như tường vách tranh gỗ hòa hợp lại mới gọi là nhà, tách rời những thứ ấy ra thì không có nhà riêng biệt. Như cây Khư-đà-la, cây Ba-la-xa, cây Ni-câu-đà, cây Uất-đàn-bát hợp lại thành rừng, tách rời những cây này thì không có rừng riêng biệt. Ví như binh xe, binh voi, binh ngựa, binh bộ hợp lại thành quân đội, tách rời những thứ này thì không có quân đội riêng biệt. Ví như những sợi chỉ năm màu hợp lại dệt thành vải ngũ sắc, tách rời những thứ này ra thì không có vải ngũ sắc riêng biệt. Như bốn họ hợp lại mới gọi là đại chúng, tách rời những họ này thì không có đại chúng riêng biệt. Ngã của chúng sinh cũng như thế, tách rời năm ấm thì không có ngã riêng biệt.

Này thiện nam! Như Lai thường trụ thì gọi là ngã. Pháp thân của Như Lai vô biên, vô ngại, chẳng sinh, chẳng diệt, đạt được tám thứ tự tại thì gọi là ngã. Chúng sinh quả thật không có ngã và ngã sở như vậy, chỉ chắc chắn đạt được "không" đệ nhất nghĩa rốt ráo nên gọi là Phật tánh.

Này thiện nam! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì đại từ đại bi thường theo Bồ-tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được đại từ đại b, cho nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, Phật tánh gọi là Như Lai. Đại hỷ đại xả là Phật tánh. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát chẳng thể xả bỏ được hai mươi năm cõi thì không thể đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì các chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được, cho nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại hỷ đại xả tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh gọi là đại tín tâm. Vì sao? Vì do tín tâm nên Đại Bồ-tát có thể đầy đủ Bố thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la- mật. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được đại tín tâm cho nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại tín tâm tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh gọi là địa Nhất tử. Vì sao? Vì do nhân duyên địa Nhất tử nên Bồ-tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được địa Nhất tử vì vậy nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Địa Nhất tử tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là trí lực thứ tư. Vì sao? Vì do nhân duyên trí lực thứ tư nên Bồ-tát có thể giáo hóa chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được trí lực thứ tư nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Trí lực thứ tư tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là mười hai nhân duyên. Vì sao? Vì do nhân duyên nên Như Lai được thường trụ. Tất cả chúng sinh chắc chắn có mười hai nhân duyên như vậy nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Mười hai nhân duyên tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh gọi là bốn trí vô ngại. Vì do nhân duyên bốn trí vô ngại nên nói chữ nghĩa vô ngại. Vì chữ nghĩa vô ngại nên có thể giáo hóa chúng sinh.

Bốn vô ngại tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là đảnh Tam-muội. Vì do tu đảnh Tam-muội này nên có thể thâu tóm tất cả pháp Phật cho nên nói đảnh Tam-muội là Phật tánh. Bồ-tát Thập trụ tu tập Tam-muội này chưa được đầy đủ, nên tuy thấy Phật tánh nhưng chẳng rõ ràng. Vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Như đủ các loại pháp đã nói ở trên, vì tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ đạt được cho nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Nếu Ta nói sắc là Phật tánh thì tất cả chúng sinh nghe xong đều tà kiến điên đảo, do tà kiến điên đảo nên khi chết đọa vào địa ngục A-tỳ. Đức Như Lai thuyết pháp để dứt địa ngục cho nên chẳng nói sắc là Phật tánh, cho đến nói thức cũng như vậy.

Này thiện nam! Nếu các chúng sinh hiểu rõ Phật tánh thì chẳng cần tu tập Thánh đạo. Bồ-tát Thập trụ tu tám Thánh đạo còn thấy Phật tánh lờ mờ huống gì là người chẳng tu mà thấy được chăng?

Này thiện nam! Các Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi v.v... trải qua vô lượng đời tu tập Thánh đạo nên biết rõ Phật tánh. Hàng Thanh văn cùng Phật-bích-chi làm sao có thể biết được Phật tánh. Nếu chúng sinh muốn được biết rõ Phật tánh thì phải nên nhất tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán kinh

Niết-bàn này. Nếu thấy người nào thọ trì cho đến tán thán kinh điển như vậy thì phải nên đem những thứ tốt đẹp như: nhà cửa, y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc thang cho người bệnh mà cung cấp cho họ, lại cùng tán thán, lễ bái, thăm hỏi.

Này thiện nam! Nếu người nào đã ở trong quá khứ vô thượng vô biên đời gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật, trồng sâu căn lành, về sau mới được nghe tên kinh này. Này thiện nam! Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nhưng chẳng có thể biết được, cũng chẳng thể nghĩ bàn. Pháp thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn, tất cả chúng sinh có thể tin kinh Đại Niết-bàn như vậy cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy tất cả chúng sinh đều có thể tin kinh Đại Niết-bàn như vậy là chẳng thể nghĩ bàn thì bạch Thế Tôn! Trong đại chúng này có tám vạn năm ngàn ức người không có lòng tin đối với kinh này, do vậy nên người nào có thể tin kinh này thì gọi người đó chẳng nghĩ bàn.

–Này thiện nam! Những người như vậy trong đời vị lai cũng sẽ chắc chắn tin được kinh điển này, được thấy Phật tánh và đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát bất thoái tự biết chắc chắn có tâm bất thoái?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát nên dùng khổ hạnh để thí nghiệm tâm mình: một ngày ăn một hạt mè, trong bảy ngày; gạo tẻ, đậu xanh, hạt cải, cháo nhừ, và dùng dậu trắng cũng như vậy, mỗi thứ bảy ngày.

Lúc ăn một hạt mè Bồ-tát suy nghĩ như vầy: "Khổ hạnh như vậy đều không có lợi ích, việc không có lợi ích còn có thể làm được, huống gì là việc có lợi ích mà lại không làm. Đối với việc không có lợi ích tâm có thể chịu đựng được chẳng thoái chẳng chuyển, cho nên chắc chắn sẽ đạt được quả Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác". Chắc sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong những ngày tu tập khổ hạnh như vậy, tất cả da thịt khô dần dần như cắt trái bầu tươi phơi giữa trưa. Mắt của Bồ-tát thụt sâu vào như sao đáy giếng, thịt hết gân lòi như nhà tranh hư mục, xương sống lộ lên như dây thừng, chỗ của Bồ-tát ngồi như dấu móng chân ngựa, muốn ngồi thì quy xuống, muốn đứng thì ngã nghiêng. Tuy chịu sự khổ không lợi ích như vậy nhưng tâm Bồ-đề chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát vì muốn phá các khổ, ban sự an lạc cho chúng sinh, cho đến có thể xả bỏ của cải trong ngoài và thân mạng mình như bỏ cỏ khô. Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng này như vậy thì Bồ-tát tự biết chắc chắn sẽ có được tâm bất thoái, chắc chắn là mình sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Bồ- tát vì nhân duyên pháp mà khoét thân làm đèn, quấn bông vào da thịt, đổ dầu vào đốt lên làm tim. Lúc Bồ-tát chịu sự khổ lớn như vậy, tự nhủ tâm mình: "Sự khổ này đối với sự khổ ở địa ngục không bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần. Ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp, ngươi chịu sự khổ não lớn đều không có chút lợi ích, nếu người chẳng thể chịu sự khổ này thí làm sao có thể ở trong địa ngục cứu khổ cho chúng sinh". Lúc Đại Bồ-tát suy nghĩ như vậy thì thân chẳng cảm thấy khổ, tâm chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển. Bấy giờ Bồ-tát nên biết chắc là mình sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy Bồ-tát còn đầy đủ phiền não chưa thể đoạn dứt được, nhưng vì nhân duyên pháp nên có thể đem đầu, mắt, tủy, não, tay chân, máu thịt bố thí cho chúng sinh, lấy đinh đóng trên thân, nhảy xuống vực sâu, nhảy vào trong lửa. Bồ-tát tuy chịu vô lượng các khổ như vậy, nhưng nếu tâm chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển thì bấy giờ Bồ-tát này tự biết mình chắc chắn có tâm bất thoái, sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát vì phá trừ khổ cho tất cả chúng sinh nên nguyện làm thân súc sinh to lớn, đem thân, máu, thịt bố thí cho chúng sinh. Lúc chúng sinh đến nhận lấy, Bồ-tát lại sinh tâm thương xót. Lúc đó Bồ-tát nín hơi chẳng thở làm như tướng chết, để cho những người đến lấy thịt chẳng có tưởng nghi ngờ mình giết hại. Dầu Bồ-tát thọ thân súc sinh nhưng hoàn toàn chẳng tạo nghiệp súc sinh. Vì sao? Này thiện nam! Vì Bồ-tát đã được tâm bất thoái, hoàn toàn chẳng tạo nghiệp trong ba đường ác. Nếu đời vị lai, Bồ-tát có những quả báo của nghiệp ác nhiều như vi trần không nhất định thọ nhưng do sức đại nguyện vì chúng sinh nên đều thọ hết. Ví như người bệnh bị quỷ dựa ẩn ở trong thân, do oai lực của chú thuật nên liền hiện tướng: hoặc nói, hoặc cười, hoặc giận, hoặc chửi, hoặc khóc, hoặc khóc to. Trong đời vị lai, Đại Bồ-tát chịu lấy nghiệp trong ba đường ác cũng vậy. Lúc Bồ-tát thọ lấy thân gấu, thường vì chúng sinh mà diễn nói chánh pháp, hoặc lúc thọ thân chim ca-tân-xà-la, vì chúng sinh mà diễn nói chánh pháp, hoặc thọ thân cú vọ, thân nai, thân thỏ, thân voi, thân dê núi, thân khỉ vượn, thân bồ câu trắng, thân sí điểu, thân rồng, thân rắn. Lúc thọ những thân súc sinh như vậy nhưng hoàn toàn chẳng gây tạo nghiệp ác súc sinh, thường vì những chúng sinh súc sinh khác mà diễn nói chánh pháp, làm cho những súc sinh ấy nhờ nghe pháp nên mau thoát được thân súc sinh. Bấy giờ Bồ-tát tuy thọ thân súc sinh nhưng chẳng tạo nghiệp ác, nên biết chắc chắn có tâm bất thoái. Đại Bồ-tát ở đời đói khát thấy chúng sinh đói khát nên nguyện làm thân rùa, thân cá dài vô lượng do-tuần, lại nguyện như vầy: Nguyện các chúng sinh lúc lấy thịt của tôi, ăn thịt của tôi được xa lìa khổ đói khát, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát phát nguyện: Người nào do ăn thịt tôi mà xa lìa sự đói khát thì đời vị lai mau được xa lìa tai hoạn đói khát trong hai mươi năm cõi. Đại Bồ-tát chịu sự khổ như vậy mà tâm chẳng thoái chuyển thì nên biết chắc chắn sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Bồ-tát ở trong đời bệnh dịch thấy người bệnh khổ liền suy nghĩ như thế này: Như cây thuốc hay, nếu có người bệnh nào lấy rễ, lấy cọng, lấy cành, lấy lá, lấy hoa, lấy quả, lấy vỏ, lấy vỏ ngoài thì đều trị được lành bệnh, tôi nguyện thân này cũng như vậy, nếu người bệnh nào nghe tiếng, chạm đến thân, ăn thịt, uống máu cho đến nhai xương tủy thì đều lành bệnh, nguyện các chúng sinh lúc ăn thịt tôi như ăn thịt con chẳng sinh tâm ác. Tôi trị cho họ được lành bệnh rồi sẽ thường vì họ mà thuyết pháp. Nguyện họ nghe pháp kính tin, lãnh thọ, suy ngẫm rồi đem dạy lại cho người khác.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ phiền não, tuy thân chịu khổ nhưng tâm chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển, biết chắc chắn sẽ được tâm bất thoái và đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này thiện nam! Chúng sinh nào bị quỷ làm bệnh, Bồ-tát thấy xong liền nguyện như vầy: Nguyện làm thân quỷ to lớn, thân mạnh mẽ, thân nhiều quyến thuộc khiến người bệnh kia thấy liền được lành bệnh. Đại Bồ-tát vì chúng sinh nên siêng tu khổ hạnh, tuy có khổ não nhưng tâm chẳng nhiễm ô.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát khi tu hành sáu Ba-la-mật vô thượng nguyện: Nay tôi đem sáu Ba-la-mật này bố thí cho tất cả chúng sinh, chúng sinh nào nhận lấy sự bố thí của tôi rồi đều được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tôi cũng vì sáu Ba-la-mật mà siêng tu khổ hạnh chịu các sự khổ não. Lúc đang chịu khổ tôi nguyện chẳng thoái tâm Bồ-đề. Này thiện nam! Lúc Đại Bồ-tát phát nguyện như vậy thì gọi là tướng chẳng thoái tâm Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát biết rõ sinh tử có nhiều tội lỗi, thấy Đại Niết-bàn có công đức lớn, vì các chúng sinh nên ở trong sinh tử chịu đủ thứ khổ nhưng tâm không thoái chuyển, do đó nên gọi Bồ-tát chẳng nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát không có nhân duyên nhưng vẫn sinh tâm thương xót, thật chẳng thọ ơn mà thường thi ơn, tuy thi ơn nhưng chẳng cầu báo đáp, vì vậy nên gọi là chẳng nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có chúng sinh vì lợi ích cho mình nên tu các khổ hạnh. Đại Bồ-tát vì lợi ích của người khác mà tu hành khổ hạnh, đó gọi là tự lợi, do vậy nên Bồ-tát lại gọi là chẳng nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ phiền não vì phá oán thân nên chịu các khổ để tu tâm bình đẳng, vì vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thấy chúng sinh ác bất thiện hoặc quở trách hoặc nói lời dịu ngọt, hoặc đuổi đi hoặc xả bỏ họ. Đối với người có tánh ác thì hiện nói dịu dàng, đối với người kiêu mạn thì hiện làm đại kiêu mạn nhưng trong tâm của Bồ-tát thật không kiêu mạn. Đó gọi là phương tiện của Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ phiền não, lúc của cải ít mà người cầu xin nhiều nhưng Bồ-tát chẳng nhỏ hẹp. Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, lúc Phật ra đời, Bồ-tát biết công đức của Phật, nhưng vì chúng sinh nên Bồ-tát thọ thân nơi biên địa chỗ không có Phật, như đui, như điếc, như què, như thọt. Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát biết rõ chúng sinh có những tội lỗi, nhưng vì muốn độ thoát nên Bồ-tát thường đi chung với họ, tuy thuận theo ý họ nhưng vẫn không nhiễm lấy tội lỗi. Do đó nên gọi Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thấy rõ ràng không có tướng chúng sinh, không có phiền não nhiễm ô, không người tu tập Thánh đạo xa lìa phiền não, tuy là Bồ-đề nhưng không có hạnh Bồ-đề, cũng không có người thành tựu hạnh Bồ-đề, không có người chịu khổ và người diệt khổ, nhưng cũng có thể vì chúng sinh diệt sự khổ, thực hành hạnh Bồ-đề. Cho nên lại gọi chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thọ thân cuối cùng ở cung trời Đâu-suất, đó cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì cõi trời Đâu-suất-đà là trên hết trong cõi Dục, người ở cõi trời dưới thì tâm họ buông lung, người ở cõi trời trên thì các căn tối tăm, do vậy nên gọi là hơn. Tu thí, tu giới thì được thân cõi trời trên và cõi dưới. Tu thí, tu giới và tu định thì được thân trời Đâu-suất. Tất cả Bồ-tát đều chê bai các cõi, hủy phá các cõi, không bao giờ tạo nghiệp trời Đâu-suất để thọ thân nơi cõi trời đó. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát ở nơi các cõi khác thì cũng đều có thể giáo hóa thành tựu chúng sinh. Bồ-tát thật không có tâm dục nhưng lại sinh vào cõi Dục. Do đó nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát sinh ở cõi trời Đâu-suất có ba việc hơn: một là mạng, hai là sắc, ba là danh. Đại Bồ- tát thật chẳng cần mạng, sắc và danh, tuy không có tâm mong cầu nhưng vẫn được chỗ tốt đẹp. Đại Bồ-tát rất ưa thích Niết-bàn nhưng có nhân duyên còn hơn nữa. Do đó lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ- tát tuy có ba việc hơn chư Thiên như vậy, nhưng chư Thiên đối với Bồ- tát hoàn toàn chẳng sinh tâm giận, tâm ganh ghét, tâm kiêu mạn, mà thường sinh tâm hoan hỷ. Bồ-tát đối với chư Thiên cũng chẳng kiêu mạn, do vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Bồ-tát chẳng tạo nghiệp thọ mạng mà ở nơi cõi trời Đâu-suất kia được thọ mạng rốt ráo, đó gọi là hơn về thọ. Bồ-tát cũng không tạo nghiệp sắc mà sắc thân của Bồ- tát đẹp đẽ, ánh sáng chiếu khắp. Đó gọi là hơn về sắc. Đại Bồ-tát ở nơi cõi trời ấy chẳng ưa thích năm dục, chỉ làm pháp sự, do vậy nên tiếng khen vang khắp cả mười phương. Đó gọi là hơn về danh. Do đó nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất giáng sinh, lúc ấy cả mặt đất chấn động sáu cách. Do đó nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì lúc Bồ-tát giáng sinh, chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc đều đến hầu hạ đưa tiễn, phát ra âm thanh lớn tán thán Bồ-tát, do hơi gió nơi miệng chư Thiên nên làm mặt đất chấn động. Loài người, voi chúa trong loài người gọi là Long vương. Lúc Long vương mới nhập thai, có các Long vương ở dưới mặt đất này hoặc sợ hoặc vui nên mặt đất chấn động sáu cách. Do vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát biết lúc nhập thai, lúc trụ thai, lúc ra khỏi thai, biết cha, biết mẹ, chẳng tịnh chẳng nhiễm ô như bảo châu màu xanh trên búi tóc của Đế thích. Do đó nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn cũng như vậy, chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Ví như biển cả có tám điều chẳng thể nghĩ bàn. Những gì là tám? Một là lần lần càng sâu, hai là sâu khó đến đáy, ba là đồng một vị mặn, bốn là thủy triều chẳng quá hạn, năm là đủ loại kho báu, sáu là những chúng sinh to lớn ở trong đó, bảy là chẳng chứa tử thi, tám là tất cả vạn dòng đổ về cùng mưa lớn xối xuống mà biển chẳng thêm chẳng bớt. Này thiện nam! Biển lần lần càng sâu do ba điều. Những gì là ba? Một là phước lực của chúng sinh, hai là thuận gió mà chảy, ba là vì nước trong sông đổ vào. Cho đến chẳng thêm chẳng bớt cũng có ba điều. Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, có tám điều chẳng thể nghĩ bàn. Một là lần lần thêm sâu, đó là từ giới Ưu-bà-tắc, giới Sa-di, giới Tỳ-kheo, giới Bồ-tát, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Phật-bích-chi, quả Bồ- tát, cho đến quả

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kinh Đại Niết-bàn này nói những pháp như vậy, gọi là lần lần thêm sâu. Hai là sâu khó đến đáy: Như Lai Thế Tôn chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn, chẳng thọ, chẳng thực hành bố thí, do vậy nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Phật tánh chẳng phải sắc cũng chẳng lìa sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức, chẳng lìa v.v… cho đến thức, là thường trụ, có thể thấy, liễu nhân chẳng phải là tác nhân. Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi sẽ đạt được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không phiền não, cũng không trụ xứ, dầu không phiền não nhưng chẳng gọi là thường, do đó nên gọi là sâu. Lại có nghĩa sâu xa, ở trong kinh này, hoặc có lúc nói ngã, hoặc nói vô ngã, hoặc có lúc nói thường, hoặc lúc nói vô thường, hoặc có lúc nói là tịnh, hoặc lúc nói là bất tịnh, hoặc lúc nói vui, hoặc lúc nói khổ, hoặc lúc nói không, hoặc lúc nói chẳng không, hoặc lúc nói tất cả đều có, hoặc lúc nói tất cả đều không, hoặc nói ba thừa, hoặc nói một thừa, hoặc nói năm ấm tức là Phật tánh, là Tam-muội Kim cang và trung đạo, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, mười hai nhân duyên, Đệ nhất nghĩa không, từ bi, bình đẳng. Đối với đảnh trí tín tâm của các chúng sinh, biết các căn, lực, không chướng ngại đối với tất cả các pháp, tuy có Phật tánh nhưng chẳng nói chắc chắn. Do đó nên gọi là sâu. Ba là đồng một vị: tất cả chúng sinh đồng có Phật tánh, đều đồng nhất thừa, đồng một giải thoát, một nhân một quả, đồng một cam lồ, tất cả sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là đồng một vị. Bốn là thủy triều chẳng quá hạn: Như trong kinh này cấm chế các Tỳ-kheo chẳng được cất chứa tám vật bất tịnh. Đệ tử của Ta có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói, phân biệt kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này thì chẳng thà mất thân mạng chứ hoàn toàn chẳng hủy phạm. Đó gọi là thủy triều chẳng quá hạn. Năm là có đủ loại kho báu: Kinh này tức là kho báu vô thượng. Kho báu ấy, tức là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, hạnh Anh nhi, hạnh Thánh, hạnh Phạm, hạnh Thiên, những phương tiện thiện, Phật tánh của chúng sinh, công đức của Bồ-tát, công đức của Như Lai, công đức của Thanh văn, công đức của Duyên giác, sáu Ba-la-mật, vô lượng Tam-muội, vô lượng trí tuệ. Đó gọi là những kho báu. Sáu là nơi cư trú của chúng sinh có to lớn, chúng sinh có thân to lớn, đó là Phật và Bồ- tát, vì có trí tuệ lớn nên gọi là chúng sinh to lớn. Vì thân lớn, vì tâm lớn, vì trang nghiêm lớn, vì điều phục lớn, vì phương tiện lớn, vì thuyết pháp lớn, vì oai lực lớn, vì đồ chúng lớn, vì thần thông lớn, vì từ bi lớn, vì thường chẳng biến đổi, vì tất cả chúng sinh không chướng ngại, vì bao trùm tất cả các chúng sinh, nên gọi là chỗ ở của chúng sinh có thân to lớn. Bảy là chẳng chứa tử thi: Tử thi đây là Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng tội, năm tội vô gián, phỉ báng kinh Phương Đẳng, phi pháp nói là chánh pháp, chánh pháp nói là phi pháp, nhận chứa tám thứ vật bất tịnh, tự ý thọ dụng vật của Phật, vật của Tăng, làm việc phi pháp đối với Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Đó gọi là tử thi. Kinh Niết-bàn này lìa những việc như vậy, cho nên gọi là chẳng chứa tử thi. Tám là chẳng thêm chẳng bớt: vì không biên vực, vì không đầu cuối, vì chẳng phải sắc, vì chẳng phải tạo tác, vì thường trụ, vì chẳng sinh diệt, vì đều bình đẳng, vì tất cả tánh đồng một tánh, nên là không thêm không bớt. Vì vậy kinh này có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như biển cả kia.

Bồ-tát sư tử Hống thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai chẳng sinh chẳng diệt gọi là sâu xa. Tất cả chúng sinh có bốn loại sinh: sinh bằng trứng, sinh bằng thai, sinh ở chỗ ẩm thấp, sinh bằng cách biến hóa. Trong bốn loại sinh này thì con người có đủ, như Tỳ-kheo Thi-bà-la, Tỳ-kheo Ưu-bà-thi-bà-la, mẹ của Trưởng giả Oi-ca-la, mẹ của Trưởng giả Ni-câu-đà, mẹ của Trưởng giả Bán-xà-la, mỗi người đều có năm trăm người con đồng sinh bằng trứng. Do đó nên biết trong loài cũng có sinh bằng trứng. Người sinh ở chỗ ẩm thấp, như lời Phật dạy: Thuở trước, lúc Ta tu hạnh Bồ-tát làm vua Đảnh Vương và vua Thủ Sinh, và như nay nói, cô gái sinh nơi cây Yêm-la và cô gái sinh nơi cây Ca-bất-đa, cho nên biết rằng trong loài người cũng có người sinh ra ở chỗ ẩm thấp. Thuở kiếp sơ, tất cả chúng sinh thảy đều hóa sinh. Như Lai Thế Tôn đã được tám thứ tự tại, vì nhân duyên gì mà chẳng hóa sinh?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh từ nơi bốn loài mà sinh ra, được pháp của bậc Thánh rồi thì chẳng còn sinh bằng trứng và sinh ở chỗ ẩm thấp như trước. Này thiện nam! Chúng sinh thuở kiếp sơ thảy đều hóa sinh. Trong thời kỳ ấy không có Phật ra đời. Này thiện nam! Chúng sinh nào lúc mang bệnh khổ thì cần thầy, cần thuốc. Thuở kiếp sơ chúng sinh đều hóa sinh, tuy có phiền não nhưng bệnh phiền não chưa phát, vì vậy Như Lai chẳng xuất hiện ở đời ấy. Chúng sinh thuở kiếp sơ, thân tâm của họ chẳng phải pháp khí, vì thế nên Như Lai chẳng xuất hiện trong đời ấy. Này thiện nam! Các sự nghiệp của Như Lai Thế Tôn hơn các chúng sinh. Đó là: dòng họ, quyến thuộc, cha mẹ, vì hơn họ nên hễ nói ra điều gì mọi người đều tin thọ. Vì vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa sinh. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh, hoặc là cha làm theo nghề nghiệp của con, hoặc là con làm theo nghề nghiệp của cha. Như Lai Thế Tôn nếu thọ hóa thân thì không có cha mẹ. Nếu không có cha mẹ thì làm sao khiến tất cả các chúng sinh thực hành các nghiệp thiện? Vì vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Này thiện nam! Trong chánh pháp của Phật có hai loại giữ gìn: một là trong, hai là ngoài. Giữ gìn bên trong đó là giới cấm. Giữ gìn bên ngoài đó là bà con quyến thuộc. Nếu Như Lai thọ hóa thân thì không giữ gìn bên ngoài. Vì vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Này thiện nam! Có người ỷ dòng họ mà sinh tâm kiêu mạn, vì muốn phá sự kiêu mạn như vậy nên Như Lai giáng sinh trong dòng họ cao quý, chẳng thọ hóa thân. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn có cha mẹ thật, cha tên là Tịnh Phạn, mẹ tên là Ma-da, nhưng các chúng sinh còn nói Như Lai là người huyễn hóa, thì làm sao mà thọ thân hóa sinh? Nếu thọ hóa thân thì làm sao có được Xá-lợi! Như Lai vì muốn chúng sinh tăng trưởng phước đức nên làm nát thân thể của mình thành Xá-lợi để cho chúng sinh cúng dường. Vì vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Tất cả chư Phật đều không hóa sinh thì vì sao riêng ta lại thọ hóa thân!

Bấy giờ Bồ-tát Sư Tử Hống chấp tay, quỳ gối xuống đất, nói kệ tán thán Phật:

Như Lai có vô lượng công đức
Nay con chẳng thể trình bày đủ
Nay vì chúng sinh nói một phần
Xin Phật thương xót cho con nói

Chúng sinh đi trong tối vô minh
Chịu đủ vô biên trăm thứ khổ
Phật có thể khiến họ xa lìa
Nên đời gọi Phật là đại bi
Chúng sinh qua lại dây sinh tử
Phóng túng mê man chẳng an vui.
Phật có thể ban cho an lạc
Do đó dứt hẳn dây sinh tử
Vì Phật ban chúng sinh an vui
Nên chẳng tham muốn vui của mình
Phật vì chúng sinh tu khổ hạnh
Nên thế gian đều cúng dường Phật
Thấy người chịu khổ thân run rẩy
Nên ở địa ngục chẳng biết đau
Phật vì chúng sinh chịu khổ lớn
Nên là vô lượng không ai hơn
Phật vì chúng sinh tu khổ hạnh
Thành tựu đủ sáu Ba-la-mật
Ở trong gió tà tâm chẳng động
Nên hơn được Đại sĩ trong đời
Chúng sinh thường muốn được an vui
Mà chẳng biết tu nhân an lạc
Phật có thể dạy bảo tu tập
Giống như cha lành thương con một
Phật thấy chúng sinh khổ phiền não
Tâm khổ như mẹ lo con bệnh
Thường nghĩ những phương tiện lìa

bệnh
Nên thân Phật hệ thuộc nơi người
Tất cả chúng sinh tạo các khổ T
âm họ điên đảo cho là vui
Phật diễn nói khổ vui chân thật
Nên đời gọi Phật là đại bi
Đời đều ở trong vỏ vô minh
Không có mỏ trí không thể phá
Mỏ trí của Phật phá vỡ được
Nên gọi Phật là bậc lớn nhất
Chẳng bị hệ thuộc trong ba đời
Không có danh tự nên giả gọi
Hiểu biết nghĩa sâu của Niết-bàn
Nên gọi Phật là bậc Đại Giác
Có sông xoáy chuyển nhận chúng sinh
Vô minh mù lòa chẳng biết ra
Phật tự độ mình độ được người
Nên gọi Phật là thuyền trưởng lớn
Biết rõ được tất cả nhân quả
Cũng lại thông đạt đạo tịch diệt
Thường ban thuốc pháp cứu chúng sinh
Nên đời gọi Phật là Y vương
Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh
Nhân đây nên được vui vô thượng
Như Lai diễn nói hạnh chân lạc
Làm cho chúng sinh hưởng an vui

Như Lai Thế Tôn phá đạo tà
Chỉ dạy chúng sinh đường chân chánh
Ai đi đường này được an vui
Nên đời gọi Phật là Đạo sư
Chẳng phải mình và người tạo ra
Chẳng phải cùng làm, không nhân làm
Đức Phật giảng nói việc thọ khổ
Hơn hẳn tất cả các ngoại đạo
Thành tựu đầy đủ Giới Định Tuệ
Cũng đem pháp này dạy chúng sinh
Khi đem pháp thí không tham tiếc
Cho nên Phật hiệu Vô Duyên Từ
Không tạo tác cũng không nhân duyên
Đạt được báo không nhân không quả
Do đó tất cả các bậc trí
Khen Như Lai chẳng cầu báo đáp
Thường cùng đời làm việc buông lung
Mà chẳng bị buông lung ô nhiễm
Nên gọi Phật chẳng thể nghĩ bàn
Tám pháp thế gian chẳng làm nhiễm
Như Lai Thế Tôn không oán, thân
Nên tâm của Phật thường bình đẳng
Con, Sư Tử Hống tán thán Phật
Rống như vô lượng sư tử rống.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXIII

PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 1

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thương xót tất cả chúng sinh, đối với người không điều phục, có thể làm điều phục; người chẳng thanh tịnh, có thể làm thanh tịnh; người chẳng quy y, có thể làm cho quy y; người chưa giải thoát, có thể làm cho giải thoát; đạt được tám pháp tự tại, là bậc Đại Y Sư, là bậc Đại Dược Vương.

Tỳ-kheo Thiện Tinh là con của Phật lúc Ngài còn làm Bồ-tát. Sau khi xuất gia, Thiện Tinh thọ trì, đọc tụng, phân biệt, giải nói Mười hai bộ loại kinh văn, phá kiết sử cõi Dục, chứng được bốn Thiền. Vậy tại sao Như Lai nói Thiện Tinh là hạng Nhất-xiển-đề, là người hạ tiện chẳng thể sửa trị được, phải ở nơi địa ngục cả kiếp? Cớ sao Như Lai trước chẳng diễn nói chánh pháp cho Thiện Tinh để sau được là Bồ- tát? Nếu Như Lai Thế Tôn không cứu được Tỳ-kheo Thiện Tinh thì làm sao được gọi là có từ bi lớn? Có phương tiện lớn?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có ba người con. Người con thứ nhất có lòng tín thuận cung kính cha mẹ, thông minh trí tuệ, có thể sớm biết rõ việc đời. Người con thứ hai chẳng cung kính cha mẹ, không có lòng tín thuận, thông minh trí tuệ, có thể sớm biết rõ việc đời. Người con thứ ba chẳng cung kính cha mẹ, không có lòng tín thuận, ngu si vô trí. Vậy lúc cha mẹ muốn dạy bảo họ thì nên dạy ai trước, gần gũi thương yêu đứa con nào trước, nên dạy đứa nào biết việc đời trước?

Bồ-tát Ca-diếp thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cha mẹ đó nên trước dạy bảo trao truyền cho đứa con có lòng tín thuận, cung kính cha mẹ, thông minh trí tuệ, hiểu biết sự đời. Kế đến dạy bảo đứa thứ hai và sau mới đến đứa con thứ ba. Hai đứa sau, tuy không có lòng tín thuận, tâm cung kính nhưng vì thương xót nên cũng lần lượt dạy bảo chúng.

–Này thiện nam! Như Lai cũng như vậy, ba người con ấy, đứa thứ nhất dụ cho Bồ-tát, đứa giữa dụ cho Thanh văn và đứa sau dụ cho hạng Nhất-xiển-đề. Như ý nghĩa vi tế trong Khế kinh thuộc Mười hai bộ loại kinh văn, Ta trước đã giảng nói cho các Bồ-tát, những nghĩa cạn cợt thì giảng nói cho hàng Thanh văn, nghĩa của thế gian thì giảng nói cho hạng Nhất-xiển-đề, phạm năm tội ngũ nghịch. Tuy trọn đời hiện tại không có lợi ích nhưng vì lòng thương xót nên làm nảy sinh hạt giống lành cho đời sau.

Này thiện nam! Ví như ba hạng ruộng: Hạng thứ nhất nước chảy lưu thông, không có cát, đất mặn, ngói, đá, gai góc, trồng chỉ một mà thu hoạch được trăm. Hạng thứ hai tuy không có cát, đất, mặn, ngói, đá, gai góc nhưng đường nước không được lưu thông nên thâu hoạch kém ruộng trên phân nửa. Hạng thứ ba đường nước khó khăn, lại nhiều cát, đất, mặn, ngói, đá, gai góc, cỏ mọc lan tràn, trồng một chỉ thâu hoạch được một. Này thiện nam! Đến tháng mùa xuân gieo trồng thì nông phu gieo trồng thửa ruộng nào trước?

–Bạch Thế Tôn! Nông phu kia gieo trồng ruộng thứ nhất trước, kế đến ruộng thứ hai và ruộng thứ ba.

Ruộng thứ nhất dụ cho Bồ-tát, ruộng thứ hai dụ cho Thanh văn và ruộng thứ ba dụ cho Nhất-xiển-đề.

–Này thiện nam! Ví như ba cái chậu: Cái thứ nhất nguyên vẹn, cái thứ hai rỉ chảy và cái thứ ba vỡ. Nếu muốn đựng sữa, sữa đặc, váng sữa thì trước nên dùng chậu nào?

–Bạch Thế Tôn! Nên trước dùng chậu lành, kế đến dùng chậu rỉ chảy và sau mới dùng chậu vỡ.

Chậu lành sạch dụ cho Bồ-tát Tăng, chậu rỉ chảy dụ cho hàng Thanh văn và chậu bể dụ cho hạng Nhất-xiển-đề.

–Này thiện nam! Như ba người bệnh cùng đi đến chỗ lương y: Người thứ nhất dễ trị, người thứ hai khó trị và người thứ ba không thể trị. Này thiện nam! Lương y nên trị cho người nào trước?

–Bạch Thế Tôn! Nên trị cho người dễ trước, kế đến là người thứ hai và sau là người thứ ba.

Người bệnh dễ trị dụ cho Bồ-tát Tăng, người bệnh khó trị dụ cho Thanh văn Tăng và người chẳng thể trị dụ cho hạng Nhất-xiển-đề. Hạng sau này ở trong đời hiện tại tuy không có quả lành nhưng vì lòng thương xót Như Lai cũng gieo trồng chủng tử lành cho họ ở đời sau.

–Này thiện nam! Ví như nhà vua có ba hạng ngựa: Hạng thứ nhất dễ dạy, mạnh mẽ, hạng thứ hai khó dạy nhưng mạnh mẽ, hạng thứ ba chẳng dạy được, già yếu không có sức lực. Nếu vua muốn cỡi thì nhà vua nên cỡi ngựa nào trước?

–Bạch Thế Tôn! Nhà vua nên cỡi hạng ngựa dễ dạy và mạnh mẽ trước, kế đến dùng hạng thứ hai và sau dùng hạng thứ ba.

–Này thiện nam! Hạng dễ dạy, mạnh mẽ dụ cho Bồ-tát Tăng, hạng thứ hai dụ cho Thanh văn Tăng và hạng thứ ba dụ cho hạng Nhất- xiển-đề. Hạng này, dù trong đời hiện tại không được lợi ích, nhưng vì lòng thương xót nên Như Lai gieo trồng chủng tử lành đời sau cho họ.

Này thiện nam! Như lúc bố thí lớn, có ba hạng người đến xin: Hạng thứ nhất dòng họ cao quý, thông minh, giữ giới; hạng thứ hai trung lưu, căn tánh thấp kém nhưng giữ gìn giới; hạng thứ ba hạ tiện, ngu tối, phá giới. Này thiện nam! Thí chủ nơi hội bố thí lớn này nên bố thí cho hạng nào trước?

–Bạch Thế Tôn! Nên bố thí cho hạng có dòng họ cao quý, thông minh, giữ giới, kế đến hạng thứ hai và hạng thứ ba.

Hạng thứ nhất dụ cho Bồ-tát Tăng, hạng thứ hai dụ cho Thanh văn Tăng và hạng thứ ba dụ cho Nhất-xiển-đề.

–Này thiện nam! Như sư tử lớn lúc giết hương tượng thì phải dùng hết sức lực của mình, lúc giết thỏ cũng như vậy, không sinh tưởng khinh thường. Chư Phật Như Lai cũng như vậy, khi vì các Bồ-tát và hạng Nhất-xiển-đề diễn nói chánh pháp thì dụng công không khác.

Này thiện nam! Trước kia khi Ta ở thành Vương-xá, Tỳ-kheo Thiện Tinh là thị giả của Ta. Đầu đêm Ta diễn nói pháp cốt yếu cho trời Đế thích. Pháp của đệ tử là phải ngủ sau thầy. Bấy giờ, vì Ta ngồi lâu nên Tỳ-kheo Thiện Tinh sinh tâm niệm ác.

Lúc ấy, trong thành Vương-xá, nếu trẻ thơ nam hay nữ khóc chẳng nín thì cha mẹ dọa: “Nếu con không nín thì cha mẹ sẽ đem con giao cho quỷ Bạc-câu-la”. Lúc đó, Tỳ-kheo Thiện Tinh trở lại đem lời nói ấy mà dọa Ta: “Mau vào thiền thất kẻo quỷ Bạc-câu-la đến kia kìa”. Ta bảo Thiện Tinh: “Ngươi là người ngu si, chẳng nghe Như Lai Thế Tôn là người không sợ hãi chăng?”.

Bấy giờ, Đế thích liền nói với Ta: “Bạch Thế Tôn! Hạng người như vậy mà cũng được ở trong pháp Phật chăng?”. Ta bảo Đế thích: “Này Kiều-thi-ca! Những người như vậy cũng được vào trong pháp Phật, cũng có Phật tánh, sẽ đạt được quả Bồ-đề vô thượng”. Tuy Ta vì Thiện Tinh mà thuyết pháp nhưng Thiện Tinh vẫn không có tâm tin thọ.

Này thiện nam! Thuở trước lúc Ta ở trong thành Thi-bà-phú-la thuộc nước Ca-thi, Tỳ-kheo Thiện Tinh là thị giả của Ta. Lúc ấy, Ta muốn vào thành khất thực. Vô lượng chúng sinh khao khát muốn thấy dấu chân của Ta. Tỳ-kheo Thiện Tinh theo hầu phía sau chùi bỏ dấu chân của Ta, Thiện Tinh không chùi bỏ được mà lại làm cho chúng sinh sinh tâm chẳng lành. Khi Ta vào thành rồi, thấy một Ni-kiền-tử ở trong nhà rượu ngồi xổm khom lưng ăn bã rượu. Tỳ-kheo Thiện Tinh thấy rồi, thưa: “Bạch Thế Tôn! Nếu trong thế gian có bậc A-la-hán thì người này là hơn hết. Vì sao?

Vì người này nói rằng không có nhân không có quả”. Ta bảo Thiện Tinh: “Ngươi là người ngu si, ngươi chẳng nghe rằng bậc A-la-hán là người chẳng uống rượu, chẳng giết hại, chẳng dối trá, chẳng trộm cắp và chẳng dâm dục sao? Người giết hại cha mẹ, ăn nuốt bã rượu, vì sao ngươi lại nói là bậc A-la-hán? Người này sau khi chết chắc chắn sẽ đọa trong địa ngục A-tỳ. Bậc A- la-hán là dứt hẳn ba đường ác, vì sao ngươi gọi người đó là A-la-hán?”. Thiện Tinh liền cãi lại: “Tánh của bốn đại còn có thể chuyển đổi, muốn khiến cho người này đọa vào địa ngục A-tỳ thì không có lẽ ấy”. Ta bảo: “Ngươi là người ngu si, ngươi chẳng nghe chư Phật Như Lai nói lời thành thật không hai sao?”. Ta tuy là vì Thiện Tinh mà thuyết pháp nhưng Thiện Tinh hoàn toàn không có tâm tin thọ.

Này thiện nam! Một thời, Ta cùng với Tỳ-kheo Thiện Tinh đến thành Vương-xá. Bấy giờ, trong thành có một Ni-kiền tên là Khổ Đắc. Người này thường nói: “Phiền não của chúng sinh không nhân không duyên, giải thoát của chúng sinh cũng không nhân duyên”. Tỳ-kheo

Thiện Tinh lại nói với Ta: “Bạch Thế Tôn! Nếu ở thế gian có bậc A-la- hán, thì Khổ Đắc là trên hết”. Ta bảo: “Ngươi là người ngu si. Ni-kiền Khổ Đắc thật chẳng phải A-la-hán, chẳng có thể hiểu rõ đạo A-la-hán”. Thiện Tinh cãi lại: “Tại sao bậc A-la-hán lại sinh tâm ganh ghét với A-la-hán?”. Ta bảo: “Ngươi là người ngu si. Ta đối với bậc A-la-hán chẳng sinh tâm ganh ghét, nhưng chính ngươi sinh tâm ác tà kiến. Nếu nói Khổ Đắc là bậc A-la-hán thì bảy ngày sau Khổ Đắc sẽ bị trúng thực đau bụng mà chết, chết rồi sẽ sinh trong loài quỷ ăn đồ ói mửa, bạn đồng học sẽ mang thây của Khổ Đắc bỏ trong rừng tha ma”. Lúc ấy, Thiện Tinh liền đến chỗ của Ni-kiền Khổ Đắc nói: “Thưa Trưởng lão! Nay Trưởng lão biết không, Sa-môn Cù-đàm nói ông sau bảy ngày nữa sẽ bị trúng thực đau bụng mà chết, chết rồi sẽ sinh trong loài quỷ ăn đồ ói mửa và bạn đồng học của Trưởng lão sẽ mang thây bỏ trong rừng tha ma. Trưởng lão nên khéo tư duy, bằng mọi phương cách làm cho lời ông Cù-đàm thành hư dối”. Bấy giờ, sau khi nghe nói lời này xong, Khổ Đắc liền tuyệt thực từ ngày thứ nhất cho đến ngày thứ sáu, đủ bảy ngày rồi, Khổ Đắc liền ăn đường đen, ăn đường đen xong uống nước lã đau bụng mà chết. Sau khi chết, bạn đồng học liền mang thây bỏ vào trong rừng tha ma. Khổ Đắc liền sinh làm quỷ đói ăn đồ khạc nhổ quanh quẩn ở bên tử thi. Tỳ-kheo Thiện Tinh nghe việc này rồi liền vào trong rừng tha ma thấy Khổ Đắc thọ thân quỷ đói ở bên tử thi ngồi xổm khom lưng. Thiện Tinh hỏi: “Đại đức đã chết rồi chăng?”. Khổ Đắc đáp: “Tôi đã chết rồi”. Hỏi: “Tại sao chết?”. Đáp: “Vì đau bụng mà chết”. Hỏi: “Ai mang thây Đại đức ra đây?”. Đáp: “Bạn học của tôi”. Hỏi: “Mang thây bỏ chỗ nào?”. Đáp: “Ông là người ngu! Nay ông chẳng biết đây là rừng tha ma chăng?” Hỏi: “Đại đức thọ thân gì?”. Đáp: “Tôi mang lấy thân quỷ ăn đồ ói mửa. Này Thiện Tinh! Ông nên nghe kỹ, Đức Như Lai nói lời lành, lời chân thật, lời đúng thời, lời đúng nghĩa, lời đúng pháp. Này Thiện Tinh! Từ kim khẩu của Đức Như Lai phát ra lời nói chân thật như vậy, vì sao lúc ấy ông không tin? Nếu chúng sinh nào chẳng tin lời nói chân thật của Như Lai thì người đó cũng thọ lấy thân này như tôi”. Bấy giờ Thiện Tinh liền trở về nói với Ta: “Bạch Thế Tôn! Ni-kiền Khổ Đắc sau khi chết được sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba”. Ta bảo: “Ngươi là người ngu si. Bậc A-la-hán không có nơi chốn sinh. Vì sao ngươi nói Khổ Đắc được sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba?”. Thiện Tinh thưa: “Bạch Thế Tôn! Đúng như lời Thế Tôn nói, Ni-kiền Khổ Đắc thiệt chẳng sinh lên cõi trời Ba Mươi Ba, nay đang thọ thân quỷ đói ăn đồ ói mửa”. Ta bảo: “Ngươi là người ngu si. Chư Phật Thế Tôn nói lời thành thật không sai. Nếu nói Như Lai có nói hai lời thì không có lẽ ấy”. Thiện Tinh liền thưa: “Tuy lúc đó Như Lai nói như vậy nhưng con đối với việc này đều chẳng sinh lòng tin”.

Này thiện nam! Ta cũng thường nói pháp chân thật cho Tỳ-kheo Thiện Tinh, nhưng Thiện Tinh tuyệt đối không có lòng tin và lĩnh thọ.

Này thiện nam! Tuy Tỳ-kheo Thiện Tinh có đọc tụng Mười hai bộ loại kinh văn, chứng được bốn Thiền nhưng thậm chí chẳng hiểu nghĩa một bài kệ, một câu kệ, một chữ. Vì gần gũi bạn ác nên mất bốn Thiền, mất bốn Thiền xong sinh tâm ác tà kiến, nói như thế này: “Không có Phật, không có Pháp và không có Niết-bàn. Sa-môn Cù- đàm giỏi về tướng pháp cho nên mới có thể biết tâm của người khác”. Lúc ấy, Ta bảo Thiện Tinh: “Pháp của Ta nói, ở chặng đầu, ở chặng giữa, sau đều thiện. Lời nói ấy thiện xảo, chữ nghĩa chân chánh, lời nói không xen tạp, thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh”. Tỳ-kheo Thiện Tinh lại thưa: “Tuy Như Lai vì con nói pháp nhưng con nói chắc chắn rằng không có nhân quả”.

Này thiện nam! Nếu ông chẳng tin việc như vậy, thì nay Tỳ-kheo Thiện Tinh ở gần sông Ni-liên-thiền, Ta cùng ông có thể đến đó hỏi.

Lúc đó, Như Lai liền cùng Bồ-tát Ca-diếp đến chỗ Thiện Tinh.

Tỳ-kheo Thiện Tinh thấy Như Lai từ xa đi đến rồi liền sinh tâm ác, tà kiến. Do tâm ác này nên thân bị đọa vào địa ngục A-tỳ.

Này thiện nam! Tỳ-kheo Thiện Tinh tuy vào trong pháp Phật có vô lượng khối báu nhưng chẳng thâu hoạch được, cho đến chẳng được một pháp lợi ích nào, đó là vì do buông lung, vì gần gũi bạn ác. Ví như có người, tuy vào biển cả thấy nhiều châu báu, nhưng vì buông lung nên không được của báu. Lại như người vào biển thấy đống báu, hoặc tự giết mình mà chết, hoặc bị quỷ La-sát giết chết. Cũng vậy, Tỳ-kheo Thiện Tinh tuy vào trong pháp Phật rồi, nhưng bị đại quỷ La-sát là bạn ác giết hại. Này thiện nam! Do đó, Như Lai vì thương xót nên thường nhắc nhở Thiện Tinh là buông lung quá nhiều.

Này thiện nam! Nếu là người vốn nghèo cùng thì đối với người này, tuy có tâm thương xót nhưng lòng thương không nhiều lắm. Nếu là người trước kia giàu có lớn, sau bị mất của cải thì đối với người này, lòng thương xót sâu đậm hơn. Tỳ-kheo Thiện Tinh cũng như vậy, đã thọ trì, đọc tụng Mười hai bộ loại kinh văn, chứng được bốn Thiền, sau đó để thoái thất, thật đáng thương xót. Do đó, nên Ta nói Tỳ-kheo Thiện Tinh buông lung quá nhiều. Vì buông lung nhiều nên dứt mất các căn lành. Các đệ tử của Ta, người nào nghe thấy việc này cũng đều sinh tâm thương xót sâu đậm đối với Tỳ-kheo Thiện Tinh, như đối với người ban đầu giàu có lớn, sau mất của cải. Từ nhiều năm Ta cùng Tỳ-kheo Thiện Tinh gần gũi nhau, mà Thiện Tinh tự sinh tâm tà ác, vì tâm tà ác nên chẳng xả bỏ ác kiến. Này thiện nam! Từ xưa đến nay, Ta thấy Thiện Tinh này có chút ít thiện căn như lông tóc, hoàn toàn chẳng nghĩ Thiện Tinh là người dứt hẳn căn lành, là hạng Nhất-xiển-đề, là người hạ tiện phải ở trong địa ngục cả kiếp. Nhưng vì Thiện Tinh tuyên bố rằng không có nhân, không có quả, không có tạo nghiệp nên Ta mới nói Thiện Tinh là người dứt hẳn căn lành, là hạng Nhất-xiển-đề, là người hạ tiện phải ở trong địa ngục cả kiếp. Này thiện nam! Ví như có người bị té chìm trong hầm phẩn, có bạn lành đưa tay mò, nếu nắm được đầu tóc liền kéo lên, tìm lâu chẳng được mới có tâm niệm thôi vớt. Cũng vậy, Ta tìm chút ít căn lành nơi Thiện Tinh để cứu vớt, nhưng trọn ngày tìm cầu mà chẳng được mảy may như lông tóc. Do vậy, nên chẳng cứu được tội đọa vào địa ngục của Thiện Tinh.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai vì sao nói Thiện Tinh sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ?

–Này thiện nam! Tỳ-kheo Thiện Tinh có nhiều quyến thuộc, họ đều cho rằng Thiện Tinh đã chứng được đạo quả A-la-hán. Vì muốn phá tâm niệm tà ác của họ nên Ta nói Thiện Tinh ấy do buông lung nên phải đọa vào trong địa ngục. Này thiện nam! Nay ông nên biết, lời nói của Như Lai là chân thật, không sai khác. Nếu Phật nói sẽ đọa vào địa ngục mà người đó chẳng đọa thì không có lẽ ấy. Hàng Thanh văn, Duyên giác đoán định thì có hai trường hợp: Một là sai, hai là đúng. Như Mục-kiền-liên khi ở nước Ma-già-đà bảo với mọi người là sau bảy ngày trời sẽ mưa nhưng đến kỳ trời chẳng mưa. Ông lại đoán là bò cái sẽ sinh bò con trắng nhưng đến lúc sinh sản lại sinh bò con vàng, dự đoán sinh con trai nhưng về sau lại sinh con gái.

Này thiện nam! Tỳ-kheo Thiện Tinh thường tuyên bố với vô lượng các chúng sinh rằng, tất cả đều không có quả lành quả dữ, và ngay lúc ấy đã dứt hẳn tất cả căn lành lành cho đến không còn mảy may nào dù như mảy lông. Này thiện nam! Từ lâu, Ta biết Tỳ-kheo Thiện Tinh này sẽ dứt hẳn căn lành, nhưng Ta vẫn cố ý cùng Thiện Tinh ở chung, chăm non, đồng hành trọn hai mươi năm. Vì nếu Ta xa bỏ không ở gần Thiện Tinh thì Thiện Tinh sẽ khuyên bảo vô lượng chúng sinh tạo những nghiệp ác. Đây gọi là trí lực thứ năm của Như Lai.

–Bạch Thế Tôn! Hạng Nhất-xiển-đề do nhân duyên gì mà không có pháp thiện?

–Này thiện nam! Vì hạng Nhất-xiển-đề dứt hẳn căn lành. Chúng sinh đều có năm căn như Tín v.v… nhưng hạng Nhất-xiển-đề hoàn toàn dứt hẳn. Do nghĩa này nên giết hại con kiến còn mắc phải tội sát sinh.

–Bạch Thế Tôn! Vì hạng Nhất-xiển-đề hoàn toàn không có pháp thiện nên gọi là Nhất-xiển-đề chăng?

Phật bảo:

–Đúng vậy! Đúng vậy!

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh có ba loại pháp thiện. Đó là: Quá khứ, vị lai và hiện tại. Hạng Nhất-xiển-đề cũng chẳng thể dứt được pháp thiện đời vị lai, vì sao nói rằng dứt hết pháp thiện gọi là Nhất-xiển-đề?

–Này thiện nam! Đoạn dứt có hai thứ: Một là hiện tại dứt, hai là hiện tại chướng ngại đối với tương lai. Hạng Nhất-xiển-đề đầy đủ cả hai thứ này, vì thế nên Ta nói dứt hẳn các căn lành. Này thiện nam! Ví như có người bị té chìm trong hầm phẩn, chỉ có một sợi tóc nơi đầu chưa chìm. Tuy còn một sợi tóc nơi đầu chưa chìm nhưng một sợi tóc chẳng thể kéo nổi toàn thân. Hạng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, tuy đời vị lai sẽ có căn lành nhưng chẳng thể cứu được khổ địa ngục. Đời vị lai tuy có thể cứu khỏi nhưng đời hiện tại không làm sao cứu được. Do vậy, nên gọi là chẳng thể cứu vớt. Nhờ nhân duyên Phật tánh thì có thể cứu vớt được. Vì Phật tánh chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại nên Phật tánh chẳng có thể bị dứt hẳn. Như hạt giống mục hư thì chẳng thể nảy mầm. Hạng Nhất-xiển-đề cũng như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Hạng Nhất-xiển-đề chẳng dứt Phật tánh, Phật tánh cũng là pháp thiện, tại sao nói dứt tất cả các pháp thiện?

–Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào trong đời hiện tại có Phật tánh thì chẳng gọi là Nhất-xiển-đề. Như tánh ngã của chúng sinh trong thế gian. Phật tánh là thường, chẳng thuộc cả ba đời. Nếu thuộc ba đời thì gọi là vô thường. Vì đời vị lai sẽ thấy Phật tánh, nên nói rằng chúng sinh đều có Phật tánh. Do nghĩa này nên Bồ-tát Thập trụ đầy đủ trang nghiêm mới thấy được phần ít.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh là thường giống như hư không, vì sao Như Lai nói rằng vị lai? Nếu Như Lai cho rằng hàng Nhất-xiển-đề không có pháp thiện thì lẽ nào hạng này chẳng có tâm thương yêu nhớ nghĩ đối với bạn đồng học, đồng sư, cha mẹ, vợ con, thân quyến chăng? Nếu họ có lòng thương yêu nhớ nghĩ thì chẳng phải là lành chăng?

Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Lời ông hỏi rất hay! Phật tánh giống như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tất cả chúng sinh có ba loại thân, đó là thân quá khứ, thân vị lai và thân hiện tại. Đời vị lai, chúng sinh đầy đủ thân trang nghiêm thanh tịnh, thấy được Phật tánh. Vì vậy nên Ta nói Phật tánh đời vị lai. Này thiện nam! Ta vì chúng sinh hoặc lúc nói nhân là quả, hoặc lúc nói quả là nhân, do vậy nên trong kinh nói mạng căn là ăn uống, thấy sắc là xúc chạm. Vì thân đời vị lai thanh tịnh nên nói Phật tánh.

–Bạch Thế Tôn! Như ý nghĩa Phật nói, như vậy vì sao lại nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh?

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh tuy hiện tại là không nhưng không thể nói là không. Như tánh hư không tuy là không nhưng hiện tại chẳng được nói là không. Tuy tất cả chúng sinh là vô thường, nhưng Phật tánh thì thường trụ không biến đổi. Vì vậy, nên trong kinh này Ta nói rằng, Phật tánh của chúng sinh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, giống như hư không chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Nếu như không có trong có ngoài thì hư không chẳng được gọi là duy nhất, là thường trụ, cũng chẳng được gọi là tất cả chỗ đều có. Tuy hư không chẳng phải trong chẳng phải ngoài nhưng các chúng sinh đều có. Phật tánh của chúng sinh cũng như thế. Như lời ông nói, hàng Nhất-xiển-đề có pháp thiện thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hàng Nhất-xiển-đề có nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp ý, nghiệp lấy, nghiệp mong cầu, nghiệp bố thí, nghiệp hiểu biết thì những nghiệp như vậy đều là nghiệp tà. Vì sao? Vì chẳng cầu nhân quả.

Này thiện nam! Như trái, gốc, cọng, nhánh, lá, hoa, hạt của trái A-lê-lặc đều đắng. Nghiệp của hạng Nhất-xiển-đề cũng như vậy.

Này thiện nam! Như Lai biết đầy đủ các căn, lực nên khéo có thể phân biệt căn tánh thượng, trung, hạ của chúng sinh. Có thể biết rõ người này chuyển từ bậc hạ lên bậc trung, có thể biết rõ người này chuyển từ bậc trung lên bậc thượng, có thể biết người này chuyển từ bậc thượng xuống bậc trung, có thể biết người này chuyển từ bậc trung xuống bậc hạ. Do đó, nên biết căn tánh của chúng sinh không có nhất định. Vì không nhất định nên dứt căn lành rồi trở lại sinh. Nếu căn tánh của các chúng sinh nhất định thì hoàn toàn không có trước dứt, dứt rồi lại sinh, cũng chẳng nên nói hàng Nhất-xiển-đề đọa vào trong địa ngục mạng sống một kiếp. Này thiện nam! Do đó nên Như Lai nói tất cả các pháp không có tướng nhất định.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai biết đầy đủ các căn và lực, biết chắc chắn Thiện Tinh sẽ dứt căn lành, vậy vì nhân duyên gì lại cho Thiện Tinh xuất gia?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Thuở xưa, lúc Ta mới xuất gia, em Ta là A-nan và Đề-bà-đạt-đa, con trai là La-hầu-la, đều theo Ta xuất gia tu đạo. Nếu Ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia thì Thiện Tinh tuần tự sẽ nối ngôi vua có quyền thế tự tại sẽ phá hoại pháp Phật. Vì nhân duyên này nên Ta liền cho Thiện Tinh xuất gia tu đạo. Này thiện nam! Nếu Tỳ-kheo Thiện Tinh chẳng xuất gia thì cũng dứt mất căn lành, ở trong vô lượng đời đều không có lợi ích. Nay đã xuất gia rồi, tuy mất căn lành nhưng có thể trì giới, cúng dường, cung kính những bậc kỳ túc, trưởng thượng có đức, đã tu tập Sơ thiền cho đến Tứ thiền. Những điều này gọi là nhân lành, do nhân lành như vậy có thể sinh pháp thiện, pháp thiện đã sinh thì có thể tu tập đạo, đã tu tập đạo sẽ đạt được quả Bồ-đề vô thượng. Vì vậy nên Ta cho Thiện Tinh xuất gia. Này thiện nam! Nếu Ta chẳng cho Tỳ-kheo Thiện Tinh xuất gia thọ giới thì Ta chẳng được gọi là Như Lai đầy đủ mười lực.

Này thiện nam! Phật quán sát chúng sinh đầy đủ pháp thiện và pháp chẳng lành. Vì những người này tuy đầy đủ hai pháp như vậy nhưng chẳng bao lâu có thể dứt hẳn tất cả căn lành, mà đủ cả căn chẳng lành. Vì sao? Vì những chúng sinh này chẳng gần gũi bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng tu hành như pháp. Vì nhân duyên này nên có thể dứt mất căn lành, đầy đủ căn chẳng lành. Này thiện nam!

Như Lai lại biết người này đời hiện tại hoặc đời vị lai, lúc trẻ hoặc lúc già sẽ gần gũi bạn lành, được nghe và lãnh thọ chánh pháp Khổ - Tập - Diệt - Đạo thì bấy giờ căn lành có thể sinh trở lại. Này thiện nam! Ví như có khe suối cách xóm làng không xa, nước suối ngọt ngon đủ tám công đức. Có người nóng khát muốn đến chỗ khe suối. Bên bờ có người trí nhìn người khát này biết chắc chắn rằng sẽ đến bên chỗ nước. Vì sao? Vì không có con đường nào khác. Như Lai Thế Tôn quan sát các chúng sinh cũng như vậy, do vậy nên Như Lai gọi là biết đầy đủ các căn, lực.

Bấy giờ, Thế Tôn lấy một ít đất để trên móng tay rồi bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đất này nhiều hay đất nơi thế giới mười phương nhiều? Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đất trên móng tay đâu có thể sánh với đất trong thế giới mười phương.

–Này thiện nam! Số người xả bỏ thân trở lại được thân người, xả bỏ thân trong ba đường ác mà được thọ thân người, các căn đầy đủ, sinh ở chốn phồn thịnh, đầy đủ đức tin chân chánh có thể tu tập đạo, tu tập đạo rồi có thể được giải thoát, được giải thoát rồi có thể nhập Niết-bàn thì như số lượng đất trên móng tay. Còn số người xả bỏ thân người lại thọ thân ba đường ác, xả bỏ thân ba đường ác trở lại thọ thân ba đường ác, các căn chẳng đầy đủ, sinh ở chốn biên địa, tin vào tà kiến điên đảo, tu tập đạo tà, chẳng được giải thoát, thường ưa thích Niết-bàn thì nhiều như số đất trong thế giới mười phương. Này thiện nam! Số người giữ gìn giới cấm, siêng năng chẳng biếng trễ, chẳng phạm bốn trọng tội, chẳng tạo năm tội nghịch, chẳng lạm dụng vật của Tăng, chẳng làm Nhất-xiển-đề, chẳng dứt căn lành, tin kinh điển Niết-bàn này thì như số đất trên móng tay. Số người phá giới, biếng trễ, phạm bốn trọng tội, tạo năm tội nghịch, lạm dụng vật của Tăng, làm Nhất- xiển-đề, dứt các căn lành, chẳng tin kinh Niết-bàn này thì nhiều như số đất trong thế giới mười phương. Này thiện nam! Như Lai khéo biết căn tánh thượng, trung, hạ của chúng sinh như vậy, cho nên gọi Phật là bậc biết đầy đủ căn, lực.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai biết đầy đủ căn, lực này, cho nên có thể biết căn tánh thượng, trung, hạ, lợi căn, độn căn sai khác của tất cả chúng sinh, biết các căn tánh của chúng sinh trong đời hiện tại, cũng biết các căn tánh của chúng sinh trong đời vị lai, biết những chúng sinh này sau khi Phật diệt độ sẽ nói như vầy: “Đức Như Lai hoàn toàn nhập vào Niết-bàn, hoặc chẳng hoàn toàn nhập vào Niết-bàn, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, hoặc nói có thân trung ấm, hoặc nói không có thân trung ấm, hoặc nói có thoái thất, hoặc nói không thoái thất, hoặc nói thân Như Lai là hữu vi, hoặc nói thân Như Lai là vô vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp vô vi, hoặc nói tâm là thường trụ, hoặc nói tâm là vô thường, hoặc nói thọ hưởng năm dục lạc có thể chướng ngại Thánh đạo, hoặc nói chẳng chướng ngại, hoặc nói pháp Thế đệ nhất chỉ thuộc về cõi Dục, hoặc nói thuộc về cả ba cõi, hoặc nói bố thí chỉ thuộc nghiệp của ý, hoặc nói bố thí tức là năm ấm, hoặc nói có ba pháp vô vi, hoặc nói không có ba pháp vô vi. Lại có người nói có tạo sắc, hoặc không tạo sắc, hoặc nói cả có không tạo sắc, hoặc nói không không tạo sắc, hoặc nói có tâm và tâm sở, hoặc nói không có tâm và tâm sở, hoặc nói có năm đại chủng, hoặc nói có sáu đại chủng, hoặc nói thọ đầy đủ tám pháp trai giới Ưu-bà-tắc, hoặc nói được thọ Cụ túc, hoặc nói không thọ Cụ túc, hoặc nói Tỳ-kheo đã phạm bốn trọng tội rồi mà giới Tỳ-kheo vẫn còn, hoặc nói chẳng còn, hoặc nói bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A- na-hàm và A-la-hán đều được thành Phật đạo, hoặc nói chẳng được thành, hoặc nói chính nơi chúng sinh có Phật tánh, hoặc nói rời chúng sinh có Phật tánh, hoặc nói người phạm bốn trọng tội, tạo năm tội nghịch, hàng Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh, hoặc nói đều không có Phật tánh, hoặc nói có Phật mười phương, hoặc nói không có Phật mười phương”. Vậy Như Lai biết rốt ráo đầy đủ các căn, lực, tại sao hôm nay chẳng nói chắc chắn?

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Nghĩa như vậy chẳng phải nhãn thức biết được, cho đến chẳng phải ý thức biết được mà đây chính là chỗ biết của trí tuệ. Nếu đối với người có trí tuệ thì Ta không bao giờ nói hàng hai, người này cũng cho rằng Ta chẳng nói hàng hai. Đối với người vô trí thì Ta nói chẳng nhất định, và người vô trí cũng lại cho rằng Ta nói chẳng nhất định. Này thiện nam! Tất cả việc làm lành của Như Lai đều vì giáo hóa các chúng sinh. Ví như phương thuốc của lương y đều để chữa trị tất cả bệnh khổ. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn vì cõi nước, vì thời tiết, vì ngôn ngữ khác, vì mọi người, vì các căn tánh nên trong một pháp nói thành hai pháp, một danh nói thành vô lượng danh, trong một nghĩa nói thành vô lượng danh, trong vô lượng nghĩa nói thành vô lượng danh.

Thế nào là một danh nói thành vô lượng danh? Giống như Niết-bàn cũng gọi là Niết-bàn, cũng gọi là Vô sinh, cũng gọi là Vô xuất, cũng gọi là Vô tác, cũng gọi là Vô vi, cũng gọi là Quy y, cũng gọi là Quật trạch, cũng gọi là Giải thoát, cũng gọi là Quang minh, cũng gọi là Đăng minh, cũng gọi là Bỉ ngạn, cũng gọi là Vô úy, cũng gọi là Vô thoái, cũng gọi là An xứ, cũng gọi là Tịch tĩnh, cũng gọi là Vô tướng, cũng gọi là Vô nhị, cũng gọi là Nhất hạnh, cũng gọi là Thanh lương, cũng gọi là Vô ám, cũng gọi là Vô ngại, cũng gọi là Vô tránh, cũng gọi là Vô trược, cũng gọi là Quảng đại, cũng gọi là Cam lồ, cũng gọi là Cát tường. Đó gọi là một danh nói thành vô lượng danh.

Thế nào là một nghĩa nói thành vô lượng danh? Giống như Đế thích, cũng gọi là Kiều-thi-ca, cũng gọi là Bà-ta-bà, cũng gọi là Phú- lan-đà-la, cũng gọi là Ma-khư-bà, cũng gọi là Nhân-đà-la, cũng gọi là Thiên nhãn, cũng gọi là Kim cang, cũng gọi là Bửu đảnh, cũng gọi là Bửu-tràng. Đó gọi là một nghĩa nói thành vô lượng danh.

Thế nào là vô lượng nghĩa nói thành vô lượng danh? Như Phật Như Lai cũng gọi là Như Lai, nghĩa khác tên khác, cũng gọi là A-la-ha, nghĩa khác tên khác, cũng gọi là Tam-miệu-tam-phật-đà, nghĩa khác tên khác, cũng gọi là Thuyền Sư, cũng gọi là Đạo Sư, cũng gọi là Chánh Giác, cũng gọi là Minh Hạnh Túc, cũng gọi là Đại Sư Tử Vương, cũng gọi là Sa-môn, cũng gọi là Bà-la-môn, cũng gọi là Tịch Tĩnh, cũng gọi là Thí Chủ, cũng gọi là Đáo Bỉ Ngạn, cũng gọi là Đại Y Vương, cũng gọi là Đại Tượng Vương, cũng gọi là Đại Long Vương, cũng gọi là Thí Nhãn, cũng gọi là Đại Lực Sĩ, cũng gọi là Đại Vô Úy, cũng gọi là Bảo Tụ, cũng gọi là Thương Chủ, cũng gọi là Đắc Thoát, cũng gọi là Đại Trượng Phu, cũng gọi là Thiên Nhân Sư, cũng gọi là Đại Phân-đà-lợi, cũng gọi là Độc Vô Đẳng Lữ, cũng gọi là Đại Phước Điền, cũng gọi là Đại Trí Tuệ Hải, cũng gọi là Vô Tướng, cũng gọi là Cụ Túc Bát Trí. Như vậy là tất cả nghĩa khác danh khác. Này thiện nam! Đó gọi là trong vô lượng nghĩa nói thành vô lượng danh.

Lại có một nghĩa mà nói thành vô lượng danh. Đó là: Như ấm cũng gọi là ấm, cũng gọi là điên đảo, cũng gọi là đế, cũng gọi là bốn niệm xứ, cũng gọi là tứ thực, cũng gọi là chỗ ở của bốn thức, cũng gọi là hữu, cũng gọi là đạo, cũng gọi là thời, cũng gọi là chúng sinh, cũng gọi là thế, cũng gọi là Đệ nhất nghĩa, cũng gọi là ba pháp trí: Thân, giới và tâm, cũng gọi là nhân quả, cũng gọi là phiền não, cũng gọi là giải thoát, cũng gọi là mười hai nhân duyên, cũng gọi là Thanh văn, Phật-bích-chi, cũng gọi là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nhân, thiên, cũng gọi là quá khứ, hiện tại, vị lai. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn vì chúng sinh nên trong rộng mà nói lược, trong lược mà nói rộng, Đệ nhất nghĩa đế nói là Thế đế, nói pháp Thế đế là Đệ nhất nghĩa đế.

Thế nào gọi là trong rộng mà nói lược? Như Ta bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta giảng nói mười hai nhân duyên. Thế nào gọi là mười hai nhân duyên?

Đó là nhân quả.

Thế nào gọi là trong lược mà nói rộng? Như Ta bảo các Tỳ-kheo: Hôm nay Ta giảng nói về Khổ - Tập - Diệt - Đạo. Khổ nghĩa là vô lượng các khổ, Tập nghĩa là vô lượng phiền não, Diệt nghĩa là vô lượng giải thoát, Đạo nghĩa là vô lượng phương tiện.

Thế nào gọi là Đệ nhất nghĩa đế nói là Thế đế? Như Ta bảo các Tỳ-kheo: Nay thân này có già, bệnh, chết.

Thế nào gọi là Thế đế nói là Đệ nhất nghĩa đế? Như Ta bảo Kiều-trần-như: "Vì ông đắc pháp nên gọi là A-nhã Kiều-trần-như". Do vì tùy theo người, tùy theo ý, tùy theo thời như vậy, nên gọi Như Lai biết căn, lực. Này thiện nam! Đối với những nghĩa như vậy, nếu Ta nói chắc chắn thì Ta chẳng được gọi là Như Lai biết đầy đủ căn, lực. Này thiện nam! Người có trí nên biết, trọng lượng mà hương tượng chở chẳng phải sức lừa mang nổi. Vì hành nghiệp của tất cả chúng sinh có vô lượng nên Như Lai nói vô số vô lượng pháp cho họ. Vì sao? Vì do chúng sinh có nhiều các phiền não mà Như Lai chỉ nói một hạnh thì chẳng gọi Như Lai là bậc biết đầy đủ rốt ráo các căn lực. Do đó nên trong các kinh khác Ta có nói năm hạng chúng sinh chẳng nên vì họ nói năm loại pháp. Đó là đối với người chẳng tin chẳng tán thán chánh tín, đối với người phá giới cấm chẳng tán thán người trì giới, đối với người bỏn sẻn chẳng nên tán thán bố thí, vì người biếng trễ chẳng nên tán thán người kiến thức rộng, vì người ngu si nên chẳng tán thán trí tuệ. Vì sao? Vì nếu người trí vì năm hạng người này mà nói năm loại pháp trên đây thì nên biết người thuyết pháp này chẳng biết đầy đủ các căn, lực cũng chẳng được gọi là thương xót chúng sinh. Vì sao? Vì năm hạng người này nghe năm điều trên sẽ sinh tâm chẳng tin, tâm ác và tâm sân hận, vì nhân duyên này mà chịu lấy quả khổ trong vô lượng đời. Do đó nên chẳng gọi là thương xót chúng sinh, biết đầy đủ căn, lực. Vì vậy nên trước kia trong các kinh khác, Ta bảo Xá-lợi-phất: Ông phải cẩn thận, chớ vì người lợi căn mà giảng nói pháp rộng rãi, chớ vì người độn căn mà thuyết pháp tóm lược.

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con chỉ vì thương xót nên nói pháp, chẳng phải là đầy đủ căn lực mà nói.

Phật bảo:

–Này thiện nam! Thuyết pháp hoặc rộng hoặc lược là cảnh giới của Phật, chẳng phải các hàng Thanh văn và Duyên giác có thể biết được. Này thiện nam! Như lời ông nói, sau khi Phật nhập Niết-bàn, các đệ tử đều nói khác nhau, những người như vậy đều vì nhân duyên điên đảo nên chẳng được chánh kiến, vì chẳng được chánh kiến nên chẳng thể lợi mình và lợi người. Này thiện nam! Các chúng sinh này chẳng phải chỉ một tánh, một hạnh, một căn, một cõi nước, một thiện tri thức. Do đó nên Như Lai diễn nói vô số pháp cốt yếu cho họ. Vì nhân duyên này nên chư Phật Như Lai trong mười phương vì chúng sinh mà dạy bảo diễn nói Mười hai bộ loại kinh văn. Này thiện nam! Như Lai giảng nói Mười hai bộ loại kinh văn đây chẳng phải để lợi cho mình mà chỉ vì lợi ích cho người, vì vậy nên lực thứ năm của Như Lai gọi là Giải lực. Do hai lực này nên Như Lai biết rõ người này hiện tại có thể dứt căn lành, người này đời sau có thể dứt căn lành, người này hiện tại có thể được giải thoát, người này đời sau có thể giải thoát. Vì vậy, Như Lai được gọi là Vô Thượng Lực Sĩ.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXIV

PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 2

Này thiện nam! Nếu nói rằng Đức Như Lai hoàn toàn nhập Niết-bàn hay chẳng hoàn toàn nhập Niết-bàn thì do người này không hiểu ý của Như Lai nên nói như vậy.

Này thiện nam! Trong núi Hương này có năm vạn ba ngàn vị tiên nhân, đều ở chỗ Đức Phật Ca-diếp trong đời quá khứ tu tập các công đức chưa chứng đắc chánh đạo, gần gũi các Đức Phật nghe thọ chánh pháp. Như Lai vì muốn độ những vị tiên nhân này nên bảo A-nan: "Ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn". Chư Thiên nghe rồi lần lượt truyền lời này cho đến núi Hương. Các vị tiên nghe rồi sinh lòng hối hận nói: "Tại sao chúng ta được sinh trong loài người mà không gần gũi Đức Phật. Chư Phật Như Lai xuất hiện ở đời rất khó gặp như hoa Ưu-đàm. Nay chúng ta nên đến chỗ Đức Thế Tôn để nghe chánh pháp". Này thiện nam! Lúc ấy, năm vạn ba ngàn vị tiên liền đến chỗ Ta, Ta liền tùy căn cơ của họ mà thuyết pháp:

“Này các Đại sĩ! Sắc là vô thường. Vì sao? Vì nhân duyên của sắc vô thường. Sắc đã do vô thường sinh thì đâu phải là thường, cho đến thức cũng như vậy”. Bấy giờ, các vị tiên nghe pháp rồi, liền chứng đắc quả A-la-hán.

Này thiện nam! Trong thành Câu-thi-na-kiệt có ba mươi vạn lực sĩ không chịu quy phục ai, tự thị kiêu mạn, phóng túng ỷ mình có sắc đẹp, sức lực, mạng sống, của cải nên tâm điên cuồng tán loạn. Thiện nam! Ta vì muốn điều phục các lực sĩ ấy nên bảo Tôn giả Mục-liên: “Ông nên điều phục các lực sĩ ấy”. Lúc đó Mục-kiền-liên vâng lời Ta, trong suốt năm năm dùng nhiều cách giáo hóa nhưng không thể khiến cho một lực sĩ nào điều phục lãnh thọ pháp. Cho nên, Ta lại vì những lực sĩ ấy mà bảo A-nan: “Sau ba tháng nữa Như Lai sẽ nhập Niết-bàn”.

Này thiện nam! Khi ấy, các lực sĩ nghe tin này rồi cùng nhau tụ họp sửa sang đường sá. Ba tháng sau, lúc Ta từ nước Tỳ-xá-ly đi đến thành Câu-thi-na, giữa đường, từ xa nhìn thấy các lực sĩ. Ta liền hóa thân làm Sa-môn đến chỗ các lực sĩ bảo: “Các đồng tử làm việc gì thế?”. Các lực sĩ nghe rồi nổi giận nói: “Này Sa-môn! Tại sao ông gọi bọn chúng tôi là đồng tử?”. Ta bảo: “Nay các ngươi gồm tất cả ba mươi vạn người chung sức lại cũng không thể dời được hòn đá nhỏ này. Sao lại không gọi là đồng tử!”. Các lực sĩ nói: “Nếu ông cho rằng chúng tôi là đồng tử thì nên biết ông là người lớn?”.

Này thiện nam! Lúc đó, Ta dùng hai ngón chân hất văng hòn đá ấy. Các lực sĩ thấy việc ấy rồi liền sinh khiếp sợ nói: “Này Sa-môn! Nay ông có thể dời hòn đá này ra khỏi con đường chăng?”. Ta bảo: “Này các đồng tử! Do nhân duyên gì mà sửa sang con đường này?”. Các lực sĩ nói: “Này Sa-môn! Ông không biết chăng! Đức Thích Ca Như Lai sẽ do con đường này đi đến rừng Ta-la để nhập Niết-bàn, vì nhân duyên này chúng tôi sửa sang bằng phẳng”. Lúc ấy, Ta khen: “Lành thay! Lành thay! Các đồng tử đã phát tâm thiện như vậy, Ta sẽ vì các ngươi mà dẹp bỏ hòn đá này”. Lúc ấy, Ta dùng tay nâng hòn đá lớn ném lên cao đến cõi trời Sắc Cứu Cánh (A-ca-ni-tra). Các lực sĩ thấy hòn đá ở giữa hư không đều kinh sợ muốn chạy tránh. Ta lại bảo: “Các lực sĩ, các người không nên sinh tâm sợ hãi chạy tránh”. Các lực sĩ nói: “Thưa Sa-môn! Nếu ai có thể cứu giúp chúng tôi, chúng tôi sẽ đứng yên”. Lúc ấy, Ta lấy tay hứng hòn đá đặt trên bàn tay mặt. Các lực sĩ thấy vậy sinh tâm vui mừng, hỏi: “Sa-môn! Hòn đá này là thường hay vô thường?” Ta liền dùng miệng thổi hòn đá tan hoại giống như hạt bụi. Các lực sĩ thấy vậy bèn cất tiếng xướng: “Sa-môn! Hòn đá ấy là vô thường”. Họ liền sinh lòng hổ thẹn tự trách: “Tại sao chúng ta ỷ vào sự tự do, sắc đẹp, sức khỏe, tuổi thọ, của cải mà sinh kiêu mạn!”. Ta biết được tâm của họ, liền bỏ hóa thân trở lại thân hình như trước mà thuyết pháp cho họ. Thấy như vậy rồi, tất cả các lực sĩ đều phát tâm Bồ-đề.

Này thiện nam! Nơi thành Câu-thi-na có người thợ tên là Thuần- đà. Người này thuở ở chỗ Đức Phật Ca-diếp đã phát nguyện lớn: “Lúc Đức Thích Ca Như Lai sắp nhập Niết-bàn, Ta sẽ cúng dường bữa ăn cuối cùng”. Vì thế, Ta ở nước Tỳ-xá-ly bảo Tỳ-kheo Ưu-bà-ma-na: “Này thiện nam! Ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn ở giữa rừng Ta-la song thọ trong thành Câu-thi-na. Ông nên đến báo cho Thuần-đà biết”.

Này thiện nam! Trong thành Vương-xá có vị Tiên nhân chứng năm thông tên là Tu-bạt-đà một trăm hai mươi tuổi, tự xưng là bậc Nhất thiết trí tâm rất kiêu mạn. Vị này ở đời quá khứ đã gieo trồng các căn lành nơi vô lượng Đức Phật. Ta cũng vì muốn điều phục vị tiên này nên bảo A-nan: “Ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn”. Tu-bạt-đà nghe tin ấy rồi sinh lòng tin kính đến chỗ Ta, Ta đã vì vị tiên ấy thuyết pháp. Vị ấy nghe rồi chứng đắc lậu tận.

Này thiện nam! Vua nước La-duyệt-kỳ là Tần-bà-sa-la có thái tử tên là Thiện-kiến, vì nhân duyên của nghiệp nên sinh tâm ác nghịch muốn giết vua cha mà chưa có cơ hội. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa cũng do nghiệp duyên của nghiệp quá khứ nên sinh tâm ác muốn hại Ta, bèn tu tập và không bao lâu chứng đắc năm thông cùng làm bạn thân với thái tử Thiện-kiến, vì thái tử mà hiện vô số việc thần thông: Từ chỗ không cửa ra, từ cửa mà vào, từ cửa mà ra, từ chỗ không cửa mà vào, hoặc có lúc thị hiện thân voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Thái tử Thiện-kiến thấy như vậy sinh tâm thương mến, tâm vui vẻ, tâm tin kính. Do đó ra lệnh thiết bày đủ các thứ phẩm vật cúng dường. Thái tử lại thưa: "Bạch Đại sư Thánh nhân! Nay tôi muốn thấy hoa Mạn-đà-la". Đề-bà-đạt-đa liền lên cung trời Đao-lợi, đến chỗ chư Thiên để xin hoa. Vì phước báo hết nên không ai cho. Đề-bà-đạt-đa xin không được hoa liền suy nghĩ: "Cây Mạn-đà-la không có ngã và ngã sở, nếu ta tự lấy bông thì có tội gì". Vừa muốn lấy thì mất thần thông, lại thấy mình đang ở thành Vương-xá, sinh tâm hổ thẹn không dám đến gặp thái tử Thiện-kiến. Đề-bà-đạt-đa lại suy nghĩ: "Nay ta đến chỗ Như Lai xin đại chúng. Nếu Phật cho, ta sẽ tùy ý sai bảo Xá-lợi-phất v.v…". Lúc ấy, Đề-bà- đạt-đa liền đến chỗ Ta thưa: "Ngưỡng mong Như Lai, đem đại chúng này giao phó cho tôi, tôi sẽ dùng nhiều cách thuyết pháp giáo hóa để điều phục họ". Ta bảo: "Này người ngu si! Xá-lợi-phất v.v… là bậc thông minh đại trí được người đời tin phục Ta còn chưa đem đại chúng giao phó, huống ông là người ngu si ăn nước miếng của kẻ khác!”. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa lại khởi tâm rất ác đối với Ta và nói: “Này Cù-đàm!

Nay ông điều phục đại chúng, thế lực chẳng bao lâu sẽ bị tiêu diệt”. Vừa nói xong, mặt đất liền chấn động, làm cho Đề-bà-đạt-đa té xuống đất, ở bên thân phát ra luồng gió mạnh thổi bụi đất dơ lấm cả thân. Đề- bà-đạt-đa thấy tướng xấu ấy liền nói: “Nếu thân của ta hiện tại phải bị đọa vào địa ngục A-tỳ thì ta phải báo oán thù lớn này”. Đề-bà-đạt-đa liền đến chỗ thái tử Thiện-kiến. Thái tử Thiện-kiến trông thấy liền hỏi: “Thánh nhân vì sao dung mạo tiều tụy, sắc diện lo buồn?”. Đề-bà-đạt- đa nói: “Ta thường như vậy, thái tử không biết chăng?”. Thái tử đáp: “Xin ông nói rõ vì nguyên nhân gì?”. Đề-bà-đạt-đa nói: “Nay ta với thái tử rất thân mến nhau, người ngoài mắng nhiếc thái tử là không có đạo lý. Ta nghe việc này sao không buồn được!”. Thái tử Thiện-kiến lại hỏi: “Người ta mắng nhiếc tôi thế nào?”. Đề-bà-đạt-đa nói: “Người ta mắng nhiếc thái tử là Vị sinh oán”. Thái tử bảo: “Vì sao gọi tôi là Vị sinh oán, ai đặt ra tên ấy?”. Đề-bà-đạt-đa nói: “Lúc thái tử chưa sinh, tất cả các thầy tướng đều nói: “Đứa trẻ này ra đời sẽ giết hại vua cha”. Do đó, người ngoài đều gọi thái tử là Vị sinh oán. Tất cả người trong cung vì muốn thái tử vui nên gọi là Thiện-kiến. Phu nhân Vi-đề nghe việc ấy rồi, lúc sinh ra thái tử liền từ trên lầu cao ném xuống đất, làm thái tử gãy mất một ngón tay. Do nhân duyên này nên mọi người gọi tên Thái tử là Bà-la-lưu-chỉ. Tôi nghe những việc này rồi trong lòng lo buồn, nhưng lại chẳng dám nói với Thái tử”. Đề-bà-đạt-đa đem những việc ác như vậy xúi thái tử giết vua cha và bảo: “Nếu thái tử giết vua cha, thì ta cũng có thể giết Sa-môn Cù-đàm”. Thái tử Thiện-kiến hỏi một đại thần tên là Vũ Hành: “Đại vương vì sao đặt tên cho ta là Vị sinh oán?”. Đại thần liền thuật lại đầu đuôi sự việc đúng như lời Đề- bà-đạt-đa không khác. Thái tử nghe xong liền cùng đại thần bắt vua cha giam ngoài thành, sai bốn đội binh canh giữ. Phu nhân Vi-đề nghe việc ấy liền đến thăm vua. Những người canh giữ vua ngăn cản không cho vào. Lúc ấy, phu nhân giận dữ bèn quở mắng. Các người canh giữ liền tâu với thái tử: “Tâu đại vương! Phu nhân muốn vào thăm tiên vương. Có nên cho hay không?”. Thái tử nghe xong giận dữ đi đến chỗ mẹ, nắm tóc rút gươm muốn chém. Bấy giờ, Kỳ-bà thưa: “Tâu đại vương! Từ khi lập quốc đến nay dù tội rất nặng cũng không xử người nữ huống là mẹ đẻ!”. Thái tử Thiện-kiến nghe lời này rồi liền nể Kỳ-bà nên thả phu nhân, và cấm cung cấp các thứ quần áo, giường nằm, thức ăn uống, thuốc men cho vua cha. Qua bảy ngày vua cha chết. Thái tử thấy vua cha mất mới sinh lòng hối hận.

Đại thần Vũ Hành dùng những pháp ác tà mà tâu với vua: “Tâu đại vương! Tất cả việc làm đều không có tội, sao nay đại vương lại sinh lòng hối hận?”. Kỳ-bà thưa: “Đại vương nên biết! Việc làm của đại vương gồm hai tội nặng: Một là giết hại vua cha, hai là giết Tu-đà-hoàn. Tội nặng như vậy, trừ Phật không ai có thể làm cho tội đó được tiêu trừ”. Vua Thiện-kiến nói: “Đức Như Lai là bậc thanh tịnh không cấu uế, ta là người nhiều tội lỗi làm sao dám đến gặp”.

Này thiện nam! Ta biết việc ấy rồi nên bảo A-nan: “Sau ba tháng nữa Ta sẽ nhập Niết-bàn”. Vua Thiện-kiến nghe tin này liền đến chỗ Ta, Ta vì Thiện-kiến mà thuyết pháp, nhờ đó tội nặng được giảm bớt, chứng được vô căn tín. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này rồi, không hiểu ý Ta, nên cho rằng Như Lai nói chắc chắn là rốt ráo nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Một là thật nghĩa, hai là giả danh. Bồ-tát giả danh nghe tin Ta sau ba tháng sẽ nhập Niết-bàn, đều sinh tâm thoái lui mà nói: “Đức Như Lai còn vô thường, không tồn tại, vì sao chúng ta lại vì sự vô thường ấy mà phải chịu khổ não lớn trong vô lượng đời! Đức Như Lai Thế Tôn thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà không phá hoại được ma chết, huống hồ bọn chúng ta làm sao có thể phá hoại được!”.

Này thiện nam! Do đó Ta vì hạng Bồ-tát này nói rằng Như Lai thường trụ không có biến đổi. Thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý Ta, nên cho rằng Như Lai chẳng rốt ráo nhập Niết-bàn. Thiện nam! Có những chúng sinh khởi sinh đoạn kiến cho rằng tất cả chúng sinh sau khi thân diệt, nghiệp thiện ác không có người lãnh thọ. Ta vì những người này nói rằng quả báo thiện ác thật có người lãnh thọ. Vì sao biết có? Thiện nam! Thuở quá khứ ở thành Câu-thi-na, có vua tên là Thiện-kiến, lúc làm đồng tử trải qua tám vạn bốn ngàn tuổi, lúc lên ngôi vua cũng trải qua tám vạn bốn ngàn tuổi. Vua ngồi một mình suy nghĩ: “Chúng sinh phước mỏng, tuổi thọ ngắn ngủi, thường có bốn thứ oán theo đuổi mà chúng sinh không biết nên mãi buông lung. Vì thế ta phải xuất gia tu hành dứt tuyệt bốn thứ oán sinh, già, bệnh, chết”. Vua liền sắc lệnh cho quan lại xây giảng đường bằng bảy báu ở ngoài thành. Xây dựng xong, vua bảo quần thần, trăm quan cùng hậu phi, các vương tử và quyến thuộc trong cung: “Các ngươi nên biết! Ta muốn xuất gia, có thể được không?”. Lúc ấy, các đại thần cùng quyến thuộc đều nói: “Lành thay! Đại vương! Thật là đúng lúc!”. Khi ấy vua Thiện-kiến cùng một người hầu đến giảng đường, trải qua tám vạn bốn ngàn năm tu tập tâm từ, nhờ nhân duyên tu tập tâm từ này nên sau đó trải qua tám muôn bốn ngàn đời tiếp theo được làm Chuyển luân Thánh vương.

Này thiện nam! Lúc ấy Thiện-kiến đâu phải người nào lạ mà chính là thân Ta.

Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời này không hiểu ý Ta nên xướng lên rằng Đức Như Lai nói quyết định có ngã và có ngã sở. Lại có lúc, Ta vì các chúng sinh mà nói ngã tức là tánh. Nghĩa là những nhân duyên trong, ngoài, mười hai nhân duyên, chúng sinh, năm ấm, tâm, giới, thế gian, công đức, hạnh nghiệp, cõi trời Tự Tại, đó gọi là ngã. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta bèn cho rằng Đức Như Lai nói quyết định có ngã. Thiện nam! Lại một lần khác có một Tỳ-kheo đến chỗ Ta thưa: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ngã? Ai là ngã? Duyên gì mà có ngã?”. Ta vì Tỳ-kheo ấy mà bảo: “Này Tỳ- kheo! Không có ngã và ngã sở. Mắt thì trước không mà nay có, có rồi trở lại không. Lúc nó sinh không từ đâu đến, lúc nó diệt cũng không đến đâu. Tuy có nghiệp quả mà không có tác giả, không có ai rời bỏ ấm cũng không có ai thọ lấy ấm. Như lời ông hỏi thế nào là ngã, thì ngã đó chính là thời kỳ vậy. Ai là ngã thì chính là nghiệp. Duyên gì mà có ngã thì chính là ái. Này Tỳ-kheo! Như hai tay vỗ vào nhau thì trong đó phát ra tiếng. Ngã cũng như vậy, chúng sinh, nghiệp, ái, do ba nhân duyên này nên gọi đó là ngã. Này Tỳ-kheo! Sắc của tất cả chúng sinh không phải là ngã. Trong ngã không có sắc, trong sắc không có ngã, cho đến thức cũng như vậy. Này Tỳ-kheo! Các hàng ngoại đạo tuy nói là có ngã nhưng hoàn toàn không lìa ấm. Nếu cho rằng có ngã riêng ngoài ấm thì không có lẽ ấy. Hành nghiệp của tất cả chúng sinh như huyễn hóa, như sóng nắng. Này Tỳ-kheo! Năm ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh”.

Này thiện nam! Lúc ấy, có vô lượng các Tỳ-kheo quán năm ấm là vô ngã, vô ngã sở, chứng đắc quả A-la-hán.

Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta bèn cho rằng Như Lai nói quyết định vô ngã. Thiện nam! Trong kinh Ta lại nói do ba yếu tố hòa hợp mà được thọ thân: Một là cha, hai là mẹ, ba là thân trung ấm. Ba yếu tố này hòa hợp mà được thọ thân. Hoặc có lúc Ta nói bậc A-na-hàm hiện nhập Niết-bàn, hoặc nơi thân trung ấm mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại nói thân căn trung ấm đầy đủ sáng suốt đều do hạnh nghiệp đời trước như đề hồ trong sạch. Thiện nam! Hoặc có lúc Ta nói rằng chúng sinh tệ ác thọ thân trung ấm như vải lông thô nhám của thế gian. Chúng sinh thuần thiện thọ thân trung ấm như lụa trắng ở Ba-la-nại. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta bèn cho rằng Như Lai nói có thân trung ấm. Thiện nam! Ta lại vì những chúng sinh phạm tội ngũ nghịch mà nói rằng kẻ tạo năm tội nghịch sau khi chết thẳng vào địa ngục A-tỳ. Ta lại nói

Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi sau khi chết thẳng vào địa ngục A-tỳ, ở khoảng giữa không có chỗ dừng nghỉ. Ta lại vì Phạm chí Độc-tử mà nói: “Này Phạm-chí! Nếu có thân trung ấm thì có sáu cõi”. Ta lại nói chúng sinh cõi Vô sắc không có thân trung ấm. Thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta bèn cho rằng Phật nói quyết định không có thân trung ấm.

Này thiện nam! Trong kinh Ta lại nói có thoái thất. Vì sao? Nhân nơi vô lượng sự biếng nhác, các Tỳ-kheo không tu hành nên nói có năm điều thoái thất: Một là thích nhiều việc, hai là thích nói việc đời, ba là thích ngủ nghỉ, bốn là thích gần người tại gia, năm là thích đi nhiều. Do nhân duyên này khiến cho Tỳ-kheo thoái thất. Nhân duyên thoái thất lại có hai thứ: Một là trong, hai là ngoài. Bậc A-la-hán tuy xa lìa nhân bên trong nhưng không xa lìa nhân bên ngoài. Do nhân duyên bên ngoài nên sinh phiền não. Vì sinh phiền não nên bị thoái thất.

Lại có Tỳ-kheo tên là Cù-để, sáu phen thoái thất sinh lòng hổ thẹn lại tiến tu đến lần thứ bảy liền được, được rồi sợ thoái thất liền dùng dao tự hại. Ta lại có lúc nói giải thoát hoặc nói sáu hạng A-la- hán. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta bèn cho rằng Như Lai nói quyết định có thoái thất.

Này thiện nam! Trong kinh lại nói: Như gỗ đã cháy thành than thì không còn là gỗ. Cũng như bình đã bể thì không còn công dụng của bình. Phiền não cũng như vậy, A-la-hán đã đoạn dứt thì hoàn toàn không sinh trở lại. Ta cũng nói chúng sinh có ba thứ nhân sinh phiền não: Một là chưa đoạn dứt phiền não, hai là không đoạn dứt nhân duyên, ba là không khéo suy nghĩ. Bậc A-la-hán không còn hai nhân duyên, đó là đoạn dứt phiền não và khéo suy nghĩ.

Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này rồi không hiểu ý Ta cho rằng Như Lai nói quyết định không thoái thất.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói, thân của Như Lai có hai thứ: Một là sinh thân, hai là pháp thân. Nói sinh thân tức là thân phương tiện ứng hóa; thân này có thể nói là thân sinh, già, bệnh, chết, dài, ngắn, trắng, đen, là đây, là kia, là học, là vô học. Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý Ta bèn cho rằng Như Lai nói quyết định thân Phật là pháp hữu vi.

Pháp thân tức là thân thường, lạc, ngã, tịnh, hoàn toàn xa lìa sinh, già, bệnh, chết. Chẳng phải trắng, chẳng phải đen, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải đây, chẳng phải kia, chẳng phải học, chẳng phải vô học. Nếu Phật ra đời hay không ra đời thì thân ấy vẫn thường trụ chẳng động, không biến đổi. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này rồi không hiểu ý Ta, cho rằng

Như Lai nói quyết định thân Phật là pháp vô vi.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói: “Thế nào là mười hai nhân duyên? Do vô minh sinh ra hành, do hành sinh thức, do thức sinh danh sắc, do danh sắc sinh sáu nhập, do sáu nhập sinh xúc, do xúc sinh thọ, do thọ sinh ái, do ái sinh sinh thủ, do thủ sinh hữu, do hữu sinh ra sinh, do sinh nên có già chết buồn khổ”. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta cho rằng Như Lai nói mười hai nhân duyên quyết định là hữu vi. Lại có lúc Ta bảo các Tỳ-kheo: “Mười hai nhân duyên tánh tướng là thường trụ, dù có Phật hay không có Phật”. Này thiện nam! Có mười hai nhân duyên không do duyên sinh. Có pháp từ duyên sinh chẳng phải là mười hai duyên, có pháp từ duyên sinh cũng là mười hai duyên. Có pháp chẳng phải duyên sinh cũng chẳng phải là mười hai duyên. Có pháp mười hai duyên chẳng phải duyên sinh là mười hai chi đời vị lai. Có pháp từ duyên sinh mà chẳng phải là mười hai duyên, đó là năm ấm của A-la-hán. Có pháp từ duyên sinh cũng là mười hai duyên, đó là năm ấm, mười hai nhân duyên phàm phu. Có pháp chẳng phải duyên sinh, chẳng phải mười hai duyên, đó là hư không, Niết-bàn. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, liền cho rằng Như Lai nói mười hai nhân duyên quyết định là vô vi.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói, tất cả chúng sinh tạo nghiệp thiện hay ác, khi chết, bốn đại liền tan rã. Người tạo toàn nghiệp thiện tâm liền đi lên, người tạo thuần nghiệp ác tâm liền đi xuống. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, nên cho rằng Như Lai nói tâm quyết định là thường.

Này thiện nam! Một thuở kia, Ta nói với vua Tần-bà-sa-la: “Này đại vương! Nên biết sắc là vô thường. Vì sao? Vì từ nhân vô thường mà sinh ra sắc. Nếu sắc từ nhân vô thường mà sinh, thì người trí tại sao nói sắc là thường. Nếu sắc thường lẽ ra không hoại diệt, sinh các khổ não. Nay thấy sắc này tan rã hoại diệt nên biết sắc là vô thường. Cho đến thức cũng như vậy”. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, cho rằng Như Lai nói tâm quyết định đoạn diệt.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói, các đệ tử của Ta lãnh thọ những hương hoa, vàng bạc, châu báu, vợ con, tôi tớ, tám vật bất tịnh, chứng đắc chánh đạo, chứng chánh đạo rồi cũng chẳng rời bỏ. Các đệ tử của Ta nghe lời này rồi không hiểu ý Ta nên quả quyết rằng Như Lai nói hưởng thọ năm thứ dục không chướng ngại Thánh đạo. Lại có lúc Ta nói người tại gia mà chứng được chánh đạo là điều không thể xảy ra. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, cho rằng Như Lai nói hưởng thọ năm thứ dục quyết định chướng ngại chánh đạo.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói, xa lìa phiền não chưa được giải thoát, giống như ở cõi Dục tu tập pháp thế đệ nhất. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, cho rằng Như Lai nói pháp đệ nhất chỉ là cõi Dục. Lại có lúc Ta nói, pháp noãn, pháp đảnh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất ở nơi Sơ thiền đến Tứ thiền. Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của Ta bèn cho rằng Như Lai nói bốn pháp ấy thuộc cõi Sắc. Ta nói, các hàng ngoại đạo đã dứt được phiền não ở Tứ thiền, tu tập pháp noãn, pháp đảnh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất, quán bốn đế chứng quả A-na-hàm. Các đệ tử của Ta nghe lời này rồi không hiểu ý của Ta cho rằng Như Lai nói pháp thế đệ nhất thuộc cõi Vô sắc.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói, trong bốn thứ bố thí có ba thứ trong sạch: Một là thí chủ tin nhân, tin quả, tin bố thí; người thọ không tin nhân, quả và bố thí. Hai là người thọ tin nhân, quả bố thí; thí chủ không tin nhân quả và bố thí. Ba là thí chủ và người thọ cả hai đều có lòng tin. Bốn là thí chủ và người nhận cả hai đều không có lòng tin. Bốn thứ bố thí này ba loại đầu là trong sạch. Các đệ tử của Ta nghe lời này, không hiểu ý của Ta nên cho rằng Như Lai nói bố thí chỉ thuộc nơi ý.

Này thiện nam! Có lúc Ta lại nói, người bố thí lúc bố thí đem năm việc ra bố thí. Những gì là năm? Một là bố thí sắc, hai là bố thí sức lực, ba là bố thí sự an ổn, bốn là bố thí mạng sống, năm là bố thí biện tài. Do nhân duyên này thí chủ trở lại được năm quả báo. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta nên cho rằng Phật nói bố thí tức là năm ấm.

Này thiện nam! Có một lúc Ta nói rằng, Niết-bàn tức là viễn ly, phiền não đã diệt hết không còn pháp gì sinh trở lại, như đèn đã tắt. Nói hư không tức là không có gì, như thế gian không có gì nên gọi là hư không, chẳng phải do duyên trí mà diệt, tức là không có gì. Nếu như hư không có lẽ ra phải có nhân duyên, có nhân duyên lẽ ra phải có diệt tận. Bởi hư không là không nên không có sự diệt tận. Các đệ tử của Ta nghe lời này rồi không hiểu ý Ta nên cho rằng Đức Phật nói không có ba pháp vô vi. Này thiện nam! Ta có lần bảo Tôn giả Mục- kiền-liên: "Này Mục-kiền-liên! Luận về Niết-bàn tức là chương cú, tức là dấu vết, là chỗ rốt ráo, là chỗ không sợ hãi, là bậc Đại sư, là quả lớn, là trí rốt ráo, là Tam-muội đại nhẫn vô ngại, là đại pháp giới, là vị cam lồ, là khó thấy. Này Mục-kiền-liên! Nếu nói không có Niết-bàn, tại sao có người sinh tâm hủy báng Niết-bàn bị đọa vào địa ngục?". Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta nên cho rằng Như Lai nói có Niết-bàn.

Lại một lúc khác Ta bảo Mục-kiền-liên: “Này Mục-kiền-liên! Mắt không bền chắc cho đến thân cũng vậy, đều không bền chắc, vì không bền chắc nên gọi là hư không, như ăn nuốt xuống xong rồi chuyển đến chỗ tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều gọi là hư không”. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, cho rằng Như Lai nói quyết định có hư không vô vi. Ta lại bảo Mục-kiền-liên: “Này Mục-kiền- liên! Có người chưa chứng được quả Tu-đà-hoàn, lúc trụ nơi pháp nhẫn, dứt vô lượng quả báo nơi ba đường ác, nên biết chẳng phải từ nơi trí mà đoạn diệt”. Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý Ta bèn cho rằng Như Lai nói quyết định có pháp chẳng phải do trí mà đoạn diệt.

Này thiện nam! Lại lúc khác, Ta nói với Tỳ-kheo Bạt-ba: “Này Bạt-ba! Nếu Tỳ-kheo quán sắc: hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc gần, hoặc xa, hoặc thô, hoặc tế, những sắc như vậy, chẳng phải ngã và ngã sở thì có thể dứt được lòng tham ái nơi sắc”. Bạt-ba lại hỏi: “Thế nào gọi là sắc?”. Ta đáp: “Bốn đại gọi là sắc, bốn ấm gọi là danh”. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu được ý Ta bèn cho rằng Như Lai nói quyết định sắc là bốn đại.

Này thiện nam! Ta lại nói, ví như nhờ có gương mà có hình bóng hiện ra, sắc cũng như vậy, nhân nơi bốn đại tạo thành, đó là thô, tế, trơn, rít, xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông tròn, cong, thẳng, nặng nhẹ, nóng, lạnh, đói, khát, khói bụi, mây mù. Đó gọi là những sắc do bốn đại tạo, giống như âm vang, hình bóng. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta nên bảo Như Lai nói có bốn đại thì có sắc do bốn đại tạo, hoặc nói có bốn đại không có sắc tạo.

Này thiện nam! Lúc xưa Vương tử Bồ-đề nói: "Nếu có Tỳ-kheo giữ giới mà khởi tâm ác, thì nên biết lúc đó vị ấy mất giới Tỳ-kheo". Ta nghe lời này liền bảo Vương tử Bồ-đề: "Giới có bảy thứ, từ nơi thân và miệng mà có sắc vô tác. Do nhân duyên của sắc vô tác nên tuy tâm của Tỳ-kheo ở trong ác, vô ký nhưng không gọi là mất giới mà vẫn còn gọi là trì giới. Do nhân duyên gì gọi là sắc vô tác? Chẳng phải nhân của sắc khác, chẳng tạo ra quả của sắc khác. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta cho rằng Phật nói có sắc vô tác. Này thiện nam! Trong các kinh khác Ta nói: "Giới chính là ngăn chế pháp ác, nếu không làm ác thì gọi là trì giới. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta cho rằng Như Lai nói quyết định không có sắc vô tác".

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói sắc ấm của Thánh nhân cho đến thức ấm đều là do vô minh sinh ra. Tất cả phàm phu đều cũng như vậy, từ vô minh sinh ra ái, nên biết ái đó chính là vô minh. Từ ái sinh ra thủ nên biết thủ đó chính là vô minh ái. Từ thủ sinh hữu, hữu đó chính là vô minh ái thủ. Từ hữu sinh ra thọ nên biết thọ chính là hành, hữu. Từ thọ sinh ra danh sắc, vô minh, ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, sáu nhập v.v... do đó thọ tức là mười hai chi phần nhân duyên. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý Ta nên cho rằng Như Lai nói không có tâm sở.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói, từ nơi nhãn, sắc, ánh sáng và ác dục v.v… do bốn thứ này sinh ra nhãn thức. Nói ái dục chính là vô minh, lúc tánh dục mong cầu gọi là ái, ái làm nhân duyên cho thủ, thủ gọi là nghiệp, nghiệp làm nhân duyên cho thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên tưởng, thọ, ái, tín, tinh tấn, định, tuệ. Những pháp này nhân nơi xúc mà sinh nhưng chẳng phải là xúc. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý Ta liền cho rằng Như Lai nói có tâm sở.

Này thiện nam! Hoặc có lúc Ta chỉ nói có một cõi, hoặc nói hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín cho đến hai mươi lăm cõi. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta nên cho rằng Như Lai nói có năm cõi hoặc sáu cõi.

Này thiện nam! Lúc trước Ta ở rừng Ni-câu-đà tại thành Ca-tỳ- la-vệ, Thích Ma-nam đến chỗ Ta thưa: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Ưu-bà-tắc?”. Ta nói: “Nếu có thiện nam hoặc thiện nữ nào, các căn đầy đủ lãnh thọ ba pháp quy y, thì gọi là Ưu-bà-tắc”. Thích Ma-nam thưa: “Bạch Thế Tôn! Sao gọi là nhất phần Ưu-bà-tắc?”. Ta bảo: “Này Ma-nam! Nếu có người thọ ba pháp quy y và một giới thì gọi là nhất phần Ưu-bà-tắc”. Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý của Ta cho rằng Như Lai nói giới của Ưu-bà-tắc không được thọ đầy đủ.

Này thiện nam! Lại một lúc kia Ta ở bên sông Hằng, bấy giờ Ca- chiên-diên đến chỗ Ta thưa: “Bạch Thế Tôn! Con giáo hóa chúng sinh khiến họ thọ pháp Bát quan trai, hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một giờ, hoặc một niệm. Những người này được thành pháp Bát quan trai chăng?”. Ta bảo: “Này Tỳ-kheo! Những người này chỉ được điều lành mà không được gọi là trai giới”. Các đệ tử của Ta nghe lời này, không hiểu ý của Ta nên cho rằng Như Lai nói tám giới quan trai thọ đủ mới được.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói, nếu có Tỳ-kheo phạm bốn giới trọng thì không gọi là Tỳ-kheo mà gọi là Tỳ-kheo phá giới, Tỳ- kheo quên mất, không thể sinh pháp thiện. Ví như hạt giống đã cháy không thể mọc mầm sinh trái. Như cây Đa-la nếu bị đứt ngọn thì không còn sinh trái. Tỳ-kheo phạm giới trọng cũng như vậy. Các đệ tử của Ta nghe lời này rồi không hiểu ý Ta nên cho rằng Như Lai nói Tỳ-kheo phạm giới trọng rồi thì mất giới Tỳ-kheo.

Này thiện nam! Ở trong kinh, Ta vì Thuần-đà nói có bốn hạng Tỳ-kheo: Một là hạng hoàn toàn đạt đạo, hai là rõ đạo, ba là lãnh thọ đạo, bốn là làm ô nhiễm đạo. Người phạm bốn giới trọng tức là làm ô nhiễm đạo. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, cho rằng Như Lai nói các Tỳ-kheo đã phạm bốn giới trọng chẳng mất giới cấm.

Này thiện nam! Trong kinh Ta bảo các Tỳ-kheo có nhất thừa, nhất đạo, nhất hạnh, nhất duyên. Nhất thừa cho đến nhất duyên có thể làm cho chúng sinh được tịch tĩnh, hoàn toàn dứt hết sự ràng buộc, sầu khổ, khổ và nhân của khổ, làm cho tất cả chúng sinh đạt đến nhất thừa. Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý Ta liền cho rằng Như Lai nói bậc chứng Tu-đà-hoàn cho đến bậc A-la-hán đều thành Phật đạo.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói, bậc chứng Tu-đà-hoàn bảy phen còn qua lại trong nhân gian và cõi trời mới nhập Niết-bàn. Bậc Tư-đà-hàm một lần sinh lại trong cõi trời và người mới nhập Niết-bàn. A-na-hàm có năm hạng: hoặc có trung gian nhập Niết-bàn cho đến thượng lưu nhập Niết-bàn. Bậc A-la-hán có hai hạng: Một là hiện tại, hai là vị lai. Hiện tại cũng dứt phiền não của năm ấm. Các đệ tử của Ta nghe lời này chẳng hiểu ý Ta, cho rằng Như Lai nói Tư-đà-hàm cho đến bậc A-la-hán không chứng đắc Phật đạo.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói Phật tánh đầy đủ sáu điều: Một là thường, hai là thật, ba là chân, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, cho rằng Phật nói Phật tánh của chúng sinh lìa chúng sinh mà có.

Này thiện nam! Ta lại nói Phật tánh của chúng sinh giống như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải sắc, thanh, hương, vị, xúc, Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, cho rằng Phật tánh của chúng sinh lìa chúng sinh mà có.

Này thiện nam! Ta lại nói Phật tánh của chúng sinh giống như kho báu trong nhà của người con gái nghèo, như viên ngọc báu kim cang trên trán của lực sĩ, như suối cam lồ của Chuyển luân Thánh vương. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, cho rằng Như Lai nói Phật tánh của chúng sinh lìa ngoài chúng sinh mà có.

Này thiện nam! Ta lại nói hạng Nhất-xiển-đề, phạm bốn giới trọng, phỉ báng kinh điển Đại thừa, tạo năm tội nghịch, đều có Phật tánh. Những chúng sinh như vậy đều không có pháp thiện mà

Phật tánh là pháp thiện. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, cho rằng Phật nói Phật tánh của chúng sinh lìa ngoài chúng sinh mà có.

Này thiện nam! Ta lại nói chúng sinh tức là Phật tánh. Vì sao? Vì lìa chúng sinh thì không chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó Ta vì vua Ba-tư-nặc mà nói ví dụ rờ voi. Như người mù nói hình dáng voi, dầu chẳng trúng nhưng không rời ngoài voi. Chúng sinh nói sắc cho đến thức là Phật tánh, cũng như vậy, tuy chẳng phải Phật tánh nhưng chẳng ngoài Phật tánh. Như Ta vì vua Ba-tư-nặc mà nói ví dụ đàn không hầu, Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta bèn lập ra nhiều thuyết như người mù hỏi màu sắc của sữa, Phật tánh cũng như vậy. Do nhân duyên này, hoặc có người nói hàng Nhất-xiển-đề, phạm bốn tội trọng, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo năm tội nghịch đều có Phật tánh. Hoặc có người nói là không có Phật tánh.

Này thiện nam! Trong các kinh Ta từng nói một người ra đời nhiều người được lợi ích, trong một nước có hai vua Chuyển luân, trong một thế giới hai vị Phật ra đời, điều đó hoàn toàn không có. Một tứ thiên hạ có tám Tứ Thiên Vương cho đến có hai cõi trời Tha Hóa Tự Tại, cũng không có điều đó. Ta nói từ cõi Diêm-phù-đề đến địa ngục A-tỳ, lên đến trời Sắc cứu cánh cánh. Các đệ tử của Ta nghe lời này không hiểu ý Ta, nên cho rằng Đức Phật nói không có chư Phật mười phương. Trong các kinh Đại thừa Ta nói có chư Phật trong mười phương.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXV

PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 3

Này thiện nam! Những điều tranh luận như vậy là cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng biết được. Nếu có người đối với việc này sinh tâm nghi ngờ thì vẫn có thể phá hoại vô lượng phiền não như núi Tu-di. Nếu người nào ở trong việc này sinh lòng quyết định thì gọi là chấp trước.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chấp trước? Phật dạy:

–Này thiện nam! Những người như vậy hoặc nghe từ người khác, hoặc tự tìm kinh điển, hoặc người khác dạy, đối với những việc này chấp trước không thể xả bỏ thì đó là chấp trước.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sự chấp trước như vậy là thiện hay bất thiện?

–Này thiện nam! Sự chấp trước như vậy không gọi là thiện. Vì sao? Vì không thể phá trừ được các lưới nghi.

Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Người như vậy vốn tự chẳng nghi, sao lại nói chẳng phá hoại lưới nghi?

–Này thiện nam! Phàm người không nghi tức là nghi.

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người cho rằng bậc Tu-đà-hoàn không có đọa ba đường ác thì người này cũng gọi là chấp trước, là nghi?

–Này thiện nam! Đó gọi là quyết định mà không gọi là nghi. Vì sao? Này thiện nam! Ví như có người trước kia thấy người, thấy cây, về sau đi đêm, từ xa trông thấy gốc cây trụi, liền sinh nghi: Đó là người chăng là cây chăng?

Này thiện nam! Như có người trước thấy Tỳ-kheo, Phạm chí, về sau, trên đường đi xa thấy Tỳ-kheo liền sinh nghi: Là Sa-môn chăng, là Phạm chí chăng? Này thiện nam! Như có người trước thấy bò và trâu, về sau, xa thấy bò liền sinh nghi: Đó là bò chăng, là trâu chăng?

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh thấy hai vật, về sau liền sinh nghi. Vì sao? Vì trong tâm họ không nhận thức được rõ ràng. Ta cũng không nói bậc Tu-đà-hoàn đọa ba đường ác hay chẳng đọa ba đường ác, vì sao người này lại sinh lòng nghi?

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, trước phải có thấy rồi sau mới nghi nhưng có người chưa thấy hai vật cũng lại sinh nghi. Đó là những gì? Như là Niết-bàn, Bạch Thế Tôn! Ví như có người đi đường gặp dòng nước đục, trước kia chưa từng thấy mà cũng sinh nghi rằng dòng nước này là sâu hay cạn! Người này chưa từng thấy vì sao lại sinh nghi?

–Này thiện nam! Đã Niết-bàn tức là dứt khổ, chẳng phải Niết-bàn tức là khổ. Tất cả chúng sinh thấy có hai: khổ và chẳng phải khổ. Khổ và chẳng phải khổ tức là đói khát, lạnh nóng, giận vui, bệnh tật, an ổn, già trẻ, sống chết, trói buộc giải thoát, thương yêu, xa lìa, oán ghét, gặp gỡ. Chúng sinh thấy những việc này rồi liền sinh nghi rằng sẽ có sự kiện xa lìa sự khổ não này chăng? Do đó, chúng sinh đối với Niết-bàn sinh nghi. Nếu ý ông cho rằng người đó từ trước đến nay chưa từng thấy dòng nước đục sao lại sinh nghi, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì người đó ở nơi chỗ khác đã từng thấy rồi nên ở nơi chỗ này chưa từng đến mà lại sinh nghi.

–Bạch Thế Tôn! Người đó lúc trước khi thấy chỗ cạn sâu đã không sinh nghi nay vì sao lại sinh nghi?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì trước kia vốn chưa đi nên sinh nghi. Do đó Ta nói rằng vì không hiểu nên sinh nghi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy nghi chính là chấp trước, chấp trước chính là nghi, đây là hạng người nào?

–Này thiện nam! Là người đoạn dứt căn lành.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những hạng người nào có thể dứt căn lành?

–Này thiện nam! Nếu có người thông minh, trí tuệ sáng suốt, lợi căn, có thể khéo phân biệt nhưng xa lìa bạn lành, không nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, không sống đúng pháp, thì những người như vậy có thể đoạn dứt căn lành, xa lìa bốn việc này, tâm tự suy nghĩ: “Không có vật bố thí. Vì sao? Vì người bố thí xả bỏ của cải. Nếu bố thí mà có quả báo thì nên biết thí chủ thường bị nghèo cùng. Vì sao? Vì nhân quả giống nhau, nên nói không nhân, không quả”. Nếu nói không nhân, không quả như vậy thì gọi là đoạn dứt căn lành. Lại suy nghĩ: “Thí chủ, người thọ và tài vật cả ba việc này đều là vô thường không có cố định. Nếu không cố định thì sao lại nói rằng đây là thí chủ, đây là người thọ nhận và đây là của cải. Nếu không có người thọ nhận làm sao được quả báo. Do nghĩa này nên không nhân, không quả”. Nếu nói không nhân, không quả như vậy, nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành. Lại suy nghĩ: “Người bố thí lúc bố thí có năm điều thí. Người thọ khi thọ nhận rồi hoặc có lúc làm việc thiện, hoặc có lúc làm việc bất thiện mà thí chủ này cũng chẳng được quả báo thiện hay bất thiện. Như pháp của thế gian, từ hạt sinh ra trái, rồi từ trái trở lại có hạt. Nhân tức là thí chủ, quả tức là người thọ nhận. Nhưng người thọ nhận không thể đem pháp thiện hay bất thiện của mình khiến cho thí chủ được quả báo thiện hay bất thiện. Do nghĩa này nên không nhân, không quả”. Nếu cho rằng không nhân, không quả như vậy thì nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành.

Người này lại suy nghĩ: “Không có vật bố thí. Vì sao? Vì vật bố thí là vô ký. Nếu là vô ký làm sao được quả báo thiện, không có quả báo thiện tức là vô ký. Tài vật nếu là vô ký nên biết tức là không có quả báo thiện, ác. Cho nên không có sự bố thí, không nhân, không quả”. Nếu cho rằng không nhân, không quả như vậy, thì nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành.

Người này lại suy nghĩ: “Bố thí do nơi ý, nếu là ý thì không thể thấy, không có đối tượng, chẳng phải là sắc pháp; nếu chẳng phải là sắc thì đâu có thể gọi là bố thí. Cho nên không có bố thí, không nhân, không quả”. Nếu cho rằng không nhân không quả, thì nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành.

Lại suy nghĩ: “Nếu thí chủ vì hình tượng Phật, tượng chư Thiên, cha mẹ đã qua đời mà thực hành bố thí không có người nhận, nếu không có người nhận thì không có quả báo, nếu không có quả báo thì là không nhân, nếu không nhân thì không quả”. Nếu cho rằng không nhân, không quả như vậy, thì nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành.

Người này lại suy nghĩ: “Không cha, không mẹ. Nếu nói cha mẹ là chúng sinh, là nhân sinh ra chúng sinh thì đáng lý phải thường sinh không có đoạn tuyệt. Vì sao? Vì nhân là thường có, nhưng không thường sinh, cho nên nên biết không có cha mẹ”. Người này lại nghĩ: “Không cha, không mẹ. Vì sao? Vì nếu thân của chúng sinh do cha mẹ mà có, thì lẽ ra một người phải đầy đủ hai căn nam, nữ, nhưng không đủ, nên biết chúng sinh chẳng phải do cha mẹ mà có”.

Người này lại nghĩ: “Chẳng phải do cha mẹ sinh ra chúng sinh. Vì sao? Vì mắt họ thấy chúng sinh không giống cha mẹ, như là thân sắc, tâm ý, oai nghi, đi, dừng. Do đó cha mẹ chẳng phải là nhân của chúng sinh”. Lại suy nghĩ: “Tất cả thế gian có bốn thứ không: một là chưa sinh gọi là không, như lúc còn là đất sét thì chưa có công dụng của cái bình. Hai là diệt rồi gọi là không, như bình đã vỡ thì gọi là không. Ba là mỗi thứ khác nhau nên không có trong nhau, như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò. Bốn là hoàn toàn không như lông rùa rừng thỏ. Cha mẹ, chúng sinh cũng đồng với bốn thứ không này. Nếu cho rằng cha mẹ là nhân sinh ra chúng sinh, lúc cha mẹ chết thì đứa con không nhất định phải chết. Cho nên cha mẹ chẳng phải là nhân sinh ra chúng sinh.

Lại suy nghĩ: "Nếu cho rằng cha mẹ là nhân sinh ra cùng sinh, lẽ ra nhân nơi cha mẹ thường sinh ra chúng sinh nhưng lại có loài thấp sinh, hóa sinh. Do đó nên biết chẳng phải nhân nơi cha mẹ sinh ra chúng sinh". Lại suy nghĩ rằng: "Chúng sinh tự có chẳng phải do cha mẹ mà được sinh ra và trưởng thành. Ví như chim công nghe tiếng sấm chớp, liền có thai. Lại như thanh tước uống nước mắt của chim tước trống bèn có thai. Như chim mạng mạng thấy chim trống múa liền có thai". Khi suy nghĩ như vậy, nếu không gặp được bậc Thiện tri thức, nên biết người này có thể dứt căn lành.

Người này lại suy nghĩ: "Tất cả thế gian không có quả báo thiện ác. Vì sao? Vì có những chúng sinh đầy đủ mười pháp thiện, thích bố thí, siêng năng tu tập công đức, những người này lại bị bệnh tật dồn dập chết yểu, mất của cải, nhiều sự lo khổ. Cũng có người làm mười điều ác tham lam, bỏn sẻn, ganh ghét, biếng nhác, không tu các điều thiện mà thân được an ổn, không bệnh tật, sống lâu, nhiều của cải, không có các sầu khổ. Do đó nên biết không có quả báo thiện ác”.

Người này lại suy nghĩ: “Ta cũng từng nghe các bậc Thánh nhân nói, có người tu tập pháp thiện khi chết bị đọa trong ba đường ác. Có người làm điều ác khi chết được sinh trong cõi trời, người. Do đó nên biết không có quả thiện ác”. Lại suy nghĩ: “Các bậc Thánh nhân nói có hai thuyết: hoặc nói sát sinh được quả báo lành, hoặc nói sát sinh bị quả báo ác. Cho nên, nên biết bậc Thánh nói không nhất định. Thánh nhân còn nói không nhất định, tại sao ta lại quyết định. Do đó nên biết rằng không có quả thiện, ác”. Lại nghĩ: “Tất cả thế gian không có Thánh nhân. Vì sao? Vì nếu cho là Thánh nhân thì phải chứng được chánh đạo. Tất cả chúng sinh lúc đầy đủ phiền não tu hành chánh đạo, nên biết người này một lúc có đủ phiền não và chánh đạo. Nếu cùng có lúc có đủ phiền não, chánh đạo thì không thể phá được kiết sử. Nếu không có phiền não mà tu chánh đạo thì chánh đạo như vậy dùng để làm gì. Cho nên người đủ phiền não, thì chánh đạo không thể phá hoại người được, người không có phiền não thì chánh đạo lại vô dụng. Do đó nên biết tất cả thế gian không có bậc Thánh nhân”.

Người này lại suy nghĩ: “Vô minh làm duyên cho hành, cho đến sinh duyên lão tử, mười hai nhân duyên này tất cả chúng sinh đều có. Tám

Thánh đạo tánh của nó bình đẳng, cũng vậy lẽ ra lúc một người chứng đắc thì tất cả mọi người cũng chứng đắc, lúc một người tu hành lẽ ra tất cả khổ đều diệt. Vì sao? Vì phiền não bình đẳng mà nay chẳng được chứng đắc. Do đó nên biết rằng không có chánh đạo". Lại suy nghĩ: "Bậc Thánh nhân đều có những pháp đồng với hàng phàm phu như là ăn uống, đi đứng, nằm ngồi, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, nóng lạnh, sầu lo, sợ hãi. Nếu đã đồng với phàm phu những việc như vậy nên biết rằng Thánh nhân không chứng được chánh đạo. Nếu chứng được chánh đạo lẽ ra phải dứt hẳn những việc như vậy. Những việc như vậy Thánh nhân còn không dứt được nên biết rằng không có chánh đạo".

Người này lại suy nghĩ: "Bậc Thánh nhân có thân nên thọ năm thứ dục lạc, cũng mắng nhiếc đánh đập người, cũng ganh ghét, kiêu mạn, thọ những sự khổ vui, tạo nghiệp thiện ác. Do nhân duyên này nên biết không có bậc Thánh nhân. Nếu có chánh đạo lẽ ra đã dứt những việc này, nhưng những việc này không dứt nên biết rằng không có chánh đạo".

Người này lại nghĩ: "Người giàu lòng từ bi gọi là Thánh nhân. Do nhân duyên gì gọi là Thánh nhân? Nhân nơi Thánh đạo mà gọi là Thánh nhân. Nếu tánh của Thánh đạo là từ bi thì lẽ ra thương yêu tất cả chúng sinh, không phải chờ tu hành rồi sau mới có được. Nếu như không có lòng từ bi thì vì sao bậc Thánh nhân chứng được Thánh đạo lại hay từ bi. Do đó nên biết ở đời không có Thánh đạo". Lại nghĩ: "Tất cả bốn đại chẳng từ nhân duyên sinh, các chúng sinh đều có tánh bốn đại này. Không quán sát chúng sinh bên này nên đến, bên kia không nên đến. Nếu có tánh Thánh đạo thì lẽ ra cũng như vậy. Nhưng nay chẳng phải như vậy, do đó nên biết ở đời không có Thánh nhân". Lại nghĩ: "Nếu các bậc Thánh nhân có một Niết-bàn thì nên biết rằng không có Thánh nhân. Vì sao? Vì không thể được. Pháp thường trú lẽ ra chẳng thể nắm bắt, chẳng thể lấy bỏ. Nếu Niết-bàn của các bậc Thánh nhân có nhiều thì là vô thường. Vì sao? Vì pháp có thể đếm được. Niết-bàn nếu là một thì lúc một người được lẽ ra tất cả đều được. Nếu Niết-bàn là nhiều thì có giới hạn. Nếu Niết-bàn có giới hạn sao gọi là thường. Nếu nói thể của Niết-bàn là một mà người giải thoát nhiều, như chỉ một cây lọng mà cọng cánh thì nhiều, nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì mỗi người chứng đắc chẳng phải tất cả đều chứng đắc. Vì có giới hạn nên là vô thường, nếu là vô thường thì đâu được gọi là Niết-bàn. Nếu không có Niết-bàn thì ai là Thánh nhân. Do đó nên biết không có Thánh nhân". Lại nghĩ: "Đạo của Thánh nhân chẳng phải do nhân duyên mà được. Nếu đạo của Thánh nhân chẳng phải do nhân duyên thì vì sao tất cả chúng sinh không làm Thánh nhân. Nếu tất cả mọi người chẳng phải là Thánh nhân thì nên biết không có Thánh nhân và không có Thánh đạo”. Người này lại nghĩ: “Bậc Thánh nói, chánh kiến có hai nhân duyên: một là nghe pháp từ người khác, hai là bên trong tự tư duy. Hai nhân duyên này nếu từ duyên sinh, duyên này lại từ duyên khác mà sinh, xoay vần như vậy thì có cái lỗi vô cùng. Nếu hai nhân duyên này chẳng từ duyên sinh thì tất cả chúng sinh vì sao không có được”. Lúc quán như vậy có thể đoạn dứt căn lành.

Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào có kiến chấp sâu dày về không nhân, không quả như vậy, thì người này có thể đoạn dứt năm căn như Tín v.v...

Này thiện nam! Người đoạn dứt căn lành chẳng phải là người thấp kém, ngu độn, cũng chẳng phải trong chư Thiên và trong ba đường ác. Người phá Tăng cũng như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người như vậy lúc nào mới có thể sinh căn lành trở lại?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Người này có hai lần sinh căn lành trở lại, đó là lúc mới vào địa ngục và lúc ra khỏi địa ngục.

Này thiện nam! Thiện có ba thứ: quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu là quá khứ thì tánh của nó tự diệt, nhân tuy diệt nhưng quả báo chưa chín muồi, nên không gọi là đoạn dứt quả quá khứ. Vì đoạn dứt nhân ba đời nên gọi là đoạn dứt.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu dứt nhân ba đời gọi là đoạn dứt căn lành, người đoạn dứt căn lành vẫn có Phật tánh. Phật tánh như vậy là quá khứ, hiện tại, vị lai hay biến khắp ba đời. Nếu là quá khứ thì sao gọi là thường? Phật tánh cũng là thường, do đó nên biết chẳng phải là quá khứ. Nếu là vị lai thì sao gọi là thường? Tại sao Phật nói tất cả chúng sinh nhất định sẽ có được, nếu quyết định được thì tại sao nói là đoạn mất? Nếu là hiện tại thì sao lại là thường? Tại sao lại nói nhất định có thể thấy? Như Lai cũng nói Phật tánh có sáu: một là thường, hai là chân, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nếu người dứt mất căn lành mà có Phật tánh thì không thể gọi là đoạn dứt căn lành. Nếu không có Phật tánh tại sao lại nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh? Nếu cho rằng Phật tánh cũng có, cũng mất tại sao Như Lai lại nói là thường?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn vì chúng sinh nên có bốn cách giải đáp: một là quyết định đáp, hai là phân biệt đáp, ba là tùy theo lời hỏi mà đáp, bốn là yên lặng mà đáp.

Này thiện nam! Thế nào là quyết định đáp? Nếu có người hỏi tạo nghiệp ác được quả lành hay quả ác thì nên quyết định đáp là bị quả ác. Nghiệp thiện cũng như vậy. Nếu hỏi Như Lai có phải là bậc Nhất thiết trí chăng thì nên quyết định đáp là bậc Nhất thiết trí. Nếu hỏi pháp Phật là thanh tịnh chăng thì nên quyết định đáp là thanh tịnh. Nếu hỏi đệ tử của Như Lai sống đúng như pháp chăng thì nên quyết định đáp là sống đúng như pháp. Đó gọi là quyết định đáp. Thế nào là phân biệt đáp? Như Ta giảng nói về bốn pháp chân đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Sao gọi là Khổ đế? Vì có tám điều khổ nên gọi là Khổ đế. Thế nào là Tập đế? Vì nhân nơi năm ấm nên gọi là Tập đế. Thế nào là Diệt đế? Vì đã đoạn dứt hết tham dục, sân hận, di mê nên gọi là Diệt đế. Thế nào là Đạo đế? Vì ba mươi bảy pháp trợ đạo nên gọi là Đạo đế. Đó gọi là phân biệt đáp.

Thế nào là theo lời hỏi mà đáp? Như Ta đã nói các pháp là vô thường. Lại có người hỏi: “Như Lai Thế Tôn nhằm vào pháp nào mà nói là vô thường?”. Đáp: “Như Lai nhằm vào pháp hữu vi mà nói là vô thường”. Vô ngã cũng như vậy. Như Ta đã nói tất cả các pháp là thiêu đốt. Lại hỏi: “Như Lai Thế Tôn nhằm vào những pháp nào mà nói tất cả đều thiêu đốt?”. Đáp: “Như Lai nhằm vào tham, sân, si nên nói tất cả đều thiêu đốt”.

Này thiện nam! Như Lai có Mười lực, Bốn vô sở úy, Ba niệm xứ, Đại từ, Đại bi, Thủ-lăng-nghiêm v.v… Tám vạn ức các môn Tam-muội, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, năm trí ấn v.v… Ba vạn năm ngàn các môn Tam-muội, định Kim cang v.v… Bốn ngàn hai trăm các môn Tam-muội, vô lượng vô biên phương tiện Tam-muội. Các pháp như vậy là Phật tánh của Phật, Phật tánh này có bảy điều: một là thường, hai là ngã, ba là lạc, bốn là tịnh, năm là chân, sáu là thật, bảy là thiện. Đó gọi là phân biệt đáp.

Này thiện nam! Phật tánh của hậu thân Bồ-tát có sáu: một là thường, hai là tịnh, ba là chân, bốn thật, năm là thiện, sáu là thiểu kiến. Đó gọi là phân biệt đáp.

Như trước kia ông hỏi là người đoạn dứt căn lành có Phật tánh không, thì nên biết người này cũng có Phật tánh, Như Lai cũng có Phật tánh thân sau cùng. Hai Phật tánh này vì chướng ngại vị lai nên được gọi là không, vì nhất định được nên gọi là có. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh Như Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Phật tánh của thân sau cùng là hiện tại và vị lai. Vì có thể ít thấy nên gọi là hiện tại, vì chưa thấy đầy đủ nên gọi là vị lai.

Như Lai lúc chưa chứng đắc quả Bồ-đề vô thượng thì nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai mà quả thì không như vậy, có loại là ba đời, có loại chẳng phải ba đời. Vì nhân Phật tánh thân cuối cùng của Bồ-tát cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai nên quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Phật tánh của hàng Bồ-tát bậc thứ chín có sáu tính chất: một là thường, hai là thiện, ba là chân, bốn là thật, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Vì nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai nên quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Phật tánh của hàng Bồ-tát bậc thứ tám cho đến thứ sáu có năm tính chất: một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là thiện, năm là có thể thấy. Vì nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai nên quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Phật tánh của hàng Bồ-tát bậc thứ năm cho đến bậc thứ nhất có năm tính chất: một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là có thể thấy, năm là thiện và bất thiện.

Này thiện nam! Năm thứ Phật tánh, sáu thứ Phật tánh, bảy thứ Phật tánh người dứt mất căn lành nhất định sẽ có được. Vì được nên nói có. Đó gọi là phân biệt đáp. Nếu có người cho rằng người đoạn dứt căn lành quyết định có Phật tánh, quyết định không có Phật tánh. Đó gọi là yên lặng đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe rằng không đáp mới gọi là yên lặng đáp. Nay Đức Như Lai do nhân duyên gì đáp mà gọi là yên lặng đáp?

–Này thiện nam! Ta cũng không nói im lặng không đáp chính là im lặng đáp.

Này thiện nam! Im lặng đáp như vậy có hai thứ: một là ngăn dứt, hai là không chấp trước. Do nghĩa này nên gọi là yên lặng đáp.

Bồ-tát Ca-diếp thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, thế nào gọi là nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai, quả cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Năm ấm có hai thứ: một là nhân, hai là quả. Năm ấm nhân ấy là quá khứ, hiện tại, vị lai. Năm ấm quả ấy cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chẳng phải là quá khứ, hiện tại và vị lai.

Này thiện nam! Tất cả những kiết sử vô minh phiền não v.v… đều là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân của Phật tánh từ vô minh, hành và các phiền não mà được năm ấm lành. Đó gọi là Phật tánh từ năm ấm lành. Cho đến chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do đó trong kinh trước Ta nói Phật tánh của chúng sinh như sữa lẫn lộn trong máu. Máu tức là các phiền não vô minh, hành v.v… Sữa tức là năm ấm lành. Do đó Ta nói rằng từ các phiền não và năm ấm lành mà chứng được đạo quả Bồ- đề vô thượng. Như thân của chúng sinh đều từ tinh huyết mà được thành, Phật tánh cũng như vậy. Bậc Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm dứt ít phiền não, Phật tánh như sữa. Bậc A-na-hàm Phật tánh như lạc. Bậc A- la-hán Phật tánh như tô. Từ bậc Phật-bích-chi đến Bồ-tát bậc Thập trụ, Phật tánh như thục tô, Phật tánh của Như Lai như chất đề hồ.

Này thiện nam! Vì phiền não hiện tại làm chướng ngại nên làm cho các chúng sinh không thấy được, như trong núi Hương có cỏ nhẫn nhục chẳng phải tất cả bò đều có thể ăn được. Phật tánh cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tánh, nếu là đời vị lai có, tại sao nói người đoạn dứt căn lành có Phật tánh?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Như các chúng sinh có nghiệp quá khứ. Do nghiệp này nên hiện tại chúng sinh chịu quả báo. Có nghiệp vị lai nhưng vì chưa sinh nên hoàn toàn không sinh quả có phiền não hiện tại, nếu không có phiền não thì tất cả chúng sinh lẽ ra phải thấy rõ Phật tánh hiện tại. Do đó người đoạn dứt căn lành do vì nhân duyên phiền não hiện tại có thể đoạn dứt căn lành, nhờ năng lực Phật tánh đời vị lai nên căn lành sinh trở lại.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đời vị lai làm sao căn lành có thể sinh?

–Này thiện nam! Như ngọn đèn và mặt trời tuy tương lai nhưng cũng phá được tối tăm. Đời vị lai có thể sinh ra Phật tánh vị lai của chúng sinh như vậy. Đây gọi là phân biệt đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu cho rằng năm ấm là Phật tánh thì tại sao nói Phật tánh của chúng sinh chẳng phải bên trong chẳng phải bên ngoài?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Do nhân duyên gì quên mất như vậy? Trước kia Ta chẳng nói Phật tánh của chúng sinh là trung đạo chăng!

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thật con không quên, chỉ vì chúng sinh không thể hiểu được trung đạo này nên thưa hỏi như vậy.

–Này thiện nam! Chúng sinh không hiểu chính là trung đạo, hoặc có lúc hiểu hoặc có lúc không hiểu. Này thiện nam! Ta vì muốn chúng sinh được hiểu rõ nên nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì sao? Chúng sinh phàm phu cho rằng Phật tánh ở trong năm ấm như có trái cây đựng trong chậu. Hoặc có người cho rằng Phật tánh lìa năm ấm mà có giống như hư không. Cho nên Như Lai nói nghĩa trung đạo là Phật tánh của chúng sinh chẳng phải trong sáu nhập, chẳng phải ngoài sáu nhập, vì hợp cả trong và ngoài nên gọi là trung đạo. Vì vậy, Như Lai nói Phật tánh tức là trung đạo, chẳng phải trong chẳng phải ngoài nên gọi là trung đạo. Đây gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài?

Này thiện nam! Hoặc nói Phật tánh chính là ngoại đạo. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp ở trong hàng ngoại đạo, đoạn trừ các phiền não, điều phục tâm mình, giáo hóa chúng sinh, sau mới chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do đó Phật tánh tức là ngoại đạo. Hoặc có người nói Phật tánh tức là nội đạo. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tuy ở trong vô lượng kiếp tu tập ngoại đạo nhưng nếu xa lìa nội đạo thì không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do đó Phật tánh tức là nội đạo. Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên nói Phật tánh chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài, cũng gọi là trong ngoài, như vậy là trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc nói Phật tánh tức là thân kim cang của Như Lai với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao? Vì không luống dối. Hoặc nói Phật tánh chính là Mười lực, Bốn vô sở úy, Đại từ, Đại bi, Ba niệm xứ, và tất cả Tam-muội như Thủ-lăng-nghiêm v.v… Vì sao? Vì nhờ Tam-muội này mà sinh ra thân kim cang với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do đó, Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, như vậy là trung đạo. Đó là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người cho rằng Phật tánh chính là tư duy thiện. Vì sao? Vì xa lìa tư duy thiện thì không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do đó Phật tánh tức là tư duy thiện bên trong. Có người cho rằng Phật tánh chính là nghe pháp từ người khác. Vì sao? Vì nghe pháp từ người khác thì có thể bên trong tư duy thiện, nếu không nghe pháp thì không tư duy. Do đó Phật tánh tức là nghe pháp từ người khác. Cho nên Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên nói Phật tánh chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài, cũng gọi là trong ngoài. Đó gọi là trung đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Lại có người cho rằng Phật tánh bên ngoài, nghĩa là Bố thí Ba-la-mật, nhờ Bố thí Ba-la-mật nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Cho nên nói Bố thí Ba-la-mật tức là Phật tánh. Hoặc có người nói Phật tánh ở bên trong, nghĩa là năm Ba-la- mật. Vì sao? Vì rời năm điều này thì nên biết không có Phật tánh, nhân quả. Do đó nên nói năm Ba-la-mật tức là Phật tánh. Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên cho rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng ở trong cũng ở ngoài. Đó gọi là trung đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người cho rằng Phật tánh ở bên trong ví như viên ngọc quý trên trán của lực sĩ. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh như ngọc quý. Do đó nên cho rằng Phật tánh ở bên trong. Hoặc có người cho rằng Phật tánh ở bên ngoài như kho báu của bần nữ. Vì sao? Vì do phương tiện mà được thấy. Phật tánh cũng như vậy, ở bên ngoài chúng sinh, nhờ phương tiện mà thấy được. Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên nói Phật tánh chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, cũng ở trong, cũng ở ngoài. Đó gọi là trung đạo. Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có, chẳng phải không. Vì sao? Vì Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không. Vì sao? Vì hư không thế gian tuy dùng vô lượng phương tiện thiện xảo cũng không thể thấy được, Phật tánh có thể thấy nên tuy có nhưng chẳng phải như hư không. Phật tánh tuy là không nhưng không giống như sừng thỏ. Vì sao? Vì lông rùa sừng thỏ tuy dùng vô lượng phương tiện thiện xảo cũng chẳng thể sinh được. Còn Phật tánh có thể sinh cho nên tuy là không có nhưng không đồng như sừng thỏ. Do đó Phật tánh chẳng phải có, chẳng phải không, cũng có cũng không.

Thế nào gọi là có? Tất cả chúng sinh đều có không đoạn, không diệt, giống như ngọn đèn, cho đến khi chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, do đó gọi là có. Thế nào gọi là không? Tất cả chúng sinh hiện tại chưa có đủ tất cả các pháp Phật thường, lạc, ngã, tịnh, nên gọi là không. Vì có và không hợp lại chính là Trung đạo. Do đó Phật nói Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có, chẳng phải không.

Này thiện nam! Như có người hỏi trong hạt giống này có quả hay không thì nên đáp rằng cũng có cũng không. Vì sao? Vì lìa ngoài hạt giống không thể sinh ra quả nên gọi là có, hạt chưa sinh mầm nên gọi là không. Do nghĩa này nên nói cũng có cũng không. Vì sao? Vì thời tiết có khác nhưng thể của hạt giống vẫn là một. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Nếu cho rằng trong chúng sinh riêng có Phật tánh thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì chúng sinh tức Phật tánh, Phật tánh tức là chúng sinh, chỉ khác thời gian có tịnh và bất tịnh.

Này thiện nam! Nếu có người hỏi hạt này có thể sinh quả không, quả này có thể sinh hạt không, thì nên quyết định đáp rằng cũng sinh cũng không sinh.

–Bạch Thế Tôn! Như người đời cho rằng trong sữa có lạc (sữa đặc) nghĩa này là thế nào?

–Này thiện nam! Nếu có người nói trong sữa có lạc đó gọi là chấp trước, nếu cho rằng không có lạc thì là hư dối. Xa lìa hai điều này nên quyết định đáp rằng cũng có cũng không. Sao gọi là có? Từ sữa sinh ra lạc, nhân là sữa, quả là lạc. Đó gọi là có. Thế nào gọi là không? Màu sắc và mùi vị mỗi thứ đều khác nhau, uống, dùng không đồng nhau, bệnh nóng thì dùng sữa, bệnh lạnh thì dùng lạc. Sữa sinh bệnh lạnh, lạc sinh bệnh nóng. Này thiện nam! Nếu nói trong sữa có tánh của lạc thì sữa tức là lạc, lạc tức là sữa, tánh của nó là một. Do nhân duyên gì sữa sinh ra trước còn lạc không sinh ra trước? Nếu có nhân duyên thì tất cả người đời sao không nói? Nếu không có nhân duyên sao lạc không sinh ra trước? Nếu lạc không sinh ra trước thì ai làm ra có thứ tự: sữa, lạc, sinh tô, thục tô, đề hồ? Do đây nên biết lạc trước không mà nay có. Nếu trước không mà nay có là pháp vô thường.

Này thiện nam! Nếu có người nói sữa có tánh của lạc nên có thể sinh ra lạc, nước không có tánh lạc nên không sinh ra lạc thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì có nước cũng có tánh của sữa và lạc. Vì sao? Vì do cỏ, nước mà sinh ra sữa, lạc.

Nếu nói trong sữa nhất định có tánh của lạc, cỏ nước không có thì đó gọi là hư vọng. Vì tâm không bình đẳng nên gọi là hư vọng.

Này thiện nam! Nếu nói trong sữa nhất định có lạc thì trong lạc lẽ ra cũng nhất định có tánh sữa. Vậy do nhân duyên gì trong sữa sinh ra lạc mà trong lạc chẳng sinh ra sữa? Nếu không có nhân duyên thì nên biết lạc ấy trước không mà nay có. Do đó người trí nói rằng trong sữa chẳng phải có chất lạc, chẳng phải không có chất lạc. Này thiện nam! Do đó ở trong kinh Như Lai nói: Tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh thì gọi là chấp trước, nếu cho rằng không có Phật tánh thì gọi là hư vọng. Người trí nên nói rằng Phật tánh của chúng sinh cũng có, cũng không.

Này thiện nam! Do bốn pháp hòa hợp sinh ra nhãn thức. Những gì là bốn pháp? Đó là nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý. Tánh nhãn thức này chẳng phải nhãn căn, chẳng phải sắc trần, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải tác ý, mà do hòa hợp nên nhãn thức sinh. Nhãn thức như vậy là trước không mà nay có, đã có trở lại không. Do đó nên biết nhãn thức vốn không có tánh, chất lạc ở trong sữa cũng như vậy. Hoặc có người nói rằng trong nước không có chất lạc nên không sinh ra lạc. Do đó trong sữa nhất định có chất lạc. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì tất cả các pháp nhân khác, quả khác. Cũng chẳng phải một nhân mà sinh ra tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhân sinh ra. Này thiện nam! Từ bốn pháp sinh nhãn thức, lại không thể nói rằng từ bốn pháp này sinh ra nhĩ thức.

Này thiện nam! Lìa các phương tiện thì trong sữa có thể sinh ra lạc và lạc sinh ra tô hay là cần phải có phương tiện?

Này thiện nam! Người trí thấy không thể lìa các phương tiện mà được chất lạc từ nơi sữa, chất sinh tô cũng vậy, không lìa các phương tiện mà được. Này thiện nam! Do đó trong kinh nói: Do nhân sinh nên có pháp, vì nhân diệt nên không có pháp. Này thiện nam! Như tính chất của muối là mặn có thể làm cho vật không mặn thành mặn. Nếu vật chẳng phải mặn mà trước có chất mặn thì người đời vì sao lại mong có muối? Nếu trước không mặn thì nên biết rằng trước không mà nay có. Do các duyên khác mà thành mặn. Hoặc cho rằng tất cả vật chẳng mặn đều có tánh mặn mà vì quá ít nên không biết, do tính chất quá ít này nên muối có thể làm cho vật ấy thành mặn. Nếu vốn không có chất mặn thì tuy có muối cũng không thể trở thành mặn. Như hạt giống tự nó có bốn đại và nhờ bốn đại bên ngoài mà được tăng trưởng: nảy mầm, lên cây, đâm chồi, ra lá. Tánh chất của muối cũng như vậy. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì vật không mặn mà trước nếu có chất mặn thì muối lẽ ra cũng có ít chất chẳng mặn. Muối này nếu có hai tánh như vậy thì do nhân duyên gì rời vật chẳng mặn, muối không thể riêng dùng được! Do đó nên biết muối vốn không có hai tánh. Như muối, tất cả vật không mặn cũng vậy.

Nếu nói rằng bốn đại bên ngoài có thể làm tăng trưởng bốn đại bên trong thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì theo thứ tự mà nói. Chẳng phải từ phương tiện mà trong sữa được chất lạc, chất sinh tô, cho đến tất cả các pháp đều chẳng như vậy, chẳng phải do phương tiện mà được. Bốn đại cũng như thế. Nếu nói từ bốn đại bên ngoài tăng trưởng bốn đại bên trong, không thấy từ bốn đại bên trong tăng trưởng bốn đại bên ngoài, như quả Thi-lợi-sa trước không có hình chất, lúc thấy sao Mão thì sinh quả dài đủ năm tấc, thì như vậy quả này chẳng do nơi bốn đại bên ngoài mà tăng trưởng.

Này thiện nam! Như Ta nói, Mười hai bộ loại kinh văn, hoặc theo ý mình mà nói, hoặc tùy ý người khác nói, hoặc theo ý mình và người khác mà nói. Thế nào gọi là theo ý mình mà nói?

Như có năm trăm Tỳ-kheo hỏi Xá-lợi-phất: “Bạch Đại Đức! Đức Phật dạy nhân của thân là những gì?”, Xá-lợi-phất bảo: “Chư Đại đức! Các ông cũng được chánh giải thoát tự mình nên biết. Sao lại hỏi như vậy”. Có vị Tỳ-kheo thưa: “Bạch Đại đức! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát cho rằng: Vô minh là nhân của thân. Lúc quán sát như vậy chứng được quả A-la-hán”. Lại có Tỳ-kheo nói: “Thưa Đại đức! Lúc tôi chưa chứng được chánh giải thoát cho rằng: Ái và vô minh là nhân của thân. Lúc quán như vậy, chứng đắc quả A-la-hán”. Hoặc có Tỳ- kheo nói: “Hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, ẩm thực, ngũ dục là nhân của thân”.

Lúc đó, năm trăm Tỳ-kheo mỗi người tự nói chỗ hiểu biết của mình rồi, cùng đi đến chỗ Ta. Cúi đầu lễ dưới chân Ta, đi quanh bên phải ba vòng, đảnh lễ rồi lui ngồi một bên. Mỗi người tự đem chỗ hiểu biết của mình như đã nói ở trước mà bạch với Ta. Xá-lợi-phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Những người như vậy ai nói đúng ai nói không đúng”. Ta bảo Xá-lợi-phất: “Lành thay! Lành thay! Tất cả Tỳ-kheo này đều nói đúng”. Xá-lợi-phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Ý của Thế Tôn thế nào?”. Ta bảo Xá-lợi-phất: “Ta vì chúng sinh trong cõi Dục mà nói cha mẹ là nhân của thân”. Những kinh như vậy gọi là theo ý mình mà nói.

Thế nào gọi là theo ý người khác nói? Như Trưởng giả Ba-tra-la đến chỗ Ta nói như vầy: “Thưa Cù-đàm! Ngài có biết huyễn thuật chăng? Nếu biết huyễn thuật tức là người đại huyễn. Nếu không biết thì Ngài chẳng phải là bậc Nhất thiết trí”. Ta bảo: “Này Trưởng giả! Người biết huyễn thuật gọi là người huyễn chăng?”. Trưởng giả thưa: “Đúng vậy, đúng vậy! Người biết huyễn thuật tức là người huyễn”. Ta bảo: “Này Trưởng giả! Vua Ba-tư-nặc của nước Xá-vệ có Chiên-đà-la tên là Khí-hư, ông có biết không?”. Trưởng giả đáp: “Thưa Cù-đàm! Từ lâu con đã biết người ấy”. Phật dạy: “Ông từ lâu đã biết người ấy thì ông có thể chính là Chiên-đà-la không?”. Trưởng giả thưa: “Thưa Cù-đàm! Con tuy biết Chiên-đà-la ấy nhưng thân con không phải là Chiên-đà-la”. Phật bảo: “Ông đã biết được nghĩa này, biết Chiên-đà-la chẳng phải là Chiên-đà-la, vậy vì sao nay Ta không được biết huyễn thuật mà chẳng phải là huyễn? Này Trưởng giả! Thật ra Ta biết huyễn thuật, biết người huyễn thuật, biết quả báo huyễn thuật, biết kỹ thuật của huyễn thuật. Ta biết sự sát sinh, biết người sát sinh, biết quả báo của sát sinh, biết giải thoát khỏi sát sinh. Cho đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến. Này Trưởng giả! Nếu nói người chẳng phải huyễn là người huyễn, người chẳng phải tà kiến là người tà kiến thì bị vô lượng tội”. Trưởng giả nói: “Thưa Cù- đàm! Như lời Ngài nói, con mắc tội rất lớn. Nay tất cả vật sở hữu của con đều dâng lên Ngài. Mong Ngài chớ cho vua Ba-tư-nặc biết việc này của con”. Ta bảo: “Này Trưởng giả! Nhân duyên tội này không phải là mất của mà ông do tội này sẽ đọa vào ba đường ác”. Lúc ấy, Trưởng giả nghe đến tên đường ác, tâm sinh sợ hãi liền thưa Ta: “Thưa Thánh nhân!

Nay con vì quên mất mà mắc tội lớn. Nay Thánh nhân là bậc Nhất thiết trí chắc biết rõ con đường giải thoát. Nay con phải làm thế nào để giải thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh". Lúc đó Ta thuyết giảng về Bốn chân đế. Trưởng giả nghe xong chứng đắc quả Tu- đà-hoàn, trong tâm sinh hổ thẹn hướng về Ta sám hối: "Con vốn ngu si, Đức Phật chẳng phải người huyễn mà con nói là huyễn. Con từ nay xin quy y Tam bảo". Ta bảo: "Lành thay! Lành thay! Trưởng giả!". Đó gọi là tùy theo ý người khác mà nói.

Thế nào gọi là tùy theo ý mình và người khác mà nói? Như tất cả người trí trong thế gian nói có, Ta cũng nói có. Người trí nói không, Ta cũng nói không. Người trí thế gian nói năm thứ dục lạc có vô thường, khổ, vô ngã, có thể đoạn dứt, Ta cũng nói có. Người trí thế gian nói năm thứ dục lạc có thường, ngã, tịnh, là điều không có, thì Ta cũng nói là không có điều đó. Đó gọi là mình tùy theo ý mình và người khác mà nói.

Này thiện nam! Như Ta nói bậc Bồ-tát Thập trụ thấy Phật tánh một phần ít. Đó gọi là tùy người khác nói.

Thế nào gọi là thấy phần ít? Bậc Bồ-tát Thập trụ chứng đắc ba ngàn pháp môn như Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm v.v… nên biết rõ mình sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng mà chẳng thấy tất cả chúng sinh quyết định chứng đắc quả

Bồ-đề vô thượng. Cho nên Ta nói hàng Bồ-tát Thập trụ thấy được Phật tánh phần ít.

Này thiện nam! Ta thường tuyên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đó gọi là tùy theo ý mình mà nói. Tất cả chúng sinh chẳng đoạn chẳng diệt cho đến chứng đắc quả Bồ-đề vô thượng. Đó gọi là tùy theo ý mình mà nói. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh vì phiền não ngăn che nên không thể thấy được. Ta nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Đó gọi là tùy theo ý mình, ý người khác mà nói.

Này thiện nam! Như Lai có lúc vì một pháp mà nói vô lượng pháp. Như trong kinh nói tất cả phạm hạnh đều do nhân là thiện tri thức. Tất cả phạm hạnh, tuy có vô lượng nhân nhưng nói thiện tri thức thì đã nhiếp hết. Như Ta nói tất cả hạnh ác đều do nhân là tà kiến, tất cả hạnh ác tuy có vô lượng nhân nhưng nếu nói tà kiến thì đã thâu tóm tất cả. Hoặc nói tín tâm là nhân của quả Bồ-đề vô thượng, nhân của Bồ-đề này tuy vô lượng nhưng nếu nói tín tâm thì đã thâu tóm tất cả.

Này thiện nam! Như Lai tuy nói vô lượng các pháp để làm rõ Phật tánh nhưng chẳng rời ấm, nhập, giới.

Này thiện nam! Như Lai vì chúng sinh nên thuyết pháp có bảy cách nói: một là nói nhân, hai là nói quả, ba là nói nhân quả, bốn là nói ví dụ, năm là nói điều không thể có, sáu là nói điều thông thường ở đời, bảy là nói như ý.

Thế nào là nói về nhân? Trong nhân hiện tại nói quả vị lai. Như Ta đã nói: “Thiện nam! Ông thấy chúng sinh thích giết hại cho đến thích làm những việc tà kiến, nên quán xét người này là người địa ngục”.

Này thiện nam! Nếu có chúng sinh không thích sát sinh cho đến tà kiến, nên biết người này tức là hàng trời, người. Đó gọi là nói về nhân.

Thế nào là nói về quả? Trong quả hiện tại nói về nhân quá khứ. Như trong kinh nói: “Thiện nam! Như ông đã thấy chúng sinh bần cùng, dung mạo xấu xí, không được tự tại, nên biết người này nhất định có phá giới, có tâm ganh ghét, tâm sân hận, tâm không biết hổ thẹn. Nếu thấy có chúng sinh của cải giàu có, các căn đầy đủ, oai đức tự tại thì nên biết người này nhất định có trì giới, bố thí, siêng năng, hổ thẹn, không có ganh ghét, sân giận”. Đó gọi là nói về quả.

Thế nào gọi là nói về nhân quả? Như trong kinh nói: “Thiện nam! Chúng sinh hiện tại lấy sáu nhập, xúc làm nhân, đó gọi là nghiệp quả quá khứ. Như Lai cũng gọi đó là nghiệp, nhân duyên nghiệp này sẽ chịu quả vị lai”. Đó gọi là nói về nhân quả.

Thế nào là nói về ví dụ? Như nói Sư tử chúa là dụ cho thân của Ta, hay là Đại tượng vương, Đại long vương, cây Ba-lợi-chất-đa-la, bảy thứ báu, biển lớn, núi Tu-di, mặt đất, mưa lớn, thuyền trưởng, thầy dẫn đường, bậc Điều ngự Trượng phu, lực sĩ, ngưu vương, Bà-la-môn, Sa-môn, thành lớn, cây Đa-la, những kinh có ví dụ như vậy gọi là nói về ví dụ.

Thế nào là nói điều không thể có? Như trong kinh Ta nói: "Trời đất có thể hợp, sông không thể chảy vào biển cả, như vì vua Ba-tư-nặc nên Ta nói núi bốn phía đến, như vì Ưu-bà-di Lộc Mẫu nói, nếu cây Ta-la có thể thọ tám giới thì hưởng được sự vui sướng ở cõi trời, cõi người, như nói hàng Bồ-tát Thập trụ có tâm thoái chuyển chứ không nên nói Như Lai nói hai lời, như nói bậc Tu-đà-hoàn đọa ba đường ác, chứ chẳng nên nói hàng Bồ-tát Thập trụ có tâm thoái chuyển". Đó gọi là nói điều không có.

Thế nào là nói điều thông thường ở thế gian? Như Ta nói: Nam, nữ, lớn, nhỏ, đến, đi, ngồi, nằm, xe cộ, nhà cửa, bình, áo, chúng sinh, thường, lạc, ngã, tịnh, quân, rừng, thành ấp, tăng viện, hợp, tan. Đó gọi là nói điều thông thường ở thế gian.

Thế nào là nói như ý? Như Ta quở trách người hủy phạm giới cấm, khiến họ tự trách, giữ gìn giới cấm; như Ta khen ngợi bậc Tu-đà- hoàn, khiến hàng phàm phu sinh tâm thiện; khen ngợi hàng Bồ-tát làm cho chúng sinh phát tâm Bồ-đề; nói về sự khổ não của ba đường ác, khiến chúng sinh tu tập các pháp thiện; nói tất cả đều thiêu đốt chỉ vì tất cả là pháp hữu vi, vô ngã cũng như vậy; nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh vì khiến cho họ không buông lung. Đó gọi là nói như ý.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXVI

PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 4

Này thiện nam! Như Lai lại có ngôn ngữ tùy tự ý. Phật tánh của Như Lai có hai loại: một là có, hai là không. Có, đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại từ, đại bi, vô lượng Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, vô lượng Tam-muội Kim cang, vô lượng Tam-muội Phương tiện, vô lượng Tam-muội Ngũ trí ấn, đó gọi là có. Không, đó là trong quá khứ, Như Lai không có các thiện, bất thiện, vô ký, nghiệp, nhân, quả báo, phiền não, năm ấm, mười hai nhân duyên, đó gọi là không. Này thiện nam! Như có, không; thiện, bất thiện; hữu lậu, vô lậu; thế gian, chẳng phải thế gian; Thánh, chẳng phải Thánh; hữu vi, vô vi; thật, không thật; tịch tĩnh, chẳng phải tịch tĩnh; tranh luận, chẳng phải tranh luận; thế giới, chẳng phải thế giới; phiền não, chẳng phải phiền não; chấp thủ, chẳng phải chấp thủ; thọ ký, chẳng phải thọ ký; hữu, chẳng phải hữu; ba đời, chẳng phải ba đời; thời, chẳng phải thời; thường, vô thường; ngã, vô ngã; lạc, vô lạc; tịnh, vô tịnh; sắc, thọ, tưởng, hành thức, chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành thức; nội nhập, chẳng phải nội nhập; ngoại nhập, chẳng phải ngoại nhập; mười hai nhân duyên, chẳng phải mười hai nhân duyên; đó gọi là có, không có Phật tánh của Như Lai, cho đến có, không có Phật tánh của hạng Nhất-xiển-đề cũng lại như vậy. Này thiện nam! Ta tuy nói rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng chúng sinh chẳng hiểu những lời nói theo ý mình như vậy của Như Lai. Này thiện nam! Lời nói như vậy, bậc Bồ-tát hậu thân còn không thể hiểu được, huống gì là hàng Nhị thừa và các Bồ-tát khác. Này thiện nam! Thuở xưa, Ta ở tại núi Kỳ-xà-quật, cùng với Bồ-tát Di-lặc bàn luận về Thế đế, nhưng năm trăm Thanh văn như Xá-lợi-phất v.v… đối với điều này đều không thể hiểu biết được huống là Đệ nhất nghĩa đế xuất thế.

Này thiện nam! Hoặc có Phật tánh, Nhất-xiển-đề có mà người có căn lành thì không; hoặc có Phật tánh, người có căn lành thì có mà Nhất-xiển-đề thì không; hoặc có Phật tánh, cả hai đều có; hoặc có Phật tánh, cả hai đều không. Này thiện nam! Nếu hàng đệ tử của Ta hiểu ý nghĩa của bốn câu như vậy thì không nên gạn hỏi rằng Nhất-xiển-đề chắc chắn có Phật tánh hay chắc chắn không có Phật tánh. Nếu nói chúng sinh đều có

Phật tánh, đó gọi là ngôn ngữ tùy tự ý của Như Lai. Ngôn ngữ tùy tự ý của Như Lai là như vậy, sao chúng sinh chỉ hiểu theo một chiều? Này thiện nam! Như trong sông Hằng có bảy loại chúng sinh: một là luôn chìm, hai là tạm nổi lên rồi lại chìm, ba là nổi lên rồi dừng lại, bốn là nổi lên rồi quán sát khắp bốn phương, năm là quán sát khắp rồi đi, sáu là đi rồi dừng lại, bảy là ở dưới nước, trên bờ đều đi. Nói luôn chìm nghĩa là loài cá lớn, chịu nghiệp ác lớn, thân nặng, ở sâu, đó gọi là luôn chìm. Tạm thời nổi lên rồi lại chìm là như loài cá lớn vì chịu nghiệp ác nên thân nặng, ở chỗ cạn, tạm thời thấy được ánh sáng, nhờ ánh sáng nên tạm thời nổi lên nhưng vì thân nặng nên lại chìm xuống. Nổi lên rồi dừng lại nghĩa là cá chỉ-di ở nơi nước cạn, thích thấy ánh sáng nên nổi lên rồi dừng lại. Quán sát khắp các phương nghĩa là cá tích vì tìm thức ăn nên quán sát khắp bốn phương, đó gọi là quán sát khắp các phương. Quán sát xong rồi đi, nghĩa là cá tích thấy các vật từ xa, cho là có thể ăn liền bơi nhanh đến, gọi là quán sát xong rồi đi. Đi rồi dừng lại, là cá ấy đến xong, gặp được thức ăn liền dừng lại, đó gọi là đi rồi dừng lại. Ở dưới nước, trên bờ đều đi tức là loài rùa. Này thiện nam! Trong sông Đại Niết-bàn vi diệu này cũng có bảy loại chúng sinh như vậy, từ loại ban đầu là luôn chìm cho đến loại thứ bảy là hoặc dưới nước hoặc lên bờ. Nói luôn chìm là, có người nghe kinh Đại Niết-bàn này, cho rằng Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi, thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng nhập Niết-bàn rốt ráo, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh; hạng Nhất-xiển-đề chê bai kinh Phương Đẳng, tạo năm tội đại nghịch, phạm bốn tội cực nặng chắc chắn sẽ được thành đạo Bồ-đề, các hàng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi v.v… chắc chắn sẽ thành Bồ-đề vô thượng. Nghe lời này xong, người ấy khởi tâm không tin tưởng, liền suy nghĩ và nói như vầy: “Kinh điển Niết-bàn này là sách vở ngoại đạo chẳng phải là kinh Phật”. Bấy giờ, người này xa lìa bạn lành, không nghe chánh pháp. Tuy có lúc được nghe nhưng không thể tư duy, dù có tư duy nhưng không thể tư duy pháp thiện, do không tư duy pháp thiện nên trụ nơi pháp ác. Người trụ nơi pháp ác có sáu hạng: một là ác, hai là không thiện, ba là làm ô nhiễm pháp, bốn là tăng hữu, năm là não nhiệt, sáu là thọ quả ác, đó gọi là chìm. Vì sao gọi là chìm? Vì không có tâm thiện nên thường làm điều ác, không tu tập pháp đối trị, đó gọi là chìm. Nói ác, là vì Thánh nhân quở trách, vì tâm luôn sợ hãi, vì xa lìa người tốt, vì không tạo lợi ích cho chúng sinh nên gọi là ác. Nói không thiện là vì có thể sinh khởi vô lượng quả báo ác, vì luôn bị vô minh trói buộc, vì thích làm bạn với người ác, vì không tu tập theo những phương tiện lành, vì tâm họ luôn điên đảo, sai lầm, nên gọi là không thiện. Nói ô nhiễm là vì thân, miệng luôn nhiễm ô, vì làm nhiễm ô chúng sinh thanh tịnh, vì tăng trưởng nghiệp chẳng lành, vì xa lìa pháp thiện, nên gọi là ô nhiễm. Nói tăng hữu là, làm như những điều mà ba hạng người trên đã làm, có thể tăng thêm địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, không thể tu tập pháp giải thoát, nghiệp thân, miệng, ý, không hề nhàm chán các cõi, đó gọi là tăng hữu. Nói não nhiệt là, người này làm đủ bốn việc như trên, có thể khiến cho thân, tâm đều bị nóng bức, xa lìa tịch tĩnh thì gọi là nóng bức, vì chịu quả báo địa ngục nên gọi là nóng bức, vì thiêu đốt các chúng sinh nên gọi là nóng bức, vì thiêu đốt các pháp nên gọi là nóng bức. Này thiện nam! Người này lòng tin mát mẻ không đầy đủ, nên gọi là nóng bức. Nói chịu quả báo ác là người này làm đầy đủ năm việc như trên thì khi chết bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Này thiện nam! Có ba việc ác nên gọi là quả báo ác: một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là quả báo ác, đó gọi là chịu quả báo ác. Này thiện nam! Người này làm đủ sáu việc như trên thì có thể đoạn dứt căn lành, tạo năm tội đại nghịch, có thể phạm bốn tội nặng, chê bai Tam bảo, dùng vật của chúng Tăng, có thể làm các việc phi pháp, do nhân duyên này nên bị chìm đắm trong địa ngục A-tỳ, dù thọ thân hình cao lớn tám vạn bốn ngàn do-tuần, nhưng do nghiệp thân, miệng, ý của người này rất nặng nên không thể thoát khỏi. Vì sao? Vì tâm họ không thể sinh khởi pháp thiện, dù có vô lượng chư Phật ra đời cũng chẳng được nghe, chẳng được thấy, đó gọi là luôn chìm như loài cá lớn trong sông Hằng. Này thiện nam! Tuy Ta nói hạng Nhất-xiển-đề là luôn chìm nhưng lại có hạng luôn chìm mà chẳng phải là Nhất-xiển-đề. Vì sao như vậy? Như người vì cõi giới mà tu tập bố thí, trì giới, làm các việc lành, đó gọi là luôn chìm. Này thiện nam! Có bốn việc lành nhưng chịu lấy quả ác. Những gì là bốn? Một là vì muốn hơn người nên đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng nên giữ gìn giới cấm, ba là vì lệ thuộc người khác mà thực hành bố thí, bốn là vì cõi Phi tưởng, phi phi tưởng nên nhiếp niệm tư duy. Đó là bốn việc lành nhưng chịu quả báo ác. Nếu người nào tu tập theo bốn việc như vậy thì gọi là chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi lại chìm xuống. Vì sao gọi là chìm? Vì ưa thích ba cõi. Vì sao gọi là nổi? Vì thấy ánh sáng. Ánh sáng tức là nghe pháp, trì giới, bố thí, thiền định. Vì sao chìm trở lại? Là tăng trưởng tà kiến, sinh khởi kiêu mạn. Do đó, ở trong kinh, Ta nói kệ:

Nếu có chúng sinh thích các cõi
Vì cõi tạo tác nghiệp thiện, ác
Người này mê muội, mất Niết-bàn
Đây gọi tạm nổi rồi lại chìm
Đi nơi biển sinh tử tối tăm

Tuy được giải thoát phiền não tạp
Người này lại chịu quả báo ác
Đây gọi tạm nổi rồi lại chìm.

Này thiện nam! Như cá lớn kia nhờ thấy ánh sáng nên tạm thời được nổi lên mặt nước, nhưng vì thân nặng nên bị chìm trở lại. Hai hạng người như trên cũng lại như vậy. Này thiện nam! Hoặc có người thích chấp trước vào ba cõi, đó gọi là chìm, được nghe kinh Đại Niết-bàn này mà phát sinh lòng tin, đó gọi là nổi. Nhân duyên gì gọi là nổi lên? Là nghe kinh này xong, xa lìa pháp ác, tu tập pháp thiện, đó gọi là nổi. Người này tuy có lòng tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Người này dù tin kinh Đại Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng cho rằng thân Như Lai là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Như Lai có hai loại Niết-bàn: một là hữu vi, hai là vô vi. Niết-bàn hữu vi không có thường, lạc, ngã, tịnh; Niết-bàn vô vi có thường, lạc, ngã, tịnh; tuy tin là Phật tánh chúng sinh đều có nhưng không chắc chắn là tất cả đều có Phật tánh, đó gọi là tin không đầy đủ. Này thiện nam! Lòng tin có hai loại: một là tin, hai là cầu. Người như vậy tuy có lòng tin nhưng không thể tìm cầu. Cho nên gọi là lòng tin không đầy đủ. Lòng tin lại có hai: một là từ nghe sinh khởi, hai là từ tư duy sinh khởi. Lòng tin của người này từ nghe mà sinh khởi, không phải từ tư duy sinh khởi, đó gọi là lòng tin không đầy đủ. Lòng tin của người này tuy tin là có đạo nhưng hoàn toàn không tin có người đắc đạo, đó gọi là lòng tin không đầy đủ. Lại có hai loại: một là tin chân chánh, hai là tin theo tà. Cho rằng có nhân quả, có Phật, Pháp, Tăng, đó gọi là tin chân chánh. Cho rằng không có nhân quả, tánh Tam bảo khác nhau, tin theo những lời tà của ngoại đạo như Phú- lan-na v.v…, đó gọi là tin theo tà. Người này tuy tin Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo nhưng không tin Tam bảo đồng một tánh, tướng; tuy tin nhân quả nhưng không tin có người thọ quả báo, đó gọi là lòng tin không đầy đủ. Người này thành tựu lòng tin không đầy đủ, thọ trì giới cấm cũng chẳng đầy đủ. Nhân duyên gì gọi là không đầy đủ? Do nhân chẳng đầy đủ nên sự đạt được về giới cấm cũng không đầy đủ. Lại nữa, do nhân duyên gì gọi là không đầy đủ? Giới có hai loại: một là giới về oai nghi, hai là giới về tùng giới. Người này tuy đầy đủ các giới về oai nghi nhưng không đầy đủ các giới về tùng giới, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là tác giới, hai là vô tác giới. Người này tuy đầy đủ tác giới nhưng không đầy đủ vô tác giới, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là từ thân, miệng mà được chánh mạng; hai là từ thân, miệng chẳng được chánh mạng. Người này tuy từ thân, miệng nhưng chẳng được chánh mạng, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là cầu giới, hai là xả giới. Người này tuy đầy đủ giới do cầu mà có nhưng không được giới xả, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là tùy hữu, hai là tùy đạo. Người này tuy đầy đủ giới tùy hữu nhưng không đầy đủ giới tùy đạo, đó gọi là giới không đầy đủ. Lại có hai loại: một là giới thiện, hai là giới ác. Thân, miệng, ý lành thì gọi là giới thiện; giới trâu, giới chó thì gọi là giới ác. Người này tin tưởng sâu xa, cho là hai loại giới này đều có quả lành, cho nên gọi là giới không đầy đủ. Người này chẳng có đầy đủ hai điều: lòng tin và giới, nên sự tu tập về đa văn cũng chẳng đầy đủ. Sao gọi là nghe không đầy đủ? Mười hai bộ loại kinh văn do Như Lai thuyết giảng, chỉ tin sáu bộ loại, còn không tin sáu bộ loại kia, đó gọi là nghe chẳng đầy đủ. Lại nữa, tuy có thọ trì sáu bộ loại kinh này nhưng không thể đọc tụng, vì người khác mà giảng nói, chẳng tạo được lợi ích, đó gọi là nghe không đầy đủ. Lại nữa, tuy thọ trì sáu bộ loại kinh này rồi nhưng vì bàn luận, vì hơn người, vì lợi dưỡng, vì các cõi mà thọ trì, đọc tụng, giảng nói đó gọi là nghe không đầy đủ. Này thiện nam! Ở trong kinh, Ta nói là nghe đầy đủ. Thế nào là đầy đủ? Nếu có Tỳ-kheo, thân, miệng, ý đều thiện, trước có thể cúng dường Hòa thượng, các bậc thầy và những vị có đức, các bậc Sư trưởng này đối với người ấy sinh tâm thương mến, do nhân duyên này, chư vị truyền trao kinh pháp, người ấy chí tâm thọ trì, đọc tụng, tu tập; thọ trì, đọc tụng, tu tập xong, đạt được trí tuệ; đạt được trí tuệ xong, có thể khéo tư duy như pháp mà an trụ; khéo tư duy rồi liền hiểu được nghĩa chân chánh; được nghĩa chân chánh rồi, thân, tâm tịch tĩnh; thân, tâm tịch tĩnh rồi liền khởi tâm hoan hỷ; nhờ tâm hoan hỷ, duyên theo tâm này liền được định; nhờ được định nên được tri kiến chân chánh; được tri kiến chân chánh rồi nên khởi tâm nhàm chán hối hận đối với các cõi nên có thể được giải thoát. Người này không có những việc như vậy, cho nên gọi là nghe không đầy đủ. Người này không đầy đủ ba việc như vậy nên bố thí cũng không đầy đủ. Bố thí có hai loại: một là tài thí, hai là pháp thí. Người này tuy có thực hành về tài thí nhưng vì tìm cầu nơi hữu, nên dù có thực hành pháp thí cũng không đầy đủ. Vì sao? Vì giữ bí mật, không nói hết, sợ người khác hơn mình. Đó gọi là bố thí không đầy đủ. Hai loại tài thí và pháp thí, mỗi loại đều có hai: một là Thánh, hai là chẳng phải Thánh. Bậc Thánh là bố thí rồi không cầu quả báo. Chẳng phải Thánh là bố thí rồi lại cầu quả báo. Bậc Thánh bố thí pháp là vì làm cho pháp tăng trưởng. Chẳng phải Thánh bố thí pháp là vì tăng trưởng các hữu. Người như vậy vì tăng trưởng tài sản mà thực hành tài thí, vì tăng trưởng các hữu mà thực hành pháp thí, cho nên gọi là bố thí không đầy đủ. Lại nữa, người này thọ trì sáu bộ loại kinh văn, thấy người nào thọ trì pháp thì cúng dường, cung cấp, còn những ai không thọ trì pháp thì không cúng dường, cung cấp, cho nên gọi là bố thí không đầy đủ. Người này không đầy đủ bốn điều như trên nên có tu trí tuệ cũng chẳng đầy đủ. Tánh của trí tuệ là tánh phân biệt. Người này không thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Trong kinh Niết-bàn này, Như Lai đã nói: "Như Lai tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai; Như Lai tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là giải thoát". Đối với nghĩa này không thể phân biệt được. Phạm hạnh tức là Như Lai, Như Lai tức là từ, bi, hỷ, xả; từ, bi, hỷ, xả, giải thoát tức là Niết-bàn; Niết-bàn tức là từ, bi, hỷ, xả, đối với nghĩa này không thể phân biệt được, đó gọi là trí tuệ không đầy đủ. Lại nữa, không thể phân biệt về Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là tất cả các pháp bất cộng; pháp bất cộng tức là giải thoát, giải thoát tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức pháp bất cộng; đối với nghĩa này, không thể phân biệt được, cho nên gọi là trí tuệ không đầy đủ. Lại nữa, không thể phân biệt về bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, vì không thể phân biệt về bốn đế chân chánh nên không biết hạnh của bậc Thánh, do không biết hạnh của bậc Thánh nên không biết về Như Lai, do không biết về Như Lai nên không biết giải thoát, do không biết giải thoát nên không biết Niết-bàn. Cho nên gọi là trí tuệ không đầy đủ. Người này do không đầy đủ năm việc như vậy nên có hai trường hợp: một là tăng trưởng pháp thiện, hai là tăng trưởng pháp ác. Thế nào gọi là tăng trưởng pháp ác? Người này không biết là mình không đầy đủ, tự cho rằng đã đầy đủ nên khởi tâm chấp trước; đối với người đồng hành tự cho mình là hơn, do đó cùng gần gũi với bạn ác; đã gần gũi rồi lại được nghe pháp không đầy đủ, nghe rồi tâm hoan hỷ, tâm người ấy bị nhiễm trước, khởi lên kiêu mạn, luôn buông lung; do buông lung nên gần gũi người tại gia, cũng thích nghe nói về những việc của người tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh; do nhân duyên này nên tăng trưởng pháp ác; do tăng trưởng pháp ác nên thân, miệng, ý khởi lên nghiệp bất tịnh; do ba nghiệp không thanh tịnh nên tăng trưởng địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đó gọi là tạm nổi rồi lại chìm. Trong pháp Phật của Ta, những ai là người tạm nổi rồi lại chìm như vậy? Đó là Đề-bà-đạt-đa, Tỳ-kheo Cù-già-ly, Tỳ-kheo Uyển Thủ, Tỳ- kheo Thiện Tinh, Tỳ-kheo Đề-xá, Tỳ-kheo Mãn Túc, Tỳ-kheo-ni Từ Địa, Tỳ-kheo-ni Khoáng Dã, Tỳ-kheo-ni Phương, Tỳ-kheo-ni Mạn, Trưởng giả Tịnh Khiết, Ưu-bà-tắc Cầu Hữu, Xá-lặc Thích Chủng, Trưởng giả Tượng, Ưu-bà-di Danh Xưng, Ưu-bà-di Quang Minh, Ưu- bà-di Nan-đà, Ưu-bà-di Quân, Ưu-bà-di Linh, những người như vậy gọi là tạm nổi lên rồi lại chìm. Ví như loài cá lớn do thấy ánh sáng nên nổi lên, vì thân nặng nên chìm xuống. Hạng người thứ hai là tự biết rõ sự thực hành của mình không đầy đủ, do không đầy đủ nên tìm cầu, gần gũi bạn lành, do gần gũi bạn lành nên thích bàn luận những điều chưa nghe, nghe rồi ưa thọ trì, thọ trì rồi thích khéo tư duy, khéo tư duy rồi có thể như pháp mà an trụ, do an trụ như pháp nên tăng trưởng pháp thiện, nhờ tăng trưởng pháp thiện nên không bao giờ chìm lại. Đó gọi là an trụ. Trong pháp Phật của Ta những ai là hạng người này? Đó là Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, năm vị Tỳ-kheo: A-nhã Kiều-trần-như v.v…, năm vị Tỳ-kheo: Da-xá v.v…; A-nâu-lâu-đà, Đồng Tử Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp, Thập Lực Ca-diếp, Tỳ-kheo-ni Sấu-cù-đàm-di, Tỳ- kheo-ni Ba-tra-la-hoa, Tỳ-kheo-ni Thắng, Tỳ-kheo-ni Thật Nghĩa, Tỳ- kheo-ni Ý, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà, Tỳ-kheo-ni Tịnh, Tỳ-kheo-ni Bất Thoái Chuyển, vua Tần-bà-sa-la, Trưởng giả Úc-già, Trưởng giả Tu-đạt-đa, Thích Ma-nam, Bần-tu-đạt-đa, Trưởng giả Thử Lang, Trưởng giả Danh Xưng, Trưởng giả Cụ Túc, Tướng quân Sư Tử, Trưởng giả Ưu-ba-ly, Trưởng giả Đao, Ưu-bà-di Vô Úy, Ưu-bà-di Thiện Trụ, Ưu-bà-di Ái Pháp, Ưu-bà-di Dũng Kiện, Ưu-bà-di Thiên Đắc, Ưu-bà-di Thiện Sinh, Ưu-bà-di Cụ Thân, Ưu-bà-di Ngưu Đắc, Ưu-bà-di Khoáng Dã, Ưu-bà- di Ma-ha-tư-na, những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di như vậy được gọi là an trụ. Thế nào là an trụ? Vì luôn ưa thấy ánh sáng thiện, do nhân duyên này, hoặc Phật ra đời hoặc không ra đời thì những người như vậy không bao giờ tạo nghiệp ác. Đó gọi là an trụ. như cá chỉ-di ưa thấy ánh sáng nên không lặn, không chìm, những người như trên cũng lại như vậy. Do đó, ở trong kinh, Ta nói kệ:

Người nào khéo phân biệt ý nghĩa
Chí tâm cầu quả vị Sa-môn
Hoặc là quở trách tất cả hữu
Người này gọi là trụ như pháp
Nếu hay cúng dường vô lượng
Phật Có thể tu đạo vô lượng đời
Hưởng vui thế gian, không buông lung
Người này gọi là trụ như pháp
Gần gũi bạn lành nghe chánh pháp
Trong khéo tư duy, trụ như pháp
Thích thấy ánh sáng tu tập đạo
Đạt được giải thoát, trụ an ổn.

Này thiện nam! Trí chẳng đầy đủ có năm việc. Người này biết rồi, tìm cầu gần gũi bạn lành. Bạn lành ấy nên quán sát người này về tham dục, sân hận, ngu si và suy nghĩ, xem cái nào nhiều hơn. Nếu biết người này nhiều tham dục thì nên giảng nói pháp quán bất tịnh, nhiều sân hận thì giảng nói từ bi, nhiều suy nghĩ tán loạn thì dạy quán số tức, nhiều chấp ngã thì phân tích về mười tám giới v.v… Người này nghe rồi, chí tâm thọ trì, chí tâm thọ trì rồi như pháp mà tu hành, như pháp tu hành xong, lần lượt đạt được pháp quán bốn niệm xứ: thân, thọ, tâm và pháp, được pháp quán này rồi, lại lần lượt quán mười hai nhân duyên, quán như vậy rồi, lần lượt chứng được pháp noãn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều có pháp noãn. Vì sao? Như Đức Như Lai đã giảng nói, ba pháp hòa hợp thì gọi là chúng sinh: một là thọ, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa này thì tất cả chúng sinh đáng lẽ từ trước đã có noãn. Sao Như Lai giảng nói pháp noãn nhờ bạn lành mà phát khởi?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như pháp noãn mà ông đã hỏi thì tất cả chúng sinh cho đến Nhất-xiển-đề đều có pháp ấy. Nhưng pháp noãn mà Ta giảng nói hôm nay thì cần phải nương vào phương tiện, sau đó mới có được, vốn là không, nay có. Do nghĩa này, nên chẳng phải tất cả chúng sinh đều có trước. Do vậy, nay ông không nên gạn hỏi là tất cả chúng sinh đều có pháp noãn. Này thiện nam! Pháp noãn này là pháp thuộc cõi Sắc, cõi Dục không thể có. Nếu nói tất cả chúng sinh đều có thì lẽ ra chúng sinh cõi Dục cũng đều có, mà cõi Dục không có thì nên biết không chắc là tất cả đều có. Này thiện nam! Cõi Sắc tuy có nhưng chẳng phải tất cả đều có. Vì sao? Vì hàng đệ tử của Ta thì có mà ngoại đạo thì không, do nghĩa này nên không hẳn tất cả chúng sinh đều có. Này thiện nam! Tất cả ngoại đạo chỉ quán sáu hạnh, còn hàng đệ tử của Ta thì đầy đủ mười sáu hạnh. Mười sáu hạnh này, không hẳn tất cả chúng sinh đều có.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nói là pháp noãn, vậy thế nào gọi là noãn? Là noãn tự tánh hay noãn do pháp khác?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Pháp noãn này là noãn tự tánh, chẳng phải noãn do pháp khác.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Trước Đức Như Lai đã nói Mã Sư và Mãn Túc không có pháp noãn. Vì sao? Vì không có lòng tin đối với Tam bảo nên không có pháp noãn, nên biết lòng tin tức là pháp noãn.

–Này thiện nam! Lòng tin không phải là pháp noãn. Vì sao? Vì do lòng tin mà đạt được pháp noãn. Này thiện nam! Luận về pháp noãn tức là trí tuệ. Vì sao? Vì quán bốn đế cho nên gọi là mười sáu hạnh, mà hạnh tức trí. Này thiện nam! Như lời ông hỏi, nhân duyên gì gọi là noãn thì, này thiện nam! Luận về pháp noãn tức là tướng lửa của tám Thánh đạo, cho nên gọi là noãn. Này thiện nam! Ví như nhóm lửa, trước có hơi nóng, kế đến có lửa, sau mới có khói. Đạo vô lậu cũng như vậy, hơi nóng tức là mười sáu hạnh, lửa tức là quả Tu-đà-hoàn, khói tức là tu đạo đoạn trừ kiết sử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp noãn này cũng là pháp hữu, cũng là pháp hữu vi, quả báo của pháp này là được năm ấm ở cõi Sắc nên gọi là hữu, do nhân duyên này lại gọi là hữu vi. Nếu là hữu vi thì sao có thể làm tướng đạo vô lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Này thiện nam! Tuy pháp noãn này là pháp hữu và hữu vi nhưng có thể trở lại phá trừ pháp hữu và hữu vi, do đó có thể làm tướng đạo vô lậu. Này thiện nam! Như người cỡi ngựa cũng thương cũng đánh, tâm noãn cũng vậy, vì ái nên thọ sinh, vì nhàm chán nên quán các hạnh. Do đó, tuy là pháp hữu và hữu vi nhưng có thể cùng làm tướng cho chánh đạo kia đắc pháp noãn. Có bảy mươi ba hạng người được pháp noãn, cõi Dục có mười hạng người. Những người này đầy đủ tất cả các phiền não, từ đoạn trừ một phần cho đến chín phần. Như ở cõi Dục, Sơ thiền cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Đó gọi là bảy mươi ba hạng. Những người này đạt được pháp noãn rồi, thì không thể đoạn dứt căn lành, tạo năm tội đại nghịch, phạm bốn giới nặng. Những người này có hai hạng: một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác. Người gặp bạn ác thì tạm nổi rồi lại chìm xuống, người gặp bạn lành thì quán sát khắp bốn phương. Quán sát bốn phương tức là pháp Đảnh, tuy tánh của pháp này là năm ấm nhưng cũng duyên theo bốn đế, do đó được gọi là quán sát khắp bốn phương. Được pháp Đảnh rồi kế đến đạt được pháp Nhẫn. Tánh của pháp Nhẫn này cũng như vậy, cũng là năm ấm và duyên theo bốn đế. Người này kế đến đạt được pháp Thế đệ nhất. Tánh của pháp này cũng là năm ấm và cũng duyên theo bốn đế. Người này lần lượt đạt được pháp Nhẫn khổ. Tánh của pháp nhẫn này là tuệ, duyên theo một đế. Pháp nhẫn này duyên theo một đế rồi, cho đến kiến đạo, đoạn trừ phiền não đạt được quả Tu-đà-hoàn. Đây gọi là thứ tư: quán sát khắp bốn phương. Bốn phương này tức là Bốn đế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trước, Phật đã nói phiền não mà bậc Tu-đà- hoàn đã đoạn trừ giống như dòng nước rộng lớn bốn mươi dặm, những phiền não còn lại thì như giọt nước đầu sợi lông, nhưng ở đây sao lại nói đoạn trừ ba kiết sử gọi là Tu-đà-hoàn: một là chấp ngã, hai là chẳng phải nhân chấp là nhân, ba là lưới nghi. Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì gọi là Tu-đà-hoàn quán sát khắp bốn phương? Lại nữa, do nhân duyên gì gọi là Tu-đà-hoàn? Lại do nhân duyên gì mà dùng cá tích để dụ cho Tu-đà-hoàn?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Bậc Tu-đà-hoàn tuy có thể đoạn trừ vô lượng phiền não nhưng ba kiết sử cực nặng này cũng thuộc về tất cả các kiết sử mà bậc Tu-đà-hoàn đoạn trừ. Này thiện nam! Ví như đại vương lúc đi tuần, tuy có bốn đạo binh nhưng dân chúng chỉ nói rằng nhà vua đến, nhà vua đi. Vì sao? Vì thế gian này tôn trọng vua. Ba phiền não này cũng như vậy. Nhân duyên gì gọi là nặng? Vì tất cả chúng sinh thường sinh khởi, vì vi tế khó nhận biết, nên gọi là nặng. Vì ba kiết sử này khó có thể đoạn trừ được, vì có thể làm nhân cho tất cả phiền não, vì là ba oán địch mà giới, định, tuệ đối trị. Này thiện nam! Có những chúng sinh nghe bậc Tu-đà-hoàn có thể đoạn trừ vô lượng phiền não như vậy thì sinh tâm thoái lui, nói như vầy: “Làm sao chúng sinh có thể đoạn trừ vô lượng phiền não như vậy!”. Cho nên, Như Lai phương tiện nói là ba. Như điều ông hỏi, nhân duyên gì mà bậc Tu-đà-hoàn dụ cho quán sát bốn phương? Này thiện nam! Bậc Tu-đà-hoàn quán sát bốn đế thì đạt được bốn điều: một là trụ nơi đạo kiên cố, hai là có thể quán sát khắp nơi, ba là có thể thấy như thật, bốn là có thể phá tan oán thù lớn. Trụ nơi đạo kiên cố là, bậc Tu-đà-hoàn này có năm căn không thể lay động, cho nên gọi là trụ nơi đạo kiên cố. Có thể quán sát khắp nơi là có thể quở trách hết thảy phiền não cả trong lẫn ngoài. Thấy như thật tức là trí nhẫn. Phá tan oán thù lớn chính là bốn điên đảo. Như điều ông hỏi, nhân duyên gì gọi là bậc Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Tu gọi là vô lậu, đà hoàn gọi là tu tập. Tu tập vô lậu gọi là Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Lại nữa, tu gọi là dòng. Dòng có hai loại: một là thuận dòng, hai là ngược dòng. Do ngược dòng cho nên gọi là Tu-đà-hoàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu theo nghĩa này thì nhân duyên gì mà bậc Tư-đà-hàm, bậc A-na-hàm và bậc A-la-hán không được gọi là Tu-đà- hoàn?

–Này thiện nam! Từ bậc Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật cũng được gọi là bậc Tu-đà-hoàn. Nếu bậc Tư-đà-hàm cho đến chư Phật không gọi Tu-đà-hoàn thì sao được gọi là bậc Tư-đà-hàm cho đến Phật? Danh của tất cả chúng sinh có hai loại: một là cũ, hai là mới. Lúc còn phàm phu thì có danh tự thế gian, khi đã đắc đạo liền đặt tên, gọi là Tu-đà- hoàn. Do đắc đạo trước nên gọi là Tu-đà-hoàn, do đắc đạo sau nên gọi là Tư-đà-hàm. Người này cũng gọi là Tu-đà-hoàn cũng gọi là

Tư-đà- hàm, cho đến Phật cũng như vậy. Này thiện nam! Dòng có hai loại: một là giải thoát, hai là Niết-bàn. Tất cả các bậc Thánh đều có hai dòng này, nên cũng được gọi là Tu-đà-hoàn, cũng gọi là Tư-đà-hàm, cho đến Phật cũng như vậy. Này thiện nam! Tu-đà-hoàn cũng gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát tức là trí tận và trí vô sinh. Bậc Tu-đà-hoàn cũng mong cầu hai trí này, do đó nên biết, bậc Tu-đà-hoàn cũng được gọi là Bồ-tát, bậc Tu-đà-hoàn cũng được gọi là Giác. Vì sao? Vì chánh giác thì thấy đạo đoạn trừ phiền não, vì chánh giác nhân quả, vì chánh giác cọng đạo và bất cọng đạo. Bậc Tư-đà-hàm cho đến A-la-hán cũng như vậy. Này thiện nam! Tu-đà-hoàn này có hai hạng: một là căn thông lợi, hai là căn chậm lụt. Hạng căn chậm lụt thì bảy lần trở lại cõi trời, cõi người. Hạng người căn chậm lụt này lại có năm, hoặc có hạng trở lại sáu lần, năm, bốn, ba, hai lần. Bậc căn thông lợi thì hiện tại đạt được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Này thiện nam! Như điều ông hỏi thì nhân duyên gì dùng cá tích dụ cho bậc Tu-đà-hoàn? Này thiện nam! Cá tích có bốn điều: một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có vây nên nhẹ, ba là ưa thấy ánh sáng, bốn là ngậm được vật thì giữ chặt. Bậc Tu-đà-hoàn cũng có bốn điều: do phiền não vi tế nên dụ cho xương nhỏ, có chỉ và quán nên dụ cho có vây, thấy đạo nên dụ cho ưa thấy ánh sáng, nghe Như Lai giảng nói về vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh thì giữ gìn không bỏ nên dụ cho ngậm được vật thì giữ chặt. Giống như Ma vương hóa làm hình tượng Phật, trưởng giả Thủ-la thấy rồi, tâm kinh sợ. Ma thấy tâm trưởng giả lay động liền bảo trưởng giả: “Trước kia, ta đã nói bốn chân đế, đó là lời nói không chân thật, nay ta sẽ vì ông mà nói năm đế, sáu ấm, mười ba nhập, mười chín giới”. Trưởng giả nghe xong, liền quán sát pháp tướng đều không có lý ấy, do vậy nên giữ chắc tâm mình, không lay động.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Tu-đà-hoàn này trước đã đắc đạo cho nên gọi là Tu-đà-hoàn hay vì chứng Sơ quả mà gọi là Tu-đà-hoàn? Nếu trước đã đắc đạo mới gọi là Tu-đà-hoàn thì khi đạt được pháp nhẫn khổ sao không được gọi là Tu-đà-hoàn, mà chỉ gọi là Hướng? Nếu nhờ đạt được Sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn thì hạng ngoại đạo trước đã đoạn trừ phiền não, đạt đến Vô sở hữu xứ, tu đạo vô lậu chứng được quả A-na- hàm, sao không gọi là Tu-đà-hoàn?

–Này thiện nam! Vì được Sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn. Như điều ông hỏi, thì hạng ngoại đạo trước đã đoạn trừ phiền não, đạt đến Vô sở hữu xứ, tu đạo vô lậu chứng quả A-na-hàm, sao không gọi là Tu- đà-hoàn? Này thiện nam! Do được Sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn, lúc ấy, người này đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chứng đắc quả A-na-hàm cũng như vậy, cũng đạt được tám trí và đầy đủ mười sáu hạnh, sao không được gọi là Tu- đà-hoàn?

–Này thiện nam! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai loại: một là cộng, hai là bất cộng. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai loại: một là hướng quả, hai là đắc quả. Tám trí cũng có hai: một là hướng quả, hai là đắc quả. Bậc Tu-đà-hoàn xả bỏ mười sáu hạnh cộng, đạt được mười sáu hạnh bất cộng; xả bỏ tám trí hướng quả, đạt được tám trí đắc quả. Bậc A-na-hàm thì không như vậy. Do đó, Sơ quả gọi là Tu đà hàm. Này thiện nam! Bậc Tu-đà-hoàn duyên theo bốn đế còn bậc A-na-hàm chỉ duyên theo một đế, do đó Sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn. Do nhân duyên này nên dùng cá tích để ví dụ. Quán sát khắp rồi đi, đi tức là bậc Tư- đà-hàm nhiếp tu đạo, vì để đoạn trừ tham dục, sân, si, kiêu mạn. Như cá tích kia quán sát khắp các phương rồi, vì thức ăn nên đi, đi rồi dừng lại, dụ cho bậc A-na-hàm được thức ăn rồi dừng lại. A-na-hàm này có hai hạng: một là hiện tại chứng A-na-hàm rồi siêng năng tu tập liền đạt được quả A-la-hán. Hai là tham trước Tam-muội tịch tĩnh trong cõi Sắc và Vô sắc. Hạng này không thọ thân ở cõi Dục nên gọi là A-na-hàm. Bậc A-na-hàm này lại có năm hạng: một là Trung Bát-niết-bàn, hai là Thọ thân Bát-niết-bàn, ba là Hành Bát-niết-bàn, bốn là Vô hành Bát- niết-bàn, năm là Thượng lưu Bát-niết-bàn. Lại có sáu hạng: năm hạng như trên cộng thêm Hiện tại Bát-niết-bàn. Lại có bảy hạng: sáu hạng như trên cộng thêm Vô sắc giới Niết-bàn. Hành Bát-niết-bàn lại có hai hạng: hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thì gọi là căn thông lợi, nếu thọ bốn thân gọi là căn chậm lụt. Lại có hai hạng: một là tinh tấn không có định tự tại, hai là biếng nhác mà có định tự tại. Lại có hai hạng: một là đầy đủ định và tinh tấn, hai là không đầy đủ cả hai loại này. Này thiện nam! Chúng sinh cõi Dục và cõi Sắc có hai loại nghiệp: một là tác nghiệp, hai là thọ sinh nghiệp. Bậc Trung Niết-bàn chỉ có tác nghiệp mà không có thọ sinh nghiệp cho nên ở trong đây mà nhập Niết-bàn, xả bỏ thân ở cõi Dục khi chưa đến cõi Sắc, vì căn thông lợi nên ở trong đây mà Niết-bàn. Bậc A-na-hàm Trung Niết-bàn này có bốn loại tâm: một là chẳng phải học, chẳng phải vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là chẳng phải học, chẳng phải vô học mà nhập Niết-bàn. Thế nào lại gọi là Trung Bát-niết-bàn?

Này thiện nam! Trong bốn loại tâm của bậc A-na-hàm này, có hai loại là Niết-bàn, hai loại chẳng phải Niết-bàn, cho nên gọi là Trung Bát-niết-bàn. Bậc thọ thân Niết-bàn lại cũng có hai loại: một là tác nghiệp, hai là sinh nghiệp. Bậc này xả bỏ thân ở cõi Dục, thọ thân ở cõi Sắc, siêng năng tu đạo đến khi hết thọ mạng mới nhập Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói chấm dứt mạng sống mới nhập Niết-bàn thì sao lại nói Thọ thân Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Bậc này thọ thân rồi, về sau mới đoạn trừ phiền não trong ba cõi, cho nên gọi là Thọ thân Bát-niết-bàn. Này thiện nam! Bậc Hành Bát-niết-bàn là thường tu hành đạo về lực Tam-muội hữu vi nên có thể đoạn trừ phiền não, nhập Niết-bàn. Đó gọi là Hành Bát- niết-bàn. Vô hành Bát-niết-bàn là, bậc này biết nhất định sẽ đạt được Niết-bàn nên biếng nhác, cũng nhờ lực Tam-muội hữu vi nên khi chấm dứt mạng sống thì liền được nhập Niết-bàn. Đó gọi là Vô hành Bát- niết-bàn. Thượng lưu Bát-niết-bàn là, nếu có người đạt được Tứ thiền rồi, nhưng lại sinh lòng ưa thích Sơ thiền, do nhân duyên này nên sinh xuống Sơ thiền. Ở đây lại có hai dòng: một là dòng phiền não, hai là dòng đạo. Nhờ dòng đạo nên khi chấm dứt mạng sống, bậc này sinh lòng ưa thích Nhị thiền, do nhân duyên ưa thích này nên được sinh vào Nhị thiền, cho đến Tứ thiền cũng như vậy. Trong Tứ thiền này cũng có hai bậc: một là nhập vào cõi Vô sắc, hai là nhập vào ngũ Tịnh cư. Hai bậc này, một là ưa thích Tam-muội, hai là ưa thích trí tuệ. Bậc ưa thích trí tuệ thì nhập vào ngũ Tịnh cư, bậc ưa thích Tam-muội thì nhập vào cõi Vô sắc. Hai bậc này, một bậc thì tu Thiền thứ tư có năm cấp bậc, hai là không tu. Những gì là năm? Là hạ, trung, thượng, thượng trung và thượng thượng. Bậc tu thượng thượng thì ở trời Vô Tiểu, bậc tu thượng trung ở cõi trời Thiện Kiến, bậc tu thượng phẩm ở cõi trời Thiện Khả Kiến; bậc tu trung phẩm ở cõi trời Vô Nhiệt; bậc tu hạ phẩm ở cõi trời Thiểu Quảng. Hai bậc này, một là thích bàn luận, hai là thích tịch tĩnh. Bậc thích tịch tĩnh thì nhập vào cõi Vô sắc, bậc thích bàn luận thì ở ngũ Tịnh cư. Lại có hai bậc: một là tu tập thiền, hai là không tu tập thiền. Bậc tu tập thiền nhập vào ngũ Tịnh cư, bậc không tu tập thiền thì sinh vào cõi Vô sắc, khi mạng sống của vị ấy chấm dứt thì nhập Niết-bàn. Đó gọi là Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu muốn nhập vào cõi Vô sắc thì không thể tu tập năm cấp bậc của Tứ thiền, nếu tu tập năm cấp bậc của Tứ thiền thì có thể quở trách định của cõi Vô sắc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Trung Niết-bàn chính là căn thông lợi, nếu căn thông lợi thì sao không nhập Niết-bàn ở hiện tại? Vì sao cõi Dục có

Trung Niết-bàn mà cõi Sắc thì không có?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Bậc này, bốn đại ở hiện tại gầy yếu, không thể tu đạo, tuy có Tỳ-kheo bốn đại tráng kiện nhưng không có nhà cửa, thực phẩm, y phục, đồ nằm, thuốc men v.v… các duyên không đầy đủ nên không đạt được Niết-bàn ở hiện tại. Này thiện nam! Thuở nọ, Ta ở tại Tinh xá A-na-bân-đề, nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo đến chỗ Ta, thưa như vầy: “Bạch Thế Tôn! Con luôn tu đạo nhưng không thể đạt được quả tu đạo như không thể đạt được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán”. Bấy giờ, Ta liền bảo A-nan: “Nay, ông nên vì Tỳ-kheo này mà sắm đủ những vật cần dùng”. Khi ấy, A-nan liền dẫn Tỳ-kheo ấy đến rừng Kỳ-đà, cung cấp nhà cửa tốt. Tỳ-kheo ấy thưa Tôn giả A-nan: “Thưa Đại đức! Cúi xin Đại đức vì tôi mà trang hoàng nhà cửa, dọn dẹp, sửa sang sạch sẽ, dùng bảy báu để trang hoàng, treo phướn lọng bằng lụa”. Tôn giả A-nan bảo: “Người nghèo ở thế gian mới gọi là Sa- môn, tôi làm sao có thể làm được những việc như vậy?”. Vị Tỳ-kheo ấy nói: “Thưa Đại đức! Nếu Đại đức có thể vì tôi mà làm thì thật là tốt, nếu không thể làm được thì tôi sẽ trở về chỗ Đức Thế Tôn”. Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền đến chỗ Đức Phật, thưa như vầy: “Bạch Thế Tôn! Vừa rồi, vị Tỳ-kheo ấy theo con để cầu xin đủ mọi thứ như phướn, lọng bằng bảy báu để trang hoàng, nhưng con không biết việc này nên làm như thế nào?”. Lúc ấy, Ta lại bảo A-nan: “Nay, ông hãy trở lại, tùy theo ý của Tỳ-kheo ấy mà sắm sửa đầy đủ những vật cần dùng”. Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền trở lại nơi ấy, vì vị Tỳ-kheo kia mà sắm sửa đầy đủ mọi thứ. Vị Tỳ-kheo có được mọi thứ xong, liền nhiếp niệm tu đạo, không bao lâu được chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Này thiện nam! Vô lượng chúng sinh đáng lẽ được nhập Niết-bàn nhưng vì thiếu thốn làm chướng ngại, tâm của họ bị loạn động nên không chứng được. Này thiện nam! Lại có chúng sinh ưa thích việc giáo hóa nhiều, nên tâm họ loạn động không thể đạt được định, do đó không thể đạt được Niết-bàn ở hiện tại. Này thiện nam! Như lời ông hỏi, do nhân duyên gì mà xả bỏ thân ở cõi Dục thì có Trung Niết-bàn còn ở cõi Sắc thì không có? Này thiện nam! Bậc này quán phiền não ở cõi Dục có hai nhân duyên: một là bên trong, hai là bên ngoài, mà trong cõi Sắc thì không có nhân duyên bên ngoài. Cõi Dục lại có hai loại tâm ái: một là ái Dục, hai là ái Sắc. Quán hai loại ái này thì đạt đến tâm quở trách, có tâm quở trách rồi thì được nhập Niết-bàn. Trong cõi Dục này có thể quở trách được các phiền não thô, đó là: tham lam, sân hận, ganh ghét, không hổ, không thẹn. Do nhân duyên này có thể đạt được Niết-bàn. Lại nữa, đạo trong cõi Dục, tánh rất mạnh mẽ. Vì sao? Vì đạt được bốn quả. Do đó, cõi Dục có Trung Niết-bàn mà cõi Sắc thì không có Trung Niết-bàn. Này thiện nam! Trung Niết-bàn lại có ba bậc, đó là thượng, trung và hạ. Bậc thượng là lúc xả bỏ thân, chưa rời cõi Dục liền đạt được Niết-bàn. Bậc trung là mới xa lìa cõi Dục, chưa đến cõi Sắc liền đạt được Niết-bàn. Bậc hạ là xa lìa cõi Dục rồi, mới đến ranh giới cõi Sắc liền đạt được Niết-bàn, dùng ví dụ cá tích kiếm được thức ăn rồi dừng lại, bậc này cũng vậy. Thế nào gọi là dừng lại? Là ở nơi cõi Sắc và cõi Vô sắc mà được thọ thân, cho nên gọi là dừng lại. Không thọ thân ở cõi Dục, trời, người, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, đó gọi là dừng lại; đã đoạn trừ vô lượng các phiền não, kiết sử, chỉ còn lại chút ít, gọi là dừng lại. Lại nữa, do nhân duyên gì gọi là dừng lại? Là vĩnh viễn không tạo tác nghiệp phàm phu, đó gọi là dừng lại. Tự mình không sợ hãi, không làm cho người khác sợ hãi, đó gọi là dừng lại. Xa lìa hai loại ái, tham lam, keo kiệt, sân hận thì gọi là dừng lại. Này thiện nam! Bậc đạt đến bờ kia là dụ cho A-la-hán, Phật-bích- chi, Bồ-tát và Phật, giống như rùa thần ở dưới nước, trên bờ đều đi. Nhân duyên gì dùng rùa để ví dụ? Vì khéo léo che giấu năm căn. Bậc A-la-hán cho đến chư Phật cũng như vậy, cũng khéo léo che giấu năm căn, cho nên dụ cho rùa. Nói dưới nước, trên bờ là, dưới nước dụ cho thế gian, trên bờ dụ cho xuất thế. Các bậc Thánh này cũng như vậy, có thể quán sát tất cả phiền não ác nên được đến bờ bên kia, do đó, dụ cho dưới nước, trên bờ đều đi. Này thiện nam! Như bảy loại chúng sinh trong sông Hằng, tuy có tên cá, rùa nhưng không thể xa lìa nước. Trong Đại Niết-bàn vi diệu này, từ Nhất-xiển-đề đến chư Phật, tuy tên gọi khác nhau nhưng cũng không xa lìa nước Phật tánh. Này thiện nam! Bảy loại chúng sinh này, hoặc pháp thiện hoặc chẳng phải pháp thiện, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ lớp, hoặc nhân, hoặc quả v.v… đều là Phật tánh. Đó gọi là ngôn ngữ tùy tự ý của Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có nhân thì có quả, nếu không nhân thì không quả. Niết-bàn gọi là quả, là thường nên không nhân, nếu không nhân thì sao gọi là quả. Niết-bàn này cũng gọi là Sa-môn, cũng gọi là quả Sa-môn. Thế nào là Sa-môn? Thế nào là quả Sa-môn?

–Này thiện nam! Tất cả thế gian có bảy loại quả: một là quả phương tiện, hai là quả báo ân, ba là quả thân cận, bốn là quả dư tàn, năm là quả bình đẳng, sáu là quả quả báo, bảy là quả viễn ly. Phương tiện là, như người ở thế gian, mùa thu gặt được nhiều lúa, họ bảo nhau rằng được quả phương tiện. Quả phương tiện cũng gọi là quả nghiệp hành. Quả này có hai loại nhân: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần gọi là hạt giống, nhân xa là nước, phân, công sức người. Đó gọi là quả phương tiện. Quả báo ân là, như người ở thế gian phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ đều cho rằng, nay chúng ta đã được quả về ân phụng dưỡng. Con có thể báo ân thì gọi là quả. Quả này, nhân cũng có hai loại: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là nghiệp thiện thuần thục của cha mẹ trong quá khứ. Nhân xa tức là sinh ra con hiếu. Đó gọi là quả báo ân. Quả thân cận là, ví như có người gần gũi bạn lành, hoặc đạt được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Người này cho rằng, nay tôi đã được quả báo thân cận. Quả báo này, nhân có hai loại: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần là lòng tin, nhân xa bạn lành. Đó gọi là quả thân cận. Quả dư tàn là, như do không sát sinh thì được thân thứ ba là sống lâu, tăng tuổi thọ. Đó gọi là quả dư tàn. Quả dư tàn này có hai loại nhân: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là thân, miệng, ý thanh tịnh, nhân xa tức là sống lâu, tăng tuổi thọ. Đó gọi là quả dư tàn. Quả bình đẳng nghĩa là khí thế giới. Xưa này cũng có hai loại nhân: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần nghĩa là chúng sinh tu mười nghiệp thiện, nhân xa nghĩa là tam tai. Đó gọi là quả bình đẳng. Quả quả báo là, như người đạt được thân thanh tịnh rồi, tu ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh. Người này liền nói tôi đạt được quả báo. Quả này, nhân có hai loại: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần nghĩa là hiện tại thân, miệng, ý thanh tịnh, nhân xa nghĩa là quá khứ thân, miệng, ý thanh tịnh. Đó gọi là quả của báo quả. Viễn ly quả tức là Niết-bàn, xa lìa các phiền não và tất cả nghiệp thiện. Niết-bàn này, nhân lại có hai loại: một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là ba môn giải thoát, nhân xa tức là đã tu tập pháp thiện trong vô lượng đời. Này thiện nam! Như pháp thế gian hoặc nói sinh nhân hoặc nói liễu nhân. Pháp xuất thế cũng như vậy, cũng nói sinh nhân cũng nói liễu nhân. Này thiện nam! Ba môn giải thoát, ba mươi bảy phẩm có thể làm sinh nhân của tất cả phiền não không sinh khởi, cũng làm liễu nhân cho Niết-bàn. Này thiện nam! Xa lìa phiền não thì được thấy rõ, thấy rõ về Niết-bàn. Do đó, Niết-bàn chỉ có liễu nhân mà không có sinh nhân. Này thiện nam! Như điều ông hỏi, thế nào là đạo Sa-môn? Thế nào là quả Sa-môn? Này thiện nam! Đạo Sa-môn tức tám Thánh đạo. Quả Sa-môn là, từ nơi đạo, dứt trừ hoàn toàn tất cả tham, sân, si… Đó gọi là đạo Sa-môn và quả Sa-môn.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì tám Thánh đạo gọi là đạo Sa-môn?

–Này thiện nam! Thế gian cho rằng Sa-môn gọi là thiếu thốn,

Đạo gọi là con đường đạo này đoạn trừ tất cả sự thiếu thốn và đoạn trừ tất cả con đường, do nghĩa này nên gọi tám Thánh đạo là đạo Sa-môn. Từ trong đạo này chứng được đạo quả nên gọi là quả Sa-môn. Này thiện nam! Lại nữa, đạo Sa-môn là, như ở thế gian, có người ưa thích tịch tĩnh cũng gọi là Sa-môn. Đạo này cũng gọi như vậy, có thể khiến cho hành giả xa lìa những việc ác về thân, miệng, ý, tà mạng v.v… được niềm vui tịch tĩnh, do đó gọi là đạo Sa-môn. Này thiện nam! Như ở thế gian, người thấp hèn có thể làm người cao thượng, đó gọi là Sa-môn. Đạo này cũng như vậy, có thể khiến người thấp hèn trở thành người cao thượng, do đó được gọi là đạo Sa-môn. Này thiện nam! Bậc A-la-hán tu đạo này đạt được quả Sa-môn, do đó được gọi là đến bờ bên kia. Quả A-la-hán tức là năm phần pháp thân vô học: giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Nhờ năm phần này nên được đến bờ bên kia, do đó gọi là đến bờ bên kia. Đến bờ bên kia rồi tự nói: “Ta đã đoạn tận sinh tử, đã kiến lập phạm hạnh, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau”. Này thiện nam! Bậc A-la-hán này đoạn trừ vĩnh viễn nhân duyên sinh tử ở ba đời, do đó tự nói rằng tôi đã đoạn tận sinh tử; cũng đã đoạn trừ thân năm ấm trong ba cõi, do đó lại nói rằng tôi đã đoạn tận sinh tử; đã tu phạm hạnh rốt ráo, do đó nói rằng đã kiến lập phạm hạnh. Lại nữa, xả bỏ học đạo nên cũng gọi là đã kiến lập, như sự mong cầu từ xưa, ngày nay đã được, do đó nói rằng việc làm đã xong. Tu đạo chứng quả cũng nói rằng đã xong. Đạt được Tận trí và Vô sinh trí nên nói rằng tôi đã đoạn tận sinh tử, đã đoạn tận các kiết sử hữu lậu. Do nghĩa này nên gọi A-la-hán được đến bờ bên kia. Như bậc A-la- hán, Phật-bích-chi cũng như vậy. Bồ-tát và chư Phật thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật nên gọi là đến bờ kia. Chư Phật và Bồ-tát đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, gọi là đầy đủ sáu pháp Ba-la- mật. Vì sao? Vì đạt được quả của sáu pháp Ba-la-mật. Do đạt được quả này nên gọi là đầy đủ.

Này thiện nam! Bảy hạng chúng sinh này không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ, do không thể tu tập bốn điều như vậy nên có thể tạo tội nặng ngũ nghịch, đoạn trừ căn lành, phạm bốn giới nặng, chê bai Phật, Pháp, Tăng. Do đó, được gọi là luôn chìm. Này thiện nam! Trong bảy hạng người này, có người nào gần gũi thiện tri thức, chí tâm nghe nhận chánh pháp của Như Lai, bên trong khéo tư duy, như pháp mà an trụ, siêng năng tu tập thân, giới, tâm, tuệ, do đó được gọi là vượt qua biển sinh tử, đến bờ bên kia. Nếu có người cho rằng hạng Nhất-xiển-đề mà chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì gọi là nhiễm trước, nếu cho rằng không chứng đắc thì đó gọi là hư vọng. Này thiện nam! Bảy hạng người này hoặc có một hạng đầy đủ cả bảy, hoặc bảy hạng mỗi hạng chỉ có một. Này thiện nam! Nếu người nào tâm, miệng và tưởng khác nhau mà cho rằng Nhất-xiển-đề chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nên biết người này chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu người nào tâm, miệng và tưởng khác nhau mà cho rằng Nhất-xiển-đề không chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Này thiện nam! Nếu người nào cho rằng tám Thánh đạo là sự chứng đắc của phàm phu thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu người nào cho rằng tám Thánh đạo chẳng phải là sự chứng đắc của phàm phu thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Này thiện nam! Nếu có người cho rằng tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh hoặc nhất định không có Phật tánh thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Này thiện nam! Do đó, nên trong khế kinh, Ta nói có hai hạng người chê bai Phật, Pháp, Tăng: một là không có lòng tin, vì tâm sân hận; hai là tuy có lòng tin nhưng chẳng hiểu nghĩa lý. Này thiện nam! Nếu người nào có lòng tin mà không có trí tuệ thì người ấy khiến vô minh tăng trưởng. Nếu có trí tuệ mà không có lòng tin thì người này làm tăng trưởng tà kiến. Này thiện nam! Người không có lòng tin, vì tâm sân hận nên nói rằng không có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Người tin nhưng không có trí tuệ thì hiểu nghĩa lý điên đảo, khiến người nghe pháp chê bai Phật, Pháp, Tăng. Này thiện nam! Do đó, Ta nói người không có lòng tin vì sân hận, người có lòng tin vì không có trí tuệ nên người này hay chê bai Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Này thiện nam! Nếu có người nói rằng Nhất-xiển-đề chưa phát sinh pháp thiện liền chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người cho rằng Nhất-xiển-đề xả bỏ Nhất-xiển-đề, sinh trong thân khác liền chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người này cũng gọi là chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người nói rằng hạng Nhất-xiển-đề có thể phát sinh căn lành, phát sinh căn lành rồi, liên tục không gián đoạn sẽ liền chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên nói là Nhất- xiển-đề chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên biết người này không chê bai Tam bảo. Này thiện nam! Nếu có người cho rằng tất cả chúng sinh chắc chắn có Phật tánh, thường, lạc, ngã, tịnh, vì không tạo tác, không sinh khởi, nhưng vì nhân duyên phiền não nên không thấy thì thì nên biết người này chê bai Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói rằng tất cả chúng sinh đều không có Phật tánh, giống như sừng thỏ, từ phương tiện sinh khởi, vốn không nay có, đã có rồi lại không, thì nên biết người này chê bai Phật, Pháp, Tăng. Hoặc có người nói rằng Phật tánh của chúng sinh, chẳng có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì sao? Vì hư không là thường, sừng thỏ là không, do đó được nói là cũng có, cũng không. Vì có nên phá sừng thỏ, vì không nên phá hư không. Nói như vậy là không chê bai Tam bảo. Này thiện nam! Luận về Phật tánh thì không gọi là một pháp, không gọi là mười pháp, không gọi là trăm pháp, không gọi là ngàn pháp, cũng không gọi là vạn pháp. Khi chưa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả thiện, bất thiện, vô ký v.v… đều gọi là Phật tánh. Như Lai có khi nói trong nhân nói quả, trong quả nói nhân, đó gọi là ngôn ngữ tùy tự ý của Như Lai. Do ngôn ngữ tùy tự ý nên gọi là Như Lai, do ngôn ngữ tùy tự ý nên gọi là A-la-hán, do ngôn ngữ tùy tự ý nên gọi là Tam-miệu-tam-phật-đà.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXVII

PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 5

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, Phật tánh của chúng sinh giống như hư không. Thế nào gọi là như hư không?

–Này thiện nam! Tánh của hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Phật tánh cũng như vậy. Này thiện nam! Hư không chẳng phải quá khứ. Vì sao? Vì không có hiện tại. Nếu có pháp hiện tại thì mới có thể nói quá khứ; vì không có hiện tại nên không có quá khứ, cũng không có hiện tại. Vì sao? Vì không có vị lai. Nếu có pháp vị lai thì mới có thể nói hiện tại; vì không có vị lai, nên không có hiện tại, cũng không có vị lai. Vì sao? Vì không có hiện tại và quá khứ. Nếu có hiện tại và quá khứ thì có vị lai; vì không có quá khứ và hiện tại nên không có vị lai. Do nghĩa này nên tánh của hư không chẳng phải thuộc về ba đời. Này thiện nam! Vì hư không không có nên không có ba đời, chẳng vì có nên không có ba đời. Như hoa đốm hư không, chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng vậy, chẳng phải là có nên không có ba đời. Này thiện nam! Không vật chính là hư không. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam! Vì hư không không nên chẳng thuộc về ba đời. Phật tánh là thường nên chẳng thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Như Lai đã chứng được Bồ-đề vô thượng, tất cả các pháp Phật và Phật tánh của Như Lai thường hằng không biến đổi. Do nghĩa này nên không có ba đời giống như hư không. Này thiện nam! Vì hư không là không nên chẳng phải trong, chẳng phải ngoài; Phật tánh là thường nên chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì vậy nên nói Phật tánh giống như hư không. Này thiện nam! Như trong thế gian chỗ không chướng ngại gọi là hư không. Đức Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, đối với tất cả các pháp Phật đều không có chướng ngại, nên nói Phật tánh giống như hư không. Do nhân duyên này nên Ta nói Phật tánh giống như hư không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh và Niết-bàn của Như Lai chẳng thuộc về ba đời mà gọi là có, hư không cũng chẳng thuộc về ba đời sao không được gọi là có?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì chẳng phải Niết-bàn gọi là Niết-bàn, vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai, vì chẳng phải Phật tánh gọi là Phật tánh. Thế nào gọi là chẳng phải Niết-bàn? Nghĩa là tất cả pháp phiền não hữu vi, vì phá trừ phiền não hữu vi như vậy nên gọi là Niết-bàn. Chẳng phải Như Lai là hàng Nhất-xiển-đề cho đến Phật-bích-chi, vì phá trừ Nhất-xiển-đề v.v… cho đến Phật-bích-chi như vậy nên gọi là Như Lai. Chẳng phải Phật tánh là tất cả các vật vô tình như: tường, vách, ngói, đá, xa lìa các vật vô tình như vậy nên gọi là Phật tánh. Này thiện nam! Tất cả thế gian đều tiếp xúc với hư không ở trong hư không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế gian cũng đều tiếp xúc với bốn đại, mà vẫn gọi bốn đại là có, nhưng đều tiếp xúc với hư không, sao hư không không được gọi là có?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói Niết-bàn chẳng thuộc ba đời mà hư không cũng vậy, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Niết-bàn là có, thấy được, chứng được, là dấu vết chương cú của sắc, là hữu, là tướng, là duyên, là nơi nương tựa, là bờ bên kia an ổn vắng lặng sáng trong. Vì vậy nên gọi là chẳng phải thuộc về ba đời. Tánh của hư không chẳng có các pháp như vậy nên gọi là không. Nếu có cái xa lìa các pháp như vậy mà lại có pháp thì nên thuộc về ba đời. Hư không nếu đồng với pháp có đó thì không thể không lệ thuộc ba đời. Này thiện nam! Như người đời cho rằng hư không là không sắc, không đối, không thể nhìn thấy. Nếu không sắc, không đối, không thể nhìn thấy thì chính là tâm sở pháp. Hư không nếu đồng với tâm sở pháp thì không thể không lệ thuộc ba đời. Nếu lệ thuộc ba đời tức là bốn ấm. Vì vậy nên xa lìa bốn ấm rồi thì không có hư không. Lại nữa, này thiện nam! Các nhà ngoại đạo nói: Hư không chính là ánh sáng. Nếu là ánh sáng tức là sắc pháp, hư không nếu là sắc pháp thì tức là vô thường, vì vô thường nên lệ thuộc ba đời, vậy sao ngoại đạo lại nói chẳng phải ba đời? Nếu đã lệ thuộc ba đời thì chẳng phải là hư không, cũng có thể nói hư không là thường. Này thiện nam! Lại có người nói hư không là chỗ trụ. Nếu có chỗ trụ tức là sắc pháp, mà tất cả chỗ đều là vô thường, lệ thuộc ba đời, hư không cũng là thường, chẳng phải lệ thuộc ba đời. Nếu nói là chỗ thì biết rằng không có hư không.

Lại có thuyết cho rằng hư không là thứ lớp. Nếu là thứ lớp tức là pháp số. Nếu là có thể tính đếm được tức là lệ thuộc ba đời, nếu lệ thuộc ba đời thì sao lại gọi là thường?

Này thiện nam! Lại có thuyết nói hư không chẳng xa lìa ba pháp. Một là không, hai là thật, ba là thật không. Nếu nói là không thì nên biết rằng hư không là pháp vô thường. Vì sao? Vì không có chỗ thật. Nếu là thật thì nên biết hư không cũng là vô thường. Vì sao? Vì không có trong hai chỗ. Vì vậy nên hư không gọi là không. Này thiện nam! Như nói hư không là pháp có thể làm ra, như nói bỏ cây bỏ nhà mà làm hư không, san bằng làm hư không, che hư không, lên hư không, vẽ sắc hư không, như sắc nước biển lớn. Vì vậy hư không là pháp có thể làm ra. Tất cả các pháp làm ra đều là vô thường giống như ngói, bình v.v… Hư không nếu như vậy thì phải là vô thường.

Này thiện nam! Người đời nói trong tất cả các pháp chỗ không bị chướng ngại, gọi là hư không. Chỗ không chướng ngại này đối với tất cả các pháp là có đầy đủ hay là có từng phần? Nếu có đầy đủ thì nên biết rằng những chỗ khác không có hư không. Nếu có từng phần thì pháp kia và pháp đây có thể tính đếm. Nếu đã là tính đếm được thì nên biết là vô thường. Này thiện nam! Nếu có người nói hư không là không chướng ngại cùng với có hợp. Lại nói rằng hư không ở nơi sự vật như trái cây ở trong đồ đựng. Hai thuyết trên đều không đúng. Vì sao? Vì nếu nói cùng hợp thì có ba thứ: một là nghiệp khác nhau mà cùng hợp, như chim bay đậu trên cây, hai là cộng nghiệp mà cùng hợp, như hai con dê đụng nhau, ba là đã hợp rồi lại cùng hợp, như hai đôi ngón tay hợp lại một chỗ. Nếu nói nghiệp khác nhau cùng hợp khác nhau thì có hai: một là nghiệp sự vật, hai là nghiệp hư không. Nếu nghiệp hư không hợp với nghiệp sự vật, thì hư không là vô thường. Nếu nghiệp sự vật hợp với hư không, thì sự vật không cùng khắp. Như đã không cùng khắp thì cũng là vô thường. Nếu nói hư không là thường thì tánh không lay động của nó cùng với vật động. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu hư không là thường thì sự vật lẽ ra cũng là thường. Nếu vật là vô thường thì không cũng vô thường. Nếu nói hư không cũng là thường cũng là vô thường thì điều này không thể có. Nếu cộng nghiệp hợp thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hư không là cùng khắp. Nếu cùng với nghiệp hợp thì lẽ ra nghiệp cũng cùng khắp; nếu là cùng khắp thì phải khắp tất cả, nếu khắp tất cả thì phải hợp tất cả, không nên nói là có hợp cùng không hợp. Nếu đã nói hợp cùng với hợp, như hai ngón tay hợp thì nghĩa này cũng không đúng. Vì sao? Vì trước không có hợp, sau mới có hợp, trước không mà sau có là pháp vô thường. Cho nên không được nói hư không đã hợp rồi lại cùng hợp. Như pháp thế gian trước không sau có là vật vô thường; nếu hư không cũng như vậy thì lẽ ra cũng vô thường. Nếu nói hư không ở nơi sự vật như trái ở trong đồ đựng, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì khi chưa có đồ đựng thì hư không kia ở chỗ nào? Nếu có chỗ ở thì có nhiều hư không. Đã là nhiều sao lại nói là thường, là một, là cùng khắp. Giả sử hư không lìa hư không mà có chỗ ở, thì sự vật cũng lẽ ra lìa hư không có chỗ ở. Vì vậy nên biết rằng không có hư không. Này thiện nam! Có thuyết cho rằng chỗ ngón tay ở gọi là hư không, thì nên biết hư không là pháp vô thường. Vì sao? Vì ngón tay có bốn phương hướng. Nếu có bốn phương thì nên biết hư không cũng có bốn phương, tất cả các pháp thường đều không phương sở, do có phương sở nên hư không là vô thường. Nếu là vô thường thì không xa lìa năm ấm, nếu lìa năm ấm thì không có gì hết. Này thiện nam! Nếu có pháp từ nơi nhân duyên mà trụ thì pháp đó gọi là vô thường. Này thiện nam! Ví như tất cả chúng sinh, cây cối đều nhờ đất mà trụ, vì đất là vô thường nên những vật nhờ đất cũng lần lượt vô thường. Này thiện nam! Như đất nương vào nước, mà nước vô thường nên đất cũng vô thường; như nước nương vào gió, mà gió vô thường nên nước cũng vô thường; gió nương vào hư không mà hư không cũng vô thường nên gió cũng vô thường. Nếu là vô thường sao lại nói hư không là thường cùng khắp tất cả các chỗ? Vì hư không là không nên chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai; như sừng thỏ là vật không có nên chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì vậy nên Ta nói Phật tánh là thường, chẳng lệ thuộc ba đời. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời. Này thiện nam! Ta không bao giờ tranh cãi cùng với thế gian. Vì sao? Vì người trí nói có, Ta cũng nói có; người trí nói không, Ta cũng nói không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát phải đầy đủ bao nhiêu pháp mới không tranh cãi với thế gian, không bị thế gian làm ô nhiễm?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát đầy đủ mười pháp thì không tranh cãi với thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Những gì là mười? Một là tín tâm, hai là có giới, ba là gần gũi bạn lành, bốn là trong tâm khéo tư duy, năm là đầy đủ tinh tấn, sáu là đầy đủ chánh niệm, bảy là đầy đủ trí tuệ, tám là đầy đủ chánh ngữ, chín là ưa thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sinh. Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ mười pháp như vậy thì không tranh cãi với thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm, như hoa Ưu-bát-la.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, người trí nói có thì Ta cũng nói có, người trí nói không thì Ta cũng nói không. Những gì là người trí nói có và không?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu người trí nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã cho đến thức cũng như vậy thì, này thiện nam! Đó gọi là người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có. Này thiện nam! Người trí thế gian nói sắc không có thường, lạc, ngã, tịnh; thọ, tưởng hành, thức cũng lại như vậy thì, này thiện nam! Đó gọi là người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trí thế gian, tức là Phật, Bồ-tát, tất cả Thánh nhân. Nếu sắc của các Thánh nhân là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì tại sao Như Lai nói sắc thân của Phật là thường hằng không biến đổi? Người trí thế gian đã nói là không có pháp, sao Đức Như Lai lại nói là có? Đức Như Lai Thế Tôn nói như vậy sao lại nói là không tranh cãi với thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm? Như Lai đã xa lìa ba thứ điên đảo, đó là điên đảo về tưởng điên đảo về tâm và điên đảo về kiến, thì lẽ ra nói sắc thân của Phật là vô thường. Nay mới nói là thường, vậy sao gọi là xa lìa điên đảo không tranh cãi với thế gian?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sắc thân của phàm phu từ phiền não mà sinh, nên người trí nói sắc thân là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc thân của Như Lai là xa lìa phiền não, nên nói là thường hằng không biến đổi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là sắc từ phiền não mà sinh?

–Này thiện nam! Phiền não có ba loại: đó là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người trí lẽ ra phải quán sát tội lỗi của ba thứ lậu này. Vì sao? Vì biết tội lỗi rồi thì có thể xa lìa. Như thầy thuốc trước xem mạch, xem bệnh, biết bệnh thế nào rồi sau mới cho thuốc. Này thiện nam! Như dắt người mù đến trong rừng gai bỏ đó mà trở về, người mù này sau đó rất khó mà ra khỏi; giả sử ra được thì thân thể cũng rách xước hết. Phàm phu thế gian cũng như vậy, vì không thể thấy biết tội lỗi của ba thứ lậu nên đi theo. Nếu người nào thấy được thì có thể xa lìa. Người biết tội lỗi rồi, tuy vẫn thọ nhận quả báo, nhưng quả báo rất nhẹ. Này thiện nam! Có bốn hạng người: một là khi tạo nghiệp thì nặng, khi nhận quả báo thì nhẹ; hai là khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi nhận quả báo thì nặng; ba là khi tạo nghiệp thì nặng, khi nhận quả báo cũng nặng; bốn là khi tạo nghiệp nhẹ và khi nhận quả báo cũng nhẹ. Này thiện nam! Như người có thể quán sát tội lỗi của phiền não thì người ấy tạo nghiệp và nhận quả báo đều nhẹ. Này thiện nam! Người có trí nghĩ: “Ta nên xa lìa các lậu như vậy, lại không nên gây tạo những nghiệp xấu xa như vậy. Vì sao? Vì nay ta chưa được giải thoát quả báo nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời. Nếu ta tu đạo phải nương vào sức này để phá hoại các sự khổ. Suy nghĩ như vậy rồi thì tham dục, sân hận, ngu si nhẹ bớt. Người này thấy tham dục, sân hận, ngu si của mình nhẹ rồi nên lòng rất vui mừng”. Lại nghĩ như vậy: “Nay ta được như vậy đều là do sức nhân duyên tu đạo, khiến ta được xa lìa pháp bất thiện, gần gũi với pháp thiện, nên hiện tại được thấy chánh đạo, ta phải siêng năng tu tập thêm. Người này nhờ sức siêng năng tu đạo, nên được xa lìa vô lượng các phiền não ác và ra khỏi quả báo nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người và trời”. Vì vậy cho nên, trong khế kinh Ta nói: Phải quán sát tất cả phiền não của hữu lậu và nhân của hữu lậu. Vì sao? Vì người có trí nếu chỉ quán lậu mà không quán nhân của lậu thì không thể đoạn trừ các phiền não. Vì sao? Vì người trí quán sát lậu từ nhân mà sinh ra, nay đoạn trừ nhân này thì lậu không còn sinh ra. Này thiện nam! Như thầy thuốc kia trước đoạn trừ nhân của bệnh thì bệnh không còn tái phát. Người trí trước đoạn trừ nhân của phiền não cũng như vậy. Người có trí trước quán sát nhân rồi kế đến mới quán sát quả báo, biết từ nhân lành sinh ra quả báo lành, biết từ nhân ác sinh ra quả báo ác. Quán sát quả báo rồi xa lìa nhân ác. Khi quán quả báo rồi, tiếp theo phải quán sát phiền não nặng hay nhẹ, quán sát nặng hay nhẹ rồi, trước xa lìa phiền não nặng, phiền não nặng đã xa lìa thì phiền não nhẹ tự mất. Này thiện nam! Người trí nếu biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ hay nặng thì khi ấy người này siêng năng tu đạo không ngừng nghỉ, không hối tiếc, gần gũi bạn lành, chí tâm nghe pháp để diệt trừ các phiền não như vậy.

Này thiện nam! Ví như người bệnh tự biết bệnh nhẹ có thể trị lành, tuy uống thuốc đắng nhưng vẫn không hối hận. Người có trí cũng như vậy, siêng năng tu Thánh đạo, luôn vui mừng, không buồn rầu, không dừng nghỉ, không hối tiếc. Này thiện nam! Nếu người có thể biết phiền não, nhân phiền não, quả báo phiền não, biết phiền não nặng hay nhẹ, vì đoạn trừ phiền não nên tu tập Thánh đạo thì người này chẳng do phiền não sinh; sắc, thọ tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu không thể biết phiền não, nhân phiền não, quả báo phiền não, phiền não nhẹ hay nặng, không siêng năng tu Thánh đạo thì người này từ phiền não sinh ra; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Này thiện nam! Người biết phiền não, nhân phiền não, quả báo phiền não, biết phiền não nặng hay nhẹ, vì đoạn trừ phiền não mà tu đạo, tức là Như Lai. Do nhân duyên này nên sắc thân của Như Lai là thường trụ, cho đến thức cũng thường trụ. Này thiện nam! Người không biết phiền não, nhân phiền não, quả báo phiền não, không biết phiền não nặng hay nhẹ, không thể tu đạo tức là phàm phu. Vì vậy nên sắc thân của phàm phu là vô thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Này thiện nam! Người trí thế gian, tất cả Thánh nhân, Bồ-tát, chư Phật đều nói hai nghĩa này, Ta cũng nói hai nghĩa như vậy. Vì vậy nên Ta nói không tranh cãi cùng với người trí thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói có ba thứ lậu. Thế nào gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Dục lậu là giác quán ác bên trong nhân vào duyên bên ngoài mà sinh ra dục lậu. Vì vậy nên ngày trước Ta ở thành Vương-xá bảo A-nan: “Này A-nan! Nay ông thọ nhận bài kệ tụng của cô gái này nói. Bài kệ đây là lời nói của chư Phật quá khứ”. Do đây nên tất cả giác quán ác bên trong, các nhân duyên bên ngoài gọi là dục. Đây là dục lậu.

Hữu lậu là, các pháp ác ở bên trong, các duyên ở bên ngoài của cõi Sắc và cõi Vô sắc, trừ các duyên ở bên ngoài và các giác quán ở bên trong của cõi Dục, gọi là hữu lậu.

Vô minh lậu là, không thể hiểu biết người và ngã sở, không phân biệt được trong và ngoài gọi là vô minh lậu.

Này thiện nam! Vô minh là cội gốc của tất cả các lậu. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh, do vô minh nên đối với ấm, nhập giới nhớ nghĩ khởi tướng gọi là chúng sinh. Đây gọi là tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo; do nhân duyên này mà sinh ra tất cả các lậu. Vì vậy nên trong Mười hai bộ loại kinh Ta nói vô minh là nhân của tham, sân, si.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Xưa kia trong mười hai bộ loại kinh, Như Lai nói, do không khéo tư duy nên sinh ra tham dục, sân giận và ngu si. Nay do duyên gì mà nói là vô minh?

–Này thiện nam! Hai pháp này làm nhân quả cho nhau và tăng trưởng lẫn nhau. Vì tư duy bất thiện mà sinh ra vô minh, do vô minh nên tư duy bất thiện. Này thiện nam! Hai pháp ấy là có thể sinh trưởng các phiền não, đều gọi là nhân duyên của phiền não, gần gũi nhân duyên phiền não như vậy gọi là vô minh. Tư duy bất thiện giống như hạt giống nảy mầm. Hạt giống là nhân gần, bốn đại là nhân xa; phiền não cũng như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói vô minh tức là lậu. Sao lại nói do vô minh nên sinh ra các lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như Ta đã nói vô minh lậu là nội vô minh, do vô minh mà sinh ra các lậu thì đó là nhân nội ngoại. Nếu nói vô minh lậu là nội đảo thì chẳng biết vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu nói tất cả phiền não là nhân duyên thì gọi là không biết ngã và ngã sở ngoài. Nếu nói vô minh lậu là vô thỉ vô chung thì từ vô minh sinh ra các ấm, nhập, giới.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, người có trí biết nhân của lậu, vậy thế nào gọi là biết nhân của lậu?

Này thiện nam! Người trí quán sát: Do nhân duyên gì mà sinh ra các phiền não này? Tạo nghiệp gì mà sinh ra các phiền não này? Trong thời kỳ nào mà sinh ra phiền não này? Khi ở chung với ai mà sinh ra phiền não này? Ở chỗ nào mà sinh ra phiền não này? Quán sát việc gì mà sinh ra phiền não này? Thọ nhận nhà cửa, đồ nằm, thức ăn uống, y phục, thuốc thang của ai mà sinh ra phiền não? Do duyên gì mà chuyển hạ làm trung, chuyển trung làm thượng? Nghiệp hạ làm trung, nghiệp trung làm thượng? Đại Bồ-tát khi quán sát như vậy thì được xa lìa nhân duyên sinh ra các lậu. Khi quán sát như vậy thì các phiền não chưa sinh ngăn đừng cho sinh, các phiền não sinh rồi thì liền được trừ diệt. Vì vậy nên ở trong khế kinh Ta nói, người trí nên quán sát nhân duyên sinh ra các phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh có một thân làm sao có thể khởi ra các phiền não?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như trong một đồ chứa có nhiều thứ hạt giống, khi gặp được nước mưa, mỗi thứ tự mọc lên. Chúng sinh cũng vậy, thân tuy là một nhưng do nhân duyên tham ái nên có thể sinh trưởng các phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trí quán sát quả báo như thế nào?

–Này thiện nam! Người trí nên quán sát nhân duyên của các lậu có thể sinh nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; do nhân duyên lậu đó mà được thân trời, người, tức là vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong thân này có ba thứ khổ, ba thứ vô thường. Nhân duyên của các lậu này có thể khiến chúng sinh tạo tội ngũ nghịch, chịu các quả báo, có thể đoạn trừ các căn lành, phạm bốn tội nặng, phỉ báng Tam bảo. Người trí nên quán sát: Ta đã được thân như vầy rồi thì không nên sinh khởi các phiền não như vậy để chịu các quả báo ác.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Có quả vô lậu. Lại nói người trí đoạn trừ các quả báo, vậy quả báo vô lậu này có ở trong số đoạn trừ không? Những người đắc đạo, có quả vô lậu, như người trí kia cầu quả vô lậu, tại sao Đức Phật lại nói tất cả người trí nên đoạn trừ quả báo? Nếu dứt trừ quả báo thì làm sao ngày nay có được các bậc Thánh nhân?

–Này thiện nam! Có khi Đức Như Lai ở trong nhân mà nói quả, trong quả mà nói nhân. Như người đời nói đất sét tức là bình, lụa tức là áo, đó gọi là trong nhân mà nói quả. Trong quả mà nói nhân là, bò chính là nước và cỏ, người tức là thức ăn; Ta cũng như vậy, ở trong nhân mà nói quả. Như trong các kinh trước kia Ta thường nói: “Ta từ nơi tâm mà vận thân đến cõi Phạm Thiên”. Đó gọi là trong nhân mà nói quả, trong quả mà nói nhân. Sáu nhập này gọi là nghiệp quá khứ, đó gọi là trong quả mà nói nhân. Này thiện nam! Thật ra tất cả Thánh nhân không có quả báo vô lậu, nhưng vì tất cả Thánh nhân tu tập Thánh đạo nên được quả báo không còn sinh các lậu. Vì vậy nên gọi là quả báo vô lậu. Này thiện nam! Khi người có trí quán sát như vậy thì liền dứt hẳn quả báo phiền não. Này thiện nam! Người trí quán sát như vậy rồi, vì dứt trừ quả báo phiền não như thế mà tu tập Thánh đạo. Thánh đạo ấy là không, vô tướng và vô nguyện. Tu tập Thánh đạo này rồi thì có thể diệt trừ tất cả các quả báo của phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều do phiền não mà có quả báo. Nói phiền não chính là ác. Phiền não từ phiền não ác sinh ra cũng gọi là ác. Phiền não như vậy có hai loại: một là nhân, hai là quả. Vì nhân ác nên quả ác, vì quả ác nên nhân ác. Như trái Nhâm-bà, vì hạt nó đắng nên hoa, trái, cây, tất cả đều đắng. Như cây độc, vì hạt nó độc nên quả cũng độc. Nhân chúng sinh nên quả cũng chúng sinh, nhân phiền não quả cũng phiền não; nhân quả phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh tức là nhân quả phiền não. Nếu từ nghĩa này thì tại sao trước kia Đức Như Lai dụ núi Tuyết cũng có cỏ độc và cũng có cây thuốc hay. Nếu nói phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh tức là phiền não, tại sao lại nói trong thân chúng sinh có thuốc hay?

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Vô lượng chúng sinh đều đồng nghi như vậy. Nay ông có thể vì chúng sinh mà thỉnh cầu giải nói. Ta cũng có thể giải nói để dứt trừ nghi ngờ. Lắng nghe! Lắng nghe! Ông phải khéo suy nghĩ và ghi nhớ. Nay Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Này thiện nam! Núi Tuyết dụ cho chúng sinh, cỏ độc dụ cho phiền não, cây thuốc hay dụ cho phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam! Có chúng sinh nào có thể tu phạm hạnh thanh tịnh thì gọi là trong thân có thuốc hay.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chúng sinh có phạm hạnh thanh

tịnh?

–Này thiện nam! Giống như trong thế gian từ hạt mà sinh ra quả. Quả này có thể sinh làm nhân cho hạt, có loại không thể sinh, có loại có thể đó gọi là quả hạt. Nếu không thể sinh ra thì chỉ được gọi là quả, không gọi là hạt. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, đều có hai loại: một là có quả phiền não là nhân phiền não, hai là có quả phiền não chẳng phải nhân phiền não. Quả phiền não chẳng phải nhân phiền não gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này thiện nam! Chúng sinh quán sát thọ, biết nhân gần của tất cả phiền não, đó là phiền não trong và phiền não ngoài. Vì nhân duyên thọ này nên không thể đoạn tuyệt tất cả các phiền não, cũng không thể ra khỏi lao ngục trong ba cõi. Chúng sinh nhân nơi thọ mà chấp là có ngã và ngã sở, sinh ra tâm điên đảo, tưởng điên đảo và kiến điên đảo. Vì vậy nên chúng sinh trước phải quán sát thọ. Thọ này là nhân gần của tất cả ái. Vì vậy nên người trí muốn đoạn trừ ái trước phải quán sát thọ.

Này thiện nam! Việc tạo tác thiện ác trong mười hai nhân duyên của tất cả chúng sinh đều là nhân khi thọ. Vì vậy nên Ta vì A-nan mà nói:

"Này A-nan! Tất cả chúng sinh khi tạo nghiệp thiện ác đều là do khi thọ". Nên người trí trước phải quán sát thọ. Đã quán sát thọ rồi lại phải quán thọ này do đâu mà sinh ra? Nếu do nhân duyên sinh ra thì nhân duyên lại từ đâu mà sinh? Nếu không nhân mà sinh thì không nhân ấy sao chẳng sinh không thọ? Lại quán thọ này chẳng do trời Tự Tại sinh, chẳng do sĩ phu sinh, chẳng do vi trần sinh, chẳng phải do thời tiết sinh, chẳng do tưởng sinh, chẳng do tánh sinh, chẳng phải tự sinh, chẳng phải tha sinh, chẳng phải tự tha sinh, chẳng phải không nhân sinh. Thọ này từ các duyên hợp lại mà sinh, nhân duyên đây tức là ái. Trong hòa hợp này chẳng phải có thọ, chẳng phải không thọ. Do đó Ta phải dứt trừ sự hòa hợp. Vì dứt trừ hòa hợp nên không sinh thọ.

Này thiện nam! Người trí đã quán nhân rồi lại quán quả báo. Chúng sinh do nơi thọ mà chịu vô lượng khổ não nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho đến trong ba cõi. Vì nhân duyên thọ này mà nhận sự vui vô thường, vì nhân duyên thọ mà đoạn trừ căn lành, vì nhân duyên thọ mà được giải thoát. Khi quán sát như vậy thì không làm nhân cho thọ. Thế nào gọi là không làm nhân cho thọ? Nghĩa là phân biệt thọ: những thọ nào có thể làm nhân cho ái? Những ái nào có thể làm nhân cho thọ? Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào có thể quán sát rành rẽ nhân của ái, nhân của thọ như vậy thì liền có thể đoạn trừ được ngã và ngã sở. Này thiện nam! Người nào có thể quán như vậy, thì nên phân biệt ái cùng thọ diệt trừ ở đâu? Liền thấy ái và thọ có diệt trừ một ít, do đó nên biết cũng sẽ có sự diệt trừ hoàn toàn. Bấy giờ đối với giải thoát sinh tín tâm. Sinh tín tâm rồi quán thì việc giải thoát này do đâu mà được? Biết là từ tám Thánh đạo nên liền tu tập. Thế nào gọi là tám Thánh đạo? Đạo là quán sát thọ có ba tướng: một là khổ, hai là vui, ba là không khổ không vui. Ba tướng này đều có thể làm cho thân và tâm tăng trưởng. Do duyên gì mà có thể tăng trưởng? Do xúc làm duyên. Xúc có ba loại: một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là chẳng phải minh, chẳng phải vô minh xúc. Minh xúc tức là tám Thánh đạo. Ngoài ra hai xúc kia thì tăng trưởng thân, tâm và ba thứ thọ. Do đó Ta phải dứt trừ hai loại xúc này, vì xúc đã dứt trừ nên không sinh ba thọ. Này thiện nam! Thọ này cũng gọi là nhân, cũng gọi là quả. Người trí phải quán sát vừa nhân vừa quả. Thế nào gọi là nhân? Nhân thọ mà sinh ra ái, gọi là nhân. Thế nào gọi là quả? Nhân nơi xúc mà sinh ra nên gọi là quả. Vì vậy nên thọ này cũng là nhân cũng là quả. Người trí quán sát thọ như vậy rồi, tiếp đến quán sát ái. Quả báo của thọ gọi là ái. Người trí quán sát ái lại có hai thứ: một là tạp thực, hai là vô thực. Ái tạp thực thì nhờ vào sinh, già, bệnh, chết, tất cả các cõi. Ái vô thực thì dứt trừ sinh, già, bệnh, chết, tất cả các cõi, ưa thích đạo vô lậu. Người trí lại phải nghĩ như vầy: “Nếu ta sinh ái tạp thực thì không thể dứt trừ sinh, già, bệnh, chết. Nay tuy ta thích đạo vô lậu mà không dứt trừ nhân của thọ thì không thể đạt được đạo quả vô lậu. Cho nên trước phải dứt trừ xúc. Xúc đã dứt rồi thì thọ tự diệt, thọ đã diệt thì ái cũng diệt theo. Đó gọi là tám Thánh đạo”.

Này thiện nam! Chúng sinh nào có thể quán sát như vậy, thì tuy có thân độc nhưng trong đó cũng có thuốc hay. Như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay. Này thiện nam! Những chúng sinh như vậy tuy từ phiền não mà được quả báo nhưng quả báo này lại không còn làm nhân sinh phiền não, đó gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Người trí phải quán sát hai thứ thọ và ái do duyên gì mà sinh ra, biết là do tưởng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh khi thấy sắc cũng chẳng sinh tham và khi quán sát thọ cũng chẳng sinh tham. Nếu đối với sắc mà sinh tưởng điên đảo thì cho rằng sắc tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Thọ là thường hằng không biến đổi. Do tưởng điên đảo này mà sinh tham, sân, si. Nên người trí phải quán sát tưởng. Thế nào gọi là quán sát tưởng? Nên nghĩ: Tất cả chúng sinh lúc chưa chứng đạo đều có tưởng điên đảo. Thế nào gọi là tưởng điên đảo? Đối với cái chẳng phải thường mà sinh tưởng thường; đối với cái chẳng phải lạc mà sinh tưởng lạc; đối với cái chẳng phải ngã mà sinh tưởng ngã; đối với cái chẳng phải tịnh mà sinh tưởng tịnh; đối với pháp không sinh tưởng ngã; chẳng phải nam, nữ; lớn, nhỏ; sáng, tối; năm, tháng, y phục, nhà cửa, đồ nằm mà sinh tưởng nam nữ v.v… cho đến đồ nằm. Tưởng đó có ba thứ: một là nhỏ, hai là lớn, ba là vô lượng. Vì nhân duyên nhỏ nên sinh ra tưởng nhỏ, vì nhân duyên lớn nên sinh ra tưởng lớn, vì duyên vô lượng nên sinh tưởng vô lượng. Lại có tưởng nhỏ nghĩa là chưa nhập định, tưởng lớn nghĩa là đã nhập định rồi, lại có tưởng vô lượng nghĩa là mười nhất thiết nhập. Lại có tưởng nhỏ nghĩa là tất cả các tưởng của cõi Dục, lại có tưởng lớn nghĩa là tất cả các tưởng của cõi Sắc, lại có tưởng vô lượng nghĩa là tất cả các tưởng của cõi Vô sắc. Vì ba tưởng diệt nên thọ tự diệt, vì tưởng thọ diệt nên gọi là giải thoát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Diệt tất cả các pháp gọi là giải thoát, sao Như Lai nói tưởng thọ diệt gọi là giải thoát?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Có khi Như Lai nhân vào chúng sinh mà nói pháp, người nghe hiểu được pháp. Hoặc có khi nhân vào pháp mà nói chúng sinh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sinh. Sao gọi là nhân nơi chúng sinh mà nói người nghe hiểu được pháp? Như trước kia Ta vì Đại Ca-diếp nói: “Này Đại Ca-diếp! Khi chúng sinh diệt thì pháp thiện cũng diệt”. Đó gọi là nương nơi chúng sinh mà nói pháp, người nghe hiểu được. Sao gọi là nhân nơi pháp mà nói chúng sinh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sinh? Như trước kia Ta vì A-nan nói: “Ta cũng chẳng nói gần gũi tất cả các pháp, lại cũng chẳng nói là không gần gũi tất cả các pháp. Nếu đã gần các pháp mà pháp thiện kém suy, pháp bất thiện tăng trưởng thì pháp như vậy không nên gần gũi. Nếu đã gần pháp nào rồi mà pháp bất thiện kém suy pháp thiện tăng trưởng thì pháp như vậy nên gần gũi”. Đây gọi là nhân nơi pháp mà nói chúng sinh, người nghe cũng hiểu là chúng sinh.

Này thiện nam! Như Lai tuy nói hai loại tưởng và thọ diệt nhưng đã tổng nói tất cả có thể đoạn diệt. Người trí đã quán tưởng như vậy rồi, kế đến quán nhân của tưởng. Vô lượng tưởng này nhân đâu mà sinh. Biết là nhân vào xúc mà sinh. Xúc có hai loại: một là do phiền não mà có xúc, hai là do giải thoát mà có xúc. Do vô minh sinh nên gọi là phiền não xúc, do minh sinh nên gọi là giải thoát xúc. Do phiền não xúc sinh nên tưởng điên đảo, do giải thoát xúc sinh nên tưởng không điên đảo. Quán sát nhân của tưởng rồi kế đến quán sát quả báo.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu vì nhân nơi tưởng phiền não này mà sinh ra tưởng điên đảo thì tất cả Thánh nhân thật có tưởng điên đảo mà không có phiền não. Nghĩa này như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thế nào là Thánh nhân có tưởng điên đảo? Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả Thánh nhân, con bò tưởng là bò, cũng nói là bò; con ngựa tưởng là ngựa, rồi cũng nói là ngựa; nam nữ, lớn nhỏ, nhà cửa, xe cộ, đi lại cũng vậy. Đó gọi là tưởng điên đảo.

–Này thiện nam! Tất cả phàm phu có hai loại tưởng: một là tưởng thế lưu hành khắp, hai là tưởng chấp trước. Tất cả Thánh nhân chỉ có tưởng thế lưu hành khắp, không có tưởng chấp trước. Tất cả phàm phu vì giác quán ác nên đối với tưởng thế lưu hành khắp mà sinh ra tưởng chấp trước. Tất cả Thánh nhân vì giác quán thiện nên đối với thế lưu hành khắp không sinh tưởng chấp trước cho nên phàm phu gọi là tưởng điên đảo. Thánh nhân tuy biết nhưng không gọi là tưởng điên đảo. Người trí quán sát nhân của tưởng như vậy rồi, kế đến quán sát quả báo: quả báo của tưởng ác này thọ nhận ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời và người. Như Ta vì dứt trừ giác quán ác nên vô minh xúc dứt cho nên tưởng dứt. Vì tưởng dứt nên quả báo cũng dứt. Người trí vì dứt nhân của tưởng như vậy nên tu tám Thánh đạo. Này thiện nam! Nếu ai quán sát được như vậy thì được gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam! Đó gọi là trong thân độc của chúng sinh có thuốc hay, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Lại nữa, này thiện nam! Người trí quán sát dục. Dục tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Này thiện nam! Như Lai ở trong nhân mà nói quả, vì từ năm trần này mà sinh ra dục, thật chẳng phải dục. Này thiện nam! Như người ngu si vì tham cầu thọ dục nên đối với sắc sinh tưởng điên đảo, cho đến đối với xúc cũng sinh tưởng điên đảo. Do tưởng điên đảo làm nhân nên sinh ra thọ. Vì vậy nên thế gian nói rằng nhân nơi tưởng điên đảo mà sinh ra mười loại tưởng. Do dục làm nhân nên ở trong thế gian chịu quả báo ác. Đem điều ác hại cha mẹ, Sa-môn, Bà- la-môn v.v… điều không đáng làm mà cố ý làm chẳng tiếc thân mạng. Vì vậy nên người trí quán sát là do nhân duyên tưởng ác nên sinh ra tâm ham muốn. Người trí quán sát nhân của dục như vậy rồi kế đến quán sát quả báo. Dục này có nhiều quả báo ác, đó là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài người, trời. Đó là quán sát quả báo. Nếu tưởng ác được trừ diệt thì không bao giờ sinh tâm ham muốn này. Vì không có tâm ham muốn nên không lãnh chịu thọ ác, vì không thọ ác nên không có quả báo ác. Do đây nên trước Ta dứt tưởng ác, dứt tưởng ác rồi thì các pháp ác khác tự nhiên dứt. Do đó nên người trí vì dứt tưởng ác nên tu tám Thánh đạo, đó gọi là phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sinh, có thuốc hay, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Lại nữa, này thiện nam! Người trí quán sát dục như vậy rồi, kế đến phải quán sát nghiệp. Vì sao? Người có trí phải nghĩ: Thọ, tưởng, dục và xúc tức là phiền não. Phiền não này có thể tạo ra sinh nghiệp mà không tạo ra thọ nghiệp. Phiền não này cùng đi với nghiệp thì có hai loại: một là tạo sinh nghiệp, hai là tạo thọ nghiệp. Cho nên người trí phải quán sát nghiệp. Nghiệp có ba, đó là thân, miệng và ý. Này thiện nam! Hai nghiệp thân và miệng cũng gọi là nghiệp và cũng gọi là nghiệp quả. Chỉ có ý gọi là nghiệp chẳng gọi là quả. Vì là nhân của nghiệp nên gọi là nghiệp. Này thiện nam! Hai nghiệp thân và miệng gọi là nghiệp ở ngoài, ý nghiệp gọi là nghiệp bên trong. Ba thứ nghiệp này đi chung với phiền não nên sinh ra hai loại nghiệp: một là sinh nghiệp, hai là thọ nghiệp. Này thiện nam! Chánh nghiệp tức là ý nghiệp, ký nghiệp tức là nghiệp thân và miệng.

Phát sinh ra trước gọi là ý nghiệp, từ ý nghiệp sinh ra gọi là nghiệp của thân và miệng. Cho nên ý nghiệp được gọi là chánh. Người trí quán sát nghiệp rồi, kế đến quán sát nhân của nghiệp. Nhân nghiệp tức là vô minh xúc. Do vô minh xúc mà chúng sinh cầu hữu. Nhân duyên cầu hữu tức là ái, do nhân duyên của ái nên tạo ra ba loại nghiệp thân, miệng và ý. Này thiện nam! Người trí quán sát nhân của nghiệp như vậy rồi, kế đến quán sát quả báo. Quả báo có bốn: một là quả báo hắc hắc, hai là quả báo bạch bạch, ba là quả báo tạp tạp, bốn là quả báo chẳng hắc chẳng bạch chẳng hắc chẳng bạch. Quả báo hắc hắc là, khi tạo nghiệp cấu nhiễm thì quả báo cũng cấu nhiễm. Quả báo bạch bạch là, khi tạo nghiệp thanh tịnh thì quả báo cũng thanh tịnh. Quả báo tạp tạp là, khi tạo nghiệp tạp thì quả báo cũng tạp. Quả báo chẳng bạch chẳng hắc chẳng bạch chẳng hắc là nghiệp vô lậu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia Như Lai nói vô lậu không có quả báo, tại sao nay lại nói là quả báo chẳng hắc chẳng bạch?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nghĩa này có hai: một là vừa quả vừa báo, hai là chỉ có quả mà chẳng có báo. Quả báo hắc hắc cũng gọi là quả cũng gọi là báo.

Do nhân hắc sinh nên được gọi là quả, có thể làm nhân nên gọi là báo.

Nghiệp tịnh và nghiệp tạp cũng như vậy. Quả vô lậu là nhân nơi hữu lậu mà sinh ra, nên gọi là quả, nó không làm nhân cho pháp khác nên không gọi là báo. Cho nên gọi là quả mà không gọi là báo.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nghiệp vô lậu này chẳng phải là pháp hắc, do duyên gì mà không gọi là bạch?

–Này thiện nam! Vì không có báo nên không gọi là bạch, vì đối trị hắc nên gọi là bạch. Nay Ta nói thọ quả báo gọi là hắc bạch. Nghiệp vô lậu này chẳng thọ báo nên không gọi là bạch mà gọi là tịch tĩnh. Nghiệp như vậy có chỗ chắc chắn thọ báo, như mười pháp ác chắc chắn là ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; mười nghiệp thiện chắc chắn là ở cõi người và cõi trời. Mười pháp bất thiện có thượng, trung, hạ. Thượng thì thọ thân ở địa ngục, trung thì thọ thân ở súc sinh, hạ thì thọ thân ở ngạ quỷ. Mười nghiệp thiện của loài người lại có bốn loại: một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng. Nghiệp hạ sinh ở cõi Uất-đơn-việt, nghiệp trung sinh ở cõi Phất-bà-đề, nghiệp thượng sinh ở cõi Cù-đà-ni, nghiệp thượng thượng sinh ở cõi Diêm-phù-đề. Người có trí quán sát như vậy rồi, liền nghĩ: “Ta phải làm sao để dứt trừ những quả báo này?”. Lại suy nghĩ: “Nghiệp này do vô minh xúc sinh ra nếu ta dứt trừ vô minh xúc thì nghiệp quả cũng diệt mất không còn sinh”. Cho nên người trí vì dứt trừ vô minh xúc mà tu tám Thánh đạo, đó gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam! Đó cũng gọi là trong thân độc của chúng sinh có thuốc hay, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Lại nữa, này Thiện nam! Người trí quán sát nghiệp và phiền não rồi, kế đến quán sát quả báo của hai thứ này. Quả báo của hai thứ ấy tức là khổ. Đã biết là khổ thì có thể lìa bỏ tất cả sự thọ sinh. Người trí lại quán sát do phiền não sinh ra phiền não, do nghiệp sinh ra phiền não. Lại do phiền não sinh ra nghiệp, do nghiệp sinh ra khổ, do khổ sinh ra phiền não, do phiền não sinh ra hữu, do hữu sinh ra khổ, do khổ sinh ra hữu, do hữu sinh ra nghiệp, do nghiệp sinh ra phiền não, do phiền não sinh ra khổ, do khổ sinh ra nghiệp. Này thiện nam! Người trí có thể quán sát như vậy thì nên biết người ấy có thể quán sát nghiệp khổ. Vì sao? Vì các điều quán sát trên chính là mười hai nhân duyên sinh tử. Người nào có thể quán sát mười hai nhân duyên sinh tử như vậy, thì nên biết người này chẳng tạo nghiệp mới, mà có thể hủy bỏ nghiệp cũ. Này thiện nam! Người trí quán sát sự khổ nơi địa ngục, quán sát từ một địa ngục cho đến một trăm ba mươi sáu chỗ. Mỗi mỗi địa ngục có đủ các thứ khổ, đều do nghiệp phiền não sinh ra. Quán địa ngục rồi, kế đến quán sát các sự khổ của ngạ quỷ, súc sinh. Quán sát rồi, lại quán sát những sự khổ trong loài người và cõi trời. Các sự khổ như vậy đều từ nghiệp phiền não sinh ra. Này thiện nam! Ở cõi trời tuy không có các sự khổ lớn, nhưng thân thể mềm mại và xương cốt mãnh mai nên khi thấy năm tướng suy hiện ra thì vẫn chịu các sự khổ lớn như các khổ ở địa ngục v.v… không sai khác. Này thiện nam! Người trí quán sát sâu xa các khổ trong ba cõi đều do nghĩa phiền não sinh ra. Này thiện nam! Ví như đồ gốm chưa nung thì dễ vỡ, chúng sinh thọ thân này cũng như vậy. Đã thọ thân rồi là đồ chứa các khổ. Giống như cây lớn hoa trái sum suê các loài chim có thể phá hoại, như nhiều cỏ khô nhưng có một chút lửa cũng có thể đốt cháy, chúng sinh thọ thân bị các sự khổ hủy hoại cũng như vậy. Này thiện nam! Người trí nếu có thể quán sát tám sự khổ như trong hạnh Thánh thì nên biết người ấy có thể đoạn trừ các sự khổ. Này thiện nam! Người trí quán sát sâu xa tám thứ khổ rồi, kế đến quán sát nhân của khổ. Nhân của khổ tức là ái vô minh. Ái vô minh có hai thứ: một là cầu thân thể, hai là cầu của cải. Cầu thân thể hay cầu của cải cả hai thứ đều là khổ. Vì vậy nên biết ái vô minh chính là nhân của khổ. Này thiện nam! Ái vô minh lại có hai thứ: một là nội, hai là ngoại. Nội có thể tạo nghiệp, ngoại có thể tăng trưởng. Lại nữa, nội có thể tạo nghiệp, còn ngoại tạo thành nghiệp quả. Đoạn trừ nội ái rồi thì nghiệp mới dứt, đoạn trừ ngoại ái thì quả mới dứt. Nội ái có thể sinh khổ cho đời sau, ngoại ái thì có thể sinh khổ cho đời này. Người trí quán sát ái chính là nhân của khổ. Đã quán sát nhân rồi, kế đến quán sát quả báo. Quả báo của khổ chính là thủ, quả của ái cũng gọi là thủ. Nhân duyên của thủ tức là nội ái và ngoại ái, do đó nên có khổ ái. Này thiện nam! Người trí nên quán sát là ái duyên thủ, thủ duyên ái. Nếu ta có thể dứt trừ hai pháp ái và thủ thì không tạo nghiệp thọ khổ. Vì vậy nên người trí vì dứt trừ ái khổ nên tu tám Thánh đạo. Này thiện nam! Người nào có thể quán sát như vậy thì gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Đó gọi là trong thân độc của chúng sinh có thuốc hay, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng vẫn có cây thuốc hay.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXVIII

PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 6

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là phạm hạnh thanh tịnh? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Là tất cả các pháp. Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nghĩa của tất cả các pháp thì không chắc chắn. Vì sao? Vì Đức Như Lai có khi nói là thiện, hoặc bất thiện, có khi nói là quán bốn niệm xứ, có khi nói là mười hai nhập, hoặc nói là thiện tri thức, hoặc nói là mười hai nhân duyên, hoặc nói là chúng sinh, hoặc nói là chánh kiến, tà kiến, hoặc nói là mười hai bộ loại kinh, hoặc nói là hai đế. Nay Như Lai lại nói tất cả các pháp là phạm hạnh thanh tịnh, đó là những pháp nào?

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Kinh Đại Bát Niết Bàn vi diệu này mới là kho báu của tất cả các pháp thiện. Như biển lớn là kho chứa các của báu, kinh Đại Niết-bàn này cũng như vậy, là tạng pháp bí mật của tất cả chữ nghĩa. Này thiện nam! Như núi Tu-di là nguồn gốc của các vị thuốc, kinh này cũng vậy, là cội gốc của giới Bồ-tát. Này thiện nam! Như hư không là chỗ ở của tất cả vật, kinh này cũng vậy là chỗ ở của tất cả các pháp thiện. Này thiện nam! Như luồng gió mạnh, không thể nắm bắt được, tất cả hạnh Bồ-tát là kinh này cũng như vậy, không bị tất cả pháp ác phiền não trói buộc. Này thiện nam! Như kim cương không thể phá hoại, kinh này cũng vậy, tuy có người ngoại đạo tà kiến nhưng cũng không thể phá hoại được. Này thiện nam! Như cát sông Hằng không thể đếm được, nghĩa lý kinh này cũng như vậy, không thể đếm được. Này thiện nam! Kinh này làm pháp tràng cho các Bồ-tát, như bảo tràng của Đế thích. Này thiện nam! Kinh này là vị thương chủ hướng đến thành Niết-bàn, như bậc Đạo sư dẫn các người buôn hướng đến biển lớn. Này thiện nam! Kinh này có thể làm ánh sáng pháp cho các hàng Bồ-tát, như mặt trời, mặt trăng có thể phá trừ tối tăm ở thế gian. Này thiện nam! Kinh này có thể làm bậc đại lương y để trị bệnh khổ cho chúng sinh, như trong núi Tuyết có vị thuốc hay có thể trị các bệnh. Này thiện nam! Kinh này có thể làm gậy cho hàng Nhất-xiển-đề, như người yếu nhờ gậy mà đứng dậy được. Này thiện nam! Kinh này có thể làm cầu nối cho tất cả người ác, như cầu thế gian có thể đưa người qua tất cả. Này thiện nam! Kinh này có thể làm bóng mát cho ai gặp phải nóng bức phiền não trong hai mươi lăm cõi, như cái dù ở thế gian ngăn che nắng nóng. Này thiện nam! Kinh này là vua đại vô úy có thể phá tan tất cả ma ác phiền não, như sư tử chúa hàng phục bầy thú. Này thiện nam! Kinh này là đại thần chú có thể phá trừ tất cả ác quỷ phiền não, như chú thuật của thế gian có thể trừ bỏ quỷ vọng lượng. Này thiện nam! Kinh này là mưa đá vô thượng có thể phá hoại tất cả quả báo sinh tử, như mưa đá của thế gian có thể phá hoại các quả hạt. Này thiện nam! Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho người bị hư con mắt giới, như thuốc An-xà-na ở thế gian có thể trị lành mắt đau. Này thiện nam! Kinh này có thể làm chỗ ở cho tất cả các pháp thiện, như mặt đất ở thế gian làm chỗ ở cho các vật. Này thiện nam! Kinh này là gương sáng cho chúng sinh phá giới, như gương sáng thế gian soi thấy các hình tượng. Này thiện nam! Kinh này có thể làm y phục cho người không biết xấu hổ, như áo xiêm che đậy thân thể của thế gian. Này thiện nam! Kinh này có thể làm của báu lớn cho người nghèo pháp thiện. Như trời Công đức làm lợi ích cho người nghèo. Này thiện nam! Kinh này làm nước cam lồ cho chúng sinh khát ngưỡng chánh pháp, như nước đầy đủ tám công đức cho người khát nước. Này thiện nam! Kinh này có thể làm giường pháp cho người phiền não, như người đời gặp được giường nằm an ổn. Này thiện nam! Kinh này có thể vì Bồ-tát Sơ địa cho đến Bồ-tát Thập trụ mà làm chiếc xe với đầy đủ các thứ thanh tịnh như chuỗi anh lạc, hương hoa, hương bột, hương xoa, hương đốt, trang nghiêm, vượt qua tất cả chỗ vui vi diệu của sáu Ba-la-mật, như cây Ba-lợi-chất-đa-la ở cung trời Đao-lợi. Này thiện nam! Kinh này là búa trí cứng chắc sắc bén có thể chặt tất cả cây lớn phiền não, là dao bén có thể cắt đứt tập khí, là lực sĩ cường tráng có thể trừ dẹp ma oán, là lửa trí tuệ đốt cháy củi phiền não, là tạng nhân duyên sinh ra Phật-bích-chi, là tạng Thanh văn sinh ra hàng Thanh văn, là con mắt của tất cả các cõi trời, là con đường chân chánh của tất cả loài người, là chỗ nương tựa của tất cả súc sinh, là chỗ giải thoát của loài ngạ quỷ, là bậc tôn quý vô thượng của địa ngục, là khí cụ vô thượng của tất cả chúng sinh khắp trong mười phương, là cha mẹ của chư Phật trong mười phương ba đời. Này thiện nam! Do đó nên kinh này tóm thâu tất cả các pháp. Như trước kia Ta nói kinh này tuy tóm thâu tất cả các pháp, nhưng Ta nói phạm hạnh là pháp ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Này thiện nam! Nếu xa lìa ba mươi bảy phẩm trợ đạo này thì không bao giờ có thể chứng đắc quả Thanh văn cho đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thấy Phật tánh cùng quả Phật tánh. Vì vậy nên nhân duyên phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Vì sao? Vì tánh của ba mươi bảy phẩm trợ đạo này chẳng phải điên đảo, nó có thể phá hoại điên đảo, tánh của nó chẳng phải ác kiến mà có thể phá hoại ác kiến, tánh của nó chẳng phải sợ hãi mà có thể phá hoại sự sợ hãi, tánh của nó là phạm hạnh thanh tịnh, khiến cho chúng sinh rốt ráo thực hành phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp hữu lậu cũng lại có thể làm nhân cho pháp vô lậu, sao Như Lai không nói hữu lậu là phạm hạnh thanh tịnh? Này thiện nam! Tất cả hữu lậu chính là điên đảo, vì vậy nên hữu lậu không được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp Thế đệ nhất là hữu lậu hay vô lậu? Phật dạy:

–Này thiện nam! Đó là hữu lậu.

–Bạch Thế Tôn! Tuy là hữu lậu nhưng tánh của nó chẳng phải là điên đảo, sao không gọi là phạm hạnh thanh tịnh?

–Này thiện nam! Pháp Thế đệ nhất là nhân của pháp vô lậu nên giống vô lậu, hướng về vô lậu nên chẳng gọi là điên đảo. Này thiện nam! Phạm hạnh thanh tịnh phát tâm liên tục mãi cho đến chỗ rốt ráo, còn pháp Thế đệ nhất chỉ là một niệm, nên không được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm thức của chúng sinh cũng là hữu lậu, chẳng phải điên đảo, chẳng phải một niệm, tại sao không được gọi là phạm hạnh thanh tịnh?

–Này thiện nam! Năm thức của chúng sinh tuy chẳng phải là một niệm nhưng nó là hữu lậu, lại là điên đảo, vì thêm các lậu nên gọi là hữu lậu. Thể của nó chẳng phải là chân thật, vì tưởng chấp trước nên gọi là điên đảo. Thế nào gọi là thể chẳng chân thật, vì tưởng chấp trước nên gọi là điên đảo? Chẳng phải trong nam nữ mà sinh ra tưởng nam, nữ, cho đến nhà cửa, xe cộ, bình chậu, y áo v.v… cũng lại như vậy, nên gọi là điên đảo. Này thiện nam! Tánh của ba mươi bảy phẩm trợ đạo không điên đảo, nên gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam! Bồ- tát nào đối với ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà biết căn, biết nhân, biết nhiếp, biết tăng, biết chủ, biết đạo, biết thắng, biết thật, biết rốt ráo thì Bồ-tát như vậy được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là biết căn cho đến biết rốt ráo? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lành thay! Lành thay! Bồ-tát đưa ra câu hỏi là vì hai việc: một là để mình biết, hai là để người biết. Nay ông đã biết rồi nhưng chỉ vì vô thượng chúng sinh chưa hiểu mà thưa hỏi việc này. Do đó nên Ta lại khen ngợi ông: “Lành thay! Lành thay!”. Này thiện nam! Căn bản của ba mươi bảy phẩm trợ đạo là dục, nhân là minh xúc, nhiếp thủ là thọ, tăng là khéo suy nghĩ, chủ gọi là niệm, đạo gọi là định, thắng gọi là trí tuệ, thật là giải thoát, rốt ráo gọi là Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Thiên dục là căn bản của sơ phát tâm đạo cho đến căn bản Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Như người đời nói tất cả khổ não, ái là cõi gốc, tất cả bệnh tật ăn đêm là cội gốc, tất cả sự chia ly đấu tranh là cội gốc, tất cả việc ác hư dối là cội gốc.

Bồ-tát Ca-diếp thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia, trong kinh này Đức Như Lai nói, tất cả các pháp thiện, không buông lung là cội gốc, mà nay lại nói là dục. Nghĩa này như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói sinh nhân là thiện dục. Nếu nói liễu nhân là không buông lung. Như người đời nói, tất cả trái là do hạt làm nhân. Hoặc lại nói rằng hạt là sinh nhân, đất là liễu nhân. Nghĩa này cũng vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước kia trong các kinh

khác Đức Như Lai nói ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Phật là nguồn gốc căn bản, nghĩa này là thế nào?

–Này thiện nam! Trước kia Như Lai nói chúng sinh mới biết ba mươi bảy phẩm trợ đạo thì Phật là căn bản. Nếu tự mình chứng được thì dục là căn bản.

–Bạch Thế Tôn! Sao minh xúc gọi là nhân?

–Này thiện nam! Như Lai có khi nói minh là tuệ, có khi nói là tín. Này thiện nam! Do tín nên gần gũi bạn lành, đây gọi là xúc. Do gần gũi bạn lành nên được nghe chánh pháp, đây gọi là xúc. Do nghe được chánh pháp nên thân, miệng, ý được thanh tịnh, đây gọi là xúc. Do ba nghiệp thanh tịnh nên được chánh mạng, đây gọi là xúc. Do chánh mạng nên giới căn được thanh tịnh, do giới căn thanh tịnh nên thích chỗ vắng lặng, do thích vắng lặng nên có thể khéo tư duy, do khéo tư duy nên sống đúng pháp, do sống đúng pháp mà được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, có thể phá hoại vô lượng các ác phiền não, đây gọi là xúc. Này thiện nam! Thọ gọi là nhiếp thủ, khi chúng sinh cảm thọ có thể làm việc lành, việc ác. Vì vậy gọi thọ là nhiếp thủ. Này thiện nam! Do thọ nên sinh ra các phiền não. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể phá hoại phiền não này. Vì vậy nên dùng thọ làm nhiếp thủ. Do khéo tư duy nên có thể phá trừ phiền não, vì vậy gọi là tăng. Vì sao? Vì siêng năng tu tập nên được ba mươi bảy phẩm trợ đạo như vậy. Nếu quán sát thì có thể phá trừ các phiền não ác, cần phải nhờ chuyên niệm. vì vậy nên dùng niệm làm chủ. Như trong thế gian, tất cả bốn binh chủng đều phải tùy theo ý của chủ tướng. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng vậy, đều theo niệm chủ. Này thiện nam! Đã nhập định rồi thì ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể khéo phân biệt tướng của tất cả các pháp. Vì vậy nên dùng định dẫn dắt. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này phân biệt tướng của các pháp, trí tuệ là tối thắng. Vì vậy nên cho tuệ là trên hết. Trí tuệ này rõ biết phiền não rồi, vì năng lực của trí tuệ nên phiền não bị tiêu diệt. Như trong đời, bốn binh chủng phá hoại oán địch, hoặc một hoặc hai lực sĩ có thể phá hoại. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng vậy. Do lực của trí tuệ nên có thể phá hoại phiền não. Vì vậy dùng tuệ làm tướng. Này thiện nam! Tuy do tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chứng được bốn thiền, thần thông, an lạc nhưng cũng không gọi là thật. Nếu phá hoại phiền não, chứng đắc giải thoát, thì mới gọi là thật. Đối với Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này, phát tâm tu đạo, tuy được vui thế gian và vui xuất thế gian, chứng bốn quả Sa-môn và được giải thoát, nhưng cũng không được gọi là rốt ráo. Nếu có thể đoạn trừ các việc do thực hành ba mươi bảy phẩm trợ đạo này, thì gọi là Niết-bàn. Vì vậy nên Ta nói rốt ráo là Đại Niết-bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Tâm ái niệm thiện chính là dục. Do ái niệm thiện mà gần gũi bạn lành, nên gọi là xúc, đây gọi là nhân. Do gần gũi bạn lành nên gọi là thọ, đây gọi là nhiếp thủ. Do gần gũi bạn lành mà có thể khéo tư duy nên gọi là tăng. Do bốn pháp này có thể sinh trưởng đạo, nghĩa là dục, niệm, định, trí thì gọi là chủ, đạo, thắng. Do ba pháp này mà được hai thứ giải thoát, do dứt trừ ái nên tâm được giải thoát, do đoạn trừ vô minh nên tuệ được giải thoát, đây gọi là thật. Tám pháp rốt ráo như vậy được quả gọi là Niết-bàn, nên gọi là rốt ráo.

Lại nữa, này thiện nam! Dục tức là phát tâm xuất gia, xúc là bạch tứ yết-ma đó gọi là nhân. Nhiếp tức là thọ hai thứ giới: một tức là giới Ba-la-đề-mộc-xoa, hai là giới tịnh căn, đó gọi là thọ, là nhiếp thủ. Tăng tức là tu tập bốn thiền. Chủ tức là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà- hàm. Đạo tức là quả A-na-hàm. Thắng là quả A-la-hán. Thật tức là quả Phật-bích-chi. Rốt ráo tức là quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này thiện nam! Dục là thức, xúc là sáu nhập, nhiếp là thọ, tăng là vô minh, chủ là danh sắc, đạo là ái, thắng là thủ, thật là hữu, rốt ráo là sinh, lão, bệnh, tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Căn bản, nhân và tăng, ba pháp này có gì khác nhau?

–Này thiện nam! Nói căn tức là mới phát tâm, nhân tức là tương trợ không gián đoạn, tăng tức là diệt tương tự có thể sinh tương tự. Lại nữa, này thiện nam! Căn tức là tạo tác, nhân tức là kết quả, tăng tức là có thể dùng. Này thiện nam! Đời vị lai tuy có quả báo, nhưng vì chưa thọ nên gọi là nhân, đến khi thọ thì gọi là tăng. Lại nữa, này thiện nam! Căn tức là mong cầu, được tức là nhân, dùng tức là tăng. Này thiện nam! Trong kinh này, căn là thấy đạo, nhân là tu đạo, tăng là vô học đạo. Lại nữa, này thiện nam! Căn tức chánh nhân, nhân tức là phương tiện; từ hai nhân này đạt được quả báo gọi là tăng trưởng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, rốt ráo tức là Niết-bàn. Niết-bàn này làm sao có thể chứng được?

–Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà- tắc, Ưu-bà-di có thể tu tập mười pháp quán tưởng này, thì nên biết người này có thể được Niết-bàn. Những gì là mười? Một là tưởng vô thường, hai là tưởng khổ, ba là tưởng vô ngã, bốn là tưởng nhàm chán xa lìa ăn uống, năm là tưởng tất cả thế gian không thể vui, sáu là tưởng chết, bảy là tưởng nhiều tội lỗi, tám là tưởng xa lìa, chín là tưởng diệt, mười là tưởng không có ái. Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào tu tập mười pháp quán tưởng như vậy, thì rốt ráo người này chắc chắn chứng được Niết-bàn, không theo người khác mà tự mình có thể phân biệt được các pháp thiện hay bất thiện, đây gọi là chân thật, xứng nghĩa với Tỳ-kheo, cho đến xứng nghĩa với Ưu-bà-di.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ-tát cho đến Ưu-bà-di tu tập tưởng vô thường?

–Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: một là mới phát tâm, hai là đã hành đạo. Tưởng vô thường cũng lại có hai thứ: một là thô, hai là tế. Bồ-tát mới phát tâm khi quán tưởng vô thường suy nghĩ như vầy: Vạn vật ở thế gian có hai loại: một là trong, hai là ngoài. Những vật bên trong là vô thường biến đổi. Ta thấy lúc sinh, lúc lớn, lúc nhỏ, lúc mạnh, lúc già, lúc chết v.v… mỗi thời kỳ ấy đều không giống nhau. Vì vậy nên biết vật bên trong là vô thường. Lại suy nghĩ: Ta thấy chúng sinh có người mập mạp tươi nhuận, sắc lực đầy đủ, đến đi lui tới đều tự tại không chướng ngại. Hoặc thấy người bệnh hoạn, sắc lực héo gầy, dung mạo tiều tụy, không được tự tại; hoặc thấy người giàu có của cải dư giả; hoặc thấy người nghèo khó, thiếu thốn; hoặc thấy có người thành tựu vô lượng công đức; hoặc thấy có người đầy đủ vô lượng tội lỗi. Vì vậy nên biết chắc chắn những pháp bên trong là vô thường. Lại quán những vật bên ngoài: thời kỳ hạt, thời kỳ mầm, thời kỳ lên cây, thời kỳ ra lá, thời kỳ ra hoa, thời kỳ kết trái, các thời kỳ như vậy, mỗi mỗi đều không giống nhau. Các vật bên ngoài này có khi đầy đủ, có khi không đầy đủ. Vì vậy nên biết tất cả các vật bên ngoài chắc chắn là vô thường. Đã quán pháp thấy là vô thường rồi, kế đến lại quán sát pháp nghe: Ta nghe chư Thiên thành tựu đầy đủ, khoái lạc vi diệu, thần thông tự tại, nhưng cũng có năm tướng suy. Vì vậy nên biết đó là vô thường. Lại nghe kiếp sơ có các chúng sinh, mỗi mỗi đều đầy đủ công đức thượng diệu, ánh sáng của thân tự chiếu, không nhờ mặt trời, mặt trăng. Vì lực của vô thường nên công đức hao tổn, ánh sáng tự tiêu diệt. Lại nghe thuở xưa có vua Chuyển luân, thống lãnh bốn châu thiên hạ, đầy đủ bảy báu, rất tự tại mà cũng không thể phá hoại tướng của vô thường. Lại quán trong đại địa, vào thuở xa xưa có vô lượng chúng sinh ở, không có chỗ trống bằng bánh xe, có đầy đủ các cây thuốc hay sinh trưởng, rừng cây bông trái đều sum suê. Ngày nay vì chúng sinh phước mỏng nên khiến cho đại địa này không còn thế lực, những vật sinh trên đất đều thành hư hao. Vì vậy nên biết tất cả các vật trong ngoài đều vô thường. Đây gọi là tướng vô thường thô. Đã quán tướng thô rồi, kế đến quán tướng tế. Thế nào gọi là tế? Đại Bồ-tát quán tất cả các vật trong ngoài cho đến vi trần, vào đời vị lai đã là vô thường. Vì sao? Vì thành tựu đầy đủ tướng phá hoại. Nếu sắc ở đời vị lai chẳng phải là vô thường thì không thể nói là sắc, có mười thời kỳ khác nhau. Những gì là mười thời kỳ? Một là thời kỳ màng, hai là thời kỳ phôi, ba là thời kỳ trứng nước, bốn là thời kỳ khối thịt, năm là thời kỳ các chi, sáu là thời kỳ trẻ con, bảy là thời kỳ chú bé, tám là thời kỳ thiếu niên, chín là thời kỳ trung niên, mười là thời kỳ già yếu. Bồ-tát quán sát màng nếu không phải là vô thường thì không thành phôi, cho đến thời kỳ trung niên nếu chẳng phải là vô thường thì không bao giờ có già. Nếu các thời kỳ như vậy chẳng phải là niệm niệm diệt thì không bao giờ lớn lên. Đồng một lúc lớn lên đầy đủ, việc này không có. Vì vậy nên biết rằng chắc chắn là có niệm niệm vô thường vi tế. Lại thấy có người các căn đầy đủ, nhan sắc tươi đẹp, về sau thấy người ấy gầy gò tiều tụy, lại suy nghĩ: Người này chắc chắn có niệm niệm vô thường.

Lại quán sát bốn đại và bốn oai nghi và quán sát trong ngoài đều có hai nhân khổ: đói khát và lạnh nóng. Lại quán về bốn khổ ấy, nếu không có niệm niệm vô thường vi tế thì cũng không có nói đó là bốn khổ. Bồ-tát nào có thể suy nghĩ như thế thì Bồ-tát đó gọi là quán tưởng vô thường vi tế.

Như sắc trong và ngoài, tâm pháp cũng như vậy. Vì sao? Vì duyên theo sáu trần. Khi tâm duyên theo sáu trần thì có khi sinh tâm vui mừng hoặc sinh tâm sân giận, hoặc sinh tâm thương mến, hoặc sinh tâm nhớ tưởng v.v… lần lượt sinh tâm khác nhau, không phải một loại. Vì vậy nên biết, tất cả sắc pháp và chẳng phải sắc pháp đều là vô thường. Này thiện nam! Bồ-tát nào ở trong một niệm mà thấy tất cả pháp sinh diệt vô thường, thì gọi là Bồ-tát đầy đủ tưởng vô thường. Này thiện nam! Người trí tu tập tưởng vô thường rồi thì xa lìa tưởng điên đảo về thường. Kế đến tu tập tưởng khổ: Do duyên gì mà có khổ này? Và biết rõ là sự khổ này do vô thường. Do vô thường nên chịu sinh, già, bệnh và chết. Do sinh, già, bệnh và chết nên gọi là vô thường. Do vô thường nên chịu các sự khổ trong ngoài như đói khát, lạnh nóng, đánh đập, mắng nhiếc v.v… các sự khổ như vậy đều là do vô thường. Lại nữa, người trí quán sát sâu xa về thân này tức là đồ chứa vô thường, đồ chứa ấy là khổ. Do đồ chứa khổ nên các pháp chứa đầy trong đó cũng đều là khổ. Này thiện nam! Người trí lại quán sát sinh là khổ, diệt là khổ. Vì sinh khổ, diệt khổ nên gọi là vô thường, chẳng phải là ngã và ngã sở, tu tập về tưởng vô ngã, người trí lại quán khổ tức là vô thường, vô thường là khổ. Nếu khổ vô thường thì tại sao người trí lại nói là có ngã, nếu khổ chẳng phải là ngã thì vô thường cũng vậy. Cả năm ấm cũng là khổ, là vô thường, sao chúng sinh nói là có ngã? Lại quán tất cả các pháp có các thứ hòa hợp khác nhau. Chẳng phải từ một hòa hợp mà sinh ra tất cả các pháp, cũng chẳng phải một pháp là quả của tất cả hòa hợp. Tất cả hòa hợp đều không có tự tánh, cũng không phải một tánh và cũng chẳng phải là tánh sai khác, cũng không có tánh của vật, cũng không tự tại. Các pháp nếu đã có những tướng như vậy, tại sao người trí lại nói là có ngã. Lại suy nghĩ: Trong tất cả các pháp không có một pháp nào có thể tự làm ra, nếu một pháp không có thể làm ra thì các pháp hòa hợp cũng không thể làm. Tánh của tất cả các pháp không bao giờ tự sinh và tự diệt được, chỉ do hòa hợp mà diệt, do hòa hợp mà sinh. Khi pháp đã sinh rồi, chúng sinh tưởng điên đảo nói rằng hòa hợp từ hòa hợp sinh. Chúng sinh tưởng điên đảo, không có chân thật, vậy thì sao có ngã chân thật. Cho nên người trí quán vô ngã. Lại quán sát kỹ do nhân duyên gì mà chúng sinh nói ngã? Ngã này nếu có thì một hay là nhiều? Nếu ngã có một thì sao lại có Sát-đế-lợi, Bà- la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la, người, trời, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, lớn, nhỏ, già, trẻ. Vì vậy nên biết ngã chẳng phải là một. Nếu ngã có nhiều thì sao lại nói ngã của chúng sinh là một, là biến khắp, không có biên giới. Hoặc là một, hoặc là nhiều, cả hai đều không có ngã. Người trí quán sát không có ngã như vậy rồi, kế đến quán sát về tưởng nhàm chán xa lìa ăn uống, nghĩ: Nếu tất cả các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã thì sao vì sự ăn uống mà tạo ba nghiệp ác thân, miệng, ý? Hoặc có chúng sinh vì tham cầu sự ăn uống mà tạo ba nghiệp ác thân, miệng, ý; của cải có được mọi người đều cùng hưởng, nhưng về sau khi chịu quả khổ thì không có ai cùng chia. Này thiện nam! Người trí lại quán sát, tất cả chúng sinh vì sự ăn uống nên thân tâm chịu khổ. Nếu từ các khổ mà được thức ăn uống, thì sao ta phải đối với sự ăn uống đó mà sinh lòng tham đắm! Vì vậy nên đối với sự ăn uống không khởi tâm tham.

Lại nữa, người trí nên quán sát thân người. Do ăn uống mà thân được tăng trưởng. Nay ta xuất gia vì muốn bỏ thân này nên thọ giới tu hành, nếu tham đắm ăn uống thì sao gọi là xả bỏ thân này! Quán như vậy rồi, dầu có nhận sự ăn uống nhưng coi như quỷ Khoáng dã ăn thịt con của nó, trong lòng nhàm ghét, thấy chẳng ngon lành. Quán sát sâu xa sự ăn uống có lỗi như vậy, kế đến quán về xúc thực như bò bị lột da, có vô số kiến ruồi bu cắn. Kế đến lại quán về tư thực như đống lửa lớn, thức thực như ba trăm mũi nhọn. Này thiện nam! Người trí quán sát bốn thứ ăn như vậy rồi thì đối với sự ăn uống không bao giờ khởi tưởng tham đắm ưa thích. Nếu còn sinh lòng tham thì nên quán bất tịnh. Vì sao? Vì xa lìa ham thích ăn uống nên đối với tất cả sự ăn uống khéo có thể phân biệt, tưởng bất tịnh và tùy theo các thứ bất tịnh đó khiến cho thức ăn uống cùng tương tự. Quán như vậy rồi, nếu được thức ăn ngon, hoặc thức ăn dở, khi nhận đều giống như thuốc thoa ung nhọt, không bao giờ sinh lòng tham đắm. Này thiện nam! Người trí nếu có thể quán như vậy thì gọi là thành tựu được tưởng nhàm chán xa lìa sự ăn uống.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trí quán sát thức ăn khởi tưởng bất tịnh, đó là quán chân thật hay là quán hư dối? Nếu quán chân thật thì chỗ thức ăn đang quán đó thật chẳng phải là bất tịnh. Nếu quán hư dối thì sao gọi là tưởng thiện?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tưởng này cũng là quán chân thật, cũng là quán hư dối. Vì có thể dứt trừ sự tham ăn nên gọi là thật, vì không phải sâu kiến mà thấy là sâu kiến nên gọi là hư dối. Này thiện nam! Tất cả hữu lậu đều là hư dối, cũng có thể là thật. Này thiện nam! Có Tỳ-kheo nào phát tâm khất thực, nghĩ: Tôi sẽ khất thực, xin được món ăn ngon, đừng gặp món ăn dở; xin được nhiều, chớ khiến thiếu thốn; cũng xin được mau, đừng chậm trễ. Tỳ-kheo như vậy không gọi là đối với sự ăn uống được tưởng nhàm chán xa lìa, chỗ tu tập pháp thiện ngày một suy hao, còn pháp chẳng lành thì càng tăng trưởng. Này thiện nam! Nếu có Tỳ- kheo khi muốn khất thực, trước phải nguyện: "Nguyện cho các vị khất thực đều được no đủ, người bố thí thì được vô lượng phước. Nếu tôi được thức ăn chỉ dùng để trị bệnh thân độc này, tu tập pháp thiện, làm lợi ích cho thí chủ". Khi Tỳ-kheo phát nguyện như vậy nên việc tu pháp thiện ngày càng tăng trưởng, pháp chẳng lành thì dần dần bị tiêu diệt. Này thiện nam! Tỳ-kheo nào có thể tu tập như vậy thì nên biết vị ấy chẳng ăn không của tín thí trong nước.

Này thiện nam! Người trí đầy đủ bốn tưởng như vậy thì có thể tu tập tưởng thế gian không đáng ưa thích, tự nghĩ: "Tất cả thế gian không có chỗ nào mà không có sự sinh, già, bệnh chết. Thân này của ta không có chỗ nào mà chẳng sinh. Nếu trong thế gian không có một chỗ nào lìa được sự sinh, già, bệnh, chết này thì ta làm sao lại ưa thích thế gian. Tất cả thế gian không có gì tiến lên mà không thoái mất, vì vậy nên thế gian chắc chắn là vô thường. Nếu là vô thường sao người trí lại ưa thích thế gian! Mỗi chúng sinh đều trải qua cùng khắp tất cả thế gian, nhận đủ các sự khổ và vui, tuy được thọ thân Phạm Thiên cho đến cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng, nhưng lúc mạng chung cũng phải đọa trở lại trong ba đường ác. Dầu được thân trời Tứ Thiên Vương, cho đến trời

Tha Hóa Tự Tại, nhưng lúc mạng chung phải sinh vào trong đường súc sinh, hoặc làm thân sư tử, hổ, báo, chó sói, voi, ngựa, bò, lừa v.v… Lại quán về thân của Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ, giàu sang tự tại, nhưng khi hết phước phải nghèo khổ, ăn mặc không đủ. Người trí quán biết rõ sự việc như vậy rồi thì sinh tư tưởng đối với thế gian không đáng ưa thích. Người trí lại quán sát thế gian có các pháp đó là nhà cửa, y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang, hương hoa, chuỗi anh lạc, các thứ kỹ nhạc, tài vật châu báu, các vật như đều là để xa lìa khổ, mà thể của các tài vật đó tức là khổ, thì vì sao lại dùng khổ để lìa khổ? Này thiện nam! Người trí quán sát như vậy rồi, đối với vật thế gian không sinh ưa thích. Này thiện nam! Ví như có người thân mang bệnh nặng, tuy có các thứ âm nhạc, ca hát, hương hoa, anh lạc nhưng không bao giờ sinh lòng ưa thích. Người trí quán sát rồi cũng lại như vậy. Này thiện nam! Người trí quán biết rõ tất cả thế gian chẳng phải chỗ nương tựa, chẳng phải chỗ giải thoát, chẳng phải chỗ vắng lặng, chẳng phải chỗ đáng ưa, chẳng phải bờ bên kia, chẳng phải pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu tham ưa thế gian này thì làm sao lìa được thế gian. Như người chẳng thích ở trong chỗ tối muốn tìm cầu ánh sáng mà trở lại trong bóng tối. Bóng tối tức là thế gian, còn ánh sáng là xuất thế gian. Nếu ưa thích thế gian thì tăng trưởng bóng tối, xa lìa ánh sáng. Bóng tối là vô minh, ánh sáng là trí minh. Nhân của trí minh tức là tưởng thế gian không đáng ưa. Tất cả tham kiết tuy là trói buộc, nhưng nay tham ưa trí minh, chẳng tham ưa thế gian. Người trí quán sâu các pháp như vậy rồi thì đầy đủ tưởng thế gian chẳng đáng ưa.

Này thiện nam! Người trí tu tập tưởng thế gian chẳng đáng ưa, kế đến tu tập quán tưởng chết: Thọ mạng này thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm niệm giảm dần không có tăng trưởng. Như nước dốc trên núi chảy xuống không thể dừng lại, cũng như sương móc ban mai chẳng thể lâu dài, như người tù bị dắt ra chợ, mỗi bước mỗi bước gần kề với sự chết; như dắt bò, dê đến chỗ lò mổ.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trí quán sát niệm niệm diệt như thế nào?

–Này thiện nam! Như bốn người đều có tài bắn giỏi, hẹn nhau tại một chỗ. Mỗi người bắn một hướng, đều nghĩ: “Bốn mũi tên của chúng ta, đồng một lúc bắn ra và đồng một lúc rơi xuống”. Lại có một người suy nghĩ: “Khi bốn mũi tên này chưa rơi xuống, trong một lúc, ta có thể lấy tay tiếp nhận”. Này thiện nam! Người như vậy có thể nói là nhanh chăng?

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Người ấy thật nhanh nhẹn.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sự nhanh nhẹn của quỷ Địa hành còn nhanh hơn người này nữa. Có quỷ Phi hành lại nhanh hơn quỷ Địa hành. Tứ Thiên Vương lại nhanh hơn quỷ Phi hành. Nhật Nguyệt Thần Thiên lại nhanh hơn Tứ Thiên Vương. Hành Kiên Tật Thiên nhanh hơn Nhật Nguyệt. Mạng sống của chúng sinh lại nhanh hơn Kiên Tật. Này thiện nam! Một hơi thở, một nháy mắt mạng sống của chúng sinh có bốn trăm lần sinh diệt. Người trí nếu có thể quán sát mạng sống như vậy thì gọi là có thể quán sát niệm niệm diệt. Này thiện nam! Người trí quán mạng sống lệ thuộc vào vua chết, nếu ta có thể lìa vua chết thì đoạn dứt hẳn mạng sống vô thường. Lại nữa, người trí quán sát mạng sống như cây to bên bờ sông lở, cũng như có người tạo tội đại nghịch khi bị xử chém không ai tiếc thương, như lúc sư tử vương quá đói, cũng như khi rắn độc hớp gió lớn, như khi ngựa khát giữ gìn nước, như khi quỷ hung dữ nổi sân, vua chết của chúng sinh cũng lại như vậy. Này thiện nam! Người trí nếu có thể quán như vậy, thì gọi là tu tập tưởng chết. Này thiện nam! Người trí lại quán, nay ta xuất gia dầu mạng sống được bảy ngày bảy đêm, thì trong thời gian ấy ta sẽ tinh tấn tu hành, giữ gìn giới cấm, thuyết pháp giáo hóa, làm lợi ích cho chúng sinh. Đây gọi là người trí tu tập tưởng chết. Lại cho bảy ngày bảy đêm là nhiều, nếu được sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ cho đến trong một khoảnh khắc hơi thở ra vào, ta sẽ ở trong thời gian này siêng năng tu tập, giữ gìn giới cấm, thuyết pháp giáo hóa làm lợi ích cho chúng sinh. Đây gọi là người trí khéo tu tập tưởng chết. Người trí có đầy đủ sáu pháp quán tưởng trên tức là nhân của bảy pháp quán tưởng. Những gì là bảy? Một là tưởng thường tu tập, hai là tưởng thích tu tập, ba là tưởng không sân giận, bốn là tưởng không ganh tỵ, năm là tưởng nguyện lành, sáu là tưởng không kiêu mạn, bảy là tưởng Tam-muội tự tại. Này thiện nam! Có Tỳ-kheo nào đầy đủ bảy pháp tưởng này thì gọi là Sa-môn, Bà-la-môn, là vắng lặng, là trong sạch, là giải thoát, là người trí, là chánh kiến, là bờ bên kia, là đại y vương, là đại thương chủ, là khéo hiểu rõ bí mật của Như Lai, cũng biết bảy thứ lời của chư Phật, gọi là biết chánh kiến, biết dứt được lưới nghi phát sinh đối với bảy thứ lời nói của chư Phật. Này thiện nam! Người nào đầy đủ sáu tưởng trên đây thì nên biết người ấy có thể quở trách ba cõi, xa lìa ba cõi, diệt trừ ba cõi, ở trong ba cõi không sinh đắm nhiễm. Đây gọi là người trí đầy đủ mười tưởng. Nếu Tỳ-kheo nào đầy đủ mười tưởng này thì được gọi là tướng của Sa-môn.

Lúc ấy, Bồ-tát Ca-diếp ở trước Phật dùng kệ khen ngợi:

Đấng Đại y vương thương thế gian
Thân và trí tuệ đều tịch tĩnh
Trong pháp vô ngã có chân ngã
Nên con kính lễ đấng vô thượng
Phát tâm, rốt ráo chẳng phân biệt
Hai tâm như vậy tâm trước khó
Mình chưa độ được, độ người trước
Nên con kính lễ sơ phát tâm
Phát tâm rồi làm Thầy trời người
Hơn hàng Thanh văn và Duyên giác
Phát tâm như vậy vượt ba cõi
Nên được gọi là Tối vô thượng
Cứu đời cần cầu thì mới được
Như Lai không thỉnh mà làm
Thầy Phật như nghé con theo thế gian
Nên được gọi là Đại bi ngưu
Công đức của Phật khắp mười phương
Phàm phu vô trí không thể khen
Nay con khen ngợi tâm từ bi
Để báo đáp hai nghiệp thân, miệng
Thế gian luôn thích lợi ích mình
Phật không bao giờ làm việc ấy
Dứt báo thế gian cho chúng sinh
Nên con kính lễ Tự Tha Lợi
Thế gian làm lợi cho quyến thuộc

Như Lai lợi ích không thân oán
Phật không tâm này như người đời
Nên tâm Phật bình đẳng không hai
Người đời nói khác mà làm khác
Nói, làm của Phật không sai khác
Phàm chỗ tu hành dứt các hành,
Cho nên được gọi là Như Lai
Trước đã biết rõ lỗi phiền não
Thị hiện ở đó vì chúng sinh
Từ lâu được giải thoát thế gian
Vì từ bi thích chỗ sinh tử
Tuy hiện thân trời và thân người
Từ bi, theo sát như trâu nghé
Như Lai tức là mẹ chúng sinh
Tâm từ chính là nghé con nhỏ
Tự chịu các khổ cho chúng sinh
Khi nghĩ từ bi tâm không hối
Đầy tâm thương yêu chẳng biết khổ
Nên con cúi lạy đấng cứu khổ
Như Lai tuy làm vô lượng phước
Nhưng thân, miệng, ý thường thanh tịnh
Luôn vì chúng sinh, không vì mình
Nên con lễ đấng Nghiệp Thanh Tịnh
Như Lai chịu khổ không biết khổ
Thấy chúng sinh khổ như mình khổ
Tuy vì chúng sinh ở địa ngục

Nhưng chẳng nghĩ khổ và ăn năn
Chúng sinh chịu khổ đều khác nhau
Mà Như Lai một mình chịu khổ
Biết rồi tâm ấy càng kiên cố
Do đây siêng tu đạo vô thượng
Phật đủ một vị tâm đại từ
Thương xót chúng sinh như con đỏ
Chúng sinh chẳng biết Phật cứu mình
Nên hủy báng Phật, Pháp và Tăng
Thế gian dầu đủ các phiền não
Và có vô lượng các tội ác,
Phiền não và tội lỗi như vậy
Khi mới phát tâm Phật đã dứt
Chỉ có chư Phật mới khen Phật
Ngoài Phật không ai khen ngợi được
Nay con chỉ dùng một pháp khen
Đem tâm từ bi vào thế gian
Từ tâm của Phật là pháp lớn
Tâm từ này độ được chúng sinh
Chính là chân giải thoát vô thượng
Giải thoát tức là Đại Niết-bàn.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXIX

PHẨM 13: KIỀU TRẦN NHƯ 1

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

–Sắc là vô thường, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát thường trụ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là vô thường, do diệt thức này nên được thức giải thoát thường trụ.

Này Kiều-trần-như! Sắc tức là khổ, do diệt sắc này mà được sắc giải thoát an lạc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc tức là không, do diệt sắc không này mà được sắc giải thoát phi không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là vô ngã, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chân ngã. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là bất tịnh, do diệt sắc này mà được sắc giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là tướng của sinh, già, bệnh, chết, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chẳng phải tướng sinh, già, bệnh, chết. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là nhân của vô minh, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chẳng phải nhân của vô minh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Cho đến sắc là nhân của sinh, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chẳng phải nhân của sinh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là nhân của bốn điên đảo, do diệt sắc điên đảo nên được sắc giải thoát chẳng phải nhân của bốn điên đảo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là nhân của vô lượng pháp ác, như thân nam, thân nữ v.v..., tham ăn, ái dục, tham, sân, ganh ghét, tâm ác, tâm bỏn sẻn, đoàn thực, thức thực, tư thực, xúc thực, noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, năm dục, năm cái v.v…. Các pháp như vậy đều là do nơi sắc, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát không có vô lượng sắc ác như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là ràng buộc, do diệt sắc ràng buộc này nên được sắc giải thoát không ràng buộc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là lưu chuyển, do diệt sắc lưu chuyển nên được sắc giải thoát chẳng phải lưu chuyển. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc chẳng phải là chỗ trở về, do diệt sắc này mà được sắc giải thoát, là chỗ trở về. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc là ghẻ lở, do diệt sắc này nên được sắc giải thoát chẳng phải ghẻ lở. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Sắc chẳng phải là tịch tĩnh, do diệt sắc này nên được sắc Niết-bàn tịch tĩnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này Kiều-trần-như! Người nào có thể biết được như vậy thì được gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, đầy đủ pháp Sa-môn, Bà-la-môn.

Này Kiều-trần-như! Nếu lìa pháp Phật thì không có Sa-môn và Bà-la-môn. Tất cả hàng ngoại đao dối trá tự xưng đều là không có hạnh chân thật. Tuy họ tưởng có hai bậc này nhưng thật ra không có. Vì sao? Vì nếu không có pháp Sa-môn, Bà-la-môn thì làm sao nói có Sa-môn, Bà-la-môn! Ta thường ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử. Các ông cũng nên ở giữa đại chúng rống lên tiếng sư tử.

Lúc ấy, có vô lượng người của hàng ngoại đạo nghe lời ấy rồi sinh tâm giận dữ bảo: “Sa-môn Cù-đàm nói trong chúng ta không có Sa-môn và Bà-la-môn, cũng không có pháp Sa-môn và Bà-la-môn. Chúng ta phải làm thế nào tìm cách nói với Cù-đàm rằng chúng ta cũng có Sa-môn, cũng có pháp Sa-môn, cũng có Bà-la-môn, cũng có pháp Bà-la-môn”. Bấy giờ trong chúng ấy có một Phạm chí xướng lên rằng: “Thưa các nhân giả! Lời nói của Cù-đàm như điên cuồng cần gì phải bận tâm! Người điên cuồng ở thế gian hoặc có lúc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc khen, không thể phân biệt kẻ oán, người thân. Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, hoặc có lúc nói Ta sinh trong cung vua Tịnh Phạn, hoặc nói không sinh; hoặc nói sau khi sinh đi bảy bước, hoặc nói không đi; hoặc nói từ nhỏ đã học tập các việc thế gian, hoặc nói Ta là bậc Nhất thiết trí; hoặc có lúc trong cung hưởng lạc sinh con, hoặc có lúc nhàm chán chê trách là xấu xa, ti tiện; hoặc có lúc tự thân tu khổ hạnh sáu năm, có lúc chê trách ngoại đạo khổ hạnh. Hoặc nói là theo học với các vị Uất-đầu-lam-phất, A-la-la điều chưa được nghe, hoặc có lúc cho rằng những vị ấy không có sự hiểu biết, hoặc có lúc nói thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng dưới cội Bồ-đề, hoặc có lúc Ta không đến dưới cội Bồ-đề, không có chứng đắc; hoặc nói thân Ta nay chính không có chứng đắc, hoặc nói thân Ta nay chính là Niết-bàn, hoặc nói thân diệt mới là Niết-bàn. Lời nói của Cù-đàm như điên cuồng không khác. Vậy vì sao phải vì những lời này mà lo buồn?”.

Các Bà-la-môn liền thưa: “Thưa Đại sĩ! Chúng tôi nay không lo buồn sao được! Sa-môn Cù-đàm xuất gia trước rồi, nói các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Các đệ tử của chúng ta nghe lời ấy rồi sinh sợ hãi, thì tại sao chúng sinh vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, mà không thọ nhận những lời này. Nay Sa-môn Cù-đàm lại đến rừng Ta-la này, vì đại chúng nói về các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Các đệ tử của chúng ta nghe lời này rồi đều bỏ chúng ta mà đi theo lời dạy của Cù-đàm. Vì lý do này nên sinh buồn khổ lớn”. Bấy giờ lại có một Bà-la-môn nói lời như vầy: “Thưa các nhân giả! Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe! Sa-môn Cù-đàm gọi là tu từ bi, lời nói này là giả dối chẳng phải chân thật. Nếu có từ bi vì sao lại thuyết phục đệ tử của chúng ta thọ nhận pháp của ông ta. Từ bi là tùy thuận theo ý của người khác. Nay đã làm trái với ý nguyện của chúng ta thì sao gọi là có từ bi. Nếu có người nói rằng Sa-môn Cù-đàm không bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm thì cũng là hư dối. Nếu nói là Sa-môn Cù-đàm ít muốn, biết đủ thì nay sao lại chiếm đoạt lợi ích của chúng ta, nếu cho rằng dòng họ là cao quý cũng là hư dối. Vì sao? Vì từ xưa đến nay không thấy, không nghe sư tử chúa tàn hại con chuột bé nhỏ. Nếu Sa-môn Cù-đàm đầy đủ thế lực lớn cũng là hư dối. Vì sao? Vì từ xưa đến nay cũng chưa từng nghe, thấy chim sí điểu chúa tranh với loài quạ. Nếu cho rằng thế lực lớn việc gì lại tranh với chúng ta. Nếu nói Cù-đàm đầy đủ tha tâm trí cũng là hư dối. Vì sao? Vì nếu đầy đủ trí này sao không biết được tâm của ta! Thưa các nhân giả! Tôi xưa từng nghe các bậc trí nói về việc này: Qua một trăm năm thế gian sẽ có một con yêu xuất hiện, con yêu này chính là Cù-đàm, chẳng bao lâu sẽ nhập diệt trong rừng Ta-la này. Các ông chớ nên sầu khổ". Lúc ấy, có một Ni-kiền-tử bảo: "Nay tôi sầu khổ chẳng phải vì tự thân chẳng được đệ tử cúng dường mà chỉ vì thế gian ngu si tối tăm không có con mắt, không biết phước điền và chẳng phải phước điền, bỏ bậc Bà-la-môn Kỳ túc trí tuệ mà cúng dường những người trẻ tuổi, do đó nên buồn rầu mà thôi. Sa-môn Cù- đàm biết chú thuật và do sức chú thuật có thể làm cho một thân thành vô lượng thân, khiến vô lượng thân trở lại một thân, hoặc hiện thân làm nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể trừ việc chú thuật như vậy. Khi chú thuật của Sa-môn Cù-đàm đã diệt, các ông sẽ được an vui, thọ hưởng nhiều sự cúng dường". Bấy giờ có một Bà-la-môn nói như vầy: "Thưa các nhân giả! Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức vì vậy quý vị không nên tranh cãi". Mọi người bảo: "Này người ngu si! Sao lại nói Sa-môn Cù-đàm đầy đủ công đức lớn? Ông ấy sinh ra được bảy ngày thì mẹ mất, như vậy có thể gọi là tướng phước đức chăng?”. Bà-la-môn kia đáp: “Khi bị mắng chửi không sân, khi bị đá đập không đánh trả, nên biết đó là tướng đại phước đức. Thân của Cù-đàm có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng thần thông, vì vậy nên biết đó là tướng phước đức. Tâm không kiêu mạn, luôn thăm hỏi trước, lời nói dịu dàng không thô lỗ, lúc còn trẻ ý chí mạnh mẽ, tâm không nóng nảy. Vương quốc nhiều của cải mà không tham luyến bỏ đi xuất gia như bỏ nước miếng. Cho nên tôi nói là Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức”. Mọi người đáp: “Lành thay nhân giả! Sa-môn Cù-đàm thật như lời ông nói, thành tựu vô lượng thần thông biến hóa nên chúng ta không thử thách việc này. Sa-môn Cù-đàm bản tính mềm yếu, không kham chịu khổ hạnh, sinh và lớn lên ở chốn thâm cung, không thấu rõ việc ngoài, chỉ được lời nói dịu dàng, không biết nghệ thuật, biên chép nghị luận. Chúng ta xin tranh biện pháp yếu với Cù-đàm. Nếu Cù-đàm thắng chúng ta sẽ theo hầu Cù-đàm. Nếu chúng ta thắng thì Cù-đàm sẽ phải phụng sự chúng ta”.

Lúc ấy, có vô số ngoại đạo cùng nhau đến chỗ Ma-già-đà, chỗ vua A-xà-thế. Vua thấy liền hỏi: “Các nhân giả đến có việc gì? Các vị mỗi người đều tu tập theo Thánh đạo, là người xuất gia xả bỏ tài sản và việc tại gia, dân chúng trong nước của ta đều cung kính cúng dường, chiêm ngưỡng không hề xúc phạm, vì sao họp nhau mà đến nơi này? Các nhân giả! Các ông đều thọ nhận pháp khác nhau, giữ giới khác nhau, xuất gia khác nhau, mỗi người lại cũng tùy theo giới pháp mà xuất gia tu đạo. Do duyên cớ gì mà nay đồng lòng cùng nhau đến đây giống như lá rụng theo chiều gió thổi, gom lại một chỗ. Hãy nói do nhân duyên gì mà đến đây? Ta thường ủng hộ người xuất gia cho đến không tiếc thân mạng". Lúc ấy, tất cả các ngoại đạo đều thưa: "Xin đại vương lắng nghe! Nay đại vương là chiếc cầu pháp lớn, là tảng đá lớn, là cái cân pháp lớn, là vật chứa tất cả các công đức, là tánh chân thật của tất cả công đức, là con đường chánh pháp. Chính là ruộng tốt của hạt giống, là căn bản của các nước, là gương sáng của các nước, là hình tượng của chư Thiên, là cha mẹ của dân chúng trong nước. Tâu đại vương! Tất cả kho báu công đức của thế gian chính là đại vương. Vì sao lại gọi là kho công đức? Vì vua quyết định việc nước không phân biệt kẻ oán, người thân. Tâm vua bình đẳng như đất, nước, gió, lửa, do đó gọi đại vương là kho công đức. Tâu đại vương! Chúng sinh hiện tại tuy tuổi thọ ngắn, nhưng công đức của nhà vua như các vua vào thời kỳ sống lâu an lạc. Cũng như các vua: Đảnh Sinh, Thiện Kiến, Nhẫn Nhục, Na-hầu-sa, Da-da-đế, Thi-tỳ, Nhất-xoa-cưu, các vị vua ấy đầy đủ pháp thiện. Đại vương nay cũng như vậy. Tâu đại vương! Nhờ đại vương mà đất nước an lạc, dân chúng giàu có. Do đó mà tất cả người xuất gia trì giới, tinh tấn tu tập chánh đạo đều mến nước này. Tâu đại vương! Trong kinh của chúng tôi có nói: “Nếu người xuất gia ở trong nước nào mà trì giới, tinh tấn, siêng tu chánh đạo thì vua nước ấy cũng có phần tu thiện”. Tâu đại vương! Tất cả kẻ cướp, nhà vua đã dẹp xong, nên người xuất gia không còn lo sợ. Hiện nay chỉ còn một người rất ác là Sa-môn Cù-đàm, nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất lo sợ. Người này ỷ dòng họ cao quý, thân hình toàn vẹn, lại do phước báo bố thí đời trước nên được cúng dường nhiều, ỷ thị những việc này nên rất kiêu mạn, hoặc dựa vào chú thuật mà sinh kiêu mạn. Do đó không thể tu khổ hạnh mà thọ nhận cất chứa những y phục, đồ nằm mịn màng mềm mại, tất cả người ác ở thế gian vì lợi dưỡng nên đến làm quyến thuộc, không thể tu khổ hạnh. Do sức chú thuật nên điều phục được Ca-diếp, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên v.v… Nay lại đến chỗ ở của chúng tôi, trong rừng Ta-la, tuyên bố thân này là thường, lạc, ngã, tịnh, để khuyến dụ đệ tử của chúng tôi. Tâu đại vương! Trước kia Cù-đàm nói thân này là không thường, không lạc, không ngã, không tịnh. Chúng tôi còn có thể nhẫn nhịn được. Nay lại tuyên bố thân này là thường, lạc, ngã, tịnh, chúng tôi thật chẳng thể chịu được. Xin đại vương cho phép chúng tôi luận nghị với Sa-môn Cù-đàm”. Vua bảo: “Này các Đại sĩ! Hôm nay các ông do ai dạy bảo mà tâm trí cuồng loạn bất định như nước dậy sóng, như vòng lửa xoay, như khỉ vượn leo cây; việc này thật đáng hổ thẹn. Nếu người trí nghe thì sẽ thương xót, người ngu si nghe liền chê cười. Lời nói của các ông chẳng phải là tướng của người xuất gia. Nếu các ông bị các bệnh phong hoàng, thủy hoạn thì ta đều có thuốc để trị lành. Nếu mắc bệnh ma quỷ thì anh ta là Kỳ-bà có thể trị được. Nay các ông muốn dùng móng tay để bào mòn núi Tu-di, muốn dùng răng trong miệng để cắn nát chất kim cang. Này các Đại sĩ! Ví như người ngu thấy sư tử chúa lúc đói nằm ngủ mà muốn thức dậy, như người lấy ngón tay để vào tro che đậy ngọn lửa. Nay các ông cũng muốn như vậy. Này các Đại sĩ! Như con chồn hoang làm tiếng rống sư tử, như con muỗi muốn bay đua nhanh chậm cùng chim sí điểu, như con thỏ lội qua biển muốn lặn đến tận đáy. Nay các ông cũng như vậy. Nếu các ông chiêm bao thấy thắng Cù-đàm thì đó là mộng điên cuồng mê hoặc chưa đủ để tin. Này các Đại sĩ! Nay các ông có ý muốn tranh luận với Cù-đàm giống như con thiêu thân vào đống lửa lớn. Các ông nên theo lời ta chẳng cần nói nữa. Các ông dầu tán thán ta bình đẳng như cán cân, chớ để cho người ngoài nghe lời này”. Bấy giờ các ngoại đạo lại thưa: “Tâu đại vương! Sa-môn Cù-đàm đã dùng chú thuật đến bên nhà vua chăng? Nên mới làm cho tâm đại vương nghi ngờ không tin những vị Thánh nhân này. Đại vương chớ nên khinh miệt các Đại sĩ như vậy. Tâu Đại vương! Mặt trăng tròn khuyết, nước biển có vị mặn, núi Ma-la-diên… những việc như vậy do ai làm ra? Lẽ nào chẳng phải là hàng Bà-la-môn chúng tôi chăng? Đại vương không nghe nước của sông Hằng ngừng chảy trong lỗ tai của tiên A-kiệt-đa trọn mười hai năm chăng? Đại vương không nghe Đại tiên nhân Cù- đàm hiện thần thông trong mười hai năm biến làm thân Đế thích rồi biến thân Đế thích làm thân dê đực, biến thành ngàn nữ căn ở thân Đế thích chăng? Đại vương không nghe tiên Kỳ-nậu trong một ngày uống hết nước của bốn biển làm cho quả đất khô chăng? Đại vương không nghe tiên Bà-tẩu làm ba con mắt cho Tự Tại thiên chăng? Đại vương chẳng nghe tiên A-la-lã biến thành Ca-phú-la thành đất mặn chăng? Tâu đại vương! Trong hàng Bà-la-môn có những vị tiên thần lực lớn như vậy có thể kiểm chứng, sao Đại vương lại khinh miệt họ? Vua bảo: “Này các nhân giả! Nếu không tin lời ta mà muốn nghị luận, nay Đức Như Lai Chánh Giác đang ở trong rừng Ta-la, các ông có thể đến đó tùy ý gạn hỏi. Như Lai sẽ giải thích rõ ràng làm cho các ông vừa ý”.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng với đồ chúng ngoại đạo và chúng quyến thuộc đi đến chỗ Phật, đầu mặt đảnh lễ, đi quanh bên phải ba vòng, cung kính lui đứng một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các ngoại đạo này muốn tùy ý gạn hỏi, cúi xin Như Lai tùy ý trả lời.

Phật bảo:

–Này đại vương! Như Lai tự biết đúng lúc.

Lúc ấy, trong chúng có một Bà-la-môn tên là Xà-đề-thủ-na nói như vầy:

–Thưa Cù-đàm! Ngài nói Niết-bàn là pháp thường hằng chăng? Đức Phật đáp:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đại Bà-la-môn. Bà-la-môn nói:

–Nếu nói Niết-bàn là pháp thường thì không đúng nghĩa. Vì sao? Vì pháp của thế gian từ hạt sinh ra quả tiếp tục chẳng dứt, như từ đất sét sinh ra bình, từ sợi tơ mà có ra áo. Cù-đàm thường nói tu tưởng vô thường chứng được Niết-bàn vậy thì tại sao nhân là vô thường mà quả thường được? Cù-đàm lại nói giải thoát tham dục tức là Niết-bàn, giải thoát tham sắc và vô sắc chính là Niết-bàn, diệt hết tất cả phiền não như vô minh v.v… tức là Niết-bàn. Từ phiền não dục cho đến vô minh đều là vô thường, vậy nhân là vô thường thì Niết-bàn đạt được đáng lẽ cũng vô thường. Cù-đàm lại nói, từ nghiệp nhân nên sinh lên cõi trời, từ nghiệp nhân nên đọa vào địa ngục, từ nhân mà được giải thoát. Cho nên các pháp đều từ nhân mà sinh. Nếu từ nhân sinh mà được giải thoát thì tại sao bảo là thường?

Ngài Cù-đàm cũng nói sắc theo duyên sinh nên gọi là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Như vậy giải thoát, nếu là sắc thì nên biết là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu lìa năm ấm mà có giải thoát thì nên biết giải thoát tức là hư không. Nếu là hư không thì không thể nói rằng từ nhân duyên sinh. Vì sao? Vì hư không là thường, là một, là biết hết tất cả. Cù-đàm cũng nói từ nhân duyên sinh tức là khổ, nếu là khổ sao lại nói giải thoát tức là vui. Cù- đàm lại nói vô thường tức là khổ, khổ là vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, thì tất cả các pháp do nhân duyên sinh đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Tại sao lại cho rằng Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu Cù-đàm nói cũng thường, cũng vô thường, cũng khổ, cũng lạc, cũng ngã, cũng vô ngã, cũng tịnh, cũng bất tịnh, như vậy há chẳng phải là hai lời chăng? Tôi cũng đã từng nghe các bậc trí đức trưởng lão nói thế này: Nếu Phật ra đời thì nói lời không mâu thuẫn. Nay Cù-đàm lại nói lời mâu thuẫn, cho rằng Phật chính là thân Ta đây thì nghĩa là thế nào?

Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Cứ như lời ông, nay Ta hỏi ông, ông hãy tùy ý đáp.

Bà-la-môn thưa:

–Lành thay! Thưa Cù-đàm! Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Tánh của ông là thường hay vô thường? Bà-la-môn đáp:

–Tánh của tôi là thường.

–Này Bà-la-môn! Tánh ấy có thể làm nhân cho tất cả các pháp trong ngoài chăng?

–Đúng vậy! Thưa Cù đàm! Phật bảo:

–Này Bà-la-môn! Tánh ấy làm nhân như thế nào?

–Thưa Cù-đàm! Từ tánh sinh ra đại, từ đại sinh ra mạn, từ mạn sinh ra mười sáu pháp, đó gọi là: đất, nước, gió, lửa, không. Năm tri căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm nghiệp căn là: tay, chân, miệng, tiếng, căn nam, căn nữ và căn tâm bình đẳng. Mười sáu pháp này do năm pháp sinh là: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Hai mươi mốt pháp này có ba pháp cơ bản: một là nhiễm, hai là thô, ba là đen. Nhiễm gọi là ái, thô gọi là sân, đen gọi là vô minh. Cù-đàm! Hai mươi lăm pháp này đều từ tánh sinh.

–Này Bà-la-môn! Những pháp này như đại v.v... là thường hay vô thường?

–Thưa Cù-đàm! Theo giáo pháp của tôi thì tánh là thường, những pháp như đại v.v… đều là vô thường.

–Này Bà-la-môn! Như trong pháp của ông nhân là thường, còn quả là vô thường. Còn trong giáo pháp của Ta nhân tuy vô thường mà quả là thường thì có lỗi gì? Này Bà-la-môn! Trong pháp của các ông có hai nhân chăng?

–Thưa Cù-đàm! Có. Phật hỏi:

–Những gì là hai nhân?

–Thưa Cù-đàm! Một là sinh nhân, hai là liễu nhân. Phật hỏi:

–Thế nào là sinh nhân? Thế nào là liễu nhân? Bà-la-môn đáp:

–Sinh nhân giống như đất sét làm ra cái bình, liễu nhân như đèn soi chiếu đồ vật.

Phật bảo:

–Tánh của hai thứ nhân này là một. Nếu là một tánh có thể khiến sinh nhân làm liễu nhân, có thể khiến liễu nhân thành sinh nhân chăng?

–Không! Thưa Cù-đàm! Phật bảo:

–Nếu như sinh nhân không làm liễu nhân, liễu nhân chẳng làm sinh nhân thì có thể nói là tướng của nhân chăng?

Bà-la-môn đáp:

–Tuy hai nhân không có tương tác nhưng vẫn có tướng của nhân.

–Này Bà-la-môn! Vật mà liễu nhân hiểu rõ có đồng với liễu nhân chăng?

–Thưa Cù-đàm! Không!

Phật dạy:

–Trong pháp của Ta tuy từ vô thường mà chứng đắc Niết-bàn nhưng Niết-bàn chẳng phải là vô thường. Này Bà-la-môn! Do liễu nhân mà được nên là thường, lạc, ngã tịnh. Do sinh nhân mà được nên không thường, không lạc, không ngã, không tịnh. Do đó lời nói của Như Lai có sai khác, tuy có nói sai khác như thế nhưng không có sự sai khác, cho nên nói Như Lai nói không sai khác. Như lời ông nói, đã từng nghe bậc trí trưởng lão bảo Đức Phật ra đời không nói sai khác. Lời nói ấy nói rất đúng. Lời nói của chư Phật mười phương ba đời không sai khác, cho nên nói Phật không nói sai khác. Thế nào là không nói sai khác? Vì có thì nói có, không thì nói không, nên gọi là đồng một nghĩa. Này Bà-la-môn! Như Lai Thế Tôn nói sai khác nhưng vì để làm rõ một nghĩa. Thế nào là nói sai khác làm rõ một nghĩa?

Như nhãn căn cùng với sắc là hai thứ sai khác sinh ra thức là một, cho đến ý căn cùng với pháp cũng vậy.

Bà-la-môn nói:

–Ngài Cù-đàm khéo phân biệt được ngữ nghĩa như vậy. Nhưng nay tôi chưa hiểu nói thì hai mà hiểu là một.

Bấy giờ Thế Tôn liền tuyên nói pháp bốn chân đế:

–Này Bà-la-môn! Nói khổ đế thì cũng hai cũng một, cho đến đạo đế cũng hai mà cũng một.

Bà-la-môn thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu rồi! Phật dạy:

–Thiện nam! Ông hiểu như thế nào?

Bà-la-môn thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đối với khổ đế thì tất cả phàm phu là hai, còn Thánh nhân là một, cho đến đạo đế cũng như vậy.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Đã hiểu!

Bà-la-môn thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nay nghe pháp được chánh kiến. Nay con xin quy y Tam bảo Phật, Pháp, Tăng. Nguyện xin đấng Đại từ cho con được xuất gia.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

–Ông nên cạo bỏ râu tóc cho Xà-đề-thủ-na. Lúc cạo tóc có hai thứ rơi xuống: một là râu tóc, hai là phiền não. Xà-đề-thủ-na ngay tại chỗ ngồi, chứng đắc quả A-la-hán.

Lại có Phạm chí Bà-tư-tra hỏi Đức Phật:

–Ngài Cù-đàm nói Niết-bàn là thường chăng?

–Này Phạm chí! Đúng như vậy.

Bà-tư-tra hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Ngài lẽ nào chẳng nói không có phiền não là Niết-bàn chăng?

–Này Phạm chí! Đúng như vậy.

Bà-tư-tra hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Thế gian có bốn thứ gọi là không: một là những pháp chưa sinh thì gọi là không. Như cái bình lúc chưa ra khỏi đất sét thì không gọi là cái bình. Hai là những pháp đã hoại diệt thì gọi là không. Như cái bình đã bể rồi thì không gọi là cái bình. Ba là tướng khác nhau không có sự lẫn lộn nhau gọi là không. Như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò. Bốn là hoàn toàn không nên gọi là không. Như lông rùa sừng thỏ.

Thưa Cù-đàm! Vì nếu đã trừ phiền não rồi thì gọi là Niết-bàn mà Niết-bàn tức là không. Nếu là không thì sao lại cho là có thường, lạc, ngã, tịnh?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Niết-bàn như vậy chẳng phải là trước không có giống như cái bình lúc còn là đất sét. Cũng chẳng phải diệt là không giống cái bình lúc bể. Cũng chẳng phải là hoàn toàn không như lông rùa, sừng thỏ, mà đồng cái khác không.

Này thiện nam! Như lời ông nói, tuy trong bò không có ngựa, nhưng không thể nói bò cũng là không. Tuy trong ngựa không có bò cũng không thể nói ngựa cũng là không. Niết-bàn cũng như vậy. Trong phiền não không có Niết-bàn, trong Niết-bàn không có phiền não. Cho nên gọi là không có sự lẫn lộn tướng khác.

Bà-tư-tra nói:

–Nếu cho cái khác không là Niết-bàn thì cái khác không đó không có thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy sao Cù-đàm lại nói Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, cái khác không đó có ba thứ không: bò, ngựa, đều là trước không mà sau có, đó gọi là trước không. Đã có rồi trở lại không thì gọi là hoại diệt không. Còn cái tướng khác không thì như lời ông nói. Thiện nam! Trong Niết-bàn không có ba thứ không này. Cho nên Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh. Như người bị bệnh ở thế gian: một là bệnh nóng, hai là bệnh phong, ba là bệnh hàn. Ba loại bệnh này có ba loại thuốc có thể chữa trị. Người bị bệnh nóng, có thể chữa trị bằng váng sữa. Người bị bệnh phong, có thể chữa trị bằng dầu; người bị bệnh hàn, có thể chữa trị bằng mật. Ba loại thuốc này có thể chữa trị ba thứ bệnh như vậy.

Này thiện nam! Trong bệnh phong không có dầu, trong dầu không có phong. Cho đến trong mật không có bệnh hàn, trong hàn không có mật, vì thế có thể chữa trị. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, có ba thứ bệnh: một là tham, hai là sân, ba là si. Ba thứ bệnh này có ba thứ thuốc. Quán bất tịnh thì chữa được bệnh tham; quán tâm từ thì chữa được bệnh sân, quán nhân duyên thì chữa được bệnh si.

Này thiện nam! Vì trừ tham nên quán pháp chẳng phải tham. Vì trừ sân nên quán pháp chẳng phải sân. Vì trừ si nên quán pháp chẳng phải si. Trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc, trong ba thứ thuốc không có ba thứ bệnh.

Thiện nam! Vì trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc nên là không thường, không ngã, không lạc, không tịnh. Trong ba loại thuốc không có ba thứ bệnh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Bà-tư-tra bạch Thế Tôn:

–Như Lai đã vì con mà giảng nói về thường và vô thường. Vậy thế nào là thường? Thế nào là vô thường?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sắc là vô thường, giải thoát sắc là thường. Cho đến thức là vô thường, giải thoát thức là thường. Thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào quán sắc cho đến thức là vô thường thì nên biết người này chứng được pháp thường.

Bà-tư-tra thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã hiểu biết pháp thường và vô thường.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông biết pháp thường và vô thường như thế nào?

Bà-tư-tra thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nay con biết sắc của con là vô thường, được giải thoát là thường, cho đến thức cũng như vậy.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Thiện nam! Nay ông đã báo đáp thân này. Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

–Bà-tư-tra đã chứng quả A-la-hán. Ông nên ban cho ông ấy ba y và bình bát.

Bấy giờ, Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, ban y bát cho Bà-tư-tra. Bà-tư-tra nhận lãnh y bát rồi thưa:

–Thưa Đại đức Kiều-trần-như! Nay tôi do thân xấu ác này mà được quả báo tốt. Xin Đại đức vì tôi đến chỗ Đức Thế Tôn trình bày đầy đủ tâm thành của tôi. Tôi là người xấu đã xúc phạm đến Như Lai gọi là họ Cù-đàm. Xin cho tôi sám hối tội lỗi này. con cũng không thể ở lâu nơi thân độc này, nay sẽ nhập Niết-bàn.

Lúc ấy, Kiều-trần-như liền đến chỗ Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Bà-tư-tra sinh lòng hổ thẹn, tự nói là hung dữ đã xúc phạm đến Như Lai gọi là họ Cù-đàm, không thể sống lâu nơi thân rắn độc ấy, nay sắp diệt thân, nhờ con xin Thế Tôn cho sám hối.

Đức Phật dạy:

–Này Kiều-trần-như! Tỳ-kheo Bà-tư-tra đã thành tựu căn lành nơi vô lượng Đức Phật ở đời quá khứ. Nay vâng lời Ta mà sống đúng pháp nên chứng được chánh quả. Các ông nên cúng dường thân của ông ấy.

Bấy giờ, Kiều-trần-như nghe lời Phật dạy xong đến chỗ thân của Bà-tư-tra để cúng dường. Lúc thiêu thân, Bà-tư-tra hiện vô số thần thông. Các ngoại đạo thấy việc này rồi đồng lớn tiếng xướng lên: “Bà- tư-tra này đã được chú thuật của Sa-môn Cù-đàm. Chẳng bao lâu ông ấy sẽ hơn cả Sa-môn Cù-đàm kia”.

Bấy giờ, trong chúng có một Phạm chí tên là Tiên-ni lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Có ngã chăng? Đức Như Lai im lặng.

Tiên-ni lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Có vô ngã chăng?

Như Lai cũng im lặng. hỏi lần thứ hai, thứ ba, Đức Phật đều im lặng.

Tiên-ni lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm! Nếu tất cả chúng sinh có ngã khắp tất cả mọi nơi là một tác giả thì tại sao Cù-đàm lại im lặng không trả lời?

Đức Phật dạy:

–Này Tiên-ni! Ông nói ngã đó là cùng khắp tất cả chỗ chăng? Tiên-ni đáp:

–Thưa Cù-đàm! Không những chỉ tôi nói mà tất cả những người trí cũng đều nói như vậy.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Nếu ngã đó cùng khắp mọi nơi thì lẽ ra phải cùng lúc thọ quả báo trong năm đường. Nếu cùng lúc thọ quả báo trong năm đường thì hàng Phạm chí các ông vì sao không gây tạo nghiệp ác để tránh khỏi địa ngục, tu các pháp thiện để được thân trời?

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp của chúng tôi, ngã có hai thứ: một là ngã của thân tạo tác, hai là ngã của thân thường còn. Ngã của thân tạo tác nên xa lìa nghiệp ác để khỏi rơi vào địa ngục, tu các pháp thiện để được sinh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như ông đã nói, ngã khắp tất cả mọi nơi. Nếu ngã đó ở trong thân thì là vô thường. Nếu trong thân không có ngã thì sao gọi lại nói là cũng khắp?

–Thưa Cù-đàm! Ngã chúng tôi lập, ở trong thân cũng là thường pháp. Thưa Cù-đàm! Như người kéo lửa cháy nhà cửa, chủ nhà chạy ra khỏi không thể nói rằng nhà cửa cháy thì chủ nhà cũng bị cháy. Pháp của chúng tôi cũng như vậy, thân này tuy là vô thường, đương lúc vô thường thì ngã cũng ra đi. Nên ngã của tôi cũng biến khắp, cũng là thường.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Như lời ông nói ngã cùng khắp, cũng là thường nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì cùng khắp có hai thứ: một là thường, hai là vô thường. Lại có hai thứ: một là sắc, hai là vô sắc. Vì vậy nếu nói có khắp tất cả thì cũng là thường, cũng là vô thường, cũng là sắc, cũng là vô sắc. Nếu nói chủ nhà chạy ra khỏi nên không gọi là vô thường, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nhà không gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà, cái bị cháy khác người chạy ra khác, ngã thì không như vậy. Vì sao? Vì ngã tức là vô sắc, sắc tức là ngã. Vô sắc chính là ngã, ngã chính là vô sắc. Vậy sao lại nói lúc sắc vô thường thì ngã xuất ra khỏi. Này thiện nam! Nếu ý ông cho rằng tất cả chúng sinh đồng một ngã thì như vậy là trái với pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao? Vì pháp thế gian gọi cha, con trai, mẹ, con gái. Nếu là một thì cha tức là con, con tức là cha; mẹ tức là con, con tức là mẹ; oán tức là thân, thân tức là oán; đây tức là kia, kia tức là đây. Vì vậy, nếu nói tất cả chúng sinh đồng một ngã thì tức là trái với pháp thế gian và xuất thế gian.

Tiên-ni nói:

–Tôi không nói tất cả chúng sinh đồng một ngã. Mà nói mỗi người đều riêng có một ngã.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Nếu ông nói mỗi người đều có một ngã, thì có nhiều ngã, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như trước kia ông nói rằng ngã có khắp tất cả mọi nơi. Nếu ngã khắp tất cả thì chúng sinh lẽ ra đồng một nghiệp căn. Lúc trời thấy được thì Phật cũng thấy được, lúc trời làm được thì Phật cũng làm được, lúc trời nghe được thì Phật cũng nghe được. Tất cả các pháp đều như vậy. Nếu cái mà trời thấy chẳng phải Phật thấy thì không nên nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu ngã không ở khắp nơi thì là vô thường.

Tiên-ni thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngã của tất cả chúng sinh khắp tất cả. Còn pháp và phi pháp không phải khắp tất cả. Do nghĩa này nên Phật làm được khác, trời làm được khác. Vì thế Cù-đàm chẳng nên nói rằng lúc Phật thấy lẽ ra trời cũng thấy, lúc Phật nghe được lẽ ra trời cũng nghe được.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Pháp và phi pháp chẳng phải là nghiệp tạo ra chăng?

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Đó là nghiệp tạo ra. Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu pháp cùng phi pháp là do nghiệp tạo ra thì đồng một pháp, sao lại bảo là khác? Vì sao? Vì chỗ nghiệp của Phật có ngã của trời, chỗ nghiệp của trời có ngã của Phật. Do đó khi được làm Phật thì cũng được làm trời, pháp và phi pháp cũng như vậy.

Này thiện nam! Vì vậy pháp và phi pháp cùng tất cả chúng sinh, nếu như vậy thì quả báo có được lẽ ra cũng không khác. Thiện nam! Từ hạt sinh ra quả, quả này hoàn toàn không suy nghĩ, phân biệt: “Ta chỉ nên làm quả Bà-la-môn, chẳng nên làm quả Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ- đà-la v.v... Vì sao? Vì từ hạt sinh ra quả hoàn toàn không chướng ngại. Bốn dòng họ như vậy thì pháp cùng phi pháp cũng như thế, không thể phân biệt ta chỉ nên tạo quả Phật không nên tạo quả trời, tạo quả trời không nên tạo quả Phật. Vì sao? Vì nghiệp bình đẳng.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ví như trong một căn nhà có trăm ngàn ngọn đèn. Tim đèn tuy khác nhưng ánh sáng vẫn không khác. Tim đèn khác nhau dụ cho pháp và phi pháp, ánh sáng không khác dụ cho ngã của chúng sinh.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nói ngọn đèn dụ cho ngã, nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì đèn khác mà nhà khác, ánh sáng của ngọn đèn cũng ở bên tim đèn mà cũng khắp trong nhà. Cái ngã mà ông nói nếu như vậy thì ở bên pháp và phi pháp đều phải có ngã. Trong ngã cũng phải có pháp và phi pháp. Nếu pháp và phi pháp không có ngã thì không thể nói rằng ngã ở khắp tất cả nơi. Nếu cùng có ngã thì sao dùng đèn và ánh sáng để làm ví dụ!

Này thiện nam! Ý ông cho rằng tim cùng ánh sáng thật sự khác nhau, do duyên gì tim khơi thì ánh sáng mạnh, tim đèn khô thì ánh sáng mất. Do đó không nên đem pháp và phi pháp dụ cho tim đèn, ánh sáng không khác dụ cho ngã. Vì sao? Vì pháp, phi pháp và ngã cả ba thứ là một.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài dẫn ngọn đèn làm dụ việc này không tốt. Vì sao? Ví dụ ngọn đèn nếu là tốt thì tôi đã dẫn trước rồi. Như ví dụ đó chẳng tốt sao Ngài lại nói?

–Này thiện nam! Ví dụ Ta nêu ra đó đều chẳng làm tốt, vì không tốt nên theo ý của ông mà nói. Ví dụ này cũng nói rời tim đèn có ánh sáng, tức là nơi tim đèn có ánh sáng. Tâm ông không bình đẳng nên nói tim đèn dụ cho pháp và phi pháp, ánh sáng thì dụ cho ngã. Do đó nên Ta trách ông: tim đèn chính là ánh sáng rời tim đèn có ánh sáng, ngay trong pháp có ngã, ngay trong ngã có pháp, phi pháp tức là ngã, ngã tức là phi pháp. Nay sao ông chỉ thọ nhận một bên mà bỏ một bên. Ví dụ như vậy đối với ông không tốt nên nay Ta trở lại dẫn ví dụ đó để dạy ông.

Này thiện nam! Ví dụ như vậy tức chẳng phải là dụ, vì chẳng phải dụ nên đối với Ta thì tốt, còn đối với ông thì không tốt. Thiện nam! Nếu ý của ông cho rằng: “Tôi không tốt thì Ngài cũng chẳng tốt”, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì thấy người đời dùng dao để hại lấy mình, tự mình làm ra mà người khác thọ dụng. Ví dụ của ông dẫn ra cũng như vậy. Đối với Ta thì tốt, đối với ông thì không tốt.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Vừa rồi Ngài trách tâm tôi không bình đẳng, nay lời nói của Ngài cũng không bình đẳng. Vì sao? Vì Cù-đàm lấy tốt cho mình mà không tốt lại dồn cho tôi. Như vậy mà suy thì thật là không bình đẳng.

Phật dạy:

–Này thiện nam! Như cái không bình đẳng của Ta có thể phá được sự không bình đẳng của ông. Cho nên ông bình đẳng mà Ta không bình đẳng là tốt. Sự không bình đẳng của Ta có thể phá sự không bình đẳng của ông, làm cho ông được bình đẳng cũng chính là Ta bình đẳng. Vì sao? Vì đồng được bình đẳng với các bậc Thánh nhân.

Tiên-ni thưa:

–Thưa Cù-đàm! Tôi thường là bình đẳng, sao Ngài lại nói phá hoại sự bất bình đẳng của tôi. Tất cả chúng sinh đều bình đẳng có ngã, tại sao nói tôi là không bình đẳng ?

–Này thiện nam! Ông cũng có nói: Sẽ thọ quả báo địa ngục, sẽ thọ quả báo ngạ quỷ, sẽ thọ quả báo súc sinh, sẽ thọ quả báo trời người. Nếu ngã trước đã ở khắp trong năm đường, sao lại nói sẽ thọ quả báo trong các loài? Ông cũng nói cha mẹ hòa hợp sau đó mới sinh ra con. Nếu con đã có trước sao lại nói hòa hợp rồi mới có? Do đó một người có thân trong năm đường. Nếu trước đã có thân trong năm đường thì do nhân duyên gì vì thân mà tạo nghiệp? Cho nên không bình đẳng.

Này thiện nam! Theo ý ông nếu cho rằng ngã là tác giả thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu ngã là tác giả thì do duyên gì ngã lại tự làm ra sự khổ. Nhưng nay chúng sinh thật có chịu khổ. Do đó nên biết ngã chẳng phải là tác giả. Nếu cho rằng sự khổ này chẳng phải do ngã tạo ra, chẳng phải do nhân sinh, vậy do duyên gì lại nói do ngã tạo ra? Này thiện nam! Sự khổ vui của chúng sinh thật là do nhân duyên. Sự khổ vui này có thể làm cho chúng sinh buồn và vui.

Lúc buồn thì không vui, lúc vui thì không buồn, hoặc vui hoặc buồn thì người trí sao cho đó là thường Này thiện nam! Ông nói ngã là thường. Nếu là thường tại sao nói có mười thời kỳ sai khác? Đã là pháp thường lẽ ra chẳng có thời kỳ thụ thai cho đến thời kỳ già. Pháp thường như hư không còn không có một thời kỳ huống lại có cả mười thời kỳ! Này thiện nam! Ngã chẳng phải là thời thụ thai cho đến lúc già thì tại sao nói có mười thời kỳ khác nhau? Này thiện nam! Nếu ngã ấy là tác giả thì ngã ấy cũng có lúc thịnh, lúc suy. Chúng sinh cũng có lúc thịnh, lúc suy. Nếu ngã là như vậy sao lại gọi là thường. Này thiện nam! Nếu ngã là tác giả sao một người có khôn lanh, có đần độn?

Này thiện nam! Nếu ngã là tác giả thì ngã ấy có thể làm ra thân nghiệp và khẩu nghiệp. Khẩu nghiệp nếu là ngã làm ra, sao miệng lại nói rằng không có ngã? Vì sao tự nghi có ngã hay không có ngã? Thiện nam! Theo ý ông cho rằng lìa nhãn căn có sự thấy, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu lìa nhãn căn riêng có sự thấy thì cần gì nhãn căn này! Cho đến thân căn cũng vậy. Nếu ý ông cho rằng tuy ngã có thể thấy nhưng cần phải do nhãn căn mới thấy thì điều đó cũng không đúng. Vì sao? Như có người nói rằng bông tu-mạn-na có thể đốt cháy cả thôn xóm lớn, thì làm sao có thể đốt cháy? Do lửa có thể đốt cháy. Ông lập ngã có thể thấy cũng như vậy.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Như người cầm liềm có thể cắt cỏ. Ngã nhân nơi năm căn có thể thấy, nghe, cho đến xúc cũng như vậy.

–Này thiện nam! Người và liềm đều khác nhau nên người cầm liềm có thể cắt cỏ được. Rời ngoài căn không có ngã riêng khác, sao lại nói rằng ngã nhân nơi các căn mà có thể có sự tạo tác? Này thiện nam! Theo ý ông, nếu cho rằng cầm liềm có thể cắt cỏ, ngã cũng như vậy thì ngã này có tay hay không tay? Nếu có tay sao không tự cầm. Nếu không có tay sao cho rằng ngã là tác giả? Thiện nam! Có thể cắt cỏ đó chính là liềm, chẳng phải ngã, chẳng phải người. Nếu ngã và người có thể thì tại sao lại nhờ cái liềm!

Này thiện nam! Người có hai việc làm: một là cầm lấy cỏ, hai là cầm liềm. Cái liềm này chỉ có công dụng cắt. Chúng sinh thấy các pháp cũng như vậy. Mắt có thể thấy sắc là do hòa hợp mà sinh ra. Nếu từ nhân duyên hòa hợp mà thấy thì sao người trí lại nói là ngã? Thiện nam! Theo ý ông, nếu cho rằng thân làm mà ngã chịu thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì thế gian không thấy trời tạo nghiệp mà Phật chịu kết quả. Nếu nói rằng chẳng phải thân làm ngã, chẳng phải do nhân duyên thọ thì vì sao các ông lại từ nơi nhân duyên để cầu giải thoát? Thân này của ông trước kia chẳng phải nhân duyên sinh, được giải thoát rồi lẽ ra không do nhân duyên mà sinh ra thân. Như thân, tất cả phiền não cũng như vậy.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngã có hai thứ: một là hữu tri, hai là vô tri. Ngã vô tri có thể ở nơi thân. Ngã hữu tri có thể rời bỏ thân. Như cái bình đất đã bị nung thì mất màu sắc cũ không còn sinh trở lại. Phiền não của người trí cũng như vậy, đã diệt mất rồi không còn trở lại.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Cái mà nói là biết đó thì trí có thể biết hay ngã có thể biết? Nếu trí có thể biết sao lại nói rằng ngã là biết? Còn nếu ngã biết sao phải dùng phương tiện để cầu trí? Nếu ý ông cho rằng ngã nhân trí mà biết thì đồng với ví dụ bông hủy hoại. Thiện nam! Như cây gai tánh của nó có thể đâm, không thể nói cây cầm gai để đâm. Trí cũng như vậy, trí tự có thể hiểu biết. Sao lại nói rằng ngã chấp nơi trí để biết?

Này thiện nam! Như trong pháp của ông nói ngã được giải thoát, vậy đó là ngã vô tri được hay là ngã hữu tri được? Nếu là ngã vô tri được thì nên biết vẫn còn đủ phiền não. Nếu ngã hữu tri được thì nên biết rằng đã có năm căn. Vì sao? Vì ngoài năm căn không có sự biết. Nếu đủ các căn sao gọi là được giải thoát, nếu cho rằng tánh của ngã này thanh tịnh rời năm căn thì sao lại nói rằng ngã khắp trong năm đường? Do duyên gì tu các pháp thiện để được giải thoát? Này thiện nam! Ví như có người nhổ gai hư không, ông cũng như vậy. Ngã nếu đã thanh tịnh sao lại nói rằng đoạn dứt các phiền não? Nếu ý ông cho rằng chẳng do nhân duyên mà được giải thoát thì vì sao tất cả chúng sinh lại không được giải thoát?

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai có thể nhớ nghĩ? Đức Phật bảo:

–Này Tiên-ni! Nếu có ngã sao lại quên? Này thiện nam! Nếu nhớ nghĩ là ngã thì sao lại nhớ điều ác, nhớ điều chẳng đáng nhớ, không nhớ điều đáng nhớ?

Tiên-ni lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai thấy, ai nghe? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Trong sáu nhập, ngoài có sáu trần, trong ngoài hòa hợp sinh ra sáu thức, sáu thức này theo nhân duyên mà có tên gọi. Này thiện nam! Ví như ngọn lửa nhân nơi cây nên gọi là lửa cây, ngọn lửa nhân nơi cỏ thì gọi là lửa cỏ, nhân nơi trấu thì gọi là lửa trấu, nhân nơi phân bò thì gọi là lửa phân bò. Ý thức của chúng sinh cũng như vậy, nhân nơi nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý thì gọi đó là nhãn thức. Này thiện nam! Nhãn thức này không ở trong nhãn căn cho đến không ở trong tác ý. Do bốn sự hòa hợp nên sinh ra thức này. Cho đến ý thức cũng như vậy. Nếu là do nhân duyên hòa hợp mà sinh, người trí không nên cho rằng sự thấy chính là ngã. Này thiện nam! Vì thế Ta nói rằng nhãn thức cho đến ý thức, tất cả các pháp đều là như huyễn. Thế nào là như huyễn? Xưa không mà nay có, đã có rồi trở lại không. Này thiện nam! Như tía tôi, bột, mật, gừng, tiêu, tất bạt, nho, hồ đào, thạch lựu, hạt quì, các thứ ấy hòa hợp lại gọi là hoàn thuốc hoan hỷ. Rời ngoài sự hòa hợp này thì không có hoàn hoan hỷ. Do sáu nhập trong ngoài gọi là chúng sinh, ngã, nhân, sĩ phu. Rời sáu nhập trong ngoài thì không riêng có chúng sinh, ngã, nhân, sĩ phu.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã sao lại nói ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Nếu cho rằng ta thấy, ta nghe gọi là có ngã thì sao người thế gian lại nói tội của ông làm, tôi chẳng thấy nghe. Này thiện nam! Như bốn binh chủng hợp lại, gọi là đoàn quân. Bốn binh chủng chẳng gọi là một mà cũng nói rằng quân ta mạnh mẽ, quân ta thắng địch. Căn bên trong, trần bên ngoài hòa hợp ra cũng như vậy. Tuy chẳng phải là một nhưng cũng được nói rằng ta làm, ta nhận, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui.

Tiên-ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Như lời Ngài nói, trong ngoài hòa hợp thì ai nói rằng ta làm ta chịu?

Đức Phật dạy:

–Này Tiên-ni! Từ nhân duyên ái và vô minh sinh ra nghiệp, từ nghiệp sinh ra hữu, từ hữu sinh ra vô lượng tâm sở. Tâm sinh ra giác quán, giác quán động đến hơi gió, hơi gió theo tâm xúc chạm đến yết hầu, lưỡi, răng, môi. Chúng sinh điên đảo phát ra tiếng nói rằng ta làm, ta nhận, ta thấy, ta nghe.

Này thiện nam! Như cái chuông trên đầu cột phướn do gió động nên phát ra tiếng. Gió lớn thì tiếng lớn, gió nhỏ thì tiếng nhỏ, không có tác giả. Này thiện nam! Ví như sắt nóng ném vào trong nước phát ra nhiều tiếng. Trong đó thật ra không có tác giả. Này thiện nam! Hàng phàm phu không thể tư duy phân biệt những việc như vậy. Nên nói có ngã và có ngã sở, ta làm, ta nhận.

Tiên-ni nói:

–Ngài Cù-đàm nói không có ngã và ngã sở thì do duyên gì Ngài lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ta cũng không nói sáu nhập trong ngoài và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Mà Ta tuyên bố diệt sáu nhập trong ngoài sinh ra sáu thức thì gọi đó là thường, do thường nên gọi ngã. Vì có thường ngã nên gọi là lạc, vì có thường lạc nên gọi là tịnh. Này thiện nam! Chúng sinh nhàm chán sự khổ nên đoạn trừ nhân khổ, tự tại xa lìa, đó gọi là ngã. Do nhân duyên này nên tuyên bố là thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên-ni nói:

–Bạch Thế Tôn! Xin đấng Đại Từ dạy bảo cho con phải làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Từ trước đến nay, tất cả thế gian đầy đủ sự ngã mạn lớn luôn tăng trưởng mạn, cũng tạo ra mạn. Do nghiệp mạn nên nay thọ lấy quả báo của mạn, không thể xa lìa tất cả phiền não để được thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu các chúng sinh muốn được xa lìa tất cả phiền não, trước hết phải xa lìa mạn.

Tiên-ni thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Thật như lời Thế Tôn dạy. Từ trước con có ngã mạn, do ngã mạn nên gọi Như Lai bằng họ Cù- đàm. Nay con đã xa lìa ngã mạn đó, thành tâm thỉnh cầu giáo pháp, làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ giảng nói rõ ràng cho ông. Này thiện nam! Nếu có thể chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sinh thì xa lìa pháp này.

–Bạch Thế Tôn! Con đã biết được chánh pháp nhãn. Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Làm thế nào mà ông nói đã biết, đã hiểu, đã được chánh pháp nhãn?

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói, sắc ấm chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sinh, cho đến thức cũng như vậy. Con quán sát như vậy nên được chánh pháp nhãn.

Bạch Thế Tôn! Nay con rất muốn xuất gia tu học. Xin Thế Tôn nhận cho.

Đức Phật bảo:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Lúc đó Tiên-ni liền đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, chứng quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm chí họ Ca-diếp lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Thân tức là mạng hay là thân khác, mạng khác?

Như Lai im lặng. Phạm chí hỏi lần thứ hai, thứ ba Như Lai vẫn im lặng như vậy.

Phạm chí lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Như người bỏ thân chưa thọ thân sau, trong thời gian đó đâu có thể không gọi là thân khác, mạng khác, nếu là khác tại sao Cù-đàm im lặng không đáp?

–Này thiện nam! Ta nói thân mạng đều do từ nhân duyên chẳng phải là không do nhân duyên; như thân mạng, tất cả các pháp cũng như vậy.

Phạm chí lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi thấy ở thế gian cũng có pháp không từ nhân duyên.

Đức Phật bảo:

–Này Phạm chí! Ông thấy thế gian có pháp không từ nhân duyên như thế nào?

Phạm chí nói:

–Tôi thấy lửa lớn thiêu cháy rừng cây, gió thổi bứt ngọn lửa rơi vào nơi khác, đó há chẳng phải là không nhân duyên chăng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta nói lửa này cũng từ nhân mà sinh chẳng phải không từ nhân sinh.

Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Lúc ngọn lửa bay đi không nhân nơi củi, than, sao lại nói rằng từ nơi nhân mà sinh?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Tuy không có củi than nhưng nhân gió mà bay đi, do gió nên ngọn lửa đó không tắt.

–Thưa Cù-đàm! Nếu người xả bỏ thân chưa thọ thân sau, mạng sống trong thời gian ấy cái gì làm nhân duyên?

Đức Phật dạy:

–Này Phạm chí! Chính vô minh và ái làm nhân duyên. Do hai nhân duyên vô minh và ái này mà mạng sống được tồn tại. Này thiện nam! Vì có nhân duyên nên thân là mạng, mạng tức là thân. Vì có nhân duyên nên thân khác, mạng khác. Người trí không nên một mực nói rằng thân khác, mạng khác.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Xin Thế Tôn phân biệt giảng nói cho con, khiến cho con rõ biết được nhân quả.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm chí! Nhân chính là năm ấm, quả cũng là năm ấm.

Này thiện nam! Nếu có chúng sinh không đốt lửa thì không có khói.

Phạm chí thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã biết rồi, con đã hiểu rồi! Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông biết như thế nào? Hiểu như thế nào?

–Bạch Thế Tôn! Lửa tức là phiền não có thể đốt cháy nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người; khói tức là quả báo phiền não. Vô thường, bất tịnh hôi nhơ đáng ghét nên gọi là khói. Nếu chúng sinh nào không khởi phiền não thì người đó không có quả báo phiền não. Do đó Như Lai nói không đốt lửa thì không có khói.

Bạch Thế Tôn! Con đã được chánh kiến, xin Thế Tôn từ bi cho con được xuất gia, thọ giới.

Khi ấy, Kiều-trần-như vâng theo lời Phật tập họp chúng Tăng cho Phạm chí xuất gia thọ giới cụ túc. Năm ngày sau, Phạm chí chứng đắc quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có một Phạm chí tên là Phú-na nói như vầy:

–Thưa Cù-đàm! Ông thấy thế gian là pháp thường nên nói là thường chăng? Nghĩa này là chân thật hay hư dối? Là thường hay vô thường? Hay cũng thường cũng vô thường? Hay chẳng phải thường chẳng phải vô thường? Là hữu biên hay vô biên? Hay cũng hữu biên, cũng vô biên? Hay chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên? Thân này là mạng, thân khác mạng khác chăng? Sau khi Như Lai diệt độ còn hay mất? Hay cũng còn cũng mất? Hay cũng chẳng phải còn, chẳng phải mất?

Đức Phật dạy:

–Này Phú-na! Ta không nói thế gian là thường, là giả, là thật, là vô thường, cũng thường, cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, hữu biên, vô biên, cũng hữu biên, cũng vô biên, chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, thân này là mạng, thân khác mạng khác. Sau khi Như Lai diệt độ tồn tại, không tồn tại, cũng tồn tại cũng không tồn tại, chẳng phải tồn tại, chẳng phải không tồn tại.

Phú-na lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Nay thấy có tội lỗi gì mà không nói như vậy? Đức Phật bảo:

–Này Phú-na! Nếu có người nói thế gian là thường, chỉ đây là thật, ngoài ra là nói dối thì gọi đó là kiến. Thấy chỗ thấy gọi là kiến hành, gọi là kiến nghiệp, kiến trước, kiến phược, kiến khổ, kiến thủ, kiến bố, kiến nhiệt, kiến triền. Này Phú-na! Hàng phàm phu bị kiến chấp ràng buộc không thể xa lìa sinh, già, bệnh, chết, lưu chuyển trong sáu đường chịu vô lượng khổ. Cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải không “đi như vậy” cũng như vậy. Này Phú-na! Ta thấy kiến chấp này có lỗi như vậy, nên Ta không chấp, không nói cho người.

–Thưa Cù-đàm! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà không chấp trước, không nói, thì thưa Cù-đàm! nay thấy gì, chấp gì, tuyên bố gì?

Đức Phật dạy:

Này thiện nam! Đã là kiến chấp thì gọi là pháp sinh tử. Như Lai đã xa lìa pháp sinh tử nên không chấp. Này thiện nam! Như Lai gọi là năng kiến, năng thuyết, không gọi là chấp trước.

–Thưa Cù-đàm! Thế nào là năng kiến? Thế nào là năng thuyết? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta có thể thấy rõ Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Tuyên nói rõ về Bốn đế này, vì Ta thấy như vậy nên xa lìa tất cả kiến chấp, tất cả ái, tất cả lưu, tất cả mạn. Do đó Ta đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, tịch tĩnh vô thượng, được thân thường trụ. Thân này chẳng phải là Đông, Tây, Nam, Bắc.

Phú-na nói:

–Thưa Cù-đàm! Do duyên gì mà thân thường trụ chẳng phải là Đông, Tây, Nam, Bắc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nay Ta hỏi ông, tùy ý ông đáp. Thiện nam! Theo ý ông thì sao? Như ở trước ông đốt lửa lớn. Khi đang đốt lửa thì ông biết cháy không?

–Đúng vậy! Thưa Cù-đàm tôi biết lửa cháy.

–Lúc lửa ấy tắt, ông biết là lửa tắt không?

–Đúng vậy! Tôi biết lửa tắt.

–Này Phú-na! Nếu có người hỏi đống lửa trước mặt ông từ đâu mà cháy, tắt rồi đi về đâu thì ông sẽ đáp như thế nào?

–Thưa Cù-đàm! Nếu có người hỏi như vậy thì tôi sẽ đáp: Lửa này lúc sinh ra là nhờ các duyên,

duyên cũ đã hết, duyên mới chưa tới thì lửa này tắt.

–Nếu có người hỏi, lửa này đã tắt đi đến chỗ nào, thì ông sẽ đáp ra sao?

–Thưa Cù-đàm! Tôi sẽ đáp: “Vì duyên hết nên lửa tắt chẳng đến chỗ nào”.

–Này thiện nam! Như Lai cũng như vậy, nếu có sắc vô thường cho đến thức vô thường, và do ái mà cháy lên, thì vì cháy lên mà phải thọ thân trong hai mươi lăm cõi. Do đó, lúc cháy có thể nói lửa này là Đông, Tây, Nam, Bắc. Hiện tại ái diệt thì quả báo hai mươi lăm cõi không còn cháy. Vì không cháy nên không thể nói Đông, Tây, Nam, Bắc. Này thiện nam! Như Lai đã diệt sắc vô thường cho đến thức vô thường, cho nên thân của Như Lai là thường. Thân nếu là thường thì không nói có Đông, Tây, Nam, Bắc.

Phú-na thưa:

–Xin nói một ví dụ. Mong Thế Tôn nghe cho.
Đức Phật bảo:

–Lành thay! Lành thay! Ông cứ tùy ý nói!

–Bạch Thế Tôn! Như ngoài thôn lớn có rừng Ta la. Trong rừng có một cây mọc trước đủ một trăm năm. Chủ rừng thường lấy nước tưới cho cây này, tùy theo thời tiết mà chăm sóc. Cây này già mục, vỏ, lá, nhánh đều rơi mất chỉ còn lại lõi chắc. Như Lai cũng như vậy, những gì cũ hư đều trừ hết, chỉ còn có tất cả các pháp chân thật.

Bạch Thế Tôn! Nay con rất muốn xuất gia tu hành. Đức Phật bảo:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Vừa nói xong, Phú-na được xuất gia, các lậu đã hết, chứng đắc quả A-la-hán.

Lại có Phạm chí tên Thanh Tịnh Phù nói:

–Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh do không biết pháp gì nên thấy thế gian là thường, vô thường, vừa thường, vừa vô thường, vừa chẳng phải thường, vừa chẳng phải vô thường, cho đến chẳng phải "đi như vậy", chẳng phải không "đi như vậy"?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì không biết sắc cho đến không biết thức nên thấy thế gian là thường cho đến chẳng phải "đi như vậy", chẳng phải không "đi như vậy".

Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Do chúng sinh biết pháp gì mà không thấy thế gian là thường cho đến chẳng phải "đi như vậy", chẳng phải không "đi như vậy"?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì biết sắc cho đến biết thức nên không thấy thế gian là thường cho đến chẳng phải "đi như vậy", chẳng phải không "đi như vậy”.

Phạm chí thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn phân biệt giảng nói cho con thế gian là thường, vô thường.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu người bỏ nghiệp cũ không gây tạo nghiệp mới thì người này có thể biết thường, vô thường.

Phạm chí thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông thấy thế nào? Biết thế nào?

–Bạch Thế Tôn! Nghiệp cũ là nói vô minh và ái, nghiệp mới là thủ và hữu. Nếu người xa lìa vô minh ái này, không tạo thủ và hữu thì người này thật biết thường, vô thường.

Con nay đã được chánh pháp nhãn tịnh, xin quy y Tam bảo. Xin Đức Như Lai cho con xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

–Cho Phạm chí này xuất gia thọ giới.

Lúc ấy, Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, đến trong Tăng làm pháp Yết-ma cho Phạm chí xuất gia. Sau mười lăm ngày, dứt hết phiền não, chứng đắc quả A-la-hán.

□

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXX

PHẨM 13: KIỀU TRẦN NHƯ 2

Phạm chí Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Nay tôi muốn hỏi Ngài, có thể được chăng?

Đức Như Lai im lặng. Thưa đến lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

Độc Tử lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Từ lâu tôi với Ngài cùng là bạn thân. Ngài cùng tôi nghĩa không có hai, tôi muốn thưa hỏi sao Ngài lại im lặng?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nghĩ: “Phạm chí này tánh tình nho nhã, thuần thiện, ngay thẳng, thường thì muốn hiểu biết mà đến thưa hỏi chẳng phải vì não loạn. Nếu ông ấy có hỏi, Ta nên tùy ý đáp”. Đức Thế Tôn bảo:

–Này Độc Tử! Lành thay! Lành thay! Ông cứ theo chỗ nghi mà hỏi Ta sẽ giải đáp cho.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Thế gian có pháp thiện chăng?

–Này Phạm chí! Đúng vậy!

–Có pháp bất thiện chăng?

–Này Phạm chí! Đúng vậy!

–Thưa Cù-đàm! Xin giảng nói cho tôi biết pháp thiện và pháp ái. Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta có thể phân biệt giảng rộng nghĩa đó. Nay sẽ vì ông mà nói tóm lược. Này thiện nam! Dục gọi là pháp bất thiện, giải thoát dục gọi là pháp thiện. Sân giận, ngu si cũng như vậy. Sát sinh gọi là pháp bất thiện, không sát sinh gọi là pháp thiện. Cho đến tà kiến cũng như vậy. Này thiện nam! Nay Ta đã giảng nói ba pháp thiện và ba pháp bất thiện cho ông và nói mười pháp thiện cùng bất thiện. Nếu đệ tử của Ta có thể phân biệt ba thứ pháp thiện và bất thiện như thế, cho đến mười pháp thiện và bất thiện thì nên biết, người này có thể dứt hết tham dục, sân hận, ngu si, tất cả phiền não, đoạn tất cả hữu lậu.

Phạm chí thưa:

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp Phật có Tỳ-kheo nào có thể dứt hết tham, sân, si, tất cả phiền não và tất cả các hữu chăng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ở trong pháp Phật chẳng phải có một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Tỳ-kheo đều đã dứt hết tham, sân, si, tất cả các lậu hoặc, tất cả các hữu như vậy.

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp Phật, ngoài Tỳ-kheo ra, có Tỳ-kheo- ni nào dứt hết tham, sân, si, tất cả các lậu hoặc, tất cả các hữu như thế chăng?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ở trong pháp Phật chẳng phải có một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Tỳ-kheo-ni đã dứt hết tham, sân, si, tất cả các lậu hoặc, tất cả các hữu như thế.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, trong pháp Phật có vị Ưu-bà-tắc nào trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, vượt qua bờ nghi, đoạn lưới nghi chăng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ở trong giáo pháp của Ta chẳng phải có một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Ưu-bà-tắc trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn năm kiết hạ phần, chứng được quả A- na-hàm, vượt bờ nghi hoặc, đoạn dứt lưới nghi.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, trong pháp Phật có vị Ưu-bà-di nào trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn dứt lưới nghi chăng?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật của Ta

chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Ưu-bà-di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn dứt năm kiết hạ phần, đắc A-na-hàm, vượt qua bờ nghi, cắt đứt lưới nghi.

Độc Tử thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dứt hết các lậu, Ưu- bà-tắc, Ưu-bà-di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn trừ hết lưới nghi, trong pháp Phật có Ưu-bà-tắc nào hưởng thọ năm thứ dục lạc mà tâm không có lưới nghi chăng?

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật chẳng phải có một, hai, ba cho đến năm trăm mà có vô lượng các Ưu-bà-tắc đoạn ba kiết sử, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, làm giảm nhẹ tham, sân, si, chứng quả Tư-đà- hàm. Như các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng vậy.

–Bạch Thế Tôn! Nay con muốn nói thí dụ. Đức Phật bảo:

–Lành thay! Ông thích thì cứ nói.

–Bạch Thế Tôn! Nếu hàng ngoại đạo muốn đến xuất gia không rõ Như Lai thử họ trong mấy tháng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta đều thử họ trong bốn tháng nhưng không nhất thiết cùng một hạng.

–Bạch Thế Tôn! Nếu không cùng một hạng,

xin Đức Đại Từ cho con được xuất gia.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

–Cho Độc Tử xuất gia thọ giới!

Kiều-trần-như vâng lời Phật dạy, ở giữa Tăng chúng làm pháp Yết-ma. Sau khi xuất gia được mười ngày, Độc Tử chứng đắc quả Tu- đà-hoàn, đã chứng quả rồi, lại nghĩ: "Nếu người có trí tuệ do sự học mà được thì nay ta đã có thể gặp được Đức Phật". Ông liền đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ cung kính ngồi sang một bên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những người có trí tuệ là do từ học mà có được, thì con nay đã được. Xin Thế Tôn vì con mà phân biệt giảng nói, khiến cho con được trí tuệ vô học.

Đức Phật bảo:

–Này thiện nam! Ông chuyên cần tinh tấn tu tập hai pháp Chỉ và Quán.

Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo nào muốn chứng đắc quả Tu-đà- hoàn cũng phải nên siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu muốn chứng đắc quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán cũng phải tu hai pháp này. Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo muốn đắc bốn thiền, bốn tâm vô lượng, sáu thần thông, tám giải thoát, tám thắng xứ, trí vô ngại, trí đảnh, trí cứu cánh, trí bốn vô ngại, Tam-muội Kim cang, trí tận, trí vô sinh, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Này thiện nam! Nếu muốn chứng được bậc Thập trụ, pháp nhẫn Vô sinh, pháp nhẫn Vô tướng, pháp nhẫn Bất tư nghì, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ-tát hạnh, Tam-muội Hư không, Tam-muội Tri ấn, Tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác địa, Tam-muội Bất thoái, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Kim cang, hạnh Phật vô lượng Bồ-đề thì cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Độc Tử nghe xong đảnh lễ lui ra, ở trong rừng Ta-la tu tập hai pháp Chỉ và Quán, không bao lâu chứng đắc quả A-la-hán.

Lúc đó có vô lượng Tỳ-kheo muốn đến chỗ Phật. Độc Tử hỏi:

–Các Đại đức muốn đến đâu? Các Tỳ-kheo đáp:

–Chúng tôi muốn đến chỗ Đức Phật. Độc Tử lại nói:

–Nếu các Đại đức đến chỗ Đức Phật, xin vì tôi bạch cùng Đức Phật: “Phạm chí Độc Tử đã tu tập hai pháp Chỉ và Quán nên được trí vô học, nay báo ân Phật mà nhập Niết-bàn”.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật thưa:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Độc Tử nhắn gởi chúng con lời như vầy: “Bạch Thế Tôn! Phạm chí Độc Tử tu tập hai pháp Chỉ và Quán chứng trí vô học. Nay nhập Niết-bàn để báo ân Phật”.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phạm chí Độc Tử chứng đắc quả A-la-hán, các ông nên đến cúng dường thi hài của Độc Tử.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, trở lại thiết lễ lớn cúng dường thi hài của Độc Tử.

Phạm chí Nạp Y lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Như lời Cù-đàm nói, trong vô lượng đời làm điều lành, điều ác, đời vị lai trở lại thọ thân lành, chẳng lành. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như Cù-đàm từng nói nhân phiền não nên có thân này, nếu đã nhân phiền não mà có được thân thì thân có trước hay phiền não có trước? Nếu phiền não có trước thì ai làm và ở chỗ nào? Nếu thân có trước sao lại nhân phiền não mà có thân? Do đó, nếu nói phiền não có trước thì cũng không thể, nếu thân có trước thì cũng không thể. Nếu nói trước sau cùng một lúc thì cũng không thể. Vì thế nên tôi nói tất cả các pháp đều có tự tánh không do nhân duyên.

Thưa Cù-đàm! Cứng là tánh của đất, ướt là tánh của nước, nóng là tánh của lửa, động là tánh của gió, không chướng ngại là tánh của hư không. Tánh của năm đại này chẳng phải từ nhân duyên mà có. Nếu trong thế gian có tánh của một pháp chẳng phải do nhân duyên mà có thì tánh của tất cả các pháp cũng như vậy, chẳng phải do nhân duyên mà có. Nếu có một pháp do từ nhân duyên tại sao tánh của năm đại lại không từ nơi nhân duyên?

Thưa Cù-đàm! Chúng sinh có thân lành và thân ác đều đạt được giải thoát đều là tự tánh chẳng phải do từ nhân duyên. Cho nên tôi nói rằng tất cả các pháp do tự tánh mà có chẳng phải do nhân duyên sinh.

Thưa Cù-đàm! Pháp của thế gian có chỗ dùng nhất định. Như người thợ mộc nói cây này có thể làm xe cộ, như vậy là có thể làm cửa, làm giường, làm ghế. Cũng như thợ kim hoàn làm ra những đồ trang sức, ở trên trán thì gọi là tràng, đeo dưới cổ thì gọi là chuỗi, đeo trên tay thì gọi là vòng, đeo nơi ngón tay thì gọi là nhẫn. Vì chỗ dùng nhất định nên gọi là định tánh. Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh cũng như vậy. Vì có tánh của năm đường nên có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Nếu đã như vậy thì sao lại nói từ nhân duyên sinh?

Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh tánh của họ đều khác. Nên gọi là tất cả tự tánh. Thưa Cù-đàm! Như con rùa sinh trên đất mà tự nó có thể lặn xuống nước. Bò con sinh ra rồi có thể tự uống sữa, cá thấy mồi tự nhiên đớp ăn, rắn độc lúc sinh ra tự nhiên ăn đất, những việc như vậy có ai dạy bảo? Như gai sinh ra tự nhiên đầu nhọn, lông loài chim bay tự nhiên có màu sắc khác nhau. Chúng sinh ở đời cũng như vậy. Có khôn lanh, có đần độn, có giàu, có nghèo, có đẹp, có xấu. Có người được giải thoát có người không được giải thoát. Do đó nên biết trong tất cả các pháp đều có tự tánh riêng.

Thưa Cù-đàm! Như Ngài từng nói tham, sân, si từ nơi nhân duyên mà sinh, ba món độc này do năm trần làm duyên, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì lúc chúng sinh ngủ xa lìa năm trần mà vẫn sinh khởi tham, sân, si; lúc ở trong thai cũng vậy. Lúc mới ra khỏi thai chưa phân biệt được năm trần tốt xấu mà cũng sinh tâm tham, sân, si. Các vị tiên, Hiền Thánh ở nơi vắng vẻ không có năm trần mà cũng sinh khởi tham, sân, si. Lại cũng có người đối với năm trần mà không sinh khởi tham, sân, si. Do đó không chắc là từ nhân duyên sinh ra tất cả các pháp, vì tự tánh của nó, sẵn như vậy. Thưa Cù-đàm! Tôi lại thấy người ở đời năm căn không đầy đủ mà có nhiều của báu rất tự tại. Có người các căn đầy đủ mà lại bị nghèo cùng, hèn hạ không được tự tại phải làm tôi tớ. Nếu có nhân duyên sao lại như vậy. Do đó, nên các pháp đều có tự tánh riêng chẳng phải do nhân duyên.

Thưa Cù-đàm! Thế gian, những trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần, hoặc cười, hoặc khóc. Lúc cười biết mừng, lúc khóc biết buồn. Do đó nên biết tất cả các pháp đều riêng có tự tánh.

Thưa Cù-đàm! Pháp của thế gian có hai: một là có, hai là không. Có tức là hư không, không là sừng thỏ. Hai pháp này, một là có nên không từ nhân duyên sinh, hai là không cũng chẳng phải do nhân duyên. Do đó, các pháp có tự tánh nên chẳng phải do nhân duyên.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, như tánh của năm đại, tất cả các pháp lẽ ra cũng như vậy. nghĩa này không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì trong pháp của ông, cho năm đại là thường. Do nhân duyên gì mà tất cả các pháp đều chẳng phải thường? Nếu sự vật thế gian là vô thường thì tánh của năm đại này vì sao chẳng phải là vô thường? Nếu năm đại là thường thì lẽ ra sự vật thế gian cũng là thường. Do đó nên ông nói vì tánh của năm đại có tự tánh nên chẳng phải từ nhân duyên, khiến tất cả các pháp đồng như năm đại, điều đó không thể xảy ra. Này thiện nam! Ông nói vì chỗ dùng nhất định nên có tự tánh, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì tất cả đều từ nhân duyên mà được có tên gọi. Nếu từ nhân duyên có tên gọi thì cũng từ nhân duyên mà có nghĩa.

Thế nào gọi là từ nhân duyên mà có tên gọi? Như đồ trang sức ở trên trán thì gọi là tràng, ở tại cổ thì gọi là chuỗi, ở nơi tay thì gọi là vòng, ở nơi xe thì gọi là bánh xe, lửa ở nơi cỏ cây thì gọi là lửa cỏ, lửa cây.

Này thiện nam! Cây lúc mới sinh không có tánh mũi tên và cây lao. Từ nhân duyên người thợ làm ra mũi tên. Do đó, không nên nói tất cả các pháp là có tự tánh.

Này thiện nam! Ông nói như con rùa sinh trên đất mà tánh tự nói có thể lặn xuống nước. Bò con sinh ra tánh nó có thể uống sữa. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Nếu nói vào nước chẳng phải nhân duyên mà chẳng phải nhân duyên thì sao rùa không vào lửa? Bò con lúc sinh ra tánh nó có thể bú sữa chẳng phải là nhân duyên, nếu chẳng phải nhân duyên thì sao không bú sừng?

Này thiện nam! Nếu nói các pháp đều có tự tánh thì chẳng cần dạy bảo, học tập, không có tăng trưởng. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hiện nay thấy có sự dạy bảo, nhờ dạy bảo mà được tăng trưởng. Do đó nên biết rằng không có tự tánh.

Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp có tự tánh riêng thì hàng Bà- la-môn chẳng nên vì được thân thanh tịnh mà giết dê để cúng tế, nếu đã vì thân mà cúng tế thì nên biết không có tự tánh. Này thiện nam! Pháp ngữ của thế gian gồm có ba thứ: một là muốn làm, hai là đang làm, ba là làm rồi. Nếu tất cả các pháp đều có tự tánh tại sao thế gian lại có ba thứ lời nói này. Vì có ba lời nói này nên biết tất cả các pháp đều không có tự tánh.

Này thiện nam! Nếu nói các pháp đều có tự tánh thì nên biết các pháp đều có định tánh. Nếu có định tánh thì tại sao chỉ có một thứ mía mà làm ra đường, rượu, rượu đắng v.v… Nếu chỉ có một tánh sao lại sinh ra nhiều thứ vị như vậy? Nếu trong vật sinh ra nhiều thứ như vậy thì nên biết các pháp chẳng phải nhất định riêng có một tự tánh.

Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp có tánh nhất định vì sao Thánh nhân uống nước mía, ăn đường, còn như thành rượu thì không uống, sau khi thành rượu đắng thì lại uống. Cho nên biết rằng không có tánh nhất định. Nếu đã không có tánh nhất định sao lại không từ nhân duyên mà có.

Này thiện nam! Ông nói tất cả các pháp đều có tự tánh tại sao ông lại nói ví dụ? Nếu có ví dụ thì nên biết các pháp không có tự tánh. Nếu có tự tánh thì nên biết không có ví dụ. Người trí trong đời đều nói ví dụ. Nên biết rằng các pháp không có tự tánh, không có tánh nhất định.

Này thiện nam! Ông hỏi thân có trước hay phiền não có trước, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu Ta nói thân có trước thì ông có thể hỏi, ông cũng giống tôi, còn cho rằng thân không có trước, vì sao lại hỏi như vậy!

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh, thân và phiền não đều không có trước sau mà có một lúc. Tuy có cùng lúc nhưng phải do nơi phiền não mà có thân, hoàn toàn không do nơi thân mà có phiền não. Nếu ý ông cho rằng như hai mắt của người cùng lúc mà có, không đợi nhau, mắt trái không do mắt phải, mắt phải không do mắt trái, phiền não và thân cũng như vậy, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Ở thế gian, con mắt thấy tim đèn và ánh sáng, tuy cùng một lúc nhưng ánh sáng cần phải nhờ nơi tim đèn chứ hoàn toàn không nhờ ánh sáng mà có tim đèn.

Này thiện nam! Nếu ý ông cho rằng vì thân không có trước nên biết là không có nhân duyên, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu cho rằng thân có trước không có nhân duyên nên gọi là không, thì ông không nên nói rằng tất cả các pháp đều có nhân duyên. Nếu nói vì không thấy nên không nói thì nay thấy cái bình v.v… là do từ nhân duyên mà có, vì sao không nói? Như cái bình, thân có trước nhân duyên, cũng như vậy.

Này thiện nam! Hoặc thấy, không thấy, tất cả các pháp đều từ nhân duyên không có tự tánh. Này thiện nam! Nếu nói tất cả các pháp đều có tự tánh không do nhân duyên thì vì sao ông lại nói năm đại? Tánh của năm đại này chính là nhân duyên. Thiện nam! Năm đại nhân duyên tuy như vậy nhưng cũng không nên cho rằng các pháp đều giống năm đại nhân duyên. Như người thế gian nói tất cả người xuất gia siêng năng trì giới, hàng Chiên-đà-la cũng phải siêng năng trì giới như vậy. Thiện nam! Ông nói năm đại có tánh chắc chắn nhất định. Ta thấy tánh này biến chuyển không nhất định.

Này thiện nam! Tô, bạch lạp, hồ giao những thứ này trong pháp của ông gọi là đất, đất này không nhất định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất. Nên không được nói tự tánh cứng chắc. Này thiện nam! Nhôm, chì, kẽm, đồng, sắt, vàng, bạc, những thứ đó trong pháp của ông gọi là lửa, lửa này có bốn tánh: lúc chảy là tánh nước, lúc động là tánh gió, lúc nóng là tánh lửa, lúc cứng là tánh đất. Sao lại nói rằng nhất định gọi là tánh lửa?

Này thiện nam! Tánh của nước là chảy nếu lúc nước đông cứng không gọi là đất mà gọi là tánh nước. Do nhân duyên gì lúc sóng động không gọi là gió? Nếu động không gọi là gió thì lúc đông đặc cũng không nên gọi là nước. Nếu hai nghĩa này từ nơi nhân duyên thì sao lại nói rằng tất cả các pháp không từ nhân duyên?

Này thiện nam! Nếu nói rằng năm căn, tánh có thể thấy, nghe, hiểu, biết, xúc chạm nên đều là tự tánh không từ nhân duyên thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Tánh của tự tánh không thể chuyển đổi. Nếu nói tánh của mắt là thấy, lẽ ra phải thường thấy. Không nên có lúc thấy, có lúc không thấy. Do đó nên biết rằng thấy là từ nhân duyên, chẳng phải không có nhân duyên. Này thiện nam! Ông nói chẳng phải nhân nơi năm trần mà sinh ra tham và giải thoát. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì tuy chẳng phải do năm trần mà có tham và giải thoát nhưng vì giác quán ác nên sinh tham dục. Vì giác quán thiện nên được giải thoát.

Này thiện nam! Do nhân duyên bên trong nên sinh tham và giải thoát, do nhân duyên bên ngoài nên được tăng trưởng. Cho nên ông nói tất cả các pháp đều có tự tánh, không nhân nơi năm trần sinh tham và giải thoát thì không có lẽ ấy. Này thiện nam! Ông nói người thân thể đầy đủ lại nghèo thiếu tài của, không được tự tại. Người thân thể tàn tật thì có nhiều của báu rất được tự tại. Do đó chứng minh là có tự tánh, chẳng từ nhân duyên. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Này thiện nam! Chúng sinh do nghiệp mà có quả báo, quả báo này có ba thứ: một là hiện báo, hai là sinh báo, ba là hậu báo. Bần cùng, giàu có, các căn đầy đủ hay không đầy đủ đều là nghiệp riêng khác. Nếu có tự tánh thì người các căn đầy đủ đáng lẽ có nhiều của báu; người có nhiều của báu lẽ ra các căn đầy đủ. Nay chẳng phải như vậy. Do đó, nhất định biết không có tự tánh, đều từ nhân duyên. Như lời ông nói trẻ nhỏ thế gian chưa thể phân biệt được năm trần mà cũng khóc, cũng cười, cho nên tất cả đều có tự tánh. Nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì nếu có tự tánh lẽ ra cười thì phải thường cười, khóc thì phải thường khóc, không nên có cười, có khóc. Nếu có cười, có khóc thì nên biết tất cả đều từ nhân duyên. Do đó, không nên nói tất cả các pháp có tự tánh không từ nhân duyên.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp từ nhân duyên mà có thì thân này từ nhân duyên nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thân này từ nhân duyên phiền não và nghiệp. Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Như vậy, thân này từ phiền não và nghiệp mà có thì phiền não và nghiệp này có thể dứt được.

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Phạm chí lại nói:

–Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giảng nói rõ cho tôi, khiến tôi nghe rồi, ngay nơi này, liền được đoạn dứt phiền não và nghiệp.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu biết hai bên và ở giữa không ngăn ngại, thì người này có thể đoạn dứt phiền não và nghiệp.

–Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu biết, đã được chánh pháp nhãn. Đức Phật dạy:

–Ông biết thế nào?

–Bạch Thế Tôn! Hai bên là sắc và giải thoát sắc, ở giữa tức là tám Thánh đạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Khéo biết hai bên, đoạn dứt phiền não và nghiệp.

–Bạch Thế Tôn! Xin Ngài cho con được xuất gia thọ giới. Đức Phật bảo:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Ngay lúc đó Phạm chí dứt trừ phiền não ba cõi, chứng đắc quả A- la-hán.

Bấy giờ, lại có một Bà-la-môn tên là Hoằng Quảng thưa:

–Thưa Cù-đàm! Có biết tâm niệm hiện tại của tôi chăng? Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay thẳng là Thánh đạo.

Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Do nhân duyên gì mà nói như vậy?

–Này thiện nam! Ý của ông thường cho rằng khất thực là thường, thỉnh riêng là vô thường. Cong là cửa khóa, ngay thẳng là cờ của Đế thích. Do đó, Ta nói Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay thẳng là tám Thánh đạo. Chẳng phải như điều suy nghĩ trước của ông.

Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Quả thật Ngài biết được tâm niệm của tôi, tám Thánh đạo này làm cho chúng sinh đều được tận diệt chăng?

Lúc ấy, Thế Tôn im lặng không đáp. Bà-la-môn thưa:

–Thưa Cù-đàm! Ngài đã biết tâm niệm của tôi. Nay tôi hỏi sao lại im lặng mà không đáp?

Bấy giờ, Kiều-trần-như liền nói:

–Này Đại Bà-la-môn! Nếu có người hỏi thế gian là hữu biên hay vô biên thì Như Lai thường im lặng không đáp. Tám Thánh đạo là ngay thẳng, Niết-bàn là thường, nếu tu tập tám Thánh đạo thì được diệt tận, nếu không tu tập thì không thể diệt được.

Này Đại Bà-la-môn! Ví như thành lớn kia, bốn phía vách đều không có lỗ hở mà chỉ có một cửa. Người giữ cửa thông minh có trí, có thể khéo phân biệt kẻ đáng cho đi thì cho đi, kẻ đáng ngăn thì ngăn lại. Tuy không thể biết số lượng người ra vào nhiều hay ít nhưng chắc chắn biết rằng tất cả người ra vào đều do cửa này.

Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, thành lớn dụ cho Niết-bàn, cửa dụ cho tám Thánh đạo, người giữ cửa dụ cho Như Lai. Này thiện nam! Nay Như Lai tuy chẳng trả lời là diệt tận và không diệt tận nhưng người được diệt tận cần phải tu tập tám Thánh đạo này.

Bà-la-môn nói:

–Lành thay! Lành thay! Đại đức Kiều-trần-như! Đức Như Lai khéo nói pháp vi diệu. Tôi thật muốn biết thành, biết đạo, tự mình làm người giữ cửa.

Kiều-trần-như nói:

–Lành thay! Lành thay! Này Bà-la-môn! Ông có thể phát tâm rộng lớn vô thượng.

Đức Phật dạy:

–Thôi, thôi! Kiều-trần-như! Bà-la-môn này chẳng phải ngày nay mới phát tâm vô thượng. Này Kiều-trần-như! Vào thuở quá khứ cách đây vô lượng kiếp có Phật Thế Tôn hiệu là Phổ Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, người này trước kia đã ở chỗ Đức Phật đó phát tâm Bồ-đề vô thượng. Trong Hiền kiếp này sẽ được thành Phật, từ lâu đã hiểu biết thông đạt pháp tướng, vì chúng sinh mà hiện ở trong hàng ngoại đạo, thị hiện không biết. Do nhân duyên này Kiều-trần-như không nên khen ông ấy: "Lành thay! Lành thay! Ông hiện nay có thể phát tâm rộng lớn".

Lúc đó, Đức Thế Tôn đã biết mà vẫn hỏi

Kiều-trần-như:

–Tỳ-kheo A-nan nay đang ở đâu? Kiều-trần-như đáp:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan nay đang ở ngoài rừng Ta-la, cách đại hội này mười hai do-tuần, đang bị sáu vạn bốn ngàn ức ma nhiễu loạn. Các ma này đều tự biến hóa làm thân của Như Lai, hoặc tuyên nói tất cả các pháp đều từ nhân duyên sinh, hoặc tuyên nói tất cả các pháp không từ nhân duyên sinh, hoặc thuyết giảng tất cả nhân duyên đều là pháp thường, pháp do nhân duyên sinh đều là vô thường, hoặc nói năm ấm là thật, hoặc nói hư giả; nhập giới cũng như vậy, hoặc nói mười hai nhân duyên, hoặc nói có bốn duyên, hoặc nói các pháp như huyễn như hóa, như ngọn lửa lúc bùng cháy, hoặc nói nhân nghe mà đắc pháp, hoặc nói nhân tư duy mà đắc pháp, hoặc nói nhân tu mà đắc pháp, hoặc lại nói pháp quán bất tịnh, hoặc nói pháp quán hơi thở ra vào, hoặc nói pháp quán bốn niệm xứ, hoặc nói ba thứ quán nghĩa, bảy thứ phương tiện, hoặc nói pháp noãn, pháp đảnh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất, bậc vô học, bậc Bồ-tát Sơ trụ cho đến Thập trụ, hoặc nói pháp không, vô tướng, vô tác, hoặc nói Tu-đa-la (Khế kinh), Kỳ-dạ (Trùng tụng), Tỳ-già-la-na (Thọ ký), Già-đà (Kệ tụng), Ưu-đà-na (Tự thuyết), Ni-đà-na (Nhân duyên) A-ba-đà-na (Thí dụ), Y-đế-mục-đa-già (Bản sự) Xà-dà-già (Bản sinh), Tỳ-phật-lược (Phương quảng), A-phù- đà-đạt-ma (Vị tằng hữu), Ưu-ba-đề-xá (Luận nghị), hoặc nói bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo, hoặc nói nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thỉ không, tánh không, viễn ly không, tán không, tự tướng không, vô tướng không, ấm không, nhập không, giới không, thiện không, bất thiện không, vô ký không, Bồ-đề không, đạo không, Niết-bàn không, hành không, đắc không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không. Hoặc thị hiện thần thông biến hóa, thân xuất ra nước và lửa, hoặc phần trên thân xuất ra nước, phần dưới thân xuất ra lửa, phần dưới thân xuất ra nước, phần trên thân xuất ra lửa, hông trái ở dưới, hông phải xuất ra nước, hông phải ở dưới, hông trái xuất ra nước, một hông sấm sét, một hông tuôn mưa, hoặc thị hiện cõi nước của chư Phật, hoặc thị hiện Bồ-tát lúc sơ sinh đi bảy bước, lúc ở trong cung hưởng thọ năm thứ dục, lúc mới xuất gia tu khổ hạnh, lúc ngồi thiền định ở dưới gốc Bồ-đề, lúc phá quân ma, chuyển pháp luân, lúc thị hiện thần thông lớn, nhập Niết-bàn.

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan thấy những việc như vậy rồi nghĩ rằng những thần thông biến hóa từ xưa đến nay chưa từng thấy như vậy do ai làm ra? Chẳng phải Đức Thích Ca Thế Tôn hiện ra chăng? A-nan muốn đứng dậy, muốn nói nhưng đều không theo ý muốn. Tỳ-kheo A- nan vào trong lưới của ma, lại suy nghĩ: “Lời chư Phật nói khác nhau chẳng đồng. Nay ta nên lãnh thọ lời của ai?”.

Bạch Thế Tôn! A-nan hiện nay chịu khổ lớn, tuy nhớ nghĩ đến Đức Như Lai mà không ai cứu thoát, do đó không đến ở trong đại chúng này.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong đại chúng này có hàng Bồ-tát đã từ một đời cho đến vô lượng đời phát tâm Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, tâm các vị ấy kiên cố, tu hành đầy đủ Bố thí Ba-la-mật, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, thành tựu công đức, từ lâu đã gần gũi vô lượng chư Phật, tịnh tu phạm hạnh được tâm Bồ-đề không thoái chuyển, nhẫn không thoái chuyển, trì không thoái chuyển, được nhẫn như pháp, vô lượng Tam-muội như Thủ-lăng-nghiêm v.v… Hàng Bồ-tát này nghe kinh điển Đại thừa hoàn toàn không sinh nghi ngờ, khéo có thể phân biệt, tuyên nói Tam bảo đồng một tánh tướng, thường trụ bất biến. Nghe pháp không thể nghĩ bàn, không sợ hãi, nghe các pháp không, tâm chẳng kinh động, hiểu rõ thông đạt tất cả các pháp tánh, thọ trì tất cả Mười hai bộ loại kinh văn, hiểu rộng ý nghĩa, cũng có thể thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn của vô lượng chư Phật, thì lo gì không thể thọ trì được kinh điển Đại Niết-bàn này. Do nhân duyên gì Như Lai lại hỏi Kiều-trần-như A-nan ở đâu?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Lắng nghe, lắng nghe! Này thiện nam! Ta thành Phật đã hơn hai mươi năm, lúc ở thành Vương-xá, Ta bảo với các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo! Nay trong đại chúng này ai có thể vì Ta mà thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn của Như Lai, hầu hạ cung cấp những vật cần dùng, cũng làm cho tự thân không mất lợi ích tốt đẹp". Lúc ấy, Kiều-trần-như ở giữa đại chúng đến thưa với Ta: "Con có thể thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn, hầu hạ cung cấp, không quên làm những việc lợi ích". Ta bảo: "Này Kiều-trần-như! Ông đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ Ta?".

Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại thưa: "Con có thể thọ trì tất cả lời dạy của Phật, cung cấp hầu hạ, không làm một việc làm lợi ích của mình". Ta bảo với Xá-lợi-phất: "Ông đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ Ta?". Lần lượt đến năm trăm vị A-la-hán, Ta đều chẳng nhận làm thị giả. Bấy giờ, Mục-kiền-liên ở trong đại chúng suy nghĩ: "Nay Đức Như Lai không nhận năm trăm Tỳ-kheo làm thị giả. Ý của Phật muốn ai làm thị giả đây?". Suy nghĩ rồi liền nhập chánh định, biết Đức Như Lai muốn chấp nhận A-nan, rõ như mặt trời mới mọc, ánh sáng chiếu nơi tường phía Tây.

Thấy việc ấy rồi, liền xuất định, nói với Kiều-trần-như: “Này Đại đức! Tôi thấy Đức Như Lai muốn A- nan làm thị giả”. Bấy giờ Kiều-trần-như cùng với năm trăm A-la-hán đến chỗ A-nan nói: “Này A-nan! Nay ông nên làm thị giả cho Đức Như Lai. Xin ông nhận việc ấy”. A-nan nói: “Thưa chư Đại đức! Tôi thật không thể làm thị giả Đức Như Lai. Vì sao? Vì Đức Như Lai tôn quý như sư tử chúa, như rồng, như lửa. Nay tôi yếu đuối làm sao có thể kham nổi”. Các Tỳ-kheo nói: “Này A-nan! Ông nên nhận lời chúng tôi, hầu hạ Đức Như Lai thì được lợi ích lớn”. Khuyên bảo lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy. A-nan nói: “Thưa các Đại đức! Tôi cũng không cầu việc lợi ích lớn, thật không thể nhận làm thị giả được”. Bấy giờ Mục-kiền-liên nói: “A-nan! Nay ông chưa biết rõ”. A-nan nói: “Thưa Đại đức! Xin nói cho tôi rõ”. Mục-kiền-liên liền nói: “Đức Như Lai ở giữa chúng Tăng cần thị giả. Năm trăm A-la-hán đều xin lãnh mà Đức Như Lai không bằng lòng. Tôi liền nhập định thấy Như Lai muốn ông làm thị giả. Nay vì sao ông chẳng chịu nhận?”. A-nan nghe rồi liền quì gối chấp tay thưa: “Thưa chư Đại đức! Nếu có việc như vậy, xin Đức Như Lai Thế Tôn cho tôi ba điều thỉnh nguyện, tôi sẽ vâng lệnh của chư Tăng mà làm thị giả”. Mục-kiền-liên hỏi: “Ba điều thỉnh nguyện đó là gì?”. A-nan thưa: “Một là giả sử Như Lai đem y cũ cho tôi thì tôi xin được không nhận. Hai là nếu Như Lai nhận lời biệt thỉnh của thí chủ thì cho phép tôi không đi theo. Ba là cho phép tôi ra vào không luận là giờ khắc nào. Ba việc này nếu Đức Phật cho phép, tôi sẽ vâng lời chư Tăng làm thị giả”. Lúc ấy, Kiều-trần-như cùng năm trăm vị Tỳ-kheo đến chỗ của Ta thưa: “Chúng con đã khuyên Tỳ-kheo A- nan, A-nan chỉ xin ba điều, nếu Phật cho phép thì A-nan sẽ vâng theo”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Lúc ấy Ta khen ngợi A-nan: “Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ trí tuệ, thấy trước sự cơ hiềm”. Vì sao? Vì sẽ có người cho rằng A-nan vì y phục mà hầu hạ Đức Như Lai, nên A-nan xin phép không nhận y cũ và không theo Phật thọ biệt thỉnh. Tỳ-kheo A-nan đầy đủ trí tuệ, biết ra vào có giờ thì không thể làm lợi ích rộng lớn cho bốn bộ chúng, do đó A-nan cầu xin ra vào không luận giờ nào. Này Kiều-trần-như! Ta chấp nhận ba thỉnh nguyện của A-nan. Lúc ấy, Mục-kiền-liên trở lại bảo A-nan: “Tôi đã đem lời ông bạch lên Đức Phật, Đấng Như Lai đại từ đã bằng lòng”. A-nan nói: “Thưa Đại đức! Nếu Đức Phật đã cho phép, tôi xin qua làm thị giả”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hơn hai mươi năm, A-nan hầu hạ Ta, có đủ tám điều không thể nghĩ bàn. Những gì là tám điều? Một là hơn hai mươi năm hầu hạ Ta, A-nan không bao giờ theo Ta thọ biệt thỉnh. Hai là từ khi thị giả Ta đến nay không nhận y cũ của Ta. Ba là từ khi thị giả Ta đến nay không bao giờ đến chỗ Ta không phải thời. Bốn là từ khi thị giả Ta đến nay tuy còn đủ phiền não nhưng lúc theo Ta vào ra cung vua Sát-lợi, nhà giàu sang, dòng họ lớn thấy các người nữ, và thiên nữ, long nữ không hề sinh lòng dục. Năm là từ khi thị giả Ta đến nay thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn của Ta đã nói nghe qua một lần nhớ rõ, chẳng hỏi lại; như nước trong bình này rót qua bình kia, chỉ trừ một lần hỏi.

Này thiện nam! Thái tử Lưu Ly giết hại dòng họ Thích, phá thành Ca-tỳ-la. Lúc ấy, A-nan buồn khổ khóc lóc, đến chỗ Ta thưa: "Con cùng với Như Lai đồng sinh ở thành này, đồng một họ Thích, tại sao dung nhan của Như Lai vẫn như thường, còn con thì tiều tụy. Lúc ấy Ta đáp: "Này A-nan! Vì Ta tu định không nên không giống ông". Hơn ba năm sau, A-nan lại hỏi Ta: "Bạch Thế Tôn! Con qua thành Ca-tỳ-la kia từng nghe Đức Như Lai tu định không, việc đó là hư hay thật?". Ta đáp: "Này A-nan! Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông nói". Sáu là từ khi hầu hạ Ta đến nay, tuy chưa được tha tâm trí nhưng thường biết những chánh định Như Lai nhập. Bảy là từ khi hầu Ta đến nay, tuy chưa được nguyện trí mà có thể biết rõ chúng sinh như vậy đến chỗ Như Lai, hiện tại có thể chứng được bốn quả Sa-môn, hoặc có người sau này sẽ được, có người làm thân người, hoặc làm thân trời. Tám là từ khi hầu Ta đến nay, những lời bí mật của Như Lai đều có thể hiểu được hết.

Này thiện nam! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ tám điều không thể nghĩ bàn như vậy. cho nên Ta gọi Tỳ-kheo A-nan là tạng đa văn.

Này thiện nam! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ tám pháp, có thể thọ trì đầy đủ Mười hai bộ loại kinh văn. Những gì là tám pháp? Một là tín căn kiên cố, hai là tâm ý chất trực, ba là thân không bệnh khổ, bốn là thường siêng năng tinh tấn, năm là có đủ tâm niệm, sáu là tâm không kiêu mạn, bảy là thành tựu định, tuệ, tám là có đủ trí tuệ do nghe pháp mà sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đệ tử thị giả của Đức Phật Tỳ-bà-thi tên là A-thúc-ca cũng có đầy đủ tám pháp như vậy. Đệ tử thị giả của Đức Phật Thi-khí tên là Sai-ma-ca-la, đệ tử thị giả của Đức Phật Tỳ-xá-phù tên là Ưu-ba-phiến-đà-ca-la, đệ tử thị giả của Đức Phật Câu-lưu-tôn tên là Bạt-đề, đệ tử thị giả của Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni tên là Tô-đàn, đệ tử thị giả của Đức Phật Ca-diếp tên là Diệp-bà-mật-đa đều cũng đầy đủ tám pháp này. Nay A-nan thị giả của Ta cũng có đủ tám pháp ấy, nên Ta gọi Tỳ-kheo A-nan là tạng đa văn.

Này thiện nam! Như lời ông nói, trong đại chúng này tuy có vô lượng vô biên Bồ-tát, nhưng các Bồ-tát này đều có trọng trách đó là đại từ đại bi. Nhờ nhân duyên từ bi như vậy nên ai nấy đều nhanh chóng điều phục quyến thuộc và trang nghiêm tự thân. Vì nhân duyên này nên sau khi Ta nhập Niết-bàn, những vị này không thể tuyên thuyết thông suốt Mười hai bộ loại kinh văn. Hoặc có Bồ-tát có thể tuyên thuyết mà người không tin nhận. Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan là em của Ta, hầu hạ Ta đến nay đã hơn hai mươi năm, những pháp được nghe đều thọ trì đầy đủ như nước rót vào một cái bình. Nên nay Ta cố ý hỏi A-nan đang ở đâu, muốn khiến A-nan thọ trì kinh Niết-bàn này. Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, những pháp mà Tỳ-kheo A- nan chưa được nghe thì Bồ-tát Hoằng Quảng có thể truyền bá, những pháp mà A-nan được nghe thì tự mình có thể tuyên thuyết.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan nay ở nơi khác, cách ngoài đại hội này mười hai do-tuần, đang bị sáu vạn bốn ngàn ức thiên ma não loạn, ông nên đến đó nói lớn: “Tất cả các loài ma hãy lắng nghe! Lắng nghe! Nay Đức Như Lai nói Đại Đà-la-ni, tất cả các hàng Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người cùng loài phi nhân, thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần nhà cửa v.v… nghe tên thần chú này đều cung kính thọ trì. Mười hằng hà sa chư Phật Thế Tôn đều cùng tuyên thuyết Đà-la-ni này. Đà-la-ni này có thể chuyển thân nữ, tự biết được đời trước. Nếu giữ năm điều: một là phạm hạnh, hai là không ăn thịt, ba là không uống rượu, bốn là không ăn cay, năm là thích ở chốn vắng vẻ thanh tịnh và chí tâm, tin

nhận, đọc tụng, biên chép Đà-la-ni này thì nên biết người này sẽ được vượt khỏi bảy mươi bảy ức thân xấu ác. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói thần chú:

–A ma lệ, Tỳ ma lệ, Niết ma lệ, Mông già lệ, Hê ma la, nhã kiệt tỳ, Tam mạn đa bạt đề, Ta bà tha ta đàn ni, Bà la ma tha ta đàn ni, Ma na tư, A chuyết đề, Tỳ la kỳ, Am ma lại đê, Bà lam di, Bà lam, Ma tá lệ, Phú nê Phú na ma nô lại đề.

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi từ Đức Phật lãnh thọ Đà-la-ni rồi đến chỗ A-nan, ở giữa chúng ma nói lại như vầy: "Này các ma và quyến thuộc hãy lắng nghe! Ta nói chú Đà-la-ni mà ta đã lãnh thọ nơi Đức Phật". Ma vương nghe Đà-la-ni này rồi liền phát tâm Bồ-đề vô thượng, bỏ nghiệp ma và thả A-nan. Văn-thù-sư-lợi cùng A-nan đi đến chỗ Đức Phật. A-nan thấy Phật, chí tâm kính lễ, lui đứng một bên.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ngoài rừng Ta-la này có một Phạm chí tên là

Tu-bạt-đà, ông ấy rất già, một trăm hai mươi tuổi, tuy chứng được năm thần thông mà chưa bỏ kiêu mạn, được định Phi tưởng phi phi tưởng cho là Nhất thiết trí, chứng được Niết-bàn. Ông nên đến nói với Tu-bạt-đà: “Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm, vào giữa đêm nay Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Nếu có việc cần làm thì nên làm kịp thời, chớ để ngày sau mà sinh lòng hối hận”. A-nan! Lời của ông nói, Tu-bạt-đà nhất định sẽ tin nhận. Vì sao? Vì ông thuở quá khứ đã từng năm trăm đời làm con của Tu-bạt-đà, lòng yêu thương của ông ấy vẫn còn, nên có thể tin nhận lời của ông.

Bấy giờ, A-nan vâng lời Phật, đến chỗ Tu-bạt-đà nói:

–Thưa nhân giả! Nên biết Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm. Vào giữa đêm nay Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Nếu có việc cần làm nên làm đúng thời, chớ để ngày sau mà sinh lòng hối hận.

Tu-bạt-đà bảo:

–Lành thay! A-nan! Nay tôi sẽ đến chỗ Như Lai.

Lúc ấy, A-nan cùng Tu-bạt-đà trở về thăm hỏi Đức Phật. Thăm hỏi xong, Tu-bạt-đà nói:

–Thưa Cù-đàm! Nay tôi muốn hỏi, xin Ngài đáp cho. Đức Phật bảo:

–Này Tu-bạt-đà! Nay đã đúng lúc, tùy ý ông hỏi, Ta sẽ phương tiện giải đáp cho ông.

–Thưa Cù-đàm! Có các Sa-môn, Bà-la-môn nói thế này: “Tất cả chúng sinh thọ báo khổ vui đều theo nơi nghiệp đã tạo ra ngày trước. Do đó, nếu có người trì giới, tinh tấn, thân tâm chịu khổ thì có thể phá hoại được nghiệp ngày trước. Nghiệp cũ đã hết thì các khổ cũng hết, các khổ đã hết liền chứng được Niết-bàn”. Nghĩa này là thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy thì Ta sẽ vì thương xót mà thường đến chỗ người ấy để hỏi: “Này nhân giả! Quả thật ông có nói như vậy chăng?”. Nếu vị ấy đáp: “Tôi có nói như thế. Vì sao? Thưa Cù-đàm! Vì tôi thấy có các chúng sinh làm điều ác mà được giàu sang, thân được tự tại, lại thấy người làm lành mà nghèo khổ thiếu thốn không được tự do. Lại thấy có người tốn công sức nhiều tìm cầu mà không được, lại thấy có kẻ không cầu mà tự nhiên có, lại thấy có người tâm từ bi không sát sinh lại chết yểu, có kẻ ưa sát sinh lại sống lâu, lại thấy có người tịnh tu phạm hạnh tinh tấn trì giới được giải thoát, có người lại chẳng được. Cho nên tôi nói tất cả chúng sinh chịu quả báo khổ vui đều do nghiệp đời trước” thì, này Tu-bạt-đà! Ta sẽ hỏi người ấy là, họ thật có thấy nghiệp quá khứ không? Nếu thấy thì nghiệp ấy nhiều hay ít? Khổ hạnh hiện tại phá được nhiều hay ít? Có thể biết nghiệp này đã hết hay chẳng hết? Nghiệp này đã hết là hết tất cả chăng? Nếu vị ấy đáp là “Tôi thật không biết”, thì Ta sẽ dẫn thí dụ cho họ. Ví như có người thân bị trúng mũi tên độc. Quyến thuộc người ấy mời lương y đến để nhổ mũi tên độc, mũi tên độc đã được nhổ rồi, thân được an ổn. Sau đó mười năm, người này còn nhớ rõ vị lương y ấy đã nhổ tên độc cho mình, rồi dùng thuốc thoa đắp khiến mình được lành mạnh an vui. Các nhân giả đã không biết được nghiệp nhân quá khứ, thì làm sao có thể biết được khổ hạnh hiện tại nhất định có thể phá được nghiệp quá khứ? Nếu vị ấy nói: “Này Cù-đàm! Cũng có nghiệp quá khứ, cớ sao lại siêng trách nghiệp quá khứ của chúng tôi! Thưa Cù-đàm! Trong kinh cũng nói như vầy: Nếu thấy có người giàu sang tự tại, nên biết người này đời trước thích bố thí. Như vậy không gọi là nghiệp quá khứ chăng”, thì Ta lại đáp: “Này nhân giả! Biết như vậy gọi là biết so sánh chứ không gọi là biết chân thật. Trong pháp Phật của Ta, hoặc có lúc do nhân mà biết quả, hoặc có lúc do quả mà biết nhân. Trong pháp Phật của Ta có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại. Các ông thì không như vậy chỉ có nghiệp quá khứ mà không có nghiệp hiện tại. Pháp của các ông không do nơi phương tiện mà đoạn nghiệp. Pháp của Ta không như vậy, do phương tiện mà đoạn nghiệp. Giáo pháp của các ông cho rằng nghiệp hết thì hết khổ. Giáo pháp của Ta không phải vậy, mà phiền não hết, nghiệp hết thì khổ hết. Do đó Ta chê trách nghiệp quá khứ của các ông”. Nếu vị ấy nói: “Thưa Cù-đàm! Tôi thật không biết, tôi thọ lãnh lời ấy từ thầy của tôi, không phải lỗi của chúng tôi”, thì Ta bảo: “Này nhân giả! Thầy của ông là ai?”. Nếu vị ấy đáp là Phú-lan-na, thì Ta lại bảo: “Trước kia sao ông không thưa hỏi cho rõ ràng là Đại sư thật biết nghiệp quá khứ không. Nếu thầy ông bảo, ta không biết thì tại sao ông lại nhận lấy lời ấy. Nếu thầy các ông bảo là biết thì nên hỏi: Nhân là hạ khổ, có thọ trung và thượng khổ chăng? Nhân là trung khổ thì có thọ hạ và thượng khổ chăng? Nhân là thượng khổ thì có thọ trung và hạ khổ chăng? Nếu đáp là không thì lại hỏi: Sao thầy lại cho rằng quả báo khổ vui chỉ do nghiệp quá khứ mà chẳng phải là nghiệp hiện tại? Lại nên hỏi: Khổ hiện tại, quá khứ có chăng? Nếu quá khứ có thì nghiệp quá khứ đều đã dứt hết mà nếu đã dứt hết thì tại sao lại thọ thân ngày nay? Nếu quá khứ không có chỉ có hiện tại thì vì sao lại nói chúng sinh khổ vui đều do nghiệp quá khứ?”.

Này nhân giả! Nếu biết khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp quá khứ thì lấy gì để phá khổ hạnh hiện tại? Nếu không phá được thì khổ là thường, nếu khổ là thường sao lại nói rằng được giải thoát khổ? Nếu lại có hạnh nghiệp phá hoại khổ hạnh thì quá khứ đã hết tại sao có khổ? Này nhân giả! Như vậy khổ hạnh có thể làm cho nghiệp vui thọ lấy quả khổ chăng? Lại làm cho nghiệp khổ thọ lấy quả vui chăng? Có thể khiến cho nghiệp không khổ, không vui không thọ quả chăng? Có thể khiến cho quả báo hiện tại thành quả báo đời kế chăng? Có thể khiến cho quả báo đời kế làm quả báo hiện tại chăng? Làm cho hai báo này thành không báo chăng? Có thể làm cho định báo thành không báo chăng? Có thể làm cho không báo thành định báo chăng? Nếu vị ấy đáp: “Thưa Cù-đàm! Không thể được”, thì Ta sẽ bảo: Này nhân giả! Nếu như không thể được thì vì sao các ông lại chịu khổ hạnh như vậy? Này nhân giả! Nên biết quyết định có nghiệp quá khứ và nhân duyên hiện tại. Do đó nên Ta nói nhân phiền não mà sinh ra nghiệp, nhân nghiệp mà chịu quả báo. Này nhân giả! Nên biết rằng tất cả chúng sinh có nghiệp quá khứ, có nhân hiện tại, chúng sinh tuy có nghiệp sống lâu quá khứ nhưng cần phải nhờ nhân duyên ăn uống hiện tại. Này Nhân giả! Nếu nói chúng sinh thọ khổ, thọ vui quyết định do nơi nhân duyên của nghiệp quá khứ, thì việc đó không đúng. Vì sao? Này nhân giả! Ví như có người trừ được kẻ thù cho nhà vua, do đó mà được vua ban cho nhiều của cải châu báu, nhờ của cải châu báu mà hiện tại được sung sướng. Người này hiện tại tạo nhân sung sướng nên thọ quả báo sung sướng. Ví như có người giết chết Thái tử yêu quý của vua, do đó nên phải bị mất mạng, người này hiện tại tạo nhân khổ nên phải chịu quả báo khổ. Này nhân giả! Tất cả chúng sinh hiện tại do bốn đại, thời tiết, đất đai, dân chúng mà thọ khổ thọ vui. Vì thế Ta nói tất cả chúng sinh không hoàn toàn nhân nơi nghiệp quá khứ mà thọ khổ, thọ vui. Này nhân giả! Nếu do sức của nhân duyên dứt nghiệp mà được giải thoát, thì tất cả Thánh nhân chẳng được giải thoát. Vì sao? Vì bổn nghiệp quá khứ của tất cả chúng sinh là vô thỉ vô chung. Do đó nên Ta nói lúc tu tập Thánh đạo, thì Thánh đạo này có thể ngăn nghiệp vô thỉ vô chung. Này nhân giả! Nếu chịu khổ hạnh mà được đắc đạo thì tất cả loài súc sinh lẽ ra đều đắc đạo. Do đó trước phải điều phục tâm mà không điều phục thân. Do đó nên trong kinh Ta nói: Đốn chặt rừng này chớ đốn chặt cây. Vì sao? Vì do nơi rừng sinh ra sợ chẳng phải do nơi cây. Muốn điều phục thân trước hết phải điều phục tâm. Tâm dụ như rừng, thân dụ như cây.

Tu-bạt-đà nói:

–Bạch Thế Tôn! Tôi đã điều phục tâm trước rồi. Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nay ông làm thế nào có thể điều phục tâm trước?

Tu-bạt-đà nói:

–Bạch Thế Tôn! Trước hết con suy nghĩ rằng dục là vô thường, không vui, không tịnh; quán sắc là thường, lạc, ngã, tịnh; quán như vậy rồi, đoạn dứt phiền não cõi Dục; đạt được sắc xứ. Do đó gọi là trước điều phục tâm. Lại nữa, quán sắc là vô thường, như mụt nhọt, như ghẻ lở, như thuốc độc, như mũi tên, thấy không sắc là thường thanh tịnh vắng lặng. Quán sát như vậy rồi phiền não sắc giới hết, chứng được không sắc xứ. Do đó, gọi trước là điều phục tâm. Lại nữa, quán tưởng là vô thường như mụt nhọt, ghẻ lở, thuốc độc, mũi tên, quán như vậy rồi chứng được Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Phi tưởng phi phi tưởng xứ này là nhất thiết trí vắng lặng thanh tịnh, không bị đọa lạc, thường hằng bất biến. Do đó, tôi có thể điều phục tâm của mình.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông làm thế nào có thể điều phục được tâm? Định Phi tưởng phi phi tưởng mà ông đang sở đắc vẫn còn gọi là tưởng. Niết-bàn là vô tưởng, sao ông cho rằng chứng được Niết-bàn? Này thiện nam! Trước ông đã có thể chê trách tưởng thô, nay tại sao lại tham trước tưởng tế? Vì không biết chê trách Phi tưởng phi phi tưởng xứ như vậy nên gọi là tưởng như mụt nhọt, như ghẻ lở, như thuốc độc, như mũi tên.

Này thiện nam! Thầy của ông là Uất-đầu-lam-phất thông minh, căn tánh lanh lợi còn không thể dứt được Phi tưởng phi phi tưởng xứ nên phải thọ thân ác, huống gì là những kẻ khác!

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào có thể đoạn dứt tất cả các cõi?

–Này thiện nam! Nếu người nào quán được thật tướng thì có thể dứt tất cả các cõi.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thật tướng?

–Này thiện nam! Tướng của vô tướng gọi là thật tướng.

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tướng của vô tướng?

–Này thiện nam! Tất cả các pháp không có tướng tự, tướng tha, không có tướng tự tha, không có tướng vô nhân, không có tướng tác, không có tướng thọ, không có tướng người làm, không có tướng người nhận, không có tướng pháp phi pháp, không có tướng nam nữ, không có tướng sĩ phu, không có tướng vi trần, không có tướng thời tiết, không tướng vì mình, không tướng vì người, không có tướng vì mình và vì người, không có tướng có, không có tướng không, không tướng sinh, không tướng sinh giả, không tướng nhân, không tướng nhân của nhân, không tướng quả, không có tướng quả của quả, không tướng ngày đêm, không tướng sáng tối, không tướng thấy, không tướng người thấy, không tướng nghe, không tướng người nghe, không tướng biết, không tướng người biết, không tướng Bồ-đề, không tướng người chứng đắc Bồ-đề, không tướng nghiệp, không tướng sinh nghiệp, không tướng phiền não, không tướng sinh phiền não.

Này thiện nam! Những tướng như vậy tùy theo chỗ diệt gọi là tướng chân thật. Này thiện nam! Tất cả các pháp đều là hư giả, tùy theo chỗ diệt mà gọi là thật, gọi là thật tướng, gọi là pháp giới, gọi là trí rốt ráo, gọi là đệ nhất nghĩa đế, gọi là đệ nhất nghĩa không.

Này thiện nam! Tướng ấy là pháp giới, là trí rốt ráo, đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa không. Người trí bậc hạ quán thì chứng được Thanh văn Bồ-đề, người trí bậc trung quán thì chứng được Duyên giác Bồ-đề, người trí bậc thượng quán thì chứng được Bồ-đề vô thượng.

Lúc Đức Phật giảng nói pháp này có mười ngàn Bồ-tát chứng được nhất sinh thật tướng, một vạn năm ngàn Bồ-tát chứng được nhị sinh pháp giới, hai vạn năm ngàn Bồ-tát chứng được trí tất cảnh. Ba vạn năm ngàn Bồ-tát ngộ đệ nhất nghĩa đế; đệ nhất nghĩa đế này cũng gọi là đệ nhất nghĩa không, cũng gọi là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Lại có bốn vạn năm ngàn Bồ-tát chứng đắc Tam-muội Hư không, Tam- muội Hư không này cũng gọi là Tam-muội Quảng đại, Tam-muội Trí ấn; năm vạn năm ngàn Bồ-tát chứng Nhẫn bất thoái, Nhẫn bất thoái này cũng gọi là Nhẫn như pháp, cũng gọi là như Pháp giới; sáu vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Đà-la-ni, Đà-la-ni này cũng gọi là Đại niệm tâm, là Trí vô ngại; bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Tam-muội Sư tử hống, Tam-muội Sư tử hống này cũng gọi là Tam-muội Kim cang, là Tam- muội Ngũ trí ấn; tám vạn năm ngàn Bồ-tát chứng đắc Tam-muội Bình đẳng, Tam-muội Bình đẳng này cũng gọi là Đại từ, Đại bi; vô lượng hằng hà sa chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng; vô lượng hằng hà sa chúng sinh phát tâm Duyên giác; vô lượng hằng hà sa chúng sinh phát tâm Thanh văn; hai vạn ức người nữ, thiên nữ được chuyển thân nữ thành thân nam; Tu-bạt-đà chứng quả A-la-hán.

□

MỤC LỤC

T047 NIẾT BÀN 1

SỐ 374 3
  KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN 3
    QUYỂN I 3
      PHẨM 1: THỌ MẠNG 1 3
    QUYỂN II 38
      PHẨM 1: THỌ MẠNG 2 38
    QUYỂN III 83
      PHẨM 1: THỌ MẠNG 3 83
      PHẨM 2: KIM CANG THÂN 107
      PHẨM 3: DANH TỰ CÔNG ĐỨC 119
    QUYỂN IV 122
      PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 1 122
    QUYỂN V 151
      PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 2 151
    QUYỂN VI 187
      PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 3 187
    QUYỂN VII 221
      PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 4 221
    QUYỂN VIII 256
      PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 5 256
    QUYỂN IX 296
      PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 6 296
    QUYỂN X 222
      PHẨM 4: NHƯ LAI TÁNH 7 222
      PHẨM 5: NHỮNG ĐIỀU ĐẠI CHÚNG HỎI PHẬT 230
    QUYỂN XI 260
      PHẨM 6: HIỆN BỆNH 260
      PHẨM 7: THÁNH HẠNH 1 281
    QUYỂN XII 262
      PHẨM 7: THÁNH HẠNH 2 262
    QUYỂN XIII 298
      PHẨM 7: THÁNH HẠNH 3 298
    QUYỂN XIV 330
      PHẨM 7: THÁNH HẠNH 4 330

QUYỂN XV 362
PHẨM 8: PHẠM HẠNH 1 362
QUYỂN XVI 396
PHẨM 8: PHẠM HẠNH 2 396
QUYỂN XVII 428
PHẨM 8: PHẠM HẠNH 3 428
QUYỂN XVIII 459
PHẨM 8: PHẠM HẠNH 4 459
QUYỂN XIX 494
PHẨM 8: PHẠM HẠNH 5 494
QUYỂN XX 533
PHẨM 8: PHẠM HẠNH 6 533
PHẨM 9: ANH NHI HẠNH 564
QUYỂN XXI 568
PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C.Q. ĐỨC VƯƠNG 1 568
QUYỂN XXII 607
PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 2 607
QUYỂN XXIII 636
PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 3 636
QUYỂN XXIV 667
PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 4 667
QUYỂN XXV 701
PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 5 701
QUYỂN XXVI 741
PHẨM 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU C. Q. ĐỨC VƯƠNG 6 741
QUYỂN XXVII 767
PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 1 767
QUYỂN XXVIII 803
PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 2 803
QUYỂN XXIX 843
PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 3 843
QUYỂN XXX 878
PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 4 878
QUYỂN XXXI 913
PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 5 913
QUYỂN XXXII 951
PHẨM 11: BỒ TÁT SƯ TỬ HỐNG 6 951
QUYỂN XXXIII 989

PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 1 989
QUYỂN XXXIV 1016
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 2 1016
QUYỂN XXXV 1041
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 3 1041
QUYỂN XXXVI 1074
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 4 1074
QUYỂN XXXVII 1111
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 5 1111
QUYỂN XXXVIII 1143
PHẨM 12: BỒ TÁT CA DIẾP 6 1143
QUYỂN XXXIX 1169
PHẨM 13: KIỀU TRẦN NHƯ 1 1169
QUYỂN XXXX 1214
PHẨM 13: KIỀU TRẦN NHƯ 2 1214

❑